

Hồ Chí Minh

TUYỂN TẬP VĂN HỌC



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HỒ CHÍ MINH
TUYỂN TẬP VĂN HỌC



NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

62 Nguyễn Chí Thanh

Tel & Fax: (04) 7733041

Email: sach32bt@hn.vnn.vn

Website: www.nhasachdongtay.com.vn

HỒ CHÍ MINH

TUYỂN TẬP
VĂN HỌC

LỮ HUY NGUYÊN sưu tầm, tuyển chọn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

PHẦN I

TRUYỆN VÀ KÝ

LỜI NÓI ĐẦU^(*)

NHÂN dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 1995 lịch sử, Nhà xuất bản Văn học trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ TUYÊN TẬP VĂN HỌC của Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm 3 tập mà *Truyện và ký* là tập mở đầu

Truyện và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh có một vị trí đặc biệt quan trọng trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Đó là những tác phẩm mở đầu, đặt nền móng cho các sáng tác văn học cách mạng từ những năm hai mươi của thế kỷ này.

Ký dưới nhiều bút danh khác nhau⁽¹⁾ hoặc không ký tên, phong phú về thể tài, đa dạng về phong cách, bao quát không gian và thời gian rộng lớn; sâu sắc về nội dung, hấp dẫn về hình thức, các tác phẩm truyện và ký của Người đều nhằm một chủ đề duy nhất: “Chống thực dân đế quốc: chống phong kiến địa chủ tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” như sinh thời Người từng nói.

Trong lần xuất bản này, chúng tôi bổ sung một số tác phẩm truyện và ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phần lớn chưa được giới thiệu trong lần xuất bản năm 1974, từ truyện ngắn đầu tay xuất sắc nhan đề là *Pari*, viết năm 1922, *Viện Hàn lâm thuộc địa*, viết năm 1923, truyện ngắn *Đồng tâm nhất trí* có phong cách dân gian nổi bật; những bút ký, ký sự nổi tiếng *Động vật học*, *Nói về loài cầm thú*, *Hành hình kiểu Linsơ*, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ...

(*) TUYÊN TẬP VĂN HỌC của Chủ tịch Hồ Chí Minh được giới thiệu ở đây, xuất bản năm 1995. Giữa những mốc thời gian có sự khác biệt về địa danh, cách viết chính tả, thời điểm... Chúng tôi tái bản lại tuyển tập của năm 1995, và giữ nguyên nội dung gốc, vì vậy có những khác biệt trên so với hiện nay (năm 2005).

(1) Nguyễn Ái Quốc, Ng A.Q. Linsơ (Line), Trần Lực, C.B. Đ. X, L. T, Trần Lam, T. L, T. Lan, Chiến sĩ... (Theo công bố của báo *Nhân dân*, ngày 17 tháng 5 năm 1980 và *Tạp chí Cộng sản* số 5/1980).

cho đến các tác phẩm dài và tương đối dài ra đời liên tiếp vào những năm sau đó: *Đánh du kích như đánh cờ*, *Kinh nghiệm du kích Pháp*, *Giấc ngủ mười năm*, *Mật thám Mỹ*, *Tình nghĩa anh em Việt-Ấn - Miến*, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, v.v...⁽¹⁾

Nhiều tác phẩm có giá trị văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn bị thất truyền hoặc đang được sưu tầm, nghiên cứu. Trong phần phụ lục, chúng tôi giới thiệu một số tư liệu còn lưu giữ được về các tác phẩm văn học hiện còn thất truyền: *Những hồi ức của tôi* (về phong trào nông dân Hải Lục Phong, Trung Quốc) và thiên tiểu thuyết ký sự nổi tiếng *Nhật ký chìm tàu* để bạn đọc thấy được quy mô những sáng tác văn học của Người.

Tuyển tập *Truyện và ký* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một tiếng nói tiêu biểu của thời đại, tiếng nói của một tâm hồn lớn, một tác phẩm có giá trị đặc biệt về nhiều mặt, ra mắt bạn đọc là một sự kiện văn học nổi bật của năm 1995 lịch sử.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

(1) Những chú thích trong sách này là của người dịch hoặc người biên soạn. Nếu là chú thích của tác giả chúng tôi ghi rõ ở dưới bài.

PARI

Trích *Những bức thư gửi cô em họ* do tác giả tự dịch từ tiếng Nam.

Ở Pari⁽¹⁾ có một vùng, cô em họ thân mến của tôi ạ, tự một mình nó, nó trình diễn ra được đủ bộ mặt và đủ tâm lý của cả Pari, cả nước Pháp, cả vũ trụ. Ai có muốn nghiên cứu tình hình xã hội thời ta ngày nay, thì chỉ cứ đi ngang vùng này mà thôi là đáng giá cả một pho sách lớn cỡ *Bách khoa toàn thư* vậy.

Vùng gồm ba xóm chính, là Êtoan, Batinhon, Êpinét⁽²⁾. Vốn có trí tưởng tượng phong phú, nên tôi chắc thế, chỉ cứ đọc tên mấy xóm đó là cô đã đoán ra được thứ bậc xã hội của những nhóm người ở đây rồi. Tôi ở đây như đang nghe thấy cô tự mình thì thầm với mình: Êpinét, Êpinét - *Những - cái - gai - con!* Cuộc sống ở đây hẳn phải chật vật lắm, gai góc lắm. Còn Êtoan - *Ngôi sao*, cái đó hẳn phải là nơi cư ngụ của những kẻ điểm phúc, có đặc quyền đặc lợi: một Bồng Lai tiên cảnh chứ gì nữa.

Vâng, cô em họ nhỏ của tôi ơi, cô đoán đã gần đúng thế đấy, ầy nhưng tôi vẫn cứ phải tả cho cô cái sang trọng của bên này và cái đau khổ của phía kia, sang trọng ra sao, đau khổ ra sao thì cái đầu óc xinh xắn của cô chẳng thấy nổi nó mệnh mang đến thế nào đâu. Xóm Êtoan thì bắt đầu với Khải Hoàn Môn. Ấy là một đài kỷ niệm nguy nga dựng lên để ghi nhớ tài danh quân phiệt của Napôlêông. Bây giờ thì nó dùng làm mồ chôn một người lính không tên tuổi chết trong đại chiến.

Sự đời sao nó mỉa mai thế, cô nhỉ! Người ta đem thu lại để cùng một chỗ

(1) *Pari*: Thủ đô lâu đời của nước Pháp, một trong những thành phố lớn trên thế giới. Trước đây, Pari vốn nổi tiếng là một trung tâm văn hoá nghệ thuật. Từ cuối thế kỷ 18 và trong thế kỷ 19, Pari còn là một trung tâm cách mạng của châu Âu. Cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789 và cuộc cách mạng vô sản Pháp chống tư bản năm 1871 lập lên Công xã Pari, là hai điển hình cách mạng của nhân dân thành phố này.

Dòng chí Nguyễn Ái Quốc đã đến nước Pháp ngay từ buổi đầu đi tìm đường cứu nước và dừng lại ở Pari một thời gian khá lâu.

Tháng 6/1923, Người đã rời Pari đi Maxkova (Liên Xô) để họp Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản và sau đó về Trung Quốc để chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước.

(2) Thuộc quận, 17 Pari, phía tây bắc. Hẻm Côngpoăng, nơi đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở lúc bấy giờ, chính ở giữa xóm Êpinét.

cả cái hư vinh của tác giả bao cuộc giết chóc kinh khủng ở châu Âu và cả năm đi hải của nạn nhân cuộc tàn sát thế giới!

Cái đài này là nơi lưu tồn tượng trưng những nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh trước kia và sau này: cũng như người lính không tên tuổi này là hiện thân tượng trưng của tất cả những ai bị giết hại để thỏa mãn cái tham vọng và cái kiêu kỳ của bọn tướng lĩnh. Bởi vì ai mà đã đọc tên những chiến trận đầy tràn lịch sử từ đầu đến cuối, ai mà đã đọc bấy nhiêu tên khắc lên riêng một đài kỷ niệm này thôi⁽¹⁾, thì phải kinh hoàng thấy biết bao nhiêu là nông dân, bao nhiêu là công nhân đáng thương đã ngã xuống không tên tuổi, như kẻ đang nằm đây!

Để một chuyện thư sau, tôi sẽ kể cho cô nghe về anh lính tội nghiệp này, khi còn sống đã phải đương đầu những tràng súng đại bác liên thanh như thế nào, nay vẫn phải đương đầu như thế nào với những tràng văn diễn thuyết ngoại giao và tỏ tình thân thương vờ vịt của các vị sứ thần và của các cụ Phệ⁽²⁾. Hôm nay thì hãy trở lại câu chuyện vùng này đã.

Vậy, tôi đang nói với cô rằng Êtoan là xóm các phủ đệ thênh thang, các vườn cây hoa nở sum sê, các cỗ ngựa xe vương giả. Đó là một ổ xa hoa tứ xứ, thừa thãi tràn trề và biếng lười lơ lợc. Đó là thiên đường của bọn ăn bám đủ các cỡ và đủ các xứ. Sang trọng là sang trọng cho đến cả con vật. Chả nói làm gì đến cái giá nông cuồng thả ra đài một con mèo hảo hạng hay một con ngựa loại khoái⁽³⁾ nó đủ để nuôi sống toàn bộ dân cư một tỉnh nước ta, cứ cái con khuyến xóm này là cũng được sống lộng lẫy và tốn kém hơn người đi làm thợ nhiều.

Rời chính lộ Vagoram và đại lộ Cuốcxen, là vào xóm Batinhon. Xóm này là xóm kiểu con doi, nghĩa là dân bản địa nơi này thuộc một giai cấp trung gian. Họ không giàu sự dễ bay nhảy như bọn cừ khôi trong giới tư bản, mà cũng chẳng đủ nghèo để phải vất vả giống đám thợ thuyền. Phong vũ biểu đo mức giàu có của họ cứ là theo sự thăng trầm kinh tế hàng ngày mà lên xuống: họ có thể hôm nay thì thư thái trồng bắp cải, để rồi hôm sau là phải bán đứt vườn tược đi. Dân đây là tiểu thương, là ông xếp phòng giấy, là ông có vẻ hưu. Bà đi đâu là có một con điều⁽⁴⁾ to quấn quanh cổ và một con chó con bông trên tay. Ông thì bao giờ cũng có cái gì chênh mảng cài khuyết ve áo, một củ kiệu

(1) *Khải Hoàn Môn Êtoan* có khắc đầy vào đá tên các chiến trận và các tướng lĩnh thời Napôlêông.

(2) *Phệ* (từ chữ *Fatty*): Chỉ bọn tai to mặt lớn. Gốc tiếng Anh có nghĩa là người béo. Cũng là tên một hề màn ảnh nổi tiếng trong những năm 20.

(3) *Mèo hảo hạng*: Mèo loại tốt; *ngựa loại khoái*: ngựa loại hay. Chỉ đi điểm.

(4) *Con điều* (*zibeline*): giống điều Bắc cực, tức một loại con thú lông dài và mượt, mình dài, đuôi dài nên người ta thuộc da giữ nguyên lông dùng làm khăn quàng cổ phụ nữ sang trọng.

Công huân Nông nghiệp hoặc là bông hoa tím của vị chức sắc Học chính⁽¹⁾. Bà canh cửa thì sáng sáng chăm chút tưới những chậu hoa thu hải đường cổ truyền của bà bày trên cửa sổ, sáng sáng giữ cái thăm trái cầu thang chính - thăm thăm này buồng bình nhất định không chịu leo cao hơn tầng gác ba⁽²⁾. Cứ suy quy luật vận hành của vạn vật thì dân cư xóm này có nhiều khả năng vô sản hoá hơn là sản sinh ra những đức ngài tư bản chủ nghĩa.

Xóm Êpinét là phía chân của cái thang. Nó là người bà con khốn khó, kẻ thừa kế bị gạt bỏ của hai xóm kia. Nó gần như là thuộc một giống người khác, ra vẻ bẽn lèn, khiêm nhường, bị cái khốn cùng nó đè bẹp. Đây cô hãy xem ông bác mình ép mía lấy đường theo cái kiểu nghìn năm xưa cũ của dân ta, thì cô nghĩ ra được cái cảnh xã hội ở đây nó như thế nào. Có bao nhiêu nước ép ngon ngọt thì cứ tuôn ra một bên cối, còn bên kia thì chỉ có bã, bẹt ra, quắt lại. Đây cũng thế. Một bên là giàu sang và nhàn rỗi, một bên là cần cù và thiếu thốn. Lôi thôi và gầy guộc như ngón tay khoằm khoằm của con mụ phủ thủy giả, ông lò sưởi ở Êpinét mùa hè thì um khói và mùa đông thì lại như tắt ngấm. Trông xa, nhà cửa khằng khiu trong xóm giống y mặt người vậy: những bộ mặt người ngơ ngác, mà cái bề mặt tiệm của một bác buôn giẻ rách hay một hiệu thịt ướp lạnh thì làm ra dáng cái miệng móm, còn cửa sổ đã toác toác thì dùng làm những con mắt nhèm nhèm những dử lại cận thị. Xóm những người làm lưng, sản xuất và dói meo. Xóm người làm thợ, xóm người nghèo, xóm người cùng khổ.

Giữa xóm, có một mẫu phố dài chừng dăm chục mét. Quanh phố thấy tề tựu một ngôi trường tiểu học, một nhà máy và một quán cháo bình dân. Có phải thế không nào, cô em họ thân mến, cả cái bộ sậu ấy thế là rất mục tiêu biểu? Khi còn bé, thì trẻ con đi học để mà biết tôn trọng quyền thiêng liêng của các ông chủ. Lớn lên, anh thợ rời nhà trường đi góp phần làm giàu cho giới chủ nhân ông mà mình đã được học tập sùng bái cái uy nghi. Già rồi yếu đi, thì ông lão được, vẫn giới chủ nhân ông đó mà cụ đã làm giàu cho, tổng ra ngoài đường, để nhờ chần bần mà sống nốt cuộc đời hay lam hay làm của mình!

Sáng sáng, tôi đi ngang quán cháo bình dân để đến xưởng làm việc của tôi. Trời đẹp hay xấu, nắng ấm hay tuyết rơi, thì tôi cũng cứ thấy tụt lại trước ngôi nhà công này lối ba chục các cụ. Các cụ ăn bận thật không tưởng tượng được. Người thì khoác cái chăn trên lưng, người thì lại mặc cái áo dài bó của hầu bàn trường - đầu đội cái mũ rom đã vàng úa, người khác nữa tả tơi đụp và muôn màu sắc. Giày các cụ, mồm há ra như hộp thư cả, cười nhạo với mọi

(1) Những loại huân chương, huy chương của Pháp, với hình dáng và màu sắc riêng của mỗi loại.

(2) Nhà ở Pa - ri thường từ năm đến tám tầng: những hộ sang trọng nhất hay ở tầng gác, cho đến gác ba. Ở gác cao hơn, là những hộ gia tư nghèo hơn.

khách qua đường. Trong lúc đợi cửa mở và để giết thì giờ, các cụ xem mấy mẫu báo *Buổi sáng* hay tờ *Pa - ri nhỏ* nhất được chẳng biết ở đâu nữa. Trời có lạnh quá thì các cụ thổi thổi lên ngón tay hoặc là giở điệu nhất bộ ra nhảy⁽¹⁾ để tự sưởi ấm. Một cụ nhìn tôi cả cười: “Chú xem, sưởi kiểu trung tâm⁽²⁾ của bọn này đây!”

Dáng hình các cụ tồi tàn thế, nhưng ai nấy đều thật dễ thương, và các cụ trông thấy tôi mãi rồi, thì cuối cùng, ấy cũng là có quen biết. Một thứ tình bằng hữu thế là nảy ra giữa chúng tôi và hai bên chào nhau khi tôi đi qua.

Tôi đặc biệt để ý một cụ già trong số đó. Ông cụ sạch sẽ, tuốt tăt, và bộ dạng biểu lộ một nỗi buồn phiền được nén xuống, một niềm tự trọng chẳng chịu để ngã khụy, ngay trong cơn quẫn bách. Cụ có đeo một dải huy chương thường công cứu nạn. Cụ bao giờ cũng cứ đứng đằng sau người khác.

Một hôm, tôi đến bắt tay cụ và nói với cụ: “Cố ơi, cố có vui lòng cho phép được mời cùng dùng bữa lót dạ, chủ nhật tới, được không?” Cụ đáp: “Ông tử tế quá, thưa ông, thế cho nên tôi từ chối thì hoá ra phụ lòng tốt của ông, vậy xin vâng”.

Chúng tôi cùng đến một quán ăn nhỏ. Đặt xong món ăn, chúng tôi chuyện trò, và ông cụ bảo tôi: “Tôi không dám tự tiện ngổ lời trước với ông, bởi vì trước hết ông là người nước ngoài, thế rồi tôi lại còn ngại làm phật lòng ông: thanh niên dễ tự ái khi thấy có người bắt chuyện mình lại là người như tôi, một lão già nghèo khổ, chẳng khác đĩa ăn mỳ vậy. Nhưng mà cứ mỗi lần ông đi qua trước mặt tôi, là lòng tôi lại tràn ngập một niềm đau đớn không cùng, tôi chỉ muốn khóc. Tôi rất hiểu ông lấy thế làm lạ, nhưng vốn là tại thế này: thấy ông, là tôi lại nhớ thẳng con thứ của tôi, tôi đã mất nó trong trận giặc. Nó cũng khoảng tuổi ông đây. Chắc ông hăm năm, hăm sáu chứ gì? - Hăm sáu, cố ạ, tôi trả lời - Đúng rồi, nó kém ông một tuổi. Ông không chán tai thì để tôi kể chuyện nó ông nghe, chuyện nó mà thật ra là chuyện tôi. - Xin mời cố, nghe chuyện cố, sẽ thích thú lắm. - Thời tôi còn ít tuổi, ông bạn cùng bàn đáng kính của tôi kể, tôi làm nghề hải đăng bạ⁽³⁾. Tôi đã có đi vòng quanh thế giới nhiều lần. Tôi cũng có lần đến xứ ông, đến Sài Gòn, đến Hải Phòng. Sau tôi tần tiện cưới một cô gái nông thôn hiền lành. Vợ chồng đến lập nghiệp ở vùng Bắc. Nhà tôi mở một cửa hàng nhỏ bán gia vị vật vãnh, còn tôi thì vào làm một nhà

(1) *Nhất bộ (one step)*: một bước, tên một điệu vũ gốc Mỹ, nhanh và mạnh. Ở đây nói các cụ già khoa chân múa tay cho đỡ rét.

(2) *Sưởi kiểu trung tâm*: lò sưởi sang, sưởi cả nhà (hoặc cả khối nhà), nhưng chỉ đốt lò ở một nơi thôi, có ống dẫn hơi nước nóng đến từng phòng.

(3) Tức thủy thủ dân sự. Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ Nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

máy. Vợ chồng tôi có hai con trai, một gái, ba cháu thật là của trời cho, ông ạ! Nhà tôi với tôi, bọn tôi chịu khó kham khổ cũng nhiều, nuôi được các cháu ăn học, nó giỏi giang lắm. Bà con lối xóm đều lấy làm thèm thuồng, vì các cháu nết na, thật là ngoan ngoãn, chăm làm, lại có học. Cháu Môrixơ là cháu lớn, làm nghề thợ vẽ. Cháu Anbe thì làm thợ máy. Em gái các cháu, là cháu Yvon, nó là một bông hoa xinh xinh mười tám cái xuân xanh - như ở xứ tôi người ta hay nói văn hoa thể - hoa làm si ngây lứa trai khắp vùng, cháu nó đánh máy chữ. Mỗi đứa kiếm được đồng tiền cũng khá khá, đủ cho mình và cho vợ chồng chúng tôi. Ban ngày thì các cháu đi làm, tối đến cả mấy cháu mới về học hành. Chủ nhật nào cũng cả ngày bàn luận với nhau những cái học được trong tuần. Nói thật tình để ông hay, cứ nghe các cháu nó bàn, nó nói là sướng lạ sướng lùng, ấy chính là các cháu đã dạy chúng tôi, mẹ các cháu với tôi, biết được bao nhiêu là thứ. Vậy là vợ chồng chúng tôi thật là đôi bố mẹ sướng nhất trần đời.

“Chiến tranh bùng nổ. Cháu Môrixơ bị thương nặng ngay từ đầu, ít lâu sau thì chết. Cháu Anbe thì bị ghi là mất tích sau ba tháng chiến trận. Cứ thế nhà tôi với cháu gái hoá điên lên, điên vì đau đớn. Làng tôi là cái đích cho pháo nã, đạn Pháp đến với chúng tôi cũng nhiều ngang đạn Đức: đạn nó không có quốc tịch, nên đạn bên này hay bên kia thì cũng đều phá phách đồ đạc, cũng đều giết hại người ta, dưng dưng như nhau, tàn khốc như nhau.

“Một hôm nọ, trong gian nhà chúng tôi ở đã đổ vỡ đến nửa, vợ tôi cùng cháu gái đang nấu nướng thì một cái nồi⁽¹⁾ - chẳng phải loại nồi Na Uy nổi tiếng của ông Luix Phorextơ⁽²⁾ đâu, mà là cái loại nồi giập be giập bét tuốt - nó nổ tung.

“Một tiếng nổ kinh hồn, rồi tất cả hất tung lên. Tôi thoát thân vì đang xuống tầng hầm lấy cái gì đó. Đến khi lại người, từ dưới hầm lên, thì lên hết cầu thang, tôi chẳng còn thấy nhà, thấy cửa, thấy vợ, thấy con đâu cả nữa, mà chỉ thấy một khoảng trống khủng khiếp, hãi hùng, một khoảng trống không nó lấp đặc không trung bằng cái não ruột của cái tận cùng, của cái chết chóc, của cái tan hoang. Tôi quá sợ hãi để còn hoảng hốt... Nhưng hãy chờ đây, đã hết đâu! Cái lúc ghê gớm nhất trong cuộc đời tôi, là lúc mà tôi nhận ra trong đồng nhà cửa vụn nát, một cái bàn tay máu me của cháu Yvon tội nghiệp của tôi, rồi cách mấy bước, là một cái chân còn giày tất y nguyên của người vợ đáng thương của tôi. Ấy bấy giờ, ấy bấy giờ...”

(1) *Cái nồi*: tiếng lóng chỉ đạn pháo cỡ lớn.

(2) *Luix Phorextơ (Louis Forest)*: nhà báo và nhà văn Pháp, lúc ấy muốn gây phong trào cải thiện đời sống bằng mọi biện pháp hợp lý hoá nhằm tiết kiệm sức, chống lãng phí... Nồi Na Uy là kiểu nồi nấu tiết kiệm: đun nóng nồi rồi bỏ vào thùng kín đựng chất cách nhiệt, để thức ăn tiếp tục chín mà không cần thêm chất đốt.

Đến đây, ông già tái nhợt. Tôi đọc thấy trong đôi mắt cụ, bỗng dưng đi, một nỗi niềm đau xót và căm hờn không sao tả xiết. Một cơn co giật làm cụ toàn thân run rẩy. Cụ tì hai bàn tay đang quắp lại lên mép bàn. Hai chân cụ di di đều nhịp, như phát sốt, trên sàn nhà, mà căng gân cốt ra như vậy, thì là khi nào con người ta đang cố kìm lại một niềm xúc động đang muốn bùng ra. Tôi nhỏ nhẹ bảo cụ: “Thôi, vừa rồi, cố ơi! Xin để hôm khác cố kể cho nghe. Cố xơi củ khoai rán, cố nhé!” Ông cụ như không nghe thấy tôi nói gì, cụ thở dài một hơi, nói tiếp: “Đấy ông xem, ông thân mến, chiến tranh, cuộc chiến tranh trời tru đất diệt này, tôi có cái gì thì nó đã giết sạch cả, nào là hạnh phúc, nào là nhà cửa, nào là người vợ quý, nào bấy con yêu. Còn tôi, thì bây giờ tôi nhờ thiên hạ bố thí để sống qua ngày, sau bấy nhiều năm trời làm ăn cực nhọc. Biết đâu, vâng, biết đâu chẳng phải chính cháu Anbe đáng thương của tôi là người bây giờ đang nằm đó dưới Khải Hoàn Môn!”

Cụ gạt một giọt nước mắt thật to, tay cụ run run nâng cái cốc mà tôi vừa rót rượu vào, miệng nói: Nào, chúc sức khỏe ông!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 30 và 31/5/1922

Bản dịch: Phạm Huy Thông, báo *Nhân dân*, số 8044, ra ngày 16/5/1976.

ĐỘNG VẬT HỌC

“**C**àng học càng thấy mình dốt”, đó là một câu ngạn ngữ châu Á. Trái với lệ thường, câu ngạn ngữ này không phải là một thứ gì kỳ cục khó hiểu, mà là một chân lý phổ biến.

Ví như, ông Jôdép Cayô⁽¹⁾, cựu Thủ tướng, nhà lý tài ngoại ngạch, một nhà văn không phải tồi, không phải tương đối tồi như Enxten⁽²⁾ nói, sau khi đã cai trị 40 triệu dân Pháp, đã nắm trong tay hàng triệu, hàng tỷ bạc, ông viết sách vở, rồi một buổi sáng nọ, ông vò đầu và gỡ điên cuồng - không phải là gỡ tóc, vì ông ta không có sợi tóc nào cả - mà gỡ tai, đồng thời tự hỏi và hỏi người khác: Châu Âu sẽ đi tới đâu nhỉ? Nước Pháp sẽ đi tới đâu nhỉ? Câu hỏi tuy có vẻ rất giản đơn, nhưng cho đến nay vẫn chưa giải đáp được, trừ phi...

Này ngài Thủ tướng, xin ngài cho tôi biết chân của châu Âu và của nước Pháp ở chỗ nào, tôi sẽ nói cho ngài biết châu Âu và nước Pháp đi tới đâu!⁽³⁾

Đácuy-n⁽⁴⁾, nhà đại thông thái Đácuy-n, từng biết rằng con người của một con ếch xứ Ôvecnơ tròn hơn người của một con ếch ở vùng Nốttinghăm, và đuôi chim bồ câu ở Mécxích có nhiều hơn đuôi chim bồ câu ở Thụy Điển ba cái lông, nhưng ông hoàn toàn không biết gì đến một loài động vật rất đông đúc mà ngày nay ai cũng biết: và do số lượng cùng tính chất của nó, loại động vật này có thể được liệt vào hàng đầu của các loại động vật.

(1) Jôdép Cayô (*Joseph Caillaux*): chuyên gia về tài chính, Thủ tướng nước Pháp năm 1911, thi hành chính sách đánh thuế thu nhập.

(2) Enxten (*Einstein*): một nhà bác học vĩ đại, một chiến sĩ hoà bình tích cực. Ông sinh năm 1879, mất ngày 18/4/1955. Thuyết tương đối của ông nêu lên rằng: Một số khái niệm cơ bản (như khái niệm về không gian, thời gian và khối lượng...) mà trước đây người ta vẫn tưởng có tính chất tuyệt đối, thì nay phải quan niệm lại là tương đối mới đúng chân lý khách quan. Ngược lại, một số khái niệm trước đây mà người ta vẫn tưởng là có tính tương đối (thí dụ tốc độ ánh sáng trong chân không...), nhưng thực ra lại có tính tuyệt đối (tốc độ này không thay đổi dù quan sát từ bất cứ hệ quy chiếu nào). Lênin đánh giá Enxten là “một trong những người cải tạo tự nhiên vĩ đại nhất” (*Đại bách khoa toàn thư*, Liên Xô, xuất bản lần thứ hai, quyển 48, tr. 343).

(3) Ý câu này có lẽ nhằm mỉa mai châm biếm rằng, nước Pháp và một số nước tư bản châu Âu sống bằng cách vơ vét, bóc lột thuộc địa.

(4) Đácuy-n (*Darwin*): nhà bác học Anh vĩ đại, sinh năm 1809, mất năm 1882. Ông sáng lập ra khoa sinh vật học duy vật chủ nghĩa về nguồn gốc và sự phát triển của giống vật. Ông là người đầu tiên đã dựa vào nhiều tài liệu khoa học mà sáng lập một lý luận khoa học sâu rộng về sự tiến hoá của những hình thức của thể hữu cơ, bác bỏ lý luận siêu hình về tính bất biến của các giống vật. Tác phẩm chủ yếu của ông là cuốn *Bản về nguồn gốc các loài*.

Vì hiện tượng này cũng khá thú vị, nên chúng tôi thử trình bày cùng bạn đọc báo *Người cùng khổ*.

Kết quả những cuộc nghiên cứu kỹ càng cho phép chúng tôi khẳng định rằng nguồn gốc loài vật này cũng lâu đời như nguồn gốc loài người, nếu không phải là lâu đời hơn nữa kia. Sự cấu tạo thể chất của nó hết sức kỳ lạ: ở tất cả các loài động vật, sự sinh sản ra lông lá thường là ở đẳng đuôi: ở loài động vật này, lông lá lại mọc trên đầu: chỉ mọc trên đầu chứ không mọc ở cổ như bòm con ngựa. Lông lá này mịn màng như len và hung hung đỏ, hoặc cứng và đen, tùy theo khí hậu nơi nó sống. Khí hậu có ảnh hưởng rất nhiều đến màu da của nó. Màu da đỏ hoặc vàng hoặc đen, chứ ít khi trắng. Dù có những sự kỳ lạ đó, diện mạo của nó đôi khi cũng khá dễ thương. Loài động vật này đi hai chân. Nhưng, theo những tài liệu quan sát được tại nhiều vùng châu Á, thì nhiều khi nó lại trở thành loài đi bốn chân⁽¹⁾. Nói chung người ta có thể liệt loài động vật này vào loại hai tay. Điều làm cho loài động vật này rất đông đúc và có thể sống trên một diện tích rất rộng trên quả đất, chính là ở chỗ nó rất dễ dàng thích nghi với nhiều thứ đồ ăn hết sức khác nhau. Loài động vật này ăn thịt, ăn cỏ, ăn gạo và ăn cả tiền nữa. Cần chú ý rằng, khi một con vật cá biệt đã đến trình độ ăn cả tiền thì thường bị coi là thoái hoá, vì nó đã mất hết đặc tính tinh thần của nòi giống nó rồi⁽²⁾.

Óc bắt chước của nó rất phát triển, và óc đó không phải nông cạn như ở loài khỉ hay loài vẹt, vì người ta nhận thấy rằng tài bắt chước của nó thường đạt tới chỗ tuyệt khéo, và đôi khi còn hơn cả cái mà nó bắt chước nữa.

Một vài đức tính thực dụng của nó còn cao hơn cả những đức tính thực dụng của các loài gia súc nữa kia. Một khi đã thuần thực rồi, thì nó tự để cho người ta hớt lông, như một con cừu, chất đồ nặng lên lưng như một con lừa, và đưa vào lò sát sinh như một con bê. Loài động vật này rất dễ bị loá mắt. Nếu người ta bắt ra một con, to nhất hay mạnh nhất trong bầy, và đeo vào cổ nó một vật gì lóng lánh như một đồng tiền vàng hay huân chương chẳng hạn, thì nó liền trở thành hoàn toàn ngoan ngoãn, lúc đó người ta có thể sai nó làm bất cứ việc gì và bảo đi đâu cũng được... và các con khác cứ việc theo nó một cách... khờ dại, nếu có thể nói như thế được⁽³⁾.

(1) Nguyên chủ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc: "Loài quan lại đứng theo tư thế Xalamaléch".

Xalamaléch (phiên âm từ chữ Salamalec): lối chào của người Ả Rập, đầu cúi thật rạp xuống đất. Tác giả có ý chỉ vào bọn quan lại hay quý gối cúi đầu làm thân nô lệ.

(2) Ý mỉa mai đã kịch sâu cay. Câu này nhằm chỉ vào lũ quan lại bán xứ bám gót bọn đế quốc thực dân, vơ vét bóc lột của dân chúng, không còn tinh thần giống nòi dân tộc gì nữa.

(3) Chân tướng của bọn quan lại trên tiếp tục bị tác giả vạch trần. Lũ thực dân thường đem những thứ như mề đay, phẩm hàm ra như lũ tay sai, và thế là bọn này lôi kéo thêm những phường mắt gộc khác.

Các nhà bác học của Hội Động vật đế quốc Anh (B.I.Z.A - British Imperial Zoological Association) - vừa cho biết rằng loài sống trên bờ Ấn Độ Dương và trên bờ xứ Libi, vùng Hồng Hải, bắt đầu có những tiến hoá rất rõ rệt: nó không chịu để cho người ta bắt một cách dễ dàng, và không chịu để cho người ta đem về nuôi làm gia súc nữa⁽¹⁾. Hiện tượng mới đó không khỏi gây lo ngại cho các giới công nghiệp và khoa học trên thế giới, và đặc biệt là cho những giới đó ở phổ các nhà giàu sự Luân Đôn vì, tuy thịt loài vật đó không ăn được vì không thể ướp lạnh được, nhưng máu và mỡ hôi của nó lại trở thành những thứ không thể thiếu được để đổ dầu mỡ cho những cái máy chứa dầu thịt⁽²⁾.

Để tóm tắt bản trình bày ngắn này, chúng tôi xin nói rằng, tên cái giống vật kỳ dị đó là *Dân bản xứ thuộc địa* (Colonie indigène): nhưng tùy theo từng vùng mà người ta gọi tên nó một cách khác nhau: Annamit, Mangatso, Angiêriêng, Anhiêng, v.v...v.v...⁽³⁾

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B - Chúng tôi vừa nhận được của một đồng nghiệp của chúng tôi là nhà bác học khoa học tự nhiên Đờ Pác-tú (De Partour)⁽⁴⁾, một loài hiếm có, loài này hình như cũng có họ hàng thân thuộc gì đó với loài chúng tôi vừa nghiên cứu. Loài đó, theo bạn đồng nghiệp của chúng tôi, thì tên nó là: *Người vô sản*. Sau này chúng tôi sẽ nghiên cứu loài mới, *Người vô sản* đó, của Đờ Pác-tú (De Partour).

Báo *Người cùng khổ*, số 2, ngày 1/5/1922. Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội, 1959, tr. 7 - 10.

(1) Câu này có thể là tác giả nhằm chỉ những phong trào đấu tranh dân tộc, những khuynh hướng chống chủ nghĩa đế quốc đang xuất hiện như một tiến hoá rõ rệt, một hiện tượng mới ở các vùng này.

(2) Nguyên chú của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc: "Cũng gọi là các nhà tư bản".

(3) *Annamit*: người Việt Nam.

Mangatso: người ở xứ Madagát-xca, trên Ấn Độ Dương, đối diện với xứ Mô-dăm-bích châu Phi

Angiêriêng: người Angiêri (châu Phi).

Anhiêng: người Ấn Độ.

(4) *Đờ Pác-tú (De Partour)*: một cái tên do tác giả tự đặt ra, có nghĩa là khắp nơi. Đờ Pác-tú cũng có người hiểu nghĩa là Tất cả.

Tiếng Pháp *De* (viết hoa) đặt trước họ, chỉ người nào đó thuộc dòng quý tộc.

LỜI THAN VẤN CỦA BÀ TRUNG TRẮC

“Quốc vương nước Nam sắp làm khách của nước Pháp”. Gọi là có lời chào mừng tí ti, chúng tôi kính dâng ngài giấc mộng này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi, người bày tôi trung thành của ngài.

Đêm tối quẩn quại dưới trời mưa nhỏ dầm dề. Mảnh trăng vàng vọt có búa trên những mái lều tranh. Cây dầm ướt đầm đĩa nước mắt tuôn rơi. Gió thổi qua những cụm lá mận mỗi va nhau thành tiếng kinh rợn. Cảnh cây vượn vẹo như những cánh tay ma quái, và những đám nước bị từng cơn gió đột ngột quất, cứ nức nở. Cảnh vật nước Nam, lồng trong cây cỏ um tùm, vốn tươi vui và thơ mộng thế dưới ánh trăng, nay buồn thảm lạ lùng. Con hấp hối đang chơi vui khắp. Tai ương lảng vảng đâu đây.

Ánh sáng lờ mờ của những cây nến thơm chấp chới, đầu ngọn bốc cong queo, hắt lên những cây cột sơn mài nhẵn bóng trong cung điện những bóng đen lung lay và những con mắt hấp háy. Bọn quan hoạn lim dim uể oải trên chiếc chiếu trải dưới đất ở một góc nhà. Như cảm thấy được có im lặng đang bò lên.

Trống canh vừa điểm ba tiếng. Tùng, tùng, tùng! Các anh là người phương Tây, các anh chẳng hiểu thế là thế nào cả, hử? Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên năm, thế là ba giờ của các anh đây! Đây là thời khắc ban đêm lúc lương tri cất cao tiếng. Lúc các đồng mã khắc ra những kẻ nằm bên trong, họ lia khỏi những tấm liệm he hé mở, để ra ngoài đi dò đi dẫm, cất lên tiếng rú hoan lạc. Lúc đầu óc con người đầy rẫy những bóng hình mộng mị. Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên ba, thì ấy là con số chín, con số tận cùng trong những con số chẳng thể chia cũng chẳng thể nhân, mà theo vua Phục Hi thì nó biểu hiện sự suy đốn của một sinh linh được coi như cùng tột (đương cửu)⁽¹⁾.

(1) Nguyên bản viết “giương cửu”, vì tác giả muốn bạn đọc Pháp đọc được gần âm Việt Nam hơn. Nếu viết “đương cửu” thì bạn đọc người Pháp sẽ đọc như ta đọc “đương cửu” (d ở tiếng Pháp đọc như đ).

Đương cửu: một hào trong Kinh Dịch, biểu hiện mức cao nhất mà một con người hoặc một sự vật có thể tiến tới được và từ điểm này trở đi nó sẽ xuống dốc (khái niệm thuộc vũ trụ quan siêu hình huyền bí Trung Quốc cổ, sau thường gắn với mê tín về tướng số).

Phục Hi: vua thần thoại Trung Quốc cổ sơ, được coi là thủy tổ của vũ trụ quan nói trên. Tục truyền,...

Đó chính là lúc Thiên tử nằm mơ. Ngài mơ thấy những con rồng chạm trên tủ, bàn bồng biển động, hoá thành những con rắn gớm ghiếc, mở thao láo những con mắt đỏ ngầu tia máu. Còn những con phụng hoàng⁽¹⁾, giống chim tượng trưng cho uy quyền vua chúa, thì vươn chiếc cổ dài ngoẵng tua tủa lông, quệt mỏ xòe cánh, y hệt đám gà trống cầu kinh, đáng ghét. Mọi vật bằng ngọc thạch, bằng châu báu, đều xin đi, xám xịt lại. Tất cả cứ từ từ quay tròn, và tan dần, tan dần. Rồi một bóng ma trùm khăn, trắng trắng hiện lên. Nhà vua kinh hoàng run lên lập cập, vì không phải vua chúa nào cũng đều can đảm như Hămlet⁽²⁾, và thông minh như thế thì lại càng không. Ngài muốn kéo chiếu che mặt, mà không được.

Đường bệ và giận dữ, bóng ma nói với vị chủ hoàng cung thế này:

- Mi có nhận ra ta không, đứa con khốn khổ kia ơi! Ta là một trong những người khai sáng nước Nam tươi đẹp này đây. Ta là Trưng Trắc, năm 39⁽³⁾ đã cùng em gái ta là Trưng Nhị⁽⁴⁾ và đồng bào đánh đuổi bọn xâm lăng, trả thù chồng, giải thoát quê hương. Đừng có run lên như thế, con ơi! Mà phải lắng tai nghe mấy lời mẹ bảo! Chẳng hay mi có biết rằng, theo tập tục nghìn năm của nước Nam ta xưa cũ thì Hoàng đế là chịu mệnh trời để trị dân, vì thế mà được coi là con trời, cha mẹ của dân?

“Vua muốn xứng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chia sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy.

“Giờ sử đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn. Lý Bôn (544)⁽⁵⁾, với một nhóm nghĩa sĩ, đã nổi dậy và bẻ gãy ách đô hộ của Hán tộc. Ngô Quyền (938) đã phá tan đạo quân nước ngoài kéo vào đánh chiếm đất đai Tổ quốc ta.

“Dân ta sống trong hạnh phúc và thịnh vượng dưới triều nhà Đinh. Năm 980⁽⁶⁾, Lê Đại Hành đã dũng cảm không chịu khuất phục trước yêu sách của

...Phục Hi, quan sát vũ trụ thấy có trời, đất, người, có mặt trăng, mặt trời, có ngày và đêm, có nam và nữ, có nước lửa, sấm sét, núi sông, mưa gió... đã sáng tạo ra bát quái là kiểu chữ đồ hoạ cổ xưa của văn hoá Trung Quốc, để ghi lại những nhận thức ấy.

(1) *Phụng hoàng* được viết bằng tiếng Việt trong nguyên bản tiếng Pháp, với dạng đồ (dạng thông thường hơn: phượng hoàng).

(2) *Hămlet*: nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của văn hào Anh Sếchxpia. Trong đoạn đầu của vở kịch, Hămlet, hoàng tử Đan Mạch, tiếp xúc với bóng ma vua cha hiện về đòi được con báo thù.

(3) Đến năm 40, Bà Trưng chiến thắng và xưng là Trưng Vương.

(4) *Trưng Trắc, Trưng Nhị*: Hai chị em, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống lại ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc, nhà Đông Hán, ở đầu công nguyên. Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, nhân dân ta đã giành lại được nền độc lập từ tay nhà Hán.

(5) *Lý Bôn*: tức Lý Bí, nổi dậy từ năm 542, và cuộc khởi nghĩa kéo dài trong nhiều năm.

(6) Đến năm 981, Lê Đại Hành thắng ở cả Chi Lăng và Bạch Đằng.

láng giềng hùng mạnh hơn mình gấp bội, ông đã đánh thắng địch, giết chết tướng địch. Do đó đã giải thoát được đồng bào khỏi nạn nô dịch.

“Quân Mông Cổ đi đến đâu phá sạch đây, đã bị nhà Trần về vang của chúng ta đánh bại (1225)⁽¹⁾. Lê Lợi đã hùng dũng đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng nước Nam đập tan chế độ tàn bạo và hạch sách mà những kẻ tự xưng là bảo hộ ta bắt ta chịu.

...

“Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kẻ tục ngai vàng của các vị nay sống trong uơon hèn.

“Mặc dầu lễ nghi không cho phép các vị nguyên thủ nước ta rời khỏi cung cấm, thế nhưng chúng ta vẫn phải đau buồn nhận thấy rằng vẫn có những bậc quân trưởng phải lưu vong.

“Năm 1407, Tàu đánh nhau với ta: nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng. Chinh chiến lúc đó thế là lại bắt đầu. Giặc biết rằng không khuất phục được ta bằng uy lực, đã dùng chiến tranh hao mòn. Trần Đế Quĩ⁽²⁾ đã lãnh đạo dân Nam đoạt được những thắng lợi, sau thấy dân cùng kiệt, đói khát, máu đổ xương rơi. Ông biết rằng giặc chỉ muốn hại mình ông, và chúng bắt được ông rồi thì dân Nam sẽ được yên ổn. Vì vậy ông ra nộp mình, ông nộp mình để dân ông đỡ hao mòn sinh linh, xương máu. Bị cầm tù giải đi, ông nhảy xuống sông tự tử. Ông thà chết vinh chứ không sống nhục. Ngày nay, mỗi buổi mặt trời mọc lên lặn xuống, muôn nghìn ánh hào quang vàng óng quây trên dòng sông trong nước bạc long lanh, tạo nên đài kỷ niệm vĩnh cửu cho linh hồn bất diệt của con người chiến bại vĩ đại đó.

.....

“Tiếp đó là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân - người ở ngôi ngay trước mi. Chính những kẻ xưng xưng là tôn trọng phong tục luật lệ nước ta đã đày ải ba vị và mai đây sẽ dùng mi làm món đồ rao hàng thuộc địa, cổ động đế quốc. Có thấy không, con! Chẳng thể bao giờ trong niên giám nước mi lại có một ông vua Nam nào chịu làm tôi tớ đến như mi, lại có một cuộc ngự giá tuần

(1) Năm 1225, nhà Trần chiến thắng giặc nguyên Mông lần thứ nhất.

(2) *Trần Đế Quĩ* (tức Trần Quĩ hay Trần Ngỗi), đã cùng Trần Quý Khoáng, cũng là dòng dõi nhà Trần, nối tiếp nhau lãnh đạo kháng chiến chống quân Minh từ năm 1407 đến 1414. Cả hai người lần lượt bị bắt. Trần Ngỗi đã bị giết và Trần Quý Khoáng đã nhảy xuống sông tự tử.

du nào thấm hại đến mức này. Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vải hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phệ nọ, nó sặc lên mùi tỏi, ớn mùi thầy ma. Tại sao, ừ, tại sao mi lại làm thế? Nay mi lại sắp lẩn xa tôn miếu. Tay mi sẽ không thấp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu nữa. Mi sẽ không tự tay mó hương án, dâng hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới nữa. Vắn hay, con ạ! Rằng tất cả những cái ấy chẳng qua đều là nghi lễ cổ hủ; nhưng mi cũng thừa biết rằng chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên và mi cũng chỉ còn độc cái uy tín đó thôi trước mắt thần dân.

“Giờ mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đứa bóc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đầu ra đẫy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp tâng bốc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng ca nông.

“Ôi, nhìn, hãy nhìn nào, đứa con thâm thương kia ơi! Hãy nhìn quanh mi! Thấy chẳng Trung Hoa đang thức tỉnh, Nhật Bản đang duy tân...? Thấy chẳng toàn cầu đang tiến, chỉ có dân mi là, nhờ mi và lũ quan thượng của mi, cứ phải chìm ngập mãi trong vũng lầy dốt nát và tội đòi khôn nạn?

“Hãy nhìn Triều Tiên, Ai Cập và Ấn Độ, tất cả các nước đó đều đang đứng lên đòi quyền lợi, công lý và tự do!

“Chính giữa lúc đó, thì mi... Im... Nghe kia! Nghe thấy chẳng... Nghe thấy chẳng những tiếng kêu gào...? A! Người ta đến kia kia, đông quá, tất cả những người dân nước Nam đã bị thiệt mạng cho cuộc chiến tranh ở châu Âu. Người ta đến đòi những gì mà bọn quan thầy mi đã cùng mi hứa hẹn với người ta, anh em người ta. Trả lời người ta đi nào! A! Người ta giận dữ người ta bỏ đi.

“Bây giờ thì người ta quay lưng đi rồi, người ta đang đi đến phía đằng kia. Có thấy người ta không? Đằng kia ấy, nơi mặt trời đang mọc huy hoàng khôn xiết, nơi tung bay kiêu hãnh lá cờ Nhân đạo và Lao động. Đây! Chính đây là nơi yên nghỉ tâm linh những người đã khuất, là tương lai của dân tộc mà mi đã phụng sự chẳng ra gì!

“Gà sắp gáy sáng. Sao Bắc Đẩu tiến ngang trời. Nhạc tiên đang giục giã ta. Thôi, chào!

Mồ hôi nhớp nháp đầm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lưỡi ngài lúu lại vì sợ.

Một quan hoạn bước vào, khom khom cái lưng ba lần, rồi the thé cái giọng đàn bà:

- Ngai Dưới⁽¹⁾! Đã có lệnh lên đường của Toà Khâm truyền sang rồi đây ạ!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 24/6/1922. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 17 - 23.

(1) *Ngai Dưới*: ở đây tác giả chơi chữ dịch sát từng chữ của từ Bệ hạ sang tiếng Pháp (*Trône - sous*). *Hạ* (dưới) là “sous”, mà “sous” thì lại cũng có nghĩa là những đồng xu, đồng hào. Vậy ở đây có thể hiểu *Ngai Dưới*, cũng có thể hiểu *Ngai Xu*. *Ngai Dưới* ngụ ý là ngồi ở ngai vua mà vẫn là ở dưới gót giày của thực dân. *Ngai Xu* ngụ ý là ngồi ở ngai vua bù nhìn để kiểm xu. Chuyển sang bản dịch tiếng Việt chỉ được phần nào ý đùa cợt và châm chọc.

CON NGƯỜI BIẾT MÙI HUN KHỐI

*Xin tặng Nahông⁽¹⁾, người đã bị quân
phiệt thực dân ám hại, bài ký này.*

“Chính cuộc chinh phục hệ thống thuộc địa đã rèn luyện tài năng chiến đấu của một số đông những nhà chỉ huy quân sự lớn của ta, những con người đã đưa ta đến chiến thắng, đã được dư luận Pháp ca ngợi vinh quang và chiến công ngay khi mang lá cờ nước ta đến dưới những bầu trời Phi - Á”.

ANBE XARÔ⁽²⁾

Thượng thư thuộc địa

HAUXA⁽³⁾ tháng giêng năm 1998.
Thành phố Hauxa cờ xí tung bừng. Tưởng đâu như một vị chúa xuân đã gõ cây dừa thần lên gỗ ván khô khốc ở các bao lơn và các cửa sổ, làm mọc ra muôn vạn tấm lá đỏ phấp phới yêu kiều trước gió. Đây là lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Công hoà Liên hiệp Phi. Chưa bao giờ dân chúng lại tham gia với mức độ ấy những hội hè loại này. Từ sáng sớm, các đường phố, các quảng trường y như một dòng sông người. Từng đoàn học sinh, giương cờ đi đầu, vừa đi qua các phố vừa hát *Quốc tế ca*, được dân chúng vỗ tay hoan

(1) *Nahông*: Một người lính thuộc địa đã bị một tên quan ba Pháp giết hại năm 1922 ở miền Đông Maroc. Tác giả tố cáo sự việc này trong cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* như sau: Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vida, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, dâng cầu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa.

(2) *Anbe Xarô*: Toàn quyền Đông Dương trong những năm 1911 - 1914 và 1917 - 1919, sau đó làm Bộ trưởng Bộ thuộc địa (cho nên tác giả mỉa mai gọi là Thượng thư thuộc địa), năm 1936 làm thủ tướng nước Pháp.

(3) *Hauxa*: tên một tộc người ở Tây Phi. Ở đây tác giả lấy tên đó đặt cho một thành phố tưởng tượng

của châu Phi độc lập và thống nhất tương lai. Hauxa đọc rồi từng âm: Ha - u - xa.

nghe. Trên quảng trường Xô Viết, một cụ già hô hào đám đông. Đó là cố Kimengô, mệnh danh là *Con người biết mùi hun khói*.

Cụ Kimengô tuổi đã chín mươi, là một cựu chiến sĩ của quân đội cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hoà Da đen. Được phủ bẩm một trí thông minh đặc biệt sắc sảo, lại am hiểu tường tận mọi sự kiện chính trị và xã hội của thời đại, cụ Kimengô không những ra sức thúc tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của con người nô lệ, mà còn cố gắng phá tan mọi thành kiến dân tộc và chủng tộc, tập hợp những người bị bóc lột thuộc các màu da trong cuộc đấu tranh chung. Cụ đã thành công. Kimengô là một trong số hiếm hoi những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và được hưởng hạnh phúc lớn gặt vụ mùa thắng lợi. Mái tóc cụ bạc phơ như tuyết, khuôn rục rở bộ mặt màu mun. Đôi mắt cụ hiền dịu và nhìn sâu thẳm. Miệng cụ luôn tươi cười, dù trước những nguy nan nghiêm trọng nhất hay trong những giờ phút đen tối nhất. Từ toàn bộ con người cụ toát ra nhân từ và cao quý. Cụ đáng tôn kính và được tôn kính.

Chúng tôi đến nơi thì cụ đã nói được nửa chừng, và đây là những lời mà chúng tôi nghe được:

“... Có những từ ngữ mà người già các bác trước kia thường nghe, thường nói thì nay không còn trong từ ngữ của các cháu nữa. Và thế là tốt. Bây giờ các bác nói đến toà án, cảnh sát, quân đội, nhà tù, thuế khoá, thì các cháu chẳng mấy người hiểu cái đó là cái gì cả.

“Thời bác thì nước Cộng hoà của chúng ta là thuộc địa của Pháp. Trong nước, có những người giàu, và người nghèo. Người giàu là những kẻ hưởng tất cả, tuy gì cũng chẳng làm. Người nghèo là những kẻ gì cũng làm, mà chẳng được hưởng gì cả. Người nghèo phải chịu chết chóc cho người giàu khi nào bọn này bất hoà với nhau: cái đó gọi là *thuế máu*. Người nghèo làm ra được cái gì đều phải nộp cho người giàu: cái đó gọi là *thuế tiền*.

“VẬY NHÉ, BẠN TƯ BẢN DA TRẮNG LẤY NƯỚC TA LÀM THUỘC ĐỊA XONG, NÓ BẮT CÁC BÁC PHẢI NỘP CÁC THỨ THUẾ, MẶC DẦU CÁC BÁC NÀO CÓ CỦA NẢ GÌ ĐÂU. NỘP THÌ KHÔNG CÓ GÌ ĐỂ NỘP: ĐỂ KHỎI BỊ HÀNH HẠ, CÁC BÁC PHẢI BỎ TRỐN VÀO RỪNG. CHÚNG NÓ ĐEM CHÓ VÀ ĐEM SÚNG ĐUỔI THEO, CÁC BÁC ĐÀNH PHẢI ẨN VÀO MỘT CÁI HANG, NGÀY NAY GỌI LÀ HANG TUẤN NẠN.

“BỌN BÁC HƠN HAI TRĂM MẠNG, DÀN ÔNG CÓ, DÀN BÀ CÓ, TRẺ EM CÓ. CỨ TƯỞNG RẰNG NHƯ THẾ LÀ TẠM YÊN THÂN, NÊN MẶC DẦU PHẢI CHỊU ẨM, CHỊU TỐI, CHỊU ĐÓI, CỰC LẮM, CÁC BÁC CÓ Ý ĐỊNH CỨ NÁN LẠI ĐÓ CÀNG LÂU CÀNG HAY, VÌ BIẾT RẰNG BỌN NÓ VẪN RÌNH Ở NGOÀI HANG VỚI SÚNG ỒNG. HANG TỐI NHƯ BỤNG, NGÀY CŨNG NHƯ ĐÊM, BÁC CHẴNG BIẾT ĐÃ Ở TRONG ĐÓ BAO LÂU. CHẴNG TRÔNG THẤY GÌ HẾT, CHẴNG NGHE THẤY GÌ HẾT, TRỪ TIẾNG CHÓ SỬA DỮ ĐỘI, XA XÃM, NHẮC NHỞ RẰNG TÌNH THẾ VẪN HIẾM NGHÈO.

“Một ngày nọ, nói đúng hơn là một đêm nọ, các bác người thấy có cái mùi khét lẹt tràn vào chỗ nấu trong lòng đất. Mùi khét nặng lên nhanh và trở thành không chịu nổi. Gì thế? Chẳng ai biết... trẻ nhỏ thì khóc, đàn bà thì la, đàn ông thì chửi. Hoảng loạn! Chạy đi ư? Nhưng chạy đâu chứ? Khủng khiếp quá! Tiếng răng lập cập, tiếng thét xé tai, tiếng nấc, tiếng thân người đổ xuống, tiếng khóc điên rồ, làm cho cái xó tối ám khói đó hết như là một địa ngục.

“Bấy giờ bác ở tận cuối hang. Bác theo bản năng nhắm mắt, ngậm miệng, áp mặt vào vách hang. Như thế cảm thấy dễ thở hơn và ngủ đi lúc nào không biết. Tỉnh dậy thì có tia sáng chiếu chéo vào mặt, đây là một kẽ hở qua đất, nhờ đó mà bác thở được và thoát chết. Bác nhắm đào một lối ra phía đó, nhưng chỉ mệt xác vô ích. Bác bèn quyết định thôi đành liều mạng cứ phía cửa hang mà ra. Quờ quạng và giẫm qua hai trăm xác chết hun mới trở lại được với khoảng trời tự do.

“Bác ăn cỏ, ăn rễ cây, đi lang thang hết làng này sang làng nọ: cuối cùng thì được bố của đồng chí người da trắng này thu nhận về nuôi như con. Ông đã dạy dỗ bác theo những nguyên tắc của tình hữu ái và của chủ nghĩa Cộng sản: ông cũng đã cho bác biết tên thằng da trắng vì muốn thu thuế mà đã hun các bác chết ngạt một cách man rợ như vậy.

“Thằng hun khói, tên nó là Bruye, là đại diện của nước Pháp và là Công sứ ở Hauxa”.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 20/7/1922 Bản dịch:
Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà
xuất bản Văn học, Hà Nội, tr. 45 - 48.

SỞ THÍCH ĐẶC BIỆT

Từ khi đến Pari, Khải Định, Hoàng Đế nước "An Nam" đã thành mục tiêu bao vây theo như thường lệ của một số bà buôn sơn bán phấn. Họ đã dâng lên Ngài Ngự nhiều bức thư nồng nàn tình tứ và nhiều tâm ảnh khêu gợi. Nhưng Khải Định vốn là bậc hiền triết! Ngài Ngự bèn truyền đem tất cả thư và ảnh ấy vứt vào sọt rác, và ai hỏi, Ngài cũng đều từ chối không trả lời gì hết.

Ông Anbe Xarô đã trả lời một mỹ nhân hỏi về việc đó như sau:

- Ấy, Hoàng thượng Ngài có những sở thích rất đặc biệt.

Bà này rất đổi ngạc nhiên và muốn hỏi căn cớ thêm, nhưng ông Bộ trưởng Bộ thuộc địa đã đành trống lảng:

- Hoàng thượng Ngài chỉ thích đọc sách thôi.

Bà ta lại hỏi:

- Thế hiện giờ Hoàng thượng đang đọc gì?

Ông Anbe Xarô trả lời:

- Hoàng thượng đang đọc Platon⁽¹⁾

(Bảo Nghe lỏm).

Bảo rằng Hoàng đế Khải Định là bậc hiền triết, điều đó ta không nghi ngờ gì cả. Nhưng hiền triết thì cũng không phải là không cần lễ độ, và chúng tôi mạn phép kính tâu Hoàng thượng rằng cử chỉ của Hoàng thượng dù uy nghi đến đâu chẳng nữa, nhưng vẫn hoàn toàn thiếu lịch sự. Riêng chỉ nghĩ rằng những bà lịch sự kia, vì ham chuộng những chuyện vua chúa mà bị khinh miệt một cách phũ phàng như thế, ắt không khỏi sẽ trút tất cả mối căm thù ghê gớm của các bà vào những thân dân của Hoàng thượng, là người ta cũng đã run lên rồi. Quan lớn Bộ trưởng vốn là một nhà có tài ăn nói. Ông lại rất am hiểu chữ nghĩa của nước ông. Thế mà câu ông trả lời mỹ nhân lại rất

(1) *Platon* (khoảng 427 - 347 trước công nguyên): nhà triết học duy tâm thời cổ đại Hy Lạp, nhà tư tưởng của chế độ chiếm hữu nô lệ. Tư tưởng duy tâm khách quan: thế giới của ý niệm có trước, sinh ra thế giới của những vật có thể cảm giác: vật chỉ là cái bóng của ý niệm, cảm giác không thể là nguồn gốc của tri thức chân thực: nguồn gốc của tri thức chân thực là hồi tưởng của linh hồn bất diệt của người đối với thế giới ý niệm: linh hồn bất diệt đã quan sát thế giới ý niệm trước khi trú ngụ ở thân thể người (sẽ chết).

mập mờ. Ông dùng chữ “sở thích đặc biệt”, thật ra là muốn nói gì nhỉ? Có phải ngẫu nhiên mà, mặc dầu vừa mới chân ướt chân ráo tới cái thành phố ánh sáng này, Đức Hoàng thượng rất ư thông thái và đầy tâm hồn nghệ sĩ đã làm quen được ngay với một nghệ sĩ nổi tiếng và một thi sĩ lừng danh rồi chẳng? Đặt câu hỏi như thế, chính là đã trả lời rồi đó. Sau khi mỹ nhân muốn hỏi cặn kẽ thêm và sau khi quan lớn Bộ trưởng đánh trống lảng, thì cái câu nói mập mờ rất hùng biện kia vẫn còn tiếp tục thêm rằng: tuy trong chữ *Théétète* là có chữ *Thé*⁽¹⁾ (như *Vichito Huygô* từng nói), chúng ta vẫn không tin rằng Hoàng thượng lại hạ cố đến những tác phẩm của người thầy học của *Arixtôt*, và Hoàng thượng vẫn luôn luôn phải có người thông ngôn mới hiểu được tiếng Pháp (và cả tiếng Hy Lạp nữa) kia mà. Cho nên khi ông Bộ trưởng nói rằng Hoàng thượng hiện đang đọc *Platông* là ông chưa nói hết chữ mà ông định nói: chắc là ông định nói chữ “*platô... ních*”⁽²⁾ đấy mà.

Amicus Plato, sed magis amica veritas⁽³⁾.

Và chúng tôi xin trả lời:

"Ông bạn *Platông* ơi, Hoàng thượng ngài chỉ thích xem thôi".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1/8/1922.

Bản dịch: Nhà xuất bản sự thật, *Lên
án chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội 1959
tr 26 - 28;

(1) *Théétète*: tên một bài đối thoại của *Platông* bàn về tri thức và cơ sở của tri thức. Tác phẩm này được *Platông* viết vào khoảng năm 369 trước công nguyên. Tác giả viết câu này để nói ý rằng chữ “*platông*” đang còn dở vắn.

(2) *Platônich (platonique)*: Ở đây tác giả dụng ý nhắc tới danh từ “*Amour platonique*” có nghĩa là tình yêu theo kiểu *Platông* (*Platon*). Nhà triết học Hy Lạp cổ đại này có bàn về một thứ tình yêu cao thượng, nam và nữ yêu nhau trong sự hoà đồng vào tinh thần thượng đế, đó là một thứ tình yêu thuần tuý có tính chất tinh thần, phi vật chất. Về sau, nhắc đến tình yêu kiểu *Platông* người ta hiểu là tình yêu không có sinh lý. Ở đây tác giả dùng từ này có ngụ ý châm biếm là *Khải Định* đã bị bắt lụy về sinh lý (vì đã quá trác táng).

(3) Cả câu này nghĩa là: “Tôi rất yêu quý *Platông*, nhưng đối với tôi, sự thật còn quý hơn nhiều”. Đây là một câu châm ngôn rút trong tác phẩm của *Amônius* nhan đề *Cuộc đời của Arixtôt*.

Arixtôt (khoảng 384 - 322 trước công nguyên): nhà triết học duy vật thời cổ đại Hy Lạp. Ông thành lập trường *Lyxê* ở *Aten* giảng dạy 12 năm. Là một bộ óc bách khoa, *Arixtôt* để lại nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về triết học, sinh vật học, đạo đức học, thi pháp và có ảnh hưởng to lớn, lâu dài trong nền văn minh châu Âu.

ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ

- Đi chợ nào đây, anh Hai?

- Đi chợ Đông. Thế còn anh, anh Ba?

- Tôi cũng vậy. Thế có món hàng gì quý trong đôi thùng bánh ấy thế?

- Vàng mã cúng ông vải ạ. Còn anh, anh có cái gì hay hay cho khách hàng nào?

- Trầu non để làm thơm và để nhuộm hồng miệng xinh của các chị chàng đẹp đấy.

Thế rồi hai anh bán hàng im bật. Mặt trời đứng bóng chiều ướt dẫm những bắp tay, bắp chân lực lưỡng gần như để trần của hai anh. Bốn chiếc thùng nặng nề đựng đưa ở đầu hai đòn gánh tre đặt ngang trên vai chấy nắng. Bụi cuốn lên quanh bước chân thoăn thoắt thành một thứ màn sương, làm cho mọi cử động của hai anh mờ ảo và nhìn xa lại còn có vẻ mỹ thuật là khác.

- Nghe này, người anh em! Ba nói

- Tai tôi đang lắng nghe lời anh dạy. Hai đáp.

- Hai ta cùng đi một chợ này, theo cùng một con đường này, lại có cùng một mục đích - là bán hết hàng, cùng một chí hướng - là làm ăn lương thiện kiếm miếng cơm. Phải thế không nào?

- Anh nói muôn nghìn lần đúng.

- Thế có muốn hai ta kết làm anh em không? Có muốn hai ta cùng nhau giao ước thất tình hữu ái, và, ngay từ hôm nay, khuyên bảo lẫn nhau, thấy đây làm gì thì đó làm theo, mà đó đã bảo gì thì đây cũng làm y: nói tóm lại, là giữa hai ta có sự đồng tâm nhất trí.

- Anh dạy thật là chí lý, xin vâng theo.

- Thế thì, nào! Chú mày, đường còn xa, chúng ta hãy thay phiên nhau hát, cho đôi cánh bồng trầm nên cơn mệt mỏi nhé.

- Ông anh hát trước đi.

Kon-mèo trèo lên cây CAU

Hỏi thăm kon-chuột đi ĐẤU vắng nhẢ?

*Thưa rằng đi chợ đường xa
Mua đồ vật liệu giỗ cha kon - mèo⁽¹⁾.*

- Khôn ngoan hơn cường bạo, kẻ yếu thì chỉ có cách đó để tự vệ. Hai nói, ra về hiền triết lắm. Rồi, giọng u sầu, anh ngân nga:

*Trông lên hòn núi Thiên Thai
Thấy bầy chim quạ ăn xoái chín cây⁽²⁾*

- Bài chú hát, sao nghe buồn quá! Nhưng mà sự thật là thế. Ở đâu cũng cứ thấy cái giống chim chóc⁽³⁾ biếng lười, nó chẳng chịu làm lụng gì cả, chuyên bòn của người khác làm ra mà ăn. Mà ơ này! Dòng sông có cát mịn, có làn nước trong veo đây rồi! Nhớ nhúng đôi thúng xuống cho hàng thêm tươi tốt lúc qua sông.

Một lời đã hứa, Hai, anh bán đồ giấy, làm theo không chối cãi.

Qua khỏi con sông, anh Hai bảo:

- Ánh sáng là mẹ đẻ của mọi tốt lành, mà mặt trời thì lại là cha của ánh sáng. Vậy, anh à! Ta hãy phơi hàng một lát dưới ánh mặt trời tốt lành làm cho hàng lên màu, khách mua thêm hài lòng, ta bán được giá hời.

Vừa nói, Hai vừa bày chỗ hàng bằng giấy bồi của mình lên ven đường nóng bỏng, rồi đến nghỉ dưới bóng cây.

Một lời đã hứa, Ba, anh bán trâu không, làm theo không chối cãi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 29/9/1922. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Tác phẩm mới*, số 58, tháng 2/1976, tr.1.

(1,2) Nguyên bản tiếng Pháp có trình bày những bài hát dân gian này bằng tiếng Việt kèm theo bản dịch sang tiếng Pháp, bản thân cách dịch đã ít nhiều giải thích ý nghĩa hàm ở trong. Dịch sát nghĩa và thoát, nhưng có thêm thắt đôi chữ giúp độc giả phương Tây lĩnh hội được dễ dàng và chính xác hơn ý tứ của những bài hát: *Seigneur Chat, vilains corbeaux v.v...* (gọi mèo bằng *Chúa*, chỉ quạ là *xấu xa*, v.v...).

Tác giả lại còn nhân dịp giới thiệu nhẹ nhàng cả vài đặc điểm hình thức của thơ ca Việt, như viết bằng chữ cái cho nên nổi lên những vần bộ ba ở chân và ở lưng những câu lục bát đã sử dụng, v.v...

Tác giả thường dùng chữ *k* thay chữ *c* với dụng ý cải tiến chữ quốc ngữ. Riêng ở đây, không phải thế, vì cây, cau, vốn viết chữ *c*. Ở đây tác giả ý nhị muốn tránh liên tưởng bất tiện trong tiếng Pháp, khi dùng có dụng ý chữ *k* để viết *kon*, đồng thời dùng gạch nối trong "con mèo", "con chuột" để chỉ rõ con ở đây không có nghĩa riêng (con có nghĩa tục tĩu trong tiếng Pháp).

(3) Trong tiếng Pháp, con chim (*oiseau*), đặc biệt con chim xấu xa (*vilain oiseau*), thường được dùng để chỉ hạng người bỉ ổi.

NHỮNG NGƯỜI BÀN XỬ ĐƯỢC “UA CHUÔNG”^(*)

Năm 1604, có một tên người Anh tên là Sếchxpia⁽¹⁾, vốn là một nhà văn chuyên nghiệp, ông ta có nhã ý đưa ra một vở kịch mà vai chính là một người da đen. Người da đen này tên gọi Ôtenlô, quả thật là một anh hùng, một anh hùng thật sự. Anh hùng Ôtenlô đã từng chinh chiến nhiều, nhưng không phải là đánh Các-păng-giê, cũng không phải vì anh là người dưới trướng của tướng Măng-gi-anh, và lại hồi đó vẫn chưa nổ ra cuộc chiến tranh vì “công lý” - mà là đánh những cường quốc hiếu chiến ở châu Âu và châu Phi. Ôtenlô làm thống soái của quận công xứ Vênixi. Cứ theo lời ông Viviani nói thì trên mái tóc xoắn của Ôtenlô đã có biết bao nhiêu vòng hoa chiến thắng. Nhưng chiến công lớn nhất của Ôtenlô là đã chiến thắng được Đê-xê-môn-ia.

Đê-xê-môn-ia không phải là một thành phố Đức, cũng không phải là một thuộc địa đâu. Đó chỉ là một tên cô gái dịu dàng, xinh xắn, đầy hạnh phúc, con của nguyên lão nghị viện Brabanxiô. Ôtenlô đã chiếm được trái tim nàng bằng cách tỉ tê kể lại cho nàng nghe lịch sử cảm động của đời mình, lịch sử những trận đánh vĩ đại, những trận vây thành dài đằng đẳng, những chiến công rực rỡ, tóm lại là những tán tỉnh hay ho gì đó! Biết cha mình vốn chức tước như thế thì sẵn có nhiều thành kiến, nhất là thành kiến chủng tộc, nên nàng Đê-xê-môn-ia hiền hậu chỉ một lòng nghe theo tiếng gọi của tình yêu, nàng quyết lấy chàng da đen làm chồng mà không cần đến ý kiến của cha.

Trong vở kịch này, những người da trắng như tay thám tử Iagô và anh chàng Rô-đrigo bị khinh bỉ, đều không đóng một vai gì choáng loáng, mà chính họ lại là những vai đen tối nhất. Song việc đó chẳng can gì đến chúng ta.

(*) Nguyên văn: “Endigènes à la mode”, nếu dịch sát nghĩa thì là: “Những người bản xứ theo mốt”, theo thời thượng, tức là những người bản xứ được người ta nhắc tới nhiều trong một thời gian nào đó như là một cái mốt”.

(1) Uy-li-am Sếch-xpia sinh ngày 23/4/1564 ở thị trấn Xtơ-rét-pho trên bờ sông Evôn, nước Anh, mất ngày 23/4/1616, trùng với ngày sinh. Sếch-xpia bắt đầu sáng tác từ năm 1590, trong vòng 22 năm, ngoài một số thơ, đã sáng tác 38 vở kịch. Sự nghiệp sáng tác của Sếch-xpia có thể chia làm ba thời kỳ: 1590 - 1601; 1601 - 1608; 1608 - 1612. Sếch-xpia sáng tác vở kịch *Ôtenlô* vào giai đoạn thứ hai trong cuộc đời văn nghiệp (1604, như chính Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ghi ở dòng đầu bài viết).

310 năm đã trôi qua⁽¹⁾. Người bản xứ lại được đưa lên sân khấu: nhưng đây là sân khấu chiến tranh⁽²⁾. Tác giả lần này giấu biệt tên tuổi, tìm cũng chẳng thấy: song các vai trò dù là vai chính hay vai phụ, anh hùng hay không, nhưng vì quá thành tâm đóng vai trò của mình, nên phần đông đã nằm lại trên sân khấu. Thật là một tấn bi kịch! Năm 1922, lại thấy xuất hiện những người bản xứ được ưa chuộng. Ta không nói đến người Batuala, con người được phong tặng, và Xiki, kẻ ân nhân của khoa học làm gì. Ta chỉ nói đến những người bản xứ đã thích ứng được, hoặc được thiên hạ thích thú.

Bị trời gô vào cột buồm tàu và được đi làm quân tình nguyện ở châu Âu, đánh phurong man rợ để “bảo vệ văn minh”, nhưng một khi được đến xứ văn minh rồi, thì những người bản xứ của ông Têry lại được cái thú tha hồ nếm trái cây trong vườn cấm”. Những người bản xứ còn sống sót sau cuộc tàn sát 1914, cũng như những người bản xứ còn sống sót sau đại chiến 1914 - 1918, đều có thể tự hào rằng vì dân chủ, vì quyền lợi của chủng tộc cao đẳng, họ không những đã hiến đời mình, xương máu mình, mà còn hiến cả niềm tin của mình nữa.

Ông Séchxpia trước kia lấy làm hài lòng thấy người dân bản xứ trong vở kịch của mình đã đang hoàng lấy được cô gái mẫu quốc. Còn ông Têry ngày nay thì chỉ nhận thấy có một điều là người bản xứ của ông rất đặc lực để góp phần làm cho dân số phình lên bằng cách làm phình bụng các cô nàng da trắng. Ông Xasa Ghitory còn đi xa hơn nữa. Ông muốn người bản xứ phải được “văn minh” hoàn toàn. Ông muốn họ phải cấm sùng các ông chồng da trắng cơ! Ông đã hoàn toàn toại nguyện, vì chín tháng sau cuộc “chinh phục”, bà Mácgorit Êđenoayê đã sinh hạ được một cậu bé bản xứ. Nhưng chúng ta lấy làm tiếc rằng ông Êđenoayê đã không hoan nghênh chú bé bản xứ đó cho lắm. Vốn là một nhà yêu nước từ đầu đến chân, nên ông ta muốn rằng chú bé màu da sôcôla kia ra đời giá đừng có nhăn nhui và bé nhỏ như thế, mà lại là một người râu ria xồm xoàm, ba lô trên lưng, súng trên vai để “bảo vệ đất nước”, thì quý biết nhường nào.

Ngay cả các trang tiểu thuyết đăng trên báo, người bản xứ cũng đã giành được địa vị của mình. Ông Angiabe, ấy xin lỗi, ông Anbe Giăng chứ - đã chẳng kể chuyện triển lãm Mácxây là gì? Có một chàng Việt Nam kia làm nghề kéo xe đã lọt được vào mắt xanh của một bà đầm xinh đẹp nọ. Sau khi đi thăm triển lãm về, bà bèn cho gọi anh xe đến phòng ngủ lộng lẫy của bà, và vân vân... Người yêu bị cấm sùng của bà bỗng nhiên tới. Bối rối, lẩn núp, vân vân... Nhưng câu chuyện lại ở chỗ khác kia. Nguyên là chàng công tử kia đã đánh

(1) Tức là tính đến năm 1914.

(2) Đây là chỉ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918).

cấp được một viên ngọc bích ở gần triển lãm Đông Dương, và đến để khoe với người ngọc của mình (Ồi! Liêm khiết vậy thay!). Người Việt Nam kia đứng nấp đằng sau trông thấy quả tang hành vi đầy tội lỗi, liền nháy ra đánh cho anh chàng ăn cắp ngã gục, rồi mang vật quý về gian triển lãm.

Không kể các điệu nhạc khiêu vũ và các cuộc triển lãm thuộc địa đã làm cho anh em thuộc địa chúng ta tự hào một cách cách chính đáng, chúng ta lại còn lấy làm sung sướng được biết rằng từ sang năm trở đi, tất cả các bà đầm thuộc giới lịch sự, sẽ mang một cái gì của chúng ta trên người và trong người họ: các cửa hàng thời trang to lớn ở Pari, sang xuân tới, sẽ tung ra những kiểu vải thuộc địa và kiểu quần áo thuộc địa. Người ta sẽ đặt cho những bộ áo mặc trong nhà và các quần áo khác đủ thứ tên nào là: Thị Ba, Bămbara, Uôlốp, Lumpholúp, v. v...

Hỡi những người con của thuộc địa! Ngày vinh quang đã đến rồi⁽¹⁾.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 15/1/1923.

Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội, 1959, tr. 47 - 50.

(1) Câu kết này nhại lại theo câu đầu trong bài quốc ca Pháp: "Allons! Enfants de la Patrie, le jour de gloire est arrivé!" (Hỡi những người con của Tổ quốc! Ngày vinh quang đã tới rồi!).

NÓI VỀ LOÀI CẦM THÚ

Thật chúng tôi đã nghĩ đến nát cả bộ óc người da vàng của chúng tôi ra, cũng không tài nào tìm thấy cái lẽ vì sao mấy ông bà người Pháp lại thành lập một tổ chức kỳ cục là Hội bảo trợ loài vật. Trước hết, chúng tôi sờ dĩ không sao tìm ra được nguyên nhân đó, vì chúng tôi thấy hiện nay còn có biết bao nhiêu là con người cùng khổ đang đòi hỏi được người ta săn sóc đến họ một chút mà cũng chẳng được. Sau nữa vì những con vật đó không đáng được thương yêu đến thế, mà chúng nó cũng có khổ sở gì cho cam. Trừ con sư tử đen là có ích cho những người có thói quen xỏ chân vào giày da thú, còn hầu hết những con vật đó đều độc ác, rất độc ác.

Cái con chó ngắn mõm⁽¹⁾ chẳng đã chạy đến nhe bộ răng khả ố của nó ra mà xé toạc cả cơ cấu của Hội nghị Pari đó sao? Thành thử con khỉ phòlamăng và con gà sống gôloa phải một mình đương đầu với con phượng hoàng giéc-manh ở miền Ruya⁽²⁾. Trong khi hãy còn bị xích cổ, thế mà con Hổ⁽³⁾ chẳng đã nhá nghiêng mắt nhiều bộ của nước Cộng hoà đó sao? Người ta chẳng đã phí hàng mấy triệu, mấy tỷ để nhờ hai ông bạn vinh quang của chúng ta là Côtôchắc và Vorăngghen⁽⁴⁾ mua hộ da con gấu Mạc Tư Khoa là con vật ngày nay hơn bao giờ hết nó không thích để cho người ta tùy ý muốn làm gì thì làm sao? (Chao! con vật mới quái chứ).

Trong số các bạn hữu ở chính quốc của chúng ta ai là người không phải phàn nàn, về tai hại do loài điều hầu⁽⁵⁾ gây ra? Loài quạ⁽⁶⁾ mà lại chẳng phải là những kẻ phá hoại tai hại trong địa hạt tinh thần à? Còn những con mọt già⁽⁷⁾ thì còn làm được việc gì ngoài cái việc chỉ chuyên tìm cách lợi dụng những sự

(1) Con chó ngắn mõm: ám chỉ nước Anh lúc đó.

(2) Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, vấn đề miền Ruya, một khu vực công nghiệp than và luyện kim quan trọng của Đức, là khâu chính trong những mâu thuẫn giữa các cường quốc châu Âu. Tháng giêng năm 1923 Pháp muốn nắm ưu thế ở châu Âu đã cùng với Bỉ chiếm đóng miền Ruya của Đức. Con khỉ phòlamăng và con gà sống gôloa ở đây ám chỉ Bỉ và Pháp.

(3) Con Hổ ở đây ám chỉ Clê măngxô, một chính khách Pháp và là Bộ trưởng Bộ chiến tranh. Trước đây, Clê măngxô cho xuất bản tờ báo *Người tự do* để dă kích chính phủ. Sau khi báo đó bị cấm, Clê măngxô cho ra tờ *Người bị xiềng xích*.

(4) Côtôchắc và Vorăngghen: hai tên tướng phản cách mạng ở nước Nga sau cách mạng Tháng Mười.

(5) Điều hầu: tượng trưng bọn cho vay nợ lãi, cho thuê nhà theo giá cắt cổ.

(6) Loài quạ: chỉ bọn bóc lột.

(7) Nguyên văn: *Poules de luxe*.

bất hoà và những chuyện xích mích trong xã hội? Lại còn con vật nào đó chẳng đã vô si đến nỗi muốn cho phép tất cả chàng rể lão xược cứ việc dùng tên nó để gọi mẹ vợ họ đó sao? Bọn mèo quý phái⁽¹⁾ há chẳng thật sự là những kẻ đã dập tắt cả hạnh phúc gia đình của nhiều nhà đó ư? Và những con chuột cống ở khách sạn⁽²⁾ chẳng đã là những kẻ thù muôn thuở của tất cả những người đi du lịch đó sao?

Chưa kể đến chó sói lúc nào cũng là kẻ có lẽ phải vì là kẻ mạnh hơn, và những con chiên ghê là một mối tai hoạ cho cả một xã hội trung thực, chúng tôi... Nhưng trước khi kết thúc, ta hãy nói một chút về những con vật ở thuộc địa.

Đúng giữa lúc ông Ghinan chuẩn bị để nhờ ông Mănggianh chuyển lên Viện Hàn lâm khoa học một bài nghiên cứu về việc sử dụng da cá mập thì ông Anbe Xarô lên đường đi đảo Chó⁽³⁾ đọc một bài diễn văn bộ trưởng của ông tại xưởng ướp cá thu Xanh Pie và Micolông, còn về phần ông Xitorôen thì ông cho “con Sâu”⁽⁴⁾ khai hoá của ông bò xuyên qua Xahara. Hai cuộc đi công cán này - việc công và việc nửa công nửa tư - chắc hẳn thế nào cũng sẽ thu được kết quả tốt đẹp mà người ta có quyền chờ đợi: tức là làm cho con chuột đẻ ra những quả núi và củng cố địa vị của những con cá mập thực dân.

Người ta thường quên rằng các nhà bảo hộ của chúng ta lúc nào cũng thi hành cái chính sách của loài đà điểu⁽⁵⁾. Nhưng làm to rồi các bạn ạ! Chả phải thế đâu, này nhé: chỉ có nhận lời mời của chú cá nục ở Hải cảng cũ thôi mà chính phủ thuộc địa đã không ngần ngại một chút nào mà không chi tiêu:

1 - Đông Dương	13.190.846	frăng
2 - Tây Phi thuộc Pháp	5.150.000	-
3 - Châu Phi xích đạo thuộc Pháp	348.750	-
4 - Camorun	390.000	-
5 - Madagátxca	1.837.000	-
6 - Máctinich	108.000	-
7 - Guyadôlúp	55.000	-
8 - Guyan	62.000	-

(1) *Chat's - fourrés*: nghĩa đen là những con mèo lông xù, nghĩa bóng chỉ bọn quan toà.

(2) Nguyên văn *Rats d'hôtel*: chỉ bọn chuyên trộm cắp hành lý của khách trọ.

(3) Nguyên văn: *L'île aux Chiens*.

(4) Nguyên văn *Chenille*: nghĩa đen là con sâu. Về cơ khí, đó là xe tăng. Thường dùng để gọi tất cả các xe chạy bằng vòng xích.

(5) Nguyên văn *Politique d'autreche*: chính sách đà điểu. Đà điểu, một loại chim lớn ở miền sa mạc châu Phi, cao tới 2m50, chạy nhanh và có một dạ dày rất khoẻ. Từ ngữ *Estomac d'autruche* nghĩa là dạ dày đà điểu, tiêu hoá được tất cả các thứ. Chính sách đà điểu ngụ ý nói chính sách vơ vét tham tàn của bọn thực dân.

9 - Tân đảo Calidoni	75.000 -
10 - Tân Hêbrit	60.000 -
11 - Châu Úc	65.000 -
12 - Ấn Độ	135.000 -
13 - Xô-mali	97.000 -
14 - Đảo Rêuyniông	85.000 -
15 - Xanh Pie và Micrôlông	14.000 -

để đưa vài con lạc đà, vài con bò cái và vài con cá sấu từ các thuộc địa về thành phố Mácxây.

Lại cũng phải thừa nhận rằng các nhà đi khai hoá của chúng ta đã không từ một sự cố gắng nào để cấm cho mấy con chim sẻ bản xứ - rất dễ bảo và rất ngoan ngoãn - vài cái lông công làm cho chúng trở thành những con vẹt hay những con chó giữ nhà. Và nếu nhân dân châu Phi và châu Á mà được “hoà bình” và “thịnh vượng” đến như thế này, thì chính những vị “đi gieo rắc dân chủ” không biết một mối đó là những con nhặng đánh xe⁽¹⁾ chứ còn ai vào đó nữa?

Nói tóm lại, số phận của tất cả những con vật ấy tương đối đã dễ chịu. Vậy, nếu các hội viên của cái hội cao cả là Hội bảo trợ các loài vật cần phải giết thì giờ, thì nên chăm sóc đến những con khi bị bác sĩ Vô-rônốp làm cho đau đớn và đến những con cừu dân bản xứ khốn khổ kia luôn luôn bị hót trụi lông, đó có lẽ lại là một việc ích lợi hơn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1/2/1923.

Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I, Hà Nội, 1980, tr.

117 - 121.

(1) Nguyên văn *La mouche du coche*: con nhặng trong câu chuyện ngụ ngôn của La Fonten, mỉa mai những kẻ tự cho mình là kẻ đi khai hoá, chẳng khác gì những con nhặng tự khoe mình đã có công đẩy chiếc xe nặng vượt khỏi đường dốc.

“VI HÀNH”^(*)

Trích *Những bức thư gửi cô em họ* do tác giả tự dịch từ tiếng Nam.

- **H**ắn đấy!
- Đâu phải!

- Đúng mà! Anh đã bảo là chính hắn đấy.

- Chắc thật à? Em thì em đã thấy hắn ở trường đua, trông hắn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quần khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.

- Thế hay là hắn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kia! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xéch ấy, vẫn cái mặt búng như vỏ chanh ấy đấy à⁽¹⁾?

- Ủa nhì. Thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hắn đến đây làm gì nhì, trong đường xe điện ngầm này, và tụi các ông quan bà kiếc⁽²⁾ đi theo thì đâu cả?

- Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lý nhà ga, để đi chơi vi hành đấy.

Đấy, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi: họ ngầu ngĩnh trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

- Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? Người con trai hỏi, ngờ tôi là một đẳng Hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

(*) *Vi hành*: đi nhỏ. Danh từ vi hành thường dùng để chỉ việc vua chúa ngày xưa cải trang thành người dân thường đi vào trong dân chúng mà không ai biết, để thám sát tình hình xã hội, hoặc để ăn chơi bậy bạ mà vẫn không bị lộ mặt. Danh từ này được dùng để dịch từ Pháp “incognito” (có nghĩa là không ai biết). Tác giả có ý nói Khải Định đã đi vi hành ở Pháp để trác táng. Điều này có thực hay không thì chưa rõ. Nhưng có điều chính phủ Pháp đã cử người theo dõi những người Việt yêu nước chẳng khác gì cử những vệ sĩ bám sát và bảo vệ nhà vua vi hành (xem thêm phần chú thích ở cuối bài).

(1) Quả chanh ở châu Âu vỏ màu vàng búng.

(2) Chơi chữ, do trong tiếng Pháp, “*mandarin*” có nghĩa là ông quan và “*mandarine*” có nghĩa là quả quýt, trong khi theo quy tắc từ vựng học thì, bình thường ra, muốn chuyển giống đực sang giống cái phải thêm *e* sau từ chỉ giống đực. Chỉ chuyển được phần nào ý đùa sang bản dịch tiếng Việt. Có thể dịch: “ông quan bà quýt”.

- Hân còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hân đeo lên người hân đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm, người bạn gái anh ta trả lời.

- Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

- Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chúng ta nào?

- Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găngbe đã bán rồi. Cái ruộng của Hêra Miecten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm, vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta⁽¹⁾ sắp cạn ráo như B. Đ. D⁽²⁾ vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

- Đổi xe⁽³⁾ ở đây chứ anh yêu ơi!

- Không, ga sau. Đùng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

- Em thì em thích Sác lô⁽⁴⁾ hơn. Với lại, vua thì tốn lắm.

- Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở Nhà hát Ca vũ đấy chứ? Phải trả những nghìn rưỡi frăng để xem vợ lẽ, nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư thánh xứ Cônggô⁽⁵⁾. Hôm nay thì chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh? Nghe nói ông bầu Nhà hát Múa rối⁽⁶⁾ có định ký giao kèo thuê đấy...

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng dưng ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuần, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ⁽⁷⁾. Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga⁽⁸⁾ đi làm thợ và

(1) Nhà cầm quyền các nước tư bản thường dùng những tin "thời sự" giật gân để làm cho quần chúng xao lãng đấu tranh chính trị. Mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều lý kỳ đã xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ.

(2) B. Đ. D: Băng Đông Dương, Nguyên bản: B. I. C. (Banque d'Indochine).

(3) Tiếng Pháp chỉ nói "đổi": thường nói "đổi xe", nhưng thật ra là "đổi tuyến xe". Hệ thống xe điện ngầm Pari gồm nhiều tuyến gặp nhau ở một số trạm nhất định, ở đó có thể chuyển từ tuyến này sang tuyến khác.

(4) Sác lô: vai hề nổi tiếng của điện ảnh do diễn viên kiêm đạo diễn thiên tài người Anh Sác li Saplin (1889 - 1977) sáng tạo.

(5) Cả danh hiệu "sư thánh" đạo Hồi ("marabout") cả tên nước Công - gô ở đây đều là phiếm chỉ.

(6) Ghinhon (Guignol) trong nguyên bản tiếng Pháp. Đó là tên vai chính trong trò rối, sau dùng rộng rãi để chỉ con người ngây ngô hoặc câu chuyện lố lăng. Ghinhon lại còn có nghĩa là Nhà hát Múa rối.

(7) Thuần: Một trong những vua thần thoại Trung Quốc cổ, tiêu biểu cho con người đạo đức, vua chúa có lòng nhân.

(8) Pie nước Nga: tức Piôt Đại đế, vua Nga ở cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, đã đi thăm và học nghề ở Tây Âu để rồi về nước kiên quyết thực hiện cải cách, làm cho nước Nga phong kiến trở nên hùng mạnh.

đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng vi hành đấy.

Tôi không được rõ ý đồ nhà “vi hành” của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Aléchéxăng đê Nhất⁽¹⁾, có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám “dân”⁽²⁾ bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, giờ ngài lại muốn ném thử cuộc đời các gã “Công tước bé”⁽³⁾?

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đấng Hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng thế là cái bánh xe vô lượng⁽⁴⁾ nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hoá, thì bây giờ đến lượt tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng “hắn đấy!” Hay “xem hắn kia!” Là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, chính phủ bèn đối đãi tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thâm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá có được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập

(1) *Aléchéxăng đê Nhất*: Ở đây nhằm chỉ Minlơrăng, tổng thống Pháp lúc bấy giờ. Gọi tổng thống Pháp theo kiểu chỉ vua chúa: “Aléchéxăng đê Nhất”, là để nhấn mạnh tính hài hước của đoạn văn. Tác giả có dụng ý vạch rõ rằng, với tâm suy nghĩ kềm của Khải Định, thì bất cứ ai đứng đầu một nước cũng đều làm vua cả.

(2) *Dân* được viết bằng tiếng Việt (có dịch) trong nguyên bản tiếng Pháp.

(3) *Tiểu công (petit - duc)* hay *Công tước bé*, trong nguyên bản tiếng Pháp. Thực tế trong phẩm trật phong kiến ở Pháp không có tước hàm *petit - duc*. Ở đây tác giả chơi chữ rất tế nhị: tiếng Pháp vốn có thành ngữ coi những ông hoàng Nga, mà tước hiệu là Đại công (*grand - duc*) là những tay ăn chơi như bọn Đại công tước ở châu Âu được và dành giữ thân phận như một Tiểu công tước. Ngoài ra, trong tiếng Pháp, *grand - duc* và *petit - duc* lại là những danh từ chỉ hai loài cú vọ nữa, to nhỏ khác nhau. Và như vậy thì dùng chữ *petit - duc*, tác giả có ngụ ý gọi Khải Định như một loài cú vọ.

(4) Bánh xe vô lượng: nguyên văn là “la roue de l'impondérable”.

chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy để giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuống cả lên nếu mắt hút tôi chỉ trong dăm phút⁽¹⁾. Cô thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 19/2/1923, Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 25 - 29.

(1) Trong đoạn văn này, những “người phục vụ” mà tác giả gọi là “các vị” dùng để ám chỉ bọn mật thám Pháp được chính phủ Pháp cử đi bám sát và theo dõi những người yêu nước Việt Nam, đặc biệt là trong thời gian Khải Định ở Pháp, vì sợ họ có những hành động chống lại chính phủ và tên bù nhìn, những hành động có thể gây chấn động dư luận Pháp. Tác giả lại có ngụ ý ví bọn này như bọn quan hầu, vệ sĩ bí mật đi theo bảo vệ những vua chúa đi vì hành.

VIỆN HÀN LÂM THUỘC ĐỊA

Ông bạn Xôra của tôi là một người dễ thương, mặc dầu ông đã ở thuộc địa lâu năm. Nhất là ông lại hóm hỉnh, điều hiếm thấy trong giới ông. Ông có thói quen lạ là khi nói, gặp vần nào bắt đầu bằng chữ Th hoặc H⁽¹⁾ là cứ lặp lại hai lần, làm cho cách nói của ông trở nên ngọt ngào và thú vị khác thường.

Hôm nọ ông đến thăm tôi. Chỉ nhìn đôi mắt ông nấp sau đôi mực kính to tướng, tôi đoán ngay ra ông sắp sửa ba hoa một điều gì đây. Quả như thế. Ông bắt tay tôi, hỏi ngay:

- Một Viện Hàn... hàn lâm khoa Thuộc... thuộc địa đã được thành lập, ông biết rồi chứ?

- Biết. Vâng, thì sao nào?

- Ở đây có một ban Địa lý, một ban Mỹ nghệ, một ban Giáo dục, nghĩa là có bao nhiêu người cần thu nạp thì có từng ấy ban. Nhưng vẫn cứ còn thiếu một ban, một ban quan trọng nhất khiến một viện có tầm cỡ nổi hẳn lên.

- Là ban gì kia?

- Tôi gọi là ban Đạo lý thuộc... thuộc địa

- Để ngài Xôra làm trưởng ban chứ gì?

- Không! Tôi đâu có thứ Hàn... hàn lâm, song tôi có danh sách những người “lương thiện”, “liêm khiết”, “yêu nước” xứng được đề nghị đưa vào hàng bất hủ hay bất tử như người ta thường gọi. Đây là họ, tên, nghề nghiệp của những người tôi đề cử:

- Các ông:

Angêrê Bắctôlô, Thượng nghị sĩ quận Xen, quân đốc tuyến đường sắt từ Cônggô Thượng tới vùng Biển Hồ châu Phi.

Lêông Sanhô, Thượng nghị sĩ quận Krôz, quân đốc Công ty vận tải ở Marôc.

Guyôm Saxtoen, Thượng nghị sĩ quận Girông, giám đốc Hội hợp nhất Lie-Hamenda - Tiểu Kabili.

(1) Bắt đầu bằng Th hoặc H: Nguyên văn phải dịch như sau: “Bắt đầu bằng chữ C” (ví dụ: Co... Colonie nghĩa là thuộc địa, Ca... académie nghĩa là Viện Hàn Lâm). Chuyển dịch khác đi (Th và H) cho hợp với nghĩa dịch tiếng Việt: Thuộc... thuộc địa, Hàn... hàn lâm.

Jăng Côken, Thượng nghị sĩ quận Rôn, giám đốc Tổ hợp kỹ nghệ và thương mại Bắc Phi.

Hăngrê Cônxne, Thượng nghị sĩ quận Anđr, giám đốc Công ty thương mại, kỹ nghệ, canh nông Phi châu.

Frăngxoa Macxan, Thượng nghị sĩ quận Canta, giám đốc Hội buôn Tây Phi.

Anbe Jêra, Thượng nghị sĩ quận Acđen, giám đốc Công ty kền Tân Calêđôn.

Grôxđidiê, Thượng nghị sĩ quận Moz, giám đốc Công ty vận tải Marôc.

Quận công Môngteguy, Thượng nghị sĩ quận Loa Hạ, quản đốc các đường xe lửa và các mỏ phốt phát tỉnh Gap⁽¹⁾.

Marô, Thượng nghị sĩ quận Lô và Garon, quản đốc tuyến đường sắt từ Cônggô đến vùng Biển Hồ châu Phi.

Juyxtanh Pacsô, Thượng nghị sĩ quận Thuỷ Anp, đại biểu các Hội bỏ thầu và khai thác ở Đông Dương, Hội quốc tế nghiên cứu và xây dựng ở Marôc và Hội bỏ thầu ở Tây Marôc.

Rulăng (vâng, cả ông này nữa), Thượng nghị sĩ của quận Xen Hạ, giám đốc Địa ốc ngân hàng của Angiêri và Tuynidi, quản đốc tuyến đường xe điện từ Orăng đến Hamenben MatJa và Công ty Marôc Rar và Kalôt.

Các ông...

Accamray, đại biểu quận En, của Tân Công ty Phi châu về thương mại, kỹ nghệ và canh nông.

Actô, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, giám đốc Công ty Pháp quốc và Tây Phi, trưởng ban trị sự thương quán Pháp - Marôc và các nhà máy đường thuộc địa.

Banlăng đại biểu của quận Girông, của Ủy ban liên bang thuộc địa.

Bonaden, đại biểu của quận Anđr, của vùng mỏ Bu - Acpha (Marôc).

Bectôlôn, đại biểu của quận Xavoa Thượng, của Công ty thương mại Lào.

Cămbruz, đại biểu của quận Girông, của công ty Pháp ở Tôgô.

Satxe - Goayông, nghị sĩ quận Xen, Phó chủ tịch Công ty hợp nhất cây bấc Hamenda và tiểu Kabili.

Jăcken Đuyboăng, đại biểu của quận Xavoa Thượng, của Công ty Marôc vôi, xi măng và vật liệu xây dựng.

Faixnat, đại biểu của quận Xôn và Loa, của Tổng công ty Pháp và Đông Dương về lụa.

Frăngxoa Văngđen, đại biểu của quận Mect và Môden, của các mỏ thiếc và mỏ vonfram ở Bắc Kỳ.

Gaxparin, đại biểu đảo Rêuyniông, của Công ty Pháp ở Tôgô.

(1) Gap (Gafsa): Một tỉnh ở miền nam Tuynidi, nơi có nhiều mỏ phốt phát.

Huybe Girăng, nghị sĩ quận Cửa sông Rôn, giám đốc ngân hàng Xyri và Công ty Maroc.

Anbe Hôê, đại biểu quận En, của Công ty thăm thô thuộc thân vương Ả Rập.

Prôxpe Jôxt, đại biểu quận Or, của Pháp quốc ngân hàng nước Phi Xích đạo, của Công ty Phi và Cônggô.

Lusơ, đại biểu quận No của Tổng công ty các xí nghiệp ở Maroc.

Tôi nói với ông bạn:

- Quả thực đây đích là những người đại diện vừa cho quyền lợi thật sự của cử tri ở quốc hội Pháp, vừa cho quyền lợi nền văn hoá Pháp ở thuộc địa. Nhưng ông...

- Tôi hiểu ông sắp nói gì rồi, Xôra ngắt lời tôi, ông muốn bảo tôi không nghĩ đến đám bán rum hay các công ty độc quyền rượu chứ gì? Nhưng mà danh sách đã dài và “căn nhà chứa” sẽ bé quá, không đủ cho tất cả. Vả lại, kỳ tới tôi còn một đề nghị hay hơn.

Khởi thuốc lá ở chiếc tàu⁽¹⁾ vây lấy Xôra như hương thơm của những đức ông chồng chung thủy bao quanh thánh Jôdêp⁽²⁾. Xôra chậm rãi bảo tôi:

- Ông có biết là Anbe Xarô đã đổ bể rồi không?

- ...?

- Đừng có vờ ngạc nga ngạc ngạc nữa. Tôi nói đến con tàu - con tàu duy nhất của Hải đội Đông Dương - ấy mà... Ông không hiểu thì để tôi nói cho mà nghe. Muốn có một Hải đội Đông Dương, phải có một con tàu Đông Dương. Thế là người ta cho đóng “con tàu”. Rồi người ta ghi vào tám lá vĩ đại tên của vị Toàn quyền vĩ đại⁽³⁾. Dung lượng con tàu, khi ra khỏi xưởng, chỉ là 3.500 tấn. Vài hôm sau, trong bài diễn văn của người cha đỡ đầu lòng tiếng của nó, dung lượng là 6.000 tấn. Vài tháng sau, theo bài đăng trên một tờ báo lớn thì dung lượng ấy là 60.000 tấn. Nó phải chạy 12 hải lý. Khởi đầu nó chỉ chạy có 6 hải lý thôi.

Bây giờ thì nó tôi quá rồi.

Muốn bịp thiên hạ, người ta dẫn nó sang Trung Hoa. Vì người ta quên không cho nó đi tàu hoả, đến Thượng Hải, cái cửa ấy chẳng chịu đi nữa, nó bại hoại, ri

(1) Tàu thuốc lá, loại điều ngậm nhỏ xinh mà bọn trưởng giả đương thời ưa dùng.

(2) *Thánh Jôdêp*: Jôdêp xuất thân là một chàng thợ mộc, sau này lấy bà Mari. Khi Mari còn trẻ, đến tuổi lấy chồng, nhiều chàng trai cặp kè dạm hỏi. Người nhà Mari bảo các chàng rể tương lai mỗi người đặt một chiếc gậy cùng vào một chỗ, gậy người nào nở hoa thì người ấy sẽ được kết hôn cùng nàng. Chính chàng Jôdêp đã làm được điều lạ ấy. Sau khi lấy Jôdêp, Mari được thần Gabriel báo cho biết là bà sẽ sinh ra Jêxu là con của thượng đế và là chúa cứu thế. Sau đó,... Jôdêp mơ thấy mình được trao nhiệm vụ giữ Mari làm vợ, còn Jêxu là con nuôi. Mari là mẹ nhưng vẫn đồng trinh. Chàng thợ mộc Jôdêp trở thành thánh Jôdêp, mãi mãi là người chồng chung thủy của người vợ suốt đời đồng trinh là bà Mari.

(3) *Vị toàn quyền vĩ đại*: Trong nguyên văn: *Gouvernail* (bánh lái, tám lái) và *gouverneur* (người cầm lái). Đây là hai từ cùng họ, nhưng *Gouverneur* còn có nghĩa là Toàn quyền. Tác giả chơi chữ để mỉa mai Anbe Xarô.

nước, hồng nổi supde, nó muốn tự vẫn, nó chỉ còn là một chiếc nút thông long⁽¹⁾.
Tuồng chừng con tàu khốn khổ mắc bệnh giang mai. Nhưng không sao. Đông
Dương vẫn kiêu hãnh có hạm đội của mình và những con tàu Xarô của nó.

- Như vậy, ông nói với tôi làm gì?
- Để ông hiểu rằng, tôi sẽ là đồ ngu nếu tôi không cử vị Tổng trưởng
thuộc... thuộc địa của chúng ta vào Viện Hàn... hàn lâm.
- Với tư cách là Đô đốc Hạm đội Đông Dương à?
- Phải. Để làm Chủ tịch khoa Giải phẫu.
- ...?
- Vâng, Khoa Giải phẫu. Lão ta ở đây là rất thích hợp. Thế ra ông không
nghe lão ta nói về: “Bảng giải phẫu ở Quảng trường Hoà hợp” sao? Thế ra ông
không biết là tất cả các Trường Đại học Y khoa nháo nhác cả lên vì bản tuyên
ngôn khoa học đó của Cụ lớn ả? Ngài yêu thích nhiệm vụ đến quần cả lòng.
Lòng đắm say nổi khó nhọc cấp cao gắn những cơn sốt vào da thịt ngài, hoà
lửa vào máu trong huyết quản, vào tế bào trong đường gân, thớ thịt ngài, cứ
như chiếc áo lửa của Netxuytx⁽²⁾ bám lấy hông, lấy cật. Ngài Tổng trưởng nói:
Tôi thích nhìn những đội *chấp kích* (*phalange*) của họ⁽³⁾... Lúc ấy tiếng vút lên
từ lòng ngực tôi... như rót vào máu tôi chất độc ác nghiệt mà thánh thần... có
những bộ mặt tối sẫm không bao giờ có ánh sáng lung linh soi đến... những lời
xưa kia thốt lên từ đáy trái tim vĩ đại nhất... vân vân...”. Ông nghĩ xem với
những bắp thịt, đường gân, cái... bộ mặt và những đội *phalange* ấy, người ta có
thể nặn thành một vị khai hoá cừ lắm chứ, trừ phi...

Nhưng thôi, hãy đi uống chơi một cốc bia. Ông đi chứ?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, số 12, tháng
2/1923 và số 14, tháng 4/1923. Bản dịch:
Phạm Nguyễn, *Truyện và ký*, Nhà xuất
bản Văn học, Hà Nội, 1985, tr. 59 - 65.

(1) *Chiếc thông long*: Tác giả lại chơi chữ. Tiếng Pháp *Nœud* vừa có nghĩa là nút, là hải lý, mà *Nœud coulant* lại là nút thông long.

(2) *Netxuytx*: Theo thần thoại Hy Lạp, Netxuytx là một con nhân mã mình ngựa, đầu người, muốn cướp
nàng Đêjanía vợ của dũng sĩ Hecquyn, nên bị dũng sĩ dùng tên tẩm máu long xà bắn trúng ngực. Trước
khi chết, Netxuytx bày cho Đêjanía lấy một ít máu mình (có lẫn máu long xà tẩm đầu mũi tên) để khi nào
Hecquyn ruồng bỏ mình thì tẩm vào một chiếc áo cho Hecquyn mặc, đó sẽ là thứ bùa tình yêu giữ được
hạnh phúc. Về sau, Hecquyn mê nàng lôn, Đêjanía đã làm theo lời của Netxuytx, gửi áo cho chồng. Vừa
mặc vào Hecquyn thấy người nóng ran như lửa, quần quai, đau đớn điên cuồng, muốn cởi ra thì bị rút từng
mảng thịt. Biết không qua khỏi cái chết, Hecquyn lên núi Etna lập hoá đàn rồi tự thiêu.

(3) *Chấp kích*: Trong truyện nguyên văn tác giả dùng chữ *phalange* vừa có nghĩa là đội *chấp kích* (thời
Hy Lạp cổ), vừa có nghĩa là *đốt* (đốt ngón chân, ngón tay). Nghĩa sau (*đốt*) cũng lại hợp với mạch các
từ về thân thể trong đoạn văn trên như: *lông, da, máu, huyết quản, gân, thịt, đốt, ngực, mặt, tim*... Tác giả
chơi chữ thật tài tình mỉa mai Anbe Xarô.

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân ngành hải đăng bùng nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cập bến Riô Đê Hânây rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêândorô Đa Xinva, muốn lên tàu báo tin cho thủy thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại:

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không, Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

- Không nói năng lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài. Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra, bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp, và, lẹ như chớp, anh tóm lấy thằng đội, quăng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Sẵn có con dao đi biển, anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác.

Cuối cùng, anh không chọi nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lẩm nhẩm bài *Quốc tế ca* khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra toà. Anh bị kết án 30 năm khổ sai.

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ muốn nhiều trạng sư cãi cho bạn: mặt khác, họ tổ chức những buổi biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến dịch vận động đấu tranh ủng hộ Hôxê được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư luận quần chúng công phần đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét xử lại.

Ngày mồng 8 tháng 2, Hôxê ra toà xử lại án. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên toà kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mồi ra, và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới xong bản cáo trạng dài.

Đồng chí Paolô Đê Laxécda và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thắng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên toàn đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Toà xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm.

Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen, ngã mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

Báo *Người cùng khổ*, số 25, tháng 5/1924. Bản dịch: Phạm Huy Thông.
Truyện và ký. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, trang 43 - 44.

HÀNH HÌNH KIỂU LINSƠ, MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ^(*)

Ai cũng biết giống người da đen là giống người bị áp bức và bóc lột nặng nề nhất trong loài người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã mang lại hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, một chế độ trải qua nhiều thế kỷ, đã là một tai hoạ thực sự đối với người da đen và là một bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ không biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng 65 năm nay rồi, nhưng vẫn còn phải chịu đựng nhiều nỗi thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là tục hành hình kiểu Linsơ.

Linsagior là do từ Linsơ mà ra. Linsơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viêcginia vừa là địa chủ vừa là quan toà. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập⁽¹⁾ hắn thu tóm toàn bộ quyền hành trong quận. Những người thuộc phái bảo hoàng và những người thuộc phái bảo thủ bị hắn trừng phạt rất dã man, không cần xét xử, không cần án tù gì cả. Nhờ bọn chủ nô, nhờ đảng Ku - Klux - Klan và những tổ chức bí mật khác, nên tục hành hình kiểu Linsơ, một tục không hợp pháp và man rợ, trở thành phổ biến và kéo dài mãi ở các bang trong Liên bang Mỹ. Sau khi người da đen được giải phóng, tục đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt chĩa vào người da đen.

(*) Sau những ngày bí mật đi qua nước Đức để đến hoạt động ở Liên Xô, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài này, đăng lên nhật báo *Diễn đàn thế giới* (*Die Weltribüne*) của Đảng Cộng sản Đức (số ra ngày 9 tháng 10 năm 1924) tại Meccolenbua, và trên tạp chí *Thư tín quốc tế* (*La Correspondance internationale*) số 59, năm 1924

Sau đó, báo *Chân trời* (*Horizon*), Cộng hoà dân chủ Đức, số 37 năm 1974, đã đăng lại toàn văn bài báo đó (do Colao Ilaidech sưu tầm được ở thư viện trường Đại học Tổng hợp Rôxtôc) và giới thiệu bài báo đó như sau: "Bản cáo trạng này vẫn giữ nguyên vẹn tính thời sự của nó. Nó nhắc chúng ta nhớ lại rằng những bọn đế quốc chủ nghĩa đủ mọi màu sắc, thời đó cũng như ngày nay, đều luôn luôn là những kẻ tử thù của loài người... Với bản cáo trạng này, Hồ Chí Minh đã xuất hiện như một chiến sĩ chân chính của chủ nghĩa quốc tế vô sản và người bảo vệ nhân quyền và tự do của tất cả những người bị áp bức, dù họ cư trú ở bất kỳ nước nào".

(1) *Chiến tranh giành độc lập* (1775 - 1783): cuộc chiến tranh giải phóng của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ chống lại Anh, giành độc lập, đi đến thành lập nước Mỹ.

CÁC BẠN HÃY TƯƠNG TƯỢNG...

Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng loạn. Quả đấm nắm chặt, mắt đỏ ngầu, miệng sùi bọt, la ó, chửi bới, nguyên rửa... đám đông ấy đang bị lôi cuốn bởi cái thú cuồng loạn được phạm tội ác mà không phải lo sợ gì cả. Họ vũ trang bằng gậy gộc, đuốc, súng lục, dao, kéo, nước lư toan, dùi, tóm lại là bất cứ vật gì có thể dùng để giết hoặc làm bị thương được.

Các bạn hãy tưởng tượng giữa đám đông ấy, là một đồng thịt đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, rách da, róc thịt, chửi rửa, bị đá đi đá lại, dẫm máu, bất động.

Đám đông ấy chính là những kẻ tham gia hành hình. Cái xác người rách nát kia, đó là người da đen, là nạn nhân.

Trong cơn sóng hận thù và thú tính, những kẻ tham gia hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một quảng trường công cộng nào đó. Họ trói người đó vào cây, tưới dầu lửa vào người đó, lấy những chất dễ cháy phủ lên người đó. Trước khi châm lửa họ bẻ dần từng chiếc răng một của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng nhúm tóc xoắn bị rút khỏi đầu, mang theo từng mảng da, để lộ ra một sọ người dẫm máu. Nhiều miếng thịt nhỏ rời khỏi cái thân hình đã tím bầm vì bị đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa: lưỡi đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ gi vào. Toàn thân người ấy quần quai như một con rắn bị đánh dờ sống dờ chết. Một nhát dao, thế là rụng một tai. Ái chà! Nó mới đen làm sao! Nó mới đáng tởm làm sao! Thế là bọn đàn bà rách nát mặt người đó ra...

Có kẻ hét: “Châm lửa lên đi!” Một kẻ khác góp thêm: “Đốt vừa đủ để thui nó từ từ thôi”.

Người da đen bị nướng chín, thui vàng, cháy thành than. Nhưng người đó phải chết hai lần mới đáng đời. Cho nên họ liền treo người đó lên, nói cho đúng hơn là treo cái xác đã không còn là một cái xác nữa lên. Và bây giờ, tất cả những người không được tham dự cảnh thiêu sống ấy, vỗ tay. Hoan hô!

Khi ai nấy đã xem chán rồi, họ hạ cái xác xuống. Cái dây treo được chặt ra từng đoạn, bán mỗi đoạn 3 hay 5 đôla. Bọn đàn bà tranh nhau mua làm vật kỷ niệm và để lấy khước.

Thế là “Công lý nhân dân” như ở đó người ta vẫn gọi - đã được thực hiện. Đám đông đã dịu đi, khen ngợi những kẻ “hành sự” rồi tản dần đi, vui vẻ như vừa dự xong một bữa tiệc, và hẹn gặp nhau một bận khác.

Trong khi đó thì trên mặt đất nhay nhựa mỡ và khói: một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhả nhỏ một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi văng vẳng đang lặn rằng: “Đó là văn minh ư?”.

MỘT CHÚT THỐNG KÊ

Từ năm 1889 đến 1919, đã có 2.600 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ, trong đó có 51 phụ nữ và thiếu nữ, với 10 cựu binh trong đại chiến.

Trong số 78 người da đen bị hành hình kiểu Linsơ năm 1919, có 11 người bị thiêu sống, 3 người bị thiêu sau khi đã bị giết, 31 người bị bắn chết, 3 người bị hành hạ cho đến chết, 1 người bị chặt ra làm nhiều mảnh, 1 người bị dìm chết, 11 người bị giết bằng nhiều cách khác.

Đứng đầu là bang Gioócgia với 22 nạn nhân, thứ đến bang Mitxixipi với con số 12. Trong cả bang thứ nhất và bang thứ hai đều có 3 binh sĩ trong số bị hành hình. Trong số 11 người bị thiêu sống thì ở bang Gioócgia có 4 người và 2 người ở bang Mitxixipi. Trong 34 vụ hành hình có tính toán trước và có tổ chức hẳn hoi thì bang Gioócgia cũng lại đứng đầu với 5 vụ. Thứ hai đến bang Mitxixipi với 3 vụ.

Căn cứ theo những tội trạng buộc cho những nạn nhân năm 1919 thì:

1 người có chân trong Liên đoàn những người không đảng phái (những chủ trại độc lập):

1 người đã truyền bá những sách báo cách mạng:

1 người đã dám quá tự do lên tiếng công kích những vụ hành hình kiểu Linsơ:

1 người đã bình luận về những vụ xô xát giữa người da trắng và da đen ở Sicagô:

1 người mà người ta biết là lãnh tụ của phong trào đấu tranh cho lợi ích của người da đen:

1 người vì không kịp tránh sang bên đường nên đã làm cho một đứa bé da trắng ngồi trong xe ô tô hoảng sợ.

Năm 1920, có 50 vụ hành hình kiểu Linsơ và năm 1923 có 28 vụ.

Những tội ác đó bao giờ cũng là do ghen ghét về kinh tế mà ra, hoặc do thấy những người da đen ở địa phương làm ăn khấm khá hơn người da trắng hoặc do thấy công nhân da đen không chịu bị bóc lột đến xương tủy. Trong tất cả các vụ đó, những thủ phạm chính không bao giờ bị làm rầy rà, chỉ đơn giản là vì họ luôn luôn được bọn chính khách, bọn tài chính, bọn cầm quyền và nhất là báo chí phản động kích thích, khuyến khích, xúi bẩy, rồi lại bao che.

Mỗi khi sắp xảy ra hay đã xảy ra một vụ hành hình kiểu Linsơ thế là báo chí chớp ngay lấy, coi là dịp may hiếm có để tăng số phát hành. Báo chí tường thuật sự việc với dụng tâm đưa ra rất nhiều chi tiết. Không một lời trách móc nào hướng về bọn giết người. Không một lời thương xót nào đối với những nạn nhân. Không một lời bình luận nào.

Báo *Bang Tân Oóc-lăng*⁽¹⁾ ngày 26 tháng 6 năm 1919 đăng nổi bật tin sau đây bằng cỡ chữ 25 phân suốt chiều ngang trang nhất: Hôm nay một tên da đen sẽ bị 3.000 công dân thiêu chết. Và ngay dưới đó là một tin in bằng chữ nhỏ xiu: Được một đạo vệ binh lớn bảo vệ, Hoàng đế nước Đức đã cùng với Đông cung thái tử chạy trốn. Báo *Tin tức hàng ngày ở Giéc-xông* cùng số ra ngày hôm đó, in trên hai cột đầu của trang nhất và bằng cỡ chữ lớn:

TÊN DA ĐEN J.H.

SẼ BỊ DÂN CHUÔNG Ở ENLISVINLO

THIÊU CHẾT, VÀO NĂM GIỜ CHIỀU NAY.

Tờ báo chỉ quên không thêm: “Khẩn khoản mời toàn thể dân chúng đến tham dự”, nhưng tinh thần là như vậy.

VÀI CHI TIẾT

“Hồi 7 giờ 40 phút tối nay, J. H đã bị hành hạ bằng một thanh sắt nung đỏ, sau đó bị đem thiêu. Một đám đông khoảng 2.000 người... có nhiều đàn bà và trẻ con, đã tham dự vụ thiêu... Sau khi người da đen bị trói trước pháp trường, người ta liền đốt một đồng lửa. Cách đó một quãng, một đồng lửa khác cũng được đốt lên để nung một thanh sắt. Khi thanh sắt đã đỏ rực, một người cầm lấy và gi vào người da đen. Người này hoảng lên, vội nắm lấy thanh sắt. Thế là không khí sặc sụa mùi thịt cháy khét... Thanh sắt đỏ được gi vào nhiều nơi trên mình tên da đen, tiếng kêu la và rên rỉ của nó dội vào tận trong thành phố. Hành tội một hồi lâu, những người đeo mặt nạ tước ilet xăng vào tên da đen và đốt đồng củi lên. Ngọn lửa bốc cao và liếm quanh người da đen đang van xin người ta làm phúc cho nó một phát đạn. Những lời năn nỉ của nó làm cho người ta càng lớn tiếng chế nhạo” - *Thời báo Satanôcca* ngày 13 tháng 2 năm 1918.

“15.000 người vừa đàn ông, đàn bà, và trẻ con hò reo như sấm khi người ta giội Gadôlin lên người tên da đen và châm lửa. Họ đá lẫn nhau, la hét, và xô đẩy nhau để được đứng gần tên da đen hơn. Hai người trong bọn họ cắt tai tên da đen trong khi ngọn lửa bắt đầu thui nó.

Một người khác định cắt gót tên da đen... Đám đông nhấp nhô và di chuyển để ai nấy đều được nhìn thấy tên da đen bị đốt cháy. Khi thịt bị cháy hết, còn tro xương ra và khi cái thân hình trước kia chỉ còn là một cái xác rách nát bốc khói, không ra hình thù gì nữa, chập chờn trong ngọn lửa, mọi người cũng vẫn mãi mê đứng xem...” - Báo *Menphit Poréc*, ngày 22 tháng 5 năm 1917.

“... đàn ông thuộc đủ mọi hạng, đàn bà, trẻ con đều kéo đến xem. Nhiều bà trong giới thượng lưu đi theo đám đông từ cửa nhà tù đến đây, những bà khác cũng từ các ngã gần đây kéo đến... Khi xác tên da đen rơi xuống, người

(1) Nguyên văn: *New Orleans States*.

ta hăng hái tranh nhau những mẩu dây thừng - Bưu báo buổi chiều *Vicksburg* ngày 4 tháng 5 năm 1919.

“... một người cắt tai nó, một người khác xẻo bộ phận sinh dục của nó... Nó tìm cách bám lấy dây thừng, người ta liền chặt phăng các ngón tay đi. Trong khi người ta treo nó lên cây, một gã to như hộ pháp lấy dao chém vào cổ nó: ít nhất nó cũng bị tới 25 vết thương... Nó bị kéo lên rồi hạ xuống đám lửa hồng, rồi lại bị kéo lên và hạ xuống, cứ thế mãi... Cuối cùng, một người ném dây thừng lọng trông vào người nó, đầu kia thì buộc vào một con ngựa để lôi cái xác chạy khắp các phố Oacô. Cái cây treo xác tên da đen lại ở ngay dưới cửa sổ nhà viên thị trưởng. Ông này thân nhiên nhìn đám đông hành hình. Trên suốt chặng đường, tất cả mọi người đều tham gia băm vằm tên da đen. Nhiều người đập nó bằng xẻng, cuốc, gạch, gậy gộc. Khắp mình nó, từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đầy thương tích. Hàng nghìn người cùng reo vui vang dội, khi ngọn lửa được châm lên... Một lúc sau, cái xác được kéo lên cao, để ai nấy đều có thể ngắm nhìn được, nên người ta vỗ tay như sấm dậy... - báo *Coritsit*, tháng 7 năm 1916.

NHỮNG NGƯỜI DA TRẮNG BỊ HÀNH HÌNH KIỂU LINSO

Chẳng cứ gì người da đen mà cả những người da trắng nào dám bênh vực người da đen cũng bị đối xử tàn nhẫn, như bà Harriet Bichơ Stao⁽¹⁾ tác giả cuốn *Cái lều của chú Tôm* chẳng hạn. Eligiat Lôvagiôi⁽²⁾ bị giết. Giôn Brao⁽³⁾ bị treo cổ. Tômát Biso và Xtêphen Phôxtơ⁽⁴⁾ bị ngược đãi, bị đánh đập và bị bỏ tù. Trong nhà tù, Phôxtơ đã viết như sau: Khi tôi nhìn tay chân tôi bị đánh nát như, tôi nghĩ rằng để giam giữ tôi nhà tù sẽ chẳng còn cần thiết bao lâu nữa... 15 tháng vừa qua, nhà tù đã 4 lần mở cửa xà lim đón tôi, đồng bảo tôi đã 24 lần lôi tôi ra khỏi nhà thờ của họ, họ đã hai lần ném tôi từ tầng gác thứ hai xuống, một lần đánh tôi đến sụn lung, một lần khác họ định cùm kẹp tôi, hai lần họ phạt tiền tôi. Có một lần, một vạn người định đưa tôi ra hành hình kiểu Linsơ, và tôi đã bị đánh bị thương 20 chỗ, ở đầu, cánh tay, cổ...”

(1) *Harriet Bichơ Stao (Harriet Beecher Stowe, 1811 - 1896)*: tác giả của tác phẩm nổi tiếng *Cái lều của chú Tôm*. Với tác phẩm này, Harriet Bichơ Stao được coi là người phụ nữ da trắng đã góp phần vào chiến thắng của lực lượng tiến bộ đòi hủy bỏ chế độ nô lệ trong cuộc nội chiến.

(2) *Eligiat Lôvagiôi (Elijah Lovajoy)*: một người tham gia cuộc đấu tranh giải phóng người da đen, chủ bút báo hàng ngày *Người quan sát Inlinâyxo*. Ngày 7/11/1877, bọn côn đồ thù hận chủng tộc giết chết Lôvagiôi và đốt cháy nhà in của báo nói trên.

(3) *Giôn Brao (John Brown, 1800 - 1859)*: một trong những người đấu tranh giải phóng người da đen ở Mỹ, tổ chức ra Hội đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ, lập nhà trường cho người da đen. Ông cầm đầu một nhóm người da trắng và da đen đánh chiếm kho vũ khí của chính phủ bang Viécginia. Trong khi đánh nhau, hai con trai của ông bị giết và ông bị bắt. Ngày 2/12/1859, ông bị xử treo cổ.

(4) *Tômát Biso và Xtêphen Phôxtơ (Thomas Beach và Stephen Foster)*: Những người hoạt động có tiếng trong cuộc đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ ở Mỹ và đòi giải phóng người da đen.

Trong 30 năm, đã có 708 người da trắng, trong đó có 11 phụ nữ, bị hành hình kiểu Linsơ, người thì vì đã tổ chức bãi công, người thì vì đã đồng tình với cuộc đấu tranh của người da đen.

Hành hình kiểu Linsơ thật đáng chiếm một vị trí vinh dự trong bộ sưu tập toàn bộ những tội ác của nền “văn minh” Mỹ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí Thư tín quốc tế (Correspondance Internationale) số 59, năm 1924, tr. 628 - 629⁽¹⁾ Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập I, Hà Nội, 1980, tr. 269 - 277.

(1) *Hành hình kiểu Linsơ...* ngoài bản tiếng Pháp, còn được đăng trên *Thư tín quốc tế* (bản tiếng Đức), số 114 (1924), tr. 1483 - 1484; *Tạp chí Prógiceto* (tiếng Nga), số 16 (1924), tr. 13 - 15.

CON RỪA

Cốc! Cốc! Cốc!

- Ai đấy? Ông Xã, lý trưởng làng Lalo⁽¹⁾, vừa hỏi to vừa bước xuống ra mở cổng cái vườn con... Chào ông anh ạ! Ông nói với người vừa lò ra. May mắn làm sao tẻ xá lại được vinh hạnh đón tiếp ông anh quá bộ lại chơi thể này?

- Trời bao nhiêu sao thì xin mừng bác phúc lộc bấy nhiêu, khách lại trả lời. Chả là tôi mang đến bác tờ trát của quan Sứ.

Xem lướt xong lệnh của quan trên, ông Xã gật đầu gãi tai. Ông có vẻ quỳnh lăm.

- Gì thế, ông? Bà vợ lo lắng hỏi.

Ông Xã không đáp, chỉ ra hiệu cho người bạn đời thân quý của ông đi theo ông.

Khi chỉ còn hai người, ông nói: "Hiền thê ta ơi! Sự thể như thế này. Quan Sứ đòi tôi lên dinh ngài. Nhà nó cũng biết đấy: quan là một ông Tây tốt, chỉ thích của tốt, cho nên mình mà vào nhà ngài hai tay rỗng không thì ra khỏi nhà ngài là đôi mộng no đòn. Thế nhưng nhà mình có cái gì coi được: gà, thỏ, vịt, gà tây, thì đã bán sạch để nộp rồi còn đâu! Lấy gì dâng quan bây giờ?"

Đến lượt bà vợ ông Xã trở nên tư lự. Bà biết rằng cái con người đáng sợ mà ông chồng thân yêu của bà sắp phải lên trình diện này, trước kia - trong thời kỳ "bình định" - đã từng chặt 75 cái đầu hào mục xứ Bắc Kỳ. Lên làm quan Sứ, ông ra lệnh cứ nện đòn bắt luận dân An Nam nào, đàn ông hay đàn bà cũng thế, qua cổng nhà ông mà không hạ mũ nón. Tính ông hung bạo làm dân chúng khiếp vía. Muốn vui chuồng gà, ông mượn gà mái của dân trong hạt, rồi chẳng bao giờ trả lại sau khi đã có cả trứng lẫn gà con. Nói tóm lại là bà đã biết rằng ông quan da trắng dữ tợn lắm, và bà run sợ sẵn khi nghĩ trước cảnh tượng chồng bà sẽ được tiếp đón như thế nào nếu không mang gì đến dâng cái mồm Công sứ.

- Tôi nghĩ ra rồi, im lặng mấy phút rồi bà nói, nghĩ cái hay lắm!

.....

Đặt xong xuôi con rùa ngay ngắn trên cái khay bạc thuê của chính nàng hầu quan Sứ, bày xong xuôi cả khay lẫn rùa lên tấm chiếu trải trước cửa phòng

(1) Lalo: tên làng đặt hài hước bằng cách gộp yếu tố ngữ pháp Pháp: *la*, thường đứng trước danh từ có thể coi như tương đương *sự, cái nổi...* và từ Việt: *lò* (lẳng).

giấy ngài Công sứ, ông Xã đến trình diện với tất cả nỗi niềm cung kính tất phải có đối với vị đại diện của Nhà nước “bảo hộ”.

- Lạy Quan lớn, ông vừa thưa vừa quay lại phía chiếu, dám xin Quan lớn nhận cho, của mọn thôi ạ! cái món qu... qu...⁽¹⁾

Ông không nói hết được tiếng “quà” vì thoát nhận ra rằng trên khay thế là đã khuất bóng rùa. Cái con vật không buộc, đã thừa lúc ông Xã khốn khổ quay đi mà chuồn mất.

Nhưng quan Sứ - ngài khoan hoà rất mực - reo to lên:

- Ô cái khay đẹp quá thôi! Để ta phải gửi lên biểu quan Toàn quyền mới được!... Đúng hôm nay lại là ngày lễ sinh nhật Toàn quyền phu nhân, hẳn là bà thích lắm đây!

“Và ông thì ông sẽ nhớ thăng cấp cho ta”, ngài Công sứ nghĩ thầm thêm trong bụng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, số 32, tháng 2 và 3/1925. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 39 - 41.

(1) Theo nguyên văn thì chỗ này ông Xã muốn dùng chữ “cadeau” nghĩa là “quà” nhưng lắp bắp không nói được hết chữ, chỉ mới nói được “ca... ca”, mà “caca” (tiếng Pháp) thì có nghĩa là “cứt”.

Chỉ chuyển được phần nào ý đùa và nhạo sang bản dịch tiếng Việt.

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU

Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thề: giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Varen sẽ “chăm sóc” vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến việc khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mácxây đến Sài Gòn chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*

Đến Sài Gòn thì ông Varen, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quần quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vố, áp ủ trong mớ bong bong những buổi chiều dài, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người Da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan Toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe⁽¹⁾ kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân giẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đở lòm lòm; những xâu lạp sườn lũng lảng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rồn một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tám Bắc đẩu bội tinh⁽²⁾ hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhộn nhạo!

Bỗng dừng tất cả dừng lại, dưới cây đu đủ thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo: “Cái giống tôm nhà mày! Thế nào nào, cái giống tôm!” Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sấp

(1) Xe được viết bằng tiếng Việt trong nguyên bản tiếng Pháp.

(2) Bắc đẩu bội tinh: tên quen gọi trước đây của một thứ huân chương (mê day) của Pháp.

hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ? Xe ô tô quan Toàn quyền sắp đi qua đây... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

- Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thăm thì.
- Ô, cái áo dài đẹp chưa! một chị con gái thốt ra.
- Ngài sắp diễn thuyết đây! Một anh sinh viên kêu lên.
- Đôi bấp chân ngài bọc ủng! Một bác cu li xe thờ dài
- *Rậm râu, sâu mắt*⁽¹⁾! Một nhà nho lẩm bẩm

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng một lúc, tiếng rào rào nổi lên: "*Lạy quan lớn!*" "*Bẩm lạy quan lớn ạ!*"⁽²⁾.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do Hoàng đế hay hình bóng Hoàng đế dẫn đầu, sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức Kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen đến dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, Hoàng thượng đứng dậy, Ngài uy nghi tiến đến gần quan Toàn quyền: đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, Ngài cài lên ngực ông Varen loại tượng lệ phong tặng cao quý nhất của Hoàng triều: Nam long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mẽ đay.

Trong lúc đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim nơi đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với Người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa fìa quê hương, luôn luôn bị lũ này

(1) Nguyên chủ của tác giả: "Rậm râu sâu mắt: ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương".

Rậm râu, sâu mắt viết bằng tiếng Việt, có dịch ra tiếng Pháp và có giảng ý, trong chú thích của tác giả.

(2) *Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!* Cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay trong bài và không bình luận.

săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai đầy đọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kè bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

- Tôi đem tự do đến cho ông đây! Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kềnh đang xiết chặt (Phan) Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

“Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hoá và công lý.

“Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là Toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn với nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

“Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đây những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa: trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

“Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trắc: ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guyxtavơ, Aléchxăng, Arixtit, Anbe, Pôn và Lêông⁽¹⁾. Những vị ấy, ngày nay

(1) Nguyên chủ của tác giả: Gustave Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour và Léon Jouhaux”.

Trong tiếng Pháp và nhiều tiếng châu Âu khác, tên người gồm có hai phần. Phần trước là tên riêng của cá nhân, phần sau là họ. Thí dụ Gustave Hervé, thì *Gustave* là tên, *Hervé* là họ. Khi gọi một cách thân mật thì chỉ gọi tên của cá nhân mà không gọi họ. Với cách gọi thân mật không đầy đủ họ tên đó, có thể không biết đích xác là ai, nhưng tác giả đã ghi rõ là ai trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Varen, vốn là đảng viên đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên Toàn quyền, Thượng thư, Thủ tướng, Tổng thống, v. v...

Ở đây, tác giả tố cáo bọn chính khách cơ hội kể trên.

lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa! Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

“Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm Toàn quyền...!”

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai (Phan) Bội Châu chẳng khác gì “nước đổ lá khoai⁽¹⁾”, và cái im lặng dửng dưng của (Phan) Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sững sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng mà xét bình tình, thì đó chỉ là vì (Phan) Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu (Phan) Bội Châu.

*

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đây, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính đồng An Nam bỗng sừng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết - cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy (Phan) Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy⁽²⁾.

NGUYỄN ÁI QUỐC

(1) Nguyên chú của tác giả: “Một ngạn ngữ khác mà nông dân Bắc Kỳ ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước: nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: Không cần cầu!”

(2) Nguyên chú của tác giả: “Cười ruồi, lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói *cờ cân ruồi*, *chim ruồi*, *tàu ruồi*”.

“*Cờ cân ruồi*”: chỉ loại nhẹ cân trong cách phân loại đấu sĩ môn quyền Anh.

“*Chim ruồi*”: chỉ loại chim sâu rất nhỏ

“*Tàu ruồi*”: Chỉ thứ tàu thủy nhỏ chạy chơi sông hồ.

T.B. - Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Varen - Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng (Phan) Bội Châu⁽¹⁾ đã nhổ vào mặt Varen; cái đó thì cũng có thể.

Báo *Người cùng khổ* số 36 - 37: tháng 9 và 10/1925. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 31 - 37.

(1) Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Varen bằng ông nữa, mà cũng gọi trống không Varen. Có lẽ tác giả đã nhân gọi một cách thân mật Bội Châu để gọi một cách coi thường Varen chăng? (Cũng cũng gọi trống không cho có vẻ “thân mật”, nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai thái độ thân mật có thể có trong cách xưng hô của Pháp: thân mật quý mến đối với Phan Bội Châu, “thân mật” khinh thường đối với Varen).

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

(Trích chương I: THUÊ MÁU)

I. CHIẾN TRANH VÀ “NGƯỜI BẮN XÚ”

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen “hèn hạ”, những tên Annamit “hèn hạ”, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà “cuộc chiến tranh vui tươi”⁽¹⁾ vừa bùng nổ thì lập tức họ biến thành những đứa “con yêu” những người “bạn hiền” của các quan cai trị phụ mẫu “nhân hậu”, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Dùng một cái, họ (những người bắn xú) được phong cho một cái danh hiệu tối cao là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”⁽²⁾. Nhưng họ phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để “bảo vệ” cho cái “công lý” và “tự do” mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ, con rồi bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phoi thầy⁽³⁾ trên các chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bắn xú, sau khi được mời chứng kiến cảnh “kỳ diệu” của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để “bảo vệ” tổ quốc của các loài thủy quái. Một số khác đã bỏ xác lại những miền hoang vu “thơ mộng”, vùng bancăng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng “nước mẹ” muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ⁽⁴⁾ - chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì anh dũng đưa thân theo người ta tàn sát trên bờ sông Macno⁽⁵⁾ hoặc trong bãi lầy miền Sămpanho⁽⁶⁾ để lấy

(1) “*Cuộc chiến tranh vui tươi*”: chỉ cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). Tác giả dùng chữ “vui tươi” để mỉa mai một cách đau xót cuộc chiến tranh trong đó bọn tư bản đế quốc không hề bị đổ xương máu, mà đã dùng xương máu của người khác (nhân dân các nước, trong đó có nhân dân các nước thuộc địa) để mưu lợi ích cho chúng. Cuộc chiến tranh tất nhiên là đau khổ với nhân dân, nhưng lại có thể “vui tươi” với bọn đế quốc thắng trận.

(2) Nguyên văn là “*défenseur du droit et de la liberté*”. Nên dịch là “chiến sĩ bảo vệ chính nghĩa và tự do”.

(3) Nguyên văn là “*pourrir*” có nghĩa là “thối rữa”. Vậy cũng có thể dịch là “mục xác” hoặc “mục xương”.

(4) Vua Thổ Nhĩ Kỳ nổi tiếng có nhiều cung nữ. Cung nữ có nhiều loại, phi là một. Nguyên phi là người thứ nhất trong loại phi. Ở đây tác giả mỉa mai “nước mẹ” tức là nước Pháp.

(5), (6) Macno (Marne) và Sămpanho (Champagne); hai chiến trường ở miền Bắc nước Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trên hai chiến trường này đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài Thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn Bô-sơ⁽¹⁾ nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp: đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khắc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp: và trong số này, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

II. CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khoá, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ năm 1915 - 1916 tới nay, lại phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong những năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khổ đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu “vật liệu biết nói” châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ “vật liệu biết nói” đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là “chế độ lính tình nguyện” (danh từ mĩa mai một cách ghê tởm) đã gây ra những vụ những lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị “chúa tỉnh” - mỗi viên Công sứ Đông Dương quả là một vị “chúa tỉnh” - ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan xứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu Đ⁽²⁾ thì các tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khoẻ mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh

(1) Bô-sơ (Boches): tiếng tục và có ý khinh bỉ, lúc đó người Pháp thường dùng để chỉ những cái gì thuộc về Đức: người Đức, đồ dùng của Đức, v. v...

(2) Kiểu Đ (nguyên văn là système D): D, chữ đầu của từ “debrouillard” có nghĩa là xoay xở, tháo vát. D ở chữ Pháp đọc như chữ Đ của chữ quốc ngữ.

chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại, cho đến khi họ, phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: “Đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra”.

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách sát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

Ấy thế mà trong một bản báo cáo với những người bị bắt lính, phủ Toàn quyền Đông Dương sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng, những người sẽ hy sinh “cho tổ quốc”, đã trình trọng tuyên bố rằng:

“Các bạn đã *tập nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao triu mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khổ đờ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ”.

Nếu quả thật người Việt Nam phản khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưới lê tuốt trần, đập nên nòng sắn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hoà và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sảng đầu quân “tập nập” và “không ngần ngại”?

Những vụ trốn đi lính và đảo ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay, và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị chìm trong biển máu.

Bản báo cáo của phủ Toàn quyền còn cẩn thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với “lòng tốt rõ rệt” và “độ lượng lớn lao”⁽¹⁾ của chính phủ thì “các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phản nản cả”.

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một số lời đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể tẩy xóa được bằng một dung dịch nitorát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ, mà lánh xa được càng lâu càng tốt những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu: nào là bọn chủ thầu

(1) Nguyên văn là: “La visible bienveillance” et “la grande bonté” nghĩa là “mối ưu ái rõ rệt” và “lòng hảo tâm lớn lao”.

lượng thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ: nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức để gian lận, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào đó khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả: họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới, và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*
* *

Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào?

Lấy Tây Phi làm thí dụ:

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp ngay lập tức đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênegan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay bị trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt để “nêu gương!” Một người đàn bà công con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy hai cụ già đã chết ngất đi: nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó đã hành kinh trước tuổi: một người đàn bà truy thai, một chị khác đẻ ra một đứa con mù.

*
* *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chằng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: “Giữa trưa ngày 3 - 3 - 1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixơ và Đaca⁽¹⁾ rồi tóm tất cả những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này không tỏ vẻ sốt sắng

(1) Ruyphixơ (Rufisque) và Đaca (Dakar): tên những hải cảng của nước Xênegan.

đi “bảo vệ văn minh” ngay, nên người ta “rước” họ lên ô tô cam không “mời” về nhà lao. Ở đây, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

“Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng này mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng muốn lấy lại miền Ruya⁽¹⁾ cho nước mẹ”.

“Nhưng theo lời tướng Mănggianh⁽²⁾ người hiểu rõ họ nhất thì đó chỉ là những đội quân “để đem nướng trước mùa đông”.

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahômây vốn là cựu binh, đã từng làm nghĩa vụ trong công cuộc chiến tranh “vì công lý”. Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người “Batuala”⁽³⁾ đã được “bảo vệ” như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra “lòng trung thành” của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hôde⁽⁴⁾ thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết: Năm “1915 khi ông M.Nuphola, thống đốc Đahômây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là nạn nhân của việc xúc phạm bí ối đó, tôi đã làm “nghĩa vụ” của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exnơ⁽⁵⁾.

“Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

Người ta đã cướp của tôi:

1.000 frăng tiền mặt:

12 con lợn:

15 cừu:

10 dê:

60 gà:

8 tấm vải quần mình:

(1) Ruya (Ruhr): vùng công nghiệp của Đức, sau chiến tranh thế giới thứ nhất bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến 1925.

(2) Mănggianh (Mangin): tướng Pháp (1866 - 1925) đã từng chỉ huy đội quân xâm lược Xudăng, Bắc Kỳ, Maroc.

(3) Batual (Batouala): tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi

(4) Rêgixmăngxê (Régismanser) và Hô de (Hauser): tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút.

(5) Exnơ (Aisne): tên một vùng trên bờ sông Enxơ (một nhánh của sông Oadơ) ở Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, ở đây đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

5 áo mặc ngoài:

10 quần:

7 mũ:

1 dây chuyền bằng bạc:

2 hòm đồ vật.

“Đây là tên những bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiểu ấy của ngài thống đốc Nuphola, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay...

Chắc chắn “Bôsr” của vua Ghiôm⁽¹⁾ cũng không làm được hơn thế

III. KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngừng thật đen, thật vàng rồi, thì những lời tuyên bố “tình tử” của ngài cầm quyền nhà ta bỗng dừng im bất như có phép lạ, và cả người “Nêgrô”⁽²⁾ lẫn người “Annamit” mặc nhiên trở lại “giống người hèn hạ”.

Để “ghi nhớ” công lao người lính Việt Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v... trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao cho họ bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như lợn ăn, và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào “nồng nhiệt” bằng một bài diễn văn “yêu nước” đó sao! “Các anh đã bảo vệ tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!”.

Thế là những “cựu binh” - đúng hơn là cái xác còn lại - sau khi đã “dùng cầm bảo vệ chính nghĩa và công lý” nay tay không trở về với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương

(1) *Ghiôm* (*Guillaume*, 1859 - 1941): Ghiôm II, vua nước Đức trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

(2) *Nêgrô* (*Negro*): danh từ chỉ người da đen.

hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quăng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ đền bù được một cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Bản án chế độ thực dân Pháp, Thư quán lao động Pari, 1925. Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Hà Nội, 1976.

CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CỦA CÔNG NHÂN TRUNG QUỐC TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT

CUỘC BÃI CÔNG YÊU NƯỚC

Trong chiến tranh chống Nhật, công nhân Trung Quốc là những người yêu nước ưu tú nhất, trong vùng Mãn Châu những người thất nghiệp và công nhân đều được tuyển mộ hàng loạt vào quân đội nhân dân. Công nhân mỏ biến thành du kích. Hàng ngày, anh em công nhân đường sắt, không sợ nguy hiểm đến tính mệnh, đã hợp sức với lực lượng chống Nhật để cướp đoạt vũ khí và làm trật bánh những đoàn tàu của địch.

Ngay từ khi bọn Nhật bắt đầu xâm chiếm vùng Hoa Bắc, đã có hai trăm nghìn công nhân, viên chức làm việc trong các công xưởng và các hãng Nhật ở Thượng Hải tham gia cuộc bãi công yêu nước. Các thủy thủ đã từ chối không chịu làm việc trên những tàu thủy chuyên chở hàng hoá của Nhật Bản. Những người thợ rèn thì lao động suốt ngày đêm để cung cấp mã tấu cho quân đội. Với đồng lương ít ỏi của mình, anh em công nhân Trung Quốc làm việc ở nước ngoài đã chịu thiếu thốn mọi thứ để góp tiền mua công trái, gửi thuốc men về các bệnh viện dã chiến cho quân đội, và gửi những thanh niên tình nguyện về nước để bảo vệ Tổ quốc.

Đằng sau phòng tuyến của quân thù và trên hai bên bờ sông Dương Tử, hàng nghìn và hàng triệu công nhân Hán Khẩu và Thượng Hải đã chiến đấu anh dũng. Trong tỉnh Hồ Bắc, 7.000 công nhân mỏ ở Ching sing đã được tổ chức thành những đội du kích. Câu chuyện về những người công nhân du kích ở Ching sing là lý thú nhất.

TỔ CHỨC NHAU NHU THẾ NÀO

Mỏ Ching sing nằm trên tuyến đường sắt Thái Nguyên - Ching sing. Mỗi ngày, các mỏ đó sản xuất khoảng 20.000 tấn than đá loại tốt. Trên 5.000 công nhân và nhân viên kỹ thuật người nước ngoài làm việc tại các mỏ này.

Bọn Nhật coi việc chiếm đóng mỏ Ching sing như chiếm được một miếng mồi béo bở. Với chính sách khoan dung giả dối, chúng tìm cách mua chuộc

công nhân bằng cách tổ chức bán lương thực, thực phẩm cho họ với giá rẻ. Nhưng công nhân không thể bị mắc vào thủ đoạn giả nhân giả nghĩa của bọn Nhật. Họ muốn đấu tranh nhưng không biết tổ chức cuộc đấu tranh, vì thiếu kinh nghiệm. “Hội công nhân cứu quốc Sơn Tây” thấy rõ tình hình đó. Hội muốn phái những nhà tổ chức đến các mỏ nhưng không thực hiện được vì bọn Nhật kiểm soát quá chặt chẽ. Ra sức tìm mãi, cuối cùng Hội mới kiếm được hai người công nhân quê ở Ching sing là Tso lung và Viou hou. Người thứ nhất là một công nhân già trước kia đã ở trong quân đội. Người thứ hai là một người thất nghiệp. Sau khi được huấn luyện vài bài về chiến thuật và được cung cấp một khẩu súng trường, họ trở về Ching sing và mỗi người bắt đầu tiến hành cuộc đấu tranh theo quan điểm của mình.

LÚC BẮT ĐẦU HỌ GỒM CÓ BẢY NGƯỜI...

Viou hou mở đầu bằng việc đi tìm người cộng tác. Anh đã nhanh chóng tìm được một cựu lãnh tụ của phong trào nông dân và năm công nhân trẻ... Với đội quân bé nhỏ đó, anh bắt đầu đánh giặc. Đêm nào cũng vậy, Viou và các đồng chí của mình, đều đi vòng quanh các nẻo và các nhà ga xe lửa. Đến mỗi nơi, họ bắn vài phát súng trường. Bọn Nhật tưởng có nhiều du kích tiến công chúng nên chúng dùng đại liên bắn trả lại hàng tràng dài. Chúng bắn vu vơ trong đêm tối, chứ không thấy gì hết. Hai hoặc ba giờ sau - vừa đúng với thời gian cần thiết để Viou và các đồng chí của anh lại đi từ địa điểm này sang địa điểm khác - cuộc chơi lại bắt đầu.

VÀ BỌN NHẬT NGÀY CÀNG TRỞ NÊN MỆT MỎI

Kết quả đầu tiên của những phát súng bắn ban đêm là đã làm cho bọn Nhật bị báo động suốt đêm, nên ban ngày vì mệt mỏi chúng không thể đi quấy nhiễu dân làng được nữa. Do đó, tiểu đội của Viou tranh thủ được cảm tình và lòng biết ơn của nông dân là những người đã nguyện sẽ ủng hộ anh đến cùng.

Được quần chúng tin yêu, Viou ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Bí mật và kiên trì, anh tổ chức nông dân thành những đội tự vệ và phái họ đi phá hoại các đường giao thông. Nông dân đã làm công việc đó một cách rất tích cực và đầy nhiệt tình. Hễ có một hiệu lệnh đưa ra là đàn ông, phụ nữ, và thậm chí cả trẻ con nữa đều tề tựu với cuộc, xềng trong tay: và chỉ trong thời gian chớp nhoáng, hàng trăm mét đường sắt đã trở thành vô dụng. Đôi lúc sau khi phá huỷ được một đoạn đường sắt, nông dân liền mang những thanh ray vào tận trong núi để dùng vào việc rèn vũ khí. Dĩ nhiên là tất cả những công việc đó đều được tiến hành trong đêm tối.

Dưới sự chỉ đạo của Viou, nông dân còn tổ chức những cuộc phục kích làm trật bánh các đoàn tàu, tiến công bọn Nhật và đã thu được chiến lợi phẩm.

Những trận thắng đó càng khuyến khích những người du kích mới, họ bảo nhau rằng: “Bọn quỷ Nhật Bản đó không đến nỗi đáng ghê sợ như vậy. Chúng ta có thể đánh bại chúng!”

ĐỒNG MINH XƯƠNG MÁU VÀ SẮT THÉP

Hoạt động của họ giờ đây nhằm vào việc trừ bỏ bọn phản bội. Một buổi sáng nọ, người ta thấy Lam - te - sou, một trong những tên thân Nhật có nhiều thế lực nhất và tích cực nhất đã bị treo cổ trên cây. Bên cạnh có một bản tuyên cáo tội phản quốc của hắn. Dưới bản tuyên cáo ký tên: “Đồng minh xương máu và sắt thép diệt trừ bọn phản bội”. Vụ xử tên Lam - te - sou đã có tác dụng lớn. Từ hôm đó, bọn phản bội và mật vụ không dám lộ mặt ra như trước nữa và do đó công tác bí mật của những người yêu nước càng được thuận lợi.

TSO LUNG LẠI CÓ MỘT PHƯƠNG PHÁP KHÁC

Tso lung bắt đầu công việc của mình theo một hướng khác và bằng một phương pháp khác. Trong khi Viou hou bắt đầu hoạt động trong nông dân, thì Tso lung lại bắt đầu hoạt động trong công nhân: Viou hou bắt đầu bằng việc cổ động, còn Tso lung thì bắt đầu bằng công tác tổ chức. Ngay sau khi trở về Ching sing, Tso liền vào các mỏ, bác tìm được năm đồng chí và tổ chức một kho vũ khí. Vũ khí thì bọn Nhật không thiếu gì. Anh em công nhân cũng biết rõ cả và trong đêm tối thì còn biết rõ hơn cả bọn Nhật - nơi cất những vũ khí đó. Chỉ trong thời gian hai tháng, Tso đã có trong kho mình 200 khẩu súng trường, 1.200 lựu đạn, trên 26.000 viên đạn, 18 súng phóng lựu đạn và súng liên thanh, một máy vô tuyến điện, 3 máy điện thoại và những dụng cụ khác. Bọn Nhật tuy thấy rõ là vũ khí bị mất, nhưng chúng không biết ai lấy trộm và cất giấu ở đâu.

BỌN NHẬT ĐI TÌM NHỮNG VŨ KHÍ Ở KHẮP NƠI

Số đội viên du kích của Tso ngày càng tăng. Ban đêm, họ là du kích diệt Nhật, cướp vũ khí - thậm chí họ tìm cách đánh cắp được cả sơn pháo! Ban ngày, họ trở lại làm công nhân mỏ, ngoan ngoãn nhất và hiền lành nhất thế giới. Bọn Nhật đi tìm du kích ở khắp nơi, trừ các mỏ. Chúng có nghe nói đến Tso và ráo riết đi tìm bác ta. Nhưng Tso, mặt đầy bụi than, tay xách đèn, vai vác cuốc vẫn ung dung đi từ mỏ này sang mỏ khác, qua lại một cách bình tĩnh trước con mắt của bọn hiến binh Nhật, nhưng chúng không nhận ra bác.

NƠI NÀY MỘT LỜI, NƠI KIA MỘT LỜI

Tso bận trăm công nghìn việc, nào tổ chức những công nhân mỏ, nào đi cổ động trong đám binh sĩ người Mãn Châu và tuyên truyền trong bọn lính Nhật. Dưới sự chỉ đạo của bác, mỗi người thợ trở thành một cổ động viên và một tuyên

truyền viên. Người ta đối xử với binh sĩ Mãn Châu như với bạn bè thân thiết nhất. Chỉ trong khi chuyện trò bình thường và thân mật, người ta mới đưa ra nơi này một lời, nơi kia một lời để kêu gọi lòng nhớ quê hương và thức tỉnh tinh thần yêu nước của họ. Công tác cổ động ấy chẳng bao lâu đã mang lại kết quả. Tháng Hai năm 1938, sáu chục người Mãn Châu trong vùng mỏ đã nổi dậy, sau khi diệt 12 lính và một sĩ quan Nhật, họ đi theo du kích, mang theo 2 súng liên thanh và 30 súng trường. Sau đó không lâu, 35 hiến binh Mãn Châu cũng làm như thế. Họ chạy về phía chúng tôi sau khi đã diệt 21 tên lính và một sĩ quan Nhật.

Với binh lính Nhật, người ta tuyên truyền bằng cách phát cho chúng những truyền đơn chống phát xít và chống chiến tranh, cốt làm nản lòng chúng. Có tên đã tự tử.

Hai phong trào đó phối hợp với nhau, một từ phía nông dân do Viou hou tổ chức và phong trào kia từ phía công nhân do Tso lung tổ chức - hình thành nên một phong trào mạnh mẽ của du kích vùng mỏ. Những đội du kích này cộng tác chặt chẽ với đội quân chính quy chúng tôi và với du kích Hồ Bắc và Sơn Tây. Bởi vậy, không có ngày nào là các mỏ không bị tấn công hoặc ở nơi này hoặc ở nơi kia.

ĐÓ LÀ MỘT ĐÊM...

Có một lần, đó là đêm 8 tháng hai năm 1938, một phân đội của Bát lộ quân quốc gia cách mạng do đại úy Tsang chỉ huy, bất ngờ đi thăm các mỏ. Khi đến đầu vùng này, đại úy được anh em công nhân đón chờ và dẫn thẳng về phía thành Ching sing. Những chiếc thang dây đã được chuẩn bị sẵn sàng nên các chiến sĩ trèo qua tường một cách dễ dàng. “Cu cu... cu!” một con gà trống gáy đầu đây, và thế là thành phố bỗng tối om, nhờ sự chăm lo của anh em công nhân, nên điện tắt, máy điện thoại bị cắt, đường sá bị chặn lại.

NHỮNG TIẾNG HỒ CHIẾN ĐẤU LÀM RUNG CHUYỂN CẢ THÀNH PHỐ NHỎ

Những tiếng hô chiến đấu làm rung chuyển khắp thành phố nhỏ. Bọn Nhật lâm vào tình trạng hỗn loạn. Được sự hướng dẫn của anh em công nhân, các chiến sĩ đã tiến hành có kế hoạch việc di chuyển các kho vũ khí và trinh sát sở chỉ huy Nhật Bản. Công việc xong xuôi, họ rút lui một cách rất lặng lẽ.

MỘT CON BẢO LỬA SÚNG LIÊN THANH

Mặc dù hết sức bí mật, nhưng cuối cùng bọn Nhật cũng biết rằng anh em công nhân đã biến thành du kích và bộ tổng tư lệnh của họ đóng trên một trong những ngọn núi. Thế là chúng điều 200 binh sĩ đi “phá cái tổ du kích”. Anh em

công nhân đã được những công nhân khác báo cáo cho biết trước, nên tất cả đều được chuẩn bị kỹ để đối phó với cuộc tấn công. Vừa đến lưng chừng đồi, bọn Nhật gặp phải một cơn bão lửa súng liên thanh buộc chúng phải chạy tán loạn.

Một tuần sau, những người công nhân du kích chuyển sang phản công. Bọn lính Nhật đang tập bắn cách thành Ching sing 7 kilômét. Chúng bỗng nghe tiếng súng liên thanh nổ sau lưng, từ phía núi... đó là anh em công nhân. Bị đánh bất ngờ, bọn Nhật chạy trốn tán loạn, du kích thu được nhiều súng đạn.

THẾ LÀ NỔ RA CUỘC CHIẾN TRANH CÔNG KHAI THẬT SỰ

Như vậy là bùng nổ cuộc chiến tranh công khai thật sự giữa bọn Nhật và anh em công nhân ở Ching sing. Và chính anh em công nhân đã thắng, vì bọn Nhật không còn có thể khai thác mỏ được nữa, và “miếng mồi béo bở” trở thành một gánh nặng thật sự đối với chúng.

CÂU CHUYỆN MỘT KỸ SƯ ĐỨC

Một nét khác đáng chú ý về tổ chức du kích vùng Ching sing là ở chỗ nó hình thành một mặt trận chống Nhật có tính chất quốc gia và quốc tế. Quốc gia, vì có một sự hợp tác chặt chẽ giữa ban giám đốc các mỏ và công nhân mỏ, giữa công nhân và nông dân, giữ du kích và quân đội chính quy. Quốc tế, vì có một sự cộng tác chặt chẽ giữa người Trung Quốc và người nước ngoài. Những người nước ngoài là nhân viên kỹ thuật, nói riêng là viên tổng công trình sư người Đức, đã giúp nhiều cho du kích. Và đó là điều ai cũng biết. Sự cộng tác ấy đã được hình thành như sau: từ hơn ba chục năm nay, viên kỹ sư đã sống ở Trung Quốc. Ông rất nhiệt tình đối với người Trung Quốc và có một mối thù cá nhân sâu sắc đối với bọn Nhật. Mối thù này là do thủ tính của bọn Nhật Bản gây ra. Đã nhiều lần, người vợ viên kỹ sư bị bọn Nhật chửi mắng. Một hôm, trong khi bà đang tắm, một tên Nhật lên vào phòng... Bà vùng chạy ra bao lơn. Hắn đuổi theo bà ra đấy, và chỉ khi bà chĩa súng vào hắn, hắn mới chịu để cho bà yên. Từ đó, cả hai vợ chồng đều đứng hẳn về phía người Trung Quốc là những người - như viên kỹ sư đã nói - đang đấu tranh anh dũng, không chỉ vì nền độc lập của đất nước mình mà còn vì tất cả nền văn minh nữa.

LINO

Báo Tiếng nói của chúng ta (Notre voix)
ngày 30/4/1939. Bản dịch: Nhà xuất bản
Sự Thật, *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3*,
Hà Nội, 1983, trang 82 - 90 .

ĐÁNH DU KÍCH NHƯ ĐÁNH CỜ^(*)

(Trích)

I

*Một ông già, một sợi dây,
Làm cho điều đúng một bảy địch nhân.*

Một người nông dân ở tỉnh Hồ Bắc, tên là Trần Trí, vì già yếu mà không được vào đội du kích. Ông Trí nghĩ rằng già yếu cũng là quốc dân. Quốc dân thì phải giúp nước kháng chiến, không được vào bộ đội, một mình ta cũng đánh du kích được.

Một đêm, trời tối như mực, lại thêm mưa phùn, ông Trí ăn cơm xong rồi liền từ nhà ra đi. Vợ con hỏi ông đi đâu, ông nói qua chơi làng bên cạnh. Vì muốn giữ bí mật, nên ông phải nói dối. Kỳ thực ông đi đánh du kích.

Hôm trước, ông Trí đã dò biết rõ ràng ở làng Kim có 100 lính địch đóng. Xung quanh đồn, chúng cắm cọc chằng dây thép và treo nhiều đục đặc, phòng đêm bị du kích đánh úp, đục đặc kêu ầm ĩ, chúng sẽ biết mà chống giữ. Gần đồn thì có một đám nghĩa địa...

Tối hôm đó, ông Trí khe khẽ bò đến gần đồn, cột dây thừng vào một sợi dây thép, rồi lại khe khẽ bò ra núp vào nơi nghĩa địa.

Chừng 9,10 giờ tối, ông Trí cầm dây thừng giật mấy cái. Đục đặc kêu om sòm, quả nhiên lính địch nghe tiếng động tưởng du kích đánh vào. Trời lại tối đen không trông thấy gì hết. Lính địch ra sức bắn một hồi lâu, không thấy du

(*) Để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, từ năm 1944, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị tổ chức Đội tự vệ vũ trang ở Cao Bằng. Từ những năm đó cho đến khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi trong toàn quốc, Người tự tay biên soạn một số tài liệu quan trọng về chiến thuật du kích, Người còn sáng tác một tập truyện ký, gồm mười hai chương và một phần kết luận, với tựa đề *Kinh nghiệm du kích Tàu*.

Mở đầu tác phẩm đã có lời đề từ: "Đánh du kích không cần phải có sức mạnh... Hễ là người có lòng yêu nước, không chịu làm nô lệ, lại có một chút gan dạ và mưu trí, thì bất kỳ trai gái, già trẻ, bất kỳ có súng hay không đều có thể đánh du kích".

Chúng tôi trích in tác phẩm này, dựa theo văn bản in lần thứ hai, năm 1948 của Nhà xuất bản Sự thật. Dấu đề chung cho các đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt, dựa theo ý một câu thơ của tác giả trong chương XII của tác phẩm này.

kích xung phong, mới dám thôi bắn.

Cách vài tiếng đồng hồ, ông Trí lại giật. Lính địch lại bắn. Mỗi lần ông Trí giật là mỗi lần giặc bắn tứ tung.

Bốn, năm lần như thế, thì trời gần sáng. Ông Trí bò vào mở dây thùng ra, cuộn lại tử tế rồi đi đường tắt về nhà, bình yên vô sự. Chỉ mất ngủ một đêm mà ông Trí đã làm cho địch tốn bao nhiêu tinh thần, và mất hàng vạn viên đạn chỉ nhờ một sợi dây!

II

Tuổi nhỏ mà gan thì to

Đem hai thứ trứng bán cho quân thù

Em Nam 11 tuổi là nhi đồng làng Thượng Xá. Em giúp việc giao thông cho đội du kích. Nhưng mỗi khi đi đánh úp, đội trưởng không dám cho em đi theo, vì em còn ít tuổi.

Ngày gần hết, địch kéo đến gần làng Hạ Xá. Dân làng đã làm “vườn không nhà trống”, của cải, trâu bò, lương thực sơ tán sạch. Địch không tìm được một hạt gạo, một con gà nào, đói lảm. Muốn đi nữa thì mệt quá rồi, và trời gần tối, không dám đi xa nữa.

Em Nam biết vậy, về nhà lấy ba quả trứng gà, đi xuống làng Hạ Xá. Gần đến cổng làng thì 6,7 lính địch đang thơ thẩn ở đó. Em Nam cố ý làm cho chúng nhìn thấy mấy quả trứng gà đang cầm ở tay.

Quả nhiên bọn lính thấy trứng thì ủa nhau lại. Khi chúng đến gần em Nam chừng mười thước, thì thỉnh thoảng có một tiếng nổ long tai điếc óc và cả 6 tên địch đã ngã lả xuống trong vũng máu. Còn Nam cũng biến đi đâu mất.

Sự thật là thế này: Khi em Nam đi xuống làng Hạ Xá, trong tay thì cầm ba quả trứng mà sau lưng giắt một quả lựu đạn. Khi bọn lính địch đến gần thì Nam tung quả lựu đạn vào giữa đám chúng rồi vút luôn cả trứng, chui nhanh vào bụi lên về nhà.

Quân địch nghe tiếng nổ, tưởng là du kích đã xông đến, vội vàng kéo nhau ra bắn tứ tung. Thế là một em bé 11 tuổi chỉ mất có ba quả trứng mà giết được 6 lính địch, làm cho lính địch hoảng sợ và hao tổn rất nhiều thuốc đạn.

Thường thường, các em nhi đồng thấy địch đến đóng chỗ nào, thì chẳng những đi do thám rồi báo tin cho du kích, các em đó lại phao tin cho đến tại địch rằng mấy trăm nghìn du kích sắp từ đâu kéo đến, làm cho địch hoảng sợ không dám đóng lại trong làng.

III

*Tuổi già, gan lại càng già,
Làm cho địch biết tay bà cao mưu*

Quân địch kéo đến gần làng Phú Mã. Dân làng làm xong “vườn không nhà trống” tản cư hết, trừ những thanh niên thì nấp kín ở các bụi bờ, chờ dịp đánh úp quân địch.

Bà cụ Trương 70 tuổi, nhất định không chịu tản cư, dù con cháu, bà con khuyên dỗ mấy, bà cụ cũng không nghe. Bà cụ lại bảo con cháu để lại một ít lương thực và chăn chiếu. Thấy vậy, ai cũng tưởng bà cụ muốn ở lại lâu trong làng.

Quân địch đến, lùng khắp làng, chẳng thấy vật gì ăn được. Khi đi đến nhà bà cụ Trương, thấy giường chiếu sạch sẽ, lại có gạo, có thức ăn. Hơn nữa còn mấy chai rượu! Cổ nhiên, chỗ tốt như thế, phải để cho quan địch đóng.

Nào... tham mưu trưởng, gi gi trưởng, tất cả 9 người quân địch đến đóng tại nhà bà cụ Trương. Trời tối, bụng đói, chúng lập tức bắt cụ Trương làm cơm cho chúng ăn.

Chà! Thức ăn bà cụ làm khéo quá! Rượu của bà cụ ngon quá! Không ngon sao 9 người chưa uống hết hai chai mà đã gục lên gục xuống. Sau nửa tiếng đồng hồ, chúng đều nằm ngáy khò khò.

Bà cụ thông thả cởi lấy 9 khẩu súng lục và mấy cái cặp da đựng giấy. Ôi! Nặng quá, mang sao hết. Bà cụ chỉ mang được vài khẩu, còn bao nhiêu thì giấu vào bụi kín. Xong đâu đấy, bà cụ khoá trái cửa lại, nhen bốn góc nhà bốn đám lửa, rồi lên ra khỏi làng.

Bọn thanh niên thấy lửa cháy đánh úp vào. Trong thì cháy, ngoài thì du kích ủa vào, mấy quan chỉ huy chết cháy hết, quân địch như rắn không đầu, người bị du kích giết chết, người chạy trốn.

Thế là do mưu trí và lòng hy sinh mà bà cụ 70 tuổi cũng đánh du kích thắng lợi. Đội du kích nam nữ trong làng lại nhờ được bà cụ Trương mà lấy được nhiều súng ống của địch.

*
* *

Một bà cụ nữa thì giúp đội du kích một cách khác. Lều bà cụ ở một bên đường. Trên đường đó, xe địch thường đi qua. Đội du kích muốn đánh úp các toán xe của địch, nhờ bà cụ do thám. Địch có nhiều thứ xe, nào xe tăng, nào xe thiết giáp, xe cam nhông, v.v... Bà cụ không biết chữ để chép, nhớ thì nhớ sao cho hết, mà tin tức không chính xác thì du kích không đánh thắng được.

Bà cụ nghĩ ra một cách rất khéo. Cụ lấy mấy thứ đậu, đậu xanh, đậu đỏ, đậu trắng, v.v... Thấy một xe ô tô đi qua, cụ bỏ một hột đậu xanh vào một cái bát: một xe tăng đi qua thì bỏ một hột đậu đỏ. Mỗi thứ đậu đại biểu cho một thứ xe.

Mỗi ngày một lần, bà cụ bí mật gửi cho đội du kích một nắm đậu, không cần nói gì hết. Đội du kích cứ xem nắm đậu mà đặt kế hoạch. Trận nào địch cũng bị thua.

Thế là: có lòng sốt sắng yêu nước, thì không mưu cũng nghĩ ra mưu, không gan cũng có gan, mà ai cũng có thể đánh du kích, giúp du kích.

IV

Không súng thì đánh bằng dao Có mưu, có kế, súng nào thiếu chi.

Anh Nhân là một học sinh, 23 tuổi, ở tỉnh S. Anh cùng 12 người công nhân, nông dân và bạn học, tổ chức một tiểu đội du kích, chỉ có giáo mác, chuyên môn đi phá hoại. Tuy phá hoại có thành công, nhưng ai cũng băn khoăn vì không có súng.

Một hôm, quân địch kéo qua làng. Dân làng biết trước đã làm “vườn không nhà trống”, kéo lên núi hết. Đội du kích của anh Nhân ở lại trong làng, bị quân địch bắt làm phu chở khí giới cho chúng.

Mấy người đẩy xe nhỏ, chở lương thực và súng đạn đi trước, bốn người đẩy một khẩu đại bác đi sau. Quân địch kéo đi sau hết. Trời nắng to, đường thì đường núi. Quân địch mệt mỏi, chậm rãi đi theo. Máy người phu ráng sức đẩy xe lên núi.

Khi lên đến một chỗ dốc rất cao, lại có đường rẽ, thành linh cả xe, cả đại bác từ trên lăn xuống như mưa sa, sầm dậy. Bọn lính đi trước tránh không kịp bị xe đâm chết hết. Bọn đi sau tưởng bị du kích đánh úp, đâm đầu chạy hết.

Khẩu đại bác lăn xuống dốc rồi rơi xuống hố. Máy xe lương thực, súng đạn thì chuồn vào rừng. Còn mấy người công nhân lên theo đường tắt mò xuống hố, tháo khẩu đại bác ra từng đoạn rồi mang về rừng.

Thế là đội du kích anh Nhân, chỉ có hai bàn tay trắng, nhưng nhờ có gan, có mưu, mà giết được 20 lính, lấy được rất nhiều khí giới.

Từ hôm đó, đội anh Nhân chẳng những có súng mà lại có cả đại bác. Chẳng những đủ súng cho các đội viên mà lại còn thừa súng và giáo mác để tuyển mộ thêm đội viên mới.

Hơn nữa, nhờ trận thắng lợi đó mà danh tiếng của đội lừng lẫy, càng được dân chúng ủng hộ và phát triển rất mau.

V

*Du kích mà có mưu cao,
Ít người có thể tiêu hao quân thù*

Bốn chàng thanh niên làng Ngũ Phúc do anh Kha cầm đầu, hăng hái, nuốn tổ chức đội du kích. Nhưng khốn nỗi không có súng ống, chỉ có mấy con dao. Vả lại ít tuổi, kêu gọi ít người nghe. Song anh Kha là người bền gan, thường bảo ba người kia rằng: một là phải luyện tập, hai là do thám quân địch, ba là phải chờ dịp tốt.

Dịp tốt quả nhiên đến, không phải chờ lâu.

Tại làng Đa Thọ, cách Đa Phúc 14 cây số, có 50 lính địch đóng. Bốn thanh niên ta dò biết từng ly từng tý chúng nó canh gác thế nào, ăn ngủ thế nào, v.v...

Một đêm mưa to sấm sét như trời sa đất lở, bốn chàng thanh niên lặng lẽ vác dao đi. Mò gần đến cửa đồn, hai người bò đến sau lưng hai tên lính canh gác. Chưa đầy nháy mắt, hai tên lính địch đã rơi đầu. Rồi thì bốn người, hai dao, hai súng, xông vào đồn. Lúc họ vào đồn như cọp vào bầy dê, vì quân địch đang còn ngủ kỹ, tha hồ họ chặt.

Sau khi đã giết được hơn mười tên địch, bọn kia tỉnh dậy mắt nhắm mắt mở, hoảng hốt không biết là du kích đông hay là ít, đưa thì vợ được cái áo, đưa thì vợ được đôi giày, rồi đâm đầu chạy.

Trận đó chỉ có 4 thanh niên, mà đốt được một cái đồn, giết được 25 tên địch và lấy được hơn 40 khẩu súng.

Cách vài hôm sau, đội du kích anh Kha từ 4 người đã phát triển lên thành 100 người, vừa dao vừa súng.

VI

*Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan.*

Bà cụ Triệu là người buôn bán nhỏ, đã 60 tuổi (...) Khi bà đi khuyên dân tổ chức du kích, thì ai cũng cười... là dân không có súng đánh thế nào... một cụ già, cầm quân khiến tướng sao được?

Ai cười mặc họ, lòng bà đã quyết, bà nhất định làm được. Cách ít lâu, bà tổ chức được một đội quân gần 100 người vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa trẻ con.

Tại vùng Tân Dân, có một đại đội địch đóng, hơn 300 người. Một đêm, trời tối, trong một lùm cây rậm, cách địch chừng vài cây số, thoạt có hai tiếng chim kêu. Một chốc, có một tiếng đàn bà khe khẽ hỏi: Xong chưa? Một tiếng khác khe khẽ trả lời: Thừa cụ, xong rồi.

Đến chừng canh một, về phía đông của quân địch, bỗng có tiếng ồn ào, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng súng, tiếng hàng nghìn người la hét. Chắc là đại đội du kích kéo đến, Tiếp đến là tiếng súng đùng đùng của địch trong đồn bắn ra, sau vài mươi phút mới im lặng.

Qua canh hai, canh ba, canh tư, từ phía tây, phía nam, phía bắc lại có du kích ồn ào đến như trước. Địch trong đồn cũng bắn ra dữ tợn như trước.

Gần sáng, bà cụ Triệu và gần 90 nam nữ đội viên lặng lẽ mò vào đồn địch. Lúc bấy giờ, một mặt quân địch nghĩ rằng: trời gần sáng rồi, du kích không dám quấy rối nữa, một mặt cả đêm chúng không được ngủ, tên nào tên ấy đều mệt mỏi gần chết. Đội của bà cụ Triệu nhân dịp đó kéo vào tha hồ tung hoành.

Vì khéo dùng nghi binh (bốn đám du kích ở ạt cả đêm, đều là dân làng đánh trống đánh mõ, đốt pháo reo hò, chứ có phải du kích thật đâu) mà bà cụ Triệu đem một sức rất nhỏ, đánh được một toán địch rất to.

Từ đó “nhân dân” và các đội du kích đều gọi bà cụ Triệu là “Mẹ du kích”. Mà địch nghe nói đến tên bà cụ Triệu là sợ.

VII

Chớ rằng son phấn là hèn,

Cô Lan đã tỏ mấy phen anh hùng.

Cô Lan là nữ sinh, 20 tuổi.

... Ngày địch chiếm H. N. và các tỉnh xung quanh, cô Lan giả làm một người nông dân chạy đến phủ Đ. Cô xin làm con nuôi một bà cụ già mà con cháu đã bị địch giết chết. Giúp việc nhà bà cụ rồi, cô đi giúp việc hàng xóm. Tắm rửa cho trẻ con, xay lúa, giã gạo, gặp việc gì cũng làm. Thành thử ai cũng yêu. Đầu thì cô kết nghĩa làm chị em với đàn bà trong làng, sau thành chị em với cả đàn ông. Cả làng đều hoá ra bà con của cô, vì cô khéo ở khéo nói, cho nên ai cũng nghe lời. Lúc đó cô bắt đầu tổ chức đội du kích.

Bất kỳ ở đâu, nói đến tổ chức du kích, thì người ta hỏi: súng đâu? Bất kỳ bao giờ, những người đứng ra tổ chức đều trả lời: Phải cướp súng của địch. Cô Lan cũng thế.

Trước hết, cô Lan cho mấy người vào phủ do thám kỹ càng, địch đóng những nhà nào, đường nào, súng đạn, lương thực chúng cất ở đâu, v.v...

Biết rõ tình hình của địch rồi, cô Lan phái một số nông dân vào ở lẫn với dân trong phủ. Hôm sau phụ nữ trong phủ đi hái củi, khi đi thì ít, khi về thì đông. Trong mỗi bó củi đều có lựu đạn hoặc gươm dao.

Khuya hôm đó, thỉnh lính lửa cháy tứ bề. Địch lo cứu kho lương thực. Còn du kích thì trong đánh ra, ngoài đánh vào. Địch chạy phía nào cũng bị đánh

chặn. Một trung đội của địch bị tiêu diệt hết.

Trận này thắng lợi to, một là vì cô Lan mưu cao, gan cả. Hai là nhờ chị em phụ nữ gan góc, kiên quyết. Ba là nhờ dân trong phủ sẵn sàng hy sinh, mình tự đốt nhà mình mà không tiếc. Tiêu diệt xong quân địch, mọi người lại ra sức chữa lửa.

Bao nhiêu lương thực, tiền bạc lấy được của địch đem phát cho dân. Còn khí giới thì đem về để phát triển đội du kích.

VIII

*Du kích phải cho khôn ngoan,
Tuy người ít cũng đánh tan quân thù.*

Ông Lê Ba là một vị giáo sư gần 30 tuổi... Ban đầu, ông Lê cùng mười cậu học sinh tổ chức một đội du kích mỗi người chỉ có một con dao để hộ thân, ngoài ra chẳng có khí giới gì khác.

Một đêm trời tối, thầy trò dắt nhau đi, mò đến xung quanh nơi địch đóng, đốt mấy cái pháo. Thế là địch bắn tứ tung. Thầy trò lại kéo nhau đến nơi khác. Mục đích của Lê là cốt làm cho địch tổn đạn dược và tinh thần.

Dần dần có nông dân vào đội, được vài khẩu súng kíp, ông Lê chỉ đánh úp bọn địch lẻ tẻ như đội vận tải nhỏ và những lính địch đi tìm thức ăn. Đánh trận nào cũng được. Định giận quá, treo giải thưởng 10 vạn đồng để bắt ông Lê. Từ đó, tiếng ông Lê lại càng to.

Chiều ngày 1 tháng 2 năm 1943, một bọn lính địch súng ống hăn hoi, giải một người đeo gông đến phủ đường để giao cho quân địch đóng ở đó. Địch giờ giấy xem thì thấy trong giấy viết rằng: người đeo gông tức là Lê Ba.

Địch mừng rỡ, xúm nhau lại xem Lê Ba.

Bất thành lính Lê Ba quát một tiếng, gông liền rơi xuống, dao rút ra ngay. Trong nháy mắt bọn địch xung quanh đều hồn về chín suối. Mấy người giả làm quân địch ào ạt xung phong, người thì dùng dao, người thì ném lựu đạn.

Vì xuất kỳ bất ý, địch ngờ ngác trở tay không kịp, hơn 60 tên bị tiêu diệt hết, không còn mống nào.

Ông Lê Ba lấy một số súng ống, còn bao nhiêu phát cho dân ở phủ, tổ chức ngay một đội du kích mới, rồi để lại một người có kinh nghiệm giúp họ.

IX

*Tiếng đồn du kích công nhân,
Đánh đâu được đó xa gần ngợi khen.*

Hai mươi anh em công nhân xe lửa... tự tổ chức một đội du kích do anh Phi Hồ chỉ huy. Cũng như các đội du kích khác, đội Phi Hồ lúc đầu cũng chẳng có khẩu súng nào. Về sau cướp được của địch mới có súng mà dùng.

Đội Phi Hồ mỗi đội viên chỉ có một cái búa, một cái kim và một vài thứ đồ sắt lặt vặt. Họ chuyên môn tháo đường xe lửa, làm cho địch đã bị đổ xe nhiều lần, chết người, hại của vô số.

Sau mấy lần, địch đổ xe, đội Phi Hồ hồi được súng, thì chuyên môn hai việc, một mặt phá đường xe lửa, một mặt đánh úp đội vận tải của địch.

Cách đội Phi Hồ làm rất đơn giản. Trước hết phải do thám rõ ràng xe địch đi đường nào. Hai là chiều tối chúng đến nơi nào. Biết rõ ràng rồi, đội Phi Hồ tìm chỗ có địa thế tốt, có cây cối, căng một sợi dây thép bên này qua bên kia đường, cao bằng nửa đầu xe. Rồi im lặng mai phục hai bên đường.

Trời chiều, bóng cây tối. Lính lái xe vội chạy cho mau. Xe trước húc vào dây thép, hoặc đổ lăn ra, hoặc lao xuống vệ đường. Thế là xe sau cũng húc vào xe trước. Thế nào lính địch cũng nhảy xuống xe. Lúc đó, đội du kích nấp sẵn trong bụi cây, cứ mỗi viên đạn là một tên địch.

X

Nói ra chắc ít người tin

Hai mươi du kích phá nghìn địch quân

Nếu ai nói rằng hai mươi đội viên du kích giết hơn một trăm địch và ngăn cản hơn một nghìn địch không tiến lên được, thì chắc ít người tin. Sự thật lại có như vậy.

Huyện T. Đ. trước bị địch chiếm. Sau một đội du kích đánh bật địch ra khỏi huyện, lấy làm căn cứ địa tạm thời.

Cách T. Đ. chừng 30 cây số, làng Phú An, có địch đóng. Từ Phú An đến T. Đ. hai bên đều núi, giữa chỉ có một con đường.

Đội du kích dò biết rằng: bọn địch ở Phú An quyết định đánh trả thù. Nhưng vô luận thế nào cũng phải ngăn địch lại một ngày mới đủ thì giờ bố trí.

Tiểu đội trưởng Lai xin đem 20 người cầm tử đi cản địch.

Trời lơ mờ sáng, địch vừa kéo đến một đoạn đường thì thỉnh linh nghe một loạt súng hai bên núi bắn xuống. Địch không kịp phòng bị, đã thiệt hơn 10 tên.

Mấy người du kích nấp chỗ này bắn một phát, rồi lại chạy nấp chỗ kia bắn một phát. Thành thử địch không biết du kích đông hay ít. Địch phải lính lên núi dò. Tên nào trèo lên nửa chừng cũng bị đá núi lăn xuống chết hết. Kết quả là suốt ngày đó, địch chết hơn 100 tên, mà không qua lọt, đành phải kéo lui.

Thế là 20 người có gan, có mưu, biết lợi dụng địa thế, đã đại thắng địch quân.

XI

*Tiếng đồn du kích Văn Tân,
Dùng địch quân đánh địch quân mới cừ.*

Văn Tân cũng là một đội du kích có tiếng. Nhiều khi đội đó kéo đến một làng gần nơi địch đóng, rồi bảo dân làng đi báo. Dân làng không biết mưu của họ, không nỡ đi báo, sợ địch làm hại đến anh em du kích. Phải khuyên mãi dân làng mới chịu đi.

Địch nghe tin, hăm hở kéo đến vây đánh. Nhưng chưa đến nơi, đã bị đội Văn Tân mai phục đánh cho tan hoang.

Một hôm trời tối, đội Văn Tân chia ra, kéo đến hai làng gần nhau, rồi bảo cả làng đi báo cho hai nơi có địch đóng biết. Đồng thời phái đội viên nấp sẵn các nẻo đường địch phải đi qua. Địch đến đâu thì chạy về báo cáo ngay.

Khi biết tin hai toán địch đã gần nhau, đội Văn Tân mò vào quăng giũa bắn lung tung. Hai toán địch bắt đầu bắn lại, thì đội du kích chuẩn bị im phăng phắc.

Toán địch này chắc tưởng toán địch kia là du kích. Toán địch kia tưởng toán địch này là du kích. Hai toán đều ra sức bắn nhau. Khi biết là lầm thì thiệt hại nhiều rồi.

Lúc hai toán địch còn đang “anh xinh lỗi tôi, tôi xin lỗi anh” thì lại bị đội của Văn Tân lên đánh úp sau lưng cả hai toán. Địch lại chết một mẻ nữa.

Thế là, nếu du kích khôn khéo, thì có thể lấy súng địch bắn địch, dùng lính địch đánh lại địch.

XII

*Du kích cũng như đánh cờ,
Mưu cao, kế khéo bao giờ cũng ăn.*

Ai đánh du kích thì phải nhớ kỹ bốn điều này: một là phải dò rất rõ ràng, kỹ lưỡng quân địch; hai là tin tức phải hết sức nhanh chóng; ba là việc của mình phải hết sức bí mật; bốn là kế hoạch rất đầy đủ và khôn khéo.

Đội L.H. luôn luôn thắng lợi, là vì dùng đúng bốn điều đó.

Một đội 25 chiếc xe địch sắp từ N. L. kéo đi, Đội L. H. dò biết rõ ràng, tính đúng giờ nào nó sẽ đi đến đâu, mai phục sẵn sàng. Khi đoàn xe địch đi qua, bị du kích đánh tan hết.

Người tướng địch cũng giỏi. Nó đoán rằng theo phép dùng binh, du kích không bao giờ liên tiếp mai phục hai lần ở một chỗ. Vậy nên nó lại phái 25 chiếc xe cứ đi qua đường đó.

Nhưng đội L. H. lại giỏi hơn tướng địch. Đội L. H. nghĩ rằng địch chắc ta không dám mai phục lần nữa, vì vậy nó không đề phòng. Lần này chắc lại

thắng lớn. Quả nhiên lần thứ hai địch cũng thua tan tành.

Tướng địch tức giận. Nó cho phao tiếng đồn rằng sẽ có một toán xe nữa đi đường đó. Trước khi xe đi, nó đã phái quân đến mai phục sẵn.

Nhưng khi quân địch đến chỗ chúng muốn mai phục, thì đã bị bộ đội L. H. mai phục trước, đánh cho chúng hoảng một lần thứ ba.

Thế là đội L. H. thắng luôn ba trận tại một chỗ, trước hết là vì suy đoán giỏi.

KẾT LUẬN

... Hễ có lòng yêu nước, ghét địch, hễ có một chút mưu trí, thì bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con, ai cũng có thể đánh du kích. Thiếu súng thì cướp của địch mà dùng... Không trực tiếp đánh du kích được, thì cũng có thể giúp nhiều công việc cho đội du kích, như do thám quân địch, đưa tin tức, giúp lương thực, áo quần, phá hoại đường sá, cầu cống, giúp đỡ những đội viên bị thương, v.v...

Đồng thời mỗi đội du kích, mỗi đội viên du kích phải nhớ rõ câu này:

Du kích như cá, dân chúng như nước.

Được dân chúng yêu, việc gì cũng được.

Muốn dân chúng tin mình, phục mình, yêu mình, thì mình phải kính trọng, yêu thương dân chúng. Bất kỳ việc to, việc nhỏ, phải ra sức giúp đỡ dân chúng. Dù một cái kim, một sợi chỉ cũng không xâm phạm đến của dân. Đối với sự tôn giáo, tín ngưỡng của dân chúng, mình phải kính trọng. Có như thế, dân mới yêu. Dân có yêu, du kích mới vững.

Các đội viên du kích lại phải siêng nghiên cứu để học thêm kinh nghiệm, mới có thể mỗi ngày một tiến bộ...

*Tổng tập văn học Việt Nam, tập 36, Nhà
xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội,
1980, trang 791 - 803.*

KINH NGHIỆM DU KÍCH PHÁP(*)

Pháp gian cũng như Việt gian

Cũng đồ bán nước cũng quân hại nòi.

Năm 1940, Pháp bị Đức đánh quy, phải đầu hàng. Gần 2 triệu lính và 150 tướng Pháp bị Đức bắt làm tù binh. Cả nước Pháp bị quân Đức chiếm. Bọn Pháp gian, do thống chế Pétanh và thủ tướng Lavan đứng đầu, ra tổ chức Chính phủ bù nhìn. Một mặt, chúng cùng phát xít Đức khủng bố những người Pháp ái quốc. Một mặt, chúng bắt hàng triệu người Pháp bỏ nhà cửa, làng nước, qua Đức làm nô lệ.

Cũng trong lúc đó, bọn thực dân Pháp ở đây đầu hàng Nhật và ra tay khủng bố cách mạng Việt Nam.

Nhân dân Pháp bắt đầu nổi dậy. Đầu thì họ bí mật tổ chức những *tiểu tổ trừ gian giết địch*. Dần dần tổ chức những *đội du kích* to lớn.

Quân đội Đức trả lời bằng cách đại khủng bố. Dân Pháp giết một người Đức, thì quân Đức giết hàng chục người Pháp đang bị giam ở nhà pha.

Song, những người bị giam nhấn bảo những người ở ngoài rằng: “Anh chị em cứ ra sức giết địch. Chúng tôi chết, nhưng Tổ quốc ta sẽ sống”.

Các tiểu tổ du kích có khẩu hiệu: Địch đánh ta một vố, ta phải đánh lại 10 vố, để trả thù cho những đồng bào bị giết”.

Còn bọn bù nhìn thì giúp cho Đức lung bắt những chiến sĩ hoạt động. Sau đây là một tờ yết thị của bọn bù nhìn:

“Lời kêu gọi cùng dân Paris và quận Seine (Xen)

Mặc dầu lời khuyên bảo ân cần của thống chế Pétanh, những bọn phản đối sự đoàn kết toàn dân Pháp và có thù với Tổ quốc vẫn cứ tiếp tục tội ác của chúng.

Chúng bí mật và dê hèn âm mưu động chạm đến nhân viên của quân đội Đức, những nhân viên đó chỉ làm nhiệm vụ quân nhân của họ.

Đối với những tội ác đó, đồng bào phải tỏ lòng phẫn uất bất bình.

Đồng bào phải giúp sở cảnh sát. Phải phát giác bọn đó.

Nhờ sự hiểu biết, sự trấn tĩnh, sự chính đáng và sự giữ kỷ luật của đồng bào trong lúc khó khăn đau đớn này, đồng bào sẽ làm tròn bổn phận xứng đáng của

(*) Tài liệu này chưa xác minh được thời gian viết. Theo chúng tôi có thể là Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1974).

những người Pháp, nghĩa là phải tôn trọng những lời hứa để xây dựng lại xứ sở.

Ký tên: Magny, chủ tịch quận Seine,
Peuch, Chủ tịch Paris,
Đức giám mục Baudrillart,
Đức giám mục Suehard,
Baudouin, chủ tịch đại học thuốc,
Bellessort, chủ tịch hàn lâm viện Pháp,
và 28 vị thân sĩ ở Paris”.

Lời kêu gọi này giống hệt những lời kêu gọi của ông Lê Văn Hoạch nhà ta!
Mặc dầu bọn Đức khủng bố, mặc dầu Pháp gian phỉnh phờ, nhân dân Pháp, nhất là thanh niên nam nữ Pháp, vẫn ra sức trừ gian sát địch.

*

*Anh hùng từ thừa thiếu niên
Đã hăng hái lại thêm kiên quyết lòng*

Quan năm Phabiêng, 25 tuổi, là vị anh hùng nổi tiếng nhất trong công tác trừ gian sát địch.

Ông Phabiêng sinh năm 1919. Thân sinh ông là một người thợ làm bánh mỳ, ở trong một phố nghèo khổ nhất tại Pari.

Lúc lên 10, Phabiêng làm đội trưởng một đội nhi đồng.

Lúc lên 11 tuổi, gặp cuộc bãi công của thợ mỏ, Phabiêng tổ chức các em nhi đồng đi quyên tiền giúp cho con cái thợ bãi công.

13 tuổi, Phabiêng đi ở học nghề làm bánh. Một hôm bị chủ đánh một bạt tai, Phabiêng cầm xoong sũa bỏ ném vào mặt chủ, rồi cậu cầm đầu chạy về nhà.

15 tuổi, vào nhà máy học nghề thợ sắt.

Phabiêng có đức tính hăng hái, quả quyết, chịu khó, siêng học.

Năm 1936, phát xít đánh dân chủ cộng hoà Tây Ban Nha. Công nhân các nước tổ chức đội quân Quốc tế để giúp nhân dân Tây Ban Nha. Phabiêng cũng tình nguyện đi. Đến kinh đô Tây Ban Nha, vị chính trị viên ra điểm danh. Thấy Phabiêng trẻ tuổi quá, bèn hỏi: Đồng chí mấy tuổi?

Phabiêng trả lời: Thừa 17 tuổi.

Chính trị viên nói: Thế thì đồng chí không được đi đánh.

Phabiêng vội vàng nói: Cha mẹ tôi đã bằng lòng cho tôi đi kia mà.

Chính trị viên nói: Theo lệ định phải 18 tuổi.

Phabiêng phải ép lòng ở lại sau mặt trận, giúp việc giao thông.

Phabiêng làm việc rất hăng hái, gan góc, lại cẩn thận. Cho nên được thăng chức mau. Cuối năm 1937, được làm chức quản trong bộ tham mưu.

Một hôm trong hạ tuần tháng 10 năm đó, tổng tham mưu phái Phabiêng đưa một mệnh lệnh cho một bộ đội. Bộ đội này đang bị địch vây. Số đông binh

sĩ và các người chỉ huy, các chính trị viên, hoặc chết hoặc bị thương. Tình hình rất nguy, Phabiêng lập tức nắm lấy quyền chỉ huy. Mặc dầu địch bắn dữ dội, Phabiêng thu thập được 250 người, tổ chức lại trận thế phản công lại quân địch. Cầm cự gần một ngày, khi có một trung đoàn đến tiếp viện, Phabiêng giao lại sự chỉ huy cho đoàn đó, và trở về báo cáo.

Sau trận đó, Phabiêng được vào học trường quân quan học hiệu, do đội quân Quốc tế tổ chức.

Tháng 3 năm 1938, sau khi đánh nhau ròng rã 17 ngày, đoàn thứ 14 đội quân Quốc tế bị địch tấn công kịch liệt. Các người chỉ huy và chính trị viên đều chết hoặc bị thương. Một lần nữa, Phabiêng ra phụ trách cầm quân. Chẳng bao lâu, bị địch bắn lủng bụng. Đoàn trưởng vội vàng chạy lại, gấn cho huân chương Độc lập và thăng chức làm quan hai. Vào nhà thương, 3 tháng mới khỏi. Anh em quyết định Phabiêng phải về Pháp, vì sức còn yếu quá, không thể ra mặt trận nữa.

*

*Cứu Tổ quốc, cứu đồng bào
Nhờ nơi chiến sĩ, nhờ vào toàn dân*

Năm 1939, trước ngày chiến tranh bùng nổ, chính phủ Pháp ra lệnh giải tán các công hội, và bắt những người công nhân thường hoạt động. Phabiêng là một tay thanh niên hoạt động, vì vậy cũng bị bắt giam và bị đánh như tù. Cách ít lâu, Phabiêng vượt ngục, trốn đến Mácxây bí mật tổ chức thanh niên và hoạt động trong đám lính thủy.

Năm 1940, Phabiêng 21 tuổi, nhưng đã là chủ bút và chủ nhà in một tờ báo bí mật xuất bản đầu tiên ở miền Nam nước Pháp.

Tờ báo đó có tên là Tiền Phong. Trong lời kêu gọi có câu: “Không bao giờ một dân tộc như dân tộc ta mà chịu làm nô lệ. Sự hy vọng giải phóng cho Tổ quốc, cho xã hội là ở nơi quần chúng nhân dân”.

Trong một cuộc hoạt động, một số đồng thanh niên bị bắt. Phabiêng suýt cũng bị bắt, nhưng may trốn được chạy qua Lyông, chỉ huy tập thanh niên ở đó.

Một hôm thông chế Pétanli với tất cả nhân viên Chính phủ bù nhìn đến thăm thành phố Tuludơ. Trống rung, cờ mở, đủ đáng bù nhìn. Bỗng chốc truyền đơn trên trời bay xuống, chẳng những quần chúng lược được mà nó bay vào cả xe thông chế và xe các bộ trưởng bù nhìn. Làm cho các vị bù nhìn rất căm tức, mà dân chúng thì vui cười.

Đó là Phabiêng với thanh niên Tuludơ tổ chức. Họ đặt truyền đơn trên một miếng ván. Đặt miếng ván trên cái máng nước. Một sợi dây bí mật từ miếng ván ròng xuống bên đường. Lúc đoàn xe bù nhìn đi qua, một chàng thanh niên giả cúi xuống bên đường để cột dây giày. Vừa cột dây giày, vừa giựt sợi dây

kia, thì truyền đơn phấp phới tung bay.

Từ đó, truyền đơn và khẩu hiệu chống Đức, chống Pháp gian thường thường thấy ở các nơi.

Tháng 6 năm 1941, Đức phải kéo nhiều bộ đội ra khỏi nước Pháp để tấn công Nga. Sợ dân Pháp nhân dịp đó nổi lên, Đức càng ra tay khủng bố. Chỉ một thành phố Pari hơn 7 vạn rưỡi người bị giết.

*

Công việc sát địch trừ gian

Có chút mưu mẹo, chút gan là thành

Thanh niên ái quốc trong các tiểu tổ hăng hái dũng cảm có thừa. Nhưng khi giới và kinh nghiệm rất thiếu. Vì vậy, ngoài việc phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, thì trừ gian sát địch chỉ có tiếng mà chưa thực hành.

Phabiêng phụ trách chỉ huy mấy tiểu tổ, và quyết làm kiểu mẫu cho anh em bắt chước.

9 giờ sáng ngày 23 tháng 8 năm 1941, trong trạm xe điện dưới hầm, hành khách tấp nập chờ xe, người qua kẻ lại như mọi ngày thường. Trong số, có vị đại tá Đức, áo quần bảnh bao, bộ dạng kiêu ngạo, cũng như mọi quan binh Đức. Lại có 4 thanh niên lẫn lộn trong đám hành khách, thường liếc mắt nhìn trộm vị quan Đức.

Xe đến. Ai cũng sửa soạn, vị quan Đức sắp bước lên xe, thì thành linh ngã gục xuống đất.

Phabiêng vừa chạy vừa la: Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Còn 3 thanh niên kia chuẩn bị sẵn sàng nếu xảy ra sự ngăn trở thì cứu cho Phabiêng chạy thoát.

Đó là lần đầu tiên một quan địch bị thanh niên ái quốc giết, thanh niên ấy là Phabiêng.

Lẽ tự nhiên, việc đó đồn rầm khắp Pari, khắp nước Pháp. Và từ đó, những người ái quốc càng hiểu rằng: có một chút mưu mẹo, có một chút gan góc thì địch dù hung hăng cũng không đáng sợ, và phong trào trừ gian sát địch từ đó cũng bắt đầu bùng nổ hơn.

*

Không súng thì lấy ở đâu?

Lấy súng của địch, đánh đầu địch nhân

Bọn địch và bọn bù nhìn chửi rủa họ, gọi họ là quá khích, là tội nhân, là phản quốc. Chúng ra sức lùng bắt họ. Song ít khi tìm thấy họ, không biết họ là ai, không biết họ ở đâu. Vì họ rất *cẩn thận*, rất *bí mật*. Ban ngày, họ đi làm ăn như thường. Tối họ lại đi rình những nơi có địa thế. Mỗi tối, họ *gói đi* vài

ba quan, năm bảy người lính địch. Thế là họ lấy súng địch đánh lại địch. Mỗi đêm năm ba khẩu, tích trữ hàng tuần, hàng tháng thành một số nhiều.

Vấn đề cần kíp nhất và khó giải quyết nhất là vấn đề súng. Nay họ đã giải quyết xong.

Phong trào đó khởi đầu ở Pari, dần dần lan khắp các thành thị, thôn quê. Nơi này kho đạn của địch cháy. Nơi kia xe lửa của địch nổ, Hôm trước kho lương của địch bị đốt, hôm sau đầu tàu của địch bị thiêu.

Càng làm, họ càng hăng. Nơi này thi nhau với nơi khác, người này thi đua với người kia. Ban đầu chỉ có công nhân, thanh niên hoạt động. Về sau thì học sinh công chức, dân cày, thợ thuyền, phụ nữ, giáo viên. Lớp nào cũng tham gia.

Trong lúc đó, địch cũng hoạt động ráo riết. Chúng tung mật thám Đức và bọn Pháp gian ra khắp mọi nơi. Có những cụ già hơn 70 tuổi, những trẻ em chưa đầy 14, 15 tuổi cũng bị chúng bắt giết. Nhưng địch càng khủng bố, dân càng phản uất, càng ra sức giúp các chiến sĩ.

Trong những cuộc bắt bớ và chống bắt bớ đôi khi xảy ra những việc buồn cười. Thí dụ: Rôbe là một thanh niên làm nghề thợ vẽ, rất hoạt động trong việc phá hoại địch. Trong 2 tháng, Rôbe đã gói được 3 lính địch và xoay được 3 khẩu súng. Một hôm, hai Pháp gian và một mật thám Đức đón bắt được Rôbe, xịch tay Rôbe lại, chúng sắp dẫn về nhà pha. Nhưng Rôbe quyết không chịu đi bộ. Nếu dùng dằng mãi thì nhân dân ở đó ra cứu Rôbe, cho nên một Pháp gian và người mật thám Đức đành phải đi tìm xe để chở Rôbe. Trong lúc 2 thằng đi tìm xe, để một Pháp gian ở lại canh gác Rôbe, bất thành linh Rôbe vùng dậy, dùng xích đánh bể đầu tên Pháp gian, rồi cố sống cố chết chạy. Chạy vào một nhà nông dân. Sau khi nghe kể đầu đuôi, người nông dân mở xích tay cho Rôbe, lấy bánh cho ăn, lấy áo cho thay, cho một món tiền đi đường, rồi dẫn Rôbe vào rừng cạnh làng, chỉ đường cho Rôbe tẩu thoát.

Gêcanh, một công nhân 20 tuổi, người rất nhã nhặn, trong phố ai cũng yêu. Anh phụ trách kho khí giới bí mật. Một hôm anh mang thuốc nổ đi đến giữa đường gặp 5, 6 lính cảnh sát Pháp. Gêcanh nói thật với họ. Họ hoa tay, bảo Gêcanh “Muốn tốt thì chạy nhanh đi!” Rồi họ cứ đi đường họ. Song có một tên xung xăng muốn bắt Gêcanh. Gêcanh cho nó hai viên đạn vào đầu, rồi cứ khoan thai đi như thường. Mấy người cảnh sát kia biết vậy, nhưng cũng để mặc.

*

Các chiến sĩ và nhân dân

Như cá với nước, phải gần gũi nhau

Từ trước đến nay, những người ái quốc chỉ hoạt động lẻ tẻ, từng người, hoặc từng tiểu tổ. Bây giờ số người khá đông, khí giới khá nhiều, tổ chức khá vững, họ định làm những vũ to hơn.

Phabiêng đề nghị: Trước hết làm ở Pari để lấy ảnh hưởng.

Ngày 14 tháng 11 năm 1940, 5 học sinh cùng với 3 tiểu đội thanh niên do Phabiêng chỉ huy, đánh úp và phá huỷ một nhà sách to nhất ở Pari, toàn chứa những sách phát xít.

Lời nói của Phabiêng rất đúng. Vì sau cuộc đó dân Pari rất hăng hái. Nhiều người sẵn sàng tiếp tế các chiến sĩ và giấu ẩn họ trong nhà. Nhiều học sinh và giáo viên tham gia các cuộc tranh đấu.

Cứ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, họ đem nhau vào rừng tập quân sự, đọc tin tức tranh đấu ở Pháp, ở Nga, ở các nước và bàn định kế hoạch hoạt động cho tuần lễ sau. Mấy ông nghị viện cũ thì lo dàn xếp với dân trong và ngoài thành phố, để khi cần đến, họ giúp đỡ chiến sĩ.

Họ được một kinh nghiệm to tát là: *càng hoạt động thì càng được dân chúng ủng hộ. Càng được dân chúng ủng hộ thì tranh đấu càng dễ thành công.*

Lúc đó, đoàn thể chiến đấu tung ra một khẩu hiệu:

"Mỗi người yêu nước, phải gởi một tên địch".

Đức và Pháp gian treo giải thưởng, lùng bắt Phabiêng. Nhờ có dân chúng ủng hộ, Phabiêng vẫn hoạt động ở Pari, mà vẫn an toàn vô sự.

Một hôm, vào hồi tháng 3 năm 1942, Phabiêng đến chỗ chứa súng bí mật, thì thấy một tên mật thám Đức đã ngồi chờ ở đó. Bất thành linh Phabiêng cho nó một đá vào bụng. Nó lảo xuống, mà Phabiêng thì ra sức chạy.

Sau đó, đoàn thể phái đội Phabiêng đi phụ trách một tỉnh khác.

*

Chiến thuật du kích rất hay

Bí mật, nhanh chóng, đánh bay quân thù

Bất kỳ ở nước nào, ở Pháp cũng như ở Việt Nam, ở Nam Tư, cũng như ở Trung Quốc, trong cuộc tranh đấu giải phóng, có hai vấn đề ở đâu cũng giống nhau. Một là người càng đông càng thấy thiếu súng, và chỉ có một cách giải quyết là cướp súng của địch mà dùng. Hai là đánh du kích thì phải bí mật, nhanh chóng, đi không ai biết, về không ai hay, và phải có dân chúng vui lòng ủng hộ.

Lúc bấy giờ, có một số người Pháp bị đem qua làm công bên Đức, họ trốn trở lại. Một số công nhân tha chịu đói, chịu khát chứ quyết không làm với địch. Một số lính trốn về, một số thanh niên nam nữ muốn trừ gian sát địch. Phabiêng đến, liền tổ chức những người đó, Chia thành đội ngũ, tìm nơi ẩn nấp. Đặt ban huấn luyện, phân phối công tác. Đặt kế hoạch cho mỗi bộ phận đi du kích để cướp súng.

Ngày 20 tháng 9 là một ngày kỷ niệm của Pháp. Năm 1942, đến ngày đó, địch hạ lệnh giới nghiêm. Nhưng khắp nước các đội du kích làm đổ 12 chuyến

xe lửa. Nhiều lính địch thiệt mạng. Nhiều súng địch lọt vào tay các đội viên.

Các chiến sĩ tranh đấu càng mãnh liệt thì lòng dân càng hăng hái, các tầng lớp tham gia tranh đấu càng đông, mà địch càng bối rối.

Từ tháng 11 năm 1943, có những cuộc thợ thuyền bãi công, phụ nữ biểu tình.

Bảy công nhân xe lửa bị địch bắt và làm án tử hình. Mấy ngàn công nhân xe lửa vùng đó lập tức bãi công. Mấy ngàn phụ nữ kéo nhau đi biểu tình đòi tha 7 người bị án.

Địch thấy dân hăng hái, phải nhượng bộ, 7 người kia được tha.

Tục ngữ có câu: “*Mềm thì nắn, rắn thì buông*”. Thật là đúng sự thật. Hễ dân nhút nhát do dự, thì địch càng hung hăng. Nếu dân cương quyết mạnh dạn, thì địch phải lui bước. Đức cũng thế, Pháp cũng thế, ở đâu cũng thế, bao giờ cũng thế.

*

Công nhân xe lửa anh hùng,

Ra tay phá hoại, địch càng phải kinh

Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, công nhân xe lửa lãnh một phần quan trọng, và kết quả cũng khá to. Họ dạy cho các đội du kích phá đường một cách giản đơn mau chóng. Tự họ ra tay phá cũng nhiều.

Tháng 12 năm 1941, một tiểu đội công nhân xe lửa, do ông Poty chỉ huy, làm đổ một chuyến xe địch. Kết quả 2 đầu tàu, 30 toa xe đổ, hơn 300 quan và lính chết và bị thương. Đây là báo cáo giản đơn về kết quả phá hoại trong một ngày:

Ngày 15-2-1943.

- Đường Oadơ: Đổ xe chở lúa và than với 15.000 lít rượu, 5 lính gác xe bị bắt. Đường bị tắc 55 giờ.

- Đường Sômơ: 1 đầu tàu, 8 toa xe bị đổ, bắt được 4 lính gác xe. Đường tắc 65 giờ

- Đường No: 1 đầu tàu hỏng. Đường tắc 18 giờ.

- Đường Vilem: 160 thước dây nối bị cắt đứt.

- Đường Cale: 1 đầu tàu bị hỏng, đường tắc 10 giờ.

- Đường Đue: 3 đầu tàu, 11 toa xe hỏng, Đường tắc 45 giờ.

- Đường Xanhhêgôn: Trừ 1 Pháp gian rất có tiếng. Lật 1 đầu tàu xuống hồ.

- Đường Lanxơ: Phá một ổ máy trong xưởng.

- Pari: Phá một máy trong xưởng lương thực.

- Vùng No: đánh nhau với đội tuần binh địch: một địch chết, nhiều bị thương.

- Vùng Loa: đánh nhau với một đội địch. Địch chết 1, bị thương 1. Ta lấy được một súng máy, một súng trường và 5 súng lục.

Xem đó thì biết rằng: Du kích Pháp chỗ nào phá được là họ phá, chỗ nào

đánh được là họ đánh. Họ ra sức quấy rối địch. Mục đích là: *Góp nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi to.*

*

*Bắt kỳ sớm tôi gần xa
Canh gác cẩn thận thì ta an toàn*

Tháng 11 năm 1942, Phabiêng cùng một tiểu đội vừa đi phá hoại về. Kết quả rất khá: một chuyến xe địch lặn xuống hố. Vì trời mưa to, cả đội ướt đầm dề và rét như dao cắt. Anh em đem nhau vào một quăng rừng, đốt lửa lên sưởi. Ai cũng chắc rằng dân vùng đó rất tốt, cho nên không canh gác cẩn thận. Đang sưởi, bất thình lình nghe tiếng súng. Ngoảnh lại đã thấy địch bao vây bốn phía. Phabiêng bị thương nơi mặt, nhưng còn bắn lại, rồi gắng sức chạy thoát vòng vây, bơi qua sông mình trần, chỉ có một cái quần lót. Nhờ một người nông dân nuôi và cho thuốc, gần một tháng mới khỏi. Còn tất cả tiểu đội đều bị hy sinh.

Kinh nghiệm đau đớn đó, báo cho mọi người biết rằng: *Bắt kỳ bao giờ, ở đâu, cũng phải canh gác cẩn thận.* Kinh thường sơ suất là nhất định hỏng.

*
* *

Cuối tháng 11, Phabiêng về Pari có việc. Thành linh địch vây cả một dãy phố, xét giấy, bắt người, Phabiêng cũng bị bắt.

Trong ba lần tra khảo, Phabiêng bị 150 roi gân bò, bị dằn ngón chân, ngón tay, máu me đầy cả mình mẩy, chết đi sống lại mấy lần. Không đứng, không ngồi, không nằm được. Chân bị cùm, tay bị xích cả ngày cả đêm. Đã như thế, lại bị nhốt trong ngục tối. Sau ba tháng như thế, địch đưa Phabiêng đến một nhà pha khác, to hơn, rộng hơn.

Trong mỗi nhà giam có 60 người, phần đông là tù chính trị, Phabiêng liền tổ chức một nhóm du kích ở đó, và một ban huấn luyện về khoa học, văn hoá, chính trị, v.v..

Với những miếng giấy gói quà của hội từ thiện gửi đến, Phabiêng cùng các bạn trong nhà tù ra một tờ báo bí mật.

Lúc mới đến nhà giam này, Phabiêng đã có một kế hoạch trốn. Chẳng may cái địa đồ Phabiêng vẽ rơi vào tay địch. Thành thử mấy chục anh em đều bị phạt vào ngục tối mấy hôm.

Nhưng Phabiêng với một người đồng chí nữa vẫn cố trốn cho được. Họ xé chăn, áo để bện dây thừng. Họ ăn cắp dao để đào mạch. Họ chờ dịp tốt để thi hành. Lại may bên cạnh phòng giam họ là một phòng để trống. Nhờ vậy, nửa đêm ngày 1 tháng 6 năm 1943, Phabiêng và người đồng chí kia mạo hiểm

trốn khỏi nơi địa ngục.

Khi về đến trong xóm, Phabiêng mới biết rằng ông thân sinh, người anh rể và 93 chiến sĩ nữa đã bị địch bắn chết hồi tháng 8 năm ngoái. Cả nhà Phabiêng chỉ còn lại một đứa con gái 4 tuổi.

*

*Quốc dân đồng lực đồng tâm
Kháng chiến thắng lợi chắc chắn trong tay*

Mặt trận du kích càng ngày càng lan rộng.

Lúc bấy giờ, tất cả những người ghét địch, yêu nước, đều đoàn kết thành một khối không chia giai cấp, không chia trai gái, không chia già trẻ, không chia đảng phái. Tất cả mọi người, chỉ có một mục đích chung: *giết giặc và cứu nước*.

Có nơi, có những người bị địch bắt ép ra làm cảnh sát. Họ phải làm nhưng trong nhà họ chứa người du kích. Đêm lại, họ vác súng tham gia du kích.

Trong thời kỳ đó nảy nở ra những người anh tài mà ngày thường người tay không thể tưởng đến. Thí dụ: một cậu học sinh công giáo 17 tuổi, chỉ huy một đội du kích ở Bodăngxông. Cậu lấy tên một chiến sĩ thanh niên cộng sản bị địch giết để đặt tên cho đội của mình. Tranh đấu hơn một năm, lập được nhiều chiến công rực rỡ. Sau cậu bị địch bắt xử tử hình. Trước khi bị hành hình, cậu viết thư cho cha mẹ, trong thư có câu:

“Xin cha mẹ nói với bà con, bầu bạn rằng: Con rất tin tưởng Tổ quốc sẽ thắng lợi. Con mong cho Tổ quốc tự do và đồng bào sung sướng. Xin cha mẹ chớ phiền lòng, con vui vẻ đến phút cuối cùng, con vẫn hát bài cứu quốc ca mẹ dạy cho con lúc con còn nhỏ.

Con không viết được nhiều nữa. Bọn lính địch đã đến đưa con đi bắn. Xin cha mẹ chớ rầu rĩ. Con chết cho đồng bào, cho Tổ quốc. Có cái chết nào về vang như thế!

Sẽ có hàng ức, hàng triệu chiến sĩ trả thù cho con.

Sẽ có hàng ức, hàng triệu người ái quốc trả thù cho con.

Con hôn cha mẹ ngàn hôn. Tổ quốc muôn năm!”

Lòng dũng cảm của mọi người tỏ ra trong những kết quả rực rỡ. Chỉ trong vùng Xavoa và chỉ trong 5 tuần, mà kết quả như sau:

2/9/1943: Phá kênh. Tàu bè mấy ngày không đi được.

16/9: Phá một máy và đốt 2 kho lúa của địch

20/9: Toàn bộ một xưởng chữa máy của địch bị đốt phá.

21/9: Ba lính địch chết, nhiều bị thương

3/10: Đội X, đêm đi 30 cây số, phá 3 cái cầu.

4/10: Trừ 3 Pháp gian nổi tiếng.

5/10: Đánh một đoàn xe lửa. Đường bị tắc 14 giờ.

8/10: Phá kênh L, tàu bè không đi được 3 tuần

10/10: Phá ga M, máy móc hỏng hết.

Vùng này phá hoại thế, vùng khác cũng không chịu làm kém hơn. Du kích làm cho địch ăn không yên, ngủ không yên.

*

Khi dân đã đứng cả lên

Thì sức tranh đấu đã bền lại to

Thấy địch lòng rất quá, đoàn thể phải cho Phabiêng đi nơi khác. Phabiêng lập tức tổ chức nông dân, dùng khí giới để bảo vệ gặt lúa và giữ gìn trâu bò, không để cho địch cướp.

1943 trở đi du kích đã từ những người ô hợp, những đội lẻ tẻ, gặp đâu đánh đó, mà trở nên một đội quân có liên lạc, có kế hoạch chung, có chỉ huy thống nhất.

Phabiêng lúc đó 23 tuổi, phụ trách chỉ huy đội du kích phương bắc. Trong ba ngày kỷ niệm, 10, 11, 12 tháng 11, khắp nước có 55 cuộc đánh đổ xe lửa, 156 cuộc phá hoại.

Mà công tác phá hoại thì lan khắp mọi ngành, mọi nơi. Đường sá, cầu cống, xe lửa, mỏ than, nhà máy, kho tàng, trại lính, tàu bè... bất kỳ cái gì địch dùng là du kích tìm cách phá cho được.

Du kích càng hoạt động, càng được dân chúng ủng hộ. Vì vậy Phabiêng và các đồng chí khác, đến đâu cũng có thể tổ chức ban huấn luyện quân sự và huấn luyện thông tin.

Công việc thông tin và tính báo, hoàn toàn do *chị em phụ nữ phụ trách*. Họ cũng phụ trách dò xét địa hình, địa thế nữa. Chị em rất hăng hái, rất chịu khó và tổ chức rất khéo. Họ tổ chức các trạm khắp nước. Tùy theo hoàn cảnh khi thì họ đi bộ, khi đi ngựa, khi đi xe. Họ luôn luôn làm việc và đưa tin cả ngày đêm. Nhờ vậy, tin tức của du kích rất mau chóng. Ba ngày một lần, chị em làm một bản báo cáo chung, tóm tắt tất cả mọi cuộc hoạt động trong nước. Các đội du kích nhờ đó học lẫn kinh nghiệm của nhau.

*

Phụ nữ cũng là công dân

Trong cuộc kháng chiến gánh phần vẻ vang

Các chị em phụ nữ, chẳng những khôn khéo, hăng hái mà lại gan góc vô cùng. Thí dụ: Cô Ginbéc 17 tuổi, trưởng ban trinh thám: bị bắt, sau trốn được kể chuyện thế này:

Sau khi bị bắt, chúng bắt cô cởi hết quần áo, rồi 6 đứa dùng roi gân bò, và báng súng đánh cô, một đứa lấy tay bóp cổ cô. Cô nhất định không khai. Chúng tra cô bằng dây điện. Khắp mình cô, máu chảy lai láng. Tai cô như điếc, mắt cô như mù.

Khi cô chết ngất đi, thì chúng cho cô sống lại, rồi chúng lại tra khảo. Mỗi lần tra khảo chúng lại lột hết áo quần. Đánh chán rồi châm dây điện. Châm dây điện rồi, thì trối vào lò nước nóng. Mặt mũi mình mấy cô đều bầm tím. Nhưng tinh thần cô luôn luôn tỉnh táo.

Một hôm nhân lúc báo động, cô trốn được, lại trở về làm việc với đội du kích như trước.

Lại còn những hạng nữ anh hùng khác, tuy không tỏ ra công trạng oanh liệt rõ rệt, nhưng cũng kiên quyết hy sinh vô cùng. Phụ nữ tổ chức:

Những đội giặt giũ quần áo cho chiến sĩ,

Những đội may vá,

Những đội tiếp tế lương thực:

Những đội sắp xếp chỗ ở bí mật:

Những đội chăm nom chiến sĩ bị thương,

Những đội giúp đỡ gia đình các chiến sĩ,

Những đội canh gác trừ gian,

Những đội do thám,

Những đội úy lạo,

Những đội tuyên truyền.

Nói tóm lại, chị em phụ nữ gánh vác rất nhiều công việc. Nhờ chị em mà đội du kích đi đến đâu là có cơm ăn chỗ ở hẳn hoi. Thành thử chiến sĩ chỉ lo tranh đấu giết giặc, chứ không phải lo những việc lật vật.

Ngoài ra chị em phụ nữ thì đua nhau, con khuyên cha, vợ khuyên chồng, em khuyên anh, ra sức tham gia du kích, hoặc giúp đỡ du kích. Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, phụ nữ đã dự một phần rất vẻ vang.

*

Nhi đồng, tuổi nhỏ anh hùng

Tham gia du kích đi cùng thanh niên

Có những xưởng máy, tất cả công nhân bí mật tham gia đội du kích. Họ vừa làm công việc phá hoại. Ban ngày thì đi làm, ban đêm thì đi đánh. Chẳng những người lớn và thanh niên, mà cả những em nhi đồng cũng hăng hái tham gia. Đây là gương oanh liệt của một em nhi đồng:

Trong một cuộc đánh úp, một em nhi đồng và mấy người du kích bị địch bắt được. Địch đem mấy chiến sĩ đó ra bắn. Em bé tên là Hăngri, 12 tuổi, khoan thai nói với người quan địch: “Anh để cho tôi về hôn mẹ tôi, rồi tôi trở

lại cho anh bắn”.

Tên quan địch nói: “Mày muốn trốn à? Mày sợ chết à?”

Em Hăngri nói: “Không, tôi không sợ. Một chiến sĩ du kích không bao giờ sợ chết”.

Tên quan địch nói: “Đồ chó chết! Tao thử cho mày đi. Mày chạy đường trời cũng không khỏi tay tao”.

Em bé nghe vậy, vụt ra chạy một mạch.

Bọn địch hớn hở cười. Các chiến sĩ bị bắt thì lo sợ cho em bé.

Một hồi lâu, người tay thấy em Hăngri chạy trở lại, ai nấy đều sững sốt. Hăngri thông thả đứng dựa lưng vào một gốc cây, hai tay khoanh lại, mắt nhìn bọn địch, mà nói rằng: Tôi đã hôn mẹ tôi rồi, bây giờ chúng bay bắn thì bắn đi.

Bọn địch chĩa súng bóp cò. Trước khi chết, em Hăngri hô to:

“Kháng chiến thắng lợi muôn năm! Tổ quốc độc lập muôn năm!”

Bọn địch giết em Hăngri, nhưng trong lòng rất kính phục em, và rất sợ.

Sợ là vì chúng biết rằng một dân tộc mà trẻ con cũng yêu nước như thế, cũng gan góc như thế thì không ai chinh phục được. Một dân tộc như thế, nhất định sẽ thắng lợi.

Trong cuộc chiến tranh du kích, các trẻ em giúp sức rất nhiều, và cũng nhiều em hy sinh rất oanh liệt. Chuyện em Hăngri chỉ là một thí dụ.

*

Lửa khởi nghĩa đã nổ bùng

Bao nhiêu lực lượng vào chung một đường

Đầu tháng 7 năm 1944, Phabiêng phụ trách tổ chức đội xung phong trong cuộc khởi nghĩa ở Pari.

Trước hết, Phabiêng ra lệnh phá hoại xe vận tải của địch, cách phá hoại rất dễ dàng: Những miếng sắt vụn queo thành ba khía bỏ rải rác trên đường. Thế nào cũng có một khía lòi lên. Xe hơi dè dặt, thì nhất định hỏng bánh.

Các công nhân làm ra hàng triệu cái chông đó. Hàng vạn người tham gia vào việc rải chông đó. Các sông, các đường, các kho đều có những ban phụ trách phá hoại. Thành thử kết quả đầu tiên, là giao thông vận tải của địch bị hỏng. Phabiêng - bây giờ là quan năm Phabiêng - ra lệnh như sau:

“Chúng ta phải bạo đạn, bạo đạn nữa, bạo đạn luôn luôn. Đồng bào thủ đô phải nhen ngọn lửa sát địch, phải làm cho phong trào khởi nghĩa lan khắp nước.

Muốn làm tròn nhiệm vụ đó, cần phải:

Chỉ huy thiết thực các cuộc hành động. Mệnh lệnh phải rõ ràng, giản đơn, thiết thực, ai phụ trách công việc gì, địa điểm nào, ngày nào, giờ nào, phải làm xong.

Những việc sau này cần phải thi hành ngay:

a. Phá hoại giao thông vận tải của địch, dùng chông, dùng bẫy, phá đường, phá băng, đốt xe, đốt kho.

b. Tấn công các đội xe địch và Pháp gian lẻ tẻ.

c. Phá hoại đường xe lửa.

d. Tấn công và phá hoại các kho chứa dầu và sở chứa xe.

e. Mục đích những cuộc hành động đó là “cướp lấy tất cả mọi thứ khí giới, để võ trang bộ đội cứu quốc”.

Pari bắt đầu có những cuộc bãi công và biểu tình.

Địch tăng gia sự khủng bố.

Dân Pari tổ chức những đội chiến đấu.

Truyền đơn khởi nghĩa dán khắp các khu phố ở thủ đô.

Phabiêng lãnh đạo các cuộc tấn công cướp súng địch. Bị đạn vào chân, sau hai ngày mới gặp được đạn ra. Què nhúc nhắc, nhưng Phabiêng vẫn không rời bộ đội.

*

Nhờ lực lượng của toàn dân

Thì đều thắng lợi mười phân vẹn mười

19 tháng 8 năm 1944, thủ đô bắt đầu khởi nghĩa.

Hàng vạn chai dầu, xăng, axít ném vào phá xe tăng của địch.

Thanh niên và nhi đồng núp trên nóc nhà. Hễ thấy lính địch đi qua là bắn. Các phố, các ngõ đường, chương ngại vật mọc lên như nấm.

Địch bị nghĩa quân vây các phía, bị ép vào từng xóm. Tuy địch có chuẩn bị mìn, nhưng chúng không dám dùng, vì nếu mìn nổ thì chúng nó chết trước.

Phabiêng đóng bản doanh trong một quán cà phê, ba em bé con gái làm giao thông. Mặc dầu súng bắn tứ tung, ba em vẫn đem mệnh lệnh từ khu này qua khu khác.

Ngày 21 tháng 8, các địa điểm của địch hoàn toàn bị nghĩa quân bao vây.

Địch và Pháp gian thấy nguy hiểm bèn đề nghị đình chiến. Phabiêng ra lệnh: Hễ ai nói đến đình chiến thì sẽ xử theo quân luật.

Vòng vây càng thắt càng chặt. Tất cả dân Pari tham gia công tác. Đồ đạc trong nhà đều đem làm chương ngại vật. Thậm chí giường thờ, khung cửi, lò bếp cũng ném vào đó để cho nó cao hơn, chắc hơn.

Phabiêng phụ trách đánh vào đại bản doanh của địch. Theo kế hoạch, khắp các nơi đều tấn công, làm cho địch không thể cứu viện nhau. Xung quanh đại bản doanh địch, nghĩa quân bố trí cẩn thận, ai phụ trách đánh phía nào, giữ phía nào, ai tiến trước, ai tiến sau, đều định trước rõ ràng. Một khi có lệnh tấn công, thì thanh thế của nghĩa quân như núi nhào bể lở. Địch chống không nổi, phải xin hàng.

Ngày 22 tháng 8, thủ đô được giải phóng. Quan năm Phabiêng liền tổ chức bộ đội tiêu diệt quân địch ngoài thủ đô.

Tuy trong mấy năm chiến đấu, đội du kích bị hy sinh rất nhiều, nhưng đến ngày kháng chiến thắng lợi cũng có hơn 15 vạn chiến sĩ, già có, trẻ có, trai có, gái có, các đảng phái, các tầng lớp nhân dân đều có. Mà 15 vạn người đó ai cũng đồng ý rằng: Phabiêng là anh hùng nhất.

THƠ DU KÍCH

*Bọn phát xít
Cướp nước ta,
Nó cướp của,
Nó đốt nhà,
Nó đánh chết trẻ con,
Nó hãm hiếp đàn bà,
Nó bắn thanh niên,
Nó giết người già.*

*

*Khổ thể này,
Chịu sao qua,
Ta muốn sống,
Phải tham gia,
Đánh du kích,
Đuổi địch ra.
Bất kỳ trẻ hay già,
Đàn ông hay đàn bà,
Đều ra sức tham gia,
Đánh du kích,
Đuổi địch ra!
Hỡi quốc dân đồng bào,
Tiến lên cả xem nào!
Không có súng,
Ta dùng dao,
Ta dùng cuốc,
Ta dùng cào,
Ta lấy đòn ghình,
Ta nhổ cọc rào.
Hễ thấy địch,*

*Cứ xông vào,
Đánh cho chúng nhào.*

*

*Mỗi người là một chiến sĩ,
Mỗi làng là một chiến hào,
Ta nhất định thắng lợi,
Cờ Độc lập phát cao.*

Kinh nghiệm du kích Pháp dạy cho ta:

1. Muốn đánh thắng địch mạnh, thì phải dùng du kích.
2. Bất kỳ già, trẻ, gái, trai, ai cũng đánh du kích được.
3. Du kích muốn thắng, phải bí mật, cẩn thận, kiên quyết, nhanh chóng.
4. Du kích muốn thắng phải có nhân dân ủng hộ.
5. Muốn nhân dân ủng hộ, phải tốt với nhân dân.
6. Việc giải phóng dân tộc ở trong tay dân tộc.
7. Nếu có toàn dân đoàn kết, thì kháng chiến nhất định thắng lợi.

Kinh nghiệm du kích Pháp, in lần
thứ hai, Nhà xuất bản Sự thật, Việt
Bắc, 1948.

VIỆT BẮC ANH DŨNG

NHỮNG LỜI ĐOÁN TRƯỚC

Ngay lúc bắt đầu kháng chiến, Hồ Chủ tịch ra lệnh: *Trường kỳ kháng chiến*, để đánh tan mưu đồ *Đánh mau thắng mau* của thực dân. Ngay trước khi Trung đoàn thủ đô rút khỏi Hà Nội, Hồ Chủ tịch đã đoán trước: Dịch sẽ cố chiếm mấy thành thị và mấy đường giao thông. Bộ đội chúng càng rải rác, lực lượng chúng càng mỏng manh, ta càng dễ tiêu diệt chúng.

Ngay lúc đầu, Bộ Quốc phòng và Bộ tổng chỉ huy đã định dùng chiến thuật du kích để tiêu diệt địch.

Càng ngày chúng ta càng thấy những ý định trên là sáng suốt, nhất là trong cuộc tấn công vào Việt Bắc, chúng ta càng thấy rõ như thế.

CUỘC TẤN CÔNG VIỆT BẮC

Âm mưu của địch - Chúng muốn khủng bố nhân dân ta, tiêu diệt chủ lực ta, phá tan cơ quan ta.

Lực lượng địch - Chúng động viên 15.000 binh sĩ tinh nhuệ nhất trong hải, lục, không quân của chúng vào cuộc tấn công này.

Kế hoạch của địch - Chúng phóng một gọng kìm khổng lồ phía Nam, từ Hà Nội thọc thẳng đến Phú Thọ lên Tuyên Quang, đến Chiêm Hoá.

Một gọng kìm khổng lồ từ phía Bắc, từ Lạng Sơn rượt thẳng lên Cao Bằng, đến Bắc Cạn.

Một mũi dùi khổng lồ từ Hà Nội, chọc thẳng vào vùng Thái Nguyên, Bắc Cạn để chặt Việt Bắc ra làm hai miếng.

Nhảy dù lung tung ở Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Chu, Đại Từ, Vũ Nhai và nhiều nơi khác.

Một đại đội quân từ Bắc Giang - Bắc Ninh đánh tạt lên.

Thế là bốn phía thắt chặt, từ ngoài đánh vào, từ trong quét ra.

Thời gian của địch - Bọn quân phiệt thực dân định dùng cách đánh ào ạt, chớp nhoáng, bất thành linh, dùng cách “sét đánh ngang tai” làm cho ta hoang mang hoảng hốt, làm cho ta trở tay không kịp.

Chúng định trong một tháng thì đánh tan Việt Bắc. Rồi chúng khoan thai lập Chính phủ bù nhìn.

Kết quả thế nào - Thực dân quen thói lừa bịp, dù kết quả thất bại, chúng cũng khoe miệng rằng chúng đã thắng lợi.

Nếu chúng thắng lợi sao mà cơ quan và chủ lực của ta vẫn an toàn, vô sự. Nếu chúng thắng lợi thì vì sao chúng phải vội chuồn lui? Nếu chúng thắng lợi thì vì sao chúng mất hơn 6.000 binh sĩ chết và bị thương, nghĩa là mất hơn 1/3 lực lượng của chúng?

Chúng cứ rõ ràng - Muốn tránh khỏi sự nghi ngờ rằng ta phóng đại để tuyên truyền, muốn tỏ rằng chúng ta công bình, không thêm dùng cách lừa bịp như chúng, cho nên chúng ta chỉ đem tài liệu của chúng để làm chứng cứ thất bại của chúng.

Sau đây là một ít mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh địch, báo cáo của các bộ đội địch, thư từ của quan và lính địch mà ta bắt được trên các mặt trận. Có ngày tháng, tên họ rõ ràng. Địch muốn chối cũng không thể chối. Những giấy tờ hiện nay đang được trưng bày ở phòng tin tức của Bộ Quốc phòng. Đồng bào ai muốn xem, thì cứ đến xem.

TRÊN TRỜI RƠI XUỐNG

Ngày 7 tháng 10 vừa mờ sáng, 1.200 quân nhảy dù bắt đầu nhảy xuống Bắc Cạn và Chợ Mới.

Hôm sau, địch tiếp tục nhảy xuống Chợ Đồn.

Sau đây là mấy đoạn trích trong những thư ta bắt được của địch:

Viên đội Noel viết:

“Tàu bay chở thư và chở khách ở Đông Dương đều phải dùng để tham gia cuộc nhảy dù này. Tất cả 1.200 lính dù bay lên Việt Bắc”.

Viên thầy thuốc Cheminel viết:

“Trận này là trận to nhất của quân Pháp từ xưa tới nay”.

Tên lính Sanguinette viết:

“Hôm 7 tháng 10 là trận nhảy dù to nhất, mà trung đội tôi đã tham gia”.

Viên đội Ragaezi viết:

“Lần này là lần đầu tiên, mà 3 đại đội quân nhảy dù Pháp, nhảy xuống sau lưng địch”

Sau khi chúng nhảy xuống, chúng lập tức bổ ra đi tìm Hồ Chủ tịch và các ông Bộ trưởng.

Viên y tá Moreau viết:

“Tổng tư lệnh Pháp được tin rằng: Từ 19 tháng 12 năm 1946, Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam đóng ở Bắc Cạn. Vì vậy chúng tôi được mệnh lệnh phải lùng cho được họ”.

Và chúng rất lạc quan. Viên quan ba Establié viết:

“Ta sẽ chụp được trung tâm điểm của Hồ Chí Minh. Cuộc chiến tranh

sẽ chấm dứt, Chính phủ bù nhìn sẽ lập thành. Nước Pháp lại cai trị Việt Nam như trước...”

Viên đội Michel viết:

“Tôi chắc rằng đội của tôi sẽ được cái hân hạnh chấm dứt cuộc chiến tranh. Chắc như vậy. Bọn V. M yếu ớt lắm rồi. Chiến tranh sẽ hết nay mai.

TRONG RỪNG NHẢY RA

Sau khi được tin địch tiến công, Hồ Chủ tịch liền kêu gọi bộ đội, dân quân du kích và toàn thể nhân dân ra sức tiêu diệt bọn địch.

Ông Tổng chỉ huy quân đội Việt Nam thì lập tức hạ lệnh như sau:

1. Quân đội ta phải đánh mạnh và bẻ gãy gọng kìm Lạng Sơn, Cao Bằng của địch.

2. Phải đánh mạnh và bẻ gãy kìm phía Sông Lô

3. Phải ngăn trở không để hai đạo quân của đại tá Beaufré và đại tá Communal gặp nhau ở Chiêm Hoá, Đại Thị.

4. Bộ đội ta ở Nam Bộ và miền Trung Nam Bộ phải đánh mạnh, để làm yếu ớt sức địch ở Việt Bắc.

Nhận được mệnh lệnh đó, bộ đội ta từ các ngả rừng, reo hò nhảy ra quyết chiến với quân thù.

TRỜI GẦN ĐẤT XA

Bọn lính nhảy dù, khi chưa nhảy xuống thì hăm hở, khi đã nhảy xuống thì lại phàn nàn.

Tên lính nhảy dù Fickène viết cho vợ nó:

“Tốp nhảy dù ở Bắc Cạn thiệt hại khá nhiều”

Viên thầy thuốc Cheminel viết cho vợ ở Sài Gòn:

“Sau khi nhảy dù, chúng tôi có nhiều người chết, nhiều người bị thương và nhiều người bị ốm”.

Ngày 9 tháng 10 đội phòng không Việt Nam ở Cao Bằng hạ một chiếc máy bay, trong đó có tướng Lambert và một số sĩ quan chuyên môn chỉ huy mặt trận đó. Tại Bắc Cạn bộ đội của quan năm Sauvagnac bị ta vây.

Viên đội Penduff viết cho vợ:

“Vô tuyến điện báo cho chúng tôi biết rằng quan năm Sauvagnac và đội xung phong nhảy dù xuống Bắc Cạn hôm qua, hôm nay bị vây. Chúng tôi phải đi tiếp viện. Vì vậy ngày mai chúng tôi phải nhảy dù xuống Bắc Cạn”.

Hôm 15 tháng 10 ta vây đội nhảy dù ở Chợ Mới, giết được 70 tên. Một số lính nhảy dù bị thương, phải vội vàng trở về Bắc Cạn.

Quan hai thầy thuốc Moreau viết:

“Ở đây chúng tôi bị tập kích luôn luôn. Bọn Việt Minh hay đánh úp bộ

đội vận tải của chúng ta. Nhiều người chết và bị thương. Ban mổ xẻ không bao giờ ngớt việc”.

Pháp muốn liên lạc Chợ Mới với Bắc Cạn, nhưng liên lạc khó lắm vì...

Tiểu đội trưởng Denis viết:

“Bọn V. M đông lắm và mạnh lắm”

Đội trưởng Vershueren viết:

“Từ khi chúng tôi nhảy xuống đất đến giờ luôn luôn bị bọn V. M bao vây. Chỉ có tàu bay tiếp tế cho chúng tôi. Mỗi khi chúng tôi đi ra, là bị bọn V. M trên núi bắn xuống liền”.

NĂM ĐẤT VEN ĐƯỜNG

Địch bắt đầu thấy rằng: ở Việt Bắc dễ ăn mà khó nuốt. Có nhiều tên, hôm qua đang ngênh ngang dưới chiếc mũ đỏ, mà hôm nay đã im lìm dưới năm đất vàng.

Viên đội Suteau viết:

“Đầu tiên khá dễ chịu. Nhưng bây giờ khá rầy rà. Than ôi! Có nhiều bạn đã hy sinh và gửi xương nơi đất Việt”.

Phía Tuyên Quang cũng như phía Bắc Cạn, Vệ quốc quân và dân quân du kích ta bắt đầu phản công. Ngày 15 tháng 10, gần Tuyên Quang 10 tên địch bị giết và 7 tên bị thương. Tiểu đội trưởng Coulon viết:

Chúng tôi đang bị vây. Hơn một tiểu đoàn V. M đóng cách chúng tôi hơn hai cây số. Chúng có đủ các thứ súng ống. Hôm qua chúng nó vào tập kích, chúng tôi bị thiệt hại khá nhiều...”.

Quan hai Malaval viết:

“Bọn V. M bắt đầu hoạt động. Chúng nó chịu khó và kiên quyết như thường. Vì chết và bị thương nhiều, cho nên hàng ngũ của ta đã thưa thớt dần. Còn lòi thôi chưa biết bao giờ mới hết”.

Liên hôm sau là ngày 19/10/1947, trong một trận cách Tuyên Quang 5 cây số, quan hai Moreau tử trận cùng 30 lính Pháp chết và bị thương.

Thế là nhiều quan và lính địch, đã bắt đầu gửi xác trong những năm đất bên đường ở các tỉnh Việt Bắc.

HAO BINH TỔN TƯƠNG

Đây là thư quan năm Bourdeau viết cho ông cụ, bà cụ ở Pháp:

“Thưa thầy mẹ, ở đây chiến tranh vẫn tiếp tục và vẫn tàn khốc lắm. Chúng con phải đánh với bọn du kích trong rừng và chúng con bị thiệt hại nhiều lần”.

Còn đây là báo cáo của quan năm Santus, sau trận gần Chiêm Hoá ngày 22/10/1947 mà Pháp đã mất 70 người chết và bị thương.

“Tôi xin báo cáo về trận chiến đấu với V. M ngày 22/10. Trong đội chúng

tôi đã có những người sau này chết và bị thương:

(Tên tuổi và cấp bậc của 70 người chết và bị thương)

“Cộng 8 người chết và 16 người bị thương hôm 18/10 với số thiệt hại hôm nay khiến cho đội chúng tôi hiện nay chỉ còn: 4 sĩ quan (1 hãy còn đang ốm), 8 hạ sĩ quan, 60 lính (6 người đang ốm).

Tất cả là 72 người mà 7 người đang ốm, còn 65 người.

Có những trung đội chỉ còn 12, 16 người, 18 người, bây giờ cần phải tổ chức lại, vì hạ sĩ quan tử trận nhiều quá.

Vì lẽ đó tôi phải tổ chức đại đội lại thành 2 trung đội, mỗi đội chừng 25 người Pháp.

Cần phải 4, 5 ngày mới tổ chức và giải quyết xong những vấn đề vật chất khác. Vì vậy, trong mấy ngày đó, đội tôi không thể phụ trách việc gì hết”.

Ký tên: Quan năm Santus.

BA CHÌM BẢY NỔI

Bên bộ như vậy. Bên thủy thế nào?

Hôm 24/10, tàu và ca nô địch, chiếc sau nổi chiếc trước như một đàn cá sấu, kéo ngược Sông Lô đến Đoan Hùng cách Tuyên Quang 27 cây số, bị ta tập kích.

Súng máy, đại bác, bazooka của ta nấp hai bên bờ khạc đạn to, đạn nhỏ xuống. Tàu và ca nô của địch ở giữa sông nghi ngút bốc khói và lửa lên. Một chiếc tàu của đại đội địch vỡ tan, súng ống trên tàu chìm xuống đáy sông. Xác lính địch nổi bập bềnh đầy mặt nước.

Sau đây là một vài thí dụ trích trong lời khen ngợi mà quân đội Pháp đã tặng cho những tên địch chết hoặc còn sống:

Lời khen của sư đoàn cho Têtar, lính hạng nhì:

“Trong trận bị phục kích ở Phủ Đoan, ngày 24/10/1947, Têtar nhảy xuống Sông Lô. Và mặc dầu những loạt bắn khủng khiếp, bằng đại bác và súng trường, liên thanh của địch. Têtar đã giúp để cứu những người bị trọng thương”.

Lời khen của quân đoàn cho đội trưởng Cortin:

“Đội trưởng Cortin đã tham gia chiến tranh ở Tunisie, ở Ý, Đức. Bị Đức bắt làm tù binh, trốn thoát được. Ngày 24/10/1947, đội trưởng Cortin đi với chiếc tàu chiến lên Sông Lô. Bị địch dùng đại bác và bazooka bắn vào rất khủng khiếp, tàu này bốc cháy. Đội trưởng Cortin đã tổ chức việc cứu vớt những người bị thương nặng và rơi xuống sông. Sau mấy phút đội trưởng Cortin cũng bị thương và tử trận”.

Lời khen của quân đoàn cho quan hai Biraud:

“Ngày 24/10/1947, một trung đoàn V. M có súng máy, bazooka và hai khẩu đại bác 75 ly, tập kích tàu trận ta ở Đoan Hùng. Tàu bị bốc cháy, bộ đội

do quan hai Biraud chỉ huy đã chìm theo tàu hết, vừa chìm vừa hát quốc ca”.

Trong tài liệu ta bắt được, những giấy khen như thế, đóng lại thành một quyển dày như quyển từ điển.

KHỐC THAN KHÔN XIẾT

Ngày 25/10/1947, quan ba Michek viết cho bạn:

“Bạn xem, đời sống ở đây, không phải ngày nào cũng vui sướng đâu”.

Và đây là nhật lệnh của quan tư Lejosne đọc trước bộ đội Pháp ở Tuyên Quang:

“Chỉ trong hai ngày, đội ta đã mắc hai vố nặng (Coups très durs).

“Trận phục kích khôn khéo của địch hôm 22/10/1947 ở Mackhan và ở Phủ Đoan đã làm cho đội ngũ ta *thua thiệt một cách nặng nề*”

“Trong những cái hố đầy địa lôi khủng khiếp: quan năm Santus đã phải vớt xác những lính của ông.

“Lúc đầu cuộc tấn công, đại đội thứ 4 đã mất hết nửa số người và súng moócchiê. Nhưng trong *những giờ khủng khiếp và luôn mấy ngày chết dở sống dở, đại đội thứ tư đã tỏ ra dũng cảm vô cùng.*

“Tôi rất lấy làm hân hạnh mà được chỉ huy những đội như thế.

“Khi đại bác và súng máy địch bắn cháy và chìm một chiếc tàu trong chốc lát, một tiểu đội vừa chìm theo tàu, vừa hát quốc ca. Những bộ đội như thế thì làm gì cũng làm được.

“Bấy nhiêu người chết và mất tích, sự hy sinh của họ không phải là vô ích vì họ hy sinh cho mục đích cao thượng. Tức là làm cho nước Pháp trở lại cái địa vị vẻ vang khắp hoàn cầu.

“*Vận mệnh đã hai lần rủi ro cho chúng ta. Rồi đây không thể nó không chuyển lại.*

“Quan và lính trung đoàn thứ 43 sẽ càng đồng tâm hiệp lực để tranh đấu cho mục đích mà *nhiều người đã hy sinh vì nó.* Trung đoàn thề sẽ cố làm cho mục đích đó thắng lợi và sẽ báo thù cho những người đã hy sinh xương máu để giữ vững địa vị của nước Pháp ở Đông Dương”.

Tuyên Quang, 25/10/1947

Tiểu đoàn trưởng Lejosne ký.

Chúng ta có thể nói rằng: Nhật lệnh của đoàn trưởng Lejosne là:

“*Rằng hay thì thật là hay,*

Nghe ra ngâm đẳng nuốt cay thế nào!

13 HOÁ RA 31

Trong những ngày trung đoàn 43 mắc chết ở Sông Lô, thì đạo quân Beaufré cũng mắc chết ở nơi khác. Sau đây là vài bức điện do đạo quân nơi ấy gửi:

- Gửi cho đội C

Tàu đang mắc cạn. Đang tìm thuyền. Phà không đi được vì nước to quá. Đã chiếm được làng X. Sau khi kịch chiến. Tàu vẫn mắc cạn như hôm qua. Nhớ thả dù và đạn dược và lương thực cho hai ngày. Tối nay không có gì ăn nữa.

Ký tên: Kergaravat

- Gửi ông Kerga

Khó thả dù vì trời u ám. Cho các đội dùng dấu hiệu mà liên lạc với các máy bay bay qua đó.

Ký tên: Frappa

- Đến Na - đồn sau khi kịch chiến, ta chết 32 trong đó có quan ba Roussel, 12 bị thương nặng. Không thể đi Bản Thi nếu không gửi lừa ngựa và tiếp viện thêm. Đây không bắt được người phu nào, mà lính ta thì mệt nhọc quá.

Ký tên: Kerga

- Gửi ông Kerga:

Đội trưởng Petit đến Bắc Nhung sau một cuộc kịch chiến. Ta chết 14 người, trong đó có quan hai Malval, 15 bị thương

Ký tên: Communal

Đội trưởng Pillet viết cho bạn:

“Ngày nào cũng bị bọn quỷ V. M tập kích. Mỗi lần bị tập kích là có chết và bị thương... Nếu không có súng đi đoàn hành thì đi thế này cũng như đi chơi. Xong tiếc thay bọn V. M cứ bắn đi đoàn hành khắp nơi”.

Mà thật vậy, ở đâu quân địch cũng vấp vào bước khó khăn. Phía Sông Lô, Sông Gầm thì tàu và ca nô địch bị đánh đắm hoặc bị phá hỏng. Ở Đèo Gà gần Chiêm Hoá thì bộ đội Communal bị vây hôm 20/10/1947 và mất hơn 100 chết và bị thương. Bộ đội địch ở Chợ Đồn mục đích liên lạc hai đạo quân Communal và Beaufré bị dân quân du kích ta quấy rối rồi tiêu diệt mất hơn nửa lực lượng cho nên cũng không liên lạc được.

Thành thử hai đạo quân Communal và Beaufré định gặp nhau ở Đại Thị ngày 13/10 nhưng đến 31/10 cũng chưa gặp nhau mà sẽ không bao giờ gặp nhau vì tướng Communal đã chuyển về Hà Nội rồi.

SÔNG LÔ ĐẦY XÁC

Ngày 10/11/1947, bộ đội Pháp kéo xuống Sông Gầm. Bên thủy thì do quan tư Kergaravat và Petit chỉ huy. Bên bộ thì do quan ba Bruneau lãnh đạo.

Bộ đội Pháp đang nghênh ngang kéo đi đến ngã ba Sông Lô thì bất thành lính bị đại bác, bazooka, súng máy, súng trường, lựu đạn ta bắn vào. Tiếng đạn lẫn tiếng reo làm vang trời chuyển đất.

Kết quả trận phục kích này Pháp bị đắm hai thuyền, 3 tàu bị hỏng, hơn

350 quan và lính bị chết đạn, chết cháy và chết trôi.

Từ 2 giờ trưa đến 3 giờ sáng, lửa cháy vùn vụt, xác nổi lềnh bềnh hơn một cây số trên Sông Lô. Đến nổi nước sông thối mảy ngày không dùng được.

Sau đây ta trích vài đoạn trong vài giấy khen ngợi lính sống và quân chết do tướng Communal ký để chứng tỏ trận phục kích này:

- “Eballe, lính.

Ngày 10/11/1947 tại Sông Lô, mặc dầu các tàu ta bị V. M dùng pháo binh và súng máy bắn dữ dội, Eballe vẫn đeo lấy chiếc tàu đã bị phá hỏng...”

- Demaeght, cai.

Ngày 10/11/1947 tại ngã ba Sông Lô và Sông Gắm trong lúc địch dùng hai đại bác và nhiều súng máy bắn dữ dội vào đội tàu và nhiều người đã chết và bị thương. Cai Demaeght vẫn giữ tinh thần trấn tĩnh...”

- Cortin, đội phó.

Ngày 10/11/1947 tại Sông Lô, trong lúc VM đánh dữ dội vào đội tàu ta và đã bắt đầu cuộc phục kích thì đội trưởng đã thiệt mạng, đội phó Cortin vẫn làm tròn nhiệm vụ cho đến phút cuối cùng...”.

Còn đây là bản quyết định của quan tư Petit chỉ huy tiểu đoàn thứ 45:

Quyết định:

“Xét vì kết quả những cuộc chiến đấu vừa qua buộc bản chức phải dùng những phương pháp để củng cố tiểu đoàn ta.

Đó là những điều *cần kíp quân sự không thể tránh được*.

Nay phải nhập 4 đại đội thành 2 đại đội mới đủ lực lượng như những đại đội thường.

Việc này cần phải làm ngay.

Vì vậy trong lúc chờ đợi tiếp viện, đội thứ 2 và đội thứ 3 sẽ nhập vào đội thứ 1 và đội thứ 4”.

Ngày 13/1/1947

Ký tên: Petit

Thế là quan năm Santus phải nhập bốn tiểu đội thành hai tiểu đội vì số người chết và bị thương nhiều quá.

Còn quan tư Petit phải nhập 4 đại đội thành 2 đại đội. Cũng vì thế mà tướng Communal phải ra lệnh cho các bộ đội địch còn ở phía trên cấp tốc rút xuống Tuyên Quang. Nhưng đến cây số 34 lại bị ta tập kích làm địch mất hơn 60 chết và bị thương.

Ngày 22/11/1947 đạo quân Communal chia làm 2 toán. Một toán theo đường bộ, một toán theo đường thủy rút ở Tuyên Quang về xuôi. Họ để lại rất nhiều súng ống đạn dược và mìn mìn địa đầy mìn mìn Tây.

Gọng kìm khổng lồ phía này thế là bị ta bẻ gãy.

Ngày 15/11/1947, chú lính Pernot gửi thư cho vợ:

“Nếu ta có con, ta sẽ không để chúng nó đi vào cái xứ khủng khiếp này”.

CON ĐƯỜNG ĐẮM MÁU

Gong kìm phía Nam đã gãy, gong kìm phía Bắc cũng lung lay
Ngày 20/10/1947 một đội quân Pháp trên đường Bắc Cạn - Cao Bằng bị ta chặn đánh, địch mất hơn 30 chết và bị thương.

Quan hai Billy viết thư cho vợ:

“Anh em ta bị V. M phục kích. Ta mất 31 người chết trong số đó có 2 sĩ quan và 3 hạ sĩ quan. Trong một tháng chúng ta mất 6 sĩ quan. Hôm vừa qua quan hai Bertrant và quan hai Webert cũng tử trận với 41 hạ sĩ quan và lính. Thế mà người ta bảo ở Đông Dương hết chiến tranh rồi”.

Nhưng đó chỉ là cuộc tập kích đầu, để khơi mào cho những cuộc tập kích khác.

Ngày 23/10, một đại đội Pháp từ Bắc Cạn đi tiếp viện Chợ Đồn bị ta phục kích. Hai xe cam nhông địch rơi xuống hồ, người và súng cũng rơi theo. Địch phải rút lui về Bắc Cạn.

Ngày 26/10 địch kéo từ Bắc Cạn qua Chợ Mới cũng bị ta phục kích. Đây là lời quan hai Bailly thuật lại trận ấy:

“Quan tư kéo bộ đội đi... Và cách đồn ta mấy cây số thì thành linh bị phục kích... Chúng ta mất 25 người bị thương trong số đó có 10 người chết, sau mấy tiếng đồng hồ... Bộ đội đương đầu với một bọn địch đông hơn ta và thạo đường sá hơn ta, cho nên phải rút trở về”.

Quan một Riallaut viết thư cho bạn cũng nói như thế: Cuộc tập kích Chợ Mới làm cho chúng ta thiệt hại rất to”.

Lính mũ đỏ Conraux cũng viết:

“Hôm đầu hơi lạng lẽ. Nhưng bây giờ rắc rối lắm”.

Ngày 20/10, một toán 33 xe địch chở quân nhảy dù từ Cao Bằng về Lạng Sơn. Đi đến đèo Bông Lau bị đại bác, moócchiê và súng máy ta tương vào, 27 xe bị phá tan có mấy chiếc nhào xuống hồ. Hơn 200 lính nhảy dù và lính thường chết và bị thương.

Báo Pháp và báo Việt Nam ở Hà Nội cũng không giấu được cuộc thất bại này. Tinh thần quan và lính Tây rất hoảng hốt.

Đội trưởng Hervo viết:

“Đời sống ở đây không yên ổn gì. Ngày nào cũng có anh em chết. Chiều hôm qua chúng ta lại có mấy người chết, mấy người bị thương, một chàng thanh niên 19 tuổi bị cưa mất một chân. Tội nghiệp quá!”

Ngày 18/1/1948 trên đường Lạng Sơn - Cao Bằng địch lại bị một vế nữa. Lần này chúng bị phục kích ở Lũng Vài và Bồ Củng.

Bốn xe địch chở 47 tên lính và nhiều súng đạn hạng nặng đi tiếp tế cho một bộ đội khác trên đường số 4. Ta chặn đánh. Địch chỉ chạy thoát được 3 tên, còn

44 tên bị ta tiêu diệt, trong đó có 2 tên đội, 2 tên quân, 3 tên quan hai, 1 tên quan một. Bao nhiêu súng ống và vật liệu trên 4 chiếc xe ta lấy được hết.

Thế là gọng kìm phía Bắc cũng gãy như là gọng kìm phía Nam.

“Lúc đi nhiều kẻ hy sinh,

Lúc về nhiều kẻ bỏ mình tha hương”

Đó là một câu trích trong bức thư một người lính Pháp viết cho bạn nó.

Như đã nói trên đây, đạo quân Communal chia làm hai toán. Một toán thủy chuẩn xuôi Sông Lô đến La Hoàng lại bị ta chặn đánh. Một toán bộ chuẩn theo đường Tuyên Quang - Thái Nguyên để về Vĩnh Yên. Đến Bình Ca, Sơn Dương, lại bị ta chặn đánh, tổn thất khá nhiều.

Viên đội Bicard viết cho vợ:

“Ở Pháp người ta nói hết chiến tranh rồi. Kỳ thực ở đây chiến tranh vẫn tiếp tục. Lúc đi nhiều người bị hy sinh. Lúc về cũng như vậy”.

Đạo quân Beaufré định 14/10 đến Chợ Chu nhưng mãi đến 25/11 mới đi đến. Nghĩa là chậm mất 41 ngày. Ở Chợ Chu 9 hôm, rồi cũng phải rút lui.

Đạo quân này đi qua Quảng Nạp, Đình Đồi, Quán Ông Lão, bị ta liên tiếp đánh úp mấy trận mất hơn 200 chết và 100 bị thương.

Qua Phục Linh bị ta đánh 1 trận địch chết 150 và 70 bị thương.

Qua Sơn Cốt lại bị một trận nữa hơn 100 chết và 50 bị thương.

Trong lúc đạo quân Communal và đạo quân Beaufré đang lâm vào bước điều đứng thì Tổng tư lệnh Pháp ở Hà Nội cho quân đi cứu họ.

Ngày 26/11/1947 hai đội quân Pháp nhảy dù xuống Vũ Nhai, Trảng Xá và vài nơi khác ở Thái Nguyên. Đồng thời một trung đoàn do quan năm Giraud chỉ huy kéo từ Cầu Đường, Phả Lại qua Bắc Ninh, phủ Lạng Thương lên Yên Thế, gần Bắc Ninh đạo quân Giraud lại mất hơn 200 bộ hạ chết và bị thương rồi cũng rút trở về.

Tổng tư lệnh Pháp phái một đạo quân từ Hoà Bình kéo sang phía Bắc để tiếp viện đạo Communal. Đến Thu Cúc bị ta chặn đánh chúng để lại hơn 100 chết và bị thương còn 200 lính Thái thì mang cả súng chạy sang phía ta.

Đến Tô Vũ lại bị một vỏ nữa, lại mất hơn 100 chết và bị thương.

Trong lúc đó quân Communal cũng bị ta đánh rất ở Liêu Sơn và ở Phan Lương. Một điều đáng chú ý là trong những trận này bộ đội ta lấy súng địch đánh lại địch. Trong lúc rút lui, đạo quân Beaufré đi 30 ngày mới được 150 cây số tức là mỗi ngày chỉ đi được 5 cây số. Còn đạo quân Communal thì để mồ tử sĩ rải rác khắp dọc đường.

Viên đội Francis viết:

“Tôi lo lắng. Chúng ta không tiến được. Không biết mấy ngày, mấy tháng nữa mới đi đến nơi”.

MỘT THÁNG THUONG TÂM

Tàn quân Communal và Beaufré đã rút về Hà Nội. Dù sao cũng tạm yên thân. Song những bộ đội Pháp còn ở trên con đường Lạng Sơn, Bắc Cạn, Cao Bằng lại lâm vào cảnh khốn đốn.

Sau đây là tờ báo cáo công việc trong một tháng của quan năm Carbonnel:

... Từ ngày 1/1/1948 trung đoàn của tôi phải phân tán thành nhiều tốp. Việc đó không khỏi làm cho các cán bộ than phiền. Sau những trận thua thiệt ở Nam Kỳ, sau những tuần vật vã ở phía Bắc, tiểu đoàn này lại *mất 4 sĩ quan trong khoảng 15 ngày*, 2 quan hai và 2 quan ba.

“Địch quấy rối cứ điểm và đường giao thông ta luôn luôn không ngớt. Đã có nhiều trận khá to, chúng tổ địch gan góc, liều lĩnh và kiên quyết đẩy chúng ta ra khỏi xứ này. Những cuộc phản kích của địch *chuẩn bị rất cẩn thận và thi hành rất mạnh dạn*. “Ở Bắc Cạn ban đêm thường thường bị quấy rối. Đã mấy lần địch mò vào tận phòng tuyến của ta. Thí dụ đêm 26, 27 tháng trước 1 đại đội V. M đã tiến công vào chỗ ta làm ta thiệt 1 sĩ quan và 9 lính.

“Nà Phắc cũng bị quấy rối nhiều lần, tổng cộng chúng ta mất 36 chết và 43 bị thương.

“Đèo Giàng bị phục kích hai lần. Ngày 6/12/1947 ta mất 26 chết và 15 bị thương. Ngày 14/12 ta 12 chết và 8 bị thương.

“Ở Nước Hai và Nguyên Bình có đội du kích Cao Bằng cũng súng ống đạn dược đầy đủ. Lại có một đội *nghĩa quân người ngoại quốc* đủ súng máy, moócchiê chuyên môn đánh đội tiếp tế của ta.

“Bộ đội ở Khuôi Sao và đội tiếp tế cũng bị phục kích mấy lần. Chúng ta mất 25 chết và 12 bị thương ở đó.

“Bộ đội ta ở An Lão và Mã Phục cũng luôn luôn bị tập kích.

“Tôi được tin tình báo rằng: Địch sẽ tập kích ta trong dịp kỷ niệm ngày 19 tháng chạp và ngày tết Noel. Quả nhiên hôm 23 tháng chạp trên đường Đông Khê - Cao Bằng địch tập kích trên một mặt trận dài 800 thước có đủ súng máy liên thanh, lựu đạn và bẫy. Chẳng may một đại đội người Phi Châu đi xe qua đã bị thiệt hại rất to.

“Trận thứ hai vào đêm 26, 27 ở Thất Khê. Tôi đến Thất Khê để chuẩn bị một đợt tấn công vào Po Ma. Có lẽ vì không giữ được bí mật cho nên nửa đêm thì chỗ tôi đóng bị phục kích tợn. 18 người bị thương trong đó có quan ba Taco. Một mặt địch tập trung 2.000 người để giữ Po Ma.

“Nói tóm lại: địch tỏ ra *đánh hăng*

“Mặc dầu nói ra thì ngại ngùng nhưng ta phải thừa nhận rằng: Suốt cả tháng 12 địch đã giữ quyền chủ động, họ luôn luôn tấn công ta trên đường giao

thông cũng như ở các căn cứ điểm.

Kết luận: Tháng Chạp là thời kỳ rất hoạt động của địch. Chúng ta bị thua thiệt rất đau đớn, nhất là ta đã mất 9 sĩ quan

Ngày 1 tháng 1 năm 1948

Ký tên: Quan năm Carbonnel

NAM BẮC MỘT LÒNG

Trong lúc địch tấn công vào Việt Bắc thì đồng bào và chiến sĩ ta ở Trung Bộ và Nam Bộ hoạt động ráo riết.

Plékou, Phan Rang, Cần Thơ, Tân An, Tây Ninh, Vĩnh Long, Mỹ Tho, và nhiều nơi khác, nơi nào địch cũng bị tấn công.

Sài Gòn, Chợ Lớn là vùng địch chiếm đã hơn 2 năm, mà đêm 4/1/1948 cũng bị ta đánh tợn. Suốt mấy tiếng đồng hồ, moóchiê, bazooka, súng máy và lựu đạn ta bắn tủa vào thành phố, động đất vang trời để hưởng ứng cuộc tấn công của ta ở Việt Bắc.

Thế là cuộc tấn công của địch vào Việt Bắc đã bị thất bại.

Sau đây là những con số bị thiệt hại bên địch và bên ta, từ ngày 7/10/1947 đến 25/12/1947.

BÊN PHÁP

- 3.300 người bị chết trong đó gần 100 võ quan cấp úy và tá.
- 3.900 người bị thương
- Một số bị bắt làm tù binh
- 270 thân binh sang nhập ngũ bộ đội V. N.
- 18 chiếc phi cơ bị hạ và bị huỷ
- 16 pháo thuyền bị đắm hoặc bị phá
- 38 ca nô lớn nhỏ bị đắm hoặc bị phá huỷ
- 255 xe bị đốt phá hoàn toàn
- 13 máy vô tuyến điện bị phá
- 85 mortiers bị hỏng
- 90 bazooka bị hỏng
- 762 đại, trung, tiểu liên thanh bị phá
- 4.100 súng trường bị phá, cùng với một số quân dụng rất lớn
- 1 phái đoàn tham mưu của Bộ Tổng tư lệnh miền Bắc Đông Dương bị chết.
- 1 phần bộ tham mưu trung đoàn 43 bị chết.

BÊN TA

- 200 tự vệ, dân quân và V. Q.Q chết.
- 168 bị thương

- 26 đội viên mất tích.
- 1 khẩu đại bác 75 ly do ta tự phá huỷ.
- 4 trung liên thanh bị hỏng.
- 48 súng trường bị phá.
- Hơn 2.500 trâu bò bị giết.
- Hơn 3.760 nóc nhà bị Pháp đốt.

TA THU ĐƯỢC

- Một số rất lớn các giấy tờ quan trọng của Bộ tham mưu Pháp
- 2 khẩu đại bác 105 ly
- 3 khẩu đại bác 75 ly
- 42 mortiers
- 16 đại bác 20 ly
- 357 liên thanh các cỡ
- 45 bazooka và rất nhiều đạn
- 1.160 súng trường
- Hàng chục tấn đạn dược và các đồ quân nhu, quân dụng, nhất là trong các tàu chiến và ca nô địch bị đắm.

Chắc có người lấy làm lạ, vì sao Pháp có súng ống tốt như thế, mà số chết và bị thương lại to gấp 10 lần bên ta? Thì có gì lạ đâu: ta đánh du kích, đánh địa lôi, ta thấy địch mà địch không thấy ta. Thành thử nhiều khi ta giết hàng chục, hàng trăm tên địch, mà bộ đội ta không có một người nào bị thương.

*
* *

Thực dân thất bại. Thực dân muốn chữa. Nhưng cuộc nói phét của chúng cũng thất bại cũng như cuộc tấn công kia. Ngày 9/1/1948 Tổng tư lệnh Pháp ra một tờ thông cáo về trận Việt Bắc. Cũng trong ngày ấy, Bộ tuyên truyền Pháp tổ chức một cuộc trưng bày “thắng trận”. Tiếc vì hai bên không bàn với nhau, cho nên nói khác nhau. Thành thử lời đuôi ra. Đây là một vài con số lão toét của họ:

<u>Bên Tổng tư lệnh địch</u>	<u>Bên bộ tuyên truyền địch</u>
V. M chết 6.000	10.000
V. M mất 547 súng trường	3.000
5 đại bác	11
11 liên thanh	200
5 xuống máy	25
2 radio	40

Vân vân. Thực rõ bọn thực dân lấy ý muốn làm sự thực.

MẤY BỨC THƯ

Những năm nghĩa địa chôn lính Pháp rải rác từ Chiêm Hoá đến Lạng Sơn đủ làm chứng sự thất bại của Pháp. Nhưng mấy bức thư (trong hàng trăm bức thư khác) sau đây lại tỏ rõ thêm cuộc thất bại của bọn thực dân.

Viên đội Noel viết:

“Tôi mong rằng xong trận này thì họ để chúng tôi về Pháp... Máu đổ nhiều rồi, bao giờ hoà bình trở lại?”.

Tiểu đội trưởng Bottine viết:

“Những lời rêu rao của bọn to đầu (Pháp), tức là những lời chửi rủa những anh em ta đã bị hy sinh. Tôi tự hỏi: Bao giờ trò hề ấy sẽ chấm dứt? Bao giờ sự thật sẽ được rõ ràng?”.

Lính nhảy dù Lamose viết cho vợ:

“Em ơi! Không biết em có yêu anh nữa chẳng, vì anh đã bị thương hằn hạng nặng! Chưa bao giờ anh run như thế này. Mà đâu phải chỉ một mình anh, *tất cả những người bạn anh đều rung khắp khắp*”.

Quan ba Bourdeaux viết cho bà Bourdeaux:

“Người ta thường nói xứ này nước độc. Nhưng tôi không ngờ nước độc đến thế này. Trung đội của tôi 30 người sốt rét, 20 người bị hắc lao”.

Đội trưởng Paureau viết:

“Đã 3, 4 ngày 8 người bị thương nằm chờ không có thuốc. Ba người đã chết rồi, sao họ không thả dù thuốc? Nếu có thuốc thì những người đó không đến nỗi chết, tội nghiệp như thế. Không có máy bay để thả dù thuốc, nhưng nếu tướng Salan muốn đi chơi thì bao nhiêu tàu bay cũng có”

Ngoài những thư than phiền vì bệnh, lại có nhiều thư than phiền vì đói rét. Bộ đội Pháp chỉ ăn đồ hộp Mỹ. Những đồ hộp đó đáng lẽ chỉ dùng đến năm 1942 thì thiu, không nên dùng nữa. Nhưng người Pháp vẫn dùng, chẳng những vẫn dùng mà lại không có đủ mà dùng.

Điện quan tư Kergaravat gửi quan năm Communal:

“Nhớ gửi ngay hai ngày lương thực. Chiều nay chưa có gì cho bộ đội ăn”.

Đội trưởng Laussel viết:

“Ban đầu thì có gà, có lợn. Nay ăn mãi hết rồi. Bánh mì cố nhiên không có”.

Báo cáo của quan hai Logier, ngày 3/12/1947:

“Tháng này, tình hình chẳng hơn gì tháng trước. Áo và chăn vẫn thiếu. Nếu áo chăn chỉ gửi đến sau mùa rét, thì đó là một điều rất đáng tiếc. Giấy cũng vẫn thiếu”.

TÌNH THẦN SÚT KÉM

Vì luôn luôn bị ta chặn đánh và quấy rối, vì người ốm thiếu thuốc men, người khoẻ thiếu ăn mặc, cho nên tinh thần quân đội Pháp sút kém dần dần.

Quan tư Lejosne viết báo cáo ngày 3/11/1947:

“Tinh thần của bộ đội ta đã đến chỗ nao núng”.

Mấy bức thư sau đây, chứng tỏ rằng lời báo cáo của quan tư Lejosne không sai:

Viên đội Bicard viết thư cho cha mẹ:

“Ngày tháng càng kéo dài, *bộ đội ta càng nhiều người chết*. Đó là chiến tranh! Mong rằng giấc ác mộng kinh tởm này sẽ chấm dứt mau”.

Tiểu đội trưởng Paureau viết cho anh em:

“Cuộc chiến tranh phi nghĩa này bao giờ sẽ chấm dứt, để chúng ta được sống một đời hoà bình trong gia đình ấm áp của chúng ta”.

Đội trưởng Frustié viết cho vợ:

“Em có biết chằng, anh đã *chán chường với bộ đội rồi*, vì những lẽ mà anh không thể viết rõ trong thư này. Anh không biết anh có thể ở đây cho đến ngày mãn hạn không? Anh không chắc lắm, vì anh trông thấy *nhiều điều nó làm cho anh thương tâm quá*. Vả lại bánh chẳng có, rượu cũng không, chán lắm. Chán lắm. Đó cũng là một lẽ mà anh quyết thoát ly bộ đội”.

Lính mũ đỏ Lanoise viết cho bạn gái:

“Chẳng có vui vẻ gì cho những người cả ngày mạo hiểm bị đánh bể đầu (se font casser la gueule). Cái đời của một người lính chỉ là một cái đời buồn bã. Tôi chỉ ước mong được trở về nhà cho mau...”

Quan hai Logier viết:

“Những tin tức về sự phá sản chính trị và kinh tế của Pháp, không thể làm tăng lòng phấn đấu của những người Pháp ở đây. Người ta tự hỏi: Những sự hy sinh và cố gắng của mình sẽ vô ích chằng?”.

Quan ba Thibaut viết:

“Xem địa đồ, thì bạn sẽ thấy từ Hoà Bình chúng tôi đã đi bao nhiêu đường. Bọn V. M *đông không thể tưởng tượng được*. Chúng tôi đã bị phục kích nhiều lần, và đã thua thiệt khá nhiều.

“Từ ngày chúng tôi đến đám rừng này, có một trung đoàn V. M súng ống đầy đủ, vây xung quanh chúng tôi. Về phần tôi, tôi đã bắt đầu thất vọng. Tôi thấy rằng những công việc chúng tôi làm là vô ích. *Chúng tôi không quét được gì hết*, vì vừa đi qua, địch liền trở lại ngay.

... Theo ý tôi, thì chính sách này là chính sách vu vơ.

“Thưa thầy, tôi phải nói lại một lần nữa rằng: Tôi đã hoàn toàn chán nản, và vì thế mà sức tôi càng yếu đi. Tôi không có hứng thú làm gì hết nữa”.

Báo cáo của quan tư Lejosne viết ngày 13/11/1947:

“Tinh thần đội số 1 cũng như tinh thần các đội khác. Cần phải có một cuộc thắng trận để gây cảm tưởng rằng những cuộc thất bại đã được bồi đắp, *vì tinh thần của Đoàn rất kém*.”

“*Vì chết chóc nhiều* trong trận phục kích của địch ngày 22/10, mà tinh thần đội số 2 đến nay vẫn thấp kém. Họ có cảm tưởng rằng từ trước tới nay vẫn cứ bị *vận hạn đến dữ*. Những hạ sĩ quan và đội trưởng tốt nhất đều bị chết hoặc bị thương, cho nên tinh thần cán bộ cũng lay động.

“Đội số 4 - *Vì trận đại bại của thủy quân, nên rất chán nản*. Cán bộ ra sức giữ tinh thần, nhưng không nên đem ra trận lần nữa, vì tinh thần sẽ suy sút rất mau”.

KỶ LUẬT HÙNG HỒ

Nhật lệnh của quan ba Morand ngày 18/11/1947:

“Đã nhiều lần, những cán bộ chịu mệnh lệnh phụ trách công việc, nhưng không chịu làm. Họ tự bỏ công việc, mà không báo cáo. Đó là những hành động rõ ràng vô kỷ luật”.

Báo cáo quan ba Lejo gửi quan năm (tên gì không đọc được):

“Thưa ngài. Tôi kính trọng trình ngài tờ báo cáo của quan hai Brenac về việc mất cấp 15 hòm đồ hộp Mỹ, ngày 10/11/1947.

“Tôi xin ngài sẵn lòng phát cho 15 hòm khác”.

Đại đoàn trưởng Đoàn số 43 gửi quan năm văn phòng số 4:

“Tôi kính trọng gửi trình ngài tờ báo cáo của quan hai Biraud về việc mất cấp đồ đạc ngày 17/11/1947:

“Người hạ sĩ quan trực nhật ngày hôm đó bị những sĩ quan và hạ sĩ quan các đội mới đến lừa gạt, cho nên xảy ra việc đó...”.

Báo cáo của quan ba Michaud ngày 18/11/1947:

“Những tù binh người Đức trong bộ đội ta trốn đi càng ngày càng nhiều”

Thông cáo ngày 5/12/1947:

“Bộ đội ta nhờ Mỹ tiếp tế. Thế mà nhiều quan binh ta quen thói xài phí quá chừng.

“Các sĩ quan ta phải hiểu rằng: Tình hình kinh tế và tài chính không cho phép ta hoang phí như trước nữa, chúng ta sinh hoạt nhờ vào những thứ để dành từ 1945, những thứ đó tích trữ rất khó nhọc, và thế rồi là hết. Ngân sách của chúng ta càng ngày càng giảm bớt. Những vật liệu ở Pháp không gửi đến, chúng ta lại không có tiền ngoại quốc để mua ở Ấn Độ và Phi Luật Tân. Và chẳng vật liệu các xứ đó rất đắt đỏ, vì giá đồng tiền Pháp giảm sút.

“Đồng thời ta phải chú ý rằng: những thùng đựng dầu xăng, những dù nhảy tàu bay (mỗi tấn giá 150.000 quan), và những vật liệu đặc biệt khác, càng ngày càng hiếm, thế mà vừa rồi những vật dụng, trong những cuộc hành quân vừa rồi, bị các đội bộ binh lấy cắp mất nhiều”.

Ký tên: Tướng Salan

Chuyện thú vị nữa, là đối với việc khen thưởng, có khi người sống tranh người chết, quan tranh với lính. Sau đây là một thí dụ:

Quan ba Bordeaux viết cho quan ba Nicolas trong Bộ tổng tham mưu Pháp: “Tôi sắp được giấy khen. Nhưng nay nhiều người đã chết và bị thương, mà cấp trên lại định để đánh giấy khen cho những người chết và bị thương nặng đã. Tôi biết bạn có thể lức lắm, vậy nên tôi mong rằng khi đến tôi nhờ bạn phê đơn cho tôi trước”.

ĐÂY LÀ VĂN MINH

Bọn thực dân Pháp luôn luôn khoe miệng rằng:

Chúng chỉ có một mục đích cao thượng là khai hoá văn minh cho dân Việt Nam. Song những hành động tối dã man của chúng đã khiến cho những người còn có chút lương tâm trong đám chúng cũng phải than phiền.

Viên y tá Florantin viết cho cha mẹ:

“Thưa thầy mẹ, con không ngờ người ta mà lỗ ló phạm đến việc tàn sát đàn bà trẻ con, đốt phá cướp bóc, như mắt con đã trông thấy... Con thú thật rằng con xấu hổ cho loài người, con xấu hổ cho người Pháp”.

Tên lính nhảy dù Mayette viết:

“Bọn Việt Minh không phải là người, và người ta giết chúng như giết lợn”.

Vài thí dụ:

Theo tờ báo cáo tỉnh Phúc Yên, thì trong vùng đã có 117 phụ nữ bị hiếp, trong số đó có hai bà cụ ngoài 70 tuổi, 26 em bé chưa đầy 10 tuổi.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Chợ Chu, người ta tìm thấy gần trường bay 5 cái xác trẻ em gái, ở phía dưới bị xé rách một cách thê thảm.

Bọn Pháp chẳng những hãm hiếp phụ nữ, mà còn hãm hiếp cả đàn ông. Chẳng những hãm hiếp người mà còn hãm hiếp cả súc vật.

Giết người, cướp của, đốt nhà, phá nhà thờ, đốt đền chùa, bẻ thánh giá, đập tượng Phật, đó là những hành động “văn minh” của chúng, mà chính Bôla cũng phải thừa nhận. Chúng đi đến đâu là gieo rắc thảm hoạ đến đó.

Đây là một bức thư “văn minh” tên quan ba Diot ở vùng Su Uyt gửi cụ Đình Công Phú, lãnh tụ đồng bào Mường và giữ chức chủ tịch Ủy ban kháng chiến Hoà Bình:

“... Ông chống cự lại bộ đội Pháp.

“Đương cục Pháp không thể để thế mãi... Nhưng theo nguyên tắc khoan hồng của người Pháp, đương cục Pháp sẽ để cho ông một dịp cuối cùng.

Thay mặt cho bộ đội chỉ huy là kẻ bảo hộ xứ này, tôi ra lệnh cho ông một lần cuối: Trước ngày 15/11/1947, ông phải đem nộp tất cả súng ống và bộ hạ của ông cho tôi. Nếu quá hạn đó mà ông chưa làm theo lệnh này thì tôi sẽ *đốt hết các làng, đốt sạch cả lúa, lấy hết trâu bò, bắt hết cả dân sự: sẽ làm cho xứ*

sở ông tan nát, sẽ truy nã ông đến cùng, và sẽ không để ông trông thấy quê cha đất tổ ông”.

25/10/1947

Ký tên: quan ba Diot

Đó, đồng bào đã thấy “văn minh” của Pháp chưa?

Trong những giấy má, thư từ ta bắt được của Pháp, phần nhiều là nhớ vợ, nhớ nhà, muốn về, than phiền vì cực khổ. Cũng có nhiều thư hứa hẹn sẽ gửi tiền về. Có mấy tên, trong một tháng trước khi tấn công Việt Bắc, đã gửi về nhà... lần tiền, mỗi lần hàng vạn bạc Tây. Tiền ấy ở đâu ra, không nói thì ai cũng biết.

Song cũng có những bức thư mà chúng ta nên chú ý. Những thư này nói cho chúng ta biết vùng nào ta *phá hoại đường sá triệt để*, chúng đi chậm trễ. Vùng nào ta phá hoại sơ sài, chúng đi được mau chóng. Chúng lại mĩa mai đồng bào ta *làm vườn không nhà trồng một cách sơ suất*, người thì biết lánh vào rừng nhưng gà vịt, lợn bò thì để lại cho chúng ăn, cho chúng giết, chỉ 2 tỉnh vùng B mà *chúng giết hơn 2500 con trâu bò*. Đó là kinh nghiệm đau đớn mà đồng bào ta phải nhớ luôn luôn.

CON RỒNG CHÁU TIÊN

Việt Bắc là gốc tích tổ tiên Hùng Vương ta dựng nước. Là nền tảng chống ngoại xâm của ông cha ta, như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo. Là căn cứ chống Pháp của tiền liệt ta như cụ Hoàng Hoa Thám. Là căn cứ địa của cuộc dân tộc giải phóng, chống Pháp, chống Nhật. Là quê hương của Giải phóng quân, anh cả của Vệ quốc quân.

Đồng bào Việt Bắc gồm có Kinh, Thổ, Nùng, Thái v.v... phong tục tập quán tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng lòng nồng nàn yêu nước, lòng căm hờn thực dân, thì muôn người như một.

Lòng yêu nước của đồng bào, nhập với tình thế hiểm trở của sông núi thành một lực lượng vô địch, nó đã đánh tan cuộc tấn công của thực dân trong trận vừa rồi. Nếu muốn chép lại hết cả những sự hy sinh và oanh liệt của nhân dân, thì phải mấy quyển sách mới đủ. Vậy đây chúng ta chỉ nhắc lại vài thí dụ, để nói rằng *tất cả các giới đồng bào toàn dân nhất trí đều hăng hái tham gia công cuộc bảo vệ Việt Bắc*.

Phụ lão. Ở Tuyên Quang một cụ già ngoài 70 tuổi bị giặc Pháp bắt hỏi: Bộ đội VN ở đâu? Cụ già ngang nhiên trả lời: Dân Việt Nam ai cũng đánh Pháp, ta đây cũng là một người trong bộ đội Việt Nam. Giặc tức giận đem cụ ra bắn. Trước khi chết cụ già còn hô to: Việt Nam độc lập muôn năm, Hồ Chủ tịch muôn năm.

Ở Cao Bằng có một đội phụ lão du kích, do một cụ già 70 tuổi chỉ huy, đã cùng dân quân xung phong đánh giặc, ngăn trở giặc không thể kéo qua làng để đi vây bộ đội ta.

Nhi đồng. Ở Chợ Chu sáng ngày 27/11/1947 có 3 em nhi đồng từ 12 đến 14 tuổi ném lựu đạn vào một đội lính tuần Pháp, tiêu diệt hết cả đội.

Ở Cao Bằng gần Nước Hai, đầu tháng 12/1947 hai em nhi đồng 13, 14 tuổi giật mìn giết được 30 tên Pháp.

Phụ nữ. Ở Cao Bằng một chị đồng bào thổ 17 tuổi dùng dao đâm một tên lính nhảy dù cướp được súng của nó rồi bắt nó làm tù binh đem giao cho bộ đội ta.

Ở Phúc Yên một bà già 60 tuổi bị giặc bắt. Bà cụ cấp được một quả lựu đạn, ném vào giữa một tốp giặc đang ngủ, giết chết 5 tên và bà cụ cũng hy sinh.

Nông dân. Ở Thái Nguyên, người nông dân bị giặc bắt đưa đường cho chúng. Anh ấy dẫn chúng nó đi vào chỗ ta chôn mìn. Toàn cả đội giặc bị tung lên trời chết hết. Anh ấy cũng đã hy sinh vì nước.

Ở Tuyên Quang, 3 tên lính mũ đỏ vào làng cướp gà, lợn. Một người nông dân nấp trong bụi bắn 2 phát súng kíp, giết chết cả 3 tên giặc. Anh ấy lấy được 3 khẩu súng và 3 cái ba lô đem về nộp cho đội du kích.

Binh sĩ. Ở Bắc Cạn trong khi địch bắn rào riết, một vệ quốc quân tên là Nguyễn Văn Phiên xung phong giết chết 5 tên địch, rồi xông vào đồn cướp lựu đạn địch ném vào địch làm chúng chết mấy tên nữa.

Ở trận Phủ Thông ngày 30/11/1947, tiểu đội trưởng Chu Văn Vân một mình giết được 9 tên địch, phá được 3 ổ súng máy, cướp được hai súng Brenn, một súng Thompson, lấy súng địch bắn lại địch.

Công nhân. Ở chợ Chu, 3 anh em công nhân đánh địa lôi, giết được 24 tên địch.

Ở Cao Bằng một tốp công nhân chặn địch đánh 2 trận trong 7 ngày, giết được 60 tên địch.

Mấy việc lẻ tẻ đó cũng đủ tỏ rằng: Con Rồng cháu Tiên, quyết không chịu làm nô lệ một lần nữa.

MẤY LỜI KẾT LUẬN

Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Chính phủ, sự điều khiển khôn khéo của Bộ Quốc phòng và Bộ tổng chỉ huy, sự dũng cảm của tướng sĩ Vệ quốc quân và dân quân du kích, nhờ sự hăng hái của toàn thể đồng bào, mà ta đã đánh tan cuộc tấn công vào Việt Bắc của thực dân Pháp.

Nhưng chúng ta phải luôn luôn nhớ và thực hành những lời Hồ Chủ tịch đã dạy bảo.

Chúng ta chớ tự kiêu tự đại, chớ chủ quan, chớ khinh địch.

Chúng ta phải luôn luôn chuẩn bị, cẩn thận đề phòng.

Các chiến sĩ Vệ quốc quân và dân quân du kích phải cố gắng luyện tập thêm.

Đồng bào hậu phương phải chuẩn bị làm vườn không nhà trống triệt để, phải hết lòng giúp đỡ về mọi mặt.

Công việc canh gác phải nghiêm ngặt hơn nữa.

Công việc phòng gian trừ gian phải chú ý hơn nữa.

Công việc phá hoại phải tiếp tục.

Canh giữ bí mật phải tiến bộ hơn.

Phải ra sức tăng gia sản xuất.

Phải sửa chữa những khuyết điểm và cố gắng phát triển những ưu điểm.

Đó là phận sự thiết thực của toàn thể và của mỗi người công dân Việt Nam.

Thực dân chưa bị đánh quy. Chúng sẽ tấn công Việt Bắc lần nữa. Chúng sẽ tấn công nơi này rồi đến nơi khác. Rồi đây, chúng sẽ lập Chính phủ bù nhìn. Chúng sẽ dùng mưu độc ác đem người Việt đánh người Việt. Cuộc kháng chiến sẽ gay go hơn nữa.

Nhưng dù sao, với sự suy đồi của thực dân phản động, với sự sáng suốt của Chính phủ ta, với sự dũng cảm của chiến sĩ ta, với lòng kiên quyết của nhân dân ta, với sự ủng hộ của dân chủ thế giới, trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi, thống nhất độc lập nhất định thành công.

TÂN SINH

Tổng bộ Việt Minh xuất bản lần đầu tiên
năm 1948.

GIÁC NGỦ MUỖI NĂM

Tôi là Nông Văn Minh, người Nùng Cao Bằng. Sinh năm 1920.

Cha tôi là Nông Văn Quang, người mạnh khỏe, tính thật thà. Ngày mùa thì ra đồng cấy cấy. Hết mùa thì vào phố làm thuê. Khó nhọc cả năm đến tối. Nhưng cũng không được ăm no. Một phần thường bị mất mùa. Một phần vì sưu cao, thuế nặng.

Cha tôi lại thường phải đi phu. Mà mỗi lần cha tôi đi phu, là tôi phải nhịn đói. Năm tôi mới lên mười, cha tôi cho tôi đi ở chăn trâu cho cụ Bá ở làng bên cạnh.

Cụ Bá hiền lành, cả ngày không nói một tiếng. Cụ bà ngoa ngoắt, cần nhân như khi cả ngày. Tệ nhất là bà ta cứ bắt tôi nhịn đói. Chị Thìn con gái cụ Bá, tốt người, đẹp nét, cả ngày tươi cười. Chị thường giấu cơm hoặc khoai cho tôi, bảo tôi ra ngoài bụi mà ăn, chớ cho cụ bà thấy thì chết.

Ở với cụ Bá chừng mười năm, tôi trở về nhà để lấy vợ. Vợ tôi tên là Xuân, cùng một lứa tuổi và cùng ở một làng với tôi. Cuối năm, Xuân đẻ được một đứa con gái. Cha tôi đặt tên cho nó là Đào. Từ đó, ba cha con cặm cụi làm ăn, nhưng vì sưu thuế nặng, phu phen nhiều, cho nên nghèo lại vẫn hoàn nghèo, khổ vẫn cứ khổ.

Hồi đó, một thanh niên tên là anh Ba, quê quán ở đâu tôi không biết, thường đi lại nhà chúng tôi. Anh Ba chỉ đến ban đêm. Mỗi khi anh đến thì nói chuyện thì thảo với cha tôi thật khuya. Gần sáng, cha tôi thổi cơm cho anh ấy ăn. Ăn xong, chưa sáng, anh ấy đã ra đi. Cha tôi dặn vợ chồng tôi chớ nói cho ai biết có anh Ba đến nhà.

Một hôm, nhân lúc vợ tôi đi vắng, anh Ba và cha tôi bàn tán chuyện đánh Nhật, đánh Tây. Tôi cũng ngồi nghe. Rồi tôi hỏi:

- Súng ống chẳng có, lấy gì mà đánh?

Cha tôi nói:

- Cướp của nó mà đánh chứ lý!

Anh Ba gật gù tán thành cha tôi.

Ngày qua tháng lại, đến hôm 9 tháng 3 năm 1945, bất thành linh Nhật choảng Tây một vỏ, Tây chết la liệt. Những đứa sống sót, bị Nhật bắt giam, rồi cũng bị máy bay Mỹ ném bom chết tiệt.

Cách đó mấy hôm, anh Ba lại đến nhà. Lần này, anh Ba có vẻ sung sướng

lắm. Anh ấy bảo cha con chúng tôi chuẩn bị và dặn dò tỉ mỉ làm thế này, làm thế kia.

Vào khoảng rằm tháng 8, anh Ba với một người nữa đến. Anh Ba viết tên vào một miếng giấy, rồi bảo cha con chúng tôi đi mời những người có tên trong giấy đến tối ra ngoài đồng khai hội. Tối hôm đó, đến dự hội 52 người, đàn ông có, đàn bà có, anh Ba bày cách cho chúng tôi chuẩn bị khởi nghĩa đánh Nhật để cướp chính quyền. Nói chuyện chừng nửa tiếng đồng hồ, rồi anh ấy hỏi:

- Anh chị em đã hiểu rõ cả chưa? Có ai muốn nói điều gì nữa không?

Ai cũng trả lời:

- Hiểu rõ rồi.

Anh Ba nói thêm:

- Vậy thì xin anh em chị em cứ thế mà làm. Nhưng mọi người phải hết sức giữ bí mật mới được.

Bấy giờ tôi mới hiểu rằng anh Ba là cán bộ Việt Minh. Và trong làng nhiều người vào hội đã lâu, nhưng vì giữ bí mật không ai nói cho ai biết. Thậm chí cha con, vợ chồng cũng không cho nhau biết. Cha tôi chỉ biết những hội viên nông dân, tôi chỉ biết những hội viên thanh niên, vợ tôi chỉ biết những hội viên phụ nữ. Khéo thật!

Đánh Nhật, khởi nghĩa, cướp chính quyền, Việt Minh công khai, Cụ Hồ tuyên bố Việt Nam độc lập. Đặt Chính phủ dân chủ cộng hoà. Sướng quá! Vui quá! Chẳng bao lâu, bọn Quốc dân đảng Việt Nam lưu lạc ở ngoài theo Tàu về nước. Chúng nó bắt cóc, tổng tiến, giam đàn ông, hiếp đàn bà, chẳng kém gì bọn Nhật, bọn Pháp. Mặc kệ chúng nó. Chồng thì chết, chúng nó cũng phải cút. Không thì dân cũng đánh đổ chúng nó đi.

Dân hả hê được ít lâu, thì giặc Pháp lại quấy rối. Ta phải kháng chiến.

Tỉnh có giấy tổ chức quân du kích, đoàn thể cũng có giấy bảo ai có sức thì nên hăng hái vào dân quân.

Tất cả thanh niên cứu quốc và một phần lớn nông dân cứu quốc làng tôi vào dân quân du kích, phụ nữ cứu quốc cũng xin vào, nhưng đoàn thể bảo ở lại để tăng gia sản xuất. Có chị vì không được vào du kích mà khóc hu hu.

Cha tôi đi đánh giặc được ba tháng, thì bị một viên đạn xuyên qua đầu gối bên phải. Vào nhà thương, cưa mất một chân.

Tôi thì nhờ bắn súng khá, được chọn vào Vệ quốc quân. Đầu tiên đánh ở Lạng Sơn. Sau đổi qua Bắc Giang. Rồi đổi đến Bắc Ninh. Đến đây, tỉnh cử tôi gặp anh Ba làm đại đội trưởng, chỉ huy đội của tôi. Vừa gặp nhau, anh mừng rỡ lắm, ôm quàng lấy tôi, rồi hỏi thăm mọi người trong làng.

Đồng bào Bắc Ninh tốt thật. Súng giặc bắn ầm ầm cả ngày, mà họ cứ như thường. Bộ đội ta kéo đến đâu cũng được dân giúp đỡ. Nhất là các chị em phụ nữ, họ tranh nhau giúp nấu cơm, gánh nước, giặt áo, vá quần cho bộ đội, họ

coi các chiến sĩ như anh em ruột. Mỗi lần đánh thắng là dân đua nhau đến ury lao. Tia hồ gạo và thịt.

Tháng 10/1947, đội của tôi lại được điều đi đánh tại đường số 4.

Người ta nói dân ở gần mặt trận ai cũng hăng. Có gì lạ đâu. Tây nó ác quá. Chúng bắt được đàn bà con gái, thì 7 tuổi đến 70 nó chẳng từ ai. Năm bảy tháng tranh nhau hiếp. Hiếp không chết, thì nó chặt đầu, móc mắt, mổ bụng, rạch trôn. Có khi chúng bắt con trai hiếp mẹ, cha hiếp con gái, cho chúng nó coi và cười. Không nghe thì chúng giết cả nhà.

Có khi bắt được đàn bà có thai, chúng nó trói lại như trói lợn, rồi đánh đố với nhau. Thắng thì đoán chữa con trai. Thắng thì đoán chữa con gái. Rồi chúng nó mổ bụng người đàn bà chữa, móc đứa con trong bụng ra coi. Thắng nào đoán trúng thì được tiền hoặc thuốc lá.

Có khi chúng nó bắt đàn bà, trói chân, trói tay lại, lột truồng hết áo quần rồi cho chó con bú cụt cả đầu vú. Người đàn bà vô phúc van khóc chừng nào, thì Tây reo cười chừng ấy.

Bắt được người già và thanh niên, chúng nó chọc tiết, chôn sống, chặt đầu, phanh thây, hoặc treo thòng lọng trên cành cây, chặt củi thui. Có khi chúng nó bắt ăn thuốc viên, nói là thuốc chữa bệnh. Nuốt xong chừng mấy phút đồng hồ thì trợn mắt lăn ra chết, cả mình mẩy tím bầm.

Trẻ con thì chúng nó bắt bỏ trong chum, nấu nước sôi giội vào. Hoặc trói 2, 3 em lại một bó, quấn rom và giẻ chung quanh, rồi chúng nó tưới dầu xăng đốt.

Tây ác như vậy, cho nên dân ta ai cũng hăng máu lên. Họ nói thà đánh Tây mà chết còn hơn để nó hành hạ mà chết.

Trong trận đèo Bông Lau, đánh được một lúc, thì tôi bị thương nơi đầu. Thoạt tiên, không thấy đau lắm. Tôi xé áo lót cột đầu cho máu khỏi chảy, rồi cứ theo anh em xông lên. Ta nhìn rõ giặc. Giặc không thấy ta. Cho nên một loạt súng, là một tốp giặc lăn xuống. Về sau máu chảy nhiều quá, tôi mê đi bao giờ không biết.

Khi tôi tỉnh lại, thì thấy mình nằm trên một cái giường, chăn vải trắng tinh, lại hơi thơm thơm. Sờ trên đầu không thấy sẹo, không thấy đau gì cả. Liếc mắt nhìn xung quanh, thấy cái buồng xinh xinh, sạch sẽ, sáng sủa, lộng lẫy. Trần và vách đều trắng toát. Bên giường có một cái bàn nhỏ, sơn trắng. Trên bàn có một cốc sữa đặt trên một cái đĩa bằng thủy tinh. Lại có một cái bình cắm đầy những hoa tươi thơm ngát.

Gần phía chân tường, một cô gái quần áo trắng toát ngồi trên ghế, quay mặt ra phía cửa, đang xem sách.

Hơi chói, tôi nhắm mắt lại, trong bụng nghĩ: Mình ở đâu nhỉ? Mình ở đâu nhỉ?

Một chốc, tôi mở mắt ra. Cô con gái gấp sách lại, đang nhìn tôi. Thấy tôi

mở mắt, cô ấy khe khẽ bước lại, ôm tôi hôn lấy hôn để.

Tôi nhẹ nhàng lấy tay đẩy cô ra, và nói:

- Đồng chí chờ làm thế. Anh em họ cười chết! Đây là đâu, hử cô? Cô là ai?

Cô ấy nhẹ nhàng trả lời:

- Đây là Dinh dưỡng đường Cụ Hồ. Tôi... là...

Nghe nói cụ Hồ, tôi liền hỏi:

- Cụ ở đâu? Cụ có mạnh khỏe không, đồng chí?

- Cụ vẫn khỏe luôn. Cô ấy vừa nói vừa ghé cốc sữa gần miệng tôi, bảo tôi uống một hớp.

Uống xong hai hớp sữa, tôi hỏi tiếp:

- Cô có biết bộ đội của tôi nay ở đâu không? Trần Bông Lau thắng chứ?

Cô bé ngập ngừng một phút rồi nói:

- Bộ đội... Ở... hình như đóng ở thủ đô... Trần Bông Lau... Trần Bông Lau quân ta thắng to.

Nghe nói vậy, tôi mừng quá. Tôi muốn ngồi dậy, đi tìm bộ đội của tôi ngay. Cô bé dịu dàng bảo tôi khoan dậy đã. Quen giữ kỷ luật, tôi cứ nằm im rồi hỏi:

- Thế thì Việt Bắc thế nào rồi? Giặc Pháp thất bại chứ? Tôi đến đây đã mấy hôm?

Cô bé mỉm cười không trả lời. Nhẹ nhàng bước qua buồng bên cạnh. Sau một phút trở vào, tay cầm quyển lịch, chỉ cho tôi xem. Tôi lẩm bẩm đọc:

“Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Độc lập, tự do, hạnh phúc.

15 tháng 8 năm 1958”

Tôi giật mình rú lên:

- Trời ơi! Tôi vào đây mười năm rồi sao? Tôi ngủ mười năm rồi sao?

Cô bé lại ôm tôi hôn. Tôi nhẹ nhàng đẩy cô ra.

Cô vừa khóc thút thít vừa nói:

- Cha quên con rồi sao? Cha không nhận được con nữa hay sao? Con là Đào đây mà!

Đào! Con bé mà ngày nào tôi vào bộ đội, nó mới lên 7, to bằng cái hột mít, sài lờ đầy mình. Con bé Đào mà bây giờ đã lớn bằng ấy! Ma nào đoán được! Ờ! Mà phải rồi. Tôi ngủ mê đã mười năm trời kia mà. Trong khi tôi đang ngủ mê chắc có nhiều thay đổi lớn.

Tôi bò dậy nắm chặt tay con tôi, trố mắt nhìn nó, xoa đầu nó. Tôi gất nó:

- Sao con không nói ngay cho cha biết? Thôi đừng khóc nữa. Ông mày ở đâu? Bu mày ở đâu?

Nó trả lời:

- Ông và bu ở làng. Hôm qua bu vào thăm cha, mới ra về sáng nay. Hai

lần bu được giải thưởng thi đua ái quốc, đồng bào trong xã bầu bu làm Chủ tịch xã...

Tôi ngắt lời nó và hỏi:

- Con làm gì ở đây?

Đào nói:

- Con học thuốc ở trường Đại học. Trường cho con đến đây tập, tiện dịp để chăm sóc cha.

Ài di đà phật! Tôi không tin vào lỗ tai tôi. Thế nào? Thị Xuân vợ thằng đi chăn trâu mà làm chủ tịch xã? Thị Đào, con đưa ăn vụng com bà Bá mà vào Đại học Y khoa? Tôi nghe lầm chăng? Tôi còn ngủ mê chăng? Hay là con tôi nói dối? Hay là thế giới đổi lộn nhào?

Cũng có lẽ. Cũng có lẽ. Nếu Tây thua, nếu Việt Nam thống nhất độc lập thì gì mà ta chẳng làm được! Trước kia một cổ hai tròng, vừa Tây vừa Nhật, Việt Minh chỉ có hai bàn tay trắng mà cũng cách mạng thành công, cũng giành lại độc lập kia mà. Huống chi ta đã có chính phủ, có quân đội, có nhân dân, kháng chiến đã thắng lợi, thì gì mà ta chẳng thành công.

Tôi đang ngẫm nghĩ xa gần, thì Đào rót thêm một cốc sữa, và nói:

- Cha hãy uống thêm cốc sữa, rồi nằm xuống cho khỏe, con sẽ kể chuyện mười năm vừa qua cho cha nghe.

Sau đây là lời con Đào nhà tôi:

"Chắc cha còn nhớ, giặc Pháp tấn công Việt Bắc cuối năm 1947. Song chắc cha không rõ chúng tấn công cách nào.

"Một mặt, chúng theo đường thủy lên sông Lô, đến Tuyên Quang, lên sông Gâm, đến Chiêm Hoá.

"Một mặt, theo đường bộ, từ Tiên Yên qua Lạng Sơn, đến Cao Bằng, rồi xuống Bắc Cạn.

Chúng gọi là hai gọng kìm.

"Một mặt khác, chúng đánh từ Bắc Ninh, Bắc Giang lên.

"Mấy bay thì thả quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Đình Cả, Đại Từ, và nhiều nơi khác.

"Mục đích của chúng là, ngoài đánh vào, trong đánh ra. Dưới nước đánh lên, trên trời đánh xuống. Chúng đã chắc mẩm như thế thì cơ quan và bộ đội ta chạy đằng trời cũng không thoát khỏi cái lưới của chúng.

"Nếu ta không khôn khéo, thì có lẽ như thế thật.

"Nhưng Chính phủ ta đã đoán trước âm mưu của giặc. Cụ Hồ liền ra lệnh cho quân đội và nhân dân phải kiên quyết xông ra cản giặc. Bộ Tổng chỉ huy thì cấp tốc điều động bộ đội chặn đánh các đạo quân Tây.

"Về phía thủy, quân ta đại thắng ở Phủ Đotan, ở Tuyên Quang, ở sông Gâm, ở Chiêm Hoá, hàng chục chiến thuyền của Pháp bị ta đánh chìm. Máu

chảy đỏ sông, lửa phun ngang núi. Bị chặn đánh liên tiếp, giặc vội vã rút lui. Chúng để lại vô số đạn dược súng ống và nhiều tha ma chôn lính Tây.

“Thế là một gọng kìm của giặc đã bị ta đánh gãy.

“Về phía bộ, quân ta đại thắng ở Bông Lau, Lũng Vài, Đông Khê, Thất Khê... Hàng chục chiếc xe của giặc bị đánh tan. Xác chất thành cồn, máu tràn đầy hồ. Phía đó chúng cũng thất bại và cũng để lọt vào tay ta nhiều súng đạn, thuốc men”.

Tôi sướng quá, nắm lấy tay con tôi hỏi:

- Lúc ấy cha ở đâu hở con? Sao con nhớ thế?

Đào trả lời:

- Sau lúc cha bị thương, con được theo mẹ tới thăm cha một lần, lúc đó cha nằm ở một nhà thương của quân y viện. Con nhớ nhiều và kỹ vì có nhiều sách báo nói về trận Việt Bắc lắm, sau này còn nhiều cái hay nữa. Con sẽ lần lượt thuật lại cho cha nghe.

Đào kể tiếp:

“Thế là gọng kìm thứ hai cũng bị đánh tan.

“Chủ lực của giặc đã thất bại. Quân nhảy dù cũng bị ta tiêu diệt dần. Kết quả là trong 15.000 tên Pháp lên Việt Bắc, chết và bị thương hơn 5.000, chúng lại mất một số lớn máy bay, tàu thủy, ca nô, súng ống, đạn dược.

“Trong khi rút lui, bọn Pháp không quên để lại những vệt tích dã man tàn ác. Bắn trâu bò, đốt lúa thóc, phá hủy đền chùa, triệt hạ làng mạc, hãm hiếp phụ nữ, giết hại thanh niên. Chúng đi qua đâu là tàn phá đó. Chúng tưởng làm như vậy cho dân ta kinh sợ. Kỳ thực dân ta càng căm thù, càng kiên quyết, càng muốn diệt cho sạch bọn ác quỷ thực dân.

“Trong trận này, quân đội ta anh dũng đã đánh, mà đồng bào Việt Bắc cũng thật oanh liệt. Cả ngày cả đêm, họ kéo nhau đi phá hoại đường giao thông của địch. Nhiều nơi, dân cư tự động đốt nhà của mình để địch khỏi lợi dụng.

“Các cụ phụ lão và các chị em phụ nữ cũng không kém hăng hái. Có những đội du kích toàn là phụ nữ, có những đội toàn là các cụ già từ 50 đến 60 tuổi. Có cụ đã đến 65 tuổi còn đi du kích. Những đội du kích đã mạnh bạo xung phong, làm cho giặc mất vía. Còn có nhiều em nhi đồng làm việc liên lạc trong bộ đội ta, gan góc khôn khéo, thật xứng đáng cái tên tiểu anh hùng, dòng dõi của Trần Quốc Toản. Có em không may bị giặc bắt được, tra tấn tàn nhẫn, xẻo thịt, cắt gân, mà vẫn không nói, không khai. Khi Tây đưa ra giết, những em đó vẫn không sợ, vẫn tươi cười. Trước lúc chết vẫn cả tiếng hô to:

“Việt Nam độc lập muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!”.

“Thất bại ở Bắc, giặc mong vớt vát ở Nam. Chúng tấn công vào chiến khu Đồng Tháp Mười của ta. Nhưng chúng cũng thất bại nốt. Kế đó, giặc lại bị ta liên tiếp phục kích tại đường Sài Gòn - Đà Lạt và Sài Gòn - Sa Đéc. Trong hai

trận này, chúng chết một số khá đông, mất một số xe khá lớn: trận La Ngà trên đường Sài Gòn - Đà Lạt đã làm náo động cả dư luận Pháp.

“Sau những trận ở Bắc và ở Nam, Tây không còn hy vọng thắng lợi về mặt quân sự nữa. Chính những tên lãnh tụ và những báo chí của chúng cũng công khai nhận như vậy.

“Song, chết thì chết không thừa. Một mặt, giặc cứ chuẩn bị quân sự để tấn công ta lần sau. Một mặt, chúng xoay ra tấn công ta bằng chính trị.

“Chúng đưa Vĩnh Thụy và Nguyễn Văn Xuân ra lập Chính phủ bù nhìn toàn quốc. Song chúng lại sợ Vĩnh Thụy đã bị Mỹ lợi dụng, cho nên chúng giao cả công việc cho Xuân.

“Xuân là một người không có quốc tịch Việt Nam, không nói được tiếng ta. Nó là dân Tây, từ bé đến lớn đi làm cho Tây, được Tây cho làm thiếu tướng. Tư cách tài năng chẳng có. Đạo đức danh vọng cũng không. Vì vậy, nhân dân phi nhố nó đã đánh, thân sĩ cũng chẳng ai thêm làm với nó. Xuân chỉ hợp được một bọn lâu la, tham tiền, vô sỉ, như bọn Phan Văn Giáo, Nghiêm Xuân Thiện, để lập Chính phủ bù nhìn.

“Đầu tháng 6 năm 1948, ở Vịnh Hạ Long, thực dân Pháp cùng với Vĩnh Thụy, Nguyễn Văn Xuân tuyên bố Chính phủ bù nhìn thành lập. Cờ của chúng nền vàng có ba sọc đỏ. Đồng bào ta gọi là: “Cờ ba que”. Lá cờ bù nhìn đó hiện nay còn trưng bày ở Viện Bảo tàng Hà Nội để nêu cái tội buôn bán nước của chúng cho thiên hạ đều xem.

“Để lừa bịp dân ta, bọn thực dân ở đây tuyên bố thừa nhận Việt Nam “thống nhất và độc lập”. Nhưng đồng thời chúng bắt Vĩnh Thụy và Xuân ký một tờ giấy bí mật, trong đó có mấy điều:

“Việt Nam không có quân đội riêng, không có ngoại giao riêng, không có tài chính riêng, không có quyền can thiệp đến “nước Tây Kỳ”, “nước Thái” và “các nước Nùng”, “nước Thổ” mà Tây sẽ đặt ra.

“Cố nhiên dân ta chẳng ai tin cái độc lập thống nhất giả hiệu mà Tây vừa ban cho bọn bù nhìn. Nếu có một ít người nhẹ dạ mà tin chẳng nữa, thì sau vài hôm cũng hết tin. Vì ba bốn hôm sau trở về ở Hạ Long, bộ trưởng bộ thuộc địa Pháp đã tuyên bố rõ giá trị và nội dung của “hiệp định Hạ Long” trước quốc hội Pháp.

“Thế là thực dân, bù nhìn đã giấu đầu hờ đuôi. Thậm chí các báo Việt gian cũng phải ngơ ngác thất vọng, cũng phải chửi khéo thực dân và bù nhìn.

“Trong lúc thực dân và Việt gian đang loay hoay bối rối như thế, chính sách của ta như thế nào?

“Ngay từ lúc tiếng súng bắt đầu nổ, Chính phủ và nhân dân ta đã có một chính sách nhất định, một chính sách không thay đổi. Tức là kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng, kháng chiến bao giờ giành được thống nhất và độc lập

thật sự mới thôi. Như Hồ Chủ tịch đã nói: Dù cần kháng chiến 5 năm, hay 10, 15 năm, ta cũng cứ kháng chiến”.

“Dân ta ai cũng hiểu rằng: Thà chịu khổ, chịu hy sinh mà kháng chiến 5, 10 năm, rồi được tự do độc lập mãi mãi, còn hơn gục mặt, cúi đầu, làm nô lệ như 80 năm về trước. Vì vậy, già trẻ, gái, trai, ai cũng nhẫn nại, kiên quyết, hăng hái quật cường. Ai cũng ra sức ủng hộ Chính phủ, ủng hộ bộ đội.

“Sau những cuộc thắng lợi ở Bắc và Nam, ta lại tiến lên một bước mới, một bước để kháng chiến lúc đó và kiến quốc ngày sau”.

*
* *

Nói đến đó, Đào ngừng lại hỏi tôi:

- Cha nghe nhiều quá, có mệt không? Hay là để lát nữa, con sẽ nói thêm? Tôi vuốt đầu mà trả lời:

- Con cứ nói đi. Con cứ nói đi! Cha không mệt đâu. *Bước mới* là gì?

Đào cười và tiếp:

“Lúc đó là mới, bây giờ thì cũ rồi, cha ạ! Ngày nay xem lại, *thi bước mới* ấy rất là tầm thường. Nhưng mười năm về trước biết nêu nó ra, biết làm cho được, thì không phải là việc dễ.

“Nói tóm tắt, bước mới ấy là phong trào thi đua ái quốc do Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh nêu ra.

“Thi đua ái quốc là một phong trào để hoàn toàn thực hiện cái khẩu hiệu: Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến”.

“Nó là thế này: Bất kỳ hạng người nào, bất kỳ nghề nghiệp gì, ai cũng thi đua nhau

“làm cho mau,

“làm cho tốt,

“làm cho đẹp,

“làm cho nhiều.

“Nhà nông thi đua nhau chăn nuôi, giống giọt cho nhiều, cho tốt để cho đủ ăn, đủ mặc và để tiếp tế cho quân đội ăn no, mặc ấm mà đánh giặc.

“Công nhân thi đua nhau làm súng đạn và các thứ khác cho nhiều, cho tốt, để tiện lợi cho dân và để quân đội có súng ống đầy đủ mà đánh giặc.

“Quân đội thi đua nhau bắn súng cho giỏi, ném lựu đạn cho xa, cho trúng và diệt cho nhiều địch, cướp cho nhiều súng.

“Văn nhân, nghệ sĩ thi đua nhau sáng tác cho hay, cho nhiều, để cổ động trong nhân dân, tuyên truyền ra thế giới, và để lưu lại cho đời sau những sự tích vĩ đại trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta.

“Các nhà chuyên môn, các kỹ sư thi đua nhau chế tạo máy móc cho nhiều,

cho tốt, để cho dân sinh được tiện lợi, kháng chiến chóng thành công.

“Y sĩ, được sĩ thi đua nhau tìm ra những thứ thuốc dễ chế và hay, để chữa bệnh và giữ gìn sức khỏe cho bộ đội và nhân dân.

“Nhân viên và cán bộ thi đua nhau làm việc cho nhanh chóng và thực hành đúng 4 chữ *cần, kiệm, liêm, chính*: công việc chạy, mà lại được dân yêu, dân phục, dân tin.

“Các nhà giáo dục thi đua nhau tìm cách dạy dỗ cho mau, cho tốt, cho thiết thực với công việc kháng chiến và kiến quốc, để đào tạo ra nhiều cán bộ có tài, có đức cho Nhà nước.

“Bình dân học vụ thi đua giết cho mau hết giặc dốt. Con nói thêm cho cha biết rằng anh chị em bình dân học vụ hăng hái lắm. Họ rất xứng đáng với cái tên “Vô danh anh hùng” mà cụ Hồ đã tặng cho họ. Thi đua bắt đầu từ tháng 6 năm 1948 đến tháng 6 năm 1953, trong nước ta già trẻ gái trai đều biết đọc, biết viết hết, chỉ sót một người. Người đó là một bà cụ 70 tuổi, ở làng X.L. Bà cụ vì tai điếc, không muốn học. Khi biết rằng cả nước ai cũng biết chữ chỉ còn một mình bà không biết, bà thề quyết học cho được. Đến đầu tháng 9, bà cụ đã đọc và viết được. Rằm tháng 9, Chính phủ ra lệnh cả nước khai hội ăn mừng “toàn dân Việt Nam thoát nạn mù chữ”.

“Ăn mừng là phải. Đó là thắng lợi mà cả thế giới chỉ mỗi nước ta có. Con xin nói tiếp việc thi đua ái quốc:

“Các nhà giàu có thi đua mở mang doanh nghiệp về canh nông, buôn bán, công nghệ, đã ích cho nước lại lợi cho nhà.

“Các vị già nua thi đua kêu gọi và đốc thúc con cháu làm việc.

“Các em nhi đồng thi đua học hành và giúp đỡ công việc nhẹ cho người lớn. Các em cũng hăng hái lắm đấy. Nhiều nơi, ngoài buổi học, chúng nó tự tổ chức từng tốp nuôi vịt, nuôi gà, trồng rau, trồng sắn.

“Nói tóm lại là quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, ngành nào cũng thi đua. Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh, ai cũng thi đua”.

Tôi vội ngắt lời Đào:

- Tiếc quá lúc đó cha chưa lành mạnh mà thi đua giết Tây.

Đào nói:

- Lúc đó cha không được thi đua thì bây giờ cha thi đua. Hiện nay toàn dân cũng đang thi đua kiến quốc đấy cha ạ.

Tôi hỏi lại:

- Sau phong trào thi đua ái quốc kết quả thế nào?

Đào nói:

- Chính phủ lập ra các ban cổ động thi đua từ trung ương đến các khu, các tỉnh, các huyện, các xã. Chính phủ lại đặt ra giải thưởng. Các đoàn thể cũng vậy.

“Vi thi đua ái quốc là một việc mới lạ, ban đầu còn ngỡ ngàng. Nơi thì làm

quá sức. Nơi thì mạnh ai nấy làm, không có kế hoạch. Nơi thì kế hoạch không thiết thực, làm được ít lâu rồi nguội dần.

“Song nhờ kinh nghiệm, và nhờ sự giúp đỡ và khuyến khích của Chính phủ cùng đoàn thể, nhất là nhờ lòng hăng hái và chí kiên quyết của dân, vài ba tháng sau, các ngành các nơi đều thi đua có ngăn nắp. Từ đó về sau, thi đua tiến lên vùn vụt. Kết quả đầu tiên là: dân đủ ăn, quân đủ súng, đánh đuổi thực dân, tranh lại độc lập.

“Con quen nói rằng: Vệ quốc quân và dân quân du kích là người xung phong đầu tiên trong phong trào thi đua ái quốc. Họ đặt tên riêng cho cuộc thi đua của họ là *Luyện quân lập công*. Bộ quốc phòng, thì gọi thi đua là *Gây cơ sở, phá kỷ lục*.

“Một mặt thì họ thi đua học tập bắn súng, ném lựu đạn, hành quân. Đồng thời họ thi đua trong những cuộc xung phong đánh giặc. Họ tiến bộ rất nhanh về mọi mặt. Và sự tiến bộ của quân đội lại làm cho nhân dân thêm hăng hái trong cuộc thi đua.

“Cố nhiên, giặc Pháp không để cho ta thi đua một cách yên ổn.

“Đến mùa thu đông năm 1948, giặc lại tấn công ta một lần nữa. Sức chúng đã sút nên trận này không được ào ạt bằng trận thu đông năm trước.

“Nhưng Chính phủ đã sẵn kế hoạch. Quân và dân ta đã chuẩn bị sẵn sàng. Lại nhờ kết quả của cuộc thi đua ái quốc, mà lực lượng ta hùng hậu hơn trước nhiều... Cho nên địch bị thất bại đau đớn hơn trận trước. Khi bắt đầu tấn công, quân lính nó ba phần, lúc thất bại rút lui ba phần chỉ còn một. Chẳng những chúng bị hao binh tổn tướng nhiều hơn trước, mà tinh thần của chiến sĩ chúng cũng sút kém trông thấy.

“Trong hai cuộc tấn công mùa thu đông đó, có hai điều làm cho người ta chú ý. Một là nơi nào làm đúng theo mệnh lệnh của Chính phủ, canh phòng cẩn thận, sơ tán kịp thời, thì không mất mát một chút gì hết. Những nơi nào hững hờ, chậm trễ, không ra sức phá hoại và làm vườn không nhà trống đến nơi đến chốn, thì bị giặc phá phách khủng bố tàn tệ. Khi bị quân ta đuổi đánh, bọn giặc điên lên, hoá ra “chó cắn cà”: trên đường rút lui, gặp nhà đốt nhà, gặp người giết người, bắt được đàn bà thì hiếp đàn bà, không bắt được đàn bà thì hiếp súc vật.

“Hai là, du kích ta rất khôn khéo. Ban ngày giặc đi đến đâu cũng bị du kích ta bám lấy đánh. Ban đêm, giặc đóng ở đâu cũng bị du kích ta quấy rối. Họ làm cho giặc ăn không yên, ở không yên. Đến nỗi nghe lá rụng chim kêu giặc cũng giật mình sợ du kích, nhìn bụi cây, đám cỏ cũng tưởng bộ đội dân quân. Chúng hoang mang hốt hoảng, mất cả tinh thần. Khi gặp Vệ quốc quân thì giặc đã mỏi mệt, không còn chí chiến đấu nữa. Vì thế mà Vệ quốc quân luôn luôn thắng trận”.

Nghe thích qua, tôi buột mồm hỏi:

- Thế là giặc Pháp hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi, kháng chiến hoàn toàn thành công rồi, chứ gì?

Đào nói:

- Thừa cha chưa đâu. Lúc đó cũng có người tưởng như cha vừa nói. Nhưng Cụ Hồ bảo rằng: Con rắn thực dân đã bị ta đánh gãy lưng, song nó chưa bị đánh giập đầu. Còn đầu thì nó còn có thể cắn. Vì vậy, ta cần phải cẩn thận hơn, đề phòng hơn, chuẩn bị hơn nữa, để đánh cho giập đầu nó. Khi đó ta mới hoàn toàn thắng lợi!

“Quả nhiên như lời Cụ nói. Sau khi thất bại, giặc kéo nhau về giữ mấy thành thị lớn, để mưu vật với ta một keo nữa”.

*
* *

“Năm 1949, chúng tiếp được viện binh bằng máy bay. Quân ta bắn rơi mấy chiếc, xét ra không phải máy bay của Pháp, mà của một nước ngoài, chúng lại khởi một cuộc tấn công nữa. Theo kế hoạch của giặc, thì trận ấy là một trận khủng khiếp nhất. Kết quả trận ấy khủng khiếp thật, nhưng khủng khiếp cho giặc chứ không khủng khiếp cho ta.

“Một hôm, bất thành linh từng đàn, từng lũ máy bay, từ trong các thành thị tủa ra như ong. Xung quanh thành và trong những vùng chúng tưởng có cơ quan hoặc quân đội ta đóng, chúng giội bom xuống như mưa. Tốp máy bay này về, thì tốp khác tới, chúng thay nhau ném bom suốt một ngày và nửa đêm. Tiếng nổ long trời chuyển đất, khói lên nghi ngút như mây.

“Quá nửa đêm, chúng tưởng quân ta vây xung quanh thành đã bị bom tiêu diệt hết rồi, quân đội chúng xông xộc trong thành kéo ra. Đến ngoài ô, chúng không thấy một bóng người, chúng càng tin tưởng lực lượng ta không còn gì nữa cả.

“Quân ta yên lặng, để mặc chúng kéo vào các làng. Bất thành linh, một tiếng hiệu lệnh, bốn phía đạn bay. Quân địch bị ta vây kín. Chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết.

“Trong lúc hai bên đang kịch chiến ở ngoài thì các đội cảm tử của ta lên vào thành từ trước, toán thì đột kích vào các cơ quan của địch, toán thì mò vào phá máy bay, đốt kho dầu.

“Trận đó là trận cuối cùng. Chỉ trong và ngoài thành Hà Nội đã có hơn một vạn giặc bị chết và bị thương, chưa kể những thành phố khác.

“Tin thất bại về đến Pháp, cả nước xôn xao, đòi lập tức giảng hoà với ta. Quốc hội Pháp đánh đổ Chính phủ cũ, bầu ra Chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta.

“Cuộc đàm phán tiến hành rất nhanh chóng, vì ngay từ lúc đầu kháng chiến, Chính phủ và nhân dân ta đã định rõ lập trường của Việt Nam, lập trường ấy là:

“Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập.

“Có quốc hội riêng,

“Chính phủ riêng,

“Quân đội riêng,

“Ngoại giao riêng,

“Kinh tế và tài chính riêng,

“Việt Nam bằng lòng hợp tác thân thiện với nước Pháp trên lập trường bình đẳng và sẽ thừa nhận những lợi ích chính đáng của Pháp ở Việt Nam.

*
* * *

“Bạo lực của thực dân đã tan nát. Chính phủ Pháp không thể “cò kè bớt một thêm hai” được nữa. Đoàn đại biểu Pháp ban đầu tuy cũng tìm cách này cách khác để cãi lấy được, nhưng rồi cũng phải thừa nhận những điều kiện chính đáng của ta.

“Chỉ một tuần thì hoà ước ký xong.

“Ba hôm sau, toàn cõi Việt Nam làm lễ ăn mừng *kháng chiến thắng lợi*.

“Ông và bu nói với con rằng ngày lễ đó vui gấp mười gấp trăm lần ngày lễ độc lập tháng 9 năm 1945. Mà vui thật, Cờ đỏ sao vàng đỏ rực thành thị và thôn quê. Đầu đầu cũng kéo cờ, treo đèn kết hoa. Nhân dân ở cách thủ đô và các tỉnh lỵ 20, 30 cây số, đều kéo nhau về đó tụ họp. Mỗi người cầm một lá cờ nhỏ, một đoàn dẫn đầu bằng lá cờ to. Thành thử các nẻo đường trở nên những dòng sông người và làn sóng cờ, chạy mãi, chạy mãi không ngớt. Hà Nội, chật ních những người là người, phần thì bộ đội kéo về, phần thì nhân dân kéo đến. Ai cũng vui cười hăm hở. Cảm động nhất là anh em chiến sĩ đến đâu là dân bầu lại đó. Người biếu thứ này, kẻ tặng vật khác. Có những cụ già mừng rỡ và vui sướng quá mà khóc như trẻ con.

“Trong bài diễn văn của Cụ Hồ truyền khắp cả nước ngày đó, con còn nhớ những lời này:

“Nước ta ngày nay được thống nhất và độc lập thật sự rồi. Thống nhất và độc lập đó là mồ hôi nước mắt của đồng bào, do xương máu của chiến sĩ mà tranh được.

“Ta thành công rồi, song chúng ta cũng như người đánh võ thắng lợi. Tuy thắng lợi, nhưng không khỏi chảy máu trầy da. Bây giờ thì cần phải lo chữa những vết thương đó.

“Bao nhiêu thành phố bị tàn phá, làng mạc bị tan hoang. Bao nhiêu ruộng

đất bị tiêu điều, đường sá bị hư hỏng: bao nhiêu đồng bào bị lưu ly thất sở, trẻ con bị mất mẹ lìa cha.

“Đó là những thương tích mà chúng ta phải ra sức cứu chữa ngay.

“Nhờ lực lượng đại đoàn kết mà chúng ta kháng chiến thắng lợi. Từ đây, cũng nhờ tinh thần đại đoàn kết mà chúng ta kiến quốc thành công.

“Nội trong ba năm, chúng ta phải hết sức kiến thiết non sông gấm vóc này thành một nước Việt Nam mới, một nước Việt Nam no ấm, giàu mạnh, dân chủ, hoà bình”.

*
* *

“Lời kêu gọi của Cụ Hồ được toàn dân hăng hái hưởng ứng:

“Phong trào thi đua ái quốc cứ theo đà tiến mãi, tiến mạnh hơn trước.

“Mai ngày kia cha khoẻ, đi thăm phố và làng, cha sẽ không nhận ra được nữa. Vì bây giờ dân ta, nước ta khác hẳn ngày trước rồi. Từ Nam Bộ đến Bắc Bộ, từ vùng ngược đến miền xuôi, từ thành thị đến thôn quê, không còn có một người nào mù chữ, không còn một người nào đói rách, không còn có một người nào thất nghiệp nữa.

“Phố xá làng mạc, nơi nào cũng sạch sẽ, xinh tươi.

“Trường học, thư viện, nhà hát, phòng phát thuốc, sân thể thao, nơi nào cũng có.

“Cờ bạc, hút sách, trộm cắp, điếm đều mất.

“Những phong tục hủ lậu, những vết tích chiến tranh cũng hết sạch.

“Những đại biểu trong Quốc hội, những nhân viên trong Chính phủ, những cán bộ trong đoàn thể đều là những người có tài, có đức, những người “anh hùng thi đua ái quốc” do nhân dân cử ra. Ai cũng thực hành bốn chữ cần, kiệm, liêm, chính và câu châm ngôn “Chí công vô tư”.

“Con không biết rõ đời Nghiêu Thuấn thịnh vượng thế nào, chứ nước ta ngày nay thật là một nước lễ nghĩa, một nước tự do, và hạnh phúc.

“Nhưng đồng bào ta không vì thế mà tự mãn, tự túc. Cụ Hồ đã nói: “Chúng ta còn phải cố gắng nữa, để tiến bộ nữa. Còn phải tiếp tục phong trào thi đua ái quốc, để theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới”.

Nghe đến hai chữ thế giới, tôi sực nhớ lại ngày còn ở bộ đội, anh chính trị viên thường nói chuyện tình hình trong nước và tình hình thế giới. Tôi liền hỏi Đào:

- Tình hình trong nước như con đã nói, còn tình hình thế giới ra sao?

Đào chưa kịp trả lời, thì thấy một đám người kéo đến phòng tôi, đi đầu là một người vạm vỡ, đeo kính trắng. Mọi người tươi cười vui vẻ, tay cầm một cành hoa. Khi vào đông đủ rồi, họ đồng thanh nói lớn:

Hoan hô đồng chí Văn Minh,

Giấc mộng mười năm đã tỉnh!

Đào đúng dậy giới thiệu từng người. Tề ra bác sĩ Trần, giám đốc nhà nghỉ này, và một số nhân viên. Tôi cảm ơn mọi người. Bác sĩ Trần cho phép tôi tùy ý nằm, ngồi, đi, đứng và hứa ba hôm sau tôi có thể về nhà tôi.

*
* * *

Ba hôm sau, tôi ra về.

Về đến nhà, không khỏi tủi tủi, mừng mừng, tình xưa cảnh mới. Việc đầu tiên tôi làm là viết một thư giao cho Đào dâng lên Cụ Hồ để cảm ơn Người và chúc Người mạnh khỏe. Việc thứ hai là cầm bút ghi lại những điều trên đây:

*Trong mười năm bấy nhiêu tình,
Nước mình mình cứu, dân mình mình yêu.*

TRẦN LỤC

*Giấc ngủ mười năm, Tổng bộ Việt Minh
xuất bản, Việt Bắc, 1949.*

NỮ ANH HÙNG GIAO THÔNG

*Chị Đ⁽¹⁾ quê ở Hưng Yên
Giao thông một huyện gần miền hoả xa,
Từ tiếng súng bùng ra kháng chiến,
Huyện chị Đ, giặc chiếm xung quanh
Mỗi năm mấy cuộc “tảo thanh”,
Xóm làng xơ xác, cỏ xanh ngập đồng.*

Tuy vậy:

*Dân ta vẫn một lòng kiên quyết,
Quyết làm sao tiêu diệt giặc Tây.*

Cho nên:

*Đấu tranh càng tiến càng gay
Nhóm kia bị quét, nhóm này nổi lên.*

Trong lúc đó, chị Đ phụ trách đi lập trại giao thông bí mật khắp các làng trong huyện.

*“Đi đêm nhiều ắt gặp ma”,
Chị Đ. bị bắt, bị tra sáu lần.*

Nhưng lần nào chị cũng giấu được tài liệu không để lọt vào tay địch. Chị bị tra tấn dã man: mấy lần chết đi, sống lại chị vẫn kiên quyết không nói một lời. Lần thứ sáu, chị bị đánh tợn hơn, bị giam lâu hơn hết. Rồi một tên nguỵ binh đòi lấy chị làm vợ. Chị “tương kế tựu kế”:

*Miễn là ích nước lợi dân
Hy sinh nào quân chi thân phận mình.*

Từ đó chị ra sức thăm dò tin tức, bí mật viết lại và nhờ người chuyển đến các nơi.

Nhờ vậy:

*Mấy lần quân địch đi càn,
Ta đều biết trước, sẵn sàng phản công.*

(1) Để giữ bí mật, tên người nữ anh hùng giao thông này được tác giả giấu kín, chỉ viết tắt. Chị Đ chính tên là Nguyễn Thị Diệu.

Một hôm, nhân lúc trong đồn địch lộn xộn, chị Đ. bỏ trốn. Vừa bò vừa chạy mấy cây số, đến một ao rau muống, chị lặn dưới ao suốt một ngày. Đến tối chị mới bò lên, tìm về địa chỉ bí mật.

Thật là:

*Mấy phen chìm, nổi, lênh đênh,
Mà lòng kháng chiến trung trinh không sờn.*

C.B

*Dân tộc anh hùng và anh hùng của dân
tộc⁽¹⁾*, Nhà xuất bản Sự Thật, in lần thứ
hai, Hà Nội, 1955, trang 21 - 22.

(1) Trong lời tựa tập sách *Dân tộc anh hùng và anh hùng của dân tộc*, tác giả viết: Ngày 19/5/1948, Hồ Chủ tịch phát động phong trào thi đua ái quốc. Quân và dân ta vượt mọi khó khăn, hăng hái hưởng ứng, và đã có kết quả tốt đẹp, hàng nghìn chiến sĩ thi đua đã cử 154 đại biểu công, nông, binh, trí thức xuất sắc nhất đến họp *Đại hội toàn quốc* hôm 1/5/1952... Vì dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, cho nên có những chiến sĩ thi đua, anh hùng thi đua của dân tộc. Nếu kể hết những thành tích của 154 chiến sĩ dự Đại hội thì e suốt năm chưa kể xong. Vậy tôi chỉ kể tóm tắt mấy chuyện thôi". *Nữ anh hùng giao thông* in trên đây là một trong số 19 truyện Người đã viết và in trong tập sách đó, xuất bản lần đầu tiên trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

CHẾT MÀ CHƯA HẾT NHỤC

Để quốc Mỹ thường khoe chế độ chính trị và xã hội Mỹ là bình đẳng, dân chủ, tự do nhất thế giới. Song sự thật thì đế quốc Mỹ rất tàn nhẫn và dã man. Một thí dụ: một hạ sĩ quan tên là Giôn Lát chết ở mặt trận Triều Tiên. Người ta đưa xác y về cho mẹ y, ở châu Ôhiô. Khóc than, chôn cất xong, bà con thân thích vừa ra khỏi nhà thì dùng một cái..., người ta mang quan tài Giôn trả lại cho mẹ Giôn, và nói: “Xét lại sổ sách, thì Giôn không phải hoàn toàn là nòi da trắng: tổ tiên Giôn là lai Ấn Độ. Vì vậy, Giôn không có quyền được chôn bên cạnh những người da trắng!”.

Khi cần có bia đỡ đạn trong chiến tranh, thì đế quốc Mỹ rất “bình đẳng”(!) không phân biệt giống nòi nào. Ngoài trường hợp ấy ra, thì đế quốc Mỹ chẳng bình đẳng chút nào. Mặt thật của chế độ “dân chủ” Mỹ là như thế đó.

Anh Giôn chết mà chưa hết nhục, thật là thêm một bài học cho những người tin Mỹ, sợ Mỹ, phục Mỹ.

C.B

Báo Nhân dân,

số 82, ra ngày 13/11/1952.

MẬT THẨM MỸ^(*)

1

Mácđini là một cán bộ cao cấp của bộ mật thám trung ương Mỹ. Năm 1946, vì ý kiến chính trị, y từ chức. Sau đó y bị bắt bỏ tù 3 năm. Khi được tha về, năm 1952 y viết một quyển sách tên là *Sự thật về chiến tranh lạnh*. Y nhắc lại những điều tai nghe mắt thấy, và những tài liệu y thu góp được những năm y làm mật thám.

Tướng Gorô là một võ quan Mỹ ở đại sứ quán Mỹ tại Liên Xô. Đồng thời là một đầu sỏ mật thám. Cuối năm 1951, y đến Béclanh để khai hội cùng các đầu sỏ mật thám Mỹ ở châu Âu. Y mất một quyển sổ tay. Quyển sổ tay ấy lọt vào tay một ký giả Anh. Ký giả này đưa nội dung quyển ấy đăng lên các báo và in thành một quyển sách. Việc đó làm cho dư luận thế giới xôn xao và tướng Gorô bị cách chức.

Hai quyển ấy đều chứng tỏ Mỹ âm mưu gây chiến thế nào, chứng cứ rõ ràng không sao chối được.

Nếu bà con muốn biết nội dung hai quyển ấy, xin tiếp tục xem những kỳ báo sau.

19/4/1954.

2

Mácđini viết: Trong một thế giới chia rẽ, một cuộc chạy thi binh bị khổng lồ, gồm cả những vũ khí khủng khiếp như bom nguyên tử và bom vi trùng. Tranh giành thuộc địa, xúi giục nội chiến, đấu tranh kinh tế, tuyên truyền chiến tranh. Đó là những việc đã làm cho tình hình thế giới căng thẳng.

Người ta đổ lỗi cho Liên Xô phụ trách những việc ấy.

Nhưng Chính phủ Mỹ thừa biết Liên Xô không có ý muốn chiến tranh và chính những người cầm quyền Mỹ cũng không tin những lời tuyên truyền ghê

(*) Truyện *Mật thám Mỹ* gồm 15 bài đăng trên 15 kỳ báo *Cửu quốc* từ ngày 19 tháng 4 đến ngày 21 tháng 5 năm 1954. Mỗi kỳ đăng có ghi số lần lượt từ 1 đến 15. Nay in thành một bài chia làm 15 đoạn đánh số từ 1 đến 15. Ngày tháng ghi cuối mỗi đoạn, chỉ rõ đoạn đó đăng trên báo *Nhân dân* ra ngày nào. Ví dụ: Cuối đoạn 1 ghi: 19/4/1954, nghĩa là đoạn 1 đăng trên báo *Nhân dân* ra ngày 19 tháng 4 năm 1954. Các đoạn khác cũng như vậy.

tỏm mà Mỹ đã bịa đặt ra. Chúng có là:

10/6/1946, bộ trưởng quốc phòng Mỹ ghi trong nhật ký rằng: y hoàn toàn tin rằng Liên Xô sẽ không có hành động quân sự.

16/7/1946, tổng tư lệnh Mỹ ở Đức nói với bộ trưởng kia: Nga không muốn chiến tranh.

Còn nhiều bộ trưởng Mỹ cũng đều nói...

Họ nói thế nào kỳ sau sẽ tiếp.

21/4/1954.

3

15/10/1946 - Cựu đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Hariman báo cáo với bộ trưởng quốc phòng Mỹ rằng: Y không tin rằng Nga sẽ gây chiến nay mai.

3/8/1948 - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Smít báo cáo trước uỷ ban quân sự Mỹ rằng: y không hề thấy một chút gì để chứng minh rằng Liên Xô chuẩn bị chiến tranh.

Năm 1950 - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Kênan, cựu đại sứ Mỹ ở Liên Xô là đô đốc Kiếc đều nói như vậy. Tướng Aixenhao cũng nghĩ như vậy.

Bí mật ở nội bộ Mỹ thì như vậy. Song khi nói công khai thì những người Mỹ lại to mồm vu cho Liên Xô uy hiếp Mỹ và các nước khác. Bởi vậy chính bọn chúng là những kẻ gây ra chiến tranh lạnh.

Năm 1943 - (Anbeca là một cố vấn tối cao của tổng thống Mỹ đã ghi trong nhật ký của y...) xin xem kỳ sau.

23/4/1957

4

Anbeca viết: Trong những cuộc chuyện trò riêng, các quan lại cao cấp Mỹ và Anh thường bảo nhau rằng: Họ chắc rằng sau cuộc thế giới đại chiến thứ hai này, Mỹ và Anh sẽ lôi thôi với Nga. Họ cho rằng tổng thống Ruderoven đã sai lầm mà đòi quân phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Nhóm người ấy không muốn tiêu diệt quân đội Đức, để ngày sau dùng nó chống Nga.

Đầu năm 1945, trong cuộc hội nghị Yanta giữa ba nước Xô, Anh, Mỹ, đã ký hiệp định giữ gìn hoà bình thế giới sau này. Ngay sau đó, các chính khách phản động Anh, Mỹ đã mưu phá hiệp định ấy.

Ngay trong lúc chiến tranh chống phát xít Đức đang tiến hành, thì phản động Anh, Mỹ đã chuẩn bị một cuộc chiến tranh khác để chống Liên Xô. Ông Anbeca viết:

Những nhóm người Mỹ có thế lực đang tìm cách khiêu khích Liên Xô. Họ âm mưu trong một thời kỳ gần đây sẽ tuyệt giao và gây chiến với Liên Xô. Bộ

tham mưu của tổng thống là một bộ phận trong nhóm đó.

Mácđini viết: Hồi tháng 8, tháng 9 năm 1945, sau những cuộc thử bom nguyên tử, thì Mỹ quyết định thực hiện chiến tranh lạnh. Các chính khách Mỹ, trước hết là tổng thống T'ruman, chắc rằng không nước nào khác có bom nguyên tử. Do đó mà họ càng trắng trợn, T'ruman nói: Ta đã sẵn có trong tay một thứ vũ khí chắc chắn để chống lại Nga. Một viên tướng Mỹ là Atôm đã nói với những lãnh tụ quân sự nước Anh: Người địch thứ hai của chúng ta là Nga. Và các tướng lĩnh Anh cũng đồng ý như vậy.

26/4/1954

5

Mỹ đã dùng kế hoạch Mácsan, khối Bắc Đại Tây Dương, chính sách T'ruman, v.v... để che giấu âm mưu gây chiến của chúng. Chúng ra sức tuyên truyền rằng: Mỹ và Xô không thể sống chung.

Tướng Gorô đã trắng trợn viết rằng: chiến tranh bùng nổ càng sớm càng tốt. Bùng nổ ngay lập tức càng tốt nữa.

Trong chương thứ ba, Mácdini đã kể rõ ràng những món tiền lãi khổng lồ mà đại tư bản Mỹ đã thu được trong cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên. Mácdini cũng kể rõ những thống khổ về tinh thần và vật chất mà nhân dân Mỹ phải chịu đựng. Đồng thời chiến tranh lạnh đã làm cho nhân dân thế giới nghi ngờ Mỹ và oán ghét Mỹ.

Nhưng phe hoà bình dân chủ thế giới ngày càng mạnh. Âm mưu gây chiến đã thất bại nhiều lần, bọn gây chiến không thực hiện được tất cả những kế hoạch của chúng. Tổng thống cũ là T'ruman đã thất bại. Tổng thống mới là Aixenhao đã hứa hẹn rất nhiều, nhưng vẫn tiếp tục chiến tranh lạnh.

Mục đích chiến tranh lạnh là gây chuyện với Liên Xô và phe dân chủ hoà bình thế giới. Hơn nữa, mỗi một khi Liên Xô có sáng kiến đề ra những giải pháp nhằm làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng thì phản động Mỹ lại cố tình tìm cách phá hoại hoà bình. Thí dụ như cuộc khiêu khích ở Béclanh ngày 17 tháng 6 năm 1953 và những lời lẽ và hành động trắng trợn của Lý Thừa Vãn ở Triều Tiên - đều là những bộ phận trong kế hoạch của Mỹ.

Chính phủ Mỹ đã dùng 100 triệu đôla, và đang chuẩn bị tăng đến 500 triệu vào việc tổ chức những bọn phản động, mật thám phá hoại, biệt kích, v.v... và bí mật thả chúng vào Liên Xô và các nước dân chủ mới. Mácdini kết luận: nhân dân Mỹ phải đoàn kết lại để đấu tranh cho hoà bình thế giới và tự do dân chủ cho bản thân mình.

(Kỳ sau: nhật ký của tướng Mỹ mật thám Gorô)

28/4/1954

Hồi tháng 8/1951, một ký giả Anh và một ký giả Mỹ gặp nhau tại một quán rượu ở Béclanh. Lúc đó thế giới đang bàn tán nhiều về bức thư thân thiện của Quốc hội Mỹ vừa gửi cho Quốc hội Liên Xô.

Ký giả Anh hỏi ký giả Mỹ: Chuyển này nhóm thống trị Mỹ có vẻ dịu dàng nhỉ?

Ký giả Mỹ ngáp ngừng một lúc, rồi trả lời: Bức thư ấy chỉ có tiếng mà không có miếng. Sự thực là... đây này.

Dứt lời ký giả Mỹ trao cho ký giả Anh một cuốn giấy và nói khê: Đây là một bản sổ tay của tướng Gorô, nội dung hay lắm. Nếu tôi công bố nó ra thì tôi sẽ bị, vì tôi là người Mỹ. Nếu không công bố ra thì tiếc quá. Vậy tôi trao cho anh, anh muốn dùng thế nào, tùy ý anh”.

Về đến nhà, ký giả Anh vội vàng mở bản sổ tay ấy ra xem... thì trời ơi! Vận mệnh của một nước, một dân tộc to lớn như Mỹ mà nằm trong tay bọn người như tướng Gorô thì thật là nguy hiểm quá.

Trong bản sổ tay nói những gì? (Kỳ sau tiếp theo).

30/4/1954

Trong bản sổ tay, tướng Gorô viết: Khi tiến công, chúng ta phải nhắm vào chỗ yếu của Nga. Chúng ta phải nhớ rằng chiến tranh này là chiến tranh toàn diện, phải dùng tất cả các vũ khí (nghĩa là cả bom nguyên tử, bom vi trùng). Trong chiến tranh này, dùng những thủ đoạn không chính đáng, tức là rất chính đáng.

26/2/1951, Gorô viết: Hôm nay đã gửi một số thư về tình báo. Nhận được thư của K., y đã đưa thư của tôi cho S. xem (S. là Smit, trước làm Đại sứ Mỹ ở Liên Xô, sau làm cục trưởng mật thám Mỹ, nay là phó bộ trưởng ngoại giao). S. rất thích. Mình giục họ, chuẩn bị nhanh. K. nói rằng S. rất thích nhưng chưa hành động gì. S. cũng nhận rằng năm nay là một năm tình hình rất nguy cấp...

3/5/1954

Tướng mật thám Gorô không phải là một cán bộ bình thường. Y là một nhân vật quan trọng trong nhóm thống trị của Mỹ. Hắn giữ chức võ quan ở đại sứ quán Mỹ, quan hệ mật thiết với các cơ quan mật thám trung ương Mỹ và có liên lạc với cả phủ tổng thống Mỹ. Vì vậy ý kiến và hành động của hắn là ý kiến và hành động của Chính phủ Mỹ.

23/2/1951, Gorô viết Thư B. cho biết tất cả tin tức tình báo của mình đều đã đến các ngành quan trọng và đưa đến tận tổng thống.

Sau đây là một đoạn trích trong nhật ký của Gorô vào năm 1951:

8/1 tôi ngồi xe đi về phía Nam Maxcova, muốn dò xem những nơi đặt cao xạ và pháo nhưng không thấy gì.

12/1 - Cả buổi chiều tôi cùng L. và A. đi dò xét những đường phố mới. Vẫn không thấy nơi đặt cao xạ pháo. Nhưng được một ít tài liệu có quan hệ về nơi dự định phòng thủ.

20/1 - B. và tôi ngồi xe đi về phía đông và đông nam. Tuyệt xuống quá nhiều, suốt 3 tiếng đồng hồ tìm thấy 3 nơi đặt cao xạ pháo.

21/1 - Tuyệt xuống dày đặc. Chỉ cách vài thước trước mặt cũng không nhìn thấu rõ. Vì vậy hôm nay không tìm thấy gì. Những bức thư về vấn đề cao xạ pháo tôi vừa gửi theo va li thư ngoại giao của đại sứ quán.

28/1 - Ăn xong cơm sáng, đi sang vùng Đại học F - Đi loanh quanh mãi, không thấy gì, chỉ thấy mấy nơi nuôi ngựa.

15/2 - T. và tôi điều tra kỹ khu vực công nghệ phía bắc. Không thấy nơi đặt cao xạ pháo.

24/3 - T. lại cùng tôi đi dò tìm nơi đặt cao xạ pháo. Chỉ thấy 2 nơi cũ, nay họ sắp lập một nhà máy ở đó.

Nhật ký của Gorô còn nhiều nữa. Nhưng bấy nhiêu cũng đủ thấy vị quan ngoại giao Mỹ hoạt động thế nào.

5/5/1954

9

Không những quan ngoại giao Mỹ làm mật thám, mà Mỹ còn mua chuộc quan ngoại giao nước khác làm mật thám cho Mỹ. Vài thí dụ trong bản nhật ký Gorô viết:

18/1 - P. đến thăm tôi. Y kiên quyết nói với tôi không tìm ra được nơi đặt cao xạ pháo. Tôi làm thinh. Sự thật là tôi đã tìm thấy 4 nơi, mà y không biết.

13/4 - P. đến thăm, Cùng tôi nói chuyện hồi lâu, ước lượng thực lực quân sự của Liên Xô.

21/3 - P. đến thăm. Y cho tôi biết một ít tình báo về cao xạ pháo ở Leningrát, đúng với tài liệu tôi đã điều tra. Trưa - tôi viết báo cáo về tình hình 1 nhà máy mà tôi đã chú ý điều tra suốt 6 tháng nay.

P. là một quan ngoại giao Anh ở Maxcova.

7/5/1954

10

Chẳng những quan ngoại giao của nước Anh mà quan ngoại giao của nhiều nước đế quốc khác cũng làm mật thám cho Mỹ. Gorô ghi trong nhật ký:

2/3 - Viên quan năm H. Ở đại sứ quán Canada đã báo cáo với tôi: Y đã

đi đến Q. dò xét hơn 2 tiếng đồng hồ. Nhưng không thấy hoạt động quân sự gì ở đó.

26/1 - S. quan ngoại giao nước Hy Lạp rất mong có chiến tranh. S. là một chiến sĩ hăng hái ở châu Âu.

15/3 - S. đến ăn cơm với tôi. Nói chuyện rất hợp ý tâm đầu. S. tỏ vẻ nóng ruột, vì Mỹ còn chưa quyết định. Tôi cũng vậy. Hai chúng tôi đều tin rằng nếu Mỹ quyết đoán, thì các nước Tây Âu đều theo chúng ta.

Ngoài những người kể trên, còn có nhiều quan ngoại giao của đại sứ quán nước khác “giúp việc” Gorô nữa.

10/5/1954

11

Gorô viết tiếp:

16/4 - Tôi đã ghi được những phù hiệu tàu bay quân sự, và xem thấy vài công việc phòng không.

Trong những đoạn nhật ký sau, Gorô đã kể rõ y và những người giúp việc y đã dò xét tình hình những khu vực khác của Liên Xô và đã báo cáo kết quả những cuộc dò xét của họ cho y biết. Và Gorô viết tiếp:

Trong tháng 5/1954 hơi thất vọng, vì không dò xét được những điều quan hệ về quân sự. Chỉ có một chiếc cầu đáng chú ý, vì nó là một mục tiêu tốt.

12/5 - Ở X. có một nhà máy điện to, gần đó có một vùng đất thỏ, là một mục tiêu tốt.

23/5 - Gorôttóp là một thành thị đẹp, ở bờ Tây Bắc sông Đông. Mục tiêu tốt. Ở đó có một chiếc cầu. Nếu phá hoại được thì giao thông sẽ bị chặn đứt.

12

Gorô viết tiếp:

27/5 - Tôi và V. đến thành phố T. đã 3 hôm. Sáng nay 9 giờ ăn cơm xong chúng tôi đi dò xét.

Chúng tôi ngồi xe đi về phía tây bắc, chúng tôi nghi ở đây có trường xe tăng.

Nói tóm lại, Gorô và bọn của hắn lợi dụng địa vị quan ngoại giao mà làm việc mật thám. Ngoài việc mật thám thì chúng đánh bài. Thí dụ trong nhật ký hắn đã ghi:

29/1 - Chúng tôi đánh bài từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng... Nhật ký của Gorô lại cho chúng ta biết trong đàm ngoại giao Mỹ thường có xích mích với nhau vì quyền lợi cá nhân. Thí dụ:

Vì đại sứ Mỹ cho Gorô những phòng ở nhỏ hơn phòng của những quan ngoại giao khác, mà Gorô đã hăm hực bất mãn.

Có một lần đại sứ Mỹ phê bình Gorô, hắn cũng tức mình. Trong nhật ký

hắn mĩa mai báo thù đại sứ Mỹ. Như hắn đã viết:

14/4/1951 - Hình như vợ chồng đại sứ không biết cách làm người, cũng không biết lãnh đạo sứ quán.

Tuy Gorô trong lòng thì khinh đại sứ Mỹ là cấp trên của hắn, nhưng khi nào đại sứ Mỹ khen hắn thì hắn cũng lấy làm đắc ý, ví dụ: tiếp kỷ sau.

14/5/1954

13

Nhật ký của Gorô ghi rằng:

27/3/1951 - Đại sứ xem xong báo cáo của tôi. Báo cáo ấy đoán chắc rằng trong năm nay hoặc trước tháng 7/1952 chắc có hành động chiến tranh, bao gồm cả chiến tranh ở châu Âu. Lời quyết đoán ấy làm cho Đại sứ rất chấn động. Đại sứ cho rằng bản báo cáo của tôi rất đáng chú ý.

Gorô say mê công việc mật thám, nhưng chưa hài lòng với địa vị thiếu tướng. Nhật ký của hắn ghi:

4/1 - Tôi mong rằng không phải ở đây mãi, vì quân đội Mỹ mở rộng thì chắc tôi sẽ được một địa vị tốt hơn.

4/6 - 1951 - Gorô sang Đức khai hội nghị với bọn đầu sỏ mật thám Mỹ ở châu Âu, nhân dịp đó y không bỏ lỡ cơ hội tìm cách phát tài. Trong nhật ký y đã ghi:

12/6 - Tôi đã nhờ M. đặt một số hàng, tôi mong rằng số hàng ấy sẽ được lãi khá.

2/7 - Mua thêm một số hàng mới.

Cùng ngày tôi đã gửi đi 10 hòm áo quần.

Xem đó thì thấy rằng bọn quan ngoại giao Mỹ có 3 hạng hoạt động: mật thám, đánh bạc, buôn chợ đen.

17/5/1954

14

Gorô và tất cả bọn phản động Mỹ chỉ ước ao một điều - là chiến tranh.

8/1/1951 - Gorô ghi vào nhật ký: Năm nay có thể là năm mà chúng ta trông mong, nghĩa là năm nay có thể có chiến tranh.

29/3 - Theo ý tôi hiện nay thời cơ đánh nhau đã chín mùi.

5/2 - Trong hội nghị bọn đầu sỏ mật thám, Gorô hống hách nói:

- Chúng ta chỉ cần một lời kêu gọi kiên quyết, đánh thép lãnh đạo chúng ta. Cần phải tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản.

Trong cuộc hội nghị mật thám ở Đức đã tổ chức những uỷ ban phụ trách về việc sử dụng bom nguyên tử và bom vi trùng, v.v...

Lại có một uỷ ban phụ trách nghiên cứu chiến thuật phá hoại. Chúng đã

bàn định những kế hoạch mơ màng như Gorô đã ghi trong nhật ký. Ví dụ:

“Sau khi chính quyền Xô Viết đã bị đánh đổ, Mỹ cần phải làm những việc gì?

Phải chuẩn bị sẵn sàng để lập Chính phủ bù nhìn thay thế... Hội nghị ấy đề nghị”... Tiếp theo kỳ sau.

19/5/1955

15

Hội nghị ấy đề nghị về quân sự “dùng tất cả các thứ vũ khí”. Về chính trị “dùng tất cả mọi cách không chính đáng”.

Hội nghị ấy phân công cho các nhóm mật thám Mỹ: “Các cơ quan mật thám Mỹ phải luôn luôn cố gắng, tìm ra chỗ yếu và chỗ mạnh, và báo cáo lên cấp trên. Chúng ta dùng bất kỳ phương pháp gì để phá hoại lòng tin cậy của nhân dân Liên Xô đối với Chính phủ họ. Chúng ta phải tìm hết cách làm cho họ mất sự tin nhiệm đối với Đảng Cộng sản”.

Gorô nhấn mạnh rằng: “Dùng bất kỳ cách gì, nói thật hay nói dối, cốt sao đầu độc được tâm lý mọi người”.

Nhưng chính sách đúng đắn của Liên Xô làm cho bọn mật thám như Gorô cũng phải thừa nhận rằng: “Chúng ta chớ chủ quan rằng nhân dân Liên Xô oán ghét Chính phủ họ... Nhân dân Liên Xô sẽ ủng hộ Chính phủ họ...”. Cuối cùng Gorô nói một cách tức tối: Chúng ta quyết không nên mắc sai lầm tưởng rằng đời sống của nhân dân túng thiếu... vì đời sống của họ ngày càng được cải thiện...”.

Xem những đoạn trích trong quyển sách và quyển nhật ký của hai người mật thám Mỹ, thì chúng ta thấy rõ:

- Đế quốc Mỹ luôn luôn âm mưu gây chiến.
- Liên Xô luôn luôn cố gắng giữ gìn hoà bình thế giới.
- Phong trào hoà bình thế giới ngày càng mạnh, đã làm cho âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ thất bại.
- Nhân dân thế giới phải luôn luôn tỉnh táo, phải kiên quyết đấu tranh thì nhất định giữ gìn được hoà bình thế giới.

21/5/1954

Báo nhân dân, từ ngày 19/4/1954

đến ngày 21/5/1954.

TÌNH ANH EM VIỆT - ẤN - MIẾN

Thư của L.T

Thư số 1

Em Hương yêu quý!

Chắc hẳn khi tiếp được thư này, em sẽ rất sung sướng. Em sẽ vội vàng đọc lại cho thầy, mẹ, các anh, các chị và các cháu nghe. Rồi em sẽ thuật lại cho bà con, cô bác trong làng đều biết. Kết quả sẽ là mọi người đều sung sướng, vui mừng! Vì:

Trong cuộc Hồ Chủ tịch đi thăm hai nước bạn Ấn Độ và Miến Điện, anh là một trong những cán bộ vinh hạnh được đi theo Bác.

Em nghĩ xem, đi theo Bác sẽ được học hỏi không ít, đến hai nước bạn lại được nghe thêm nhiều. Tục ngữ có câu: *"Đi một phiên chợ, học một mớ khôn"*.

Chắc rằng chuyến này sự hiểu biết của anh sẽ tăng tiến. Anh sẽ cố gắng ghi chép những điều tai nghe mắt thấy, tiếp tục gửi về cho em. Đó cũng là một cách giúp em học hỏi.

4 giờ chiều hôm qua (4/2/1958), chiếc máy bay Ấn sang đón Bác cất cánh từ trường bay Gia Lâm. Cùng đi có cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại, ba đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám, Phạm Hùng, Phan Anh và vài chục cán bộ phụ trách lễ tân, quay phim, đánh máy, bảo vệ, v.v... đến sân bay tiễn Bác rất đông người, gồm có các đồng chí Trung ương Đảng và Chính phủ, các vị đại biểu Quốc hội và Quân đội, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đoàn ngoại giao, các em nhi đồng... Cùng ra tiễn có đại sứ Kôn, chủ tịch Ủy ban quốc tế và bà con Ấn kiều.

Sau khi cùng Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi duyệt đội danh dự và thân mật chào hỏi các bà con đến tiễn, Bác nói đại ý như sau:

"Mục đích của cuộc đi thăm này là thắt chặt thêm nữa tình anh em giữa nước ta với hai nước bạn Ấn Độ và Miến Điện, do đó củng cố và phát triển thêm nữa mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc Á Phi và bảo vệ hoà bình thế giới".

Giữa những tràng vỗ tay nhiệt liệt, Bác kết luận:

"Tiễn đi nhớ bữa hôm nay

Mừng về xin đợi hôm nay hai tuần sau!"

Ở trường bay thì có mưa phùn gió rét. Nhưng khi máy bay lên cao hơn 2.000 thước, thì có mặt trời nắng ấm như mùa thu.

Từ Hà Nội đến Cancútta đường xa non 2.000 cây số. Phải kinh qua ba nước Lào, Thái Lan, và Miến Điện, bay liền bảy tiếng đồng hồ. Nhiều anh em ngại rằng bay lâu như thế Bác sẽ mệt. Nhưng suốt đường khi thì nhìn ra cửa sổ xem phong cảnh, khi thì xem sách báo. Bác không có vẻ mệt nhọc chút nào.

11 giờ khuya máy bay hạ cánh ở Cancútta. Ra sân bay đón tiếp có bà Thủ hiến và các vị lãnh đạo xứ Bănggan cùng các nhân viên cao cấp của thành phố Cancútta.

Anh cần nói cho em rõ. Bà Thủ hiến là bà Naidu giữ chức Thủ hiến chứ không phải “là vợ ông Thủ hiến”, như có người đã hiểu lầm. Bà Thủ hiến là con bà cụ Naidu, một thi sĩ cách mạng nổi tiếng và cũng đã từng giữ chức vụ Thủ hiến lúc bà cụ còn sống.

Cùng ra đón có các vị lãnh sự các nước anh em và mấy nước Á - Phi. Tuy đã đến khuya, rất đông nhân dân Cancútta vẫn chờ đợi hai bên lề đường để hoan nghênh Bác.

Về đến dinh Thủ hiến đã 12 giờ khuya. Cơm nước xong rồi thì đã 1 giờ sáng. Mọi người đều đặt lưng xuống giường là ngủ li bì. Nhưng anh cố gắng viết cho xong thư số 1 này để gửi cho em, vì sáng hôm sau ngày mai, Bác và Đoàn tiếp tục đi máy bay đến Đêli, thủ đô Ấn Độ.

*
* *

Thư số 2

Đêli, 5/2/1958

Cancútta cách Đêli 1.316 cây số.

Để đón Bác, Tổng thống Porasát đã phái đến Cancútta một tổ liên lạc đi với Bác suốt những ngày Bác ở thăm Ấn Độ. Trong tổ gồm có: Ba viên trung tá và thiếu tá, đại biểu cho hải, lục, không quân: một người phụ trách báo chí, một người chụp ảnh, một người quay phim: ông Sênapati phụ trách bảo vệ; và đại tá Đétpăngđi bí thư quân sự của Phủ Tổng thống làm trưởng tổ liên lạc kiêm lễ tân. Đại tá Đétpăngđi và ông Sênapati phục vụ rất tận tụy và rất kín đáo. Hai người luôn luôn ở cạnh Bác, nhưng trong mấy trăm bức ảnh đăng ở các báo không hề có hình ảnh của hai người.

Máy bay của Bác và Đoàn đến cách Đêli độ 100 cây số, thì có tám chiếc máy bay quân sự ra đón.

Đến Đêli vừa đúng 12 giờ trưa.

Khi Bác và đoàn từ máy bay bước xuống, có 21 phát đại bác bắn chào, nhưng tiếng hoan hô của quần chúng hầu như đã che lấp tiếng súng.

Sân bay bố trí rất long trọng và xinh đẹp, quốc kỳ hai nước Việt Ấn bay ợp trời. Từ chỗ máy bay để đến rạp tạm nghỉ đều trải bằng thảm đỏ. Mái rạp rất rộng lớn làm bằng những bức thêu kết lại. Dưới đất thì phủ bằng những tấm thảm nhiều màu sắc. Chung quanh rạp là những chậu hoa đẹp và thơm.

Bên tay phải có một rạp khách, dành cho quan khách đến đón. Tổng thống Porasát, Thủ tướng Nêru và con gái là bà Indêra Găngđi đến tận cầu thang máy bay đón Bác và Đoàn một cách rất thân mật. Các em nhi đồng ríu rít chạy lại tặng hoa.

Tổng thống và Thủ tướng đang đi kinh lý ở các tỉnh xa, ngày hôm qua mới về Thủ đô để đón Bác và Đoàn. Dù cảm gió, khăn cổ, nhưng Tổng thống vẫn cố gắng đến sân bay đón Bác.

Bác và Đoàn đi bắt tay các Bộ trưởng, các đại biểu Quốc hội, các tướng lĩnh, các vị trong đoàn ngoại giao...

Đội nhạc danh dự cử quốc ca hai nước Việt - Ấn.

Bác đi duyệt đội danh dự gồm có hải, lục không quân.

E rằng Tổng thống quá mệt, Bác kiên quyết mãi cù Porasát mới chịu về nghỉ. Trước khi thay mặt Tổng thống đọc lời hoan nghênh, Thủ tướng Nêru nói: Hồ Chủ tịch là một nhà đại cách mạng phi thường trong thời đại này. Người luôn luôn giải quyết các vấn đề khó khăn với nụ cười trên môi...

Lời hoan nghênh của Tổng thống như sau:

“Thưa Chủ tịch

Tôi rất lấy làm sung sướng được hoan nghênh Chủ tịch lần đầu tiên Ngài đến thăm nước chúng tôi. Tất cả chúng tôi hoan nghênh Ngài như một đại chiến sĩ cho tự do, như một vị lãnh tụ thân mến và như Chủ tịch của một nước bạn là nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Ấn Độ luôn luôn quan tâm đến sự giải phóng của những dân tộc bị nước ngoài thống trị trái với ý muốn của nhân dân. Sau khi đã giành được tự do, sự quan tâm của chúng tôi trở nên sự đồng tình tích cực, dù rằng chúng tôi cũng có những hạn chế của chúng tôi.

Chúng tôi vô cùng sung sướng thấy Chủ tịch đến với chúng tôi. Nhân danh Chính phủ, nhân dân Ấn Độ và cá nhân tôi, tôi xin liệt nhiệt hoan nghênh Ngài. Tôi mong rằng những ngày Ngài ở lại Ấn Độ sẽ là những ngày vui vẻ và có kết quả, và Ngài sẽ có dịp đi thăm những cố gắng của chúng tôi đã làm được để xây dựng tương lai tươi đẹp cho đất nước chúng tôi.”

*

* *

Thư số 3

Đêli ngày 6/2/1958

Em Hương, hôm qua, từ sáng sớm lên máy bay cho đến mười giờ rưỡi tối

tiếp khách xong, Bác và Đoàn hầu như không nghỉ ngơi chút nào. Tuy vậy mọi người đều rất khoan khoái. Còn về phần anh thì ghi chép nhiều, một quyển nhật ký đã gần hết giấy. Nhưng chưa biết đến bao giờ mới viết được hết để thuật lại tất cả mọi việc cho em hay. Thôi thì anh cứ viết dần dần vậy.

Hôm qua, tại sân bay, đáp lại lời hoan nghênh của Tổng thống Porasát, Bác nói đại ý như sau:

“Nhận lời mời của Tổng thống Porasát, chúng tôi rất sung sướng được đến thăm nước Cộng hoà Ấn Độ anh em. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đón tiếp long trọng và thân mật của các bạn. Chúng tôi xin chuyển đến các bạn và toàn thể nhân dân Ấn Độ anh em lời chào mừng thân ái của nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi đến đất nước vĩ đại của các bạn với sự đồng tình sâu sắc, nó đã gắn bó nhân dân hai nước chúng ta. Hiện nay hơn 1.200 triệu nhân dân Á - Phi trong đó có hơn 400 triệu nhân dân Ấn Độ đã được giải phóng. Đó là một sự kiện cực kỳ quan trọng. Ngày nay, Nước cộng hoà Ấn Độ là một nước độc lập, đồng thời là một cường quốc đã có những cống hiến quý báu cho hoà bình ở châu Á và thế giới, và Ấn Độ đã giữ một vai trò quan trọng trên trường quốc tế.

Sau tám, chín năm kháng chiến gian khổ để giải phóng đất nước, nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt chiến tranh xâm lược, và đã công nhận chủ quyền, độc lập, lãnh thổ toàn vẹn của Việt Nam. Ngày nay nhân dân Việt Nam đang gia sức củng cố hoà bình, xây dựng đất nước và đấu tranh thống nhất Tổ quốc của mình.

Nước Cộng hoà Ấn Độ đã cống hiến nhiều trong việc lập lại hoà bình ở Việt Nam. Ủy ban quốc tế do Ấn Độ làm Chủ tịch đã cố gắng trọng nhiệm vụ giám sát và kiểm soát việc thi hành hiệp định Giơnevơ ở Việt Nam. Nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn Chính phủ và nhân dân Ấn Độ.

Nhân dân Việt Nam rất sung sướng thấy rằng quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta ngày càng phát triển. Chúng tôi rất sung sướng được gặp Tổng thống Porasát và gặp Thủ tướng Nêru, một người bạn tốt mà nhân dân Việt Nam đã có hân hạnh đón tiếp ở Hà Nội. Cuộc đi thăm của chúng tôi lần này, sẽ giúp chúng tôi hiểu biết hơn nữa nhân dân Ấn Độ anh dũng đã ra sức xây dựng nước nhà: và chúng tôi sẽ học những kinh nghiệm quý báu của các bạn trong công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển văn hoá. Chúng tôi tin rằng cuộc đi thăm của chúng tôi sẽ củng cố hơn nữa tình hữu nghị và sự hợp tác giữa hai nước chúng ta và góp phần vào sự củng cố tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á - Phi và bảo vệ hoà bình thế giới.

Một lần nữa chúng tôi cảm ơn các bạn về cuộc đón tiếp nhiệt liệt này.

Tình hữu nghị giữa hai nước Việt - Ấn muôn năm!

Hoà bình ở châu Á và trên thế giới muôn năm!

Păngsa Sila⁽¹⁾ muôn năm!”

Bác vừa dứt lời thì mọi người vỗ tay hoan hô sôi nổi.

*
* *

Thư số 4

Sân bay Palam (em chó đọc nhầm là “Gia Lâm” nhé!) cách thành phố 19 cây số. Hai bên đường cắm đầy quốc kỳ Ấn Độ và cờ đỏ sao vàng. Bác và Thủ tướng Nêru đi chiếc xe trần, kế đến xe hơi của Đoàn và hàng trăm chiếc xe hơi của quan khách. Đoàn xe hơi kế tiếp nhau thành như một con rồng bơi giữa một cái biển hàng chục vạn người. Càng gần thành phố người càng đông thêm. Họ reo hò, vỗ tay, hô khẩu hiệu: “Ja! Việt Nam!”, “Hồ Chí Minh Jindabát!”, Hindi - Việt Nam bhai bhai!”...⁽²⁾

Đến gần phủ Tổng thống có đội lính cưỡi ngựa (Đội bảo vệ của Tổng thống) ra đón. Ngựa con nào con ấy rất cao to. Người lính cũng cao to, đi giày ống đen mặc áo đỏ quần trắng đầu bịt khăn thêu kim tuyến, tay cầm cây giáo dài trông thật oai vệ.

Trước phủ Tổng thống lại có thảm đỏ, có rạp thêu như ở sân bay. Một lần nữa đội nhạc cử Quốc ca hai nước. Bác đi xe hơi đặc biệt để duyệt đội vệ binh.

Nghi lễ xong, Thủ tướng Nêru và bà Indêra mời Bác và Đoàn vào nghỉ trong nhà khách trong phủ Tổng thống ở tầng thứ 3. Lâu đài này rộng thênh thang rất nhiều phòng, nhiều cửa, nếu không có người dẫn đường thì rất dễ đi lạc.

2 giờ rưỡi đến 3 giờ rưỡi Thủ tướng Nêru và bà Indêra cùng Bác và Đoàn ăn cơm một cách thân mật như trong gia đình. Sau khi ăn cơm xong, bà con Ấn Độ cũng thường ăn trầu như bà con Việt Nam ta.

4 giờ 15 phút, Bác và Đoàn đi đặt vòng hoa ở Rajghat. Đây là một công viên rộng lớn làm nơi kỷ niệm, chứ không phải là mộ thánh Găngđi. Giữa công viên có đắp một cái bệ vuông rộng và cao. Đây là nơi mà mấy năm trước, lúc Thánh Găngđi đang diễn thuyết thì bị một tên phát xít ám sát. Trước khi lên bệ để đặt vòng hoa, mọi người đều cời giấy và đi chân không. Đó là theo phong tục Ấn Độ khi đi vào nơi cúng lễ đều làm như vậy. Vòng hoa này đưa từ Hà Nội sang. Khi đặt vòng hoa và mặc niệm, Bác rất cảm động. Hai điều đó đồn khắp Đêli và khắp Ấn Độ vì các báo đã đặc biệt nêu lên. Bác đã trồng một cây hoa đại (cũng đưa từ Hà Nội sang) ở công viên làm kỷ niệm.

Chúng ta còn nhớ rằng đầu năm 1947, Ấn Độ đang đấu tranh giành độc

(1) Păngsa Sila, tiếng Ấn Độ, nghĩa là Năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

(2) Ja! và Jindabát đều có nghĩa là muôn năm. Bhai bhai có nghĩa là anh em. Hindi nghĩa là Ấn Độ.

lập, mà Việt Nam ta thì đang bắt đầu kháng chiến. Tuy trong lúc nước bạn đang gặp khó khăn, nhưng Thánh Găngđi đã không quên kêu gọi nhân dân Ấn Độ “hoàn toàn đồng tình với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu cho chính nghĩa”. Về sau, người tín đồ xuất sắc của Thánh Găngđi là Thủ tướng Nêru luôn luôn đồng tình và ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta.

5 giờ chiều, Bác đi thăm Tổng thống Porasát. Sợ Tổng thống mệt, Bác định chỉ Bác và các vị trong Đoàn đến thôi. Nhưng cụ Porasát yêu cầu tất cả các anh em cán bộ ta cùng đến: rồi Cụ cùng mọi người chuyện trò và uống nước chè, thân mật như người trong gia đình.

6 giờ, Thủ tướng Nêru đến thăm Bác. Hai vị lãnh tụ nói chuyện thân mật về tình hình thế giới và quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta.

7 giờ, ông Monông, Bộ trưởng Bộ quốc phòng, đến thăm Bác.

8 giờ đến 10 giờ rưỡi, hai ông Bộ trưởng ăn cơm với Bác và Đoàn. Đó là cách sắp đặt khéo léo để Bác và Đoàn có dịp tiếp xúc thân mật với các vị lãnh đạo trong Chính phủ nước bạn.

Sau đó Bác còn ký nhiều quyển sổ kỷ niệm. Cũng như người phương Tây, bà con Ấn Độ thích xin chữ ký của những người có danh tiếng để làm kỷ niệm. Mới hôm đầu mà Bác đã nhận được rất nhiều quyển sổ xin chữ ký. Nhiều người ở địa phương xa xôi cũng gửi thư và điện đến xin chữ ký của Bác.

*
* * *

Thư số 5

Đêli ngày 6/2/1958

Bác và Đoàn hôm nay có một chương trình hoạt động nặng lắm em ạ. Em xem chương trình sau:

Tham gia tiệc trà của Ủy ban tiếp đón Hồ Chí Minh,

Thăm Viện Nghiên cứu khoa học vật lý,

Thăm Viện Nghiên cứu nông nghiệp,

Gặp Ủy ban kế hoạch Nhà nước,

Nhân dân thành phố Đêli chào mừng,

Tổng thống Porasát chiêu đãi.

Ủy ban đón tiếp Hồ Chủ tịch là một tổ chức rộng rãi, gồm có nhiều vị đại biểu Quốc hội và nhân sĩ nổi tiếng ở Đêli, không phân biệt xu hướng chính trị, đảng phái, tín ngưỡng.

Trước khi Bác đến Đêli, Ủy ban đã kêu gọi nhân dân thủ đô đi đón Bác cho đông.

4 giờ chiều hôm nay, Ủy ban mở tiệc trà chiêu đãi Bác và Đoàn. Nơi chiêu đãi là Câu lạc bộ Hiến pháp, có một cái rạp lớn cũng làm bằng những tấm thảm

thêu kết lại, trang trí rất đàng hoàng. Độ 300 người tham gia, không có nhiều vị trong Đoàn ngoại giao. Bầu không khí trong cuộc chiêu đãi rất là thân mật và vui vẻ. Chỉ tiếc rằng Chủ tịch Ủy ban là bà Raméché Vary Nêru - một lãnh đạo phụ nữ và là chị em họ của Thủ tướng Nêru - bị cảm không đến dự được.

Theo lệ thường, các vị phụ trách trong Ủy ban chào hoa cho Bác và các vị trong Đoàn. Rồi các em học sinh trai và gái hát bài hát hoan nghênh. Ủy ban tặng Bác nhiều quyển sách về mỹ thuật Ấn Độ. Ngoài ra, còn một món quà lạ: một gia đình trẻ tuổi với ba cháu gái bé đã biếu bác một con hươu con, thấy vậy mọi người cười ồ và vỗ tay nhiệt liệt.

Ông Chủ tịch trong buổi chiêu đãi đọc lời hoan nghênh đầy nhiệt tình.

Trong lời cảm ơn, Bác nói đại ý như sau:

“Tôi rất cảm ơn những lời khen ngợi thân ái của ông Chủ tịch. Song tôi không phải là anh hùng. Chính những người dân Việt Nam và Ấn Độ đã đoàn kết đấu tranh, giành tự do độc lập cho Tổ quốc mình - đó mới là những người anh hùng thật...”

40, 50 năm trước đây, tôi đã từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ, đâu đâu tôi cũng thấy những người đau khổ... Nhân dân Á Phi thì bọn thực dân áp bức bóc lột. Nhân dân Mỹ da đen thì bị Mỹ da trắng đầy đoạ xem khinh. Nhưng ngày nay, do sự đấu tranh anh dũng của nhân dân, đêm tối áp bức đã bị đánh lui, mùa xuân tự do tươi sáng đã đến. Nhiều nước Á - Phi đã giành được chủ quyền độc lập. Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để đấu tranh chống nghèo nàn và dốt nát, để xây dựng một cuộc sống mới hạnh phúc, hữu nghị và hoà bình...”

Bác kết luận bằng khẩu hiệu: Năm nguyên tắc chung sống hoà bình muôn năm!

Thủ tướng Nêru vì bận việc cho nên đến chậm. Bà con yêu cầu Thủ tướng phát biểu ý kiến. Thủ tướng nói đại ý:

“Tôi không có nhiệm vụ trong cuộc chiêu đãi này, nhưng tôi cũng cố gắng đến tham gia vì là chiêu đãi Hồ Chủ tịch... Hồ Chủ tịch là một nhân vật đặc biệt, tính rất đơn giản nhưng lòng rất rộng rãi. Hôm qua, khi từ sân bay về, Hồ Chủ tịch có nói với tôi rằng Ngài có đem từ Hà Nội sang một vòng hoa và một cây đại để đặt và trồng ở nơi kỷ niệm Thánh Găngđi. Ngài còn nói thêm rằng cũng có đưa vòng hoa và cây đào để kỷ niệm ông cụ thân sinh tôi. Hồ Chủ tịch gặp ông cụ thân sinh tôi ở thủ đô nước Bỉ năm 1927 trong Hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và cách đây đã lâu năm mà Hồ Chủ tịch vẫn còn nhớ đến cụ thân sinh tôi. Đó tuy là một việc bình thường nhưng nó chứng tỏ một cách rõ rệt phẩm chất vĩ đại của Hồ Chủ tịch...”

Nghe Thủ tướng Nêru nói, mọi người rất cảm động.

Em Hương ạ, một người bạn Ấn Độ cho anh biết rằng Ủy ban đón tiếp này và cuộc chiêu đãi như thế này là một sự kiện đặc biệt, lần này có thể đón tiếp một quý khách đặc biệt là Bác Hồ của chúng ta.

Thư số 6

Em Hương ạ, hôm nay, khi Bác và Đoàn đi thăm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Viện nghiên cứu nông nghiệp và Viện nghiên cứu khoa học, thì anh vì bận công việc, không đi được, tiếc quá!

6 giờ chiều, Bác và Đoàn đi dự cuộc chào mừng của thị xã Đêli, tổ chức ở “Thành đỏ”. Đó là cung điện đồng thời là đại bản doanh của vua chúa cổ xây dựng từ năm 1939. Lâu đài phía trong đều làm bằng đá trắng rất lộng lẫy. Tường vách ngoài thì đều màu đỏ, cho nên gọi là “Thành đỏ”.

Từ Phủ Tổng thống đến Thành đỏ, hai bên đường người đứng chật ních đón chào Bác và Đoàn. Khi bước vào trong Thành đỏ, anh có cảm tưởng như đi vào một cảnh Bồng lai. Chung quanh lâu đài và khắp các bồn hoa và cây cối đều treo đầy những đèn điện xanh, đỏ, vàng, tím, trắng. Từ cổng vào đến chỗ khai hội, hàng chục cổng chào kết bằng hoa, bằng lụa, bằng điện, liên tiếp nhau thành một hành lang đủ sắc, đủ màu”... Một khung cảnh cực kỳ đẹp mắt...

Toàn thể uỷ viên hành chính thị xã và hàng nghìn công dân thủ đô đã chờ đón sẵn. Khi Bác và Đoàn cùng Thủ tướng Nêru, ông thị trưởng và bà phó thị trưởng đi vào, mọi người đứng dậy hoan hô nhiệt liệt. Các cô nữ học sinh hát bài hoan nghênh. Ông thị trưởng đọc lời chào mừng, đại ý như sau:

“Kính thưa Chủ tịch. Tôi rất sung sướng được thay mặt nhân dân thủ đô Đêli nhiệt liệt hoan nghênh Ngài. Chúng tôi chẳng những hoan nghênh Ngài vì Ngài là một vị chủ tịch của một nước bạn có quan hệ với Ấn Độ đã từ lâu đời, mà còn vì Ngài là một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại... Ngài đã đấu tranh suốt đời giành tự do và hạnh phúc cho nhân dân chống lại sự thống trị của đế quốc...”

Thánh Găngđi đã dạy chúng tôi đấu tranh bằng phương pháp hoà bình và tình bạn. Mười năm trước đây, Thánh Găngđi đã bị một tên phản động ám sát, nhưng hình ảnh của Người vẫn sống mãi trong lòng chúng tôi. Tình thương yêu của nhân dân đối với Người và nước Ấn Độ tự do do Người đã xây dựng - Đó là tấm bia bất diệt của Thánh Găngđi...

Cũng như Ấn Độ chúng tôi đã chịu đựng nhiều năm đau xót trước khi giành được tự do, Chủ tịch và nhân dân Việt Nam đã kinh qua bao nhiêu gian khổ để đi tới giải phóng. Những cuộc đấu tranh ấy làm cho nhân dân hai nước chúng ta đoàn kết và càng hiểu biết nhau.

Chúng tôi tha thiết với hoà bình... Trên thế giới ngày nay, hoà bình lâu dài là một điều cực kỳ quan trọng và cấp thiết. Khi người ta đã phát minh những thứ vũ khí kinh khủng như hiện nay, thì những người có trí khôn không ai

muốn có chiến tranh. Chúng tôi tin rằng năm nguyên tắc chung sống hoà bình là chính sách đúng đắn mà các nước cần thực hiện. Trong cuộc đấu tranh cho hoà bình, chúng tôi chắc rằng hai nước chúng ta sẽ hợp tác hết sức chặt chẽ...

Chúng tôi rất biết ơn Chủ tịch đã đến với chúng tôi, và xin Chủ tịch chuyển lời chào hữu nghị của chúng tôi tới nhân dân Việt Nam anh em..."

Trong lời cảm ơn Bác nói:

"Nhân dân Việt Nam đã sung sướng được hoan nghênh Thủ tướng Nêru và Phó tổng thống Radakri snan (Radakrihnan). Lần này chúng tôi rất sung sướng được sang thăm nước Ấn Độ vĩ đại, quê hương của Đức Phật và của Thánh Găngđi. Chúng tôi được Chính phủ và nhân dân Ấn Độ đón tiếp long trọng và thân mật. Hôm nay lại được gặp các bạn ở đây, tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam cảm ơn các bạn và gửi tới toàn thể anh chị em công dân Ấn Độ và thủ đô Đêli lời chào thân thiết nhất.

Nhân dân hai nước chúng ta đã có mối quan hệ anh em từ lâu đời... Dưới ách thống trị của thực dân, quan hệ ấy tạm bị gián đoạn trong một thời kỳ. Nhưng tình hữu nghị cổ truyền vẫn luôn luôn gắn bó hai dân tộc chúng ta.

Ngày nay, Ấn Độ là một nước hùng mạnh, đóng một vai trò quan trọng trên thế giới. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thủ tướng Nêru, một vị lãnh tụ lỗi lạc, các bạn xây dựng đất nước, phát triển nền văn hoá tốt đẹp có truyền thống lâu đời và phát triển một nền kinh tế tự chủ... Những điều đó chứng tỏ rằng khi một dân tộc đã được độc lập, thì có đủ khả năng xây dựng một đời sống ngày càng tươi đẹp. Chúng tôi mừng các bạn về những thành tích tốt đẹp, đã thu được trong kế hoạch năm năm lần thứ nhất, và chúc các bạn thu được nhiều hơn nữa trong kế hoạch năm năm lần thứ hai.

Cùng với nước Ấn Độ vĩ đại, nhiều nước Á Phi đã thoát khỏi ách thực dân, trở thành nước độc lập. Nhân dân Trung Quốc đang hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân các nước Đông Nam Á và Trung, Cận Đông đã vùng dậy, kiên quyết giành lại và bảo vệ quyền tự do độc lập của mình. Nhân dân châu Phi anh dũng đấu tranh chống đế quốc. Chế độ thực dân đang tan rã và không gì cứu vãn được. Thời kỳ bọn thực dân làm mưa làm gió đã qua rồi...

Trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân, Ấn Độ đã góp một phần to lớn. Việt Nam cũng đã góp phần nhỏ của mình. Nhân dân Việt Nam đã đấu tranh hơn 80 năm chống thực dân Pháp và đã kháng chiến gian khổ trong tám chín năm trường. Kết quả nhân dân Việt Nam đã thắng bọn thực dân. Việc đó chứng tỏ rằng một dân tộc biết đoàn kết, nhất trí, quyết tâm chiến đấu, và được sự ủng hộ của nhân dân thế giới, thì cuối cùng nhất định thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam...

Hiện nay, nguyện vọng tha thiết của nhân dân Việt Nam là thống nhất Tổ

quốc bằng Tổng tuyển cử tự do như hiệp định Gionevơ đã quy định. Nhưng vì âm mưu của đế quốc và bọn tay sai của chúng cho nên nước Việt Nam đến nay chưa được thống nhất. Nước Việt Nam là một, từ nam đến bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một văn hoá, một nền kinh tế. Nhân dân Việt Nam đã hy sinh nhiều xương máu để đấu tranh cho tự do độc lập, quyết không một lực lượng nào ngăn cản được sự nghiệp thống nhất Tổ quốc của mình. chúng tôi tin chắc rằng cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của chúng tôi nhất định thắng lợi....

Chúng tôi đấu tranh cho hoà bình. Vì có hoà bình chúng tôi mới có điều kiện xây dựng đất nước... Chúng tôi hết sức tán thành năm nguyên tắc chung sống hoà bình mà Thủ tướng Nêru là một trong những người đề xướng. Chúng ta cần có hoà bình để xây dựng một cuộc đời hạnh phúc cho nhân dân và con cháu chúng ta...

Phong trào đấu tranh cho hoà bình đang lan rộng khắp thế giới. Nhân dân thế giới đòi phải chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang, đòi tài giảm binh bị, cấm sản xuất và cấm dùng vũ khí nguyên tử và khinh khí, đòi giải tán các khối quân sự xâm lược, thủ tiêu các căn cứ quân sự ở nước ngoài. Nhân dân các nước đòi mở cuộc hội nghị những người đứng đầu Chính phủ các nước để giải quyết các vấn đề quốc tế bằng thương lượng hoà bình đừng làm dịu tình hình thế giới. Chắc rằng ý nguyện hoà bình của nhân dân thế giới nhất định sẽ thắng mọi âm mưu gây chiến...

Chúng tôi sung sướng nhận thấy trong cuộc đấu tranh chung cho hoà bình thế giới, cho độc lập dân tộc, nhân dân hai nước chúng ta sát cánh với nhau, cùng nhau theo đuổi mục đích chung. Chúng tôi chắc rằng nhân dân Ấn Độ mong cho Việt Nam Sớm thống nhất, cũng như nhân dân Việt nam mong cho vùng Goa sớm trở về đại gia đình Ấn Độ...

Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm nước Cộng hoà Ấn Độ lần này của chúng tôi càng thắt chặt thêm nữa tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước chúng ta, đồng thời góp phần tăng cường tình đoàn kết giữa các nước Á - Phi và cùng có hoà bình ở châu Á và trên thế giới.

Một lần nữa chúng tôi xin gửi lời chào thân ái của chúng tôi và của nhân dân thủ đô Hà Nội đến toàn thể anh chị em công dân thủ đô Đêli..."

Trong cuộc hoan nghênh này đã xảy ra một chuyện rất thú vị: Trên đài Chủ tịch, ở giữ hàng đầu có một cái ghế sơn sơn thiếp vàng, bọc nhung đỏ, giống như một cái ngai vàng. Mặc dù ông thị trưởng và Thủ tướng Nêru cố mời Bác ngồi "ngai" ấy, Bác nhất định từ chối. Thấy thái độ khiêm tốn của Bác, quần chúng nhiệt liệt tán thành, họ đứng cả dậy vỗ tay và hoan hô "Hồ Chí Minh Jindabat!". Cuối cùng phải thay một cái ghế khác, Bác mới ngồi. Sau chuyện đó các báo đã viết: Hồ Chủ tịch đã xoá bỏ hình thức lễ tân bằng một cử chỉ rất dân chủ...

Thư số 7

Tám giờ chiều (6/2/1958) bắt đầu cuộc chiêu đãi của Tổng thống. Cụ Porasát mệt không đến dự được do đó Thủ tướng Nêru thay mặt. Tại Phủ Tổng thống, trong nhà và ngoài vườn đều trang trí lộng lẫy như ngày tết. Dự tiệc này độ 100 người, gồm có các vị lãnh đạo trong Chính phủ và Quốc hội, Đoàn ngoại giao và nhân sĩ nổi tiếng. Tiệc đến nửa chừng, Thủ tướng Nêru đọc lời chúc mừng của Tổng thống Porasát đại ý như sau:

“Tôi rất vui mừng được hoan nghênh Hồ Chủ tịch... Chúng ta hoan nghênh Chủ tịch, một vị lãnh tụ xuất sắc đồng thời là một chiến sĩ vĩ đại cho tự do...”

... Bị đè nén lâu năm dưới sự thống trị của nước ngoài, chúng tôi biết sự giải phóng chính trị là quý nhường nào, vì vậy chúng tôi luôn luôn đồng tình với các dân tộc để thoát khỏi ách thống trị của ngoại quốc. Với sự quan tâm và đồng tình, chúng tôi đã theo dõi những sự biến đổi ở Việt Nam. Cuộc biến đổi ấy đã kết thúc với Hội nghị Giơnevơ năm 1954. Chúng tôi mong rằng tình trạng hiện nay sẽ kết thúc với sự thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hoà bình trên nền tảng dân chủ.

... Nhiều thế kỷ trước đây, Ấn Độ có quan hệ mật thiết với các nước Đông Nam Á, kể cả Việt Nam, về văn hoá, về xã hội và tôn giáo. Chúng tôi càng sung sướng nhớ lại thời kỳ quá khứ mà hai nước chúng ta đã có những quan hệ hữu nghị thâm thiết, và chúng ta đưa thêm tình nghĩa ấy vào tương lai, để làm cho mối quan hệ và ý nguyện chung là xây dựng kinh tế trong nước và củng cố hòa bình thế giới - sẽ tạo thành những quan hệ mới giữa chúng ta, làm cho tình hữu nghị sẵn có giữa nhân dân hai nước Ấn - Việt càng phát triển và củng cố.

Cũng như Việt Nam... từ ngày giành được chính quyền về mình, Ấn Độ đang ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Tôi mong rằng những ngày ở lại Ấn Độ, Chủ tịch sẽ có dịp thăm một vài việc xây dựng ấy... Tôi tin chắc rằng việc Chủ tịch đến thăm nước chúng tôi sẽ đưa lại sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa nhân dân Ấn Độ và Việt Nam dân chủ cộng hoà”.

Lời cảm ơn của Bác đại ý như sau:

“... Khi đến đất nước Ấn Độ vĩ đại, chúng tôi rất sung sướng được thăm quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới... Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là lý tưởng hoà bình, bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật và khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới.

Nhưng thực dân đã xâm lược Ấn Độ hàng trăm năm... Để giành độc lập

tự do của mình, nhân dân Ấn Độ đã anh dũng chống chủ nghĩa thực dân. Hiện nay Ấn Độ là một nước lớn giữ vai trò ngày càng quan trọng trên thế giới, đã đóng góp nhiều vào việc giữ gìn hoà bình, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế giữa các nước trên năm nguyên tắc chung sống hoà bình...

Hiện nay lực lượng hiếu chiến trên thế giới đang âm mưu xô đẩy loài người vào cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc. Nhưng nhân dân thế giới chán ghét và căm thù chiến tranh: không ngừng đấu tranh cho hoà bình, Ấn Độ đã có nhiều cống hiến lớn. Lực lượng hoà bình hiện nay mạnh hơn bao giờ hết và có khả năng ngăn ngừa chiến tranh... Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà rất hoan nghênh mọi sáng kiến và mọi cố gắng nhằm làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Thủ tướng Nêru tán thành đề nghị của Liên Xô về việc những người đứng đầu các nước mở hội nghị nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế và lòng tin cậy lẫn nhau để giữ gìn hoà bình thế giới. Chúng tôi cũng phản đối tất cả các khối quân sự xâm lược. Chúng tôi tán thành việc tổng tài giảm quân bị, việc cấm vũ khí nguyên tử và khinh khí...

Hiện nay nước Việt Nam chúng tôi, vì sự can thiệp của đế quốc mà việc thống nhất đất nước chưa được thực hiện bằng tổng tuyển cử tự do như hiệp nghị Giơnevơ quy định...

Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai chia cắt được. Chúng tôi kiên quyết phấn đấu để thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình... Chúng tôi tin chắc rằng nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất... Trong cuộc đấu tranh để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, Chính phủ và nhân dân chúng tôi luôn luôn biết ơn sự đồng tình và ủng hộ của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ anh em... Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm Ấn Độ lần này của chúng tôi sẽ tăng cường hơn nữa mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta đồng thời góp phần vào việc củng cố và phát triển khối đại đoàn kết của các nước Á - Phi...

Tiệc này thức ăn đơn giản và ngon lành, không nhiều thứ nhiều món bề bộn như các cuộc chiêu đãi của ta. Trong các cuộc chiêu đãi ở Ấn Độ đều uống nước lã, không dùng rượu. Đó là một điều chúng ta nên bắt chước.

Sau bữa tiệc có một giờ văn công, múa rất giỏi, hát rất hay. Các chị em nghệ sĩ hát bài Quốc ca của ta rất rõ, rất đúng. Bác và Thủ tướng Nêru đã tặng hoa cho các anh chị em nghệ sĩ.

Những bài diễn thuyết chào mừng và cảm ơn, anh chỉ viết cho em những đoạn anh ghi chép được, chứ không phải là nguyên văn.

*

* *

Thư số 8

Chín giờ sáng (7/2/1958) các em học sinh trai và gái thuộc đoàn thể “Kỷ luật quốc gia”, tổ chức một cuộc biểu diễn để hoan nghênh Bác và Đoàn. Cùng đi có Thủ tướng Nêru, Bộ trưởng Bộ giáo dục và nhiều nhân sĩ khác. Đoàn thể này mới thành lập bốn năm nay nhằm mục đích bồi dưỡng thanh niên và bồi đồng thành những người mạnh khỏe, yêu nước và có kỷ luật.

Hôm nay, 3.000 em chia làm 28 đội do các đội trưởng tỷ hơn chỉ huy. Chương trình gồm có:

Hoan hô Tổ quốc ba lần

Tập các động tác

Diễu qua trước đài Chủ tịch, vừa đi vừa hát

Các điệu múa dân gian

Thể thao trên cột

Hoan hô Bác ba lần

Hát quốc ca Việt và Ấn

Trong đám các em bé gái dâng hoa, có một em mù hai mắt được Bác ẵm lên. Em ấy sờ râu, sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách âu yếm. Mọi người trông thấy đều cảm động.

Các em biểu diễn khéo và hát hay, được mọi người vỗ tay khen ngợi.

Sau cuộc biểu diễn, Bác thân mật dặn dò các em: Học tập siêng năng, giữ gìn trật tự, bảo vệ sức khỏe, nghe lời Bác Nêru, mai sau chúng cháu sẽ thành những đội quân hùng mạnh để xây dựng Tổ quốc, bảo vệ hoà bình...”

Bác nói thêm: Đối với các cháu, bác là Bác Hồ, chứ không phải là Cụ Chủ tịch”. Nghe vậy các em vỗ tay, vừa hoan hô “Bác Hồ! Bác Hồ!”. Một em chạy lên biểu Bác hai cái kẹo.

Mười giờ rưỡi, Bác và Đoàn đi xem tháp Qut Minar. Tháp này xây dựng từ năm 1199. Cao 75 thước tây. Có năm tầng. Ba tầng dưới xây bằng đá đỏ, hai tầng trên bằng đá trắng. Từ nền tháp đến chóp có 397 bậc thang đá. Đứng trên đỉnh tháp trông thấy toàn bộ phong cảnh thủ đô Delhi.

Cách tháp mười bước là di tích của nhà thờ Quvat Uliislam, xây từ năm 1193. Tuy đã 765 năm, nhưng rường cột chạm trổ rất khéo vẫn còn nguyên vẹn. Điều đó chứng tỏ rằng từ xưa nghệ thuật xây dựng của Ấn Độ đã rất tinh vi.

Giữa sân nhà thờ có một cái cột sắt tròn trồng trên một cái bệ. Cột sắt cao độ 7 thước. Tuy đã trải qua hơn 1.500 năm mưa nắng, cột sắt không có chút sứt rỉ nào, vì nó là chất sắt thuần túy 100%.

Ngay sau cuộc đi thăm, cả thủ đô Delhi đồn rằng Bác thật là anh hùng, lý do là: Xưa nay các quý khách đến xem, trẻ cũng như già, chỉ đứng dưới sân nhìn lên, không ai trèo đến đỉnh tháp, nay Bác đã lên đến tầng cao nhất - Cho

nên Bác là anh hùng!

Mười hai giờ rưỡi, Thủ tướng Nêru mời Bác và Đoàn ăn cơm ở dinh Thủ tướng. Bữa ăn rất thân mật và vui vẻ, không có lễ tiết ngoại giao. Ngoài Bác và Đoàn có độ 50 vị bạn thân của Thủ tướng...

Sau bữa tiệc, ông M. Nát, Thư ký hội Xinhê trẻ con, đã biểu Bác một cuộn phim về trẻ em Ấn Độ.

Khi trở về Phủ Tổng thống, Bác xuống xe, đi bộ. Vì vậy anh em bảo vệ rất lúng túng. Bà con đi đường thì rất vui mừng, họ chạy theo hoan hô Bác, như một cuộc biểu tình.

Ba giờ đến bốn giờ, Bác tiếp hơn 50 đại biểu các báo Ấn, Anh, Mỹ...

Đối với nước ta, báo chí nước bạn có cảm tình rất tốt. Lâu trước ngày Bác đến Ấn Độ, nhiều báo đã đăng những bài hoan nghênh, ảnh và tiểu sử của Bác, cuộc kháng chiến anh dũng và thành tích xây dựng hoà bình của quân và dân ta. Nhiều báo đăng cả thơ, ca và phong tục Việt Nam. Mấy hôm nay, các báo đăng những bài dài thuật lại những hoạt động của Bác với nhiều lời ca tụng.

Trong cuộc tiếp xúc hôm nay, trước hết, Bác đọc lời tuyên bố đã viết sẵn, nội dung gồm có:

- Cảm ơn sự đón tiếp long trọng và thân mật của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ anh em.

- Chính phủ và nhân dân ta ủng hộ và thực hiện năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

- Chống chủ nghĩa thực dân, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Á - Phi: ta chủ trương Angiêri phải được độc lập, xứ Goa phải trở về Ấn Độ, Tây Iriăng trở về Nam Dương, Đài Loan trở về Trung Quốc.

- Chống chiến tranh, chống vũ khí nguyên tử, chống các khối quân sự xâm lược.

- Nhân dân Việt Nam kiên quyết đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình.

Rồi Bác trả lời một loạt các câu hỏi (các nhà báo đã gửi đến trước) về:

- Thành tích xây dựng kinh tế và chính sách ngoại giao của ta.

- Sự đóng góp của ta trong công cuộc giữ gìn hoà bình thế giới, v.v...

Sau đó, Bác trả lời mười mấy câu hỏi (mới tiếp được) của đại biểu một tờ báo Mỹ. Vài ví dụ:

- Nhân dân Việt Nam coi nhân dân Mỹ là bạn của mình: chúng tôi chống là chống chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ.

- Dù là nhỏ xít, quả vệ tinh Mỹ đã phóng được cũng góp phần vào sự phát triển của khoa học: và Bác mong cho khoa học hoà bình của Mỹ tiến bộ.

- Thành tích to lớn nhất của nhân dân Việt Nam là đã giành được tự do, độc lập.

- Trong thời kỳ kháng chiến, quân đội Việt Nam đã lấy được nhiều vũ khí Mỹ cung cấp cho Pháp. Thế là Mỹ đã gián tiếp cung cấp vũ khí cho quân đội Việt Nam.

- Về câu hỏi: Phải chăng Liên Xô và Trung Quốc không chế Việt Nam? Bác nói: Tôi xin lỗi các bạn, câu hỏi này hơi ngêhếch ngắc ngậy thơ...”

Suốt trong cuộc nói chuyện, nhiều lần các ký giả đã cười ồ và vỗ tay, vì những câu trả lời lý thú của Bác.

Nhiều anh em nhà báo nói: Đã lâu, mới có một cuộc tiếp các nhà báo vui vẻ và cởi mở thế này.

*
* * *

Thư số 9

5 giờ chiều (7/2/1958) Bác đến từ biệt Tổng thống. Cụ Pơrasát tặng Bác một cây bồ đề nhỏ. Tiếng Ấn Độ cũng gọi là bồ đề là “bodi” như tiếng ta. Lại thật em nhỉ!.

Cây bồ đề này rất quý vì là chồi non của cây bồ đề cổ thụ đã chứng kiến Đức Phật đắc đạo.

Nhân dịp này, Bác mời Tổng thống sang thăm nước ta. Cụ Pơrasát cảm ơn và vui vẻ nhận lời mời.

6 giờ, Bác và Đoàn đến thăm Hội những người ẩn nghiên cứu tình hình thế giới”. Đến dự cuộc gặp gỡ này có hơn 300 người trí thức, chính trị và khoa học. Sau đây là tóm tắt những điểm nói chuyện của Bác:

Lịch sử độc lập và thống nhất lâu đời của nước ta. Cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân Pháp. Sự nghiệp thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Cuộc kháng chiến anh dũng của quân và dân ta đã thắng lợi: hiệp nghị Giơnevơ đã chấm dứt chiến tranh, công nhận chủ quyền độc lập và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta... Bác nghiêm khắc lên án chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ hòng biến miền Nam thành một thuộc địa, một căn cứ quân sự của Mỹ. Sự đoàn kết và quyết tâm của nhân dân ta đấu tranh giành thống nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở những điều kiện hợp tình, hợp lý của Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc và hiệp nghị Giơnevơ.

Về chính sách ngoại giao, Chính phủ và nhân dân ta chủ trương hợp tác thân thiện với các nước trên nền tảng năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

Bác nêu rõ những thành tích của ta về xây dựng kinh tế và phát triển văn hoá từ ngày hoà bình được lập lại.

Về tình hình thế giới, Bác nói: Hiện nay lực lượng hoà bình lớn mạnh hơn bao giờ hết và đủ sức ngăn chặn chiến tranh. Tuy vậy, phe đế quốc vẫn đeo đuổi âm mưu gây chiến. Cho nên, nhân dân thế giới yêu chuộng hoà bình cần

phải nâng cao cảnh giác, kiên quyết chống chiến tranh, chống các khối quân sự xâm lược, chống thử bom nguyên tử và khinh khí... Tinh thần Hội nghị Băngdung và kết quả tốt đẹp của Đại hội Lơ Ke vừa rồi làm cho nhân dân Á - Phi thêm đoàn kết, thêm hùng mạnh, thêm kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân, thêm hăng hái giữ gìn hoà bình thế giới.

Bác kết luận: Mặc dù có nhiều khó khăn, song với sức đoàn kết và quyết tâm của mình với sự ủng hộ của 400 triệu nhân dân Ấn Độ và sự đồng tình của nhân dân thế giới, nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất.

Trước khi vào đề, Bác nói:

“Báo cáo này hơi dài. Bao giờ các bạn không muốn nghe nữa xin cứ nói thật, tôi sẽ kết thúc”. Mọi người cười và vỗ tay.

Đọc xong bản báo cáo Bác nói thêm: Việt Nam thống nhất không những ích lợi cho chúng tôi mà còn ích lợi cho các bạn, vì các bạn sẽ khỏi tốn công nghiên cứu một vấn đề phức tạp. Và cũng ích lợi cho vị Chủ tịch kính mến của chúng ta đây (ông Coritsna Masari là Chủ tịch hội này và Chủ tịch cả Ủy ban kế hoạch Nhà nước). Vì Việt Nam thống nhất, mỗi năm sẽ có thể bán sang Ấn Độ hơn một triệu rưỡi tấn gạo để giúp giải quyết vấn đề lương thực...”. Mọi người lại cười ồ và vỗ tay nhiệt liệt.

Thuật lại cuộc nói chuyện này, nhiều báo Ấn viết: “Thái độ thật thà và khiêm tốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy được cảm tình của mọi người đến nghe hôm nay”.

- 7 giờ Bác và Thủ tướng Nêru ký bản tuyên bố chung. Văn kiện này sẽ đăng ở các báo.

- 7 giờ rưỡi, Bác chiêu đãi và từ biệt Tổng thống, Thủ tướng và các bạn ở Đêli. Sau khi tỏ lời cảm ơn Tổng thống, Thủ tướng và nhân dân Đêli, Bác nói tóm tắt: Trong nhiều vấn đề quan trọng, các bạn Ấn Độ và chúng tôi đều đồng ý với nhau. Điều đó chứng tỏ rằng quan hệ anh em giữa hai nước chúng ta ngày càng phát triển và củng cố hơn nữa. Và do đó, sẽ giúp thắt chặt thêm nữa tình đoàn kết giữa các nước Á - Phi và tăng cường lực lượng bảo vệ hoà bình thế giới!

Thay mặt Tổng thống Porasát, Thủ tướng Nêru trả lời đại ý như sau: Hồ Chủ tịch là người có độ lượng rộng rãi. Ngài vừa nói với tôi Ngài đã phải lòng Đêli: như thế là cần phải có một quả tim rất to... Sự thật thì nhân dân Đêli cũng đã “phải lòng” Ngài. Trong ba ngày Hồ Chủ tịch ở đây, đã có nhiều cuộc mít tinh và cuộc trao đổi ý kiến, nhiều khi bằng tiếng nói, nhiều khi không cần đến tiếng nói. Chúng ta có người trao đổi bằng tiếng nói, có người trao đổi bằng cảm tình. Chúng ta đã tiếp xúc với một người mà người ấy là một bộ phận của lịch sử châu Á. Chúng ta gặp gỡ một vĩ nhân, đồng thời ta gặp gỡ một đoàn lịch sử. Vì vậy, không những chúng ta đã thêm về mặt tư tưởng, mà còn thêm

danh giá cho chúng ta. Gặp gỡ Hồ Chủ tịch là một kinh nghiệm nó làm cho chúng ta tốt thêm...”

Thủ tướng nói ước ao Bác ở lại lâu hơn, nhưng khó mà mời những người có trách nhiệm nặng nề lưu lại lâu ngày ở nước ngoài. Thủ tướng mong Bác đến thăm Ấn Độ một lần nữa. Hồ Chủ tịch tỏ ý muốn lần khác “vi hành” đến thăm Ấn Độ. Nhưng một đoạn lịch sử muốn “vi hành” thì không phải dễ... Thật là một sự sung sướng mà có một người vĩ đại và đáng yêu đến với ta và, mặc dù những mâu thuẫn trên thế giới hiện nay, người ta vẫn cảm thấy nhân đạo, hữu nghị và tình thương yêu nó sẽ xoá được mọi mâu thuẫn”. Thủ tướng kết luận gọi Bác là người vĩ đại, một bạn vĩ đại và một đồng chí vĩ đại.

*
* * *

Thư số 10

9 giờ tối (7/2/1958) nghe tin Bác sắp rời Đêli, các em bé (cháu của Tổng thống, con của các nhân viên cao cấp ở Phủ Tổng thống) kéo nhau đến chào Bác. Các em hát cho Bác nghe rồi đòi Bác cho chữ ký để làm kỷ niệm. Đã đến giờ nhưng các em còn quyến luyến, vây tròn lấy Bác, không muốn để Bác đi. Có em hỏi: Bác ơi Bác, bao giờ Bác trở lại chơi với các cháu?

10 giờ 25 phút, xe sắp sửa chạy đi Nanggan. Nhà ga, sân ga, vườn ga đều trang trí với quốc kỳ hai nước và đèn điện nhiều màu sắc, đẹp như ngày Tết. Ra ga tiễn Bác và Đoàn có Thủ tướng và bà Indêra, nhiều vị trong Chính phủ và Quốc hội, Đoàn ngoại giao và những bạn mới quen biết.

Lúc chia tay, khách và chủ đều tỏ tình rất quyến luyến. Bác đứng trên cửa xe vẫy tay và nói chơi: “Cửa này là cửa hoà bình”. Thủ tướng Nêru cười và trả lời: “Cửa hoà bình chúng ta phải để nó mở rộng mãi mãi!”.

10 giờ rưỡi, xe lửa chuyển xa, rời thủ đô đi Nanggan.

Chào các bạn Đêli thân mến! Chúng tôi sẽ luôn luôn ghi nhớ tình hữu nghị thắm thiết của các bạn đối với lãnh tụ và nhân dân Việt Nam!...

Đêli là một thành phố rất cũ và rất mới, có độ hai triệu nhân dân. Hơn 2.000 năm nay Đêli đã trải qua nhiều cuộc bể dâu và thay đổi sáu, bảy lần. Lúc thì thành phố mới mọc chồng trên thành phố cũ. Lúc thì thành phố cũ vẫn đứng bên thành phố mới. Vì vậy Đêli có nhiều di tích lịch sử xưa, lại có nhiều lâu đài mới. Ngày nay Đêli có hai phần: Đêli cũ là nơi dân cư đông và phố xá nhiều. Bên cạnh Đêli mới, nơi tập trung các cơ quan chính quyền, xây dựng xong từ năm 1931. Quốc hội, Phủ tổng thống, dinh Thủ tướng, các Bộ đều ở gần nhau. Nhà cửa to, đường xá rộng, vườn hoa nhiều, xứng đáng là thủ đô của một nước hơn 382 vạn cây số vuông đất đai, 362 triệu nhân dân (nước Ấn Độ chia làm 14 bang và 6 khu trực thuộc Chính phủ trung ương).

Đối với những người bạn, nhân dân Ấn Độ có thái độ rất niềm nở thân mật, đáng yêu. Trong những ngày ở thủ đô, mỗi lần Bác và Đoàn đi ra, luôn luôn hàng nghìn người, có khi hàng vạn người đón chào hai bên đường. Ngoài những tiếng hoan hô, những bàn tay chào vẫy, tình cảm sâu sắc nhất là nơi con mắt triu mến của họ. Mỗi lúc Bác và Đoàn đi gần các trường học, thì các em học sinh chạy ủa ra, nhảy nhót hò reo, chạy theo xe Bác và hoan hô: “Sasa Hô, Jindabat!”.

Một hôm, độ 9 giờ sáng, anh có việc đi ra phố, thấy có hàng vạn người đi xe đạp liên tiếp nhau hơn một cây số rất có trật tự. Họ đi từ Đêli cũ vào Đêli mới. Anh tưởng là một đám biểu tình bằng xe đạp. Hỏi ra mới biết đó là nhân viên đi làm việc ở các cơ quan.

Nănggan cách Đêli 360 cây số, đi về phía bắc. Đi xe lửa đặc biệt phải 12 tiếng đồng hồ, tức là 9 giờ sáng mai sẽ đến. Thế là tối nay Bác và Đoàn cùng tất cả các anh em cán bộ được nghỉ suốt đêm.

Trên xe, ăn cơm xong thì đã 12 giờ khuya, nhưng anh cố viết cho xong thư này...

Mấy hôm vừa qua, công việc khẩn trương, ai cũng hơi mệt. Vì xe lắc, mắt anh lại riu riu, viết chữ o thành chữ a. Tiếng bánh xe chạy nhịp nhàng như ru ngủ... Anh cùng các đồng chí trong cơ quan đi tham gia chống hạn ở ngoại ô, cùng đi có cả cậu Lâm và cô Hạnh. Dạo này chúng đang tìm hiểu nhau... Đến nơi thì anh gặp anh chị em học sinh cấp 3, họ thách chúng mình thi đua. Mọi người ra sức làm việc, toát cả mồ hôi mồ hôi, nhưng vẫn vừa làm vừa hát để khuyến khích nhau. Nhưng không biết ai đã cố ý xếp Lâm và Hạnh cùng tát một gầu. Chúng cũng vừa tát vừa hát. Hạnh cất giọng hát:

“Thi đua tát nước vào đồng,

Tát bao nhiêu nước, em thương chồng bấy nhiêu”.

Đồng chí Quế cười gật gù và nói: Con bé Hạnh này lì thật”, rồi thúc một đấm vào lưng anh... Thức giấc dậy thì tay anh đang cầm bút để trên tờ giấy, nhìn ra cửa sổ thì trời đã rạng đông...

*

* *

Thư số 11

Nănggan 8/2/1958

Em Hương yêu quý,

9 giờ sáng nay, Bác và Đoàn đến Nănggan. Ra ga đón có ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp bang Pănggiáp.

Nănggan là một thành phố nhỏ đang trở nên một thành phố to, vì ở đây đang xây dựng cái đập chứa nước to nhất Ấn Độ là đập Bacora ở trên

sông Sút-lê.

Việc chuẩn bị đắp đập Bacora bắt đầu từ năm 1946, nhưng đến tháng 11 năm 1955 mới khởi công.

Đập này bề cao 225 thước tây. Chân đập dày 435 thước.

Việc đầu tiên là phải dọn sạch 4 triệu thước khối đá và sỏi. Số lượng bê tông dùng vào đập (hơn 80 vạn tấn) có thể đắp thành một con đường rộng hai thước rưỡi chạy vòng quả đất. Số gang sắt (10 vạn tấn) có thể đắp 480 cây số đường ray.

Trước khi đắp đập, phải xây 12 cây số đường xe lửa và một khu nhà ở cho 15.000 công nhân. Cả đêm, cả ngày có 8.000 công nhân làm việc.

Công nhân ở đập này đều làm bằng máy. Ở cạnh đập có một xưởng bê tông mỗi giờ có thể sản xuất 400 tấn. Một đai chuyền cao su chạy bằng máy dài 7 cây số mỗi giờ đưa 750 tấn đá sỏi từ bờ sông đến máy chọn lọc. Máy này chọn đá sỏi ra từng hạng to, vừa và nhỏ. Chọn lọc xong, đá sỏi đi vào máy rửa cho sạch và quạt cho nguội. Rồi sang máy trộn cho đều thành bê tông. Sau đó bê tông lên những toa xe lửa đặc biệt rồi chuyển sang máy vận tải bằng dây chuyền. Cuối cùng, do máy điện đúc bê tông thành những khối vuông và to dùng để đắp đập.

Gần chân đập Bacora có hai nhà máy điện, mỗi nơi sản xuất 900 kilôoát.

Núi ở đây có những lớp đá như đất sét dễ vỡ và khó đắp, cho nên công việc xây dựng gặp nhiều khó khăn.

Anh em Ấn Độ rất tự hào đã vượt khó khăn đắp được cái đập này. Họ cho nó là biểu hiện tinh thần tích cực, hy vọng tương lai, và lòng tin vào sự tiến bộ của nước Ấn Độ mới.

Anh nghĩ rằng bà con Ấn Độ có quyền tự hào như vậy, vì đập Bacora là một bộ phận trong hệ thống thủy lợi Bacora - Nănggan, nó sẽ tưới cho 4 triệu mẫu tây ruộng đất hiện đang khát nước.

Ông Thủ hiến và ông Giám đốc hướng dẫn Bác và Đoàn đi xem kỹ công trình xây dựng này. Độ cuối năm sau khi đập Bacora làm xong. Bác nói với Thủ hiến: Bao giờ khánh thành đập, Ngài tin cho tôi biết, tôi sẽ gửi điện mừng". Ông Thủ hiến vui vẻ trả lời: "Tôi kính cảm ơn Chủ tịch trước, và nhất định sẽ báo cáo để Chủ tịch biết mà mừng cho chúng tôi..."

Chiều, hai giờ rưỡi, ông Thủ hiến đưa Bác và Đoàn đi thăm một làng làm theo kế hoạch cải tiến nông thôn".

Hơn 55% nhân dân Ấn sống ở nông thôn. Giải quyết lương thực (mỗi năm 63 triệu tấn) là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Vì vậy Chính phủ Ấn Độ rất quan tâm đến việc cải tiến nông thôn. Kế hoạch này nhằm cải thiện nông nghiệp: tăng cường vệ sinh và giáo dục; giải quyết nhà ở và các vấn đề khác cần thiết cho đời sống của nông dân. Những việc cải thiện này do nhân dân tự

làm lấy, với sự hướng dẫn và giúp đỡ của Chính phủ.

Cuối năm 1952, Chính phủ đã chọn 55 vùng làm thí điểm. Cuối kế hoạch năm thứ nhất đã phát triển đến 1.150 vùng. Nơi mà Bác và Đoàn đến thăm hôm nay cách Nănggan độ 20 cây số. Trong làng có những ngôi nhà kiểu mẫu, khuôn khổ nhỏ nhưng sạch sẽ gọn ghẽ. Các nghề thủ công như dệt vải, thuộc da v.v... đều tổ chức thành hợp tác xã. Hôm nay, nông dân các xã chung quanh cùng làng này tổ chức hội chợ, trưng bày sản phẩm, như các thứ ngũ cốc, vải vóc, da thuộc, đồ chơi cho trẻ con v.v... Có nhiều thứ vải dệt và thêu bằng tay rất đẹp. Một cụ già trong hội chợ biểu Bác một tấm da beo. Bác phải từ chối mãi cụ mới chịu lấy lại.

Rồi đến buổi văn công, do thanh niên và trai gái biểu diễn các điệu múa và các bài hát địa phương. Hơn hai, ba nghìn người đến xem biểu diễn.

4 giờ rưỡi đi đập Nănggan. Đập này ở phía dưới đập Bacora hơn 10 cây số, tác dụng của nó là để giữ mức nước Bacora được bình thường. Đập Nănggan làm xong hồi tháng 7/1954 và đã tưới nước cho một vùng khá rộng ở Pănggiáp, Pépsu và Ragiastan.

Để đưa nước hai đập Bacora và Nănggan vào ruộng, nông dân ở vùng này đã đào được 950 cây số mương. Đập và mương thành một công trình thật vĩ đại. Anh nghĩ rằng mai sau nước ta đập được vài cây đập to như thế này, thì vấn đề thủy lợi ở nước ta sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp.

6 giờ chiều, ông Thủ hiến mở tiệc chiêu đãi rất long trọng.

9 giờ Bác và Đoàn lên xe đi Agora cách đây hơn 500 cây số về phía nam Đêli

*

* *

Thư số 12

Agora 9/2/1958

Em Hương,

Agora cách Đêli 200 cây số: 10 giờ sáng nay Bác và Đoàn đến đây để thăm ngôi làng nổi tiếng thế giới là Tagior Mahan.

Trước hết anh kể tóm tắt cho em nghe lịch sử thành phố Agora:

Người ta chỉ biết rõ lịch sử thành phố này từ năm 1495. Năm ấy, vua Lôđi từ Đêli xuống đây xây dựng thành phố Agora. Sau đó mười năm một cuộc động đất dữ dội đã làm cho thành phố đổ nát hết. Một lần nữa vua Lôđi bắt nhân dân xây dựng lại Agora.

Năm 1564, vua Mông Cổ bắt nhân dân mở mang thêm thành trì Agora làm thủ đô Ấn Độ. Chỉ ở đó 14 năm, y rời thủ đô đi nơi khác, 19 năm sau, y lại trở về đóng đô ở Agora. Được sáu năm thì y chết. Con y lại bỏ Agora đi

đóng đô nơi khác. Đây cũng là một chứng thực rằng bọn vua chúa không tiếc mồ hôi nước mắt của nhân dân mà chỉ làm theo ý muốn của chúng, xây lên rồi bỏ đi, bỏ đi rồi xây lên, tốn kém không biết ngần nào mà kể. Em nghĩ có đáng trách không?

Đến thế kỷ 17 (từ năm 1632) dưới thời vua Sagiêhan, lại xây dựng Agora thành một thủ đô cực kỳ tráng lệ.

Nhưng từ năm 1770 trở về sau Agora đã bị chiến tranh tàn phá năm lần. Lần cuối cùng (1803) Agora bị thực dân Anh xâm chiếm. Ngày nay Agora là một thắng cảnh nổi tiếng của nước Ấn Độ tự do.

Tagiơ Mahan trước là lăng của hoàng hậu Nungtát Mahan vợ vua Sagiêhan (đầu thế kỷ 17). Sagiêhan là một người đa tình, đông con và xa xỉ.

Khi bà Mahan đẻ đứa con thứ 14 thì mắc bệnh sản hậu mà chết. Sagiêhan thương tiếc quá, bèn bắt dân xây lăng này để chôn vợ y. Để xây Tagiơ Mahan, hai vạn công nhân làm trong 22 năm mới xong. Nghe nói tốn hơn 30 triệu đồng rupi (hơn 21 nghìn triệu đồng ngân hàng).

Ấn Độ có nhiều lâu đài, chùa miếu lâu đời và đồ sộ, nhưng Tagiơ Mahan nổi tiếng là đẹp nhất ở Ấn Độ và trên thế giới. Người ta gọi nó là “bài thơ bằng đá găm”.

Từ ngoài cửa đi vào là một khu vườn rộng và đẹp. Ở giữa có một cái hồ dài và chuông chắn như chữ I viết hoa. Giữa hồ có những ngòi nước phun lên cao, hai bên có những cây cổ thụ soi bóng xuống nước hồ trong vắt.

Lăng có hai tầng sân, sân dưới bằng đá đỏ. Bốn góc sân có cái tháp cao ba tầng. Toàn bộ lăng đều xây bằng đá găm trắng tinh. Ở phía trong lăng là một gian phòng rộng tám góc. Chính giữa là mã của hoàng hậu và mã của Sagiêhan đều bằng đá găm trắng, chạm trổ với những đá ngọc nhiều màu sắc, xem như những tấm thảm thêu. Chung quanh có những bức bình phong, trước kia là bằng vàng, về sau đổi bằng cẩm thạch.

Hai mã để ở đây là hai mã giả. Hai mã thật thì ở dưới hầm cũng giống hệt như hai mã này. Các cửa, các đường đều chạm trổ một cách tinh vi, hoặc thếp vàng hoặc khảm ngọc.

Người công trình sư xây dựng lăng này khéo lợi dụng cả điều kiện thiên nhiên để tô điểm cho nó thêm đẹp. Như khi trời nắng thì những chạm trổ và những màu sắc nổi lên óng ánh rất xinh tươi. Đêm sáng trăng thì sắc trắng của lăng và màu xanh của vườn hoà lẫn với ánh trăng thành một phong cảnh rất thơ mộng.

Cách Tagiơ Mahan mấy trăm thước là cung điện và đại bản doanh của dòng vua Sagiêhan. Lúc còn sống Sagiêhan thường đứng bên này búi người nhìn sang lăng vợ.

Cung điện này cũng xây bằng đá đỏ và đá trắng, gồm có nhiều lâu đài rất

đồ sộ và chạm trổ rất tinh vi. Ngoài những lầu đài khác, có một nhà tắm của cung tần mỹ nữ trên trần nhà và chung quanh tường có khảm hàng vạn miếng gương, để khi họ tắm thì rọi ra những hình ảnh của con người. Có một con đường ngầm bí mật từ chỗ vua ra đến bờ sông, để phòng khi có biến cố thì vua có lối chuồn để tránh nạn. Có một ngôi lầu tám góc gọi là hoa nhài, gọi như vậy vì tường vách cột kèo đều chạm trổ hình những hoa ấy bằng đá ngọc. Mái lầu thì tròn và thếp vàng. Vua Sagiêhan già chết ở lầu này. Đến phút cuối cùng y vẫn ngoảnh mặt sang lăng vợ.

Nhưng năm Sagiêhan đã già, thì bọn con trai y là Orăng - giép chiếm ngôi và đã nhốt y lại trong lầu tám góc ấy.

Các nhà báo hỏi ấn tượng của Bác đối với cuộc đi thăm này. Bác nói: “Ngày xưa nhân dân Ấn Độ đã xây dựng những cung điện lầu đài cực kỳ đồ sộ. Ngày nay nhân dân Ấn Độ dùng tài năng và lực lượng của mình làm những nhà máy to, đắp những đập nước lớn, để làm cho nước nhà giàu mạnh, con cháu mình sung sướng. Điều đó chứng tỏ rằng nhân dân Ấn Độ có một quá khứ vẻ vang và một tương lai càng rực rỡ”.

3 giờ chiều Bác với Đoàn từ già Agora đi Bombay.

*
* *

Thư số 13

Ba giờ chiều (9/2/1958) máy bay cất cánh từ Agora. Gần bảy giờ đến Bombay. Ông Thủ hiến, các nhân viên cao cấp, và nhiều đoàn thể nhân dân ra đón Bác và Đoàn ở sân bay. Cũng đeo vòng hoa tuyệt đối danh dự, cũng đọc lời chào mừng, cũng long trọng như những nơi khác, Bác cùng Đoàn đi về dinh Thủ hiến. Hai bên đường có hàng vạn nhân dân đón chào.

Bảy giờ rưỡi tối ông Thủ hiến chiêu đãi. Tiệc xong có văn công múa hát rất vui.

Trước hết, anh hãy tóm tắt giới thiệu Bombay cho em. Bombay là một cửa biển lớn, chiều dài 18 cây số, chiều rộng nhất là 6 cây số. Có ba triệu nhân dân. Bombay lại là một thành phố công nghiệp, có hơn 1.000 nhà máy nhỏ và to.

Tục truyền rằng ngày xưa Bombay là một nơi có bảy hòn đảo nhỏ xúm xít gần nhau. Nhân dân chỉ làm nghề đánh cá. Bà tiên Côly đặt tên cho nơi này là Mumbai. Về sau đất bồi làm cho những hòn đảo ấy liền với nhau, mà Mumbai cũng biến thành Bombay. Vì là một cửa biển phía Tây của Ấn Độ, tàu bè nước phương Tây đi lại buôn bán nhiều, cho nên Bombay đã trở nên một thành phố phồn thịnh. Nhưng cũng vì vậy mà Bombay và cả nước Ấn Độ đã thành miếng mồi ngon cho bọn thực dân gần 450 năm.

10/2/1958. Hôm nay chương trình hoạt động của Bác và Đoàn như sau:

- Đi xem Viện nuôi cá. Ở đây có rất nhiều giống cá to và nhỏ. Có những loại cá rất đẹp. Nhiệm vụ của Viện là giúp nghiên cứu các giống tôm, cá ở biển, ở sông.

- Đi thăm nông trường nuôi trâu. Nông trường này tổ chức từ năm 1951, ở cách Bombay độ 30 cây số, trên một quãng đồi rất rộng. Nông trường này có gần 13 nghìn con trâu, chia làm 26 trại. Có nhà máy lọc sữa cho sữa vào chai và 700 trại ở ngoài phố để bán sữa cho nhân dân Bombay. Trâu đều là của tư nhân. Chính phủ chỉ phụ trách quản lý. Khi bán sữa rồi, Chính phủ tính số trâu mà trả tiền cho mỗi chủ, số tiền còn lại thì chỉ vào nhà máy, ruộng cỏ, lương công nhân v.v...

Đến thăm nông trường này, anh mới biết sữa trâu ngon và béo hơn sữa bò. Thật là “đi một phiên chợ, học một mớ khôn” em nhỉ!

- Thăm viện nghiên cứu nguyên tử dùng vào sự nghiệp hoà bình. Viện này đang xây dựng trên một vùng đồi, quy mô lớn, nhà cửa nhiều. Ở đây có nhiều người khoa học Ấn Độ tuổi còn trẻ và thái độ rất khiêm tốn. Vì đang lúc xây dựng cho nên việc nghiên cứu cũng đang ở bước đầu.

- Sáu giờ chiều. Cuộc chào mừng của thị xã Bombay rất đông người, thân mật và long trọng. Sau đây là tóm tắt, lời chúc mừng của ông thị trưởng:

“Kính thưa Chủ tịch. Chúng tôi lấy làm rất vẻ vang được đón tiếp Ngài, và chúng tôi hoan nghênh Ngài với tất cả tấm lòng quý mến nhiệt liệt... Ấn Độ và Việt Nam luôn luôn đồng tình và ủng hộ lẫn nhau vì chúng ta là hai nước láng giềng ở châu Á. Việt Nam cũng như Ấn Độ sau nhiều hy sinh và gian khổ mới giành được độc lập mấy năm gần đây. Cuộc đấu tranh của chúng ta đã ảnh hưởng lẫn nhau và ủng hộ lẫn nhau.

Là một trong những người kiến trúc sư xây dựng nước Việt Nam độc lập và dân chủ cộng hoà, Chủ tịch đã được lòng kính yêu của nhân dân Việt Nam và của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới...

25 năm đấu tranh và mười năm chiến đấu anh dũng để bảo vệ quyền tự do của đất nước Việt Nam đã thành một lịch sử phi thường đầy kiên nhẫn, hy sinh và tin tưởng. Lúc thanh niên, Ngài đã đi khắp các nước để tố cáo cho khắp thế giới biết những tội ác của thực dân. Ngài đã thành công tốt đẹp. Từ lao động như một người thuỷ thủ, một công nhân, một văn sĩ, một người viết báo, một lãnh tụ chính trị, một chiến sĩ du kích, kết cục là vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trong chiến tranh cũng như trong hoà bình, Ngài là ngọn đèn soi sáng đưa nhân dân Việt Nam đến một đời sống mới. Đức tính đặc biệt của Ngài là giản dị, cần cù và quan tâm đến mọi việc, đã thành những truyền tụng đồng thời là một vốn quý của nước Việt Nam. Nhiều việc cải cách xã hội đã được thi hành, và nó đang hướng Việt Nam chắc chắn tiến lên con đường hoà bình, tiến bộ và thịnh vượng. Sự phát triển nông nghiệp và

công nghiệp đã cải thiện đời sống của nông dân và công nhân, nhất là đời sống ở nông thôn. Việc giáo dục cũng được chú ý đến nhiều, và số nhân viên y tế cũng đã được tăng cường nhằm bảo vệ hơn nữa sức khoẻ của quần chúng. Tất cả những việc đó, đã xây dựng một đời sống mới cho nhân dân Việt Nam. Ngài đã dám bỏ những lễ tiết và hình thức của một vị Chủ tịch một nước. Ai cũng thấy rằng Ngài là vị lãnh tụ của nhân dân với một lòng yêu thương không bờ bến đối với nhân dân.

Thưa Chủ tịch, Ấn Độ đang tiến vào kế hoạch năm năm lần thứ hai và cũng đang chăm chú vào công việc xây dựng lại đất nước, và nhất là nhân dân Bombay, đang hết sức chú ý theo dõi sự tiến bộ của Việt Nam dân chủ cộng hoà dưới sự lãnh đạo của Ngài. Chúng tôi chắc rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch sẽ đưa hai nước chúng ta gần gũi nhau hơn nữa và càng làm phát triển năm nguyên tắc chung sống hoà bình. Chúng tôi tin chắc rằng sự cố gắng chung của chúng ta sẽ cống hiến nhiều cho sự tiến bộ của dân chủ và hoà bình thế giới...”

*
* *

Thư số 14

Đọc xong, ông Thị trưởng Bombay trao cho Bác lời chào mừng ấy viết trên lụa điều, đặt trong một hộp khảm bạc rất đẹp.

Sau đây là nội dung lời cảm ơn của Bác:

“Chúng tôi rất sung sướng được các bạn đón tiếp nhiệt liệt. Hàng chục vạn nhân dân Bombay, từ các cụ phụ lão đến các cháu nhi đồng đã đứng chật đường chào đón chúng tôi. Điều đó làm cho chúng tôi ghi nhớ mãi mãi mối tình hữu nghị thân thiết Việt - Ấn anh em.

Bombay là một thành phố rất quan trọng của nước Cộng hoà Ấn Độ; một trung tâm văn hoá, kỹ nghệ, khoa học. Lại là một cửa biển thông thương lớn.

Một điều nữa làm cho Bombay nổi tiếng trên thế giới, vì Bombay là quê hương của Thánh Găngđi, người đã nêu cao đạo đức yêu nước, khắc khổ, nhẫn nại, suốt đời hy sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho hoà bình. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thủ tướng Nêru và sự cố gắng của toàn dân Ấn Độ, từ ngày độc lập, nước Cộng hoà Ấn Độ đã trở nên một nước mạnh. Trong sự nghiệp đó, nhân dân Bombay đã góp phần xứng đáng của mình...

Ngày nay thế giới đang đứng trước một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai lực lượng: lực lượng chiến tranh và lực lượng hoà bình... chiến tranh là mục đích của khối quân sự xâm lược. Lực lượng hoà bình gồm có tuyệt đại đa số nhân dân trên thế giới, trong đó có 400 triệu nhân dân Ấn Độ. Lực lượng ấy

ngày càng lớn mạnh. Nhân dân thế giới ngày thêm đoàn kết, kiên quyết đấu tranh để giữ gìn hoà bình. Nhân dân thế giới ra sức tăng cường đoàn kết và đấu tranh thì hoà bình thế giới chắc chắn giữ được.

Trong công cuộc giữ gìn hoà bình thế giới, chúng tôi sung sướng nhận thấy các nước Á - Phi chúng ta giữ một vai trò quan trọng và Ấn Độ đã góp phần xứng đáng của mình.

Ngày nay 1200 triệu nhân dân Á - Phi đã được giải phóng. Nhưng một số nước Á - Phi anh em vẫn còn đau khổ dưới gót sắt thực dân, họ đang anh dũng đấu tranh cho tự do, độc lập. Nhân dân Việt Nam hoàn toàn đồng tình và ủng hộ các dân tộc anh em đó.

Sau 8, 9 năm kháng chiến gian khổ chống thực dân, Việt Nam đã giành được thắng lợi. Hội nghị Giơnevơ đã công nhận lãnh thổ, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng đến nay đất nước chúng tôi còn bị chia cắt làm hai miền, đó là vì sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Tuy vậy chúng tôi tin chắc rằng cuộc đấu tranh cho thống nhất của Việt Nam nhất định thắng lợi.

Nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn nhân dân Ấn Độ đã ủng hộ và luôn luôn ghi nhớ sự đồng tình ủng hộ của Thính Găngđi, của Thủ tướng Nêru đối với cuộc kháng chiến của chúng tôi.

Trong sự nghiệp đấu tranh cho hoà bình, chống chủ nghĩa thực dân, nhân dân hai nước chúng ta luôn luôn sát cánh với nhau. Chúng ta đã đập đổ bức tường trước đây thực dân ngăn cách chúng ta. Từ nay quan hệ giữa hai nước chúng ta ngày càng thắt chặt. Chúng tôi tin rằng những quan hệ hữu nghị đó sẽ tăng cường mãi mãi...”

Giữa tiếng hoan hô nhiệt tình, Bác biểu nhân dân Bombay hai bức hình bằng sơn mài của Thính Găngđi và Thủ tướng Nêru.

8 giờ rưỡi, ông Thủ hiến chính thức chiêu đãi. Sau tiệc chiêu đãi có văn công biểu diễn.

Sáng ngày 11/2/1958, Bác và Đoàn đi thăm những nơi sau đây: Công viên Camla Nêru (kỷ niệm vợ Thủ tướng Nêru). Vườn này không to nhưng rất xinh xắn. Ngày thường vườn này dành riêng cho trẻ em. Giữa vườn có một cái nhà hai tầng, làm giống một chiếc giày khổng lồ, trẻ em rất thích cái nhà ấy.

Vườn treo, trước kia anh tưởng rằng vườn treo là một cái vườn lơ lửng giữa trời. Nay mới biết vì vườn này ở trên sườn đồi, và dưới đáy vườn có bể chứa nước, cho nên người ta gọi nó là vườn “treo”. Một người bạn Ấn Độ nói rằng: Cách đây không xa, có cái “Tháp im lặng”, giống một cái bể cạn tròn, rất to và rất cao. Người theo đạo Patsi, nhà có người chết thì để xác vào đây, do nắng mưa và chim quạ “phụ trách” chôn cất.

Đến thăm nhà hàng bán các thứ vải lụa dệt bằng tay, có những thứ rất đẹp,

chúng tỏ rằng thủ công nghiệp của nhân dân Bombay rất khéo.

Đi thăm Viện khảo cổ. Viện này một phía thì có các loài thú, một phía thì có những đồ vật và những pho tượng đã làm cách đây 2.000, 3.000 năm.

2 giờ chiều Bác cùng Đoàn từ già Bombay đi Bănggalo.

Phong cảnh Bombay rất đẹp, nhất là ban đêm. Những đường cái sát bờ biển ban đêm đèn điện chiếu sáng choang. Đứng xa trông thấy một dãy dài như chuỗi cườm óng ánh. Người ta gọi nó là “chỗi ngọc của hoàng hậu”. Vì trời nức, đêm khuya vẫn đông người đi hóng mát trên những con đường ấy.

*
* *

Thư số 15

11/2/1958, từ Bombay đi Bănggalo 840 cây số, đi máy bay độ 3 tiếng đồng hồ. Đứng 5 giờ chiều Bác và Đoàn đến sân bay Bănggalo. Lễ nghi đón tiếp do ông Thủ hiến bang Mayo lãnh đạo, cũng thân mật và long trọng như các nơi khác.

6 giờ Bác và Đoàn đến dự cuộc chào mừng của nhân dân Bănggalo, tổ chức ở một công viên, trong một ngôi nhà lợp bằng kính, chứa được vài nghìn người.

Sau khi tỏ lời hoan nghênh nhiệt liệt, ông Thị trưởng nói tiếp: “Nhu Thủ tướng Nêru kính mến của chúng ta đã nói, Chủ tịch là một vĩ nhân, đã ảnh hưởng đến thời đại với đức tính giản dị và thành khẩn của Ngài. Chủ tịch là một người đại cách mạng, và nhờ uy tín của Ngài mà Việt Nam đã có địa vị hiện nay trên thế giới. Lòng yêu tự do, bình đẳng và sự hiểu biết của Chủ tịch đã làm cho Ngài thành một nhân vật to lớn trên trường chính trị quốc tế...”

Việt Nam có những điều giống nhau với Ấn Độ, vì cả hai đều là nước nông nghiệp với 90% số người là nông dân. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch, cuộc cải cách ruộng đất đã thay đổi toàn bộ chế độ nông nghiệp ở Việt Nam, làm cho người dân cày có ruộng và đời sống nông dân được nâng cao. Việt Nam cũng đã tiến bộ trong các lĩnh vực khác như công nghiệp, giáo dục, thương mại v.v... Khi đến Đêli, lời tuyên bố của Chủ tịch đã tỏ rõ mối quan hệ của Việt Nam đối với các nước khác. Lời Chủ tịch khen ngợi Tổng thống và Thủ tướng của chúng tôi, cũng như sự cống hiến của nhân dân Ấn Độ trong sự nghiệp hoà bình đã tỏ rõ lòng Chủ tịch yêu quý đất nước chúng tôi. Chúng tôi tin rằng việc Chủ tịch đến thăm Ấn Độ sẽ củng cố hơn nữa tình thương yêu và lòng tin cậy giữa hai nước chúng ta.

Tôi xin tóm tắt giới thiệu thành phố Bănggalo với Chủ tịch. Thành phố này cao 1.100 thước tây so với mặt biển, rộng độ 37 lý vuông, với 11 vạn nhân

khẩu. Nhờ có khí hậu tốt, nguyên liệu nhiều, cho nên có khá nhiều công nghiệp, như xưởng làm máy bay, xưởng máy điện thoại, nhà máy cơ khí v.v... Do đó, có nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhưng với sự giúp đỡ của bang và của Chính phủ trung ương, chúng tôi đã giải quyết khá tốt các vấn đề ấy. Chúng tôi hết sức cảm ơn Chủ tịch đến thăm chúng tôi, và mong Ngài nhận món quà nhỏ mọn này, gọi là tỏ tình yêu quý của chúng tôi đối với Chủ tịch và nước Việt Nam dân chủ cộng hoà...”.

Dứt lời, ông Thị trưởng trao tặng Bác một cái hộp bằng gỗ thom bạch đàn khảm ngà voi - một thứ thủ công rất nổi tiếng ở đây. Tiếp theo là buổi văn công.

8 giờ rưỡi chiều, trong cuộc chiêu đãi chính thức, ông Thủ hiến nói đại ý như sau:

“... Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã từng đón tiếp nhiệt liệt Thủ tướng và Phó Tổng thống của chúng tôi, việc đó đã làm cho nhân dân Ấn Độ rất vui lòng và càng gần gũi thêm nhân dân Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất sung sướng có dịp chào mừng vị Chủ tịch của một nước đã có quan hệ hữu nghị rất thân thiết với chúng tôi... Đã từng nghe và biết sự cống hiến của Chủ tịch đối với hoà bình, nhân dân Ấn Độ rất tán thành danh hiệu mà Thủ tướng Nêru đã tặng Ngài là “Người hoà bình quốc tế”.

Hai nước chúng ta đã có quan hệ từ hai nghìn năm. Nhưng từ ngày các nước phương Tây tràn đến châu Á, mối quan hệ ấy đã bị gián đoạn trong một thời kỳ. Từ ngày giành lại quyền độc lập, chính sách của Ấn Độ là cố gắng giúp đỡ những người láng giềng đang đấu tranh giải phóng của Việt Nam. Ấn Độ và Việt Nam đã kinh qua những cuộc phấn đấu và thử thách tương tự, cho nên chúng tôi luôn luôn đồng tình với Việt Nam.

Tôi tin rằng cuộc viếng thăm của Chủ tịch đến Ấn Độ vừa góp phần củng cố hoà bình thế giới vừa thắt chặt thêm nữa tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta. Nhân dân Ấn Độ đã rất hiểu nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là thống nhất đất nước bằng Tổng tuyển cử tự do như hiệp định Giơnevơ đã quy định... Thánh Giăngđi người cha dân tộc chúng tôi đã dạy chúng tôi đấu tranh giành tự do bằng phương pháp hoà bình. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng, nhân dân Việt Nam sẽ thực hiện được nguyện vọng của họ, vì đó là chính nghĩa.

Năm nguyên tắc chung sống hoà bình là chính sách của Ấn Độ. Chủ tịch thường nói rõ rằng Việt Nam hoàn toàn ủng hộ năm nguyên tắc ấy. Do đó Ngài đã chiến thắng được những lực lượng độc ác và chiến tranh, và đã làm cho cán cân nghiêng hẳn về phía hoà bình thế giới.

Tôi ao ước rằng Chủ tịch có thể lưu lại đây lâu hơn để thưởng thức phong cảnh tươi đẹp của xứ này và xem xét những kết quả đạt được trong kế hoạch 5

năm của chúng tôi, nhất là để thấy rõ lòng yêu mến và đồng tình của người dân xứ này với vị Chủ tịch vĩ đại và kính mến của nhân dân Việt Nam...”

Với những lời thăm thiết từ đáy lòng, Bác thay mặt nhân dân và Chính phủ ta cảm ơn ông Thị trưởng, ông Thủ hiến và nhân dân Bănggalo.

*
* *

Thư số 16

Chiều hôm qua (11/2/1958) khi Bác và Đoàn về đến dinh Thủ hiến, các đoàn thể của nhiều tầng lớp nhân dân đã đến chào mừng và tặng hoa. Trong các đoàn thể ấy, có đại biểu Đảng cộng sản Ấn Độ, Tổng công đoàn Canatác và nhiều tổ chức lao động khác.

9 giờ sáng ngày 12/2/1958 Bác và Đoàn đi thăm xưởng chế tạo máy ở ngoại ô Bănggalo. Từ năm 1955, xưởng bắt đầu sản xuất. Năm 1957 kế hoạch định sản xuất 57 bộ máy. Nhưng do sự cố gắng của cán bộ kỹ thuật và công nhân, kết quả đã sản xuất được 135 bộ. Vì vậy giá thành đã giảm được nhiều.

Năm nay xưởng định cố gắng sản xuất cho được 400 bộ. Kế hoạch 5 năm thứ hai định sản xuất mỗi năm 800 bộ. Xưởng bán các máy này cho cục xe lửa, cho Bộ quốc phòng và các nhà máy nhỏ.

Xưởng có ban huấn luyện của mình để đào tạo những công nhân kỹ thuật. Anh em công nhân ở đây rất sung sướng về những thành tích đã đạt được. Bác đã nói với công nhân: “Tôi rất vui mừng về những cố gắng và những thành tích của anh em, vì nhân dân Việt Nam coi những tiến bộ của Ấn Độ cũng như tiến bộ của mình...”

- 11 giờ đến xem “Viện nghiên cứu khoa học Ấn Độ”. Từ ngày Ấn Độ giành lại độc lập, Viện này được mở rộng thêm nhằm mục đích phát triển kinh tế quốc dân. Theo báo cáo của ông Viện trưởng, khoản thu nhập và sản xuất bình quân tính theo đầu người ở các nước (theo con số 1955) như sau:

TÊN NƯỚC	KHOẢN THU NHẬP	ĐIỆN (KW)	THAN (CÂN)	GANG (CÂN)
Liên Xô	75.000 rupi	850	1.380	260
Trung Quốc	270	20	150	5
Ấn Độ	250	22	100	4

Tiền chi phí về việc nghiên cứu khoa học bình quân mỗi đầu người, mỗi năm:

Liên Xô : 110 rupi

Trung Quốc: 1,1 rupi

Ấn Độ : 0,15 rupi

(Năm nay những con số nói trên đã tăng lên nhiều hơn).

Kết luận là Ấn Độ phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế.

Viện này có thể gọi là viện bách khoa nghiên cứu từ các loại vi trùng đến việc chế tạo radar, máy bay, v.v... toàn viện có 20 chỗ thí nghiệm; khi đến thăm nơi thí nghiệm điện, các thầy giáo, học sinh đã thử làm sấm chớp cho Bác và Đoàn xem. Hai luồng điện rất mạnh từ hai ngả đến gặp nhau, toé ra những làn sóng lửa sáng loé như trời chớp. Cũng do luồng điện rất mạnh từ trên xuống và từ dưới lên nổ ra một tiếng vang dữ dội như sét đánh.

Đối với môn khoa học này anh là i tờ, xem thấy vậy chỉ biết có thú vị thôi. Anh nghĩ bụng người mê tin như ông B và bà N nhà ta nếu được xem thí nghiệm này, thì chắc rằng họ sẽ hết tin vào “thiên lôi, thiên tướng”.

Nơi nghiên cứu về máy bay có sáu cái hầm thử những luồng gió khác nhau để thí nghiệm và sửa đổi các kiểu cánh máy bay. Trong các hầm đó, họ nghiên cứu các tầng không khí, những hiện tượng thay đổi bất thường ở trên trời và sức cản của những thứ bay nhanh hơn tiếng dội. Còn nhiều phát minh và thí nghiệm rất hay, nhưng tiếc rằng anh không ghi chép.

Sau khi đi thăm viện nghiên cứu khoa học này, người ta thấy rằng khoa học Ấn Độ đã tiến bộ rất rõ nét.

1 giờ rưỡi trưa, ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp đưa Bác và Đoàn ra sân bay để đi Cancutta.

Trên đường đi ra sân bay, Bác đã ghé thăm tượng của Thánh Găngđi ở trong một vườn hoa rộng lớn. Theo tập quán của nước bạn, Bác đã kính cẩn choàng vòng hoa lên tượng Thánh Găngđi, và trồng một cây hoa làm kỷ niệm.

Tại sân bay, sau khi duyệt đội danh dự và bắt tay từ giã ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp, Bác đọc lời từ biệt như sau:

“Thưa ông Thủ hiến, thưa các bạn, anh em chị em và các cháu thân mến, Chúng tôi rất cảm ơn cuộc đón tiếp nhiệt liệt của các bạn. Tôi sung sướng chuyển đến các bạn lời chúc mừng hữu nghị nhất của nhân dân Việt Nam.

Các bạn đang thực hiện một nhiệm vụ to lớn là phát triển kinh tế và văn hoá theo kế hoạch năm năm lần thứ hai. Chúng tôi rất vui lòng thấy những thành tích to lớn của các bạn, và mong học tập những kinh nghiệm quý báu của các bạn.

Mối quan hệ lâu đời giữa nhân dân hai nước chúng ta đang phát triển tốt

đẹp trên nền tảng năm nguyên tắc chung sống hoà bình. Chúng tôi tin rằng cuộc đi thăm của chúng tôi sẽ góp phần phát triển thêm nữa tình nghĩa anh em giữa nhân dân Ấn Độ và Việt Nam”...

*
* *

Thư số 17

Em Hương thân mến,

Chiều 12/2/1985 Bác và Đoàn đến Cancúttá.

Với 3 triệu rưỡi nhân khẩu, Cancúttá là một thành phố đông dân nhất của Ấn Độ, cũng là một thành phố buôn bán nhộn nhịp nhất. Nhờ giao thông thuận tiện, mỗi năm hàng hoá vào ra có trên 9 triệu tấn, tức là một nửa tổng số buôn bán bằng đường sông, đường biển của Ấn Độ. Cancúttá lại là nơi nổi tiếng về hoạt động văn hoá, giáo dục. Thư viện chính của thành phố này có 8 triệu quyển sách. Trường đại học ở đây là trường lâu năm nhất của nước bạn. Viện bảo tàng có những đồ đạc rất quý báu, từ 5.000 năm để lại, v.v... Trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, Cancúttá càng nổi tiếng là một thành phố anh dũng.

Cancúttá cách Bănggalo 1.545 cây số. Bây giờ chiều, máy bay Bác và Đoàn đến sân bay Đumđum. Gọi là Đumđum vì ngày xưa thực dân Anh có xưởng chế tạo đạn Đumđum ở đó. Nay người ta cứ quen gọi là đường phố Đumđum, sân bay Đumđum.

Lễ nghi đón tiếp cũng thân mật và long trọng như các nơi khác Bác và Đoàn đã đến thăm. Tuy trời đã tối, từ sân bay đến dinh Thủ hiến, suốt 12 cây số, hai bên đường bà con Ấn Độ đón chào rất đông.

9 giờ sáng ngày 13, Bác và Đoàn đi thăm trường thuốc nhiệt đới. Đây là nơi nghiên cứu các thứ thuốc và các thứ bệnh đặc biệt ở xứ nóng, như bệnh hủi, bệnh sốt rét, v.v... Trường này thành lập từ năm 1920. Trường có 14 khoa về phương pháp vệ sinh, phòng bệnh và trị bệnh. Có những lớp bổ túc từ 3 đến 9 tháng. Có một nhà thương để cho học trò thực tập.

10 giờ đến thăm Viện nghiên cứu Bôđơ. Ban đầu viện này chuyên môn nghiên cứu các thứ cây cỏ. Về sau phát triển việc nghiên cứu khoa học và vật lý có liên quan đến cây cỏ.

11 giờ rưỡi đến thăm Viện thống kê. Ngày trước, đây chỉ là một phòng nghiên cứu nhỏ thuộc Trường đại học Cancúttá. Nay viện đã phát triển thành một trung tâm thống kê rất rộng. Dưới sự hướng dẫn của Viện trưởng là bác sĩ Mahala nôbisor có độ 800 người khoa học và chuyên gia giúp việc. Có những học sinh đến từ các nước Miến Điện, Nhật Bản, Đại Hối, Thái Lan, v.v... Bên những phòng nghiên cứu với những phương pháp rất mới, như dùng máy điện,

một giây đồng hồ có thể tính hàng nghìn con số; lại có những phòng thực tập thủ công, như đan dệt bằng tay. Phòng này do bà Mahala Nobiso hướng dẫn. Ông Viện trưởng nói với Bác: “Tình hình kinh tế Ấn Độ hiện nay, một mặt phải tiến lên hiện đại hoá, nhưng một mặt vẫn phải cải tiến nghề thủ công để cho mọi người có cơm ăn việc làm”.

4 giờ, Bác và Đoàn đến tham cuộc chào mừng của nhân dân thị xã Cancúttá. Trong lời hoan nghênh ông Thị trưởng nói:

“Hỡi người chiến sĩ anh dũng trong cuộc đấu tranh cho tự do!

Chúng tôi thật sung sướng được Ngài đến thăm thành phố Cancúttá to lớn, nó là một trong những thành phố tiên phong ở Ấn Độ và ở châu Á. Thành phố này đã nổi tiếng là cái nôi lịch sử trong những cuộc khởi nghĩa để giải phóng những người bị áp bức, đồng thời nó cũng là cái gia đình to lớn của khoa học, văn hoá và kinh tế ở phía này quả địa cầu. Thành phố này đã vang dội những nguyện vọng lớn của những người tiến bộ trên thế giới. Thành phố này cũng là cái sân khấu đã từng diễn những vở kịch vĩ đại trong cuộc đấu tranh của loài người để thoát khỏi vòng nô lệ. Cancúttá cũng là nơi sinh trưởng của những vĩ nhân như ông Môhanrô, ông Tagorơ.

... Trong khung cảnh ấy, chúng tôi dâng lên Ngài lời chào thăm thiết và kính cẩn.

Hỡi người giải phóng vĩ đại của loài người! Dưới sự hướng dẫn gan góc, mạnh bạo và sự sáng suốt của sự lãnh đạo của Ngài trong lĩnh vực tư tưởng tiến bộ, những xiềng xích lâu đời của Việt Nam đã bị phá tan. Và xem đây này, một nền tảng chắc chắn của một chế độ xã hội, nhất trí và vững vàng đã xây dựng ở đất nước mà Ngài là người lãnh đạo vĩ đại. Ở cái tiền đồn ấy của công cuộc giải phóng, quần chúng của loài người sẽ hưởng một đời sống mới không bị bóc lột và dầy vò. Trên con đường của Ngài đi đến tự do, chúng tôi là những người đồng chí trung thành của Ngài. Trong bước tiến để giải phóng hàng chục triệu nhân dân châu Á, chúng tôi cũng là những người bạn đáng tin cậy của Ngài. Trong bước đường đấu tranh kiên quyết của Ngài để giải phóng nhân dân, kinh qua biết bao suối sâu, rừng rậm, sa mạc, núi cao, những bước đường đó ngày nay đã thành lịch sử. Kinh nghiệm vĩ đại của Ngài làm cho chúng tôi nhớ lại ông Suba Săngdora là Tổng tư lệnh của lực lượng Agiat Hai đã chiến đấu gần biên giới Miến Điện để tiêu diệt lực lượng của đế quốc Anh...

Hỡi người chính trị vĩ đại của nhân dân! Cũng như người cha của chúng tôi là Thánh Găngđi, Ngài đã biểu hiện của một đời sống giản đơn, thanh cao và khắc khổ. Chúng tôi hết lòng cầu với thượng đế rằng cuộc viếng thăm lịch sử của Ngài đến đất nước này, sẽ đúc nên những sợi dây chuyền vàng bằng hữu nghị để thắt chặt hai dân tộc chúng ta trong tình nghĩa anh em chọi lợi...

Tình hữu nghị vĩ đại giữa Ấn Độ và Việt Nam sẽ tiêu diệt những tội ác như chiến tranh, thù oán, tham lam và chủ nghĩa thực dân độc ác...”

Thư số 18

Đọc xong lời chào mừng, ông Thị trưởng tặng Bác một pho tượng Đức Phật bằng đồng và một bức vẽ trên lụa.

Sau những lời cảm ơn ông Thị trưởng, Ủy ban hành chính và nhân dân Cancúttá, Bác nói tiếp:

“Nhân dân Cancúttá và Bắggan đã góp phần xứng đáng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ, đã có nhiều vị anh hùng liệt sỹ và cũng đã anh dũng đấu tranh ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Bắggan còn là một trung tâm văn hoá của nước bạn, là quê hương của đại văn hào Tagorơ mà cả thế giới đều kính trọng”...

Về tình hình thế giới, Bác nói: “Hiện nay ở châu Á và châu Phi nhiều nước đã độc lập. Trên bản đồ Á - Phi, phạm vi thống trị của thực dân ngày càng bị thu hẹp. Chắc rằng chẳng bao lâu nữa, mặt trời tự do, độc lập sẽ đánh tan nốt đêm tối chủ nghĩa thực dân... Miền Goa phải trở về với nước Cộng hoà Ấn Độ, miền Tây Iriăng phải trở về với nước Cộng hoà Nam Dương”.

Về tình hình nước ta, Bác nói: “Ở Việt Nam yêu quý của chúng tôi, để quốc đang âm mưu chia cắt lâu dài đất nước chúng tôi làm hai miền. Nhưng nhân dân Việt Nam kiên quyết đoàn kết và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình như hiệp định Giơnevơ đã quy định. Chúng tôi cảm ơn nhân dân và Chính phủ Ấn Độ đã góp phần vào việc lập lại hoà bình ở Việt Nam, cảm ơn những cố gắng của Ủy ban quốc tế do Ấn Độ làm Chủ tịch trong việc thi hành hiệp định Giơnevơ ở Việt Nam”.

Giữa những tiếng vỗ tay nhiệt liệt, Bác tặng nhân dân Cancúttá hai bức tranh bằng sơn mài Thánh Găngđi và Thủ tướng Nêru.

Chắc em cũng nhớ rằng ở Bắggan, hàng vạn thanh niên học sinh đã bãi khoá và công nhân đã bãi công để ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. Trong cuộc bãi khoá rầm rộ đó, cảnh sát Anh đã bắn chết một em nữ học sinh và làm nhiều học sinh bị thương nặng. Một anh thanh niên bị bắn què hồi đó, đã đến tham gia buổi chào mừng hôm nay. Khi được Bác hôn, anh ấy ứa nước mắt, không nói nên lời, mọi người đều rất cảm động.

Bác và Đoàn đến thăm Mahabodi. Hội này thành lập từ năm 1891 nhằm mục đích truyền bá đạo Phật khắp thế giới. Hiện nay có 500 hội viên suốt đời và 500 hội viên thường.

Khi đến nơi, Bác và Đoàn do các vị Hoà thượng đưa lên lầu trên là nơi thờ Đức Phật.

(Trong các vị này có sư Thích Minh Châu là người Việt Nam đã cùng với

một cụ Hoà thượng người miền Nam sang nước bạn tham gia lễ kỷ niệm Phật Đản năm thứ 2.500. Cụ Hoà Thượng ấy đã mất và chôn ở Đêli. Khi ở thủ đô nước bạn, Bác đã nhờ cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại và đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám đến viếng mộ).

Lễ Phật xong, Bác và Đoàn cùng bà Thủ hiến đến mít tinh hoan nghênh: có thiện nam tín nữ rất đông. Chương trình lễ hoan nghênh gồm có:

Các học sinh trường Phật hát bài hoan nghênh

Ông Tổng thư ký hội Mahabodi đọc lời chào mừng

Bà Thủ hiến phát biểu ý kiến

Bác trả lời cảm ơn

Hội tặng Bác một sổ sách Phật

Học sinh hát bài hoan tống

Lời chào mừng của ông Srivalisnha đại ý như sau:

“Kính thưa Chủ tịch. Hội viên của hội Mahabodi là một tổ chức với mục đích truyền bá văn hoá đạo Phật và liên lạc với Phật tử ở các nước, chúng tôi kính cần và nhiệt liệt hoan nghênh Ngài.

Như một vị ẩn sĩ chân chính, Chính phủ đã hy sinh suốt đời cho nhân dân và Tổ quốc Ngài; Chủ tịch đã từ bỏ những hào nhoáng long lẫy của địa vị Chủ tịch một nước. Cũng như hoàng đế Asoka, một vị Phật tử đầy lòng hy sinh, Chủ tịch đã nêu cao trước thế giới một lý tưởng mà chỉ có thể thực hiện bởi một người có đầy lòng tin tưởng.

Gan dạ bất khuất của Ngài chống lại chủ nghĩa thực dân, nghị lực của Ngài làm việc không biết mệt mỏi, ý chí thiết tha của Ngài đối với học hỏi và tự do đã làm cho Ngài lao động không quản công tác gì, như một người khâu vá, như một người rửa ảnh, một người thợ vẽ, một người viết báo, một người học tiếng, một người trí thức, một người lãnh tụ cách mạng. Thân thể kỳ diệu của Chủ tịch, từ quê hương Ngài cho đến chức vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đáng cho mọi người noi gương. Chủ tịch thật là một người kiêm cả công, nông, trí thức cách mạng với một lòng đầy từ bi đạo đức quý báu nhất của những tín đồ Phật giáo.

Các Phật tử Ấn Độ chúng tôi rất lấy làm tự hào mà xem Ngài là một người con của một nước đã có quan hệ mật thiết về văn hoá và tín ngưỡng hơn 2.000 năm nay với nước Ấn Độ chúng tôi...

Chúng tôi nhiệt liệt mong rằng với những cố gắng hoà bình của Ngài, miền Bắc và miền Nam Việt Nam sớm được thống nhất. Chúng tôi tin chắc rằng quá khứ vẻ vang của đất nước Ngài sẽ mau chóng khôi phục, làm cho quan hệ văn hoá giữa nước Việt Nam tự do và nước Ấn Độ tự do được phát triển và củng cố...”.

Thư số 19

À, anh quên nói với em một điều. Ở nước bạn thường có tên người rất dài, ví dụ: Tên ông Thủ hiến Casomia là Xadari Riva Yuvara Karang Xinh. Tên ông Thủ hiến Mayo là Mahagara Sori Giaia Samaragia Vadiia Bahadu.

Bác và Đoàn cùng ông Bộ trưởng văn hoá đi thăm nhà của đại thi sĩ Tagorơ. Trong nhà, các phòng ăn, phòng ngủ, phòng làm việc, v.v... đều sắp đặt như lúc Người còn sống. Có một gian phòng là nơi thờ thi sĩ, Bác và Đoàn đặt hoa và mặc niệm một lúc. Rồi sang thăm bảo tàng bên cạnh, để những sách vở của thi sĩ và những bức vẽ của người anh. Nơi này có ban huấn luyện múa nhạc và kịch cho các học sinh con gái.

Khi tiếp đại biểu các báo chí, Bác nhấn mạnh mấy điểm:

Cảm tình thân thiết của Chính phủ và nhân dân nước bạn đối với Bác và Đoàn và nhân dân ta. Sự tiến bộ nhanh chóng và tương lai vẻ vang của nhân dân Ấn Độ.

Năm nguyên tắc chung sống hòa bình là nền tảng tốt để giải quyết công bằng mọi vấn đề giữa hai nước.

Nhân dân ta quyết tâm đoàn kết đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình.

Tiếp theo đó, Bác trả lời những câu hỏi của các ký giả: Một đại biểu báo Mỹ hỏi: “Xin Chủ tịch cho biết ý kiến của Ngài về vấn đề Casomia”⁽¹⁾. Bác trả lời: “Nếu nói đến Casomia thì cũng phải nói đến Đêli, Bănggalơ, Bombay v.v... Như thế thì phải nhiều thì giờ lắm!”. Câu trả lời ấy làm các ký giả cười ồ lên.

8 giờ rưỡi tối. Cô Pamagia (Hoa sen) Naidu, Thủ hiến Bắnggan mở tiệc chiêu đãi rất long trọng. Trong lời từ biệt Bác và Đoàn, bác sĩ Roy (Thủ tướng bang Bắnggan, đã ngoài 70 tuổi) nói những câu thăm thiết như: “Hò Chủ tịch đã tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc đấu tranh giành tự do độc lập cho Tổ quốc mình. Trong lịch sử nhân dân châu Á, Ngài là một nhân vật đặc biệt vĩ đại... Đời sống khắc khổ và đức tính khiêm tốn của Chủ tịch làm cho nhân dân các nước Đông Nam Á đặc biệt yêu mến Ngài... Chủ tịch chẳng những là biểu hiện cho sự đoàn kết của nhân dân châu Á, mà còn là một lãnh tụ của hoà bình, một người ủng hộ mạnh mẽ Pắngsa Sila⁽²⁾”.

Trong lời cảm ơn, Bác nói:

(1) Đại Hội đang tranh chấp Casomia với Ấn Độ. Nhà báo Mỹ cố ý đặt câu hỏi về nội trị Ấn Độ cho Bác khó trả lời.

(2) *Pắngsa Sila*: Tiếng Ấn Độ nghĩa là Năm nguyên tắc chung sống hoà bình (đã chú thích ở trên).

... “Trong chín ngày vừa qua, sau khi đi thăm Đêli, Bacora và nhiều nơi khác, qua những cuộc gặp gỡ với Tổng thống Porasát kính mến, Thủ tướng Nêru kính mến và các nhà lãnh đạo khác, cùng các tầng lớp nhân dân nước bạn, chúng tôi càng thấy rõ tình hữu nghị thắm thiết giữa nhân dân hai nước chúng ta... Chúng tôi cũng đã thấy rõ đất nước Ấn Độ rất giàu có và tươi đẹp, nhân dân Ấn Độ rất khéo léo và cần cù, các nhà khoa học và kỹ sư Ấn Độ rất tài năng và cố gắng. Các bạn đã hoàn thành kế hoạch 5 năm thứ nhất, và đã thu được nhiều thành tích trong kế hoạch 5 năm thứ hai. Chúng tôi coi thắng lợi của các bạn như là thắng lợi của chúng tôi. Chúng tôi thành tâm chúc các bạn thu được nhiều kết quả to lớn hơn nữa.

... Ở Việt Nam chúng tôi, sau tám, chín năm kháng chiến, hoà bình đã được lập lại. Nhưng đến nay, do sự can thiệp của nước ngoài, nước chúng tôi chưa được thống nhất. Nhưng chúng tôi tin chắc rằng, với sức xây dựng vững chắc của miền Bắc, lực lượng đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam, tinh thần kiên quyết và sự đoàn kết chặt chẽ của nhân dân cả nước với sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Ấn Độ và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, sự thống nhất đất nước chúng tôi nhất định sẽ thành công...”.

Sau bữa tiệc, có các đoàn múa hát nổi tiếng ở các địa phương trong bang Bănggan biểu diễn.

Trước khi tham gia tiệc chiêu đãi, Bác đã nói chuyện từ biệt bà con Ấn Độ bằng máy truyền hình. Đại ý như sau: “Chúng tôi rất vui lòng được nói chuyện với tất cả bà con Ấn Độ. Cuộc đi thăm hữu nghị của chúng tôi ở nước Ấn Độ vĩ đại đã đạt kết quả tốt đẹp... Trong cuộc đi thăm này, chúng tôi đã có dịp gặp gỡ các vị lãnh tụ kính mến của các bạn, anh chị em công nhân ở các nhà máy, bà con dân cày ở nhiều nông thôn, các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ v.v... Chúng tôi thấy ai ai cũng đầy lòng yêu nước và hăng hái làm việc để xây dựng một nước Ấn Độ giàu mạnh. Ở đâu chúng tôi cũng nghe tiếng nói hữu nghị và hoà bình, những lời thắm thiết chúc cho nước Việt Nam chúng tôi mau chóng thống nhất.

Mười ngày thăm thoát quá nhanh. Tục ngữ có câu: “Khi buồn bã thì thời gian đi rất chậm, khi vui vẻ thì thời gian đi rất nhanh”. Với sự đón tiếp nhiệt liệt, với sự tổ chức chu đáo, với sự săn sóc tận tình của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ, chúng tôi thấy thời gian đi rất nhanh. Chúng tôi sẽ ghi nhớ mãi mãi hình ảnh tươi đẹp của nước Ấn Độ anh em và mối tình nhiệt liệt của bà con Ấn Độ với chúng tôi. Khi về nước chúng tôi sẽ báo cáo lại những điều tai nghe, mắt thấy và sẽ chuyển tất cả những lời chào thân ái của bà con Ấn Độ cho đồng bào Việt Nam chúng tôi...

Chúng tôi thành thật cảm ơn tất cả bà con Ấn Độ. Cuối cùng Sasa Hồ gửi các cháu nhi đồng Ấn Độ nhiều cái hôn.

Tình anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ấn Độ bền vững muôn năm!...".

*
* *

Thư số 20

Rănggun, 14/2/1958

Em Hương,

"Kể ở người về, tình quyến luyến thật là thấm thiết

Cờ bay lệnh nổ, lễ tiễn đưa rất mực oai nghi"

Khi Bác và Đoàn rời Cancúttá, một đồng chí cán bộ đã ngâm nga tả cảnh như vậy. Nhưng anh không hoàn toàn "khuyên" câu đối ấy vì nó chưa tả hết được tinh thần tiễn đưa.

- Bây giờ rưỡi sáng hôm nay Bác ngồi xe trần cùng cô Thủ hiến và Thủ tướng Roy, có 10 xe mô tô đi hai bên bảo vệ. Các vị trong đoàn và anh em cán bộ đi 13 chiếc xe hơi. Tiếp theo là đoàn xe 28 vị bộ trưởng và thứ trưởng: 17 vị lãnh sự các nước trong đó có lãnh sự các nước Borêdin, Pêru... (Nam Mỹ) cùng bốn đại biểu phái đoàn thương mại nước ngoài: ông thị trưởng và sáu vị uỷ viên trong Uỷ ban hành chính Cancúttá v.v... Còn rất nhiều bạn quen biết khác kéo dài hơn một cây số.

Từ phủ Thủ hiến đến sân bay, quốc kỳ hai nước xen lẫn nhau tung bay trước gió. Nhân dân Cancúttá đứng chật hai bên đường, trên các tầng lầu, các mái hiên, các nóc nhà. Họ nhiệt liệt vỗ tay và hoan hô: "Hồ Chí Minh jindabát!" "Hindi Việt Nam bhai bhai!" Bác thường phải đứng dậy trên xe để chào lại bà con Ấn. Một người bạn Ấn Độ bảo anh rằng: "Ít ra cũng có một triệu người".

Đến sân bay, chào quốc ca hai nước, rồi Bác đi duyệt đội danh dự, thân mật bắt tay các quan khách và các nhân viên Ấn Độ đã đi với Bác trong mười hôm vừa qua. Bác hôn cô Thủ hiến và bác sĩ Roy, vẫy tay chào quần chúng, rồi bước lên máy bay giữa tiếng đội vang trời của 21 phát đại bác. Một phi công Ấn cứ tắc lưỡi khen ngợi: "Một cuộc hoan tống thật là vĩ đại! Vĩ đại!".

8 giờ 15 phút, máy bay cất cánh đi Rănggun. Chào nước Ấn Độ vĩ đại! Chào nhân dân Ấn Độ anh em! Chúng tôi sẽ luôn luôn nhớ yêu các bạn! Hindi!.

Cancúttá cách thủ đô Miến Điện 1.025 cây số. Một giờ chiều thì đến Rănggun. Khi cách Rănggun độ 100 cây số, máy bay quân sự Miến Điện đến đón và hộ vệ. Lúc Bác và Đoàn bước xuống sân bay, có 21 phát đại bác chào mừng.

Đến đón Bác tận máy bay, có Tổng thống U Vin Môn, Thủ tướng U Nu, các Phó Thủ tướng U Baxuê, U Kyan Neyin và Thakin Tin, Viện trưởng pháp

viên tối cao và Chủ tịch Quốc hội. Bác và Tổng thống chào quốc ca và duyệt đội danh dự. Các em nhi đồng hăm hở chạy lại dâng hoa. Có hơn 3.000 đại biểu các đoàn thể nhân dân ra đón ở sân bay hoan hô nhiệt liệt, nhất là các em học sinh và nhi đồng.

Vào đến phòng khách, Tổng thống giới thiệu các vị Bộ trưởng, Thị trưởng Rănggun, nhân viên cao cấp của Chính phủ, và các lãnh sự. Sau đó Tổng thống đọc lời chào mừng:

“Kính thưa Chủ tịch,

Thật là một hân hạnh đặc biệt cho tôi được nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch và các vị cùng đi với Ngài. Chính phủ và nhân dân Miến Điện hết sức vui mừng mong đợi Ngài đã lâu ngày. Nhân dân Miến Điện tôn kính và hăm mộ Chủ tịch, chẳng những vì rằng Ngài đã suốt đời trung thành phấn đấu cho độc lập tự do của nhân dân các nước thuộc địa, mà còn vì sự cống hiến cao cả của Ngài như một vị lãnh tụ vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng và giải phóng ở Đông Nam Á châu. Do phẩm cách đáng kính, tấm lòng cương trực và thái độ khiêm tốn của Chủ tịch, Ngài sẽ chinh phục lòng yêu mến của mọi người dân Miến Điện, và cuộc đi thăm của Ngài sẽ củng cố thêm nữa tình hữu nghị sẵn có giữa hai nước chúng ta.

Tôi biết rằng bất kỳ đến đâu ở nước chúng tôi Chủ tịch cũng được nhân dân hoan nghênh nhiệt liệt. Tôi ước ao rằng trong thời gian ngắn ngủi Ngài lưu lại với chúng tôi, Chủ tịch sẽ vui lòng và thư thái”.

*

* *

Thư số 21

Một giờ rưỡi trưa, ông bà Tổng thống mời ăn cơm. Đây là bữa cơm gia đình thân mật, khách và chủ chỉ có 20 người.

Ba giờ rưỡi, Bác và Đoàn đi dự lễ chào mừng của thủ đô Rănggun tổ chức rất long trọng và đông người tham gia. Sau đây là lời chúc mừng của ông Thị trưởng.

“Tôi rất hân hạnh được thay mặt công dân thủ đô Rănggun nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch.

Về địa lý thì hai nước chúng ta là láng giềng. Đáng lẽ ra chúng ta đã phát triển quan hệ thân mật về kinh tế, văn hoá và chính trị. Nhưng vào cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa thực dân đã dựng lên một bức tường giả tạo để ngăn cản sự phát triển ấy. Vì vậy độ mười năm về trước, nhân dân Miến Điện không hiểu biết nhiều về Việt Nam anh em.

Nhưng trong và sau thế giới chiến tranh lần thứ hai, nhân dân Việt Nam nổi dậy kháng chiến, trong lúc đó thì nhân dân Miến Điện cũng đang chống

ách thống trị nước ngoài. Vì lẽ đó, nhân dân Việt Nam tất nhiên đã được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Miến Điện.

Ngày nay hai nước chúng ta đều đã đập tan xiềng xích của thực dân và lật đổ bức tường giả tạo kia. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng; từ nay, mối quan hệ giữa chúng ta sẽ phát triển trên nền tảng kính trọng và hiểu biết lẫn nhau, trên nền tảng hữu nghị và hợp tác ích lợi cho cả hai dân tộc. Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch đến nước chúng tôi là một bước tiến rất dài trong sự nghiệp hữu nghị ấy... Kính chúc Chủ tịch được mạnh khoẻ và hạnh phúc dồi dào và chúc nhân dân Việt Nam anh em thành công trong mọi cố gắng”...

Năm giờ, Tổng thống U Vin Môn hướng dẫn Bác và Đoàn đến thăm nơi kỷ niệm các liệt sĩ. Đây là nơi để mộ vị anh hùng dân tộc Ung San và các vị liệt sĩ khác đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Miến Điện.

Năm giờ rưỡi đi xem chùa vàng Souvedagôn. Các nhà khảo cổ chưa đồng ý với nhau về lịch sử chùa này. Người thì nói xây dựng từ thế kỷ thứ 5, người thì nói từ thế kỷ thứ 15. Dù sao cũng là ngôi chùa rất đặc biệt. Lúc đầu chùa chỉ cao 50 thước Anh. Các vua đời sau đắp thêm mãi, nay chùa cao 326 thước Anh (độ bốn thước Anh là một thước Tây). Hồi nửa thế kỷ thứ 15, một hoàng hậu giát vào nóc chùa một số vàng cân nặng bằng bà ta. Tiếp theo đó, một vua Miến Điện lại giát thêm một số vàng cân nặng bằng hai vợ chồng ông ta. Chung quanh chùa chính có 68 chùa con. Trong chùa có hai quả chuông đồng, một quả nặng 25 tấn, già 180 tuổi; một quả nặng hơn 42 tấn, 117 tuổi. Chùa này là một thắng cảnh nổi tiếng ở Miến Điện và trên thế giới. Ở Rānggun có 25 ngôi chùa nhỏ và to. *

Bây giờ rưỡi tối, Tổng thống U Vin Môn mở tiệc chiêu đãi chính thức. Trong lời hoan nghênh, Tổng thống nói:

... “Sau gần một thế kỷ bị nước ngoài thống trị, mấy năm gần đây hai nước chúng ta mới thoát khỏi địa vị thuộc địa và đang hết sức cố gắng trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội để cải thiện dần dần đời sống của nhân dân ta. Lẽ tự nhiên, hai nước chúng ta đều rất quan tâm đến việc giữ gìn và củng cố hoà bình thế giới, đồng thời xây dựng sự hợp tác hữu nghị giữa các nước trên cơ sở bình đẳng, kính trọng lẫn nhau và mỗi bên đều có lợi. Vì rằng nếu không có hoà bình và hợp tác quốc tế, thì không nước nào phồn thịnh được và giữ vững được nền độc lập của mình.

Khi sang thăm Việt Nam, Thủ tướng U Nu chúng tôi đã nhắc lại ý kiến nhất trí của hai Chính phủ nước ta về năm nguyên tắc chung sống hoà bình và tuyên bố rằng năm nguyên tắc ấy cần được thực hiện trong quan hệ giữa hai nước Việt - Miến cũng như với các nước khác. Bây giờ, hai nước chúng ta vẫn tin chắc rằng sự thực hiện một cách thực thà năm nguyên tắc ấy giữa các nước sẽ xoá bỏ được tình trạng nghi ngờ và sợ hãi là nguyên nhân gây ra tình hình

thế giới căng thẳng ngày nay; nó sẽ tạo nên một bầu không khí tin cậy lẫn nhau và các nước có thể giải quyết những vấn đề đang đe dọa hoà bình và ngăn trở hợp tác quốc tế. Hai nước chúng ta đồng ý rằng cần phải tìm mọi biện pháp để làm cho các nước đều tán thành và ủng hộ năm nguyên tắc ấy.

... Từ khi Thủ tướng U Nu đến thăm nước Việt Nam dân chủ cộng hoà vào tháng 11/1954 và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm Liên bang Miến Điện tháng 4/1955, quan hệ hữu nghị giữa hai nước Miến - Việt ngày càng thân mật, có lợi cho cả hai dân tộc chúng ta... Tôi tin chắc rằng lần này Hồ Chí Minh đến thăm Liên bang Miến Điện là một bước ngoặt lịch sử trên con đường đưa hai nhân dân ta càng thân thiết nhau hơn...”.

Em Hương, vừa xem lại những bức thư đã gửi cho em, anh chợt nghĩ rằng chắc em phê bình anh sao mà viết nhiều về phong cảnh và ghi chép qua nhiều những bài diễn thuyết, mà ít viết về tình cảm nhân dân các nước bạn đối với Bác và Đoàn. Có thể không em? Em phải biết rằng cảm tình thâm thiết của nhân dân các nước bạn cũng như ý nghĩa chính trị trong cuộc đi thăm này biểu lộ bằng nhiều cách, nhất là qua những lời hoan nghênh của các lãnh tụ. Còn đối với phong cảnh của các nước bạn thì:

*Đã đi ra đến nước ngoài
Phải xem phong cảnh đẹp tươi thế nào?*

*
* *

Thư số 22

8 giờ sáng (15/2/1958), Bác và Đoàn cùng Phó Thủ tướng U Baxue lên máy bay đi thăm bang San (Shan). 9 giờ rưỡi đến trường bay Hêho (Hého).

Liên bang Miến Điện có sáu dân tộc to và nhiều dân tộc thiểu số, cũng có dân tộc Mèo, Dao, Lô Lô như ở miền Bắc nước ta. Trong sáu dân tộc to, Miến là to nhất với 14 triệu người. Sin (Shin) là nhỏ nhất với 20 vạn người, San là hạng vừa với một triệu rưỡi người, ở về cao nguyên phía Bắc.

Ông Sao Kun Kiô, Thủ hiến bang San kiêm Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ ngoại giao cùng các nhân viên cao cấp ra đón ở sân bay, rồi đưa Bác và Đoàn đến bên Yungguy (Yaunghwe), lên thuyền “chim phượng”. Thuyền này làm giống hình một con chim phượng hoàng, có 12 chiếc thuyền con và dài hơn 500 người chèo bằng một chân một tay bơi trước, kéo nó. 12 giờ rưỡi đến hồ Inlê (Inlê) xem đua thuyền. Thiên hạ đến xem rất đông, rất vui, như một ngày hội lớn.

Ba giờ trở lại bên Yungguy. Từ đó đến thành phố Jaoguy (Jaunghwe) độ 50 cây số. Trên đường đi qua các làng đều có cổng chào, nhân dân cầm cờ, cầm hoa thổi kèn đánh trống đón mừng. Đến Jaoguy, hầu hết nhân dân thành

phố kéo ra đón chào nhiệt liệt, nhất là các đoàn học sinh và nhi đồng Miến, San, Ấn Độ và Hoa Kiều.

Chiều tối, ông Thủ hiến mở tiệc chiêu đãi rất vui vẻ thân mật. Tiệc xong có múa võ và văn công địa phương.

Ở Rănggun trời nực hơn 30 độ, mà ở đây trời rất mát vì Tunghi cao hơn mặt biển 1.000 thước tây.

Sáng 16 trở về Rănggun, Một giờ trưa, Bác và Đoàn cùng với các ông bà Tổng thống U Vin Môn, Thủ tướng U Nu và nhiều quan khách khác đi chơi tàu trên sông Hulê. Sông này rộng và sâu hơn sông Hồng ta, cách biển 25 cây số cho nên cũng là một cửa biển lớn, mỗi năm có hơn 1.600 chiếc tàu các nước ra vào, chuyên chở một triệu tấn ruối hàng hoá. Trong thế giới chiến tranh lần thứ hai, cửa biển này bị phá hoại nhiều, trước thì bị bom Nhật Bản, sau lại bị bom đồng minh. Từ ngày Miến Điện được độc lập, đã khôi phục lại nhiều.

- 5 giờ chiều, Bác tiếp đại biểu các báo chí.

- 7 giờ chiều, Bác và Đoàn chiêu đãi Tổng thống và Thủ tướng. Đến tham gia cuộc chiêu đãi có các vị trong Chính phủ, Quốc hội, đoàn ngoại giao và các nhân sĩ khác. Nghe Bác nói cam là cam Bồ Hạ, các cô, các bà đều vui vẻ lấy một quả làm kỷ niệm.

- 17/2/1958, 9 giờ rưỡi sáng, trường đại học Rănggun làm lễ tặng Bác danh hiệu “Bác sĩ luật học danh dự”.

Trường này thành lập từ năm 1920 để đào tạo cán bộ cho các ngành pháp luật, nông nghiệp, hoá học, giáo dục, y tế v.v... Hiện nay có độ 7.000 học sinh. Chắc em cũng biết rằng học sinh ở trường này đã đứng ra tổ chức hội “Ủng hộ Việt Nam thống nhất”. Khi Bác đến trường, anh em học sinh hoan nghênh cực kỳ nhiệt liệt.

Sau đây là tóm tắt lời chào mừng của ông Giám đốc khi trao bằng Bác sĩ danh dự cho Bác:

“Hôm nay trường đại học Rănggun rất hân hạnh đón tiếp một vị khách đặc biệt cao quý là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tất cả học sinh, nhân viên và giáo sư ở đây đều biết Hồ Chủ tịch là một nhà triết học, một chiến sĩ hoà bình, một lãnh tụ cách mạng. Người đã đấu tranh suốt đời cho tự do của các dân tộc bị áp bức, Người đã lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam từ chỗ tối tăm đến cuộc đời hạnh phúc. Chúng ta đã lo âu theo dõi cuộc kháng chiến của Việt Nam chống bọn thực dân, và đã sung sướng thấy cuộc kháng chiến ấy thắng lợi một cách rực rỡ. Chúng ta đã khâm phục Hồ Chủ tịch lãnh đạo kháng chiến đến thắng lợi, thì trong sự nghiệp xây dựng hoà bình ở Việt Nam, chúng ta càng khâm phục sự lãnh đạo sáng suốt của Người.

Riêng cá nhân tôi, tôi hết sức cảm động khi được gặp Hồ Chủ tịch. Tôi đã

ngắm nghía và theo dõi từ hành động đến lời nói của Người ở sân bay. Trong một cuộc chiêu đãi, tuy tôi lại được gặp Người trong thời gian ngắn ngủi, nhưng thấy rõ thêm một điều là con người vĩ đại ấy có tấm lòng cao cả rộng lớn; có một đức tính giản dị khiêm tốn, trù mên, nó lập tức chinh phục được lòng yêu mến của mọi người. Tôi chắc rằng cảm tưởng và ý nghĩa của tôi cũng là của các bạn ở đây và của tất cả những người Miến Điện đã may mắn được gặp Hồ Chủ tịch. Đây là một vị khách quý mà hôm nay Trường đại học Rănggun được hân hạnh đón tiếp. Nhưng trường đại học của chúng ta còn có vinh dự hơn nữa là được trao tặng Hồ Chủ tịch một văn bằng cao nhất của trường này là văn bằng “Bác sĩ luật học danh dự...”.

*
* *

Thư số 23

Sau khi cảm ơn ông Giám đốc, Bác nói với anh em sinh viên như sau: “Các bạn học ở một trung tâm văn hoá có truyền thống về vang yêu nước và anh dũng chống thực dân. Trường này đã đào tạo ra vị anh hùng dân tộc Ung San và các nhà lãnh đạo khác của Miến Điện. Tương lai của các bạn rất vẻ vang.

Miến Điện là một nước giàu có, nhân dân thì khéo léo và cần cù, có điều kiện trở nên một nước giàu mạnh... Các bậc tiền bối của các bạn đã đấu tranh anh dũng để giành lại độc lập cho Tổ quốc. Nay Chính phủ và nhân dân Miến Điện đang ra sức xây dựng nước nhà. Các bạn phải là những cán bộ tốt đem hết đức và tài của mình để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân...”

8 giờ sáng 17/2/1958, Bác và Thủ tướng U Nu ký bản tuyên bố chung.

11 giờ Bác và Đoàn đi xem Quốc hội, Quốc hội Miến Điện có hai viện. Viện nhân dân có 250 đại biểu. Viện dân tộc có 125 đại biểu. Quốc hội bầu cử Chủ tịch nước và Thủ tướng. Để tổ chức Chính phủ, hiện có 22 bộ, Thủ tướng chọn những đại biểu trong hai viện và mỗi bang một vị làm Bộ trưởng; vị này đồng thời kiêm chức Thủ hiến của bang mình. Mỗi bang lại có Chính phủ tự trị.

Sáng nay ông bà Thủ tướng U Nu biểu Bác một bộ áo Miến Điện. Bác mặc áo này khi đi xem Quốc hội và khi ra sân bay. Thấy Bác trong bộ áo Miến, quần chúng reo lên rất vui vẻ...

Bây giờ anh tóm tắt giới thiệu kinh đô nước bạn cho em biết:

Đời xưa Rănggun tên là Đagon. Đến thế kỷ 18, vua Miến đổi tên là Iangon nghĩa là thành phố hoà bình. Đầu thế kỷ 19 do ảnh hưởng, tiếng Anh Iangon lại biến thành Rănggun. Năm 1885 Rănggun bị thực dân Anh chiếm giữ. Ngày 4/1/1948 Rănggun trở thành thủ đô Liên bang Miến Điện tự do.

Từ Ấn Độ, thực dân Anh âm mưu chinh phục Miến Điện từ năm 1824, do

đó có cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ nhất. Nhân dân Miến đã đấu tranh anh dũng và bền bỉ suốt 28 năm, đến 1852 Anh mới chiếm được Miến Điện. 1937 thực dân Anh ghép Miến Điện vào thuộc địa Ấn Độ. Sau thế giới chiến tranh lần thứ hai, nhân dân Miến nổi lên chống ách thống trị của đế quốc Anh. Năm 1948 Miến Điện được độc lập.

Thủ đô Rănggun có mấy đặc điểm: Số người tăng rất nhanh. Trong 100 năm (1856 - 1955) từ 46.000 tăng đến 737.000 người. Hơn 90% nhân dân theo đạo Phật, cả nước đều như vậy, làng nào cũng có chùa. Con trai từ bảy tuổi trở lên có nghĩa vụ đi tu, ít là vài tuần lễ, nhiều là mấy năm.

Chữ Miến Điện lấy một vòng tròn làm gốc, thay đổi vòng tròn ra nhiều hình thức thì thành những chữ cái rồi ráp lại thành vần như chữ quốc ngữ ta.

Nói chung người Miến hiền lành và vui tính. Đối với bạn và khách rất giàu nhiệt tình, - Thích múa hát nhưng làm ăn khéo léo và cần cù.

Đất Miến Điện rất phì nhiêu. Trước chiến tranh mỗi năm bán ra nước ngoài 3 triệu tấn gạo, 23 vạn tấn gỗ trắc, 16 vạn tấn quặng, 30 vạn tấn dầu lửa. Ngoài ra còn có ngọc, vàng.

Rănggun phong cảnh đẹp, nhà cửa xinh, đường sá thẳng. Có hơn bốn vạn chiếc xe đạp và 13.000 chiếc xe hơi. Trong số 17.000 nhà công thương to và nhỏ, 71% là buôn bán, 11% là thủ công nghiệp và công nghiệp. Có một xưởng dệt với 600 công nhân, 16 nhà máy cưa, 36 nhà máy xay gạo và 3 nhà máy làm bột.

Thủ đô có 12 tờ báo bằng chữ Miến, sáu tờ bằng chữ Anh, 6 tờ bằng chữ Ấn, 5 tờ bằng chữ Trung Hoa.

12 giờ trưa, Bác và Đoàn lên máy bay trở về nước. Lễ hoan tống cũng long trọng và thân mật như lễ hoan nghênh. Khách và chủ đều quyến luyến không muốn rời tay. Một đoàn máy bay quân sự hộ tống đến 100 cây số.

Chào Chính phủ và nhân dân Miến Điện!

Tình hữu nghị anh em giữa hai dân tộc Việt - Miến muôn năm.

*

* * *

... Cuộc đi thăm hữu nghị của Bác và Đoàn đến hai nước bạn thế là kết thúc. Cả đi và về là 10.540 cây số trong 14 ngày. Em có xem truyện *Tây du ký*, chắc em nhớ rằng đời nhà Đường (Trung Quốc) ông sư Huyền Trang sang Ấn Độ lấy kinh Phật cả đi cả về mất 17 năm (từ năm 627 đến năm 644), dọc đường lại gặp nhiều yêu quỷ và lắm bước gian nan. Nhờ có Tề Thiên đại thánh mới thoát khỏi mọi nguy hiểm. Ngày nay, đi từ Việt Nam hoặc Trung Quốc đến Ấn Độ chỉ mất một ngày. Khoa học đã chinh phục không gian và thời gian. Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận...

Cuộc đi thăm của Bác và Đoàn đã kết thúc rất tốt đẹp. Nó đã thắt chặt thêm tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến. Nhân dân các nước bạn càng ra sức ủng hộ cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Nó phát triển và củng cố thêm tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á - Phi. Nó góp phần tăng cường lực lượng giữ gìn hoà bình thế giới.

Tình anh em thắm thiết của nhân dân các nước bạn đối với nhân dân ta biểu lộ rõ rệt trong những lời thân ái của các lãnh tụ Ấn, Miến đối với Bác. Thí dụ Thủ tướng Nêru đã nói trước quần chúng Ấn Độ: “Chúng ta có dịp hoan nghênh với lòng kính trọng và yêu quý nhiều vị thượng khách từ các nước đến. Nhưng vị thượng khách mà chúng ta hoan nghênh hôm nay thật là đặc biệt. Đặc biệt không phải vì chính trị hoặc vì lễ gì khác, nhưng vì không vị thượng khách nào giản dị như vị thượng khách này, và dễ gặp mặt là người ta phải yêu mến... Ba năm rưỡi trước đây, tôi đã gặp vị thượng khách này ở Hà Nội. Và tôi cảm thấy ngay là tôi bị tấn công, tấn công bằng tình thương yêu, thật là khó mà chống lại một cuộc tấn công như thế...”

Khi ở nước bạn, Bác đã nhận được hơn 150 bức thư của các đoàn thể và cá nhân từ các nơi gửi đến. Một cụ bác sĩ 90 tuổi viết: Nếu ta cần đến nghề thuốc của cụ, cụ sẽ xung phong sang phục vụ nhân dân Việt Nam. Một thanh niên tay què, cố gắng hết sức viết thư chào mừng Bác và chúc nước ta mau chóng thống nhất. Hội nhi đồng xứ Ugien gửi một bản quyết nghị cảm ơn Bác đã cho các em Ấn được gọi Bác là Sasa Hồ và xin liên lạc với nhi đồng Việt Nam. Hội các em gái mù mắt, khẩn khoản “mời Bác đến thăm các cháu, dù là chỉ vài phút đồng hồ”. Hội đấu tranh giải phóng xứ Goa, Chi hội hoà bình thế giới Ấn Độ, nhiều đoàn thể và nhân sĩ khác cũng gửi thư tỏ cảm tình và chúc nhân dân ta thắng lợi trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Khi đi, Bác và Đoàn mang tình anh em của nhân dân ta đến cho nhân dân các nước bạn. Lúc về, Bác và Đoàn đưa tình anh em của nhân dân các nước bạn chuyển lại cho đồng bào ta. Bác và Đoàn về đúng ngày 29 tết để cùng đồng bào ta mừng xuân - một mùa xuân hữu nghị quốc tế, một mùa xuân thắng lợi ngoại giao...

Ngày mai, anh sẽ về chúc ba má và các em năm mới!

ANH L.T CỦA EM

Báo Nhân dân, số 1447 - 1474, từ ngày
26/2/1958 đến ngày 25/3/1958.

CHUYỆN GIẢ MÀ CÓ THẬT

Năm 1928, Bác từ châu Âu về tới nước Xiêm (nước Xiêm đến năm 1939 mới đổi tên là Thái Lan). Việc đầu tiên Bác làm là giúp anh em cán bộ củng cố và phát triển tổ chức Việt kiều và uốn nắn lại nội dung tuyên truyền của tờ báo. Hồi đó, tình hình đoàn kết của kiều bào khá chặt chẽ, mối quan hệ giữa kiều bào và bà con Xiêm cũng mật thiết.

Những nơi có trụ sở của đoàn thể như Phi Chít, U Don, Sa Côn, Na Khon v.v... Bác đều đến ở ít lâu. Anh em cán bộ, người thì làm ruộng, người thì cửa gỗ, cũng có người buôn bán nhỏ để nuôi nhau và hoạt động. Cùng lao động với anh em ban ngày thì Bác làm “suối”⁽¹⁾, ban đêm thì thường đi chơm cá đến khuya mới về. Ở gần thị xã U Don, Bác cùng Cố tú Ngọ (một vị cách mạng già) và các em nhi đồng đã vỡ được một cái “suối” khá rộng vuông vắn và có nhiều thứ cây. Trước đây vài năm, bà con Việt kiều vẫn giữ gìn tốt cái vườn ấy.

Ở Na Khon có xảy ra một việc mà nay kiều bào còn nhớ. Câu chuyện như sau: Ở Na Khon có kiều bào lương và kiều bào giáo. Kiều bào giáo có một ngôi nhà thờ. Theo thói quen nhà nào có đám ma, đám cưới nộp nhiều tiền thì cho gõ nhiều tiếng chuông, ít tiền thì tiếng chuông cũng ít, không tiền thì chuông không kêu tiếng nào. Người ta nói đùa rằng cái chuông ấy áp dụng chủ nghĩa xã hội một cách trái ngược: ăn nhiều thì nó làm nhiều ăn ít thì nó làm ít, không ăn thì nó không làm.

Trong làng giáo có một cụ già nghèo khổ, không vợ, không con, ở một cái lều lụp xụp. Chẳng may ông cụ ốm, chẳng ai trông nom. Cán bộ ta đến săn sóc ông cụ. Hôm ông cụ chết, kiều bào công giáo mời cha rửa tội cho ông cụ. Vì thói quen trên, ông cụ không có tiền, cha không rửa tội, mà chuông cũng không kêu.

Cán bộ ta vận động cả kiều bào lương và giáo quyên giúp kẻ ít, người nhiều, mua áo quần và quan tài cho ông cụ. Có lẽ vì thái độ của cha và của cái chuông kích thích mà cả lương lẫn giáo đã kéo nhau đưa đám ông cụ rất đông. Từ đó lương giáo rất đoàn kết, không “ai” chia rẽ được nữa.

Bác thường đi thăm các trụ sở để giúp anh em cán bộ giải quyết các vấn đề, từ nơi này đến nơi kia ít nhất cũng phải đi bộ suốt một ngày. Có một lần

(1) Suối: tiếng Thái, nghĩa là vườn.

đi đến nửa đường thì trời tối. Bác và tôi ghé vào một nhà kiêu bào người Bắc làm thợ mộc. Anh chị thợ mộc đón tiếp rất tử tế. Cơm nước xong, hai Bác cháu đi nghỉ, thì cũng vừa lúc chị thợ ru cháu bé ngủ. Giọng chị ngâm *Kiều* rất hay, hai Bác cháu lắng nghe, rồi ngủ đi bao giờ không biết.

Sáng hôm sau, lúc đi đường, với một giọng âu yếm Bác bảo tôi:

Xa nhà chốc mấy mươi niên

Tôi qua nghe giọng mẹ hiền ru con!

Mỗi khi đi đường xa, Bác thường bảo chúng tôi ngâm *Kiều*, đọc *Chinh phụ ngâm*, hoặc kể chuyện, để cho đỡ mỏi. Kinh nghiệm ấy ngày càng được nhiều người áp dụng.

Khi công việc ở các trụ sở đã tiến bộ đều, Bác định đi thăm kiêu bào ở rải rác khắp nước Xiêm. Bác vai mang khăn gói. Anh Tý gánh một đôi thùng sắt tây đựng lương khô, quần áo và mấy gói thuốc Bắc. Hai anh em giả làm người đi buôn. Đồng chí Tý là con cụ Đặng Thái Thân, một chiến sĩ cách mạng, bạn cụ Phan Bội Châu, bị Pháp giết chết vào khoảng đầu thế kỷ hai mươi. Là một trong những người tổ chức Đảng Tân Việt, anh Tý bị Tây lùng tợn phải chạy sang Xiêm. Anh tinh tình hoà nhã, hoạt động rất hăng, kiêu bào ai cũng mến phục. Về sau anh bị Pháp bắt đày đi Lao Bảo. Vì anh đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh trong nhà tù, Pháp đã xử bắn anh.

Hai anh em ngày đi, đêm nghỉ. Khi thì ngủ ở các chùa, khi thì ngủ ngoài thềm nhà dân, cũng có khi ngủ trên cây trong rừng. Mỗi buổi sáng, đi đến độ mười một giờ, nghe tiếng trống thì hai người rẽ vào chùa nào gần nhất bên đường. Chờ các vị sư ăn xong, hai anh em rình mâm xuống chén, chén xong lại đi. Ở Xiêm, làng nào ít nhất cũng có một ngôi chùa và chục vị sư mặc áo vàng. Sáng sớm các sư đi “tạ bệ”⁽¹⁾, mỗi nhà dân đưa xôi chuối cúng vào cái bát của mỗi vị sư. Sư cũng như tục, không nói không rằng gì hết. Theo kinh Phật thì sư ăn của bố thí đó, nhưng theo tập quán thì mỗi buổi sáng vào khoảng mười một giờ, dân làng thay phiên nhau đưa của bố thí đến chùa nuôi sư. Mỗi ngày sư chỉ ăn một bữa sáng. Sư ăn còn thừa, nếu có người đi đường ăn dùm, thế là chủ nhà bố thí hai lần, hai lần có phúc. Nếu không có ai ăn thì chủ nhà cũng phải bố thí một phần cơm thừa cho chim.

Cũng như mọi lần đi đường, lần này Bác thuật lại cho anh Tý nghe một chuyện Pháp nhan đề là *Trẻ con không nên nghe trộm*. Đại ý như sau:

Hai em bé A và B đi chơi trong rừng. Bỗng trời tối, cụ tiểu phu C đưa hai em về nhà cho ăn ngủ. Rồi cụ C bàn với cụ bà làm thịt gà để ngày mai cho hai em ăn. Cụ nói “thịt cái lớn hay thịt cái bé?” Cụ bà bảo: “Nói khê chứ! Nói to chúng nghe chúng sẽ chạy mất”... Hai em bé tưởng các cụ bàn cách thịt mình,

(1) Sư đi lấy thức ăn buổi sáng.

đã sợ sốt vó.

Mấy hôm sau, trời đã gần tối, Bác và anh Tý đi đến một khu rừng hẻo lánh. Những người địa phương đều bặm trợn như Trương Phi. Đi xa nữa thì không thể đi. Ở lại đây thì khá nguy hiểm. Trong lúc bí, bỗng có một người Hoa kiều đi ngang, vai năm tấc rộng, mình mười thước cao, thấy Bác và Tý đang thơ thẩn, anh ta hỏi một cách hung dữ: “Chúng mày đi đâu?”

Bác trả lời bằng tiếng Trung Quốc “Chúng tôi đi tìm việc làm ăn”.

Anh ta lại quát: “Chúng mày người đâu?”

Anh Tý trả lời bằng tiếng Trung Quốc trợn trợn: “Chúng tôi là Hoa kiều”.

Anh ta trợn mắt và nói như mắng: “Hoa kiều! Hoa kiều! Hoa kiều gì mà không biết tiếng Quảng Đông hở?”

Bác đỡ lời: “Hoa kiều sinh trưởng ở Việt Nam”.

Anh ta lại quát: “Tối rồi, về theo tao. Đi với vấn chúng nó sẽ thiệt mất xác giờ”.

Bác và Tý thấy anh ta thô bạo, hơi lo ngại. Nhưng không theo anh ta thì đi đâu bây giờ cho nên miễn cưỡng đi theo. Đến một cái nhà sạch sẽ, bề thế, anh ta bảo hai người ngồi nghỉ. Một lát thấy chị ta (người Xiêm) đưa ra một mâm cơm ngon lành. Bác và Tý nháy nhau, có ý nói: “Không chừng có thuốc mê trong đó”. Nhưng vì đói bụng quá, hai anh em cứ bạo dạn chén. Ăn xong, anh ta lại quát: “Đi theo tao”.

Anh ta đưa vào một cái đường hẻm, rào rất cao và kín. Rồi đến một cái nhà trống trải, vừa rộng vừa cao, chung quanh có phen kín mít. Trong nhà chỉ có mấy cái giường to, và một cái treo giữa nhà, không có đồ đạc gì khác.

Anh ta lại quát: “Thôi! Đi ngủ đi!” Rồi anh ta bỏ ra về.

Bác và Tý nhìn kỹ tứ phía, chuẩn bị nếu gặp nguy hiểm thì tháo chạy ngay nào. Bác khẽ bảo Tý: “Chúng mình phải cắt phiên nhau mà gác. Bây giờ mình gác, chú cứ ngủ đi. Khi nào mình ngủ thì chú gác”.

Bác vừa dứt lời thì một người Hoa kiều khác bước vào nhà; một tay dắt một chú bé cỡ sáu tuổi, một tay bưng một bàn đèn thuốc phiện. Y nằm hút trên cái giường đằng xa. Vừa hút vừa dạy chú bé hát bằng tiếng Việt: “Con công tổ họ, còn gà đá độ...”.

Tý ghé vào tai Bác và nói thầm: “Cha này chắc là mật thám của Pháp rồi, nếu họ không giết hại chúng mình, thì có lẽ bắt chúng mình nộp cho giặc Pháp”.

Đi núi cả ngày, mệt mỏi đã át cả lo âu. Hai anh em ngủ say bao giờ không biết.

Thú vị nhất là lúc sáng dậy, Bác liền sờ cổ Tý, Tý cũng sờ cổ Bác, xem còn sống nữa không!

Anh chủ nhà đến, không nói năng gì, chỉ lấy tay vẫy vẫy. Bác và Tý đi theo anh ta về nhà kia, thấy một mâm cơm sẵn sàng và nhiều thức ăn hơn bữa

tối qua. Lần này hai anh em không sợ thuốc mê nữa, vì thấy vợ chồng chủ nhà cùng ăn.

Ăn xong Bác nói với chị chủ nhà: “Chúng em cảm ơn anh chị và xin phép trả tiền phí tổn...” Chị ấy chưa kịp trả lời thì anh ta lại quát: “Ai cần tiền của chúng mày”.

Anh ta đưa Bác và Tý đến trạm xem goòng (người ta đang đắp đường xe lửa) và bảo người cai xe: “Hai người này là đồng hương của tao, mày để chúng nó cùng đi xe đến X. Phải tử tế với chúng nó nghe không?” Anh ta lại ân cần bảo Bác: “Đi đường phải cẩn thận. Đến X không gặp người quen thì trở về đây tao tìm việc làm cho”.

Bác và Tý thành khẩn cảm ơn và từ giã anh ta. Ngồi trên xe Bác bảo Tý: “Anh bạn Hoa kiều của chúng ta chắc chắn là một người thầu khoán kiêm bờ lờ⁽¹⁾, có tính thần hào hiệp thương người, thái độ bề ngoài tuy thô lỗ như cục sắt nhưng nó bao một tấm lòng tốt như vàng... Sao câu chuyện giả về hai em bé và câu chuyện thật của anh em mình giống như như thế”.

TRẦN LAM

Báo *Nhân dân*, số 2242, ra ngày
9/5/1960. *Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1960, trang 110.

(1) *Bờ lờ*: Tiếng gọi chề giễu người buôn lậu

“BÌNH ĐẲNG, BÁC ÁI” KIỂU MỸ

Xem báo tư sản, anh Nhạ - Dẹ thấy những tin tức sau đây:
- 17/8/1962. R. Kennơđi (em ruột tổng Ken, làm Bộ trưởng tư pháp) nói:

“Nên để học sinh và các đoàn thể nước ngoài đến thăm Mỹ, họ sẽ thấy rõ chế độ và nếp sống Mỹ là tốt đẹp nhường nào...”.

- 18/9/1962. Nhân dịp kỷ niệm 175 năm của hiến pháp Hoa Kỳ, tổng Ken nói: “Hiến pháp này là một văn kiện cách mạng nhất trong lịch sử loài người. Nó là sự hy vọng của nhân dân thế giới, là kiểu mẫu chói lọi cho các nhà nước khác...”.

Xem xong, Nhạ phấn khởi, và định đi thăm Mỹ. Tối 30/9, sáng 1/10, Nhạ đến thành phố Mítxixipi. Việc đầu tiên, Nhạ thấy là: trên con đường to, trước mặt trường đại học Ôcpho, quang cảnh náo nhiệt: Một bên là độ 6.000 binh lính, súng ống sẵn sàng và độ 600 nhân viên của toà án. Một bên là độ 2.000 công nhân Mỹ da trắng, mặt mũi hung hăng, “sẵn sàng chiến đấu”, liền miệng chửi rủa: “Đồ da đen bẩn thỉu! Cút đi!”. Giữa hai đám người đó, một thanh niên Mỹ da đen, tay ôm cặp sách, chân bước khoan thai, có mấy tên hiến binh bảo vệ. Đàng xa, có 20 người bị thương và hai xác chết (một phóng viên thông tấn xã Pháp AFP đã chết oan...).

Nhạ ngơ ngác không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Một cụ già Mỹ da trắng vẻ mặt hiền lành, khẽ kể cho Nhạ nghe đầu đuôi câu chuyện:

“Gã thanh niên Mỹ da đen tên thật là Mêrêđi, một học sinh da đen độc nhất có trình độ tốt nghiệp lớp 10 ở bang này. Đã ba lần, anh ấy xin vào trường đại học. Nhưng chủ tịch bang nhất định không cho... 9 năm trước đây, do người Mỹ da đen đấu tranh hăng và được dư luận thế giới ủng hộ, toà án tối cao Hoa Kỳ đã phải ra một đạo luật cho phép người Mỹ da đen được vào học các trường như người Mỹ da trắng. Nhưng các nhóm phản động cứ giữ chặt “hàng rào màu da” và phốt cả toà án. Nhất là ở các bang Mítxixipi, Alabama, Carôlina, v.v... người Mỹ da đen càng bị áp bức tàn tệ. Ở đó thường xảy ra những vụ “linso”, tức là những người Mỹ da đen vô tội mà bị người Mỹ da trắng giết chết, bêu đầu, treo cổ, mổ bụng, chôn sống, xé thây... Chỉ trong 10 năm (từ 1885 đến 1894) ở Hoa Kỳ đã có hơn 1.700 vụ “linso”!... Nhân vụ Mêrêđi, Đảng Cộng sản Mỹ đã kêu gọi các công đoàn và các tổ chức dân chủ đòi chính

phủ Mỹ phải ngăn chặn việc khủng bố người Mỹ da đen...”.

Ông cụ giả lại cho Nhạ xem một tờ báo ra ngày 18/9/1962 có tin: “Nhân dịp kỷ niệm 100 năm của Tuyên ngôn giải phóng người Mỹ da đen khỏi ách nô lệ, tổng Ken đã phải nhận rằng: “Sự thực hiện quyền lợi bình đẳng (của người Mỹ da đen) tiến hành một cách phi thường chậm chạp... Ở nhiều nơi họ không có quyền bình đẳng về giáo dục, về làm ăn, về bầu cử... Họ thường bị bạo lực khủng bố...”.

Nhờ ông cụ mà Nhạ - Dẹ đã sáng mắt ra, và y tự bảo: “Đối với 18 triệu đồng bào da đen của chúng, bọn phản động Mỹ còn tàn bạo như vậy. Hiện nay, ở miền Nam nước ta, mỗi ngày chúng tiêu phí một triệu đô la, chúng phải đến một vạn binh sĩ, hai chục viên tướng, cùng hai, ba trăm chó săn để giúp bọn Diệm “linhso” đồng bào ta. Chúng muốn biến 14 triệu nhân dân da vàng miền Nam thành người da đen Mỹ.

Nhưng khác với ở Hoa Kỳ, chắc là Mỹ - Diệm sẽ thất bại, đồng bào miền Nam anh dũng sẽ đập tan âm mưu độc ác của chúng”.

Rồi Nhạ phấn khởi ngâm nga:

Kennodi, Mêrêđi
Kẻ sang, người tiện⁽¹⁾, chỉ vì màu da
... Miền Nam anh dũng nước ta,
Đấu tranh giải phóng nhất định là thành công!

TL

Báo Nhân dân số 3120,
ra ngày 10/10/1962.

(1) *Người tiện*: người hèn hạ

VUA ĐI ĐƯỜNG VUA KỂ CHUYỆN

(Trích)

ĐI THĂM MẶT TRẬN

Chuyện này bắt đầu cách đây đã 40 năm về trước. Chúng tôi được nghe kể lại cách đây hơn 10 năm. Tôi⁽¹⁾ nhớ được thế nào xin thuật lại thế ấy.

Năm 1950, ta chuẩn bị đánh quét giặc Pháp ra khỏi đường số 4 và giải phóng biên giới Việt - Trung. Bác quyết định đi thăm mặt trận.

Để Bác đi đỡ mệt, chúng tôi làm một chiếc cáng. Gọi là “cáng” cho oai, chứ sự thật chỉ là một tấm vải thô, hai đầu cột chặt vào một đoạn tre, một người có thể nằm để hai người khiêng. Nhưng Bác bảo thôi không dùng đến.

Bác cùng chúng tôi đi bộ từ Phủ Chủ tịch ở Tuyên Quang đến mặt trận biên giới, rồi đi ngược đến tỉnh lỵ Cao Bằng, công việc xong lại trở về Tuyên Quang.

Xin thưa rằng, trong câu chuyện này nhiều danh từ chỉ có nghĩa thô sơ thôi. Như “Phủ Chủ tịch” chỉ là một túp nhà sàn, bốn bề không phen không vách, làm ở trong rừng, xây dựng một ngày là xong, ở vài tháng lại dời đi nơi khác.

Đối với chúng tôi, cuộc đi này thật vất vả, nhưng cũng thật thú vị.

Đi theo Bác có: một tiểu đội bảo vệ, một thầy thuốc - bác sĩ Chân, đồng chí Thành và tôi, T. Lan. Muốn đi nhanh, Bác cho đội bảo vệ đi trước vài mươi phút, rồi Bác và ba anh em chúng tôi đi sau.

Để tránh máy bay địch, chúng tôi khi thì đi ban đêm, khi thì đi đường rừng. Sáng dậy đi thật sớm. Đến trưa hể gặp một ngọn suối trong, có cây cao bóng mát, có những tảng đá to, thì Bác bảo dừng lại. Giở cơm nắm ra ăn với thịt Việt Minh (một cân thịt vằm với một cân muối và một cân ớt). Ăn xong, mỗi người nằm nghỉ lưng trên một tảng đá, tha hồ mà “vui thú lâm tuyền”. Nghỉ một tiếng đồng hồ, rồi lại tiếp tục đi.

Phần thì để giữ bí mật, phần thì không muốn làm phiền đồng bào, mỗi tối chúng tôi thường đóng quân ở một ngôi đình, ngôi chùa hoặc một vài cái lán bỏ hoang. Mấy đồng lá cây, phủ thêm mấy tấm vải bạt, ở giữa đốt bếp lửa, thế

(1) Tôi tức T. Lan.

là thành “hành doanh” của đội “phụ tử binh”⁽¹⁾ chúng tôi.

Tôi còn nhớ một lần đi đêm, trời đã khuya, thì may gặp một cái quán làm bằng vài tấm tranh cột trên bốn cái cột tre. Ban ngày, đồng bào miền núi thường đưa chuối, sắn, mía, khoai v.v... treo vào đó. Khách qua đường ai muốn ăn thì cứ ăn, ăn hết bao nhiêu, khách tự tính giá cho phải chăng và tự bỏ tiền vào một cái ống nứa để sẵn ở đó. Tôi đến, chủ quán ra thu dọn số hàng còn lại và lấy tiền về không bao giờ thâm vào vốn. Trước quán có một cái “ghế dài” làm bằng một đoạn cây to và cong queo, gác lên hai chữ X bằng nứa để cho khách ngồi. Bác đặt ba lô xuống, ghé lưng vào ghế cho khỏi ngã... Một lát sau, Bác đã ngủ ngon!

Có đêm đang đi giữa đường thì nghe máy bay địch ném bom phía trước và phía sau, như chúng muốn chặn đường mình. Nhưng kinh nghiệm cho biết rằng chúng chỉ ném lung tung để phá đường giao thông và dọa các đội vận tải của ta.

Hôm nào trời nắng ráo thì vừa đi vừa “ngoạn thủy du sơn” cũng thích. Nhưng hôm nào trời mưa to thì cũng khổ thật. Các toán vắt “lợi dụng thời cơ” mà tấn công chúng tôi; thêm vào đó là đường trơn, gió rét. Tình cảnh ấy khiến tôi nhớ lại câu đối mà cha tôi thường đọc:

*“Đi đường đất thịt trơn như mỡ
Ngồi gốc cây đa rét tận xương”*

Có những đoạn đường đất đỏ, bùn lút mắt cá, đi một bước, trượt hai bước. Bác bảo rút dép cao su ra, xắn quần quá đầu gối, tay thì chống gậy mà đi. Trong mấy anh em chúng tôi, bác sĩ Chân đi kém nhất, mà lại có nhiệm vụ phải đi theo kịp Bác. Nhiều khi đồng chí ấy muốn nghỉ chân nhưng không dám nói. Một buổi sáng mưa như dề trên trời bị vỡ, sau khi đi được vài tiếng đồng hồ thì thấy mấy mái nhà nhấp nhô dưới rừng cây cổ thụ. Nỗi lòng không nín được nữa, bác sĩ ta bèn thốt ra một tiếng, chỉ một tiếng thôi: “Nhà!”.

Bác cười bảo: “Đúng rồi! Đó là lán của các anh em vận tải đấy...”. Chúng tôi hiểu ý Bác, nhìn nhau cười thầm.

Đến đường số 4, đồng chí Tổng tư lệnh đưa một chiếc xe đíp ra đón. Chúng tôi đã mừng và khê bảo nhau: “Bây giờ khỏi cuộc bộ rồi!”. Không ngờ Bác bảo đồng chí cán bộ “đưa xe về cho bộ đội dùng chờ tiếp tế. Bác đi bộ quen rồi, không cần đi xe”.

Trên đường đi, Bác thường ghé thăm một cách bất thành linh đồng bào các bản làng và các đơn vị bộ đội. Anh em chiến sĩ và cán bộ thấy Bác đến một cách đột ngột; đầu thì ngơ ngác rồi thì mừng quýnh lên, reo hò, nhảy nhót, quây quần lấy Bác, có khi quên cả trật tự. Sau khi xem tận nơi bếp nấu, chỗ ở,

(1) Nghĩa là quân đội cha và con (chú thích của tác giả).

công tác vệ sinh. Bác thân mật hỏi thăm sức khỏe mọi người, dặn dò, phê bình, khuyến khích mấy lời như cha nói với đàn con rồi lại tiếp tục đi.

Chúng tôi được biết rằng sau những cuộc đến thăm “du kích” của Bác, kết quả là về tinh thần thì bộ đội thêm phần khởi hăng hái; về vật chất thì anh em càng thêm ngăn nắp và càng chú ý công tác vệ sinh.

Trong chiến dịch này, bộ đội ta tỏ ra rất anh dũng, điều đó ai cũng biết. Đây tôi chỉ muốn nói thêm rằng nhân dân ta cũng anh dũng vô cùng. Đồng bào các dân tộc đi dân công không quản dài nắng dầm mưa, không quản trèo đèo lội suối, không quản máy bay địch uy hiếp suốt ngày, họ luôn luôn vui vẻ, làm tròn nhiệm vụ. Một hôm, trời vừa ứng sáng, Bác ghé thăm một xóm ở gần đường. Ngoài đồng ruộng thấy mấy trăm chị em dân công, Kinh có, Tày có, Nùng có, Mán có... Người thì vừa nhóm bếp nấu cơm vừa chuyện trò vui vẻ. Người thì chụm năm chụm ba, đang ngồi dựa lưng vào nhau mà ngủ. Bác hỏi mấy chị đang nhóm lửa: “Các cô cả đêm ngồi ngủ ngoài trời như vậy sao?”. Các chị trả lời: “Vâng ạ, nhà đồng bào chật, chỉ đủ chỗ để chứa lương thực của bộ đội cho khỏi ướt. Các cháu ngủ ngoài đồng thế này càng vui...”

Bác ôn tồn khen ngợi chị em, rồi bảo chúng tôi: “Bộ đội ta dũng cảm như vậy, nhân dân ta dũng cảm như vậy, ta nhất định thắng, địch nhất định thua”.

Lời nói của Bác đã thành sự thật. Trận ấy ta thắng to; tiêu diệt được nhiều địch giải phóng được biên giới, bắt được ba tên quan năm.

Ta tạm giữ ba tên quan năm này trong những hang núi. Bác hoá trang làm một cán bộ mới bị thương, lấy vải băng che tóc, che râu, rồi đến hỏi chuyện chúng. Tên quan năm thấy thuốc tổ về hỏi hận và nói: “Thôi, thôi! Tôi chán ngấy chiến tranh lắm rồi! Chính phủ Pháp đã tuyên truyền láo toét. Chúng nói Việt minh chỉ là một nhóm phiến loạn, không có quần chúng ủng hộ... Bây giờ tôi thấy rõ rồi. Nếu được tha về, tôi sẽ nói hết sự thật cho nhân dân Pháp biết...”.

Tên quan năm Lopado kéo quân từ phía Lạng Sơn lên hòng cứu toán quân địch từ Cao Bằng chạy xuống. Nhưng đến nửa đường thì đoàn quân của y bị đánh tan và y bị ta tóm cổ. Anh chàng này, nói phô kín đáo. Nhìn ra những đội dân công của ta, hàng nghìn người kìn kịt gánh lương thực và đạn dược, liên tiếp nhau trên đường như những con rồng dài uốn khúc, y nói với một giọng buồn bã: “Tôi nhận đó là lực lượng đã làm cho các ông thắng lợi”. Bác nói: “Ông nói đúng. Đó chính là lực lượng làm cho các ông thất bại”.

Tên quan năm Sactông, chỉ huy quân Pháp ở Cao Bằng, vừa bỏ tình lý kéo cả tiểu đoàn định chạy về xuôi, đến nửa đường cũng bị ta đánh tan và bắt được cả. Y là một tên phát xít hạng nặng. Vừa gặp Bác nó than phiền ngay: “Chà! Ông nghĩ, mấy hôm liền râu không được cạo, giày không được đánh bóng...”. Nó nói tiếp: “Nếu còn có thống chế Pétanh cầm quyền ở Pháp, thì chắc không

xảy ra cuộc chiến tranh này. Nếu có chiến tranh thì quân đội Pháp cũng không đến nỗi thất bại...".

Bác không ngắt lời nó, mời nó hút thuốc và ôn tồn khơi cho nó nói. Cuối cùng nó cũng phải nhận rằng, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, thực dân Pháp đã thua, quân đội ta đã thắng. Rồi nó nói thêm: "Như thái độ của ông, thì tôi có thể nói chuyện. Còn các cán bộ trẻ tuổi của ông muốn thuyết phục tôi, thì thuyết phục sao được...".

Sau khi đã xem xét các vùng Đông Khê và Thất Khê, Bác lên thăm thị xã Cao Bằng mới được giải phóng, dặn dò cán bộ công việc cần phải làm, rồi trở về Tuyên Quang.

Trong những ngày đi đường, Bác dạy chúng tôi học những đoạn *Kim Vân Kiều* và *Chinh phụ ngâm*, hoặc kể chuyện đời xưa, chuyện tiểu lâm. Vừa đi vừa ngâm nga nói cười như vậy cho mọi người khuây khoả, đi đường xa nhưng quên mệt mỏi. Cũng có khi Bác kể chuyện cho chúng tôi nghe. Sau đây là tóm tắt câu chuyện Bác đã kể:

CÂU CHUYỆN BẮT ĐẦU

Hồi đó Bác trọ nhờ nhà luật sư Phan Văn Trường ở Pari. Buổi sáng thì đi làm nghề tô ảnh phóng đại để lấy tiền ăn. Buổi chiều thì hoạt động cách mạng. Chính phủ Pháp cho hai tên mật thám đêm ngày theo dõi Bác.

Chính phủ Pháp lúc đó do Poanhearê cầm đầu. Y là một người cực kỳ phản động. Chính y đã chủ trương đánh Cách mạng Nga. Khi quân sự đã thất bại, y chủ trương tẩy chay kinh tế Nga. Trong một cuộc tổng tuyển cử hạ nghị viện Pháp, y đã cho dán khắp cả nước bức vẽ tuyên truyền chống cộng, dưới nhan đề là "Bônsovic hai hàm răng ngậm dao". Trong bức vẽ thì phía sau là những ngôi nhà đang cháy ngùn ngụt; phía trước là một người "bônsovic", mặt mũi rất dữ tợn, miệng ngậm một cái dao đâm máu, tay xách cái đầu của một người đàn bà... Vài năm sau, chính Poanhearê đã chủ trương chiếm đóng khu hầm mỏ Ruya của nước Đức.

Đảng Cộng sản Pháp đập lại Poanhearê một vỏ cũng khá nặng. Số là Poanhearê trong khi đến thăm một nghĩa địa có hàng nghìn mộ lính Pháp, thì nhả răng cười. Đảng Pháp lấy được bức ảnh đó, cho in ra hàng triệu tấm, dưới nhan đề "Poincaré qui rit" (nghĩa là Poanhearê nó cười) và bán khắp nước pháp. Bức ảnh đó gây nên một phong trào sôi nổi chống Poanhearê.

Một buổi trưa đi làm về, bà già giữ nhà đưa cho Bác một bức thư. Quái! Xưa nay Bác chưa hề nhận thư gửi đến địa chỉ này. Vì để phòng mật thám, thư từ anh em cho tin tức hoặc bàn công việc đều gửi đến các nhà bạn quen của Bác. Mở thư xem, thì ra của quan thượng thư thuộc địa mời Bác đến gặp. Cách vài hôm sau, Bác đi gặp y.

Trong phòng khách của Bộ thuộc địa, một bảy người Pháp “tai to mặt lớn” đang nhô nhô chờ đến phiên mình được “quan thượng thư” gọi vào. Nhưng Bác không phải chờ, vừa đến thì liền có ông già mang xiềng bằng bạc (người truyền đạt ở các cơ quan cấp cao) mời vào ngay.

Một gian phòng rộng rãi và lộng lẫy, chung bày đầy những đồ xưa vật quý mang từ các thuộc địa về. Quan thượng thư đầu soi như quả bưởi, một mắt mang kính trắng “uy phong lẫm lẫm” ngồi chễm chệ bên một cái bàn rất rộng và chất đầy giấy tờ. Thấy Bác vào, ông ta đứng dậy bắt tay và mời ngồi một cách lễ độ giả dối.

Hai người ngồi đối mặt nhau.

Một người thì đại biểu của chế độ đế quốc thực dân Pháp đang áp bức bóc lột Việt Nam.

Một người là tượng trưng của nhân dân Việt Nam đang bị Pháp đô hộ một cách tàn nhẫn.

Y thì nắm trong tay cả quyền binh kinh tế, chính trị, quân sự, cảnh sát, toà án, trại giam ở các thuộc địa Pháp.

Bác là một trong 50 triệu người thuộc địa đang bị bọn thực dân Pháp bắt làm nô lệ.

Y có quyền bắt giải Bác về Việt Nam, gán cho tội tuyên truyền cộng sản, rồi đưa lên máy chém. (Triều đình Việt Nam đã vâng lệnh Pháp mà xử án Bác vắng mặt).

Bác thì chỉ dựa vào lực lượng của chính nghĩa và cảm tình của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pari.

Hai giai cấp, hai chế độ ngồi đối mặt nhau. Thế nhưng Bác cảm thấy ông ta sợ Bác, vì sợ cách mạng; và đoán biết rằng ông ta cũng cảm thấy Bác không sợ ông ta, vì cách mạng không sợ cái chế độ do ông ta đại biểu.

Thượng thư thuộc địa mắt thì nhìn Bác chằm chằm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau: “Hiện nay có những kẻ công cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn bônsovich ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại Nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ như thế này...”

Nói đến đó, y vẽ mặt hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ những vật gì rất cứng rắn - những người cách mạng Việt Nam.

Bác cứ giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười để mặc y nói.

Cái mỉm cười trước những lời đe dọa, làm cho thượng thư thuộc địa càng bức, càng sợ. Khi ông ta tạm dứt lời, Bác hỏi: “Ngài nói xong rồi chứ?”

Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đối giọng và nói một cách ôn tồn:

“Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải “thức thời” mới ngoan.Ồ này! Khi nào ông có cần gì, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...”.

Bác nói: “Cám ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép về”.

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (métôrô) Bác cười trong bụng: “Con cáo già thuộc địa đã đoán đúng ý định của mình”.

XA CHẠY CAO BAY

Cách mạng tháng Mười vĩ đại có một sức lôi cuốn kỳ diệu vô cùng. Từ khi nghe tin cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, Bác liền có ý định đi Nga, mặc dù lúc đó chưa hiểu hết ý nghĩa cực kỳ to lớn của cuộc cách mạng ấy.

Hồi đó, đi Nga là một việc rất khó khăn và nguy hiểm. Sau khi Hồng quân đã đánh lui bộ đội của 14 nước đế quốc, dẹp xong bọn phản động trong nước, thì Nga lại bị các nước đế quốc bao vây chặt chẽ. Có những người như nhà thơ Pháp là đồng chí Raymông Lophevơ cùng mấy anh em công nhân mạo hiểm bí mật đi Nga, lúc về đã bị đắm thuyền chết ở biển Ban tích. Nhiều người khác đi gần đến Nga, thì bị bọn phản động quốc tế bắt và thủ tiêu...

Nguy hiểm thì không sợ. Nhưng làm thế nào để giải quyết các khó khăn. Trước hết, làm thế nào để vượt được đoạn đường từ Pari đến biên giới cho khỏi bị bọn mật thám Pháp bắt lại? Làm thế nào để xuyên qua nước Đức và nước Ba Lan?

Ngày thường gần gũi anh em công nhân, Bác biết họ rất khảng khái. Vài ví dụ:

- Trong một cuộc mít tinh ở Pari, nhằm quyên góp giúp Nga đang bị đói kém và bệnh hoạn, người diễn thuyết là bà Sovorin, đồng chí Casanh và đồng chí V. Cutuyariê. Khi nghe đến lạc quyên thì trăm người như một, trong túi có bao nhiêu rút ra quyên hết. Đó là một biểu hiện đồng tình vô sản quốc tế rất cao quý!

- Một đồng chí thợ già tên là N. làm ở nhà máy điện thường cùng Bác đi dự các cuộc mít tinh. Một hôm khi cùng nhau từ cuộc họp đi về, đồng chí thủ thi nói với Bác “Chú này! Minh suốt đời lao động, có dành dụm được chút ít tiền. Minh không vợ không con, bao giờ mình “nhắm mắt”, mình để số tiền đó giúp chú làm cách mạng...”.

Nay muốn đi Nga, thì chỉ có cách là nhờ anh em công nhân giúp. Ý định như vậy rồi, Bác tìm làm quen với anh em công nhân lái xe lửa. Sau nhiều ngày tìm kiếm thăm dò, Bác đến gặp đồng chí X làm ở đầu máy xe lửa đi Pari - Bá

Linh. Nghe nói Bác muốn đi Nga, đồng chí X. vui vẻ nhận giúp ngay. Đồng chí X nói: “Được, chúng tôi sẽ giấu đồng chí ở một chỗ trên xe, bố mật thám cũng chẳng tìm ra được! Nhưng xe chúng tôi chỉ đến Bá Linh thôi”. Nheo mắt lại nghĩ ngợi một lát rồi đồng chí X nói tiếp: “Không sao! Tôi sẽ bàn với anh em công nhân xe lửa Đức giúp cho đồng chí...”.

Thế là bước đầu thành công. Nhưng khó khăn vẫn còn không ít. Làm thế nào để bỏ rơi bọn mật thám ngày đêm theo như bóng theo hình? Anh em công nhân Đức có thể giúp, nhưng công nhân Ba Lan sẽ sẵn sàng giúp mình chăng? Và ai sẽ phụ trách tờ báo *Paria*? Các đồng chí Á - Phi người thì giúp bài, kẻ thì giúp tiền làm báo, nhưng cần có người không có gia đình bận bịu như mình để phụ trách mọi việc như đi góp tiền, đi giục bài, bí mật gửi báo đến các thuộc địa, bán báo để tuyên truyền ngay ở Paris... Thật là “ngón ngang trăm mối bên lòng”!

Quanh quẩn mấy tháng, kế hoạch chưa xong thì một hôm được Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gọi đến báo: “Đồng chí sẽ được đi dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản, với danh nghĩa là đại biểu dân tộc thuộc địa”.

Tin mừng đó làm cho Bác sung sướng ngất trời!

Bọn mật thám nắm vững “quy luật” hoạt động của Bác. Sáng đi làm công. Chiều đến thư viện. Tối dự mít tinh. Khuya về nhà ngủ...

Bác cũng nắm vững “quy luật” của chúng. Chúng chỉ theo Bác từ nhà trọ đến chỗ làm việc, đến chỗ xem sách, đến nơi hội họp. Sau đó, tin chắc rằng Bác chẳng đi đâu mất, chúng về nhà chúng để vui thú gia đình.

Hôm đó hai tay đứt túi, Bác ung dung lên xe “buýt” đi tham gia cuộc mít tinh ở ngoại ô Pari. Độ nửa giờ sau, Bác lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác một vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng, ít bị tình nghi), và một cái va ly con. Bác cố trấn tĩnh, nhưng khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp - Đức, trong ngực mới hết phập phồng.

Chấn chấn là bọn mật thám phụ trách gác Bác sẽ được quan thượng thư thuộc địa “thưởng” cho một mẻ nên thân! Mà chính quan thượng thư cũng tức mình đến “ung thư phát bối”.

Khi đi qua địa phận Đức bị quân Pháp chiếm đóng thì thấy lại những cảnh tượng thực dân. Đối với người Đức, bọn quân phiệt Pháp ở đây cũng vênh vào lên mặt, làm mưa làm gió, y như bọn Pháp ở nước ta... Có mấy người thương binh Pháp lên nhảm toa xe hạng nhất, liền bị một tên quan sáu Pháp khua ba toong đuổi xuống xe.

Tuy sau chiến tranh đã sáu năm, ở Bá Linh vẫn đói kém dữ (có lẽ ở các nơi khác cũng vậy). Người nào cũng có vẻ xanh xao vàng vọt! Nạn lạm phát giấy bạc thật là kinh khủng, sớm một giá khác, chiều một giá khác. Đưa giấy bạc

mua một tờ báo chấp nhau lại rộng hơn tờ báo! Cả gia tài Bác chỉ vền vẹn non 1.000 frăng, vậy mà tính ra tiền Đức, Bác đã trở thành người giàu bạc triệu.

TỔ QUỐC CÁCH MẠNG

Bác đến Nga vào mùa đông. Mọi vật đều bị tuyết phủ trắng xóa như một thế giới bằng bạc. Có ngày rét đến 42 độ dưới 0.

Đại hội Quốc tế cộng sản hoãn chưa khai, vì Lênin còn ốm nặng.

Hôm 21 tháng giêng 1924, một cơn gió thảm mưa sâu đã chấn động toàn thể nhân dân Nga, cũng như nhân dân lao động và dân tộc bị áp bức cả thế giới: Lênin - người thầy, người bạn, người đồng chí yêu kính của chúng ta mất rồi!

Cuối tháng 8 năm 1918, trong lúc đến nói chuyện ở một cuộc mít tinh của công nhân nhà máy tại thành phố Pêtéc-bua (nay là Leningrát), Lênin bị một tên phản động bắn bị thương nặng. Từ đó về sau, Lênin thường bị yếu, nhưng vẫn cố gắng làm việc đến hơi thở cuối cùng.

Nghe tin buồn đó, nhiều người oà lên khóc. Bác cũng khóc. Kể sao cho xiết tình thương tiếc không bờ bến của những người lao động với người thầy cách mạng vĩ đại ấy! Biền thương xót thành hành động; Lênin mất, nhưng ngọn cờ chủ nghĩa Lênin có Đảng Bônsovich anh hùng nắm vững và có hàng triệu người cộng sản khắp thế giới gương cao. Để tỏ tình đoàn kết chặt chẽ và nhiệt liệt ủng hộ Đảng của Lênin, hơn 24 vạn công nhân Nga lúc đó đã xin vào Đảng.

Bốn năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất và năm năm nội loạn, ngoại xâm đã phá hoại nền kinh tế Nga một cách cực kỳ nặng nề. Nhưng so với năm 1913 (tức là năm trước chiến tranh) thì năm 1920:

Công nghiệp nặng nói chung bẩy phần chỉ còn một;

Nghề đúc sắt chỉ còn 3% (116.000 tấn);

Than chỉ bằng một phần ba;

Dầu lửa chỉ bằng hai phần năm;

Nghề dệt vải chỉ còn 5%, phần mỗi người không đầy một thước.

Cuối năm 1924, đầu năm 1925 tuy kinh tế đã bước đầu khôi phục, nhưng mức sản xuất vẫn còn kém. So với năm 1913 thì:

Tổng sản lượng công nghiệp mới đạt ba phần tư;

Sắt mới đạt một phần ba;

Gang mới đạt một phần hai;

Giao thông vận tải mới đạt bốn phần năm;

Trong nước vẫn còn hơn mười vạn người thất nghiệp.

Từ năm 1928 bắt đầu kế hoạch năm năm lần thứ nhất rồi bắt đầu hợp tác hoá nông nghiệp. Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản và tinh thần hăng hái thi đua của nhân dân, trong khoảng mười năm, kinh tế Liên Xô đang

tiến lên vùn vụt thì năm 1939, phát xít Đức lại gây ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Giữa năm 1941, chúng tiến công Liên Xô. Trong gần năm năm, chúng đã tàn phá của Liên Xô:

1.710 thành thị

32.000 xí nghiệp

70.000 nông thôn...

Nhắc lại những khó khăn trong thời kỳ trước, để so sánh với những thành tích ngày nay, càng thấy rõ sự cố gắng và thắng lợi của Liên Xô là vô cùng vĩ đại.

Ngày Bác đến Maxcova lần đầu tiên, điều kiện đời sống của Liên Xô cũng đang rất khó khăn. Những thứ cần dùng hàng ngày như bánh mì, bơ, thịt, đường, vải v.v... đều bị hạn chế. Một thí dụ: người Liên Xô quen uống nước chè với đường, nhưng lúc đó đường rất khan hiếm. Năm thì mười họa mỗi gia đình mới được mua chút ít. Người ta phải dùng xakharini (một chất hoá học hơi ngọt) thay thế cho đường. Nhân dân phải chịu nhịn những thứ của ngon vật quý để đưa ra nước ngoài đổi lấy máy móc cho công việc xây dựng. Nhà ở cũng thiếu thốn. Tuy vậy không ai than phiền oán trách; trái lại, mọi người đều cố gắng vượt qua khó khăn để ra sức xây dựng.

Có thể nói: Hồi đó mức sống của người lao động Liên Xô và của người lao động Đức cũng kham khổ như nhau. Nhưng có những điều tuyệt đối khác nhau giữa nhân dân hai nước:

- Người Đức phải tự nhận mình là người thua trận trong cuộc chiến tranh, người Liên Xô thì tự hào mình đã thắng lợi trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người Đức thì buồn rầu. Người Liên Xô thì phấn khởi.

- Nhân dân Đức rất khổ cực, nhưng bên cạnh họ thì bọn thống trị Đức và bọn tư bản nước ngoài sống một cách cực kỳ xa hoa. Nhân dân Liên Xô thì từ trên dưới đều đồng cam cộng khổ, thắt lưng buộc bụng, đoàn kết phấn đấu để xây dựng nhà nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do đó, người Đức sống trong một bầu không khí âm đạm mịt mù. Người Liên Xô thì hăng say lao động và trông thấy trước mắt một tương lai hạnh phúc rực rỡ.

Còn bản thân Bác cũng có một sự thay đổi lớn. Từ một công nhân nghèo ở Pari sang đến Đức thoát trở nên một người "triệu phú". Từ một người có bạc triệu ở Đức sang đến Liên Xô lại trở nên một thành viên chân chính, một người anh em ruột thịt trong đại gia đình vô sản quốc tế. Bác nói: "Từ bé đến lớn chưa bao giờ thấy trong mình tự do, khoan khoái và sung sướng như lúc bấy giờ. Tuy vậy, chỉ mong Đại hội quốc tế sớm họp, để sau Đại hội thì được đi hoạt động". Trong khi chờ đợi, Bác cố gắng học hỏi và xem xét.

Một hôm Bác cùng mấy đồng chí người châu Phi đi thăm một trại nhi

đồng có độ 300 em. Mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn, nhi đồng được đặc biệt săn sóc về vật chất. Về mặt tinh thần, các em cũng rất khôn. Cùng sáng hôm đó, có mấy người viết báo Anh và Pháp đến thăm trại. Đối với họ, các em giữ đúng lễ độ. Họ hỏi câu gì, các em trả lời câu ấy, thể thôi. Các em không thích chuyện trò thân mật với những người “buốc - dôi” (tư bản).

Nhưng khi thấy Bác và các đồng chí châu Phi đến, thì các em vui vẻ chạy ra như một đàn chim để hoan nghênh nhiệt liệt các chú, các bác cộng sản.

Một em gái độ sáu, bảy tuổi, đẹp và ngoan, khế hỏi Bác: “Chú ơi, chú, mặt mũi để quốc ra thế nào? Chắc nó xấu lắm nhỉ. Cháu nghe các anh các chị nói: chúng hành hạ cả trẻ con Việt Nam, cháu ghét chúng nó lắm!... Bao giờ về nước, nhờ chú chuyển những cái hôn của các cháu cho các bạn Việt Nam nhé!”. Nói xong, em ôm choàng hôn Bác và mắt em hơi ướt vì cảm động.

Tháng sáu 1924, Đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản họp ở Maxcova, có đại biểu của 49 Đảng cộng sản đến dự.

Trong Đại hội, vấn đề quan trọng là phân tích tình hình thế giới: Hồi đó, chủ nghĩa tư bản đang đi vào thời kỳ ổn định tương đối và tạm thời. Các Đảng xã hội thuộc Quốc tế thứ hai đầu hàng giai cấp tư sản. Có Đảng cộng sản đã vi phạm một số sai lầm trong phương pháp hoạt động... Vì vậy Đại hội đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Mặt trận thống nhất giữa hàng ngũ công nhân, và yêu cầu các Đảng cộng sản theo đúng chủ nghĩa bônsovich về các mặt tư tưởng, tổ chức và sách lược.

Phát biểu ý kiến, Bác trình bày trước Đại hội tình hình chung của các nước đế quốc và các nước thuộc địa, cùng tình hình riêng của Đông Dương; nêu các việc các Đảng cộng sản đã làm được và những điều thiếu sót đối với phong trào cách mạng ở các thuộc địa. Kết luận Bác đề ra năm yêu cầu đối với Đảng Cộng sản Pháp:

- Báo Đảng thường xuyên đăng những bài về vấn đề thuộc địa.
- Tăng cường tuyên truyền và kết nạp vào Đảng những phần tử tốt ở các thuộc địa có chỉ bộ Đảng.
- Gửi một số đảng viên ở các thuộc địa đến Maxcova học.
- Tổng công hội (thống nhất) Pháp kết nạp những công nhân thuộc địa ở Pháp vào hội để giáo dục họ.
- Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Sau đại hội, những vấn đề đó đều được thực hiện dần dần.

Câu chuyện đến đó, thì trời vừa trưa, bụng cũng vừa đói, Bác bảo: “Phía tay phải đường kia có hang đá. Các chú xem thử có đúng không”. Chúng tôi chạy đến xem quả nhiên có một cái hang khá rộng, trông ra chung quanh thì “sơn thủy hữu tình”. Vào hang tạm nghỉ, chúng tôi hỏi sao mà Bác đoán biết

ở đây có hang. Bác nói: “Những ngày hoạt động bí mật ở vùng Pác Bó, thường đi tìm hang làm địa điểm, cho nên trông thấy ở đâu có rặng cây và mỏm đá hơi khang khác thì đoán biết ở đó có hang.

Chúng tôi dọn cơm nắm ra ăn. Vừa ăn được nửa chùng, bỗng nghe tiếng máy bay địch từ phía xuôi lên. Chúng tôi trèo lên núi xem, thấy cả ba chiếc, chúng lượn quanh mấy vòng rồi thay phiên nhau thả bom và bắn liên thanh xuống đường cái. Vì chung quanh nhiều rừng núi, tiếng động cơ, tiếng bom và tiếng súng dội lên ầm ầm, long trời chuyển đất. Mười phút sau, thả hết bom, bắn hết đạn, chúng lại chuẩn về xuôi.

Trận bắn phá ấy có vẻ hung tợn lắm, nhưng không kết quả gì. Khi nghe máy bay địch đến, đồng bào dân công kéo nhau đi tạt vào rừng, ngồi nghỉ chờ máy bay địch đi rồi, đồng bào lại ra đường không chút sợ hãi. Có người còn rửa địch: “Bố tiên sư nó! Nếu ngày nào chúng cũng lên, thì càng tốt, chúng sẽ tốn nhiều đạn, nhiều bom, nhiều xăng...”.

Chúng tôi đi một đoạn thì gặp một đội thanh niên đang lắp hố bom sửa đường. Bác hỏi: “Các cháu có sợ máy bay không?”. Một cô thanh niên vừa cuốc đất vừa nhanh nhẩu trả lời: “Thưa không ạ! Các cháu quen rồi. Cuộc xèng của chúng cháu đã nhiều lần thắng máy bay của giặc”.

Trước khi Bác tiếp tục kể chuyện, anh Thành đề nghị: “Nếu bác kể cho nghe những chuyện hoạt động bí mật của Bác thì chắc là thú vị lắm”.

Không đồng ý với anh Thành, bác sĩ Chân nói: “Đã là bí mật thì không nên nói công khai. Anh em cách mạng ở các nước khác có thể còn dùng những cách bí mật đó. Nói ra không lợi”.

Bác bảo: “Chú Chân nói đúng. Thôi để Bác kể những chuyện không bí mật vậy”.

*

* *

Sau đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản, Bác còn dự các cuộc Đại hội Quốc tế công hội đỏ, Quốc tế nông dân, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thanh niên, Quốc tế cứu tế đỏ (Nopr).

Ở Đại hội Quốc tế phụ nữ, Bác đã gặp nhiều nữ đồng chí Bônsovic, trong đó có đồng chí Corupxcaia (vợ Lênin). Đồng chí Corupxcaia rất chất phác, hiền lành, khiêm tốn và nói tiếng Pháp rất thạo. Đồng chí ân cần hỏi Bác về phong trào phụ nữ Việt Nam và nói cho Bác nghe một số kinh nghiệm về việc hoạt động của phụ nữ. Hồi đó, đồng chí là Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Sau các cuộc đại hội đó, Bác bí mật sang Trung Quốc. Lúc đó ở miền Bắc Trung Quốc, bọn quân phiệt Ngô Bội Thu, Đoàn Kỳ Thụy, Trương Tác Lâm... do các nước đế quốc giật dây đang đánh nhau lung tung. Ở miền Nam, Quốc

dân đảng của Tôn Trung Sơn và Đảng Cộng sản đang hợp tác chặt chẽ, do đó mà phong trào cách mạng đang lên cao. Chính phủ cách mạng (Quốc dân đảng) đóng ở Quảng Châu, đang chuẩn bị tiến quân về miền Bắc.

Bác về đến Quảng Châu thì may lại gặp các đồng chí Trung Quốc mà Bác đã quen biết lúc ở Pháp.

Ở Quảng Châu, Bác vừa làm phiên dịch cho đồng chí Bôrôđin - cố vấn Liên Xô bên cạnh chính phủ cách mạng Quốc dân đảng - vừa phụ trách tuyên truyền trong tờ báo *Canto Gazette* - báo bằng chữ Anh của trung ương Quốc dân đảng.

Đến Quảng Châu được ít lâu, Bác cùng các đồng chí Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Lê Tấn Anh... tổ chức hội “Việt Minh thanh niên cách mạng đồng chí” chuẩn bị nền tảng cho việc tổ chức Đảng Cộng sản sau này. Với sự giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hội bí mật đưa một số thanh niên trong nước đến Quảng Châu học ở lớp huấn luyện chính trị. Hội ra một tờ báo *Thanh niên* in bằng giấy sếp, bí mật gửi về trong nước để tuyên truyền.

Thế là lời đoán mò cách đây mấy năm trước của “quan thượng thư thuộc địa Pháp” đã thực hiện: Phong trào cách mạng từ Pari sang Maxcova, từ Maxcova sang Trung Quốc, từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Được các đồng chí Trung Quốc đồng ý, Bác tổ chức hội “Á Châu bị áp bức dân tộc liên hiệp”. Hội này có người Việt Nam, người Trung Quốc, người Ấn Độ, người Triều Tiên v.v... tham gia khá đông và hoạt động khá mạnh. Cụ Liêu Trọng Khải được bầu làm hội trưởng. Bác làm bí thư.

Trong thời kỳ đó, ở Hương Cảng nổ ra cuộc tổng bãi công. Các nhà máy, các bến tàu, các trường học, các chợ búa đều bãi công, bãi thị, bãi khoá. Nông dân chung quanh Hương Cảng thì cầm gậy không để tiếp tế lương thực cho người Anh. Đời sống của thực dân Anh bị tê liệt hẳn. Nhiều người Anh và người nước ngoài đã cuốn gói chuồn khỏi Hương Cảng. Cuộc bãi công gần đến thắng lợi hoàn toàn thì phải chấm dứt, vì bọn Tưởng Giới Thạch phản.

Từ năm 1925 đến đầu năm 1927, phong trào cách mạng chung tiến rất thuận lợi. Ở Trung Quốc thì quân “Bắc phạt” Quảng Đông đánh đâu thắng đó. Họ đã lấy được Thượng Hải, Nam Kinh và đang tiến thẳng lên Hoa Bắc. Phong trào công nhân, nông dân, học sinh rầm rộ khắp nơi. Ở Việt Nam, thì nhiều thanh niên được huấn luyện ở Quảng Châu đã trở về nước và hăng hái hoạt động bí mật ở nhà máy, ở nông thôn, ở trường học từ Bắc đến Nam.

Vào khoảng đầu năm 1927, bọn Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng, thẳng tay khủng bố, Đảng Cộng sản và các đoàn thể quần chúng đều phải đi vào bí mật. Hội “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí” cũng vậy. Bác cũng phải bí mật rời khỏi Quảng Châu.

Sau ngày Cách mạng tháng Mười Nga thành công, cụ Tôn Trung Sơn thấy

rõ rằng cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) chưa phải đã thắng lợi. Tuy Trung Quốc đã xoá bỏ chế độ vua chúa, nhưng vua Mãn Thanh vẫn được giữ “tiểu trào đình” ở Bắc Kinh, bọn đế quốc vẫn hoành hành, bọn quân phiệt vẫn chia nhau thống trị, công nhân và nông dân vẫn bị áp bức bóc lột như xưa.

Cụ bèn chấn chỉnh lại Quốc dân đảng và định ra ba chính sách lớn là: thân Nga, thân cộng, giúp đỡ công nông. Từ đó, lực lượng cách mạng ở Quảng Đông ngày càng phát triển.

Cuối năm 1942, cụ Tôn Trung Sơn lên Bắc Kinh đàm phán với các nhóm chính trị, nhằm tìm cách thống nhất Trung Quốc. Chẳng may cụ ốm và chết trước khi khai hội nghị. Bọn Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ lên nắm quyền lãnh đạo Quốc dân đảng và đến năm 1927, chúng ra mặt phản cách mạng. Cuộc “Quốc cộng hợp tác” lần thứ nhất tan rã. Nội chiến bắt đầu. Đảng Cộng sản tổ chức Hồng quân, lập chính quyền Xô viết ở những vùng mình chiếm được. Đến năm 1931, Nhật Bản xâm lược Trung Quốc. Bọn Tưởng Giới Thạch muốn thoả hiệp đầu hàng, Đảng Cộng sản kêu gọi chấm dứt nội chiến để toàn dân chống Nhật. Dưới sức ép của nhân dân, Quốc dân đảng buộc phải đồng ý cuộc “Quốc cộng hợp tác” lần thứ hai, nhưng bọn Tưởng - Uông vẫn có âm mưu “dùng Nhật diệt cộng”.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Năm 1945, trước thế tấn công “như chẻ tre” của Hồng quân Liên Xô, Nhật Bản thất bại phải đầu hàng và chuẩn khôi Trung Quốc. Đế quốc Mỹ giật dây, Tưởng quay lại chống cộng. Nội chiến lại bùng nổ. Sau năm năm chiến đấu vô cùng gian khổ và anh dũng, Đảng Cộng sản đã tiêu diệt năm triệu quân của Tưởng Giới Thạch, đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi Trung Quốc, và thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Hôm ấy mới bốn giờ chiều, nhưng đã đi được ngót 40 cây số, Bác và chúng tôi vào nghỉ ở một xóm đồng bào Nùng. Chúng tôi đang mở ba lô sắm sửa nấu ăn thì bỗng nghe đồng bào trong xóm gọi nhau: “Ra xem tù binh! Ra xem tù binh!” Chúng tôi cũng theo ra xem.

Một tốp hơn một trăm tên vừa quan vừa lính của tiểu đoàn Sác tông, do một tiểu đội ta giải đi, đang kéo qua làng. Số đông chúng chỉ mặc áo lót, quần lót, vì trước đây vài hôm, chúng đã bị quân ta đánh úp, không kịp trở tay, cũng không kịp mặc áo. Tên nào cũng mặt mày khờ khạo, râu ria xồm xoàm. Có tên dù không bị thương cũng giả dò đi cà nhắc. Bao nhiêu “khí thế yêng hùng” của bọn lê dương, của “quân đội Đại Pháp” đều biến mất hết. Trước kia, chúng ngang tàng dữ tợn bao nhiêu, thì bây giờ chúng càng meo mào tiều tụy bấy nhiêu, chúng đã trở nên một đàn người chằng nên người, ngợm không ra ngợm.

Trong đám chúng có một tên ở trần, áo lót cũng không có. Hoàng hôn ở vùng rừng thì trời bắt đầu rét, nó chạy co ro. Chạnh lòng thương hại, Bác cởi vạt cho nó một cái áo. Nó chấp tay vái và miệng lẩm bẩm: “Cảm ơn Ngài! Cảm

on ngài!” Bác bảo nó: “Thôi, đi đi”

Anh em bộ đội cho biết rằng: bọn tù binh Pháp sợ hãi ghê lắm. Chúng sợ chết. Theo chính sách của Đảng và Chính phủ, ta đối đãi tù binh một cách nhân đạo. Nhưng ta cho chúng ăn uống khá, thì chúng sợ rằng “Việt Minh nuôi cho béo, rồi mới giết”. Sau khi giải thích cho chúng hiểu chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, Việt Nam nhất định thắng, thực dân nhất định thua - ta thường thả một số tù binh. Được thả chúng cũng sợ rằng “Việt Minh sẽ phục kích chúng trong rừng để khỏi phải nuôi tốn gạo”. Sở dĩ như vậy là vì đã bị thực dân tuyên truyền nhồi sọ: “Lính Pháp thả chết còn hơn, nếu lọt vào tay Việt Minh thì sẽ bị móc mắt, cắt tai, chặt đầu, mổ bụng...”.

Những tù binh được ta thả, về đến đơn vị chúng bị nhốt lại rồi tổng về Pháp ngay. Bọn chỉ huy Pháp sợ họ tuyên truyền chống chiến tranh.

Dù sao, chính sách nhân đạo của ta đã có ảnh hưởng tốt nhất là đối với binh lính người châu Phi. Từ khi họ biết ta đối đãi tốt những tù binh người Phi, thì trong các cuộc càn quét họ không hung ác như trước, có khi họ còn tỏ đồng tình với đồng bào ta...

Tối hôm nay, chúng tôi nghỉ ở nhà cụ Thềng, đồng bào Nùng. Nhà sàn rộng rãi, sạch sẽ, nhưng trống trải. Như để trả lời câu hỏi mà chúng tôi chưa thoát ra, cụ Thềng nói: “Vùng này đồng bào triệt để làm “vườn không nhà trống”. Cửa cải, lương thực đều đưa hết vào lán trong rừng, phòng giặc Pháp cướp phá. Bây giờ giặc thua rồi, ta thắng rồi, đồng bào bắt đầu dọn về nhà...”

Cụ Thềng đã ngoài 60 tuổi, nhưng vẫn mạnh khỏe và nhanh nhẹn. Qua câu chuyện, chúng tôi được biết rằng cả nhà này đều tham gia kháng chiến. Cụ Thềng là phó đội trưởng du kích xã. Cụ bà là “mẹ chiến sĩ”. Anh cả đã hy sinh oanh liệt trong trận đầu tiên trên đường số 4. Anh hai và anh ba đang ở bộ đội. Hai cô dâu đều là đội viên dân quân du kích. Cô Kim, con gái thứ tư làm y tá, rất gan dạ trong khi cứu chữa thương binh, đã được khen thưởng nhiều lần. Con trai thứ năm là em Pôn, mười ba tuổi và con gái út là em Hoà mười tuổi, đều làm “Liên lạc viên”.

Thật là “một nhà trung hiếu, muôn thuở thơm danh”. Độ bảy giờ tối, ông cụ mang súng đi tuần, Pôn và Hoà đi học, tay cắp sách, tay xách đèn - cái đèn thắp dầu hoả, làm bằng lọ mực. Khắp vùng này cũng như ở nhiều nơi khác, để tránh máy bay địch, trường học chỉ dạy ban đêm. Khoảng bảy giờ tối, từng đoàn nhi đồng dắt tay nhau đi học, em nào cũng xách một cái đèn. Từ xa trông lại, hàng chục cái đèn biến thành con rồng lượn trên đồng lúa, nương bông. Vừa vui mắt, vừa cảm động. Cảm động vì gặp hoàn cảnh khó khăn mấy con em ta cũng vẫn cố gắng học.

Cũng như thường lệ, sáng hôm nay, chúng tôi dậy sớm (cả nhà cụ Thềng đã đi công tác từ lâu); nấu cơm gói vào cái mo cau để ăn trưa, Bác cháu mỗi

người ăn một bát lót bụng rồi thong thả lên đường.

Ở vùng này lúc hoàng hôn và lúc tảng sáng, phong cảnh rất nên thơ. Gió rừng thổi vi vu làm các nhánh cây đu đưa một cách nhẹ nhàng, yếu điệu. Mặt trời chênh chênh rọi xuống, biến ức triệu giọt sương trên lá cây ngọn cỏ thành những hạt ngọc nhấp nháy, lung linh. Những con suối trong vắt chảy róc rách, hoà vãn với giọng ca hót líu lo của hàng nghìn hàng vạn chim rừng. Nhiều khi người ta ngửi thấy mùi thơm của hoa và nhựa cây từ xa bay đến, phảng phất và nhẹ nhàng. Trên trời xanh biếc có vài đám mây trắng đùng đùng bay, giống hệt những chiếc thuyền buồm khoan thai lướt trên mặt biển. Bên ven rừng, hàng vạn con bướm nhỏ nhỏ vàng vàng bay phấp phới như muốn thi đua với khách đi đường. Như để làm phong cảnh thiên nhiên càng thêm màu thêm vẻ, mấy chú bé cười trên lưng những con trâu béo núc na núc ních, em thì hò hát, em thì giơ sách chăm chú ôn lại bài học tối hôm qua. Khó mà nói đó là bài thơ trong bức vẽ, hay là bức vẽ trong bài thơ.

Trong những lúc đó, nếu không gặp những tốp tù binh Pháp, không gặp những đơn vị bộ đội ta đang phấn khởi tiến lên mặt trận và đồng bào dân công đang hăng hái vận tải tiếp tế - thì người ta có cảm giác đang sống trong một thế giới thái bình.

*
* *

Tiếp tục câu chuyện hôm qua, Bác nói: Tuy bọn Quốc dân đảng khủng bố tợn, Bác vẫn nán lại ở Quảng Châu một thời gian. Vì Bác cần bí mật liên lạc với các đồng chí Trung Quốc, và cần duy trì công việc của hội “Thanh niên cách mạng đồng chí”. Nhưng một đêm đã canh khuya, vào đầu tháng năm 1927, đồng chí Lĩnh (người Việt Nam tốt nghiệp tại Trường quân quan Hoàng Phố, làm việc ở sở Công an) đến báo tin: “Chúng sắp bắt anh đấy! Tính thế nào, anh phải tính nhanh đi!”, “36 chước, chước “chuồn” là hơn”. Bác liền bí mật đi Hương Cảng.

Đến Hương Cảng, bị sở mật thám Anh xét hỏi. Cũng như đối với mật thám Pháp, mật thám Ý, lần này gặp mật thám Anh, Bác cũng đối phó xong xuôi, dù lần này khó khăn hơn nhiều. Chúng bảo Bác phải rời khỏi Hương Cảng trong 24 giờ.

Lên Thượng Hải, bọn Quốc dân đảng cũng khủng bố gắt. Để che mắt mật thám, Bác mặc thật bảnh, ở khách sạn thật sang. Nhưng mưu mô ấy không thể kéo dài, tốn tiền quá.

Chỉ còn một cách là chạy về Tổ quốc cách mạng - chạy về Liên Xô. Bác làm việc một thời gian ở Maxcova, và ở Bá Linh rồi ở Pari. Cố nhiên lần này không đến gặp quan thượng thư thuộc địa, và phải hết sức khéo léo tránh mặt

những người “bạn” mật thám Pháp đã quen thuộc Bác năm xưa... bác được phái đi dự cuộc hội nghị quốc tế “chống chiến tranh đế quốc” ở Borucxen, thủ đô nước Bỉ. Đến ga xe lửa, thì Bác gặp đồng chí Xan Catadama - người sáng lập Đảng Cộng sản Nhật. Vì tuổi già, đồng chí được đoàn thể cấp cho vé hạng sang nhất. Khi thấy Bác đi hạng ba, đồng chí cũng quyết đi hạng ba, mặc dù Bác khẩn khoản mời đồng chí cứ đi hạng nhất cho khoẻ khoắn. Đồng chí Xan Catadama là một người thợ nhiều nghề, đấu tranh đã nhiều, lênh đênh không ít. Tính rất kiên quyết, đồng thời rất hiền lành.

Đến dự đại hội có nhiều đại biểu các nước thuộc địa, và đại biểu mấy Đảng cộng sản các nước đế quốc. Ở hội nghị Bác có gặp người chiến sĩ lão thành yêu nước là cụ Nêru - thân sinh ra thủ tướng Nêru.

Sau hội nghị ít lâu, Bác đi Thụy Sĩ, sang Ý để dần dà đi về Tổ quốc.

Thụy Sĩ là một nước nhỏ, chỉ rộng hơn 41.000 cây số vuông, với hơn năm triệu dân. Vì ở giữa ba nước Pháp, Đức, Ý cho nên người Thụy Sĩ nào cũng biết ba thứ tiếng, nói chung thì trình độ văn hoá khá cao. Phong cảnh rất đẹp: có núi Anpơ cao hơn 4.000 thước và tuyết phủ suốt đời. Có hồ Gionevơ mênh mông, dài 70 cây số, rộng 12 cây số, sâu hơn 300 thước... Mỗi năm có hàng chục vạn người nước ngoài đến thăm; “lữ hành” là một nguồn lợi lớn, được coi như một công nghiệp.

Hồi đó, nước Ý đang bị bọn phát xít Mutxôlini thống trị (Mutxôlini cướp chính quyền năm 1922, bị nhân dân xử tử năm 1945). Ở các hiệu buôn, các trường học, các cơ quan, các nhà tù, hai bên đường... nơi nào cũng có treo ảnh Mutxôlini, với những áo mũ khác nhau. Khi thì như đồ đốc Hải quân. Khi thì như đại nguyên soái. Khi thì như tổng tư lệnh Không quân. Khi thì như quận công - thủ lĩnh tối cao của Đảng phát xít... Nhưng bộ mặt vênh vang để ghét thì bao giờ cũng không thay đổi.

Khi Bác xin giấy phép đi qua nước Ý, cơ quan phát xít hỏi nhiều câu lời thôi. Đến biên giới, công an biên phòng phát xít giờ xem quyển “tự điển chống cộng quốc tế” dày khoảng 2.000 trang ghi tên tuổi những người cách mạng các nước, từ A đến Z. Không thấy tên mới của Bác trong đó, chúng chào lễ phép và nói: “Mời ông cứ đi!”.

Đến phía Bắc nước Ý, Bác ghé vào xem hội chợ ở Milan, một thành phố buôn bán phồn thịnh nhất nước Ý. Ở đó có một cái tháp cao, ai muốn lên tháp xem phong cảnh xung quanh thì phải mua vé. Bác chào ông cụ già gác tháp và hỏi bằng tiếng Ý: “Sao cụ, đời sống thế nào?”. Nhìn trước nhìn sau không có ai, ông cụ thở dài và nói: “Ồ! Khổ lắm ông ơi! Biết bao giờ sẽ chấm dứt chế độ này...”.

Khi đi xem phong cảnh thủ đô Rôma, Bác bị hỏi giấy và bị đưa về Sở Công an. Cũng nhờ bị bắt mà Bác hiểu thêm cách thống trị của phát xít. Trên các

đường phố cứ cách độ trăm thước, thì có một tên mật thám. Cách 500 thước thì có một tên tổ trưởng mật thám. Tên mật thám hỏi giấy và bắt Bác hầu như mù chữ. Tại sở mật thám, chúng ra vẻ lễ độ. Tên trưởng phòng đứng dậy bắt tay Bác, mời Bác ngồi và mời Bác hút thuốc; rồi hỏi những câu băng quơ. Người ít kinh nghiệm thì dễ rơi vào cạm bẫy của chúng.

Rôm là một thủ đô khá đẹp, với khoảng hai triệu nhân dân, có nhiều di tích lịch sử gần 3.000 năm. Hầu như đường phố nào cũng có một nhà thờ công giáo, hoặc to hoặc nhỏ. Thành phố xa hoa nhộn nhịp “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”. Nhưng người thường dân thì cực khổ vì giá sinh hoạt đắt đỏ và thuế khoá nặng nề. Ngủ khách sạn một đêm cũng phải nộp thuế. Ăn một đĩa xúp cũng phải nộp thuế. Đi xem chiếu bóng cũng phải nộp thuế. Một bạn công nhân Ý nói khê với Bác: “Người Ý tức lúc còn ở trong bụng mẹ cho đến khi vào quan tài, động một chút là phải nộp thuế.

Bên cạnh Rôm có thành phố Vatican - là cung điện của Giáo hoàng, đại bản doanh của đạo Thiên Chúa. Ở đó có nhiều nhà thờ và lâu đài rất nguy nga đồ sộ. Bộ đội của Giáo hoàng canh gác nơi đây vẫn ăn mặc như lính phong kiến cách đây hơn 300 năm, khi nhà thờ đòi đốt sống Galilê⁽¹⁾ nếu ông không chịu bỏ cái lý thuyết rằng quả đất xoay vần.

Rất đông khách nước ngoài đến xem Vatican nhất là những ngày có cúng lễ lớn thì có đến hàng chục vạn người. Dân cư chính cống ở thành phố này không đầy 1.000 người, số đông là nhân viên của toà thánh. Viện bảo tàng có trưng bày những gông cùm mà trước đây nhà thờ dùng để phạt những người dân thiếu thuế, thiếu nợ. Có một cái guồng xe như một cái đu tiên, người ta trói ngựa người bị phạt vào đó, cột chặt mình mấy và chân tay vào guồng xe, rồi vừa đánh vừa quay tít thò lò...

Bác đến cửa biển Naples, đi xem núi lửa Vêxuvơ và di tích Pompêi. Đời xưa, Pompêi là một thành phố nghỉ mát của người Rômanh. Cách đây khoảng 1.880 năm, Pompêi bất thình lình bị tro và bùn núi lửa Vêxuvơ vùi lấp hết. Về sau người ta đào lên dần dần. Ngày nay dấu tích nhà cửa vẫn còn. Nhiều bức vẽ trên tường ghi tả đời sống xa hoa đậm dặt của bọn quý tộc - màu sắc vẫn còn tươi đẹp. Núi lửa Vêxuvơ không dữ tợn như trước, nhưng vẫn phun khói mù trời.

Bác đáp tàu Nhật Bản đi sang Xiêm. Ở Xiêm Bác giúp triều đình chấn chỉnh đồn thêm những đoàn thể yêu nước, và tổ chức thêm trường học dạy các trẻ em. Triều đình ở Xiêm có thể chia làm ba hạng (A) là những đồng bào nghèo - số đông từ hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị sang Xiêm buôn bán kiếm ăn. (B) là

(1) Galilê (1564 - 1642) nhà thiên văn học, nhà vật lý học Ý. Ông đã đem sự khảo cứu vũ trụ một cách khoa học để đối lập với Thánh kinh, đấu tranh với Giáo hội, với triết học kinh viện, với chủ nghĩa ngu dân... Năm 1633, ông bị đưa đi xét xử trước toà án của Giáo hội và bị giam cầm đầy đọa cho đến chết.

cháu chất những đồng bào theo đạo Thiên chúa bị triều đình Minh Mạng và Tự Đức khủng bố chạy trốn sang Xiêm. (C) là những người tham gia phong trào Văn thân ngày trước và phong trào cách mạng ngày nay, bị thực dân Pháp khủng bố mà chạy sang đây. Khi đồng người thì ở tập trung thành xóm, ít người thì ở xen lẫn với kiều bào cũ.

Nói chung, kiều bào đều đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, nhớ thương Tổ quốc, và căm thù thực dân. Có những cán bộ rất tận tụy và được đồng bào tin cậy.

Bà con Xiêm đối với đồng bào ta cũng tử tế. Chuyện sau đây chứng tỏ cảm tình tốt của người Xiêm đối với kiều bào: Cụ Tú Hứa (em cụ Đặng Nguyên Cẩn) là một người cách mạng già rất gương mẫu. Một hôm thực dân Pháp phái chủ mật thám sang yêu cầu chính phủ Xiêm bắt giam cụ Tú cho chúng. Viên quan địa phương cho mời cụ Tú đến trụ sở và hơn mười cụ già Xiêm đều da đen, người thấp, râu bạc, giống hệt cụ Tú, rồi bảo tên mật thám Pháp: “Đấy ông xem ai là Tú Hứa thì ông bắt đi. Nhưng nếu ông bắt nhầm người công dân Xiêm, thì ông sẽ phải chịu pháp luật quốc tế!” Tên mật thám nhìn kỹ, thấy ông già nào cũng giống nhau, nó không nhận ra ai là cụ Tú. Kết quả là nó phải cụp đuôi chuồn không dám bắt ai.

Ở Xiêm khoảng một năm, Bác được tin hội “Thanh niên cách mạng đồng chí” chia rẽ thành ba phái và tổ chức ba đảng cộng sản khác nhau. Nóng ruột, Bác lại bí mật trở về Trung Quốc, và mời đại biểu ba phái đến Hương Cảng họp hội nghị. Đến dự có Bác và các đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Tân Anh, Nguyễn Đức Cảnh...

Để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh “ma chược” ở khách sạn, hôm thì đến sân vận động xem đá bóng. Sau mấy buổi bàn cãi sôi nổi, đến ngày 3 tháng 2 năm 1930 (vào dịp tết âm lịch) ba phái đều đồng ý thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi người đều vô cùng vui mừng, phấn khởi. Để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi một bữa Tết Nguyên đán vừa tiết kiệm, vừa linh đình.

Bác nói: từ năm 1918, Bác gửi cho Hội nghị Vecxây (Hội nghị hòa bình giữa các nước dự cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất họp ở Pháp) tám khoản yêu cầu của nhân dân Việt Nam, đến năm 1920 - vào Đảng Cộng sản Pháp, đến năm 1924 - dự đại hội lần thứ năm của Quốc tế cộng sản và năm 1930 - dự cuộc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là những ngày sung sướng nhất trong đời Bác.

Từ đó, giai cấp công nhân Việt Nam có đảng tiên phong, và ngay từ đầu Đảng đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng. Tin mừng về việc thành lập một Đảng cộng sản thống nhất làm cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân ta vô cùng phấn khởi, và từ đó cuộc vận động cách mạng ào ạt tiến từ Bắc đến Nam.

Sau đó, Bác sang Xiêm và Mã Lai... Trở lại Hương Cảng được ít lâu, thì

bị đế quốc Anh bắt giam.

Nghe câu chuyện đến đây chúng tôi rất hồi hộp. Nhưng xem đồng hồ vừa đúng 11 giờ. Cũng vừa gặp một con suối quanh co với những tảng đá lộ nhô, nước chảy trong vắt; hai bên bờ có nhiều cây cổ thụ rải bóng mát êm đềm như những bức màn khổng lồ. Thiên nhiên như tỏ ý ân cần mời khách đi đường tạm nghỉ bước. Bác cháu chúng tôi ăn xong cơm nắm, rồi với thú vị “màn trời chiếu đất” ngủ trưa một giấc ngon lành.

*
* *

Chúng tôi hồi hộp nghe Bác kể chuyện *bị bắt ở Hương Cảng* như sau:

Ngày xưa, giai cấp thống trị nước Anh có truyền thống đối đãi “khoan hồng” với những người cách mạng nước ngoài. Ví dụ:

- Người cộng sản của chúng ta là Các Mác bị chính phủ Đức đuổi ra khỏi nước, rồi bị chính phủ Pháp đuổi. Nhưng đến Luân Đôn thì chính phủ Anh để ông Mác ở yên suốt đời.

- Sau khi Công xã Pari thất bại (1871) bọn phản động Pháp khủng bố dữ. Nhiều lãnh tụ Công xã lánh nạn sang Anh, chính phủ Anh cũng để cho họ làm ăn yên ổn.

Tháng bảy 1903, đại hội lần thứ hai của Đảng công nhân xã hội dân chủ nước Nga - họp ở Luân Đôn. Khi đại hội hết tiền ăn, một người tư sản Anh đã cho đại hội mượn tiền để tiếp tục khai hội.

Đối với những người cách mạng nước ngoài, chính phủ chỉ đặt một điều kiện: “Các người tuyệt đối chớ động đến nội chính của nước Anh”.

Nhưng từ ngày Cách mạng tháng Mười thành công, cộng sản trở nên một phong trào mạnh trên thế giới thì giai cấp thống trị Anh không “dễ dãi” với những người cộng sản.

Bác nói tiếp: “Hoạt động cách mạng bí mật phải hết sức cẩn thận để tránh bị bắt. Nhưng đồng thời luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng đối phó nếu không may mà bị bắt. Nếu bị bắt thì nguyên tắc bất di bất dịch: “Thà chết chứ quyết không nói gì, làm gì có hại cho cách mạng”.

Năm 1931 là năm phong trào chống Nhật lên cao trong quần chúng nhân dân Trung Quốc, cũng là năm Quốc dân đảng và bọn đế quốc khủng bố tợn. Những người cách mạng bị bắt ở Trung Quốc, ở Philíppin, ở Mã Lai, ở Hương Cảng... các đồng chí Việt Nam như Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Thị Minh Khai v.v... người thì bị bắt ở Hương Cảng, người thì bị bắt ở Thượng Hải, ở Quảng Châu.

Ngày 6 tháng sáu 1931, Bác bị bắt ở nhà số 186, phố Tam Lung (Cầu Long). Sau đó, cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy suốt mấy tuần, hòng đặt “bẫy chuột” để bắt các đồng chí qua lại với Bác. Nhưng kết quả không bắt

được ai. Gian nhà Bác ở thì bị chúng lật hết từng bức tường, từng viên gạch, dùng chất hoá học nghiên cứu, để tìm tài liệu bí mật. Nhưng cũng không tìm được gì.

Những người cách mạng Trung Quốc bị bắt ở Xiêm, Mã Lai, Philippin và các nơi khác đều bị đưa về Hương Cảng. Đối với họ cũng như đối với những người cách mạng bị bắt ở Hương Cảng, đế quốc Anh chỉ giam giữ ít lâu, tra khảo lấy khẩu cung, rồi đuổi ra khỏi Cảng, chứ không phạt tù đầy.

Thật là “khoan hồng”! Nhưng một khi bước chân xuống thuyền (Hương Cảng là một hòn đảo, chung quanh là biển, muốn đi bất cứ nơi nào khác, cũng phải đi thuyền), thì hầu hết những đồng chí được “trực xuất cảnh” đều bị bọn đặc vụ Quốc dân đảng bắt ngay.

Bác vào nhà giam vài hôm thì đồng chí Hồ Tùng Mậu bị đưa ra nhà giam để “trực xuất cảnh”. Nhân dịp đó, đồng chí Mậu báo cho luật sư Lôđobi (chủ nhiệm công ty luật sư RUSS, của người Anh) biết tin Bác bị bắt, và nhờ ông ta giúp Bác.

Ông Lôđobi vào nhà giam gặp Bác và nói ông sẽ ra sức cãi hộ cho Bác.

Bác nói không có tiền để trả phí tổn cho công ty

Ông Lôđobi nói: “Tôi biết ông là một lãnh tụ cách mạng Việt Nam. Tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền...”

Từ đó, vợ chồng ông Lôđobi hết lòng giúp đỡ Bác về đời sống trong nhà tù cũng như về vụ án kiện. Cũng do ông Lôđobi mà các đồng chí Pháp và Hội quốc tế Cứu tế đỏ biết rõ tình hình Bác.

Được tin Bác bị bắt, thực dân Pháp ở Việt Nam vui mừng và hoạt động tợn. Chúng phải cả một bầy mật thám sang châu chực ở Cảng. Chúng vận động chính phủ, toà án và cảnh sát Anh dùng mọi cách để trao Bác cho chúng. Chúng phải tàu thủy chờ sẵn ở Cảng, nếu toà án ký lệnh “trực xuất” là chúng tóm Bác đưa lên tàu chở về Việt Nam ngay. Chúng cho rằng lần này chúng sẽ thực hiện được lời đe dọa của quan thượng thư thuộc địa đã nói mười năm trước đây: tức là bẻ gãy những người cách mạng Việt Nam. Chính phủ Cảng cũng muốn bí mật trao Bác cho thực dân Pháp. Nhưng luật sư Lôđobi làm cho việc Bác thành ra công khai và đội Toà án tối cao phải xét xử.

Một mặt do bọn thực dân Pháp tuyên truyền Bác là một người bônsovich cực kỳ nguy hiểm; mặt khác do công an Cảng vu cáo Bác có âm mưu lật đổ chính quyền người Anh ở xứ này - thành thử dư luận cho rằng đây là một vụ án quan trọng nhất từ trước đến nay chưa từng có ở Cảng.

Từ tháng sáu đến tháng chín, toà án họp 9 phiên họp. Mỗi phiên họp đều có cảnh sát vũ trang Anh và Ấn Độ gác khắp các cửa ra vào.

Trong các phiên toà có nhiều quan chức cao cấp đến xem. Vai chính là:

- 2 vị chánh án và phó án

- 2 vị công tố, thay mặt “Nhà vua” buộc tội.
- 2 vị luật sư cãi hộ Bác.

Các vị này đều mặc áo thụng đen và mang tóc giả theo lối đời xưa. Trên bàn trước mặt mỗi vị có những chồng sách to tướng về luật lệ. Họ luôn luôn giở sách ra để dẫn chứng những lời họ trình bày. Thật là “nói có sách mách có chứng”.

Ông Lôđôbi ngồi ở bàn và Bác ngồi trong vành móng ngựa đều không nói được gì hết. Khi muốn trao đổi ý kiến với nhau hoặc với thầy kiện thì chỉ viết tóm tắt trên một miếng giấy nhỏ

Lý lẽ của các thầy kiện tóm tắt là:

1. Việc bắt giam Bác là *trái phép*, vì Bác bị bắt giam từ hôm 6 tháng sáu 1931, nhưng đến hôm 12 tháng sáu, tổng đốc Anh mới ký lệnh chính thức cho phép bắt.

2. Người công chức lấy cung đã làm *trái phép* vì y đã hỏi Bác những điều ngoài khuôn khổ pháp luật đã quy định hỏi.

3. Buộc Bác phải đáp tàu Pháp đi về Đông Dương tức là cố ý giao Bác cho Pháp để chúng giết Bác, thế là *trái phép*.

Hai điểm trên, chính phủ và công tố đã phải nhận sai lầm. Nhưng quan toà và công tố vẫn quyết định đuổi Bác về Đông Dương.

Ông Lôđôbi chống án lên “Hội đồng Nhà vua” và nhờ luật sư Nôoen Pôrit (Nowel Pritt) ở Luân Đôn cãi hộ cho Bác.

Khoảng cuối tháng giêng 1933, gần Tết âm lịch, “Hội đồng nhà vua” xoá án và ra lệnh: Cho phép Bác tự do đi đâu thì đi, miễn là ra khỏi Hương Cảng.

Thế là thắng lợi bước đầu! Nhưng đi đâu? Đi thế nào cho thoát? Nếu không khéo thì ra khỏi nhà giam sẽ rơi vào tay thực dân Pháp.

Bà Lôđôbi nhờ một người bạn mua hai vé tàu thủy hạng nhất...

Hôm đó, một chiếc tàu nước ngoài (từ Hương Cảng qua Thượng Hải đi Nhật Bản) mới nhổ neo đi ra biển độ ba cây số thì được lệnh phải đỗ lại...

Chiếc canô riêng của tổng đốc Hương Cảng đưa một vị thân sĩ Trung Quốc vào một phòng hạng nhất trên chiếc tàu ấy...

Tàu đến Hạ Môn thì vừa đúng Tết âm lịch. Nhận lời mời của bầu bạn, vị thân sĩ Trung Quốc lưu lại *ăn Tết ở Hạ Môn*.

Sau khoảng 20 tháng gian lao nguy hiểm, một lần nữa Bác lại thoát khỏi âm mưu độc ác của bọn thực dân Pháp và tạm thời đánh lạc hướng của chúng.

Thắng lợi lần này phần lớn là nhờ sự hết lòng giúp đỡ của ông bà Lôđôbi.

Tức tối vì không bắt được Bác, giận giữ đối với người Anh, các báo thực dân Pháp bịa đặt ra tin rằng: Bác mắc bệnh lao trong nhà lao Anh, và đã chết rồi.

Các báo Anh liền quật lại, đại ý như sau:

“Các anh là những người hèn hạ, ngấm máu phun người. Các anh run sợ

trước một người cách mạng Việt Nam nhưng không làm gì được. Người cách mạng đó đã được toà án Anh tha rồi và đã xa chạy cao bay. Vì các người muốn bôi nhọ công lý và danh dự của người Anh, mà bịa đặt rằng người cách mạng đó chết là vì bị người Anh giam giữ. Sự thật là người Việt Nam ấy vẫn sống. Mà sự hy vọng của các anh thì chết rồi”.

Các báo Anh nói thêm: Việc người cách mạng Việt Nam được trắng án là một danh dự lớn cho luật sư Lôđôbi và của công lý nước Anh. Nhưng thiên hạ cũng phải nhận rằng một người Việt Nam ấy được may mắn còn biết bao nhiêu người khác không được may mắn mà bị xử oan.

Nghe câu chuyện đến đây, anh em chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng cả người. Một lần nữa Bác lại thoát khỏi cơn nguy hiểm, bác sĩ Chân liền hỏi:

“Thưa Bác, trong khi bị bắt giam, tình trạng tinh thần và vật chất của Bác thế nào?”.

Bác xem đồng hồ nói: “Sáng nay, chúng ta đã đi được nửa đường rồi. Các chú xem có chỗ nào tốt, chúng ta nghỉ chân và ăn cơm, rồi Bác sẽ tiếp tục kể chuyện”.

*

Khám lớn Hương Cảng rất to rộng, gọi là ngục Vichôria. Vichôria là tên một vị vua đàn bà Anh nổi tiếng, trị vì 64 năm, thọ 82 tuổi (1819 - 1901).

Nhà giam Bác có ba tầng, mỗi tầng xây hai dãy xà lim. Cách xây dựng xà lim không giống kích thước phổ thông chút nào! Bề cao 3 thước tây, mà bề ngang chỉ hơn 1 thước, bề dọc không đầy 2 thước, bề rộng chỉ vừa một người nằm xiên xiên. Cao chót vót trên đầu tường chỉ có một cái cửa sổ nhỏ hình nửa mặt trăng lơ mờ, bị song sắt và lưới sắt bung bít. Ban ngày, từ cửa sổ ấy ánh sáng lọt vào xà lim một cách rụt rè, bỡ ngỡ. Cửa xà lim bằng ván gỗ dày độ một gang tay và bọc sắt, ở chỗ cao ngang đầu người có một lỗ tròn, phía trong rộng phía ngoài hẹp; như một cái loa.

Chốc chốc tên lính gác ngục (người Ấn Độ, người Xic và người Anh) ghé mắt vào lỗ, xem xét tình hình người tù trong xà lim.

Mỗi ngày, tù được ra ngoài xà lim 15 phút; đi dạo quanh một cái sân hẹp. Bốn phía sân đều là nhà giam cao ngất ngểu với những bức tường kín mít, âm u, người ta cảm thấy như đi dạo chơi dưới đáy một cái giếng. Ngừng đầu lên thì chỉ trông thấy trời rộng bằng một chiếc khăn tay. Ở trong xà lim ngột ngạt, ra ngoài xà lim cũng vẫn ngột ngạt.

Mỗi ngày ăn hai bữa cơm gạo xay, một phần tư là thóc. Hôm nay thức ăn bữa sáng có rau muống, bữa chiều có mắm thối hoặc cá ươn. Hôm sau thay đổi “khẩu vị”, bữa sáng có mắm thối hoặc cá ươn, bữa chiều có rau muống. Mỗi tuần được ăn một bữa tiệc: một phần cơm trắng cùng vài miếng thịt bò.

Cùng giam với Bác đều là những người bị bắt vì chính trị, những người phạm tội khác bị giam riêng. Dù cực khổ và có lẽ cái chết treo sau ót, những người tù cách mạng không hề tỏ vẻ lo sợ, họ vẫn vui cười như thường. Tối nào, đến giờ đi ngủ, họ cũng hát vang Quốc tế ca và nhiều bài hát cách mạng khác, bắt chập bọn lính gác ngục đe dọa la lối om xòm.

Đời sống vật chất trong nhà tù, tóm tắt là như vậy. Mấy tháng về sau, vì sức yếu và nhờ có ông Lôđôbi vận động, Bác được đưa vào nhà thương, điều kiện ăn ở có dễ chịu hơn.

Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là lo. Không phải lo số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết rằng kết quả cuối cùng chỉ có thể: hoặc là sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu; hoặc là sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình chưa làm xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm của mình đã gom góp được làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác? Những mối manh và những địa điểm chỉ có mình biết, từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Đảng ta tuy mới thành lập, nhưng uy tín đã cao, đấu tranh đã mạnh, giai cấp công nhân đều trông vào sự dìu dắt của Đảng; đồng thời bọn thực dân ra tay khủng bố, nhiều đồng chí bị bắt và bị hy sinh, nhiều tổ chức bị phá vỡ, từ nay công tác của Đảng sẽ tiến hành ra sao? Ai sẽ hướng dẫn những người đảng viên mới, những chiến sĩ mới anh dũng có thừa kinh nghiệm còn thiếu? Lo hết việc này lại lo đến việc khác. Chỉ lo suông mãi không giải quyết được cho nên:

Ngổn ngang trăm mối bên lòng

Ngủ không yên giấc, ăn không ngon mồm

Lo chán lại đặt kế hoạch. Nếu được trở lại tự do, đối với công việc Đảng ta sẽ tăng cường điểm này; cuộc vận động công nhân và nông dân ta sẽ cải tiến chỗ nọ; việc tổ chức thanh niên và phụ nữ ta phải sửa đổi chỗ kia... Biết bao nhiêu là kế hoạch. chủ quan, mình tự đặt ra, rồi mình lại thảo luận, bàn cãi với mình. Nếu người ngoài nhìn thấy vậy có thể cho Bác là đang trí, lảm cảm. Sự thật là một người đang hoạt động sôi nổi, bỗng nhiên bị nhốt lại một mình trong một cái xà lim âm thầm kín mít, ngày này qua tháng khác không được nói năng gì với ai, không được nói năng gì với mình - trong hoàn cảnh đó, muốn cho khỏi đang trí thì chỉ có một cách là đặt ra chuyện mà lo tính và tính lo cho khuây khoả và giữ cho đầu óc cứ hoạt động như thường.

Còn một cách tiêu khiển nữa là gây chiến tranh với rệp, hoặc là xem kinh thánh Cơ đốc. Kinh thánh Cơ đốc là một thứ sách được khuyến khích xem trong nhà tù. Dù sao, đối với công cuộc và tương lai của cách mạng, Bác quyết định không hề bi quan, luôn luôn lạc quan.

Hồi đó, ở khám lớn Vichitôria có vài chuyện khá thú vị:

- Anh Lý bị án 7 năm tù (không rõ vì sao) còn 5 tháng nữa là hết hạn. Lý

được đưa vào làm (khổ sai) ở xưởng may áo của nhà tù. Ở xưởng này có một tên cai người Anh rất hung ác. Lý nói: “Ta quyết giết chết thằng ác ôn này, để anh em đỡ khổ với nó”. Một hôm tên cai ấy đang đánh đá túi bụi một bạn tù, thì Lý cầm một chiếc kéo to thọc nó lòi ruột. Lý lại bị đưa ra toà và chịu thêm 7 năm tù nữa. Từ đó bọn gác ngục không dám lại gần Lý. Còn anh em tù thì đều gọi Lý là anh hùng.

- Cũng trong thời gian đó, Trịnh Quốc Dậu, con một Hoa kiều triệu phú, vì giành nhau một cô gái nhảy mà phạm tội giết người. Bị tổng vào khám Vichitôria. Vì “công tử” không ăn được cơm gạo xay như mọi người tù khác, nó được phép nhận cơm ở nhà đưa vào. Cơm ở ngoài đưa vào thì phải kinh qua những người tù làm “coóc - vê” chuyển đến cho Dậu. Những người tù này nói với nhau “Bồ ồ nó ăn sung mặc sướng nhiều rồi. Nhân dịp này chúng mình chia chút đỉnh cho anh em tù nghèo cùng nếm”. Thế là hầu hết nem, chả, vật lạ, của ngon không đến miệng Dậu, Dậu tức lắm nhưng không dám mở mồm.

- Anh em tù (đã thành án) bãi công, bãi thực để đòi cải thiện chế độ giam cầm. Chủ ngục dùng cách khủng bố, đánh đập từng người. Nhưng hễ một người tù bị đánh đập thì tất cả những người khác la om sòm. Khi đêm khuya thanh vắng, họ cùng nhau kêu van: “Đói lắm trời ơi! Khổ lắm trời ơi!” làm chấn động cả khu phố. Muốn đầu dụ, chính phủ Hương Cảng bảo một nhóm thân sĩ Hoa kiều vào khám lớn khuyên dỗ anh em tù... Có một thân sĩ khi đứng đằng xa thì nói to: “Anh em nên chấm dứt cuộc bãi công, bãi thực đi. Nhà nước sẽ đáp ứng những lời yêu cầu của anh em... “Nhưng khi đến gần anh em, thì vị thân sĩ ấy nói khẽ: “Anh em cứ đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng...”.

Những mẩu chuyện ấy cho chúng ta thấy rằng tính giai cấp và tính dân tộc ở đâu cũng có hoặc ít hoặc nhiều.

Một câu chuyện nữa:

Khi Bác ở trong khám nhiều “ông bà” người Anh có quyền thế dắt nhau vào xem, ý chừng họ muốn thấy mặt mũi “lạ lùng” của người bônsovich.

Khi Bác vào nhà thương, anh chị em nhân viên người Trung Quốc cũng đến xem, nhưng với một cách kín đáo, không sỗ sàng như người Anh.

Một hôm, cô y tá người Trung Quốc, thường ngày chăm nom Bác, thủ thi hỏi Bác một cách bí mật: “Chú này! Cộng sản là thế nào? Chú làm cộng sản làm gì để bị bắt bỏ khổ thân!”. Cô ta biết cộng sản không phải là trộm cướp, buôn lậu, giết người, thế thì cộng sản là gì và vì sao mà bị bắt giam, điều cô ta không hiểu được!

Bác trả lời: “Nói tóm tắt là làm cho ai cũng sung sướng và bình đẳng, không phải mang cổ xanh suốt đời và suốt đời không bị người mang cổ đỏ sai khiến (cổ áo đỏ là y tá trưởng người Anh, cổ áo xanh là những y tá người Trung Quốc)”.

Cô y tá gương to cặp mắt nhìn Bác và nói: “Thế ă?”.

Ở Hạ Môn ít lâu, Bác đi tàu thủy lên Thượng Hải.

Đến Thượng Hải hôm trước, hôm sau xem báo thì thấy tin “Hôm qua, những tàu biển cập bến tô giới Pháp đều bị nhà chức trách lục soát rất kỹ...”.

Hú vía! Ở Thượng Hải, bọn Quốc dân Đảng cũng không bỏ gắt gao. Để che mắt bọn mật thám, Bác phải tiếp tục giữ bộ điệu như một vị thân sĩ, mặc áo quần thật sang, ở khách sạn thật sang, nhưng đến tối thường khoá cửa phòng lại, rồi ăn khoai trừ bữa và tự giặt lấy quần áo...

Mùa thu năm 1933, được tin có một đoàn đại biểu từ Châu Âu sắp sang các nước Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh đế quốc. Đoàn gồm có một người quý tộc Anh, một đại biểu quốc hội nước Bỉ, một nhà văn người Pháp (là đồng chí Vayăng Cutuyariê). Tin tức này làm cho Bác mừng rỡ nhẹ cả người.

Bác đến Thượng Hải đã lâu mà vẫn chưa bắt được liên lạc.

Đối với người cách mạng, không có gì khổ tâm bằng đã không hoạt động được, lại mất liên lạc với đoàn thể lâu ngày. Điều đó làm cho người cách mạng đêm ngày cảm thấy vô cùng cô độc, linh đình.

Đoàn đại biểu hoà bình đến Thượng Hải bị chính quyền Quốc dân đảng và tất cả người da trắng ở thành phố này tẩy chay. Khi tàu sang đến Nhật, cũng bị chính phủ Nhật cấm không cho lên bờ!

Bác viết thư cho đồng chí Vayăng Cutuyariê. Thư này bỏ vào trong một thư khác cho một người bạn, nhờ chuyển hộ.

Người bạn này (Bác chỉ quen biết sơ thôi), có uy tín lớn cho nên Quốc dân đảng và bọn đế quốc ghét lắm, nhưng chỉ phải đặc vụ bao vây dò xét, chứ không dám bắt bớ, giam cầm.

Bác ăn mặc thật sang trọng, thuê một chiếc xe hơi thật sang, đi đến nhà người bạn ở trong tô giới Pháp, gõ cửa trao bức thư, rồi đi ra ngay. Lúc trở về thấy cảnh sát Pháp chặn các khu phố lục soát người đi đường. Người lái xe tỏ vẻ ngáp ngừng... Bác bảo “Cứ đi!” Chắc là vì chiếc xe rất sang cho nên không bị chặn lại khám xét... Một lần nữa, hú vía!

Chiều tối hôm sau, Bác gặp đồng chí Vayăng Cutuyariê ở một địa điểm kín đáo. “*Muôn dặm quê người gặp bạn thân!*” Cả hai người vô cùng mừng rỡ, vừa cảm động nghẹn ngào...

Hai anh em siết chặt tay nhau mà nói chuyện.

Bác nói cho đồng chí Vayăng Cutuyariê biết hoàn cảnh khó khăn của mình.

Đồng chí Vayăng Cutuyariê nói cho Bác rõ tình hình phong trào cách mạng.

Ở Việt Nam từ ngày phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh anh dũng, thực dân Pháp cực kỳ hoảng sợ và thẳng tay khủng bố hết sức dã man. Nhiều làng mạc

bị san phẳng. Nhiều đồng chí bị hy sinh. Nhiều tổ chức bị tan vỡ...

Tháng ba 1931, trong lúc Trung ương Đảng bí mật họp hội nghị ở Sài Gòn, Ngô Đức Trí bị bắt và phản bội. Vì nó khai mà đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác bị bắt. Suốt sáu tháng bị tra tấn dã man, tháng chín năm ấy đồng chí Trần Phú đã chết trong nhà tù.

Tuy phong trào tạm thời bị xuống thấp, nhưng sự hy sinh oanh liệt của cán bộ và đảng viên đã làm cho ảnh hưởng và uy tín Đảng không ngừng lên cao. Tên bộ trưởng thuộc địa Pháp đã công khai nhận rằng: “Hoạt động của Đảng Cộng sản nguy hiểm cho Pháp gấp mấy lần cuộc bạo động của Quốc dân đảng...”

Từ cuối năm 1931 đến nay (mùa thu 1933) do sự cố gắng phi thường của các đảng viên và lòng hăng hái của nhân dân, nhiều chi bộ Đảng và nhiều cơ sở quần chúng dần dần được tổ chức và hoạt động lại.

Tình hình thế giới thì thế này: một bên là chủ nghĩa tư bản lâm vào khủng hoảng trầm trọng, đã phải đi đến con đường tối phản động là chủ nghĩa phát xít. Một bên là giai cấp công nhân các nước đấu tranh ngày càng hăng. Nhân dân lao động Liên Xô thất lưng buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã thu được những thắng lợi lớn. Nói tóm lại, tuy cách mạng gặp khó khăn không ít, nhưng tiến bộ rất nhiều.

Đã ba năm không hay không biết gì, hôm nay được đồng chí Vayăng Cutuyariê cho biết những tin tức đó, lòng Bác băng khuâng vừa thương xót, vừa vui mừng. Vui mừng vì sau những cuộc thử thách cực kỳ ác liệt, Đảng ta đã tỏ ra cứng cáp về đường lối chính trị và Đảng dần dần khôi phục lại lực lượng của mình. Đồng thời phong trào cách mạng thế giới là Liên Xô đang xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Thương xót, vì nhiều người con ưu tú của Đảng và của nhân dân - như đồng chí Trần Phú và nhiều đồng chí khác - đã bị hy sinh.

Đồng chí Trần Phú là một trong những thanh niên đầu tiên sang học ở ban huấn luyện chính trị tại Quảng Châu rồi tham gia hội “Thanh niên cách mạng đồng chí” và được giới thiệu đi học ở Maxcova một thời gian. Vào khoảng tháng tư 1930, đồng chí Trần Phú trở lại Trung Quốc gặp Bác bàn bạc công việc. Trung ương họp hội nghị lần thứ nhất, chính thức bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Là một người rất thông minh, hăng hái và cần cù, đồng chí Trần Phú đã làm được nhiều việc quan trọng cho Đảng tuy chỉ hoạt động được non một năm (từ ngày về nước đến ngày bị bắt).

Mấy hôm sau, khi gặp đồng chí Vayăng Cutuyariê, thì Bác chấp được liên lạc với đoàn thể. Nỗi vui mừng đó không thể tả được.

Ba năm lưu lạc, linh đình

Nay đã trở lại trong đại gia đình công nông!

Tháng bảy 1935, Quốc tế cộng sản họp Đại hội lần thứ bảy. Đến dự đại hội có đại biểu 65 Đảng cộng sản. Đảng ta có đồng chí Lê Hồng Phong và Nguyễn Tiệp Minh Khai là đại biểu chính thức, Bác với danh nghĩa là đại biểu tư vấn⁽¹⁾.

Ở đại hội, đồng chí Đimitorốp (Dimitrov) - Bí thư Ban chấp hành Trung ương của Quốc tế cộng sản - đọc báo cáo chính trị, phân tích sâu sắc tình hình thế giới lúc bấy giờ. Bọn phát xít ngày càng điên cuồng. Nguy cơ chiến tranh ngày càng khẩn cấp. Để lãnh đạo giai cấp công nhân đấu tranh thắng lợi, nhiệm vụ của Đảng cộng sản là phải lập một mặt trận thống nhất nhân dân rộng rãi, bao gồm các đảng phái, các đoàn thể, các phần tử có xu hướng yêu hoà bình chống chiến tranh, chống phát xít. Đồng thời đại hội kêu gọi nhân dân các nước ra sức giúp đỡ những dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành lại độc lập tự do.

Đồng chí Đimitorốp (sinh năm 1882, mất năm 1949, thọ 67 tuổi) là lãnh tụ Đảng Cộng sản Bungari, đồng thời là lãnh tụ phong trào công nhân quốc tế.

Năm 20 tuổi, đồng chí tham gia Đảng "Công nhân xã hội chủ nghĩa" Bungari. Trong thời kỳ hoạt động bí mật đồng chí đã bị bắt giam nhiều lần và hai lần bị kết án tử hình vắng mặt. Năm 1925, cùng với các đồng chí trung ương khác, đồng chí Đimitorốp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, tuy không thành công nhưng đã có ảnh hưởng to lớn là thức tỉnh giai cấp công nhân Bungari.

Năm 1933, đồng chí bị bắt ở Đức. Bọn phát xít tìm đủ mọi cách để buộc tội. Nhưng đồng chí đã gan dạ vạch trần tội ác của chúng trước toà án Lepdich (Leipzig). Công nhân ở khắp các nước đều tổ chức biểu tình ủng hộ đồng chí. Chính phủ Liên Xô can thiệp mạnh mẽ để bảo vệ đồng chí. Do đó đồng chí Đimitorốp đã thoát khỏi xiềng xích phát xít và được trở về Liên Xô.

Năm 1935 đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư Quốc tế cộng sản và giữ chức ấy đến năm 1943.

Trong hai cuộc đại chiến thế giới thứ hai, Bungari bị Đức chiếm đóng. Khi Hồng quân Liên Xô vào Bungari, thì đồng chí Đimitorốp cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân lật đổ chính phủ phát xít thân Đức, và lập nên chế độ dân chủ nhân dân. Trong cuộc tổng tuyển cử, đồng chí được bầu làm Thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hoà nhân dân Bungari.

(1) Theo tài liệu của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô ghi rõ bằng chữ Pháp "tire consultatif".

Lần trước, năm 1925, Bác rời Liên Xô sang Trung Quốc. Lúc đó, *nhân dân Liên Xô* ai nấy đều thắt lưng buộc bụng để xây dựng nước nhà. Về tinh thần, ai cũng hăng hái phấn khởi, nhìn về hạnh phúc mai sau. Nhưng về đời sống vật chất thì đang rất eo hẹp. Nhà ở, áo mặc, lương thực mọi cái đều phải hạn chế nghiêm ngặt. Bác nhớ hồi đó ở Liên Xô đàn ông không ai đeo caravat. Đàn bà ăn mặc rất giản đơn, thường chỉ dùng một vuông khăn đủ buộc đầu, thay cho mũ. Thanh niên thì tự động cấm uống rượu, cấm hút thuốc, cấm nháy mắt.

Lần này, năm 1935 Bác trở lại Liên Xô, tình hình đã khác hẳn. Trong 10 năm qua, *nhân dân Liên Xô* đã tiến những bước khổng lồ. Đời sống về mọi mặt đã tiến bộ nhiều lắm.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsovic, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã hoàn thành vượt mức, kế hoạch 5 năm lần thứ hai đã bắt đầu. Ngay vài năm đầu, công nghiệp và thương nghiệp đã hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, 75% nông hộ đã vào hợp tác xã (nông trang tập thể), chiếm 85% diện tích trồng trọt lương thực.

Nhờ sản xuất mọi thứ đầy đủ, cuối năm 1934 đã bỏ luật hạn chế mua sắm các thứ ăn mặc. Phải nhớ rằng sau Cách mạng thành công đã 17 năm, mới bỏ được hạn chế. Chỉ một điều đó đủ thấy những khó khăn lớn và quyết tâm vượt khó khăn của Liên Xô, lúc đó chỉ một mình là nước xã hội chủ nghĩa, bốn bề bị các nước đế quốc bao vây. Thắng lợi đó là do chí khí hăng hái lao động quên mình của *nhân dân Liên Xô*. Trong cuộc thi đua xã hội chủ nghĩa, hơn 5 triệu công nhân và thanh niên là “đội viên đột kích”. *Phong trào Stakhanôp* ăn sâu, lan rộng khắp mọi ngành, mọi nghề. Stakhanôp là tên một người công nhân mỏ đầu tiên đào được 102 tấn than trong một kíp, vượt mức 13 lần. Về sau, nhiều người còn đạt mức cao hơn nữa.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, Nhà nước quy định tăng năng suất lao động 62%, nhưng công nhân đã tăng năng suất đến 82%. Nhờ vậy mà kế hoạch đã hoàn thành vượt mức trước thời hạn 9 tháng. So với trước chiến tranh (1913) tổng sản lượng công nghiệp tăng gấp 7 lần. Về nông nghiệp, thì số hộ xã viên nông trang tập thể chiếm 93% tổng số nông hộ và 99% tổng số ruộng đất.

Nói tóm lại, từ một nước nông nghiệp lạc hậu, Liên Xô đã trở nên một nước hùng mạnh có công nghiệp tiên tiến và nông nghiệp tập thể.

Kinh tế tiến lên, thì thành phần trong xã hội cũng thay đổi, pháp luật cũng do đó mà thay đổi. Cho nên cuối năm 1936, Xô viết tối cao đã ban hành *Hiến pháp mới*, một hiến pháp dân chủ nhất trên thế giới.

Trước kia, Bác rất quen thuộc Maxcova. Nhưng lần này trở lại Maxcova có hơi ngỡ ngàng vì cái gì cũng đổi mới. Nhà cửa, đường sá, cho đến báo chí cũng đều đổi mới. Những em nhi đồng Bác quen biết trước đây nay đều là chiến sĩ Hồng quân hoặc là sinh viên đại học. Những bạn Côm-xô-môn (thanh niên cộng

sân) nay đều là bác sĩ, công trình sư... và đều được vinh dự vào Đảng. Lúc đó Đảng Bônsovic có hơn 2 triệu 80 vạn đảng viên.

*
* *

Từ sau năm 1930, tình hình thế giới ngày càng khẩn trương, nó giống như một chuỗi bom nổ chậm khổng lồ, liên tiếp nổ năm này sang năm khác.

- 1931 phát xít Nhật Bản xâm chiếm miền Đông Bắc Trung Quốc và lập ra cái gọi là “Nước Mãn Châu”.

- 1933, lũ quỷ khát máu Hitle cướp chính quyền ở Đức. Chúng thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng trong nước và ra sức chuẩn bị chiến tranh.

- 1935, phát xít Ý xâm lược nước Abixini (ở Châu Phi).

- 1936, bọn phát xít Đức và Ý giúp tên phát xít Frãngcô (Franco) đánh cách mạng Tây Ban Nha.

Cũng trong năm ấy, phát xít Đức, Ý, Nhật ký hiệp định “*Liên minh chống cộng*”. Về sau liên minh này bị đập tan.

- 1937, quân đội phát xít Nhật đánh chiếm thêm các tỉnh Trung Quốc.

- 1938 hòng xoa dịu phát xít Đức - Ý và ngấm ngấm khuyến khích chúng quay mũi nhọn chiến tranh sang phía Liên Xô, hai chính phủ Anh và Pháp ký với chúng một bản hiệp định ở thành phố Muynich (Đức) nhượng bộ chúng về mọi mặt.

- Liền sau đó, phát xít Đức chiếm nước Áo.

- 1939, phát xít Đức chiếm nước Tiệp Khắc... Rồi bắt đầu đánh Pháp và Anh. Đế quốc Anh và Pháp đã lằm to. Những tưởng dùng chính sách nhân nhượng thì bọn phát xít Đức - Ý sẽ nể nang họ, nào ngờ khi chúng có dịp thì chúng choảng ngay vào đầu Anh và Pháp.

- 1940 chỉ trong mấy tuần Pháp đã mất thủ đô Pari và một nửa nước, và phải quỳ gối đầu hàng; Anh thì bị máy bay Đức bắn phá tan hoang làm cho “thất diên bát đảo”. Phát xít Đức chiếm được các nước Tây Âu, rồi quay sang chinh phục các nước Đông Âu.

Bên châu Á, thì phát xít Nhật chiếm hết cả Trung Quốc (vì Tưởng Giới Thạch chỉ lo “diệt cộng” chứ không lo chống Nhật), hắt cẳng thực dân Pháp ở Đông Dương, đuổi thực dân Anh khỏi Hương Cảng, Miến Điện, Mã Lai, đuổi thực dân Mỹ và chiếm lấy Philippin.

- 1941, bọn phát xít Đức - Ý - Nhật đã khoe khoang:

*Tung hoành châu Á, châu Âu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!*

Với sức người sức của chúng đã cướp được ở các nước kia, với chủ quan diên rồ tưởng rằng chúng là “vô địch” tháng sáu 1941, phát xít Đức bất thành

lĩnh tiền công vào Liên Xô, chúng gọi là “chiến tranh chớp nhoáng”.

Trước tình hình đó, những người yếu bóng vía đều lung lay, nhẵn mặt thờ dài, bi quan, thất vọng. Họ kêu rên: “Ôi, thôi rồi! Phát xít mạnh quá, chắc chúng sẽ thắng thôi!...” Song, những người cách mạng chân chính, trông rộng, thấy xa, thì không hề bi quan chút nào. Họ nói một cách chắc chắn: “Liên Xô nhất định sẽ thắng”.

*
* *

Cách Bác đi đường là như thế này: Buổi sớm cố gắng đi cho quá một nửa đường, buổi chiều, thì đi thông thả, hễ nơi nào có phong cảnh đẹp thì nghỉ lại vài phút để ngắm nghía, và nếu có dịp thì nói chuyện với đồng bào.

Nhân lúc tạm nghỉ, tôi mạnh dạn nói: “Thưa Bác chúng cháu chỉ biết chung chung rằng phát xít là hung ác nhưng chúng hung ác thế nào thì không rõ...”

Bác nói: “*Phát xít* là một hình thức phản động nhất, hung ác nhất của chuyên chính tư bản đế quốc. Vì chúng không thể thống trị bằng cách giả nhân giả nghĩa, giả dân chủ như thời xưa nữa. Chúng khủng bố một cách cực kỳ ghê tởm, cực kỳ dã man tất cả những người và những đoàn thể tiến bộ, dân chủ và yêu chuộng hoà bình. Chúng đặt ra cái thuyết “nòi giống”: người Đức là nòi giống cao quý, trời sinh ra họ để trị vì thiên hạ. Người các nước khác đều là nòi giống dê hèn, phải chịu phát xít Đức thống trị. *Người Do Thái* là nòi giống ma quỷ, phải tiêu diệt cho kỳ hết! Chủ nghĩa phát xít đã gây chiến tranh thế giới lần thứ hai, đã giết chết hơn 30 triệu người, thiêu hủy hàng nghìn thành phố và hàng vạn làng mạc. Biết bao nhiêu là tài sản quý báu do lao động và trí tuệ của nhân dân từ nhiều thế kỷ xây dựng nên bị phá hoại sạch. *Hơn 6 triệu người Do Thái đã bị chúng thiêu chết.*

Do Thái là một dân tộc ở rải rác khắp các nước phương Tây, nổi tiếng tiết kiệm và buôn bán giỏi. Ngay lúc đầu chiến tranh, Himle (tên giúp việc số một của Hitle) ra lệnh cho quân đội phát xít Đức: “Bắt được người Do Thái thì giết sạch”.

Nếu bắt thì phải tốn nhiều đạn và nhiều công, chúng bèn bày ra cách *thiêu*. Ở nhiều nơi tại Đức, và các nước bị chiếm, chúng xây dựng những lò HOI NGẠT. Đánh chiếm đến đâu, chúng cướp hết của cải, và bắt hết người Do Thái đến đó. Bất kỳ gái trai, già trẻ, bất kỳ sĩ nông công thương, chúng lừa họ ngang nghìn, hàng vạn người chồng chất lên xe lửa, khoá chặt cửa xe lại rồi chở đến nơi có lò thiêu. Dù đường xa, xe chạy suốt năm, ba ngày, họ cũng không được ăn uống gì hết. Khi đến nơi, đã có nhiều người chết đói, chết ngạt... Chúng chọn một số người có sức khoẻ để bắt đi làm khổ sai ở các nhà máy và đồn điền Đức. Vì đói rét và bị đánh đập tàn nhẫn, sau vài tháng nếu

không chết mòn chết mỏi thì cũng kiệt sức không lao động được nữa, họ cũng bị đưa đến lò thiêu.

Đại đa số người Do Thái bị thiêu ngay

Trước khi bước vào lò thiêu, họ phải cởi truồng hết. Áo quần, giày dép của họ được bọn phát xít chọn lọc sắp xếp tử tế để gửi về Đức.

Mỗi lần mỗi lò thiêu được độ 800 người. Người vào xong rồi, cửa lò khoá lại, hơi ngạt mở ra. Sau mười phút hấp hối quay cuồng, mọi người chết queo hết.

Chúng đưa xác chết ra, chúng cắt lấy tóc đàn bà chớ về nhà máy dùng làm dây thừng hoặc độn nệm. Chúng khám miệng thầy chết để nhổ lấy răng vàng. Chúng chọn những thầy người béo lấy mỡ nấu dầu, nấu xà phòng. Thầy người gầy thì chúng đốt làm phân bón ruộng... Nói tóm lại, bọn phát xít giết người một cách rất “khoa học”. Chúng tính ra bình quân mỗi người bị thiêu chết đưa lại cho chúng 1.631 đồng mác (tiền Đức).

Chỉ một lò thiêu ở Biểconao (Birkenau) mỗi ngày thiêu chết 24.000 người Do Thái, từ đầu năm 1942 đến giữa năm 1944, hơn 2.110.000 người Do Thái đã bị thiêu chết ở lò này!

Tóm lại, chủ nghĩa phát xít là hung tàn, bạo ngược, xấu xa như thế đó.

*
* *

Mùa đông năm 1938, Bác trở lại Trung Quốc.

13 năm trước đây, lần đầu tiên Bác đến Trung Quốc và lần này Bác lại đến Trung Quốc, hai hoàn cảnh khác nhau xa về mọi mặt.

Lần trước, Bác đến Quảng Đông. Lần này Bác đến Thiểm Bắc.

Lần trước, bọn quân phiệt đang đánh nhau lung tung. Lần này nhân dân Trung Quốc đang chiến tranh chống phát xít Nhật.

Lần trước Đảng Cộng sản mới ra đời, lực lượng chưa có mấy. Lần này Đảng Cộng sản đã mạnh lắm, và có nhiều kinh nghiệm lắm.

Cuối năm ngoái (1937), Đảng Cộng sản lập lại *Mặt trận thống nhất*, lại hợp tác với Quốc dân đảng để cùng nhau chống giặc Nhật. Do đó, Hồng quân đổi tên là *Bát lộ quân* và *Tân tứ quân*. Đối với vấn đề nông dân, thì chính sách của Đảng trong thời kỳ kháng chiến là thực hành *giảm tô giảm tức*, tạm thời không tiếp tục cải cách ruộng đất.

Hôm đầu tiên Bác đến Tây An được các lão đồng chí hoan nghênh nhiệt liệt. Mà cũng là hôm đầu tiên phải “chạy máy bay” Nhật đến ném bom.

Tây An là một thành phố có nhiều di tích lịch sử xưa cũ hơn ba, bốn nghìn năm, có nhiều phong cảnh xinh đẹp. Nhưng trong hoàn cảnh chiến tranh, có thời giờ đâu, có tâm trạng đâu mà đi xem! Tuy vậy Bác cũng thấy được một điều lạ: rất nhiều chim quạ đen. Lúc trời gần tối có hàng chục vạn

con quạ từ bốn phương bay đến, đổ kín các mái nhà và ngọn cổ thụ trong công viên.

Sáng sớm chúng xuống đổ kín mặt đất, nhảy nhót và kêu quạc quạc âm lên như cãi nhau, rồi từng nhóm, từng nhóm kéo nhau bay mỗi nhóm một phương trời. Trông thấy bầy quạ, Bác nhớ lại câu ca dao:

Quạ nào mà chẳng đen lông

Địa chủ nào mà tốt với bản cổ nông bao giờ?

Ở Tây An vài hôm, rồi đi Diên An. Bác cùng mấy đồng chí Trung Quốc phụ trách “hộ tống” mấy ngày chiếc xe chở vài rách (mua về để bện dép) đến Diên An. Xe này không phải là xe hơi mà cũng không phải là xe bò, vì nhiều khi phải dùng một ngựa, một lừa và một trâu cùng kéo! Mỗi ngày chỉ đi được vài chục cây số. Tối đến trọ ở nhà nông dân, tiền phòng ngủ và tiền ăn (ăn miễn, ăn nhiều ít tùy ý) chỉ tốn 2 hào. Đi đúng đỉnh chậm chạp như thế có hơi mệt, nhưng lại thấy được nhiều điều thú vị.

Trên đường gặp nhiều nhóm thanh niên, trai có, gái có, số đông là trí thức, từ các nơi lũ lượt kéo nhau đi Diên An. Phần thì vì không quen lao động, phần thì vì đi bộ đã nhiều ngày, lắm người mỗi mệt, hầu như phải lê từng bước. Nhưng họ hướng về Diên An trung tâm cách mạng như các tín đồ hướng về “đất thánh”. Họ quyết vượt mọi gian khổ, đi cho đến nơi. Họ chia thành từng nhóm, giúp đỡ lẫn nhau. Hai bên đường, trên gốc cây và tảng đá, thường có những khẩu hiệu viết bằng phấn hay bằng than: “Anh chị em ơi! Gần đến X rồi! Cố gắng lên thôi!...”.

Bác có gặp một nhóm thanh niên Hoa kiều đi bộ từ Xiêm về. Bác thân mật nói chuyện và bảo họ: “Lấy nước đá bóp chân cho đỡ mỏi, vừa đi đường vừa kể chuyện hoặc ca hát cho khuây khoả”.

Từ Tây An đến Diên An có nhiều vùng “xôi đổ”: Những huyện “trắng” thuộc Quốc dân đảng. Những huyện “đỏ” thuộc về ta. Cũng có huyện nửa trắng nửa “đỏ”, ở đấy, vì huyện trưởng thường là “trắng”, mọi việc dân cứ tìm đến cán bộ đỏ, cho nên “quan huyện” rất nhân hạ như câu hát:

Chiều chiều quan huyện ra cầu

Cái ve, cái chén, cái bầu sau lưng...

Thanh niên, học sinh các nơi tìm vào Diên An, lúc đi qua vùng trắng, có khi bị bọn Quốc dân đảng bắt cóc làm mất tích.

Ở vùng trắng, dọc đường thường có lính Quốc dân đảng cầm súng gác. Ở trạm vùng đỏ, do nông dân, hoặc thanh niên, phụ nữ, đôi khi các em nhi đồng cầm giáo dài ngù đỏ canh phòng.

Một buổi trưa, trời nắng, Bác đang nghỉ trong một cái quán. Khi cơm mới sôi thì chị nhà hàng hỏi hủ mang nổi chạy ra sau vườn. Ngoài đường phố, một toán lính Quốc dân đảng đang khệnh khạng kéo đi. Sau mười phút, bà chị lại

hăm hở mang nồi cơm về. Bác hỏi: “Cơm đang sôi, sao thím mang chạy?”. Chị nhà hàng khẽ trả lời: “Các đồng chí mới đến không biết. “Chúng” ăn đã không trả tiền thì chớ, “chúng” còn đánh đập người ta nữa là khác”

“Chúng” tức là bọn lính Quốc dân đảng. Dân gian ở đây có câu: “Nhất binh, nhì phi, vợ vết thật kỹ, nhất phi nhì binh”.

Cùng trên một đường phố ở thị trấn H. Bát lộ quân và Quốc dân đảng đều có đặt trạm mộ lính mới. Bên trạm “Bát lộ quân” thì người đến đăng ký đông nghìn nghịt. Bên trạm “Quốc dân” thì chẳng có ai vào, tên trạm tưởng bèn nghĩ ra một điệu kể - nó trang hoàng trạm nó giống hệt như trạm “Bát lộ”. Kết quả có người vào ngay. Nhưng người vào rồi người lại ra, ra để đi vào trạm “Bát lộ”... Hơn nữa, nhiều lính Quốc dân đảng bí mật trốn theo Bát lộ quân.

Nhìn qua những việc nhỏ bé, người ta cũng thấy rõ lòng dân hướng về ai.

Đi độ một tuần thì đến Diên An.

Diên An là một thị trấn thường, ở địa phận núi, nhà cửa không nhiều mấy, nhưng số người lại rất đông. Đại đa số ở nhà “hầm” tức là xuyên núi đất thành những tò vò khổng lồ, hàng chục người ở được. Nhà hầm có cái ưu điểm là mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Những dãy nhà hầm theo chân và sườn núi. Học sinh và bộ đội ở nhà hầm. Các đồng chí lãnh tụ Đảng và chính phủ cũng ở nhà hầm.

Bác nói: Đến Diên An, trong lòng rất phấn khởi, nhưng không khỏi ngỡ ngàng ít nhiều. Thí dụ: Lúc đầu không phân biệt được ai là bộ đội, ai là học sinh; ai là chỉ huy, ai là cán bộ; thậm chí không phân biệt được ai là đàn ông, ai là đàn bà! Thật vậy! Vì mọi người đều ăn mặc gọn gàng và một kiểu như nhau: áo quần nhuộm màu chàm, và giày vải...

Ăn thì mỗi ngày hai bữa cơm gạo mạch vối cà rốt và củ cải. Lúc đầu, Bác chưa quen, ăn không được. Nhưng vài hôm sau dần dần ăn được, vì như câu tục ngữ nói: “Đói thì muối cũng ngon”.

Cứ cách mười hôm lại có một bữa “ca xôi” (thêm rau). Các “anh nuôi” khéo tiết kiệm, khoảng 10 ngày cộng lại một lần, tiết kiệm được bao nhiêu dùng vào “ca xôi”. Cơm trắng với cá, thịt, vịt gà... như một bữa tiệc to.

Trường học to nhất là trường “Kháng đại” (Kháng Nhật quân chính đại học) trong mấy năm đã đào tạo 20 vạn cán bộ quân sự và chính trị. Nhà trường trống rỗng, không ghế, không bàn. Khi lên lớp mỗi học sinh mang theo một cái ghế con con để ngồi, khi ghi chép thì học sinh kê sách lên đầu gối mà viết.

Lúc đó Diên An là nơi tổng chỉ huy của 18 vạn quân đội cách mạng và 8, 9 khu giải phóng ở Hoa Bắc và Hoa Trung.

Gần Diên An có mấy di tích lịch sử nổi tiếng: Lăng Hoàng đế (Hoàng đế là tên một vị vua có công đức với dân, cách đây khoảng 5.000 năm); “Đỗ Phủ xuyên” là con suối mà đời xưa đại thi sĩ Đỗ Phủ thường đi đến, có Bửu tháp

trên núi Gia Lăng. Khi đi gần Cam Tuyền, Bác nhớ lại câu: “Khói Cam Tuyền mờ mờ thức mây” trong *Chinh phụ ngâm* nổi tiếng.

Vội đi Hoa Nam cho gần nước ta hơn, Bác chỉ ở Diên An hai tuần, rồi trở lại Tây An. Lần này đi cùng năm chiếc xe hơi chở học sinh, cán bộ trung cấp và cao cấp. Khi đi qua vùng “trắng” X, bọn đặc vụ Quốc dân đảng bắt xe dừng lại và lục soát, rồi chúng dọa giữ xe và người lại. Đồng chí B bảo chúng đại ý: “Chúng tôi đi có việc cần và rất quan trọng. Nếu muốn giữ chúng tôi lại thì các anh phải viết giấy rõ ràng...”. Trước thái độ cứng cỏi đó, bọn đặc vụ không dám lôi thôi nữa.

Việc này lại một lần nữa phơi bày sự đê hèn của bọn Tưởng.

Đến Tây An, Bác đi Quảng Tây vì Quảng Đông hồi đó bị giặc Nhật chiếm rồi. Cùng đi chuyến ấy có đồng chí L. là cán bộ Đảng. Để cho có vẻ, đồng chí L. ra vai quan trưởng, Bác thì làm vai lính hầu của L.

Ở Quế Lâm (tỉnh lỵ Quảng Tây) có biện sự xứ và một đơn vị nhỏ của Bát lộ quân, Bác vừa tham gia công việc Bát lộ quân, vừa tìm cách liên lạc trong nước. Các đồng chí Trung Quốc giúp Bác nhiều trong việc này.

Khi đơn vị Bát lộ quân mới đến, đóng ở ngoại ô Quế Lâm, nhân dân địa phương tỏ vẻ lạnh lùng, vì họ đã bị Quốc dân đảng tuyên truyền. Nhưng ra sức thực hành khẩu hiệu “hết lòng giúp đỡ nhân dân”, cho nên không bao lâu thì cảm tình giữa Bát lộ quân và nhân dân địa phương đã trở nên “như cá với nước”.

Bác được đơn vị bầu làm Chủ nhiệm Câu lạc bộ. Câu lạc bộ vừa là một cơ quan văn hoá của đơn vị, vừa là cơ quan tuyên truyền đối với nhân dân địa phương.

Được ít lâu, Bác đi Hành Dương với đồng chí tướng quân D. Vì Bát lộ quân và Tân tứ quân khéo dùng chiến thuật du kích, luôn luôn thắng lợi trước mặt trận cũng như sau lưng địch. Ngày bắt đầu chống Nhật, hai quân đội ấy chỉ có độ 4 vạn chiến sĩ, năm 1938 đã phát triển đến hơn 18 vạn người, đã thu phục lại nhiều nơi bị Nhật chiếm vì quân Quốc dân đảng bỏ chạy, đã mở được nhiều khu giải phóng rộng lớn và đương đầu với hơn 40 vạn quân Nhật. Còn quân Quốc dân đảng thì liên tiếp thua trận này đến trận khác. Thấy vậy, Tưởng Giới Thạch bèn nhờ Bát lộ quân dạy chiến thuật du kích cho một số sĩ quan của hắn. Đồng chí D. lãnh đạo một số đồng chí giáo quan phụ trách trường huấn luyện ấy.

Bác được bầu làm bí thư chi bộ, kiêm việc nghe đài phát thanh lấy tin tức quốc tế làm tài liệu huấn luyện thời sự cho đơn vị. Cả hai công việc đều mới lạ, nhưng cũng đều là thú vị.

Trong chi bộ thì tướng có, binh có, trai có, gái có, tiếng nói đông tây nam bắc đều có. Trong đơn vị thì có chiến sĩ cũ có chiến sĩ mới, có một số không

phải đảng viên, chỉ bộ đều phải săn sóc họ. Việc thì việc lớn việc nhỏ, từ việc ăn uống, học tập giải trí, kỷ luật cho đến việc riêng của mọi người đều tìm đến bí thư. Bác cùng hai đồng chí phó bí thư (phụ nữ) làm việc suốt ngày.

Việc nghe radio cũng không dễ, vì lần này là lần đầu tiên mó tay đến cái máy thu thanh, không biết đài nào phát, giờ nào và làn sóng nào. Bác thức suốt năm đêm, vắn đi vắn lại tìm nghe. Đến khuya đêm thứ sáu mới nghe được đài Luân Đôn.

Trường huấn luyện du kích kết quả thế nào? Muốn đánh du kích thì phải dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, phải được nhân dân yêu mến và giúp đỡ. Muốn đạt mục đích đó thì mỗi đội viên du kích phải yêu kính nhân dân, giúp đỡ nhân dân, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ, đoàn kết thành một khối. Đảng này quân quan Quốc dân đảng đều thuộc giai cấp bóc lột, quen thói hà hiếp nhân dân, họ không thể *hành* được cái họ đã *học*. Kết quả là “chữ thầy lại trả thầy”.

Bọn Tưởng Giới Thạch đánh Nhật thì rất nhát, chống cộng lại rất hăng. Âm mưu của chúng là mượn tay phát xít Nhật để tiêu diệt quân đội cách mạng. Không ngờ Bát lộ quân và Tân tứ quân ngày càng đánh đấu vào sau lưng địch, mở rộng khu giải phóng, phát triển bộ đội mình, và thế lực ngày càng mạnh.

Âm mưu nham hiểm kia đã thất bại, cuối năm 1939, Tưởng Giới Thạch công khai mở cuộc chống cộng, phái quân đánh vào biên giới là nơi Trung ương Đảng cộng sản đóng, và đánh vào những vùng thuộc phạm vi Bát lộ quân và Tân tứ quân. Đảng Cộng sản vừa phải đánh Nhật, vừa phải chống Tưởng, lại vừa phải khôn khéo giữ gìn Mặt trận thống nhất khỏi tan vỡ.

Trung Quốc đang ở trong vòng binh lửa, thì lửa chiến tranh bắt đầu cháy ở Châu Âu. Thế là thảm họa chiến tranh lan hầu khắp thế giới.

Từ năm 1936, mặt trận bình dân Pháp thắng thế và lên nắm chính quyền. Do đó, ở Việt Nam ta xiềng xích thực dân cũng được nới lỏng đôi chút. Một số đồng chí bị tù đầy đã được thả về và tiếp tục hoạt động. Cơ sở Đảng được dần dần khôi phục. Phong trào quần chúng dần dần lên cao.

Cuối năm 1939, vì tình hình chiến tranh, lại vì Đảng xã hội Pháp uơ hèn, chính phủ Bình dân Pháp bị đổ, bọn phản động lên cầm quyền. Thực dân Pháp ở Việt Nam lại tung hoành như cũ. Chút đỉnh tự do mà nhân dân ta giành được trong mấy năm qua đều bị chúng xoá sạch. Lại khủng bố. Lại vét. Lại bắt lính, bắt phu. Đảng ta phải đi vào hoàn toàn bí mật.

Ở Pháp có những tuyến Maginô chạy dọc biên giới Pháp - Đức. Xây dựng ở dưới đất có 3 tầng, bằng xi măng cốt sắt, kho đạn, kho lương, nước máy, đèn điện... các thứ đều đủ. Tại phòng tuyến này có một triệu quân. Tướng tá Pháp khoe khoang rằng: Địch có cánh cũng không bay qua được. Nhưng chỉ trong vài tuần, quân Đức đã bao vây kín phòng tuyến này bắt sống cả một triệu binh

lính và mấy trăm ông tướng làm tù binh. Thế rồi ào ạt kéo quân chiếm lấy thủ đô Pari và một nửa nước Pháp. Tháng sáu 1940, Pháp ở “nước mẹ” đầu hàng Đức. Tiếp đến thực dân Pháp ở Đông Dương cũng đầu hàng Nhật. Giặc Nhật kéo vào Việt Nam, từ đó đồng bào ta bị một cổ hai tròng.

Không thể khoan tay ngồi chịu, đồng bào ta liền tiếp khởi nghĩa ở Bắc Sơn (tháng chín 1940), ở Nam Kỳ (tháng mười một 1940) và ở Đô Lương (Nghệ An). Những tin tức sôi nổi ấy làm cho Bác càng nóng ruột.

Ở biên giới Quảng Tây không chấp được liên lạc, các đồng chí Trung Quốc giúp cho Bác đi Vân Nam. May mắn thay đến Côn Minh thì gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và mấy đồng chí nữa. Thế nào chuyến này cũng nhất định về nước! Bàn định kế hoạch xong, mấy anh em cùng nhau đi trở lại Quảng Tây. Cùng đi trên thuyền có mấy Việt kiều khác. Để giữ bí mật, Bác đóng vai một người viết báo Trung Hoa.

*
* *

Bỗng vắng vắng nghe: tiếng trẻ con hát từ đường xa vọng lại. Nhìn sang bên kia đường chúng tôi thấy chênh chếch sườn đồi có hơn một chục ngôi nhà, nấp gọn kíp dưới những cây đa rậm rạp; Bác cùng chúng tôi ghé vào thăm.

Trong một ngôi nhà tranh bé nhỏ, nhưng xinh xắn và sạch sẽ, có mấy dãy ghế bằng tre, hơn hai mươi em trai và gái trạc 10 tuổi đang học ê a. Cô giáo là người Tây, mặt mũi thông minh và hiền hậu. Thấy chúng tôi vào các em vui mừng và kêu ầm lên: “Các chú bộ đội, các chú bộ đội!”.

Với một giọng nghiêm trang, cô giáo bảo: “Các em giữ trật tự”.

Các em lại im phăng phắc. Cô giáo bảo: “Các em ra xếp hàng”.

Các em ra sắp hàng hai. Cô giáo bảo: “... Nghiêm! Các em chào các chú bộ đội!” Các em đồng thanh hô to: “Chào các chú ạ!”

Bác xem sách các em và khen các em viết chữ khá. Bỗng thấy bên cạnh cái bàn nhỏ của cô giáo có một cháu bé ngồi trong cái nôi. Cháu bé gái vạm vỡ, rất dễ thương. Bác bế nó lên, nó không sợ mà lại cười. Bác hỏi cô giáo: “Cháu này là con của cô phải không?” Cô giáo then đỏ cả mặt ngập ngừng trả lời: “Thưa không phải ạ! Chị hàng xóm gửi cháu ở đây để đi làm nương đấy ạ!”.

Đang nói chuyện thì nghe có tiếng máy bay. Bác hỏi: “Các cháu có sợ máy bay giặc không?” các em tranh nhau trả lời: “Thưa không ạ! Các cháu không sợ. Các cháu có hầm trú ẩn đằng kia kia!”.

Bác hỏi: “Các cháu biết hát không?” Các em thưa: “Hát bài “Đoàn kết” ạ!” Rồi Bác cầm nhịp: “Kê...ết đo...àn... hai... ba!” Các em hát, cô giáo cũng hát. Chúng tôi cũng hát.

Trước khi từ giã ra đi, Bác quay lại cô giáo: “Cô biết “khôn ké” là ai

không” Như không nên nổi tấm lòng sung sướng, cô giáo Thìn chạy lại ôm choàng lấy Bác và nói với một giọng cảm động: “Thưa có biết chứ! Nhưng cháu phải giữ bí mật cho Bác!”.

Cô Thìn và các em tiễn đưa chúng tôi đến đường cái, quyến luyến mãi không muốn rời tay.

Ra đến đường cái, Bác lại tiếp tục kể chuyện: Khi từ Côn Minh đến Tĩnh Tây, thì gặp một nhóm thanh niên Cao Bằng dẫn đầu là đồng chí Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm. Họ sang đây tìm người lãnh đạo cách mạng và đã gặp Trương Bội Công.

Trương Bội Công là người Việt Nam sang Trung Quốc và làm việc cho Quốc dân đảng đã lâu năm. Tuy không hiểu biết gì về quân sự, nhưng y đã được Tưởng Giới Thạch phong cho làm thiếu tướng. Nay Tưởng phái y đến biên giới nhằm lung lạc cách mạng Việt Nam. Gặp nhóm thanh niên, Trương Bội Công khoe khoang nhiều lắm, lên mặt “chí sĩ yêu nước”, “cách mạng lão thành” và sẵn sàng thu nhập đám thanh niên làm “bộ hạ” cho y.

Nhưng anh em thanh niên cũng tỉnh quái đản đấy. Chỉ nghe cách y nói khoác lác, họ cảm thấy y không phải là người cách mạng chân chính. Họ thất vọng. Họ sắp kéo nhau trở về Cao Bằng thì nhóm Bác vừa đến Tĩnh Tây. Các đồng chí Đồng, Giáp... tìm gặp nói chuyện với đám thanh niên hăng hái đó. Giải thích cho họ rõ bước đường cách mạng hiện nay. Bàn với họ mở ban huấn luyện v.v... Anh em thanh niên rất hoan nghênh. Nói ngay, làm ngay. Tối hôm đó, họ rời khỏi Tĩnh Tây. Sáng hôm sau, Trương thiếu tướng ngủ dậy thì không thấy “bộ hạ” của y đâu nữa, cho người đuổi theo thì chậm quá rồi.

Đồng chí Ba dẫn Bác và nhóm thanh niên đi cả đêm; đến một làng Trung Quốc gần biên giới Việt Nam, mượn nhà người quen, mở ban huấn luyện do Bác phụ trách. Lớp huấn luyện rất sôi nổi, dân chủ và vui vẻ. Bà con Trung Quốc trong làng không hiểu chúng mình dạy cái gì, học cái gì, nhưng đều khen thanh niên Việt Nam đoàn kết, chăm học, siêng làm. Bà con trong làng nhất là những người cho mượn nhà rất mến chúng ta. Vì vò nước bao giờ cũng đầy, đồng củi bao giờ cũng cao, nhà cửa bao giờ cũng sạch, trong nhà có việc gì chúng ta cũng ra tay làm giúp. Đặc biệt các em nhi đồng luôn luôn xúm xít chung quanh anh em ta để học hát, học nhảy múa, không nghịch ngợm và đánh nhau như trước nữa. Chúng ta đã góp phần làm cho cái làng tịch mịch trong một thung lũng âm u vui hẳn lên... Bác bảo các đồng chí thanh niên: “Đó là một cách dân vận thiết thực đấy!”.

Vào khoảng tháng hai 1941, vừa đến Tết nguyên đán thì ban huấn luyện cũng vừa kết thúc. Tối mồng một Tết, được tin chuyên viên Quốc dân đảng sắp đến kinh lý vùng này. (Tin này sau hoá ra tin vịt). Sợ bị lộ, sáng mồng hai Tết, Bác cùng tất cả anh em thanh niên cuốn gói chuồn, mặc dù bà con trong làng

khẩn khoản mời ở lại ăn Tết đến ngày hạ nêu hăng đi.

Hôm đó, sương mù dày đặc, ngồi giáp mặt nhau cũng không thấy rõ nhau. Mọi người cho khí hậu như thế là tốt, vì dễ giữ bí mật. Đi cách làng một thời quá xa, ai cũng mỏi chân và đói bụng. Bác bảo: “Nơi đây kín đáo, chúng ta ngồi nghỉ một chốc...”. Nghỉ chưa đầy hai phút thì trời sáng, sương tan. Té ra ngồi nghỉ giữa cánh đồng ruộng, chẳng kín đáo chút nào. Mọi người lại vội vàng khoác gói lên đường, bước nhanh về Tổ quốc.

Chiều hôm đó, đồng chí Ba dẫn Bác và cả nhóm thanh niên về Pác Bó. Xa rời Tổ quốc đã hơn 30 năm. Đã mất bao nhiêu thời giờ và sức lực tìm liên lạc mà không được. Bao nhiêu năm thương nhớ, chờ đợi. Hôm nay mới bước chân về nơi non sông gấm vóc của mình. Khi bước qua cái bia giới tuyến, lòng Bác vô cùng cảm động. Từ hôm đó cái hang Pác Bó trở nên “đại bản doanh” của chúng ta. Hội nghị lần thứ tám của Trung ương đã khai ở Pác Bó. Ở đó đã tổ chức những ban huấn luyện ngắn ngày để đào tạo cán bộ. Mở lớp dạy chiến thuật du kích, phát triển tổ chức Việt Minh và cơ sở Đảng, đặt kế hoạch vũ trang chống Pháp, chống Nhật v.v... Những việc đó đã có nhiều đồng chí thuật lại, chắc các chú đã được nghe rồi.

*
* *

... Bắt đầu kể chuyện cuộc chiến tranh yêu nước (ta quen gọi là kháng chiến) của Liên Xô, Bác nói: về địa lý, Liên Xô cách Việt Nam ta hàng nghìn cây số (đường máy bay Maxcova đến Hà Nội hơn 7.800 cây số). Hồi đó, Đảng ta đang hoạt động bí mật, Báo chí khi nhận được, khi không. Tin tức rất lộn bộn và chậm chạp. Tuy vậy, Liên Xô bị Đức phát xít tiến công là một biến cố vô cùng to lớn. Nó làm âm cả thế giới, nó vang đến tận cái hang bí mật trên đỉnh núi đá Cao Bằng!

Tổ quốc cách mạng bị tiến công! Những người cộng sản khắp năm châu ai nghe tin tức ấy mà không nóng ruột?

Lúc đầu, Bác có ý định giữ bí mật, không vội đưa tin tức ấy ra, chờ có thêm tài liệu chắc chắn rồi sẽ báo cáo với các đồng chí và đồng bào ở địa phương. Nhưng chờ đến bao giờ? Rút cuộc là đưa tin tức ấy ra một cách dè dặt và có giải thích. Thí dụ: Không nói rằng mấy hôm đầu quân phát xít đã tiến sâu vào gần 600 cây số, mấy thành phố Liên Xô tạm bị địch chiếm v.v... mà chỉ nói phát xít Đức tiến công Liên Xô thôi!

Khi mới nghe tin mọi người tỏ vẻ sững sốt và lo âu. Nhưng một lát sau thì nhiều người giơ nắm tay lên và quả quyết nói: “Không sợ! Liên Xô nhất định sẽ thắng!” Điều này tỏ rõ trình độ chính trị khá cao của các đồng chí ta và họ tin tưởng sắt đá vào lực lượng của Liên Xô vĩ đại.

Không chờ Bác giải thích, một đồng chí cán bộ đứng lên phát biểu ý kiến, đại ý nói: “Ngày cách mạng tháng Mười mới thành công, kinh tế của Liên Xô rất kém cỏi. Ngoài thì quân đội của 14 nước đế quốc đánh vào. Trong thì khắp nơi bọn phản động nổi loạn. Hồng quân thì mới được tổ chức, trang bị thiếu thốn mọi bề. Tuy vậy, Đảng Bônsovic của Lênin đã lãnh đạo nhân dân Liên Xô đập tan nội loạn, đánh lui đế quốc, đưa Liên Xô đến thắng lợi hoàn toàn. Ngày nay, tình hình khác hẳn với hồi đó, lực lượng của Liên Xô đã mạnh gấp trăm nghìn lần “Vô quýt dày có móng tay nhọn”, dù bọn phát xít Đức có mạnh đến mấy chẳng nữa, chúng cũng sẽ thất bại và Liên Xô nhất định sẽ thắng lợi...”.

Tiếng vỗ tay vang dậy cả vùng rừng. Không ai bảo ai, mọi người đồng thanh hô to: Liên Xô nhất định thắng lợi! Đảng Bônsovic muôn năm! Liên sau cuộc họp đó, mỗi cán bộ phụ trách đi một địa phương để giải thích cho nhân dân rõ.

Bác nói tiếp: “Những chuyện Bác sẽ kể cho các chú nghe, lúc đó Bác cũng không biết hết. Sau Cách mạng tháng Tám thắng lợi, nhân dân ta nắm chính quyền, Bác mới có dịp tìm thêm tài liệu để biết rõ thêm”.

Khuya hôm 21 tháng sáu 1941, tên chỉ huy một đơn vị phát xít Đức đóng gần biên giới Liên Xô ra lệnh tập hợp bộ đội lại. Từ một chiếc phong bì ngoài có ghi hai chữ “tối mật”, nó lấy ra một trang giấy và đọc to: “4 giờ rưỡi sáng 22 tháng sáu 1941, toàn quân ta sẽ mạnh bạo tiến công vào Liên Xô. Ký tên: “Đại bản doanh của thủ lãnh tối cao Hitle”.

Nó vừa dứt lời thì một viên tiểu đội trưởng tên là Vinhem Sun (Wilhem Schultz) vùng chạy về phía biên giới Liên Xô. Tên chỉ huy phát xít hét lên: “Mày chạy đâu? Bắn!”. Mấy tên lính rượt theo bắn. Anh Vilhem Sun cứ cầm đầu chạy, rồi nhảy xuống bờ sông bên kia sông, tuy anh đã bị thương nặng.

Nghe tiếng súng, mấy đồng chí Hồng quân chạy ra bờ sông xem xét, và vớt anh Sun lên. Sun cố hết sức mà chỉ nói được một câu “Tôi... cộng sản Đức... Mai sớm... chúng chiến tranh... chủ nghĩa cộng sản muôn năm!”. Nói xong thì anh tắt thở. Trên nét mặt anh vừa có vẻ đau đớn bởi nhiều vết thương, vừa có vẻ sung sướng vì đã làm tròn trách nhiệm của một người cộng sản.

Sáng 22 tháng sáu 1941 ánh bình minh mát mẻ báo hiệu một ngày tươi đẹp, nhân dân Liên Xô dậy sớm, bắt đầu chuẩn bị công việc hàng ngày. Bất thành linh tiếng hàng trăm chiếc máy bay Đức ném bom long trời chuyển đất... Thế là chiến tranh Xô - Đức (một bộ phận lớn nhất trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai) nổ bùng.

Phát xít Đức gọi cuộc chiến tranh này là “chiến tranh chớp nhoáng”. Hitle đã quyết định từ 2 tháng đến 4, chậm lắm là 5 tháng sẽ tiêu diệt Liên Xô.

Tên tham mưu trưởng của nó tên là Phôn Bốc (Von Bock) còn chủ quan

hơn. Hần nói: “Chỉ trong ba tuần thì sẽ kết thúc những trận đánh lớn. Và chỉ cần sáu tuần thì Liên Xô sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn”.

Để thực hiện âm mưu ấy chúng đưa vào mặt trận này:

190 sư đoàn tinh nhuệ.

3.500 xe tăng và xe bọc sắt.

5.000 chiếc máy bay

50.000 súng đại bác

Tên đại tướng phát xít Tôma (Thomas) còn khoác lác hơn cả. Nó nói: “Hễ quân Đức vào đất Nga, thì chính quyền Bônsovich sẽ lập tức sụp đổ!”.

Từ ngày bắt đầu cuộc chiến tranh Xô - Đức, Đảng ta ra sức tuyên truyền, vận động ủng hộ Liên Xô, chống phát xít Đức.

Tháng chín 1941, lầm tưởng chúng sẽ thắng lợi một cách dễ dàng, Hitle ra lệnh cho quân đội nó: Nếu Maxcova và Lêningrát xin hàng thì cũng quyết không cho hàng, mà phải tiêu diệt sạch hai thành phố ấy, cả người lẫn vật!

Cuối tháng chín, quân phát xít Đức gồm có 80 sư đoàn, trong đó 23 sư đoàn xe tăng, tiến đến bao vây Maxcova.

“Lửa thử vàng gian nan thử sức”, trước tình thế gay go đó hơn 10 vạn Đảng viên, 26 vạn đoàn viên thanh niên cộng sản tình nguyện lên mặt trận. Hơn 50 vạn phụ nữ đêm ngày đào đắp công sự chung quanh Maxcova. Các nhà máy quân dụng ở Maxcova cứ tiếp tục làm việc. Công nhân, thanh niên tổ chức những đội “ủng hộ mặt trận”, bảo đảm hoàn thành gấp đôi mức kế hoạch đã định. Sau một thời gian cầm cự, tháng Giêng 1942, Hồng quân phản công và đánh tan vòng vây Maxcova.

Đối với Liên Xô, mùa thu năm 1942 là một mùa thu cực kỳ chật vật. Trên các mặt trận, lực lượng phát xít Đức tăng đến 266 sư đoàn. Chúng chiếm đóng những vùng gồm 47% đất ruộng, 45% nhân dân và 33% tổng sản lượng công nghiệp cả nước. Những xí nghiệp chuyển về hậu phương tuy bắt đầu sản xuất, nhưng chưa hoàn toàn vào nề nếp. Số người và số hàng, cần chở ra mặt trận ngày càng tăng, nhưng sức giao thông vận tải tiến chưa kịp... Tuy vậy, với tinh thần Bônsovich, Nhân dân Liên Xô quyết vượt mọi khó khăn.

Tháng tám năm ấy, *Bác có việc sang Trung Quốc* thì bị bọn Quốc dân đảng bắt. Sau khi bị chúng trói giải đi suốt 18 ngày, từ trại giam này đến trại giam khác, chúng đưa Bác về giam ở Liễu Châu. Trong khi nhân dân Liên Xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phát xít Nhật - Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quần quai dưới hai ách áp bức, khi công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng ăn sâu vào quần chúng nhân dân - mà mình thì phải nằm queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc, sốt ruột biết bao! Đây không phải là một trại giam chính cống mà chỉ là một “cắm bế thất” - một phòng giam nhỏ

hẹp ngay bên cạnh đội cảnh vệ của tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc dân đảng bị phạt vào ở đó năm, bảy ngày. Bác lợi dụng dịp đó để học tiếng "quan".

Bác gây được cảm tình với hai người lính gác. Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để "cải thiện sinh hoạt" phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ *Liễu Châu nhật báo*, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin chiến sự.

Tháng hai 1943, xem thấy tin: Sau hơn sáu tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, Hồng quân đã đại thắng ở Stalingrát, bắt sống 33 vạn quân Hitle... Bác mừng nhảy lên, suýt rụng đầu vào kèo phòng giam. Bác tự bảo nhất định phải ăn mừng cuộc thắng lợi này. Trong túi chỉ còn vền vền một đồng bạc, Bác đưa tuốt cả số tiền đó nhờ người lính gác mua dùm cho ít kẹo và "dầu cháo quẩy" (mua 1 đồng chỉ được 5 hào, đó là quy chế của nhà giam) để làm một bữa tiệc. Sau khi phẩn khởi hô khe khẽ mấy khẩu hiệu: Đảng Bônsovic muôn năm! Hồng quân muôn năm! Liên Xô thắng lợi muôn năm! Bác ngồi xuống một mình "chén tạc chén thù" rất đàng hoàng vui vẻ. Từ đó về sau, mỗi tin tức Liên Xô thắng lợi là một món quà tinh thần từ phương xa đến để an ủi Bác.

Tôi nói: "Thưa Bác, lúc đang bị giam Bác có làm nhiều thơ. Nếu Bác cho đăng lên báo, chắc chắn cán bộ và đồng bào sẽ hoan nghênh lắm".

Bác cười và trả lời: "Các chú không nhắc thì Bác cũng không nhớ đến nữa. Bác không phải là người hay thơ, mà thơ của Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phong u ám và quạnh hiu, một hình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn "du lịch" thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang bốn bước. Để "tiêu khiển" ngày giờ chỉ có cách ngêu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người tù, cho khuây khỏa thể thôi, phải thơ phú gì đâu...".

Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được. Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước, dù đau mà phải bò, phải lết cũng phải được 10 bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

*Vân ửng trùng sơn, sơn ửng vân,
Giang tâm như kính, tịnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây phong Lĩnh,
Nam vọng trùng dương ức cổ nhân.*

Bác chỉ nhớ bài thơ đó. Chúng tôi cố hết sức chỉ tạm dịch như thế này:

*Mây ôm núi, núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mây bụi hồng.
Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc, chạnh lòng nhớ ai!*

Hồng quân đại thắng ở Stalingrát là một bước tiến rất lớn trong cuộc kháng chiến của nhân dân Liên Xô, cũng như lịch sử chiến tranh thế giới lần thứ hai. Trước hết nó đã đánh tan cái "mê tín" cho rằng quân Hitle là "quân bất thắng, quân vô địch". Hai là nó chứng tỏ Liên Xô ngày nay mạnh và đã nắm quyền chủ động trong cuộc chiến tranh khổng lồ này. Ba là sau trận đó, cái gọi là "chiến tranh chớp nhoáng" (mà bọn phát xít luôn khoe khoang) đã bị tan tành, và từ đó quân phát xít Đức ở các mặt trận phải thở than rằng: "Cuộc chiến tranh với Nga có thể kéo dài 10 năm, thậm chí 30 năm!" nhưng Liên Xô không để cho nó kéo dài 30 năm, mà chỉ trong non 3 năm nữa Hitle phải tự tử và chế độ phát xít Đức cũng bị tiêu diệt.

Tháng chín 1943, quân đội phát xít Ý của Mutxôlini đầu hàng. Ít lâu sau tên quỷ khát máu Mutxôlini bị quân du kích Ý treo cổ.

"Liên minh chống cộng" Đức - Ý - Nhật như cái kiềng ba chân. Nay một chân là phát xít Ý đã bị bẻ gãy, rồi đây hai chân kia cũng sẽ gãy theo.

Tháng giêng năm 1944, thành phố Leningrát anh dũng được giải vây...

Ba thành phố to nhất và quan trọng nhất là Maxcova, Leningrát và Stalingrát đều đã hoàn toàn giải phóng. Từ đó hồng quân tiến về các mặt trận phía Tây như mưa đông gió bão, đánh đuổi quân Đức và giải phóng địa phương này đến địa phương khác.

Tháng chín 1944, *dắt đai Liên Xô hoàn toàn được khôi phục*, và Hồng quân đã tiến vào địa phận Đức - sào huyệt của kẻ thù.

Tháng tư 1945, Hồng quân ba mặt vây đánh Bá Linh. Sau mười ngày chiến đấu kịch liệt, hôm 30 tháng 4 năm 1945, cờ đỏ búa liềm của Liên Xô (do hai đồng chí Hồng quân cắm lên) phấp phới tung bay trên nhà lầu quốc hội Đức phát xít.

Hồng quân thắng lợi hoàn toàn. Con quỷ Hitle tự sát. Nước Đức phát xít đầu hàng.

Trong những năm chiến tranh, các đảng cộng sản và công nhân nhiều nước châu Âu đã lãnh đạo nhân dân tổ chức những đội quân du kích chống lại quân phát xít xâm lược. Khi tiến đánh về phía thủ đô nước Đức, Hồng quân đã giúp các đội du kích ấy đánh đuổi quân Đức, lật đổ chính phủ phản động, và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, như Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungari, Hunggari, Anbani, Nam Tư, Đông Đức.

Liên Xô đã kết thúc thắng lợi cuộc đại chiến ở phương Tây. Để giúp nhân dân Á Đông ra khỏi xiềng xích phát xít, tháng Tám 1945 Hồng quân quay sang đánh phát xít Nhật. Chỉ trong mười ngày, Hồng quân đã tiêu diệt "Quan Đông quân" là quân chủ lực của Nhật, giải phóng miền Đông Bắc Trung Quốc và Triều Tiên. Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai chấm dứt. Trung Quốc kết

thúc cuộc kháng chiến chống Nhật. Cách mạng tháng Tám của Việt Nam ta thành công.

Vì sao, chỉ trong mười tháng quân phát xít Đức đã chinh phục các nước châu Âu, mà chúng lại bị Liên Xô tiêu diệt một cách thảm hại như vậy?

Vì dưới ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Liên Xô đã đoàn kết nhân dân thành một khối vô cùng chặt chẽ như thành đồng lũy thép. Hoàn cảnh càng gay go, nhân dân càng anh dũng. Những chuyện oanh liệt làm cho "trời đất phải kinh, quỷ thần phải khóc" nhiều lắm, không thể kể hết. Sau đây là vài điều nổi bật:

Năm 1941, sau cuộc chiến tranh bùng nổ, trong sáu tháng có hơn 34 vạn công dân ưu tú đã được *kết nạp vào Đảng Cộng sản*.

Năm 1942, hơn 1 triệu 95 vạn người được vào Đảng.

Trong những năm chiến tranh, Đảng đã kết nạp hơn 8 triệu 93 vạn đảng viên.

Đảng viên chiếm gần 60% trong *Hồng quân*.

1 phần 3 ủy viên Trung ương Đảng hoạt động trước mặt trận giáp địch.

Mặc dù hy sinh rất nhiều, do phong trào sôi nổi tham gia bộ đội, năm 1944, qua ba năm rưỡi chiến tranh, số Hồng quân đã tăng gấp 3 lần.

Công nhân đã vượt mọi khó khăn, như nguyên liệu thiếu thốn, lương thực hạn chế... họ làm việc không kể ngày đêm để cung cấp đầy đủ cho mặt trận. Năm 1944 trang bị của Hồng quân về mọi mặt đã tăng gấp 4 lần trở lên.

Ở nông thôn, chồng và con đi bộ đội, mọi công việc đồng áng đều do *phụ nữ* đảm đang. Họ lao động quên mình không quản nắng mưa sương tuyết. Có khi họ tự động chịu thiếu thốn để cung cấp nhiều lương thực hơn cho bộ đội.

Trong quân đội, trong nhà máy, trong tổ chức du kích... bất kỳ ở đâu và công việc gì, thanh niên đều hăng hái gương mẫu, rất xứng đáng là cánh tay đắc lực của Đảng.

Nói đến đây, Bác ngừng lại một lát và có vẻ ngậm ngùi rồi nói tiếp: "Chắc các chú đã nghe chuyện cháu Dôla Xô Viết, Lưu Hồ Lan Trung Quốc, và Võ Thị Sáu Việt Nam. Các cháu ấy đều cùng một lứa tuổi, đều nồng nàn yêu nước, đều phi thường gan góc trước mặt kẻ thù, đều hy sinh một cách vô cùng oanh liệt. Người ta có thể tưởng tượng đó như là ba chị em, ba cô gái vẻ vang của gia đình xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc kháng chiến vĩ đại, người *trí thức* Liên Xô đã góp phần xứng đáng. Các bác sĩ và y sĩ đã xông pha lửa đạn, hết lòng hết sức săn sóc thương binh, bệnh binh. Các người văn nghệ đã tổ chức những đội văn công lên tận mặt trận phục vụ bộ đội...

Phong trào thi đua yêu nước, phong trào quyên góp, phong trào "đỡ đầu"

chiến sĩ rất sôi nổi và bền bỉ. Nói tóm lại: Toàn Đảng toàn dân đã thực hiện khẩu hiệu do Trung Ương Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra: "Tất cả cho mặt trận! Tất cả để chiến thắng!".

Trong lúc chúng tiến vào cũng như khi chúng thua chạy, quân phát xít Đức đã phá hoại rất nhiều tài sản của Liên Xô. Chúng đã phá hủy:

1.710 thành phố,

1.876 nông trường Nhà nước,

32.000 xí nghiệp,

70.000 nông thôn,

98.000 nông trường tập thể (hợp tác xã) và vô số trường học, nhà thương.

Tất cả các tổn thất cộng lại đáng giá 2.600 tỷ đồng rúp, tức là bằng số tiền vốn của 12 cái kế hoạch 5 năm! Cuộc chiến tranh đã làm cho công cuộc xây dựng của Liên Xô chậm lại hơn mười năm.

Tổn thất nặng nề nhất, là Liên Xô đã hy sinh 17 triệu người con dũng cảm!

Tuy vậy chiến tranh vừa chấm dứt thì Đảng Cộng sản lập tức đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ tư. Trước kia anh dũng giết giặc, thì ngày nay nhân dân Liên Xô càng anh dũng trong công cuộc xây dựng lại nước nhà. Ngay từ lúc đầu, hơn 80% công nhân đã hăng hái tham gia phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa. So với trước chiến tranh, năng suất lao động tăng 37%. Tổng giá trị sản lượng của công nghiệp tăng 73%. Kế hoạch 5 năm lần thứ tư đã hoàn thành vượt mức trước thời hạn 9 tháng.

Nhiều thành phố, xí nghiệp, trường học, nông trường v.v... được xây dựng lại to hơn và đẹp hơn trước. Nhân dân Liên Xô chẳng những đã hàn gắn xong vết thương của chiến tranh, mà còn nhanh chóng tiến lên con đường cộng sản chủ nghĩa.

Một điều cần nói thêm: Trước chiến tranh, phe đế quốc chủ nghĩa rất mạnh. Sau chiến tranh, ba cái thành trì chính của chúng là Đức, Ý, Nhật đã vỡ tan; Anh và Pháp cũng bị chiến tranh làm cho liểng xiểng. Trước chiến tranh chúng thống trị 5 phần 6 quả đất. Sau chiến tranh, phong trào giải phóng dân tộc rầm rộ nổi lên, hơn 700 triệu người đã thoát khỏi ách thực dân và giành được tự do độc lập. Thế là chủ nghĩa đế quốc suy sụp rất nhiều.

Trái lại, trước chiến tranh, chỉ có Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa, chiếm 1 phần 6 diện tích và 9% tổng số người trên trên giới. Sau chiến tranh, phe xã hội chủ nghĩa đã tăng thành 12 nước, chiếm 26% đất đai với hơn 35 % nhân khẩu. 100 triệu người đoàn kết như anh em một gia đình, là đại gia đình xã hội chủ nghĩa.

Cuộc kháng chiến của chúng ta tuy rất gian khổ, nó có thể kéo dài bốn, năm năm nữa, nhưng cuối cùng chúng ta nhất định thắng lợi. Chúng ta nhất

định thắng lợi vì Đảng ta sáng suốt, dân ta đoàn kết, quân ta anh dũng, phe ta lớn mạnh.

Mặt trận đường số 4 này là một tượng trưng. Trước kia, quân đội thực dân Pháp lên mặt hùng hổ, dữ tợn như đàn điều hâu. Ngày nay bị bộ đội ta tiến công thì chúng nó thua chạy như đàn vịt.

T.LAN

Vừa đi đường vừa kể chuyện, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976.⁽¹⁾

(1) Xuất bản lần đầu năm 1963.

ĐỂ QUỐC MỸ BI VÀ BÍ

Tình hình gay go ở nước Mỹ và trên thế giới làm cho tổng Zôn rất đau đầu. Uống thuốc xong, Zôn thiêu thiêu ngủ, thì liền mơ thấy tổng Ken bước vào. Sau đây là tóm tắt nội dung câu chuyện giữa hai tổng.

Tổng Ken: Thế nào Zôn? Công việc đều OK⁽¹⁾ chứ?

Tổng Zôn: Very bad⁽²⁾ Ken ạ! Hôm Ken chết, tôi hí hửng mừng được làm tổng thống... Nhưng...

Xin mời Ken hãy rón ngời,

Để nghe Zôn kể khúc nhòe đoạn trường:

Tình hình trong nước - Khi mới dọn vào "Nhà Trắng" tôi cũng hứa hươu hứa vượn như Ken. Nào là tiêu diệt nghèo nàn. Nào là dân Mỹ da đen sẽ được tự do, bình đẳng v.v... nhưng hiện nay, 35 triệu người Mỹ vẫn cực khổ. Một phần năm gia đình Mỹ vẫn nghèo nàn. Năm triệu công nhân Mỹ vẫn thất nghiệp. Số người phạm tội vẫn tăng lên - chỉ trong tháng 1/1964 và chỉ ở kinh đô này, đã có 1.068 vụ phạm tội (so với tháng 1/1963 tăng 34%), và những vụ giết người đã tăng gấp đôi!

Còn *dân Mỹ da đen*, người lớn đầu tranh đã đành, mà lũ oắt con cũng đầu tranh tợn. Vừa rồi ở Sicagô có hơn 17 vạn, ở Nữ Ước hơn 50 vạn học sinh da đen bãi khóa chống phân biệt màu da.

- *Các nước đồng minh* của ta cũng bạc bẽo lắm! Vài thí dụ: bạn gần gũi nhất của Mỹ là nước Anh đã bán cho Cuba 150 chiếc xe buýt để lấy... đôla. Họ đã trắng trợn phá hoại chính sách "tẩy chay" Cuba của chúng ta. Nhiều nước khác ở Tây Âu cũng làm như vậy, thật là máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê!

Pháp còn tệ hơn nữa. Họ chống kế hoạch nguyên tử của ta. Họ buôn bán với Cuba. Họ đặt quan hệ ngoại giao với Trung Hoa đỏ. Họ đề xướng trung lập miền Nam Việt Nam, v.v... Nói tóm lại, họ chống ta bằng đủ cách!

- *Châu Mỹ latin*h ngày xưa là hậu phương của ta, nay đã trở nên hòn núi lửa! Cách mạng Cuba và phong trào chống Mỹ ở Panama làm tôi rối cả óc. Các nước Khác, như Peru thì đòi tịch thu công ty dầu lửa của Mỹ, vân vân và vân vân. Thật là rắc rối Ken ạ!

- *Châu Phi* cũng rầy rà với chúng ta. Từ phía Tây Phi thì chính phủ Gana đã thẳng tay đuổi mấy giáo sư Mỹ. Cho đến Đông Phi thì một nước tí hon như

(1) OK: tiếng Anh, nghĩa là xong xuôi, trôi chảy.

(2) Very bad: tiếng Anh, nghĩa là rất xấu.

Dandiba cũng ngang nhiên đuổi cổ đại diện của ta. Cộng hòa A Rập thống nhất, Maroc, Libi, v.v... đều có thái độ chống Mỹ.

Ở châu Á tình hình càng rắc rối. Từ Trung Quốc đến Triều Tiên, từ Nhật Bản đến Indônêxia... ở đâu cũng có phong trào chống Mỹ. Một nước bé nhỏ như Campuchia mà cũng dám từ bỏ "viện trợ" Mỹ và đe dọa ngoại giao Mỹ!

Như Ken đã biết, mười mấy năm qua, chúng ta đã tiêu 108 tỷ đôla để "giúp đỡ" các nước ngoài, và 684 tỷ đôla về binh bị. Thế mà hiện nay bất kỳ nơi nào trên thế giới, Mỹ cũng gặp chuyện lòi thối. Tình hình thế giới cực kỳ không lợi cho Mỹ... Và Mỹ cảm thấy mình bị đánh từ bốn phương" (lời các báo Mỹ, 2/1964).

Nhưng rắc rối nhất vẫn là cuộc *chiến tranh ở miền Nam Việt Nam*, cuộc chiến tranh bẩn thỉu, xấu xa và thất vọng". Ken chết được ít lâu, chúng tôi lại làm một cú đảo chính nữa ở Sài Gòn. Không ngờ càng "đảo" càng lòi thối. Các báo Mỹ lại la ầm lên: "Ở Nam Việt, Mỹ đang chui vào ngõ hẻm chết... Mỹ không thể thắng được đâu" (Báo *Mặt trời Sığagô*, 16/2/1964). "Vô luận khoe khoang lạc quan thế nào, cũng không thể che giấu tiền đồ đen tối (của Mỹ) ở Nam Việt (Báo *Tin điện Hoa Thịnh Đốn*, 21/2/1964). Hăng Roitor của Anh (29/2/1964) thì viết: "Tình thần binh sĩ miền Nam rất thấp. Số lính bỏ trốn ngày càng nhiều. Sự thống nhất trong quân đội bị tan rã. Có thể xảy ra một cuộc đảo chính nữa".

Trước tình hình đó, một số chính khách và quan binh ta đòi: Hoặc là tăng thêm quân đội Mỹ vào Nam Việt, Hoặc là Mỹ trực tiếp xông thẳng vào cuộc chiến tranh. Hoặc là mở rộng chiến tranh ra miền Bắc...

Nghe đến đây, tổng Ken vừa lắc đầu vừa khoa tay, vừa nói to: "Chết, chết! Đó là một chính sách tự sát! Khắc nào nhà đã cháy lại đổ dầu thêm! Ta đã lỡ đại gây ra chiến tranh. Zôn phải khôn hồn tìm cách thu xếp! Phải nhớ rằng cách đây 10 năm, nhân dân Việt Nam đã đánh thắng 40 vạn binh sĩ Pháp, thì ngày nay nếu Zôn phái sang 40 vạn binh sĩ Mỹ, Zôn cũng sẽ thua Việt nam. Theo ý tôi thì để cứu Mỹ ra khỏi vũng lầy, cách tốt nhất là quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam với trống rung cờ mở; để người Việt Nam tự giải quyết việc nội bộ của họ; thì hành đúng hiệp nghị Giơnevơ. Như vậy, tiền bạc Hoa Kỳ sẽ khỏi thêm hao tổn, thanh niên Hoa Kỳ khỏi bị chết oan, thể diện Hoa Kỳ cũng vẫn giữ được...".

*Bỗng cơn gió xịch bức màn,
Zôn tỉnh ra mới biết là mình chiêm bao.*

CHIẾN SĨ

Báo *Nhân dân*, số 3630,

Ra ngày 7/3/1964.

TỔNG GIÔN VÀ VỤ GIẾT CHẾT NGHỊ SĨ R.KENNOĐI

Thiên hạ đồn rằng:

Hôm đó, lúc đang ăn sáng, tổng Giôn nhận được bức điện bí mật chỉ có hai hai chữ: X.R... Nghĩa là xong rồi, nghĩa là R.Kennodi bị giết rồi. Giôn xem xong thì vội vàng bỏ bức điện vào túi và xoa hai tay, tỏ vẻ vui mừng một cách hạn chế.

Chiều hôm đó, viên thư ký báo chí đưa trình Giôn một tập dày cộp trích những lời bình luận về cái chết của R.Kennodi. Càng xem thì cái vẻ hớn hờ của Giôn dần dần biến mất, thành vẻ lo sợ hoảng hốt vì các báo chí thế giới đều lên án Giônxon. Vài ví dụ:

Báo chí Liên Xô viết: Dân chủ Mỹ là dân chủ "găngxtơ". Chỉ trong hai tháng đã có hai vụ giết người vì chính trị... Trước đây bốn năm, tổng thống Kennodi đã bị giết, bây giờ em ông ta lại bị giết...

Báo Trung Quốc viết: Vụ giết R.Kennodi chứng tỏ rằng cuộc khủng hoảng chính trị và kinh tế của đế quốc Mỹ ngày càng trầm trọng.

Báo chí Cuba, Nhật Bản và nhiều báo châu Âu, châu Phi, châu Mỹ la tinh đều viết rằng vụ giết R.Kennodi có dính dáng với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt nam, vì R.Kennodi chống chính sách của bè lũ Giônxon đối với Việt Nam. Nhiều báo viết một cách khinh bỉ: Mỹ là một nước võ ngực tự xưng là "văn minh", sự thật lại là rất man rợ, đầy dẫy những hành động giết người.

Giônxon giật mình run rẩy khi đọc đến những tờ báo viết rằng: Ôxvan (tên giết tổng thống Kennodi) và Xohan (tên giết nghị sĩ R.Kennodi), cả hai đứa đều do một tên chủ mưu xúi giục. Tên chủ mưu đó là...

Như muốn nhắc nhở khéo mọi người rằng: "Ám sát" nói chung và "ám sát" chính trị nói riêng là một việc bình thường ở nước Mỹ, vụ ám sát R.Kennodi có gì đặc biệt đâu mà các người làm rùm beng lên như vậy, ngày 10 tháng 6 năm 1968, Giôn đã thú nhận rằng: cứ năm tổng thống Mỹ thì có một người bị giết chết (Giôn là tổng thống thứ 36 của nước Mỹ).

Số dân thường Mỹ bị ám sát thì cũng "leo thang" như cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt nam:

Năm 1963 có 8.500 người Mỹ bị ám sát.

Năm 1964 có 9.360 người Mỹ bị ám sát.

Năm 1965 có 9.850 người Mỹ bị ám sát.
Năm 1966 có 10.920 người Mỹ bị ám sát.
Năm 1967 có 12.230 người Mỹ bị ám sát.
Ai còn dám chối rằng:

*Mỹ là một nước văn minh
Giết người như chuột tội tình chi đâu.*

CHIẾN SĨ

Báo Nhân dân số 5177,
Ra ngày 15/6/1968.

MỘT VÀI MẪU CHUYỆN KHI BÁC HỒ Ở PARI(*)

TRẦN DÂN TIỀN

Một người quen ông Nguyễn ở Pari đã cho chúng tôi nhiều tài liệu rất quý báu. Ông này đã nói với chúng tôi như sau:

...Ông Nguyễn đến tòa báo *Dân chúng*. Chủ nhiệm báo, ông Sác Lôngghê (Charless Longuet), cháu ngoại Các Mác và nghị viên của Quốc hội Pháp, đã tiếp ông. Ông Nguyễn lấy làm lạ, vì chưa bao giờ ông được ai tiếp đón thân mật như thế. Ông Lôngghê gọi ông Nguyễn là đồng chí thân ái. Ông nói cho ông Nguyễn rõ tất cả cảm tình của ông đối với nhân dân Việt Nam. Ông khuyến khích ông Nguyễn viết bài và ông sẽ đăng báo *Dân chúng* để làm nhân dân Pháp hiểu rõ những sự bất công xảy ra ở Việt Nam. Có thể nói rằng cuộc gặp gỡ ấy đã mở đường cho sự hiểu biết chính trị của ông Nguyễn. Nó cũng đã làm cho ông Nguyễn hiểu rõ nhân dân Pháp.

Ông Nguyễn lúc ấy chưa đủ tiếng Pháp để viết và phải yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay.

Nhược điểm này làm cho ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy ông Nguyễn bắt tay vào việc làm báo. Thường lui tới tòa báo *Dân chúng*, ông làm quen với những người khác trong đó có chủ bút tờ *Đời sống thợ thuyền*.

Cũng như ông Lôngghê, người chủ bút này cũng rất đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin cho tờ báo của ông. Biết rằng không thể nhờ ông Trường viết mãi, ông Nguyễn nói thật là mình còn kém tiếng Pháp. Người chủ bút nói: "Điều đó không ngại; có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài của anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài: năm, sáu dòng cũng được". Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn. Tin tức về Việt Nam, ông Nguyễn không thiếu, ông thiếu nhất là văn Pháp. Ông Nguyễn viết làm hai bản, gửi cho tòa báo một bản, giữ lại một bản. Ông hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên của mình được đăng lên báo. Ông đọc lại bài báo đã in, so sánh và sửa chữa

(*) Trích *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

những chỗ viết sai. Ông kiên nhẫn làm theo cách ấy. Khi thấy viết đã bớt sai lầm, ông chủ bút bảo ông Nguyễn: "Bây giờ anh viết dài hơn một tí, viết độ bảy, tám dòng". Ông Nguyễn viết bảy, tám dòng.

Dần dần ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn. Lúc bấy giờ, người chủ bút bạn thân của ông Nguyễn khẽ bảo: "Bây giờ anh viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn".

Ông Nguyễn thấy rằng phải rút ngắn cũng khổ như trước kia phải kéo dài. Nhưng cũng hết sức cố gắng. Và ông đã thành công. Ông bắt đầu vào làng báo từ đó.

Về văn học, ông Nguyễn thích đọc Sếchxpia (Shakespeare) và Đíchken (Dickens) bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Huygô (Hugo), Dôla (Zola) bằng tiếng Pháp. Anatôn Phơrăngxơ (Anatole France) và Lêông Tônxtôi (Léon Tolstoi) có thể nói là những người đỡ đầu văn học cho ông Nguyễn.

Đọc những truyện ngắn của Anatôn Phơrăngxơ và của ông Lêông Tônxtôi, ông Nguyễn thấy hứng thú về văn chương giản đơn và tự nhiên: "Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm".

Truyện ngắn đầu tiên của ông Nguyễn được đăng trên báo *Nhân đạo* làm hai kỳ. Ông Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Pari mà cũng là đời sống của ông lúc đó. Tòa báo đã trả bài này một trăm quan. Thật là một số tiền lớn lúc bấy giờ. Đó là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính. Thành công đầu tiên này đã khuyến khích ông Nguyễn viết những truyện ngắn khác. Ngoài việc tả lại đời sống thợ thuyền Pari, ông thường viết về các thuộc địa và đặc biệt là Việt Nam. Không có một phút nào ông quên Tổ quốc mình đang bị dày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức. Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển *Bản án kết tội chế độ thực dân Pháp*⁽¹⁾, quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở quốc gia thư viện.

Đây hăng hái, ông Nguyễn viết cả một vở kịch *Rồng tre*⁽²⁾. Đại ý vở kịch như thế này: có những cây tre thân hình quần quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về đểo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thực ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy chỉ là một quái vật vô dụng.

Ông Nguyễn viết vở kịch này vào dịp vua Khải Định sang Pháp để dự triển lãm thuộc địa. Vở kịch bị chính phủ Pháp cấm, nhưng câu lạc bộ ngoại ô

(1) *Bản án kết tội chế độ thực dân Pháp* tức là tác phẩm *Le Procès de la colonisation Française* mà chúng ta dịch là *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

(2) *Rồng tre* tức là vở *Le dragon en bambou* mà chúng ta dịch là *Con rồng tre*. Xem chú thích bài *Vực thăm thuộc địa*, phần II, tập II bộ Tuyển tập này.

Ba Lê⁽¹⁾ đã đem diễn, được các nhà phê bình văn nghệ khen hay.

... Mặc dầu nghèo túng, ông Nguyễn luôn luôn vui vẻ. Trong những buổi thảo luận cả đến những khi cực lực công kích bọn thực dân, ông luôn luôn bình tĩnh, luôn luôn đúng mực. Không bao giờ có một thái độ cáu kỉnh hoặc một lời quá đáng. Ông cố gắng học hỏi để hiểu biết các vấn đề. Ông tham gia Hội "Nghệ thuật và khoa học" và Hội "Những người bạn của nghệ thuật". Những hội này mỗi tuần tổ chức những cuộc đi thăm viện bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, nhà hát, v.v... Có những nhà chuyên môn giải thích các vấn đề ấy.

Ông Nguyễn vào cả Hội "Du lịch", một hội đưa người đi thăm nước Pháp và những nước lân cận với giá tiền rất rẻ. Nhờ vậy mà ông Nguyễn đi thăm nhiều nơi ở Pháp, ở Ý, ở Thụy Sĩ, ở Đức và cả Tòa thánh Vatican.

Sau mỗi chuyến đi, ông Nguyễn kể cho chúng tôi nghe cảm tưởng của ông. Thường thường ông nói nửa đùa nửa thật:

"Trong những ngày nghỉ, không nên tiêu phí tiền bạc mất thì giờ ở bãi bể nhìn những người đàn bà đi tắm, mà nên đi du lịch, học hỏi được nhiều".

Ông Nguyễn kể lại Vatican có nhiều lâu đài vĩ đại. Nhà thờ Thánh Pie (Pierre) là một kỳ công kiến trúc. Viện bảo tàng Vatican là một cuốn sách sống về lịch sử tôn giáo. Ngoài những vật quý khác, người ta còn thấy cả bánh xe thời trung cổ. Khi nào nông dân không nộp thuế cho Nhà chung, người ta buộc chân tay người nông dân vào bánh xe vừa đánh vừa quay. Người vệ binh của Vatican mặc những bộ quần áo lông lầy, đội những chiếc mũ xưa và tay cầm giáo mác như đời xưa. Ở trường Thánh, có độ mười giáo sĩ học sinh Việt Nam. Thành phố La Mã đẹp, nhưng khác hẳn Pari, khác cả ngoài mặt cũng như trong hoạt động. Đây là một thành phố đầy những cổ tích La Mã, nhà thờ, với nước phun và mật thám. Dọc đường, cách hai ba trăm thước có một tên mật thám của trùm phát xít Mutxôlini⁽²⁾.

Khắp nơi đều có treo ảnh Mutxôlini. Tên này thật là một thằng hề. Nó chụp ảnh đủ các kiểu và với đủ thứ quần áo. Với quân phục đại tướng và thống chế, với áo khoác ngoài và với áo cánh của những tên cầm đầu phát xít. Hiến binh Ý ăn bận như kiểu những đại tướng hoặc những viên hân lâm ở các nước khác, mũ có hai sừng cắm lông, áo dài quần nẹp, đeo gươm, và mang găng trắng.

Tầng lớp trên sống một đời hết sức xa hoa. Trái lại nhân dân sống một đời nghèo nhọc. Thấy ông Nguyễn là một người ngoại quốc, một vệ binh viện bảo tàng đến gần ông Nguyễn, cẩn thận nhìn chung quanh không có ai, rồi chỉ tay vào một bó gậy - tượng trưng phát xít, ở đâu cũng có - và làm bộ bẻ gãy bó

(1) Ba Lê: phiên theo âm Hán Việt từ chữ Pháp "Pari", thủ đô nước Pháp. Câu lạc bộ ngoại ô Ba Lê nói ở đây tức là Câu lạc bộ Phôbua (Faubourg).

(2). Mutxôlini (Mussolini, 1883 - 1945): tên độc tài phát xít Italia từ 1922 - 1943.

gậy và lấy chân giậm lên, để tỏ ý căm thù phát xít.

Đời sống đất đỏ hơn ở Pháp. Ăn một bát mì cũng phải nộp thuế.

Phụ nữ Ý hát rất hay. Tiếng hát trong như tiếng chuông. Theo ông Nguyễn thì nước Thụy Sĩ xinh hơn hết. Thành phố sạch sẽ. Phong cảnh rất nên thơ. Mọi người đều nhã nhặn và người nào cũng biết nói hai thứ tiếng (trong ba thứ tiếng Đức, Ý, Pháp). Đi thăm Thụy Sĩ không bao giờ chán. Núi non, thung lũng, hồ ao... Phong cảnh nào cũng nên thơ.

Bá Linh so với Ba Lê và La Mã giống như một miếng bánh mì so với bánh gatô. So sánh như vậy cũng không đúng lắm, vì Bá Linh cũng như tất cả nước Đức đang khốn khổ vì nạn đói. Nạn lạm phát ghê gớm. Một chút gì cũng trả mấy ngàn mác (đồng tiền Đức).

Thành phố lớn và sạch sẽ. Nhưng kiểu kiến trúc nặng nề và tầm thường. Cái Vườn Rêchtat (Reichstag) tinh những tượng là tượng, giống như một cửa hàng bán tượng.

Nhân dân Đức siêng năng, thân mật, quả cảm, làm việc có kế hoạch.

Ngoài những cuộc đi xem để học, ông không thích chơi bởi gì khác.

Không phải chỉ vì thích đi du lịch mà ông nhịn ăn nhịn tiêu. Điều đó cũng có, nhưng nhất là ông muốn biết những nước ấy tổ chức và cai trị như thế nào.

Ông Nguyễn bắt đầu tổ chức, hoặc đúng hơn là bắt đầu học tổ chức.

Trong những buổi mít tinh, trong những buổi đi thăm du lịch, ông đã gặp những người cách mạng Angiêri, Tuynidi, Marôc, Mangát, v.v... Cùng với họ, ông tổ chức "Hội Liên hiệp thuộc địa" ở Pari. Mục đích của Hội này là giải phóng những dân tộc thuộc địa. Hoạt động của Hội là tuyên truyền. Họ tổ chức những buổi nói chuyện, những người dân các nước thuộc địa và những người Pháp có cảm tình đều đến dự. Cũng nên nhắc lại là người cảm tình đông hơn người thuộc địa. Những người này phần lớn là công chức hoặc công nhân. Họ bị cảnh sát Pháp dọa đuổi ra khỏi nước Pháp nếu họ tiếp tục tham gia các cuộc hội họp.

Nhiều người Pháp hết sức căm phẫn khi biết được những chuyện xảy ra ở các nước thuộc địa: rượu, thuốc phiện, hối lộ, khủng bố... Thường thường họ kêu lên: "Ô! Nhục nhã biết bao! Ô! Thật không tưởng tượng được! Tội ác thực dân tày trời!".

Để mở rộng việc tuyên truyền đến các thuộc địa, ông Nguyễn và những đồng chí của ông ra tờ báo *Người cùng khổ* (*le Paria*) do ông là chủ bút, kiêm chủ nhiệm.

Những người yêu nước Mangát, Angiêri, Máctinich là những luật sư, thầy thuốc, nhà buôn hoặc sinh viên. Họ có công việc và gia đình của họ. Họ không thể để nhiều thì giờ cho tờ báo. Mỗi người chỉ có thể góp một số tiền nhỏ và một bài báo mỗi tuần. Ông Nguyễn được mọi người cử ra để làm cho tờ báo

chạy. Vì vậy ông Nguyễn kiêm cả viết, chủ nhiệm, chủ bút, chữa bài, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc.

Lúc đầu ông Nguyễn gửi bán tại những cửa hàng nhỏ. Nhưng bán không chạy lắm, vì ở Pari có vô số báo, người ta không thể đọc tất cả và mua tất cả. Vì vậy ông Nguyễn tìm ra một cách mà người Pari gọi là "lối D". Ông đến trong những cuộc mít tinh dân chúng. Ông phát báo, leo lên diễn đàn và nói: "Các bạn thân mến! Báo *Người cùng khổ* phát không, nhưng tôi hết sức cảm ơn nếu các bạn vui lòng quyên giúp ít nhiều để giúp chúng ta trả tiền in. Một xu, một quan nhiều ít cũng tốt".

Những người Pháp, nhất là hạng nghèo và hạng trung thường có lòng rộng rãi. Và luôn luôn ông Nguyễn có thể thu tiền để trả những khoản phí tổn về báo và một đôi khi còn dư nữa. Việc xuất bản tờ *Người cùng khổ* là một vố đánh vào bọn thực dân. Lập tức có lệnh cấm không cho tờ báo đó vào các thuộc địa. Nhưng ông Nguyễn không chịu thua. Ông thường nhờ những thủy thủ có cảm tình chuyển báo đi các thuộc địa. Và dùng nhiều cách bí mật khác.

Những người lao động Việt Nam ở Pari và ở các tỉnh mặc dầu phần lớn không biết đọc, cũng bí mật gửi tiền quyên cho báo.

Phần lớn những sinh viên Việt nam ở Pari sợ tờ *Người cùng khổ* và ông Nguyễn, như người ta sợ thú rừng không phải vì họ ghét - nhiều người thậm chí đến đọc báo *Người cùng khổ* - nhưng vì họ sợ liên lụy. Từ ngày có những yêu sách Việt Nam, rồi đến việc thành lập hội Liên hiệp thuộc địa, rồi đến việc xuất bản tờ *Người cùng khổ* các sinh viên thuộc địa bị kiểm soát ngặt.

... Cố nhiên, ở các thuộc địa, nhất là Đông Dương ai đọc báo *Người cùng khổ* đều bị bắt. Mặc dầu tất cả những sự khó khăn ấy, tờ báo vẫn tiếp tục phát triển. Đó là một luồng gió mới thổi đến nhân dân các nước bị áp bức.

*Những mẩu chuyện về đời hoạt động
của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1972, trang 30 - 41.

NHẬT KÝ HÀNH TRÌNH BỐN THÁNG SANG PHÁP^(*)

(Trích)

Ngày 1 tháng 6:

Sớm dậy, ăn lót dạ xong xuôi, bay đến Cancúttá thì nghỉ lại, cộng 1.093 cây số.

Thành phố Cancúttá rất rộng, hơn 4 triệu người.

Trong lúc chiến tranh, quân đội Anh và Mỹ đóng ở đó rất đông. Bây giờ đã rút bớt nhiều. Cửa bể có nhiều tàu bè, trên bờ có nhiều phố xá. Có những cửa hàng vuông vắn chừng một thước tây, hàng hóa sắp chung quanh người chủ ngồi xếp bằng chính giữa, chứ không thể đứng dậy được. Lại có một cửa hàng cũng to như thế chồng lên cửa hàng đó. Ở trong chợ có đủ các hàng bán thịt, bán cá, bán rau, hàng thì nhiều nhưng không được sạch sẽ. Ngoài đường những con bò tự do đi nghênh ngang, khi thì nó nằm xoài giữa đường đi hoặc ngay trước hè phố. Người ta để mặc nó, không ai dám động đến.

Ở đây có một cái cầu treo bằng sắt, trên cầu xe điện đi được, dưới cầu thì tàu thủy chạy qua được.

Phong tục ở đây, đàn bà và con gái rất ít đi ra ngoài.

Buổi chiều gió mát, ngoài đường đông đặc đàn ông, nhưng ít thấy đàn bà. Hôm chúng ta ở đó, có cuộc đá cầu, có hàng vạn người đi xem, mà không thấy một người đàn bà nào...

Ngày 4 tháng 6:

Bay từ Cacúttá tới Agóra. Chùng 1.630 cây số.

Khí trời rất nóng. Chủ tịch và anh em phái đoàn về nghỉ ở lữ quán.

(*) Trích *Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch bốn tháng sang Pháp* (những đoạn ghi từ ngày 31/5/1946 đến ngày 27/7/1946 hiện còn lưu trữ được) do Đ.H ghi. Đ.H là ai, hiện chưa được xác minh. Toàn bộ nhật ký chỉ có một đoạn này để lộ tác giả là ai: "Những người mà tôi có thể gặp gỡ bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, ai cũng tỏ tình thân mật. Không phải vì tôi là Chủ tịch một nước mà những người đó thấy người sang bắt quàng làm họ. Nhưng họ tỏ tình thân mật một cách tự nhiên. Thí dụ như thanh niên nam nữ Pháp đến chào tôi lúc ra về là ôm hôn bà cổ như đã quen biết từ lâu" (*Nhật ký* ghi ngày 27 tháng 7 năm 1946) Chúng tôi nghĩ rằng tác giả tập *Nhật ký*... này chính là Hồ Chủ tịch. Bản lưu ở Viện Bảo tàng Cách mạng là do Hồ Chủ tịch đánh máy. Cũng có thể *Nhật ký*... do người khác hoặc nhiều người ghi; nhưng Hồ Chủ tịch là người chấp bút cuối cùng. Xin in vào cuốn sách để bạn đọc tham khảo.

Chiều hôm đó Cụ chủ tịch và anh em phái đoàn đi xem mấy nơi cổ tích ở Agora:

- Lâu đài Đenli Cato. Xây dựng bởi một ông vua Ấn Độ từ thế kỷ 17. Lâu đài làm toàn bằng đá rất to và rộng rãi, kiến trúc có kỹ thuật.

- Lăng tẩm Taj Mahan của vợ vua: ...xây toàn bằng đá trắng rất to lớn và đẹp. Chung quanh có vườn rộng cây cối um tùm. Trước cửa có đài vuông cũng bằng đá trắng, cửa đài có hồ nước. Từ lâu đài vào đến lăng cũng có hồ nước dài hơn 200 thước, bờ hồ cũng xây bằng đá trắng, nền lăng rất cao. Bốn góc có bốn tháp tròn, cũng bằng đá trắng, trong có bậc thang lên đến ngọn tháp. Lăng to lớn như một tòa nhà vuông, hai tầng trên một tầng hầm. Chạm trổ rất khéo. Đi vào xem phải rút giày ra, hay là đã có người Ấn Độ trực sẵn cho thuê giày vải. Tầng trên thì để cái mả giả. Dưới hầm mới chính là mả thật. Đứng bên mả mà nói to thì có tiếng vang dội khắp cả lăng. Thường ngày có nhiều người Ấn Độ vào cầu nguyện...

Ngày 8 tháng 6:

... Lơ Kơ là kinh đô nước Ai Cập, ở gần Địa Trung Hải nằm trên bờ sông Nin. Dân số hơn 2 triệu người. Thành phố đắp theo kiểu mới. Nhà cửa, phố xá nguy nga, đường sá thẳng thắn sạch sẽ. Hai bên đường đều trồng cây, đẹp và mát mẻ. Trên chợ dưới thuyền, rất là nhộn nhịp.

Mấy năm chiến tranh tuy có quân Anh đóng ở đây, nhưng Ai Cập không tham chiến. Người Ai Cập lợi dụng dịp đó mà buôn bán được khá nhiều. Người ngoại quốc ở đây khá đông, cho nên có nhiều lữ quán và hàng cơm rất sang trọng.

Có các thứ báo bằng tiếng Ai Cập, tiếng Pháp và tiếng Anh.

Ai Cập tuy bị ảnh hưởng Anh, nhưng Ai Cập lại hoan nghênh văn hóa Pháp. Người Pháp có mở nhiều trường học ở đây...

Hồ Chủ tịch và phái đoàn đi xem Viện khảo cổ Ai Cập. Viện này rất nổi tiếng trong thế giới. Lúc đến có ông giám đốc ra tiếp và đưa đi xem.

Giám đốc Poriôtông là một nhà bác học giỏi. Ông là người Pháp, rất thạo về khảo cổ, tính tình rất vui vẻ.

Trong Viện này có những quý vật từ ngày thượng cổ, cách đây đã 4, 5 nghìn năm. Có những cái ngai, cái hòm toàn bằng vàng của Vua chúa thời đó. Có những pho tượng bằng đá, xem rất tinh thần.

Có những thứ vòng, xuyên, chén, đĩa, bát bằng ngọc, bằng vàng, chạm trổ rất khéo. Nếu đem những thứ đó so với ngày nay thì thấy rằng: thủ công nghệ đời nay không hơn gì đời xưa.

Gần chiều, đi xem "Thành phố ma".

Đó là một nghĩa địa, ở gần thành phố. Nhà cửa, đường sá không khác gì

cho người sống ở. Nhưng suốt ngày lạnh ngắt, vắng tanh, chiều lại mọi người đến cúng bái.

Cách đó không xa, có một pháo đài to lớn. Đứng trên đó có thể xem suốt thành phố Lơ Kerơ. Ở trong đó lính Anh đóng. Lúc đi vào, lính Anh hỏi, nếu ai có máy chụp ảnh thì phải để bên ngoài. Pháo đài này bắt theo kiểu Mông Cổ.

Xem pháo đài rồi đi xem Kim tự tháp. Nhưng tháp này khác với tháp ta. Vua chúa Ai Cập xây đắp hơn 4, 5 nghìn năm trước. Xung quanh tháp toàn là bãi cát không có một cây cối gì. Hình tháp ba góc, như cái bánh ú. Dưới to, trên nhỏ, cao như hòn núi. Toàn xây bằng đá. Những hòn đá vừa vuông, vừa dài chừng 3, 4 thước - Đá đó đem từ nơi khác đến cách đây có hàng trăm dặm. Đời xưa chưa có máy móc, mà lấy được những hòn đá to như thế, đắp được những cái tháp cao như thế thật là một công trình vĩ đại.

Gần bên tháp có một con thú bằng đá, đầu thì như người đàn bà, mình thì như sư tử, nằm trên cái bệ, vừa cao, vừa dài. Bàn chân nó đã cao quá đầu người đứng. Đêm trời sáng trắng, trông vào tượng đá thì thấy có vẻ nghiêm trang và thần bí lắm.

Ngày 9 tháng 6:

Hôm nay Cụ Chủ tịch và mấy anh em trong phái đoàn đi xem Kim Tự tháp Sêkhêrát.

Kim Tự tháp này lâu đời hơn Kim Tự tháp ở Lơ Kerơ. Và ở đây có những "Mả chôn bò" đời xưa.

Nhưng mả ở trong có một cái hầm sâu và rộng thênh thang. Vào xem phải có đèn đuốc. Cách một đoạn lại có một mả bò. Bây giờ chỉ còn hòm chứ bò không còn nữa. Hòm làm bằng đá dài hơn 3 thước tây, ngang chừng 2 thước, cao hơn 2 thước. Mặt đá và chung quanh mài trơn lì hoặc có chạm trổ. Hòm đặt trên những cái bệ bằng đá. Đó cũng là những công trình to tát.

Vì tôn giáo đời xưa: xem bò là một thứ súc vật thiêng liêng cho nên kính trọng nó như thế. Bây giờ Ấn Độ cũng còn kính trọng bò.

Ở đây, đền chùa đời xưa di tích còn nhiều. Những di tích đó cho chúng ta biết rằng: nghề kiến trúc và chạm trổ hồi đó rất khá. Nhiều tường vách trong đền chùa có những bức vẽ vẫn còn tươi. Nhớ lại trong Viện Khảo cổ học có những cảnh lá và những xác người phải cách mấy ngàn năm vẫn còn nguyên vẹn. Đó đủ chứng tỏ rằng nghề chế thuốc đời xưa giỏi lắm.

Hiện nay có một nhà bác học người Pháp phụ trách xây đắp lại những đền đài ở Sêkhêrát.

Ngày 11 tháng 6:

... Chiều tối bên cạnh lữ quán có chiếu bóng ngoài sân, đứng trên hiên xem xuống cũng được. Đại khái chiếu truyện sau này: Nước quân chủ nọ có

một người vua trẻ con, mẹ vua ở một nước bên Âu. Vua đi thăm mẹ, theo trẻ con chơi đùa, lúc trở về nước đi đến nửa đường thì được tin trong nước cách mệnh lập nên cộng hòa. Vua bé chẳng những không buồn rầu mà lại vui mừng hớn hở, nói rằng: Tôi không phải làm vua ngồi ngai vàng nữa. Tôi lại được chơi đùa, vốc đất với trẻ con, sướng quá! Sướng quá!".

Ngày 17 tháng 6:

Đi thăm phong cảnh miền núi Pyrê-nê. Dân làng Sarò đặc biệt tổ chức một cuộc múa và một cuộc đánh cầu "Pô-lô-tơ" để hoan nghênh Cụ Chủ tịch. Múa thì do 20 trẻ em gái và 20 thiếu nữ mặc quần áo địa phương, do một người thầy dạy múa chỉ huy múa theo nhịp âm nhạc. Xem rất khéo và xinh đẹp. Pô-lô-tơ là một thứ cầu chơi riêng của xứ Baxcơ. Quả cầu giống quả cầu vợt (tennis) nhưng nặng và cứng hơn. Vợt thì đan bằng mây, dài hơn cánh tay, hình giống cái liềm, lòng vững và rộng dứt cái tay vào được. Người đánh cầu chia làm hai phe, mỗi bên 4 người. Đánh vào bức tường cao rộng.

Ngày 18 tháng 6:

Hôm nay là ngày dân Pháp kỷ niệm kháng chiến, Khắp cả nước đều có cuộc vui. Sáng sớm Cụ Chủ tịch đặt vòng hoa trước Đài Chiến sĩ trận vong. Buổi chiều, dân sự nhẩy đầm, đồng thời có cuộc "Múa bò". Người ta làm con bò giả bằng giấy, do hai người đội đi. Trên sừng bò cột các thứ pháo hoa. Khi pháo cháy thì bò xông vào những nơi đông người, làm cho ai nấy đều reo cười và chạy toan loạn. Trò chơi này hơi giống trò múa sư tử ở nước ta.

Ngày 24 tháng 6:

6 giờ sáng Cụ Chủ tịch và anh em tùy tùng đi thăm mộ ông Khánh Ký.

Ông Khánh Ký là một người chụp ảnh có tiếng trước có quen Cụ Phan Chu Trinh và nhiều nhà cách mạng Việt Nam ở Pháp, tháng trước ông Khánh Ký có gửi thư tỏ ý muốn về nước và Cụ Chủ tịch cũng định giúp ông về. Chẳng may trước mấy hôm phái bộ ta đến Pháp, thì ông đã mất.

5 Giờ chiều. Cụ Chủ tịch tiếp các nhà báo, hơn 100 đại biểu các báo Pháp và báo ngoại quốc, nam có, nữ có, lại có nhiều nhà chụp ảnh và xinêma. Có những người viết báo nổi tiếng như bà Tabui.

Ngày 30 tháng 6:

6 giờ sáng, Cụ Chủ tịch và mấy anh em đi dạo vườn hoa Pôngcô, ở gần ngay lữ quán. Sớm quá, cửa vườn còn đóng, người giữ vườn là một cựu chiến binh, nghe nói Hồ Chủ tịch là người ngoại quốc mới đến (tuy Hồ Chủ tịch không có cho nói tên tuổi!) liền vui lòng mở cửa mời vào.

Việc đó tuy nhỏ mọn, nhưng cũng đủ tỏ rằng: người Pháp ở Pháp thái độ

rất lịch sự, hay kính trọng người ngoại quốc...

4 giờ đi xem Viện Khảo cổ về loài người do giáo sư Phivê làm giám đốc. Trong Viện này có đủ các giống người trên thế giới, hoặc nặn bằng sáp hoặc bằng hình ảnh. Lại có đủ thứ quần áo, các thứ vật dùng (chén, bát, thuyền bè), các thứ văn hóa (âm nhạc, chạm trổ, v.v...).

Nhiều dân tộc có những phong tục rất lạ lùng. Có dân thì lấy đá mài răng thật nhọn. Có dân thì chạm trổ khắp cả mình. Có dân thì khắc vào mặt như những người hát bội ở nước ta vẽ mặt. Có dân thì đặt hai miếng gỗ tròn vào môi trên và môi dưới làm cho miệng trều ra như cái mỏ vịt. Có dân thì lấy phấn trắng bôi khắp cả mặt, có dân thì làm cho răng đen sì... Còn nhiều thứ lạ nữa không thể tả hết.

Tuy phong tục mỗi dân mỗi khác, nhưng có một điều thì dân nào cũng giống nhau. Điều đó là: dân nào cũng ưa sự lành và ghét sự dữ.

Ngày 2 tháng 7:

... Trong khi chưa gặp Chính phủ Pháp, tôi có dịp đi thăm một vùng nước Pháp, trông thấy phong cảnh tốt tươi, xét rõ nhân tình phong tục. Tôi đã ở qua xứ Bôt-xơ. Dân đó tuy giữ trọn tiếng nói văn chương và phong tục của họ, nhưng họ vẫn cho họ là dân Pháp. Các tỉnh Pháp khác nhau nhiều, nhiều đến nỗi làm cho thế giới lạ lùng, những sự khác nhau đó, không ngăn trở nước Pháp là một nước thống nhất.

... Trong lúc bàn định mối quan hệ giữa nước Pháp và Việt Nam mới, chắc chắn rằng Hội nghị Pháp Việt sẽ gặp những vấn đề khó khăn. Song sự thật và lòng tin cậy của hai bên sẽ vượt qua mọi điều trở ngại. Chúng ta đã gạt bỏ đề quốc chủ nghĩa cường quyền và quốc gia chủ nghĩa chật hẹp. Và cả hai đều không hợp thời. Chúng ta đều có chung một lý tưởng triết học, phương Đông và phương Tây đều theo một đạo đức chung: "Chớ làm cho người những điều mình không muốn làm cho mình". Tôi chắc rằng theo những điều kiện đó thì cuộc Hội nghị sau này sẽ có kết quả hay"⁽¹⁾.

Ngày 3 tháng 7:

4 giờ, đi xem cung Vécxây ở ngoài Pari. Cung này chẳng những có tiếng là nguy nga nhất thế giới, mà lại có tiếng giàu về lịch sử.

Trước kia, vua Pháp thường ở đây, sinh sống ăn chơi cực kỳ xa hoa. Năm 1870, Pháp bại trận, Đức thắng trận, hai bên ký hòa ước ở cung này. Sau cuộc thế giới đại chiến lần thứ nhất (1914 - 1918) hòa ước cũng ký ở đây. Rồi đó, có người Việt Nam rải truyền đơn và gửi thư cho đại biểu các nước đòi cho

1. Trích Lời đáp của Hồ Chủ tịch trong buổi chính thức chiêu đãi của Thủ tướng Pháp Biddon (Bidault), có ghi toàn văn trong *Nhật ký hành trình*...

quyền nước ta độc lập⁽¹⁾.

Ở trong cung rất nhiều căn phòng. Những bức thêu, bức vẽ tinh thần, những đồ trần thiết quý báu, đầu đầu cũng thế, xem không chán mắt.

Ngoài vườn thì rộng thênh thang, cây cối xum xuê, hoa thơm cỏ biếc. Bên này có hồ Thanh Long. Bên kia có ao Bạch Hạc. Nhiều pho tượng đá hình như thần tiên. Lại có những vòi nước phun ra, hoặc lên cao thẳng thốt như rừng cây nước. Hoặc rú xuống như tấm lụa xanh. Trong hồ thì bầy vịt, bầy chim, bơi qua lội lại. Màu hoa, dòng nước, sắc đá, bóng cây. Giọng đàn nhịp cổ khoan thai, xen với tiếng cười câu chuyện. Thật là một cảnh bồng lai, để Chính phủ Pháp tiếp người quý khách.

Ông thị trưởng Vécxây nói rằng: đã bảy năm, hôm nay mới có cuộc mở các vòi nước lần đầu. Kiều bào và quan khách Pháp đến dự khá đông. Địa phương có đặt tiệc trà hoan nghênh. Ai cũng lấy làm vui thích.

Giờ chiều bóng ngả về tây.

Mọi người thong thả giang tay ra về.

8 giờ chiều, Chính phủ Pháp mời cụ Chủ tịch đi xem nhảy múa tại rạp Ôpêra (Nhà hát lớn nhất và có tiếng nhất của Pari và nước Pháp).

Ở trước cửa Nhà hát, người đông như kiến. Đèn chiếu sáng trưng, quốc kỳ pháp phối xen nhau trông rất đẹp mắt. Từ ngoài cửa đến trong nhà, đội danh dự mũ đồng guom bạc, sắp hàng hai bên. Trừ phòng danh dự để dành cho Cụ Chủ tịch, các nơi đều có người ngồi chật không hở chỗ nào. Chính phủ Pháp có tặng kiều bào 100 vé hát. Bà Bidôn, bà Mutê và vài Bộ trưởng cùng ngồi xem với Hồ Chủ tịch.

Nhà hát Ôpêra rộng và đẹp hơn Nhà hát Lớn Hà Nội nhiều. Hôm nay có 3 màn múa. Màn thì 30, 40 người, toàn đàn bà cả. Màn thì vừa đàn bà vừa đàn ông. Màn thì toàn trẻ em gái. Phần nhiều người múa đều mặc áo voan, quần sát da, hoặc soóc trắng hoặc các màu. Trông rất xinh đẹp. Áo múa khác hẳn với áo thường. Không phải nhà kỹ thuật không thể tả rõ được. Trông vào họ, người ta có cảm tưởng như trông những nụ hoa những con chim. Đời xưa, thi sĩ Tàu tả người đàn bà thì nói áo xiêm họ như đám mây, cũng do vì không thể tả một cách thiết thực hơn.

Họ múa cả chân cả tay, hoặc hát điệu dân, nhưng theo điệu múa, cũng đủ tỏ tính tình mừng hay giận, buồn hay vui, yêu hay ghét.

Nghề múa phải học từ khi còn bé, chừng 4, 5 tuổi phải bắt đầu học.

Người ta gọi các em bé đó là "chuột". Các em "chuột" hôm nay múa khéo quá. Người xem vỗ tay không ngớt.

1. Người Việt Nam đó chính là Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, khi ấy thay mặt Nhóm những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, đã gửi đến hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (còn có tên là *Quyền các dân tộc*).

Những tài tử được tuyển vào Ôpêra, là những người giỏi nhất trong nước Pháp. Ban âm nhạc có hơn 10 người cũng là bậc nhất trên thế giới.

... 11 giờ đi viếng lăng vua Napôlêông. Trước khi vào, tướng Rôđơ đưa cho Cụ Chủ tịch một chìa khóa to bằng vàng để mở cửa lăng. Cửa này chỉ khi nào có quý khách đến thăm mới mở. Đi xuống tam cấp bằng đá hoa thì mới đến mã. Quan tài làm bằng đá bảo thạch, sắc hồng mài trơn lải, trông vào long lanh. Đá này do vua Nga đời trước tặng. Chung quanh có lan can đá vẩy tròn. Đứng ngoài lan can trông vào chứ không đến sát được.

Ở những gian phòng chung quanh thì có những (?) của vua Napôlêông. Trên tượng đá, dưới thì quan tài bằng đá. Quan tài của con vua Napôlêông trước kia ở bên Áo trong lúc chiến tranh. Đức chiếm Pari, Hitle cho đưa về đó.

... Gần bên lăng, cũng trong nhà đá, có nhà thờ để tụng kinh. Trong một gian khác thì trưng bày những cờ xí thuở trước, những kiểu mẫu áo quần nhà binh, những tượng của các tướng có tiếng, những tranh vẽ những trận đánh đó. Có một bức tranh rất khéo: vẽ mấy người lính và một khẩu đại bác, bất kỳ mình đứng phía nào trông vào, miệng đại bác cũng quay theo phía mình.

Ngày 15 tháng 7:

Hôm nay vợ chồng ông Lêô Pônđét mời Cụ Chủ tịch về nhà quê chơi, cách Pari chừng 30 cây số. Đi qua làng X, là quê hương của ông Đagherơ, người tìm ra cách chụp ảnh. Vừa rồi, các nhà mỹ thuật Pháp có tổ chức một cái hội, để kỷ niệm ông Đagherơ. Hội đó mời Hồ Chủ tịch làm danh dự hội trưởng. Nay nhân dịp Hồ Chủ tịch đi qua, những người dân làng ra đón để cảm ơn. Ở trong làng đó có một cái bảng khắc chữ đồng to: 74.000 người cộng sản chết vì tổ quốc.

Nhà ông Pônđét, rừng bọc xung quanh. Thanh vắng, mát mẻ. Cây tốt, hoa thơm, ăn cơm rồi, Cụ Chủ tịch kéo ghế nằm dưới gốc cây, thật đúng câu:

Thảnh thơi vui thú yên hà

Tùng là bạn cũ, hạc là người quen.

Nghỉ ngơi đến 3 giờ, lại vội vàng phải về vì có khách đợi.

5 giờ, có mấy nhà báo đến phỏng vấn.

Ngày 16 tháng 7:

... 10 giờ đi xem trưng bày kiểu nhà ở của người Mỹ tại Crốt Pale. Những nhà này gọi là nhà "lấp" vì tường vách buông the, cái gì cũng làm sẵn từng miếng. Tháo ra được, lắp lại được, muốn ở đâu thì cho vật liệu tới đó. Chỉ mất công lắp lại, bồng chốc là có nhà ở. Thử nhà này họ làm bằng máy. Làm hàng trăm hàng nghìn nhà một lần. Cho nên mau và tiện lắm. Vì muốn giải quyết vấn đề thiếu nhà ở cho nên có thứ nhà này. Nhưng giá còn đắt. Một nhà 4, 5 gian buông giá đến 6, 70 vạn tiền Pháp.

11 giờ đi xem nhà trưng bày tranh vẽ.

12 giờ đi xem nhà trưng bày đồ thêu. Những bức thêu này trước bị người Đức cướp đi nay lấy lại được. Mỗi gian buồng treo mỗi bức thêu một thể kỷ. Từ thế kỷ thứ 15, 16 đến thế kỷ này. Bức thì tả đời sống của xã hội. Bức thì tả sự tích của thánh thần. Bức nào cũng khéo, cũng đẹp, lại có một phòng trưng bày cách thêu thể nào.

Ngày 21 tháng 7:

... Ông Ilya Êrenbua đến thăm Cụ Chủ tịch. Ông là một nhà văn hào Nga rất nổi tiếng trên thế giới. Những bài báo và những tiểu thuyết của ông thường được các nước dịch đăng.

Ngày 22 tháng 7:

... 12 giờ ông Đaniên Ghêranh, một nhà viết báo đến thăm Cụ Chủ tịch. 5 giờ chiều công an trưởng Luydê phái người đem máy Têlêvidông để Hồ Chủ tịch xem. Máy này là máy vô tuyến điện truyền thanh trông thấy hình ảnh. Máy to bằng cái tủ sắt lớn. Tầng trên có màn ảnh bằng kính dài độ 60 phân, cao độ 50 phân tây. Hình ảnh tuy nhỏ nhưng rất rõ ràng, như ta đi xem chiếu bóng vậy. Máy này còn đắt tiền quá nên chưa được phổ thông. Còn ít người trông thấy máy này⁽¹⁾...

Tháng 5 đến
tháng 7/1946

*Nhật ký hành trình bốn tháng sang
Pháp 1946. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo
tàng Cách mạng Việt Nam.*

1. Theo bản thảo do chính tay Hồ Chủ tịch đánh máy (lưu trữ tại viện Bảo tàng cách mạng), thì *Nhật ký hành trình bốn tháng sang Pháp* còn ghi đến ngày 27/7/1946.

TRUYỆN VÀ KÝ - PHỤ LỤC

VỀ MỘT SỐ TÁC PHẨM TRUYỆN VÀ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH HIỆN CÒN THẤT TRUYỀN - NHỮNG DẤU VẾT CÒN GHI GIỮ ĐƯỢC

LŨ HUY NGUYÊN

Hiện nay, nhiều tác phẩm (kể cả tác phẩm chính trị và văn nghệ) của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn thất truyền. Riêng về các sáng tác truyện và ký, đặc biệt đáng chú ý là hai tác phẩm *Những hồi ức của tôi...* và *Nhật ký chìm tàu*.

Là một nhà lãnh đạo phong trào nông dân quốc tế có nhiều kinh nghiệm, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã góp phần quan trọng vào phong trào cách mạng của nông dân Trung Quốc. Theo quyết định của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành quốc tế nông dân ngày 31 tháng 7 năm 1925, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được ủy nhiệm làm công tác vận động nông dân ở Trung Quốc và các nước thuộc địa trong đó có Đông Dương. Người đã dịch nhiều tài liệu của Ban Chấp hành quốc tế nông dân; và đã viết nhiều tài liệu về nông dân Trung Quốc nói chung và về phong trào nông dân Hải Lục Phong (Hai Luk - Fung) nói riêng, kể cả những hồi ký mang tính chất văn học, như chính Người nói trong thư đề ngày 8 tháng 2 năm 1928 (nguyên văn chữ Pháp) viết từ Béclin gửi đồng chí lãnh đạo Quốc tế nông dân.

Người viết:

"Các đồng chí thân mến,

Tôi đã đến phố Lutsô Uphe, tới địa chỉ mà các đồng chí đã cho tôi. Nhưng không gặp ai cả; và chẳng ai biết tạp chí *Nieu Doócphor*. Tôi đề nghị các đồng chí cho tôi một địa chỉ khác chắc chắn hơn.

Tôi chỉ có thể lên đường trong vòng một tháng rưỡi. Tôi đã tranh thủ thời gian để viết *Những hồi ức của tôi* về phong trào nông dân, chủ yếu là phong

trào của Hải Lục Phong, nơi mà hiện nay thành lập những xô viết nông dân. "Nhân vật chính" Trong hồi ký của tôi chính là đồng chí Bành Bái, cựu Dân ủy nông nghiệp của xô viết Quảng Châu và hiện nay là lãnh tụ của nông dân cách mạng. Bản thảo của tôi chỉ gồm những điều có liên quan đến đời sống, tập quán, sự mê tín, v.v... của nông dân; nhưng không có hoặc hầu như không có gì thuộc về chính trị và thống kê.

Có khoảng 120 trang đánh máy, và chia thành khoảng năm chục chương. Tôi đang sắp xếp bản thảo theo thứ tự. Nếu các đồng chí muốn xuất bản, tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi một bưu thiếp theo địa chỉ sau đây:

Ông Louis, tạp chí *Thư tín Quốc tế*, ban biên tập tiếng Pháp.

Số nhà 228, Phrêđrich Strart, Beclin.

Như thế là đủ, và tôi sẽ gửi cho các đồng chí bản thảo viết tay.

Chào thân ái

N.A.K".

Theo sách của Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, Nhà xuất bản Thanh Niên Hà Nội, 1930, các chương của tập sách này có nhan đề như sau:

- 1 - Chang Chung Minh
- 2 - Bóc lột
- 3 - Phụ quyền
- 4 - Người tổ chức đầu tiên
- 5 - Thay đổi chiến thuật
- 6 - Thành công đầu tiên
- 7 - Ý định đầu tiên
- 8 - Bán vợ
- 9 - Bài thơ cảnh nghèo
- 10 - Vợ chưa cưới của ma quỷ
- 11 - Đám cưới thừa kế
- 12 - Quỷ trắng
- 13 - Trung nông
- 14 - Cuộc gặp gỡ tốt đẹp
- 15 - Tổ chức
- 16 - Đêm?
- 17 - Họa trung đặc phúc
- 18 - Chuyện gia đình bê bối
- 19 - Họa vô đơn chí
- 20 - Hợp tác chôn cất
- 21 - Đấu tranh đầu tiên, thắng lợi đầu tiên
- 22 - Thắng lợi tinh thần
- 23 - Hội nông dân Quảng Đông

- 24 - Bần nông
- 25 - Cây rế ở Quảng Đông
- 26 - Con gà trống bằng gỗ
- 27 - Mê tín
- 28 - Trà đũa
- 29 - Cuộc đấu tranh bắt đầu
- 30 - Sống hay chết
- 31 - Biện pháp phát xít
- 32 - Tròn hay vuông
- 33 - Đàn áp
- 34 - Đoàn kết công nhân
- 35 - Các chặng đường đi
- 36 - Thân thuộc bất ngờ
- 37 - Chủ nghĩa xã hội mới của Chang Chung Minh
- 38 - Mưu ông giám đốc
- 39 - Làng đỏ
- 40 - Hội nông dân Quảng Đông
- 41 - Lịch sử một con trâu
- 42 - Chiến tranh cung đình
- 43 - Nông dân Hồ Nam
- 44 - Một cái mũ quái gở
- 45 - Những Đức Phật đáng thương
- 46 - Đảo chính
- 47 - Sự phản bội của Quốc dân đảng
- 48 - Báo động
- 50 - Giấy phút đau khổ
- 50 - Nông dân chống cự
- 51 - Xô viết nông dân muôn năm

Trên đây là tất cả những tài liệu còn lưu giữ được về tác phẩm *Những hồi ký của tôi*... tác giả viết vào khoảng năm 1927 - 1928. Tác phẩm này chắc hẳn mang đậm nét tính chất văn học.

*
* *

Tác phẩm dài *Nhật ký chìm tàu* hiện nay cũng thất truyền.

Mở đầu bức thư viết bằng chữ Pháp đề ngày 28 tháng 2 năm 1930, gửi cho một số người bạn ở nước ngoài yêu cầu giúp đỡ về mặt tài liệu (bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: "Người Việt Nam nhất

là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết một cuốn sách, bằng tiếng Việt, đương nhiên - dưới hình thức "hồi ký du lịch" (nguyên văn "souvenirs de mon voyage"). Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẫu chuyện".

Tiếp theo, tác giả vạch rõ đề cương của cuốn sách gồm ba phần:

I. Trước cách mạng

II. Trong cuộc cách mạng

III. Ngày nay.

Mỗi phần lại bao gồm nhiều điểm rất cụ thể.

Tuy nhiên Bản đề cương sơ tầm được này (công bố lần đầu tiên trên *Nghiên cứu văn học*, tháng 5 năm 1963) mới chỉ là "mâm mống đầu tiên" vì trong khi viết, tác giả không lệ thuộc hoàn toàn vào bản đề cương ấy, đã bỏ đi phần I, các điểm nói về đời sống của nhân dân, các tổ chức cách mạng; và cả phần II, phần nói về các sự kiện, các diễn biến, những khó khăn trở ngại cùng thái độ phản ứng khác nhau của các tầng lớp nhân dân trong cuộc cách mạng đó. "Bác chỉ chú trọng giới thiệu những điều mới lạ, những thành tích xây dựng, bảo vệ đất nước Xô viết từ ngày cách mạng Nga thành công về sau, Bác đã lồng một cách khéo léo phần nào nội dung của hai phần trên vào phần này" (xem bài *Trên đường đi tìm "Nhật ký chìm tàu" của Hồ Chủ tịch*, Tạp chí văn học, số 5/1971, do Ninh Viết Giao ghi lại nội dung tác phẩm theo trí nhớ của các chiến sĩ cách mạng đã được đọc *Nhật ký chìm tàu* trong phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh). Bác đã chia toàn bộ tác phẩm của mình thành 24 "chương" hoặc "bài". Ngoài 24 chương, còn có phần mở đầu và kết luận. Cuối mỗi chương (có người nói: đầu mỗi chương) Bác đều đặt mấy câu thơ lục bát để gọi lại đại ý toàn chương cho người đọc dễ nhớ, dễ thuộc; nó mang tính quán chúng rõ rệt. Theo bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền (tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương) thì các câu thơ nằm trong các chương có khi là hai dòng sáu tám, có khi là lục bát biến thể, ngoài ra còn có một số thơ của nhân vật (mà thực chất là của tác giả) viết theo thể thơ ba chữ hoặc song thất xen lục bát.

*

* *

Nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* có thể tóm lược như sau:

Một chiếc tàu buôn của Pháp không may gặp giông tố, bị chìm đắm ở

ngoài khơi. Hầu hết hành khách trên con tàu đó đều bị thiệt mạng. Riêng có ba anh Pôn (Paul), Zô (Zu) và Râu (một người Âu, một người Phi, và một người Việt Nam - tức anh Râu) làm công ở trên tàu, may mắn còn sống sót. Họ bị trôi dạt lênh đên, rồi được thủy triều đưa vào một hoang đảo. Về sau có một chiếc tàu tuần tiễu của Liên Xô đi qua đây, các thủy thủ Xô Viết đã tìm mọi cách ra sức cứu và đưa họ về Liên Xô. Trên cảng Ôđétxa, họ được đón tiếp nồng nhiệt.

Trong suốt thời gian ở lại Liên Xô, ba anh Pôn, Zô và Râu đã được đối đãi rất tử tế trong tình cảm đồng chí thân thương, đầm ấm. Không những anh em được chăm lo, bồi dưỡng về sức khỏe, mà còn được đi tham quan nhiều nơi trên đất nước của Lênin; tìm hiểu về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, đời sống của nhân dân Liên Xô với bao điều mới mẻ, thú vị... để càng thêm tin tưởng vào tiền đồ sáng lạn của chủ nghĩa xã hội. Không những thế, Đảng cộng sản Liên Xô còn tạo mọi điều kiện cho ba anh em được học tập văn hoá và chính trị để nâng cao trình độ nhận thức và tình cảm cách mạng.

Sau một thời gian nghỉ ngơi và học tập, ba anh Pôn, Zô và Râu đều mong muốn được trở về Tổ quốc yêu quý và đau thương của mình, để cùng với nhân dân tổ chức và tiến hành đấu tranh cách mạng. Trên cảng Ôđétxa ngày nào họ đến, bây giờ họ lại chia tay từ biệt các đồng chí Liên Xô, để trở về thực hiện nguyện vọng chính đáng cao cả đó.

Nhật ký chìm tàu ra đời sau khi Đảng cộng sản Đông Dương thành lập, nó có một giá trị lịch sử đặc biệt. Tiếp theo *Đường Kách mệnh* viết khoảng 1927, tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* viết vào nửa cuối 1930 này, đã đến kịp thời đồng bào quần chúng cách mạng, góp phần giác ngộ ý thức giai cấp, giáo dục tinh thần quốc tế vô sản, đẩy mạnh phong trào cách mạng trong nước tiến lên dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thông qua việc điều tra tác dụng to lớn của tác phẩm này đối với thế hệ các chiến sĩ cách mạng 1930 - 1931, Phạm Lâm và Tống Trần Ngọc trong bài viết *Chung quanh tác phẩm "Nhật ký chìm tàu" của Hồ Chủ tịch (Nghiên cứu văn học, số 5/1965)* đã viết: "*Nhật ký chìm tàu* không những là một tác phẩm phản ánh được hiện thực cách mạng ở Liên Xô lúc bấy giờ, mà còn gieo vào lòng người một niềm tin vô bờ bến. Tác phẩm đã vẽ ra một viễn cảnh xã hội Việt Nam ngày mai huy hoàng, đã đốt lên trong lòng người đọc một ngọn lửa chiến đấu không bao giờ tắt".

Với tầm sâu sắc về nội dung tư tưởng và thành công của nghệ thuật thể hiện có sức tác động mạnh trong quần chúng như vậy, *Nhật ký chìm tàu* là tác phẩm văn học cách mạng đầu tiên viết bằng tiếng Việt, mở đầu cho nền văn học cách mạng hiện đại Việt Nam đi suốt những năm sau. Qua câu chuyện "sinh động, hấp dẫn", đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu cho nhân dân ta hiểu biết thêm về chủ nghĩa xã hội tốt đẹp của Nhà nước vô sản đầu tiên trên

thế giới; động viên nhân dân ta kiên quyết đấu tranh đi theo con đường Cách mạng tháng Mười góp phần đập tan những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù bấy nay nhảm lời vu khống về đất nước vĩ đại của Lênin”. Nhiều đảng bộ địa phương của Đảng ta đã ra nghị quyết lấy cuốn sách này làm tài liệu tuyên truyền về Liên Xô; nhiều đồng chí lão thành cách mạng đã thuộc lòng cuốn *Nhật ký chìm tàu*. Còn kẻ thù thì cho đó là “một vũ khí lợi hại của cộng sản” (Công văn Sở mật thám 1931) nên nghiêm cấm lưu hành, tàng trữ và ráo riết tịch thu cuốn sách ấy” (*Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 183).

Trước khi bản Đề cương tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* lần đầu tiên được công bố (tháng 5 năm 1963), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nói về tác phẩm này tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, cuối năm 1962. Người kể lại cho các đại biểu dự đại hội nghe, câu chuyện lý thú về những ngày hoạt động Cách mạng, Người phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp... Cũng có khi làm văn nghệ. Người có viết một quyển sách về cách mạng tháng Mười. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu? Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó... không tịch thu được người viết vì hai anh em (Bác và cụ Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa đây mới nghe đồng chí Tố Hữu có xem quyển ấy” (*Chúng ta có Bác Hồ*, tập II, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 1970, trang 72). Bản in bằng đất tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, may mắn cho chúng ta, đã “lọt” về được trong nước, sau đó được Trung ương Đảng ta bí mật in litô (96 trang). Tháng 3 năm 1931, *Nhật ký chìm tàu* lại được bí mật ấn hành tại liên huyện Diễn Quỳnh hơn 1.000 cuốn in thạch, ra hai thứ tiếng: quốc ngữ và chữ nôm. Bản quốc ngữ dày 112 trang, bản chữ nôm 120 trang trên giấy bản. (Theo tài liệu của Nguyễn Đình Hiền đã dẫn, thì một phần ba số lượng phát hành là chữ quốc ngữ, còn là chữ nôm). Trên bìa sách, ngoài bốn chữ *Nhật ký chìm tàu* viết to, phía bên trái có bốn chữ “Không phải sách bán” trong vòng đơn và gạch dưới, bên phải là ba chữ Hán “phi mại phẩm”, phía dưới mé bên phải có dấu hình bầu dục, vòng ngoài ghi *Bị áp bức dân tộc liên hiệp hội chi bộ*, vòng trong chữ Hán nghĩa tương tự.

Cho đến nay, nguyên bản *Nhật ký chìm tàu* chưa tìm lại được, chỉ mới thấy tờ bìa và bản Đề cương...

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* kèm theo một số câu thơ in theo các chương trong tác phẩm còn thất truyền đó, căn cứ vào các bản sưu tầm của Phạm Lâm, Tống Trần Ngọc, Ninh Viết Giao; và bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền, người đã may mắn được trực tiếp tham gia in thạch *Nhật ký chìm tàu* tháng 3 năm 1931 ở Diễn Quỳnh, Nghệ An.

Nội dung
NHẬT KÝ CHÌM TÀU
(Qua các bản sưu tầm đã được công bố)

LỜI MỞ ĐẦU:

Một chiếc tàu thủy của Pháp bị chìm ở biển khơi. Hầu hết hành khách đều bị chết đuối. Chỉ có ba anh Pôn (Paul), Zô và Râu, một người Âu, một người Phi và một người Việt⁽¹⁾ làm công nhân trên tàu còn sống sót. Họ bị dạt vào một hoang đảo. Về sau có một chiếc tàu Nga đi qua, thủy thủ thấy họ, bỏ xuồng xuống cứu, rồi mang về nước. Trong thời gian ở Nga, họ đã được đối đãi rất tử tế. Không những được bồi dưỡng sức khoẻ, họ còn được tham quan đây đó, trò chuyện và tìm hiểu về đời sống của công nhân và nông dân Nga, tìm hiểu về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá... của Nhà nước Xô Viết đầu tiên trên thế giới. Cuối cùng, theo nguyện vọng của họ, ba anh em được các đồng chí Nga cho về xứ sở.

Nhật ký chìm tàu kể lại những điều mắt thấy tai nghe của ba nhân vật ấy trên quê hương Cách mạng tháng Mười dưới hình thức hồi ký du lịch, đã gửi cho Đảng cộng sản Đông Dương để lưu hành, đăng quần chúng xem biết.

CHƯƠNG I

Ba anh Pôn, Zô và Râu là những người dân mất nước hoặc nô lệ, quyết chọn đường đi tìm chân lý đầy chông gai, khổ cực, ấp ủ hoài vọng được thấy tận mắt chân trời tươi sáng độc lập tự do. Họ bị mất quyền chính trị, kinh tế nên cùng nhau đem bán sức lao động cho tư bản Pháp trên một chiếc tàu thủy. Trong một chuyến đi, chiếc tàu này vơ vét được rất nhiều nguyên vật liệu của xứ thuộc địa Đông Dương mang về nước Pháp như các thứ khoáng chất vàng, bạc, đồng, thiếc, rồi than, gỗ quý, các loại ngà voi, sừng tê giác v.v.... Ngoài ra chiếc tàu cũng chở khá nhiều trâu, bò, dê... Bọn thực dân Pháp mang các sản vật ở thuộc địa về cống hiến cho đế quốc Anh, Mỹ, hòng trừ nợ khoản chiến phí trong cuộc Âu châu đại chiến (từ 1 tháng 8 năm 1914 đến 11 tháng 11 năm 1918).

Do tham lam chở nặng quá, đi được một số ngày đường, ra đến giữa biển khơi, tàu bị đắm. Nhiều người Âu, người Phi, người Việt khác trên tàu đều bị

(1) Trong bài của Phạm Lâm và Tống Trần Ngọc (đã dẫn) thì tên của ba người là Pôn, Ba và Râu, nhưng đồng chí Bùi Quán và nhiều người nữa nói chắc rằng tên của họ là Pôn, Zô và Râu. Chúng tôi tạm ghi lại để bạn đọc tham khảo. Zô là một tên người, gọi tắt, thường được dùng ở châu Phi da đen. Râu, qua câu chuyện được tường thuật lại, ta được biết đó là người Việt Nam. Trong bản của Ninh Viết Giao ghi tên của ba nhân vật như trên.

chết. Ba anh Pôn, Zô và Râu ôm được một mảnh ván. Sóng đánh giạt các anh vào một đảo hoang. Thật là:

*Mênh mông trên biển dưới trời
Một hòn hoang đảo ba người lưu ly.*

CHƯƠNG II

Đã bị uống nước nhiều, lại phải nhịn đói lâu ngày, ba người nằm trên hoang đảo chỉ chờ chết. Có lúc họ lết đi quanh đảo, nhưng đảo này toàn là cát trắng, vỏ ốc hoa, xà cừ và các chim cò đến ỉa rác. Họ đã xé áo, buộc vào một cái que làm cờ hiệu rồi cắm lên để hoạ may có chiếc tàu nào đi qua biết mà đến cứu.

Đang lúc thần chết đến kề bên thì may thay có một chiếc tàu Nga đi tuần tiểu trên hải phận quốc tế. Nhờ có kính viễn vọng nên nhìn lên hoang đảo, thuyền trưởng tàu này thấy bóng cờ trắng rồi nhận ra ba người. Họ được thủy thủ cặp xuồng đến cứu. Lúc đó, ba người đã gần như bất tỉnh. Đưa lên tàu, họ được cứu chữa ngay. Các thủy thủ Nga đưa áo quần cho ba anh thay, làm ấm phòng cho ba anh sưởi, đem bơ sữa cho ba anh ăn. Khi tỉnh hẳn, ba anh cảm động và biết ơn những người đã cứu mình vô cùng. Vì ngôn ngữ bất đồng, nên ba anh không trao đổi ý kiến được mà chỉ biết đây là thủy thủ một chiếc tàu Nga đã cứu mình. Dần dần, bằng nhận xét thực tế, ba anh thấy rõ chiếc tàu Nga này khác hẳn chiếc tàu Tây về nhiều mặt: về quan hệ giữa người với người trên tàu, về thái độ đối xử với nhau, về chế độ đãi ngộ, chế độ lao động, v.v.... tất cả đều bình đẳng, tự giác, thân ái. Đặc biệt mọi người xưng hô với nhau bằng danh từ “đồng chí”. Ba anh chú ý nhất là cây cờ búa liềm và hai bức chân dung khổ lớn có lồng khung treo trang trọng ở phòng sĩ quan; hỏi ra thì một bức là Các Mác, một bức là Lênin. Ba anh đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

*Lạ thay trong chiếc tàu này.
Cái gì cũng khác tàu Tây mình làm.*

CHƯƠNG III

Chiếc tàu Nga cứu ba anh xong liền đánh điện về nước. Khi tàu cặp bến Nga, ba anh thấy dưới bóng cờ đỏ chói lọi, nhân dân Nga đứng chờ khá đông. Một ít anh em Hồng quân cũng có mặt. Từ thân phận thấp hèn phải đi làm công, bị mắng, bị đánh, bị cúp tiền lương, ba anh không ngờ mình lại được đón tiếp một cách long trọng, niềm nở như vậy. Bao nhiêu suy nghĩ xôn xang, bao nhiêu câu hỏi náo nức trong lòng. Cảm động quá, ba anh không nói được câu nào trước thái độ vốn vã và cởi mở của những người bạn Nga. Một bầu không khí dạt dào, vừa triu mến thân thương, vừa đầm thắm chí tình bao phủ lấy họ:

*Gió cao tiếng hạc càng cao.
Ba quân chỉ ngọn cờ đào kéo ra⁽¹⁾*

CHƯƠNG IV

Pôn, Zô và Râu được coi là những khách quý. Ba anh được các đồng chí Nga đưa tới một khách sạn ở Ôđétxa để nghỉ chân. Vừa mới bước tới ngưỡng cửa, có một cô gái xinh đẹp khoảng hai mươi tuổi ra chào, rồi mời ba anh vào phòng thay quần áo. Mặc những bộ quần áo mới thơm tho xong, ba anh được cô gái ấy bung sữa tới mời uống. Tiếng họ ngạc nhiên nhất vẫn là tiếng “đồng chí”. Ai cũng là đồng chí.

Không phải chỉ cô gái ấy mà những người phục vụ khác cũng đều niềm nở vui tính, cởi mở. Lúc nào họ cũng coi ba anh em như anh em ruột thịt. Cả khách khứa ra vào cũng thế. Thấy ba anh, ai cũng tay bắt mặt mừng. Tất cả đều tận tình với một tình thần quốc tế vô sản rất trong sáng:

*Rằng nay bốn bề một nhà,
Cùng là bè bạn, cùng là thân yêu.*

CHƯƠNG V

Sau ba tháng trời nghỉ ngơi, tắm bổ, giải trí ở Ôđétxa, Pôn, Zô và Râu, được các đồng chí Liên Xô đưa đi tham quan từ nhà máy này đến nông trường khác. Công cuộc cơ khí hoá của Liên Xô đang được tiến hành. Ba anh thấy nhiều máy móc thay thế sức người. Máy làm việc nặng, người làm việc nhẹ. Máy chạy rầm rầm. Bất cứ chỗ nào việc sản xuất ra của cải vật chất cho chủ nghĩa xã hội cũng được Chính phủ công nông tổ chức một cách quy mô, có kế hoạch. Công nhân làm chủ các nhà máy. Đoàn kết trong tổ chức công hội, họ quản lý xí nghiệp. Họ làm việc một cách tự giác, phấn khởi với ý thức kỷ luật cao.

Cũng như nhà máy là của công nhân, nông trường là của dân cày. Có hai loại nông trường: nông trường quốc doanh (sovkhoz) và nông trường tập thể (kolkhoz). Nông trường quốc doanh do Nhà nước quản lý. Nông trường tập thể do nông dân tập thể quản lý. Nông trường nào cũng có nhiều máy móc thay thế sức người và sức trâu bò, như máy cày, máy bừa, máy gặt, máy cắt cỏ, máy đưa cỏ về cho trâu bò ăn...

So với trước Cách mạng, công nông Nga đã thay đổi hẳn:

*Công nông Nga có ngày nay,
Cũng đã nếm mật nằm gai mấy lần.*

(1) Hai câu này không khớp lắm với nội dung chương III, nhưng nhiều người kể như vậy, nhiều bản ghi như vậy, nên vẫn giữ nguyên, không lược bỏ, chờ xác minh sau.

CHƯƠNG VI

Trên đường đi tham quan các nơi, ba anh em lại được đi an dưỡng. Họ an dưỡng tại một khu vực dành riêng cho thợ thuyền. Ở đây, họ thấy một số thợ già yếu, mệt mỏi, được Nhà nước cho đến nghỉ ngơi, nhưng vẫn được bồi dưỡng, được hưởng lương cùng mọi quyền lợi khác như khi đang làm việc. Những cụ già ngoài sáu mươi tuổi kể cho ba anh nghe rằng: Dưới chế độ Nga hoàng, chúng tôi phải lao động mười bốn tiếng đồng hồ một ngày mà chưa đủ cơm ăn, áo mặc. Bao nhiêu bệnh tật đến hoành hành. Bao nhiêu cảnh thất nghiệp, đói khát đe dọa. Rồi bị đánh, bị phạt. Thân hình chúng tôi tiêu tụy, con cái nheo nhóc. Nghèo đói bám riết lấy chúng tôi. Bây giờ Chính phủ cách mạng thi hành luật lao động mới. Mỗi người làm việc tám giờ một ngày. Ai làm những công việc nặng nhọc, thời gian lao động có thể ít hơn. Lao động có thành tích thì được khen thưởng. Ấy là chưa kể các chính sách bảo hiểm lao động khác để giữ gìn sức khỏe cho công nhân. Cách mạng Nga mới thành công được một thời gian ngắn mà số người sống trên sáu mươi tuổi đã tăng hẳn lên so với trước:

*Sung sướng thay thợ thuyền Nga,
Ngày làm ngày nghỉ đều là có lương.*

Râu nghĩ đến Công xã Pari (18 tháng 3 năm 1871) sáng tác mấy câu thơ:

*Công xã thất bại nhưng mà
Ảnh hưởng công xã sâu sa vô cùng:
Nước Nga cách mạng thành công
Cũng bởi Công xã treo gương sau này.
Anh em hỡi gặp ngày kỷ niệm (18 tháng 3)
Nghiên cứu tường kinh nghiệm lớn lao
Rồi đem phổ biến cho nhau...*

CHƯƠNG VII

An dưỡng thêm một thời gian, ba anh được đi thăm một vùng nông thôn. Ba anh được biết rằng, sau khi Chính phủ Xô Viết giành chính quyền, bọn culắc đã bị phân hoá, rồi sau đó bị tiêu diệt. Nông thôn ngày càng xích hoá. Bọn mensêvích và bọn torótkít cũng lần lượt bị quét sạch. Bao nhiêu ruộng đất đều chia cho dân cày nghèo. Gặp những người nông dân đang chăm chỉ, vui vẻ cày trên những cánh đồng mênh mông bát ngát thẳng cánh cò bay, do mình làm chủ, ba anh được nghe họ nói lên những lời biết ơn cách mạng, biết ơn Đảng của giai cấp vô sản Nga, Đảng bôn-sê-vích. Đúng là:

*Bàn nông có ruộng mà cày,
Cũng bởi Cách mạng ra tay đỡ đần.*

CHƯƠNG VIII

Có ruộng đất rồi, nông dân không còn làm ăn riêng rẽ. Trước khi thành lập các nông trường, họ xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Khắp mọi nơi đều có hợp tác xã. Sự ăn ở đều có tổ chức. Ruộng đất, sức kéo, công cụ canh tác đều là của chung. Việc làm có giờ giấc và được quản lý chặt chẽ. Ai cũng có ý thức làm chủ, do đó, lợi người, lợi công, lợi của. Nhờ vậy, họ có điều kiện học thêm văn hoá, nâng cao hiểu biết về khoa học kỹ thuật, luyện tập thể dục thể thao, xem chớp bóng, diễn kịch, thưởng thức ca nhạc, đọc sách báo... Rõ ràng là:

*Lẻ loi đã tồn tại hao,
Chung nhau hợp tác, đường nào lợi hơn.*

CHƯƠNG IX

Pôn, Zô và Râu đến thăm một cái chợ hàng sách. Ba anh thấy không biết cơ man nào là sách. Họ được biết ở Nga cứ một vùng thì có một cái chợ hàng sách. Các chợ hàng sách mới có vào khoảng đầu kế hoạch 5 năm xây dựng kinh tế lần thứ nhất (1928 - 1933). Sách in nhiều và ở đâu cũng có bán như vậy là vì 95% nhân dân Nga đã biết chữ. Ở đây, học trung học mới gọi là học. Dân Nga ai cũng đi học. Trẻ con học trong các trường phổ thông. Người lớn học tại các lớp học ban đêm, các lớp học ngoài giờ lao động. Sách là người bạn của dân Nga. Sách đã góp phần nâng cao dân trí:

*Sách là bổ ích tinh thần,
Sách mà vào tới tai dân mới là...*

CHƯƠNG X

Rời chợ hàng sách, ba anh vào thăm một thư viện. Ở Nga, mỗi nhà máy, công trường, nông trường, trường học... đều có một thư viện. Mỗi thư viện có nhiều loại sách báo của các nước. Ngoài Nga văn, còn có Anh văn, Pháp văn, Trung văn, Quốc tế ngữ...

Ba anh giở một cuốn sách nhỏ có thể bỏ túi được. Đó là cuốn huấn luyện chính trị thường thức. Ba anh lật nhiều cuốn khác, nào luận cương chính trị, duy vật sử quan, lịch sử nhân loại, vấn đề dân tộc... Đọc qua những cuốn sách ấy, ba anh thấy mình mở mắt ra được nhiều, biết thêm nhiều điều mới lạ mà trước đây còn mờ昧. Bất giác Râu nhớ câu: “Độc thư bất vong cứu quốc, cứu quốc bất vong độc thư” (nghĩa là: đọc sách chớ quên cứu nước, cứu nước chớ quên đọc sách) mà trước đây anh đã đọc.

Trong thư viện, ba anh thấy các độc giả, nam có, nữ có, già có, trẻ có, đang chăm chú đọc sách. Có ba anh đến thăm, họ đưa mắt nhìn với vẻ tò mò rồi lại say mê đọc sách:

*Sách là thuốc chữa tội ngu,
Dân Nga ham sách nên mau thịnh cường.*

CHƯƠNG XI

Rời thư viện, ba anh đi thăm một số đơn vị bộ đội và công binh xưởng. Ba anh thấy rõ một điều là ở Nga, mọi công dân đều có nhiệm vụ tòng quân. Tạm biệt quê hương để đi nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc là một vinh dự lớn, ai cũng tự nguyện, phấn khởi. Quan hệ giữa sĩ quan và binh lính cũng khác hẳn: bình đẳng, thương yêu. Các quân nhân luyện tập về chiến lược tác chiến, về kỹ thuật chiến đấu, và được học nhiều về chính trị văn hoá.

Ở Liên Xô, kỹ nghệ quốc phòng được đặt vào hàng trọng yếu. Mà kỹ nghệ quốc phòng cũng phải độc lập. Mặt khác, vũ khí cũng phải nằm trong tay nhân dân, vũ khí không thể thay thế sức người. Sức mạnh căn bản để bảo vệ nước nhà là công nông. Ba anh tin tưởng rằng nếu mai đây có xảy ra một cuộc chiến tranh xâm lược đất nước Liên Xô thân yêu, thì Liên Xô có khả năng, có điều kiện để thực hiện “toàn dân vi binh”, và nhất định giành chiến thắng về mình:

*Công nông gìn giữ nước nhà
Dân là dân lính, lính là lính dân.*

CHƯƠNG XII

Có lính, có vũ khí rồi mà không có lương ăn cũng chẳng làm nên trò trống gì. Pôn, Zô, Râu được nghe giới thiệu về nhân dân Nga đang ra sức thi đua xã hội chủ nghĩa để vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong kế hoạch này, lúa mì sẽ không những đủ ăn mà còn bán ra nước ngoài. Rồi các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm cũng sẽ phát triển. Có như thế thành trì mới giữ vững, quần chúng mới yên vui. Để quốc chẳng dám ngo ngoe. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mới được thực hiện chưa được hai năm mà công nghiệp Liên Xô đã khá lắm. Thật là “Túc thực, túc binh, dân tin chí hĩ” (nghĩa là: lương đủ, binh đủ, dân tin - chế độ sẽ vững vậy). Ta cũng có câu: “Thực túc binh cường, non lương xếu rêu”⁽¹⁾.

.....
.....⁽²⁾
.....

CHƯƠNG XIII

Nhà nước Xô Viết phát triển kinh tế, cố nhiên là sẽ mở thêm nhiều hải cảng, lập thêm nhiều nhà máy, sản xuất thêm nhiều mặt hàng... để làm cho đất

(1) Câu này là thành ngữ của địa phương Nghệ - Tĩnh.

(2) Những chỗ chấm là những câu lục bát chưa tìm ra.

nước phồn vinh. Kỹ nghệ nặng được ưu tiên phát triển. Nhiều nước đã đặt mua hàng của Nga.

Trong bước đầu thực hiện nền công nghiệp hoá vĩ đại của nước nhà, nhân dân Liên bang Xô Viết đã phải tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ, cần cù sáng tạo trong lao động, nêu một tấm gương chói lọi cho vô sản năm châu. Dù rằng “canh điền nhi thực, tạc tỉnh nhi ẩm” (cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống), song Liên Xô vẫn nghĩ nhiều đến việc giúp đỡ vô sản năm châu. Bởi cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ thành công trong một nước mà sẽ thành công trong nhiều nước. Vô sản năm châu đang đói cơm khát nước. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội là thúc đẩy vô sản các nước đấu tranh.

.....

.....

CHƯƠNG XIV

Ba anh được đến xem một phòng triển lãm. Tại đây, người ta giới thiệu cho ba anh, bằng hiện vật và bằng tranh ảnh, lịch sử đấu tranh của giai cấp vô sản từ khi học thuyết Mác ra đời cho đến ngày Cách mạng tháng Mười thành công. Ba anh cũng chú ý đến một gian phòng thể hiện giai đoạn lịch sử nhục nhã của nước Nga. Cũng bởi vì chế độ quân chủ Nga hoàng hà khắc, tham lam muốn chiếm Bắc Mãn Châu, bán đảo Liêu Đông, thành Phụng Thiên và nhiều nơi khác... nên đem công nông Nga ra chiến trường đánh nhau với một tên cướp hung hãn khác là Nhật Bản, và cuối cùng bị Nhật Bản đánh thua liểng xiểng. Trong cuộc chiến tranh như vậy, bao nhiêu công nông Nga bị đâm chém bởi lưỡi lê của đế quốc Nhật Bản. Một trận ở thành Phụng Thiên, quân đội Nga hoàng đã mất mười hai vạn người. Bao gia đình tang tóc.

Hết những khốc liệt ấy đến Đại chiến thế giới thứ nhất. Ngày 1 tháng 8 năm 1914, Đức tuyên chiến với Pháp. Sau đó Nga cũng tham chiến. Chiến tranh xảy ra ác liệt. Chiến tranh đế quốc đã lấy đi hàng triệu mạng người, chết trận, bị thương, chết vì bệnh dịch. Chiến tranh tàn phá nền kinh tế quốc dân Nga. Đảng Cộng sản (B) ra khẩu hiệu:

- Đả đảo đế quốc chiến tranh.
- Đối đế quốc chiến tranh ra chiến tranh cách mạng.
- Thiết lập chính quyền công nông.

Được nhân dân Nga hưởng ứng, Nga hoàng bị đánh đổ, Chính phủ cộng hoà Liên bang xã hội Xô viết được thành lập, bao gồm mười sáu dân tộc.

Hết sức phấn khởi trước thành công của Cách mạng tháng Mười và việc chấm dứt cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất, nhưng ba anh cũng không khỏi buồn ngủi khi nghe nói đến những đau thương do chiến tranh đế quốc gây ra. Càng căm thù chủ nghĩa đế quốc, ba anh càng thấy cần phải tiến hành cách

mạng vô sản để giải phóng dân tộc và giai cấp.

.....

.....

CHƯƠNG XV

Đại chiến thế giới lần thứ nhất vừa kết liễu thì sau đó mười bốn nước đế quốc thì nhau phá hoại nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Rồi bọn tư sản, địa chủ, bạch vệ... cũng nổi dậy khắp nơi trong nước. Liên Xô đã phải trải qua một thời gian chống thù trong giặc ngoài vô cùng gian khổ, song cũng vô cùng anh dũng. Mãi năm 1921, nhân dân Liên Xô mới đánh bại bọn phản động, tay chân của đế quốc, và đè bẹp các cuộc tấn công bằng quân sự của tư bản đế quốc, chuyển sang thời kỳ hoà bình khôi phục nền kinh tế quốc dân, thực hiện chính sách kinh tế mới. Đó là “an nhi tư nguy, trị nhi tư loạn” (nghĩa là: trong lúc yên mà nghĩ đến lúc nguy, trong lúc trị mà nghĩ đến lúc loạn). Tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh càng được nâng cao. Thật là “Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tác tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế nhi thực, hà hữu ư ngã tai” (nghĩa là: Mặt trời mọc đi làm, mặt trời lặn về nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, quyền lực hoàng đế, với ta có gì).

CHƯƠNG XVI

Hiểu rằng nếu quốc phòng không củng cố, không phát triển thì không thể bảo vệ được đất nước, cho nên trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Liên Xô đã mở rộng việc chế tạo tàu thủy, bắt đầu chế tạo được tàu ngầm và tàu phá băng để chuẩn bị đi qua miền Bắc cực. Như vậy là hải quân của Liên Xô sẽ lớn mạnh.

Còn về không quân thì máy bay của Liên Xô đã đuổi được “con chim đại bàng”, một loại máy bay của Đức. Máy bay của Mỹ lúc đó còn phải lánh “con chim đại bàng”. Nhưng Liên Xô vẫn chưa bằng lòng với mình. Các kỹ sư hàng không Liên Xô đang ra sức nghiên cứu để chế tạo nhiều loại máy bay tinh xảo hơn, tối tân hơn.

.....

.....

CHƯƠNG XVII

Pôn, Zô, Râu đi thăm một số nơi khác. Các làng mới ở Liên Xô không khác gì các thị trấn. Ở đây, nhiều làng đã có máy điện và máy thu thanh. Nông dân người nào cũng có nhà ở. Họ được tự do hội nghị, tự do bầu cử, ứng cử. Họ không phải luồn cúi, phải “tha phương cầu thực” như ngày trước nữa. Cái

quý nhất đối với họ là tự do.

Còn ở thành thị thì các nhà máy cũ đang được củng cố, mở rộng, các công trường xây dựng nhà máy mới chỗ nào cũng có. Ngoài ra, là các công sở. Cũng như nông dân, công nhân đều có nhà ở, trái hẳn với nước Mỹ, hàng chục vạn công nhân không có nhà ở, trong khi tư bản có những toà nhà cao ngất trời. Công nhân ở Nga là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Họ có Đảng tiên phong (B) vô cùng anh hùng và sáng suốt. Chính Đảng này đã đem lại tự do thực sự cho các dân tộc, cho vô sản giai cấp, cho quần chúng trong Liên Bang:

*Nước Nga có chuyện lạ đời
Biến người nô lệ thành người tự do.*

CHƯƠNG XVIII

Ở chương này ba anh trích dịch một đoạn trong một bài học ở nhà trường phổ thông, đại ý như sau:

Do hai nguyên nhân chính về chính trị và kinh tế mà sinh ra bất bình đẳng. Tư bản có chính phủ, chính phủ của giai cấp tư bản. Bọn chúng đưa người ra làm vua, làm tổng thống. Bọn chúng là giai cấp thống trị. Về chính trị, chúng không cho những người bị trị, những người lao động một chút tự do. Về kinh tế, bọn chúng bóc lột sức lao động của người lao động bằng thặng dư giá trị. Tiền lương chúng trả quá bất công. Ví dụ, trong khi chúng trả cho những kỹ sư tay chân của chúng 1.200 đồng một tháng thì lương công nhân chỉ 6 đồng. Đó là chưa nói bọn tư bản ngồi mát ăn bát vàng. Người công nhân đói khổ không biết kêu ai. Chỉ có tự cứu lấy mình bằng cách liên hiệp lại làm cách mạng.

Chỉ bằng con đường ấy mới thoát khỏi cái cảnh:

*Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa⁽¹⁾*

CHƯƠNG XIX

Dưới chế độ phong kiến, Nga hoàng rất dâm bạo, tàn ác, bao nhiêu cô gái đẹp phải làm “đồ tiến” - món hàng chơi - cho vua. Nếu không cũng bị vua hay bọn quan lại hãm hiếp. Mang uất hận này, Narêdin đã làm náo động hoàng cung để cứu Miara, người yêu của mình, ra khỏi hang hùm nọc rắn.

Đâu phải chỉ Nga hoàng nhiều vợ mà bọn tư bản, bọn *culắc* đứ đũa nào cũng lắm vợ không chính thức.

Còn công nhân và nông dân, những người khổ rách áo ôm, rất khó khăn trong việc lấy vợ, lấy chồng.

Chế độ Nga hoàng bị đánh đổ, Nhà nước Xô Viết đã thi hành luật “nhất phu

(1) Có người nhớ chữ *quét* là *cướp*.

nhất phụ”, nam nữ bình đẳng bình quyền. Trong xã hội không còn cái cảnh:

Trai làm nên năm thê bảy thiếp

Kẻ nghèo hèn suốt kiếp không nhông⁽¹⁾

Đàn bà ở Nga được hưởng mọi quyền tự do, hạnh phúc như nam giới, có nhiều người làm chủ tịch các nông trường. Làm thủ trưởng các cơ quan của nhà nước:

*Khắp năm châu phận đàn bà,
Có đâu mà được như Nga bây giờ.*

CHƯƠNG XX

Ba anh được đến thăm một trại nhi đồng (ấu trĩ viện). Nhà nuôi dạy trẻ sắp xếp các cháu nhi đồng theo lứa tuổi lớn bé khác nhau. Những người được cử ra chăm sóc thường là phụ nữ. Họ có nhiệm vụ nuôi các cháu: chóng lớn, chóng khôn, không chết. Ở đây các cháu được tập chơi, tập hát, tập giữ vệ sinh, tập ăn nói... tập làm một công dân tí hon của Nhà nước Xô Viết. Nhiều cháu khô ngô, ngoan ngoãn và hết sức bụ bẫm. Các cháu hiểu biết rất nhanh. Có cháu mới lên năm tuổi đã biết nặn tượng theo hình vẽ truyền thần và nhiều hình khác. Những người phụ trách trại nhi đồng nói cho anh Pôn, Zô và Râu biết rằng: đó là mầm non, là tương lai của Tổ quốc, của chế độ xã hội chủ nghĩa, nên phải hết sức nâng niu, nuôi dạy:

*Từ khi mới lọt lòng ra,
Trẻ con đã được dân Nga phù trì.*

CHƯƠNG XXI

Các em thiếu nhi từ những trẻ chăn dê, cừu, trâu, bò... ngoài đồng cũng được tổ chức thành đội ngũ cách mạng gọi là Đồng tử quân (pionnier). Các em được các bậc huynh trưởng bày dạy cho hiểu cách mạng từ khi lên bảy, tám tuổi, ngoài việc học văn hoá trong các trường phổ thông. Nhà trường và đoàn thể phối hợp với nhau để giáo dục cho các em: Lòng yêu Tổ quốc, tính thật thà, dũng cảm, tính ham học, biết trọng người lớn...

Râu liên tưởng đến những anh hùng dân tộc từ lứa tuổi trẻ măng, như Thánh Gióng phá tan giặc Ân; Đinh Bộ Lĩnh thuở bé chăn trâu cùng với các bạn mục đồng, lấy bông lau làm cờ tập trận, thao luyện quân sự; Trần Quốc Toản mới tuổi thiếu niên đã tham gia cùng cha anh cầm quân đánh thắng giặc Nguyên; Hoàng Hoa Thám lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, đã từng đi ở hầu hạ người ta, chăn trâu vất vả...

(1) *Nhông*: tiếng nghệ nghĩa là chồng.

Ba anh được nghe những mẩu chuyện về thiếu nhi Liên Xô đã anh dũng thông minh trong cuộc kháng chiến vệ quốc:

Trẻ sao khôn lớn lạ đời

Cũng bởi cách mạng dạy cách nuôi phải đường

CHƯƠNG XXII

Ngoài các trường học khác, ở Liên Xô còn có trường học làm cách mạng. Đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tại Mạc Tư Khoa, đã có trường dành riêng cho các nước, thuộc đủ các lục địa, các màu da. Liên Xô không xuất cảng cách mạng, nhưng đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước. Liên Xô đặc biệt chú ý đến Châu Á, nên đã xây dựng riêng cho các dân tộc phương Đông một ngôi trường lớn. Người các nước sang học không những học chủ nghĩa Mác - Lênin, học phương pháp làm cách mạng, học Liên Xô, mà còn học lẫn nhau để cùng tiến bộ. Học sinh học tại các trường ấy đối xử với nhau rất thân ái, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt màu da, không phân biệt trình độ văn minh. Họ coi nhau như ruột thịt. Bởi họ cùng mang một lý tưởng cao đẹp là giải phóng nhân loại ra khỏi mọi ách áp bức, đưa loài người đến chỗ no ấm, tự do. Cho nên:

Rằng đây bốn bể một nhà,

Vàng đen trắng đỏ đều là anh em

CHƯƠNG XXIII

Ba anh Pôn, Zô, Râu, được các đồng chí Nga đưa vào học tại một trường huấn luyện cán bộ. Càng học ba anh em càng thấy học thuyết Mác - Lênin vô cùng quý giá. Lần đầu tiên đọc bản luận cương tóm tắt của Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng thuộc địa, Râu nhận thấy sức thuyết phục và sức hấp dẫn vô cùng mãnh liệt của học thuyết Lênin đối với những người dân mất nước khát khao độc lập tự do. Anh nghĩ rằng: cách mạng thuộc địa là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới; cách mạng thế giới chẳng khác gì con chim có hai cánh mà khối liên hiệp các dân tộc thuộc địa là một trong hai cánh đó. Rằng: chủ nghĩa tư bản chẳng khác gì một con đĩa đói có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản trong nước và một cái vòi bám vào giai cấp vô sản các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nếu người ta muốn giết con vật đó thì phải đồng thời cắt cả hai vòi; nếu chỉ cắt một cái vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục sống và cái vòi đã bị cắt sẽ lại mọc ra...

Râu đọc xong, đặt tài liệu lên án sách, tiếp tục nghiền ngẫm, phân khởi, hồ hởi, nhưng vẫn không nén được nỗi niềm căm hờn uất ức chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc thực dân Pháp nói riêng. Anh có mấy dòng thơ:

*Đề quốc Pháp!
Mây ơi mây,
Nan đào thoát
Về phương Tây...
Sắp đến ngày
Mây tan xương*

Học thuyết Mác - Lênin, đó là cái chìa khoá để mở ra con đường độc lập, tự do, hạnh phúc, con đường cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội, giải phóng loài người. Ba anh muốn Việt Nam và các nước khác cũng đi theo con đường mà Liên Xô đã dẫn đầu.

Tiếp đó, ba anh gặp một cuộc họp Quốc tế cộng sản tại Mạc Tư Khoa. Ba anh mừng rỡ thấy trong số đại biểu đi họp và trúng cử vào Ban chấp hành có một người Việt Nam. Như vậy là người Á Đông biết làm cách mạng:

*Dân Nga cách mạng thành công,
Dạy cho dân tộc Á Đông cách làm*

CHƯƠNG XXIV

Trong thời gian ở Nga, ba anh đã được nghe kể nhiều chuyện, đi thăm nhiều nơi, đã được học ở trường Đảng. Ba anh nghĩ đến xứ sở quê hương, muốn đem những điều mình học được, hiểu được về nói cho bà con nghe để bà con nghĩ đến thân phận nước mình, người mình. Song người nào cũng có tâm trạng: ở cũng tiếc mà ra về cũng tiếc. Cuối cùng ba anh quyết tâm ra về. Anh người Âu và anh người Phi dùng dằng mãi vì thấy nước Nga đẹp quá tốt quá, cái gì cũng lạ, cũng tài. Song một người Nga nói: “Muốn thế cũng khó mà cũng không khó. Nước Nga đã làm được chắc chắn các nước cũng làm được”. Anh Râu thì nghĩ rằng Việt Nam nhất định làm được. Nhiệt liệt cảm ơn nhân dân Liên Xô đã làm cho họ giác ngộ, một buổi sáng, cũng tại cửa biển Ôđétxa, ba anh xuống tàu về nước:

*Bâng khuâng muốn ở muốn về,
Đem lời vàng đá đến nghị công nông.*

*

Phản kết luận nhìn lại bao quát quá trình chiến thắng của cách mạng Nga, sự lãnh đạo sáng suốt, dũng cảm, tài tình, nhân đạo cao cả của Lênin và Đảng Cộng sản bônscévich vĩ đại:

*Không bột sao gạt nên hồ
Tay không xốc nổi cơ đồ, cừ không!*

PHẦN II

VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT CŨNG LÀ MỘT MẶT TRẬN

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã dạy: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể ở ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị”. Trong từng giai đoạn lịch sử, tùy theo tình hình nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của cách mạng, Người đã chỉ rõ phương hướng và nhiệm vụ của công tác văn hoá, văn nghệ để từng bước xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điểm xuất phát trong toàn bộ đường lối văn nghệ của Người là văn nghệ phải phục vụ cách mạng. Vì vậy, để có một sự nhận thức đầy đủ về đường lối văn nghệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần phải nghiên cứu toàn bộ những trước tác của Người, đặc biệt những trước tác của Người về lý luận cách mạng nói chung và về đường lối chính trị cứu nước nói riêng.

Nhiệm vụ sưu tầm, biên soạn do đó không chỉ hạn chế trong những bài viết và nói trực tiếp về văn học, nghệ thuật. Cho nên, trong một chừng mực nào đó, chúng tôi tuyển chọn cả một số bài hoặc đoạn văn tuy không trực tiếp đề cập đến những vấn đề văn hoá, văn nghệ, nhưng lại có tầm quan trọng về mặt triết học, về phương diện nhận thức khoa học đối với các vấn đề văn hoá, văn nghệ; đối với hoạt động của tư duy nói chung; đồng thời có thể giúp ích cho chúng ta học tập phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi xem xét đánh giá những con người, những sự vật và những sự kiện cụ thể. Đây cũng là lý do vì sao trong bố cục của công trình sưu tầm, biên soạn này có các phần đặt ra những vấn đề thuộc nguyên lý chung, bên cạnh các phần đi sâu vào những vấn đề loại biệt của văn hoá, văn nghệ, báo chí.

Phương pháp biên soạn này, Nhà xuất bản Văn học đã từng tiến hành trong tập Lênin bàn về văn hoá - văn học trước đây. Đó cũng là cách làm các chuyên đề về lý luận văn học, nghệ thuật của các tác gia kinh điển.

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận là tên chung cho tập II *TUYÊN TẬP VĂN HỌC* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tập này chia thành 8 phần chính. Mỗi phần có một tiêu đề riêng; tất cả các tiêu đề này đều rút ra từ nguyên văn các lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các tác phẩm của Người. Các phần chính sắp xếp như sau:

Phần I: Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

Phần II: Những thảm hoạ của nền "văn minh" Pháp.

Phần III: Mỹ đang ra sức xâm lược văn hoá.

Phần IV: Không có giáo dục, không có cán bộ, thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hoá.

Phần V: Bài báo là tờ lịch cách mạng.

Phần VI: Cây bút phục vụ chính nghĩa trong tay nhà văn chiến đấu có một lực lượng cực kỳ mạnh mẽ.

Phần VII: Phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc...

Phần VIII:... Và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiên bộ thế giới.

Mỗi phần chính in toàn văn hoặc các trích đoạn những bài viết và nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh xoay quanh từng chủ đề lớn. Tất nhiên cách sắp xếp các phần như trong tập sách chỉ nhằm giúp bạn đọc tiện theo dõi và thuận lợi mỗi khi cần tra cứu, còn thật ra mỗi bài viết và nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh thường đồng thời đề cập đến nhiều chủ đề mà những chủ đề đó thường lại có liên quan đến phần này hoặc phần kia trong tập sách.

Về việc chú thích trong những tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công trình này, - những chú thích nào là của chính tác giả thì ghi rõ bên lời chú thích, còn tất cả các chú thích khác là do người sưu tầm biên soạn, dựa vào những thành tựu nghiên cứu, học tập, tìm hiểu về tác phẩm Hồ Chí Minh của các công trình trước, có kiểm tra và xác minh. Đối với những điểm đáng lẽ cần phải chú thích, nhưng do người sưu tầm biên soạn chưa thật rõ, nên đã không chú thích, mà sẽ tiếp tục nghiên cứu sau để cho việc chú thích được chính xác.

*
* *

Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận là tuyển tập lý luận gồm những bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hoá, nghệ thuật, báo chí... từ những năm 20 thế kỷ này cho đến khi Người qua đời. Đây là một công trình sưu tập hẳn là chưa đầy đủ. Rồi đây với kho tư liệu về tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng thêm phong phú, mong rằng tập sách sẽ có dịp tiếp tục bổ sung để hoàn chỉnh dần trong những lần xuất bản sau. Ngoài những tư liệu đã công bố rải rác lâu nay được tập hợp lại đầy đủ, tập sách còn có một số tư liệu mới do những cơ quan hữu quan và có thẩm quyền cung cấp. Toàn bộ công trình này nhằm làm nổi bật tính chất hệ thống, đầy sáng tạo trong đường lối văn nghệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng tức là đường lối văn nghệ Mác - Lênin độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta.

PHẦN THỨ 1

BÂY GIỜ HỌC THUYẾT NHIỀU,
CHỦ NGHĨA NHIỀU, NHƯNG CHỦ NGHĨA
CHÂN CHÍNH NHẤT, CHẮC CHẮN NHẤT,
CÁCH MỆNH NHẤT LÀ CHỦ NGHĨA LÊNIN

(ĐƯỜNG KÁCH MỆNH)
1925 - 1927

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH^(*)

(Trích)

*KHÔNG có lý luận cách mệnh, thì
không có cách mệnh vận động...
Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền
phong, Đảng cách mệnh mới làm nổi
trách nhiệm cách mệnh tiền phong⁽¹⁾.*

LÊNIN.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY?

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Trung Hoa có câu “Sư tử bắt thỏ tất dùng hết sức”⁽²⁾. Sư tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng công nhân nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng “nước chảy đá mòn” và “có công mài sắt có ngày lên kim”. Việc gì khó mấy, quyết tâm làm thì

(*) *Đường Cách mệnh* gồm một số đề cương bài giảng do Đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn từ đầu năm 1925, sau đó được phát triển và cụ thể thêm khi Người giảng cho cán bộ trong các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (phía Nam Trung Quốc). Đầu năm 1927, những bài giảng ấy được xuất bản thành sách. *Đường cách mệnh* do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản.

Tác phẩm *Đường cách mệnh* phát triển những tư tưởng cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong các thời kỳ trước đó. Ở Pháp, Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước bằng sách báo, chủ yếu là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, báo *Người cùng khổ* và các bài báo, tài liệu khác. Ở Quảng Châu, Người tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước chủ yếu bằng cuốn *Đường cách mệnh* và tuần báo *Thanh niên* (1925 - 1930).

Đối với cách mạng Việt Nam, sự ra đời của tờ tuần báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường cách mệnh* nhắc ta nhớ đến một sự kiện lịch sử tương tự mà nhân loại đã từng chứng kiến mấy năm đầu thế kỷ 20 ở nước Nga: Báo *Tia lửa* do Lênin chủ trì đã ra đời như một đứa con sinh đôi cùng với tác phẩm *Làm gì?* vĩ đại của Người.

(1) Hai câu này trích trong tác phẩm *Làm gì?* của V.I. Lênin.

(2) Năm 1948, trong huấn thị tại Hội nghị Quân sự lần thứ V, Hồ Chí Minh có dùng tục ngữ này dưới một dạng khác. Người viết: “Đối với địch, thì tuyệt đối chớ khinh địch. Tục ngữ có câu “Sư tử muốn bắt con chuột cũng phải dùng hết sức mới bắt được”. Khinh địch thì nhất định sẽ thất bại”.

chắc làm được. Ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong, đời sau nổi theo làm thì phải xong.

3 - Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan, thì trước hết ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng, mục đích có đồng chí mới đồng, chí có đồng, tâm mới đồng, tâm đã đồng lại phải biết cách làm thì mới chóng.

4 - Lý luận và lịch sử khách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ *kách mệnh* còn lờ mờ lắm. Có người biên chép đề xương ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5 - Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ; a) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải kách mệnh; b) Vì sao kách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người; c) Đem lịch sử kách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi; d) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ; e) Ai là bạn ta, Ai là thù ta? g) Kách mệnh thì phải làm thế nào?

6 - Sách này muốn nói cho văn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quắn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đập trên đầu, hơn hai triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng, để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm kách mệnh.

Văn chương và hy vọng ở sách này chỉ ở trong hai chữ: Kách mệnh! Kách mệnh! Kách mệnh!!!

KÁCH MỆNH

1 - Kách mệnh là gì?

Kách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Ví dụ: Ông già Galilê⁽¹⁾ (1633) là khoa học kách mệnh. Ngày xưa, ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc⁽²⁾, ông ấy mới quyết rằng

(1) Galilê (1564 - 1642): nhà thiên văn học, nhà vật lý học Ý, người đầu tiên dùng ống kính để quan sát các thiên thể, mở đầu cho một thời kỳ mới trong lịch sử thiên văn học; người sáng lập ra động lực học, đề xướng nguyên lý về quán tính, định luật về các vật thể rơi trong không trung và định luật hợp lực. Nhờ vậy ông cũng đã góp một phần lớn lao vào sự phát triển của triết học duy vật. Ông đã đem sự khảo cứu vũ trụ một cách khoa học để đối lập với Thánh kinh, đấu tranh với Giáo hội, với triết học kinh viện, với chủ nghĩa ngu dân...

Năm 1633, ông bị đưa ra xét xử trước toà án của Giáo hội và bị giam cầm đầy đoạ cho đến chết.

(2) Trắc đạc: tức là dự đoán.

trái đất tròn và chạy chung quanh mặt trời.

Ông Stêphenxông⁽¹⁾ (1800) là cơ khí khách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo, ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đacuyn⁽²⁾ (1859) là cách vật khách mệnh. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hoá⁽³⁾ của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao lại có sự sinh hoá ấy.

Ông Các Mác⁽⁴⁾ là kinh tế khách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp đấu tranh, v.v... Ở đâu mà sinh ra, lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào và kết quả nó sẽ ra thế nào.

Ấy là tư tưởng khách mệnh.

2 - Khách mệnh có mấy thứ?

Dân chúng khách mệnh thì có ba thứ:

A. Tư bản khách mệnh

B. Dân tộc khách mệnh

C. Giai cấp khách mệnh

Tư bản khách mệnh như Pháp khách mệnh năm 1789⁽⁵⁾. Mỹ khách mệnh độc

(1) Stêphenxông (1781 - 1848): kỹ sư người Anh, đã sáng chế ra đầu máy xe lửa. Từ khi có đầu máy xe lửa, giao thông vận tải đã có một bước tiến bộ to lớn, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá.

(2) Đacuyn (1809 - 1882): nhà bác học vĩ đại Anh, sáng lập ra khoa sinh vật học duy vật chủ nghĩa về nguồn gốc và sự phát triển của các giống vật; người đầu tiên đã dựa vào nhiều tài liệu khoa học mà sáng lập một lý luận khoa học sâu rộng về sự tiến hóa của những hình thức của thể hữu cơ, bác bỏ lý luận siêu hình về tính chất bất biến của các giống vật.

Tác phẩm chủ yếu của Đacuyn là cuốn: *Nguồn gốc các loài vật* (1819).

(3) *Sinh hoá*: Tức là nảy nở và biến đổi.

(4) *Các Mác* (Karl Marx, 1818 - 1883): người sáng lập thiên tài của chủ nghĩa cộng sản khoa học, người thầy và lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản thế giới, người cổ vũ và tổ chức của Quốc tế thứ nhất (Hội Liên hiệp quốc tế của những người lao động).

Học thuyết của Các Mác, như V.I. Lênin đã viết, "là sự kế thừa tất yếu những thành quả mà loài người sáng tạo ra trong thế kỷ 19: triết học Đức, chính trị kinh tế học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp".

Tác phẩm cơ bản của Các Mác nhan đề là *Tư bản*; tập I, Các Mác hoàn thành ngày 16 - 8 - 1867. Tập II và III, Các Mác không kịp hoàn thành. Sau khi Các Mác từ trần F. Ăngghen đã tu chỉnh đưa in tập II năm 1885, tập III năm 1894.

Tư bản ra đời là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử phong trào công nhân quốc tế, trong lịch sử tư tưởng loài người, trong khoa học. Học thuyết kinh tế của Mác là một cuộc cách mạng thực sự trong kinh tế chính trị học, Tư bản không chỉ là công trình về kinh tế chính trị học, mà là công trình về triết học và lịch sử, một bước tiến khổng lồ trong sự phát triển tất cả các bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác.

(5) *Cách mệnh Pháp năm 1789*: cuộc cách mạng tư sản Pháp, tiêu diệt chế độ chuyên chế phong kiến, dọn đường cho chủ nghĩa tư bản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu phát triển.

Năm 1789 nhân dân Pháp (kể cả giai cấp tư sản) trong đó tuyệt đại đa số là nông dân, đã chống lại nhà vua, phá ngục Bắtxti (tượng trưng cho chế độ độc tài phong kiến), lập ra Quốc hội, thảo ra Hiến pháp, xác định cơ sở của chế độ mới.

Cách mạng nhanh chóng lan rộng ra khắp nước. Nhưng đại biểu của giai cấp tư sản tài chính lớn chiếm số đông trong Hội nghị lập hiến đã lợi dụng thắng lợi của nhân dân để giành chính quyền về tay mình.

lập năm 1776 (đuổi Anh)⁽¹⁾. Nhật khách mệnh năm 1864⁽²⁾.

Dân tộc khách mệnh như Itali⁽³⁾ đuổi cường quyền Áo năm 1859, Trung Hoa đuổi Mãn Thanh năm 1911⁽⁴⁾.

Giai cấp khách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917.

...8 - Khách mệnh khó hay dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm khách mệnh thì phải biết:

A) Tội tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hoá làm cho dân ngu, lấy phép luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến hai chữ *khách mệnh* thì sợ rùng mình.

Vậy khách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

B) Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân Việt Nam ở Trung Kỳ kháng Thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám, không có chủ nghĩa, không có kế hoạch đến nỗi thất bại mãi.

Vậy khách mệnh phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu

C) Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu lược, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm.

Khách mệnh phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách lược cho dân.

D) Dân thường chia rẽ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi

(1) *Cách mệnh Mỹ năm 1776*: cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ (thuộc địa của Anh) chống lại quân đội nhà vua Anh để giành độc lập, thành lập Hợp chúng quốc châu Mỹ do George Washington tổ chức và lãnh đạo.

Trong cuộc cách mạng này, nhân dân Mỹ đã ra bản *Tuyên ngôn độc lập* vào ngày 4 - 7 - 1776, tuyên bố các thuộc địa châu Mỹ tách ra khỏi nước Anh.

(2) *Cách mệnh Nhật năm 1864*: phong trào cách mạng của nông dân, dân nghèo thành thị Nhật chống lại các nước tư bản châu Âu (Mỹ, Nga, Anh....) và chống bọn vua chúa và quân phiệt Nhật đã ký kết các hiệp ước thương mại và bất bình đẳng với nước ngoài.

Phong trào này đã bị bọn vua chúa, quân phiệt (được sự ủng hộ của giai cấp tư sản Nhật) đàn áp, nhưng nó cũng đã tạo điều kiện cho nước Nhật thoát khỏi sự "bảo hộ" của người Mỹ và người châu Âu, mở đầu cho cuộc cách mạng tư sản ở Nhật.

(3) *Itali đuổi cường quyền Áo năm 1859*: cuộc chiến tranh của Ý chống Áo nổ ra tháng 4 - 1859, lúc đầu có tính chất cách mạng, nó tiếp tục mục đích của những người cách mạng Ý trong phong trào 1848 - 1849 là đánh đuổi người Áo ra khỏi miền Bắc nước Ý và thống nhất nước Ý.

Garibaldi, người anh hùng nhân dân Ý, tham gia cuộc chiến tranh này, và cùng những người khác tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh lâu dài để thống nhất nước Ý.

(4) *Trung Quốc đuổi Mãn Thanh năm 1911*: phong trào cách mạng của nông dân, tiểu thương và thợ thủ công..., do Tôn Dật Tiên lãnh đạo, chống lại chế độ phong kiến Trung Quốc, chống lại triều đại Mãn Thanh (một triều đại ngoại tộc) và bọn tư bản nước ngoài nô dịch Trung Quốc.

người Trung, người Trung thì khinh người Bắc nên nổi sức yếu đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức khách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng khách mệnh.

9 - Khách mệnh trước hết phải có cái gì?

Trước hết phải có Đảng khách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững khách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, khách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin⁽¹⁾.

Khoảng 1925 - 1927

Đường khách mệnh, Bị áp bức Dân tộc
Liên hợp Hội Tuyên Truyền Bộ ấn
hành, 1927.

(1) Đoạn trích *Đường khách mệnh* trên đây chúng tôi dựa và các văn bản đã công bố hoặc lưu hành nội bộ qua các sách, báo:

- *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970.

- *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng trung ương, Hà Nội, 1977.

- *Về sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hoá*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960.

- *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1 (178), tháng 1 và 2/1978.

- *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 36, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.

TRẢ LỜI ÔNG H^(*)

Tôi xin cảm ơn ông đã gửi cho tôi hai quyển vở của ông (*Cách mệnh*). Tôi đã đọc cả hai quyển vở ấy. Ông còn yêu cầu tôi góp ý kiến nhận xét. Vâng, xin chiều theo ý ông!

Trong khi phê bình, nghĩ như thế nào tôi xin nói thẳng như thế ấy. Tất cả những nhận xét của tôi không phải đều sai cả; nhưng xin ông cứ bác bỏ những nhận xét nào ông cho là khó hiểu. Trao đổi về các vấn đề ấy sẽ có lợi cho cả hai chúng ta.

Trước hết tôi xin nói rằng tôi rất phấn khởi thấy ông đã dũng cảm và quyết tâm viết hai quyển vở ấy. Dũng cảm là vì ông đã viết bằng chữ quốc ngữ về một đề tài khá rộng mà từ trước đến nay chưa ai dám làm. Còn tinh thần quyết tâm thì đã thể hiện rõ ở trên 32 trang giấy mà ông đã viết. Tất nhiên là 32 trang ấy chưa đủ để in thành sách. Nhưng đã viết để đăng báo, thì cũng khá tốt rồi.

Tác phẩm của ông có nhiều điển tích và trích dẫn. Điều đó chứng tỏ rằng ông rất thích đọc sách.

Bây giờ tôi xin bắt đầu nhận xét. Tôi luôn luôn nhớ rằng phê bình thì dễ, còn sáng tác nghệ thuật thì khó. Ví dụ như khi xem một bức tranh vẽ, chỉ ra được những sai sót hoặc nêu lên được những ưu điểm này nọ, thì dễ. Khi nghe một người khác dạo một bản nhạc, tôi có thể nhận xét anh ta chơi có hay

* Trong thời gian hoạt động cách mạng ở Quảng Đông (Trung Quốc), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có dịp tiếp xúc với nhiều người Việt Nam, trong đó có H.

H. đã viết tập bản thảo nhan đề là *Cách mệnh*, gửi tới Đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhờ đọc và cho ý kiến phê bình. Sau khi đọc tập bản thảo này, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (lúc ấy lấy tên là Lý Thụy), đã viết lá thư trả lời ông H, thẳng thắn phê phán xu hướng cải lương chủ nghĩa của H, muốn làm cách mệnh bằng cách "bất hợp tác" của "thánh Cam Địa" (Găng - đi), lầm lẫn cho tẩy chay là cách mệnh và cách mệnh là tẩy chay"...

Trả lời ông H, sục sôi một tinh thần luận chiến, không nhân nhượng, không né tránh, vạch trần những sai lầm từ gốc của tư tưởng cải lương chủ nghĩa, chỉ rõ hậu quả nghiêm trọng của đường lối sai lầm đó...

... Ngoài giá trị về lịch sử và tư tưởng, chính trị, *Trả lời ông H* có giá trị đặc biệt riêng về phương diện phê bình văn học. Đó là một kiểu mẫu hoàn toàn mới trong việc đánh giá tác phẩm dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ những yêu cầu bức thiết của thời đại, từ hoài bão giải phóng dân tộc, đồng thời, từ góc độ phân tích giai cấp. Trong khi phê phán những sai lầm nghiêm trọng về nội dung tư tưởng, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ cả những nhược điểm của H. về mặt hình thức tác phẩm (có ghi chú rõ ràng từng trang, từng dòng), từ những vấn đề về kết cấu tác phẩm, văn phong, bệnh sáo rỗng, bệnh dùng chữ... đến những chi tiết tu từ, cú pháp... Rất nhiều ý kiến về văn học và ngôn ngữ đã được khái quát thành lý luận.

không. Còn nếu ông bảo tôi hãy cầm bút vẽ bức tranh ấy hoặc cầm lấy nhạc cụ có dây kéo cho ra tiếng, thì tôi chịu...

Trên đây tôi có nói rằng tác phẩm của ông có nhiều điển tích nhưng tôi ngại điển tích ông nêu ra quá nhiều. Dùng điển tích là tốt; nhưng nếu quá lạm dụng sẽ làm cho độc giả khó chịu. Bởi vì tính chất cao xa thâm thúy của các điển tích thường cũng hay bao hàm những ý nghĩa mơ hồ có thể làm cho người ta hiểu lầm. Một câu tục ngữ Pháp có nói: “Hứa hẹn nhiều hơn là bánh mì”. Tôi nghĩ rằng một tác phẩm văn chương không cứ dài mới hay. Khi nào tác phẩm ấy chỉ diễn đạt vừa đủ những điều đáng nói, khi nó được trình bày sao cho mọi người ai cũng hiểu được, và khi đọc xong độc giả phải suy nghĩ, thì tác phẩm ấy mới xem như là một tác phẩm hay và biên soạn tốt. Tôi xin chứng minh ý kiến này bằng hai câu trích dẫn sau đây:

Trong sách *Luận ngữ* có câu trả lời của Tăng Tử⁽¹⁾ “Tất nhiên”. Câu ấy chỉ gồm có một từ. Một từ mà cũng rất đủ để thể hiện cả nghị lực và toàn bộ kiến thức của Tăng Tử. Khi đọc từ ấy, hầu như người ta đã hình dung được bộ mặt hớn hở của Khổng Tử và lòng vui sướng của vị sư phụ đang đàm đạo với môn đệ.

Tôi thách ai có thể thêm, bớt một chữ nào trong câu nói ấy. Đó là lỗi hành văn thật sự trong sáng và cao xa.

Có một lần, một vị tướng của Napôlêông đệ nhất bị bao vây ở Oatéclo. Kẻ địch ra lệnh cho ông ta đầu hàng; ông phản ứng đối đáp ngay: “Cút!”. Đây chỉ là một từ, lại là một từ tục tằn. Nhưng trong tình thế nguy kịch nghiêm trọng ấy, nghìn lời nói khác cũng không thể nào thể hiện được hơn lòng dũng cảm của vị tướng, và lòng khinh bỉ của ông ta đối với kẻ thù. Và chỉ nói một lời đối đáp ấy mà ông đã củng cố được đội ngũ của mình. Chỉ qua lời nói ấy mà tên ông đã vang dội khắp châu Âu. Lời nói ấy còn được ghi vào niên biểu cho đến ngày nay; người Pháp ai cũng biết đến câu đối đáp ấy.

Vì vậy một lỗi hành văn giản dị, chính xác hơn hẳn cái lỗi hành văn rườm rà, hoa mỹ.

Ngôn ngữ của ta còn nghèo nàn. Khi nói, chúng ta phải vay mượn nhiều từ ngữ nước ngoài, nhất là từ ngữ Trung Quốc. Tôi nghĩ rằng lạm dụng từ ngữ Trung Quốc chỉ làm cho văn thêm khó hiểu, trừ những từ thông dụng mà ai cũng đã biết và trừ những từ mới, như *người bôn-sê-vích*, *chủ nghĩa bôn-sê-vích*, *tài chính*... Ông nói, phải giúp cho đồng bào ta làm quen với những từ mà nay họ chưa hiểu, lâu rồi họ cũng sẽ hiểu. Có thể làm như vậy được, nếu ông chỉ nghĩ đến viết cho họ tác phẩm văn học... Còn nếu tác phẩm của ông lại chỉ định dùng để tuyên truyền thì đó phải là một tác phẩm ai đọc cũng có thể hiểu

(1) *Tăng tử*, xem chú thích 1 bài *Tuyên truyền*, phần III.

được. Một tác phẩm hành văn hay mà khó hiểu thì chẳng có ích gì. Ví như, bảo đồng bào chúng ta hãy lắng nghe người Pháp hay người Trung Quốc hát; dù cho những nghệ sĩ ấy là những nghệ sĩ tuyệt vời đi nữa thì họ cũng không lôi cuốn được đồng bào ta.

Xin phân biệt ý kiến nhận xét của tôi thành hai phần: phần một nhận xét về hình thức và phần hai nhận xét về nội dung.

PHẦN MỘT

Trang 1 - Nếu ông đến nói với nhân dân làng tôi: “Chúng ta phải dạy bảo lẫn nhau; người biết phải dạy cho người không biết...” thì người ta sẽ hiểu ngay. Còn như ông nói với họ: “Giống trống rung chuông” thì ít người hiểu được ông muốn nói gì.

Trang 2 - Ông nói: “Là người dùng sức mạnh của mình chống lại những tác hại của gió đông”. Tại sao không nói thẳng: “Người Pháp sẽ cấm...”?

Đây là một câu dài dòng: “Một người lạ mặt đứng lại ở bên ngoài để nhìn trộm xem có ai đứng sau vách không”; câu ấy nhất định là không gọn bằng câu: “Một tên ăn trộm đứng rình?”; cũng nói ý ấy, câu này chỉ dùng có vài ba chữ. Nếu chúng ta muốn bắt kẻ trộm thì chúng ta phải chỉ cho mọi người thấy nó. Cần gì phải dùng đến một câu ẩn dụ.

Trang 3 - “Người ta dùng khái niệm “cách mệnh” ấy để chỉ... (những thay đổi) “Ý không rõ bằng câu “người ta cũng gọi những thay đổi ấy là cách mệnh[4]”.”

[5] Thay câu “tranh giành của cải quyền lực...” bằng câu “tuyên bố chiến tranh không suy tính”. Như vậy có thể rút bớt chữ mà câu lại sáng tỏ hơn.

Trang 4 - Ông có nêu tên “Nicôlai đệ nhị” và “Oasinh-ton” tại sao không nêu tên “Găngđi”. Người Trung Quốc đọc tên này theo âm Hán là Găngđi, đọc theo âm Việt là Cam Địa, như vậy là không đúng. Nếu cần viết tên một nhân vật hoặc tên một làng nước ngoài bằng tiếng Việt, tôi nghĩ cứ nên viết đúng tên ấy hơn là diễn đạt thông qua tiếng Trung Quốc.

[5] Chúng ta đã hiểu “tẩy chay” là gì rồi (nhưng tôi không rõ hai chữ ấy được xây dựng như thế nào), tại sao lại còn thích dùng câu ẩn dụ “phong trào bất hợp tác”? Nếu muốn dùng thuật ngữ mới, thì có thể dùng chữ “boycot” (boycottage), một thuật ngữ ngắn gọn đã thường dùng ở nhiều nước.

Trang 5 - [7] “Cách mệnh vĩ đại và nhân đạo biết bao”, một câu rất hay, nhưng tiếc rằng những người không học chữ Hán thì không hiểu được. Tôi cũng nhận xét như vậy về tám câu sau:

[8] “... những hy sinh không thể nào tránh khỏi, những hậu quả cần thiết”,

(1) [4]: có nghĩa là dòng 4. cũng như [5], [7], [9]... nghĩa là dòng 5, 7, 9...

đó là một lối hành văn cầu kỳ.

[9] Ông viết: “Thụ động đề kháng”, rồi ông viết tiếp theo trong ngoặc đơn “résistance passive”. Như vậy là ông đã giải thích một thành ngữ tiếng Trung Quốc bằng một thành ngữ tiếng Pháp cho những người không biết tiếng Trung Quốc mà cũng không biết tiếng Pháp! Sau đó, ông viết “một vũ khí duy nhất lợi hại”.

Nếu ông định viết cho những người vừa biết tiếng Trung Quốc vừa biết tiếng Pháp đọc, thì tôi không có ý kiến. Còn viết cho nông dân, công nhân đọc thì nên dùng tiếng Việt.

Khi viết: “Khi cầu xin những người bảo hộ mình cho mình được tự do, người ta nuôi một ảo tưởng thật kỳ lạ...”, có lẽ ông muốn nói đó “là một điều vô lý” hay đó “là một điều ngu xuẩn”. Vì ông cứ muốn viết cho văn vẻ nên ông đã viết “người ta nuôi một ảo tưởng thật kỳ lạ”! Khi người ta đã nuôi những ảo tưởng lớn lao thì không bao giờ người ta cầu xin tự do ở những kẻ áp bức mình...

Còn những câu: “Đến lúc đó người ta mới chịu chia tay với anh, mắt đầm lệ...” và “không có vũ khí nào trong tay...” sắc mùi Trung Quốc.

Dịch hai chữ “mẫu âm” từ tiếng Trung Quốc và hai chữ “langue maternelle”⁽¹⁾ từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, thì nhất định nông dân và công nhân sẽ không hiểu ông nói gì... Tại sao ông lại không dùng những chữ “tiếng ta” hay “tiếng nước ta” để cho ai cũng hiểu được.

Xin dừng lại ở đây. Tôi đã nêu nhiều nhận xét về hình thức tác phẩm. Nếu tôi cứ tiếp tục thì chẳng hoá ra quá khắt khe với những sai sót của người khác.

PHẦN II

1 - Ông cho rằng khái niệm cách mệnh lấy ở trong *Kinh Dịch*. Có lẽ là không đúng. Song tôi cũng không dám khẳng định. Nhưng tôi không tin rằng khi dùng khái niệm cách mệnh, người Trung Quốc đã mượn khái niệm ấy của ...⁽²⁾, mà họ dịch từ tiếng phương Tây. Những khái niệm “Cải cách”, “Kinh tế”, “Xã hội” cũng được xây dựng như vậy ở Trung Quốc.

Trong tiếng Pháp cũng có những khái niệm “Réforme”, “Évolution” và “Révolution”⁽³⁾. Tiến hoá là một loạt những biến đổi liên tiếp và có tính chất hoà bình. Còn cải cách là những thay đổi xảy ra ít hay nhiều trong cơ cấu một nước, những biến đổi ấy có kèm theo hoặc không kèm theo bạo lực. Sau cải cách vẫn còn tồn tại một cái gì đấy của hình thức ban đầu. Còn cách mệnh thì đem một chế độ mới thay thế hẳn cho một chế độ cũ.

(1) *Langue maternelle*: “Tiếng mẹ đẻ”.

(2) Để trống trong nguyên bản.

(3) “Réforme” (cải cách), “Évolution” (tiến hoá), “Révolution” (cách mạng).

Theo nghĩa mà chúng ta hiểu ngày nay về khái niệm Cách mệnh thì Thành Thang và Võ Vương không phải là hoàn thành một sự nghiệp cách mệnh. Khi họ đấu tranh chống lại các vua Trụ và Kiệt, họ đã dấy lên trong nước một cuộc cách mệnh. Nhưng khi Trụ, Kiệt bị đánh bại rồi, thì họ lại lên ngôi hoàng đế và vẫn duy trì chế độ quân chủ. Nói rằng họ đã làm cách mệnh là không đúng.

Găngđi là một nhà cải cách chứ không phải là một nhà cách mệnh. Ông Găngđi đòi Chính phủ Anh tiến hành những cải cách về cơ cấu ở trong nước, nhưng ông không kích động nhân dân Ấn Độ nổi lên giành lại độc lập, và ông cũng không bao giờ đòi người Anh thực hiện những thay đổi toàn bộ trong Chính phủ Ấn Độ. Và chỉ khi người Anh đã bác bỏ mọi yêu cầu của ông thì ông mới chủ trương tẩy chay. (Tẩy chay là một hành động chứ không phải là một Đảng). Ở Ấn Độ có đảng Quốc đại; Găngđi là một trong những lãnh tụ của đảng ấy chứ không phải là người sáng lập đảng.

Không phải chỉ có Chính phủ là đối tượng của cách mệnh. Tất cả những biến đổi xảy ra trong sự vật trên thế giới cũng đều có thể gọi là cách mệnh. Đácuy⁽¹⁾ là một nhà sinh vật học cách mệnh; Các Mác⁽²⁾ là một nhà kinh tế học cách mệnh.

2 - Trong đoạn văn ông phê phán những hành động của Chính phủ Pháp, ông đã hai lần nhắc đến lời phê bình của ông về nền giáo dục mà họ ban hành cho chúng ta, và lời phê bình về những tác phẩm báo chí mà họ cho phép chúng ta phát hành, lần đầu ở trang 12, lần thứ hai ở trang 16. Nhưng ông lại hoàn toàn quên không nói đến những lao dịch và thuế má mà chúng ta phải gánh; quên không nói đến rượu, thuốc phiện mà họ “bán” cho chúng ta; quên không nói đến việc mộ phu lao dịch; quên không nói đến việc cấm bán muối; quên không nói tới việc họ đưa đồng bào ta sang Tahiti để sai khiến làm nô lệ cho họ... Chúng ta thật đau xót trước cảnh người Pháp cấm không cho chúng ta lập hội và không cho chúng ta tiếp thụ một nền giáo dục hoàn chỉnh, còn họ thì cũng còn ít người viết được sách và báo...

Ông nói rằng: “Ngày nay, một vài ngành tiểu công nghiệp có phát triển hơn xưa chút ít”. Vậy ông muốn nói đến những ngành công nghiệp nào? Những ngành công nghiệp ấy phát triển là nhờ người Pháp xúc tiến hay là nhờ vào sự nỗ lực của bản thân chúng ta? Sự phát triển ấy có lợi cho bản thân người Pháp hay có lợi cho nhân dân ta? Những ngành công nghiệp ấy có phát triển hơn công nghiệp ở các nước không bị nước Pháp thống trị không? Trong khi nói đến “tội ác” của kẻ thù của chúng ta, có nên nói đến điều đó không?

(1) Đácuy: xem chú thích bài *Đường Kách mệnh*, phần 1.

(2) Các Mác: xem chú thích bài *Đường Kách mệnh*, phần 1.

Tôi trích câu này ở trang 13: “Ngay cả những người trước đây đã tỏ ra trung thành với lý tưởng cách mệnh cũng tưởng rằng nước Việt Nam sẽ được tự trị khi cải cách đã được thực hiện ở mọi cơ cấu tổ chức của chế độ cũ. Còn một số rất hiếm người thật trung thành với lý tưởng cách mệnh lại bị buộc nằm im”. Điều đó là do sự đại dốt và ý chí không quyết tâm của đồng bào ta. Có người không biết đi theo con đường nào; có những người khác thì lại không biết cách chỉ đường đi cho họ. Chúng ta là nạn nhân của sự đại dốt của chúng ta, chúng ta không thể kêu ca với người Pháp. Chúng ta bọn ăn cướp: nếu chúng không biết hành động kẻ cướp thì chúng chỉ là một bọn ngu xuẩn. Còn chúng ta là nạn nhân: nếu chúng ta không biết phản ứng chống lại, thì chúng ta cũng là kẻ khờ dại. Thật là đại dốt mà đi phàn nàn rằng kẻ khác thông minh, rõ là vô ích!

Ông nói rằng cách mệnh của chúng ta không thành công là vì người Pháp tàn bạo!

Vậy thì ông muốn thế nào? Ông muốn chúng để cho ta tự do muốn làm gì thì làm ư, và để cho chúng ta tìm mọi cách để đương đầu với chúng ư? Ông muốn chúng sẽ không làm gì ngăn cản chúng ta làm hại đến quyền lợi của chúng ư? Không nên chê bai người khác, hợp lý hơn là hãy tự chê chúng ta. Chúng ta phải tự hỏi: “...(Mất một câu tiếng Pháp - N.D)... Tại sao nhân dân ta lại đại dốt như vậy? Tại sao chúng ta lại không đưa được sự nghiệp cách mệnh đến thành công? Vậy nay chúng ta phải làm gì?”.

Ông muốn nhân dân Việt Nam làm cách mệnh như người Ai Cập hoặc tiến hành tẩy chay như người Ấn Độ ư? Hay lắm! Nhưng ông quên nói rõ tại sao người Ai Cập lại làm được cách mệnh, người Ấn Độ lại có thể tẩy chay người Anh.

Giả thiết rằng có ba chiếc ô-tô: xe thứ nhất là xe Ấn Độ, xe thứ hai là xe Ai Cập, còn xe thứ ba là xe Việt Nam. Hai xe đầu, bánh xe lắp vững vàng, có đủ xăng dầu, máy móc tốt, các xe ấy lại có hai hoặc ba người lái giỏi thay nhau lái xe. Còn xe thứ ba chỉ có mã xe (?), bánh xe lắp xộc xệch, lại thiếu xăng và không có người lái; thế mà ông muốn xe thứ ba chạy theo hai xe kia đang bon bon ở phía trước. Làm sao mà xe thứ ba có thể mở máy được?⁽¹⁾

(1) Trong sự so sánh “ba chiếc ô-tô”, ý tác giả muốn nói rằng cách mạng muốn thành công thì phải có tổ chức mạnh khắp, phải có đường lối cách mạng đúng đắn, sáng suốt. Thời kỳ này chính là thời kỳ mà cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam đang ở trong tình trạng bế tắc về mặt đường lối. Những người yêu nước kiểu cũ như Phan Đình Phùng đã hết vai trò lịch sử từ lâu. Những người lãnh tụ nông dân kiểu Hoàng Hoa Thám, tuy dũng cảm có thừa, nhưng cũng thất bại. Những nhà yêu nước theo xu hướng tư sản, đầu là chủ trương bạo lực như Phan Bội Châu, đầu là chủ trương cải lương như Phan Chu Trinh, cũng đều thất bại. Sự bế tắc về đường lối và tan rã về tổ chức, như đã nói trên, đã được Đồng Chí Nguyễn Ái Quốc ví như cái ô-tô “chỉ có mã xe; bánh xe lắp xộc xệch, lại thiếu xăng dầu và không có người lái.”

Ở Ấn Độ và Ai Cập, các chính đảng có nhiều đảng viên, người thì phụ trách tuyên truyền, người thì phụ trách nhóm hội. Trong sinh viên, nông dân, công nhân, viên chức... đều có tổ chức nhóm, hội. Tất cả đều một mực tuân theo mệnh lệnh của đảng họ. Những người đi tuyên truyền luôn luôn thức tỉnh nhân dân. Ai cũng biết yêu nước, ai cũng hiểu cách mệnh là gì. Cương lĩnh của mỗi đảng đều được nghiên cứu kỹ; cương lĩnh dự kiến cả đường lối, phương pháp thực hiện mọi dự án dù lớn dù nhỏ. Số lượng đảng viên, hội viên rất đông; điều lệ hội rất chặt chẽ, đảng nào cũng có cơ sở vững vàng.

Khi Găngđi ngờ ý muốn có một triệu đồng để vận động phong trào tẩy chay, thì ba ngày sau, nhân dân gửi ngay đến cho ông hơn hai triệu đồng. Khi một hội viên hoạt động bị đảng Chính phủ Anh bắt giam, thì hội viên khác đến xin ngồi tù thay. Ví dụ có người bị án một tháng tù, thì có 30 người đến xin ở tù thay; nếu bị hai tháng tù thì 60 người đến thay, để công việc của đảng khỏi bị ngừng trệ vì thiếu mặt người ấy.

Ngày mà đảng Quốc gia Ai Cập cho niêm yết một bản tuyên ngôn, tám người đã ký tên vào tuyên ngôn bị chính phủ Anh bắt đem đi đầy. Lập tức ngày hôm sau, có tám đảng viên quốc gia khác ký vào bản tuyên ngôn đang niêm yết. Họ cũng bị bắt. Nhưng lại có tám đảng viên khác cũng hành động như tám người kia. Người Anh cũng định bắt họ nhưng không dám thi hành, sợ rằng bắt bớ càng làm cho cuộc chống đối lan tràn khắp nước.

Những sự việc ấy có thể xảy ra ở nước ta không? Và ở nước ta đã có tổ chức đảng chưa⁽¹⁾.

Ông nói rằng một cuộc cách mệnh hoà bình sẽ không gây chết chóc. Thế thì, những yêu sách đòi giảm thuế năm 1908 ở Trung Kỳ, có kèm theo bạo lực không; thế mà biết bao nhiêu người đã bị người Pháp giết hại, biết bao nhiêu người đã bị án tù đầy.

Chúng ta chưa có một đảng phái nào, chúng ta chưa tiến hành một cuộc tuyên truyền nào, chúng ta chưa tổ chức được gì, mà ông đã muốn nhân dân ta tẩy chay người Pháp! Vâng, tôi đã đọc kỹ tám trang mà ông viết về “Những công việc chuẩn bị”. Ông muốn thành lập Hội liên hiệp đại biểu nhân dân với sinh viên, thương gia.

Khi tôi đọc đến phần này, tôi liên tưởng ngay đến thơ ngụ ngôn của La Fonten⁽²⁾: *Hội đồng chuột*. Thơ ngụ ngôn ấy đại thể kể như sau: Trong một nhà kia có một chú mèo cật lực săn diệt chuột không thương tiếc. Chuột ra quyết định sẽ treo đục đạc lên cổ mèo để khi bị mèo săn bắt, nghe tiếng đục đạc, chuột biết mà kịp chạy trốn. Nhưng không có chuột nào dám tình nguyện

(1) Xem chú thích trang trước.

(2) *La Fonten*: xem chú thích bài Ông hãy nhớ lại bài ngụ ngôn của La Fonten, phần VIII.

ra treo đục đục lên cổ mèo cả.

Phải, không có một con chuột nào của La Phongten nói trong thơ ngụ ngôn dám buộc đục đục lên cổ mèo; tuy vậy, chúng đều căm ghét kẻ thù của chúng và đồng tình sẽ treo cổ nó lên. Những con chuột ấy thật hơn hẳn “những con chuột Việt Nam “không biết căm thù” những con mèo Pháp”, vì những con chuột này không biết đoàn kết lại để bàn việc tiêu diệt những con mèo kia, chúng sợ rằng trong hàng ngũ chuột của chúng sẽ có con đi báo với mèo Pháp.

Những người tự hào là dòng giống Rồng Tiên lại không bằng chuột! Thật là hổ thẹn, có phải không thưa ông!

Để thành lập Hội liên hiệp đại biểu nhân dân, ông đã kể trước hết Hội Khai trí tiến đức sao? Ông muốn gọi Hoàng Trọng Phu và đồng bọn đến giúp nhân dân Việt Nam đấu tranh chống người Pháp ư? Tôi không hiểu ông nói đùa hay nói thật... Nếu ông nói thật, tôi xin đề nghị với ông thành lập một “Hội cứu nước Việt Nam” gồm có viên Toàn quyền, các viên Thống sứ, Công sứ, nếu chưa đủ thì gồm cả những tên mật thám nữa. Rồi chúng ta nói với họ hãy bảo vệ lấy người Việt Nam chống Pháp. Và đề nghị của tôi cũng hợp lý như đề nghị của ông!

Thư này viết cũng đã dài. Tôi không dám lợi dụng lòng kiên nhẫn của ông. Xin phép tóm tắt ý kiến nhận xét của tôi trong vài câu sau đây:

Đề tài biên soạn của ông là vấn đề cách mệnh. Tôi có thể chia bài viết của ông thành bốn phần:

1. Giải thích khái niệm cách mệnh.
2. Phê phán những việc làm của Chính phủ Pháp.
3. Công việc chuẩn bị để tiến hành tấy chay.
4. Dịch thuật một đoạn văn của một tạp chí Pháp.

Ông đã viết tất cả là 32 trang.

Phần dịch thuật chiếm 5 trang.

Phần chuẩn bị tấy chay 6 trang.

Lời nói đầu 1 trang.

Như vậy là ông đã dành cả 20 trang để viết về cách mệnh. Trong 20 trang ấy ông không nói: 1) Phải làm gì trước cách mệnh 2) Phải làm gì trong cách mệnh 3) Và phải làm gì sau cách mệnh.

Ông chưa bàn đến lực lượng mà người Pháp có thể sử dụng (ở nước ta) và cũng chưa bàn đến lực lượng của ta.

Ông đã lầm lẫn cho *tấy chay* là *cách mệnh* và *cách mệnh* là *tấy chay*.

Bắt đầu tác phẩm, ông giống trống rung chuông; đến khi kết thúc ông đưa ra một bản dịch thuật một tạp chí Pháp; mà tạp chí này lại không phải là một tạp chí cách mệnh.

Tôi đã nói thẳng những ý kiến nhận xét của tôi về tác phẩm của ông; và

cũng nhân cơ hội này, nêu lên một số vấn đề để thảo luận; mong rằng có thể rút ra từ đó một cái gì để mở rộng thêm kiến thức của tôi. Xin thành thực và nhiệt liệt hoan nghênh tài cao trí lớn của ông. Bất cứ một người lao động nào, dù thông minh đến đâu, đôi lúc cũng có thể sai lầm. Chỉ có những kẻ ngồi không mới không sai lầm mà thôi. Nhưng làm việc mà có sai lầm còn hơn là sợ sai lầm mà khoanh tay ngồi không!

Mong ông hãy cố gắng!

Ký tên: L.T.⁽¹⁾

NGÀY 9/4/1925.

Tư liệu và bản dịch: *Vụ tư liệu Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.*

(1) L.T. là tên ký tắt của Lý Thụy, một trong những bí danh của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thời kỳ hoạt động cách mạng ở Quảng Đông Trung Quốc.

TRÊN MẶT TRẬN ĐẤU TRANH TU TƯỚNG VÀ BÁO CHÍ TRONG THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ (1936 - 1939)^(*)

1 - Lúc này, Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (độc lập dân tộc, nghị viện v.v...). Như thế sẽ rơi vào cạm bẫy của bọn phát xít Nhật.

Chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp.

... 4 - Đối với bọn Tờrốttxkit, không thể có thoả hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ của chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.

... 6 - Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận⁽¹⁾ thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

7 - Muốn làm được nhiệm vụ trên, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái; và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ văn hoá và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ. Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp.

8 - Ban chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để

(*) Đứng trước nguy cơ bọn phát xít Đức, Ý, Nhật đang chuẩn bị gây chiến tranh thế giới để chia lại thị trường và tấn công Liên Xô, các đảng Cộng sản đều chuyển hướng hoạt động: lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh. Ở Việt Nam, tháng 7/1936 Trung ương Đảng ta họp Hội nghị, quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu "đánh đổ đế quốc Pháp" và "tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày" mà chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi tên là Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Thời gian này, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, từ nước ngoài, theo sát tình hình trong nước, thường gửi thư về cho Trung ương Đảng ta nêu ra những chủ trương lớn, giúp chỉ đạo phong trào. Trên đây là trích Báo cáo của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản, tháng 7/1939.

(1) Tức là Mặt trận dân chủ Đông Dương.

tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị (ví dụ: đảng tiểu sử đồng chí R., báo *Lao Động (Le Travail)* viết đồng chí đó ở đâu, đồng chí đó trở về như thế nào, v.v... Báo đó lại đăng và không bình luận gì về bức thư của đồng chí này cho rằng chủ nghĩa Tờrôttxkit là sản phẩm của tính khoe khoang cá nhân, v.v...).

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 7/1939

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội⁽¹⁾,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970,
trang 41.

(1) Trong cuốn sách này, toàn văn bài trích trên có nhan đề là *Ý kiến về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ* (1936 - 1939). Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

TRỌNG LỢI ÍCH CỦA ĐẢNG HƠN HẾT

(Trích)

... Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác. Cho nên Đảng phải ra sức tổ chức nhân dân, lãnh đạo nhân dân để giải phóng nhân dân và để nâng cao sinh hoạt văn hoá, chính trị của nhân dân. Vì toàn dân được giải phóng, tức là Đảng được giải phóng.

Vì vậy, mỗi người trong Đảng phải hiểu rằng: lợi ích của cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.

Nghĩa là phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc.

Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng.

Đó là “tính Đảng”⁽¹⁾...

X.Y.Z.

(Tháng 10/1947)

Sửa đổi lối làm việc⁽²⁾, in lần thứ 7

(Trích phần B chương II), Nhà xuất bản

Sự thật, Hà Nội, 1959, trang 31.

(1) Trước tháng 3/1951, trong các văn kiện và các bài viết, Hồ chủ tịch dùng chữ *Đoàn thể* thay cho chữ *Đảng* (vì khi đó Đảng ta chưa ra công khai); bởi vậy trong các bản in tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* trước bản in lần thứ 7, những chữ “tính Đoàn thể” Hồ Chủ tịch dùng là để chỉ “tính Đảng”. Hiểu như vậy, chúng ta thấy rằng, từ năm 1947, Hồ Chủ tịch không những đã dùng thuật ngữ “tính Đảng” mà còn giải thích cặn kẽ, sâu sắc, cụ thể thế nào là tính Đảng...

(2) *Sửa đổi lối làm việc*: xem chủ thích 1, bài *Bệnh chủ quan* ở phần IV.

ĐẢNG TA VÍ NHƯ CÁI MÁY PHÁT ĐIỆN(*)

... **Đ**ảng ta ví như cái máy phát điện, các công việc (...) ví như ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 18/1/1949

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970,
trang 83.

(*) Hội nghị cán bộ lần thứ sáu của Trung ương Đảng họp từ ngày ... 14 đến ngày 18/1/1949. Hội nghị này có đông đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc và cán bộ cao cấp trong các ngành về dự. Trên đây là đoạn trích bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch tại buổi bế mạc hội nghị. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt, dựa theo đoạn văn của Người.

DIỄN VĂN KHAI MẠC LỚP HỌC LÝ LUẬN KHOÁ I TRƯỜNG NGUYỄN ÁI QUỐC^(*)

(Trích)

... **K**hông chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều. Nhưng nếu quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của những kinh nghiệm lớn, cơ bản, của các nước anh em, thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại. Vì vậy, song song với việc nhấn mạnh sự quan trọng của học tập lý luận, chúng ta phải luôn luôn nhấn mạnh nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tế. Chúng ta phải khắc phục bệnh giáo điều đồng thời phải đề phòng chủ nghĩa xét lại. Tóm lại các đồng chí cần nhận thức sự quan trọng của học tập lý luận để hăng hái học tập, đồng thời trong khi học tập, phải đem những điều học được để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tế trong công tác, trong tư tưởng của bản thân mình và của Đảng, có như thế thì việc học tập của các đồng chí mới thu được kết quả tốt.

*

* *

Muốn thực hiện nguyên tắc lý luận liên hệ thực tế, muốn cho việc học tập đạt được mục đích đề cao lý luận, cải tạo tư tưởng, tăng cường tính Đảng, thì cần phải có thái độ học tập cho đúng.

- Phải khiêm tốn, thật thà. Trong Đảng ta trình độ lý luận còn thấp kém, không ai có thể tự xưng mình là giỏi lý luận. Do đó, phải nêu cao tinh thần *khiêm tốn thật thà*. Đào sâu suy nghĩ khi nghiên cứu các tác phẩm của Mác - Lênin, các bài giảng của các đồng chí giáo sư bạn, khiêm tốn học tập các đồng chí giáo sư bạn, cái gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. *Kiểu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số 1 của học tập*.

- Phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, tự động

(*) Trích Diễn văn khai mạc... ngày 7/9/1957,

hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập.

- Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất cứ vấn đề gì đều phải đặt ra câu hỏi “vì sao”? đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều. Phải suy nghĩ chín chắn.

- Phải bảo vệ chân lý, phải có nguyên tắc tính, không được ba phải, điều hoà.

- Phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau học tập, mạnh dạn phê bình và thật thà tự phê bình; và khi phê bình, tự phê bình thì phải xuất phát từ ý muốn đoàn kết, để đạt đến đoàn kết mới trên cơ sở mới.

Các đồng chí phải dần dần xây dựng thái độ học tập đó thành một tác phong thường xuyên trong quá trình học tập. Có như thế thì mới đúng nguyên tắc lý luận liên hệ với thực tế, làm cho việc học tập của chúng ta đạt được mục đích đào tạo những cán bộ biết vận dụng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề cách mạng cụ thể...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 7/9/1957

Vấn đề về học tập, Nhà xuất bản

Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 57.

ĐÚNG VỮNG TRÊN LẬP TRƯỜNG CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN^(*)

(Trích)

... **Đ**ảng ta luôn luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của nhân dân, biết vận dụng lý luận Mác - Lênin vào tình hình thực tế của nước ta và đề ra đường lối, chính sách đúng đắn. Đảng ta không ngừng đấu tranh chống những khuynh hướng cải lương của giai cấp tư sản và khuynh hướng manh động của tầng lớp tiểu tư sản trong phong trào dân tộc; chống luận điệu “tả” của bọn tò rồ xkit trong phong trào công nhân; chống những khuynh hướng “hữu” và “tả” trong Đảng khi quy định và chấp hành chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng ở mỗi thời kỳ. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã giúp Đảng ta vượt qua những trận thử thách ấy. Nhờ vậy, Đảng ta không những đã giành được quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước, mà còn giữ vững được quyền lãnh đạo đó trên mọi lĩnh vực và đập tan được mọi âm mưu của giai cấp tư sản hồng tranh quyền lãnh đạo cách mạng với Đảng ta...

HỒ CHÍ MINH

Tháng 1/1960

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970,
trang 219.

(*) Trích bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, bài viết cho tạp chí *Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội* (số 2, năm 1960) nhân dịp kỷ niệm lần thứ ba mươi ngày thành lập Đảng ta - ngày 3/2/1960. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

PHẢI TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRÊN MỌI LĨNH VỰC^(*)

(Trích)

... Mọi đảng viên đều phải ra sức *học tập chủ nghĩa Mác - Lênin*, củng cố lập trường giai cấp vô sản, cố gắng nắm vững những quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam; phải luôn luôn *nâng cao đạo đức cách mạng*, kiên quyết đấu tranh chống *chủ nghĩa cá nhân*, bồi dưỡng *chủ nghĩa tập thể* của giai cấp vô sản, cần kiệm xây dựng nước nhà, liên hệ chặt chẽ với quần chúng lao động, một lòng một dạ phấn đấu vì lợi ích tối cao của Cách mạng và Tổ quốc.

... Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đòi hỏi Đảng ta phải nắm vững khoa học và kỹ thuật, do đó mỗi đảng viên đều phải cố gắng *học tập văn hoá, học tập khoa học và kỹ thuật*.

Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực.

...

HỒ CHÍ MINH
Tháng 1/1960

Tạp chí *Học tập*, số đặc biệt kỷ niệm
30 năm ngày thành lập Đảng, trang 8.

(*) Trích bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*. Xem chú thích bài *Đứng vững trên lập trường của giai cấp vô sản ở trên*, trang 43. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt căn cứ vào câu cuối cùng của đoạn trích.

CHỦ NGHĨA LÊNIN VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM^(*)

Hỏi: Thưa đồng chí Chủ tịch rất kính mến, đồng chí đã tìm thấy tư tưởng Lênin bằng cách nào?

Trả lời: Đồng chí biết rằng tôi sang châu Âu từ trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Tôi đã sống nhiều năm ở Pari, sống chật vật bằng cách làm những nghề vặt: giúp việc cho một người thợ chụp ảnh, sơn “đồ cổ Trung Quốc”, dĩ nhiên là đồ giả. Hồi đó nước chúng tôi đang ở dưới ách của chủ nghĩa thực dân Pháp, bị bóc lột ghê gớm và khổ sở vô cùng. Tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị, nhưng tôi muốn tổ quốc tôi được giải phóng, các “dân tộc thuộc địa” được giải phóng. Tôi bắt đầu viết và phát những truyền đơn tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp. Tôi chưa biết Đảng là gì, Công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào. Nhưng có những “ông bà” - lúc đầu tôi gọi các đồng chí tôi trong Đảng Xã hội như thế - đã tỏ ra đồng tình với tôi. Vì vậy tôi đã tham gia Đảng Xã hội. Tôi biết rất ít về Cách mạng tháng Mười và về Lênin; về cảm tính tôi thấy mình có mối đoàn kết với cuộc Cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin. Cho nên tôi rất lúng túng trước các cuộc bàn cãi sôi nổi xảy ra những năm 1919 - 1920 trong nội bộ Đảng Xã hội về vấn đề có nên ở lại Quốc tế thứ hai hay tham gia Quốc tế thứ ba? Một số đồng chí lại đề nghị thành lập Quốc tế thứ hai rưỡi. Tôi càng lúng túng, vì trong cuộc bàn cãi người ta rất ít nói đến sự đoàn kết với các dân tộc thuộc địa. Nhưng đó lại là vấn đề mà tôi quan tâm hơn hết, và do đó mà tôi đã tìm ra được con đường đúng. Khi tôi nêu câu hỏi: “Ai khẳng định rõ ràng là mình đoàn kết với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức?”, thì người ta trả lời: Quốc tế thứ ba. Rồi một đồng chí đưa cho tôi đọc *Luận cương về các vấn đề thuộc địa và dân tộc* của Lênin vừa đăng trên báo *Nhân đạo*⁽¹⁾. Bài đó khó hiểu, vì có những từ ngữ mà tôi không biết rõ. Nhưng tôi đọc đi đọc lại, và dần dần tôi hiểu ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Bản *Luận cương* làm cho tôi cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi xúc

(*) Ngày 15/7/1969, Hồ Chủ tịch đã gặp và trả lời phỏng vấn của đồng chí Sácơơ Phuốcnô, phóng viên báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, về chủ nghĩa Lênin và cách mạng Việt Nam. Bài trả lời phỏng vấn này đã đăng trong cuốn *Niên lịch* của báo *Nhân đạo* năm 1970 và được công bố ở Việt Nam trên báo *Nhân dân* ngày 5/3/1970.

(1) *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên báo *Nhân Đạo* liên hai số, ra ngày 16 và 17/7/1920.

động đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi đã có một sự lựa chọn: tán thành Quốc tế thứ ba và hoàn toàn tin theo Lênin.

Hỏi: Thế là trên cơ sở tin theo Lênin và đấu tranh giải phóng các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức mà đồng chí đã dự vào cuộc đấu tranh tiên hành ở Pari nhằm tham gia Quốc tế thứ ba, cuộc đấu tranh này đưa đến kết quả là thành lập Đảng Cộng sản Pháp tại Đại hội Tua. Đến tháng 12 - 1970 thì được nửa thế kỷ.

Trả lời: Đúng. Từ ngày Luận cương của Lênin đã hoàn toàn soi sáng cho tôi, tôi không còn chỉ dự các cuộc họp của Đảng một cách thụ động nữa. Tôi lao vào cuộc chiến đấu, hăng hái bàn cãi, tiến công mạnh mẽ những kẻ chống lại Lênin và Quốc tế thứ ba; dĩ nhiên là tôi phải phát biểu bằng tiếng Pháp, như vậy càng thêm khó khăn cho tôi. Nhưng, như tôi đã nói nhiều lần, hồi đó tôi được các đồng chí Mácxen Casanh, Vayăng Cutuyariê, Môngmút-xô giúp đỡ nhiều. Tôi không chỉ tranh luận trong chi bộ tôi, mà còn đi đến các chi bộ khác để nêu câu hỏi: “Nếu các đồng chí không lên án chủ nghĩa thực dân, nếu các đồng chí không đoàn kết với dân tộc thuộc địa, thì các đồng chí làm thứ cách mạng gì?”

Ở Đại hội Tua, tôi tham luận, đặt vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, tố cáo những tội ác của nó ở Đông Dương. Một nghị sĩ ngắt lời tôi và nói rằng ông ta đã phát biểu “bệnh vực dân bản xứ”, nhưng tôi bảo im đi, và tôi tiếp tục kêu gọi giúp đỡ nhân dân Việt Nam và tất cả các dân tộc thuộc địa. Và dĩ nhiên là tôi đã bỏ phiếu cùng những đồng chí tán thành Quốc tế thứ ba, cùng cái đa số sau đó thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Hỏi: Hồi đó, đối với đồng chí là một người cách mạng trẻ tuổi và đối với các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức, Lênin thể hiện điều gì, nên hình dung điều đó như thế nào?

Trả lời: Dĩ nhiên là hồi đó các dân tộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh chưa biết thật rõ Lênin là ai, thậm chí còn không biết nước Nga ở đâu. Sự đốt nát là một chỗ dựa chủ yếu của chế độ thực dân. Tuy nhiên, bằng cách truyền miệng, ở châu Phi cũng như ở châu Á và châu Mỹ Latinh, người ta nhắc đi nhắc lại rằng ở một nơi nào đó trên thế giới, có một dân tộc đã lật đổ bọn bóc lột mình và tự quản lý lấy công việc của mình, không có bọn chủ và bọn toàn quyền; họ nói với nhau rằng việc đó xảy ra ở Nga, và đứng đầu những con người dũng cảm ấy là người dũng cảm nhất: Lênin. Do đó, người ta được biết Lênin không những đã giải phóng dân tộc mình, mà còn muốn giải phóng các dân tộc khác; Người đang hoạt động để giải phóng người da vàng cũng như người da đen hoặc da trắng; Người có một cương lĩnh hành động để đạt mục

đích ấy. Sự thật là dần dần lọt ra những tin tức về Quốc tế thứ ba đấu tranh cho tất cả những người bị bóc lột, không trừ ai, và người ta biết rằng đứng đầu Quốc tế thứ ba là Lênin. Như vậy, thì việc quần chúng nhân dân châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latinh, tất cả những người bị áp bức ấy đầy thiện cảm và tin tưởng đối với Lênin, có lấy gì làm lạ? Trước con mắt các dân tộc phương Đông, Lênin không phải chỉ là một lãnh tụ, một người chỉ huy. Đó cũng là một người thầy có sức hấp dẫn: tính coi thường sự xa hoa, lòng ham mê công việc, đời sống trong sạch, sự giản dị và tâm hồn cao thượng của Người làm cho quá tim chúng tôi hướng về Người, không gì ngăn nổi. Lòng kính mến của chúng tôi đối với Người gần như lòng hiếu thảo, là một trong những đức tính cơ bản ở nước chúng tôi. Đối với chúng tôi là những người bị ngược đãi, sỉ nhục, Lênin là hiện thân của tình bác ái. Phải trông thấy các học sinh trường Đại học các dân tộc phương Đông khi họ nghe tin Lênin mất mới rõ. Những thanh niên đó, đại diện cho tinh hoa cách mạng của châu Phi và châu Á, đã khóc oà lên, vì họ hết sức thương mến Lênin.

Hỏi: Đồng chí rời nước Pháp lúc nào và đã sống ở đất nước của Lênin như thế nào?

Trả lời: Tôi rời nước Pháp sang nước Nga vào nửa cuối năm 1923. Từ lâu tôi đã muốn tới xứ sở của Cách mạng, nhưng việc đó không giản đơn. Đường biển thì ít bảo đảm, cái chết của Lophevoro và các bạn cùng đi chứng tỏ điều đó. Vậy phải đi đường bộ. Tôi liên hệ với những nhân viên xe lửa để sắp đặt một chuyến đi bí mật. Họ không giấu giếm rằng việc đó không phải dễ, nhưng cuối cùng họ bảo đảm là họ sẽ đưa tôi sang Bá Linh và từ đấy họ sẽ xoay sở để giao tôi cho những đồng chí đáng tin cậy. Nhưng rồi tôi không cần đến những sự sắp đặt ấy vì tôi đã lên đường, ngồi ở toa xe hạng nhất, miệng ngậm xì gà, như một nhà tư sản trẻ tuổi du lịch vòng quanh thế giới.

Nhưng trước đó phải vượt qua một sự khó khăn. Hồi đó, Bộ Thuộc địa cho hai người “bảo vệ” không rời tôi nửa bước. Để xoa dịu sự cảnh giác của họ, trong một thời gian khá lâu, tôi sống một cách đúng mực: buổi sáng đến xưởng, buổi chiều đến thư viện (một nghị sĩ giúp tôi xin được một cái thẻ) và đôi khi, buổi tối, dự mít tinh hay đi xem chiếu bóng. Dần dần, sự cảnh giác của những người theo dõi tôi dịu đi. Thế là một buổi tối, tôi ra khỏi nhà, hai tay đút túi, và tôi vào một rạp chiếu bóng qua cửa trước, nhưng rồi ra ngay cửa sau, và đi lên nhà ga phía Bắc, ở đấy một đồng chí đang đợi với chiếc vali của tôi - ô, chiếc vali rất nhẹ - và tôi lên xe lửa đi Bá Linh. Mặc dù được Đảng Cộng sản Pháp giúp đỡ, lúc ra đi, tôi không giàu lắm. Nhưng đến Bá Linh, tôi trở nên triệu phú. Ở đấy đang bị nạn lạm phát và khi mua một tờ báo, tôi nhận thấy nó không rộng bằng diện tích của tất cả những tờ giấy bạc mà tôi bỏ ra để mua. Các đồng chí người Đức dẫn tôi đến một bến tàu biển; ở đấy tôi lên một chiếc tàu Xô viết.

Tôi lên Xanh Pêtéc-bua - hồi đó chưa gọi là Lê-nin-grát - trong tay không còn một giấy tờ gì, và không quen biết ai. Tôi phải ở thành phố này một thời gian cho đến khi các đồng chí Liên Xô biết rõ tôi là một người cách mạng chân chính. Khi đó, sự cảnh giác là rất cần thiết. Tôi đến Mátxcova vào mùa đông. Trời rét lắm rồi. Tôi trọ ở một khách sạn, cách điện Kremlin không xa; tại đây, có nhiều đồng chí người Philippin và các nước thuộc địa khác, các đồng chí người Ý, v.v... Vào một ngày tháng 1/1924, chúng tôi đang ăn bữa sáng tại quán cơm ở tầng dưới khách sạn thì được tin Lenin mất. Không ai muốn tin điều đó, nhưng khi ngoảnh lại, chúng tôi thấy lá cờ của Xô viết Mátxcova đã bỏ rủ. Một sự xúc động lớn xâm chiếm tâm hồn chúng tôi: bữa ăn bị bỏ dở, vì không ai thấy đói nữa. Lenin đã mất. Thế là chúng tôi chưa được gặp Lenin và đó là một điều ân hận lớn nhất trong đời tôi. Khi tôi đến nước Nga, Người đã ốm nặng và đang chữa bệnh ở Gorki, cho nên không đến thăm được. Nhưng tôi biết Crúpxcaia là một người đàn bà hết sức hiền từ và giản dị, và là vợ của Lenin. Và lại hồi đó tôi sống ở Nga trong bầu không khí của Lenin: tôi làm việc ở Quốc tế Cộng sản và học ở trường Đại học Lenin.

Hỏi: Vậy nên gọi lại như thế nào vai trò của Lenin và chủ nghĩa Lenin đối với đồng chí?

Trả lời: Đồng chí biết truyền thuyết của chúng tôi về cái "cắm nang". Khi gặp khó khăn, người ta gỡ cắm nang ra và tìm thấy cách giải quyết. Chủ nghĩa Lenin cũng gần như cái cắm nang thần kỳ đó⁽¹⁾. Lúc đầu, chính là do chủ nghĩa yêu nước mà tôi tin theo Lenin. Rồi, từng bước một, tôi đi đến kết luận là chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và giai cấp công nhân toàn thế giới. Và Lenin đã vạch ra con đường cho chúng tôi một cách cụ thể: năm 1919, tại Đại hội những người cộng sản phương Đông, Người tuyên bố: "Các đồng chí hiện đang có một nhiệm vụ mà trước đây những người cộng sản trên toàn thế giới không có: trong khi dựa vào lý luận chung và thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản, các đồng chí vừa phải thích ứng với những điều kiện riêng biệt mà các nước châu Âu không có, vừa phải học cách vận dụng được lý luận và thực tiễn ấy vào nơi mà quần chúng chủ yếu là nông dân, nơi cần phải xác định sự cần thiết không phải là đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, mà là đấu tranh chống những tàn tích phong kiến". Sự thật là cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa lúc đầu và trước

(1) Trong bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lenin*, tạp chí *Các vấn đề phương Đông* (Liên Xô), số kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh Lenin, Hồ Chủ tịch đã nói đến "câu chuyện thời xưa về cái "cắm nang" đầy phép lạ thần tình". Người viết: "Khi người ta gặp những khó khăn lớn, người ta mở cắm nang ra, thì thấy ngay cách giải quyết. Chủ nghĩa Lenin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cắm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản" (*Mãi mãi đi theo con đường của Lenin vĩ đại*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 52).

hết là cuộc cách mạng nông dân.

Cuộc cách mạng ấy không tách rời cuộc cách mạng chống phong kiến. Sự liên minh giữa quần chúng đông đảo nông dân và giai cấp công nhân làm cái nền tảng, trên đó có thể thành lập một Mặt trận dân tộc rộng rãi và vững chắc. Cho nên cải cách ruộng đất là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Những kinh nghiệm của chúng tôi chứng tỏ rằng muốn đưa cuộc cách mạng dân chủ đến thắng lợi và mở ra những giai đoạn nối tiếp nhau, cho sự phát triển của một Nhà nước dân tộc dân chủ, giai cấp công nhân và Đảng của nó phải lãnh đạo cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức và cuộc cách mạng của giai cấp vô sản các nước bị áp bức phải ủng hộ lẫn nhau. Như Lênin đã dự kiến, ngày nay đã đến lúc mà các dân tộc ngẩng cao đầu bước lên vũ đài quốc tế. Nhân dân Việt Nam, về phần mình, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hỏi: Như vậy là Lênin và những lời dạy của Người luôn luôn có mặt trong cuộc chiến đấu mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ?

Trả lời: Dĩ nhiên. Đồng chí đã biết, ngay sau khi bọn thực dân Pháp rút đi, bọn Mỹ tiến hành xâm lược lúc đầu ở miền Nam nước chúng tôi và sau đó ở tất cả nước Việt Nam như thế nào. Như vậy, chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã làm cho chúng tôi thấy cần thiết phải tiếp tục cuộc chiến đấu. Cuộc chiến tranh này, diễn biến của nó, những thủ đoạn mà bọn Mỹ đã dùng, xác nhận một lần nữa - nếu điều đó cần thiết - sự đúng đắn của các luận cương của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn thoái nát của chủ nghĩa tư bản, về bản chất hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc.

Về phần chúng tôi, chính là do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay, mà chúng tôi đã chiến đấu và giành được những thắng lợi to lớn như đồng chí đã biết. Chúng tôi giành được thắng lợi đó là do nhiều nhân tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng - mà không phải chỉ nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin - chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin.

HỒ CHÍ MINH

Tháng 7/1969

Báo Nhân dân, ngày 5/3/1970.

PHẦN THỨ 2

NHỮNG THẨM HỌA CỦA NỀN “VĂN MINH” PHÁP

(NHỮNG THẨM HỌA CỦA NỀN “VĂN MINH” PHÁP)
KHOẢNG 1921 - 1926

LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TUA(*)

(Trích)

... Thừa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây là để cùng các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên Xã hội, để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời trên quê hương tôi. Các đồng chí đều biết rằng chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm. Nói cho rõ hơn, chúng tôi đã bị đầu độc bằng thuốc phiện, bằng rượu v.v... Trong vài phút, tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông Dương. Nhà tù nhiều hơn trường học và lúc nào cũng chật ních. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi bị giết mà không cần xét xử. Cái gọi là “công lý” Đông Dương là thế đấy! Ở xứ đó, người Việt Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự đảm bảo như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch ở nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách bắt chúng tôi hút thuốc phiện và uống rượu để đầu độc chúng tôi và làm cho chúng tôi đần độn. Người ta đã làm chết và

(*) Trích theo biên bản tốc ký của Đại hội Tua.

Đại hội Tua: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua (Tours) từ ngày 25 đến ngày 30/12/1920. Lúc đó trong Đảng có nhiều khuynh hướng mẫu thuẫn, và các đại biểu trong đại hội ngồi theo khuynh hướng những người cùng quan điểm ngồi cạnh nhau. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc đó ngồi ở phía tả của phòng họp, nhìn từ trên đoàn chủ tịch xuống. Bàn các đại biểu xếp theo chiều dọc phòng họp, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở đây bàn thứ hai kể từ trái, và ngồi cạnh đồng chí Pôn Vayăng Cutuyariê. Ở Đại hội này, Đảng Xã hội Pháp đã tách ra làm hai: Đảng Cộng sản Pháp (gồm số đông đảng viên) theo Quốc tế thứ ba, và Đảng Xã hội Pháp (gồm số ít đảng viên) theo Quốc tế thứ hai. Ở Đại hội Tua, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tuyên bố tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trước hết là vì Đảng Cộng sản Pháp là đảng duy nhất kiên quyết đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Do đó, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

tàn sát hàng nghìn người Việt Nam để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.

I hứa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân Việt Nam, bằng hơn nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ lại là những người được nước Pháp “bảo hộ”! Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức.

... Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 12/1920

Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 13. Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật.

ĐÔNG DƯƠNG

(Trích)

...
Nói rằng *Đông Dương* gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng *Đông Dương* không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các ông chủ của chúng ta vẫn thường nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người *Đông Dương* không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo và tạp chí mang lại tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của Chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn về thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để té cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không còn sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không! *Người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi*. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người *Đông Dương*. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người *Đông Dương*. Người *Đông Dương* không được học, đứng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người *Đông Dương* nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ - bọn quan lại - cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người *Đông Dương* tiến bộ một cách rất mau nhiệm và khi thời cơ cho phép họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người *Đông Dương* giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc

đẩy cho thời cơ đó mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa mà thôi⁽¹⁾.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 5/1921

Tạp chí Cộng sản (Pháp) số 14, năm 1921. Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, (Vi độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội), Hà Nội, 1970, trang 17.

(1) Trên đây là trích bài *Đông Dương* (I). Đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn viết tiếp bài báo thứ hai cùng nhan đề trên (đăng trên *Tạp chí Cộng sản - Cahier du Communisme* - 1921). Mở đầu bài *Đông Dương* (II), tác giả nêu vấn đề: "Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay.

Trả lời câu hỏi đó, chúng ta có thể khẳng định rằng có. Muốn hiểu vấn đề đó, chúng ta phải xem xét tình hình hiện nay ở lục địa châu Á về mặt lịch sử và địa lý".

Trên cơ sở phân tích tình hình, Người nhận định: "Do lịch sử cho phép, chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á hơn là ở châu Âu", đồng thời nêu lên trách nhiệm của những người cộng sản phải truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng. Người viết: "Trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí ấy có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả".

Kết thúc bài báo *Đông Dương* (II), tác giả vạch rõ mối quan hệ khăng khít giữa phong trào cách mạng của nhân dân châu Á với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tại các nước phương Tây. (Xem *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập 1, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 33, 34).

LÁ THU NGỎ GỬI ÔNG ANBE XARÔ^(*) BỘ TRƯỞNG THUỘC ĐỊA

(Trích)

... Dưới quyền cai trị của Ngài, dân tộc Việt Nam đã được hưởng phần vinh thật sự và hạnh phúc thật sự, hạnh phúc được thấy nhan nhản khắp trong nước, đâu đâu cũng có những ty rượu và ty thuốc phiện song song với những sự bắn giết hàng loạt và nhà tù, - nền “dân chủ” và tất cả bộ máy tinh vi của nền “văn minh hiện đại”, - đã làm cho người Việt Nam “tiến bộ” nhất châu Á và “sung sướng” nhất trần đời.

Hành động “nhân ái” ấy cũng đủ để chúng tôi không cần nhắc lại tất cả những hành động khác như: bắt lính và bắt mua công trái, đàn áp dẫm máu, truất ngôi và đẩy biệt xứ một ông vua, xâm phạm và làm ô uế những nơi thờ phụng, v.v...

Thật đúng như câu thơ chữ Hán: *Gió âu yếm thổi chiều quạt phấy, mưa nghĩa nhân đón vết xe lăn.*

Được nắm quyền tối cao cai quản các thuộc địa, danh vọng của Ngài càng cao bao nhiêu thì sự quan tâm đặc biệt của Ngài đối với những người Đông Dương càng tăng lên bấy nhiêu. Ngài đã cho thiết lập ngay ở Pari một cơ quan đặc trách để theo dõi những người bản xứ cư trú trên đất Pháp, đặc biệt là theo dõi những người Đông Dương, như một tờ báo thuộc địa đã nói rõ.

Nhưng chỉ “theo dõi” không thôi thì thấy hình như chưa xứng với tấm lòng “thương yêu” của Ngài như bậc “cha mẹ”, nên Ngài còn muốn “gia ơn” hơn nữa. Vì vậy mà gần đây, Ngài đã ban cho mỗi người Việt Nam - người Việt Nam yêu quý, như Ngài thường nói - nhiều người “hầu cận”⁽¹⁾ đặc biệt. Tuy những người này còn ấu trĩ trong việc theo dõi nghệ thuật của Séclerc

(*) Anbe Xarô (Albert Sarraut): Toàn quyền Đông Dương hồi 1911 - 1914, sau đó làm Bộ trưởng Bộ thuộc địa, một tên trùm thực dân. Đến năm 1936, y làm thủ tướng nước Pháp.

(1) Người “hầu cận”: chỉ bọn mật thám Pháp, chuyên làm việc kèm sát những người bản xứ sống tại nước Pháp để theo dõi cử chỉ và hành động của những người này.

Honmét⁽¹⁾, nhưng họ cũng đã tỏ ra rất tận tụy và rất “đáng yêu”. Chúng tôi chỉ còn biết “khen ngợi” họ và “ca tụng” người cầm đầu họ là Ngài...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 8/1922

Báo *Người cùng khổ*⁽²⁾, số ra ngày 1/8/1922, Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, (*Lên án chủ nghĩa thực dân*), Hà Nội, 1959, trang 31.

(1) *Séc-tốt Honmét* (Sherlock Holmes): nhân vật chính trong tiểu thuyết của *Côn-năng Doay-lơ* (Conan Doyle), và thường được dùng để chỉ những thám tử lành nghề.

(2) *Người cùng khổ* (*Le Paria*) là tờ báo do Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập, xuất bản bằng tiếng Pháp, ra số đầu tiên ngày 1/4/1922 nhờ vào sự quyên góp tiền trong số các hội viên Hội liên hiệp thuộc địa. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lo tổ chức Bộ biên tập, toà soạn và mời được nhà đại văn hào Hăng-ri Bácbuyt-sơ đỡ đầu cho tờ báo. H. Bácbuyt-sơ lúc đó phụ trách Hội ánh sáng, một hội quốc tế các... nhà văn tiên bộ mà có lần Lênin đã gửi thư chào mừng H. Bácbuyt-sơ là bạn thân của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã nhường trụ sở cho báo *Người cùng khổ* đóng lần đầu tiên ngay trong cơ quan của Hội ánh sáng, số nhà 16 phố Giắc-cơ Calô, Pari (về sau chuyển đến số nhà 3, phố Mácsê-đê Patoriac-sơ). Tên báo *Người cùng khổ* in bằng ba thứ tiếng: Pháp, A Rập, Trung Hoa (chữ Hán *Lao động báo* do chính tay Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dùng bút lông viết. Điều đó nói lên ý nghĩa quốc tế của tờ báo. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc vừa làm chủ nhiệm, chủ bút, viết bài, thủ quỹ, xuất bản, phát hành và liên lạc, đồng thời là một trong những họa sĩ của tờ báo. Trong các số báo *Người cùng khổ*, Người thường viết bài, và còn vẽ tranh châm biếm, đả kích nữa; có số báo Người viết tới bốn bài (số ra ngày 1/8/1922). Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là linh hồn của báo *Người cùng khổ*, người phụ trách và viết bài chủ chốt.

VỀ CÂU CHUYỆN XIKI

(Trích)

... S. D. N (xin đọc là Sagesse des Nations)⁽¹⁾, chứ không phải Société des Nations⁽²⁾ nói rằng Thần Tài chỉ mỉm cười duyên với những người giàu có. René Marang⁽³⁾ và Xiki đã làm chảy nhiều mực đen. Hơn nữa, Xiki còn làm chảy cả máu đỏ. Người ta làm như cả hai người anh em châu Phi của chúng ta còn cần đến nhiều mực nữa. Sau ngòi bút châm biếm của Marang, đôi găng của Xiki đã làm rung động đến cả chính giới. Và ông Lukê, hội viên hội đồng quận Xen, đã lập tức đưa ra một kiến nghị định cấm các cuộc đấu quyền Anh! Xin phép ông Lukê cho chúng tôi “kính cẩn” thưa với ông rằng, như vậy là ông đã làm một việc không yêu nước. Chúng tôi xin giải thích: về phương diện chính trị quốc tế của chúng ta, một nhà vô địch quyền Anh loại lông cũng tuyên truyền cho ảnh hưởng tinh thần của chúng ta ra nước ngoài như là một người bắt tử, một người quang vinh, một ca sĩ hoặc mười đạo quân (ông hãy giữ báo chí ra mà xem)...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Năm 1922

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1/12/1922.

Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật (*Lên án chủ nghĩa thực dân*), Hà Nội, 1959, tr. 37.

(1) *Sagesse des Nations*: Tam dịch là sự khôn ngoan của các dân tộc.

(2) *Société des Nations*: Hội Quốc liên.

(3) *René Marang*: nhà văn người da đen có quốc tịch Pháp, tác giả cuốn tiểu thuyết *Batuala* mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có dịp trích dẫn trong bài *Tham luận về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* tại Đại hội quốc tế lần thứ V của Quốc tế cộng sản. Tác giả cũng nhắc tới nhà văn và cuốn tiểu thuyết này trong bài *Những người bán xứ được ưa chuộng* và trong bài hồi ký của Ôxíp Mandenxtam: *Thăm một đồng chí hoạt động trong Quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc*.

VỤC THẨM THUỘC ĐỊA

(Trích)

Nước Pháp có một hệ thống thuộc địa rộng 10 triệu cây số vuông với dân số là 56 triệu người da vàng và da đen. Để “khai thác” tất cả những cái đó, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa cần có ba hay bốn tỷ phờrăng. Muốn thế, ông đã “tổ chức” một chiến dịch báo chí rộng rãi và đã đọc không biết bao nhiêu là diễn văn. Ngài Bộ trưởng lại còn viết cả một pho sách dày 656 trang (giá 20 phờrăng một cuốn)⁽¹⁾.

... Rồi hết những diên rồ này đến những diên rồ khác đã làm vung phí đồng tiền mà người dân Việt Nam đáng thương hại đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm ra được. Hiện chúng tôi chưa biết rõ số tiền mà đức vua An Nam⁽²⁾ đã chi tiêu về việc sang du ngoạn bên Pháp đúng là bao nhiêu đồng, nhưng chúng tôi biết rằng, để đợi được ngày tốt cho con Rồng tre⁽³⁾ có thể ngự giá xuống tàu, người ta đã phải bồi thường phí tổn cho tàu Poóc-tốt-xơ về bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 phờrăng (tức là 400.000 phờrăng). Tiền tàu hết 400.000 phờrăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 phờrăng (không kể tiền lương trả cho bọn cảnh sát để canh gác những người Việt Nam ở Pháp), 77.600 phờrăng để trả tiền ăn ở tại Mácxây cho số lính khổ xanh An Nam dùng để

(1) Trong bài *Sự phá sản của chế độ thực dân Pháp* (Tập chí *Thư tín quốc tế*, số 126, năm 1924), tác giả lại viết: “Để làm công việc khai thác ấy, ông ta đòi phải có 4 tỷ phờrăng. Để tìm cho ra món tiền ấy, ông ta đã viết một cuốn sách dày 674 trang”. Cuốn sách của Anbe Xarô mang đầu đề là *Khai thác thuộc địa*.

(2) *Đức vua An Nam*: chỉ Khải Định, xem chú thích tiếp theo.

(3) *Con Rồng tre*: Chỉ tên vua Khải Định, xuất phát từ sự việc sau đây: Năm 1922, tên vua Khải Định sang Pháp dự Hội chợ triển lãm thuộc địa tại Mácxây. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết vở kịch *Con Rồng tre* để vạch trần bộ mặt bán nước hại dân của tên vua này. Đại ý vở kịch như sau: “Có những cây tre thân hình quặt quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy vẻ dẻo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thực ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy chỉ là một quái vật vô dụng” (Trần Dân Tiên). Theo Lêô Pôn-dét đương thời là chủ nhiệm câu lạc bộ Phôbua, câu lạc bộ đã trình diễn *Con rồng tre* ngày 18/6/1922 tại Gác-sơ một thị xã thuộc ngoại ô Pari, thì vở kịch này “thật là hay, thật là đẹp, lời vừa chải chuốt vừa gọn gàng với những cái châm biếm dí dỏm của Arix-tôphan. Bản kịch có đủ ưu điểm để đem lên sân khấu” (*Điều bí ẩn của Cụ Hồ Chí Minh*). Vở kịch *Con rồng tre* “được các nhà phê bình văn nghệ khen hay” (Trần Dân Tiên) nó “sinh động sôi nổi bởi một khí thế kiểu Arix-tôphan” (Rô-béc Saplân). Vở kịch bị Chính phủ Pháp cấm (Xem thêm: *Xung quanh vở kịch “Con rồng tre” của Hồ Chủ tịch*; *Văn nghệ*, 25/3/1978).

bồng súng chào Cụ lớn Bộ trưởng và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện chúng ta hãy xem thử cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí cho chúng ta hết bao nhiêu. Trước hết, và ngoài những kẻ thân thể ở chính quốc ra, người ta còn mời ba chục viên chức cao cấp ở các thuộc địa về, - bọn này hàng ngày phè phỡn ở Cannobie⁽¹⁾ mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở Triển lãm lẫn ở thuộc địa. - Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc Triển lãm đó. Và các bạn có biết người ta chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Đây là một thí dụ. Cái việc gọi là dựng lên mô hình các cung điện Ăngco đã làm tốn mất 3.000 mét khối gỗ dui xà, giá mỗi mét là 400 hay 500 phờrăng. Tổng cộng: 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn phờrăng...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 1/1923

Báo *Nhân đạo*, ngày 9/1/1923. Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật, (*Lên án chủ nghĩa thực dân*), Hà Nội, 1959, trang 42.

(1) *Cannobie (Cannesbière)*: Một phố chính ở Mácxây Pháp.

NHỮNG THẨM HỌA CỦA NỀN “VĂN MINH PHÁP”

(Trích)

Để truyền bá “văn minh” và bảo vệ “danh dự” lá quốc kỳ Pháp ở các thuộc địa xa xôi, người ta dùng những đội quân gồm toàn những tên lưu manh, những bọn lười biếng, những tên lợt lười pháp luật, những tên giết người, nói tóm lại, gồm các “tinh hoa” của những cận bã, lượm lặt ở tất cả các nước châu Âu. Đến nước đã bị xâm chiếm hay sắp bị xâm chiếm cũng vậy, người ta thả những tên sát nhân này vào trong đám dân chúng thiếu tự vệ. Và để kích thích chúng, người ta buông lỏng cho bọn côn đồ tha hồ hoành hành theo thú tính tàn bạo của chúng. Sau đây là vài câu chuyện do các nhà văn thuộc địa kể lại, họ đã từng chứng kiến những hành động dã man của những người vệ sĩ “anh dũng” cho “nền văn minh cao cả” ấy.

(...)⁽¹⁾

Tôi phải nhắc để các bạn nhớ rằng tất cả những câu chuyện này, cũng như những câu chuyện tôi sẽ kể thêm đều do người Pháp đã mắt thấy tai nghe, viết ra. Khi họ viết, có lẽ họ không nghĩ rằng, một ngày kia sẽ có một người Việt Nam đọc những chuyện đó; nếu biết rằng tôi đã sử dụng những tài liệu họ viết, chắc chắn các nhà văn đó sẽ hối hận vì đã nói hết sự thật. Nói rõ như vậy rồi tôi xin tiếp tục:

(...)⁽²⁾

Không chỉ có người sống mới là nạn nhân của chế độ thực dân man rợ ấy. Biết người Việt Nam sùng bái tổ tiên, bọn người Pháp còn có những hành động độc ác đối với cả người chết; chúng giày xéo thi thể cha mẹ người ta để cho con cái phải đau xót, hoặc hành hạ xác kẻ thù đã bị thua và đã bị giết chết, để cho hả lòng căm tức và rửa tiếng bất lực không đánh bại được người đó khi họ còn sống. Như *Đội Văn*⁽³⁾ là một nhà yêu nước đã chiến đấu mấy năm trời,

(1) Xem toàn văn trong *Đấy "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương*, nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, từ trang 40 đến trang 46.

(2) Xem chú thích (1).

(3) *Đội Văn* (còn gọi là Tuấn Văn): Một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1889) thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo. Năm 1889 bị khủng bố dữ, *Đội Văn* đã từng được Pháp cấp cho 500 quân để đánh lại nghĩa quân. Ông mang toàn bộ quân lính và vũ khí gia nhập nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, đánh lại quân Pháp.

chống lại nền cai trị Pháp, đã bị chém ở Hà Nội, đầu đem bêu ở Bắc Ninh, xác ném xuống sông Hồng.

Tổng Duy Tân⁽¹⁾ sau mười năm chiến đấu tuyệt vọng cũng bị bắt và bị chém. Thi thể của ông bị đem bêu ở phố.

Phan Đình Phùng⁽²⁾, một vị quan to và là một nhà văn thân danh tiếng, chống Pháp mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông chết rồi nhưng bọn Pháp vẫn chưa tha: người ta quật mộ ông lên, đốt xác và đem tro vút đi. Người ta báo thù cả người đã nằm yên dưới mộ.

Bất lực không đánh nổi Đề Thám⁽³⁾, không sao giết được ông bằng thuốc độc cũng không trừ được ông bằng cốt mìn, người ta bèn đào mã cha mẹ ông, đem hài cốt vút xuống sông.

Sau những cuộc biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều nhà văn nhà thơ

(1) *Tổng Duy Tân* (1839 - 1892), sinh tại thôn Bồng Trưng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Gia đình nhà nho nghèo. Đậu tiến sĩ đệ tam giáp khoa Ất Hợi (1875). Sau hai năm làm tri phủ Vĩnh Tường, bắt binh vì triều đình phong kiến đầu hàng quân xâm lược, ông cáo quan về làng dạy học. Sau nể lời khẩn khoản của Tôn Thất Thuyết, ông ra giữ chức đốc học tỉnh Thanh Hoá, rồi thương biện tỉnh vụ và chánh sứ sơn phòng. Năm 1885 vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần Vương, ông tích cực tham gia phong trào chống Pháp, gương cao cờ khởi nghĩa ngay tại quê nhà. Tháng 9/1892, rơi vào tay giặc, ông bị chúng kết án tử hình và đem xử tử vào ngày 5/10/1892. Xem thêm bài *Về Tổng Duy Tân*, phần VII.

(2) *Phan Đình Phùng* (1847 - 1895) hiệu Châu Phong, người làng Đông Thái (nay là xã Đức Phong) huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đậu tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1877). Tính cương trực và không khuất. Năm 1883, do phản đối việc Tôn Thất Thuyết phế Dục Đức, lập Hiệp Hoà, ông bị đuổi về làng. Tuy nhiên sau này, khi vua Hàm Nghi xuất bôn, kêu gọi kháng chiến, ông vẫn theo lời Tôn Thất Thuyết đứng lên mộ quân chống Pháp, lập căn cứ kháng chiến lâu dài ở vùng rừng núi Hương Sơn... Khác với lối đánh chiến tuyến cố định của Tổng Duy Tân, ông biết dùng căn cứ vững chắc phối hợp với lối đánh du kích để tiêu diệt quân thù. Mặc dù phải chiến đấu trong điều kiện khó khăn và cùng gian khổ, ông vẫn duy trì cuộc kháng chiến non 10 năm. Nhiều lần giặc đem danh lợi ra mua chuộc, vũ lực để uy hiếp tinh thần, đều không được. Chúng bắt thân nhân, khai quật mộ mã tổ tiên, ông không nản chí. Ông bị thương trong một trận đánh và sau đó mất vào ngày 28/12/1895.

(3) *Đề Thám* tức Hoàng Hoa Thám (1864 - 1913): một người tá điền ở tỉnh Sơn Tây cũ, đã tham gia nghĩa quân Yên Thế (một huyện thuộc tỉnh Hà Bắc). Dũng cảm, có tài quân sự, biết thu phục lòng người nên ông đã trở thành lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1885 - 1913). Năm 1913 ông bị bọn phản động ám hại, phong trào khởi nghĩa bị dập tắt. Trong một giai đoạn mà quyền lãnh đạo cách mạng còn thuộc giai cấp phong kiến, nông dân Yên Thế mặc dầu dưới ảnh hưởng của phong kiến đã có một lãnh tụ nông dân với một chiến thuật du kích của nông dân, đánh dấu một màu sắc đặc biệt khác với nhiều cuộc khởi nghĩa khác.

Trong tác phẩm của Trần Dân Tiên (*Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, trang 10), tác giả có ghi lại nhận xét của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc: "Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Vì: Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương. Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến". Trong thời gian hoạt động ở Thái Lan, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã sáng tác vở kịch *Đề Thám* do Người đạo diễn và đóng vai.

đã bị xử tử và bị đẩy đi biệt xứ. Trong số đó có ông Nghè Trần Quý Cáp⁽¹⁾, một nhà nho thanh cao ai cũng mến phục. Ông Cáp bị bắt trong khi còn dạy học; không xét hỏi gì cả người ta đem chém ông hai mươi bốn giờ sau khi bị bắt. Chính phủ giết chết ông chưa đủ, còn hành hạ mãi, không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Khoảng 1921 - 1926

*Đây "công lý" của thực dân Pháp ở
Đông Dương.* Nhà xuất bản Sự thật, Hà
Nội, 1962, trang 40, Bản dịch: Ban
nghiên cứu Lịch sử Đảng trung ương.

(1) *Trần Quý Cáp* (1871 - 1908), hiệu Thái Xuyên, quê làng Bát Nhị, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Đỗ tiến sĩ năm 1901, là bạn đồng song và đồng niên với Huỳnh Thúc Kháng. Làm giáo thụ Thăng Bình (Quảng Nam) rồi Tân Định (Khánh Hoà), hăng hái hoạt động trong phong trào Duy Tân (1908). Phong trào chống sưu thuế đẩy lên ở Nam Ngãi, ông bị bắt và bị kết án tử hình.

QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOÃNG VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

(Trích)

.....
Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình Đông Dương vẫn chẳng ổn định chút nào.

Chiếc ghế bị cáo mà quan cai trị liên chính là Lanông vừa rời khỏi chưa kịp nguội, thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một nhà “khai hoá” điển hình, một quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

Làng Tân An, nơi ly sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

Nhưng bỗng một quan cai trị khá sắc sảo (ông Buđinô), đã khéo xoay sở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhượng không nhà máy phát điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhượng không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng.

Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cựu tỉnh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đều đặn không thể tưởng tượng nổi.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Khoảng 1921 - 1925.

Bản án chế độ thực dân Pháp⁽¹⁾, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 62 - 65.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật.

(1) *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp vào những năm 1921 - 1925, và được xuất bản thành sách lần đầu tiên vào năm 1925 tại Paris. Năm 1946, ở Việt Nam tác phẩm nổi tiếng này đã được xuất bản bằng tiếng Pháp tại Hà Nội. Năm 1960, Nhà xuất bản Sự thật đã xuất bản bằng tiếng Việt lần thứ nhất và đã in trong Tuyển tập của Hồ Chí tịch. Năm 1975 về 1976, *Bản án chế độ thực dân Pháp* xuất bản lần thứ hai và thứ ba bằng tiếng Việt (Nhà xuất bản Sự thật).

Ngoài tư cách chủ yếu là một tác phẩm chính trị, *Bản án chế độ thực dân Pháp* còn là một áng văn có giá trị mẫu mực về nhiều mặt như văn học, ngôn ngữ, lịch sử, v.v....

NHỮNG NHÀ “KHAİ HOÁ”

(Trích)

... Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc “khai hoá” thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì “công lý” và “chính nghĩa” sẽ là nguồn tài liệu vô tận.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Khoảng 1921 - 1925.

Bản án chế độ thực dân Pháp, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 68.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật.

ĐÔNG DUƠNG KHỔ NHỤC

(Trích)

... Chính phủ ấy⁽¹⁾ còn đàn áp một cách chưa từng thấy đối với những người cách mạng và tình nghi cách mạng. Chúng xử rất nhiều án tù tội hàng chục năm. Ông Phan Văn Trường, một nhà báo Việt Nam, đã bị hai năm tù vì ông đã có tội đăng lại một bài của báo *Nhân đạo* bàn về sự *Đoàn kết huynh đệ với Cách mạng Trung Hoa*.

Sách báo viết về độc lập dân tộc đều bị cấm ngặt không được lưu hành. Vì vậy nên hai anh em ông Vương Gia Bột và Vương Gia Ngải ở Trung Kỳ đã bị kết án một người ba năm tù, một người hai năm, chỉ vì có tội là bày vào tủ hàng sách của các ông quyển *Tiểu sử Tưởng Giới Thạch*⁽²⁾. Một học sinh 17 tuổi bị giam cho đến tuổi thành niên vì đã làm bài thơ *Chiêu hồn nước*⁽³⁾.

Những vụ khám xét nhà cửa thi không kể xiết được. Chẳng có gì trong nhà, người ta có thể bị bắt vì đã bị tình nghi. Học sinh Hà Tĩnh đã bị bắt như vậy. Chẳng lời thôi gì cả, chúng bắt các anh đó, tổng giam hai tháng rồi thả ra. Không những Chính phủ thuộc địa trấn áp những người mong muốn tự do, độc lập mà còn xúc phạm đến cả phong tục tập quán của dân bản xứ nữa. Thờ phụng những người đã quá cố, một việc rất thiêng liêng và thiết tha của người Việt Nam, cũng bị cấm đoán. Mới đây trong cuộc đưa đám một nhà cách

(1) *Chính phủ ấy...* tức Chính phủ thuộc địa.

(2) Có lẽ là quyển *Tiểu sử Tưởng Giới Thạch* của Nguyễn Mạnh Bổng (? - 1952), in tại nhà in Long Quang Hà Nội, 1927, dày 52 trang. Quyển tiểu sử này viết khi Tưởng Giới Thạch còn ở trong đội quân cách mạng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo. Về sau, Tưởng Giới Thạch trở thành phản cách mạng.

(3) Ở đây tác giả muốn nói đến Phạm Tất Đắc (1910 - 1935) tác giả bài thơ *Chiêu hồn nước* viết năm 1926. Phạm Tất Đắc, người làng Dũng Kim, phủ Lý Nhân, Hà Nam cũ (sau thuộc tỉnh Hà Nam Ninh), năm 1923 học trường Bưởi, đến năm 1926 thì bị đuổi khỏi trường vì tham gia vào lễ truy điệu Phan Chu Trinh và hô hào học sinh bãi khóa. Ít lâu sau Phạm Tất Đắc lại bị thực dân Pháp bắt vì viết bài thơ *Chiêu hồn nước*.

Đương thời, bài thơ này đã có tiếng vang lớn, rất được quần chúng hoan nghênh, đặc biệt là trong giới học sinh, sinh viên. Lúc đầu Phạm Tất Đắc bị giam ở Hà Nội, nhưng vì chưa đến tuổi thành niên nên bị chúng đưa vào nhà trường giới ở Tri Cự, Bắc Giang (Hà Bắc ngày nay). Ở đây, Phạm Tất Đắc lại tổ chức đánh giám thị, phá nhà giam, nên bị đưa về nhà پدر Hoà Lò, Hà Nội. Năm 1930, Phạm Tất Đắc được tha, nhưng sức ngày càng yếu, năm 1935 thì mất.

mạng cũ⁽¹⁾, cảnh sát đã đánh đập dân chúng đến viếng mộ, làm một phụ nữ bị thương nặng, và bắt đưa 12 người ra hầu toà, chúng kết án người một năm, kẻ 6 tháng hay 3 tháng tù. Ở Sài Gòn, sáu người bị kết án mỗi người sáu tháng tù vì đã có tên trong danh sách ban tổ chức tang lễ...

NGUYỄN ÁI QUỐC
1/1926

*Đây "công lý" của thực dân Pháp ở
Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà
Nội, 1962, trang 15. Bản dịch: Ban
nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.*

(1) Ý chỉ Phan Chu Trinh (tự Hy Mã, hiệu Tây Hồ). Năm 1905, Phan Chu Trinh sang Trung Quốc rồi sang Nhật trao đổi chính kiến với Phan Bội Châu. Không đi con đường cứu nước của Phan Bội Châu và Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh chủ trương bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp, nghĩa là muốn lợi dụng chiêu bài khai hoá của thực dân Pháp để đấu tranh hợp pháp. Năm 1906 Phan Chu Trinh gửi thư lên Toàn quyền Đông Dương nhằm tố cáo chính sự tệ hại trong nước; đến diễn thuyết tại trường Đông kinh nghĩa thực ở Hà Nội và các chi nhánh của nó ở một số nơi. Phong trào chống sưu thuế nổi lên mạnh ở Trung Kỳ năm 1907, Phan Chu Trinh bị bắt và bị đày đi Côn Đảo cùng nhiều nhà chí sĩ khác. Ba năm sau ra tù, Phan Chu Trinh xin sang Pháp với ý định tranh thủ Hội Nhân quyền Pháp để đòi chính phủ thuộc địa ở Đông Dương cải cách về chính trị, tất nhiên là không đạt được kết quả gì. Hồi ở Pháp, nhà yêu nước Phan Chu Trinh có gặp gỡ Đồng chí Nguyễn Ái Quốc và có thư từ trao đổi. Năm 1925, Phan Chu Trinh trở về Sài Gòn, diễn thuyết được vài lần, sau đó ốm nặng rồi mất ngày 24/3/1926, Lễ truy điệu Phan Chu Trinh liền trở thành một phong trào vận động ái quốc lan rộng khắp cả nước.

Bài viết trên đây có thể viết vào khoảng năm 1926 này, và sự kiện đám tang tác giả nhắc đến ở đây chính là chỉ đám tang Phan Chu Trinh.

CÔNG LÝ (II)

(Trích)

... **O** Đông Dương có hai thứ công lý. Một thứ cho người Pháp, một thứ cho người bản xứ. Người Pháp thì được xử như ở Pháp. Người Việt Nam thì không có hội đồng bồi thẩm, cũng không có luật sư người Việt. Thường người ta xử án và tuyên án theo giấy tờ, vắng mặt người bị cáo. Nếu có vụ kiện cáo giữa người Việt Nam với người Pháp thì lúc nào người Pháp cũng có lý cả, mặc dù tên này ăn cướp hay giết người.

... Phải nhất thiết kết án những người dân bản xứ vô tội cũng như tha bổng những người Pháp có tội. Khi một người Việt Nam bị buộc tội là chống Pháp thì người ấy bị đem xử trước một toà án gọi là toà án đặc biệt. Toà án gồm mấy tên quan binh và quan cai trị đều là người Pháp cả. Toà án xử kín và có thể tuyên án tử hình. Không được chống án.

... Sau đây là một bản trích lục án để giúp các bạn hình dung được thế nào là “công lý” đối với những người dân bản xứ.

Trích lục bản án:

Xét rằng: những tên A, B, C, D và F đều là những nhà văn thân An Nam nổi tiếng, họ biết ai là kẻ phản loạn chống Pháp nhưng họ lại cho rằng không cần phải theo dõi những người đó (không thấy nói tên kẻ phản loạn cũng không nói phải theo dõi người đó đến đâu?)

Xét rằng: khi đã thấy người đó về nhà, C bèn đi mời B và A về họp bàn (bàn việc gì).

Xét rằng: C và B và D còn tổ chức cả những hội buôn, những hội diễn thuyết và hội mặc âu phục cắt tóc ngắn (khủng khiếp chưa!).

Xét rằng: tất cả những việc đó, họ đã cùng làm với nhau một lần.

Xét rằng: trong những bài thơ của họ, có một câu có thể dịch là: “Chịu cảnh ô nhục, chịu thân cá chậu chim lồng” (Sai. Câu thơ trào phúng chế giễu những cuộc thi cử phải dịch như sau: Nếu các ông còn đeo đuổi mãi những cuộc thi cử lỗi thời ấy, thì trong khoảng trăm năm nữa các ông sẽ được nghe người ta chửi vào mặt. Khi nào thì các ông sẽ thoát khỏi cảnh cá

chậu chim lồng ấy?)⁽¹⁾.

Xét rằng: D. đã cho phép học trò của anh ta hội họp (!) và những học trò ấy đã đọc câu phương ngôn: “Người trong một nước phải thương nhau cùng” (Tội nặng chưa!)

Lại xét rằng: trong các buổi diễn thuyết họ đã nói đến vấn đề mở mang trí tuệ, họ đã bàn đến những nhu cầu đời sống văn minh, đến việc giảm bớt những hội hè đình đám vô ích, đến lợi ích học hành, họ lại còn kêu gọi cho người nghe ý thức về chủ quyền của nhân dân và trình bày điều đó như là một nguyên lý cơ bản (của cái gì?).

Xét rằng: nếu không trừng phạt nghiêm khắc những hoạt động ấy theo đúng pháp luật, thì nhân dân không khỏi bị lôi cuốn theo những gương xấu như vậy.

Chiếu chỉ, xử tên A, B và C *tử hình án treo cổ*, xử đánh D và F 100 trượng (chỉ có thể thôi à!) và đẩy chúng biệt xứ đi xa 1500 cây số khỏi nước An Nam (chúng ta cần chú ý là những bị cáo không được phép tự bào chữa và họ hoàn toàn không hề biết gì cả về những lời buộc tội lẫn bản án).

Như vậy chỉ vì họ là những nhà văn thân danh tiếng, họ đã lập hội và diễn thuyết, họ đã ăn mặc âu phục và cắt tóc ngắn, họ đã công kích những việc phù phiếm; hô hào đồng bào của họ thương yêu nhau, và họ đã nói đến dân quyền mà những người Việt Nam ấy đã bị xử tử hình và bị đẩy đi biệt xứ.

“Công lý” nước Pháp ở Đông Dương là thế đấy!

NGUYỄN ÁI QUỐC
Khoảng 1921 - 1926

*Đây “công lý” của thực dân Pháp ở
Đông Dương.* Nhà xuất bản Sự thật, Hà
Nội, 1962, trang 83, 86. Bản dịch: Ban
nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

(1) Có lẽ là bài thơ *Chí thành thông chánh* (Lòng chí thành thấu suốt đạo thánh) do Phan Chu Trinh viết năm 1905, trong đó có mấy câu:

*Trông thử bách niên cam thoả mạ
Bắt chi hà nhật xuất lao lung
Trăm năm cam chịu đoạ đầy
Thì bao giờ mới hết ngày lao lung?*

Nguyên nhân là trong hồ sơ án, ban quan toà tỉnh Quảng Nam buộc tội mấy nhà văn thân, có nhắc đến mấy chữ “thoả mạ lao lung” trong bài thơ nói trên để buộc tội. Phan Chu Trinh đã bào chữa bằng cách giải thích bài thơ trên như sau: “Nhà thơ trào phúng chế nhạo việc thi cử của người Việt Nam. Ngoài những mũi châm biếm khác, anh ta nói. Nếu các anh cử kẻ khờ khạo giữ lối thi cử ấy thì đến trăm năm về sau, các anh còn bị chửi vào mặt. Bao giờ các anh mới thoát khỏi những chuồng ngựa, lồng chim kia? Những chuồng ngựa, lồng chim ấy là chỉ những cái lều chống trường thi”. Đây là Phan Chu Trinh đã giải thích nội dung câu thơ nhằm mục đích bào chữa mà thôi. Chữ thật ra ý bài thơ đã bộc lộ rõ ràng khát vọng tự do, mà tất nhiên ở đây tác giả không thể nói thẳng.

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách thâm hiểm, bọn cá mập của nền “văn minh” không những đầu độc nhân dân Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo Sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: “Việc lựa hành báo chí bất cứ bằng thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do nghị định của quan Toàn quyền.

Báo tiếng Việt không được xuất bản, nếu không được phép của quan Toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan Thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị”.

Đây, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể im được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử Hội đồng thành phố Sài Gòn, viên Thống đốc cấm ba ông chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản Sắc lệnh quy định thể lệ bầu cử Hội đồng thành phố ở Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người Việt Nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gặp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông Thống đốc còn thông tin cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là Sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan Thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca

tụng đức độ của các “Cụ lớn” thuộc địa: Sở bưu điện và Sở mật thám Nam Kỳ (Giám đốc sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt - bất cứ với lý do gì - những thư từ, bài vở v.v., gửi cho báo *Người cùng khổ*⁽¹⁾, xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi đi.

Một người Mangát⁽²⁾ nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đầy biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Người cùng khổ* và vài tờ báo Pháp, để tố cáo những sự nhùng lậm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*
* *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường học.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những “thiên đàng trường học” kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan Khâm sứ, cho quan Công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu. “Quan đốc” thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: “Ai cho phép mày đến đây?”, rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép Chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đồng đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, Chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên Việt Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong Nghị định ngày 20/6/1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

“Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ, muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan Toàn quyền cho phép*. Quan Toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan Thủ hiến kỳ và quan Giám đốc Nha học chính.

Trước khi lên đường, người đó phải đến Nha học chính xin một quyển học

(1) *Người cùng khổ*: xem chủ thích bài *Lá thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô, Bộ trưởng thuộc địa*, phần II.

(2) *Người Mangát*: Người Mađagátxca.

bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan Toàn quyền chứng thực.

Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại Nha học chính”.

“*Làm cho dân ngu để dễ trị*”, đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*
* *

Báo *Nhân Đạo* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Madagátxca khi cuộc chiến tranh vì “công lý” đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phân bì với Madagátxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Người cùng khổ*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông Thống đốc gian lận Bôđoăng đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau, họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một “thành tích” cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bí ối đương hoành hành ở các thuộc địa.

*
* *

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Người cùng khổ*; Chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen châu Mỹ; Chính phủ Tuynidi trục xuất chủ nhiệm tờ *Tương lai xã hội*⁽¹⁾; ông Lyôây đuổi chủ nhiệm tờ *Ong bò về Maroc*⁽²⁾ ra khỏi Maroc (người ta chỉ cho nhà báo một giờ để thu xếp hành lý).

*
* *

(1) *Tương lai xã hội* dịch từ chữ Pháp *L'Avenir social*.

(2) *Ong bò về Maroc* dịch từ chữ Pháp *La Guêpe Marocaine*.

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoăng, quyền Toàn quyền Đông Dương đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *Con trĩ Đông Dương*⁽¹⁾ trưng bày, vì tờ báo này có những lời phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Cờlê măngti, chủ nhiệm tờ báo đã bị bắt và tổng giam.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Khoảng 1921 - 1925

Bản án chế độ thực dân Pháp, chương IX, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật.

(1) *Con trĩ Đông Dương* dịch từ chữ Pháp *L'Argus Indochinois*.

CHÍNH SÁCH NGU DÂN (II)

Người Việt Nam rất hiếu học. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu. Có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên, dù có nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng cố cho con cái được học hành. “*Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng*” là một câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức của dân tộc Việt Nam. Ở làng xã nào cũng có trường công và trường tư. Chữ nho rất khó học thể mà hầu hết người Việt Nam đều biết “ký tên bằng chữ Hán”...

Người Pháp đến đã làm thay đổi tất cả. Đời sống càng ngày càng khó khăn. Thuế má nặng nề, phu dịch thường xuyên. Các gia đình khá giả nay bị sa sút không còn có thể nuôi thầy đồ dạy học cho con cái mình và con cái những người láng giềng như xưa nữa. Những kẻ nghèo đói thì bản cùng, nên họ phải chống đói đã rồi mới có thể nghĩ đến chuyện học hành.

Càng nghèo khổ thì số người thất học càng nhiều. Mặt khác thực dân Pháp lại cố tâm huỷ bỏ Hán học mà chúng thấy là nguy hiểm cho sự thống trị của chúng, vì chúng biết rằng Hán học có thể đưa vào Việt Nam những tư tưởng tiến bộ phương Tây thông qua Trung Quốc và Nhật Bản. Người ta có thể tưởng rằng bỏ Hán học đi để đẩy lùi ảnh hưởng nước ngoài, người Pháp sẽ thay thế vào đó bằng nền giáo dục của họ. Không phải thế đâu. Thâm ý của họ là đẩy người Việt Nam vào vòng ngu tối. Tôi xin nêu ra sau đây một vài bằng chứng của người Pháp.

Đại tác Bécna viết: “Về phương diện tinh thần, người Pháp không tổ chức một nền giáo dục mới thay thế cho nền giáo dục An Nam mà họ đã bỏ đi. Họ chỉ xây dựng được một ít trường học để đào tạo ra những con vẹt, những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức phổ thông”.

Trong một báo cáo về tình hình Đông Dương, tướng Panocanh cũng viết: “Trong 50 năm chiếm đóng ở Nam Kỳ và 25 năm chiếm đóng ở Bắc Kỳ, những trường học Pháp không đào tạo được lấy một người An Nam thật sự có học thức”.

Ông Mácxơ, văn sĩ thuộc địa, đã viết câu sau đây lột được đúng tư tưởng đang thống trị trong đầu óc của các nhà cai trị của chúng ta: “Chúng ta chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích”.

Nhưng ngay cả nền giáo dục sơ đẳng ấy cũng chỉ được phổ cập một cách quá bừa bãi và nhỏ giọt. Trường học rõ ràng là còn thiếu nhiều, giáo viên thì chưa đủ tư cách để giảng dạy. Cao Miên có 2.000.000 dân mà chỉ có 60 trường. Ở Trung Kỳ chỉ có 118 trường cho 6.000.000 dân. Trường học lập ra không phải để giáo dục cho thanh niên Việt Nam một nền học vấn tốt đẹp và chân thực, mở mang trí tuệ và phát triển tư tưởng cho họ, mà trái lại càng làm cho họ dần dần thêm. Ngoài mục đích giáo dục để đào tạo tuý phái, thông ngôn và viên chức nhỏ đủ số cần thiết phục vụ cho bọn xâm lược - người ta đã reo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự đốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng "trung thực" giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một tổ quốc không phải là tổ quốc của mình, một tổ quốc đã từng áp bức dân tộc mình. Hấp thụ nền giáo dục ấy, thanh thiếu niên trở lại khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình và trở nên ngu ngốc thêm. Điều gì có thể rèn luyện được cho học sinh biết suy nghĩ, biết phân tích thì người ta không dạy ở nhà trường. Vấn đề nào có liên quan đến chính trị, xã hội và có thể làm cho người ta tỉnh ngộ đều bị bóp méo và xuyên tạc đi. Có học lịch sử nước Pháp đi nữa, thì người ta không hề đề cập đến chương nói về cách mạng. Người ta cấm học sinh đọc tác phẩm của Huygô⁽¹⁾, Rút-xô⁽²⁾ và Mông-tét-xkiơ⁽³⁾. Nói tóm lại, trường học thật là tương xứng với chế độ đã khai sinh ra nó!

Cách đây vài năm, người ta ban cho chúng tôi một trường đại học. Một trường đại học thế nào? Theo những bài diễn văn chính thức và những lời tuyên truyền ầm ĩ xung quanh trường này thì trường đại học của chúng tôi thuộc loại trường đại học to nhất châu Âu kia đây. Thực ra, thì hàng năm trường đại học chỉ sản xuất được hai ba ông cử nhân hạng tồi. Ông bố đỡ đầu cho cái trường "Xoócbon Annamít" ấy, hiện giờ là Thống đốc Nam Kỳ, trong một lúc thành thật hiếm thấy xưa nay của ngài, ngài đã thú nhận rằng chính ngài đã "hàng

(1) *Vichto Huygô*: Xem chú thích bài *Lá thư ngỏ gửi ông Lêông Ácsimbô*, phần V.

(2) *Rút-xô (Jean - Jacques Rousseau, 1712 - 1778)*: Nhà văn và triết gia nổi tiếng Pháp hồi thế kỷ 18, nhà dân chủ, nhà tư tưởng tiểu tư sản, một trong những người đề xướng tư tưởng của đảng Giacôbanh. Ông là nhà văn mở đường cho trào lưu tư tưởng có khuynh hướng dân chủ và nhà văn tiêu biểu của chủ nghĩa tình cảm ở Pháp và châu Âu. Ông chống lại sự tôn sùng lý trí và đề xướng ra triết học tình cảm, nhưng không phải vì thế mà ông không công kích kịch liệt chế độ phong kiến, và trở thành một nhà văn cách mạng nhất, có tư tưởng dân chủ tiến bộ nhất trong các nhà văn Pháp thế kỷ 18.

(3) *Mông-tét-xkiơ (Charles Louis de Montesquieu, 1689 - 1775)*: Nhà văn Pháp, đại biểu tư tưởng của những khuynh hướng chính trị của giai cấp tư sản Pháp giữa thế kỷ 18.

Theo báo cáo của tên Giăng (Jean), mật thám Pháp, gửi cho Bộ thuộc địa ngày 16 - 3 - 1920 thì "hiện nay ông (Nguyễn Ái Quốc) đang dịch những đoạn trích trong cuốn *L'Esprit des Lois (Tinh thần pháp quyền)* của Mông-tét-xkiơ sang tiếng Việt Nam".

chăm lo đến sự tiến bộ của cả dân tộc An Nam; mở trường y khoa và trường đại học là cốt để sau này (mà nay là tháng 3 năm 1924!) người An Nam có thể thay thế người Pháp trong các chức vụ thứ yếu ở các công sở”.

Bên cạnh trường đại học đáng quý ấy, lập ra cốt để loè nước ngoài, để đưa ra khoe khoang trong những bài diễn văn và để ngăn cấm người Việt Nam xuất dương du học, chúng tôi còn có một trường y khoa, một trường luật, một trường công chính, ba hoặc bốn trường chuyên nghiệp nữa, cho cả 20.000.000 dân.

Nhưng kết quả thu được ở những trường ấy thì như thế nào? Một tờ báo Pháp xuất bản ở Đông Dương đã trả lời câu hỏi đó như thế này: số thanh niên Việt Nam có trình độ kỹ thuật chuyên nghiệp cao còn rất ít, rất ít người dân bảo hộ có thể đảm đương được xứng đáng chức vụ của một kỹ sư công chính, của một bác sĩ y khoa hay của một thanh tra hoả xa, chẳng hạn.

Cho nên bị chính sách ngu dân triệt để kiềm chế như vậy, người Việt Nam muốn học lên chỉ còn có hai cách: đi du học ở nước ngoài hay ở Pháp. Nhưng nếu có một người Việt Nam nào có ý định đi du học nước ngoài thì sẽ bị coi như một người nổi loạn, một người chống Pháp, có tội lớn; người ta hăm hại người đó và cả gia đình họ. Anbe Xarô, nguyên Toàn quyền Đông Dương nay là Bộ trưởng Thuộc địa đã nói rõ chính sách bao vây tinh thần ấy bằng những lời lẽ sau đây: “Để cho lớp thượng lưu trí thức được đào tạo ở nước ngoài thoát khỏi vòng kiểm toả của chúng ta, chịu ảnh hưởng văn hoá và chính trị của nước khác, thì thật là một điều nguy hiểm vô cùng. Những người trí thức đó trở về nước đã đưa hết tài năng của họ để tuyên truyền vận động chống lại chúng ta là những người bảo hộ đã ngăn cấm không cho họ học tập”.

Còn sang du học ở Pháp lại là một chuyện khác hẳn.

1) Sinh hoạt ở Pháp đắt đỏ hơn ở Trung Quốc và ở Nhật Bản, nên du học sinh phải rất giàu có mới có đủ tiền để đến học ở một trường chính quốc.

2) Ngoài ra, người đó phải được bảo đảm về tinh thần nghĩa là cha mẹ anh ta phải có thái độ phục tùng chính phủ; phải có bảo đảm về vật chất tức là phải dứt lốt thật nhiều cho các quan cai trị.

3) Du học sinh phải làm đủ các thể thức quái gở, vô ích và nhục nhã; những thể thức này thường làm cho người xin đi học phải nản chí, vả lại Chính phủ cũng chỉ muốn có thể thôi.

4) Khi đã sang Pháp, người du học sinh phải chịu sự giám sát, theo dõi và dò la của Chính phủ Pháp.

Chính phủ Pháp cố đưa du học sinh Việt Nam vào học ở những trường phản động nhất. Những sách vở, báo chí mà anh ta đọc, những hoạt động, giao thiệp hàng ngày của anh đều bị kiểm soát, theo dõi. Người ta giao anh cho những tên ba que thực dân già đã về hưu trông nom. Chính phủ Pháp dựng lên một bức tường ngăn cách hẳn du học sinh với những luồng tư tưởng chính trị

và xã hội ở “chính quốc”. Để nắm chặt lấy anh ta, người ta dùng tiền thuê của người Việt Nam tổ chức ra những hội quán và câu lạc bộ cho du học sinh; ở đây muốn làm gì thì làm trừ việc học tập. Nếu anh sinh viên tỏ vẻ tự lập thì người ta sẽ bắt ép cha mẹ phải gọi anh ta về. Nếu anh ta không nghe, thì người ta cứ việc cắt lương của anh.

Học xong và nếu đã tốt nghiệp - dù tốt nghiệp bác sĩ y khoa, luật sư hay kỹ sư bách khoa - người Việt Nam muốn có việc làm ở trong nước thì phải vào quốc tịch Pháp; mà muốn được vào làng Tây thì phải luôn lạy xin xỏ thật nhục nhã và hèn hạ.

Muốn mở trường tư thì phải xin phép Chính phủ trước. Bất cứ lúc nào Chính phủ cũng có quyền kiểm soát hoặc bắt các trường phải đóng cửa.

Sau những cuộc biểu tình năm 1907 mà tôi đã có dịp nói đến, Chính phủ cho lính tập về phá phách các trường học và bắt bớ giáo viên. Các ông giáo bị bắt, bị ngược đãi hành hạ, tay trái giập khuỷu và bị dẫn từng xâu lên tỉnh lý; đầu trần, chân không, nhịn đói, nhịn khát, họ bị đánh đập như trâu ngựa, rồi bị kết án khổ sai. Còn trường học thì bọn sĩ quan Pháp dùng làm chuồng ngựa.

Mới đây, ở một tỉnh Nam Kỳ người ta chuyển cả một loạt giáo viên, lấy lý do là các nhà giáo đã quyết định xin ra hội mà trước kia họ đã bị bắt buộc phải gia nhập. Tên Công sứ chủ tỉnh làm thủ quỹ hội này đã bắt giáo viên phải đóng thêm 40 phởrăng để bù vào tiền quỹ bị hụt. Các giáo viên bị chuyển đi cũng vì một lý do khác là tên Phó sứ đã chửi mắng, làm nhục họ và dọa đánh vào mồm họ (nguyên văn).

Để làm rõ nét thêm cái chế độ tốt đẹp ấy, tôi cần phải nói thêm rằng: Chính phủ đã biểu bà quả phụ của một viên cựu Thống đốc một món tiền là 1 triệu phởrăng, và trợ cấp 800.000 phởrăng cho 66 vợ kịch giải trí khoảng 3 hay 4 nghìn người Âu ở Sài Gòn; nhưng Chính phủ lại thu hồi khoản trợ cấp chỉ có 2.000 đồng cho một tổ chức giáo dục bình dân vì ông hội trưởng của tổ chức này là một người làng Tây có chân trong Hội đồng thuộc địa đã viết những bài báo phản đối việc cho trung thầu hải cảng Sài Gòn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 3/1924

Đây “công lý” của thực dân Pháp ở Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, trang 73. Bản dịch: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ

Nói xong vấn đề giáo dục, thì tự nhiên chúng ta nghĩ ngay tới câu hỏi: Thế còn chế độ báo chí Việt Nam nó kỳ dị quá đến nỗi khó mà tin được. Giữa thế kỷ 20 này, ở một nước có đến 20 triệu dân mà không có lấy một tờ báo! các bạn có thể tưởng tượng như thế không? Không có lấy một tờ báo bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi. Lý do như thế này. Chính quyền Pháp quyết định rằng không một tờ báo bằng tiếng Việt Nam nào được xuất bản nếu không được viên Toàn quyền cho phép, rằng họ chỉ cho phép với điều kiện là bản thảo đưa đăng phải trình viên Toàn quyền duyệt trước đã, và giấy phép ấy họ thu hồi lúc nào cũng được. Tinh thần bản sắc lệnh về báo chí là như thế đấy. (Chúng tôi bị cai trị bằng chế độ sắc lệnh do viên Toàn quyền ban bố chứ không phải bằng những đạo luật đã được thảo luận và biểu quyết ở Nghị viện). Trên thực tế còn tệ hại hơn nữa. Mãi đến bây giờ, chưa có người Việt Nam nào được phép xuất bản một tờ báo cả. Tôi gọi báo là một tờ báo về chính trị, kinh tế hay văn học, như ta thấy ở châu Âu và các nước châu Á khác, chứ không phải một tờ do chính quyền thành lập và giao cho bọn tay chân điều khiển, chỉ nói đến chuyện nắng mưa, tán dương những kẻ quyền thế đương thời, kể chuyện vớ vẩn, ca tụng công ơn của nền “khai hoá” và ru ngủ dân chúng. Báo đầu độc người ta như thế, thì ở Đông Dương cũng có ba hay bốn tờ đấy.

Ngay cho đến cả những tờ thông tin thuần túy về kinh tế và thương mại, người ký giả bản xứ cũng chỉ xin được phép bằng những biện pháp quanh co. Anh ta phải thuê tiền một người Pháp có địa vị và được kính nể. Ông này đi gặp quan cai trị và xin phép *cho ông ta*, là người Pháp. Và ông ta vẫn sẽ là sáng lập viên của tờ báo, mặc dầu ông chẳng biết một tiếng Việt Nam nào gọi là có, ông ta chẳng phải bỏ tiền túi ra lấy một xu nhỏ, chẳng phải dụng tí gì đến công việc của tờ báo cả trừ việc đi gặp viên quan cai trị. Chỉ việc cho mượn tên mình, người Pháp kia nhận được hàng tháng một số tiền rất hậu mà người ký giả bản xứ phải trả ông lâu dài, báo còn ra là còn phải trả.

Trước khi đưa đi nhà in, tất cả các báo đều phải dịch ra tiếng Pháp và đưa kiểm duyệt đã. Cấm ngặt những tờ thông tin ấy không được dả động gì đến những vấn đề chính trị hay tôn giáo, mà chỉ được đăng những tin tức thông thường, những vấn đề xét ra có lợi cho nhà nước. Khi đất nước bị một thiên tai nào, lụt lội, bão táp, đói kém v.v... phòng kiểm duyệt cấm báo không được cho

dân chúng biết những tin “không vui” ấy, cảm báo không được mở lạc quyền giúp những người bị nạn. Báo không có quyền nói gì, dù chỉ bóng gió, đến việc bầu cử Hội đồng thuộc địa hay Hội đồng hàng tỉnh. Có một tờ, dịch ra tiếng Việt Nam đạo luật cấm những hành vi hối lộ trong việc tuyển cử, không những đã bị kiểm duyệt trắng nửa tờ báo mà còn bị khiển trách thêm nữa. Nhiều khi người ta cấm cả dịch đăng những bài đã đăng ở các báo tiếng Pháp xuất bản ở Đông Dương.

Các bạn chớ tưởng rằng mấy tờ báo thông tin khốn khổ ấy được tự do phân tích tất cả những cái thuộc về kinh tế. Chẳng hạn, họ không được nói đến đời sống đất đỏ, đến việc mất mùa, đến việc buôn gian bán lậu của bọn con buôn người Âu, đến việc xoay xở tiền nong bất lương của bọn quan cai trị, đến những vụ đầu cơ dễ tiền của chủ đồn điền và chủ nhà máy người da trắng. Vừa rồi, người ta cấm báo chí không được dả động đến việc Chính phủ nhượng quyền kinh doanh hải cảng Sài Gòn, nếu không phải để tán dương công đức của công ty độc quyền và lòng vô tư của Chính phủ. Có một tờ cũng đã “tán dương”, nhưng kém nhiệt tình, nên phòng kiểm duyệt trước hết đã theo dõi bí mật, rồi đóng cửa hẳn tờ báo ấy.

Những người vào làng Tây, được hưởng quyền công dân Pháp, có thể xuất bản báo *nhưng chỉ bằng tiếng Pháp mà thôi*. Ở Nam Kỳ có 5, 6 tờ loại ấy. Ở các vùng khác, không có tờ nào, vì không có hay có ít người vào làng Tây. Trong số các cơ quan ngôn luận ấy - thường là bán nguyệt san - có hai hay ba tờ có khuynh hướng quốc gia hợp pháp⁽¹⁾. Ghép hai tính từ trái ngược ấy với nhau, có thể kỳ dị đấy và cần phải giải thích đôi chút. Những tờ báo này là của bọn tư sản bản xứ mới lên, có địa vị là nhờ ở nền đô hộ Pháp. Nền đô hộ ấy đã sinh ra bọn này, nhưng lại không để cho họ phát triển. Vì vậy, tầng lớp tư sản nhỏ bé đó bị ngạt thở trong phạm vi chật hẹp và phụ thuộc mà quan thầy ngoại quốc - cha đỡ đầu của họ - đã dành cho họ. Và vì thế, họ hèn mạt nhưng cũng nhẹ nhõm. Bởi thân phận nửa dơi nửa chuột của họ, chẳng thuộc hoàn toàn trong xã hội Việt Nam vì họ là những người vào làng Tây, mà cũng chẳng thuộc tầng lớp “quý tộc” Tây vì họ xuất thân ra là người An Nam - nên họ cảm thấy lúng túng trong mọi việc. Đồng thời trong mọi hành động và tư tưởng của họ, đều thấy cái mâu thuẫn xã hội và tâm lý ấy. Báo của họ chỉ trích những vụ hà lạm, nhưng lại phỉ bình những kẻ hà lạm; họ than phiền về những đạo luật đè nén áp bức, nhưng vẫn cấy thế vào “nước mẹ”; họ mũi lòng cho số phận khốn khổ của người Việt Nam, nhưng vẫn “ca tụng công đức” mơ hồ của một “nền khai hoá tốt đẹp” hơn. Họ muốn chữa bệnh nhưng lại không

(1) Tiếng Pháp là “nationaliste loyaliste”. Theo chúng tôi dịch là có khuynh hướng “dân tộc chủ nghĩa - trung thành chủ nghĩa”. Ở đây tác giả đã kích bọn theo xu hướng cải lương vừa vô ngục là “yêu nước” mà lại vằm thế thối là trung thành với Nhà nước “Đại Pháp”.

dám tìm và tấn công vào nguồn gốc của bệnh.

Ảnh hưởng của họ bị cản trở mọi đường:

a) Vì chính sách ngu dân như các bạn đã biết, nên độc giả chỉ có một dùm người rất hạn chế. Mỗi số phát hành không bao giờ quá một hay hai nghìn bản, ấy thế mà bán không hết.

b) Vì thái độ lừng khừng, vì không có chương trình cụ thể, không có kế hoạch rõ ràng, không có khuynh hướng mạnh dạn, nên mấy tờ báo ấy không thu hút được cảm tình của dân chúng. Họ ngả nghiêng, hay đúng hơn, lơ lửng giữa dân chúng mà họ không gần gũi được và những kẻ thống trị không ưa họ.

c) Nhà nước thuộc địa cố tâm phá phách họ. Họ bị phá bằng nhiều cách. Sau đây là những cách thông thường nhất:

1 - Nhà nước báo cho công chức và nhân viên người bản xứ biết rằng cấp trên đã coi những tờ báo ấy như làm cách mạng, rằng những người nào đọc những tờ báo đó sẽ bị ghi danh sách riêng, và dĩ nhiên là bản danh sách ấy sẽ bị đính theo báo cáo thăng hay giáng chức.

Có nhiều công chức đã bị bắt buộc phải đổi đi chỗ khác hay bị bắt về hưu chỉ vì đã phạm những điều răn đe ấy.

2 - Đối với những độc giả không phải là công chức (tôi nói là không phải công chức chứ không nói tự do, vì ở đất nước chúng tôi không ai được tự do cả, trừ bọn xỏ lá ba que ra) thì viên quan cai trị cho gọi họ đến bàn giấy, ân cần khuyên bảo họ điều hơn lẽ thiệt. Nếu họ không biết nghe những lời khuyên tử tế ấy, thì họ bị cảnh sát theo dõi. Và cứ mười lần thì có đến chín, báo chí và thư từ của họ bị thất lạc như bị phép thần. Chính phủ hãy tạm vui lòng như thế trong khi chờ đợi cơ hội để tóm cổ họ vì lẽ này hay lẽ khác.

3 - Chính phủ cho bọn chủ nhà in lựa chọn nên làm việc cho một tờ báo “tin vịt không biết điều” được ít tiền, hay nên nhận in cho Nhà nước được lợi lộc và bảo đảm hơn nhiều.

Vì thế, một tờ báo ở Sài Gòn đã phản đối chủ in nhiều lần trong một tháng.

4 - Chính phủ vi phạm quyền tự do thư tín, ngay cả thư từ riêng của các ký giả. Những người này bị “ghi” vào sổ đen, bị theo dõi, dò la, do thám và vu cáo. Chính phủ dùng cả áp lực đối với gia đình, bà con thân thuộc và bạn bè họ nữa. Chỉ nhờ địa vị có làng Tây và nhờ mảnh khoé khôn khéo kết thúc mọi bình luận bằng cách nịnh hót tăng bốc hết mức “nước mẹ, bảo hộ, nhân từ, thiêng liêng” v.v... mà họ thoát khỏi đi tù.

Báo chí bản xứ bằng tiếng Pháp bị phá phách như vậy đấy. Những hành vi bất hợp pháp của lối trị an dè hèn ấy còn được tăng cường và bổ sung thêm bằng những điều lệ pháp lý như thế này: “Mọi việc trưng bày hay gửi đi nơi khác những bài hát, bức họa hay tranh ảnh trái đạo tôn kính đối với các vị đại diện của Nhà nước, sẽ bị trừng phạt bao nhiêu tháng tù và phạt bao nhiêu

phờrăng đó, v.v...”

Chưa hết đâu. Nền “văn minh” của thực dân đã dùng ngọn đuốc cổ truyền thủ tiêu đến chút tự do cuối cùng của người bản xứ. Đã làm cho người bản xứ phải dấn đến và căm, chúng cũng chưa vừa lòng; chúng còn muốn muốn họ phải điếc nữa kia. Chúng bịt tai họ không cho họ nghe tiếng vang của những biến cố bên ngoài. Chỉ đơn giản bằng một nét bút, chúng định chỉ hấn đời sống tinh thần của cả một dân tộc. Cũng Sắc lệnh vừa kể trên định rằng: “Sự lưu hành báo và tạp chí *bất cứ bằng tiếng gì, có thể bị cấm do một Nghị định của quan Toàn quyền*”. Các bạn có thể tin chắc rằng quan Toàn quyền nhân từ chẳng sơ xuất gì mà không dùng và lạm dụng quyền hành ấy. Báo chí bằng tiếng Pháp, xuất bản ở Pari, gửi sang đều bị tịch thu ở Đông Dương. Sở bưu chính, Sở mật thám và các cơ quan hành chính cùng nhau làm cái nhiệm vụ đè hèn ấy. Và người ta dọa trừng phạt những người có tên nhận những tờ báo ấy. Người ta cấm ngặt không cho đọc báo Nhật Bản và Trung Quốc. Giữ một tờ tạp chí, một quyển sách trung Quốc nào đó có thể là một trọng tội đối với người Việt Nam. Tôi biết nhiều nhà văn thân bị kết án khổ sai chung thân vì đã đọc tạp chí *Trung Quốc hồn*, *Ấm băng* và những bài cùng loại ấy của các nhà duy tân Trung Quốc. Năm 1920, có nhiều người Việt Nam ở Bắc Kỳ bị kết án từ hai năm đến năm năm tù, chỉ vì một người đã làm thơ ca tụng tự do và các người khác đã nghe ngâm bài thơ ấy (!).

NGUYỄN ÁI QUỐC

Khoảng 1924.

Đây “công lý” của thực dân Pháp ở Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, trang 78. Bản dịch: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

(Trích)

... Trong Hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây⁽¹⁾, ngài Xarô đã lớn tiếng: “Nước Pháp hãy nhìn đây, và hãy lấy đó làm hãnh diện!”. Quả có thể. Những anh lạc đà Tuynidi lạnh lùng đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu Tây Phi oai vệ; những chú cá sấu đáng yêu xứ Mađagátxca thân mật chuyện trò với mấy chị bò cái Đông Dương bệ vệ. Không bao giờ lại có một sự hoà hợp đầm thắm đến thế, và trước những con thú thuộc địa tràn đến một cách hoà bình ấy, chị cá nục ở Hải cảng cũ trong truyện cổ tích đứng mím nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà tốt bụng⁽²⁾.

Người đi xem nhìn một cách hứng thú chiếc trường kỷ “lịch sử” của một vị Toàn quyền nọ, cùng thanh gươm của “quan lớn” công sứ Đác lơ⁽³⁾ đã dùng để chích vào đùi những tù nhân Bắc Kỳ, cùng cây đuốc mà quan cai trị Boruye đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Huátxa...

NGUYỄN ÁI QUỐC
Khoảng 1921 - 1925

Bản án chế độ thực dân Pháp, chương II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975.
Bản dịch: Nhà xuất bản sự thật.

(1) *Hội chợ triển lãm ở Mácxây*: Năm 1922, tại thành phố Mácxây (miền Nam nước Pháp), Chính phủ Pháp mở hội chợ này trưng bày những sản vật mang từ các thuộc địa Pháp sang, để nói lên sự giàu có của thuộc địa và công lao “khai hoá” của người Pháp, đồng thời kêu gọi bọn tư bản Pháp bỏ vốn kinh doanh và khai thác ở các thuộc địa Pháp.

(2) Một câu chuyện cổ tích kể lại rằng: Một chú cá nục (sardine) đã lấp nghẽn mắt cửa hải cảng Mácxây. Ở đây, tác giả dùng điển tích đó để châm biếm bọn thực dân Pháp đã phung phí tiền của để làm cái việc không đâu là đem các thú vật ở các vùng thuộc địa gần xa về trưng bày tại Mácxây.

(3) *Đác lơ (Darles)* tức Công sứ Đạc, trước là chánh toà Liêm phóng, sau làm Công sứ Thái Nguyên, tên công sứ đứng đầu “tứ hung” của Bắc Kỳ, khét tiếng gian ác. Nhân dân ta đã có câu: *Nhất Đạc (Darles), Nhì Ke (Erkert), Tam Me (De Lamare - có người nói là Ma), Tứ Bích (Bride)*.

PHẦN THỨ 3

MỸ ĐANG RA SỨC XÂM LƯỢC VĂN HOÁ

(CHIẾN TRANH NHỒI SỢ)

Ngày 25/7/1952

TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO VỀ VIỆC MỸ CAN THIỆP VÀO ĐÔNG DƯƠNG^(*)

(Trích)

... **L**âu nay đế quốc Mỹ đã công khai can thiệp vào Đông Dương. Lâu nay thực dân Pháp làm chiến tranh ở Việt Nam, Miên và Ai Lao⁽¹⁾ là nhờ tiền bạc, súng đạn Mỹ, và theo chỉ thị Mỹ.

Nhưng đế quốc Mỹ càng ngày càng mưu gạt thực dân Pháp để độc chiếm lấy Đông Dương. Vì lẽ đó mà Mỹ càng ngày càng trực tiếp và tích cực can thiệp về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế.

Và cũng vì lẽ đó mà mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và thực dân Pháp ngày càng nhiều⁽²⁾.

... Đế quốc Mỹ đưa súng đạn của chúng cho lũ tay sai tàn sát nhân dân Đông Dương.

Đưa hàng hoá đến để ngăn trở không cho tiểu công nghệ của người Đông Dương phát triển.

Đưa văn hoá truy lạc để đầu độc thanh niên ở những vùng bị chiếm.

Chúng dùng chính sách mua chuộc, dụ dỗ, chia rẽ. Chúng cố lôi kéo một số người bất lương làm tay sai cho chúng, cùng chúng mưu chinh phục nước ta⁽³⁾.

HỒ CHÍ MINH

Tháng 7/1950

Báo *Cứu quốc*, ngày 25/7/1950.

(*) Ngay từ năm 1946, đế quốc Mỹ đã ra sức giúp thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Năm 1950 với âm mưu gây chiến tranh thế giới thứ ba, đế quốc Mỹ đã trực tiếp can thiệp vào Đông Dương, lập cơ quan quân sự của chúng (phái đoàn M.A.A.G) ở Đông Dương để trực tiếp điều khiển chiến tranh Đông Dương. Đồng thời chúng tăng cường viện trợ cho bọn thực dân Pháp. Ngay từ đó nhân dân ba nước Việt Nam, Campuchia, Lào lại có thêm một kẻ thù chung nữa là đế quốc Mỹ.

(1) *Miên và Ai Lao*: nay gọi là Campuchia và Lào.

(2) Trả lời câu hỏi: Xin Chủ tịch cho biết hiện trạng chính sách đế quốc Mỹ can thiệp ở Đông Dương như thế nào.

(3) Trả lời câu hỏi: Thưa Chủ tịch, Mỹ can thiệp thì đối với nhân dân Đông Dương ảnh hưởng thế nào?

ĐỜI SỐNG Ở MỸ

Mỹ tuyên truyền rằng dân Mỹ rất sung sướng.

Sung sướng thế nào? Tờ báo Mỹ *Vệ quốc* (*National guardian*) viết: “Đêm khuya, tôi thấy một đàn người moi móc trong những thùng rác. Mỗi người một tay xách cái bị, một tay móc thùng rác. Trời ơi, phải chăng đây là nước Mỹ có thừa dân chủ để bán cho cả thế giới.

Tôi thấy hàng nghìn người lượm lặt trong thùng rác mà sống. Họ phải tranh nhau với chó. Một cụ già moi được một cái xương lợn, một con chó chạy lại tranh xương và cắn vào tay cụ. Cụ lẩm bẩm nói: Thôi tao nhường cho mày, tao đi tìm thùng khác vậy...”.

Còn nhiều tờ báo kể những chuyện “sung sướng” như thế. Trong lúc dân khổ như vậy thì bọn bán súng làm giàu càng giàu thêm. Báo Mỹ *Công thương* (*Public forum*) viết:

“Bọn lợi dụng chiến tranh là hung ác hơn cả mọi loài thú dữ. So với chúng, thì Mọi ăn thịt người còn lương thiện lắm, vì họ chỉ ăn thịt kẻ thù và ăn cho đỡ đói. Còn bọn kia thì xui dân mình đi chết (như chiến tranh ở Triều Tiên) để làm giàu”.

Một chứng cứ nữa: Tháng 10 năm ngoái, hơn 10 vạn thanh niên đi khám sức khỏe để tòng quân thì hơn 5 vạn 2 nghìn người vì thiếu thức ăn mà không đủ sức khỏe.

Dân khổ mặc dân, đế quốc Mỹ, mỗi năm cứ khoét dân hàng vạn triệu để chuẩn bị chiến tranh thế giới. Than ôi Mỹ mà không đẹp!

Đ.X

Tháng 7/1951

Báo *Cin quốc*, ngày 28/7/1951

XÃ HỘI VÀ VĂN HOÁ MỸ

XÃ HỘI HỘI THOÌ

Thủ đô là nơi tiêu biểu của một số nước. Ở Hoa Thịnh Đốn⁽¹⁾ thủ đô Mỹ, lâu đài nguy nga thì có Phủ Tổng thống (gọi là “Nhà trắng” vì làm bằng đá trắng), Quốc hội, Bộ quốc phòng (gọi là “Lầu năm góc”). Nhưng không có cửa hàng to, xưởng máy to, nhà cao 60, 70 tầng như các thành phố khác. Cũng không có nhà hát lớn. Quốc hội và Chính phủ Mỹ ở đó, nhưng quyền chỉ huy thực sự kinh tế và chính trị Mỹ lại ở phố Uôn (Wall street) tại Nữu Ước⁽²⁾, trong tay bọn đại tư bản. Trông qua thì thấy thủ đô Mỹ nhà cửa sạch sẽ, đường sá thẳng thắn, hoa cỏ thơm tươi. Nhưng đó chỉ là bức màn gấm phủ trên đồng rác.

Báo Mỹ *Bạn của phụ nữ* (2/1950) viết: “Nếu đi sâu vào thủ đô giữa những phố phường xa hoa kia, ta thấy những chỗ ở bẩn thỉu không thể tả. Ta thấy những nhà thương thiếu thốn đến nỗi thấy thuốc nhìn người ốm mà khóc. Ta thấy ở nhà thương Galinghe, có người vì không có thuốc mà thân thể thối nát dần đến chết.... Ta thấy “dân chủ thật sự” ở chỗ người da đen, da vàng không được vào các tiệm ăn, các nhà ngủ, các rạp hát, các trường học của người da trắng!...”

Năm 1950, sau khi đã đi khắp thủ đô, mấy đại biểu quốc hội Mỹ đã phải thốt ra:

“Hôi thối quá, hôi thối không thể tả... Như thế, sao mà người ta vẫn sống được?... Thật là nhục nhã cho nước ta!...”

Ở Hoa Thịnh Đốn, cái tệ chia rẽ màu da rất trắng trợn. Vài ví dụ: Một lần đại sứ Abixini bị đuổi ra khỏi một rạp hát, vì ông ta da đen(!). Một phụ nữ da đen đau đẻ, nhưng nhà hộ sinh gần bên nhất định không nhận. Bà ấy phải đẻ ở bên đường. Ở thủ đô, có nghĩa địa riêng dành cho người da trắng, riêng cho người da đen và riêng cho chó (!).

(1) *Hoa Thịnh Đốn*: Phiên theo âm Hán - Việt, tức là Oasinhton, thủ đô của nước Mỹ.

(2) *Nữu Ước*: Phiên theo âm Hán - Việt, tức là Niu Oóc, một thành phố của nước Mỹ.

Nếu tính theo số dân thì Hoa Thịnh Đốn là nơi nhiều tội ác nhất nước Mỹ. Theo tạp chí *Thủ đô bí mật*, năm 1936, thủ đô có 7 nghìn án giết người; năm 1950, có 13.000 án, tức là cứ 11.000 người là có một án.

VĂN HOÁ SUY ĐỒI

Một nhà văn hoá nổi tiếng ở Mỹ là ông Phát (Fast), viết trong tạp chí *Châu Âu*: "... Chưa bao giờ văn nghệ Mỹ thấp kém, bần tiện như bây giờ. Chỉ xem qua "trang văn nghệ" của tờ *Nữ Uớc thời báo* thì đủ rõ: một nửa là những lời vu khống Liên Xô và cộng sản, một phần là những tiểu thuyết nhạt nhẽo, một phần là tuyên truyền mê tín, còn một phần là văn chương dâm dăng. Những tiểu thuyết gọi là khoa học thì ca tụng chiến tranh đế quốc và bom nguyên tử. Phim ảnh, phát thanh, tạp chí cũng đều như vậy".

Những nhà viết sách, viết sử, những nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà văn hoá, giáo dục bị buộc phải nói xấu Liên Xô, ủng hộ chiến tranh, phản đối hoà bình. Nói hay viết đến nhân đạo, dân chủ, hoà bình là có tội. Có những tổ chức phát xít kể rõ tên những nhà văn hoá tiến bộ, và gửi những "sổ đen" ấy cho Chính phủ và các chủ tư bản. Kết quả: những nhà văn hoá ấy nhẹ là thất nghiệp, nặng là ở tù.

Các hiệu sách kiểm soát sách thật kỹ, sợ có chút gì về đạo đức lọt vào trong nội dung những sách đó. Các nhà làm phim, chiếu bóng thì cố ý đưa vào trong phim những chuyện tàn ác, dâm dăng, và những chương trình chiến tranh của Chính phủ Mỹ, không thể không yên.

Trước những tội ác như làm án tử hình 7 người da đen vô tội ở Máctin vin (Martine ville) và 6 người ở Tờăngtông (Trenton), trước sự bạo ngược như bỏ tù những lãnh tụ Đảng Cộng sản, một số văn hào như Xincole (Upton Sinclair) - ngậm câm, không dám hở môi.

Văn hoá Mỹ ngày nay là văn hoá của bọn đại tư bản, bọn gây chiến tranh, bọn giết người.

Tuy vậy vẫn có những nhà văn hoá Mỹ quang minh chính đại, thà hy sinh tất cả chứ không chịu cúi đầu quỳ gối trước cường quyền. Có hơn 100 giáo sư - như ông Gunlách, giáo sư đại học - chịu ở tù chứ không chịu khuất. Một số văn nghệ sĩ tài giỏi như ông Xactôn (Saxton), ban ngày đi làm công trên xe lửa, ban đêm thì viết sách. Những người tài tử như ông Xinva (Silva) chỉ vào mặt "ban điều tra tinh thần" (một tổ chức khủng bố của Chính phủ Mỹ) và hét lên: "Cút đi!", rồi khoan thai bước vào nhà tù.

Ngày nay, văn hoá Mỹ rất suy đồi, nhiều nhà văn hoá Mỹ rất trụy lạc. Song mầm mống văn hoá tương lai của Mỹ, văn hoá Mỹ mới và chân chính, đang chớm nở trong giai cấp công nhân và trong dân tộc da đen, và những bạn

đồng minh của họ.

Xã hội Mỹ hời thối như thế, văn hoá Mỹ suy đồi như thế, mà đế quốc Mỹ cứ khoe là “văn minh” và đi truyền bá “văn minh” cho các nước khác. Ở ta, trong vùng tạm bị chiếm, Mỹ đã cho sang nhiều báo chí, phim âm đả, truy lạc để đầu độc thanh niên ta. Chúng ta phải kiên quyết tẩy chay những thứ đó.

C.B

Tháng 11/1951

Báo Nhân dân, ngày 5/11/1951.

KU - KLUX - KLAN^(*)

Ở vùng tạm bị địch chiếm cũng như ở các xứ theo Mỹ, Mỹ ra sức tuyên truyền “sinh hoạt văn minh” của Mỹ.

“Văn minh thế nào?”

Mỹ có những tổ chức như Ku - Klux - Klan chuyên môn giết chóc người da đen và hãm hại những người dân chủ. Hội *ám sát* chuyên môn đi ám sát thuê...

Chỉ trong một tuần lễ, ở thành phố Nữu Ước có 99 vụ giết người, 7 vụ cướp nhà băng, 3 vụ bắt cóc trẻ con, 14 vụ đào ngạch, 2 vụ đốt nhà, 2 vụ tự tử, một vụ tổng tiền.

Mỗi ngày, trong toàn nước Mỹ, trung bình có 36 vụ giết người, 255 vụ đánh lộn và hiếp dâm, 1.032 vụ trộm.

Theo báo cáo của Ty công an Mỹ phát biểu hôm 12 - 3 - 1951, thì năm 1950 ở Mỹ có 1 triệu 79 vạn 30 vụ phạm tội nặng, nghĩa là cứ 3 phút đồng hồ là có một vụ phạm tội.

Ông Alăng (R.S Allen), ký giả Mỹ, viết: “Những việc rất phổ biến ở Mỹ là: quan lại tham nhũng; tư bản áp bức; những người ốm đau, già yếu cô đơn bị hắt hủi tàn tệ...”

Các cơ quan chính quyền đều là những dụng cụ trong tay bọn tư bản độc quyền và bọn phản động... Pháp luật bị xem khinh. Rất nhiều công dân không được hưởng quyền lợi theo Hiến pháp” (Ông Alăng là một người tư sản chứ không phải cộng sản).

Thế mà Mỹ muốn dùng chiến tranh để “bán” văn minh ấy cho Việt Nam và thế giới.

Đ.X

Tháng 11/1951

Báo *Cứu quốc*, ngày 14/11/1951.

(*) Từ năm 1924, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài *Đảng Ku - Klux - Klan* đăng trên tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 74, trang 827, 828. Xem *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, trang 166.

“TỰ DO” VÀ “HOÀ BÌNH” KIỀU MỸ

Chính phủ Mỹ luôn mồm nói “tự do, hoà bình” người sự thật thì thế nào?

Vài ví dụ:

Nhân viên chính quyền, ai mà tỏ ý tán thành hoà bình, thì liền bị cách chức; có khi bị bỏ tù.

Hơn 100 vị giáo sư các trường đại học và nhiều văn nghệ sĩ nổi tiếng vì tán thành hoà bình mà bị ở tù.

Bác sĩ Đuboa, 82 tuổi, là một nhà khoa học nổi tiếng, vì làm Chủ tịch Hội hoà bình Mỹ mà bị bắt giam chung với bọn ăn cướp, giết người.

Giám mục Giônxon, người Anh, 70 tuổi, vì có chân trong Ủy ban Hội hoà bình thế giới, mà bị cấm không được đến Mỹ.

Sovalê, một nghệ sĩ nổi tiếng, người Pháp, vì ký tên vào lời kêu gọi của Hội hoà bình, mà bị người Mỹ đuổi về Pháp.

Cụ Còrip, người Áo, là một nhạc sĩ nổi tiếng thế giới, được nhân dân Mỹ mời sang Mỹ. Nhưng cụ vừa bước xuống tàu bay, thì cảnh sát Mỹ đón cụ vào nhà giam, hôm sau tống cụ về Áo ngay. Vì sao? Vì hai năm trước cụ có biểu diễn ở Liên Xô!

Những chuyện như vậy nhiều lắm, kể không hết. Còn “hoà bình”, thì Mỹ đang thí nghiệm ở Triều Tiên. Ai cũng biết.

Đ.X

Tháng 12/1951

Báo *Cửu quốc*, ngày 14/12/1951.

CHIẾN TRANH NHỒI SỢ

Mỹ chuẩn bị chiến tranh cả về mặt *tinh thần*. Chúng dùng báo chí, tranh ảnh, sách vở, ca hát, chớp bóng... đủ các thứ. Chỉ ở Pháp mà thôi, mỗi năm chúng tiêu 2.450 triệu quan vào việc tuyên truyền nhồi sợ. Chúng không ra mặt. Ở nước nào chúng mua chuộc người nước ấy làm thay cho chúng.

Bộ trưởng tuyên truyền Mỹ nói: mỗi năm, các báo chí nước ngoài đăng tài liệu tuyên truyền của Mỹ cộng lại hơn 4 vạn trang báo (bằng 16 vạn trang báo *Cứu quốc*). Mỗi năm ở các nước in hơn 200 quyển sách khen Mỹ và chống Cộng, mỗi quyển ra từ 3 nghìn đến 10 vạn bản.

Ở các nước có hơn 400 cơ quan làm việc tuyên truyền cho Mỹ...

Mỹ còn lập nhà thương, trường học, hội từ thiện, vân vân, ở các nước để làm cơ quan tuyên truyền và ổ mật thám.

Hiện nay, tại những vùng tạm bị chiếm ở nước ta, Mỹ đang ra sức *xâm lược văn hoá* để hủ hoá và gieo rắc bệnh phục Mỹ, tin Mỹ, sợ Mỹ vào nhân dân, nhất là vào thanh niên ở những vùng ấy.

Đó là một điều mà cán bộ giáo dục và tuyên truyền ta phải đặc biệt chú ý và ra sức chống lại.

Đ.X

Tháng 7/1952

Báo *Cứu quốc*, ngày 25/7/1952

“VĂN MINH MỸ” NGƯỜI KHÔNG BẰNG CHÓ

Theo các báo Mỹ, thì ở các công xưởng Mỹ vì máy chạy quá mau, công nhân phải hết sức làm kịp máy, cách bảo hiểm lại thiếu sót. Kết quả là người công nhân đến độ 35, 40 tuổi là kiệt sức, không làm được nữa. Cũng vì vậy, mỗi năm có độ hai triệu công nhân bị tàn phế, lâm vào cảnh đói khổ.

Chỉ trong một hôm 21/12/1952 ở thành phố Nữ Ước, có 422 người chết rét.

4 phần 5 nhân dân Mỹ, khi ốm đau không có tiền uống thuốc.

Người thì như thế. Mà *chó của bọn tư bản* thì ăn mặc rất phong lưu.

Theo báo Mỹ thì chó Mỹ ăn 30 phần 100 nhiều hơn nhân dân Mỹ ở hai bang Anđianna và Mítsumi cộng lại. Chó nhà giàu được ăn thịt, trứng gà, đồ xanh tán thành bột.

Có 730 thứ đồ hộp cho *chó xoi*. Mỗi năm mỗi chó xoi hết độ 95.000 phờrăng.

Một công ty làm đồ hộp cho chó. Mỗi năm lãi 400 triệu đồng. Khi tính lại số *chó* Mỹ ít mà số đồ hộp bán ra rất nhiều, công ty ấy điều tra thì thấy rằng: nhân dân da đen Mỹ ở phố Nữ Ước mua đồ hộp về ăn vì không có tiền mua thịt!

Đó là ăn. Còn về mặc, thì công ty bán cho chó nhà giàu những thứ sau đây:

- Áo (do rồi mới may) 8 đến 10 đôla,
- Đai đeo cổ và đồng hồ 37 đôla,
- Ghế dài để nằm nghỉ mát 45 đôla,
- Nước hoa để tắm 3 đôla v.v...

Lại có lớp chuyên môn *dạy nét na cho chó* (nhưng không có lớp dạy nét na cho đế quốc Mỹ).

“*Văn minh*” *trọng chó hơn người,*

“*Văn minh*” *của Mỹ buồn cười lắm thay!*

Đ.X

Tháng 11/1953

Báo *Cửu quốc*, ngày 6/11/1953

“VĂN MINH” MỸ

Phản động Mỹ ngày càng trắng trợn. Nay chúng đã đi đến mức điên rồ như phát xít Đức năm xưa. Chúng cấm sách và đốt sách. Chúng giao quyền cho những nhóm phát xít và cảnh sát sục sạo các thư viện và các phố bán sách, hễ thấy sách tiến bộ thì tịch thu và đốt hết. Vài thí dụ: Ở Borúccolin (một khu tại thành phố Nữ Ước) có đến 16 hiệu bán sách bị đóng cửa. Chúng không những cấm và đốt những sách mới, sách tiến bộ, mà cấm và đốt cả những sách văn nghệ đời xưa, như:

- Những bản kịch của ông Sếchxpia (người Anh, cách đây gần 450 năm).
- Những tiểu thuyết của ông Mốpátxăng (người Pháp, cách đây gần 100 năm).
- Quyển truyện *Con lừa bằng vàng*⁽¹⁾ của ông Apuylê (người Ý, cách đây hơn 1.700 năm) vì chúng cho rằng *Con lừa bằng vàng* có thể hiểu nhầm với các nhà triệu phú Mỹ!

Trong lúc đó, những thứ tiểu thuyết đầy những chuyện dâm ô, trộm cướp, giết người... thì được in và bán hàng chục triệu quyển.

(1) *Con lừa bằng vàng* (*L'Âne d'or*) là một chuyện kể của Apuylê (*Apu lée de Madaura* sinh khoảng 124, 125 và mất khoảng năm 180 sau công nguyên). Tác phẩm này gồm 11 phần, trong đó diễn tả những cuộc phiêu lưu của một thanh niên tên là Luyxơ Uyxo bị biến thành một con lừa. Nhờ có chiếc nhẫn thần và sau vô số cuộc phiêu lưu, Luyxơ Uyxo lại trở lại hình người.

VÀ “NHÂN ĐẠO” MỸ

Báo Mỹ Hoa Thịnh Đốn điện tin (tháng 11/1953) đăng tin rằng: từ năm 1944, Mỹ đã dùng hơn 2.000 phạm nhân làm vật thí nghiệm, để tiêm thử các thuốc độc. Năm 1953, hơn 550 phạm nhân ở ba nhà tù đã bị tiêm thử các thứ vi trùng. Những người bị tiêm đều ốm o gầy mòn, chết dở sống dở.

Trong thời kỳ xâm lược Triều Tiên, Mỹ đã dùng nhiều tù binh Trung - Triều để tiêm thử các thứ thuốc độc, và nhiều người bị tiêm đã ốm chết.

“Văn minh” Mỹ và “nhân đạo” Mỹ là như thế đó!

Đ.X

Tháng 3/1954

Báo Cửu quốc, ngày 31/3/1954

“VĂN MINH” KIỂU MỸ

“**V**ăn nghệ Mỹ nhạt nhẽo, cấu kinh. Nghề vẽ thì rất những loại khiêu dâm và cảnh tượng tàn khốc của chiến tranh, một khuynh hướng làm cho thần kinh người ta căng thẳng - thậm chí trong tác phẩm của những người văn nghệ sĩ đứng đắn, người ta cũng thấy những điều như vậy”.

“Độ trong 15 năm nữa, dân Mỹ sẽ biến thành những kẻ giết người và những kẻ điên rồ, vì các màn chiếu bóng đã làm cho trẻ con hư hỏng”.

“Ở tất cả các trường học, có một không khí ngậm cầm. Khi học trò ngây thơ hỏi những câu thiết thực về thời cuộc, thì các thầy giáo run sợ, không dám trả lời... Những học trò khôn ngoan thì không hỏi gì cả, vì họ biết rằng họ cần kín mồm”.

“Nếu ở Mỹ có một người nào không tự cho mình là cực khổ, thì chắc rằng người đó là một con quỷ, một vị thánh, hoặc là một người ngu”.

“Hiện nay, 4 quyền tự do ở Mỹ đã biến thành 4 cái sợ: sợ kinh tế khủng hoảng, sợ Cộng sản, mình tự sợ mình và sợ tự do!”.

Ai nói những lời ấy? Phải chăng là những người cộng sản tuyên truyền chống Mỹ?

Thưa không phải. Câu thứ 1, thứ 3 và thứ 4 là lời bình luận của ba tờ báo tư sản Mỹ. Câu thứ 2 của ông Cottenlô, một tài tử nổi tiếng ở Mỹ. Câu cuối cùng là lời của Stivenxon, một chính khách rất nổi tiếng, lãnh tụ của đảng “dân chủ” (tư bản), năm ngoái đã tranh cử Tổng thống và suýt được làm Tổng thống Mỹ.

Xem những lời trên đây, thì chúng ta có thể đoán biết chính trị của nước Mỹ như thế nào.

Đ.X

Tháng 4/1954

Báo *Cần quốc*, ngày 5/4/1954.

TUYÊN TRUYỀN

Anh Tăng⁽¹⁾, học trò cụ Khổng, là một người rất đạo đức, được mọi người kính yêu. Một hôm, Tăng đi đón củi, quá trưa mà chưa về. Một người bà con đến nói với mẹ Tăng rằng: “Nghe nói Tăng phạm tội giết người...”.

Mẹ Tăng yên lặng nói: “Chắc là họ đồn nhảm. Con tôi hiền lành lắm, chắc nó không bao giờ giết người”.

Lát sau, một người khác lại nói: “Nghe nói Tăng bị bắt rồi...”.

Bà cụ Tăng bắt đầu lo sợ, nhưng vẫn bình tĩnh.

Vài phút sau, một người khác lại nói: “Nghe nói Tăng bị giải lên huyện rồi...”

Bà cụ Tăng vất cả công việc và chạy cuống cuồng.

Không ai hiền lành bằng anh Tăng. Không ai tin tưởng anh bằng mẹ anh. Thế mà vì người đồn qua, kẻ đồn lại, dù không đúng sự thật, mẹ Tăng cũng đâm lo ngại hoang mang.

Ảnh hưởng của tuyên truyền là như thế.

*
* * *

Đế quốc Pháp - Mỹ không những chiến tranh xâm lược bằng quân sự, chúng còn *chiến tranh bằng tuyên truyền*.

Chúng dùng báo chí và phát thanh hàng ngày, tranh ảnh và sách vở in rất đẹp, các nhà hát, các trường học, các lễ cúng bái ở nhà thờ và chùa chiền, các cuộc họp v.v... để tuyên truyền.

Chúng lợi dụng tôn giáo, phong tục, tập quán, chúng bịa đặt những cái xấu và những tin đồn nhảm - để tuyên truyền.

Mỗi tháng rải hàng chục triệu truyền đơn - để tuyên truyền.

Nhất là chúng lợi dụng những sai lầm khuyết điểm của cán bộ ta - để tuyên truyền.

Nói tóm lại, chúng dùng đủ mọi cách, mọi dịp để tuyên truyền - để hòng

(1) Anh Tăng: *Tăng Sâm* tức *Tăng Tử*, tên tự là *Dư*, sinh khoảng năm 505 trước công nguyên, mất khoảng năm 420 trước công nguyên.

phá hoại tâm lý và tinh thần của nhân dân ta, cũng như chúng dùng bom đạn đi phá hoại mùa màng và giao thông của ta.

Thế mà có nhiều cán bộ ta *xem khinh việc tuyên truyền của địch*. Các đồng chí ấy nói: “Ai chẳng biết đế quốc Pháp - Mỹ là độc ác, Việt gian bù nhìn là xấu xa. Ai chẳng biết dân ta, Chính phủ ta, Cụ Hồ ta một lòng vì dân vì nước; và kháng chiến nhất định thắng lợi. Cho nên dù địch tuyên truyền mấy cũng chẳng ai nghe”.

Nghĩ như vậy là lầm to, là chủ quan khinh địch, là rất nguy hiểm, là *để một thứ vũ khí rất sắc bén cho địch chống lại ta*.

Nhân dân ta tốt thật. Nhưng ta nên ghi nhớ câu chuyện anh Tăng. Địch tuyên truyền xảo quyệt và bền bỉ, ngày này đến ngày khác, năm này đến năm khác, “giọt nước rỏ lâu, đá cũng mòn”. Cho nên không khỏi có một số đồng bào bị địch tuyên truyền mãi mà hoang mang.

Trách nhiệm của mỗi cán bộ, của mỗi người yêu nước, là tìm mọi cơ hội, dùng mọi hình thức, để đập tan tuyên truyền giả dối và thâm độc của địch.

Chúng ta phải đánh thắng địch về tuyên truyền cũng như bộ đội ta đánh thắng địch về mặt quân sự!

C.B

Tháng 5/1954

Báo Nhân dân,

ngày 25/5 đến 27/5/1954

THANH NIÊN VÀ XÃ HỘI(*)

(Trích)

... Trong xã hội cũ có nhiều nọc độc nó làm hại thanh niên. Nhất là văn hoá độc ác của Mỹ, họ dùng mọi cách như sách báo, phim ảnh, để làm cho thanh niên hư hỏng truy lạc; thậm chí một số thanh niên hoá ra lưu manh, trộm cắp, cờ bạc, v.v... Vì vậy, sự giáo dục của thanh niên phải liên hệ vào dư luận của xã hội, lực lượng của Chính phủ để ngăn ngừa những cái gì có thể ảnh hưởng xấu đến thanh niên, để nâng cao tinh cảnh giác của thanh niên...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 19/1/1955

Bản về công tác giáo dục, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 44.

(*) Trích bài nói chuyện tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 10/1/1955.
Trích mục: *Thanh niên và xã hội*.

MATUSÔ

Matusô trước đây là một tên đặc vụ làm chứng thuê cho Chính phủ Mỹ.

Làm chứng thuê, nghĩa là khi Chính phủ Mỹ muốn “trị” một người cách mạng nào, thì thuê những người làm chứng giả dối vu cáo, để lấy chứng cứ mà làm án. Cũng vì bọn “làm chứng thuê” mà vợ chồng liệt sĩ Rôđăngbe⁽¹⁾ đã bị tử hình.

Vừa rồi, bị lương tâm cắn rứt, Matusô đã viết quyển sách gọi là *Người làm chứng giả dối* thuật lại những chuyện bất nghĩa y đã làm.

Y nói: Vì tham tiền bạc (Chính phủ Mỹ cho y mỗi ngày một số tiền ngang với 700 đồng Đông Dương), và tham hư danh (được báo chí đăng tên và ảnh), cho nên y đã làm nghề dơ tiện ấy. Thấy nhiều người vô tội vì y mà tan cửa nát nhà, cho nên y hối hận, tự “kiểm thảo”, và thôi không “làm chứng thuê” nữa.

Trong những người bị y vâng lời Chính phủ Mỹ mà hãm hại có 13 vị lãnh tụ Đảng Cộng sản Mỹ.

Nay quyển sách của Matusô bộc lộ những âm mưu dơ hèn của Chính phủ Mỹ, làm cho dư luận Mỹ rất xôn xao.

Và nhân dân thế giới càng thấy rõ “công lý” của đế quốc Mỹ là thế nào.

C. B

Tháng 2/1955

Báo nhân dân, ngày 19/2/1955

(1) *Vợ chồng liệt sĩ Rôđăngbe*: Hai vợ chồng kỹ sư Rôđăngbe (Julius và Ethel Rosenberg), người Mỹ, vì dùng cam đấu tranh cho chân lý nên đã bị Chính phủ phản động Mỹ vu cáo là gián điệp, và xử tử trên ghế điện năm 1955. Bài thơ *Nếu thấy mẹ chết* của Ethel Rosenberg, do nhà thơ Tố Hữu dịch trong Kháng chiến chống thực dân Pháp, rất quen thuộc với bạn đọc nước ta.

TỘI NGHIỆP CHO TRẺ CON MỸ

Bọn lãnh tụ phản động Mỹ công khai nói: “Muốn làm chủ thế giới thì phải đào tạo những kẻ giết người”.

Tham vọng làm chủ thế giới, thì chúng thất bại. Nhưng đào tạo những kẻ giết người, thì chúng thành công. Chúng có là chúng đã đưa hàng chục vạn kẻ giết người sang Triều Tiên, để giết người và bị người giết. Hơn nữa, chúng đào tạo những lớp trẻ con để tiếp tục công cuộc giết người. Thí dụ: Các báo Mỹ đăng tin: trong 8 tháng ở thành phố Nữu Ước có 29 vụ trộm do trẻ con chưa đầy 10 tuổi tổ chức. Một tên “trùm” 9 tuổi, bị bắt đền Sở cảnh sát, nó không chịu khai gì hết và nói: “Tôi chỉ trả lời trước mặt thầy kiện của tôi”. Cũng chính tên “trùm” ấy đã mở tủ sắt có khoá máy của Sở cảnh sát một cách rất lạnh lẽ.

Đó là vì các phim chiếu bóng đã dạy cho trẻ con những “kỹ thuật” ăn trộm và pháp luật đối với những kẻ phạm tội ăn trộm.

Ở một thành phố, mỗi tuần các rạp chiếu bóng chiếu 228 phim về tội giết người, 357 phim về tội mưu giết người, 93 phim về tội bắt cóc, 11 phim về tội phá nhà giam. Những tên cầm đầu được nêu lên phim như là những người “anh hùng”. 72 phần 100 những phim ấy chiếu cho trẻ con xem.

Kết quả cách giáo dục ấy là: Nhiều trẻ con phạm tội, và 8 phần 100 trẻ con mắc bệnh loạn tinh thần.

Người Mỹ đến đâu cũng đưa “văn hoá” Mỹ đến đó. Thí dụ: ở nước Úc, năm 1951 Mỹ đưa đến 202 phim, trong đó 50 phim thuộc loại du côn, 71 phim thuộc loại cướp bóc và giết người, 45 phim thuộc loại mạo hiểm.

Trong những thành thị tạm bị chiếm ở nước ta, “văn hoá” Mỹ cũng đã làm hại không ít. Vì các phim ảnh Mỹ mà số thanh niên và trẻ con hư hỏng và phạm tội ngày càng nhiều.

Đế quốc Pháp, Mỹ âm mưu xâm lược chẳng những về mặt quân sự, chính trị và kinh tế, mà cả về mặt văn hoá. Vậy ngành tuyên truyền giáo dục của ta cần phải có kế hoạch hẳn hoi để phá tan âm mưu xâm lược bằng văn hoá của chúng.

Đ.X

Tháng 11/1955

Báo *Cửu quốc*, ngày 29/11/1955

SICAGÔ VÀ SÀI GÒN

Sicagô là một thành phố to hạng nhì ở Mỹ, có độ ba triệu dân và rất nhiều công nghiệp và thương nghiệp. Nó cũng là sào huyệt của những ông “vua” cướp của, giết người, buôn lậu, và các thứ tội ác. Hiện nay, Mỹ đang đưa “văn minh” Sicagô đến miền Nam Việt Nam ta:

Tối hôm 9/6 hai nhân viên của “phái đoàn viện trợ” Mỹ đã bắn nhau chết ở tiệm rượu “Đồng tiền vàng”. Có lẽ đó mới là bước đầu.

Hôm 12/6, một bọn cướp với súng ống đầy đủ, đã cướp chuyến xe hơi ở Xuân Lộc, cách Sài Gòn 80 cây số.

Các báo miền Nam cho biết: Từ 21/5 đến 7/6, ở Sài Gòn và các thành phố chung quanh có 48 vụ trộm cướp và 47 vụ tổng tiền. Ở Sài Gòn - Chợ Lớn, ngày nào cũng xảy ra những vụ ăn cắp xe đạp và xe hơi. Có những tên đã đánh cắp hơn 20 chiếc xe hơi.

Tệ hại nhất là “văn minh” Sicagô đã lan rộng đến lớp thanh niên học sinh. Thí dụ: một nam học sinh 17 tuổi, ở Tân Sơn Nhất, đã phạm tội giết người, cướp của.

Một nữ học sinh trường luật, 23 tuổi, đã phạm tội tổng tiền gần nửa triệu đồng...

Đế quốc Mỹ xúi giục Ngô Đình Diệm phá hoại Hiệp định Giơnevơ, âm mưu trường kỳ chia cắt đất nước ta. Đó là một tội ác tày trời, không thể tha thứ. Chúng lại còn âm mưu phá hoại thuần phong mỹ tục của nhân dân ta, đầu độc thanh niên ta. Hai tội chồng chất, càng không thể tha thứ.

C. B

Tháng 6/1956

Báo Nhân dân, ngày 20/6/1956

“ĐẠO ĐỨC” MỸ

(Trích)

Ở Mỹ, những sách báo tiến bộ đều bị chính quyền cho là tuyên truyền cộng sản và bị cấm ngặt. Trái lại, những sách báo truy lạc thì rất thịnh hành. Theo lời một cựu Bộ trưởng Bộ bưu điện thì mỗi năm bọn bán sách “lợn” (khiêu dân) thu nhập hơn 2.000 triệu đôla. Hiện nay các báo Mỹ đang quảng cáo rùm beng cho quyển *Tổng hợp các án mạng* gồm 1.126 vụ giết người rùng rợn!

99% phim ảnh Mỹ đều thuộc loại cướp của, giết người.

Nền văn hoá ấy đã có kết quả như sau: Trong năm 1960 ở Mỹ có 1.861.000 vụ phạm tội, tức là cứ non 100 người thì có một vụ phạm tội. Bình quân cứ:

- 1 nửa phút đồng hồ thì có một vụ trộm.
- 2 phút thì có một vụ trộm xe hơi,
- 4 phút thì có một vụ ẩu đả,
- 34 phút thì có một vụ hiếp dâm,
- 50 phút thì có một vụ giết người.

Théo báo cáo của bác sĩ Lôuonxtên thì “nghề làm đi lậu” phát triển một cách đáng sợ, năm 1961 có hơn 20 vạn gái chưa hoang, trong số đó hơn 5.000 đứa chưa đầy 15 tuổi.

Song những tội phạm ấy chỉ là “hạng tôm tép”. Tạp chí Mỹ *Người báo cáo* viết: Công việc sổ một của *Cục thanh tra Mỹ* là khùng bỏ những người tiến bộ. Còn việc chống tội phạm thì họ chỉ nhằm vào bọn tôm tép, *những công ty tội phạm* thì tha hồ hoành hành. Những công ty này là thứ xí nghiệp phát triển nhất và nhiều lãi nhất ở Mỹ. Mỗi năm, nhà máy to nhất như *Điện khí thông dụng* cũng chỉ có một tỷ đô la tiền lãi, mà những công ty chưa có bạc bi mặt thì thu đến 9 tỷ tiền lãi. Chúng dùng một nửa số lãi đó để mua chuộc cơ quan cảnh sát và các chính khách. Một tên trùm kếp xù đã chỉ định những người làm quan toà và trả lương cho cảnh sát ở địa phương nó... Các công ty ấy giúp tiền chi phí cho mọi cuộc tuyển cử địa phương để bầu ra bọn vây cánh của chúng. Vừa qua, 36 tên cảnh sát và cả cảnh sát trưởng đã bị bắt quả tang trong mấy vụ ăn trộm, đầu cơ, bao gái điếm.

Nhưng Chính phủ Mỹ có phạm tội ác to hơn nữa. Chúng đã xâm phạm miền Nam nước ta, Nam Triều Tiên, Đài Loan, v.v... Chúng đe dọa loài người với bom nguyên tử và bom khinh khí. Bọn đại tư bản Mỹ chế tạo vũ khí giết người hàng loạt mà thu lãi hàng tỷ đô la. Đồng thời, chúng thầu làm hầm trú ẩn ở nước Mỹ để phát tài, chúng định giá mỗi hầm trú ẩn cá nhân từ 200 đến 2195 đôla.

... “Lợi tao trước hết, ai chết mặc ai”. “Đạo đức” Mỹ là như thế đó!

T.L

Tháng 1/1962

Báo *Nhân dân*, ngày 20/1/1962

AI DÃ MAN? AI VĂN MINH?

Việt Nam cách Hoa Kỳ hàng vạn cây số. Khi ở Việt Nam là 12 giờ trưa thì Hoa Kỳ là 24 giờ tối. Nhân dân Việt Nam không hề đụng chạm đến nhân dân Hoa Kỳ. Nhân dân Hoa Kỳ cũng không thù hằn gì nhân dân Việt Nam. Thế mà đế quốc Mỹ phái quân đội, tướng tá và chó săn đến khủng bố giết hại nhân dân miền Nam Việt Nam. Chúng dùng máy bay rải thuốc độc phá hoại ruộng nương mùa màng miền Nam. Chúng cùng bọn ác ôn Diệt chặt đầu, mổ bụng, móc ruột, ăn gan những người yêu nước ở miền Nam.

Ai cũng phải nhận rằng *đế quốc Mỹ là vô cùng dã man!*

Ngày 5/4/1962, đội tự vệ tỉnh Quảng Nam bắt được hai hạ sĩ quan Mỹ, Quin và Gorum, trong lúc hai tên này cùng đi với quân đội Diệt càn quét làng Nam Thành.

Theo truyền thống khoan hồng nhân đạo của nhân dân Việt Nam, trước hôm 1/5, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã tha bổng hai tên tù binh Mỹ.

Trong bức thư cảm ơn, tên Quin viết: “Suốt những ngày bị giam giữ, chúng tôi được đối đãi rất tử tế...”. Tên Gorum viết: “Tôi rất hối hận về những lỗi lầm của mình, và biết ơn sâu sắc chính sách khoan hồng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam...”.

Chỉ một việc đó cũng đủ chứng tỏ rằng *nhân dân ta thật là văn minh*.

Liên sau khi hai tù binh Mỹ được tha, Tổng Ken⁽¹⁾ vội vàng điện “cảm ơn” “Tổng Diệt” đã giải phóng hai hạ sĩ quan Hoa Kỳ thoát khỏi tay Việt cộng...

Vì sao Tổng Ken nói láo toét như vậy? Vì y mong lừa bịp dư luận thế giới, nhất là dư luận Hoa Kỳ. Vì y sợ người ta hỏi: Nếu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam văn minh như vậy, thì tại sao đế quốc Mỹ cứ ra sức ủng hộ chính quyền độc tài, thối nát và dã man của họ Ngô?

Dù sao, cuối cùng Mỹ Diệt sẽ thua, nhân dân miền Nam sẽ thắng. Không những chúng ta tin chắc như vậy, mà chính Tổng Ken cũng tin chắc như vậy. Hồi tháng 4/1954, Ken đã nói ở Thượng nghị viện Mỹ như sau:

“... Trút tiền bạc, vật liệu và quân đội vào rừng núi Đông Dương và không có ít ra một hy vọng thắng lợi xa xôi sẽ là một việc vô ích, tự huỷ hoại mình

(1) *Tổng Ken*: Tức Kennơđi, Tổng thống Mỹ lúc bấy giờ.

một cách nguy hiểm. Tôi tin chắc rằng dù Mỹ có viện trợ quân sự ở Đông Dương bao nhiêu chăng nữa, cũng không thể chiến thắng một kẻ địch có mặt khắp nơi và đồng thời không có ở nơi nào cả⁽¹⁾, một kẻ địch được cảm tình và sự ủng hộ che giấu của nhân dân”.

Vậy có thơ rằng:

*Lăm le cướp nước người ta,
Bọn đế quốc Mỹ thật là dã man.
Quyết lòng gìn giữ giang san,
Đồng bào nước Việt muôn vàn văn minh.*

T.L

Tháng 5/1962

Báo Nhân dân, ngày 15/5/1962

(1) *Quân đội du kích*. (chú thích của tác giả T.L.)

“VĂN MINH” KIỂU MỸ (II)

Mỹ là một nước giàu nhất trong thế giới tư bản, Mỹ ba hoa tự xưng là người bảo vệ hoà bình, dân chủ, nhân đạo, văn minh... Mỹ thường nhồi thứ “văn minh” đó vào bom đạn, thuốc độc để hòng “khai thác” các dân tộc khác, như ở Nam Việt Nam, Nam Triều Tiên... Thứ “văn minh” đó có thể tóm tắt trong một câu:

*Trái đạo đức, khinh mẹ cha,
Máu tham hễ thấy dola thì mê.*

Ở Mỹ có những công ty ám sát, có những vụ chồng giết vợ, con giết cha để lĩnh tiền bảo hiểm. Chính Mỹ lại là nạn nhân của thứ “văn minh” ấy. Chỉ trong vòng một trăm năm mà có đến bốn vị tổng thống Mỹ bị người Mỹ ám sát, bốn vị ấy là: Lincolnton, Gácphin, Mác Kinli và vừa rồi là tổng thống Kennodi.

Mỹ giàu có thật. Nhưng sự giàu có ấy là của nhóm đại tư bản. Đôi khi hàng hoá và lương thực không bán hết, chúng phải phá huỷ đi. Trong lúc đó thì hàng năm có hơn 12 vạn 6 nghìn trẻ con Mỹ không được chăm sóc, vì cha mẹ quá nghèo. Chỉ trong 132 thành phố đã điều tra, đã có hơn 450.000 người mẹ không có tiền uống thuốc khi ốm đau, trong lúc có mang và ở cữ. Có hơn 20 triệu người Mỹ quá bận rộn, thường xuyên phải xin cứu tế (Tin của Phủ Tổng thống Mỹ).

Hàng năm có độ 5 triệu thợ thuyền thất nghiệp và vợ con họ sống cực kỳ vất vả. “Do bận rộn mà hàng năm có độ 35.000 người Mỹ tự sát. Và hiện nay có độ 2 triệu người Mỹ đang tìm mọi cách để tự kết liễu cuộc đời”. (Báo cáo của Công ty bảo hiểm Mỹ).

Trong lúc nhân dân Mỹ đang lâm vào cảnh đói khổ như vậy, thì đế quốc Mỹ mỗi ngày tiêu 1 triệu rưỡi dola “giúp” cho bọn bù nhìn khủng bố và giết hại đồng bào ta ở miền Nam.

Để đào tạo ra lớp người thống trị, huấn luyện ra những người đi “khai hoá”, giai cấp tư bản Mỹ mở những trường đại học để “bồi dưỡng” con em chúng. Đại học Hácva là một trường đại học to nhất và nổi tiếng nhất ở Mỹ. Hầu hết bọn thống trị Mỹ đều học ở trường ấy ra. Đây là một “đặc sắc” của trường Hácva: “Ban giám hiệu rất lo lắng, vì những nhà trọ của sinh viên đã trở thành nơi dâm ô, trụy lạc. Cách đây 25 năm, 35% nữ sinh viên đã phạm tội hủ hoá. Năm 1953, số phạm tội đã tăng lên 50%” (Ban kiểm tra của trường

Hácva). Hiện nay, con số đó chắc là cao hơn nữa!

Thủ đô Mỹ là tượng trưng cho “văn minh” của cả nước Mỹ. Đây là một đặc điểm của cái “văn minh” đó: “Khắp nước Mỹ, số vụ phạm tội ngày càng tăng, mà thủ đô Hoa Thịnh Đốn luôn luôn chiếm số 1. Năm 1957, thủ đô có 15.554 vụ giết người, cướp của, cưỡng dâm... Năm 1962, đã tăng lên 21.543 vụ. Phần lớn kẻ phạm tội là thanh niên gái và trai chưa đầy 18 tuổi” (Báo *Tin tức Mỹ và thế giới*). Thủ đô Mỹ có khoảng 1 triệu người kể cả viên Tổng thống Hoa Kỳ và em bé mới đẻ. Một triệu người mà hàng năm có hơn 2 vạn 1 nghìn kẻ phạm tội nặng.

Thế là cứ 100 người Mỹ thì có hơn 2 người phạm tội nặng. Thật là xứng đáng là một thủ đô kiểu mẫu của thế giới tự do. Và tính mạng của một người Mỹ, dù người đó là một vị Tổng thống cũng chỉ bằng giá tiền của vài viên đạn hoặc một con dao găm!

Nhưng chúng ta không “vơ đũa cả nắm”. Cũng như nhân dân các nước khác, nhân dân Mỹ nói chung là những người cần cù, yêu chính nghĩa, chuộng hoà bình, chống chiến tranh. Ở Mỹ có những nhân sĩ và những đoàn thể tiến bộ đang hoạt động chống đế quốc Mỹ, đòi Chính phủ Mỹ phải chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta. Cho nên chúng ta kiên quyết chống đế quốc Mỹ. Nhưng chúng ta sẵn sàng lập quan hệ hữu nghị với nhân dân Mỹ để cùng nhau chống mọi tội ác, giữ gìn chính nghĩa và hoà bình cho loài người.

CHIẾN SĨ

Tháng 11/1963

Báo *Nhân dân*, ngày 29/11/1963

MỘT TRIỆU TÍN ĐỒ, MỘT VẠN PHỤ NỮ, NĂM NGHÌN TRÍ THỨC VÀ MỘT BÉ GÁI HOA KỲ

Bước sang năm nay, phong trào ủng hộ ta và lên án Mỹ sôi nổi khắp thế giới và cả Hoa Kỳ, nhất là từ hôm Mỹ lại tiếp tục ném bom sau ngày Tết ta.

Chỉ kể trung tuần tháng 2, ở Mỹ đã có những cuộc vận động lớn như sau:

- Một triệu tín đồ đạo Gia Tô, Tin Lành và Do Thái ở 421 thành phố trong 37 bang của Hoa Kỳ, tức là khắp cả nước Mỹ, đã nhin đói suốt ba ngày để chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam (9 đến 11 tháng 2 năm 1967).

- Một vạn chị em thuộc "Hội phụ nữ đấu tranh cho hoà bình" đã rầm rộ tổ chức biểu tình, xông vào Bộ Quốc phòng Mỹ. Chị em biểu tình đã mang theo những bức ảnh trẻ em Việt Nam bị bom napan Mỹ đốt cháy và những khẩu hiệu kịch liệt chống chiến tranh (15/2/1967).

- Hơn 5.000 vị khoa học nổi tiếng ở Mỹ viết thư đòi Tổng Giôn phải chấm dứt việc dùng các loại hơi độc ở Việt Nam. Trong các vị đó, có 17 người đã được giải thưởng quốc tế Nôben và 129 người là Hàn lâm khoa học; tức là những người khoa học có danh vọng nhất ở Mỹ (15/2/1967).

- Bộ Quốc phòng Mỹ đã hấp tấp ra lệnh cấm các cơ quan chỉ huy chiến tranh không được mua tờ *tuần báo Vensơ* của nhà thờ công giáo Mỹ. Vì sao? Vì tờ báo ấy đã đăng một bài thơ của em gái Bácbara Bétlơ, 12 tuổi, viết về tội ác máy bay Mỹ ném bom xuống các làng mạc gần Hải Phòng và giết chết nhiều trẻ em. Bộ Quốc phòng Mỹ cho rằng thơ của em Bácbara Bétlơ sẽ gây rối ren cho vấn đề Việt Nam⁽¹⁾.

(1) Ngày 1/2/1967, Bộ Quốc phòng Mỹ đã quyết định huỷ bỏ hợp đồng mua hàng tuần 13.000 tờ tạp chí *Vensơ*, một tạp chí do tổ chức nhà thờ đạo Thiên Chúa ở Mỹ xuất bản để cung cấp cho quân đội Mỹ đóng ở các nơi trên thế giới, vì tạp chí *Vensơ* vừa đăng một bài thơ của em gái Mỹ Bácbara Bétlơ, 12 tuổi, ở bang Pholorida, viết về tội ác của Mỹ ném bom ở các làng mạc gần Hải Phòng.

Theo hãng thông tấn Pháp AFP, bài thơ của em Bácbara Bétlơ bị Bộ Quốc phòng Mỹ kết tội "gây tình hình rối ren".

Tam dịch bài thơ như sau:

*Những ánh chớp lóe lên màu bạc và màu vàng
Bạc và vàng*

Kết luận: Tóm tắt mấy việc trên đây chứng tỏ rằng: *Một là*, nhân dân Mỹ, các tổ chức tôn giáo và các đoàn thể khoa học, đàn ông, đàn bà và trẻ em đều chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. *Hai là*, bọn đế quốc hung hăng như bẻ lũ Giônxon mà phải run sợ trước một bài thơ chính nghĩa của một cô bé 12 tuổi, như thế đủ thấy tinh thần của chúng hèn yếu đến mức nào! Cho nên chúng ta nói: chính nghĩa nhất định thắng, nhân dân ta nhất định thắng. Đế quốc Mỹ nhất định thua.

CHIẾN SĨ
Tháng 2/1967

Báo *Nhân dân*, ngày 19/2/1967.

Những con chim màu bạc bay ngang
Nước vàng tuôn xuống
Và nước ấy đốt thiêu đồng ruộng
Rừng cây xanh rừng rực lửa vàng;
Những con chim mình đầy lửa bay lên,
Những con thú toàn thân bốc cháy
Rồi những em nhỏ bốc cháy.
Các em chạy - Quần áo bay như cánh diều bốc lửa,
Các em khóc thét - Tiếng các em lịm dần
Khi ngọn lửa xả vào khắp mặt
Lửa bùng lên trên chiếc thùng đội trên đầu cô gái
Lửa thiêu cả những con thuyền của người nông dân cắm trên đồng ruộng.
Hỡi người Mỹ! Hãy nghe đây!
Xin hãy nghe cho rõ và cho kỹ
Tiếng trẻ đang kêu thét thảm thương
Trong những làng mạc bên thành phố Hải Phòng
Trên đất nước Việt Nam.

PHẦN THỨ 4

**KHÔNG CÓ GIÁO DỤC, KHÔNG CÓ CÁN BỘ, THÌ
CŨNG KHÔNG NÓI GÌ ĐẾN KINH TẾ, VĂN HOÁ**

(BÀI NÓI Ở LỚP ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN VIÊN
CÁC TRẠI HÈ CẤP I)

Ngày 12/6/1956

THƯ GỬI BỘ PHƯƠNG ĐÔNG

(Trích)

Gửi Ban Bí thư bộ Phương Đông

Các đồng chí thân mến,
Theo báo cáo của đồng chí H.N. về tình hình của Đảng Cộng sản Đông Dương và theo kinh nghiệm của tôi ở miền Nam Trung Hoa, ở Xiêm và Mã Lai, tôi coi như một nhiệm vụ cấp bách đối với các Đảng chúng tôi là gửi đến các đồng chí đề nghị sau đây:

Trừ một số rất ít các đồng chí (được huấn luyện ở Kutb hoặc là trí thức), trình độ lý luận và chính trị của phần đông đồng chí chúng ta rất thấp.

Việc thiếu hiểu biết về lý luận đó đưa lại những hậu quả như thế nào? Rất nhiều. Các đồng chí đã nghe kể trong báo cáo của đồng chí H.N. Ở đây tôi xin kể thêm một vài trong số những hậu quả đó:

1 - Phần đông các đồng chí - kể cả các đồng chí phụ trách - không hiểu rõ thế nào là “cách mạng tư sản dân chủ”. Họ nói lại các chữ nhưng không hiểu nghĩa. Không thể giải thích cho công nhân và nông dân, các đồng chí của chúng ta thường rất lúng túng trong công tác tuyên truyền và cổ động. Để ra khỏi tình trạng lúng túng đó, họ bắt buộc phải bịa đặt ra để nói. Vì vậy, một sự dốt nát này kéo theo sự dốt nát khác, một sai lầm này kéo theo sai lầm khác.

2 - Họ cũng không hiểu vì sao cần phải kết hợp cuộc cách mạng chống đế quốc với cuộc cách mạng ruộng đất. Và chúng ta có thể thấy những khẩu hiệu tung ra bừa bãi, không kết hợp được với nhau.

3 - Họ không thể hiểu sự khác nhau giữa Đảng và các tổ chức khác, nhưng họ chỉ thấy đó là sự khác nhau về “cấp bậc”. Ví dụ, họ xếp Đảng là số 1, Đoàn Thanh niên Cộng sản là số 2, Công đoàn là số 3, v.v. Và khi một đồng chí đang làm công tác trong Đảng được phái đến công tác trong một tổ chức khác, họ coi việc điều động đó như là một “sự cách chức”, gần như một hình phạt!

4 - Hoặc là, người ta bắt đầu tổ chức một chi hội của Hội Phản đế, rồi người ta chọn những hội viên Hội Phản đế để tổ chức công đoàn, cuối cùng người ta chọn những đoàn viên công đoàn để lập chi bộ Đảng.

5 - Một cuộc bãi công nổ ra. Những người lãnh đạo trí thức viết vào trong

một cuốn sổ tay những bước phải làm, với những con số 1, 2, 3, v.v., và đưa cuốn sổ tay đó cho các đồng chí phụ trách công nhân. Các đồng chí này đến nhà máy với cuốn sổ tay và chấp hành máy móc những điều đã được viết ở trong đó, không biết suy nghĩ rằng cái đó có phù hợp hay không với tình hình thực tế!

Hay là, người ta làm mọi cách để phát động cuộc bãi công. Nhưng một khi công nhân đã rời nhà máy để xuống đường phố, người ta không biết làm gì nữa.

6 - Còn một nguy cơ lớn khác. Mặc dù các Đảng có đưa những đồng chí công nhân vào các cơ quan lãnh đạo, các đồng chí này thường chịu ảnh hưởng của những phần tử trí thức, bởi vì họ cho rằng những phần tử trí thức “đã đọc tất cả những thứ đó trong luận cương hoặc sách”.

Tất cả những điều này đã xảy ra trong thời kỳ 1930 - 1931, hồi đó các đồng chí của chúng ta là những chiến sĩ khá già dặn và khá kinh nghiệm. Bây giờ, tất cả hoặc hầu hết các đồng chí đó đã bị giết hoặc bị tù. Các đồng chí ngày nay đều trẻ hơn, ít kinh nghiệm hơn, do đó càng dễ phạm sai lầm nghiêm trọng hơn.

Vì vậy, tôi nghĩ rằng *điều tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải giúp các đồng chí của chúng ta ra khỏi những khó khăn đó bằng cách tạo cho họ phương tiện tiếp thu những kiến thức sơ đẳng mà một chiến sĩ cần phải có.*

Và phương tiện duy nhất có hiệu quả để giúp họ theo phương hướng đó là phải xuất bản những tập sách nhỏ về các vấn đề sau đây:

- 1 - Tuyên ngôn Đảng Cộng sản⁽¹⁾.
- 2 - Đảng Cộng sản và các tổ chức của Đảng.
- 3 - Lịch sử Đảng.
- 4 - Lịch sử Quốc tế Cộng sản.
- 5 - Lịch sử của V.K.P.B.⁽²⁾
- 6 - Lịch sử của K.I.M.⁽³⁾
- 7 - Thanh niên Cộng sản và tổ chức của nó.
- 8 - Công đoàn.
- 9 - Quốc tế Công hội.
- 10 - Nông hội.
- 11 - Vấn đề dân tộc.
- 12 - Vấn đề ruộng đất.
- 13 - M.O.P.R.⁽⁴⁾

(1) *Tuyên ngôn Đảng cộng sản* (1848): cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa Mác, trong đó các tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác được trình bày gọn ghẽ và sáng sủa, các lý tưởng cuối cùng của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và đội tiền phong của nó - Đảng Cộng sản - được công khai tuyên bố. *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* do Các Mác và Ph. Ăngghen viết, coi như Cương lĩnh của Liên hiệp những người Cộng sản; xuất bản lần đầu bằng tiếng Đức ở Luân Đôn tháng 2/1848.

(2), (3), (4) Một số tên viết tắt chúng tôi chưa rõ nghĩa là gì như: V.K.P.B, K.I.M, M.O.P.R.

- 14 - Hội phản đế.
 - 15 - Chủ nghĩa đế quốc Pháp.
 - 16 - Cách mạng tháng Mười.
 - 17 - Cách mạng Trung Quốc.
 - 18 - Khởi nghĩa vũ trang.
 - 19 - Những bài học của những sự kiện 1930 - 1931.
 - 20 - Chủ nghĩa Tòrôt-xkít.
 - 21 - Kinh tế Xô viết.
 - 22 - Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin.
 - 23 - Làm thế nào để kết hợp công tác không hợp pháp với công tác hợp pháp?
 - 24 - Làm thế nào để tổ chức một chi bộ và làm cho chi bộ hoạt động?
 - 25 - Làm thế nào để tổ chức một cuộc bãi công, một cuộc biểu tình v.v.
 - 26 - Làm thế nào để thực hiện mặt trận thống nhất?
 - 27 - Làm thế nào để tổ chức một tờ báo của Đảng, của xí nghiệp, v.v.
 - 28 - Làm thế nào để tổ chức học sinh, phụ nữ, v.v.
 - 29 - Làm thế nào để vận động binh lính?
 - 30 - Đề cương và nghị quyết về vấn đề thuộc địa (của Quốc tế cộng sản).
- Để xuất bản những tập sách đó, cần phải chú ý những điều sau đây:
- 1 - Những khó khăn trong việc in lại trong các nước kể trên.
 - 2 - Những khó khăn trong việc gửi sách.
 - 3 - Những khó khăn của người đọc trong việc cất giấu sách.
 - 4 - Trình độ văn hoá thấp của các đồng chí của chúng ta là những người không thể đọc và hiểu những gì quá dài và quá khó. Vì vậy những tập sách đó cần phải ngắn gọn, từ và chữ phải rất giản dị, rất rõ ràng, và dễ hiểu đối với quần chúng. Nếu có thể thì nên viết theo hình thức hỏi và trả lời.

Các đồng chí của chúng ta nhiều dũng khí và nhiệt tình. Họ làm việc với tinh thần tận tụy rất lớn. Nhưng sự thiếu hiểu biết về lý luận buộc họ phải dò dẫm từng bước một, và ở mỗi bước, họ lại vấp phải sự thiếu hiểu biết đó. Chắc chắn là họ tự giáo dục trong cuộc đấu tranh và trong công tác thực tiễn hàng ngày. Nhưng biết bao lúng túng, biết bao sai lầm, biết bao thất bại cay đắng có thể tránh được nếu chúng ta có thể cung cấp cho họ những yếu tố hết sức cần thiết về hiểu biết lý luận để hướng dẫn họ và làm cho công tác của họ được dễ dàng.

Đồng chí Xtalin đã nghìn lần có lý khi đồng chí nói:

“Lý luận đem lại cho các đồng chí làm công tác thực tiễn sức mạnh về phương hướng, sự sáng tỏ về tiền đồ, đức tin trong công tác, và lòng tin về thắng lợi của lý tưởng chúng ta”.

Điều mà tôi nói cho các đồng chí của chúng ta ở Đông Dương, ở Xiêm,

v.v. cũng đúng - tôi chắc như thế - đối với các đồng chí ở các thuộc địa khác, ở đó Đảng hoạt động không hợp pháp, và ở đó trình độ văn hoá của những người lao động còn thấp. Và những tập sách được đề nghị trên đây chắc chắn là cũng sẽ có ích rất lớn đối với các nước đó nữa.

Lời chào cộng sản anh em!

LIN⁽¹⁾

Ngày 16/1/1935

Tư liệu: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng
trung ương. Bản dịch: Hồng Chương.

(1) *Lín* hoặc *D.C.Lin* hoặc *P.C.Line* đều là những bút danh của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Năm 1935, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc lấy tên là *Lín* viết *Thư gửi Bộ Phương Đông*. Ngày 16/ 8/1935, Người cũng lấy tên là *Lín* ghi vào thẻ đại biểu số 154 để tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7 họp tại Mátxcơva. Năm 1939, ở nước ngoài, Người viết bài gửi về nước đăng báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xuất bản ở Sài Gòn, Người ký bút danh *D.C. Lín*. Cũng trong năm 1939 những bài báo bằng tiếng Pháp của Người đăng trên báo *Notre voix* (*Tiếng nói của chúng ta*), tờ báo công khai của Đảng xuất bản tại Hà Nội, Người ký bút danh *P.C. Line*.

CHỖ HAM CHUỘNG HÌNH THỨC(*)

... Việc gì cũng không xét đến kết quả thiết thực, cần kíp, chỉ nhằm về hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai.

... Nhiều nơi, những hình thức tuyên truyền cổ động chỉ biết kẻ khẩu hiệu, trưng cờ biểu và trang hoàng nhà thông tin tuyên truyền cho đẹp, lập chòi diễn thuyết để làm vì, còn hàng ngày các đồng chí không chịu khó gần gũi quần chúng để giải thích cho họ hiểu chu đáo những chủ trương của đoàn thể.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 1/3/1947

Về vấn đề cán bộ, Nhà xuất bản Sự thật,
Hà Nội, 1974, trang 19.

(*) Trích điểm c trong *Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ*. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

ĐỜI SỐNG MỚI^(*)

(Trích)

TỰA

Trong lúc kháng chiến cứu quốc, chúng ta đồng thời phải kiến quốc. Thực hành Đời Sống Mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc.

Anh Tân Sinh viết quyển *Đời Sống Mới* một cách vắn tắt, rõ ràng, thiết thực, dễ hiểu. Đó là một quyển sách nhỏ, chỉ rõ bước đường Đời Sống Mới.

Tôi mong đồng bào ta mỗi người có một quyển *Đời Sống Mới* để xem, để hiểu, để thực hành Đời Sống Mới.

Như thế, chúng ta nhất định sẽ tiến bộ lớn.

HỒ CHÍ MINH

I

Hỏi: Trong lúc này, người thì lo đánh giặc, người thì lo phá hoại, người thì lo tản cư, toàn dân ai cũng khó nhọc vất vả. Kêu gọi thực hành Đời Sống Mới, chẳng không hợp thời sao?

Đáp: Hợp thời lắm. Chính trong lúc này càng phải thực hành Đời Sống Mới là Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Quân đội phải siêng tập, siêng đánh. Nhân dân tăng gia sản xuất, phải siêng làm, thì kháng chiến chắc chắn thắng lợi, thế cho nên phải *Cần*.

Binh sẽ phải tiết kiệm đạn dược mỗi viên đạn, một tên thù. Nhân dân phải tiết kiệm vật liệu, mới giúp được bộ đội và đồng bào tản cư. Thế cho nên phải *Kiệm*. Mọi người đều trong sạch, không tham lam, không đem của công dùng vào việc tư, thì mọi việc mới chạy. Cho nên ai cũng phải *Liêm*.

Mỗi một người quốc dân đều phải vì nước quên nhà, hăng hái ủng hộ kháng chiến, ra sức tăng gia sản xuất, tiêu trừ bọn bán nước hại dân, quyết

(*) *Đời sống mới* là tác phẩm của Tân Sinh, một trong những bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (theo công bố của tạp chí *Cộng sản*, số tháng 5/1980). Cuốn sách này do Ủy ban trung ương vận động đời sống mới xuất bản năm 1947.

làm cho Tổ quốc thống nhất độc lập. Thế là *Chính*. Do đó thì biết, Đời Sống Mới lúc này là rất hợp thời.

II

Hỏi: Sao gọi là Đời Sống Mới?

Đáp: Đời Sống Mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết. Không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ: ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc có ngăn nắp.

Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích Đời Sống Mới.

III

Hỏi: Đời Sống Mới việc đầu hết là gì?

Đáp: Bất kỳ ai, muốn sống thì phải có năm điều: ăn, mặc, ở, đi, làm.

Muốn có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, đường đi thì phải làm. Từ trước đến giờ ta vẫn có làm, vẫn có cơm, áo, nhà, đường sá. Nhưng vì làm chưa hợp lý... Đời Sống Mới không phải cao xa gì, cũng không phải khó khăn gì. Nó không bảo ai phải hy sinh chút gì. Nó chỉ sửa đổi những việc rất cần thiết, rất phổ thông, trong đời sống của mọi người, tức là sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc.

Sửa đổi được những điều đó, thì mọi người đều được hưởng hạnh phúc. Mà chắc sửa đổi được, vì nó không có gì gay go, khó làm.

IV

Hỏi: Những người giàu, đã sẵn sung sướng, không cần làm Đời Sống Mới. Những người nghèo, không tiền không của, thì Đời Sống Mới thế nào?

Đáp: (.....)

Tục ngữ nói: “Tay siêng làm thì hàm có nhai”. Siêng làm là một trong bốn điều Đời Sống Mới. Vì có làm thì nhất định có ăn. Tục ngữ lại nói: “Đói cho sạch rách cho thơm” mình dù nghèo, ai cấm mình ăn ở sạch sẽ? Sạch sẽ tức là một phần Đời Sống Mới. Sạch sẽ thì ít đau ốm. Có sức khoẻ thì làm được việc, làm được việc thì có ăn. Xem đó thì biết rằng ai cũng nên làm Đời Sống Mới.

V

Hỏi: Khẩu hiệu Đời Sống Mới ra một năm nay đã có kết quả chưa?

Đáp: Đã có kết quả. Trong nhiều làng, các cụ phụ lão đã giảm bớt việc cúng tế; đem tiền đó hoặc giúp Bình dân học vụ, hoặc làm việc ích chung. Dân ta phải biết ơn các cụ đã hăng hái làm gương như thế!

Nhiều nơi chị em phụ nữ đã sửa đổi, cách ăn mặc gọn gàng, đã biết chung nhau nuôi gà, nuôi lợn.

Nhiều nơi thói cờ bạc, say sưa, hút sách, trộm cắp giảm bớt rất nhiều.

Đó là những kết quả đầu. Tuy vậy kết quả như thế chưa đủ. Còn thiếu nhiều lắm. Mỗi đồng bào, bất kỳ già, trẻ, gái trai... cần phải cố gắng, làm cho Đời Sống Mới lan khắp cả nước. Lúc đó mới có thể nói rằng: Chúng ta đã thực hành Đời Sống Mới.

VI

Hỏi: Đời Sống Mới có mấy thứ?

Đáp: Nói chung thì Đời Sống Mới có thể chia làm hai thứ. Một là Đời Sống Mới riêng từng người. Hai là Đời Sống Mới chung, từng nhóm người, như các bộ đội, các nhà máy, các trường học, các công sở, v.v...

Mỗi người, mỗi đoàn thể, lại phải theo công việc, nghề nghiệp của mình, mà làm Đời Sống Mới cho hợp với hoàn cảnh. Nhưng bất kỳ người nào, đoàn thể nào, cũng không ngoài năm việc ăn, mặc, ở, đi, làm.

Thí dụ: Một em nhi đồng, khi ở nhà thì siêng giúp đỡ cha mẹ, anh em, ăn ở sạch sẽ, không gặp đâu nằm đó, không gặp gì ăn nấy, không ỉa, đái bậy.

Lúc đến trường thì siêng học, giữ kỷ luật, biết tiết kiệm giấy bút, yêu anh em.

Lúc ra đường thì biết giúp đỡ gia đình các chiến sĩ, an ủi đồng bào tản cư, biết giữ bí mật, biết chú ý những kẻ lạ mặt, đề phòng Việt gian.

Những việc đó không có gì khó, em bé nào cũng có thể làm. Mà đó tức là Đời Sống Mới của các em nhi đồng.

VII

Hỏi: Trẻ em như thế, còn người lớn thì sao?

Đáp: Lúc này đang kháng chiến, cái gì cũng hiểm. Kháng chiến thắng lợi rồi, thì phải biết kiên thiết. Lúc kháng chiến cũng như khi kiến quốc, dân ta cần phải tiết kiệm, những cái gì không cần thiết lắm thì phải bớt đi, bỏ đi, mới có thể tự cấp, tự túc. Thí dụ: Đàn ông không có cổ cồn, ca - vát cũng không hại gì, đàn bà không có son phấn, xuyên vòng cũng vẫn sống được. Vậy thì những thứ đó và các thứ xa xỉ khác ta phải bỏ đi.

Lại thí dụ: Phụ nữ ta mặc rất dài. Đi, chạy hoặc làm việc đã khó, lại tốn

nhiều vải. Hai cái áo dài có thể làm 3 cái áo vắn. Nước ta cả già lẫn trẻ 10 triệu phụ nữ⁽¹⁾, tính đồ đồng cần 25 triệu thước vải may áo. Theo thời giá, 25 triệu thước vải đồng lắm lúc này cũng đến 1.000 triệu đồng⁽²⁾. Nếu phụ nữ ta không ham mặc áo dài như bây giờ thì tự mình đi đứng làm việc đã tiện, lại còn được 200 triệu đồng để giúp việc kiến quốc. Vì vậy, phụ nữ ta bỏ cách ăn mặc lượt thướt, tức là làm Đời Sống Mới.

Việc nói trên chẳng khó gì. Phụ nữ ai cũng làm được. Mà đó tức là một việc trong Đời Sống Mới của phụ nữ.

VIII

Hỏi: Đời Sống Mới với việc tăng gia sản xuất quan hệ với nhau thế nào?

Đáp: Việc tăng gia sản xuất cũng như mọi việc khác đều rất quan hệ với Đời Sống Mới.

Tăng gia sản xuất tức là một bộ phận trong Đời Sống Mới. Có tinh thần Đời Sống Mới thì tăng gia sản xuất mới chóng thành công. Mà tăng gia sản xuất có thành công, thì Đời Sống Mới dễ thực hiện.

Muốn tăng gia sản xuất, mọi người phải *Cần*, phải *Kiệm*. Không *Cần*, thì phí thời giờ nhiều mà sản xuất được ít. Không *Kiệm* thì làm được bao nhiêu, dùng hết bấy nhiêu, rút cục cũng như sản xuất ít. Tăng gia sản xuất riêng cho mình mà cũng ích chung cho cả nước. Nếu không có tinh thần *Liêm* và *Chính*, nếu tham lam ích kỷ, thì không thể phát đạt việc tăng gia sản xuất. Vì vậy, tăng gia sản xuất và Đời Sống Mới phải đi đôi với nhau, không thể lìa nhau.

IX

Hỏi: Riêng một người mà nói, thì Đời Sống Mới là thế nào?

Đáp: Do nhiều người nhóm lại mà thành làng. Do nhiều làng nhóm lại mà thành nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu thì thành làng xấu, nước hèn. Nếu mỗi người đều tốt, thì thành làng tốt, nước mạnh. Người là gốc của làng, nước. Nếu mọi người đều cố gắng làm đúng Đời Sống Mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường.

Bây giờ lấy một người chung để nói, nghĩa là một người quốc dân Việt Nam không kỳ... già hay trẻ, gái hay trai, thì Đời Sống Mới đại khái gồm mấy điểm sau này:

Về tinh thần, một là sốt sắng yêu Tổ quốc. Việc gì lợi cho nước, phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước, phải hết sức tránh.

(1) Trên đây là những số liệu căn cứ vào tỷ lệ phụ nữ trong tổng số dân cư nước ta lúc đó.

(2) Tiền "Tài chính".

Hai là sẵn lòng công ích. Bất kỳ việc to nhỏ có ích chung thì phải hăng hái làm. Thí dụ: Thấy một ngành gai nằm giữa đường, ta vứt đi, cho người khác khỏi dẫm phải. Thế cũng là công ích. Hy sinh tài sản giúp kháng chiến, đồng bào tản cư, di cư, cũng là công ích.

Ba là mình hơn người thì chớ kiêu căng.

Người hơn mình thì chớ nịnh hót.

Thấy của người thì chớ tham lam.

Đối với của mình thì chớ bủn xỉn.

Cách ăn mặc phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, chớ lượt thướt, xa xỉ, lòe loẹt.

Cách làm việc, phải siêng năng, có ngăn nắp, có tinh thần phụ trách, đã làm việc gì, thì làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn. Chớ làm dối.

Cách cư xử, với đồng bào thì nên thành thực, thân ái, sẵn lòng giúp đỡ.

Biết ham học. Trước hết là học chữ, học làm tính. Biết chữ, biết tính, thì làm việc gì cũng dễ dàng hơn. Một người không biết chữ, biết tính thì như nửa mù nửa quán. Biết rồi, ta học thêm.

Ngoài ra, còn biết bao nhiêu điều cần học. Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới có tiến bộ. Càng học càng tiến bộ.

Đó là Đời Sống Mới của mọi người. Thử hỏi có gì cao xa, khó khăn hay không? Không có gì là khó. Không cần thông minh tài trí, miễn là mình muốn làm, có chí làm thì nhất định làm được. Ai cũng làm như thế thì tự nhiên nước Việt Nam ta trở nên một nước mới, một nước văn minh.

X

Hỏi: Đời Sống Mới trong một nhà thế nào?

Đáp: Mỗi người làm đúng theo Đời Sống Mới thì Đời Sống Mới trong một nhà cũng dễ dàng thôi. Cũng như mỗi viên đá trơ tru vững chắc, thì chỉ cần một ít vôi là đắp thành một bức tường tốt.

Về tinh thần, thì phải trên thuận dưới hoà, không thiên tư, thiên ái. Bỏ thói mẹ chồng hành hạ nàng dâu, di ghê ghét bỏ con chồng.

Về vật chất, từ ăn mặc đến việc làm, phải ăn đều tiêu sòng, có kế hoạch, có ngăn nắp.

Cưới hỏi, giỗ tết nên giản đơn, tiết kiệm.

Trong nhà ngoài vườn luôn luôn sạch sẽ gọn gàng.

Đối với xóm giềng, phải thân mật và sẵn lòng giúp đỡ.

Đối với việc làng việc nước, phải hăng hái làm gương.

Người trong nhà ai cũng biết chữ.

Luôn luôn cố gắng, làm cho nhà mình thành một nhà kiểu mẫu trong làng.

Đời Sống Mới trong nhà, đại khái là như thế. Đó cũng không có gì là khó,

không cần tốn tiền, tốn công. Cố chỉ làm là được. Mà một nhà như thế, nhất định phải phát đạt.

XI

Hỏi: Đời Sống Mới trong một làng nên thế nào?

Đáp: Trong một làng... người thì có người tốt, người vừa, người kém. Học thì có kẻ thông, kẻ vừa, kẻ dốt. Hai hạng trên phải tìm cách giúp đỡ cảm hoá hạng thứ ba.

Công việc làm ăn có nghề làm ruộng, nghề thủ công và nghề buôn bán. Phải tìm cách giúp đỡ lẫn nhau. Tốt nhất là tổ chức Hợp tác xã, thì nghề nào cũng dễ tăng gia sản xuất. Vì nhiều người đông sức, thì tốn thì giờ ít, mà kết quả nhanh hơn, nhiều hơn.

Về văn hoá, phải làm cho cả làng đều biết chữ, biết đạo đức và trách nhiệm của công dân.

Về phong tục, phải cấm hẳn say sưa, cờ bạc, hút xách, bợm bãi, trộm cắp. Phải tìm cách làm cho không có đánh chửi nhau, làm cho làng mình thành một làng phong thuần tục mỹ.

Về vệ sinh, đường sá phải sạch sẽ. Ao tắm giặt, giếng nước uống phải phân biệt và chăm sóc cẩn thận. Những ao hồ không cần thì lấp đi cho đỡ muỗi.

Phải có cầu xia chung, hoặc cầu xia riêng từng nhà. Để khỏi hôi thối, ruồi nhặng, lại có phân tốt.

Trong lúc kháng chiến, làng mình phải có tiểu đội du kích, phải ra sức giúp việc phá hoại để ngăn địch. Phải cẩn thận đề phòng Việt gian, giúp đỡ bộ đội, giúp đỡ đồng bào tản cư, di cư.

Phải tổ chức những hội quần chúng, những hội cứu quốc, hội liên hiệp quốc dân.

Nói tóm lại, về tổ chức, về sản xuất, về vệ sinh, về văn hoá, về kháng chiến, việc gì làng mình cũng có thể làm kiểu mẫu cho các làng xung quanh.

Muốn như thế, một cách tốt nhất là tổ chức thi đua. Người này thi đua với người khác. Nhà này thi đua với nhà khác. Ai hơn thì được nhân dân kính trọng và Chính phủ khen thưởng. Như vậy, ai cũng hăng hái. Cán bộ của làng phải là người trong sạch, công bình, thạo việc, có thể làm gương cho dân làng, có thể hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung. Trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dân có quyền lựa chọn những cán bộ như thế.

XII

Hỏi: Thế nào là Đời Sống Mới trong một trường học?

Đáp: Trong một trường học, các thầy nên thi đua nhau tìm cách dạy sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực.

Các trò nên đua nhau học. Đồng thời biết tiết kiệm giấy bút, biết giữ kỷ luật.

Từ tiểu học, trung học cho đến đại học, là nơi rèn luyện nhi đồng và thanh niên. Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên tức là tương lai của nước nhà.

Vì vậy, cốt nhất là phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ.

Phải dùng những lời lẽ giản đơn, những thí dụ thiết thực mà giải thích: dân chủ là gì, tự do là gì, thuộc địa là gì. Vì sao mà phải kháng chiến. Họ có thể làm những việc gì để giúp đỡ kháng chiến. Nên giữ bí mật thế nào, để phòng Việt gian thế nào. Nên giúp đồng bào tản cư thế nào. Nên giúp bình dân học vụ thế nào, v.v...

Cố nhiên, trong lúc giảng dạy, chớ làm học trò có tư tưởng vị quốc như bọn phát xít, vị quốc nghĩa là chỉ biết yêu trọng nước mình mà khinh ghét nước người. Cũng phải tránh cách nói vu vơ, như có người nói chuyện với các em nhi đồng, mà đem “tân dân chủ” và “cựu dân chủ” ra mà nói.

Nói tóm lại: trong chương trình học, phải trọng về môn tinh thần và đạo đức. Phải tẩy sạch óc kiêu ngạo, tự phụ, mà giáo dục thực dân còn để lại.

Hơn nữa, phải khuyên học trò tham gia việc tăng gia sản xuất. Điều này cũng quan trọng lắm. Một là làm cho họ biết kính trọng sự cần lao. Hai là tập cho họ quen lao khổ. Ba là cho họ cái chí khí tự thực kỹ lực (làm lấy mà ăn), không ăn bám xã hội. Bốn là có ích cho sức khỏe của họ. Đại khái Đời Sống Mới của một trường học là như thế.

Lớp này nên thi đua với lớp khác, trường này với trường khác, làm cho học trò thêm hăng hái.

XIII

Hỏi: Đời Sống Mới trong bộ đội nên thế nào?

Đáp: Bộ đội là một đoàn thể tổ chức nghiêm ngặt đã sẵn, càng dễ thực hành Đời Sống Mới.

Một là kỷ luật phải cực kỳ nghiêm.

Hai là siêng luyện tập.

Ba là làm cho trong bộ đội ai cũng biết chữ. Trong các bộ đội ta, ít nhất là một phần nửa binh sĩ đã biết chữ. Những người chỉ huy phải tổ chức cho khéo, ngoài những lớp học, giao cho mỗi một người biết chữ phụ trách dạy cho một hay hai người chưa biết, thì trong vài tháng tất cả binh sĩ đều biết chữ.

Bốn là mỗi người binh sĩ phải biết chính trị ít nhiều. Họ đem xương máu

ra giữ gìn Tổ quốc, thì chẳng những họ phải hiểu vì sao mà hy sinh, họ lại phải có thể nói cho người khác biết vì sao phải yêu nước.

Năm là bộ đội cũng phải tăng gia sản xuất. Cố nhiên những bộ đội ở trước mặt trận phải luôn luôn lo việc đánh giặc. Song những bộ đội ở hậu phương thì cần làm, và quyết tâm làm được. Tuỳ theo hoàn cảnh mỗi bộ đội, hoặc làm vườn, nuôi lợn, hoặc làm giúp dân. Có lúc bộ đội chia phiên nhau, lớp đánh giặc, lớp làm ruộng làm vườn, để tự cấp tự túc, không phiền đến dân cả mọi việc.

Sáu là tiết kiệm. Tiết kiệm thuốc đạn, bắn cho trúng, không bắn phí đạn. Nhờ thế mà bớt được nguyên liệu, bớt được công khó rèn đúc, công vận tải, đem tài liệu và công phu đó làm việc khác.

Tiết kiệm lương thực và vải vóc; chớ nghĩ rằng cơm ăn áo mặc đã có Chính phủ, đã có đồng bào giúp, thì ta không cần tiết kiệm. Bộ đội có hàng mấy vạn người. Nếu mỗi người tiết kiệm một chút, sản xuất một chút, góp lại sẽ thành một số rất to.

Bảy là vệ sinh. Bộ đội đông người ăn chung, ở chung, nếu có bệnh càng dễ lây cho nhau. Cho nên cũng phải rất chú ý việc vệ sinh.

Tám là ăn ở cho được dân tin, dân phục, dân yêu. Hãy giúp đỡ dân, giữ đúng kỷ luật thì được như thế.

Chín là đánh được nhiều giặc, lấy được nhiều súng.

Bộ đội này thi đua với bộ đội khác làm Đời Sống Mới.

XIV

Hỏi: Đời Sống Mới trong các công sở nên thế nào?

Đáp: Từ Chủ tịch Chính phủ cho đến người chạy giấy, người quét dọn trong một cơ quan nhỏ, đều là những người ăn lương của dân, làm việc cho dân, phải được tin cậy. Vì vậy, những người làm trong các công sở càng phải làm gương Đời Sống Mới cho dân bắt chước. Những người trong các công sở đều có ít hoặc nhiều quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

1) *Cần* - Làm việc phải đến đúng giờ, chớ đến trễ, về sớm. Làm cho chóng, cho chu đáo. Việc ngày nào, nên làm xong ngày ấy, chớ để ngày mai. Phải nhớ rằng: Dân ta lấy tiền mồ hôi nước mắt để trả lương cho ta trong những thì giờ đó. Ai lười biếng tức là lừa gạt dân.

2) *Kiệm* - Giấy bút, vật liệu đều tốn tiền của Chính phủ, tức là của dân, ta cần phải tiết kiệm. Nếu một miếng giấy nhỏ đủ viết, thì chớ dùng một tờ to. Một cái phong bì có thể dùng hai ba lần. Mỗi ngày, công sở trong cả nước dùng hàng mấy vạn tờ giấy và phong bì. Nơi nào cũng tiết kiệm một chút, thì trong một năm đỡ được hàng mấy vạn tấn giấy, tức là hàng triệu đồng bạc. Các vật liệu

khác cũng vậy. Nhờ các công sở tiết kiệm, mà lợi cho dân rất nhiều.

3) *Liêm* - Những người ở các công sở từ làng cho đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài, hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân. Đến khi lộ ra, bị phạt, thì mất hết danh giá, mà của phi nghĩa đó cũng không được hưởng. Vì vậy những người trong công sở phải lấy chữ *Liêm* làm đầu.

4) *Chính* - Mình là người làm việc công, phải có công tâm, công đức. Chớ đem của công dùng vào việc tư. Chớ đem người tư làm việc công. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ hoặc tư thù, tư oán. Mình có quyền dùng người thì phải dùng những người có tài năng, làm được việc. Chớ vì bà con bầu bạn, mà kéo vào chức nọ chức kia. Chớ vì sợ mất địa vị mà dìm những kẻ có tài năng hơn mình. Phải trung thành với Chính phủ với đồng bào. Chớ lên mặt, làm quan cách mệnh.

XV

XVI

Hỏi: Thực hành Đời Sống Mới dễ hay là khó?

Đáp: Nói dễ thì dễ. Nói khó thì khó. Tục ngữ có câu: “Việc đời không có gì khó, chỉ sợ chí không bền”.

Dễ là vì:

a) Người ta ai cũng muốn sung sướng, mạnh khỏe, ai cũng muốn nhà cửa sạch sẽ, con cái tốt tươi. Mục đích Đời Sống Mới là làm cho mọi người thoả lòng mong muốn đó. Cho nên ai cũng tán thành Đời Sống Mới, không ai phản đối.

b) Đời Sống Mới lợi nhiều thứ chứ không hại. Lợi cho toàn thể, mà không hại đến cá nhân. Không có gì cao xa khó khăn, làm thì thấy kết quả ngay trước mắt.

c) Không tốn công tốn của cũng làm được. Những việc Đời Sống Mới to tát, như đào kênh, đắp mương tuy có tốn công, tốn của một lần, nhưng về sau sẽ có lợi gấp 100, gấp 1.000 công của mình bỏ ra khi làm.

Vì vậy, có quyết tâm thì Đời Sống Mới rất dễ làm.

Khó là vì:

a) Việc dễ mấy nhưng không quyết chí bền gan thì cũng không bao giờ

làm được. Một hòn núi, ta cố xuyên mãi, lâu ngày xuyên cũng thông. Một cái cành cây khô, ta không chịu khó bẻ, thì không bao giờ bẻ gãy.

b) Thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen người ta cho là thường, một vài ví dụ:

Chồng đánh chửi vợ, cha mẹ đánh chửi con, là điều rất dã man. Nhưng vì ta quen thấy, nên ta cho là việc thường.

Đàn bà để tóc dài, thường có chấy, do bẩn. Nếu có sốt định kỳ thì lại dễ lây, dễ chết. Cái hại đó ai cũng biết. Nếu hớt tóc ngắn thì sạch sẽ gọn gàng, không sợ dịch sốt. Lợi và hại rất rõ ràng. Nhưng vì thói quen, đàn bà ít người muốn hớt tóc.

c) Ta có tính gặp sao hay vậy. Thà chịu khát chứ không muốn đào giếng. Nói tóm lại là tính lười. Vả lại, bất kỳ việc gì, bước đầu cũng khó. Việc Đời Sống Mới cũng vậy.

XVII

Hỏi: Thế thì nên làm thế nào?

Đáp: Trước hết, phải tuyên truyền giải thích và làm gương. Phải chịu khó nói rõ cho mọi người hiểu Đời Sống Mới có ích thế nào. Cách thi hành Đời Sống Mới thế nào. Nói một lần họ chưa hiểu thì nói nhiều lần. Nói đi, nói lại, bao giờ người ta hiểu, người ta làm mới thôi.

Nói thì phải nói một cách giản đơn, thiết thực với hoàn cảnh mỗi người, nói làm sao cho người ta nghe rồi làm được ngay. Việc dễ, việc nhỏ làm được rồi, sẽ nói đến việc to, việc khó.

Có người tuyên truyền Đời Sống Mới mà đem vào “khách quan, chủ quan”, nào “tích cực, tiêu cực”, nào “khoa học hoá” và gì gì hoá. Nghe thì hay thật, nhưng chẳng mấy người hiểu là nói cái gì. Mà người nào hiểu thì có cảm tưởng rằng Đời Sống Mới là một điều cao xa, cách biệt, khó làm.

Tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước, vài cái thí dụ:

Một trăm năm trước vài người Hà Lan lấy giống khoai bên Trung Quốc về, khuyên đồng bào họ trồng. Ban đầu chẳng những không ai chịu trồng, mà cũng không ai dám ăn. Mấy người đó tự trồng lấy khoai rồi nấu lên ăn với nhau. Người xung quanh thấy vậy, mới bắt chước trồng. Chẳng mấy lâu, khắp cả nước Hà Lan ai cũng trồng khoai.

Phân hoá học là một thứ phân rất tốt. Nhưng lúc đầu cũng không ai chịu dùng. Sau có vài người dùng, trồng cây lên rất tốt. Lúc bấy giờ kết quả, ai cũng đua nhau dùng.

Đời Sống Mới cũng cần có những người làm gương, những nhà làm gương, những làng làm gương. Khi trông thấy hiệu quả tốt tươi, thì chắc

những nơi khác sẽ hăng hái làm theo. Nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ, lung tung thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích.

XVIII

Hỏi: Có cần nên bắt buộc người ta làm Đời Sống Mới không?

Đáp: Lúc số đông quốc dân chưa hiểu, chưa làm Đời Sống Mới, thì tuyệt đối không nên bắt buộc.

... Thí dụ: trong làng nhiều ao, nhiều muối, thường có đau ốm. Người làng biết vậy, ai cũng bằng lòng lấp ao của mình. Chỉ một hai người không chịu theo, để người làng vẫn vì muối mà đau ốm triền miên. Vì vệ sinh chung, làng có quyền buộc một hai người kia phải lấp ao.

Sẵn đây xin nhắc lại vài ba việc sai lầm của những người tuyên truyền Đời Sống Mới, vì hăng hái quá mà làm hỏng việc.

Một làng nọ, các chị em phụ nữ hót tóc ngắn, mặc áo cụt. Tốt lắm. Nhưng các chị em lại muốn ép cả các bà, các cụ già cũng làm như mình. Rút cục, các bà cụ phản đối kịch liệt, và phong trào phụ nữ hót tóc và áo cụt cũng thất bại.

Mấy anh em thanh niên tuyên truyền giảm bớt giò tết. Nhưng khi ra chợ gặp ai mua đồ mã, thì dứt lấy đốt hết. Như thế là ngốc. Không biết rằng tuyên truyền thì phải dần dần, nói cho người ta hiểu, để người ta vui lòng làm, chứ không có quyền ép người ta. Không biết rằng đơm cúng là một phong tục lâu đời, không phải một ngày, một bữa mà bỏ được. Không biết rằng người ta đã mất tiền mua, mình dứt đốt đi, thì ai cũng tức giận.

Có nơi tìm mọi cách khuyên dân học quốc ngữ. Tốt lắm. Nhưng vì hăng quá, phạt tiền hoặc đem mực vẽ miệng những người qua đường không biết chữ. Như thế là “tếu”. Làm như vậy, chỉ được người ta oán ghét, chứ không ích gì.

Tuyên truyền Đời Sống Mới cũng như tuyên truyền việc khác, phải hăng hái, bền gan, chịu khó, đồng thời phải cẩn thận, khôn khéo, mềm mỏng.

XIX

Hỏi: Đời Sống Mới có thể thực hành khắp nước không?

Đáp: Rất có thể thực hành khắp nước. Trong 80 năm sống dưới chế độ thực dân Pháp, trong 5 năm sống dưới chế độ phát xít Pháp và Nhật, dân ta bị bóc lột đè nén, chẳng những dân cùng, tài tận, đời sống tiêu điều, mà cả tinh thần, tâm lý cũng bị áp chế. Tuy vậy, dân ta còn đủ chí khí quật cường, nổi lên chống Nhật, chống Pháp tranh lại quyền độc lập, tự do. Nay dân ta đem tinh thần và lực lượng đó mà kháng chiến và kiến quốc, mà làm Đời Sống Mới, thì nhất định thành công.

Vả lại, nước ta người khá đông, đất khá rộng, ruộng khá tốt, của khá nhiều. Đồng bào ta lại có tinh thần chịu khó, chịu khổ, biết việc phải làm thì vui lòng theo. Thế là những điều kiện để làm Đời Sống Mới đã đủ rồi. Cũng như gạo, nước, củi đều sẵn sàng, chỉ cần nhen lửa thì có cơm ăn.

Nêu cao và thực hành Cần, Kiệm, Liêm, Chính tức là nhen lửa cho Đời Sống Mới.

Chúng ta thực hành Đời Sống Mới trong ba năm thì về việc ăn, mặc, ở, đi lại, chúng ta quyết có thể tự cấp, tự túc. Đem tiền của chúng ta tiết kiệm, tích trữ được mà mua máy móc to tát, để sửa thêm nghề làm ruộng mà mở mang công nghệ, thì trong 5, 7 năm, đời sống toàn thể đồng bào ta có thể phong lưu, dồi dào.

Chính phủ đề xướng Đời Sống Mới, ra sức chỉ bảo, khuyến khích giúp đỡ cho dân làm, nhà nào, làng nào, vùng nào làm được tốt hơn hết, sẽ được khen thưởng.

Các cơ quan, các bộ đội, các đoàn thể phải hăng hái thi đua nhau mà làm.

Các cán bộ từ làng đến tỉnh... phải hăng hái tuyên truyền cổ động và định kế hoạch cho thích hợp với địa phương mình. Nhất là phải cố gắng làm kiểu mẫu. Chúng ta đồng tâm mà làm, quyết tâm mà làm, thì Đời Sống Mới nhất định thực hiện được. Mong toàn thể đồng bào gắng sức theo Đời Sống Mới, xây dựng một nước Việt Nam mới phú cường⁽¹⁾.

TÂN SINH

Ngày 20/3/1947

Ủy ban trung ương vận động Đời Sống Mới, 1947.

¹ Phần trích tác phẩm *Đời Sống Mới* trên đây in theo văn bản do Bộ Văn hoá xuất bản (lưu hành nội bộ), 1977.

BỆNH CHỦ QUAN(*)

Mỗi chúng bệnh sinh ra do nhiều nguyên nhân. Nhưng kết quả nó đều làm cho người ta ốm yếu. Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông.

Trước hết ta phải hiểu lý luận là gì?

Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính.

Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế.

Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi.

Hiện nay, phong trào cách mạng rất cao. Nhưng thử hỏi cán bộ và đảng viên ta đã mấy người biết rõ lý luận và biết áp dụng vào chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá? Đã mấy người hiểu “biện chứng” là cái gì?

Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan. Ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả làm thường thất bại.

Đó là chúng *kém lý luận trong bệnh chủ quan*.

Có những cán bộ, những đảng viên cũ, làm được việc, có kinh nghiệm. Cổ nhiên, những anh em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh *khinh lý luận*. Họ quên rằng: Nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều. Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi, chỉ thiên về một mặt mà thôi.

Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ.

Những anh em đó, cần phải nghiên cứu thêm lý luận, mới thành người cán bộ hoàn toàn.

Có những người xem được sách, xem nhiều sách. Siêng xem sách và xem nhiều sách là một việc đáng quý. Nhưng thế không phải đã là biết lý luận.

(*) Trích chương I *Sửa đổi lỗi làm việc* của X.Y.Z., một bút danh khác của Hồ Chủ tịch.

Sửa đổi lỗi làm việc là một tác phẩm được tác giả viết vào hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, khoảng tháng 10 - 1947, và xuất bản thành sách vào đầu năm 1948. Tác phẩm này đã giúp ích rất nhiều cho cán bộ các cấp, các ngành trong công tác, học tập và trong tu dưỡng tư tưởng, đạo đức cách mạng. Do tác phẩm được viết trong thời kỳ kháng chiến nên tác giả đã dùng một số thí dụ trong kháng chiến. Mặc dù vậy, giá trị thực tiễn của những vấn đề tác phẩm nêu ra và giải quyết vẫn rất bổ ích cho cán bộ chúng ta nói chung và giới văn hoá, văn nghệ, báo chí nói riêng.

Đầu đề đoạn trích là của tác giả.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là *lý luận suông*. Dù xem được hàng ngàn vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách.

Xem nhiều sách để *loè*, để làm ra *ta đây*, thế không phải là biết lý luận.

Những anh em đó cần phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận.

Nói tóm lại, mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải *học lý luận*, phải *đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế*. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông.

Đây phải nói rõ vấn đề *trí thức*

Những người trí thức tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến rất quý báu cho Đảng. Không có những người đó thì công việc cách mạng khó khăn thêm nhiều.

Nhưng có đôi người trí thức vì thế mà kiêu ngạo, lên mặt. Chúng kiêu ngạo, lên mặt rất có hại cho họ. Nó ngăn trở họ tiến bộ.

Trí thức là gì?

Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: Một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó, không có trí thức nào khác.

Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc *thực tế*, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức *một nửa*. Trí thức của y là trí thức *học sách*, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào *thực tế*.

Vì vậy, những người trí thức đó cần phải biết rõ cái khuyết điểm của mình. Phải khiêm tốn. Chớ kiêu ngạo. Phải ra sức làm các việc thực tế.

Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận.

Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên.

Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng để đem ra *loè* thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích.

Vì vậy, chúng ta cần phải *gắng học*, đồng thời học thì *phải hành*...

XY.Z

Tháng 10/1947

Sửa đổi lỗi làm việc, in lần thứ 7, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, trang 10 - 12.

CHỐNG THÓI BA HOA(*)

I. THÓI BA HOA LÀ GÌ?

Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi, đồng thời cũng phải chống thói ba hoa. Vì thói này cũng hại như hai bệnh kia. Vì ba thứ đó thường đi với nhau. Vì thói ba hoa còn, tức là bệnh chủ quan và bệnh hẹp hòi cũng chưa khỏi hẳn.

Thói ba hoa từ đâu ra?

Vì chúng ta trước kia học chữ Hán, sau này học chữ Pháp, cho nên khi nói khi viết, hay dùng chữ Hán và theo cách Pháp. Thành thử dài dòng mà khó hiểu, khó nghe. Lại cũng vì chủ quan và hẹp hòi.

Thói ba hoa tỏ ra nhiều vẻ.

a) *Dài dòng, rỗng tuếch*, - nhiều anh em hay viết dài. Viết dòng này qua dòng khác, trang này qua trang khác. Nhưng không có ích cho người xem. Chỉ làm tốn giấy tốn mực, mất công người xem. Khác nào vãi bằng bó mận lở, đã thối lại dài.

Viết làm gì dài dòng, rỗng tuếch như thế? Chỉ có một cách trả lời: là quyết không muốn cho quần chúng xem. Vì đã dài lại rỗng, quần chúng trông thấy đã lắc đầu, ai còn dám xem nữa? Kết quả chỉ để cho những ai vô công rồi nghề xem, và người xem cũng mắc phải thói xấu như người viết.

Trong lúc kháng chiến này, chiến sĩ trước mặt trận phải đánh giặc, đồng bào hậu phương phải tăng gia sản xuất. Ai có thì giờ đâu mà xem những bài dài quá.

Viết dài mà rỗng, thì không tốt. Viết ngắn mà rỗng cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thói rỗng tuếch. Nhưng trước hết phải chống thói đã rỗng lại dài.

Thế những sách lý luận, hoặc cuốn sách này chẳng hạn, không phải dài sao?

Phải. Nó dài, nhưng mỗi câu, mỗi chữ có một ý nghĩa, có một mục đích, không phải rỗng tuếch.

(*) Trích tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc*. Sách đã dẫn. Xem chú thích 1 bài *Bệnh chủ quan* trên đây. Đầu đề đoạn trích là của tác giả.

Tục ngữ nói: “*Đo bò làm chuông, đo người may áo*”. Bất kỳ làm việc gì cũng phải có chừng mực. Viết và nói cũng vậy. Chúng ta chống là chống nói dài, viết rỗng. Chứ không phải nhất thiết cái gì cũng phải ngắn mới tốt.

Viết và nói cố nhiên phải vắn tắt. Song trước hết phải có *nội dung*. Phải chữa cho hết bệnh nói dài, viết rỗng.

b) *Có thói “câu kỳ”* - Trên các báo, sách, bức tường, thường có những bức vẽ, những khẩu hiệu, nhiều người xem không ra, đọc không được.

Họ cho thế là “*mỹ thuật*”. Kỳ thực họ viết, họ vẽ, để họ xem thôi.

Người tuyên truyền bao giờ cũng phải tự hỏi:

Viết cho ai xem? Nói cho ai nghe? Nếu không vậy, thì cũng như cố ý không muốn cho người ta nghe, không muốn cho người ta xem.

Nhiều người tưởng: mình viết gì, nói gì, người khác cũng đều hiểu được cả. Thật ra, hoàn toàn không như thế. Dùng cả đoạn chữ Hán, dùng từng đồng danh từ lạ, nói hoặc viết theo cách Tây, mỗi câu dài dằng dặc, thì quần chúng hiểu sao được?

Tục ngữ nói “*gậy đàn tai trâu*” là có ý chê người nghe không hiểu. Song những người tuyên truyền mà viết và nói khó hiểu, thì chính người đó là “*trâu*”.

Muốn làm bạn, phải hiểu nhau. Nếu không hiểu nhau, không thành bạn. Người tuyên truyền không điều tra, không phân tích, không nghiên cứu, không hiểu biết quần chúng, chỉ gặp sao nói vậy, bạ gì viết nấy, nhất định thất bại.

c) *Khô khan, lúng túng* - Nói đi nói lại, cũng chẳng qua kéo ra những chữ “*tích cực, tiêu cực, khách quan, chủ quan*”, và một xóc danh từ học thuộc lòng. Thậm chí những danh từ đó dùng cũng không đúng. Chỉ làm cho quần chúng chán và ngủ gật.

Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt vào tai quần chúng.

Tục ngữ có câu: “*Học ăn, học nói, học gói, học mở*”. Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được. Vì cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn. Anh em đi tuyên truyền chưa học được cách nói đó, cho nên khi viết, khi nói khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực.

Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác, nhất là tiếng Trung Quốc. Nhưng phải có chừng có mực. Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta.

Có nhiều người có bệnh “*dùng chữ Hán*”, những tiếng ta sẵn có không dùng, mà dùng chữ Hán cho bằng được. Thí dụ: Ba tháng không nói là ba tháng mà nói “*tam cá nguyệt*”. Xem xét, không nói xem xét mà nói “*quan sát*”, v.v...

Nhưng sẽ “*tả*” quá nếu những chữ Hán đã hoá thành tiếng ta ai cũng hiểu,

mà cố không dùng. Thí dụ: độc lập mà nói “đúng một”, du kích thì nói “đánh chơi”. Thế cũng là tếu.

Chúng ta không chống mượn tiếng nước ngoài để làm cho tiếng ta đầy đủ thêm. Nhưng chúng ta phải chống cách mượn không phải lối, mượn đến nỗi bỏ cả tiếng ta, đến nỗi quần chúng không hiểu.

Chẳng những các người phụ trách tuyên truyền, những người viết báo, viết sách, những người nghệ sĩ là người tuyên truyền, mà tất cả cán bộ, tất cả đảng viên, hễ những người có tiếp xúc với dân chúng đều là người tuyên truyền của Đảng. Vì vậy, ai cũng phải học nói, nhất là học nói cho quần chúng hiểu.

Nhiều người, trước khi nói không sắp sửa kỹ càng. Lúc ra nói hoặc lặp lại những cái người trước đã nói, hoặc lặp đi lặp lại cái mình đã nói rồi. Lúng túng như gà mắc tóc. Thôi đi thì trên, nói nữa thì chán tai.

d) *Báo cáo bông lông*. - Một là báo cáo giả dối. Thành công ít, suýt ra nhiều. Còn khuyết điểm thì giấu đi không nói đến. Thành thử cấp trên không hiểu rõ tình hình mà đặt chính sách cho đúng. hoặc báo cáo *chậm trễ*. Thành thử khi cấp trên nhận được báo cáo, thì việc đã trễ rồi, không đối phó kịp.

Hai là trong báo cáo chỉ thấy 1, 2, 3, 4, hoặc a, b, c, v.v... Không nêu rõ vấn đề ra. Không phân tích, không đề nghị cách giải quyết vấn đề. Không nói rõ tán thành hoặc phản đối.

Sao gọi là vấn đề? Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì? Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tích rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết.

Gặp mỗi vấn đề, đều phải kinh qua ba bước: đề nó ra, phân tích nó (điều tra, nghiên cứu, sắp đặt), giải quyết nó.

Khi viết một bài hoặc khi diễn thuyết cho khỏi rỗng tuếch, cũng phải như thế.

đ) *Lụp chụp, cầu thả* - Những tệ kể trên, một phần vì thiếu kinh nghiệm, mà một phần vì tính lụp chụp, cầu thả.

Một thí dụ rất rõ ràng: mỗi ngày, chúng ta ai cũng rửa mặt. Rửa mặt rồi, thì chải đầu. Nhiều người chải đầu rồi, còn soi gương xem đã sạch, đã mượt chưa. Nếu viết bài và diễn thuyết cũng cẩn thận như thế thì chắc không đến nỗi có nhiều khuyết điểm.

Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết.

Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn.

Khi viết xong một bài báo, một bản báo cáo, hoặc thảo một bài diễn văn, nhất định phải đọc lại vài lần. Mình tự phê bình bài của mình, hỏi ý kiến đồng chí khác. Những câu những chữ thừa, vô ích bỏ đi.

Rửa mặt phải kỳ xát vài ba lần mới sạch. Viết văn, diễn thuyết cũng phải như vậy.

e) *Bệnh theo “sáo cũ”*. - Chẳng những viết, nói, có thói ba hoa, mà huấn luyện, khai hội cũng mắc chứng đó.

Mở lớp huấn luyện là một việc rất tốt, rất cần. Nhưng phải hiểu rằng: *học* cốt để mà *làm*. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích.

Vì vậy huấn luyện phải *thiết thực*, sao cho những người đến học, học rồi, về địa phương họ có thể thực hành ngay. Nhiều đồng chí ta không hiểu cái lẽ rất đơn giản đó. Cho nên họ đã đưa “thặng dư giá trị” nhồi sọ cho thanh niên và phụ nữ nông dân. Họ đã đưa “tân dân chủ nghĩa” nhồi sọ các em nhi đồng. Họ đã đưa “biện chứng pháp” nhồi sọ công nhân đang học quốc ngữ.

Chỉ trong một cuộc *khai hội* ở địa phương, chúng ta đã có thể thấy rất nhiều khuyết điểm.:

1. *Kém chuẩn bị*. - Đảng viên đến chỗ khai hội rồi, mà cũng chưa biết vì việc gì mà khai hội. Đến khi chủ tịch mời mọi người phát biểu ý kiến thì quần chúng ai có sẵn ý kiến nà phát biểu.

2. *Nói mênh mông*. - Thường thường đại biểu cấp trên khai hội với cấp dưới, trong lúc khai hội, chỉ một mình “ông” đại biểu, hay “bà” đại biểu nói, nói hàng hai, ba giờ đồng hồ. Nói mênh mông trời đất. Nói gì cũng có. Nhưng chỉ chưa một điều không nói đến là những việc thiết thực cho địa phương đó, những việc mà dân chúng ở đó cần biết, cần hiểu, cần làm, thì không nói đến.

3. *Không đúng giờ*. - Hẹn khai hội 8 giờ thì 9, 10 giờ mới đến. Làm mất thì giờ của những người khác. Họ không hiểu rằng: giữ đúng thì giờ là một tính tốt của người cách mạng, nhất là trong lúc kháng chiến này.

4. *Giữ nếp cũ*. - Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, cũng khư khư giữ theo nếp cũ:

- 1 - Tình hình thế giới.
- 2 - Tình hình Đông Dương.
- 3 - Báo cáo công tác.
4. Thảo luận.
- 5 - Phê bình.
- 6 - Giải tán.

Hiểu biết tình hình thế giới và trong nước, cố nhiên là việc hay, việc cần. Nhưng khổ thay! Nếu có đại biểu cấp cao đến, thì ông ấy kéo hàng giờ nào kế hoạch Mácsan (Marshall), nào xứ Paragoay (Paraguay), nào gì gì, mà bà con không hiểu chi hết!...

Kết quả là việc thiết thực, việc đáng làm thì không bàn đến.

g) *Nói không ai hiểu*. - Đảng thường kêu gọi khoa học hoá, dân tộc hoá,

đại chúng hoá. Khẩu hiệu đó rất đúng. Tiếc vì nhiều cán bộ và đảng viên có hoá gì đâu! Vậy cứ chúng cũ, nếp cũ đó. Thậm chí, miệng càng hô “đại chúng hoá”, mà trong lúc thực hành thì lại “tiểu chúng hoá”. Vì những lời các ông ấy nói, những bài các ông ấy viết, đại chúng không xem được, không hiểu được. Vì họ không học quần chúng, không hiểu quần chúng.

Nhiều tờ truyền đơn, nhiều bản nghị quyết, nhiều khẩu hiệu của Đảng, mục đích và ý nghĩa rất đúng. Nhưng viết một cách cao xa, *màu mè*, đến nỗi chẳng những quần chúng không hiểu, mà cả cán bộ cũng không hiểu. Thí dụ: vừa rồi đây đi đến đâu cũng thấy dán những khẩu hiệu:

“Chống cô độc”,

“Chống chủ quan”,

“Chống địa phương”.

Nhưng khi hỏi kỹ, thì hơn 9 phần 10 cán bộ cấp dưới không hiểu gì hết. Họ nói: cấp trên bảo dán cứ phải dán, chứ thật ra chúng tôi không hiểu, thậm chí có người luôn miệng đọc là “Chống quan địa phương”.

Than ôi! Khẩu hiệu cách mạng của Đảng mà hoá lá bùa của thầy cúng. Lỗi đó tự ai? Thế mà bảo “đại chúng hoá”, “dân tộc hoá”, thì hoá cái gì?

Mỗi khẩu hiệu của Đảng phải là ý nguyện và mục đích của hàng ức đảng viên và của hàng triệu dân chúng. Mà muốn như thế, phải làm cho dân chúng đều hiểu, phải học cách nói của dân chúng. Nếu không, hàng vạn khẩu hiệu cũng vô ích.

h) *Bệnh hay nói chữ*. - Tiếng ta có thì không dùng, mà cứ ham dùng chữ Hán. Dùng đúng, đã là một cái hại, vì quần chúng không hiểu. Nhiều người biết không rõ, dùng không đúng, mà cũng ham dùng, cái hại lại càng to.

Thí dụ: Pháp và Việt gian bắt buộc đồng bào đi biểu tình, mà một tờ báo nọ của đoàn thể viết là những “cuộc biểu tình tự động”. Dùng quân đội quét một vùng, tiếng Trung Quốc gọi là “tảo dã”, mà một tờ báo của đoàn thể viết là “tảo đảm”. Lại có tờ viết là “tảo đảng”!

Tục ngữ nói: “*Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ*”. Cái bệnh nói chữ đó đã lây ra, đã làm hại đến quần chúng. Vì vậy, có người đã nói:

“Chúng tôi xin *thông phong*” (xung phong).

“Các đồng chí *luyến ái* nhau” (thân ái nhau), v.v... Trong một cuộc khai hội phụ nữ, có chị cán bộ nọ lên nói: “Thưa chị em, tôi xin *bá cáo kinh nguyệt* của tôi trong tháng này”.

Không, đó không phải là những chuyện cười, đó là những chuyện thật. Những chuyện thật đáng đau lòng, do bệnh hay nói chữ sinh ra hoặc do bệnh dốt sinh ra.

II. CÁCH CHỮA THỐI BA HOA

Trên đây đã kể qua những chứng ba hoa. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ đều phải ra sức sửa chữa bệnh đó. Nếu không, sẽ có hại cho công việc của Đảng.

Sau đây là liều thuốc chữa thối ba hoa. Mọi người phải hiểu, phải nhớ, phải thực hành.

1. Phải học cách nói của quần chúng. Chớ nói như cách giảng sách.

Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng.

2. Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu.

3. Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Bao giờ cũng phải tự hỏi: “Ta viết cho ai xem? Nói cho ai nghe?”.

4. Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết.

5. Trước khi nói, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận. Phải nhớ câu tục ngữ: “*Chớ ba quanh mới nằm, người ba năm mới nói*”.

Sau khi viết rồi, phải xem đi xem lại ba, bốn lần. Nếu là một tài liệu quan trọng, phải xem đi xem lại chín mười lần.

Làm được như thế - đảng viên và cán bộ ta quyết phải làm như thế - thì thối ba hoa sẽ bớt dần dần cho đến khi hoàn toàn hết sạch, mà công việc của Đảng, tư cách của cán bộ và đảng viên sẽ do đó mà tăng lên thêm.

X.Y.Z

Tháng 10/1947

Sửa đổi lời làm việc, in lần thứ 7, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, trang 86 - 94.

BỆNH TỰ KIÊU, TỰ ÁI(*)

(Trích)

... Hai thứ bệnh rất nguy hiểm đó, đều do bệnh chủ quan, hẹp hòi mà sinh ra. Việc thế giới, việc xã hội, việc nước nhà to lớn vô cùng, nhiều vô cùng. Dù ai tài giỏi mấy cũng không thể biết hết cả, làm hết cả.

Xưa nay những bậc tài giỏi như Cụ Khổng tử, Cụ Lenin cũng không biết hết mọi việc. Cụ Khổng Tử không biết nấu cơm. Cụ Lenin không biết may áo. Vì vậy cần nấu cơm thì Cụ Khổng Tử phải học hỏi người làm bếp. Cần may áo thì Cụ Lenin phải học hỏi người thợ may.

Cụ Khổng Tử và Cụ Lenin hơn mọi người không phải vì hai cụ biết hết mọi việc, làm được mọi việc, mà vì hai Cụ không tự kiêu, tự ái, luôn luôn học hỏi.

Lời đầu tiên của Cụ Khổng, trong sách *Luận ngữ*, là “*Học mà thường tập, chẳng cũng vui lắm thay!*”.

Cụ Lenin thường thường nhắc nhở mọi người: “*Học, học nữa, học mãi*” và “*Phải học hỏi quần chúng*”.

Tự kiêu tức là cho mình việc gì cũng thạo, cũng làm được. Việc gì mình cũng giỏi hơn mọi người. Mình là thần thánh, không cần học hỏi ai.

Kỷ thực tự kiêu là mù quáng, chỉ trông thấy những việc mình tưởng mình làm được, những điều mình tưởng biết hết, mà không trông thấy những điều mà mình không biết, những việc mình chưa làm được.

Tự kiêu là hẹp hòi, tài đức độ lượng nhỏ nhen, không bao dung được những ý kiến và những phê bình của người khác. Thí dụ một cái cốc, vì hẹp hòi mà chỉ đựng được ít nước, thêm một chút nước nữa, là phải tràn. Trái với độ lượng rộng lớn của bể, bao nhiêu nước cũng vẫn chứa được.

Tự kiêu là thoái bộ. Vì tự mãn, tự túc không cố gắng học hỏi thêm. Không theo kịp sự tiến bộ của thời đại. Tự mình ngăn trở sự tiến bộ của mình.

Tự kiêu là hủ hoá. Vì không chịu học những sự hay, sự tốt của người, không ưa những lời phê bình thẳng thắn để sửa chữa những khuyết điểm của mình. Mà người đời ai chẳng có khuyết điểm to hay nhỏ, ít hay nhiều.

(*) Trích mục 2 tác phẩm *Thuộc đảng dẫu tật*. Đầu đề đoạn trích là của tác giả.

Nói tóm lại: tự kiêu nhất định sẽ đi đến thất bại. Vì *kiêu* ắt đi đôi với *nịnh*. Đã kiêu thì ắt ghét người tài giỏi hơn mình. Ưa những kẻ nịnh hót mình. Thân cận là những người vô tài bất lực, nhưng khéo nịnh hót a dua. Xa cách hoặc đìu hăm những người có tài, có đức hay bản ngay thẳng. Như thế thì sao khỏi hỏng việc.

Cụ Không Tử nói: “Nếu có tính tự kiêu thì tài giỏi vô cùng như ông Chu Công thì tài giỏi ấy cũng vứt đi”.

Nghĩa chính của tự ái là đúng chữ Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Không làm điều gì có hại đến danh dự và đạo đức của mình. Thế là chân chính và tự ái, mà ai cũng phải tự ái.

Nhưng người ta thường hiểu lầm chữ tự ái. Do đó mà hay chấp vật, không can đảm tự phê bình, không ưa những lời phê bình ngay thẳng thì gọi là tự ái. Tự ái này luôn luôn đi đôi với tự kiêu, tự mãn, tự túc. Và kết quả là tự khi, nghĩa là tự mình ngăn trở tiến bộ, đồng thời đã tự kiêu, tự ái thì không thể đoàn kết. Không đoàn kết tức là cô độc, thì chẳng việc gì thành công.

Kết luận: Mỗi một người và tất cả mọi người chúng ta phải tẩy cho sạch bệnh tự kiêu, tự ái. Đó là hai thứ bệnh rất nguy hiểm cho đạo đức và công việc.

Thang thuốc thánh để chữa căn bệnh này gồm có 4 vị là:

- a) Thật thà tự phê bình và hoan nghênh người khác phê bình mình.
- b) Cố gắng sửa chữa khuyết điểm và phát triển ưu điểm.
- c) Luôn luôn cố gắng học hỏi để luôn luôn tiến bộ.
- d) Thực hành đoàn kết.

X.Y.Z

Thuốc đắng dã tật, bản in lần thứ hai,
ngày 30/5/1952.

MỘT KHUYẾT ĐIỂM CẦN SỬA CHỮA NGAY TRONG VIỆC HUẤN LUYỆN(*)

... **K**huyết điểm chung là tham lam nhiều mà không chu đáo, không biết “quý hồ tinh bất quý hồ đa”. Rõ ràng nhất là trong việc mở lớp huấn luyện.

... Nhưng không phải chỉ nói riêng việc mở lớp. Báo chí cũng phải hợp lý hoá. Đừng bày biện ra nhiều thứ. Làm ít nhưng làm cho hẳn hoi. Không hợp lý hoá lại như thế thì rốt cuộc báo viết ra không ai muốn đọc mà tốn kém một trăm thứ. Đoàn thể cứ co cổ lại chịu tiền để mấy chú làm báo ngồi vẽ voi, vẽ ngựa, mà không ai đọc.

HỒ CHÍ MINH

Tháng 5/1950

Những lời kêu gọi của Hồ chủ tịch, tập II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 13.

(*) Trích *Huấn thị về công tác huấn luyện học tập* tại hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất, tháng 5/1950.

HUẤN THỊ TẠI HỘI NGHỊ CUNG CẤP TOÀN QUÂN LẦN THỨ NHẤT^(*)

(Trích)

... Trong Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc vừa rồi, 150 người trong Đại hội xứng đáng là anh hùng, có người đánh giặc, có người công nhân, có nông dân, có y tá, có bác sĩ, có dân công, có người nấu ăn. Người nào vượt khó khăn làm tròn nhiệm vụ, đó là anh hùng.

Các anh hùng chiến sĩ vừa qua trong khi làm nhiệm vụ đều không nghĩ tới trở lên anh hùng. Napôlêông⁽¹⁾ đọc ngang trời đất. Từ Hải trong *Truyện Kiều*⁽²⁾ “vai năm tấc rộng, thân mười thước cao” cũng gọi là người anh hùng, nhưng người anh hùng của ta không phải thế, người anh hùng của ta như cô dân công khu V, cô cán bộ địch hậu, bé chút xíu nhưng làm tròn nhiệm vụ.

Các chú cũng có thể trở nên anh hùng. Với sự giúp đỡ của Bộ Tổng tư lệnh, của Tổng cục Cung cấp, Với sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, với lòng tự tin của các chú, với sự giúp đỡ của anh em chung quanh, các chú sẽ thành công...

HỒ CHÍ MINH

Tháng 6/1952

Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1962, trang 114.

(*) Hội nghị cung cấp toàn quân lần thứ nhất họp vào tháng 6/1952.

(1) *Napôlêông*: Xem ý kiến đánh giá của Hồ Chủ tịch về Napôlêông trong bài *Về Napôlêông đệ nhất*, phần VIII.

(2) *Truyện Kiều*: tác phẩm kiệt xuất của Nguyễn Du (1765 - 1820), Nhà thơ thiên tài của dân tộc. Nguyễn Du quê ở làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh (sau là Nghệ Tĩnh). Sáng tác văn học của Nguyễn Du rất phong phú. Về chữ Hán có *Thanh hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, *Bắc hành tạp lục*. Về chữ Nôm có *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn* hay *Văn tế thập loại chúng sinh* v.v...

KHÔNG CÓ GIÁO DỤC, KHÔNG CÓ CÁN BỘ THÌ CŨNG KHÔNG NÓI GÌ ĐẾN KINH TẾ, VĂN HOÁ^(*)

(Trích)

... Về giáo dục, chế độ khác thì giáo dục cũng phải khác. Thời trước, giáo dục là gõ đầu trẻ để kiếm cơm ăn. Có cơm chùa thì đánh chuông, hết cơm chùa thì không đánh chuông. Bây giờ, nhiệm vụ giáo dục khác trước. Các cô, các chú có nhiệm vụ rất quan trọng: bồi dưỡng thế hệ công dân, cán bộ sau này, làm tốt thì thế hệ sau này có ảnh hưởng tốt. Làm không tốt sẽ có ảnh hưởng không tốt đến thế hệ sau. Mục đích giáo dục bây giờ là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, đào tạo lớp người mới, lớp cán bộ mới.

... Kháng chiến thắng lợi, dân tộc giải phóng; giáo dục được giải phóng thì giáo dục bây giờ phải khác giáo dục phong kiến. Hồi Đông kinh nghĩa thực⁽¹⁾ có nói đến hai chữ yêu nước. Lúc đầu nó để cho nói. Sau nó kẹp lại. Nói hai chữ yêu nước là bị tóm cổ bắt bỏ tù. Về phong trào Truyền bá quốc ngữ trong bao nhiêu năm mới được 2 vạn 5 nghìn người đi học. Bây giờ, chỉ trong một năm sau hoà bình, ở Hà Nội đã có trên 3 vạn 5 nghìn người đi học. Trước nó không cho đi học, dân ta có gan đi học. Phải thấy cái khổ tạm thời. Tiến bộ mới là chính.

Trí thức phải dễ hiểu, dễ nhớ, học mau. Ngoài trí thức, phải có đạo đức cách mạng. Thầy giáo phải làm kiểu mẫu cho các cháu. Làm được như thế là làm tròn nhiệm vụ.

(*) Trích Bài nói ở lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I ngày 12/6/1956. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt căn cứ vào một câu trong bài của tác giả.

(1) Đông kinh nghĩa thực do một nhóm sĩ phu yêu nước cùng nhau tổ chức lên, vào khoảng tháng 3/1907. Trường Đông kinh nghĩa thực mới hoạt động được 9 tháng, thì đã bị thực dân Pháp đóng cửa. Trong thời gian tuy ngắn ngủi đó, Đông kinh nghĩa thực cũng đã gây ảnh hưởng khá sâu rộng. Ảnh hưởng của nhà trường không chỉ giới hạn trong mấy phòng học mà dần dần trở thành một phong trào yêu nước rộng lớn. Đông kinh nghĩa thực không phải chỉ là một trường học thuần túy, mà còn là địa điểm liên lạc của tất cả các phần tử tiến bộ từ xu hướng cải lương ôn hoà cho đến xu hướng cách mạng của Tăng Bạt Hổ, Hoàng Hoa Thám và Phan Bội Châu...

Kháng chiến phải mấy năm. Vội không được. Giáo dục cũng phải theo hoàn cảnh, điều kiện. Phải ra sức làm, nhưng làm vội không được. Từ đây ra cửa thì thứ nhất là bước thứ nhất, thứ hai mới đến bước thứ hai, rồi thứ ba mới là bước thứ ba. Vội thì ngã. Làm phải có kế hoạch, có từng bước.

Tóm lại:

1. Nhiệm vụ giáo dục rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Bây giờ, đang xây dựng nước Việt Nam dân chủ cộng hoà để dần dần đến chủ nghĩa xã hội. Kháng chiến thì cần nhiều cán bộ quân sự. Bây giờ xây dựng kinh tế, không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hoá.

(...)

HỒ CHÍ MINH

Ngày 12/6/1956

Bàn về công tác giáo dục, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 50.

HUẤN THỊ CHO LỚP NGHIÊN CỨU CHÍNH TRỊ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHÂN DÂN VIỆT NAM

(Trích)

Tôi rất vui lòng thấy các bạn tuổi tác khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, trình độ khác nhau, nhưng ý nguyện thì đều *nhất trí* - ai cũng muốn tiến bộ để phụng sự Tổ quốc, và phục vụ nhân dân có hiệu quả hơn. Do sự *nhất trí* ấy mà đi đến đoàn kết cả ở trường này. Đoàn kết là lực lượng đưa chúng ta đến mọi thắng lợi.

Sau đây tôi có vài ý kiến nêu lên để các bạn suy xét:

Lực lượng cách mạng - Lực lượng chủ chốt của cách mạng là công nhân và nông dân. Vì họ là người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống. Vì họ đông hơn hết, mà cũng bị áp bức bóc lột nặng nề hơn hết. Vì chỉ khi cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác.

Nhưng cách mạng cũng cần có lực lượng của trí thức (chúng ta quen gọi là lao động trí óc).

... Vì lẽ đó, trong sự nghiệp cách mạng, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lao động trí óc có một vai trò quan trọng và vẻ vang; và *công, nông, trí, cần phải đoàn kết chặt chẽ thành một khối*.

Gần gũi công nông - Chế độ thực dân và phong kiến đã có ý tách rời trí thức ra ngoài khối công nông. Chúng đã tạo ra ý thức "*Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao*"⁽¹⁾. Chúng lợi dụng trí thức trong bộ máy thống trị của chúng. Chia rẽ lao động trí óc với lao động chân tay, đó cũng là một chính sách "chia để trị".

Ngày nay, chúng ta cần phải xoá bỏ dần sự tách rời đó, cần phải làm cho những người lao động (lao động trí óc và lao động chân tay) đoàn kết chặt chẽ với nhau, để cùng nhau xây dựng một xã hội mới và tốt đẹp.

Trên con đường tiến đến đoàn kết, tôi thiết tưởng trí thức ta nên tự động đi trước tìm đến công nông, và tôi chắc rằng công nông sẽ nhiệt liệt hoan nghênh trí thức.

(1) Hồ Chủ tịch có giải nghĩa câu thơ này trong bài *Học hay cây giới*, xem ở cuối phần IV.

Phương pháp nghiên cứu - Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân.

Thời gian các bạn đến nghiên cứu ở trường này tương đối ngắn ngủi, cho nên *không thể yêu cầu quá cao, quá nhiều*. Những điều các bạn nghiên cứu được ở đây có thể ví như một hạt nhân bé nhỏ. Sau này, các bạn sẽ tiếp tục săn sóc, vun xới, làm cho hạt nhân ấy mọc thành cây và dần nở hoa, kết quả.

Theo ý riêng của tôi, thì hạt nhân ấy có thể tóm tắt trong 11 chữ: “Đại học chỉ đạo, tại minh minh đức, tại thân dân”.

Nói tóm tắt, minh minh đức tức là *chính tâm*. Thân dân tức là *phục vụ nhân dân*, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết.

Nói một cách khác, tức là “tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc”⁽¹⁾.

Chúng ta hoặc ít hoặc nhiều đều mắc phải tư tưởng, tập quán, tác phong của xã hội cũ. Cho nên thực hiện hai chữ *chính tâm* không phải dễ dàng.

Phải kinh qua cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới trong bản thân mình: một cuộc đấu tranh gay go, gian khổ và liên tục. Nhưng ta kiên quyết thì *cái mới nhất định thắng cái cũ và chính tâm nhất định thành công*.

Tự do tư tưởng - Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người.

Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra *quyền tự do phục tùng chân lý*.

Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý.

Đảng và Chính phủ đối với trí thức - Là một bộ phận trong lực lượng cách mạng, trí thức có nhiệm vụ thi đua phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Vì vậy, Đảng và Chính phủ ta rất quý trọng những người *trí thức của nhân dân, vì nhân dân*.

Để xây dựng nước nhà, chúng ta cần càng ngày càng nhiều trí thức tốt. Đảng và Chính phủ vừa phải giúp cho thể hệ trí thức ngày nay càng ngày càng tiến bộ, vừa phải ra sức đào tạo thêm trí thức mới.

Đảng và Chính phủ phải giúp bằng cách giáo dục, để trí thức có lập trường vững vàng, quan điểm đúng đắn, tư tưởng sáng suốt, tác phong dân chủ. Nói

(1) Hồ Chủ tịch có giải nghĩa câu này ở bài *Đạo đức cách mạng* cùng in trong cuốn sách này

tóm lại: giúp đỡ các bạn trí thức chính tâm và thân dân.

Phương pháp giáo dục thì theo nguyên tắc *tự nguyện tự giác*, giải thích, bàn bạc, thuyết phục, chứ không gò bó. Giúp trí thức thi đua trong học tập và công tác. Hướng dẫn trí thức sử dụng cách *thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình* để cùng nhau tiến bộ không ngừng, đoàn kết chặt chẽ, để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Bọn phản động tuyên truyền vu khống rằng: Cách mạng khinh rẻ trí thức. Sự thật là tư bản và phong kiến chỉ lợi dụng trí thức. Cách mạng mới thực sự quý trọng trí thức. Dưới chế độ dân chủ mới và xã hội chủ nghĩa, trí thức mới có dịp phát huy hết khả năng của mình.

... Nhiệm vụ của trí thức là vừa thi đua công tác, vừa thi đua giúp Chính phủ đào tạo thêm trí thức mới.

Trí thức ta tin tưởng vào tiền đồ vĩ đại của dân tộc, tin tưởng vào chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ, tin tưởng vào khả năng tiến bộ của mình thì tôi chắc rằng các bạn sẽ làm tròn nhiệm vụ mình một cách vẻ vang.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 21/7/1956

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập III, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 301.

VÌ LỢI ÍCH TRĂM NĂM THÌ PHẢI TRỒNG NGƯỜI^(*)

... Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà. Nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô, các chú. Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang. Mong mọi người phải cố gắng làm tròn nhiệm vụ...

HỒ CHÍ MINH
Ngày 13/9/1958.

Báo Nhân dân, ngày 14/9/1958.

(*) Sáng ngày 13/9/1958, đúng lúc trên 3.000 giáo viên cấp II, III toàn miền Bắc dự lớp học chính trị, do Bộ giáo dục mở, đang phần khởi kết thúc việc nghiên cứu và thảo luận vấn đề *Xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa*, thì lớp học đã có vinh dự được Hồ Chủ tịch tới thăm và nói chuyện. Trong một tiếng đồng hồ, Người đã nói về đạo đức cách mạng, lập trường chính trị, chống chủ nghĩa cá nhân, phương pháp giáo dục theo chủ nghĩa xã hội v.v...

Đầu đề đoạn trích trên đây là do chúng tôi tạm đặt dựa vào ý chính của đoạn văn.

ĐẠO ĐỨC CŨ VÀ ĐẠO ĐỨC MỚI(*)

(Trích)

... Có người cho đạo đức cũ và đạo đức mới không có gì khác nhau. Nói như vậy là lầm to. Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều.

Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất, chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời. Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính, nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước, cho dân...

HỒ CHÍ MINH

Tháng 10/1951

*Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ
trang nhân dân*, Nhà xuất bản Quân đội
nhân dân, Hà Nội, 1970, trang 255.

(*) Trích bài nói chuyện tại trường chính trị cung cấp quân đội, ngày 25/10/1951. Đây là trích phần thứ VI trong bài nói chuyện đó.

ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

(Trích)

Từ lúc đầu, loài người đã *đấu tranh* đối với giới tự nhiên để sống còn, như chống thú dữ, chống mưa nắng. Muốn thắng lợi, thì mỗi người phải dựa vào lực lượng của số đông người, tức là của tập thể, của *xã hội*. Riêng lẻ từng *cá nhân* thì nhất định không thắng nổi tự nhiên, không sống còn được.

Để sống còn, loài người lại phải sản xuất mới có ăn, có mặc. Sản xuất cũng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Chỉ riêng lẻ cá nhân cũng không sản xuất được.

Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Chỉ riêng lẻ cá nhân cũng không sản xuất được.

Thời đại của chúng ta là thời đại văn minh, thời đại cách mạng, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội; cá nhân càng không thể đứng riêng lẻ mà càng phải hoà mình trong tập thể, trong xã hội.

Do đó, *chủ nghĩa cá nhân* là trái ngược với *chủ nghĩa tập thể*; và chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định phải tiêu diệt.

Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của người, chế độ xã hội, v.v. cũng phát triển và biến đổi. Chúng ta đều biết từ đời xưa đến đời nay, cách sản xuất từ chỗ dùng cày, bừa đá phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử. Chế độ xã hội cũng phát triển từ cộng sản nguyên thủy đến chế độ nô lệ, đến chế độ phong kiến, đến chế độ tư bản chủ nghĩa, và ngày nay gần một nửa loài người đang tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ cộng sản chủ nghĩa.

Sự phát triển và tiến bộ không ai ngăn cản được.

Từ khi có chế độ của riêng thì xã hội chia thành *giai cấp*, giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, do đó có *mâu thuẫn xã hội*, có *đấu tranh* giữa các giai cấp, và từ đó, người nào cũng thuộc vào hoặc giai cấp này hoặc giai cấp khác, không ai có thể đứng ngoài giai cấp. Đồng thời, mỗi người đại biểu cho *tư tưởng* của giai cấp mình.

Trong xã hội cũ, bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc thẳng tay

áp bức, bóc lột những tầng lớp người khác nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chung do xã hội sản xuất ra, làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng “ngồi mát ăn bát vàng”, nhưng miệng chúng luôn huênh hoang những danh từ “đạo đức”, “tự do”, “dân chủ” v.v...

Không thể chịu áp bức bóc lột mãi, công nhân, nông dân và nhân dân lao động khác nổi lên làm cách mạng để tự giải phóng và để cải tạo xã hội cũ xấu xa thành xã hội mới tốt đẹp, trong đó những người lao động đều được ấm no sung sướng, không có người bóc lột người.

Để giành lấy thắng lợi, cách mạng nhất định phải do *giai cấp công nhân lãnh đạo*. Vì nó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Mà đảng vô sản là bộ tham mưu của giai cấp công nhân. Cách mạng ở Liên Xô và ở các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa đã chứng thực điều đó, không ai chối cãi được.

Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Sức có mạnh thì mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Sinh trưởng trong xã hội cũ, chúng ta ai cũng mang trong mình hoặc nhiều hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về mặt tư tưởng, về thói quen... Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ là *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng; nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chớ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng.

Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng đi xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm.

Muốn gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, muốn rèn luyện đạo đức cách mạng, thì chúng ta phải ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Nếu không cố gắng để tiến bộ, thì tức là thoái bộ, là lạc hậu. Mà thoái bộ và lạc hậu thì sẽ bị xã hội tiến bộ sa thải.

Không phải chỉ ở tại nhà trường, có lên lớp, mới học tập, tu dưỡng, rèn luyện và tự cải tạo được. Trong mọi hoạt động cách mạng, chúng ta đều có thể và đều phải học tập, tự cải tạo. Thời kỳ hoạt động bí mật, thời kỳ khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến, và ngày nay công việc xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà đều là những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách mạng.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước. Vì lợi ích chung của Đảng, của cách mạng, của giai cấp,

của dân tộc và của loài người mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình. Khi cần thì sẵn sàng hy sinh cả tính mạng mình cũng không tiếc. Đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng.

Trong Đảng ta, các đồng chí Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai và nhiều đồng chí khác đã vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, đã nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng chí công vô tư cho tất cả chúng ta học tập.

Có đạo đức cách mạng thì khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn. “Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”: lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá. Đó cũng là biểu hiện của đạo đức cách mạng.

*
* *

Nói tóm tắt, thì đạo đức cách mạng là:

Quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng. Đó là điều chủ chốt nhất.

Ra sức làm việc cho Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đấu tranh quên mình, gương mẫu trong mọi việc.

Ra sức học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ.

Mỗi người cách mạng phải hiểu thật sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Hiện nay, giai cấp công nhân ta tuy chưa đông lắm, nhưng nó càng ngày càng phát triển. Mai sau, hợp tác xã nông nghiệp sẽ được tổ chức khắp nơi, nông thôn sẽ dùng nhiều máy móc, nông dân sẽ biến thành công nhân. Người trí thức dần dần lao động chân tay, và sự phân biệt giữa trí thức và công nhân cũng sẽ xoá bỏ dần. Công nghiệp của nước ta ngày càng phát triển. Vì vậy, số công nhân ngày thêm đông, sức công nhân ngày thêm mạnh, tiền đồ của giai cấp công nhân rất rộng rãi và vẻ vang. Nó vừa cải tạo thế giới, vừa cải tạo bản thân mình.

Người cách mạng phải thấy thật rõ điều đó, và đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân lao động.

Đạo đức cách mạng là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân.

Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích nào khác.

... Để tiến lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh phải lâu dài và gian khổ. Cần có người cách mạng là vì còn có kẻ địch chống lại cách mạng.

Kẻ địch gồm có ba loại. *Chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc* là kẻ địch rất nguy hiểm.

Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài.

Loại địch thứ ba là *chủ nghĩa cá nhân*, tư tưởng tiểu tư sản còn ẩn nấp trong mình mỗi người chúng ta. Nó chờ dịp - hoặc dịp thất bại, hoặc dịp thắng lợi - để ngóc đầu dậy. Nó là bạn đồng minh của hai kẻ địch kia.

Vì vậy, *đạo đức cách mạng* là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu. Có như thế mới thắng được địch, và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng.

Sở dĩ Đảng ta có thể lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, là vì Đảng ta có chính sách đúng đắn và lãnh đạo thống nhất. Mà lãnh đạo thống nhất là vì toàn thể đảng viên tư tưởng nhất trí và hành động nhất trí.

Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cát rời, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Như vậy thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng.

... Những chính sách và nghị quyết của Đảng đều vì lợi ích của nhân dân. Vì vậy, *đạo đức cách mạng* của người đảng viên là bất kỳ khó khăn đến mức nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng. Mọi đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng; phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân.

Đảng ta đại biểu cho lợi ích chung của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động, chứ không phải mưu cầu lợi ích riêng của một nhóm người nào, của cá nhân nào. Điều đó ai cũng biết.

Giai cấp công nhân chẳng những đấu tranh để tự giải phóng mà còn để giải phóng cả loài người khỏi áp bức, bóc lột. Cho nên lợi ích của giai cấp công nhân và lợi ích của nhân dân là nhất trí.

Đảng viên là người thay mặt Đảng đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, lợi ích của người đảng viên phải ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp. Đảng và giai cấp thắng lợi và thành công, tức là đảng viên thắng lợi và thành công. Nếu

rời khỏi Đảng, rời khỏi giai cấp, thì cá nhân dù tài giỏi mấy, cũng nhất định không làm nên việc gì.

Đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt *lợi ích của Đảng lên trên hết*. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng.

... Đảng ta là một đảng có tính chất quần chúng, có hàng chục vạn đảng viên. Vì hoàn cảnh nước ta mà số đông đảng viên thuộc thành phần tiểu tư sản. Điều đó không có gì lạ. Dù vì ảnh hưởng của tư tưởng tư sản mà lúc đầu có đảng viên lập trường thiếu vững chắc, quan điểm còn mơ hồ, tư tưởng thiếu đúng đắn, nhưng được rèn luyện trong cách mạng và trong kháng chiến, nói chung đảng viên ta là tốt, trung thành với Đảng, với cách mạng.

Các đồng chí ấy hiểu rằng: đảng viên phạm sai lầm thì sẽ đưa quần chúng đến sai lầm, cho nên khi có sai lầm thì các đồng chí ấy sẵn sàng và kịp thời sửa chữa, không để nhiều sai lầm nhỏ cộng thành sai lầm to. Do đó, các đồng chí ấy biết *thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình* đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ.

Như thế là đúng với *đạo đức cách mạng*. Trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao, và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ, và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén *phê bình và tự phê bình*.

Nhưng vẫn có một số ít đảng viên bị *chủ nghĩa cá nhân* trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại. Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng. Họ không biết rằng: có hoạt động thì khó mà hoàn toàn tránh khỏi sai lầm. Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu và thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân.

Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi. Đồng thời, Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng thì cách mạng mới thành công.

Đạo đức cách mạng là hoà mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng. Do lời nói và việc

làm, đảng viên, đoàn viên và cán bộ làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, đoàn kết quần chúng chặt chẽ chung quanh Đảng, tổ chức, tuyên truyền và động viên quần chúng hăng hái thực hiện chính sách và nghị quyết của Đảng.

Trong cách mạng và kháng chiến, chúng ta đã làm đúng như vậy.

Nhưng hiện nay, chủ nghĩa cá nhân đang ám ảnh một số đồng chí. Họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, họ xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ ngại làm việc tổ chức, tuyên truyền và giáo dục quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì.

*
* *

Miền Bắc nước ta đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đó là yêu cầu cấp bách của hàng chục triệu người lao động. Đó là công trình tập thể của quần chúng lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cho nên *thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân*.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể, thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình.

Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thoả mãn, còn lợi ích của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định, và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được đảm bảo thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn.

Lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích của tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi. Cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi.

Phong trào cách mạng lôi cuốn hàng ức hàng triệu người. Công việc cách mạng là nghìn điều muôn loại phức tạp, khó khăn. Để cân nhắc mọi hoàn cảnh phức tạp, nhìn rõ các mâu thuẫn, để giải quyết đúng các vấn đề, thì chúng ta phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin.

Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác mà Đảng giao phó cho mình.

Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn.

Nhưng có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lênin hơn ai hết. Song khi gặp việc thực tế, thì họ hoặc là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác - Lênin, nhưng không học tinh thần Mác - Lênin. Học để trang sức, chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng. Đó cũng là *chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ nghĩa cá nhân đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí... Nó trói buộc, nó bịt mắt những nạn nhân của nó, những người này bất kỳ việc gì cũng xuất phát từ lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân mình, chứ không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân.

Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó.

Hiện nay, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc thống nhất nước nhà. Đó là một nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang. Chúng ta, tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng, đó là *tinh Đảng, tinh giai cấp*, nó đảm bảo cho sự thắng lợi của Đảng, của giai cấp, của nhân dân.

...

HỒ CHÍ MINH
Tháng 12/1958

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970,
trang 177.

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN^(*)

Nhân dân ta thường nói: đảng viên đi trước, làng nước theo sau. Đó là một lời khen chân thành đối với các đảng viên và cán bộ chúng ta.

Trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt, làm Cách mạng thắng Tám thành công, kháng chiến lần thứ nhất thắng lợi, và ngày nay vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nhân dân ta tin tưởng rằng: Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt, đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta đã tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang.

Đảng ta đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác.

Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế.

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém.

Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân*, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo “mình vì mọi người” mà chỉ muốn “mọi người vì mình”.

Do *cá nhân chủ nghĩa* mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do *cá nhân chủ nghĩa* mà mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân.

Tóm lại, *do cá nhân chủ nghĩa* mà phạm nhiều sai lầm.

Để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách

(*) Bài này nhân dịp kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam - ngày 3/2/1969.

mạng, Đảng ta phải hết sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người Đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ.

Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên *quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ.

Đó là cách thiết thực để kỷ niệm ngày thành lập Đảng ta, Đảng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân anh hùng của chúng ta. Đó cũng là một việc làm cần thiết để giúp tất cả cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn nữa cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước toàn thắng và xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công.

HỒ CHÍ MINH

Tháng 2/1969

Về đạo đức cách mạng, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 155.

MUỐN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRƯỚC HẾT CẦN CÓ NHỮNG CON NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA^(*)

(Trích)

... 30 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã đấu tranh cực kỳ gian khổ, anh dũng và đã giành được thắng lợi to lớn. Ngày nay, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã căn bản hoàn thành. Chế độ người bóc lột người căn bản đã bị xoá bỏ. Nhân dân lao động đã trở thành người chủ xã hội, người chủ nhà nước.

Với thắng lợi ấy, chúng ta đã có thể đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta có một nền công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, có một nền văn hoá và khoa học tiên tiến. Miền Bắc ta giàu mạnh là cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh để hoà bình thống nhất nước nhà.

Chúng ta đã đánh thắng chế độ thực dân và phong kiến. Nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta ngày nay là đánh thắng lạc hậu và nghèo nàn, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nhân dân ta có một đời sống thật sung sướng, tốt đẹp. Công cuộc ấy rất vĩ đại và cũng rất khó khăn. Nhưng toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm làm thì nhất định làm được.

Muốn xây dựng xã hội chủ nghĩa, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*.

Đợt học tập chính trị này là một cuộc vận động lớn về tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân lao động, *nhằm xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội, của tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa...*

HỒ CHÍ MINH
Năm 1961

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập VI, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, trang 173.

KHÔNG ĐƯỢC LÀM CHO CÁC CHÁU THÀNH “ÔNG GIÀ BÉ”^(*)

... Các cô, các chú có trách nhiệm quan trọng đào tạo thế hệ mới cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Các cháu thiếu niên sẽ tiếp tục sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, nhiệm vụ đào tạo thế hệ mới là rất nặng nề và vẻ vang.

Việc giáo dục thiếu niên là nhiệm vụ của đoàn thanh niên, của trường học, của gia đình và xã hội, cho nên cần phải có sự kết hợp chặt chẽ thì mới có kết quả tốt. Trong khi giáo dục thiếu niên, phải giữ được tính chất tự nhiên, vui vẻ, hoạt bát của trẻ em, không được làm cho các cháu thành “ông già bé”⁽¹⁾

Trẻ em hay bắt chước, cho nên các cô, các chú, các thầy giáo, cha mẹ phải gương mẫu từ lời nói đến việc làm.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 19/12/1959

*Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập
V, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960,
trang 170.*

* Trích Bài nói tại Hội nghị cán bộ phụ trách thiếu nhi, ngày 19/12/1959. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt căn cứ vào một câu trong bài nói của Người.

1 - Trong *Thư gửi Hội nghị cán bộ phụ trách thiếu nhi* (tháng 11/1949), Hồ Chủ tịch đã căn dặn trong khi giáo dục trẻ em “phải giữ toàn vẹn cái tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng. Chớ nên làm cho chúng hoá ra những người “già sớm”. Nhiều thư các cháu gửi cho Bác Hồ, viết như người lớn viết. Đó là một triệu chứng “già sớm” nên tránh” (*Bàn về công tác giáo dục*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 28).

NỘI DUNG VĂN HOÁ PHẢI CÓ Ý NGHĨA GIÁO DỤC^(*)

(Trích)

... Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hoá. Vì sao không nói phát triển văn hoá và kinh tế? Tục ngữ ta có câu “*Có thực mới vực được đạo*”; vì thế kinh tế phải đi trước. Nhưng phát triển để làm gì? Phát triển kinh tế và văn hoá để nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân ta. Các cô, các chú vừa lao động, vừa sản xuất tích cực, vừa hoạt động văn hoá tích cực. Thế là tốt. Văn hoá phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng. Vì vậy, nội dung văn hoá phải có ý nghĩa giáo dục. Ví dụ: phải giáo dục thế nào là đời sống mới, thế nào là đạo đức cách mạng. Trong việc “Tết trồng cây”, phải phổ biến trồng cây như thế nào cho cây tốt, phải chăm sóc và chăm bón cây như thế nào. Ở nhiều địa phương, các cô, các chú đã sáng tác nhiều bài thơ, ca, hò, vè nói về những vấn đề đó rất thiết thực, nội dung rất tốt. Bác hoan nghênh các cô, các chú. Văn hoá phải gắn liền với lao động, sản xuất. Văn hoá xa đời sống, xa lao động là văn hoá suông. Nhiệm vụ của người cán bộ văn hoá là phải dùng văn hoá để tuyên truyền cho việc cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Ví dụ: ở trong hợp tác xã, văn hoá phải tuyên truyền, giáo dục ý thức cần kiệm xây dựng hợp tác xã, yêu hợp tác xã như nhà, chống tư tưởng làm ăn riêng lẻ và những tư tưởng lạc hậu có ảnh hưởng xấu cho việc củng cố và phát triển hợp tác xã. Ở xí nghiệp, văn hoá phải tuyên truyền, giáo dục ý thức làm chủ xí nghiệp, đẩy mạnh phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch nhà nước, cần kiệm xây dựng nền công nghiệp nước nhà, chống tham ô lãng phí v.v...

Nói tóm lại, để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hoá phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 1/2/1960

Báo Nhân dân, Ngày 12/2/1960.

(*) Trích bài tường thuật buổi Hồ Chủ tịch đến thăm Hội nghị đại biểu những người tích cực làm công tác văn hoá quần chúng, ngày 11/2/1960. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt dựa theo ý một câu trong bài.

VĂN HOÁ GIÁO DỤC LÀ MỘT MẶT TRẬN QUAN TRỌNG^(*)

... Năm học này là năm kết thúc kế hoạch 3 năm, và bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Văn hoá giáo dục phải phát triển mạnh để phục vụ yêu cầu của cách mạng. *Văn hoá giáo dục là một mặt trận quan trọng* trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Các đồng chí cán bộ và các cháu *phải thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ trên mặt trận ấy.*

Giáo dục phải phục vụ đường lối chính trị của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống của nhân dân. Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế.

Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất.

Từ trước đến nay, đồng bào ta đã hết lòng giúp đỡ công việc giáo dục. Tôi mong rằng từ nay về sau, đồng bào sẽ cố gắng giúp đỡ nhiều hơn nữa cho trường học và ai cũng tự mình cố gắng học tập.

Thân ái chúc các đồng chí cán bộ giáo dục và các cháu mạnh khỏe, cố gắng nhiều và tiến bộ nhiều.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 31/8/1960

Bản về công tác giáo dục, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 65.

(*) Trích *Thư gửi cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các trường và các lớp bồi túc văn hoá*, ngày 31/8/1960. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt dựa vào một câu trong lá thư trên.

HỌC HAY CÀY GIỎI

(Trích)

Dưới chế độ phong kiến, lao động trí óc tách rời hẳn lao động chân tay. Trước đây hơn 2.500 năm, cụ Khổng Tử (“ông thánh” khoa học Trung Quốc ngày xưa) đã mắc sai lầm đó. Một hôm, học trò hỏi cụ Khổng Tử về nghề làm ruộng và trồng cây. Ông cụ trả lời một cách cay cú: “Ta chả biết”.

Tiếp tục phát triển cái sai lầm ấy, các nhà nho Trung Quốc đã có câu thơ:

Vạn ban giai hạ phẩm;

Duy hữu độc thư cao.

Nghĩa là muôn nghề đều là thấp kém; chỉ nghề đọc sách là cao. Các nhà nho Việt Nam ta cũng đi theo con đường sai lầm ấy.

Để sửa chữa sai lầm cổ truyền ấy, chế độ xã hội chủ nghĩa nêu rõ khẩu hiệu: phải kết hợp chặt chẽ lao động trí óc với lao động chân tay. Thực hiện đường lối đó, Hội nghị giáo dục toàn miền Bắc họp vào trung tuần tháng 9/1961 đã quyết định:

Đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục lao động trong nhà trường là một khâu chủ yếu trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa nhằm đào tạo thế hệ trẻ đã có những kiến thức khoa học lại có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, những thói quen lao động, sẵn sàng bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C.B.

Tháng 9/1961

Bản về công tác giáo dục, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 79.

BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ CHÍNH TRỊ ĐẶC BIỆT^(*)

(Trích)

...
Về văn hoá xã hội, dưới thời thực dân Pháp thống trị, 95% dân ta mù chữ, ngày nay 95% dân ta đều biết đọc biết viết. So với ngày hoà bình mới lập lại, số học sinh phổ thông tăng gấp 3 lần rưỡi; số học sinh đại học và chuyên nghiệp trung học tăng gấp 25 lần. Có mấy dân tộc thiểu số đã có chữ viết của mình; nhiều con em các dân tộc đã tốt nghiệp đại học. Công tác y tế đã có nhiều thành tích, đã ngăn chặn được nhiều bệnh dịch và bệnh xã hội cũ, sức khoẻ của nhân dân được nâng cao. Trẻ em ngày càng được săn sóc chu đáo hơn.

Đời sống văn hoá của quần chúng ngày càng thêm tiến bộ, nền văn học nghệ thuật với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Trong mười năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới.

... Làng xóm ta xưa kia lam lũ quanh năm mà vẫn quanh năm đói rách. Làng xóm ta ngày nay bốn mùa nhộn nhịp cảnh làm ăn tập thể. Đâu đâu cũng có trường học, nhà gửi trẻ, nhà hộ sinh, câu lạc bộ, sân và kho của hợp tác xã, nhà mới của xã viên. Đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng tiến bộ.

...
(*) Hội nghị chính trị đặc biệt họp ngày 27 và 28/3/1964 căn cứ theo điều 67 của Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và yêu cầu của tình hình khẩn thiết lúc bấy giờ. Hội nghị chính trị đặc biệt khai mạc tại hội trường Ba Đình. Ngoài Hồ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Tôn Đức Thắng, các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp,... còn có 325 đại biểu chính thức và 500 đại biểu dự thỉnh bao gồm các nhà cách mạng lão thành, những người hoạt động chính trị được nhân dân yêu quý, những người tiêu biểu cho các giới các ngành, những anh hùng và chiến sĩ thi đua, những người trí thức tiến bộ và những nhân sĩ yêu nước...

Anh chị em *lao động trí óc* thì đang cố gắng nghiên cứu, sáng tác, phát minh, đẩy mạnh công tác khoa học kỹ thuật, công tác giáo dục, văn nghệ, đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hoá, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, đào tạo cán bộ cho tương lai...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 27/3/1964

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970,
trang 253.

PHẦN THỨ 5

BÀI BÁO LÀ TỔ HỊCH CÁCH MẠNG

(ĐIỆN MỪNG HỘI NHÀ BÁO Á - PHI)

Ngày 24/4/1965

LỜI KÊU GỌI GIA NHẬP HỘI HỢP TÁC “NGƯỜI CÙNG KHỔ” VÀ MUA BÁO “NGƯỜI CÙNG KHỔ”^(*)

(Trích)

Pari, ngày 1/2/1922

Đồng chí thân mến,
Đồng chí đã hoặc sẽ nhận được một bản Điều lệ của Hội hợp tác *Người cùng khổ*, Hội này đang được thành lập và sẽ xuất bản một tờ báo cùng tên.

... Các bạn ở chính quốc! Các đồng chí ở thuộc địa!

Vì lợi ích của công lý, sự thật và tiến bộ, cần xoá bỏ khoảng cách giả tạo chia rẽ các bạn. *Người cùng khổ* là tờ báo đầu tiên có mục đích thực hiện nhiệm vụ không dễ dàng đó. Để có thể thành công trong việc này, chúng tôi kêu gọi sự tận tình của các đồng chí mà chúng tôi biết là luôn luôn vượt lên trên mọi thử thách.

Hãy gia nhập Hội hợp tác *Người cùng khổ* của chúng tôi, hoặc ngay từ hôm nay gửi mua dài hạn báo *Người cùng khổ* của chúng tôi, hoặc tốt hơn, nếu có thể, đồng chí làm cả hai việc một lúc.

Thành công của chúng tôi tùy thuộc ở sự tận tình của đồng chí và tương lai các thuộc địa tùy thuộc ở sự thành công đó, chúng tôi không ngần ngại mà khẳng định như thế.

Cố gắng lên một chút để giúp đỡ chúng tôi, các bạn và các đồng chí sẽ đi theo sự nghiệp hoà bình và nhân loại.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Ngày 1/2/1922

Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, trang 118. Bản dịch: Hồng Hà

(*) Cùng viết với Xamuen Xtêphanh, hội viên Hội liên hiệp thuộc địa.

TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO “NGƯỜI CÙNG KHỔ” DỊP KỶ NIỆM CÔNG XÃ PARI TẠI NGHĨA TRANG CHA LASEDO^(*)

Dự kiến những sự kiện nghiêm trọng có thể xảy ra ngày một ngày hai, bạn đừng đợi gì mà chưa mua báo *Người cùng khổ* và hô hào bạn bè mua nó. Tờ báo này là tờ báo của bạn, giúp bạn thoát khỏi cảnh nô lệ và sẽ phát hành rộng rãi trong tất cả các thuộc địa, nhằm dắt dẫn mọi người bị bóc lột thuộc mọi màu da đoàn kết lại dưới nếp lá cờ đỏ búa liềm, để trong một phong trào cách mạng quốc tế rộng lớn, quét sạch mọi kẻ bóc lột mà chúng ta là những người cùng khổ.

Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính, xoá bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau.

Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới.

Lao động tất cả các nước, hãy đoàn kết lại!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đầu năm 1923

Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, trang 151. Bản dịch: Hồng Hà.

(*) Những trận chiến đấu cuối cùng của Công xã Pari diễn ra tại nghĩa trang Cha Lasédo, thuộc quận 20, Pari. Ngày 25/5/1891, công xã Pari họp phiên cuối cùng. Hai ngày sau, quân phản cách mạng tấn công khu nghĩa trang. Trong tuần lễ đẫm máu đó, 20.000 người đã hy sinh. Những chiến sĩ công xã bị bắt đều bị chính quyền phản động bắn tại chỗ dưới chân bức tường ngày nay gọi là “Tường chiến sĩ công xã” (Mur des fédérés). Hằng năm, ngày 25/5, quân chủng vô sản Pháp biểu tình tuần hành trước bức tường đó. Truyền đơn này do chính tay Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết, và cũng chính Người đứng phất cho từng người đến viếng mộ các chiến sĩ công xã Pari tại nghĩa trang Cha Lasédo (Père Lachaise). Trước mộ các chiến sĩ công xã Pari bằng đá xám, thép chữ vàng, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc kêu gọi vùng lên tiến theo lá cờ của Đảng Cộng sản, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc.

BÁO CÁO GỬI BAN BIÊN TẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA “NGƯỜI CÙNG KHỔ”

(Trích)

Dự án ban đầu là trước hết thành lập một hợp tác xã xuất bản. Dự án đó không thực hiện được do các đồng chí chưa hăng hái đóng góp, mặc dù chúng ta đã kêu gọi nhiều lần và việc này làm chúng ta tốn kém 120 phờrăng.

Một nhóm nhỏ tám đồng chí cam kết dù sao cũng phải cho xuất bản ngay tờ *Người cùng khổ*.

... Xin nhận xét rằng trong chín tháng qua, trong số tám đồng chí hứa cho tiền hàng tháng thì có: 1 đồng chí đi vắng không đóng xu nào, 1 chưa đóng, 1 mới đóng 1 tháng, 2 đóng 2 tháng, 1 đóng 4 tháng, 1 đóng 5 tháng, 1 đồng chí đóng đầy đủ⁽¹⁾.

Để trả được số nợ cũ cho chủ nhà in và tìm một nhà in khác với điều kiện thuận lợi hơn cho báo, thì các đồng chí cần giữ đúng những lời hứa đã góp tiền.

Từ ngày 1/1/1923, quyết định ra báo hai kỳ một tháng và ra bốn trang, trang bốn dành đăng quảng cáo để tờ báo có thể sống được. Nhân dịp này các đồng chí quyết định nộp tiền trả ngay tiền in số 10 là 535 phờrăng.

Từ ngày 1/2, việc cho đăng quảng cáo phải mang lại một số tiền đủ cho việc ra báo. Đồng chí Xtêphani được giao tổ chức việc lấy quảng cáo.

Mặc dù việc quảng cáo mới được đặt ra và do đó chưa được hưởng ứng nhiều, mới đem lại cho các số báo 10, 11 và 12 một số tiền ít ỏi, đồng chí Xtêphani bảo đảm với chúng ta rằng, với các số tới, ngân sách 1923 sẽ được cân đối, do đó, Xtêphani hứa rằng từ số 13 sẽ không yêu cầu các đồng chí đóng góp nữa. Xtêphani tin rằng trong tương lai rất gần, việc nhận đăng quảng cáo không những có thể giúp trang trải tiền thuê in báo mà còn có thể trả công cho một đồng chí chuyên trách mọi công việc của tờ báo như gửi thư đi, kiểm soát,

(1) Người đóng đầy đủ tiền hàng tháng chính là Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, tác giả bản báo cáo này.

giữ thường trực v.v... và còn trả được tiền thuê nhà⁽¹⁾. Trong khi chờ đợi, các đồng chí phải chịu bỏ tiền ra để trả tiền thuê nhà.

Hãy dũng cảm, có nghị lực và bắt tay vào việc.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Năm 1923

Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, trang 146. Bản dịch: Hồng Hà

(1) Sau này (khoảng cuối tháng 3/1923) ở tờ báo *Người cùng khổ* xảy ra vụ Xtêphani tham ô 1.500 phờrăng là tiền các nơi thuê đăng quảng cáo. Ban biên tập báo họp, đi đến quyết định không nhận đăng quảng cáo nữa, cách chức Xtêphani và buộc trao toàn bộ sổ sách, tiền nong còn lại cho Đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Giấy chuyển giao ký ngày 28/3/1923.

TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO “VIỆT NAM HỒN”^(*)

Ở trong thế giới, ông nói tàu bay, việc lạ tin hay, ngày ngày thường có. Nào ai muốn rõ, phải có nhật trình. Mình ở gia đình, mắt soi vạn lý. Á, Âu, Úc, Mỹ, rút lại một tờ. Con trẻ đàn bà, ai ai cũng biết.

Mình người nước Việt, khách địa làm ăn. Chẳng đọc Hán văn, không xem Pháp tự. Việc đời hay dở, lành dữ mặc ai, tuy có mắt tai, cũng không nghe thấy. Phận mình đã vậy, vận nước thế nào, anh chị đồng bào, có hay chẳng nhẽ! Cũng vì nghĩ thế, tôi muốn làm ra, một báo tiếng ta, cho đồng bào đọc. Chẳng nài khó nhọc, dám kể công trình. Mong mỗi người mình, mở mày mở mặt.

Báo này sẽ đặt, tên *Việt Nam hồn*. Một tháng hai lần, mỗi lần trăm bản.⁽¹⁾ Xin anh em bạn, ai có muốn coi, cắt gửi cho tôi, cái toa mãi chí.

Mấy lời chung thủy, thư bắt tận ngôn.

Chúc *Việt Nam hồn*.

Vạn tuế, vạn vạn tuế!

Cắt gửi toa này cho ông Nguyễn Ái Quốc số nhà 3 phố Mácsê đề Patoriácơ, Pari, quận 5.⁽²⁾

Tên tôi là.....

Ở số nhà.....

Tỉnh.....

Gửi lại 12 quan để mua báo Việt Nam hồn 6 tháng

NGUYỄN ÁI QUỐC

Khoảng mùa xuân Năm 1923

Tạp chí *Học tập*, số 4 - 1975.

(*) Nghĩ đến kiểu báo ta ở Pháp rất đông, nhiều người trình độ văn hoá còn thấp, lại chưa có một tờ báo tiếng Việt để tuyên truyền, giáo dục, thức tỉnh quần chúng, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự định ra một tờ báo tiếng Việt lấy tên là *Việt Nam hồn*. Tự tay Người viết tờ truyền đơn cổ động mua báo trên đây, và cũng chính tay Người đi phát ở nhiều nơi trong các giới kiều bào ta ở Pari. Lời văn tờ truyền đơn rất mộc mạc, dễ hiểu, điều luyện đến giản dị, thể văn cũng rất thích hợp với người Việt Nam ta thời bấy giờ; nay đọc lại vẫn thấy có nhiều sáng tạo trong bút pháp diễn đạt.

Tháng 6/1923 Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô; từ đó cho đến giữa năm 1946 Người mới trở lại Pháp với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và là thượng khách của nước Pháp trong dịp Hội nghị Phôngtênnôblô tiến hành tại Pari.

(1) Nếu không đủ một trăm người xem thì không thể làm được (chú thích của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc).

(2) Đây chính là địa chỉ đương thời của báo *Người cùng khổ*. Ngày 14/3/1923, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dọn từ nhà số 9 ngõ Côngpoanh đến ở ngay tại trụ sở báo *Người cùng khổ* để tiện làm việc và để cơ quan báo có thêm tiền (số tiền phải thuê ở nhà số 9 được nộp vào quỹ công).

LÁ THU NGỎ GỬI ÔNG LÊÔNG ÁCSIMBÔ

*Nghị sĩ hạt Đorômơ,
Báo cáo viên về ngân sách thuộc địa,
Ủy viên Hội đồng thuộc địa tối cao.*

Thưa ông,
Trong bài diễn văn của ông đọc tại Hạ nghị viện, ông có nói rằng, nếu ông muốn thì ông có thể vạch trần những chuyện xấu xa ở thuộc địa ra; nhưng ông thấy tốt hơn là im đi không nói đến những tội nặng, tội nhẹ mà các nhà đi “khai hoá” của ông đã phạm ở các thuộc địa. Đó là quyền của ông, và điều đó chỉ liên quan đến ông, đến lương tâm và đến những người đã bầu cử ông thôi. Đối với chúng tôi, những người đã từng chịu khổ và hiện nay vẫn đang hàng ngày chịu khổ vì những “ân huệ” của chủ nghĩa thực dân, thì chúng tôi chẳng cần đến ông mới biết được những cái ấy.

Nhưng chính ông đã “phóng đại” khi ông viết trên báo *Râppen (Rappel)*⁽¹⁾ rằng những sự việc mà ông Bécôn vạch ra, đều là sai hoặc là phóng đại! Trước hết, chính ngay ông Bộ trưởng Bộ thuộc địa cũng đã buộc phải thừa nhận rằng: “Tình trạng tư tưởng khinh rẻ sinh mệnh người bản xứ” vẫn đang còn. Và ông ta đã “không hề chối cãi một sự việc tàn nhẫn nào” mà nghị sĩ Boanóp đã vạch ra. Sau nữa, thưa ông Ácsimbô, liệu ông có thể chối cãi được rằng trong những năm vừa qua, - tức là sau cuộc chiến tranh “vì công lý” - đã có đến 80 vạn người bản xứ “tình nguyện” đến làm việc hoặc đã bỏ mình trên đất Pháp, trong lúc đó thì các nhà đi “khai hoá” của ông đã ăn cắp, lường gạt, giết hại hoặc thiêu sống (và chắc chắn là không bị trị tội) những người Việt Nam, người Tuynidi, hay người Xênegan?

Ông còn viết tiếp rằng những hành vi bất công ở Pháp còn nhiều hơn ở các thuộc địa. Thế thì thưa ông Ácsimbô, hãy cho phép tôi nói rằng: không nên có cao vọng đem những bài học về bình đẳng hoặc công lý đi dạy cho người khác, khi người ta không thực hiện được những bài học đó ở nước mình. Đó là cái lôgích sơ đẳng nhất, phải không ông?

Theo ông, những hành vi và cử chỉ của các quan cai trị thuộc địa của ông đều đã được các Phủ Toàn quyền và Bộ thuộc địa thừa biết, nhận xét và kiểm

(1) Một tờ báo xuất bản ở Pari từ năm 1869, do Victo Huygô sáng lập.

tra rồi. Vậy, ắt phải là một trong hai điều sau đây: hoặc là vì ông đang trí nên đã quên mất những tên như Bôđoăng, Đác lơ, Luyca và biết bao nhiêu tên khác nữa, hợp thành đám hảo hán đã làm rạng rỡ và vẻ vang cho cơ quan cai trị thuộc địa của ông, chúng đã làm những điều đại gian ác, thế mà chỉ bị trừng phạt bằng cách thăng chức và thưởng huân chương thôi. Hoặc là ông đã ngang nhiên chế diễu độc giả của ông.

Ông nói rằng về mặt thuộc địa, nếu nước Pháp có phạm lỗi, thì chẳng qua là do quá nhiều tinh thần cao cả đẩy thôi. Thưa ông Ácsimbô, nếu ông cho chúng tôi biết có phải vì tinh thần cao cả ấy mà người ta tước mất của người bản xứ tất cả mọi quyền ngôn luận, đi lại, v.v... không? Phải chăng cũng vì tinh thần ấy mà người ta buộc họ phải chịu cái thân phận dân bản xứ hèn mọn, mà người ta tước hết ruộng đất của họ để cho bọn xâm lăng, và sau đó buộc họ phải lao động như kẻ nô lệ? Chính ông đã nói rằng giống người Tahiti vì nghiện rượu mà đã chết mòn dần và hiện đang đi đến diệt vong. Phải chăng cũng vì quá ư cao cả mà các ông đã tìm đủ mọi cách để làm cho người “An Nam” say khướt với rượu cồn của các ông và trở nên u mê đắm đuối với thuốc phiện của các ông?

Sau cùng, ông nói đến “bốn phận”, đến “nhân đạo” và “khai hoá”! Vậy bốn phận ấy là cái gì? Ông đã đem phô bày trong suốt cả bài diễn văn của ông rồi. Đó là thị trường, là cạnh tranh, là lợi tức, là đặc quyền. Buôn bán, tài chính, đó là những cái trượng trưng cho lòng nhân đạo của các ông. Suu thuế, lao dịch, bóc lột nặng nề, - công cuộc khai hoá của các ông, tóm lại là thế đó! Thưa ông Ácsimbô, trong lúc chờ đợi ông có “một chức tước hiển vinh nhất mà người ta có thể mơ ước đến”, thì tôi xin phép nói rằng, nếu trước kia Víchto Huygô⁽¹⁾ biết là hiện nay ông viết ra những điều như thế trên tờ báo của ông ấy, thì có lẽ ông ấy đã không sáng lập nó⁽²⁾ ra đâu.

Mong ông, v.v...

NGUYỄN ÁI QUỐC
Tháng 4/1923

Báo *Người cùng khổ*, ngày 15/4/1923.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật (*Lên án chủ nghĩa thực dân*), Hà Nội, 1959, trang 58.

(1) *Víchto Huygô* (*Victor Hugo*): Nhà thơ và nhà văn vĩ đại Pháp thế kỷ 19, một trong những đại biểu lỗi lạc nhất của chủ nghĩa lãng mạn, sinh năm 1802, mất năm 1885. Ông là một trong những nhà văn đầu tiên ở phương Tây đã lên án chế độ thực dân châu Âu.

(2) Tờ báo *Rappe* do Víchto Huygô sáng lập năm 1869 nhắc tới ở đoạn đầu bài viết này.

THU GỬI LẠI ĐỒNG NGHIỆP BÁO “NGƯỜI CÙNG KHỔ”

(TRƯỚC LÚC BÍ MẬT RỜI PARI ĐI MÁTXCOVA)

(Trích)

Các bạn thân mến,

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau.

Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta.

Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta.

Công việc chung của chúng ta, “Hội liên hiệp thuộc địa” và tờ báo *Người cùng khổ* đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính, biết rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn.

Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt ra vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.

Có lẽ một vài người trong các bạn cũng và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện thời của chúng ta: củng cố “Hội liên hiệp thuộc địa” và phát triển tờ báo *Người cùng khổ* của chúng ta.

Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết.

Khi các bạn được thư này, Nguyễn của các bạn ít nhất cũng đã xa nước Pháp hai mươi bốn giờ rồi⁽¹⁾.

Đại, người đồng lương của tôi, sẽ giao lại cho ông B.⁽²⁾ chìa khoá của toà báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo; cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho toà báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để ở trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn đã lấy về, trừ những sách cho những hội viên đi nghỉ mượn.

Nói tóm lại, các việc đều đầu vào đầy trước khi tôi đi. Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không dám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta...

NGUYỄN

Năm 1923

*Những mẩu chuyện về đời hoạt động
của Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1972, trang 46 - 48. Đầu đề là
do chúng tôi tạm đặt.

(1) Tháng 6/1923, trong phiên họp ban biên tập báo *Người cùng khổ*, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc báo cáo xin phép nghỉ việc một thời gian để đi dưỡng bệnh tại một nơi xa Paris. Người duy nhất biết lý do thật sự của việc này là Blongcua (Max Clainville Bloncourt). Tháng 7/1923, mật thám Pháp bắt hút Nguyễn Ái Quốc, liền báo cáo với Bộ thuộc địa. Công văn mật số 3.555 của Sở mật thám Pháp lộ rằng tiếp tục bắt đầu tích Nguyễn Ái Quốc. Tháng sau, lại thêm một công văn mật khác số 4.116, đề ngày 24/11/1923, báo cáo Bộ trưởng Bộ thuộc địa: cho đến nay việc lùng tìm vẫn “chưa có kết quả”. Đến tận tháng 10/1924, Chính phủ Pháp mới nhận được bức điện sau đây, do Đại sứ quán Pháp mới lập tại Liên Xô, gửi từ Mátxcova về: “Mật diện. Xin báo từ tháng 1/1924, xuất hiện tại Mátxcova người cộng sản gây rối Nguyễn Ái Quốc”.

(2) Ông B, có thể là Blongcua nói ở chú thích trên.

THAM LUẬN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA TẠI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ LẦN THỨ NĂM CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN^(*)

(Trích)

... **B**áo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ làm cho các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa, làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ tham gia sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Thử hỏi báo chí đó đã làm được gì? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như *Thời báo*, *Phigaro*, *Evros* hay những báo thuộc các khuynh hướng khác như *Bình dân* hay *Tự do*, với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rõ rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta...

... Nếu đi sâu hơn chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ: báo *Nhân đạo* không hề đăng lời kêu gọi của Quốc tế Nông dân⁽¹⁾ gửi nông dân các nước thuộc địa do Quốc tế cộng sản gửi đến để đăng trên báo. Trước đại hội Liông⁽²⁾ trong mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo *Nhân đạo* đã đăng nhiều bài về thắng lợi của võ sĩ Xiki xứ Xê-nê-gan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đaca, những người đồng nghiệp của Xiki bị bao vây trong khi đang làm việc, bị bắt và bị vứt lên ô tô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để trở thành

(*) *Đại hội quốc tế lần thứ V của Quốc tế Cộng sản*: Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản họp ở Mátxcova từ ngày 17/6 đến 8/7/1924 Đại hội đã tổng kết những bài học và kinh nghiệm đấu tranh giai cấp từ năm 1918 đến năm 1923 và nêu lên ý nghĩa quan trọng bậc nhất của việc bôn-sê-vích hoá các Đảng Cộng sản. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp và các thuộc địa Pháp, đã dự Đại hội và đọc bản tham luận này trước Đại hội

(1) *Quốc tế Nông dân*: Hội Nông dân quốc tế do các đại biểu của các tổ chức nông dân cách mạng nhiều nước thành lập năm 1923.

(2) *Đại hội Liông*: Đại hội lần thứ ba của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Liông, một tỉnh của nước Pháp, vào tháng 1/1924. Vấn đề chủ yếu của Đại hội này là đấu tranh để củng cố Đảng về mặt tổ chức và tư tưởng.

những người bảo vệ “văn minh”, nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hàng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công Uadi bay từ Pháp sang Đông Dương; nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân “nước An Nam cao quý”, lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phá máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bắt hạnh và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin đó cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí, qua báo chí của mình, giai cấp tư sản hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi tin rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến trấn an những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những binh đoàn lính Pháp đáng nghi; trường hợp xảy ra trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để “động viên tinh thần” binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ; những sự kiện xảy ra năm 1917 ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp⁽¹⁾; kinh nghiệm cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp ở Pyrénées là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhĩ của những kẻ phá hoại cuộc bãi công; và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính bản xứ ở ngay nước Pháp, - tất cả những việc trên đây chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và tích cực trong vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ tất cả những cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng chúng tôi đã bị động trong vấn đề này. Tôi thấy đó là một dấu hiệu đáng mừng, vì khi các lãnh tụ của Đảng đã thừa nhận và nhấn mạnh nhược điểm này trong chính sách của Đảng, thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng, Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa và củng cố về mặt này. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt về mặt này và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước.

Để kết luận, tôi xin lấy dẫn chứng của một người da đen là René Marang⁽²⁾, tác giả cuốn sách *Batuala*.⁽³⁾ Ông ta nói: “Châu Phi vùng xích đạo là nơi dân cư đông đúc, giàu cao su, ở đây có đủ các loại vườn trại trồng cây; gà và dê rất nhiều. Chỉ sau 7 năm mọi cái đều bị phá hoại. Làng mạc tan tành, vườn trại hoang tàn, gà và dê bị giết. Nhân dân bản xứ kiệt sức vì phải làm việc

(1) Sự kiện xảy ra năm 1917 nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp: Trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), Nga hoàng đã phái quân sang chống quân Đức ở mặt trận Pháp. Năm 1917, những binh sĩ Nga này không chịu đánh nhau vì lợi ích của bọn tư bản, đã lập Xô viết và đòi quay về nước Nga Tổ quốc. Chính phủ Pháp sợ tư tưởng cách mạng của binh sĩ Nga có cơ lan sang quân đội Pháp, nên đã dồn họ vào trại tập trung có dăng dây thép gai do quân lính thuộc địa canh giữ.

(2), (3) René Marang, tác giả cuốn *Batuala*; xem chú thích bài *Về câu chuyện Xiki*, phần II.

nặng chọc liên miên và không công, nên không đủ sức và không còn thời gian, dù là rất ít, để cày cấy ruộng đất. Bệnh tật phát sinh, nạn đói hoành hành, số người chết càng nhiều... Nên biết rằng họ là con cháu của một bộ lạc khỏe mạnh, thiện chiến, dẻo dai và đã được tôi luyện. Ở đây, nền văn minh đã tiêu tan...”.

Để bổ sung bức tranh bi thảm này, tôi xin thêm một điểm là chủ nghĩa tư bản Pháp không hề ngần ngại đẩy cả một khu vực vào hoàn cảnh đói kém, nếu việc đó có lợi cho nó...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 7/1924

Trích Biên bản tốc ký của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V, ngày 17/6 đến 8/7/1924. Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật (Vi độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, trang 25 - 35.

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ Ở ĐÔNG DƯƠNG TỪ 1936 ĐẾN 1938

(Trích)

BÁO CHÍ

Theo tôi biết ở Bắc Kỳ, cánh tả có những tờ tuần báo như sau:

- + *Demain (Ngày mai)* - S.F.I.O (Đảng Xã hội).
- + *Tribune Républicaine (Diễn đàn Cộng hoà)* - Pháp.
- + *Effort (Cố gắng)* - Tiến bộ - Tự trị (Bản xứ).
- + *Notre voix - (Tiếng nói của chúng ta)* - Cộng sản.
- + *Đời nay* - Cộng sản.
- + *Người mới* - Khuynh hướng xã hội.
- + *Ngày mới* - Khuynh hướng xã hội.
- + *Thế giới* - Thanh niên tiến bộ.

Trung Kỳ:

- + *Tiếng dân* - Quốc gia.

Nam Kỳ:

- + *Dân chúng* - Cộng sản.
- + *Lao động* - Khuynh hướng cộng sản (tôi cho như vậy).
- + *Tiến tới* - tiến bộ.
- + *Mới* - Thanh niên dân chủ.

Các báo này tán thành đòi tự do dân chủ và ân xá chính trị phạm.

Tờ *Dân chúng*, xuất bản từ Sài Gòn từ tháng 7/1938 là tờ báo đầu tiên đã bất chấp đạo luật cấm phát hành nếu không được phép trước. Sau khi nó ra đời được một tháng, quyền tự do báo chí được ban hành, nhưng hàng ngày người ta cứ tìm cách cắt xén và thủ tiêu đi như về sau chúng ta sẽ thấy. Tôi nghĩ rằng *Dân chúng* cũng là tờ báo được nhiều người đọc nhất ở Đông Dương, vì số lượng phát hành của nó lớn hơn tất cả - mỗi số một vạn bản. Ngày 7/3, tờ báo bị tịch thu, các biên tập viên của nó bị bắt. Trong suốt tháng sau, 28 cuộc mít tinh phản đối đã nổ ra, một vài cuộc có tới 1.000 người tham dự; và để giúp đỡ tờ báo, một cuộc lạc quyên đã được tổ chức và thu được hơn 400 đồng trong

một tuần lễ. Phản đối Chính phủ tìm cách ngăn cản các ứng cử viên của Mặt trận dân chủ trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt, trong vòng đầu, báo *Dân chúng* đã đưa ra khẩu hiệu bỏ phiếu trắng và 2.585 cử tri đã làm theo.

Báo *Đời Nay* ở Bắc Kỳ cũng rất được nhiều người đọc, trong danh sách ủng hộ báo *Đời nay*, người ta đọc thấy tên phụ nữ, thanh niên, học sinh, công nhân, nông dân, tiểu thương ủng hộ từng xu nhỏ một. Người ta còn thấy tên một phụ nữ ủng hộ tới 20 đồng bạc; có lẽ đó là một người cảm tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp tư sản. Công nhân ở Boócđô, Havorơ, Xiêm, Lào và Vân Nam cũng đều gửi tiền để ủng hộ. Khi công nhân, nông dân, tiểu thương và hương sư có kêu ca điều gì thì họ cũng nhờ tới báo *Đời Nay*.

Người đọc tờ *Notre voix* (*Tiếng nói của chúng ta*) thì ít hơn nhiều và chỉ gồm những người Đông Dương biết tiếng Pháp, làm chính trị. Đây là Cương lĩnh của tờ *Notre voix* và cũng là Cương lĩnh chung của các báo cộng sản Đông Dương:

“*Notre voix* sẽ là tiếng nói của những người mong muốn hoà bình, muốn được tự do và hạnh phúc hơn, của những người quyết tâm đấu tranh cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, đấu tranh chống lại các lực lượng bảo thủ và áp bức xã hội, chống lại những kẻ gây chiến, chủ nghĩa phát xít trong nước và quốc tế...”

Chính phủ thuộc địa ra sức dùng bạo lực chống lại các báo phải tả cũng như các báo dân chủ bản xứ. Chúng đuổi những công nhân, viên chức đọc các báo đó, đe dọa những độc giả khác, tịch thu báo và đôi khi cả tài chính của toà báo, bắt bớ và tổng giam các biên tập viên và phóng viên, truy tố ban biên tập trước toà án, v.v... Các biên tập viên báo *Thanh niên* bị bắt ngay sau khi tờ báo phát hành! Thuê môn bài các đại lý báo *Đời Nay* đều tăng 700%.

Nói về những cuộc đàn áp ấy, báo *Demain* (*Ngày mai*), cơ quan của Đảng xã hội xuất bản ở Hà Nội, viết:

“Người ta chỉ có thể khiển trách họ đã đề cập đến những vấn đề dân chủ, đã ca ngợi một sự hợp tác Pháp - Việt chân thành, một sự đoàn kết hợp lý trước hoạ phát xít... Người ta bóp nghẹt mọi tài liệu dân chủ và dung túng sách báo thân Nhật hoặc có khuynh hướng phát xít”.

Kể ra đây tên một số sách bị cấm cũng là điều bổ ích:

- *Lênin*.
- *Nước Nga Xô viết*.
- *Tây Ban Nha*.
- *Lịch sử cách mạng Trung Quốc*.
- *Thắng lợi của Liên Xô do kiên nhẫn mà giành được*.
- *Vũ trang của Liên Xô*.
- *Sự nghiệp xây dựng lại Liên Xô*.
- ...

(Tóm lại, tất cả các sách liên quan đến Liên Xô)

- *Tờrốttxkit, công cụ của chủ nghĩa phát xít* (chữ Trung Quốc).

- *Mặt trận thống nhất chống phát xít sau vụ Muynich* (chữ Trung Quốc).

(Tất cả các sách chống phát xít)

và cả những sách như:

- *Nguyên tắc xử thế* (tiếng dân tộc).

và các sách văn học như:

- *Những ngày tôi sống với Lênin*, của Gorki⁽¹⁾ cũng bị cấm

Báo cánh tả bằng tiếng Việt bị cấm lưu hành ở Trung Kỳ và Cao Miên. Các báo Tờrốttxkit và có khuynh hướng phát xít được khuyến khích và tự do lưu hành ở khắp nơi.

Cuốn *Tư bản*⁽²⁾ cũng bị cấm ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

LINE

Cuối tháng 7/1939

Hỏi Chủ tịch với công tác báo chí,
Hội Nhà báo Việt Nam, 1972, trang
11, 12, 13.

(1) *Mácxim Goócxi* (1868 - 1936): Nhà văn vô sản Nga, người đặt nền móng cho nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

(2) *Tư bản*: xem chú thích ở bài *Đường khách mệnh*, phần I.

KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO “VIỆT NAM ĐỘC LẬP”^(*)

*Để quốc Pháp thật là ác nghiệt,
Làm dân ta như diều như mù.
Làm ta dở dại dở ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo "Độc lập" hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai,
Cho ta biết đó biết đây,
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian;
Cho ta biết kết đoàn tổ chức,
Cho ta hay sức lực của ta,
Cho ta biết chuyện gần xa,
Cho ta biết nước non ta là gì.
Ai không chịu ngu si mù tối
Ắt phải xem báo ấy mới nên;
Giúp cho báo ấy vững bền,
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời!*

Ngày 1/8/1941

Báo *Việt Nam độc lập* số 101⁽¹⁾,
ngày 1/8/1941.

(*) Báo *Việt Nam độc lập*: Xem chú thích bài *Xã luận báo Việt Nam độc lập*.

(1) Báo *Việt Nam độc lập* ra số đầu tiên ngày 1/8/1941, nhưng Bác đề là số 101.

XÃ LUẬN BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP

Tây cốt làm cho dân ta ngu, làm cho dân ta hèn. Ngu thì phải hèn. Ta ngu hèn thì nó dễ trị, dễ ăn hiếp, dễ bóc lột.

Tây có hai cách làm cho ta ngu hèn:

1. Là cách bung mắt. Nó không cho ta tự do hoá báo chí. Nên trong nước và thiên hạ có việc gì lạ cũng không biết. Ví dụ: Khi Tây mất nước rồi dân ta khởi nghĩa ở Nam Kỳ, ở Nghệ An, ở Bắc Sơn mà ta ở Cao Bằng không biết gì hết; Ví dụ: dân Tàu đánh Nhật hăng hái thế nào ta cũng không biết gì hết.

2. Là cách lừa gạt. Nó bảo bọn dê hèn như báo *Đông Pháp* đăng tin bô lão để lừa gạt dân ta. Ví dụ: dân ta không có muối, không có diêm, không có dầu, không có ăn. Đâu đâu cũng oán Tây, cũng lục xục mà báo *Đông Pháp* cứ nói nước ta thái bình lắm. Ví dụ ở Xyri; Tây bị đánh thua chạy không kịp mà báo *Đông Pháp* nói như Tây vẫn thắng trận.

Tây cốt làm cho dân ta ngu hèn. Báo *Việt Nam độc lập*⁽¹⁾ cốt làm cho dân ta hết ngu hèn, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật, làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng, tự do.

Ngày 9/8/1941

Hồ Chủ tịch với công tác báo chí,
Hội Nhà báo Việt Nam, 1972.

(1) Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh (tháng 5/1941), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định cho xuất bản một tờ báo lấy tên là *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt lập*. Báo *Việt Nam độc lập*, cơ quan tuyên truyền của Việt Minh Cao - Bắc - Lạng do Người sáng lập và chỉ đạo trực tiếp. Số đầu tiên ra ngày 1/8/1941 tại khu rừng Khuổi Nậm (Pác Bó, Cao Bằng). Dù bận rộn công việc lãnh đạo phong trào, Người vẫn quan tâm đặc biệt đến tờ báo, trực tiếp chỉ đạo, duyệt bài, vẽ tranh, viết bài, đôi khi còn làm cả việc lấy tin, in báo. Nhiều thơ ca của Người trong giai đoạn 1941-1942 đã in lần đầu tiên trên báo này và đều không ký tên. Báo *Việt Nam độc lập* tồn tại đến ngày 30/9/1945 đã ra được 129 số. Từ tháng 8/1942 cho đến tháng 5/1945, báo *Việt Nam độc lập* do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách.

CỔ ĐỘNG BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP^(*)

*Việt Nam độc lập thổi kèn loa
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già:
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Để cùng nhau cứu nước Nam ta!*

Tháng 8/1941

Báo *Việt Nam độc lập*, số 103 (tức số 3),
ngày 21/8/1941.

* *Cổ động báo Việt Nam độc lập* là bài thơ in kèm theo tranh minh họa do Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết và vẽ. Bức tranh đó hoàn toàn do xếp chữ mà thành. Tác giả sử dụng ngay số nét của bốn chữ tên tờ báo *Việt Nam độc lập* vẽ thành một người Việt Nam đang sức thanh niên cường tráng, đầu đội nón (dấu ô), mồm thổi kèn loa (được cách điệu từ chữ đ viết hoa) nhằm cổ động đồng bào ta đoàn kết cứu nước.

Cũng với bút pháp minh họa có thơ phụ đề, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn vẽ một loạt tranh khác như *Hòn đá to, Năm giới sĩ, công, nông, thương, binh*, v.v... rất gần với lối tranh áp phích ROXTA - "các cửa sổ" của thông tấn xã Nga - mà V. Maiakốpski đã vừa vẽ tranh vừa đề thơ minh họa vào những năm đầu sau Cách mạng tháng Mười Nga. Nhân đây, chúng ta cũng nên chú ý một chi tiết được ghi trong Báo cáo gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế cộng sản (ngày 18/12/1924) của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi đi từ Quảng Châu (Trung Quốc): "Mỗi ngày tôi làm việc vài giờ cho thông tấn xã ROXTA".

MỪNG BÁO QUỐC GIA

*T*ết này mới thật Tết dân ta,
Mấy chữ chào mừng báo Quốc gia⁽¹⁾
Độc lập đầy vui ba cốc rượu,
Tự do vàng đỏ một rừng hoa.
Muôn nhà chào đón xuân Dân chủ,
Cả nước vui chung phúc Cộng hoà.
Ta chúc nhau rồi ta nhớ chúc
Những người chiến sĩ ở phương xa.⁽²⁾

HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, Tết độc lập Bính Tuất 1946

Báo Nhân dân, ngày 7/5/1980.

(1) Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Sau hơn 80 năm sống lầm than, rên xiết dưới gót sắt của bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật, xuân Bính Tuất - 1946, lần đầu tiên, nhân dân ta vui tết độc lập, tự do.

Nhân dịp này, báo *Quốc gia*, cơ quan ngôn luận của một nhóm nhân sĩ yêu nước xuất bản tại Hà Nội, có đến xin thơ Bác Hồ, Bác liền vui vẻ viết tặng báo bài thơ trên đây.

(2) Các chiến sĩ Nam tiến lúc đó đi chiến đấu chống bọn thực dân Pháp gây chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ.

GỬI BÁO “VỆ QUỐC QUÂN”

Vệ quốc quân là quân đội của nhân dân, để bảo vệ đồng bào, giữ gìn Tổ quốc. Báo *Vệ quốc quân*⁽¹⁾ là cốt để nâng cao tinh thần và kỷ luật của bộ đội. Báo *Vệ quốc quân* sẽ luôn luôn nêu 12 điều sau này, và khuyến khích mỗi một chiến sĩ phải theo mệnh lệnh cấp trên:

- 1 - Mọi việc đều phải theo mệnh lệnh cấp trên.
- 2 - Tuyệt đối không đem của công dùng vào việc tư.
- 3 - Không động đến một cái kim, một sợi chỉ của dân.
- 4 - Khi đến đóng, lúc kéo đi, phải giữ gìn nhà, vườn của dân cho sạch sẽ.
- 5 - Nói năng cử động phải giữ lễ phép, phải kính người già, yêu trẻ con.
- 6 - Mua bán phải công bình
- 7 - Mượn cái gì phải trả tử tế
- 8 - Hổng cái gì phải bồi thường
- 9 - Phải giúp đỡ dân, bất kỳ việc to, việc nhỏ
- 10 - Trong bộ đội từ trên đến dưới phải đồng cam cộng khổ
- 11 - Chớ ve gái, say sưa, cờ bạc, hút sách
- 12 - Phải giúp đỡ gia đình chiến sĩ tại nơi mình đóng, phải giúp đỡ việc tăng gia sản xuất

Đó là nền tảng thắng lợi trong cuộc kháng chiến kiến quốc. Đó là nhiệm vụ chính của báo *Vệ quốc quân*.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 27/3/1947

Hồ Chí Minh Tuyển tập. Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1961, trang 267.

(1) Báo *Vệ quốc quân* là cơ quan tuyên truyền giáo dục của quân đội ta từ năm 1945. Đến ngày 20 - 10/1949, báo này cùng với báo *Quân du kích* sát nhập làm một và lấy tên là *Quân đội nhân dân*.

GỬI BÁO “XUNG PHONG”, CƠ QUAN CỦA TRẺ EM YÊU NƯỚC TỈNH HẢI DƯƠNG

*B*ác nhận được báo Xung phong,
Cảm ơn các cháu có lòng gửi cho.
Các cháu nghe Bác dặn dò:
Phải biết yêu nước, phải lo học hành,
Siêng làm việc, siêng tập tành,
Phải giữ kỷ luật là thành cháu ngoan.
Bác yêu các cháu muôn vàn,
Bác gửi các cháu một ngàn cái hôn.⁽¹⁾

HỒ CHÍ MINH
Năm 1948

Bác Hồ với Hải Hưng. Ban Nghiên cứu
lịch sử Đảng - Ty Văn hoá và thông tin
tỉnh Hải Hưng, 1979, trang 11.

(1) Trích thư của Hồ Chủ tịch gửi cho Toà soạn báo *Xung phong* ở thị xã Ninh Giang, Hải Dương, nay là Hải Hưng.

GỬI BÁO “BẠN CHIẾN ĐẤU”

Các bạn thân mến,
Rất cảm ơn các bạn về những số báo của *Bạn chiến đấu* ⁽¹⁾. Đây là một vài ý kiến nhỏ đề nghị với các bạn: tờ báo này dành cho những người lính lê dương, những chàng trai vui tính, dễ cáu kỉnh, dễ cảm xúc, chứ không phải là những người làm chính trị sâu sắc.

Bởi vậy, cần có những bức tranh, những bức vẽ khôi hài, những gì làm cho họ vui cười, những tin tức ngắn về nước Đức và nước Pháp - đặc biệt là những tin tức có liên quan đến đời sống của nhân dân (như không đủ lương thực tiếp tế, đình công, sự phiền nhiễu của các cơ quan cai trị...).

Nói tóm lại, cần làm cho họ cảm động, thoải mái, làm cho họ cười và khóc, để lôi cuốn họ về phía chúng ta.

Không nên viết những bài dài.

Không nên viết những vấn đề chính trị lớn đương thời.

Các bạn nghĩ thế nào?

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

HỒ CHÍ MINH

10/2/1948

Bản dịch đăng báo *Quân đội nhân dân*,
ngày 19/5/1977.

(1) *Bạn chiến đấu*: tờ báo của ta xuất bản bằng tiếng Đức nhằm mục đích thức tỉnh lính lê dương người Đức và người Áo trong quân đội viễn chinh Pháp chấm dứt cuộc đời làm lính đánh thuê cho bọn thực dân Pháp, tàn sát nhân dân Việt Nam, thực hiện mưu đồ của giặc Pháp định chiếm nước ta một lần nữa.

Cơ quan báo *Bạn chiến đấu* đóng ở gần Thái Nguyên, cách Hà Nội chừng 80 km, giữa một khu rừng sâu Việt Bắc. Bức thư này Hồ Chủ tịch đánh máy bằng tiếng Pháp; cuối thư là chữ ký bằng mực tím kèm theo một triệu hình vuông của Chính phủ ta lúc bấy giờ. Bốn chữ “Chúc mừng năm mới” được đánh máy bằng tiếng Đức, cỡ chữ lớn. Bức thư hiện được đồng chí Écuyn Bécse, Cộng hoà dân chủ Đức (cũ), nguyên là sĩ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam lưu giữ.

THƯ GỬI LỚP HỌC VIẾT BÁO HUỲNH THÚC KHÁNG^(*)

Các bạn yêu quý!
Tôi rất vui lòng nhận được tin các bạn đến học viết báo. Tiếc vì điều kiện chưa tiện, tôi không đến thăm các bạn được. Đây tôi có vài ý kiến để giúp các bạn nghiên cứu.

Tờ báo của chúng ta có mấy điểm chính:

1 - *Nhiệm vụ*: của tờ báo là tuyên truyền, cổ động, huấn luyện, giáo dục, và tổ chức dân chúng để đưa dân chúng đến mục đích chung.

2 - *Mục đích*: là kháng chiến và kiến quốc. Để đi đến kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công thì:

3 - *Tôn chỉ*: của tờ báo là đoàn kết nhân dân, thi đua ái quốc, vì vậy:

4 - *Đối tượng*: của tờ báo là đại đa số Dân chúng; một tờ báo không được đại đa số ham chuộng thì không xứng đáng là một tờ báo. Muốn dân chúng ham chuộng, coi tờ báo ấy là tờ báo của mình thì:

Nội dung: tức là các bài báo viết phải giản đơn, dễ hiểu, phổ thông, thiết thực, hoạt bát và:

Hình thức: tức là cách sắp đặt các bài, cách in phải sạch sẽ, sáng sủa.

Hiện nay các báo ta thường có những khuyết điểm sau đây:

Về mặt tuyên truyền thì không kịp thời và chính trị suông quá nhiều.

Không biết giữ bí mật, đôi khi đăng tin vọt. Hay dùng chữ Tàu quá, nhiều khi dùng không đúng. Hoặc là in nhem nhuốc, luộm thuộm hoặc là vì “mỹ thuật” mà cắt một bài ra hai ba đoạn, khó đọc. Tin tức chậm. Tin quan trọng thì bài ngắn và in chữ nhỏ, bài không quan trọng thì viết dài và in chữ to.

Tờ báo không vui vẻ.

Muốn viết báo thì cần:

1 - Gắn gũi quần chúng, cứ ngồi trong phòng giấy mà viết thì không thể viết thiết thực.

2 - Ít nhất cũng phải biết một thứ tiếng nước ngoài, để xem báo nước ngoài và học kinh nghiệm của người.

(*) Huỳnh Thúc Kháng: xem chú thích bài *Giải toàn thể đồng bào sau ngày Cụ Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng tạ thế*, phần VII.

3 - Khi viết xong một bài, tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cẩn thận. Tốt hơn nữa là đưa nhờ một vài người ít văn hoá xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào họ không hiểu thì sửa lại cho dễ hiểu.

4 - Luôn luôn gắng học hỏi, luôn luôn cầu tiến bộ. Nghe nói có ba cô đến học viết báo, đó là điều đáng mừng cho báo chí ta. Lớp này là lớp học viết báo đầu tiên, tôi mong các chú, các cô thi đua nhau học và hành cho xứng đáng là người tiên phong trên mặt trận báo chí. Báo chí cũng phải thực hiện khẩu hiệu:

Tất cả để chiến thắng!

CHÀO THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG

HỒ CHÍ MINH

Tháng 5/1949

Hồ Chủ tịch với công tác báo chí,

Hội nhà báo Việt Nam, 1972.

THƯ GỬI LỚP HỌC VIẾT BÁO HUỖNH THỨC KHÁNG (II)

Biết lớp học sắp xong, tôi muốn đến thăm nhưng tiếc không đến được. Vậy tôi gửi vài lời khuyên các cô, các chú:

Có thể ví dụ rằng: 3 tháng này các bạn đã học cừu chương. Còn muốn giỏi các phép tình thì phải học nữa, phải học mãi.

Học ở đâu, học với ai?

Học trong xã hội, học nơi công tác thực tế, học ở quần chúng. Nếu các bạn viết báo mà quần chúng hiểu, quần chúng ham đọc, quần chúng khen hay, thế là các bạn tiến bộ. Trái lại - là các bạn chưa thành công.

Các bạn nên thật thà phê bình ban huấn luyện, để giúp cho lớp học sau được mỹ mãn hơn nữa.

Các bạn nên thi đua nhau, thi đua một cách thiết thực, để cùng nhau tiến bộ. Chúc các cô các chú mạnh khỏe và thành công.

CHÀO THÂN MẾN VÀ QUYẾT THẮNG

HỒ CHÍ MINH

Tháng 7/1949

Báo *Cừu quốc*, ngày 12/9/1949.

GỬI “QUÂN NHÂN HỌC BÁO”^(*)

Quân nhân phải biết võ, phải biết văn,
Võ là như tay phải, văn là như tay trái của quân nhân.
Biết võ, biết văn, mới là quân nhân hoàn toàn.
Muốn biết thì phải thi đua học
Học không bao giờ cùng
Học mãi để tiến bộ mãi.
Càng tiến bộ, càng thấy cần phải học thêm.

CHÀO THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG

HỒ CHÍ MINH
Tháng 4/1949

Báo Nhân dân, ngày 25/11/1979.

* *Quân nhân học báo* là tập san chuyên hướng dẫn các chiến sĩ bộ đội học tập văn hoá, xuất bản tại Việt Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên đây là toàn văn lá thư của Hồ Chủ tịch gửi cho *Quân nhân học báo* theo tài liệu công bố lần đầu tiên trên báo *Nhân dân*.

GỬI BÁO “QUÂN DU KÍCH”

Làm cho: Mỗi quốc dân là một chiến sĩ,
Mỗi làng xóm là một pháo đài.

Làm cho: Quân đội giặc đi đến đâu cũng bị khuấy, bị phá, bị diệt.

Bộ đội ta đến đâu cũng được giúp đỡ đầy đủ về vật chất và tinh thần.

Đó là nhiệm vụ của báo *Quân du kích*⁽¹⁾.

Viết làm sao cho giản đơn, dễ hiểu, thiết thực. Sao cho mỗi đồng bào, mỗi chiến sĩ đều đọc được, hiểu được, nhớ được, làm được.

Nội dung của báo *Quân du kích* phải như thế.

Trong giai đoạn đẩy mạnh cuộc cầm cự, chuẩn bị tổng phản công, nhiệm vụ dân quân du kích là: ngăn cản giặc, tiêu hao giặc, giữ gìn quân hương, để cho Vệ quốc quân được rảnh tay, tìm cơ hội, đánh những trận to để tiêu diệt chủ lực của giặc.

Tôi mong rằng báo *Quân du kích* sẽ giúp nhân dân du kích THI ĐUA với vệ quốc quân diệt nhiều giặc, cướp nhiều súng, lập nhiều công.

CHÀO THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG

HỒ CHÍ MINH

Tháng 7/1949

Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, trang 222.

(1) Xem chú thích bài *Gửi báo Vệ quốc quân* ở trên.

HUẤN THỊ NHÂN DỊP HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CHIẾN DỊCH LÊ HỒNG PHONG II^(*)

(Trích)

...
Địch tuyên truyền cho ta nhiều hơn. Ta chưa tập trung hết mọi phương tiện và huy động hết mọi khả năng cho nên thông tin rất chậm, phổ biến không rộng. Chiến dịch kết thúc ngày 15/10 mà mãi đến ngày 30/10 nhân dân và cán bộ nhiều nơi chưa biết, hoặc mới biết qua loa, hoặc biết mà không biết cách phổ biến. Tuyên truyền trong tù binh, binh lính địch, và tuyên truyền quốc tế cũng rất kém. Ta chưa biết trích những câu đăng trong các báo địch oán trách bọn chỉ huy, bọn chính khách, bọn chính quyền thực dân lo ăn chơi, tranh tư lợi, trong lúc binh lính tử trận “không hương hoa, không nước mắt” để làm truyền đơn địch vận, để giải thích cho tù binh và tuyên truyền cho nhân dân trong vùng tạm bị chiếm.

HỒ CHÍ MINH
Năm 1950

...
Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 46.

* *Chiến dịch Lê Hồng Phong II*: Tháng 6/1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Lê Hồng Phong II (tức là chiến dịch Biên giới). Hồ Chủ tịch chỉ thị: “Chiến dịch này chỉ cho đánh thắng, không cho đánh bại”. Ngày 25/7/1950, Trung ương thành lập Đảng uỷ và Bộ chỉ huy mặt trận do đồng chí Võ Nguyên Giáp, Uỷ viên thường vụ trung ương Đảng, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam làm bí thư Đảng uỷ, chỉ huy trưởng kiêm Chính uỷ mặt trận.

Giữa tháng 9/1950, Hồ Chủ tịch lên đường ra mặt trận tham gia chỉ đạo chiến dịch. Chính trong thời gian này, Người viết bài thơ chữ Hán: *Đăng Sơn* (Lên núi). Sau đây là toàn văn bản dịch:

*Chống gậy lên non thăm trận địa,
Vạn trùng núi dờ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đầu
Thẻ diệt xâm lăng lũ sói cầy.*

GỬI BÁO “CỨU QUỐC”

Đề nghị:

Mỗi ngày nên đăng một cái “bảng vàng”, kể một việc oanh liệt trong cuộc kháng chiến.

Nói vắn tắt, nhưng rõ và ít theo lối tiểu thuyết, chừng 15, 20 dòng. Mục đích cốt để nâng cao chí kháng chiến của dân. Tuy dùng cách “sùng bái anh hùng”, chớ nói tếu quá.

Tên người và địa điểm không nói rõ v.v...

Thí dụ:

BẢNG VÀNG

*Những người dũng cảm phi thường,
Anh hùng kháng chiến bằng vàng thom danh.*

Anh L.V. tiểu đội trưởng VQĐ số X, được mệnh lệnh cùng đồng chí K., đi do thám mặt trận địch. Tuy giờ tới đêm, hai anh phải cẩn thận bò gần 1 cây số; đến gần, địch bắn ra. Anh L.V. bị thương ở gần cánh tay. Anh vẫn cố gắng bò gần nữa, liệng một quả lựu đạn chuy, nãm tên địch ngã ra. Anh L.V. mới bò về.

Vết thương khá nặng, nhưng anh L.V. nhất định không chịu đi nhà thương. Anh nói rằng: “Tay trái bị thương, nhưng tay phải của tôi vẫn bắn được”.

Như anh L.V. thật là một chiến sĩ xứng đáng.

...

Phải sửa lại cho hay hơn.

HỒ CHÍ MINH

Bút tích, lưu trữ tại

Viện Bảo tàng Cách mạng.

HUẤN THỊ TẠI HỘI NGHỊ VỀ CHIẾN TRANH DU KÍCH^(*)

(Trích)

... 8 - Nói về *tuyên truyền* ở sau lưng địch thì cũng như hồi trước truyền được nhân dân là nhờ có sáng kiến, ngoài tuyên truyền bằng miệng còn tuyên truyền bằng báo chí. Bây giờ Trung ương, Chính phủ cũng đã cố gắng đưa báo *Cứu quốc*, *Nhân dân* vào vùng địch, nhưng vẫn chưa đủ và gặp khó khăn. Ở địch hậu phải tạo ra những tờ báo in bằng đá, bằng đất, không cần to lắm và cũng không cần in hằng ngày, cốt sao phổ biến tuyên truyền đường lối chính sách của Chính phủ, *tuyên truyền thiết thực làm dân hiểu* được thắng lợi của ta, thua thiệt và tội ác của giặc. Đó là công tác giáo dục của Đảng.

HỒ CHÍ MINH
Tháng 7/1952

*Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ
trang nhân dân*. Nhà xuất bản Quân đội
nhân dân, Hà Nội, 1970, trang 266.

(*) *Hội nghị về chiến tranh du kích*: tháng 7/1952, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Tổng quân uỷ triệu tập Hội nghị về chiến tranh du kích để tổng kết những kinh nghiệm quý báu, nhất là kinh nghiệm chống địch càn quét, và đề ra những nhiệm vụ cụ thể về chỉ đạo chiến lược, chiến thuật, tổ chức, xây dựng, nhằm đưa chiến tranh du kích phát triển đến một trình độ cao.

MẤY KHUYẾT ĐIỂM CỦA BÁO CHÍ TA

So với mấy năm trước, thì nay báo chí ta có *tiến bộ*, nhưng vẫn còn nhiều *khuyết điểm* cần phải sửa chữa. Vài ví dụ:

Đối với các *ngành hoạt động*, nêu các thành tích - Thế là đúng, nhưng rất ít phê bình các khuyết điểm - Thế là không đúng. Có khi phê bình, thì cũng “đánh trống bỏ dùi”, không đi sâu xét kỹ tận gốc rễ vì sao có khuyết điểm ấy? Và sau khi phê bình, những cơ quan hoặc những người bị phê bình đã thật thà tự kiểm thảo và sửa đổi chưa?

Về *thi đua tăng gia sản xuất* thì các báo chí ta chưa làm tròn nhiệm vụ, như: nghiên cứu tỉ mỉ, nêu lên rõ ràng, và bằng cách áp dụng rộng rãi những *kinh nghiệm tốt*, chưa lắng nghe những lời phê bình và những điều đề nghị của anh em lao động trong các ngành. Chưa *phê bình* nghiêm khắc những cách làm việc thủ cựu và những cái gì nó ngăn trở bước tiến trong các công tác. Chưa khen ngợi một cách đúng mức (không thổi phồng) những thành tích đã thu được, đồng thời nhắc nhở những việc còn phải làm để tiến bộ hơn nữa.

Lại thí dụ như các *hội đổi công* ở nông thôn, các báo chí ta chỉ nêu những con số phát triển, nhưng không nghiên cứu kỹ càng những hội ấy có ưu điểm gì, để giúp họ phát triển, có khuyết điểm gì để giúp họ sửa đổi, những khó khăn gì để giúp họ giải quyết.

Nói tóm lại để làm tròn nhiệm vụ *tuyên truyền, tổ chức, hướng dẫn* thì các báo chí ta cần phải gần gũi quần chúng hơn nữa, đi sâu vào công việc thực tế hơn nữa, cách làm việc của các báo chí phải cải thiện hơn nữa.

C.B

Tháng 5/1954

Báo Nhân dân, ngày 1/5 đến 5/5/1954.

CẦN PHẢI XEM BÁO ĐẢNG

Đảng ta mạnh vì Đảng ta tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, suốt từ trên xuống dưới. Về báo của Đảng có nhiệm vụ làm cho tư tưởng và hành động thông suốt và thống nhất. Trong báo Đảng có những mục giải thích về:

Lý luận Mác - Lênin.

Tình hình thế giới và trong nước.

Đường lối chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Chính phủ.

Chương trình và kế hoạch của những công tác cần thiết.

Đời sống và ý nguyện của nhân dân.

Những kinh nghiệm tốt và xấu của các ngành, các địa phương.

Cách học tập, công tác, tự phê bình và phê bình v.v...

Tờ báo Đảng là như những lớp huấn luyện đơn giản, thiết thực và rộng khắp. Nó dạy bảo chúng ta những điều cần thiết làm về tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo và công tác. Hàng ngày nó giúp nâng cao trình độ chính trị và năng suất công tác của chúng ta.

Nếu cứ cầm đầu làm việc, mà không xem, không nghiên cứu báo Đảng, thì khác nào nhắm mắt đi đêm, nhất định sẽ lúng túng, vấp vấp, hỏng việc.

Vì vậy, cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng, toàn thể đảng viên và cốt cán, cần phải xem báo Đảng.

Có những đồng chí mượn cớ quá bận việc, hoặc cớ này, cớ khác mà không chú ý xem báo Đảng. Đó là che giấu bệnh lười, đó là một khuyết điểm to, cần phải sửa chữa ngay. Vô luận công việc bận đến thế nào, nếu khéo sắp xếp thì nhất định có thời giờ xem báo. Hồ Chủ tịch và nhiều đồng chí Trung ương cũng bận việc không kém gì các cán bộ khác, nhưng ngày nào cũng xem được sách và nhiều thứ báo. Đó là một điều chúng ta phải học tập.

Hai vấn đề nữa;

1 - Số báo ra có hạn, mà người xem báo thì nhiều.

2 - Nhiều người không sẵn tiền mua báo.

Để giải quyết hai khó khăn ấy, các chi bộ, các cơ quan, đơn vị, nhà máy v.v... nên tổ chức góp nhau mua báo, cùng nhau đọc báo. Khi xem báo thấy những vấn đề quan trọng, thì nên cùng nhau thảo luận. Gặp vấn đề gì khó hiểu thì nên viết thư hỏi nhà báo.

C.B.

Tháng 6/1954

Báo Nhân dân, tháng 6/1954.

VỀ “Ý KIẾN BẠN ĐỌC”

Báo có mục *Ý kiến bạn đọc*, bạn đọc thường hay gửi ý kiến cho báo, đó là việc rất hay, vì đó là một cách phê bình và tự phê bình thiết thực, rộng rãi của nhân dân. Trong tháng 12 vừa qua, các bạn đọc đã phát biểu nhiều ý kiến hay, như những bài:

- Nên đi họp đúng giờ,
- Nên đảm bảo thóc gạo sạch sẽ để nộp thuế,
- Các ô tô hàng cần niêm yết giá vé,
- Ô tô hàng chở tham, chở nhiều khách quá,
- Nên thận trọng trong việc trình bày khẩu hiệu,
- Nên xoá bỏ những khẩu hiệu cũ của địch,
- Cần quy định và phổ biến luật đi đường,
- Nên phát triển máy hơi than dùng chạy ô tô thay cho xăng dầu.

....

Song, bạn đọc đề nghị và báo nêu ra, đó chỉ là *bước đầu*. Nếu chỉ có thế thôi, thì vô ích. Phải tiếp tục có *bước thứ hai*, tức là những người hoặc những cơ quan phụ trách phải thực hiện những điều báo nêu ra, thí dụ:

Các chủ ô tô thì niêm yết giá vé, và không chở quá nhiều hành khách.

Công an thì quy định và phổ biến luật đi đường, làm cho mọi người tôn trọng luật đi đường...

Cán bộ đi họp đúng giờ, đồng bào nộp thuế thì bảo đảm nộp thóc gạo sạch sẽ. v.v...

Bước thứ ba là kiểm tra. Nhà báo, bạn đọc và nhân dân kiểm tra xem những việc ấy đã làm chưa? Làm đến đâu?... Nếu làm được chu đáo, thì nhà báo phải có lời khen ngợi. Nếu làm không chu đáo, thì nhà báo và nhân dân phải tiếp tục phê bình, đấu tranh.

Ý kiến bạn đọc là những ý kiến đấu tranh. Cái mới đấu tranh với cái cũ, cái tốt đấu tranh với cái không tốt. Đấu tranh thì phải đấu tranh đến kết quả thắng lợi. Như thế, *ý kiến bạn đọc* mới thật có ích.

C.B.

Tháng 1/1955

Báo Nhân dân, ngày 2/1/1955.

CÓ PHÊ BÌNH PHẢI CÓ TỰ PHÊ BÌNH

Báo *Nhân dân* thường đăng những bài của bạn đọc hoặc của phóng viên nhà báo phê bình khuyết điểm trong công tác của một số ngành địa phương. Nói chung, nhiều ý kiến phê bình đều có căn cứ và những vấn đề có quan hệ đến đời sống nhân dân và công tác của Nhà nước.

Song phê bình không phải để có phê bình, mà cần phải đi đến sửa chữa những khuyết điểm đó là có thật. Sau khi báo nêu ý kiến phê bình, đã có một số địa phương và cơ quan tự phê bình công khai trên báo và đề ra phương pháp sửa chữa khuyết điểm, như gần đây tỉnh uỷ Cao Bằng đã gửi bài tự kiểm thảo đăng báo. Đó là một điều rất tốt. Nhưng cũng còn nhiều việc phê bình nêu lên báo rồi không thấy những cơ quan hay địa phương có vấn đề lên tiếng, như đối với bài phê bình tỉnh uỷ Thanh Hoá coi nhẹ lãnh đạo sản xuất, nhà ga Hà Nội có những hiện tượng lãng phí v.v...

Mong rằng các cơ quan hay địa phương có những vấn đề báo đã nêu lên nên phát biểu ý kiến, nói rõ chỗ nào báo phê bình đúng, chỗ nào sai, và có khuyết điểm thì phải sửa chữa như thế nào. Có như thế thì phê bình mới có ích.

C.B

Tháng 7/1955

Báo Nhân dân, ngày 4/7/1955.

PHẢI XEM TRỌNG NHỮNG Ý KIẾN CỦA QUẦN CHÚNG

Trách nhiệm của cán bộ chính quyền và đoàn thể là phải *xem trọng những phê bình và những đề nghị của quần chúng*.

Nhưng vẫn có nhiều cán bộ không làm đúng như vậy. Vài thí dụ:

Các báo thường đăng những lời phê bình của nhân dân. Nhưng nhiều khi như “nước đổ đầu vịt”, cán bộ cơ quan và đoàn thể được phê bình cứ im hơi lặng tiếng, không tự kiểm điểm, không đăng báo tự phê bình và hứa sửa chữa.

C.B

Tháng 8/1956

Báo Nhân dân, ngày 21/8/1956.

SẮC LỆNH SỐ 282 - SL, NGÀY 14/12/1956 QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ

(Trích)

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Chiều Sắc lệnh số 41 ngày 29/3/1946 quy định chế độ báo chí.
Theo đề nghị của Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, sau khi Ban Thường trực Quốc hội thoả thuận.

RA SẮC LỆNH

Chương I

Điều 1 - Sắc lệnh này nhằm bảo đảm quyền tự do ngôn luận của nhân dân trên báo chí và ngăn cấm những kẻ lợi dụng quyền ấy để làm phương hại đến công cuộc đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập của đất nước.

Điều 2 - Báo chí dưới chế độ ta, bất kỳ là của một cơ quan chính quyền, đảng phái chính trị, đoàn thể nhân dân hoặc của tư nhân cũng đều là công cụ đấu tranh của nhân dân, phải phục vụ quyền lợi của Tổ quốc, của nhân dân, bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, ủng hộ Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Điều 3 - Báo chí dưới chế độ ta có nghĩa vụ:

a) Tuyên truyền, giáo dục nhân dân, động viên tinh thần đoàn kết phấn đấu thực hiện mọi đường lối chính sách của Chính phủ, đấu tranh bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, phát triển tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước bạn và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới, phục vụ cuộc đấu tranh thực hiện một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

b) Đấu tranh chống mọi âm mưu, hành động và luận điệu phá hoại công cuộc đấu tranh thống nhất Tổ quốc, phá hoại hoà bình.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN LỢI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO CHÍ

Mục I - Quyền lợi của báo chí

Điều 4 - Quyền tự do ngôn luận của nhân dân trên báo chí được bảo đảm. Tất cả các báo chí đều được hưởng quyền tự do ngôn luận. Không phải kiểm duyệt trước khi in; trong trường hợp khẩn cấp, xét cần phải tạm thời đặt kiểm duyệt, Hội đồng Chính phủ sẽ quyết định.

Điều 5 - Báo chí có thể phản ánh nguyện vọng của nhân dân đối với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, góp ý kiến vào việc xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Chính phủ.

Điều 6 - Quyền lợi của những người viết báo chuyên nghiệp sẽ do Nghị định của Thủ tướng Chính phủ quy định.

Mục II - Điều kiện hoạt động của báo chí

... *Điều 9* - Để quyền tự do ngôn luận trên báo chí được sử dụng một cách đúng đắn, báo chí phải tuân theo những điều sau đây:

a) Không được tuyên truyền chống pháp luật của Nhà nước, không được cổ động nhân dân không thi hành hoặc chống lại luật lệ và đường lối, chính sách của Nhà nước. Không được viết bài có tính chất chống lại chế độ dân chủ nhân dân, chống lại chính quyền nhân dân, chia rẽ nhân dân và chính quyền, nhân dân và bộ đội. Không được gây ra những sự kiện hoặc những hành động có hại cho an ninh trật tự của xã hội.

b) Không được tuyên truyền phá hoại sự nghiệp củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ của nước Việt Nam, làm giảm sút tinh thần đoàn kết, ý chí phấn đấu của nhân dân và bộ đội.

c) Không được tuyên truyền chia rẽ dân tộc, gây thù hằn giữa nhân dân các nước, làm tổn hại tình hữu nghị giữa nhân dân nước ta với nhân dân các nước bạn, không được tuyên truyền cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, không được tuyên truyền cho chủ nghĩa đế quốc, không được tuyên truyền chiến tranh.

d) Không được tiết lộ bí mật quốc gia như: Những bí mật quốc phòng, những hội nghị cơ mật chưa có công bố chính thức của cơ quan có trách nhiệm, những vụ án đang điều tra chưa xét xử, những bản án mà toà án không cho phép công bố, những tài liệu, số liệu mà những cơ sở kiến thiết về kinh tế, tài chính mà Ủy ban kế hoạch nhà nước hoặc các cơ quan có thẩm

quyền chưa công bố.

e) Không được tuyên truyền dâm ô, trụy lạc, đồi bại.

Điều 10 - Báo nào đăng bài vu khống, xúc phạm đến danh dự của một tổ chức hay một cá nhân, thì đương sự có quyền yêu cầu báo ấy cải chính hoặc đăng bài cải chính của đương sự; ngoài ra, đương sự có quyền yêu cầu toà án xét xử.

Điều 11 - Trước khi phát hành, các báo chí phải thi hành thể lệ nộp phí.

Điều 12 - Không được phát hành và in lại những báo chí của cơ quan chính quyền đã có quyết định thu hồi.

...

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Mục II - Điều khoản chung

...

Điều 15 - Các điều khoản trong Sắc lệnh này áp dụng cho tất cả các tác phẩm có tính chất báo chí, tập san bằng tiếng Việt, hoặc bằng tiếng nước ngoài, kể cả họa báo xuất bản đều kỳ hoặc không đều kỳ, trên lãnh thổ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ra từng tờ hoặc đóng thành từng tập, từng quyển, in bằng máy, bằng rô-nê-ô, in đá, in thạch, bán hoặc phát không, lưu hành ngoài nhân dân hoặc trong từng ngành, từng tổ chức.

Điều 16 - Tất cả các báo chí đã xuất bản trước ngày ban hành Sắc lệnh này thì không phải xin phép nữa. Những bài báo nào chưa làm đúng thủ tục khai báo thì nay phải khai báo lại cho đúng.

Điều 17 - Những luật lệ về báo chí đã ban hành từ trước đến nay trái với các điều khoản ghi trong Sắc lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 18 - Thủ tướng Chính phủ sẽ quy định những chi tiết thi hành Sắc lệnh này.

Điều 19 - Thủ tướng Chính phủ, các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm thi hành Sắc lệnh này.

CHỦ TỊCH

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Hà Nội ngày 14/12/1956

HỒ CHÍ MINH

Công báo nước Việt Nam dân chủ cộng
hoà, 1956.

HUẤN THỊ TẠI HỘI NGHỊ CÔNG ĐOÀN

(Trích)

... Cán bộ công đoàn phải tùy khả năng mà cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, vì đời sống vật chất và văn hoá có khá thì làm việc mới tốt. Cho nên phải chú ý cải thiện sinh hoạt cho công nhân.

... Về đời sống tinh thần của công chúng cũng vậy. Ở những xí nghiệp, nông trường ở những nơi xa xôi hẻo lánh, anh em công nhân không có điện ảnh tới. Cái đó cũng là do cán bộ văn hoá không chú ý, nhưng mặt khác cũng là vì cán bộ công đoàn không săn sóc đến đời sống tinh thần của công nhân.

... Muốn đạt mục đích “đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm” thì cán bộ công đoàn cần phải nắm vững chính sách của Đảng, đi đúng đường lối quần chúng, lãnh đạo phải dân chủ, phải cùng công nhân đồng cam cộng khổ, phải hoà mình với công nhân thành một khối, phải gương mẫu. Nếu không cùng công nhân hoà thành một khối, là quan liêu.

Công nhân sản xuất tốt hay xấu, có đoàn kết hăng hái sản xuất hay không, đó là những tiêu chuẩn để biết cán bộ công đoàn tốt hay không.

... Ta có nhiều kinh nghiệm tốt, tại sao không phổ biến để tránh những kinh nghiệm xấu? Đó là vì lãnh đạo của công đoàn có nhiều thiếu sót. Ngay tờ báo của công đoàn cũng cần phải xem lại. Báo của công đoàn là công cụ giáo dục công nhân, phải nêu đi nêu lại những ưu điểm, những kinh nghiệm tốt của nơi này cho nơi khác học tập, đồng thời cũng phải nêu những khuyết điểm của nơi này cho nơi khác rút kinh nghiệm mà tránh. Tờ báo chưa làm tròn được nhiệm vụ ấy.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 14/3/1959

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập V, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, trang 199 - 201.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ HAI CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM^(*)

(Trích)

Bác thay mặt Đảng và Chính phủ đến thăm các đồng chí. Là một người có nhiều duyên nợ với báo chí, Bác nêu vài ý kiến giúp các cô, các chú tham khảo:

Nói đến báo chí trước hết phải nói đến những người làm báo chí. Các cô, các chú đã có những ưu điểm như đã đóng góp vào cuộc kháng chiến thắng lợi, xây dựng hoà bình và đấu tranh thống nhất Tổ quốc. Nhiều đồng chí đã cố gắng làm việc. Gần đây, sau khi nghiên cứu chỉ thị của Trung ương, các đồng chí đã thấy rõ công việc báo chí là rất quan trọng, và đã thấy được những ưu điểm và khuyết điểm của mình. Như thế là tiến bộ.

Ưu điểm của các cô, các chú không ít. Nhưng *khuyết điểm* thì cũng còn nhiều. Trong các đồng chí cũng còn có người hoặc ít hoặc nhiều chưa thoát khỏi ảnh hưởng tư sản và tiểu tư sản, cho nên nắm vấn đề *chính trị* chưa được chắc chắn. Nói về văn nghệ, Bác thú thật có ít thì giờ xem các bài văn nghệ. Có lẽ vì thế mà có lúc xem đến thì thấy cách viết thường ba hoa, dây cà, dây muống; và hình như viết là để đếm dòng lấy tiền, có những bài nhạt nhẽo thế nào ấy. Còn viết về *chính trị* thì khô khan và có hai cái tệ: một là dập khuôn, hai là dùng quá nhiều chữ nước ngoài. Cái bệnh *dùng chữ*, là phổ biến trong tất cả các ngành. Đáng lẽ báo chí phải chống lại cái bệnh đó, nhưng trái lại báo chí lại tuyên truyền cho cái tệ đó. Cố nhiên, có những chữ không thể dịch được thì ta phải mượn chữ nước ngoài. Ví dụ: những chữ kinh tế, chính trị, v.v..., thì ta phải dùng. Hoặc có những chữ nếu dịch ra thì mất cả ý nghĩa, như chữ “độc lập”. Nếu “Việt Nam độc lập” mà nói “Việt Nam đứng một” thì không thể nghe được. Nhưng có những tiếng ta sẵn có, thì tại sao lại dùng chữ nước ngoài. Ví dụ: vì sao không nói “đường to” mà lại nói “đại lộ”, không nói “người bắn giỏi” mà lại nói “xạ thủ”, không nói “Hát múa” mà lại nói “ca vũ”?

Những ví dụ như vậy nhiều lắm, nhiều lắm. Các báo *Nhân dân*, *Thời mới*, *Quân đội nhân dân* v.v..., đều dùng chữ nhiều lắm. Tóm lại chúng ta dùng chữ

(*) Tại Đại hội này, Hội những người viết báo Việt Nam (thành lập ngày 2/6/1950) quyết định đổi tên thành Hội nhà báo Việt Nam như ngày nay.

hiều quá, có khi lại còn dùng sai nữa. Mong rằng báo chí cố gắng sửa đổi cái tệ ấy đi. Tiếng nói là một thứ của rất quý báu của dân tộc, chúng ta phải hết sức giữ gìn lấy nó, chớ để bệnh nói chữ lẫn át nó đi.

Khoa học ngày càng phát triển, có những chữ mới mà ta chưa có, thì ta phải mượn. Ví dụ: ta phải nói “kilô”, vì nếu nói chữ “cân”, thì không đúng nghĩa là 1.000 gờam. Song những chữ dùng tiếng ta cũng đúng nghĩa thì cứ dùng tiếng ta hơn. Có những người hình như sợ nói tiếng ta thì nó xấu hổ thể nào ấy! Họ làm cho các cháu học sinh cũng bị lây bệnh nói chữ, như “phụ đạo”, “giáo cụ trực quan” v.v... Thật là tai hại!

Mấy khuyết điểm nữa: Sau khi nghiên cứu chỉ thị của Trung ương về báo chí, có một số đồng chí thì tiến bộ, nhưng cũng có một số vì trình độ văn hoá và chính trị còn kém thì đâm ra bị quan và muốn đổi làm nghề khác. Họ không biết rằng nghề nào cũng khó, không có nghề nào dễ. Phải có ý chí tự cường, tự lập, kém thì phải cố mà học. Chúng ta phải làm thế nào để vượt được khó khăn, làm tròn nhiệm vụ. Người cách mạng gặp khó khăn thì phải đánh thắng khó khăn, chứ không chịu thua khó khăn. “Không có việc gì khó, có chí thì làm nên”. Câu nói đó rất đúng.

Có người chỉ muốn làm cái gì để “lưu danh thiên cổ” cơ. Muốn viết bài cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo báo lớn. Cái đó cũng không đúng. Những khuyết điểm đó đều do chủ nghĩa cá nhân đẻ ra. Họ không thấy rằng: làm việc gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng đều là vẻ vang. Bất kỳ việc gì mà mình làm tròn nhiệm vụ đều là vẻ vang. Trong các anh hùng, chiến sĩ lao động có người là công nhân, là nông dân, có người làm thầy thuốc, có người đánh giặc giỏi... và có người dọn cầu xia cũng trở thành chiến sĩ. Tóm lại, trong lao động không có nghề gì là hèn, chỉ có lười biếng mới là hèn. Làm tròn nhiệm vụ thì công tác nào cũng vẻ vang.

Nói về *Hội nhà báo*. Đó là một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Nhiệm vụ của hội là phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau để nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ. Có như thế thì Hội nhà báo mới làm tròn nhiệm vụ của mình, và những người làm báo mới phục vụ tốt nhân dân, phục vụ tốt cách mạng.

Chúng ta hãy đặt câu hỏi: Báo chí phải phục vụ ai? Có người nói ở các nước tư bản có tự do báo chí và báo chí không có giai cấp. Nói vậy không đúng. Ví dụ: Các báo Pháp như báo *Phigaro*, báo *Nước Pháp buổi chiều*, v.v... Một mặt nó ru ngủ nhân dân, chia rẽ nhân dân, làm cho nhân dân mất chí khí phấn đấu, mất tinh thần đoàn kết giai cấp. Mặt khác, nó phục vụ giai cấp tư bản. Đó là những tờ báo chính trị. Lại còn những tờ báo “giật gân”, báo nói về ái tình, báo chuyên về lời chuyện bí mật của những người có tiền ra để tống tiền, v.v. Tất cả những báo chí ấy đều phục vụ lợi ích của giai cấp bóc lột. Báo

chí Pháp có thật tự do không? Không! Ví dụ báo *Nhân đạo* thường bị bọn thống trị tìm mọi cách để phá: nào phạt tiền, nào cho bọn du côn phá phách, nào làm khó khăn về giấy in, nhiều khi báo bị tịch thu v.v...

Báo chí của ta thì cần phải phục vụ nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hoà bình thế giới. Chính vì thế cho nên tất cả những người làm báo (người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v...) phải có *lập trường chính trị vững chắc*. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng.

Báo chí ta không phải để cho một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân, để tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên phải có *tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu*.

Mục đích chung của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, giữ gìn hoà bình thế giới. Nhưng mỗi tờ báo như báo của nông dân, báo của công nhân, báo của thanh niên, báo của phụ nữ, v.v... nên có *đặc điểm* của nó; về hình thức thì không rập khuôn; rập khuôn thì báo nào cũng thành khô khan, làm cho người xem dễ chán.

Về *trách nhiệm báo chí*, Lênin có nói: báo chí là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung. Vì vậy, nhiệm vụ của người làm báo là quan trọng và vẻ vang. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ ấy thì phải cố gắng học tập chính trị, nâng cao tư tưởng, đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản; phải nâng cao trình độ văn hoá, phải đi sâu vào nghiệp vụ của mình. Cần phải luôn luôn cố gắng, mà cố gắng thì nhất định thành công.

Trong nghề làm báo ta có những kinh nghiệm của ta, nhưng ta cũng cần phải học thêm kinh nghiệm của các nước anh em. Muốn thế, thì những người làm báo ít nhất cũng cần biết một thứ tiếng nước ngoài.

... Trên đây nói nhiều về người viết báo. Nhưng trong nghề làm báo còn có nhiều ngành khác, như ngành in mà các cô, các chú thích nói chữ gọi là ngành “ấn loát” cũng rất quan trọng. Bởi vì có những lúc không cẩn thận, in thiếu nét, thiếu dấu, hoặc in lờ mờ không rõ. Người viết bài thích dùng chữ, như gọi người đánh cá là “ngư dân”, rồi người đi in lại thiếu dấu ở chữ ư, hoá ra “ngu dân”. Đây chỉ là một ví dụ để thấy rằng việc in cũng phải làm cho tốt. Việc phát hành cũng rất quan trọng. Phải làm thế nào cho báo có nhiều người xem. Giá tiền báo cũng cần phải đúng mức. Trong công tác, người viết, người in, người sửa bài, người phát hành v.v... đều phải ăn khớp với nhau.

Có đồng chí hỏi kinh nghiệm làm báo của Bác. Kinh nghiệm của Bác là kinh nghiệm ngược. Bác học viết báo Pháp trước, rồi học viết báo Trung Quốc, rồi sau mới học viết báo Việt Nam. Còn học thì một là học trong đời sống của mình, hai là học ở giai cấp công nhân. Lúc ở Pari, tuy biết nhiều tội ác của thực

dân Pháp, nhưng không biết làm thế nào để nêu lên được. Một đồng chí công nhân ở toà báo *Đời sống thợ thuyền* (*La vie ouvrière*) cho Bác biết báo ấy có mục “tin tức vắn”, mỗi tin chỉ năm ba dòng thôi, và bảo Bác có tin tức gì, thì cứ viết, đồng chí ấy sẽ sửa lại cho. Từ đó, ngoài những giờ lao động, Bác bắt đầu viết những tin rất ngắn. Mỗi lần viết làm hai bản, một bản đưa cho báo, một bản thì giữ lại. Lần đầu tiên thấy tin đã được đăng thì rất sung sướng. Mỗi lần đều đem tin đã đăng trên báo so sánh với bài mình đã viết, xem sai chỗ nào. Về sau đồng chí ấy bảo Bác cố viết dài thêm vài dòng nữa, rồi lại vài dòng nữa... Cứ như thế kéo dài đến 15, 20 dòng, rồi đến cả một cột dài. Lúc đó đồng chí ấy lại bảo: “Thôi, bây giờ phải viết rút ngắn lại, cũng những việc như vậy nhưng phải viết rõ, cho gọn”.

Các báo đăng bài viết của mình đều là báo phái “tả”, đều nghèo, không trả cho mình đồng tiền nào. Mình ngày thì đi làm, tối đi mít tinh, tuy khá vất vả, nhưng vẫn cố gắng viết để nêu tội ác của bọn thực dân.

Khi đã biết viết báo, mình lại muốn viết tiểu thuyết. Nhưng lại e rằng biết chữ Tây vớ vẩn như mình thì viết tiểu thuyết sao được. Tình cờ đọc một truyện ngắn của L. Tônxtôi thấy viết một cách rất giản dị, dễ hiểu, thì cho rằng mình cũng viết được. Từ đó mình bắt đầu viết truyện ngắn.

Lúc đó mình sống ở khu phố công nhân nghèo, hiểu rõ đời sống của họ, mình cứ viết những điều mắt thấy tai nghe. Viết xong đưa đến báo *Nhân đạo* và nói với đồng chí phụ trách về văn nghệ: “Đây là lần đầu tiên tôi thử viết truyện ngắn, nhờ đồng chí xem và sửa lại cho”. Đồng chí ấy xem xong rồi bảo: “Được lắm, chỉ cần sửa lại một vài chỗ thôi”. Cách mấy hôm sau, thấy truyện của mình được đăng báo ⁽¹⁾ thì sướng lắm. Sướng hơn nữa là nhà báo trả cho 50 phờrăng tiền viết bài. Chà! Lần đầu tiên được trả tiền viết báo! Với 50 phờrăng đó mình có thể sống 25 ngày không phải đi làm, tha hồ tham gia mít tinh, tha hồ viết báo, tha hồ đi xem sách...

Kinh nghiệm học viết báo của Bác là như thế.

Có một thời gian mình làm cả chủ bút, chủ nhiệm, giữ quỹ, phát hành và bán báo của tờ báo *Paria* (*Người cùng khổ*). Các đồng chí người thuộc địa Á - Phi viết báo và quyên tiền, còn bao nhiêu công việc mình đều bao hết. Cách bán báo: bán cho anh em công nhân Việt Nam, họ không biết chữ Pháp nhưng họ vẫn thích mua vì họ biết báo này chữ Tây, mua rồi họ nhờ anh em công nhân Pháp đọc cho họ nghe. Một cách nữa là: ở Pari có những chỗ bán báo lấy hoa hồng. Vì là đồng chí với nhau cả, các anh chị ấy bán hộ cho mình mà không lấy hoa hồng, và họ bán được khá nhiều. Vì các số báo *Paria* vừa ra đều

(1) Truyện ngắn đầu tay của Bác nhan đề là *Pari* đăng báo *Nhân đạo* ngày 30 và 31/5/1922. Xem bản dịch trong *Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh*, tập 1: *Truyện và ký*.

“được” Bộ Thuộc địa Pháp mua gần hết. Còn báo gửi đi các thuộc địa thì mấy chuyên: đều bị tịch thu và người đưa báo thì bị bắt bỏ tù. Về sau, nhờ anh em thủy thủ Pháp bí mật chuyển hộ, thì không xảy ra việc gì. Nhưng rồi bọn thực dân cũng dò ra. Sau cùng phải dùng đồng hồ có chuông mà gửi. Cách gửi như vậy đắt lắm, nhưng báo đều đến được các thuộc địa.

Cách thứ tư: trong những cuộc mít tinh, mình đưa báo ra phát, rồi nói: “Báo này nói cho các đồng chí biết bọn thực dân áp bức chúng tôi như thế nào. Báo này để biểu thôi, nhưng đồng chí nào có lòng giúp cho báo, thì chúng tôi cảm ơn”. Kết quả là: nếu đem bán thì 100 tờ báo được 5 phờrăng, nhưng “biểu không” thì có khi được tới 10, 15 phờrăng. Vì anh em công nhân có một, hai xu hoặc một, hai phờrăng cũng cho cả.

Khi đi qua Liên Xô, đồng chí L. phóng viên báo *Tiếng còi* bảo mình viết bài và dặn phải viết rõ sự thật: việc đó ai làm, ở đâu, ngày tháng nào v.v... và phải viết ngắn gọn. Cách đây mấy năm, mình trở lại Liên Xô. Đồng chí L. lại bảo mình viết. Nhưng L. lại bảo: chớ viết khô khan quá. Phải viết cho văn chương. Vì ngày trước khác, người đọc báo chỉ muốn biết những việc thật. Còn bây giờ khác, sinh hoạt đã cao hơn, người ta thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì mới thích đọc.

Khi đến Hoa Nam, mình lại tập viết báo Trung Quốc. Mỗi lần viết xong, mình sửa đi sửa lại mấy lần rồi mới gửi đến *Cứu vong nhật báo*... Thấy bài mình đã được đăng lại được đóng khung, điều đó khuyến khích mình tiếp tục viết. Nói tóm lại, mình phải học tập không ngừng và phải luôn luôn khiêm tốn.

Đến ngày Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội ra tờ báo *Thanh niên* thì mình lại học viết tiếng ta. Lúc ấy, vấn đề khó khăn là làm thế nào để gửi báo về nước cho đến tay người đọc.

Năm 1941, mình bí mật về nước. Theo lời dạy của Lenin: tờ báo là công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức và lãnh đạo, cho nên mình cố gắng ra một tờ báo ngay, và phải làm rất bí mật vì luôn luôn có mật thám của Pháp, Nhật và Bảo Đại rình mò. Điều kiện sinh hoạt thì bữa đói, bữa no. Làm báo thì phải có đá in. Mấy đồng chí đi lấy trộm những tấm bia đá, rồi mài mấy ngày mới thành bản in. In thì phải viết chữ trái lên đá, thế là có một đồng chí phải hì hục tập viết chữ trái. Mấy số báo đầu, ba, bốn anh em cùng làm, nhưng in cứ toe toét, chỉ in được ít và xấu xí. Nhưng về sau cứ tiến bộ dần, mỗi lần in được gần 300 số. Phải đặt bia đá “nhà in” ở ba chỗ khác nhau. Khi động chỗ này thì chạy đến chỗ khác mà in, và báo vẫn ra đúng kỳ. Định chịu không làm gì được.

Vấn đề giấy cũng gay. Lúc bấy giờ ai mua nhiều giấy định cũng nghi, và theo dõi. Các chị em mỗi người đi chợ mua năm, mười tờ, nói dối là mua cho con cháu học, rồi góp lại để in báo.

In bản đá, muốn sửa chữa phải dùng axit. Mà axit thì mua đâu được? Có

đồng chí đã nghĩ ra cách dùng chanh thay cho axít. Chị em lại giúp mua chanh để ủng hộ báo.

Còn việc phát hành: Để báo ở các hang đá bí mật. Các đồng chí phụ trách cơ sở Việt Minh cử đến đó mà lấy. Báo bán hẳn hoi, chứ không biếu.

Thế là mọi việc đều dựa vào quyết tâm của mình, dựa vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng.

Đồng bào địa phương rất thích đọc báo, vì báo viết điều gì cũng thấm thía với họ. Đồng bào còn tự động tổ chức những tổ đọc báo và bí mật đưa tin tức cho báo. Đồng bào lại tìm mọi cách tuyên truyền cho lính cũng đọc báo để làm “bình vận”.

*
* *

Về nội dung viết, mà các cô, các chú gọi là “đề tài”, thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một “đề tài” là chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác với báo chí là như vậy đó.

Kết luận: kinh nghiệm của 40 năm là: không sợ khó, có quyết tâm. Không biết thì phải cố gắng học, mà cố gắng học thì nhất định học được. Bây giờ các cô, các chú có điều kiện học tập dễ dàng hơn Bác trước kia. Mong các cô, các chú cố gắng và tiến bộ!

HỒ CHÍ MINH
Ngày 16/4/1959

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 55.

THƯ GỬI CÁC BẠN ĐỌC TẠP CHÍ “PHÊ BÌNH MỚI”

Gửi các bạn đọc của tờ *Phê bình mới*,
Tôi nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến của tờ *Phê bình mới* cho ra một số đặc biệt về văn đề Việt Nam.

Các tác giả mong muốn giúp các bạn hiểu thêm về đời sống, về văn hoá và về cuộc đấu tranh cho độc lập và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam.

Tôi hy vọng rằng, các bạn sẽ tìm thấy ở đây một dấu hiệu thể hiện sự cố gắng của chúng tôi trong cuộc đấu tranh chung lớn lao cho tất cả các dân tộc, cho hữu nghị, tự do, hoà bình, nhân phẩm và sự hợp tác anh em giữa các dân tộc.

Tôi vui sướng nếu như những vấn đề thảo luận này được công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức Pháp là những người mà tôi vẫn gìn giữ những kỷ niệm tốt đẹp nhất trong lòng, nhiệt liệt tán thưởng.

Xin gửi tới tất cả các bạn - những tác giả và bạn đọc lời chúc mừng nồng nhiệt nhất và lời chào thân ái nhất của tôi.

HỒ CHÍ MINH
Tháng 3/1962

Tạp chí *Phê bình mới* (*La Nouvelle critique*), số tháng 3/1962. Bản dịch: Lê Khánh Soa.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ BA CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM^(*)

Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào các đại biểu.

Bây giờ Bác lấy tư cách một đồng chí có ít nhiều kinh nghiệm về báo chí, nêu ra vài ý kiến sau đây:

Từ ngày hoà bình được lập lại, cán bộ báo chí, thông tin và đài phát thanh đã cố gắng nhiều và tiến bộ khá.

Số báo chí cũng đã tăng rất nhiều, tỉnh nào cũng có báo, nhiều ngành cũng có báo. Hiện nay, đã có hơn 150 tờ báo có loại. Theo ý tôi thì tăng hơi nhiều quá. Từ nay cần phải nâng cao hơn nữa *chất lượng* của báo chí để nó làm tròn nhiệm vụ cao cả của nó. Những nghị quyết của Trung ương Đảng đã nói rõ về điều đó. Nay tôi chỉ nói tóm tắt vài điểm.

Nhiệm vụ của báo chí là phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng.

Hiện nay, ở *miền Bắc*, nhiệm vụ của chúng ta là: phát triển kinh tế và văn hoá, nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đối với *miền Nam*, chúng ta có nhiệm vụ ủng hộ đồng bào ruột thịt đang đoàn kết chặt chẽ, anh dũng đấu tranh chống bọn Mỹ xâm lược và bọn Diệm bán nước; đấu tranh giành cơm áo, tự do và hoà bình thống nhất Tổ quốc. Trên *thế giới*, nhiệm vụ của chúng ta là tăng cường đoàn kết trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa; ra sức ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ latin, đấu tranh cho hoà bình thế giới, cấm vũ khí nguyên tử...

Đó là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân ta, cũng là nhiệm vụ chính của báo chí ta.

*

* *

^{*} Nói chuyện ngày 8/9/1962. Đại hội lần thứ ba của Hội Nhà báo Việt Nam họp tại Hà Nội trong hai ngày 7 và 8/9/1962. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ công tác của Hội, quyết định sửa đổi một số điều cụ thể trong bản Điều lệ của Hội và bầu Ban chấp hành mới.

Phê bình và tự phê bình là vũ khí rất cần thiết và rất sắc bén, giúp chúng ta sửa chữa sai lầm và phát triển ưu điểm. Vì khéo lợi dụng nó mà Đảng ta và dân ta ngày càng tiến bộ. Đối với báo chí ta cũng vậy.

Phê bình phải nghiêm chỉnh, chắc chắn, phụ trách, nói có sách mách có chứng. Phải phê bình với tinh thần thành khẩn, xây dựng, “trị bệnh cứu người”. Chớ phê bình lung tung, không chịu trách nhiệm.

Những người (bất kỳ ở địa vị nào) và những cơ quan *được phê bình* phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. *Phê bình đúng*, thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu *phê bình sai*, thì đăng báo giải thích. Quyết không được “phớt” lời phê bình và “trù” người phê bình.

Có một vài cán bộ và cơ quan, vì sợ phê bình mà chẳng những không giúp đỡ người viết báo lại còn có thái độ không tốt với họ, thậm chí đi kiện họ trước toà án. Những hành động như vậy cần phải chấm dứt. Mặt khác, các báo cũng cần khuyến khích quần chúng giúp ý kiến phê bình báo mình để tiến bộ mãi.

Sẵn đây, nếu các cô, các chú đồng ý, thì Bác xung phong *phê bình các báo*.

- Bài báo thường dài quá, “dây cà ra dây muống”, không hợp với trình độ và thời giờ của quần chúng.

- Thường nói một chiều và đôi khi thổi phồng các thành tích, mà ít hoặc không nói đúng mức đến khó khăn và khuyết điểm của ta.

- Đưa tin tức hấp tấp, nhiều khi thiếu thận trọng.

- Thiếu cân đối, tin nên dài thì viết ngắn, nên ngắn lại viết dài; nên để sau thì để trước, nên để trước lại để sau.

- Lộ bí mật.

- Có khi quá lỗ bịch.

- Khuyết điểm nặng nhất là *dùng chữ nước ngoài quá nhiều*, và nhiều khi dùng không đúng.

Đời sống xã hội ngày càng phát triển và đổi mới. Có những chữ ta không có sẵn và khó dịch đúng, thì cần phải mượn chữ nước ngoài. Thí dụ: Độc lập, Tự do, Giai cấp, Cộng sản v.v... Còn những tiếng ta có, vì sao không dùng, mà mượn chữ nước ngoài? Thí dụ:

Không gọi xe lửa mà gọi “hoả xa”; máy bay thì gọi là “phi cơ”. Nhà nước hoặc nước nhà thì gọi là “quốc gia”, đường lớn thì gọi là “đại lộ”, vẻ vang - “quang vinh”, giúp nhau - “hỗ trợ”; và có hàng vạn cái mượn như vậy.

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng là đầu óc quen ý lại hay sao?

*

* *

Báo chí của ta đã có *một địa vị quan trọng* trong dư luận thế giới. Dịch rất chú ý, bạn rất quan tâm đến báo chí ta. Cho nên làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết.

Ngoài những đồng chí đã làm báo trong những năm cách mạng và kháng chiến, số đông cán bộ báo chí ta đều mới vào nghề, vì thế mà kinh nghiệm còn ít, trình độ chưa cao. Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này: mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi:

Viết cho ai xem?

Viết để làm gì?

Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc?

Khi viết xong, thì nhờ anh em xem và sửa giùm.

Chớ tự ái, tự cho bài của mình là “tuyệt” rồi. Tự ái tức là tự phụ, mà tự phụ là kẻ địch dữ tợn nó ngăn chặn con đường tiến bộ của chúng ta.

Hiện nay, các báo thường có *ảnh và tranh vẽ*. Đó là một tiến bộ, nhưng ảnh thì thường lèm nhèm, vẽ thì chưa khéo lắm. Cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải *tu dưỡng đạo đức cách mạng*, “cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hoá; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động”. (*Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 9/12/1958*).

Lời ngắn, ý dài. Cuối cùng chúc các cô, các chú Đoàn kết, phấn khởi, cố gắng và tiến bộ.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 8/9/1962

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 74.

ĐIỆN MỪNG

Kính gửi Hội nhà báo Á - Phi
Giacácta

Nhận dịp kỷ niệm ngày các người viết báo Á - Phi, tôi gửi lời chào thân ái đến các bạn viết báo châu Á và châu Phi. Đối với những người viết báo chúng ta, cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ lịch cách mạng để động viên cổ vũ quần chúng đoàn kết đấu tranh, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và hoà bình thế giới.

Chúc các bạn nhiều thắng lợi mới trong sự nghiệp cao quý của mình.

HỒ CHÍ MINH
Tháng 4/1965

Báo *Nhân dân*, ngày 24/4/1965.

PHẦN THỨ 6

CÂY BÚT PHỤC VỤ CHÍNH NGHĨA
TRONG TAY NHÀ VĂN CHIẾN ĐẤU CÓ
MỘT LỰC LƯỢNG CỰC KỲ MẠNH MẼ

(CHÚC MỪNG HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á - PHI LẦN THỨ HAI)
Ngày 12/2/1962

THƯ GỬI PHAN CHU TRINH^(*)

(I)

*C*HỌC giờ quấy nước tiếng dưng dưng,
Phải có kiên cường mới gọi hùng...
... Ba hột đạn - thẳm hai tắc hơi.
Sao cho ích giống mấy cam lòng.

Hy Mã⁽¹⁾ nghi bá
đại nhân hầu
Cuồng diệt⁽²⁾

NGUYỄN TẮT THÀNH
Khoảng 1913

*Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà
xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976,
trang 26.*

(*) Hồi này, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - 32 năm sau là Chủ tịch Hồ Chí Minh - đang ở Luân Đôn làm nghề phụ bếp, còn Phan Chu Trinh thì sống ở Pháp. Bài thơ nói lên khí phách, trách nhiệm, hành động vì dân vì nước của người trí thức cách mạng trước thời cuộc và vận mệnh của giống nòi.

(1) *Hy Mã* là tên hiệu của Phan Chu Trinh. Là một nhà yêu nước, Phan Chu Trinh bị Pháp kết án tử hình và đày ra Côn Đảo. Nhờ Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, Phan Chu Trinh được tha, và để khỏi bị giam lỏng, Phan Chu Trinh cư trú ở Pháp vào tháng 4/1911. Mấy tháng sau đấy, Hồ Chủ tịch (với tên gọi là Văn Ba) cũng sang Pháp rồi qua Anh (1913 - 1916).

(2) *Cuồng diệt*: Một cách nói khiêm nhường của người dưới đối với người trên như "văn sinh, ngu diệt v.v..."

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO

Pari ngày 27/11/1920

Đồng Bào,⁽¹⁾
Tôi có lại nơi đồng bào P.V.T ở hỏi thăm (đồng bào ấy đi vắng), thì người ta có đưa cho tôi cái thư của Đồng Bào (năm trang và một cái phong bì thư gửi bảo đảm).⁽²⁾

Tôi tiếc không có thể mua được hai quyển sách Đồng Bào dặn, vì người đại lý Ái Nhĩ Lan, và Triều Tiên⁽³⁾ cho tôi quyển ấy nay đều đi vắng Pari. Khi nào có dịp gặp nhau, tôi sẽ xin thêm ít quyển và gửi cho Đồng Bào. Nhưng mà sự ấy không chắc lắm. Tôi thiết tưởng Đồng Bào làm thế này thì cũng tốt: chuyển tay nhau mà xem, người này xem rồi trao cho người khác.

Nếu đồng bào có tin tức gì *hay, chắc chắn, có quan hệ*⁽⁴⁾ cho xứ sở mình, xin Đồng Bào làm ơn gửi cho tôi, thì tôi cảm ơn lắm. Đồng Bào ở đó thường thường gặp được người nước ta qua lại, và thơ tín cũng dễ dàng, nếu Đồng Bào có lòng giúp đỡ cho xứ sở bằng khen sự lành làm cho anh em nhà mình, và chế sự rủi ro cho tổ bang mình v.v. và cố ý dò hỏi, thì tôi chắc Đồng Bào sẽ biết được nhiều sự mới và hay, đăng báo tôi, rồi tôi lại nói ra hoặc viết ra cho người khác biết, như thế thì có ích lắm.

Xin chúc Đồng Bào bình an!

NGUYỄN ÁI QUỐC
Tháng 11/1920

Tập san *Khoa học xã hội*, Pari, số 15,
tháng 12/1978.

(1) “Đồng bào” viết hoa trong nguyên bản.

(2) Nguyên bản viết: “5p và một cái phong bì recommander”.

(3) Nguyên bản viết: “Người délégué Irlandais và Coréen”.

(4) Nhấn mạnh trong nguyên bản. Đầu đề bức thư là do chúng tôi tạm đặt.

ĐÁNG LẼ PHẢI ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN HON NỮA, CHÚNG TA ĐÃ BỎ DỖ CÔNG VIỆC MỚI BẮT ĐẦU

(Trích)

Sau khi thành lập được ít lâu và lúc xin được, với không phải là không khó khăn, một chỗ trú ở trong các cột của báo *Nhân đạo*, Ban nghiên cứu thuộc địa đã hoạt động được khá tốt. Những tài liệu và những tin tức quan trọng từ các thuộc địa bắt đầu gửi về cho nó. Chiến dịch mà nó mở ra trong báo Đảng chống những sự nhầm lẫn và tội ác của bè lũ thực dân đã làm cho nhân dân thuộc địa rất chú ý và chủ nghĩa đế quốc thực dân và báo chí của nó lo lắng. Nhưng cái diễn đàn đó bỗng nhiên bị báo *Nhân đạo* bãi bỏ. Như thế, bị tước mất phương tiện làm việc và hoạt động, ban đó phải hoàn toàn nằm im. Điều đó làm cho các tờ báo tư sản lớn rất thích thú, các tờ báo này thường xuyên dành nhiều trang hoàn toàn cho sự “tuyên truyền” thuộc địa và bao giờ cũng sợ bị cải chính và vạch trần. Nhất là điều đó đã gây ra những cảm giác khó chịu trong những người bản xứ.

Mặc dù chỉ là lời nói suông, song những lời tuyên bố tại các Đại hội toàn quốc có lợi cho nhân dân thuộc địa đã góp phần củng cố mối cảm tình mà nhân dân thuộc địa đã có đối với Đảng. Tuy vậy, không có lý do gì mà người ta lại cứ lặp đi lặp lại những điều giống nhau mà không làm gì cả. Và những người bị áp bức khốn khổ kia, cứ thấy chúng ta luôn luôn hứa hẹn mà luôn luôn nằm im, bắt đầu tự hỏi không biết chúng ta có phải là những người nghiêm túc không hay chỉ là những người nói láo?

Chuyến đi của các đồng chí Vayăng Cutuyariê và Ăngđrê Bécôn ở Angiêri và Tuynidi - những chuyến đi gần đồng thời với các cuộc đi du lịch theo lối ông hoàng của các nghị viên tư sản - đã được nhân dân châu Phi đánh giá rất cao. Nếu những chuyến đi có tính chất như thế được tiếp tục ở tất cả các nước thuộc địa, kết quả chắc chắn sẽ đáng phấn khởi.

Nhưng, đáng lẽ phải đẩy mạnh tuyên truyền hơn nữa, chúng ta đã bỏ dở công việc mới bắt đầu, và đã bỏ lỡ nhiều cơ hội tốt. Như thế, chúng ta đã làm được rất ít trong cuộc bãi công đẫm máu ở Máctinich, nạn đói ở Bắc Phi và cuộc khởi nghĩa ở Dahômây. Trong trường hợp sau này, chúng ta đã có bộ mặt

đáng thương. Báo Đảng chỉ đưa tin về cuộc khởi nghĩa nhiều ngày sau tất cả các báo tư sản và 10 ngày sau báo *Sự nghiệp (L'oeuvre)*. Trong lúc Chính phủ thuộc địa tuyên bố thiết quân luật, tập trung quân đội, động viên tàu chiến, huy động bộ máy đàn áp, bắt giam và kết án các chiến sĩ từ 5 đến 10 năm tù, trong lúc các báo ăn tiền tiếp tục một chiến dịch tuyên truyền dối trá và bóp nghẹt có hệ thống; chúng ta chỉ bằng lòng với hai hoặc ba bài nhỏ, không có tiền đồ. Thật là mỉa mai và đáng buồn, những người anh em Đahômây đau khổ của tôi, trong bóng tối của nhà tù “văn minh”, đọc điều thứ 8 trong số 21 điều trong đó có nói rằng “*Mỗi đảng cam kết cố động có hệ thống trong quân đội của nước mình chống lại thứ áp bức nhân dân thuộc địa, và ủng hộ không phải chỉ bằng lời nói mà bằng việc làm, phong trào giải phóng thuộc địa*”.

Nhưng kết tội quá khứ và tiếc thời gian đã mất thì chẳng ích gì. Tốt hơn là biết sử dụng tốt thời gian trong tương lai.⁽¹⁾

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tháng 7/1923

Tư liệu và Bản dịch: Hồng Chương

(1) Trích thư của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết tại Mátxcova tháng 7/1923. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

Cuối đoạn trích này, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc nêu lên 8 yêu cầu trong công tác của Đảng Cộng sản đối với nhân dân các nước thuộc địa.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐÔNG DƯƠNG

(Trích)

... *T*ình hình chính trị: Tháng 11 năm ngoái, khi Varen, “nhà xã hội” tới nhận chức Toàn quyền, dân bản xứ có đưa *Tập dân nguyên của người An nam* đòi tự do báo chí, tự do ngôn luận, quyền lập hội và hội họp, v.v. Cũng như bọn Toàn quyền trước, Varen hứa hẹn nhiều nhưng không làm gì cả.

Cũng thời kỳ ấy, bọn mật thám Pháp bắt cụ Phan Bội Châu ở Thượng Hải. Cụ là một nhà lão thành yêu nước xuất dương từ 20 năm nay. Người ta đưa cụ về Bắc Kỳ để xử án. Mặc dầu Chính phủ Pháp giữ bí mật về vụ bắt bớ này, nhưng người Việt Nam ai cũng biết tin, một phong trào phản đối sôi nổi khắp nơi.

Khi Varen đến Bắc Kỳ, sinh viên biểu tình đòi thả nhà lão thành cách mạng, họ mang cờ và biểu ngữ kêu gọi “Ân xá cho cụ Phan Bội Châu”, “Đả đảo chế độ thực dân tàn bạo!”.

Đây là lần đầu tiên người ta được mục kích một sự kiện như vậy ở Đông Dương. Varen buộc phải ân xá cho cụ Phan Bội Châu, nhưng vẫn bí mật giám sát cụ.

Từ đó phong trào sinh viên tiếp tục phát triển sôi nổi, đến tháng 3 vừa rồi, phong trào mới thật mạnh.

Khi Bùi Quang Chiêu, một người thuộc phái Quốc gia, mới ở Pháp về - Chiêu vừa tổ chức ở Pháp, một cuộc vận động chống những tên cai trị thuộc địa thối nát - hàng nghìn người Việt Nam do sinh viên hô hào, đã đi đón và đón tiếp rầm rộ. Hôm đó bọn phát xít Pháp cũng tổ chức phá biểu tình, chúng huy động cả quân lính, mật thám và cảnh sát. Bọn phát xít bắn súng lục chỉ thiên, và đá ông Chiêu. Mặc dầu có sự khiêu khích đê tiện ấy, người bản xứ vẫn giữ một thái độ rất bình tĩnh. Điều đó đã làm thất bại âm mưu của bọn Pháp định gây ra một, “ngày đẫm máu” hồng dạy cho người Việt Nam biết phục tùng chúng!

Cũng đúng vào dịp này, nhà chí sĩ Phan Chu Trinh, một người thuộc phái Quốc gia khác vừa mất, 30.000 người Việt Nam ở khắp xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong

vài ba ngày, một cuộc lạc quyền đã thu được 100.000 đồng. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang cụ.

Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm tổ chức các lễ truy điệu v.v. Để phản đối lại, học sinh bỏ học. Ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Huế, Sài Gòn, Phú Lâm, v.v. đâu đâu học sinh cũng đều bãi khoá. Nữ sinh cũng tham gia phong trào. Một sự việc đầy ý nghĩa sau đây đã chứng tỏ tinh thần yêu nước của học sinh: Tại trường Saxolu Lôba ở Sài Gòn có người đã viết lên bảng mấy chữ: “A.B.L.F.” (*A bas les Français* - Đả đảo thực dân Pháp). Các giáo sư Pháp bắt học sinh lên xoá bảng. Chẳng một em nào chịu xoá cả.

Tên “xã hội” Varen ra lệnh cho hiệu trưởng các trường “phải thẳng tay trừng trị những hành động vô kỷ luật”. Nên từ đó đã xảy ra nhiều cuộc khám xét, bắt bớ và đuổi hàng loạt học sinh. Riêng ở Sài Gòn, hơn 500 học sinh đã bị đuổi ra khỏi trường.

Các tổ chức chính trị - ở Bắc kỳ có một hội bí mật gọi là “Phục Việt”. Mới đây hội này có rải truyền đơn, nội dung trích dẫn vài đoạn như sau:

“Nước Pháp dùng vũ lực để bắt nước ta làm nô lệ... Hàng chục năm nay, họ áp bức dân ta... Trong cảnh ô nhục và căm thù đó, chúng ta, người Việt Nam không thể đội trời chung với người Pháp. Hỡi hai mươi lăm triệu đồng bào! Những ai không chịu đem lòng sắt đá ra lật đổ cường quyền, thì thà để cho thịt nát xương tan mà đền nợ nước.

... Cường quyền đã đến ngày mặt trận. Các dân tộc đang hưởng ứng lời kêu gọi của nước Nga cách mạng. Ấn Độ và Ai Cập đã vùng dậy đòi lại tự do... Lẽ nào người Việt Nam chúng ta lại vẫn chìm đắm trong giấc ngủ triền miên?... Hỡi dân tộc Việt Nam! Nếu chúng ta không tự giải phóng được bằng phương pháp ôn hoà, thì chúng ta không ngần ngại hành động quyết liệt để trả thù nhà, nợ nước và để chen vai thích cánh với năm châu... Hỡi dân tộc Việt Nam! Hãy mau mau thức tỉnh...”.

Ở Nam Kỳ, có một nhóm trí thức Tây học tự xưng là “Đảng lập hiến”, họ là một nhóm ôn hoà chủ trương “Pháp Việt đề huề”. Theo chúng tôi biết thì nhóm này không có hệ thống tổ chức, không có điều lệ, không có cán bộ. Đó là một tổ chức tập hợp nhau về mặt tinh thần. Vì họ đá kích chế độ cai trị thối nát ở thuộc địa mà vẫn tôn trọng “chủ quyền Pháp” nên họ có khá nhiều ảnh hưởng trong quần chúng người bản xứ.

Có một nhóm khác là nhóm “Thanh niên Việt Nam”. Nhóm này tiên bộ và hoạt động hơn. Cơ quan báo chí của nhóm này do một người đã gia nhập quốc tịch Pháp làm chủ nhiệm, thường trích bài của báo *Nhân đạo* xuất bản tại Pari. Nhóm này cũng xuất bản, dưới hình thức những sách nhỏ, bản *Tuyên ngôn dân quyền* và bản *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* của Mác.

Tất nhiên là Chính phủ Pháp hết sức tìm cách phá bỏ nhóm này, nhưng không có kết quả, vì nhóm đó chưa tổ chức thành đảng. Vì thế Chính phủ Pháp quay lại đàn áp những chiến sĩ của nhóm đó.

Tháng ba, nhóm “thanh niên Việt Nam” có tổ chức một cuộc mít tinh phản đối việc trục xuất một số người Bắc Kỳ. Cuộc mít tinh thông qua những kiến nghị như sau:

“Chúng tôi 3.000 người Việt Nam... sau khi nghe diễn thuyết nói chuyện... nhận thấy rằng việc trục xuất những người Việt Nam quê ở Bắc Kỳ là một hành động độc đoán..., chúng tôi cực lực phản đối việc lạm quyền này... và khẩn thiết đòi Chính phủ Pháp ở Đông Dương phải tôn trọng những quyền lợi tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người và của người công dân đã được xác nhận trong *Hiến pháp* của nước Cộng hoà Pháp, nhất là:

1. Tự do báo chí viết bằng tiếng bản xứ.
2. Bỏ câu thúc thân thể về dân sự và thương sự.
3. Tự do học tập, hội họp và tự do đi lại.

Trước cuộc mít tinh người ta đã rải truyền đơn, cuối tờ truyền đơn có câu: “Nếu Chính phủ Pháp không chịu trả lại cho chúng tôi những quyền tự do cần thiết nói trên (quyền tự do báo chí v.v...) thì chúng tôi không còn chút tin tưởng nào ở thiện ý của Chính phủ, và chúng tôi nguyện cùng nhau tận tâm tận lực hoạt động để giải phóng dân tộc Việt Nam”.

Cũng vì đã viết những tiếng giải phóng dân tộc Việt Nam và đã phát hành số đầu tiên và cũng là số cuối cùng của báo *An Nam trẻ*, Diễn đàn giải phóng quốc gia, trong đó có đăng lại bài báo *Nhân đạo*, và báo *Người cùng khổ*, mà hai tác giả, vừa là chủ nhiệm vừa là quản lý tờ báo, đã bị kết án hai năm tù!

Do hai vụ án này học sinh lại tiếp tục bãi khoá. Thực dân Pháp lại dùng những biện pháp hành chính để trấn áp trả thù.

Tình hình chính trị ở Đông Dương có thể tóm tắt trong lời than vãn sau đây của một tờ báo tiếng Pháp ở Bắc Kỳ:

“Vụ biến động này... đã làm cho nước ta xưa nay yên ổn biết bao, đã trở thành trung tâm của những cuộc biến động và hỗn loạn”.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Khoảng 1926

Đây “công lý” của thực dân Pháp ở Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, trang 89. Bản dịch: Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ NÔNG DÂN NGÀY 3/2/1928

(Trích)

Các đồng chí thân mến,
Tôi đã tranh thủ thời gian để viết “*Những hồi ký của tôi*” về phong trào nông dân, chủ yếu là phong trào của Hải Lục Phong, nơi mà hiện nay thành lập những xô viết nông dân⁽¹⁾. “Nhân vật chính” trong Hồi ký của tôi đúng là đồng chí Bành Bái, nguyên kiểm sát viên nông nghiệp của Xô viết Quảng Châu và hiện nay là lãnh tụ của nông dân cách mạng.

Bản thảo của tôi chỉ gồm những điều có liên quan đến đời sống, tập quán, sự mê tín v.v... của nông dân; nhưng không có hoặc hầu như không có gì thuộc về chính trị và thống kê.

Có khoảng 120 trang đánh máy, chia thành 50 chương. Tôi đang sắp xếp bản thảo theo thứ tự. Nếu các đồng chí muốn xuất bản, tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi một bưu thiếp theo địa chỉ sau đây:

Louis, Imprécorr, rédaction Française

225 Friedrichstrasse, Berlin.

Như thế là đủ, và tôi sẽ gửi cho các đồng chí bản thảo viết tay.

Chào anh em

N.A.K.

BERLIN NGÀY 3/2/1928

Bản dịch: Thế Tập

(1) Là một nhà lãnh đạo phong trào nông dân quốc tế có nhiều kinh nghiệm, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã góp phần quan trọng vào phong trào cách mạng của nông dân Trung Quốc. (Theo quyết định của Đoàn Chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế nông dân ngày 31/7/1925, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được uỷ nhiệm làm công tác vận động nông dân Trung Quốc và các nước thuộc địa khác trong đó có Đông Dương...). Người đã dịch nhiều tài liệu của Ban chấp hành Quốc tế nông dân bằng tiếng Anh, tiếng Pháp ra tiếng Trung Quốc; và đã viết nhiều tài liệu về nông dân Trung Quốc nói chung và về phong trào nông dân Hải Lục Phong nói riêng kể cả những hồi ký mang tính chất văn học, như có nói trong lá thư này.

THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ X

(TỨC ĐỀ CƯƠNG TÁC PHẨM NHẬT KÝ CHÌM TÀU)

Ngày 25/2/1930

Các đồng chí thân mến,

Người Việt Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết *một cuốn sách*, - bằng tiếng Việt, đương nhiên - dưới hình thức "Hồi ký du lịch". Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẫu chuyện. Đây là *đề cương* của tôi về cuốn sách đó.

I - Trước cách mạng.

1. Đời sống của công nhân và nông dân.
2. Các tổ chức cách mạng, công tác của các tổ chức đó, sự hy sinh.
3. Sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng,
4. Công tác bí mật của Đảng Cộng sản Nga - (R.K.P).

II - Trong cuộc cách mạng

1. Cách mạng bắt đầu,
2. Đảng và các công đoàn,
3. Nông dân, sinh viên, phụ nữ, nhi đồng tham gia cách mạng,
4. Những khó khăn do đế quốc gây ra, bọn phản cách mạng Nga, nạn thiếu đói và sự anh dũng cách mạng,
5. Sự phát triển dần dần của đất nước Xô viết,
6. Chủ nghĩa cộng sản thời chiến (đời sống thực).

III - Ngày nay

1. Tổ chức Chính phủ Xô viết,
2. Đời sống của công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ, sinh viên, nhi đồng, phụ lão, v.v..., trường đại học, công nhân, trường Đảng,
3. Đời sống trong các nhà máy, trại lính, trường học (giáo dục, giải trí, nghỉ hè, v.v...),
4. Hôn nhân, nhà ở,

5. Hợp tác xã,
6. Phú nông và con buôn,
7. Vấn đề ruộng đất,
8. Kết quả của chính sách kinh tế mới và của kế hoạch 5 năm,
9. Quốc tế Cộng sản, Quốc tế công hội, Quốc tế nông dân (số hội viên và các nước tham gia),
10. Rap hát, nhà thương, nhà trẻ, v.v...,
11. Số liệu so sánh (1914 - 1930) về:
 - a) Số tổ chức công nhân, nông dân, hội viên,
 - b) Số trường học và số học sinh,
 - c) Số nhà thương và các cơ quan xã hội khác,
 - d) Số công nhân và nông dân biết chữ,
 - e) Sản xuất trong nước,
 v.v.v... ⁽¹⁾

Bây giờ có hai vấn đề đặt ra:

1. *Tài liệu*: Tôi không có gì cả. Tôi yêu cầu các đồng chí cung cấp cho tôi tài liệu bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh. Gửi đến Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đề ngoài bì: Ông Víchto Lobông, 123 đường Cộng hoà, Pari, Pháp, với câu ghi “*nhờ chuyển ngay tức khắc*”.

2. *Việc in*: ở đây tôi chỉ có poly - copie⁽²⁾ nên chỉ có thể in nhiều nhất là một trăm bản. Chữ cái Việt Nam giống như chữ cái latin với một số dấu phụ, ví dụ: a, á, ă, ạ, ã v.v... Lúc tôi viết xong cuốn sách chúng tôi có thể in ở nơi các đồng chí không?

Tôi nhờ đồng chí cung cấp tài liệu và cho những lời khuyên cần thiết. Hãy trả lời cho tôi theo địa chỉ trên.

Lời chào Cộng sản anh em
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tổng tập Văn học Việt Nam, Tập 36,
Nhà xuất bản Khoa học, Hà Nội, 1980.
Bản dịch: Hồng Chương.

(1) Bản Đề cương sơ tầm được này (công bố lần đầu trên tạp chí *Nghiên cứu văn học*, tháng 5/1963, mới chỉ là “mầm mống đầu tiên”, vì trong khi viết tác phẩm *Nhật ký chìm tàu*, tác giả không lệ thuộc hoàn toàn vào bản Đề cương này. Người đã bắt đi ở Phần I, các điểm nói về đời sống của nhân dân, các tổ chức cách mạng; và cả phần II, phần nói các sự kiện, các diễn biến, những khó khăn, trở ngại cùng thái độ phản ứng khác nhau của các tầng lớp nhân dân trong cuộc cách mạng đó. Tác giả chỉ chú trọng giới thiệu những điều mới lạ, những thành tích xây dựng, bảo vệ đất nước của Cách mạng tháng Mười kể từ sau ngày cách mạng thành công và đã khéo léo lồng phần nào nội dung của hai phần trên vào phần này.

Về nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu*, xem chú thích bài tiếp sau.

(2) *Poly - copie*: cách in thành nhiều bản.

HAI ĐOẠN THƠ TRONG *NHẬT KÝ CHÌM TÀU*^(*)

(Trích)

Chương IX

*Sách là bổ ích tinh thần
Sách mà vào tới tai dân mới là...*

Chương X

*Sách là thuốc chữa tội ngu
Dân Nga ham sách nên mau thịnh cường*

Năm 1930

(*) *Nhật ký chìm tàu* kể chuyện một chiếc tàu thủy của Pháp bị chìm ở biển khơi. Hầu hết hành khách đều bị chết đuối. Chỉ có ba anh Pôn (Paul), Zô và Râu (Một người Âu, một người Phi và một người Việt) làm công trên tàu còn sống sót. Họ bị giạt vào một hoang đảo. Về sau, có chiếc tàu Nga đi qua, thủy thủ thấy họ, bỏ xuống xuống cứu, rồi đưa về nước. Trong thời gian ở Nga, họ đã được đối đãi rất tử tế. Không những được bồi dưỡng về mặt sức khỏe, họ còn được đi tham quan đây đó, được trò chuyện và tìm hiểu về đời sống của công nhân Nga, và nông dân Nga, tìm hiểu về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá... của Nhà nước Xô viết đầu tiên trên trái đất, được học tập thêm. Cuối cùng theo nguyện vọng của họ, họ được các đồng chí Nga cho về xứ sở.

Tập nhật ký này kể lại những điều mắt thấy tai nghe trên quê hương Cách mạng tháng Mười, đã gửi cho Đảng Cộng sản Đông Dương để lưu hành, đăng quần chúng Đông Dương xem biết. (Nội dung *Lời mở đầu* tập *Nhật ký*). Chương IX và X nói chuyện ba anh Pôn, Zô và Râu đến thăm một cái chợ hàng sách, rồi vào thăm một thư viện. Ở chương X, đọc những cuốn sách trong thư viện, ba anh thấy mình mở rộng tầm mắt được nhiều, biết thêm nhiều điều mới lạ mà trước đây còn mờ昧. Bất giác Râu nhớ câu: “*Độc thư bất vong cầu quốc, cầu quốc bất vong độc thư*” (nghĩa là: *Đọc sách chớ quên cầu nước, cầu nước chớ quên đọc sách*)

NHỮNG NGÀY Ở LIỄU CHÂU^(*)

... Tháng Tám năm ấy⁽¹⁾, Bác có việc sang Trung Quốc, thì bị bọn Quốc dân Đảng bắt. Sau khi bị chúng trói giải đi suốt 18 ngày, từ trại giam này đến trại giam khác, Chúng đưa Bác về giam ở Liễu Châu. Trong khi nhân dân Liên Xô anh em đang dốc hết lực lượng vào cuộc kháng chiến thần thánh, khi phát xít Nhật - Pháp đang hoành hành ở Việt Nam, khi đồng bào ta đang quần quai dưới hai ách áp bức, khi công việc Đảng và Mặt trận Việt Minh đang nhanh chóng lan rộng ăn sâu vào quần chúng nhân dân - mà mình thì phải nằm queo trong một phòng giam của bọn phản động Trung Quốc, sốt ruột biết bao! Đây không phải là một trại giam chính cống, mà chỉ là một “cắm bē thất” - một phòng giam nhỏ hẹp ngay bên cạnh đội cảnh vệ của tướng Trương Phát Khuê. Chỉ một mình Bác bị nhốt ở đó. Lâu lâu mới có một vài sĩ quan Quốc dân đảng bị phạt vào ở đó năm bảy ngày, Bác lợi dụng những dịp đó để học tiếng “quan”.

Bác gây được cảm tình với vài người lính gác. Mỗi bữa ăn xong còn thừa rau bí luộc, họ đưa cho Bác để “cải thiện sinh hoạt” phần nào. Điều tốt nhất là mỗi ngày họ bí mật quẳng vào cho Bác một tờ *Liễu Châu nhật báo*, đó là món ăn tinh thần. Nhờ đó mà Bác theo dõi được tin tức chiến sự.

Tháng hai 1943, xem thấy tin: Sau hơn sáu tháng chiến đấu vô cùng anh dũng, Hồng quân đã đại thắng ở Stalingrát, bắt sống 33 vạn quân Hitle... Bác mừng nhảy lên, suýt đụng đầu vào kèo phòng giam. Bác tự bảo nhất định phải ăn mừng cuộc thắng lợi này. Trong túi chỉ còn vẹn vẹn một đồng bạc, Bác đưa tuốt cả số tiền đó nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và “đầu cháo quẩy” (mua 1 đồng chỉ được 5 hào, đó là quy chế của nhà giam), để làm một bữa tiệc. Sau khi phân khởi hô khe khẽ mấy khẩu hiệu: Đảng Bônsovích muôn năm! Hồng quân muôn năm! Liên Xô thắng lợi muôn năm! Bác ngồi xuống một mình “chén tạc chén thù” rất đàng hoàng vui vẻ. Từ đó về sau, mỗi tin tức Liên Xô thắng lợi là món quà tinh thần từ phương xa đến an ủi Bác.

Tôi⁽²⁾ nói: “Thưa Bác, lúc đang bị giam Bác có làm nhiều thơ. Nếu Bác cho đăng lên báo, chắc cán bộ và đồng bào sẽ hoan nghênh lắm...”

(*) Trích *Vừa đi đường vừa kể chuyện* của T. Lan (Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt). T. Lan là một trong những bút danh của Hồ Chủ tịch (theo công bố của báo *Nhân dân* ngày 17/5/1980).

(1) Tháng 8/1942.

(2) Tôi tức là tác giả T. Lan.

Bác cười và trả lời: “Các chú không nhắc thì Bác cũng không nhớ đến nữa. Bác không phải là người hay thơ, mà thơ của Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phòng u ám và quạnh hiu, một mình một bóng không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn “du lịch” thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang bốn bước. Để “tiêu khiển” ngày giờ, chỉ có cách ngêu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người ở tù, cho khuây khoả thể thôi, phải thơ phú gì đâu...”

Khi được thả ra, mắt Bác nhìn kém, chân bước không được, Bác quyết tâm tập đi, mỗi ngày 10 bước, dù đau mà phải bò, phải lết, cũng phải được mười bước mới thôi. Cuối cùng Bác chẳng những đi vững mà còn trèo được núi. Lần đầu tiên lên đỉnh núi, Bác cao hứng làm một bài thơ chữ Hán như sau:

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như cánh tĩnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh,
Nam vọng trùng dương ức cố nhân.*

Bác chỉ nhớ bài thơ đó. Chúng tôi cố hết sức chỉ tạm dịch như thế này:

*Mây ôm núi, núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mây may bụi hồng.
Bồi hồi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai!... ⁽¹⁾*

T. LAN
Năm 1963

*Vừa đi đường vừa kể chuyện, Nhà
xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang
82 - 84.*

(1) Trên đây là bản dịch thơ do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh dịch theo bài thơ nguyên tác chữ Hán do Người sáng tác. Bài thơ này vốn không có đầu đề, được Người viết sau khi ra tù. Trước đây bài thơ này mang đầu đề là *Mới ra tù, tập leo núi* in ở cuối tập *Nhật ký trong tù* (bản dịch) là do những người dịch đặt.

KHÁN “THIÊN GIA THI” HỮU CẢM

Phiên âm:

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ:
Son, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.*

Dịch nghĩa:

*Thơ xưa riêng tả cảnh đẹp thiên nhiên:
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió;
Trong thơ hiện nay nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

Dịch thơ:

CẢM TƯỢNG ĐỌC THIÊN GIA THI⁽¹⁾

*Thơ xưa quá chuộng thiên nhiên đẹp:
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Thơ ở thời nay nên có thép:
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

HỒ CHÍ MINH
Năm 1943

Nhật ký trong tù, Nhà xuất bản Văn hoá,
Hà Nội, 1960, trang 236. Bản dịch: Viện
Văn học, có dịch lại đôi chỗ theo đúng
nguyên tác.

(1) *Thiên gia thi* nguyên là tập thơ chọn lọc Đường, Tống thiên gia thi tuyển do Lưu Khắc Trang, (người đời Tống) soạn; trong tuyển những thể thơ hay về ngũ, thất ngôn luật thi, tuyệt cú của một số lớn các nhà danh thi đời Đường, Tống, nên gọi là thiên gia (nghìn nhà). Đến cuối đời Tống và đời Minh, Tạ Phương Đắc và người sau dựa vào bản trên mà soạn lại, tuy vẫn giữ cái tên cũ *Thiên gia thi* nhưng thật ra chỉ còn lại thơ của hơn một trăm “nhà”. *Cảm tưởng đọc Thiên gia thi* là bản Tuyên ngôn về thơ ca vô sản nói riêng, về văn nghệ cách mạng nói chung theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin mà chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI KHAI MẠC PHÒNG TRIỂN LÃM VĂN HOÁ^(*)

(Trích)

... Những bức tranh này tỏ ra các nghệ sĩ của ta lâu nay đều đã cố gắng tìm một con đường đi. Nhưng tiếc một điều là không muốn đi ở dưới đất mà cứ muốn vụt lên trời: chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt lại rất ít.

...
Thật là một thế giới tiên! Nhưng tôi nhớ gương tượng như Lỗ Tấn⁽¹⁾, nhà văn hào cách mạng Trung Hoa đã nói ở đâu một câu đại ý như thế này: Người trần lên tiên có lẽ cũng thích thật. Nhưng nhìn thấy mãi cái đẹp không thay đổi rồi cũng thấy chán nản, nhạt nhẽo và mới biết rằng: muốn tìm thấy sự thay đổi, sự ham mê thật, phải trở về với cuộc sống sinh hoạt thực tại của con người.

...
Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá. Nhưng văn hoá là một kiến trúc thượng tầng; những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hoá mới kiến thiết được và đủ điều kiện phát triển được.

Ngày nay, trước khi đi đến việc kiến thiết nước nhà, chúng ta còn phải qua một thời kỳ tranh đấu cực kỳ khổ sở, khó khăn nữa. Giới văn hoá cũng phải cùng các giới đồng bào đi qua chặng đường ấy. Mong rằng các anh chị em văn hoá đã cố gắng, xin cố gắng lên mãi, để cùng đồng bào đi đến chỗ hoàn toàn về vang của nước nhà.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 7/10/1945

Báo *Cửu quốc*, ngày 8/10/1945.

(*) Trích bài của phòng viên báo *Cửu quốc*, cơ quan tuyên truyền tranh đấu của Tổng bộ Việt Minh, số ra ngày 8/10/1945, ghi lại lời phát biểu của Hồ Chủ tịch khi xem các phòng triển lãm trong buổi khai mạc Phòng Triển lãm Văn hoá, ngày 7/10/1945.

(1) Lỗ Tấn (1881 - 1936): nhà tư tưởng, nhà cách mạng, nhà văn vô sản Trung Hoa. Xem chú thích bài *Lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam*, phần VIII.

THƯ GỬI ANH CHỊ EM VĂN HOÁ VÀ TRÍ THỨC NAM BỘ

Cùng đồng bào văn hoá và trí thức Nam Bộ!
Tôi thay mặt Chính phủ cảm ơn sự ủng hộ của các bạn. Chính phủ cùng toàn thể đồng bào Việt Nam kiên quyết chiến đấu, giành quyền thống nhất và độc lập cho nước nhà để cho văn hoá cũng như chính trị và kinh tế, tín ngưỡng, đạo đức đều được phát triển tự do. Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh chị em văn hoá và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Nhân dân ta sẵn sàng thân thiện với nhân dân Pháp, nhưng quyết không chịu làm nô lệ cho thực dân phản động. Anh chị em văn hoá và trí thức, càng phải quyết tâm không chịu làm nô lệ.

Tôi gửi anh chị em lời chào thân ái và quyết thắng.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 25/5/1947

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 11.

CÔNG ĐIỆN SỐ 550 NGÀY 14/1/1948

(Trích)

... Cuộc kháng chiến vĩ đại của ta là một kho nguyên liệu vô tận cho những tác phẩm xuất sắc mà đồng bào ta đang chờ đợi. Tương lai rực rỡ của Tổ quốc là cái nền tảng không bờ bến cho sự phát triển tài năng của mọi người.

Chào thân ái và quyết thắng.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 14/1/1948

Hồ Chí Minh, tinh hoa dân tộc (thơ Huyền Kiêu). Nhà xuất bản Sáng tạo, Hà Đông, 1948.

HỒ CHỦ TỊCH VÀ VĂN NGHỆ

BÁO

Một cán bộ gần Cụ cho biết rằng: Cụ tập viết báo từ ngày ở Pháp, 30 năm trước.

Lúc đầu một người bạn Pháp giúp cụ, bảo cụ viết độ 3, 4 dòng. Bạn ấy sửa bài và đăng báo dùm. Lần lần viết dài thêm, thêm mãi, đến khi viết được những bài dài hai ba cột. Bạn ấy lại bảo Cụ rút ngắn lại. Dần dần rút chỉ viết mười dòng mà nói hết ý kiến.

Từ đó đến nay, Cụ viết báo rất nhiều, báo Pháp, báo Tàu, báo ta, báo nước khác, báo bí mật, báo công khai. Nếu gom góp được những bài Cụ đã viết thì có thể đóng thành mấy tập sách dày.

Ngoài một số bài báo nói về các thuộc địa Pháp, hàng vạn bài kia đều nói về Việt Nam tức là vấn đề chống thực dân Pháp.

SÁCH

Quyển *Lên án đế quốc chủ nghĩa Pháp* bằng chữ Pháp đã làm cho thực dân rất căm tức vừa không chối cãi được. Vì Cụ dùng cách gây ông đập lưng ông. Cụ đã trích những điều mà chính người Pháp đã viết trong các sách báo, có ngày, tháng và địa điểm rõ ràng.

Ngoài quyển ấy chưa thấy Cụ viết sách nào khác.

Có người hỏi, sao Cụ không viết sách, Cụ trả lời: “Một là vì tôi không viết được. Hai là vì thánh hiền phương Đông và phương Tây đã để cho chúng ta khá nhiều sách. Chúng ta chỉ cần nghiên cứu và áp dụng cho đúng hoàn cảnh là đủ...”.

TIỂU THUYẾT

Ngày trước, lúc ở Pháp, Cụ có viết những bài tiểu thuyết ngắn đăng trong các báo như *Người bị hun khói* tả những người da đen vào hang trốn để khỏi đi lính bị Pháp đốt khói hun chết.

Con gà có của viên công sứ tả sự tham nhũng của quan lại Pháp ở Mađa gátxca. *Rủi ro* tả tình hình bị áp bức bóc lột của nhân dân Việt Nam. *Một đế vương* mỉa mai Khải Định lúc y sang dự cuộc đấu xảo ở Pháp. *Pari* tả tình

trạng cực khổ của người dân lao động ở Pari. Cụ còn viết một cuốn tiểu thuyết theo lối ký nhân đề là *Nhật ký chìm tàu* để thuật những thành tích vẻ vang của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga ⁽¹⁾. Các nhà văn sĩ Pháp khen Cụ viết hoạt bát, vui vẻ, có màu sắc đặc biệt làm cho người ta cảm động.

KỊCH

Cũng nhân lúc Khải Định sang Pháp, Cụ có viết một vở kịch châm biếm tên là *Con rồng bằng tre*. Chỉ viết trong một đêm là xong. Cụ viết kịch ấy, nhưng tự Cụ không được xem vì sau đó Cụ phải rời khỏi nước Pháp.

Bản kịch ấy do Câu lạc bộ Pari diễn mấy lần. Các nhà phê bình Pháp đều khen hay.

THƠ

Trong thời kỳ hoạt động bí mật Cụ viết nhiều bài ca để tuyên truyền, theo lối trên 6 dưới 8 hoặc 7 - 7 - 6 - 8.

Theo chúng tôi biết thì Cụ không làm thơ Nôm. Khi làm thơ Cụ làm thơ chữ Tàu. Năm 1941 - 1942⁽²⁾ Cụ bị bắt và bị trói giải đi trong 82 ngày, mỗi ngày Cụ có một bài thơ nhật ký. Cộng với những bài thơ làm trong các nhà tù có gần 150 bài... Trung tướng Tiêu Văn và Trần Bảo Thương đều khen thơ Cụ rất tao nhã. Từ khi bận việc kháng chiến, Cụ Chủ tịch rất ít làm thơ...

ĐỐI VỚI VĂN NGHỆ NƯỚC NHÀ

Cụ rất chú ý đến bình dân học vụ. Cụ nói: Đó là nền tảng của văn hoá nước ta.

Thường có các chiến sĩ và các anh em nhi đồng gửi thư lên Cụ. Cụ xem rồi bảo nhân viên trong Chính phủ xem và Cụ vui vẻ nói: “Các chú xem các cháu của ta đã biết làm thơ. Chắc rằng mai sau số đông các cháu ta sẽ thành nhà thơ giỏi”.

Cụ thường nói văn nghệ sĩ ta đều cố gắng. Nhưng cho đến ngày nay chưa có tác phẩm nào thật xứng đáng với cuộc kháng chiến oanh liệt, với phong trào thi đua, ái quốc. Chắc văn nghệ sĩ ta sẽ có những tác phẩm vĩ đại.

LỐI TÂY, CHỮ TÀU

Tuy biết nhiều tiếng ngoại quốc, trong khi viết tiếng ta, Cụ không ưa dùng lối Tây và chữ Tàu. Cụ thường phê bình cán bộ vì hay dùng lối Tây và chữ Tàu. Cụ bảo viết tiếng ta thì phải cho ra tiếng ta cho mọi người dân đều hiểu.

(1) Câu này được tác giả viết tay bổ sung thêm bên lề bản đánh máy.

(2) Chúng tôi xin ghi đúng theo như nguyên bản.

Với những người thạo chữ Tàu thì đôi khi Cụ dùng hoàn toàn chữ Tàu. Ví dụ:

Ngày Cụ sang Pháp năm 1946, Cụ Huỳnh Thúc Kháng nhận chức quyền Chủ tịch. Trước khi chia tay cụ Huỳnh hỏi Cụ: “Chính trị ở nhà nên thế nào?”. Hồ Chủ tịch trả lời: “Đĩ bất biến ứng vạn biến”.

Cụ Huỳnh cầm tay Cụ Chủ tịch mà thưa rằng: “Tôi xin hiểu”.

Năm ngoái ông Nguyễn Sơn nhận chức thiếu tướng. Hồ Chủ tịch gửi mừng ông 12 chữ:

*“Đảm dục đại
Tân dục tể
Trí dục viên
Hạnh dục phương”.*

Chỉ vèn vèn 12 chữ mà đủ cả đức tính của một vị tướng và có thể nói: Gồm đủ đức tính mà mọi người dân Việt Nam dân chủ cộng hoà cần phải có.

T.T. 1949

Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh. Nguyễn Xuân Thông công bố lần đầu tháng 5/1991 trên báo *Văn Nghệ*.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ VĂN HOÁ TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Gửi Hội nghị văn hoá toàn quốc,
Nhân dịp Hội nghị văn hoá toàn quốc, tôi gửi lời thân ái chúc mừng các đại biểu.

Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hoá gánh một phần rất quan trọng. Từ ngày chính quyền dân chủ thành lập đến nay, các nhà văn hoá đã cố gắng và đã thành công. Song từ nay trở đi, chúng ta cần phải xây đắp một nền văn hoá kháng chiến, kiến quốc thiết thực và rộng rãi, để giúp sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của toàn dân. Muốn đi đến kết quả đó, tôi thiết tưởng các nhà văn hoá ta cần tổ chức chặt chẽ và đi sâu vào quần chúng.

Nhiệm vụ của văn hoá chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến, kiến quốc của nhân dân, mà còn phải nêu rõ những thành tích kháng chiến, kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới biết. Các nhà văn hoá ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc bây giờ mà còn để lưu truyền những gương mẫu oanh liệt kháng chiến, kiến quốc cho con cháu đời sau.

Trong phong trào thi đua ái quốc của toàn dân, tôi mong rằng Hội nghị sẽ có một chương trình thi đua ái quốc về mặt trận văn hoá. Tôi chắc rằng sau Hội nghị này, văn hoá của ta sẽ có một sự phát triển mạnh mẽ.

CHÀO THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG!

Hồ Chí Minh

Ngày 15/7/1948

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 24.

THI ĐUA SÁNG TÁC CHO HAY, CHO NHIỀU

... **V**ăn nhân, nghệ sĩ thi đua nhau sáng tác cho hay, cho nhiều để cổ động trong nhân dân, tuyên truyền ra thế giới, và để lưu lại cho đời sau những sự tích vĩ đại trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta.

TRẦN LỤC
Năm 1949

Giấc ngủ mười năm⁽¹⁾, Tổng bộ Việt
Minh xuất bản, 1949.

(1) *Giấc ngủ mười năm* kể lại câu chuyện anh bộ đội tên là Nông Văn Minh, người Tây, bị thương ở chiến dịch biên giới, sau “giấc ngủ mười năm” trong bệnh viện, tỉnh lại thấy đất nước đã kháng chiến thắng lợi đang bước vào thời kỳ xây dựng hoà bình; thấy vợ con mình xưa nghèo đói nay vợ làm chủ tịch xã, con gái là sinh viên Đại học Y khoa. Tác giả đã dùng trí tưởng tượng và căn cứ vào quy luật tiến lên của xã hội mới, vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến chống Pháp, để thể hiện tương lai Độc lập, Tự do, Hạnh phúc 10 năm sau đó; khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn đang ở giai đoạn gian lao và đầy thử thách ban đầu. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

THƯ GỬI CÁC HOẠ SĨ NHÂN DỊP TRIỂN LÃM HỘI HOẠ NĂM 1951^(*)

Gửi anh chị em họa sĩ,
Biết tin có cuộc trưng bày, tiếc vì bận quá, không đi xem được, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh chị em. Nhân tiện tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật để anh chị em tham khảo.

Văn hoá nghệ thuật cũng là một *mặt trận*.

Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy.

Cũng như các chiến sĩ khác, chiến sĩ nghệ thuật có nhiệm vụ nhất định, tức là: phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là nông, binh.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật cần có *lập trường* vững, *tư tưởng* đúng, nói tóm tắt là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

Về *sáng tác*, thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân. Như thế, mới bày tỏ được tinh thần anh dũng và kiên quyết của quân và dân ta, đồng thời để giúp phát triển và nâng cao cho tinh thần ấy. Kháng chiến tiến bộ mạnh. Quân và dân ta tiến bộ mạnh. Nghệ thuật cũng cần tiến bộ mạnh. Muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi, thì anh chị em nghệ thuật cần phải dùng phương pháp phê bình và tự phê bình.

Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị*.

Đúng lắm. Văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị.

Tiền đồ dân tộc ta rất vẻ vang, tiền đồ nghệ thuật ta rất rộng rãi. Chúc anh chị em mạnh khoẻ, tiến bộ, thành công!

CHÀO THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG!

HỒ CHÍ MINH

Ngày 10/1/1951

Báo Nhân dân, ngày 10/1/1951

(*) Triển lãm hội họa năm 1951 khai mạc tại Việt Bắc. Ngót 200 bức tranh có giá trị được trưng bày, diễn tả những nét sinh hoạt, đấu tranh của nhân dân ta và tố cáo tội ác của bọn xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ.

LỜI PHÁT BIỂU TRONG DỊP KHAI MẠC ĐẠI HỘI CÁC CHIẾN SĨ THI ĐUA VÀ CÁN BỘ GUƠNG MẪU TOÀN QUỐC^(*)

(Trích)

Sáng kiến và kinh nghiệm là của quý chung cho cả dân tộc. Chúng ta phải ra sức làm cho nó dồi dào thêm và lan rộng mãi. Đầu thì lan khắp một đơn vị, một nhà máy, một làng v.v... Dần dần lan khắp cả quân đội, cả ngành công nghiệp, cả nước. Sáng kiến và kinh nghiệm cũng như những con suối nhỏ chảy vào sông to, những sông to chảy vào biển cả. Không biết quý trọng sáng tạo và phổ biến kinh nghiệm tức là lãng phí của dân tộc.

Việc phổ biến sáng kiến và kinh nghiệm là phận sự của quân đội, của Đoàn thanh niên, Công đoàn, Nông hội. Chính quyền cũng phải săn sóc giúp đỡ việc này.

Các báo chí và văn nghệ phải điều tra, tuyên truyền khen ngợi những ưu điểm và phê bình những khuyết điểm trong việc phổ biến sáng kiến và kinh nghiệm. Đó là một nhiệm vụ vẻ vang của báo chí và văn nghệ thiết thực góp phần vào phong trào thi đua ái quốc.

... Trong phong trào thi đua chúng ta thấy đủ các dân tộc Kinh, Thổ⁽¹⁾, Mán⁽²⁾, Mường... đủ các tín ngưỡng lương có, giáo có, đủ các tầng lớp, binh, công, nông, sĩ, đủ các người già, trẻ, gái, trai, tất cả đều nhằm vào một mục đích chung: tăng gia sản xuất và diệt giặc lập công.

Trước kia anh em trí thức thì xa lao động chân tay. Công nông binh thì ai chỉ lo việc nấy. Giữa các hạng người, các tầng lớp, cảm tình chưa được thân mật.

Nay phong trào thi đua đã làm phát triển tinh thần đoàn kết giữa tất cả các tầng lớp nhân dân. Thí dụ: muốn bộ đội đủ ăn đủ mặc, đủ vũ khí đánh mạnh, thắng nhiều, thì trí thức thi đua phát minh sáng chế, nông dân thi đua làm nhiều lúa nhiều bông, công nhân thi đua sản xuất nhiều súng đạn. Trong lúc

(*) Đại hội các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc họp từ ngày 1/5/1952 đến ngày 6/5/1952. Đại hội đã tuyên dương 7 anh hùng tiêu biểu cho công, nông, binh và lao động trí óc.

(1) Nay gọi là dân tộc Tày.

(2) Nay gọi là dân tộc Dao.

thi đua diệt giặc lập công thì bộ đội luôn luôn nhớ đến đồng bào và khuyến khích lẫn nhau: diệt sạch giặc đi để đồng bào làm ăn yên ổn.

Thi đua tăng cường đoàn kết, mà đoàn kết đẩy mạnh thi đua. Đoàn kết ấy là đoàn kết thực sự và rất chặt chẽ.

Tôi muốn nhắc vài chuyện nhỏ, nhưng có ý nghĩa rất to:

- Bà cụ Nam (Cao Bằng) 83 tuổi, xung phong sửa đường. Cán bộ khuyên bà cụ nghỉ, thì bà cụ nói: “Càng già càng phải giúp kháng chiến. Sửa đường để bộ đội đi cho mau, giết cho nhiều giặc, thắng cho nhiều trận...”.

- Cháu Nguyễn Thị Giao Tiên (ngành quân giới) khuyến khích chị em: “Chúng ta phải thi đua chuẩn bị thuốc men cho mau và cho cẩn thận, cho anh em bộ đội yên tâm đánh giặc...”.

Đó là những lời mộc mạc, do lòng tương thân tương ái, do tinh thần đoàn kết tự đáy lòng thốt ra. Đó là những đoạn văn chương mới mẻ và tươi sáng do phong trào thi đua và cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta nảy nở.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 1/5/1952

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 151.

BÀI NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI

Tôi lấy danh nghĩa là một người yêu chuộng văn nghệ xin chúc mừng Đại hội văn nghệ thành công.

Cụ Hoàng⁽¹⁾ vừa nói với tôi rằng tôi là một nhà văn nghệ, nhưng tôi chỉ nhận tôi là một người yêu chuộng văn nghệ chứ không phải là một nhà văn nghệ.

Đã đến thăm, không nhiều thì ít tôi cũng có một vài ý kiến để các cụ, các anh chị em tham khảo sau này, vì Đại hội hôm nay bế mạc rồi.

Trong hơn mười năm nay - từ Cách mạng tháng Tám - trong mấy năm kháng chiến anh dũng và hai năm xây dựng hoà bình, giới văn nghệ đã cố gắng cùng với nhân dân từ Nam chí Bắc đấu tranh. Các nhà văn nghệ đều có công với cách mạng, với kháng chiến, với xây dựng hoà bình.

Nhưng mà chúng ta nói chuyện với nhau phải thật thà: thành tích tuy có nhiều nhưng thiếu sót cũng không ít. Đó là ý kiến của tôi, còn đúng hay không xin các cụ với các anh chị em xét lại. Về thành tích trong Đại hội này, đứng về ý kiến của tôi thì thành tích trội nhất là các cụ với các anh chị em đã thẳng thắn tự phê bình và thật thà phê bình tức là đoàn kết mà đấu tranh, và do đấu tranh đó đã đi đến đoàn kết hơn trước. Bây giờ chúng ta phải đồng tâm, hợp lực nhằm nhiệm vụ của toàn dân nói chung và giới văn nghệ nói riêng mà tiến tới.

Những nhiệm vụ gì?

- Đó là đấu tranh để củng cố miền Bắc, đấu tranh để thống nhất nước nhà.

Muốn hoàn thành nhiệm vụ được tốt thì chúng ta phải học tập, chúng ta phải trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. Phải đi sát sự thực. Và trong lúc tiến tới thì chúng ta phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức tính khiêm tốn.

Hoàn cảnh của chúng ta thuận lợi có nhiều mà khó khăn cũng không ít. Thuận lợi đấy là do nhân dân ta ai cũng cố gắng, ai cũng đoàn kết. Một mặt nữa chúng ta được các nước anh em giúp đỡ tận tâm.

(1) Tức Hoàng Ngọc Phách (1896 - 1973), nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, tác giả tiểu thuyết *Tổ Tâm* (1925). Sau Cách mạng tháng Tám, chuyển về nghiên cứu văn học.

Vì hoàn cảnh nước ta tạm chia làm hai miền. Từ vĩ tuyến 17 trở vào đồng bào ta đang sống vô cùng cực khổ dưới gót sắt của Mỹ - Diệm. Khó khăn như thế này chứ khó khăn hơn nữa, nhưng với quyết tâm đoàn kết thì chúng ta cũng khắc phục được hết.

Nói chung, nhân dân ta như thế.

Nói riêng là giới văn nghệ đã có những đóng góp đáng kể. Già trẻ, gái trai, Nam - Bắc tất cả chúng ta đoàn kết; các ngành văn nghệ đoàn kết; đoàn kết nhằm vào mục đích chung phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chúng ta làm thế thì văn nghệ sĩ nhất định sẽ tiến bộ hơn nữa, đồng thời có lực lượng mà giúp đỡ nhân dân tiến bộ hơn nữa.

Phần trước là tôi đứng về địa vị một người yêu chuộng văn nghệ mà nói. Bây giờ đứng về địa vị một người chính trị, tôi xin hứa rằng Trung ương Đảng và Chính phủ sẽ cố gắng trong khả năng của mình, giúp đỡ văn nghệ tiến lên.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 28/2/1957

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 47.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HOÁ^(*)

(Trích)

Hôm nay, các cô, các chú khai hội sau khi đi công tác lao động về, Bác thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ đến thăm các cô, các chú..

Bây giờ Bác có mấy ý kiến. Nói về văn hoá thì cán bộ có cố gắng, mà văn hoá nói chung thì có thành tích, đấy là điều đáng khen, nhưng khuyết điểm cũng còn khá nhiều. Lấy một ví dụ thôi: Nói là khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, cái gì không tốt thì phải loại dần ra. Xem ra, thì năm nay tương đối khá, còn như năm ngoái khôi phục vốn cũ thì khôi phục cả đồng bóng, rước xách thần thánh. Vì khôi phục như thế nên ở nông thôn, nhiều nơi quên cả sản xuất, cứ trồng mō bì bōm, ca hát lu bù. Có những xã góp đến mấy triệu đồng đi mua áo, mua mũ, mua hia, như thế là nói khôi phục vốn cũ có đúng không? Cái gì tốt, thì ta nên khôi phục và phát triển, còn cái xấu, thì ta phải bỏ đi.

Sau đây Bác nêu mấy ý kiến để giúp các cô, các chú thảo luận. Hiện nay, nhiệm vụ của toàn Đảng toàn dân ta là gì? Là xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội để làm cơ sở vững chắc cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà. Muốn đấu tranh thống nhất nước nhà thắng lợi thì nhất định phải xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội...

Cán bộ văn hoá bây giờ đã bắt đầu đi tham gia lao động và phục vụ sản xuất, như thế là tốt. Đó là một chuyển hướng tốt nhưng mới là bước đầu. Như vậy là đáng khen, mà đặc biệt đáng khen là những cán bộ đã đi đến những miền núi. Phải thấy rằng, nói chung văn hoá của ta còn loanh quanh trong thành phố, chỗ dễ ăn, chứ chưa đến chỗ đồng bào Mèo, đồng bào Mán⁽¹⁾. Ở rẻo cao đi từ nhà này qua nhà khác, xóm này qua xóm khác, nhiều khi cũng đến 5 cây số, phải trèo mấy lần núi, xuống mấy lần đèo, lội qua mấy lần suối. Các đồng chí cán bộ đã đi được như vậy phải có kiên tâm.

Bước đầu như thế, nói chung là tốt. Nhưng các cô, các chú phải kiên trì và phát triển những cố gắng ấy hơn nữa.

Điểm thứ hai mà Bác muốn nói là cán bộ văn hoá nói riêng cũng như tất

(*) Nói chuyện ngày 30/10/1958

(1) Nay gọi là I'Mông, là Dao.

cả các cán bộ ta nói chung phải rèn luyện tư tưởng, chính trị, ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm. Thí dụ đi lên vùng đồng bào Mèo, đồng bào Mán, thì trước hết phải có tinh thần, có lập trường chính trị. Đồng thời các cô, các chú phải lo việc học tập nghệ thuật, nghiệp vụ, văn hoá và kỹ thuật thêm.

... Một vấn đề thứ hai là quần chúng với sáng tác. Quần chúng có biết sáng tác không? Có sáng tác được không? Vấn đề ấy cũng phải dứt khoát. Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng, quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người biết sáng tác nữa. Chắc các cô, các chú cũng biết những câu tục ngữ của ta do ai làm ra. Đó là do quần chúng làm ra. Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không “trường thiên đại hải”, dây cà ra dây muống. Cán bộ văn hoá cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý. Muốn làm như thế thì cố nhiên là phải có chính trị, có kỹ thuật, thì mới mài cho viên ngọc ấy thành tốt, khéo léo và đẹp.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 30/10/1958

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 50.

NHÂN SĨ PHẢI LÀ CHIẾN SĨ

(Trích)

Tôi xin chúc các cụ, các đồng chí một năm mới vui vẻ, mạnh khỏe thu được thắng lợi mới trong công tác, góp phần xây dựng nước nhà⁽¹⁾.

Bây giờ tôi xin ra câu đối để các cụ, các đồng chí đối lại:

Muốn cho xã hội đều xuân nhân sĩ phải là chiến sĩ

Nhân sĩ đây còn có nghĩa là bác sĩ, văn nghệ sĩ, nữ sĩ, v.v... ở đây có nhiều nhà thơ, nhà văn, xin sửa cho và đối lại. Bây giờ tôi xin phép các vị đi chúc tết các nơi khác.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 3/2/1962

Báo Nhân dân, ngày 7/2/1962

(1) Ngày 3/2/1962 (tối 29 tết âm lịch), Hồ Chủ tịch đến thăm và tham dự cuộc họp thân mật vui tết với các nhà khoa học, kỹ thuật, văn nghệ sĩ, anh hùng lao động, anh hùng quân đội, nhân sĩ... công tác tại các ngành trung ương và Hà Nội. Trên đây là lời chúc tết của Người. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt theo ý chính của đoạn văn.

CHÚC MỪNG HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á - PHI LẦN THỨ HAI

(Trích)

... Cây bút phục vụ chính nghĩa trong tay nhà văn chiến đấu có một lực lượng cực kỳ mạnh mẽ.

Tôi tin chắc rằng Hội nghị các nhà văn Á - Phi sẽ góp phần quý báu trong việc trao đổi văn hoá giữa các dân tộc. Hơn nữa, nó sẽ làm cho các nhà văn góp phần xứng đáng trong phong trào chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, đoàn kết các dân tộc để đấu tranh cho độc lập, hoà bình, dân chủ và hạnh phúc cho cả loài người trên thế giới.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp⁽¹⁾.

HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, ngày 10/2/1962

Báo Nhân dân, ngày 13/2/1962

1. Hội nghị các nhà văn Á - Phi lần thứ hai khai mạc ngày 12/2/1962 tại Lơ Ke (Le Caire), thủ đô Ai Cập.

MIÊU TẢ CHO HAY, CHO CHÂN THẬT, CHO HÙNG HỒN...^(*)

(Trích)

Các đồng chí,
Đại hội này đã tiến hành và kết thúc trong bầu không khí đoàn kết, vui vẻ và phấn khởi. Đại hội đã tổng kết những thành tích trong những năm qua và chỉ rõ phương hướng tiến tới để thi đua giành những thắng lợi to lớn hơn nữa từ đây về sau.

Quyết tâm nêu trong bức thư của Đại hội phải được phổ biến thành quyết tâm của toàn thể nhân dân lao động miền Bắc nước ta.

Ai là người phụ trách thực hiện việc phổ biến?

Mỗi anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua, mỗi đảng viên, đoàn viên thanh niên và cán bộ công đoàn,

Mỗi cán bộ phụ trách các ngành, các nghề, các địa phương,

Đều là người có trách nhiệm phổ biến quyết tâm đó. Như vậy, thì con số Bác nói hôm nọ, tức là 1 triệu 60 vạn người thi đua đánh danh hiệu “Chiến sĩ thi đua lao động xã hội chủ nghĩa” nhất định sẽ đạt được, và kế hoạch năm năm nhất định sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

Trong Đại hội này, chưa nêu rõ vai trò quan trọng của những cán bộ *làm báo* và cán bộ *nghệ thuật* trong việc phục vụ phong trào thi đua yêu nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các báo chí phải khuyến khích những người tốt, việc tốt và thẳng thắn phê bình những điều xấu như: lười biếng, tham ô, lãng phí, quan liêu. Đó là một việc rất cần thiết.

Trong phong trào thi đua yêu nước của đồng bào *miền Bắc* và cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào *miền Nam*, có những người, những việc vô cùng anh dũng, oanh liệt. Đó là những “đề tài” cực kỳ phong phú để cổ vũ đồng bào ta và để giáo dục con cháu ta.

Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc

(*) Trích bài nói chuyện trong buổi lễ bế mạc Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ ba. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi dựa theo văn bản để đặt.

ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác, v.v... Đó cũng là một trách nhiệm của các cán bộ *văn nghệ* góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 6/5/1962

Thi đua yêu nước, Nhà xuất bản Sự thật,
Hà Nội, 1970, trang 45.

LỜI PHÁT BIỂU KHI TỚI THĂM TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TOÀN QUỐC NĂM 1962^(*)

... Các tranh, tượng đã nói lên được tình người, tả chân thật những người lao động bình thường. Anh chị em đã cố gắng đi vào đời sống. Thế là tốt. Nhưng tranh chưa nói lên được khí thế thi đua của quần chúng. Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc. Anh chị em có kinh nghiệm cần khuyến khích, giúp đỡ tốt hơn nữa những anh chị em trẻ, bày vẽ thêm cho họ, nhưng phải chú ý làm cho họ giữ tình cảm chân thật, chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo...

HỒ CHÍ MINH
Ngày 24/10/1962

Báo *Nhân dân*, ngày 25/10/1962

(*) Trích theo bài của báo *Nhân dân*, số ra ngày 25/10/1962, đưa tin Hồ Chủ tịch thăm Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1962, ngày 24/10/1962.

BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ BA^(*)

Tôi thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ thân ái chào mừng Đại hội, và khen ngợi các đồng chí đã có những cố gắng và những thành tích trong mấy năm qua.

Nhân dịp này, tôi cũng gửi lời thân ái hỏi thăm những anh chị em văn nghệ yêu nước ở miền Nam đang cùng đồng bào dũng cảm hy sinh, đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Trong thư của Trung ương Đảng gửi Đại hội và những lời phát biểu của các đại biểu đã nói khá đầy đủ những điều cần phải nói. Hôm nay, tôi chỉ kể vài kinh nghiệm cũ và nêu vài ý kiến chung.

Dưới chế độ thực dân Pháp, dù chúng khủng bố tàn nhẫn, và nuôi nấng thứ văn chương nịnh Tây, nhưng nước ta vẫn có văn chương cách mạng.

Văn chương cách mạng cũng như những thơ ca của các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu và những người yêu nước khác, thì bị gọi là “cấm vật”. Nếu không giữ được bí mật, thì người viết cũng như người xem đều bị bắt bớ tù đầy. Tuy vậy, vì quần chúng sẵn lòng ghét Tây và yêu nước, cho nên những thơ ca ấy đã được truyền tụng trong dân gian, và đã có tác dụng cổ động tinh thần cách mạng.

Nghề *múa hát* thì chỉ là một thứ tiêu khiển cho bọn “ngồi mát ăn bát vàng”. Chúng còn khinh rẻ và gọi những nghệ sĩ múa hát là “xương ca vô loài”.

Hồi đó chỉ có *chiếu bóng cầm*, bọn thực dân Pháp dùng chiếu bóng để bôi nhọ dân tộc ta. Thí dụ trong Hội chợ Mácxây, ngoài những tranh vẽ lũ công Khanh Việt Nam đang lúc nhúc quỳ lạy trước vua bù nhìn cùng chó ngao Toàn quyền, Khâm sứ, ngoài những công nhân trần trụi kéo xe thuê, còn có chiếu bóng: trong phim có những bà già ăn trầu răng đen, những nông dân gày gò rách dưỡi, những người đóng khổ đang trèo dừa... Chúng gọi là “Hình ảnh An Nam”.

Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng.

Từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân ta được giải phóng, thì những người văn nghệ cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển tài năng của mình, góp phần vào công cuộc kháng chiến và xây dựng Tổ quốc.

(*) Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ ba họp tại Hà Nội từ ngày 26/11/1962. Dự Đại hội này có 664 đại biểu thay mặt cho các ngành văn học nghệ thuật và 170 vị khách trong và ngoài nước.

Mười bảy năm qua, nước ta có những cuộc biến đổi long trời chuyển đất: cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam, khắp nơi sôi nổi thi đua yêu nước. Ở Việt Nam chúng ta có những sự tích vô cùng oanh liệt, những chiến sĩ cực kỳ anh hùng. Ở các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa cũng vậy.

Quần chúng đang chờ đợi những tác phẩm văn nghệ xứng đáng với thời đại vẻ vang của chúng ta, những tác phẩm *ca tụng* chân thật những người mới, việc mới chẳng những để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay mà còn để giáo dục con cháu ta đời sau.

Trong thời kỳ quá độ, bên những thành tích tốt đẹp là chính, vẫn còn sót lại những cái xấu xa của xã hội cũ như: tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu, đánh con, đập vợ v.v... Đối với những thói xấu đó, văn nghệ cũng cần phải *phê bình* rất nghiêm khắc, nhằm làm cho xã hội ta ngày càng lành mạnh tốt đẹp hơn.

Nói tóm lại: phải có khen, cũng phải có chê. Nhưng khen hay chê đều phải đúng mức. Khen quá lời thì người được khen cũng hồ người. Mà chê quá đáng thì người bị chê cũng khó tiếp thu.

Quần chúng mong muốn những tác phẩm có *nội dung* chân thật và phong phú, có *hình thức* trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có *bổ ích*. Quần chúng còn mong các đồng chí văn nghệ chú ý giùm hai điều nữa: một là chớ mượn chữ Hán quá nhiều, thậm chí có khi “chữ Tạc vạc ra chữ Tô”; hai là khi viết phải *cẩn thận* hơn, tránh viết những câu kỳ khôi như “no cơm áo”, “cười thênh thênh” v.v...

Để làm tròn nhiệm vụ cao quý của mình, văn nghệ sĩ cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân; giữ gìn thái độ khiêm tốn; phải thật sự hoà mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp, phải hết lòng giúp đỡ thanh niên, làm cho văn nghệ nước nhà ngày càng thêm trẻ thêm xuân.

Tôi xin kết thúc câu chuyện bằng lời thân ái chúc các đồng chí *đoàn kết chặt chẽ*, phấn khởi và tiến bộ nhiều.

Chúc mọi người đồng lòng chung sức xây dựng văn nghệ của ta ngày càng phong phú về tư tưởng và nghệ thuật, góp phần xứng đáng với cả dân tộc đang anh dũng xây dựng một nước Việt Nam hoàn bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 1/12/1962

Về công tác văn hoá văn nghệ, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 80.

KHÔNG ĐỀ

*Đã lâu không làm bài thơ nào,
Nay lại thử làm xem ra sao.
Lục khắp giấy tờ vẫn chưa thấy
Bỗng nghe vãn "thăng" vút lên cao.*

HỒ CHÍ MINH
Tháng 3/1968

*Hồ Chí Minh, Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, trang 94.*

CÁCH VIẾT(*)

Hôm nay Bác nói về cách viết, đặc biệt là viết ngắn. Hiện nay trình độ của đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài và in dài, thì giờ của ta, người lính đánh giặc, người dân đi làm, không cho phép xem lâu. Vì vậy cho nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy.

Trong các báo cáo, có những bài lằng nhằng dài mấy cột, như là rau muống kéo dây. Đọc đến khúc đuôi thì không biết khúc giữa nói cái gì. Thế là vô ích.

- Vì ai mà mình viết?

- Mục đích viết làm gì?

Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng.

- Thế thì viết cái gì?

Trong vấn đề này cũng phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù, viết mới đúng.

Viết để nêu những cái hay, cái tốt của dân tộc ta, của bộ đội ta, của cán bộ ta, của bạn ta. Đồng thời để *phê bình* những khuyết điểm của chúng ta, của cán bộ, của nhân dân, của bộ đội. Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt, thì phải có *chừng mực*, chớ phóng đại. Có thể nào nói thế ấy. Bộ đội và nhân dân ta cũng đủ nhiều cái hay để nêu lên, không cần phải bịa đặt ra.

Phê bình thì phải phê bình một cách *thật thà*, chân chính, đúng đắn, chứ không phải để cho địch lợi dụng để nó phản tuyên truyền.

Còn đối với *địch* thì thế nào?

- Thì nêu những cái xấu của nó để cho bộ đội ta, đồng bào ta biết, là chúng nó độc ác thế nào, xấu xa thế nào, để gây lòng căm thù đối với quân địch.

Sự hung ác, xấu xa của chúng nó rất nhiều, nếu biết gom góp tài liệu thì tha hồ mà viết. Có những việc chúng nó làm, bên ngoài thì như là tốt, mà bên trong thì thật là xấu, ta phải giải thích cho nhân dân ta hiểu.

Thí dụ: Trong vùng địch, Pháp có khi “phát chẩn” hay là Mỹ “giúp” để tuyên truyền, để mua chuộc. Sự thực là chúng đã cướp chỗ này rồi “giúp” chỗ

(*) Ghi lời Hồ Chủ tịch nói với cán bộ báo chí, văn nghệ và cán bộ các ngành tại Trường lý luận chính trị trung ương, ngày 17/8/1952.

khác. Một thí dụ ấy đủ biết cái xấu của nó rõ rệt rồi. Nhưng nếu không biết xem xét thì tưởng nó làm như thế là tốt.

- *Lấy tài liệu đâu mà viết?*

Muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là:

1. *Nghe*: Lắng tai nghe các cán bộ, nghe các chiến sĩ, nghe đồng bào để lấy tài liệu mà viết.

2. *Hỏi*: Hỏi những người đi xa về, hỏi nhân dân, hỏi bộ đội những việc, những tình hình ở các nơi.

3. *Thấy*: Mình phải đi đến, xem xét mà thấy.

4. *Xem*: Xem báo chí, xem sách vở. Xem báo chí trong nước, xem báo chí nước ngoài.

5. *Ghi*: Những cái gì đã nghe, đã thấy, đã hỏi được, đã đọc được, thì chép lấy để dùng và viết. Có khi xem mấy tờ báo mà chỉ được một tài liệu thôi. Tìm tài liệu cũng như những công tác khác, phải *chịu khó*.

Có khi xem tờ báo này có vấn đề này, xem tờ báo khác có vấn đề khác, rồi gộp hai ba vấn đề, hai ba con số làm thành một tài liệu mà viết.

Muốn có nhiều tài liệu thì phải xem cho rộng.

Xem báo Trung Quốc, báo Liên Xô, báo Anh, báo Pháp... xem được nhiều thứ báo chừng nào thì lấy được nhiều tài liệu chừng ấy.

Một thí dụ: bên Liên Xô có những thành công về công nghiệp, về nông nghiệp, chỉ nói thế thôi có được không?

Cố nhiên là được. Nhưng nên biết cũng trong năm ấy, cũng trong mùa ấy, mà mức công nghiệp, nông nghiệp ở Liên Xô, ở Trung Quốc, ở các nước bạn lên như thế nào, còn ở Pháp, ở Mỹ, ở Anh sút kém như thế nào để so sánh. Như thế thì người đọc sẽ thấy ngay bên nào tiến, bên nào thoái.

Cách viết thế nào?

Trước hết là cần phải *tránh cái lối viết “rau muống”*, nghĩa là lằng nhằng “*trường giang đại hải*”. Mình viết ra cốt là để giáo dục cổ động; nếu người xem mà không nhớ được, không hiểu được, là viết không đúng, nhắm không đúng mục đích. Mà muốn cho người xem hiểu được, nhớ được, làm được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều. Bất đắc dĩ mới phải dùng chữ, thí dụ: “độc lập”, “tự do”, “hạnh phúc” là những chữ Trung Quốc, nhưng ta không có chữ gì dịch, thì cố nhiên phải dùng. Nếu quá tả không mượn, không dùng, hoặc là nói: Việt Nam “đứng một” thì không ai hiểu được.

- *Chớ ham dùng chữ* - các ông viết báo nhà mình hay dùng chữ quá. Những chữ tiếng ta có mà không dùng, lại dùng cho được chữ kia. Cán bộ cũng hay dùng chữ lắm, dùng lung tung, nhiều khi không đúng.

Vài thí dụ: 3 tháng thì không nói 3 tháng, lại nói “tam cá nguyệt”. Đánh

vào sâu thì nói “trung tâm”, xem xét thì nói “quan sát” v.v...

Phải viết gọn gàng, rõ ràng, vắn tắt. Nhưng vắn tắt không phải là cụt đầu, cụt đuôi, mà phải có đầu có đuôi.

Phải học cách nói, tiếng nói của quần chúng. Có nhà thơ nào nói: “Tóc cười, tay hét” thì thật là “hoang vu”! Có nhà văn nói: “Cặp mắt ông cụ già đĩnh ngộ”, thì thật là “ngộ nghĩnh”!

Chớ ham dùng chữ. Những chữ mà không biết rõ thì chớ dùng. Những chữ mà tiếng ta có, thì phải dùng tiếng ta.

Viết phải *thiết thực*. “Nói có sách, mách có chứng”, tức là nói cái việc ấy ở đâu, thế nào, ngày nào, nó sinh ra thế nào, phát triển thế nào, kết quả thế nào?

Vài thí dụ: chống tham ô, lãng phí thì nêu rõ ai tham ô, ai lãng phí? Cơ quan nào tham ô? Lãng phí cách thế nào? Ngày tháng nào? v.v... Chớ viết lung tung.

Nói du kích đánh thắng. Đánh thắng ngày nào? Thắng cách thế nào? Giết được bao nhiêu địch, bắt bao nhiêu địch, thu được bao nhiêu súng?... Phải nói rõ ràng đồng thời *chớ lộ bí mật*.

Viết rồi phải làm thế nào?

Viết rồi thì phải đọc đi, đọc lại. Thấy cái gì thừa, câu nào, chữ nào thừa, thì bỏ bớt đi. Đọc đi đọc lại bốn năm lần đã đủ chưa? Chưa đủ. Đọc đi đọc lại, sửa đi sửa lại. Mình đọc mấy lần rồi cũng chưa đủ. Phải nhờ một số đồng chí công, nông binh đọc lại. Chỗ nào ngúc ngắc, chữ nào khó hiểu, họ nói ra cho thì phải chữa lại.

Cách viết truyền đơn cũng thế, viết báo cũng thế, viết gì thì cũng thế.

Viết truyện có nhiều ngóc ngách thì phải nắm lấy cái chính, không nên kể con cà con kê. Nhắm lấy điểm chính mà viết.

Phải giữ bí mật.

Trong lúc viết thì phải chú ý *giữ bí mật*. Các báo chí của ta rất kém giữ bí mật. Có khi số báo nào cũng có lộ bí mật.

Thí dụ như nói mấy thanh niên du kích lẫn vào mấy bà con đi chợ cầm đòn gánh, lúc gặp lính giặc thì mấy thanh niên quật chết giặc.

Về sau cứ phiên chợ nào có thanh niên là bị địch vớ.

Một thí dụ khác: Giặc vào quét làng, dân chạy hết. Có một chị phụ nữ giả ốm ở lại, mỗi tối chị ấy mang cháo cho anh thương binh ở dưới hầm bí mật. Hầm có một... để cho anh ấy thở và để chị ấy đổ cháo xuống.

Đó là một việc oanh liệt đáng nêu lên. Nhưng vì viết không khéo, làm lộ bí mật, về sau Tây cứ đi tìm hầm bí mật, chỗ nào có... là nó nhất định đào cho được.

Thế là viết mà không biết giữ bí mật. Chớ có nêu rõ địa điểm, tên người

cho địch biết.

Viết khẩu hiệu:

Có những khẩu hiệu viết rất to, nhưng Hồ Chủ tịch cũng không hiểu vì viết tắt cả một dòng. Không ai đọc được, có lẽ chỉ có anh viết khẩu hiệu ấy đọc được thôi. Hồ Chủ tịch không hiểu thì chắc dân cũng ít hiểu.

Lại có cách viết “hoa hoè”, chữ “u” không ra chữ “u”, chữ “n” không ra chữ “n”, chữ “r” không ra chữ “r”. Họ cho thế là mỹ thuật! Cách viết thế nào, cách nói cũng thế. Nói phải cho gọn gàng, có đầu, có đuôi, có nội dung. Nói lung tung như nhiều cán bộ nói ở các cuộc mít tinh, nói rồi không biết đường nào mà đi ra nữa, thôi đi thì cũng dở, nói nữa thì không biết nói gì? Nói ít, nhưng nói cho thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn.

Muốn nói gì phải chuẩn bị trước.

Cách viết và cách nói đại khái là như thế.

*
* * *

KINH NGHIỆM BẮC VIẾT THỂ NÀO ?

Sau thế giới chiến tranh lần thứ nhất, Bắc ở Pháp. Muốn tuyên truyền cho nước ta, nhưng không viết được chữ Pháp. Làm thế nào bây giờ?

Nhất định phải học viết cho kỳ được.

Có một đồng chí làm trong tờ báo *Sinh hoạt công nhân*⁽¹⁾ bảo: “Có tài liệu gì, anh cứ viết, rồi tôi đăng cho”.

Bắc nói: “Tài liệu thì có, chỉ tội tôi không viết được”. Đồng chí ấy nói: “Anh cứ viết ba dòng, năm dòng cũng được. Có thể nào thì viết thể ấy. Nếu viết sai mọo mọc thì tôi sửa cho”.

Thế là từ đấy trở đi, mình học viết báo. Viết ba, bốn dòng. Khi viết rồi, chép ra hai miếng giấy, một miếng gửi cho nhà báo, một miếng mình giữ lại.

Lần đầu tiên bài mình được đăng báo, có thể nói là sướng nhất trong đời người. Mình đem bài báo đã đăng rồi với cái miếng giấy mình đã giữ lại, so lại coi thử sai lạc chỗ nào, họ sửa cho thể nào?

Cách ít lâu, đồng chí ấy nói: “Anh viết được ba dòng rồi, bây giờ kéo dài ra!”. Mình cố gắng kéo dài mãi, cho đến lúc viết được mười dòng.

Đồng chí ấy lại nói: “Anh kéo dài nữa đi, cho tài liệu thành một bài nhỏ!”. Thế là mình cứ kéo, đồng chí cứ sửa, cứ khuyến khích mình.

(1) Cũng có khi Bắc dịch là: *Đời sống thợ thuyền* (*La vie ouvrière*). Xem bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội nhà báo Việt Nam.

Cách giáo dục như thế thật tốt. Cứ kéo, kéo, đến khi viết hết một cột, rồi hơn một cột, rồi một cột rưỡi.

Thế rồi đồng chí ấy nói: “À, bây giờ anh viết được rồi anh nên làm một cách khác. Rút ngắn lại”.

Thật là rầy rà! Trước thì bắt kéo dài, bây giờ lại bắt rút ngắn! Nhưng mà đồng chí ấy nói: “Anh kéo dài được, thì bây giờ rút ngắn cũng được. Từ một cột rưỡi, nay chỉ viết một cột thôi. Viết cho thật chặt, xem đi xem lại, những cái gì lồi thoi dài dòng không cần thiết thì bỏ nó đi...”. Thế rồi mình phải đếm từng chữ. Một dòng có mấy chữ, một cột thì có mấy dòng. Nó có số chữ của nó rồi, đếm từng chữ mà viết cũng khó chứ không phải dễ. Kết quả là rút được.

Cách ít lâu, đồng chí ấy lại nói: “Bây giờ rút nữa đi”. Mình cứ phải rút, lần này qua lần khác cho đến lúc rút chỉ còn mười dòng.

Đồng chí nói: “Được rồi đây, viết dài được, viết ngắn được, bây giờ có vấn đề gì thì viết dài hoặc viết ngắn, tùy ý anh.”

Đồng chí ấy thường nhắc mình: “Câu kéo thì phải viết cho rõ ràng, mình bạch, chớ lung củng; chữ nào không hiểu mà muốn dùng thì hỏi anh em, chớ có dùng ầu”.

Đây là đồng chí ấy cũng là một công nhân, tự học viết văn rồi phụ trách tờ báo này.

Mình viết được, là nhờ đồng chí ấy chịu khó dạy bảo, giúp đỡ.

Lúc viết được báo rồi, lại có ý muốn là viết truyện ngắn. Đó là một sự cả gan!

Dám viết thử, là vì có một hôm xem hai quyển truyện nhỏ, một quyển của Anatôn Phơrăng (Anatole France)⁽¹⁾, một quyển nữa là của ông Tônxtoi (Léon Tolxtoi)⁽²⁾ xem thấy các ông ấy viết giản đơn lắm, dễ hiểu lắm.

Thử viết một truyện ngắn về đời sống của công nhân Pari mà mình biết rất rõ vì tự mình cũng là công nhân. Viết xong, đưa đến ban Văn nghệ của báo Đảng là báo *Nhân đạo* và nói với các đồng chí ấy: “Đây, tôi thử viết bài này, đăng được thì các đồng chí đăng cho, chỗ nào cần phải sửa, thì nhờ các đồng chí sửa cho, tôi không có tính tự ái đâu, nhờ các đồng chí sửa để tôi học thêm”.

Truyện ấy được đăng lên báo. Đó là lần thứ hai mà mình thấy sung sướng!

Rồi mình chỉ viết truyện thật ở nước ta và ở các thuộc địa Pháp. Các đồng chí cũng thích là vì có những chuyện ở thuộc địa mà các đồng chí ấy không biết, và những người đọc cũng không biết.

(1) Anatôn Phơrăngxơ (1844 - 1924): nhà văn có danh tiếng nước Pháp.

(2) Lêông Tônxtoi (1828 - 1910): nhà văn hiện thực phê phán vĩ đại Nga.

Có thể nói từ lúc bắt đầu viết mấy dòng cho đến bây giờ, mình chỉ thích viết những chuyện nước mình, và các thuộc địa, và chỉ để đập thọc dân Pháp.

Cách mạng tháng Tám thành công, viết bài *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Đó là lần thứ ba mà mình thấy sung sướng.

Bây giờ, khi Bác viết gì cũng đưa cho một số đồng chí xem lại, chỗ nào khó hiểu thì các đồng chí bảo cho mình sửa chữa.

Nói tóm lại, viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ.

Quyết tâm thì việc gì khó mấy cũng làm được.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 17/8/1952

Hội những người viết báo

Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1955

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ TIẾNG VIỆT^(*)

Bác quan tâm đến vấn đề này, có xem qua bản dự thảo báo cáo. Nói chung Bác hài lòng và tán thành họp cuộc Hội nghị này.

Ý KIẾN CỦA BÁC VỀ VẤN QUỐC NGỮ

- Chữ quốc ngữ là do các cố đạo người nước ngoài đặt ra, có những chỗ bảo thủ, lạc hậu, không hợp lý.

- Trong văn quốc ngữ, có những cái thừa nên bỏ đi (thí dụ: “h” trong “ngh”). Chữ cái nước ngoài khi sửa đổi cũng có những cái thừa cần bỏ đi, thí dụ: chữ cái Nga trước đây, người ta cũng nghiên cứu bỏ bớt những cái thừa; nhưng đồng thời cũng có những cái thiếu, nên thêm vào. Trong quá trình tiếp xúc với các nước, có nhiều từ ta phải mượn của các nước đưa vào tiếng ta; cho nên nghiên cứu dùng thêm một số vần để viết cho tiện.

(*) Cuối tháng 9/1960, Viện Văn học triệu tập tại Hà Nội một cuộc Hội nghị bàn về vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ (trong các ngày 21, 28, 30/9 và 7/10/1960). Được biết Bác hằng quan tâm từ lâu đến vấn đề này, Ban tổ chức Hội nghị có gửi trước đến văn phòng Phủ Chủ tịch bản dự thảo báo cáo sẽ đọc tại Hội nghị.

Giữa lúc Hội nghị đang họp, ban lãnh đạo Hội nghị vinh dự được Bác cho gặp. Bác phát biểu một số ý kiến về mục đích, phương châm, phạm vi, phương pháp cải tiến chữ quốc ngữ. Nhân tiện, Bác cũng phát biểu về thái độ đối với tiếng Việt nói chung.

Qua những lời phát biểu quý báu của Bác, chúng ta thấy càng rõ hơn mối quan tâm đặc biệt của Bác đối với tiếng mẹ đẻ, đồng thời giúp chúng ta học tập những ý kiến sáng suốt, thực tế và sâu sắc của Bác trong vấn đề này. Điều đặc biệt làm chúng ta cảm động, thấm thía, thấy cần cố gắng học tập là tinh thần nghiêm túc và đức tính khiêm tốn của người, ở đây, trong một vấn đề khoa học, cũng như trong mọi vấn đề, mọi lĩnh vực khác.

Toàn thể Hội nghị hết sức cảm động khi được biết sự chú ý của Bác đến vấn đề cải tiến chữ quốc ngữ và tiếng Việt nói chung, trong khi Bác bận trăm công nghìn việc lớn lao của Đảng và Nhà nước. Những chỉ thị vô cùng quý báu này đã soi sáng nhiều vấn đề lớn lao được thảo luận tại Hội nghị.

Ban lãnh đạo Hội nghị có xin phép Bác cho công bố những ý kiến này, nhưng với tinh thần khiêm tốn, Bác không đồng ý, vì không muốn làm ảnh hưởng đến quyền tự do phát biểu ý kiến của mọi người trong cũng như sau Hội nghị.

... Những ý kiến của Bác đã được ghi lại cẩn thận, và tài liệu hết sức quý giá này đã được trân trọng giữ gìn từ bấy đến nay trong hồ sơ về Hội nghị cải tiến chữ quốc ngữ năm 1960.

Tài liệu này công bố lần đầu tiên trên Tạp chí *Ngôn ngữ* số 3/1970 sau khi Bác mất.

Về tên người, tên địa phương của nước nào, thì nên căn cứ theo cách đọc của tiếng nước ấy để mà viết.

- Sửa đổi hay thêm vào thì cố nhiên là thấy lạ, nhưng đầu lạ rồi sau quen. Nhưng phải nghiên cứu cẩn thận làm chắc chắn.

- Từ mấy mươi năm nay, Bác viết chữ quốc ngữ có sửa đổi một ít. Lý do: vì thấy như thế tiện hơn, người ta dễ học, dễ đọc hơn, mà viết gọn, ít tốn giấy. Chữ quốc ngữ có những chỗ bất hợp lý cho nên phải sửa.

Ý KIẾN CỦA BÁC VỀ CÁCH VIẾT TIẾNG VIỆT

- Có nhiều chữ nên viết liền lại, thí dụ: *hội đồng, hội nghị*. Rồi có những chữ khác, sẽ nghiên cứu thêm, coi có thể viết liền hay không, như: *nét na, xa xôi, tốt đẹp*.

Viết liền lại như thế có hai cái lợi: vừa dễ phân biệt nghĩa, vừa đỡ tốn giấy.

Nhưng nên nghiên cứu làm dần dần, không nên một lúc làm nhiều quá.

- Trong khoa học tự nhiên thì có những trường hợp tất nhiên phải viết theo quốc tế: thí dụ những công thức hoá học...

Ý KIẾN CỦA BÁC VỀ HỘI NGHỊ

- Hội nghị nên bàn kỹ, càng nhiều ý kiến càng tốt. Nhưng cần những ý kiến xây dựng, chung quanh những vấn đề nhất định, đi tới những giải quyết cụ thể. Tránh bàn lối “các ông hàn lâm”, cãi nhau mãi mà không giải quyết được gì cả.

- Cải tiến chữ quốc ngữ phải làm dần dần, đừng xáo trộn quá; làm thế nào vẫn dùng sách vở cũ được, sách vở mới thì sẽ in dần dần.

Nhưng cũng đừng sợ cái mới quá. Cái gì mới thì lúc đầu cũng lạ. Thí dụ: Trung Quốc viết chữ Hán, từ viết hàng dọc chuyển sang viết hàng ngang, ban đầu cũng nhiều người phản đối, nhưng sau rồi cũng quen.

Ý KIẾN CỦA BÁC VỀ NGÔN NGỮ CỦA TA

- Nhân đây Bác nhắc: phải biết quý báu tiếng ta. Không phải là quan niệm hẹp hòi, những từ không dịch được thì phải mượn của tiếng các nước. Nhưng chỉ nên mượn khi thật cần thiết, và đã mượn thì phải mượn cho đúng.

Tại sao thường vay mượn khi không cần thiết hoặc vay mượn không đúng? Vì:

1 - Không quý báu tiếng của dân tộc, tự ti.

2 - Học tập không đến nơi, đến chốn.

Vay mượn là cần, nhưng phải chống lạm dụng, chống lười biếng. Cần có một cuộc vận động chống việc lạm dụng tiếng nước ngoài, lạm dụng chữ nho.

Có vô số trường hợp có thể tìm tiếng ta mà không chịu khó tìm.

Đây cũng phải theo nguyên tắc tự lực cánh sinh là chính, phải quý báu tiếng mình, dựa vào bản thân nó để phát triển nó là chính, vay mượn là phụ. Cần nghiên cứu cách đặt từ của mình, nghiên cứu kỹ thêm những cách đặt từ mới của mình.

HỒ CHÍ MINH

Tháng 9/1960

Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 3/1970.

THẬT LÀ VẺ VANG

(Trích)

Lịch sử dân tộc ta đã có nhiều thời kỳ rất vẻ vang. Nhưng trước ngày Cách mạng tháng Tám, dân tộc ta đã phải trải qua gần một thế kỷ vô cùng tủi nhục. Trên địa đồ thế giới, *tên nước ta* đã bị xoá nhoà dưới bốn chữ “*Đông Dương thuộc Pháp*”. Thực dân Pháp gọi đồng bào chúng ta là *lũ Annamít dơ bẩn*. Thiên hạ gọi chúng ta là *vong quốc nó*. Cụ Phan Bội Châu⁽¹⁾ đã phải thốt lên rằng:

*Đã lắm lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời cao mà rút gươm ra,
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hòn máu đỏ con nhà Lạc Long,
Thế mà chịu trong vòng trời buộc,
Mấy mươi năm nhớ nhức lăm than!...*

Trong tình cảnh nước mất nhà tan đó, Đảng ta đã vượt biết bao hy sinh, nguy hiểm để tổ chức, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân ta nổi lên chiến đấu. Cách mạng tháng Tám thành công. Kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. Nhân dân ta tự làm chủ vận mạng của mình. *Tên tuổi của nước ta lại lấy lòng khắp năm châu, bốn biển*.

Như muốn thử thách thêm chí khí quật cường của nhân dân ta và làm cho sự vẻ vang đó càng vẻ vang hơn, hiện nay nhân dân ta lại phải đương đầu với bọn đế quốc vô cùng hung ác.

Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước, chúng ta càng đánh càng mạnh, càng thắng. Giặc Mỹ càng đánh càng bí, càng thua. Điều đó càng làm cho thế giới kính phục nhân dân ta hơn bao giờ hết. Nhân dịp kỷ niệm Quốc khánh 2/9, các báo chí tiến bộ và các nhân sĩ dân chủ khắp thế giới đã nhiệt liệt ca tụng nhân dân ta là một dân tộc anh hùng...

Tháng 9/1965

Báo Nhân dân, ngày 17/9/1965.

(1) Phan Bội Châu (1867 - 1940): nhà cách mạng và nhà văn tiêu biểu cho phong trào yêu nước thuộc phạm trù cách mạng dân chủ tư sản đầu thế kỷ 20; tác giả của hàng chục tác phẩm thể hiện rõ tình cảm yêu nước cao cả, mãnh liệt.

PHẦN THỨ 7

PHÁT TRIỂN NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA VĂN HOÁ DÂN TỘC

(BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN
THỨ II CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM)

Ngày 11/2/1951

CÁC VUA HÙNG ĐÃ CÓ CÔNG DỤNG NƯỚC...

Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước...⁽¹⁾

HỒ CHÍ MINH
Tháng 10/1954

(1) Lời phát biểu của Hồ Chủ tịch trong lần đi thăm Đền Vua Hùng, Vĩnh Phúc, tháng 10/1954. Trích theo tác phẩm *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ* của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1973, trang 187. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

VỀ TỔNG DUY TÂN(*)

... **C**ụ Tổng Duy Tân là một nhà đại trí thức, đấu tranh dũng cảm chống bọn xâm lược Pháp. Cụ bị bắt và bị nhốt vào trong một cái cũi để gửi đến Bộ Tổng tư lệnh Pháp. Ngồi trong cũi, Cụ vẫn làm thơ yêu nước. Khi hết giấy, Cụ bẻ gãy quản bút, lấy cật tre làm dao, và mổ bụng cắt ruột tự tử. Trong những tờ giấy tìm thấy trong cũi, cuối những bài thơ, người ta còn đọc những chữ: “Thà chết còn hơn đầu hàng”.

Tôi tôn kính tất cả những Tổng Duy Tân... Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ bất diệt...

NGUYỄN TẮT THÀNH

Trích theo Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1972, tr. 26.

(*) *Tổng Duy Tân*: xem chú thích ở bài *Những thâm họa của "nền văn minh Pháp"*, phần II. Đoạn trích trên đây ghi lại ý kiến của người thanh niên Nguyễn Tất Thành (lúc đó đang sống ở Anh, khoảng 1913 - 1916) nói về Tổng Duy Tân. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

THƯ GỬI PHAN CHU TRINH (II)

Bác kính mến,
Tiếng súng đang rền vang. Thầy người đang phủ đất. Năm nước lớn đang đánh nhau. Chín nước đã vào vòng chiến. Cháu bỗng nhớ cách đây vài tháng đã nói với Bác về cơn giông sấm động⁽¹⁾. Số mệnh sẽ còn giành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước được ai sẽ thắng. Các nước trung lập còn lưỡng lự và các nước tham chiến không thể đoán biết được ý đồ của họ. Tình hình diễn ra là ai thò mũi vào thì chỉ có thể đứng về phe của địch thủ bên này hoặc địch thủ bên kia. Người Nhật Bản hình như có ý định nhúng tay vào. Cháu nghĩ trong ba hoặc bốn tháng tình hình châu Á sẽ chuyển biến và sẽ có nhiều chuyển biến.

Xin gửi lời hỏi thăm Bác và em Dật⁽²⁾. Mong Bác trả lời sớm về địa chỉ sau đây:

Gửi Nguyễn Tất Thành số nhà 8, phố Xtêphen, Tóttenham Luân Đôn.

NGUYỄN TẤT THÀNH

Tháng 8/1914

Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, trang 25.

(1) Lúc này người thanh niên Nguyễn Tất Thành mới 24 tuổi. Sau này, mặc dù quan điểm và đường lối cứu nước giữa Đồng chí Nguyễn Ái Quốc và Phan Chu Trinh có những khác biệt cơ bản, nhưng cho đến những năm 20, Phan Chu Trinh vẫn giữ lòng mến phục Nguyễn Tất Thành, người mà Phan Chu Trinh cho là “như cây dương lộc”, “nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông”. (Thư của Phan Chu Trinh gửi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề ngày 18/2/1922.

(2) Dật: Tức Phan Châu Dật, con trai của Phan Chu Trinh.

SẮC LỆNH SỐ 65, NGÀY 23/11/1945 VỀ VIỆC BẢO TỒN CỔ TÍCH

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ LÂM THỜI
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

- Xét rằng việc bảo tồn cổ tích là việc rất cần cho công cuộc kiến thiết nước Việt Nam.
- Xét rằng Đông Phương bác cổ học viện có nhiệm vụ bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam.

RA SẮC LỆNH

Điều 1: Đông Phương bác cổ học viện (Việt Nam Oriental Institut) có nhiệm vụ bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam.

Điều 2: Đông Phương bác cổ học viện từ nay sẽ thay Pháp quốc Viễn Đông bác cổ học viện (École Française d' Extrême Orient) bãi đi.

Điều 3: Những luật lệ về bảo tồn cổ tích vẫn để nguyên như cũ.

Điều 4: Cấm phá huỷ đình chùa, đền miếu, hoặc những nơi thờ tự khác như cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn.

- Cấm phá huỷ những bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo nhưng chưa có ích cho lịch sử mà được bảo tồn.

Điều 5: Chính phủ vẫn công nhận nguyên tắc những khoản trợ cấp hàng năm của toàn quốc, mà mỗi kỳ hay mỗi tỉnh cho Đông Phương bác cổ học viện - Khi dự thảo ngân sách cho toàn quốc, cho từng kỳ hay từng tỉnh, ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, ông Bộ trưởng Bộ Quốc gia giáo dục, ông Ủy viên tài chính mỗi kỳ hay mỗi tỉnh phải dự tính khoản trợ cấp cho Đông Phương bác cổ học viện.

Điều 6: Các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Công chính giao thông, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc gia giáo dục chiếu sắc lệnh này thi hành.

HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, ngày 23/4/1945

*Về công tác bảo vệ di tích lịch sử,
Bảo tàng thành phố Hải Phòng xuất
bản, 1974.*

GỬI TOÀN THỂ ĐỒNG BÀO SAU NGÀY CỤ BỘ TRƯỞNG HUỲNH THỨC KHÁNG(*) TẠ THỂ

(Trích)

... **C**ụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước, mà trước đây Cụ bị bọn thực dân làm tội, đẩy ra Côn Đảo mười mấy năm trường, gian nan, cực khổ. Nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của Cụ Huỳnh chẳng những không sờn lại thêm kiên quyết.

Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan.

Cả đời Cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thêm làm giàu, không thêm làm quan. Cả đời Cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập.

Đến ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập, Chính phủ ta mời Cụ ra. Tuy đã hơn 71 tuổi, nhưng cụ vẫn hăng hái nhận lời. Cụ nói: “Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà, thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái ai cũng phải ra sức phụng sự Tổ quốc”.

Nay chẳng may Cụ Huỳnh sớm tạ thể trước khi được thấy kháng chiến thành công.

(*) *Huỳnh Thúc Kháng*: Hồi nhỏ tên là Huỳnh Hanh, biệt hiệu Minh Viên, (khi viết báo *Tiếng dân* còn ký nhiều tên khác như Sử Bình Từ, Tha Sơn Thạch, Khí Ưu Sinh, Xá Túc Tử v.v...) sinh năm 1876 tại Thạch Bình, Tiên Phước, Quảng Nam. Nhà nghèo, học giỏi, đỗ Hoàng giáp, nhưng không ra làm quan, ở nhà đọc “tân thư”, giao du với các nhà nho yêu nước, Huỳnh Thúc Kháng là một trong những người đứng đầu phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ những năm đầu thế kỷ 20. Năm 1908, bị bắt trong phong trào chống thuế ở Trung Kỳ và bị đày đi Côn Đảo. Năm 1921 Cụ được tha. Năm 1925, Pháp tổ chức Viện dân biểu bù nhìn, chúng hy vọng lợi dụng được Cụ nên giao cho giữ chức Viện trưởng. Năm 1926 - 1927, Cụ dùng nghị trường để đấu tranh, sau đó từ chức về làm báo *Tiếng dân* (tháng 10/1927 đến tháng 4/1943). Cách mạng tháng Tám thành công, năm 1946 Cụ là Bộ trưởng Bộ Nội vụ rồi làm quyền Chủ tịch nước trong thời gian Hồ Chủ tịch sang Pháp. Cụ là sáng lập viên và là Hội trưởng Hội Liên Việt. Ngày 21/4/1947, Cụ bị bệnh rồi mất ở Quảng Ngãi.

Tác phẩm: *Thi từ tùng thoại, Thi từ thảo, Trung kỳ cự sự ký, Một ít dật sử trên đoạn lịch sử Việt Nam cách mạng trong thời kỳ thuộc Pháp, Tuồng Trưng Vương* (viết chung), *Tây Hồ tiểu sử, Niên phổ* (tự chép tiểu sử mình), phần văn thơ đăng trên *Tiếng dân, Thư kêu gọi đồng bào phụ lão kháng chiến* v.v.. Một số còn thất truyền.

Cụ Huỳnh tuy tạ thế nhưng cái chí vì nước vì nòi của Cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng 20 triệu đồng bào chúng ta.

Hỡi đồng bào yêu quý,

Chúng ta thương tiếc Cụ Huỳnh vô cùng. Nhưng chúng ta không nên thương tiếc bằng cách than khóc rầu rĩ. Chúng ta thương tiếc Cụ bằng cách: càng đoàn kết chặt chẽ, càng hăng hái kháng chiến; bằng cách hoàn thành sự nghiệp cứu nước, cứu dân mà Cụ đã ra sức theo đuổi suốt đời.

Chúng ta phải đồng thanh thề trước tiên linh của Cụ Huỳnh rằng:

Con Rồng cháu Tiên quyết không làm nô lệ!

Tinh thần kháng chiến của Cụ Huỳnh sống mãi!

Việt Nam thống nhất và độc lập muôn năm!

HỒ CHÍ MINH

Ngày 29/4/1947

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Tập 1, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 175.

MƯỜI HAI ĐIỀU RĂN^(*)

(Trích)

... Sáu điều không nên: ...
... 5) Không nên xúc phạm đến tín ngưỡng, phong tục của dân (như nằm trước bàn thờ, giơ chân lên bếp, đánh đàn trong nhà v.v...).

... Sáu điều nên làm:

3) Nhân những lúc rảnh, kể cho đồng bào nghe chuyện vui ngắn, giản dị có ích lợi cho tinh thần kháng chiến mà không lộ bí mật.

4) Dạy dân chữ quốc ngữ và những điều vệ sinh thường thức.

5) Nghiên cứu cho hiểu rõ phong tục mọi nơi, trước là để gây cảm tình và sau để dần dần giải thích cho dân bớt mê tín...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 5/4/1948

*Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ
trang nhân dân, Nhà xuất bản Quân đội
nhân dân, Hà Nội, 1970, trang 209.*

(*) Mười hai điều răn do Hồ Chủ tịch viết ngày 5/4/1948, nêu ra "sáu điều không nên" và "sáu điều nên làm" cho tất cả anh chị em cán bộ, bộ đội, cơ quan Chính phủ và các đoàn thể, trong khi tiếp xúc hoặc sống chung với nhân dân, để ai ai cũng phải nhớ và thực hành.

GỬI TRƯỜNG LỤC QUÂN TRẦN QUỐC TUẤN^(*)

(Trích)

... Nhân ngày khai giảng, tôi gửi lời thân ái chào các giáo viên và học sinh. Chắc các cháu học sinh mong Bác có vài lời dặn bảo. Thì đây: Trường các cháu lấy tên là Trần Quốc Tuấn⁽¹⁾.

Cái tên ấy đã chỉ rõ nhiệm vụ nặng nề và tương lai vẻ vang của các cháu.

Ngày xưa, nhà Nguyên là những người hùng mạnh, đang tiến bước, quân đội Nguyên thì đánh đâu thắng đấy, họ lại ở sát hần nước ta. Lúc đó nước ta rất hẹp, dân ít hơn ngày nay.

Ngày nay, giặc Pháp là những kẻ suy đồi, kẻ thoái bộ, quân đội Pháp thì tinh thần kém và chúng lại phải băng ngàn vượt bể hơn 20.000 cây số mới đi đến nước ta. Nước ta thì đất rộng hơn trước nhiều.

Gặp hoàn cảnh khó khăn hơn, kẻ địch mạnh hơn, mà tổ tiên ta, với sự lãnh đạo của ông Trần Quốc Tuấn đã đánh thắng nhà Nguyên, đã để lại cho chúng ta một nước tự do, độc lập. Ngày nay, chúng ta quyết noi theo tinh thần quật khởi ấy, quyết đánh tan giặc Pháp, quyết giành lại thống nhất và độc lập thực sự cho Tổ quốc ta...

HỒ CHÍ MINH

Tháng 11/1949

Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1962, trang 80.

* Ngày 15/4/1946, Bộ Quốc phòng khai giảng khoá học đầu tiên Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn (Tức là Trường sĩ quan lục quân sau này).

(1) *Trần Quốc Tuấn* tức Trần Hưng Đạo (1213 - 1300) là người văn võ song toàn, anh hùng dân tộc đời Trần, tác giả bản hùng văn *Hịch tướng sĩ*, và hai tác phẩm quân sự *Binh thư yếu lược*, *Vạn kiếp tông bi truyền*. Ông là người có công đầu trong việc lãnh đạo toàn dân đánh thắng giặc Nguyên xâm lăng nước ta hồi thế kỷ 13. Trong các bài viết của mình, nhiều lần Hồ Chủ tịch nhắc đến Trần Hưng Đạo, đặc biệt Người làm cả một bài thơ dài về Trần Hưng Đạo nhan đề là *Bài ca Trần Hưng Đạo*.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

(Trích)

- *Phát triển tinh thần yêu nước.* Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quân khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bốn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều

được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Liên Xô đã đánh tan bọn phát xít Đức - Nhật và giữ vững Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và do đó mà giúp đỡ giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chính do tinh thần yêu nước mà Quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc đã đánh tan bọn bán nước là Tưởng Giới Thạch và đuổi được bọn đế quốc Mỹ. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Triều Tiên cùng quân tình nguyện Trung Quốc đang đánh cho bọn đế quốc Mỹ và phe lũ chạy dài. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới.

... - *Xúc tiến công tác văn hoá để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng...*

HỒ CHÍ MINH

Ngày 11/2/1951

Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 101 - 103.

BÀI ĐIỀU ĐỒNG CHÍ HỒ TÙNG MẬU^(*)

Chú Tùng Mậu ơi!

Lòng ta rất đau xót, linh hồn chú biết chăng?

Về tình nghĩa riêng: Tôi với chú là đồng chí, lại là thân thiết hơn anh em ruột. Khi hoạt động ở đất khách quê người, khi bị giam ở lao tù đế quốc, khi đấu tranh ở nước nhà, hơn 25 năm, đã bao phen chúng ta đồng cam cộng khổ, như tay với chân.

Về công việc chung: Từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân thành lập, đến thời kỳ kháng chiến cứu nước, tôi đã thay mặt Chính phủ và Đoàn thể giao phó cho chú những trách nhiệm nặng nề. Khi lãnh đạo Liên khu 4, khi giữ chức Tổng thanh tra và kiêm Hội trưởng Hội Việt - Hoa hữu nghị, chú không quản khó nhọc, luôn luôn vui vẻ làm tròn nhiệm vụ.

Ngày nay, kháng chiến đang tiến sang giai đoạn mới, công việc ngày càng nhiều, đồng bào, Chính phủ và Đoàn thể đang cần những con người đặc lực như chú.

Mất chú, đồng bào mất một người lãnh đạo tận tụy, Chính phủ mất một người cán bộ lão luyện, đoàn thể mất một người đồng chí trung thành, và tôi mất một người anh em chí thiết. Mấy nguồn thương tiếc cộng vào trong một lòng tôi.

* *Hồ Tùng Mậu*, còn lấy tên là Hồ Bá Cự, chưa rõ sinh năm nào, người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (sau là tỉnh Nghệ Tĩnh). Hồ Tùng Mậu xuất dương từ thuở nhỏ, là một trong những sáng lập viên của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Năm 1924, Hồ Tùng Mậu cùng với Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái và Lê Hồng Sơn thành lập Tâm Tâm xã ở Quảng Châu, một tổ chức cách mạng có khuynh hướng cộng sản. Trong thời kỳ hoạt động bí mật ở trong nước, những năm ba mươi, Hồ Tùng Mậu bị đế quốc Pháp bắt và giam ở nhà lao Kôm Tum và nhà lao Ban Mê Thuột... Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Tùng Mậu đảm đương nhiều chức vụ quan trọng: Tổng thanh tra của Chính phủ, Hội trưởng Hội Việt Hoa hữu nghị, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu 4, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Hồ Tùng Mậu hy sinh trong khi đi kinh lý ở Thanh Hoá năm 1951, được Chính phủ truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

Hồ Tùng Mậu trong quá trình hoạt động cách mạng có sáng tác một số thơ ca cách mạng; tương đó đáng chú ý là:

Viếng chị Tâm (thơ bát cú), *Viếng mộ liệt sĩ* (thơ bát cú), *Giễn ban tù lao Ban Mê Thuột* (Bài thơ dài sáng tác sau một cuộc đấu tranh trong nhà lao Ban Mê Thuột năm 1936, được phổ biến rộng rãi trong anh em chính trị phạm hồi ấy), *Thà chết còn hơn mất tự do* (thơ bát cú) v.v...

Chú Tùng Mậu ơi!

Đàng rằng sự mất, sự còn là luật chung của tạo hoá. Nhưng gặp lúc sinh ly tử biệt, thì khó mà ngăn mối xót thương.

Tôi gạt nước mắt, thay mặt Chính phủ, nghiêng mình trước linh hồn chú, và truy tặng chú Huân chương Hồ Chí Minh, để nêu công lao của chú đối với đồng bào, đối với Tổ quốc.

Tôi lại hứa với chú: toàn thể đồng sự và đồng chí sẽ cố gắng noi gương đạo đức cách mạng của chú, noi gương chú đã tận trung với nước, tận hiếu với dân.

Tôi xin gửi lời thân ái an ủi gia quyến chú Tùng Mậu và thừa với Bà Cố: Xin Bà Cố chớ quá độ đau thương. Dù mất chú Mậu, tất cả chúng tôi đều là như con cháu của Bà Cố.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 1/8/1951

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 96.

SẮC LỆNH SỐ 147 - SL
Ngày 15/3/1953

**ĐẶT PHÒNG ĐIỆN NHIẾP ẢNH NHA TUYÊN TRUYỀN
VÀ VĂN NGHỆ THÀNH DOANH NGHIỆP QUỐC GIA
CHIẾU BÓNG VÀ CHỤP ẢNH VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Chiếu sắc lệnh số 83 - SL ngày 24/2/1952 đổi Nha Thông tin thành Nha Tuyên truyền và Văn nghệ thuộc Thủ tướng Chính phủ;
Chiếu theo sắc lệnh số 127 - SL ngày 4/11/1952 cho ban hành bản điều lệ tạm thời về doanh nghiệp quốc gia;

Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ;
Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ;
Ra sắc lệnh:

Điều 1 - Nay đặt phòng Điện nhiếp ảnh trong Nha tuyên truyền và Văn nghệ thành một doanh nghiệp quốc gia lấy tên là “Doanh nghiệp quốc gia Chiếu bóng và Chụp ảnh Việt Nam”.

Điều 2 - Hoạt động của Doanh nghiệp quốc gia Chiếu bóng và Chụp ảnh Việt Nam nhằm mục đích:

- 1 - Tuyên truyền chính sách, chủ trương của Chính phủ;
- 2 - Nêu cao những thành tích, những gương đấu tranh anh dũng của quân dân Việt Nam;
- 3 - Giới thiệu đời sống và thành tích đấu tranh, kiến thiết của nhân dân các nước bạn;
- 4 - Giáo dục văn hóa và chính trị cho nhân dân;

Điều 3 - Chi tiết tổ chức Doanh nghiệp quốc gia chiếu bóng Việt Nam do Nghị định Thủ tướng Chính phủ ấn định.

Điều 4 - Thủ tướng Chính phủ chiếu sắc lệnh thi hành.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 15/3/1953

*Công báo nước Việt Nam dân chủ cộng
hoà, Năm thứ IX - Số 3, Ngày 30/4/1953*

ĐẠI HỘI VĂN CÔNG

Trong những năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, nhân dân ta đã khắc phục khó khăn, thu nhiều thắng lợi. Văn nghệ là một trong những thắng lợi đó.

Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy. Văn nghệ của dân tộc ta vốn rất phong phú, nhưng dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta bị nô lệ, thì văn nghệ cũng bị nô lệ, bị tối tàn, không thể phát triển được.

Trong kháng chiến, nhân dân ta vùng dậy phá ách nô lệ, giành lại tự do, nhờ vậy văn nghệ ta cũng được vươn mình giải phóng.

Ngày nay, chúng ta khen ngợi anh chị em văn công mặc đẹp, hát hay, múa khéo. Nhưng chúng ta cũng không quên những ngày khắc khổ trong mấy năm qua. Đêm sương giá lạnh, áo vá, quần nâu. Có người miệng nhai ngô, tay viết kịch, dưới những hang đá hoặc trong những lều tranh. Các “nghệ sĩ” thì vừa phục vụ dân công hoặc vừa đánh giặc, vừa tập múa hát dưới làn bom đạn. Văn nghệ đã sinh trưởng trong kháng chiến.

Đồng bào đi xem đều khen ngợi văn công khá. Mà khá thật. Khá nhất là ở chỗ đã tẩy hết những cái gì truy lạc, hủ bại của văn nghệ thực dân và phong kiến; đã nêu rõ được chừng nào tinh thần dũng cảm và sinh hoạt cần lao của nhân dân ta.

Nhưng văn công ta chớ vì thành tích mà *tự cao, tự mãn*. Để phục vụ nhân dân (mà đó là mục đích của văn nghệ ta), anh chị em văn công *cần phải cố gắng học tập thêm nữa, rèn luyện thêm nữa, và tiến bộ hơn nữa*.

Năm 1955

Báo Nhân dân, ngày 3/1/1955.

NHIỆM VỤ CỦA ANH CHỊ EM TRÍ THỨC^(*)

... **D**o hoàn cảnh đặc biệt của nước ta tạm thời chia làm hai vùng, công tác của toàn thể nhân dân ta là phải củng cố miền Bắc về mọi mặt: chính trị, quốc phòng, kinh tế và văn hoá để giúp đỡ đồng bào miền Nam đấu tranh. Đấu tranh cho hoà bình, thống nhất là nhiệm vụ chung của tất cả mọi người. Từng ngành, từng giới lại có nhiệm vụ riêng của mình...

- Anh chị em trí thức thì thi đua xây dựng lại văn hoá dân tộc của ta, tẩy trừ văn hoá truy lạc của đế quốc, giáo dục con em thành những công dân tốt...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 4/6/1955

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập III, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 154.

(*) Bài nói chuyện với các đại biểu nhân dân thành phố Hải Phòng. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

THƯ GỬI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HOÁ

Thân ái gửi

Hội nghị cán bộ văn hoá

(Nhờ ông Bộ trưởng Bộ Văn hoá chuyển)

Tôi thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ chúc các đại biểu mạnh khoẻ và cố gắng làm việc.

Năm vừa qua, trong công cuộc khôi phục kinh tế và đấu tranh để thống nhất nước nhà, Bộ Văn hoá đã góp phần đáng kể: đời sống văn hoá của nhân dân đã nâng cao một bước, tàn tích văn hoá xấu của chế độ cũ bị tẩy trừ dần. Một nền văn hoá mới đang được xây dựng.

Nhưng công tác văn hoá vẫn còn những thiếu sót: phong trào văn hoá có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về nâng cao trí thức của quần chúng. Về mặt tổ chức và lãnh đạo còn thiếu chặt chẽ, chưa dựa hẳn vào lực lượng của nhân dân, chưa dùng hết khả năng của các nhà trí thức. Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh “phục cổ” một cách máy móc) và học tập văn hoá tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều.

Để luôn luôn tiến bộ, chúng ta cần phải nắm vững mục tiêu là đoàn kết nhân dân, giáo dục tinh thần yêu nước và xã hội chủ nghĩa cho nhân dân (chủ yếu là nhân dân lao động), động viên nhân dân thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch Nhà nước để củng cố miền Bắc, và hăng hái đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Trong công tác ấy, cán bộ văn hoá phải cố gắng nhiều. Cấp uỷ Đảng và chính quyền các địa phương cũng cần phải ra sức giúp đỡ. Như vậy thì công tác văn hoá từ nay chắc sẽ thu được nhiều thành tích tốt đẹp hơn nữa.

Chúc hội nghị thành công.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 28/2/1957

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1958, trang 65.

VIỆN BẢO TÀNG CÁCH MẠNG LÀ MỘT CUỐN SỬ SỐNG^(*)

Viện Bảo tàng Cách mạng là một cuốn sử sống. Các cán bộ, đảng viên và người ngoài Đảng, nhất là thanh niên, thiếu niên, nhi đồng đến xem Viện Bảo tàng sẽ thấy được các liệt sĩ đã hy sinh cho dân tộc như thế nào. Đảng đã lãnh đạo cách mạng vượt qua bao nhiêu gian khổ và đưa Cách mạng đến thắng lợi như thế nào. Các tài liệu, hiện vật trưng bày ở đây sẽ làm cho mọi người tăng thêm lòng tin tưởng ở Đảng và ở chế độ tốt đẹp của chúng ta.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 15/3/1953

Báo Thiếu niên tiền phong,
ngày 14/9/1979.

* Trích theo bài *Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam*, báo *Thiếu niên Tiền phong*, số ra ngày 14/9/1979. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt dựa vào câu đầu của đoạn trích lời dạy của Bác Hồ trong buổi Người đến duyệt nội dung trưng bày của Viện, trước khi mở cửa phục vụ đồng bào trong cả nước. Trong sổ vàng của Viện, Người ghi: “Viện bảo tàng là trường học tốt về lịch sử Cách mạng của nhân dân Việt Nam ta”.

XEM VIỆN BẢO TÀNG CÁCH MẠNG

Các em tiểu học sinh đến xem Viện Bảo tàng Lỗ Tấn. Đến chỗ trưng bày những quyển sổ tay của Lỗ Tấn, quyển nào cũng rất sạch sẽ chỉnh tề. Cô giáo giới thiệu một cách hiền lành: “Các em thử so sánh xem, sổ tay của các em có sạch sẽ chỉnh tề như thế không?”.

Các em học sinh thật thà “liên hệ”, và từ đó, sách vở và sổ tay của các em tiến bộ nhiều.

Đó là một câu chuyện thật ở Trung Quốc.

Hôm cùng đi xem Viện Bảo tàng Cách mạng với Tổng thống Xucác-nô, một người bạn nói một cách thâm thiết:

“Nếu người ta chú ý, thì xem Viện Bảo tàng Cách mạng một lần cũng bằng học một pho lịch sử cách mạng”.

Với những hiện vật, Viện bảo tàng cho chúng ta thấy rõ:

- Đất nước Việt Nam tươi đẹp và giàu có. Nhân dân Việt Nam thông minh và cần cù. Nhưng trước đây, bọn thực dân và phong kiến đã đưa nhân dân ta vào một hoàn cảnh đen tối và bần cùng. Chính trị thì không có dân chủ tự do. Vật chất thì nghèo nàn cực khổ. Bị thảm nhất là vào đông - xuân năm 1944 - 1945, chỉ ở miền Bắc đã có hơn hai triệu người chết đói! Xem những hình ảnh ấy, ai mà không tức giận, căm thù?

- Nhân dân Việt Nam rất anh dũng. Những cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp liên tiếp không ngớt. Người trước ngã, thì trăm nghìn người sau nổi lên, vô cùng oanh liệt. Nhưng đến ngày có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng mới thành công.

Thành công ấy là kết quả của sự đấu tranh dẻo dai và hy sinh to lớn của Đảng và của nhân dân ta. Những lãnh tụ của Đảng như các đồng chí Trần Phú, Minh Khai, Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Thụ và hàng trăm cán bộ, hàng nghìn đảng viên đã vì cách mạng, vì nhân dân, vì Tổ quốc mà bị giặc Pháp chém giết tù đầy. Những lãnh tụ và đảng viên khác thì sống một cuộc đời gian nan và nguy hiểm, nhưng không một phút ngừng hoạt động, đấu tranh.

Trong cuộc kháng chiến cứu nước, có những chiến sĩ lao mình lấp lỗ châu mai của địch, để cho đơn vị mình tiến lên. Có những chiến sĩ lấy thân mình chặn bánh xe, để súng ta khỏi lăn xuống dốc.

Đó là đạo đức cách mạng, là Đảng tinh cao đến tột bậc, những gương sáng

hy sinh cao quý ấy đã giúp cho mọi người tẩy rửa chủ nghĩa cá nhân (tham danh, tham lợi, đòi hỏi hưởng thụ, tự mãn, công thần, v.v.).

- Hiện nay, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất nước nhà, công việc rất nhiều, khó khăn không ít. Nhưng nếu mọi người học tập thấm nhuần tinh thần anh dũng và chí khí kiên cường, học được ở Viện Bảo tàng, mà quyết tâm làm đúng chính sách của Đảng, đi đúng đường lối quần chúng, đặt lợi ích chung lên trên lợi ích riêng, thì chúng ta nhất định thắng lợi trong mọi việc.

Nói tóm lại, người đến xem Viện Bảo tàng cần vừa xem, vừa suy nghĩ và liên hệ với bản thân mình; các đồng chí phụ trách giới thiệu thì cần nói rõ ý nghĩa cách mạng của những vật trưng bày. Làm như thế sẽ rất bổ ích.

Năm 1959

Báo Nhân dân, ngày 4/7/1959

ĐẢNG TA VĨ ĐẠI THẬT

(Trích)

... Trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo hàng ngàn hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm vông đánh thực dân Pháp.

Nhưng thắng đế quốc và phong kiến là tương đối dễ; thắng bản cùng và lạc hậu còn khó hơn nhiều. Ngày nay ở miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Đảng đoàn kết và lãnh đạo nhân dân ta thi đua kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống vui tươi no ấm và mỹ tục thuần phong. Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ. Cho nên Đảng vừa lo tính công việc lớn như đổi nền kinh tế và văn hoá lạc hậu của nước ta thành một nền kinh tế và văn hoá tiên tiến, đồng thời lại luôn luôn quan tâm đến những việc nhỏ như tương cà mắm muối cần thiết cho đời sống hàng ngày của nhân dân. Cho nên Đảng ta vĩ đại vì nó bao trùm cả nước, đồng thời vì nó gần gũi tận trong lòng của mỗi đồng bào ta.

- Đảng ta vĩ đại thật vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác⁽¹⁾...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 5/1/1960

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, trang 6.

(1) Trích lời khai mạc lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt, căn cứ vào một câu trong bài của Người.

VỀ PHONG TRÀO XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH^(*)

(Trích)

... Ngay từ ngày mới ra đời, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo một phong trào quần chúng lớn mạnh xưa nay chưa từng có ở nước ta - phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930. Quần chúng công nhân và nông dân hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đã nổi lên lật đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, thành lập chính quyền Xô viết công nông binh, ban bố quyền tự do dân chủ cho nhân dân lao động.

Tuy đế quốc Pháp đã dập tắt phong trào đó trong một biển máu, nhưng Xô viết Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi sau này⁽¹⁾...

HỒ CHÍ MINH

Tháng 1/1960

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970,
trang 211.

(*) Trích bài *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, bài viết cho tạp chí *Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội* (số 2, năm 1960) nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Đảng ta - Ngày 3/2/1960. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

(1) Từ ngày 19/2/1931, trong bài *Nghệ - Tĩnh đỏ*, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã phát biểu nhận định của mình về nhân dân Nghệ Tĩnh như sau: "Nhân dân Nghệ Tĩnh có tiếng cồng dẫu. Trong thời kỳ chinh phục của Pháp và trong phong trào cách mạng quốc gia (1905 - 1925), Nghệ Tĩnh đã nổi tiếng. Trong cuộc đấu tranh hiện nay, công nhân và nông dân Nghệ - Tĩnh vẫn giữ vững truyền thống tốt đẹp của mình... Nghệ - Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu "đỏ".

BÀI NÓI CHUYỆN NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 20 NGÀY THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM^(*)

(Trích)

... **H**ội phụ nữ mới 20 tuổi. Nhưng truyền thống anh hùng của phụ nữ Việt Nam ta đã có gần 2.000 năm và ngày càng phát triển. Từ đầu thế kỷ thứ nhất, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, đánh giặc, cứu dân; cho đến ngày nay, mỗi khi nước nhà gặp nguy nan, thì phụ nữ ta đều hăng hái đứng lên, góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Do đó, ta có câu tục ngữ rất hùng hồn: “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh”.

Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta...

HỒ CHÍ MINH
Tháng 10/1966

Về vấn đề quân sự, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 409

(*) Phát biểu tối 19/10/1966 trong buổi mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam do Ban chấp hành trung ương Hội tổ chức tại Hội trường Ba Đình.

Ý KIẾN VỀ VIỆC LÀM VÀ XUẤT BẢN LOẠI SÁCH “NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT”^(*)

Hôm nay Bác mời các chú đến để bàn cách thực hiện điều mà Bác đã đề nghị với Ban Bí thư Trung ương Đảng. Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được. Không nên: Bác nói gì, các chú cũng cứ ghi vào sổ mà trong bụng thì chưa thật rõ, rồi các chú không làm, hay làm một cách qua loa.

Bác đề nghị cho Bác được trình bày trước ý kiến của Bác:

- Từ năm 1959, Bác có ý định dùng huy hiệu của Bác như thế nào cho tốt. Có người đề nghị cho các nơi được làm huy hiệu của Bác để bán cho nhân dân. Có người lại đề nghị không nên bán mà nên cho, coi như một phần thưởng. Bác thấy nên cho thì đúng hơn. Nhưng cho ai?

Các chú vẫn thường nói: nhân dân ta rất anh hùng. Điều đó rất đúng. Có thể nói trong mỗi nhà đều có anh hùng, như thế ra ngõ mới gặp anh hùng chứ! Nhìn lại lịch sử mấy nghìn năm của ông cha ta, ta cũng thấy điều đó. Cứ mỗi lần có những thử thách lớn thì nhân dân ta lại tỏ rõ khí phách, nêu cao phẩm chất tốt đẹp của mình. Ngày nay, chúng ta lại đang đứng trước những thử thách rất lớn, truyền thống anh hùng hàng nghìn năm đang được nhân dân ta phát huy đến độ cao chưa từng thấy. Và đã có những người làm nên sự tích oanh liệt được Đảng và Nhà nước tuyên dương. Đó là những bông hoa rất đẹp trong vườn hoa chung của dân tộc. Nhưng dù sao, số người và những tập thể được công nhận là anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua, được tặng huân chương, huy chương vẫn chỉ là số ít so với hàng triệu, hàng chục triệu con người hàng ngày góp gió thành bão, đang gánh vác mọi việc nước, việc nhà để đánh thắng giặc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có tập thể vĩ đại ấy mới có Đảng ta vĩ đại, mới có Cách mạng tháng Tám thắng lợi, mới có kháng chiến chống Pháp thành công, mới có sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước được cả thế giới khen ngợi. Đánh thắng giặc Mỹ rồi, cũng với tập thể anh hùng ấy, chúng ta sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cho nên Bác nghĩ: cần có những phần thưởng để khuyến khích, cổ vũ, động viên mọi người hăng hái làm tròn

(*) Trích bài lược ghi ý kiến của Hồ Chủ tịch phát biểu đầu tháng 6/1968 về việc bồi dưỡng và nêu gương người tốt, việc tốt.

nhiệm vụ. Từ ngày hoà bình lập lại, Bác có yêu cầu báo của Đảng và của các đoàn thể mở ra mục *Người mới, việc mới* để làm việc đó đi đôi với phong trào thi đua ở các cấp, các ngành.

Bây giờ nên gọi là *Người tốt, việc tốt* cho đúng hơn. Đối với anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ, thi đua được Đảng và Nhà nước khen thưởng thì phải qua nhiều cấp, nhiều ngành cân nhắc, xét duyệt. Còn với người tốt làm những việc tốt thì việc khen thưởng có thể đơn giản hơn. Nếu Trung ương cho phép Bác làm thì Bác nghe báo cáo, đọc báo và chỉ cần điều tra lại một chút cho đúng với sự thật là Bác có thể thưởng huy hiệu...

...
- Các chú sẽ xem bảng kê này, Bác đã ghi rõ mỗi ngành, mỗi giới, mỗi địa phương, già, trẻ, gái, trai, miền ngược, miền xuôi, Việt kiều về nước... có bao nhiêu người được khen thưởng. Những con số ghi trong này không có nghĩa là ngành này, giới này, tỉnh này anh hùng hơn ngành, giới, tỉnh kia. Nơi nào có ít người được khen là do khuyết điểm của cấp lãnh đạo ở đó. Một số cán bộ ta hình như mãi làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng, cho nên không chịu theo dõi việc làm hàng ngày của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Ai làm tốt, không kịp thời nêu gương, ai làm xấu, không kịp thời giúp đỡ sửa chữa có nơi khi nhận được huy hiệu của Bác gửi về, đã biết tổ chức trao tặng hân hoan và làm cho mọi người, ít nhất là trong tập thể của người đó, noi gương và làm theo. Nhưng có nơi lại làm theo lối hành chính, chuyển cho người được khen như chuyển một cái công văn hoặc cho vào ngăn kéo cất kỹ, quên không trao cho người được thưởng! Đó là những cán bộ không biết làm việc hoặc có cái nhìn không đúng những chiến công và thành tích nổi bật, vang dội thì ai cũng có thể thấy được. Còn những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước, lợi dân, thì hay bị xem thường.

Hình như các chú cũng chưa coi trọng những việc nhỏ như thế.

Các chú có biết biển cả do cái gì tạo nên không?

Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông. Biết bao nhiêu giọt nước nhỏ hợp lại mới thành biển cả. Một pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái nền rất vững chắc mới đứng vững được. Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế chỉ thấy cái ngọn mà quên mất cái gốc!

Người tốt, việc tốt nhiều lắm. Ở đâu cũng có. Ngành, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có. Thí dụ: có cháu gái tên là Xuân ở Quảng Bình đã chiến đấu dũng cảm, góp phần đánh rơi máy bay Mỹ. Nhiều cháu gái cũng làm được như cháu Xuân. Nếu tất cả cháu gái đều dám làm và làm được như thế thì chỉ riêng con gái Việt Nam cũng đủ đánh thắng giặc Mỹ rồi.

Các chú có thấy các cháu bé Việt Nam nhặt được của rơi đem trả có ý nghĩa như thế nào không? Ở nước Mỹ và các nước tư bản, người ta giết nhau vì đồng bạc giấy. Thế mà ở Việt Nam ta, các cháu bé đã biết sống như thế nào. Có cháu đã bảo mẹ công đi tìm chú công an để trả lại của bắt được. Có cháu bé lên 6 tuổi cùng bạn đi chơi, bạn nó sẩy chân ngã xuống ao, nếu chạy về gọi người lớn thì bạn nó chết mất, cháu liền bám vào bụi cỏ bờ ao, nhoeai cái chân nhỏ xíu ra, miệng bảo bạn: “Bám vào đây! Bám vào đây!”. Cháu tuy nhỏ mà đã biết thương bạn như vậy. Thương bạn, thông minh và dũng cảm, cháu lại khiêm tốn nữa, cứu được mạng người mà không khoe khoang. Văn minh chiến thắng bạo tàn. Xã hội ta văn minh hơn xã hội Mỹ từ những việc làm của các cháu bé như vậy.

Bộ đội ta không những biết đánh giặc giỏi mà còn biết đỡ đê cho dân nữa. Có chú bộ đội đi đường thấy người đàn bà sắp đẻ, thật là khó xử, vì chú ấy chưa học đỡ đẻ bao giờ. Nhưng chú bộ đội vẫn tìm mọi cách giúp đỡ, và tuy tàu xe rất khó khăn, vẫn đưa được cả hai mẹ con về với gia đình. Như thế mới là bộ đội của nhân dân.

Các cụ già Việt Nam cũng giỏi lắm, còn sức còn phục vụ. Các cụ cùng con cháu đánh giặc, xung phong chăm sóc sức khỏe thương bệnh binh, đỡ đầu lớp mẫu giáo, trông nom vườn trê, gương mẫu trồng cây, trồng rừng. Có những cụ ông, cụ bà chuyên nhận nuôi những con trâu ghe, trâu gầy của hợp tác xã thành những con trâu béo khỏe có thể cày, kéo gỗ được...

- Nếu Bác ngồi kể lại những việc làm như thế thì kể mãi cũng không hết được. Bác chỉ muốn nhắc các chú một điều: chớ bỏ qua những việc mà các chú tưởng là tầm thường. Hai cô con gái đi đường thấy cái hố nhỏ ở vĩa hè đã rủ nhau lấy đất lấp lại cho đồng bào khỏi vấp ngã. Một người nông dân đi giữa trời mưa thấy bao gạo của Nhà nước không có gì che phủ, đã cởi tấm ni lông của mình ra đậy gạo cho Nhà nước. Cụ già Việt kiều trở về Tổ quốc để cùng chia sẻ những khó khăn, cùng gánh vác công việc đánh Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội... Tất cả những việc làm như vậy đều nói lên tinh thần yêu nước, đạo đức trong sáng, thuần phong mỹ tục của nhân dân ta. Chúng ta đánh giặc và xây dựng xã hội mới bằng những việc làm muôn hình muôn vẻ của hàng chục triệu con người như thế, chứ không phải chỉ bằng một vài việc làm nổi bật và vang dội của một số cá nhân anh hùng.

...

- Các chú định ngành nào, giới nào thì nêu cao người của ngành ấy, giới ấy, có phải như thế không?

Vậy Bác xin hỏi các chú điều này: con gái có cần phải học con trai, học anh em, chồng con mình không? Con trai có cần phải học người già không? Bộ đội có cần học hậu phương không? Anh hùng chiến sĩ có cần phải học

những người bình thường không? Cán bộ, đảng viên có cần phải học quần chúng nhân dân không? Cấp trên có cần phải học cấp dưới không?

...

- Như vậy là: Một người phải biết học nhiều người. Hơn nữa, cần làm cho món ăn tinh thần được phong phú, không nên bắt mọi người chỉ được ăn một món thôi. Cũng như vào vườn hoa, cần cho mọi người được thấy nhiều hoa đẹp. Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như nhà kiến trúc. Định xây dựng những ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi, cát, tre, gỗ... mà xây nên. Những gương người tốt làm việc tốt muôn hình, muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục:

...

- Các chú còn hay mắc cái tật nói chữ nhiều. Người ốm, các chú gọi là “bệnh nhân”. Làm bệnh nhân thì oai hơn người ốm có phải không? Giúp đỡ thì các chú không thích bằng “tương trợ”. Hình như các chú tương trợ Bác thì quan trọng hơn là giúp đỡ Bác! Tiếng Việt của ta rất phong phú, ta phải làm giàu thêm cho tiếng của ta, nhưng không nên vay mượn lu bù để loè thiên hạ. Ngày xưa, ta còn bị thực dân cai trị, có những người không thạo tiếng mẹ đẻ, nói năng chẳng ai hiểu gì, lại cho mình là trí thức cao. Bây giờ ta độc lập rồi, đừng nên bắt chước những thói xấu của thời nô lệ. Ta là cán bộ cách mạng, ta nói và viết cho quần chúng nhân dân mà mọi người không hiểu ta nói cái gì, sao có thể gọi là cán bộ cách mạng được.

...

- Đã tiếng Việt lại còn ngữ pháp⁽¹⁾! Sao không gọi là “Mẹo tiếng Việt”? Cái gì tiếng ta đã có và dễ hiểu rồi thì đặt thêm ra làm gì? Mấy chú cải cách chữ Việt không khéo lại làm cho người ta khó hiểu thêm. Có tiếng ta dùng đã quen rồi, các chú lại tự ý sửa đổi. Tại sao lại viết: Quốc hội họp kỳ thứ bốn?

Các chú đi hỏi các cụ mà xem. Xưa nay nhân dân ta vẫn nói thứ tư, chứ ai nói thứ bốn bao giờ.

...

- Vẽ rất quan trọng, Bác gần tám mươi tuổi rồi mà Bác còn nhớ hình ảnh ông Từ Lộ⁽²⁾ đội gao nuôi mẹ trong sách giáo khoa ngày xưa. Nhân dân ta rất thích tranh vẽ, nhưng có những bức vẽ không ai hiểu gì cả. Hình như mấy chú

(1) Hồ Chủ tịch kể lại, Người vừa xem báo thấy có tin đã làm xong cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt*.

(2) *Từ Lộ*: Tên tự là Trọng Do, một triết gia đời Xuân Thu và là học trò của Khổng Tử. Từ Lộ nhà nghèo, thường đội gao thuê, lấy tiền nuôi mẹ.

vẽ cho mình xem chứ không phải vẽ cho quần chúng. Vẽ con gái đi đánh giặc mà các chú bắt người ta phải mặc áo dài tha thướt và đội nón bài thơ!⁽¹⁾

Nếu các chú không tin, các chú thử đem hỏi các cháu gái ở mấy thành phố này xem. Chắc các cháu sẽ bảo: các chú vẽ ai chứ các cháu cầm súng đánh giặc không bao giờ lại ăn mặc như thế!

Bác không giỏi về mỹ thuật nên có thể không đánh giá đúng tranh vẽ của các chú. Nhưng Bác nghĩ rằng nghệ thuật phải gần với cuộc sống, người vẽ không thể tùy ý muốn tưởng tượng ra thế nào cũng được, rồi quần chúng phê bình lại bảo người ta dốt.

...

- Về loại sách này, các chú không nên tham viết dài. Nhân dân ta có truyền thống kể chuyện ngắn gọn mà lại có duyên. Các chú phải học cách kể chuyện của nhân dân. Nên kèm theo nhiều tranh vẽ để hiểu mà đẹp, nhưng đừng vì vẽ nhiều mà tính đắt quá.

...

- Các chú làm được khá nhiều và trình bày cũng khá.

Nhưng các chú có khuyết điểm là “mặc áo gấm đi đêm”! Các chú làm được nhiều, lại không biết tuyên truyền giới thiệu cho nhiều người biết mà đọc.

Loại sách mới, các chú nên làm theo khuôn khổ như thế này⁽²⁾: không nên to quá, cũng không nên nhỏ quá. Ngoài bìa cần có dòng chữ *Loại sách Người tốt, việc tốt*. Tên sách là gì thì mỗi ngành, mỗi giới chọn, các đồng chí lãnh đạo ngành, giới phải bàn tập thể để đặt tên sách cho đúng, cho hay. Rồi phải có lời tựa nữa. Lời tựa cũng phải viết tập thể. Sau khi có sách rồi, các chú lại phải biết tuyên truyền giới thiệu bằng mồm nữa.

Ngành giới nào cũng phải làm công tác tuyên truyền giới thiệu. Và các chú nhớ ở trang đầu mỗi cuốn sách đều phải ghi một câu *Hoan nghênh bạn đọc phê bình*. Từ nay trở đi trên sách hay trên báo, các chú nên luôn luôn có câu đó. Bác biết các chú văn hay chữ tốt, nhưng dù sao, nhân dân trăm tai nghìn mắt vẫn có nhiều ý kiến thông minh có thể giúp các chú tiến bộ hơn. Không riêng gì viết sách viết báo, mà công tác gì muốn làm tốt đều phải coi trọng ý kiến của nhân dân.

*

* *

(1) Hồ Chủ tịch đưa cho mọi người xem một tờ báo có hình vẽ ba cô du kích Hà Nội - Huế - Sài Gòn.

(2) Hồ Chủ tịch chọn một quyển sách làm mẫu.

Lâu nay, các chú tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin như thế nào? Kết quả ra sao?⁽¹⁾

- Các chú làm khá nhiều việc đấy. Nhưng có mấy điều Bác muốn biết rõ hơn. Các chú dạy cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, chắc chắn có nhiều người thuộc, nhưng các chú có làm cho mọi người hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là thế nào không? Theo Bác, hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin tức là cách mạng phân công cho việc gì, làm Chủ tịch nước hay nấu ăn, đều phải làm tròn nhiệm vụ. Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của chính mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác. Đó là điều thứ nhất cần rõ.

...

- Các chú có biết nhân dân ta sống với nhau như thế nào không?⁽²⁾

Đúng là như vậy! Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được! Đó là điều thứ hai cần phải làm rõ.

Mấy chục năm nay, nhân dân ta thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách ra sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa. Lấy gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau: đó chính là một cách tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin thiết thực nhất.

...

- Các chú Tuyên huấn có xem xét công tác giáo dục thanh niên không?

Đối với các cháu học ở trong nước và đi học nước ngoài, các chú giáo dục các cháu thế nào?⁽³⁾

- Thanh niên ta bây giờ giỏi lắm. Chỉ nói về đánh giặc, so với cuộc kháng chiến chống Pháp hơn mười năm về trước, cũng đã thấy con hơn cha rồi. Ta có câu “con hơn cha là nhà có phúc”. Bác mong các cháu bây giờ và sau này ngày càng giỏi thì mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản được. Nhưng bên cạnh những điều đáng khen, vẫn còn những chuyện không xứng đáng với thanh niên ta. Trước đây Bác và các chú bước vào con đường cách mạng, ai cũng sẵn sàng nhận lấy hai cái này: một là ngồi tù, hai là lên máy chém. Ngoài cái được lớn là độc lập tự do cho nhân dân, Tổ quốc, không ai

(1) Các đồng chí báo cáo với Hồ Chủ tịch những việc đang làm.

(2) Một đồng chí trả lời: - Thưa Bác, nhân dân ta có câu “Tối lửa tắt đèn có nhau”.

(3) Các đồng chí báo cáo với Hồ Chủ tịch về những việc đang làm.

ngiht sẽ dành phần danh lợi cho cá nhân mình. Bây giờ ta đã có chính quyền rồi, hoàn cảnh đã khác trước. Một số cháu khi phấn đấu vào Đoàn hay vào Đảng lại có ý nghĩ là để được tín nhiệm, để mau được đề bạt và lên lương! Phải uốn cây từ lúc cây non, đừng để cho tâm hồn các cháu bị vẩn đục vì chủ nghĩa cá nhân như thế.

Đối với các cháu học sinh đại học sau mấy năm học các cháu sẽ bước vào đời, trở thành những cán bộ có trình độ văn hoá, khoa học khá. Nhưng các cháu ấy có biết cán bộ nghĩa là gì không? Các chú dạy các cháu rất nhiều điều, nhưng có một điều phải làm thật rõ: Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được.

Mấy chục năm nay, nhân dân ta phải tập trung sức lực để đánh giặc cho nên về xây dựng đời sống ta chưa làm được nhiều. Nhưng đánh thắng giặc Mỹ rồi thì những việc chính của cách mạng là làm thế nào giải quyết ngày càng tốt hơn những vấn đề: ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, phòng và chữa bệnh..., tóm lại là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những điều lớp người này chưa làm xong thì lớp người sau phải tiếp tục làm. Các chú không nên nói cao xa mà phải nói rất cụ thể cho các cháu hiểu. Thí dụ: các cháu học ngành xây dựng thì phải hiểu rằng nhân dân ta còn thiếu nhiều nhà ở. Đi học ở nước ngoài thì phải học những cái hay cái tốt của bạn, để làm sao xây dựng được nhiều và nhanh những ngôi nhà thoáng mát, thuận tiện, hợp khí hậu và rẻ tiền cho nhân dân. Nếu các cháu tốt nghiệp rồi, việc trước tiên lại chỉ lo sao cho mình có quần áo đẹp, có căn nhà riêng sang trọng làm tổ ấm, thì công tác giáo dục của các chú không thể coi là có kết quả được! Bác nghe nói có cháu trước khi vào đại học đã có người yêu hoặc đã có vợ, nhưng khi “thành tài” rồi lại chê người cũ. Như thế là không có đạo đức, làm sao trở thành cán bộ tốt được!

Tuy vậy, những cái hư hỏng chỉ là số ít. Nhà trường, đoàn thể và gia đình hàng ngày phải biết phòng ngừa và đẩy lùi những cái không tốt đó cho các cháu. Phải thấy phần đông các cháu là tốt. Cần lấy ngay những gương tốt đó của các cháu và những gương người tốt, việc tốt trong nhân dân để giáo dục các cháu. Không nên nói lý luận suông!

...

- Bác không phản đối việc giáo dục cho thanh niên ta những hiểu biết về thế giới, về lịch sử các nước, về những cái hay của loài người. Nhưng ta phải phân biệt cái gì nên làm trước, cái gì làm sau cho thiết thực và có ích. Trước kia, thực dân Pháp còn cai trị nước ta, có những người trí thức Việt Nam rất thông thạo lịch sử, địa lý và các chuyện thần thoại của nước Pháp, Hy Lạp và La Mã. Nhưng khi hỏi đến địa lý nước mình thì mù tịt. Nay ta độc lập, tự do rồi, cố nhiên ta không đào tạo lên những con người như thế.

Tuy vậy, Bác nhắc các chú điều này: Bây giờ do cuộc chống Mỹ, cứu nước của ta có một vị trí rất lớn đối với thế giới, ta lại đánh thắng đế quốc Mỹ, nên ngày càng có nhiều người nước ngoài tìm hiểu rất kỹ về Việt Nam. Coi chừng, có nhiều người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng người nước ngoài. Nếu có tình hình như vậy, thì các chú làm công tác tuyên truyền, giáo dục phải phụ trách!

...

- Muốn giáo dục nhân dân, làm cho mọi người đều tốt cả thì cán bộ đảng viên phải tự giáo dục rèn luyện hàng ngày. Người xưa còn biết tu thân mỗi buổi tối kiểm điểm mình và dùng hai cái lọ đồ đen, đồ trắng để ghi việc tốt việc xấu. Đảng viên, cán bộ ta từ nhân dân anh hùng mà ra, phải sống cho xứng với nhân dân và Đảng anh hùng.

Bác rất vui mừng thấy phần đông đảng viên, cán bộ ta đã tỏ ra xứng đáng với danh hiệu của mình. Nhưng cũng có một số trường hợp khiến Bác không vui.

Trước đây, khi cách mạng còn trong bóng tối, hoặc khi còn ở chiến khu, chúng ta chỉ có hai bộ quần áo nâu, đi công tác thì ba lô lên vai và đi bộ. Khó khăn, thiếu thốn, ốm đau ta đều dựa vào nhân dân. Nay tình hình đã khác trước. Đời sống nhân dân khá hơn xưa, cán bộ ta ăn ở cũng khá hơn, đi công tác có xe đạp, có ô tô nữa. Nhưng có một số người không nhớ lúc hàn vi, lại để cho chủ nghĩa cá nhân nẩy nở. Đã có xe rồi, lại “phấn đấu” để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà ở rồi, lại “phấn đấu” theo kiểu như thế để có nhà đẹp hơn. Làm như vậy là trái với đạo đức cách mạng. Các chú có biết rằng dân tộc vĩ đại, Đảng ta vĩ đại, ta được anh em bầu bạn khắp năm châu yêu mến và ca ngợi là vì cái gì không?

Vì cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta do Đảng ta lãnh đạo là chí công vô tư, mình vì mọi người.

Từ nay về sau, nhân dân ta và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy. Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Cho nên trong khi ta kiên trì và đẩy mạnh cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, làm cho văn minh chiến thắng bạo tàn thì đồng thời phải loại trừ những cái xấu xa do chế độ cũ để lại trong xã hội và trong mỗi con người.

Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nẩy nở như hoa mùa xuân cho phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng. Đối với những người có thói hư tật xấu, trừ hạng người phản lại Tổ quốc và nhân dân, ta cũng phải giúp họ tiến bộ bằng cách làm cho cái phần thiện trong con người họ nẩy nở để đẩy lùi phần

ác, chứ không phải đập cho tôi bởi. Lấy gương người tốt việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới.

Các chú có biết người xưa đã có những cách giáo dục sâu sắc như thế nào không? Các chú còn nhớ những chuyện Nhị thập tứ hiếu⁽¹⁾ không?

...

- Bác gần tám mươi tuổi mà vẫn còn nhớ chuyện ông Lão Lai; vợ chồng Quách Cự, chú bé Hán Lục Tích... hiếu thảo với cha mẹ như thế nào. Những chuyện như thế ngày xưa cả những người không biết chữ cũng thuộc. Các chú phải biết rút kinh nghiệm, học tập cách giáo dục của ông cha ta. Các chú có thể làm tốt hơn, vì đạo đức ngày nay cao rộng hơn: không phải chỉ có hiếu với bố mẹ, mà trung thành với nước, hiếu với dân. Đạo lý ngày xưa các cụ nêu lên không phải ai cũng làm được, vì con người sống trong xã hội cũ là xã hội người đi áp bức bóc lột người, quan hệ giữa người với người thường là xấu. Bây giờ, xã hội mới, không có áp bức bóc lột, ai cũng có thể vươn tới đỉnh cao của đạo đức cách mạng. Những gương thánh hiền ngày xưa chỉ có mấy chục và là chuyện của nước ngoài, chuyện tưởng tượng ra. Còn thánh hiền ngày nay bao gồm hàng triệu con người có thật trong nhân dân Việt Nam ta, ở trong nhà hay ra ngõ đều có thể gặp được. Đó là những anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua. Đó là hàng triệu “người tốt, việc tốt” đang chống Mỹ, cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đang cùng nhau viết nên những trang sử vô cùng oanh liệt mà con cháu ta sẽ mãi mãi tự hào.

...

- Có điều gì chưa rõ thì các chú cứ nói. Ta sẽ bàn nữa.

Nếu về nhà thấy có điều gì nữa thì báo cho Bác biết, rồi lại bàn tiếp.

Thế bao giờ các chú làm xong những cuốn sách đầu tiên?⁽²⁾

Trước khi in, các chú gửi cho Bác xem một số bài. Viết giản dị thôi và phải đúng sự thật. Không được bịa ra. Gửi cho Bác xem cả bìa sách và một số tranh vẽ các chú định làm. Ta làm những cuốn đầu tiên, rồi rút kinh nghiệm để làm tốt hơn những cuốn sau này.

HỒ CHÍ MINH

Tháng 6/1968

Báo *Cứu quốc*, ngày 22/2 và 1/3/1970

(1) *Nhị thập tứ hiếu*: tập thơ song thất lục bát của Lý Văn Phức (1785 - 1849)

(2) Các đồng chí hứa với Hồ Chủ tịch đến ngày 2/9/1968.

PHẦN THỨ 8

... VÀ HẤP THỤ NHỮNG CÁI MỚI CỦA VĂN HOÁ TIỀN BỘ THẾ GIỚI

(BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN
THỨ II CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM)

Ngày 11/2/1951

RÔM, VATICĂNG, NAPLO VÀ POMPÊI

... RÔM là một thủ đô khá đẹp, với khoảng hai triệu dân, có nhiều di tích lịch sử gần 3.000 năm. Hầu như đường phố nào cũng có một nhà thờ công giáo hoặc to, hoặc nhỏ. Thành phố xa hoa nhộn nhịp, “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”⁽¹⁾. Nhưng người thường dân thì cực khổ, vì giá sinh hoạt đắt đỏ và thuế khoá nặng nề. Ngủ khách sạn một đêm cũng phải nộp thuế. Ăn một đĩa súp cũng phải nộp thuế. Đi xem chiếu bóng cũng phải nộp thuế...

Bên cạnh Rôm có thành phố Vatican là cung điện của Giáo hoàng, đại bản doanh của đạo Thiên chúa. Ở đó có nhiều nhà thờ và lâu đài rất nguy nga đồ sộ. Bộ đội của Giáo hoàng canh gác nơi đây vẫn ăn mặc như lính phong kiến cách đây hơn 300 năm, khi nhà thờ đòi đốt sống ông Galilê⁽²⁾ nếu ông không chịu bỏ cái lý thuyết rằng quả đất xoay vần.

Rất đông khách nước ngoài đến xem Vatican, nhất là những ngày có cúng lễ lớn thì có đến hàng chục vạn người. Dân cư chính cống ở thành phố này không đầy 1.000 người, số đông là nhân viên của toà thánh. Viện Bảo tàng có trưng bày những gong cùm mà trước đây nhà thờ dùng để phạt những người dân thiếu thuế, thiếu nợ. Có một guồng xe như cái đu tiên, người ta trói giữa người bị phạt vào đó, cột chặt mình mấy và chân tay vào guồng xe, rồi vừa đánh vừa quay tít thò lò...!

Bác đến cửa biển Naplo, đi xem núi lửa Vêxuyơ và di tích Pompêi. Đời xưa, Pompêi là một thành phố nghỉ mát của người Rômanh. Cách đây khoảng 1.880 năm, Pompêi bất thành linh bị tro và bùn núi lửa Vêxuyơ vùi lấp hết. Về sau người ta đào lên dần dần. Ngày nay, dấu tích nhà cửa vẫn còn. Nhiều bức vẽ trên tường ghi tả đời sống xa hoa đậm đặc của bọn quý tộc - màu sắc vẫn còn tươi đẹp...

T. LAN

Vừa đi đường vừa kể chuyện⁽³⁾, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 35.

(1) Một câu thơ trong *Truyện Kiều* của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Về Nguyễn Du, xem chú thích bài *Huân thị tại Hội nghị Cung cấp toàn quân lần thứ nhất*, phần IV.

(2) Galilê: xem chú thích bài *Đường khách mệnh*, phần I.

(3) Trích theo sách đã dẫn. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

VỀ NAPÔLÊÔNG ĐỆ NHẤT

(Trích)

... **N**apôlêông⁽¹⁾ là một vị tướng có đại tài, đánh đâu thắng đó. Từ địa vị một người quân nhân thường, làm đến Tổng thống. Từ Tổng thống nhảy lên làm Hoàng đế. Làm Hoàng đế cũng chưa đủ, còn muốn làm chúa tể cả thế giới. Các nước họp sức lại đánh. Kết quả ông Na bị thua. Thua một trận thì tan tành hết cả. Bị các nước bắt giam ở đảo Xanh Êlen. Cách mấy năm thì chết tại đảo. Ít năm Chính phủ Pháp đem xương cốt về Pari.

Nếu ông Na biết dè dặt, không ham muốn quá thì chắc nước Pháp lúc đó không đến nỗi vì chiến tranh mà chết người, hại của. Mà chắc ông Na cũng giữ được địa vị thiên tử trong một nước giàu mạnh ở Âu châu. Nhưng ông Na đã làm con giời lại muốn làm cả giời, kết quả bị thất bại.

Thơ Tàu có câu:

Xưa kia rất mực anh hùng

Mà nay nằm đó, lạnh lùng lấm ru.

Câu thơ đó thật đúng với hoàn cảnh cụ Na. Xưa nay đã nhiều người vì không “tri túc” (chừng mực) mà thất bại. Thế mà người sau vẫn không biết nhớ những kinh nghiệm đời xưa...

Ngày 3/7/1946

Trích theo: *Nhật ký hành trình bốn tháng sang Pháp của Hồ Chủ tịch*, 1946. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng.

(1) *Napôlêông* (*Napoléon*, 1769 - 1821): hoàng đế Pháp. Năm 1794, Napôlêông làm tướng xâm lược nước Ý, phá nước Áo, chiếm Ai Cập, uy vọng ngày càng lớn (!) Năm 1799 Napôlêông xưng đế, sau đánh nước Anh, bị thua, rồi bị đẩy ra đảo Xanh Êlen (Sainte Hélène).

ÔNG HÃY NHỚ LẠI BÀI NGỤ NGÔN CỦA LAPHÔNGTEN^(*)

Những lời tố cáo của Pháp hoàn toàn là vu khống. Nước Việt Nam tha thiết mong hoà bình để kiến thiết. Chúng có là nước Việt Nam đã giải tán Uỷ ban kháng chiến tối cao, cải tổ Chính phủ kháng chiến thành Chính phủ kiến quốc, và bắt đầu thực hiện chương trình kinh tế 3 năm, v.v... Nước Việt Nam không có lợi gì gây chiến tranh để làm cho nhân dân thiệt hại và chịu bao nhiêu tang tóc. Ông hãy nhớ lại bài ngụ ngôn của Laphôngten⁽¹⁾: *Con chó sói và con cừu*⁽²⁾.

HỒ CHÍ MINH
Tháng 5/1947

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập
I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956,
trang 187.

(*) Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời Vasidép Rao (Vasidev Rao), thông tin viên hãng Rơi tơ (Reuter) về câu hỏi: “Xin Chủ tịch cho biết về lời tố cáo của những người Pháp nói rằng Việt Nam đã gây ra cuộc xung đột hiện nay?”. Dấu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt dựa theo một câu trong bài.

(1) *Laphôngten*: Phiên theo âm Hán - Việt là Lã Phụng Tiên, tên của nhà thơ ngụ ngôn Pháp Giảng đờ La Phôngten (Jean de la Fontaine). Ông sinh tại Satò - Tieri (Château - Thierry) năm 1621, mất tại Pari năm 1695. Thích làm thơ từ tuổi 22, La Phôngten chuyên về lối thơ lấy đề tài từ loài vật hoặc những sự việc thường ngày, nhưng nghĩa lý bên trong sâu sắc có tính chất triết lý về xử thế cuộc đời. Ngoài các thể loại sáng tác khác, La Phôngten viết cả thấy 12 tập Ngụ ngôn; quyển thứ 12 ra đời vào năm 1694.

(2) *Con chó sói và con cừu* là một bài thơ ngụ ngôn của La Phôngten. Từ năm 1925, trong lá thư Trả lời ông H., Chủ tịch Hồ Chí Minh (dưới bút danh đương thời là L.T) đã nói về một tác phẩm nổi tiếng khác của La Phôngten: thơ ngụ ngôn *Hội đồng chuột*. Trước đó, Người cũng đã nhiều lần trích dẫn thơ ngụ ngôn của La Phôngten; như trong bài *Công lý*, và một số bài viết khác của Người trước và sau đó.

VỀ CHỦ BÚT BÁO “TIỀN PHONG” (PHÁP)

(Trích)

... Quan năm Phabiêng, 25 tuổi, là vị anh hùng nổi tiếng nhất trong công tác trừ gian sát địch.⁽¹⁾

Ông Phabiêng sinh năm 1919. Thân sinh ông là một người thợ làm bánh mì, ở trong một phố nghèo nhất tại Pari.

... Năm 1940, Phabiêng 21 tuổi, nhưng đã là chủ bút và chủ nhà in một tờ báo bí mật xuất bản đầu tiên ở miền Nam nước Pháp.

Tờ báo đó tên là *Tiền phong*. Trong lời kêu gọi có câu: “Không bao giờ một dân tộc như dân tộc ta mà chịu làm nô lệ. Sự hy vọng giải phóng cho Tổ quốc, cho xã hội là ở nơi quần chúng nhân dân”.

... Đức và Pháp gian treo giải thưởng, lùng bắt Phabiêng. Nhờ có dân ủng hộ, Phabiêng vẫn hoạt động ở Pari, mà vẫn an toàn vô sự... Sau đó đoàn thể phái đội Phabiêng đi phụ trách một tỉnh khác... Cuối tháng 11 (năm 1942), Phabiêng về Pari có việc. Thành linh dịch vây cả một dãy phố, xét giấy, bắt người. Phabiêng cũng bị bắt.

Trong ba lần tra khảo, Phabiêng bị 150 roi gân bò, bị dằn ngón chân, ngón tay, máu me đầy cả mình mẩy, chết đi sống lại mấy lần. Không đứng, không ngồi, không nằm được. Chân bị cùm, tay bị xích cả ngày cả đêm. Đã như thế lại bị nhốt trong ngục tối. Sau ba tháng như thế, địch đưa Phabiêng đến một nhà pha khác, to hơn, rộng hơn.

Trong mỗi nhà pha có 60 người, phần đông là tù chính trị. Phabiêng liền tổ chức một nhóm du kích ở đó, và một ban huấn luyện về khoa học, văn hoá, chính trị v.v...

Với những miếng giấy gói quà của đội tù thiện gửi đến, Phabiêng cùng các bạn trong nhà tù ra một tờ báo bí mật...

Khoảng 1946 - 1947

Kinh nghiệm du kích Pháp⁽²⁾ in lần thứ hai, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1948.

(1) *Trừ gian sát địch*: ở đây chỉ bọn phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp và bọn Pháp gian hồi đó.

(2) Chưa xác minh được thời gian viết. Theo phỏng đoán của nhiều nhà nghiên cứu, có thể tác phẩm này được tác giả viết vào khoảng những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1947).

Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

LỜI KẾT THÚC BUỔI RA MẮT CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

(Trích)

... Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Những người mà:

- Giàu sang không thể quyến rũ,
- Nghèo khó không thể chuyển lay,
- Uy lực không thể khuất phục.

Nói về người cách mạng và đảng cách mạng, nhà đại văn hào Trung Quốc là ông Lỗ Tấn⁽¹⁾ có câu thơ:

*Hoành mi lãnh đối thiên phu chí,
Phủ thủ cam vi nhũ tử ngu.*

Xin tạm dịch là:

*Trợn mắt xem khinh nghìn lực sĩ,
Cúi đầu làm ngựa các nhi đồng.*

“Nghìn lực sĩ” có nghĩa là những kẻ địch mạnh, thí dụ: lũ thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ. Cũng có nghĩa là những khó khăn gian khổ.

“Các nhi đồng” nghĩa là quần chúng nhân dân hiền lành đông đảo. Cũng có nghĩa là những công việc ích quốc, lợi nhà.

Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ dù nặng nề, nguy hiểm đến mấy, nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 3/3/1951

Báo Nhân dân, ngày 25/3/1951⁽²⁾

(1) Lỗ Tấn (1881 - 1936): đại văn hào vô sản Trung Quốc, nhà tư tưởng, nhà cách mạng, tên thực là Chu Thụ Nhân, tên tự là Dư Tải. Ngoài ra, còn nhiều bút danh khác. Đoạn thơ tác giả dẫn ra là rút từ bài thơ *Tự Trào*, *Lỗ Tấn toàn tập*, cuốn thứ 7, tập *Ngoại tập*, phần *Tự Trào*. Bài thơ này Lỗ Tấn sáng tác ngày 12/10/1932.

(2) Ngày 3/3/1951, Đảng Lao động Việt Nam chính thức ra mắt quốc dân, công khai lãnh đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc. Việc Đảng ra hoạt động công khai là một sự kiện vô cùng quan trọng, đánh dấu một thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa cuộc kháng chiến mau đi đến thắng lợi.

TRONG CUỘC CHIẾN TRANH GIỮ NƯỚC VĨ ĐẠI, TRÍ THỨC LIÊN XÔ ĐÃ GÓP PHẦN XÚNG ĐÁNG^(*)

... Trong cuộc kháng chiến vĩ đại, người trí thức Liên Xô cũng góp phần xứng đáng. Các bác sĩ và y sĩ đã xông pha lửa đạn, hết lòng săn sóc thương binh, bệnh binh. Các người văn nghệ đã tổ chức những đội văn công lên tận mặt trận phục vụ bộ đội...

Phong trào thi đua yêu nước, phong trào quyên góp, phong trào “dỡ đầu” chiến sĩ đều rất sôi nổi và bền bỉ. Nói tóm lại: Toàn Đảng, toàn dân đã thực hiện khẩu hiệu do trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đề ra: “Tất cả cho mặt trận! Tất cả để chiến thắng!”.

T.LAN
Năm 1963

Vừa đi đường, vừa kể chuyện, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 88.

(*) Trích *Vừa đi đường, vừa kể chuyện* của T. Lan, một trong những bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. (Theo công bố của báo *Nhân dân* ngày 17/5/1980).

Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH CUỐN “TÌNH UỶ BÍ MẬT”(*) CỦA NHÀ VĂN LIÊN XÔ PHÊĐÔRÔP

(Trích)

Lần này là lần đầu tiên tôi viết bài tựa cho một quyển sách, vì quyển sách này ra đúng dịp. Nó ra trong lúc chúng ta đang đẩy mạnh phong trào du kích.

Du kích là một lực lượng cực kỳ to lớn trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Sức du kích thật mạnh thì chiến tranh giải phóng nhất định thắng lợi.

Tổ chức chặt chẽ và rộng khắp, trong vùng địch và xung quanh vùng địch, làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ “thiên la địa võng” mà địch không tài nào thoát ra được. Địch đi đến đâu cũng bị chặn đánh. Địch làm cái gì cũng bị phá hoại. Du kích làm cho địch có mắt cũng như mù, có tai như điếc, có chân tay cũng như què. Một bộ phận địch còn sống sót, thì ăn không yên, ở không yên, nghe gió thổi chim kêu cũng hoảng sợ, rồi cũng bị du kích tiêu diệt nốt.

Du kích tổ chức khéo, thì toàn dân gái trai, già trẻ, sĩ, công, nông, thương, ai cũng có thể tham gia. Người thì lo đánh giặc, người thì lo tiếp tế, tình báo, liên lạc, tuyên truyền. Mọi người đều có dịp phụng sự Tổ quốc.

Muốn đạt mục đích ấy, cần có mấy điểm chính:

- Đoàn thể và Chính phủ phải tăng cường lãnh đạo phong trào du kích.
- *Tư tưởng* của cán bộ và nhân dân phải sáng suốt: tin tưởng sâu sắc vào chính sách của Đảng và Chính phủ. Tin tưởng sâu sắc vào lực lượng của nhân dân, vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc.
- *Cán bộ* phải đi thật sát với dân, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu.

(*) *Tình uỷ bí mật*: tiểu thuyết Liên Xô do Phêđôrôp, bí thư tỉnh uỷ Sécni-gốp (nước Cộng hoà Xô viết Ucraina) viết, Nguyễn Du Kích (một bút danh của Hồ Chủ tịch) dịch ra tiếng Việt Nam năm 1951. Cuốn sách nêu lên gương chiến đấu dũng cảm và kinh nghiệm đánh du kích của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại chống bọn phát xít Hitle (1941 - 1945).

- Nhân dân phải nồng nàn yêu nước, và sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, cho hạnh phúc tương lai của giống nòi.

Ta sẵn có nền tảng nhân dân, chỉ cần củng cố thêm. Ta sẵn có cán bộ, chỉ cần đào tạo thêm. Ta sẵn có phong trào du kích, chỉ cần ra sức phát triển. Kinh nghiệm du kích ở Liên Xô sẽ giúp thêm chúng ta, và chúng ta nhất định thành công trong việc đẩy mạnh phong trào du kích.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 22/11/1951

Hồ Chí Minh - Tuyển tập, Nhà xuất bản
Sự thật, Hà Nội, 1960, trang 384.

HUẤN THỊ VỀ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN HỌC TẬP

(Trích)

... Người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình. Lênin khuyên chúng ta: “Học, học nữa, học mãi”. Mỗi người đều phải ghi nhớ và thực hành điều đó, những người huấn luyện lại càng phải ghi nhớ hơn ai hết. Người huấn luyện nào tự cho mình là biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất. Khẩu hiệu “Học không biết chán, dạy không biết mỏi” treo trong phòng họp chính là của Khổng Tử. Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy học thuyết của Khổng tử có nhiều điều không đúng⁽¹⁾ song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học. “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”. Lênin dạy chúng ta như vậy.

HỒ CHÍ MINH
Tháng 5/1950

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1956, trang 13.

(1) Năm 1965, Hồ Chủ tịch thăm Khúc Phụ có làm bài thơ chữ Hán *Phỏng Khúc Phụ (Thăm Khúc Phụ)*. Sau đây là bản dịch thơ:

*Mười chín tháng năm thăm Khúc Phụ
Miếu xưa vẫn dưới bóng tùng xưa
Uy quyền họ Khổng giờ đâu nữa?
Lập loạng bia xưa chút ánh tà.*

Về Khổng Tử và học thuyết của Khổng tử, xem thêm bài *Thăm một chiến sĩ Quốc tế cộng sản - Nguyễn Ái Quốc* của Ôxip Mandenxtam trong tập *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Lữ Huy Nguyên sưu tầm, biên soạn, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, 1990, in lần thứ hai.

VỀ ĐỖ PHỦ

... Đỗ Phủ Xuyên là con suối mà đời xưa đại thi sĩ Đỗ Phủ thường đi đến, có Bửu Tháp trên núi Gia Lăng. Khi đi gần Cam Tuyền, Bác nhớ lại câu “Khởi Cam Tuyền, mở mịt thức mây” trong *Chinh phụ ngâm* nổi tiếng.

T.LAN
Năm 1963

Vừa đi đường vừa kể chuyện, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 35.

*
* *

... Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc đời nhà Đường có câu rằng “Nhân sinh thất thập cổ lai hy”⁽¹⁾ nghĩa là “Người thọ 70 xưa nay hiếm”.

Năm nay tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

HỒ CHÍ MINH
Ngày 10/5/1969

Trích Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo *Nhân dân*, ngày 10/9/1969.

(1) “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” một câu thơ của Đỗ Phủ trong bài *Khúc giang II* viết vào cuối xuân, năm 758.

VỀ HỌA SĨ TÈ BẠCH THẠCH^(*)

... CỤ TÈ BẠCH THẠCH⁽¹⁾ là một người vẽ nổi tiếng. Những bức tranh
hoa cỏ và chim cá của Cụ vẽ, bán rất đắt tiền; nhưng cụ chỉ vẽ
bán để quyền góp vào việc nghĩa.

C.B.

Tháng 12/1954

Báo *Nhân dân*, ngày 20/12/1954.

(*) Toàn văn bài này đăng trên báo *Nhân dân* với tên bài là 90 và 19. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

(1) *Tê Bạch Thạch* (1860 - 1957): họa sĩ nổi tiếng Trung Quốc, nguyên Chủ tịch Hội Họa sĩ Trung Quốc (1953). Tê Bạch Thạch sinh trưởng trong một gia đình nông dân. Từ năm 1902 đến năm 1909, Tê Bạch Thạch đi du lịch trên hầu khắp đất nước Trung Hoa. Đầu tiên, vẽ chân dung các mẫu nhân vật cổ truyền, nhưng Tê Bạch Thạch thể hiện đầy đủ tài năng nhất trong loại tranh phong cảnh, đặc biệt là họa sĩ bậc thầy về tranh thủy mặc theo lối quốc họa Trung Hoa.

CÁC ĐOÀN VĂN CÔNG BẠN

(Trích)

Những đoàn văn công các nước bạn lần lượt đến thăm ta để trao đổi văn hoá với ta và để thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn.

Ngoài những bài hát hay, những điệu múa khéo, mà hàng vạn đồng bào ta đã thưởng thức, các đồng chí ấy còn giáo dục cho nhân dân ta những điều cao cả hơn nữa.

... Nội dung và ý nghĩa phong phú của những bài hát, điệu múa cho đến những trang sức đẹp đẽ, huy hoàng, đều do bao năm hy sinh chiến đấu, mới có kết quả tốt đẹp như ngày nay và càng ngày càng thêm tốt đẹp.

Một điều nữa là: Nghệ thuật chân chính cốt để phục vụ nhân dân, đồng thời phục vụ tinh thần quốc tế. Hiểu rõ như vậy, chúng ta càng quý mến các đoàn văn công bạn.

C.B.

Tháng 9/1955

Báo Nhân dân, Ngày 26/9/1955.

DIỄN VĂN TRONG BUỔI CHIÊU ĐÁI Ở BẮC LINH, CỘNG HOÀ DÂN CHỦ ĐỨC(*)

(Trích)

Nước Đức, quê hương của Mác, Ăngghen, của Các Líp-nếch và Rô-da Luc-xăm-bua, của Ten-lô-man và Vin-hem Pích, những tên tuổi vĩ đại của phong trào công nhân quốc tế, của chủ nghĩa Quốc tế vô sản; đồng thời cũng là Tổ quốc của Gôt, Bethô-vơ, En-ten⁽¹⁾... của những người đã góp phần làm giàu cho gia tài văn hoá và khoa học của nhân loại. Nước Đức đó thân thiết gần gũi với tất cả mọi người trên toàn thế giới, nhưng bị bọn Hít-le dã man tàn phá, nay đã trở lại vĩ đại dưới chế độ cộng hoà dân chủ Đức và đang đấu tranh giành thống nhất cho Tổ quốc, và cho hoà bình thế giới.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 31/7/1957

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1958, trang 111.

(*) Trong dịp Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta, do Hồ Chủ tịch dẫn đầu, thăm Cộng hoà dân chủ Đức, Người đã đọc bài diễn văn nói trên.

(1) Gôt (J. W. Goethe, 1749 - 1832): văn hào vĩ đại nhất của nền văn học cổ điển Đức và là một trong số những văn nghệ sĩ xuất sắc của nền văn học tiến bộ của nhân loại. Những tác phẩm nổi tiếng: *Những nỗi đau khổ của chàng Véc-te*, *Phao-xto* v.v...

- Bethô-vơ (Beethoven, 1770 - 1827): nhà soạn nhạc trứ danh người Đức. Chín bản giao hưởng của ông sáng tác khoảng 25 năm đầu thế kỷ 19 là những đỉnh cao của nhạc giao hưởng thế giới, đặc biệt là bản *Giao hưởng thứ 5* mà Bethô-vơ gọi là "tiếng sấm sét đến đập cửa".

En-ten (Einstein): một nhà bác học vĩ đại người Đức, một chiến sĩ hoà bình tích cực, sinh năm 1879, mất ngày 18/4/1955. Thuyết tương đối của ông nêu lên rằng: Một số khái niệm cơ bản (như khái niệm về không gian, thời gian và khối lượng v.v...) mà trước đây người vẫn tưởng có tính chất tuyệt đối, thì nay phải quan niệm lại là tương đối mới đúng với chân lý khách quan. Ngược lại, một số khái niệm trước đây cho là có tính tương đối (như: tốc độ ánh sáng trong chân không) nhưng thực ra lại có tính tuyệt đối (tốc độ này không thay đổi dù quan sát từ bất cứ hệ quy chiếu nào). Lên-in đánh giá En-ten là "một trong những người cải tạo tự nhiên vĩ đại nhất".

DIỄN VĂN TRONG BUỔI CHIỀU ĐÁI Ở BUCARÉT, RUMANI

(Trích)

... Nhân dân Việt Nam chúng tôi sẽ không bao giờ quên những cố gắng của các đồng chí công nhân dũng cảm của nhà máy Éc-nét Tenloman trong việc cung cấp những máy kéo theo yêu cầu của Việt Nam. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên những cố gắng của những đồng chí thủy thủ dũng cảm của tàu Dimitoróp đã vượt biển chuyển tới Việt Nam những máy kéo đó đúng thời hạn.

Chúng tôi cũng không thể nào quên được những đồng chí trong đoàn nghệ thuật *Chim son ca* đã sang Việt Nam và mang tới cho chúng tôi những giọng hát hay và những điệu múa khéo của nền nghệ thuật Ruman. Mặc dầu quan son cách trở, những hoạt động của các đồng chí công nhân, thủy thủ, các đồng chí nghệ sĩ và những phái đoàn kinh tế Ruman đã làm cho nhân dân hai nước chúng ta gần gũi nhau...⁽¹⁾

HỒ CHÍ MINH

Ngày 18/8/1957

Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1958, trang 129.

(1) Trong dịp đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta, do Hồ Chủ tịch dẫn đầu thăm Ruman, Người đã đọc bài diễn văn mà chúng tôi trích in trên đây.

VĂN HOÁ, TRIẾT HỌC VÀ NGHỆ THUẬT ẤN ĐỘ

... Khi đến đất nước Ấn Độ⁽¹⁾ vĩ đại, chúng tôi rất cảm động và sung sướng được đến quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất của thế giới. Văn hoá, triết học và nghệ thuật của nước Ấn Độ đã phát triển rực rỡ và có những cống hiến to lớn cho loài người. Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là lý tưởng hoà bình bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật, khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới.

Nhưng chủ nghĩa thực dân đã xâm lược Ấn Độ hàng trăm năm, đã kìm hãm sự phát triển của nhân dân Ấn Độ. Để giành lại độc lập, tự do của mình, nhân dân Ấn Độ đã anh dũng và bền bỉ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân...⁽²⁾

HỒ CHÍ MINH

Ngày 6/2/1958

... Nhân dân hai nước chúng ta đã có những quan hệ anh em từ lâu đời. Nền văn hoá và đạo Phật của Ấn Độ đã truyền sang Việt Nam từ thời cổ. Dưới ách thống trị của thực dân, quan hệ giữa hai nước chúng ta tạm bị gián đoạn trong một thời kỳ. Nhưng tình hữu nghị cổ truyền luôn luôn gắn bó hai dân tộc chúng ta⁽³⁾...

HỒ CHÍ MINH

Ngày 6/2/1959

*Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập
V. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960,
trang 37 và 32.*

(1) Trong dịp đoàn đại biểu Chính phủ ta, do Hồ Chủ tịch dẫn đầu đi thăm Ấn Độ, Người đọc bài diễn văn mà chúng tôi trích in nói trên.

(2) Trích Đáp từ trong buổi chiêu đãi của Tổng thống Ấn Độ Porasat.

(3) Trích Diễn văn tại cuộc mít tinh của nhân dân Delhi, Ấn Độ. Đầu đề hai đoạn trích này là do chúng tôi tạm đặt.

LỜI NÓI CHUYỆN TRƯỚC CÁC ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BOMBAY

(Trích)

... Chúng tôi rất sung sướng được các bạn đón tiếp nhiệt liệt. Hàng chục vạn nhân dân Bombay, từ các cụ phụ lão đến các cháu nhi đồng đã đứng chật các đường để chào mừng chúng tôi. Điều đó làm cho chúng tôi ghi nhớ mãi mối tình hữu nghị thắm thiết Việt - Ấn anh em.

Bombay là một thành phố rất quan trọng của nước Cộng hoà Ấn Độ, một trung tâm văn hoá, kỹ nghệ, khoa học. Lại là một cửa biển thông thương lớn.

Một điều nữa làm cho Bombay nổi tiếng trên thế giới, vì Bombay là quê hương của thánh Găngđi⁽¹⁾, người đã nêu cao đạo đức yêu nước, khắc khổ nhẫn nại, suốt đời hy sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho hoà bình.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 10/2/1958

*Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập
V, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960,
trang 46.*

(1) Xem chú thích ở bài *Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa*, phần II.

QUÊ HƯƠNG CỦA NHÀ ĐẠI VĂN HÒA ROVINDORANÁT TAGORO^(*)

Nhân dân Cancúttá và Bănggan đã góp phần xứng đáng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ, đã có nhiều vị anh hùng liệt sĩ và cũng đã anh dũng đấu tranh ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Bănggan còn là một trung tâm văn hoá của Ấn Độ, là quê hương của đại văn hào Rovindoranát Tagoro mà cả thế giới đều kính trọng ⁽¹⁾.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 13/2/1958

Báo *Nhân dân*, ngày 19/3/1958

(*) Trích lời phát biểu tại cuộc mít tinh trọng thể của nhân dân thành phố Cancúttá chào mừng Hồ Chủ tịch, ngày 13/2/1958. Đầu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

(1) *Rovindoranát Tagoro* (1861 - 1941): nhà thơ lớn Ấn Độ, một nghệ sĩ thiên tài, nhà triết học, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng. Tác phẩm của Tagoro gồm có 52 tập thơ, 47 vở kịch, 12 cuốn tiểu thuyết, hàng trăm truyện ngắn, diễn văn, bút ký, chính luận và rất nhiều bức họa, bản nhạc, lời ca.

NỀN VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT INDÔNÊXIA

... Tôi rất cảm ơn Trường đại học Pátgiagianan tặng cho bằng Bác sĩ luật danh dự và rất cảm động về những lời nói đầy tình hữu nghị của ông Giám đốc.

Vinh dự này không chỉ riêng cho cá nhân tôi, mà chung cho cả giới trí thức Việt Nam, cho cả nhân dân Việt Nam, nó biểu thị mối cảm tình khăng khít của giới trí thức và nhân dân Indônêxia đối với nhân dân Việt Nam chúng tôi.

Nhân dân Việt Nam từ lâu khâm phục nền văn hoá nghệ thuật tốt đẹp cổ truyền của nhân dân Indônêxia. Những công trình kiến trúc lịch sử, những điệu múa, điệu nhạc dân tộc, những thơ văn lưu truyền từ nghìn xưa của nhân dân Indônêxia làm cho ai nấy đến Indônêxia đều thêm lòng yêu mến văn hoá của Indônêxia. Bọn thực dân muốn kìm hãm nền văn hoá ấy nhưng nhân dân và những nhà trí thức Indônêxia đã anh dũng đấu tranh để bảo vệ nền văn hoá dân tộc của mình. Từ ngày Indônêxia giành lại độc lập, các nhà trí thức Indônêxia mà các vị giáo sư là những người tiêu biểu, đã ra sức làm cho nền văn hoá Indônêxia ngày càng phát triển mạnh mẽ ⁽¹⁾.

HỒ CHÍ MINH

Ngày 2/3/1959

*Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập
V, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960,
trang 182.*

(1) Đáp từ trong buổi lễ nhân bằng Bác sĩ luật danh dự ở trường Đại học Pátgiagianan, Băngđung (Indônêxia) trong dịp đoàn đại biểu Chính phủ ta do Hồ Chủ tịch dẫn đầu, sang thăm Indônêxia. Dấu đề đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt.

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY MẤT CỦA ĐẠI VĂN HẢO NGÀ L.N. TÔNXTÔI^(*)

Các đồng chí ban biên tập thân mến, các đồng chí yêu cầu tôi viết vài dòng nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày lễ Tônxtôi mất. Về việc này, tôi xin kể chuyện tôi trở thành người học trò của nhà văn Nga vĩ đại như thế nào. Câu chuyện có thể nói là kỳ lạ đầy nhĩ, nhưng đó quả là sự thật. Chuyện xảy ra thế này.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thợ sửa ảnh ở Pari. Hàng ngày tôi đi đến xưởng, chiều tối tôi tham gia các buổi họp của Đảng hoặc dự mít tinh của công nhân. Cuối ngày làm việc, tôi đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Một hôm, một bạn cùng nghề đưa cho tôi một cuốn truyện nhỏ của Tônxtôi. Tôi quên tên cuốn sách là gì. Từ đó đến nay, đã bốn mươi năm rồi còn gì. Song tôi rất nhớ nội dung cuốn tiểu thuyết. Đại ý như sau:

Một sĩ quan quý tộc Nga trẻ tuổi có một người vợ chưa cưới rất đẹp. Tất nhiên là họ rất yêu nhau. Một hôm, trong cuộc nhẩy, người vợ chưa cưới trẻ tuổi được giới thiệu với vua Nga. Vua Nga mê tít chị và bắt chị làm nhân tình của hắn. Anh sĩ quan trẻ tuổi rất đau đớn. Một bên là tình yêu đối với vợ chưa cưới, một bên là lòng trung quân đối với vua Nga. Rút cuộc, anh rời bỏ Xanh Pêtéc-bua và đi một nơi xa để khỏi phải nhìn vua Nga và người yêu⁽¹⁾.

Từ đó rút ra kết luận: Sự chỉ trích đạo đức phong kiến.

Cách viết của Tônxtôi rất giản dị, rõ ràng và dễ hiểu làm tôi rất thích. Tuổi trẻ thường bông bột, tôi nhẩy vùng dậy khỏi giường mặc dù mùa đông rất lạnh, nhất là trong căn phòng bé nhỏ của tôi lại không có lò sưởi. Tôi nói to:

“Viết một cuốn truyện ngắn chẳng có gì là khó. Mình cũng có thể viết được”. Ở Việt Nam chúng tôi, có câu tục ngữ “điếc không sợ súng”. Đúng là trường hợp của tôi. Sáng dậy tôi bắt đầu viết. Mỗi ngày tôi phải viết từ năm

(*) Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày mất của đại văn hào Nga L.N. Tônxtôi, Hồ Chủ tịch đã viết bài đăng trên báo *Văn học* (Liên Xô) ra ngày 19/11/1960.

Trên đây là nguyên văn bài ấy đã đăng trên Tạp chí *Văn nghệ* số tháng 12/1960.

(1) Căn cứ vào lời tóm tắt truyện do Hồ Chủ tịch kể lại, và điểm các truyện ngắn của L. Tônxtôi, chúng ta có thể đoán định rằng, Hồ Chủ tịch đã nói về truyện *Đức cha Xécghê* của L. Tônxtôi và Người chỉ thuật lại phần đầu của câu chuyện. Truyện *Đức cha Xécghê* của L. Tônxtôi đã được các nhà điện ảnh Liên Xô dựng thành cuốn phim cùng tên, và đã chiếu rộng rãi ở Việt Nam.

giờ đến sáu rưỡi sáng, là vì bây giờ tôi đã phải đi đến xưởng. Thường ngón tay tôi tê cứng lại. Sau một tuần lễ vất vả, tôi viết xong tác phẩm của mình. Tôi mang đến toà soạn báo *Nhân đạo* và nói với các đồng chí trong ban văn học: “Tôi rất sung sướng nếu bài viết của tôi được đăng, tuy các đồng chí đăng hay không đăng, nhưng dù thế nào thì cũng xin các đồng chí sửa lỗi tiếng Pháp cho tôi...”

Các đồng chí nghĩ xem tôi vui mừng xiết bao, khi mấy ngày sau, mở xem báo buổi sáng, tôi thấy có đăng tác phẩm của tôi, tác phẩm yêu quý của tôi⁽¹⁾. Niềm vui sướng của tôi còn lớn hơn nữa, khi toà soạn báo *Nhân đạo* giả cho tôi số tiền nhuận bút 50 phờrăng. Với số tiền đó tôi có thể sống 10 ngày không cần làm việc, tôi có thể dùng thời gian ấy để đọc sách. Hạnh phúc biết ngần nào.

Trong bài phóng sự của tôi, tôi kể những điều mắt thấy tai nghe trong khu phố tôi ở là khu phố nghèo khổ của những người thợ thuyền và những người thất nghiệp trong thành phố Pari lộng lẫy, giàu có. Thành công đầu tiên khuyến khích tôi viết những bài về tội ác của Chính phủ Pháp ở Việt Nam và ở những thuộc địa khác.

Và bây giờ, các đồng chí biên tập thân mến, các đồng chí có cho rằng tôi có quyền được nói tôi là người học trò nhỏ của nhà văn vĩ đại Tônxtôi không?

Xin gửi các đồng chí và bạn đọc của các đồng chí lời chào anh em.

HỒ CHÍ MINH

Năm 1960

Tạp chí *Văn nghệ* tháng 12/1960.

(1) Tức truyện ngắn *Pari* (*Nhân đạo* số ra ngày 30/5 và số ra ngày 31/5/1922).

GỬI HỌA SĨ PICÁTXÔ

Hà Nội, tháng 8/1961

Đồng chí Picátxô⁽¹⁾ thuộc vào những con người luôn luôn trẻ, bởi vì những người ấy sôi nổi trong tâm hồn một tình yêu say mê đối với cái Thiện, cái Mỹ, với Hoà bình và Nhân loại. Tình yêu ấy đã dẫn dắt Picátxô đến với chủ nghĩa Cộng sản, và vì thế họa sĩ mãi mãi giữ được tuổi xuân.

Con chim bồ câu hoà bình⁽²⁾ do Picátxô vẽ, rất quen thuộc đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân khắp trên thế giới, đã biểu hiện một cách rực rỡ lòng tin mãnh liệt của nhà nghệ sĩ lớn ấy vào sự vươn tới hoà bình không gì có thể ngăn cản nổi của nhân dân các dân tộc.

Tôi chúc đồng chí Picátxô luôn luôn mạnh khoẻ và sống lâu để sáng tác nghệ thuật phụng sự chính nghĩa.

HỒ CHÍ MINH

Năm 1961

Tạp chí *Phê bình mới* (Pháp), tháng 11/1961. Bản dịch: theo báo *Nhân dân và Văn nghệ*.

(1) Nhân dịp nhà danh họa Picátxô 80 tuổi, Hồ Chủ tịch gửi họa sĩ bức thư này. Bức thư viết bằng tiếng Pháp đăng trên tạp chí *Phê bình mới* (*La nouvelle critique*) số đặc biệt về Picátxô (tháng 11/1961).

- *Pablô Picátxô* (1881 - 1973): nhà danh họa và nhà hoạt động xã hội Tây Ban Nha, đầu thế kỷ 20 sang ở hân Pari (Pháp) cho đến lúc qua đời. Di sản đồ sộ mà Picátxô để lại sau hơn 80 năm lao động nghệ thuật kể từ bức họa đầu tiên thời thơ ấu gồm có: 15.000 bức tranh đủ các cỡ, 10.000 bản khắc in, bản đồng, bản đá, cao su... 34.000 minh họa, vài trăm pho tượng và một số nhiều không đếm xuể những bức phác thảo hình họa đồ gốm...

(2) Pablô Picátxô có cảm tình đặc biệt với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Ngoài những bức vẽ về con chim bồ câu hoà bình thế giới biết đến, riêng về Việt Nam, họa sĩ đã vẽ bức tranh Mừng nước Việt Nam dân chủ cộng hoà lập lại hoà bình (1954). Trong bức điện gửi đến Đại hội Ngày trí thức Pháp vì Việt Nam (23/3/1968), Pablô Picátxô viết: "Đối với chúng ta, những họa sĩ, nghề nghiệp của chúng ta là ở đây, trong chiến tranh và trong hoà bình. Hiển nhiên là tất cả nghệ thuật hiện đại đứng về phía Việt Nam... Hàng ngày hàng ngày đã bao năm nay, tôi khâm phục lòng dũng cảm phi thường của các bạn Việt Nam... Đây là dân tộc của những hiệp sĩ..." (báo *Nhân đạo*, số 25/3/1968).

VỀ TÁC PHẨM TÂY DU KÝ

Cuộc đi thăm hữu nghị của Bác và Đoàn⁽¹⁾ thế là kết thúc. Cả đi và về là 10.540 cây số trong 14 ngày. Em có xem truyện Tây du ký⁽²⁾, chắc em nhớ rằng đời nhà Đường (Trung Quốc) ông sư Huyền Trang sang Ấn Độ lấy kinh Phật cả đi và về mất 17 năm (từ năm 627 đến năm 644), dọc đường lại gặp nhiều yêu quý và lắm bước gian nan. Nhờ có Tề Thiên đại thánh mới thoát được mọi nguy hiểm. Ngày nay, đi từ Việt Nam hoặc Trung Quốc đến Ấn Độ chỉ mất một ngày. Khoa học đã chinh phục không gian và thời gian (...).

L.T.

Tháng 2/1958

Báo Nhân dân, tháng 3/1958

(1) Cuộc đi thăm hữu nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Ấn Độ và Miến Điện năm 1958.

(2) Tây Du Ký: tác phẩm nổi tiếng Trung Quốc và thế giới của Ngô Thừa Ân.

PHẦN III

THƠ

CÙNG BẠN ĐỌC

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài *Khai quyển* đã tỏ rõ ý mình:

Ngâm thơ ta vốn không ham.

Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây.

(bản dịch từ nguyên tác chữ Hán)

Và Người đã để lại tập *Nhật ký trong tù* có giá trị đặc sắc về nhiều phương diện, nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài. Người còn sáng tác nhiều bài thơ chữ Hán, chữ Việt trong những hoàn cảnh khác nhau, thời điểm khác nhau; khi là mẫu mực, cổ điển trong những cách tân hiện đại, khi lại giản dị, mộc thước, nồng na một cách nghệ thuật. Tất cả đều là dụng công, đều là điều luyện, đạt tới sự đối nghịch thống nhất trong văn phong, bút pháp nhuần nhuyễn đầy bản lĩnh. Một phong cách độc đáo, đa dạng, thơ “viết cứ như không”, xuất húng mà thành. Đối tượng nào, thơ ca ấy, một hoà quyện tuyệt vời tinh xảo và hài hoà giữa tính bác học và chất dân gian, giữa nâng cao và phổ cập, phổ cập một cách nghệ thuật, từng câu từng bài như đều được “thôi xao” mà chẳng lộ chút gì gọi là kỹ thuật, hình thức.

Tuyển tập văn học Hồ Chí Minh tập III, giới thiệu cùng bạn đọc trọn vẹn tác phẩm *Nhật ký trong tù* và một số trong những bài thơ chữ Việt, chữ Hán khác. Có lẽ đây là lần đầu tiên, thơ Hồ Chí Minh được sưu tập đầy đủ nhất từ các nguồn văn bản và lưu trữ đáng tin cậy, tất cả đều đã từng được công bố rải rác ở đây đó nay được tập trung lại, phần lớn đã được đối chiếu qua các dị bản từ các lần công bố khác nhau.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, danh nhân thế giới, nhà thơ lớn của dân tộc, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc *Tuyển*

tập văn học của Người bước đầu gồm ba phần.

Mặc dầu Nhà xuất bản đã hết sức thận trọng cố gắng trong công việc sưu tập, tuyển chọn, xong sự sơ suất chắc chắn không tránh khỏi, mong bạn đọc xa gần lượng tình tha thứ và bổ khuyết cho.

Xin trân trọng cảm ơn!

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

THƠ CHỮ VIỆT

LỮ HUY NGUYÊN
Sưu tầm, tuyển chọn

1. THƠ GỬI CỤ PHAN CHÂU TRINH^(*)

CHỌC giờ quấy nước tiêng ðùng ðùng,
Phải có kiên cương mới gọi hùng...
... Ba hột ðạn thâm hai tắc lưỡi,
Sao cho ích giống mấy cam lòng.

Khoảng 1913

Hy Mã⁽¹⁾ nghi bá ðại nhân thầu

Cuồng ðiệt⁽²⁾

Nguyễn Tất Thành

*Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà xuất
bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, trang 26.*

(*) Hồi này, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - 32 năm sau là Chủ tịch Hồ Chí Minh - ðang ở Luân ðôn làm nghề phụ bếp, còn cụ Phan Châu Trinh thì sống ở Pháp, nói lên khí phách, trách nhiệm, hành ðộng vì dân vì nước của người trí thức cách mạng trước thời cuộc và vận mệnh của giống nòi. Bài này và một số ít bài khác ðã in trong tập II, chúng tôi vẫn chọn in lại trong tập III, tập trung vào thơ ðể bạn ðọc có thể ðọc thơ Người trọn vẹn hơn.

(1) *Hy Mã* là tên hiệu của Phan Châu Trinh. Là một nhà yêu nước, Phan Châu Trinh bị Pháp kết án tử hình và ðẩy ra Côn ðảo. Nhờ Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, Phan Châu Trinh ðược tha, và ðể khỏi bị giam lỏng, Phan Châu Trinh cư trú ở Pháp vào tháng 4/1911. Mấy tháng sau ðấy, Hồ Chủ tịch (với tên gọi là Văn Ba) cũng sang Pháp rồi qua Anh (1913 - 1916).

(2) *Cuồng ðiệt*: Một cách nói khiêm nhường của người dưới đối với người trên như “văn sinh...”, “ngu ðệ... v.v....”

2. VIỆT NAM YÊU CẦU CA^(*)

Bằng nay gặp hội giao hoà⁽¹⁾
Muôn dân hèn yếu gần xa vui tình.
Cây rằng các nước Đồng minh,
Dem gươm công lý dứt tình dã man⁽²⁾
Một phen công bố rõ ràng,
Dân nào rồi cũng được trang bình quyền.
Việt Nam xưa cũng cai thiêng,
Mà nay đứng giới thuộc quyền Lang Sa⁽³⁾.
Lòng thành tỏ nỗi sứt sa⁽⁴⁾
Đem xin đại quốc soi qua chút nào!
Một xin tha kẻ đồng bào,
Vì chúng chính trị mắc vào tù giam.
Hai xin pháp luật sửa sang,
Người Tây người Việt hai phương cùng đồng⁽⁵⁾.
Những toà đặc biệt bắt công⁽⁶⁾,
Dám xin bỏ dứt rộng dung dân lành.
Ba xin rộng phép học hành,
Mở mang kỹ nghệ, tập tành công thương.

(*) *Việt Nam yêu cầu ca* là một tài liệu lịch sử và văn học quý về những hoạt động cách mạng ở Pháp của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Bài thơ viết trên truyền đơn này được tác giả trình bày dưới hình thức diễn ca, theo thể lục bát, thỉnh thoảng xen kẽ những câu song thất lục bát. Nội dung nói về tám yêu cầu của nhân dân Việt Nam mà Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã gửi tới Hội nghị hoà bình Vécxây năm 1919, và kêu gọi kiều bào cũng như đồng bào ta ở trong nước đấu tranh cho độc lập, tự do. Theo tài liệu của Sở cảnh sát Pháp thì trong tháng 9 - 1922, *Việt Nam yêu cầu ca* được phân phát rộng khắp trong giới binh sĩ Đông Dương đóng ở Mácxây. Lời diễn ca dùng những từ ngữ quen thuộc trong Việt kiều ở Pháp đầu những năm 20.

(1) *Hội giao hoà*: hội giao ước hoà bình.

(2) *Dứt tình dã man*: chấm dứt tình trạng dã man.

(3) *Đứng giới*: đứng vào loại, vào số những nước.

- *Lang Sa*: Nước Pháp.

(4) *Sứt sa*: xót xa.

(5) *Cùng đồng*: cùng ngang nhau.

(6) *Toà đặc biệt*: toà án đặc biệt do thực dân Pháp lập ra để xử những người Việt Nam yêu nước.

Bốn xin được phép hội đảng⁽¹⁾
 Năm xin nghĩ ngợi nói bản tự do.
 Sáu xin được phép lịch du⁽²⁾,
 Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình.
 Bảy xin hiến pháp ban hành,
 Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.
 Tám xin được cử nghị viên,
 Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ dân⁽³⁾.
 Tám điều cần tổ xa gần,
 Chung nhờ vạn quốc công dân xét tình.
 Riêng nhờ dân Pháp công bình,
 Dem lòng đoái lại của mình trong tay.
 Pháp dân nức tiếng xưa nay,
 Đồng bào, bác ái sánh tày không ai⁽⁴⁾!
 Nữ nào ngánh mặt ngơ tai,
 Để cho mấy ức triệu người bơ vơ.
 Dân Nam một dạ ước mơ,
 Lâu nay tiếng núp bóng nhờ tự do.
 Rộng xin dân Pháp xét cho,
 Trước phò tiếng nước, sau phò lẽ công⁽⁵⁾.
 Dịch mấy chữ quốc âm bày tỏ,
 Để đồng bào lớn nhỏ được hay.
 Hoà bình nay gặp hội này,
 Tôn sùng công lý, đoạ đầy (?) dã man⁽⁶⁾
 Nay gặp hội khải hoàn lữ hạ
 Tiếng vui mừng khắp cả đồng dân.
 Tây vui chắc đã mười phần,
 Lẽ nào Nam lại chịu thân tôi đòi.
 Hãy mở mắt mà soi cho rõ
 Nào Ai Lan, Ấn Độ, Cao Ly

(1) *Hội đảng*, ngữ là hai chữ “hội đoàn”. Cả câu có nghĩa là được phép tự do lập hội, lập đoàn thể.

(2) *Lịch du*: đi lại, du lịch.

(3) *Thổ dân*: Người dân bản địa.

(4) *Đồng bào*: dịch chữ “Fraternité” (tình đồng bào). Ba khẩu hiệu của Cách mạng tư sản Pháp (1789) sau được nêu lên như tiêu đề trong công văn của nước Pháp là “Liberté, Egalité, Fraternité”. Trước kia, người ta quen dịch là Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Có lẽ vì thấy chữ Bác ái chưa thực sự sát nghĩa, cho nên tác giả thêm hai chữ Đồng bào (?).

(5) *Phò*: giúp cho, làm lợi cho.

(6) *Đoạ đầy dã man*: ý nói loại trừ dã man. Ngờ rằng người sưu tầm chép lại hai chữ “đoạ đầy” chưa đúng với nguyên văn.

Xưa, hèn phải bước suy vi,
Nay, gần độc lập cũng vì dân khôn.
Hai mươi triệu quốc hồn Nam Việt,
Thế cuộc này phải biết mà lo.
Đồng bào, bình đẳng, tự do,
Xét mình rồi lại đem so mấy người.
Ngón ngang lời vắn ý dài,
Anh em đã thấu lòng này cho chưa.

NGUYỄN ÁI QUỐC
1922

Báo *Nhân dân*, số ra ngày 30/1/1977

3. TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO “VIỆT NAM HỒN”^(*)

(Trích)

O trong thế giới, ông nói tàu bay, việc lạ tin hay, ngày ngày thường có. Nào ai muốn rõ, phải có nhật trình. Minh ở gia đình, mắt soi vạn lý. Á, Âu, Úc, Mỹ, rút lại một tờ. Con trẻ đàn bà, ai ai cũng biết.

Mình người nước Việt, khách địa làm ăn. Chẳng đọc Hán văn, không xem Pháp tự. Việc đời hay dở, lành dữ mặc ai, tuy có mất tai, cũng không nghe thấy. Phận mình đã vậy, vận nước thế nào, anh chị đồng bào, có hay chẳng nhé! Cũng vì nghĩ thế, tôi muốn làm ra, một Báo tiếng ta, cho đồng bào đọc. Chẳng nài khó nhọc, dám kể công trình. Mong mỗi người mình, mở mày mở mặt.

Báo này sẽ đặt, tên *Việt Nam hồn*. Một tháng hai lần, mỗi lần trăm bản⁽¹⁾. Xin anh em bạn, ai có muốn coi, cắt gửi cho tôi, cái tao mãi chỉ.

Mấy lời chung thủy, thư bắt tận ngôn.

Chúc Việt Nam hồn

Vạn tuế, vạn vạn tuế!

(.....)

NGUYỄN ÁI QUỐC

Khoảng mùa xuân 1923

Tạp chí *Học tập*, Số 4/1975

(*) Nghĩ đến kiều bào ta ở Pháp rất đông, nhiều người trình độ văn hoá còn thấp, lại chưa có một tờ báo tiếng Việt để tuyên truyền, giáo dục, tinh thần quần chúng. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự định ra một tờ báo tiếng Việt lấy tên là *Việt Nam Hồn*. Tự tay Người viết tờ truyền đơn cổ động mua báo trên đây, và chính tay Người đi phát ở nhiều nơi trong các giới kiều bào ta ở Pari. Lời văn tờ truyền đơn rất mộc mạc, dễ hiểu, điêu luyện đến giản dị, thể văn cũng rất thích hợp với người Việt Nam ta thời bấy giờ; nay đọc lại vẫn thấy có nhiều sáng tạo trong bút pháp diễn đạt.

Tháng 6/1923, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô; từ đó cho đến giữa năm 1946 Người mới trở lại Pháp với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và là thượng khách của nước Pháp trong dịp Hội nghị Phôngtennôblô tiến hành tại Pari.

(1) Nếu không đủ một trăm người xem thì không thể làm được (Chú thích của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc).

4. QUỐC TẾ CA⁽¹⁾

(Dịch)

ĐIỆP KHÚC:

Trận này là trận cuối cùng
Âm ầm đoàn lực, ùng ùng đảng cơ,
Lanhternaxionalơ

ĐOẠN I:

Hỡi ai nô lệ trên đời!
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời này sẽ đổi ra,
Xưa kia con ở, nay là chủ ông!

ĐOẠN II:

Công nông ta có đảng ta,
Có nhờ ta mới có kho, có tài.
Trời sinh đất để cho người
Những đồ lười biếng thì mời đi đi.
Những đồ ăn xối ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay.
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung.

(1) *Quốc tế ca* được Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dịch lần đầu tiên ra tiếng Việt, hát theo điệu dân ca Việt Nam, đăng trên hai tờ báo bí mật, năm 1925: *Thanh niên* và *Công nông*.

ĐOẠN III:

Việc ta, ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời phật, chẳng nhờ thần linh
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thể đạo, kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do, bình đẳng vẹn tuyền cả hai,
Thứt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng!

1925

Thơ cách mạng (1925 - 1945) Nhà xuất
bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.
111 - 112.

5. BẦY LÂU MƠ NGỦ...⁽¹⁾

Bầy lâu mơ ngủ mãi chưa thôi!
Cách mệnh ồn ào khắp mọi nơi.
Này trông vẫn mình khua dậy đất
Kia chuông độc lập gõ vang trời!

1926

Báo *Thanh niên*⁽²⁾ Số ra ngày
10/10/1926

(1) Đầu đề bài thơ là do chúng tôi tạm đặt.

(2) Báo *Thanh niên* (do Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo) là cơ quan ngôn luận trung ương của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, tổ chức tiền thân của Đảng. Tờ báo làm nhiệm vụ tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Hội, đồng thời giải thích rõ thêm những vấn đề đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Báo được viết bằng tiếng Việt, ra hàng tuần số đầu tiên xuất bản vào tháng 6/1925. Đến tháng 4/1927, báo ra được tất cả 88 số. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc vừa là người phụ trách chủ chốt của tờ báo, vừa là người viết nhiều bài (hầu hết không ký tên). Người còn vẽ tranh châm biếm và viết những khẩu hiệu bằng chữ Hán cho báo. Báo *Thanh niên* nhằm đối tượng chủ yếu là công nhân và nhân dân lao động nước ta.

Tiếp tục sự nghiệp của báo *Người cùng khổ*, báo *Thanh niên* cùng với tác phẩm *Đường cách mệnh* đã góp phần quan trọng vào quá trình chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức để tiến hành thành lập Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. (Xin xem thêm Tập chí *Học tập*, số 3 năm 1973, bài của Thế Tập).

6. ĐÃ LÀM CÁCH MỆNH....⁽¹⁾

Đã làm cách mệnh chớ lỗi thôi,
Cách mệnh thì ta cách đến nơi.
Trước phải giành quyền cho cả nước,
Sau ra cách mệnh cả bầu giờ.

1926

Báo *Thanh niên*, số ra
ngày 10/10/1926.

(1) Đầu đề bài thơ là do chúng tôi tạm đặt.

7. BÀI CA TRẦN HUNG ĐẠO^(*)

(Trích)

... Diên Hồng thề trước thánh minh,
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành.
Nếu ai muốn đến giành đất Việt,
Đưa dân ta ra giết sạch trơn.
Một người Việt hãy đương còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà....

Khoảng 1928

Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1960, tr. 103.

(*) Ở Sa Côn (Thái Lan), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được kiều bào ta quen gọi là Thầu Chín (Thầu, tiếng Lào, để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính). Trong hồi ký của đồng chí Lê Mạnh Trinh. *Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm* (Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960) có ghi rõ: “Ở đây, Thầu Chín chú ý việc giáo dục cán bộ về công tác quần chúng... Thấy kiều bào hay lễ Đức Thánh Trần, Thầu Chín viết ra *Bài ca Trần Hưng Đạo*, được truyền bá một cách mau chóng và thần diệu. Chỉ một thời gian không lâu, Đức Thánh Trần đã trở lại là người anh hùng cứu quốc. Những “đệ tử của Ngài” (tức là những người mê tín đã không cần hiểu ý nghĩa thực của sự nghiệp Trần Hưng Đạo, mà đã thờ người anh hùng dân tộc như một vị thần của đạo giáo để trừ tà, chữa bệnh) cũng dần dần giác ngộ, làm hội viên của Hội Thân ái”

8. CÔ VƯỢNG KHUYÊN CHỒNG⁽¹⁾

Hợp tác nề có anh thợ Vượng,
Tay nghề hay, tính bướng cũng hay.
Những khi hội họp hằng ngày,
Nay thì nói đồng, mai rày đòi ra.
Chị hết lòng thiết tha khuyên bảo,
Không nghe còn táo bạo hành hung,
Rằng em chẳng phải nói nhăng,
Rằng em chỉ muốn anh bằng người ta.
Chị kiên nhẫn bầy ba kiên nhẫn,
Làm cho anh đổi giận sang hiền.
Anh nghe lời vợ anh khuyên,
Hội giao công việc anh chuyên cần làm.
Làm đúng đắn không tham lợi vật,
Nói như làm thẳng thắn phân minh.
Một người tính dữ hoá lành,
Cả Hội họp tác khen anh vô cùng.
Chuyện cô Vượng khuyên chồng kết quả,
Chị em đều hỉ hả mừng vui
Đặng lên mặt báo cùng coi,
Để rồi học tập, để rồi làm gương.

Xiêm, 1928

Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 36, Nhà
xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội,
1980, trang 504 - 505

(1) Bài thơ *Cô Vượng Khuyên Chồng* đã đăng trên báo *Thần ái*, một tờ báo của Hội Thần ái, do Việt kiều xuất bản ở Xiêm (Thái Lan) từ năm 1927. Bài thơ này do Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng tác trong thời gian Người sống trên đất Thái Lan từ mùa thu năm 1928. Chuyện nói trong thơ là chuyện thật. Người nghe kể lại, rồi làm thơ nêu gương trên mặt báo. (Tư liệu của Nguyễn Tài và Lê Khánh Soa).

9. THU VỢ GỬI CHỒNG^(*)

Ba bốn năm trời luống nhớ thương,
Nhớ chồng lưu lạc tại tha hương.
Tóc thề đã chấm ngang vai thiếp,
Lụy nhớ e chưa ráo mắt chàng.
Thù nước, thù nhà, chàng gắng trả,
Việc nhà, việc cửa, thiếp xin đương.
Bao giờ đuổi sạch quân thù địch.
Ta sẽ sum vầy ở cố hương.

Khoảng 1940

Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội,
1960, tr. 148

(*) Bài thơ rút trong hồi ký của đồng chí Vũ Anh: *Từ Côn Minh về Pác Bó* (*Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960). Trong hồi ký, tác giả ghi rõ: “Ở Vân Nam lúc đó có nhiều tờ báo. Có tờ của ta chỉ lấy tên là “DT”, hiểu là Đảng ta, Đấu tranh hay Đánh Tây cũng được. Báo in bằng kính như kiểu in đá. Anh Phùng Chí Kiên viết chữ trái. Tôi phụ trách in... Bác cũng tham gia viết bài... Một hôm Bác đưa cho “Toà báo” một bài thơ. Bác nói đùa: “Thơ này là thơ của vợ Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh - NBS) gửi ra đây”. Bài thơ đăng lên, các anh em hoạt động đều rất thích nghe, như có vợ nhắn nhủ mình thật”

10. BÀI SỞ ỨNG KHẨU Ở CHỈ THÔN^(*)

(Trích)

Nam mô Phật tổ Như lai,
Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây phương.
Trăm tầng áp bức thảm thương,
Thân gầy như củi, xác nhường thầy ma.
Đâu là phúc đảng hà sa?
Đâu là cõi Phật, đâu là cảnh Tiên?
Nam mô Bồ tát Thế tôn,
Tiếp dẫn linh hồn về Mạc Tư Khoa.
Đây là phúc đảng hà sa,
Đây là hạnh phúc, đây là thần tiên.

.....
Quân giặc Nhật thật là tàn ác,
Vừa rồi đây oanh tạc Pô Chai.
Kiêu bào mấy chục mạng người,
Thây tan thịt nát quê người thảm thê.
Khóc than cũng khôn bề cứu sống,
Phải vùng lên như đấng Thiên vương
Thù nhà nợ nước đôi đường,
Đã vì người chết, càng thương giống nòi.
Đừng tin vào số mệnh trời,

(*) Trong hồi ký của đồng chí Lê Tùng Sơn, *Bác Hồ với kiều bào* (Đầu nguồn, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1975), có đoạn ghi: “Giặc Nhật cho máy bay.... ném bom phá huỷ cầu xe lửa Pô Chai giữa lúc một đoàn tàu dài vừa lọt vào chính giữa cầu, gây nên tội ác khủng khiếp, làm chết và bị thương hàng trăm mạng dân thường... Trong đó có hai mươi Việt kiều... Cụ Trần (tức đồng chí Nguyễn Ái Quốc) lần lượt tới chia buồn, an ủi các gia đình... giữa khu tập thể công nhân có một ngôi đền... dành cho kiều bào đến cúng lễ... Trông coi ngôi đền... là ông tự Thanh... chỉ biết vỗ vế dăm ba chữ nho, tính nét lại lười biếng, hay rượu chè, nên bà con... không tin nhiệm. Lần này làm lễ cầu hồn, bà con nhất trí đòi ông tự phải đi mời bằng được Cụ Trần đến giúp lễ... Cụ Trần vui vẻ nhận lời ngay, và qua buổi lễ tìm cách giác ngộ bà con kiều bào”. Bài thơ trên ra đời trong hoàn cảnh ấy làm cho bà con tham dự lễ vô cùng xúc động. “Người nào người ấy đều cảm thấy lòng mình bị thôi thúc, giục giã, cần phải đứng ngay dậy, cần phải bắt tay hành động”

Chỉ Thôn thuộc huyện Mông Tự, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc

Mà do quân Nhật giết người gây nên.
Hồn ơi, hồn có linh thiêng!
Hãy cùng người sống báo đền nước non.
Người còn thì nước phải còn.

.....

Khoảng đầu hè 1940

Đầu nguồn, Nhà xuất bản Văn học Hà
Nội, 1975. Tr. 406

11. PÁC BỐ HÙNG VĨ

Non xa xa, nước xa xa,
Nào phải thênh thang mới gọi là.
Đây suối Lênin, kia núi Mác⁽¹⁾,
Hai tay xây dựng một sơn hà.

Tháng 2/1941

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970. Tr. 9

(1) *Suối Lênin, núi Mác*: ở gần hang Cốc Bó (thuộc Pác Bó, Hà Quảng, Cao Bằng) có con suối và một ngọn núi cao kề bên. Khi Đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước (ngày 8/2/1941) đến ở hang này, Người đã đặt tên con suối là suối Lênin, và đặt tên cho ngọn núi là núi Mác (tức Các Mác).

Cốc Bó: tiếng Tày có nghĩa là gốc nước, còn *Pác Bó* là *miệng nguồn*.

12. TỨC CẢNH PÁC BÓ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang⁽¹⁾,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng⁽²⁾.
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng⁽³⁾,
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2/1941

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
Học, Hà Nội, 1970. Tr. 10.

(1) *Hang*: hang Cốc Bó (Xem chú thích bài *Pác Bó hùng vĩ*)

(2) *Cháo bẹ*: cháo ngô.

(3) Hồi ở Pác Bó, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* ra tiếng Việt, làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng. Người thường ngồi làm việc ở cái bàn đá chỉ cách mép nước dòng suối Lenin mấy bước chân. Theo các đồng chí hoạt động cách mạng ở Pác Bó hồi đó, bài thơ này được tác giả viết bằng than trên vách đá của hang Cốc Bó. Về sau, Người đã xoá bài thơ đó, vì để khi bị lộ phải rời hang, địch lùng sục cũng không tìm ra dấu vết cơ quan.

13. HOAN NGHÊNH THANH NIÊN HỌC QUÂN SỰ^(*)

Nước ta mất đã lâu rồi,
Đồng bào cực khổ, suốt đời gian nan,
Suốt đời chịu kiếp lầm than,
Sưu cao thuế nặng, cơ hàn xót xa!
Vì ai tan cửa nát nhà,
Chồng lìa vợ, con lìa cha tôi bởi?
Vì ai non nước rã rời,
Giống nòi sỉ nhục chơi vơi thế này?
Vì giặc Nhật, vì giặc Tây!
Thanh niên ta phải thế này gay go.
Học hành không được tự do,
Học cho mù tối, học cho ngu hèn!
Mấy năm cặm cùi sách đèn,
Học rồi cũng bỏ, tốn tiền như không.
Muốn làm cũng chẳng có công,
Ông tham “san rât”⁽¹⁾ thầy thông “bù dù”⁽²⁾
Những người không muốn si ngu,
Người giam Hà Nội, kẻ tù Sơn La!
Nước Nam là nước Nam ta,
Vì ai đến nỗi xót xa thế này?

*

Muốn đánh Nhật, muốn đánh Tây,
Thanh niên ta phải ra đây học hành.

(*) Tư liệu của Vũ Anh và Lê Khánh Soa.

(1) *San rât* (sale race), tiếng Pháp có nghĩa là nòi giống bán thú.

(2) *Bù dù* (bouzou): tiếng Pháp có nghĩa là con khỉ. Trong câu này tác giả ngụ ý rằng những người làm công chức cho Pháp, bề ngoài hãnh diện là được làm ông tham, ông phán, ông thông; nhưng mà bên trong thì nhục nhã, thường bị chủ Tây mắng là “san rât”, là “bù dù”.

Một là học việc nhà binh,
Hai là học biết tình hình người ta.
Thanh niên là chủ nước nhà,
Phải cho oanh liệt mới là thanh niên.
Gan phải to, chí phải bền,
Không sợ khổ, không sợ phiền mới nên.
Anh em đoàn kết vững bền,
Phải nghiêm kỷ luật, phải chuyên tập tành.
Dối đoàn thể, phải trung thành,
Phải dũng cảm, phải hy sinh mới là.
Ở trong, phải rất thuận hoà,
Ra ngoài, phải nhớ mình là người Nam.
Phải siêng học, phải siêng làm,
Chớ cam thua bạn, không cam kém người.
Người siêng một, mình siêng mười,
Đừng cho thiên hạ chê cười thanh niên.
Mai sau học nghiệp vẹn tuyền,
Đánh Tây đuổi Nhật, giành quyền tự do.
Sự nghiệp này là rất to,
Thanh niên ta phải gắng lo, mới thành!
Việt Nam độc lập đồng minh,
Mấy lời thành thực hoan nghênh học trò!

Tháng 7/1941

*Tổng tập Văn học Việt Nam, Tập 36,
Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội,
1980, tr. 547 - 548*

14. KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO “VIỆT NAM ĐỘC LẬP”

Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt,
Làm dân ta như điếc, như mù.
Làm ta dở dại, dở ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo “Độc lập” hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai.
Cho ta biết đó biết đây,
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian.
Cho ta biết kết đoàn tổ chức,
Cho ta hay sức lực của ta.
Cho ta biết chuyện gần xa,
Cho ta biết nước non ta là gì.
Ai không chịu ngu si mù tối
Ắt phải xem báo ấy mới nên.
Giúp cho báo ấy vững bền,
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời!

1941

Báo *Việt Nam độc lập*, số 101
(tức số 1), ngày 1/8/1941

* Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh (tháng 5/1941), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định cho xuất bản một tờ báo lấy tên là *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt lập*. Báo *Việt Nam độc lập*, cơ quan tuyên truyền của Việt Minh Cao - Bắc - Lạng, do Người sáng lập và chỉ đạo trực tiếp. Số đầu tiên (đánh số 101) ra ngày 1/8/1941 tại khu rừng Khuổi Nặm (Pắc Bó Cao Bằng).

Dù bận rộn công việc lãnh đạo phong trào cách mạng, Người vẫn quan tâm đặc biệt đến tờ báo, trực tiếp chỉ đạo, duyệt bài, viết bài, vẽ tranh, đôi khi còn làm cả việc lấy tin, in báo. Nhiều thơ ca của Người trong giai đoạn 1941 - 1942 đã in lần đầu tiên trên báo này, và đều không ký tên. Những bài của Người đã in ở báo *Việt Nam độc lập* mà chúng tôi giới thiệu trong tập này vì vậy cũng không ghi bút danh. Báo *Việt Nam độc lập* tính đến ngày 30/9/1945 đã ra được 129 số. Từ tháng 8/1942 cho đến tháng 5/1945, báo *Việt Nam độc lập* do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách.

Về tờ báo *Việt Nam độc lập* do Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập, hồi ký của đồng chí Võ Nguyên Giáp ghi: “Gọi là ra báo, nhưng chỉ là một phiến đá, một hộp mực. Tuy nhỏ bé, đơn giản, thô nhưng tác dụng của báo lại rất to lớn, tờ báo *Việt lập* đã là người cán bộ tuyên truyền, tổ chức, đấu tranh gây ảnh hưởng cách mạng thật mau chóng... (Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 188).

15. THƠ PHỤ ĐỀ TRANH CỔ ĐỘNG BÁO “VIỆT NAM ĐỘC LẬP”

Việt Nam độc lập thổi kèn loa,
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già,
Đoàn kết vững bền như khối sắt,
Đề cùng nhau cứu nước Nam ta!^(*)

1941

Báo *Việt Nam độc lập*, Số 103 (số 3),
ngày 21/8/1941.

(*) Bốn câu thơ này được Đồng chí Nguyễn Ái Quốc in làm phụ đề cho bức tranh cổ động báo *Việt Nam độc lập*. Bức tranh hoàn toàn do xếp chữ mà thành. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sử dụng ngay số nét của bốn chữ tên tờ báo (*Việt Nam độc lập*) để vẽ thành một người Việt Nam đang sức thanh niên cường tráng. Người đó đầu đội nón (đầu của chữ ô), tay cầm cờ đỏ sao vàng, mồm thổi kèn loa (chữ D được cách điệu thành cái kèn) cổ động đồng bào cùng nhau đứng lên “cứu nước Nam ta”

16. MƯỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH^(*)

Việt Nam độc lập đồng minh,
Có bản Chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền.
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân.
Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân,
Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền.
Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Hợp hành, đi lại có quyền tự do.
Nông dân có ruộng, có bò,
Đủ ăn, đủ mặc, khỏi lo cơ hàn,
Công nhân làm lụng gian nan,
Tiền lương phải đủ, mỗi ban tám giờ.
Gặp khi tai nạn bất ngờ
Thuốc thang Chính phủ bấy giờ giúp cho.
Thương nhân buôn nhỏ bán to,
Môn bài thuế ấy bỏ cho phí nguyên.

(*) Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra đời, phát cao cờ đỏ sao vàng, kêu gọi toàn dân đánh Pháp đuổi Nhật, cứu nước, cứu nhà, kêu gọi toàn thể người dân lấy phần đầu, tự cường, tự lực cánh sinh, vì “việc giải phóng của ta phải do ta làm lấy”. Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 đã giới thiệu những nội dung chủ yếu của chương trình Việt Minh. Sau đó, ngày 25/10/1941, Tổng bộ Việt Minh lại cụ thể hoá chương trình đó để phổ biến trong nhân dân.

Theo *Những sự kiện lịch sử Đảng* (tập 1, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 516), ta biết rõ: dựa theo chương trình Việt Minh, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã sáng tác một bài thơ dài, gồm 212 câu được Bộ Tuyên truyền Việt Minh xuất bản thành sách và giới thiệu rộng rãi. Về Mặt trận Việt Minh và chương trình của nó, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Cái tên Việt Nam độc lập đồng minh rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng của toàn dân, thêm vào đó chương trình giản đơn, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể... Vì thế mà Việt Minh được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh, và cũng do cán bộ rất cố gắng đi sát với dân, cho nên Việt Minh phát triển mau và rất mạnh” (*Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 47). Đoạn trích trên đây là một phần của bài thơ dài 212 câu ấy.

Nào là những kẻ chức viên,
Cái lương đãi ngộ cho yên tâm lòng.
Binh lính giữ nước có công,
Được dân trọng đãi, hết lòng kính yêu.
Thanh niên có trường học nhiều,
Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nhô.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền cho ăn.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy.
Muốn làm đạt mục đích này,
Chúng ta trước phải ra tay kết đoàn.
Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh Hội có muôn vàn hội viên
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có Hội Việt Minh
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Rồi ra sự nghiệp hoàn thành
Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

Năm 1941

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 14

17. DÂN CÀY

Thương ôi! Những bạn dân cày,
Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao.
Lại còn thuê nặng sưu cao,
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.
Dân ta không có ruộng cày,
Bao nhiêu đất tốt về tay đồn điền.
Lại còn phu dịch, tuần phiên,
Làm chết xác, được đồng tiền nào đâu!
Thân người chẳng khác thân trâu,
Cái phần no ấm có đâu đến mình.
Muốn phá sạch nổi bất bình,
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào.
Để cùng toàn quốc đồng bào,
Đánh Pháp, Nhật, gây phong trào tự do.
Dịp này là dịp trời cho,
Lo cứu nước tức là lo cứu mình.
Mai sau thực hiện Chương trình⁽¹⁾:
Nông dân có đủ ruộng mình làm ăn.⁽²⁾

Năm 1941

Báo *Việt Nam độc lập*, số 103 (số 3),
ngày 21/8/1941. *Hồ Chí Minh : Thơ*,
Nhà xuất bản, Văn học, Hà Nội, 1970,
tr. 17 - 18.

(1) Chương trình ở đây nhắc đến tức là Chương trình của Mặt trận Việt Minh.

(2) Trên báo *Việt Nam độc lập*, câu này là: “Việt Nam nông dân tất canh kỳ điền” Chủ thích dưới trang: nghĩa là theo chương trình Việt Minh, nông dân ai cũng có ruộng cày.

18. PHỤ NỮ

Việt Nam phụ nữ đời đời,
Nhiều người vì nước, vì nòi hy sinh.
Ngàn thu vang tiếng bà Trưng,
Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.
Bà Triệu Ấu thật anh hùng,
Cưỡi voi đánh giặc, vẫy vùng bốn phương.
Mấy năm cách mạng khẩn trương,
Chị em phụ nữ thường thường tham gia.
Mấy phen tranh đấu xông pha,
Lòng vàng gan sắt nào đà kém ai?
Kìa như chị Nguyễn Minh Khai,
Bị làm án tử đến hai ba lần⁽¹⁾.
Bây giờ cơ hội đã gần,
Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân, cứu nhà.
Chị em cả trẻ lẫn già,
Cùng nhau đoàn kết để mà đấu tranh.
Đua nhau vào Hội Việt Minh,
Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên.
Làm cho thiên hạ biết tên,
Làm cho rõ mặt cháu Tiên, con Rồng.

Năm 1941

Báo *Việt Nam độc lập*, Số 104 (số 4),
ngày 1/9/1941.

(1) *Án tử*: cách gọi tắt của án tử hình, tức là án chết.

19. KÊU GỌI THIẾU NHI

Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.
 Chẳng may vận nước gian nan,
Trẻ em cũng phải lâm than cực lòng.
 Học hành, giáo dục đã không,
Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.
 Sức còn yếu, tuổi còn thơ,
Mà đã khó nhọc cũng như người già.
 Có khi lia mẹ, lia cha,
Để làm tôi tớ người ta bên ngoài.
 Vì ai nên nỗi thế này?
Vì giặc Nhật, vì giặc Tây bạo tàn!
 Khiến ta nước mất, nhà tan,
Trẻ em cũng bị cơ hàn xót xa.
 Vậy nên trẻ em nước ta,
Phải đoàn kết lại để mà đấu tranh!
 Người lớn cứu nước đã đành,
Trẻ em cũng góp phần mình một tay.
 Bao giờ đuổi hết Nhật, Tây,
Trẻ em ta sẽ là bấy con cưng.

Năm 1941

Báo *Việt Nam độc lập*, Số 106 (số 6),
ngày 21/9/1941

20. CÔNG NHÂN

Thành ai đắp, lầu ai xây?
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng?
Bao nhiêu cửa cải kho tàng,
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?
Công nhân sức mạnh nghề quen,
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách áo xơ,
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm.
Lại còn đánh chửi tàn phiến,
Cúp lương⁽¹⁾ tháng trước, phạt tiền hôm qua.
Càng nghĩ lại càng xót xa,
Vì ta mất nước, mà ta phải hèn.
Để cho Pháp, Nhật lộng quyền,
Thằng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra,
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.
Cùng nhau vào Hội Việt Minh,
Ra tay tranh đấu hy sinh mới là.
Bao giờ khôi phục nước nhà,
Của ta ta giữ, công ta ta làm.

Năm 1941

Báo Việt Minh độc lập, Số 108 (số 8),
ngày 11/10/1941

(1) Cúp (từ chữ Pháp: couper) nghĩa là cắt. Cúp lương: cắt lương.

21. CA BINH LÍNH

Hai tay cầm khẩu súng dài,
Ngắm đi ngắm lại, bắn ai thế này?
Bắn vào quân Nhật, quân Tây,
Lũ cướp nước, lũ đoạ đầy dân ta:
Lũ không yêu trẻ, kính già,
Lũ cướp đất, lũ đốt nhà xông xao,
Lũ đòi sưu nặng, thuế cao,
Lũ đi vợ vét đồng bào Việt Nam
Bắn được chúng, chết cũng cam,
Vì mình dù chết, nước Nam vẫn còn!
Hay vì chút lợi cón con,
Cái bằng cứu phẩm, cái lon đội nhì
Nhắm vào cách mạng bắn đi,
Quân chi nhân nghĩa, quân chi giống nòi!
Anh em binh lính ta ơi!
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam.
Việc chi lợi nước thì làm,
Cứu dân, cứu quốc há cam kém người?
Trong tay đã sẵn súng này,
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành.
Tiếng thom sẽ tạc sử xanh:
“Việt binh cứu quốc”! rạng danh muôn đời!

Năm 1941

Báo *Việt Nam độc lập*, số 110 (số 10),
ngày 1/11/1941

22. THƠ VỢ GỬI CHỒNG ĐI LÀM CÁCH MẠNG^(*)

Anh hỡi anh, chồng hỡi chồng,
Từ ngày ly biệt thiếp nay trông mai chờ.
Cha già mẹ yếu con thơ,
Nuôi già dạy trẻ em cậy nhờ vào đâu?
Đói no bữa cháo bữa rau,
Tuy lao khổ em dám đâu phản nản.
Đêm khuya em tự hỏi han,
Vì ai ta phải lìa tan thế này?

Anh nguyên có tội tình gì?
Mà nay cũng phải bắt đi ở tù?
Vì anh muốn chống kẻ thù,
Vì anh lo nước mất, dân ngu, nòi hèn.
Vì anh tranh đấu mấy phen,
Vì anh mong giải phóng cho cháu Tiên, con Rồng.
Em xin anh chớ phiền lòng,
Em tuy hèn yếu quyết thay chồng tranh đấu đến nơi.
Đoàn thể có ức triệu người,
Ra tay chèo chống cuộc đời nước ta.
Mai sau anh trở lại nhà,
Ánh trăng càng tỏ màu hoa càng nồng.

Năm 1941

Uống nước nhớ nguồn,
Nhà xuất bản Quân đội nhân dân,
Hà Nội, 1973, tr. 89.

(*) *Thơ vợ gửi chồng đi làm cách mạng* có ghi lại trong tập hồi ký *Uống nước nhớ nguồn*. Hồi ký ghi rõ: “Để giúp chúng tôi dễ nhớ phương hướng, nội dung tuyên truyền, Bác làm một tập thơ 30 bài. Mỗi bài nhằm tuyên truyền một đối tượng. Chúng tôi đi tuyên truyền đối tượng nào, phải học thuộc lòng bài nói về đối tượng ấy. Bác cấm ngặt mang tài liệu trong người, vì tài liệu lọt vào tay địch thì sẽ gây rất nhiều phiền phức cho tổ chức, mà người mang tài liệu có khi còn bị chúng chặt đầu ngay tại chỗ. Bác khuyến khích chúng tôi học thuộc càng nhiều càng tốt; ai thuộc cả 30 bài thì được Bác thưởng. Có cả bài *Động viên những người vợ có chồng đi làm cách mạng*.”

23. CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Tháng ngày thấm thoát chóng như thời,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới:
Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi;
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!
Chúc Việt Minh ta càng tấn tới,
Chúc toàn quốc ta trong năm nay,
Cờ đỏ sao vàng bay phấp phới!
Năm nay là năm rất vẻ vang,
Cách mệnh thành công khắp thế giới.

1942

Báo *Việt Nam độc lập*, Số 114 (số 14),
ngày 1/1/1942

24. CA ĐỘI TỰ VỆ^(*)

I

Guom giáo ta,
Dem mài đi!
Mài cho bén,
Mài cho sắc.
Nhật ta đâm,
Tây ta chặt.

II

Sắp hàng ra!
Xung phong lên!
Người ta đông,
Sức ta bền.
Việc giải phóng,
Nhất định nên.

Báo Việt Nam độc lập, Số 117 (số 17),
ngày 1/2/1942.

(*) *Lời dẫn của tác giả về cách hát:* “Chia người làm hai tổ. Bốn câu trên, tổ A hát trước, hát giọng cao (nếu có phụ nữ thì phụ nữ là tổ A); tổ B hát giọng thấp theo sau. Những chữ *bén, sắc, đông, bền* phải hát như *bé - ền, sắc - ắc, đông - ông, bền - ền*.

Hai câu sau cùng ở mỗi đoạn thì cả tổ đều hát với nhau. Chữ chặt và chữ nên phải hát rất mạnh.
Ví dụ:

Tổ A hát: *Guom giáo ta*

Tổ B hát: *Guom giáo ta*

25. CẢNH RỪNG PÁC BÓ^(*)

(Trích)

Non xanh xanh nước xanh xanh,
Trong rừng xanh có mấy danh Võ hầu⁽¹⁾.
Chung quanh xanh ngắt một màu,
Hoa chen lá phủ, trên đầu bóng cây.
Chim từng lũ, thú từng bầy,
Thú kêu inh ỏi, chim bay là là.
Giọng khe róc rách dưới nhà,
Bên tường cảnh vẽ bức hoa bên mình.
Đêm khuya chồn cáo mò rình...

Năm 1942

Đầu nguồn, Nhà xuất bản Văn học Hà
Nội, 1975, tr. 139

(*) Trong tập hồi ký *Đầu nguồn* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1975) có ghi một bài thơ tả cảnh rừng Pác Bó. Trên đây là đoạn thơ ghi trong tập hồi ký đó.

(1) *Võ hầu*: Tức Võ Hương Hầu, tước phong của Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh, tướng giỏi đời Tam Quốc, làm Thừa tướng và là một mưu thần đời Thục Hán. Hai chữ *Võ hầu* thường được dùng để tượng trưng cho người có chí khí và có lòng trung thành với quốc gia.

26. ĐỊA DƯ NƯỚC TA^(*)

(Trích)

Dân ta phải biết nước ta,
Một là yêu nước, hai là trí tri⁽¹⁾.
Hai mươi bảy tỉnh Bắc Kỳ,
Sáu tỉnh thì ở biên thủy Trung Hoa.
Lai Châu, Lào Cai không xa.
Hà Giang kẻ đó bước qua Cao Bằng.
Lạng Sơn một tỉnh vắt ngang,
Xuống gần miền bể rõ ràng Mông Cay
(Moncay)

Gần bể mấy tỉnh đẹp thay,
Quảng Yên nhiều cá không tày Kiến An.
Thái Bình từ đó đi sang,
Năm mươi cây số bước sang Ninh Bình.
Hạ du mấy tỉnh xinh xinh,
Nam Định, Phủ Lý đi quanh Hưng Yên.
Hải Dương, Hà Đông gần miền,
Đi qua Hà Nội đến liền Bắc Ninh.
Bắc Giang non nước hữu tình,
Đi quanh trở lại là thành Sơn Tây.
Phúc Yên cũng ở gần đây,
Vĩnh Yên, Phú Thọ xưa nay kề liền.
Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên,
Đi lên Bắc Cạn là miền thượng du.

(*) Để bồi dưỡng lòng yêu nước và nâng cao sự hiểu biết về địa dư nước ta cho quần chúng cách mạng, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã soạn một bài diễn ca dài với nhan đề: *Địa dư nước ta*. Bài diễn ca này có phần mở đầu, tiếp theo là địa dư từng tỉnh, như Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Vĩnh Yên, Thái Bình, Sơn Tây, Hà Nam, Lai Châu v.v... mỗi tỉnh một bài. Cuối cùng là phần kết luận. Đọc tập hồi ký *Được gặp Bác* (Nhà xuất bản Dân tộc, Việt Bắc, 1970), ta biết thêm: Người "đã soạn riêng 28 bài địa dư của 28 tỉnh Bắc Kỳ bằng văn vần để quần chúng dễ thuộc, dễ nhớ". Trong các đoạn diễn ca này, tất cả những số liệu về số tỉnh, diện tích, số người, số lượng và tên các dân tộc, tên các địa phương v. v... đều là số liệu và tên gọi của thời kỳ trước năm 1945.

Trên đây là trích đoạn phần mở đầu của bài diễn ca.

(1) *Trí tri*: Suy xét cho thấu đến cùng điều mà mình cần biết.

Sơn La xa cách mịt mù,
Theo sông Đà xuống, vào khu Hoà Bình.
Hải Phòng cửa bể xinh xinh,
Thuyền bè đi lại linh đình bán buôn,
Mười một vạn rươi đậm vuông,
Nhân dân thì có tám hơn triệu người.

*

Trung Kỳ một dải đất dài,
Bên đông biển rộng, bên đông biển xanh.
Thanh Hoá phong cảnh đẹp xinh,
Nghệ An, Hà Tĩnh tục danh Lam Hồng.
Quảng Bình, Quảng Trị vào trong,
Thừa Thiên có Huế cũng không xa gì.
Quảng Nam, Quảng Ngãi gần kề,
Muốn vào Bình Định đi về cũng mau.
Phủ Yên trước, Khánh Hoà sau,
Người ta thường gọi Sông Cầu Nha Trang.
Ninh Thuận tỉnh lỵ Phan Giang,
Bình Thuận, Phan Thiết gọi thường sử (?) nhau⁽¹⁾.
Mười ba tỉnh ấy trung châu,
Lại còn năm tỉnh thượng du cũng gần:
Đi từ cửa bể Quy Nhơn,
Bảy mươi cây số đến phần Gia Lai.
Kông Tum tiếp giáp tỉnh này,
Qua Ban Mê Thuột một ngày tới nơi.
Muốn tìm mát mẻ thanh thoi,
Thì qua Đà Lạt mà chơi cũng gần.
Đường theo sườn núi xoay vần,
Di Linh đi xuống nóng dần tăng lên.
Ấy mười tám tỉnh dưới trên,
Còn ba hải cảng kể tên sau này:
Quy Nhơn, Đà Nẵng là hai,
Nhưng mà tốt nhất mai ngày: Cam Ranh⁽²⁾

(1) *Sử nhau*: chưa rõ chữ “sử” nghĩa là gì. Theo chúng tôi thì câu này có thể có nghĩa là: Bình Thuận và Phan Thiết là hai tên thường quen dùng để gọi thay cho nhau (Bình Thuận là tên tỉnh còn Phan Thiết là tên tỉnh lỵ tỉnh Bình Thuận).

(2) Ngụ ý rằng sau này, với nước Việt Nam độc lập thì cảng Cam Ranh có vị trí rất trọng yếu, rất có lợi cho dân tộc ta.

Nước non non nước hữu tình,
Trung Kỳ sáu triệu dân sinh còn thừa.

*

Vào Nam thì đến Biên Hoà,
Rời qua Gia Định cũng là xinh xinh.
Thủ Dầu Một đến Tây Ninh,
Đi xuống Bà Rịa gần quanh Tây An.
Mỹ Tho, Gò Công một đảng,
Bến Tre, Sa Đéc đồng hàng Vĩnh Long.
Châu Đốc địa thế nhiều sông,
Hà Tiên gần bể giáp đồng Long Xuyên.
Cần Thơ, Rạch Giá giáp miền,
Sóc Trăng đi xuống cạnh liền Bạc Liêu.
Cà Mau gần bể, cá nhiều,
Nam Kỳ mấy tỉnh thương yêu một nhà.
Sài Gòn, Chợ Lớn phồn hoa,
Đều là lãnh thổ nước nhà Việt Nam.

*Tổng tập văn học Việt Nam, tập 36 Nhà
xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội,
1980, tr. 566 - 569.*

27. LỊCH SỬ NƯỚC TA

(Từ năm 2979 trước Công Nguyên đến năm 1942)^(*)

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ anh em thuận hoà.

*
* *

Hồng Bàng là tổ tiên ta,
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con Phù Đổng tiếng vang muôn đời.

Tuổi tuy chưa đến chín mươi,
Ra tay cứu nước diệt loài vô lương⁽¹⁾
An Dương Vương⁽²⁾ thế Hùng Vương,
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.

Nước Tàu cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam.
Quân Tàu nhiều kẻ tham lam,
Dân ta há dễ chịu làm tôi người?

(*) Để giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân, phát huy lòng tự hào về lịch sử vẻ vang của dân tộc, đồng viên toàn dân đoàn kết và tham gia Mặt trận Việt Minh làm cách mạng, giành độc lập cho Tổ quốc. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong thời gian hoạt động ở Cao Bằng đã sáng tác bài diễn ca dài: *Lịch sử nước ta*, theo thể thơ lục bát, gồm 210 câu, và một băng ghi "những năm quan trọng" kèm theo, xuất bản và phát xuống cơ sở vào tháng 2/1942. Nội dung chủ yếu của *Lịch sử nước ta* là ca ngợi những trang sử vẻ vang của dân tộc ta suốt từ thời Hồng Bàng dựng nước đến năm 1942, tức là năm tác phẩm ra đời.

Lịch sử nước ta có giá trị đặc biệt đáng về phương diện sử học. Lần đầu tiên lịch sử được đánh giá theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

(1) *Loài vô lương*: Chỉ giặc Ân (trong truyện Thanh Gươm tức Phù Đổng Thiên Vương).

(2) *An Dương Vương*: Thực Phán dựng nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương.

Hai Bà Trưng⁽¹⁾ có đại tài,
 Phát cờ khởi nghĩa giết người tà gian⁽²⁾
 Ra tay khôi phục giang san,
 Tiếng thơm dài tạc đá vàng nước ta.
 Tỉnh Thanh Hoá có một bà,
 Tên là Triệu Ẩu⁽³⁾ tuổi vừa đôi mươi.
 Tài năng dũng cảm hơn người,
 Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phương⁽⁴⁾.
 Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
 Đánh đông, dẹp bắc làm gương để đời.
 Kể gần sáu trăm năm trời,
 Ta không đoàn kết bị người tỉnh thôn⁽⁵⁾
 Anh hùng thay! Ông Lý Bôn⁽⁶⁾
 Tài kiêm văn võ sức hơn muôn người.
 Đánh Tàu đuổi giặc ra ngoài,
 Lập nên triều Lý sáu mươi năm liền.
 Vì Lý Phật Tử ngu hèn,
 Để cho Tàu lại xâm quyền nước ta.
 Thương dân cực khổ xót xa,
 Ông Mai Hắc Đế⁽⁷⁾ đứng ra đánh Tàu.
 Vì dân đoàn kết chưa sâu,
 Cho nên thất bại trước sau mấy lần.

*

(1) *Hai Bà Trưng*: Trưng Trắc và Trưng Nhị, hai chị em ruột, con quan Lạc tướng Mê Linh tức là vùng Hạ Lôi (An Lão, ngoại thành Hà Nội ngày nay). Tháng 3 năm 40, hai Bà phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát, đánh thắng bọn thống trị nhà Đông Hán, lên ngôi phủ định cái quyền “bình thiên hạ” của đế chế Hán.

(2) *Người tà gian*: chỉ Tô Định và Mã Viện, bọn xâm lược nhà Hán.

(3) *Triệu Ẩu*: tên của Triệu Thị Trinh, quê miền núi Nưa, Triệu Sơn, Thanh Hoá. Năm 248, Triệu Ẩu lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, tiến công bọn quan lại nhà Ngô.

(4) *Lưu phương*: để lại tiếng thơm

(5) *Tỉnh thôn*: còn nói thôn tính, có nghĩa là chiếm mất, nuốt mất.

(6) *Lý Bôn*: tức Lý Bí, quê ở Long Hương (có lẽ là thuộc vùng Vĩnh Phú ngày nay), sau khi dẹp xong giặc Lương, xưng là Lý Nam Đế, lấy tên là Vạn Xuân, việc Lý Bí xưng đế và đặt niên hiệu riêng, là sự phủ định ngang nhiên quyền làm “chủ toàn thiên hạ” của “hoàng đế” phương Bắc, vạch rõ sơn hà, cương vực, và là sự khẳng định dứt khoát rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc độc lập, là chủ nhân của đất nước và vận mệnh của mình.

(7) *Mai Hắc Đế*: tức Mai Thúc Loan, xuất thân nông dân, người anh hùng châu Hoan. Ông người đen, nổi tiếng giỏi võ, đã cầm đầu nghĩa quân chống lại ách đô hộ của nhà Đường. Ông xưng đế và đóng kinh đô ở thành Vạn An (thuộc Nghệ Tĩnh).

Ngô Quyền quê ở Đường Lâm⁽¹⁾,
 Cứu dân thoát khỏi cát lăm ngàn năm.
 Đến hồi Thập nhị sứ quân,
 Bốn phương loạn lạc muôn dân cơ hàn.
 Động Hoa Lư cõi Tiên Hoàng⁽²⁾,
 Nổi lên gây dựng triều đình họ Đinh.
 Ra tài kiện thiết kinh dinh,
 Đến vua Phế Đế chỉ kinh⁽³⁾ hai đời.
 Lê Đại Hành⁽⁴⁾ nổi lên ngôi,
 Đánh tan quân Tống, đuổi lui Chiêm Thành.
 Vì con bạo ngược⁽⁵⁾ hoành hành,
 Ra đời thì đã tan tành nghiệp vương.
 Công Uẩn là kẻ phi thường⁽⁶⁾,
 Dựng lên nhà Lý cầm quyền nước ta.
 Mở mang văn hoá nước nhà,
 Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
 Lý Thường Kiệt⁽⁷⁾ là hiền thần,
 Đuổi quân nhà Tống, phá quân Chiêm Thành.
 Tuổi già phỉ chí công danh,
 Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
 Họ Lý truyền được chín đời,
 Hai trăm mười sáu năm giờ là tan.

*

Nhà Trần⁽⁸⁾ thống trị giang san,
 Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài.

(1) *Đường Lâm*: thuộc tỉnh Sơn Tây cũ. Ngô Quyền (899 - 944), người cùng quê với Phùng Hưng. Tên tuổi Ngô Quyền gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng.

(2) *Tiên Hoàng*: chỉ Đinh Bộ Lĩnh tức Đinh Tiên Hoàng, người đã nêu cao ngọn cờ thống nhất quốc gia (dẹp loạn Mười hai sứ quân), và có công hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đó.

(3) *Kinh*: Trách qua

(4) *Lê Đại Hành*: tức Lê Hoàn, người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống giành chiến thắng có ý nghĩa lớn, giữ vững nền độc lập.

(5) *Vì con bạo ngược*: chỉ Lê Long Đĩnh, đời vua thứ hai và cuối cùng của nhà Tiền Lê.

(6) *Công Uẩn*: Lý Công Uẩn. Người châu Cổ Pháp, Bắc Giang. Lật đổ Lê Ngọa Triều, lên ngôi vua, lập ra triều Lý. Năm 1010 dời đô về Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay.

(7) *Lý Thường Kiệt* (1019 - 1105): quê phường Thái Hoà (Hà Nội), giữ chức Phụ quốc Thái úy đời Lý Nhân Tông. Ông là tác giả bài thơ bất hủ *Nam quốc sơn hà...* và là người đã đánh tan mưu đồ xâm lược của nhà Tống đối với nước ta (tháng 3/1077).

(8) *Nhà Trần*: ngày 10 tháng giêng năm 1226, do sự bố trí của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng đã tuyên bố nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông). Nhà Trần bắt đầu từ đây.

Quân Nguyên binh giỏi tướng tài,
Đánh đâu được đấy đông dài Á, Âu.
Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly⁽¹⁾, lấy nước Tàu bao la,
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thủy.

Hải quân theo bể kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như nen⁽²⁾
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm hợp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông Trần Hưng Đạo⁽³⁾ cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang.
Mênh mông một dải Bạch Đằng,
Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh.
Hai lần đại phá Nguyên binh,
Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quang Toản⁽⁴⁾ là trẻ có tài,
Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền
Mấy lần đánh thắng quân Nguyên,
Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
Thật là một đấng anh hùng,
Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo.

Đời Lê⁽⁵⁾ văn giỏi võ nhiều,
Người dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.
Mười hai đời được hiển vinh,
Đền Trần Phế Đế nước mình suy vi.

(1) Cao Ly: tức Triều Tiên.

(2) Nen trong bản in lần thứ hai sửa thành *nen*

(3) Trần Hưng Đạo: tức Trần Quốc Tuấn, tác giả bài *Hịch tướng sĩ*. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn được phong làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh toàn bộ quân đội. Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1287 - 1288), tên tuổi ông gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy.

(4) Quang Toản: trong bản in lần thứ hai sửa thành *Quốc Toản*.

Quốc Toản: tức Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản. Khi nhà Nguyên xâm lược nước ta, mới 15 tuổi, nên Trần Quốc Toản không được tham dự Hội nghị Bình Than bàn việc giết giặc, cứu nước. Cậu bé uất ức, bóp nát quả cam đang cầm trong tay lúc nào không biết. Sau đó, cậu tập hợp binh mã, cùng cha anh đánh giặc, trở thành một tướng tài, lập nhiều chiến công.

(5) Đời Lê: trong bản in lần thứ hai sửa thành *đời Trần*.

*

Cha con nhà Hồ Quý Ly,
Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên,
Tình hình trong nước không yên,
Tàu qua xâm chiếm giữ quyền mấy lâu⁽¹⁾.
Bao nhiêu cửa cải trên châu,
Chúng vơ vét chở về Tàu sạch trơn.

*

Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn⁽²⁾,
Mặc dầu tướng ít binh đơn không nản.
Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm an ngựa⁽⁴⁾ Bắc, Nam ngang tàng.
Kia Tuý Động⁽⁵⁾, nọ Chi Lăng,
Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
Mười năm sự nghiệp hoàn thành,
Nước ta thoát khỏi cái vảnh nguy nan,
Vì dân hăng hái kết đoàn,
Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.
Vua hiền có Lê Thánh Tông⁽⁶⁾,
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.

*

(1) Lúc này là đời Minh Thành Tổ. Ngày 19/11/1406, quân Minh bắt đầu vượt biên giới tiến vào nước ta. Năm 1407, họ Hồ để mất nước về tay nhà Minh.

(2) *Khởi nghĩa Lam Sơn*: năm 1416 tại núi rừng Lam Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hoá), Lê Lợi cùng 18 người bạn chiến đấu thân tín nhất làm lễ tuyên thệ, một lòng sống chết vì sự nghiệp đuổi giặc, cứu nước đặt cơ sở đầu tiên cho việc tổ chức cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Lê Lợi sinh ngày 10/9/1385, trong một gia đình "đời đời làm quận trưởng một phương" (*Văn bia Vĩnh Lăng*), có uy tín và ảnh hưởng rộng lớn ở vùng Thanh Hoá. Sau 10 năm chiến đấu bền bỉ, gian khổ và ngoan cường, Lê Lợi đã cùng với Nguyễn Trãi (sinh năm 1380 tại kinh thành Thăng Long), lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi, đánh đuổi giặc Minh ra khỏi đất nước. Ngày 3 tháng giêng năm 1428, những bóng dáng cuối cùng của quân xâm lược nhà Minh bị quét sạch ra khỏi cõi bờ nước ta.

(4) *An ngựa*: trong bản in lần thứ hai là *yên ngựa*.

(5) *Tuý Động*: tức là Tốt Động thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Tây ngày nay, nơi diễn ra một trong những trận chiến thắng oanh liệt của nghĩa quân Lam Sơn.

(6) Vào đầu đời Lê, chế độ phong kiến tập quyền đã trải qua những bước phát triển mạnh mẽ, nhất là vào nửa sau thế kỷ XV dưới triều Lê Thánh Tông (1460 - 1497).

Trăm năm truyền đến Cung Hoàng,
Mạc Đăng Dung đã hoành hành chiếm ngôi⁽¹⁾.

Bấy giờ trong nước lồi thối,
Lê nam, Mạc bắc⁽²⁾ rạch đôi san hà.

Bảy mươi năm vạn can qua⁽³⁾
Cuối đời mười sáu⁽⁴⁾ Mạc đã suy vi.

Từ đời mười sáu trở đi,
Vua Lê, Chúa Trịnh chia vì khá lâu⁽⁵⁾
Nguyễn nam, Trịnh bắc đánh nhau⁽⁶⁾
Thấy dân cực khổ mà đau đớn lòng.

*

Dân gian có kẻ anh hùng,
Anh em Nguyễn Nhạc⁽⁷⁾ nổi vùng Tây Sơn.
Đóng đô ở đất Quy Nhơn,
Đánh tan Trịnh Nguyễn cứu dân đảo huyện⁽⁸⁾
Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị vương.
Nguyễn Huệ là kẻ phi thường,
Mấy lần đánh đuổi giặc Xiêm, giặc Tàu⁽⁹⁾

(1), (2) Chỉ thời cát cứ Trịnh - Mạc, Trịnh - Nguyễn, nhân dân bị nhận chìm trong cuộc nội chiến liên miên, kéo dài từ thế kỷ XVI qua thế kỷ XVIII.

(3) *Cau qua*: mộc và giáo, tức chỉ chiến tranh.

(4) *Đời mười sáu*: thế kỷ 16.

(5) *Chia vì*: chia nhau quyền vị. Từ cuối thế kỷ XVI, sau khi thắng được nhà Mạc, họ Trịnh vẫn phải giữ nghĩa tôn Lê, nhưng trong thực tế đã nắm toàn bộ chính quyền. Ngôi vua thuộc về họ Lê chỉ là hư vị. Ngôi chúa thuộc về họ Trịnh mới có thực quyền.

(6) Xem chú thích ở đoạn trên.

(7) *Anh em Nguyễn Nhạc*: tức là ba người Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ.

(8) *Đảo huyện*: bị treo ngược. Cứu dân đảo huyện: cứu dân đang bị treo ngược.

(9) Ngày 17/12/1788, quân Thanh được bọn bán nước Lê Chiêu Thống đưa đường, đánh chiếm Thăng Long. Ngày 21/12/1788, tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, thống lĩnh đại quân tiến ra Bắc. Tại trấn doanh Nghệ An, Quang Trung tổ chức một cuộc duyệt binh lớn cổ vũ quân sĩ trước khi vào trận quyết chiến thắng quân thù. Ngày 30 tháng giêng năm 1/89 (mồng năm tháng giêng Kỷ Dậu), 20 vạn quân xâm lược Mãn Thanh bị quân và dân ta quét sạch ra khỏi đất nước ta. "Từ một lãnh tụ nông dân kiệt xuất nhất, Quang Trung - Nguyễn Huệ đã trở thành một anh hùng dân tộc vĩ đại, một thiên tài quân sự, một danh tướng trăm trận trăm thắng" (*Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội, 1971, tr. 357).

Ông đà trí cả mưu cao,
 Dân ta lại biết cùng nhau một lòng
 Cho nên Tàu đâu làm hung,
 Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.
 Tướng Tây Sơn có một bà,
 Bui là nguyên họ, tên là Thị Xuân⁽¹⁾.
 Tay bà thống đốc ba quân,
 Đánh hơn mấy trận, địch nhân liệt là.
 Gia Long⁽²⁾ lại dấy can qua,
 Bị Tây Sơn đuổi chạy ra nước ngoài.
 Tự mình đã chẳng có tài,
 Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
 Nước ta mất nước thể này,
 Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà

Khác gì công rắn cắn gà,
 Rước voi dấy mả, thiệt là ngu si!
 Từ năm Tân Hợi trở đi,
 Tây đà gây chuyện thị phi⁽³⁾ với mình.
 Vây mà vua chúa triều đình,
 Khư khư cứ tưởng là mình khôn ngoan
 Nay ta nước mất nhà tan,
 Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.
 Năm Tự Đức thập nhất niên,
 Nam kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.
 Hăm năm năm sau trận này,
 Trung kỳ cũng mất, Bắc kỳ cũng tan!

(1) *Bùi Thị Xuân*: một nữ tướng danh tiếng của nhà Tây Sơn, vợ của Thiều phó Trần Quang Diệu.

(2) *Gia Long*: tức Nguyễn Anh, con cháu chúa Nguyễn ở Đàng trong trước đây, dựa vào sự ủng hộ của giai cấp địa chủ trong nước và chủ nghĩa tư bản nước ngoài để phát triển lực lượng. Từ năm 1790, Gia Long đã bắt đầu đánh phá vào phạm vi cai quản của Nguyễn Lữ.

Sau khi Nguyễn Huệ chết, nhà Tây Sơn bắt đầu thoái hoá và có sự lục đục trong nội bộ. Lợi dụng thời cơ ấy, Nguyễn Anh đánh chiếm được cả miền Nam từ bình thuận trở vào. Nhưng cũng phải hàng chục năm, Nguyễn Anh mới chiếm được Thuận Hoá; và mãi đến tháng 7/1802, Nguyễn Anh mới chiếm được Thăng Long.

(3) *Thị phi*: phải và trái. Nhà Nguyễn đã phải nhiều lần tranh biện phải trái với giặc Pháp, vì, chúng giải thích hiệp ước Vécxây năm 1789 một cách sai trái và có lợi cho chúng, nhằm hợp pháp hoá việc xâm lược nước ta. Chúng liên tiếp cử sứ thần sang thương thuyết, đe dọa nhiều lần, lại cho chiến hạm kéo đến thị uy, và đến tháng 7/1857 quyết đánh Việt Nam.

Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua họ Nguyễn đem hàng cho Tây!
Tội kia càng đắp càng đầy,
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng!

*

Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạn cùng tuyết sương!
Hoàng Diệu với Nguyễn Tri Phương,
Cùng thành còn mất làm gương để đời⁽¹⁾.
Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lầy lùm:
Trung Kỳ đảng Phan Đình Phùng,
Ra tay đánh Pháp, vây vùng một phương.
Mấy năm ra sức Cần vương⁽²⁾,
Bọn ông Tân Thuật⁽³⁾ nổi đường Hưng Yên.
Giang sơn độc lập một miền,
Ông Hoàng Hoa Thám đất Yên tung hoành⁽⁴⁾.
Anh em khổ đỏ, khổ xanh,
Mưu khởi nghĩa tại Hà thành năm xưa⁽⁵⁾.

(1) Năm 1873, giặc Pháp đánh thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương là Trấn thủ Hà Nội lúc bấy giờ, chống cự quyết liệt, sau bị thương rồi bị bắt. Giặc băng bó vết thương cho ông, nhưng ông không chịu để cho chữa, rồi nhịn ăn mà chết. Năm 1882, giặc Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai, chúng gửi tối hậu thư đòi Tổng đốc Hà Nội bấy giờ là Hoàng Diệu phải nộp thành. Chẳng cần đợi trả lời, chúng đánh luôn. Hoàng Diệu chống cự không nổi tuy đã chuẩn bị chu đáo, và anh dũng chiến đấu. Thành mất, Hoàng Diệu thất cố tự tử, thà chết mà giữ được tiết tháo chứ không chịu sống mà phải đầu hàng quân giặc.

(2) *Cần vương*: tháng 7/1885, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra sơn phòng tỉnh Quảng Trị, xây dựng căn cứ kháng chiến chống giặc, thảo *Hịch Cần vương* kêu gọi nhân dân giúp vua, cứu nước. Một phong trào chống Pháp, gọi là phong trào Cần vương, rầm rộ nổ ra khắp Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Mặc dù đến năm 1888, vua Hàm Nghi bị địch bắt, nhưng phong trào vẫn tiếp diễn cho đến cuối thế kỷ XIX.

(3) *Tân Thuật*: tức Nguyễn Thiện Thuật, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1889), cuộc khởi nghĩa lớn nhất ở đồng bằng Bắc Bộ lúc đó.

(4) *Hoàng Hoa Thám*: cũng gọi là *Đề Thám* (1864 - 1913), một nông dân đã tham gia nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1888, ông tham gia nghĩa quân Đề Kiêu. Về sau ông kế nghiệp Đề Kiêu, lập căn cứ địa ở Yên Thế (Hà Bắc ngày nay). Dũng cảm, có tài quân sự, rất được lòng dân, ông là lãnh tụ nổi tiếng của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1885 - 1913). Năm 1913, ông bị bọn phản bội ám hại, phong trào khởi nghĩa bị dập tắt. Phong trào Yên Thế với chiến thuật du kích của nông dân, có tính chất nhân dân nhiều hơn các cuộc khởi nghĩa khác cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Đất Yên nói trong câu thơ trên là chỉ đất Yên Thế.

(5) Cuối năm 1907, Nghĩa Hưng, một tổ chức bí mật của Hoàng Hoa Thám, chuẩn bị khởi nghĩa cướp thành Hà Nội, vận động một số binh lính, bồi bếp ta, đầu độc binh lính Pháp. Việc bại lộ, giặc Pháp khủng bố, xử án chém những người tham gia vụ đầu độc.

Tỉnh Thái Nguyên với Sầm Nưa,
Kế nhau khởi nghĩa, rồi chưa được toàn.
Kia Yên Bái, nọ Nghệ An,
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.
Nam Kỳ im lặng bấy lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây⁽¹⁾.
Bắc Sơn⁽²⁾ đó, Đô Lương đây⁽³⁾
Kéo cờ khởi nghĩa, đánh Tây bạo tàn.

*

Xét trong lịch sử Việt Nam,
Dân ta vốn cũng về vang anh hùng.
Nhiều phen đánh bắc dẹp đông,
Oanh oanh liệt liệt con Rồng, cháu Tiên.
Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
Vì ta chỉ biết lo yên một mình.
Để người dè nén, xem khinh,
Để người bóc lột, ra tình tôi người!
Bây giờ Pháp mất nước rồi⁽⁴⁾,
Không đủ sức, không đủ người trị ta.
Giặc Nhật Bản thì mới qua,
Cái nền thống trị chưa ra mối manh.
Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà⁽⁵⁾, Anh,
Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rã⁽⁶⁾.
Ấy là dịp tốt cho ta,
Nổi lên khôi phục nước nhà tổ tông.
Người chúng ít, người mình đông,
Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên!
Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.

(1) Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra ngày 23/11/1940 theo kế hoạch của Xứ uỷ Lâm Kỳ.

(2) Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bắt đầu nổ ra đúng tám giờ tối ngày 27/9/1940 do đảng bộ Đảng Cộng sản ở Bắc Sơn lãnh đạo.

(3) Cuộc nổi dậy của Đội Cung ở Đô Lương (1941) đã giết được tên đồn Pháp. Sau đó Đội Cung kéo quân về Nghệ An toan mở rộng căn cứ. Ông bị bắt và hy sinh.

(4) Nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng trong Đại chiến thế giới lần thứ hai.

(5) Hà: Hà Lan

(6) Chỉ cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương do Nhật khởi phát (1941 - 1945), một bộ phận của đại chiến thế giới thứ hai.

Bất kỳ nam nữ nghèo giàu,
 Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.
 Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
 Cùng nhau giành lấy chủ quyền của ta.
 Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
 Dân ta có Hội Việt Minh,
 Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.

 Mai sau sự nghiệp hoàn thành,
 Rõ tên Nam Việt, rạng danh Lạc Hồng.
 Dân ta xin nhớ chữ đồng:
 Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

Đầu năm 1942

NHỮNG NĂM QUAN TRỌNG

	Năm
Hồng Bàng - trước lịch Tây ⁽¹⁾	- 2879 (?)
Tàu lấy nước ta lần đầu	- 111
Hai Bà Trưng đánh Tàu - sau lịch Tây ⁽²⁾	40
Bà Triệu Ấu khởi nghĩa	248
Vua Lý đánh Tàu	544
Tàu lấy nước ta	603
Vua Ngô Khởi nghĩa	938
Đời vua Đinh 12 năm	kể từ 968
Đời vua Tiền Lê 29 năm	kể từ 981
Đời vua Hậu Lý 215 năm	kể từ 1010
Lý Thường Kiệt đánh Tàu	1076 - 1077
Đời vua Trần 175 năm	kể từ 1225
Trần Hưng Đạo đánh Tàu	1285 - 1287
Tàu lấy nước ta	1407
Vua Lê khởi nghĩa	1417
Đời vua Hậu Lê 360 năm	kể từ 1428
Vua Lê, chúa Trịnh	kể từ 1545
Đời vua Tây Sơn 24 năm	kể từ 1771

(1), (2) *Trước lịch Tây*: tức là trước Công Nguyên, theo quy ước có dấu trừ (-) ở trước số chỉ năm. Sau lịch Tây tức là sau Công Nguyên

Vua Nguyễn Huệ đánh Tàu	1789
Gia Long thông với Tây	1794
Tây bắt đầu đánh nước ta	1857
Vua nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây	1862
Ông Đề Thám khởi nghĩa	1889
Ông Phan Đình Phùng khởi nghĩa	1893
Trung Kỳ khởi nghĩa	1915-1916
Thái Nguyên khởi nghĩa	1917
Yên Bái và Nghệ An khởi nghĩa	1930
Bắc Sơn và Đô Lương khởi nghĩa	1940
Nam Kỳ khởi nghĩa	1941
Việt Nam độc lập	1945 ⁽¹⁾

Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản,
tháng 2/1942.

(1) Dự kiến được tương lai mà lịch sử sẽ phải trải qua trong quá trình đó tìm được đường lối đúng, từ năm 1942. Người đã dự đoán thiên tài: *Việt Nam độc lập 1945*. Ba năm sau, lời tiên tri ấy đã thành sự thật lịch sử với cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 hoàn toàn thắng lợi, dẫn đến việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

28. CA SỢI CHỈ

Mẹ tôi là một đoá hoa,
Thân tôi trong sạch, tôi là cái bông.
Xưa tôi yếu ớt vô cùng,
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời.
Khi tôi đã thành *chỉ* rồi,
Cũng còn yếu lắm, ăn ngồi không ngon.
Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khuôn thiêng biết có vương tròn cho chẳng?
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chỉ anh chỉ xoàng!
Nhờ tôi có nhiều đồng bang,
Hợp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều.
Dệt nên tấm vải mỹ miều,
Dã bền hơn lụa, lại điều⁽¹⁾ hơn da.
Đố ai bút xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.

*

Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh Hội ấy mau mau tìm vào.

Báo *Việt Nam độc lập*, Số 122 (số 22),
ngày 1/4/1942

(1) *Điều*, có nghĩa là được tiếng (chú thích của tác giả).

29. HÒN ĐÁ^(*)

Hòn đá to,
Hòn đá nặng.
Chỉ một người,
Nhắc khôngặng.

Hòn đá nặng,
Hòn đá bền,
Chỉ ít người,
Nhắc không lên.

Hòn đá to,
Hòn đá nặng,
Nhiều người nhắc,
Nhắc lênặng.

Biết đồng sức,
Biết đồng lòng.
Việc gì khó,
Làm cũng xong,

Đánh Pháp, Nhật.
Giành tự do
Là việc khó,
Là việc to.

Nếu chúng ta
Biết đồng lòng
Thì việc đó
Quyết thành công.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 123 (số 23),
ngày 21/4/1942.

(*) Thơ phụ đề tranh cổ động. Khi đăng trên báo *Việt Nam độc lập* vốn không có dấu đề. Dấu đề trên đây in trên sách *Hồ Chí Minh - Thơ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, trang 36.

30. CON CÁO VÀ TỔ ONG

Tổ ong lũng lảng trên cành,
Trong đầy mật nhộng, ngon lành lắm thay!
Cáo già nhè nhẹ lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho dòn.
Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta.
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi.

Ong kia yêu giống, yêu nòi,
Đồng tâm, hiệp lực đuổi loài cáo đi.
Bây giờ ta thử so bì,
Ong còn đoàn kết, huống chi là người.
Nhật, Tây áp bức giống nòi,
Ta nên đoàn kết để đòi tự do.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 130 (số 30),
ngày 1/7/1942

31. TẶNG THỐNG CHẾ PÊTANH⁽¹⁾

Vận mệnh Lang Sa⁽²⁾ lúc chẳng lành,
Pêtanh lão tướng hoá hôi tanh.
Cúi đầu, quỳ gối, hàng quân Đức,
Trợn mắt, nhả mày, chửi nước Anh.
Bán nước lại còn khoe cứu nước,
Ô danh mà muốn được thơm danh.
Già mà như chú, già thêm đại,
Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 131 (số 31),
ngày 11/7/1942

(1) *Pêtanh (Pétain)*: Quốc trưởng bù nhìn Pháp sau ngày Pháp thua Đức, 25/6/1940. Đầu hàng phát xít Đức, dâng nước Pháp cho kẻ thù, nhưng hãnh lại khoe mẽ là cứu quốc(!). Dưới thời Pêtanh, ở nước ta, bọn Thực dân Pháp bắt các báo chí của ta phải in ảnh và “danh ngôn” của Pêtanh.

(2) *Lang Sa*: có lúc gọi là *Phủ Lang Sa* theo cách phiên âm Hán Việt hồi thế kỷ XIX, từ chữ Pháp Frăngxơ (France), có nghĩa là nước Pháp. Chữ Pháp này gọi tắt cách phiên âm về sau của chữ France; Pháp Lan Tây, một cách phiên âm gần đây hơn.

32. NHÓM LỬA

Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa,
Biết bao nhiêu là sự khó khăn?
Chỉ điu hiu một mấy gió xuân,
Cũng lo sợ lửa khi tắt mất.
Nghỉ ngút khói, mặc dầu thổi quạt,
Che một bên lại tạt một bên.
Khi lửa đã chắc chắn bén lên,
Thì mưa gió chi chi cũng cháy.
Mưa lún phún, lửa càng nóng nẩy,
Gió càng cao, ngọn lửa càng cao.
Núi rừng đều bén cháy ào ào,
Lửa nung đỏ cả trời sáng toé.

*

Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, vua quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Song khi cách mạng đã vững chân,
Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như toà núi lửa,
Sẽ âm ỉ như ngọn thủy triều,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lên cờ độc lập, tự do!

Báo *Việt Nam độc lập*, số 133 (số 33),
ngày 1/8/1942

33. TẶNG TOÀN QUYỀN ĐỒ CU⁽¹⁾

Non nước Rộng Tiên rõ mịt mù,
Lợi quyền phó mặc bố thắng cu⁽²⁾
Đối dân Việt Nam thì lên mặt,
Gặp bọn Phù Tang, chí đội khu⁽³⁾.
Về Pháp, không cơm, e chết đói,
Ở đây, hút máu, béo nì nu.
Cũng như thống chế Pêtanh vậy,
Chú cứ cu cù được mãi ru!⁽⁴⁾

Báo *Việt Nam độc lập*, số 134 (số 34),
ngày 11/8/1942.

(1) *Đồ cu* (*Decoux*): Thuỷ sư đô đốc, làm Toàn quyền Đông Dương từ 30/8/1940. Tên này đã dâng nước ta cho Nhật và bị Nhật đảo chính tổng giam ngày 9/3/1945.

(2), (4) *Bố thắng cu*, *cu cù*: nhại âm thứ hai của tên gọi Toàn quyền Đông Dương. *Bố thắng cu* tức chỉ Đồcu. *Cu cù* là tiếng chim gáy kêu, ý nói Đồcu hót nịnh (Nhật) để được yên thân.

(3) *Phù Tang*: tên khác để chỉ nước Nhật.

Đội khu: khu, theo tiếng địa phương miền Trung có nghĩa là mông dít. *Đội khu* có nghĩa là đội dít, ý nói Toàn quyền Đồcu phải khuất phục Nhật, đội khu Nhật.

34. CHƠI TRĂNG

Gặp tuần trăng sáng, dạo chơi trăng,
Sẵn nhả vài câu hỏi chị Hằng:
“Non nước tôi bởi sao vậy nhỉ?
Nhân dân cực khổ biết hay chẳng?
Khi nào đây⁽¹⁾ được quân anh dừng,
Để dẹp cho tan bọn nhố nhăng?
Nam Việt bao giờ thì giải phóng?
Nói cho nghe thử, hỡi cô Hằng?”

*

Trăng rằng: “Tôi kính trả lời ông,
Tôi đã từng soi khắp núi sông.
Muốn biết tự do chầy hoặc chóng,
Thì xem tổ chức khắp⁽²⁾ hay không.
Nước nhà giành lại nhờ gan sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng.
Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi,
Tức là cách mạng chóng thành công”

Báo *Việt Nam độc lập*, số 135 (số 35),
ngày 21/8/1942

(1) *Đây*: nổi dậy, làm cho nổi dậy, với ý nghĩa là làm bùng lên mạnh mẽ.

(2) *Tổ chức khắp*: ý nói tổ chức của cách mạng mở rộng khắp nơi.

35. BÀI CA DU KÍCH

Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Già nào,
Trẻ nào,
Linh nào,
Dân nào,
Đàn ông nào,
Đàn bà nào!
Kẻ có súng dùng súng,
Kẻ có dao dùng dao;
Kẻ có cuốc dùng cuốc,
Người có cào dùng cào.
Thấy Tây cứ chém phứa,
Thấy Nhật cứ chặt nhào.
Chúng nhiều là mấy vạn,
Mình mấy triệu đồng bào.
Chúng đường xa mỗi mệt,
Mình “dĩ dật đãi lao”⁽¹⁾.
Làm cho chúng mòn mỏi,
Làm cho chúng tiêu hao.
Chúng nhất định thất bại,
Mình sức càng dồi dào.
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Du kích ngày càng mạnh,
Du kích ngày càng cao.
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...

1942

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 42.

(1) *Dĩ dật đãi lao*: lấy cái ung dung (do chỗ ở gần, ở tại chỗ) mà đánh kẻ mệt mỏi (do chỗ từ xa vất vả mà đến).

36. TRẺ CHĂN TRÂU

Trên đồi cỏ mọc xanh xanh,
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa.
Trâu bò lũ bảy, lũ ba,
Ven đồi chen chúc bụi già, cỏ non.
Chăn trâu mấy trẻ con con,
Cùng nhau xướng hát véo von trên gò:
“Vì ai ta chẳng ăm no?
Vì ai ta đã phải lo cơ hàn?
Vì ai cha mẹ nghèo nàn?
Vì ai nhà cửa, giang san tan tành?
Vì ai ngăn cấm học hành?
Vì ai ta phải chịu đánh đốt ngầy?

- Ấy là vì Nhật, vì Tây,
Ra tay vợ vét, đoạ dày chúng ta.
Làm cho tan cửa nát nhà,
Trẻ con vất vả, người già đắng cay.
Cùng nhau đánh đuổi Nhật, Tây,
Anh em ta mới có ngày vinh hoa.
“Nhi đồng Cứu quốc” Hội ta,
Ấy là lực lượng, ấy là cứu tinh.

Ấy là bộ phận Việt Minh⁽¹⁾,
Dân mình khắc cứu dân mình mới xong.

Ai nghe mà chẳng động lòng,
Khá khen con trẻ mục đồng Việt Nam.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 144, (số 44),
ngày 21/11/1942

(1) Ý nói Hội Nhi đồng Cứu quốc là một thành viên của Mặt trận Việt Minh.

37. TẶNG CỤ ĐÌNH CHƯƠNG DƯƠNG⁽¹⁾

Quan san muôn dặm gặp nhau đây,
Mục đích chung là đuổi Nhật, Tây
Dân bị hai tròng vào một cổ,
Ta liều trăm đắng với ngàn cay.
Già dù yếu sức mang mang nhẹ,
Trẻ cố ra công gánh gánh đầy.
Non nước của ta, ta lấy lại,
Nghìn thu sự nghiệp nổi từ đây.

Liễu Châu 1943

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 46

(1) *Đình Chương Dương* người xã Lộc Liêm (nay là xã Hải Lộc), huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hoá. Là một nhà yêu nước, cụ xuất dương và hoạt động cách mạng ở nước ngoài từ thời trẻ. Trong khi hoạt động cách mạng cụ nhiều lần bị địch bắt giam. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, cụ trở về nước và được bầu là đại biểu Quốc hội khoá I. Sau 1945, vì già yếu, cụ về an dưỡng tại Hà Đông và mất năm 1972.

Bài thơ trên đây, Đồng chí Hồ Chí Minh viết khi gặp cụ Đình Chương Dương ở Liễu Châu.

38. TẶNG CHÁU NÔNG THỊ TRUNG⁽¹⁾

Vở này ta tặng cháu yêu ta,
Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là.
Mong cháu ra công mà học tập,
Mai sau cháu giúp nước non nhà.

1944

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 47

(1) *Nông Thị Trung*, khi ấy là một nữ thanh niên người dân tộc Tày (xem hồi ký trong tập *Một lòng theo Bác*, Nhà xuất bản Văn học Hà Nội, 1976). Bài thơ này là lời tác giả đề tặng Nông Thị Trung, ghi trên trang đầu tác phẩm *Phép dùng binh của Tôn Tử*, do Người biên dịch.

38. NHỮNG VẦN THƠ CỔ ĐỘNG^(*)

A

Thanh niên sức mạnh vô vàn,
Tuốt dao trời dậy đập tan quân thù.

.....
Thề cùng quân giặc phen sống mái,
Phá tan xiềng xích dựng nước nhà.

B

Đáng kính thay bậc lão nhân,
Phơ phơ tóc bạc, tinh thần vẫn cao.
Xóm làng hết sức hô hào,
Già trẻ trai gái mau vào Việt Minh.

C

Năm giới: Sĩ - Nông - Công - Thương - Binh,
Đoàn kết dưới bóng cờ Việt Minh.
Thề tiểu trừ sài lang Nhật Bản,
Giành độc lập, tự do, thái bình.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số ra ngày 25/6/1945

(*) Tháng 6/1945, Khu giải phóng gồm sáu tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang được thành lập. Cao trào kháng chiến chống Nhật phát triển mạnh mẽ. Báo *Việt Nam độc lập* số ra ngày 25/6/1945, có in hoạ bản gồm 5 hình vẽ kèm theo thơ phụ đề cho từng bức tranh. Tất cả số thơ và tranh này đều là của Đồng chí Hồ Chí Minh.

Hai hình bên trái có ghi bốn câu thơ (A) nói về sức mạnh của thanh niên và kêu gọi thanh niên tiến lên đánh bại bọn đế quốc và tay sai.

Hình góc dưới bên phải có ghi bốn câu thơ (B) kêu gọi các cụ phụ lão hô hào động viên con cháu đánh đuổi phát xít Nhật.

Hình vẽ chính giữa có ghi bốn câu thơ (C) kêu gọi toàn dân đoàn kết, đấu tranh giành Độc lập, Tự do.

Trên đây là những câu thơ rút ra từ hoạ bản đó. Những vần thơ cổ động là đầu đề do chúng tôi tạm đặt.

40. THƠ TRONG NHẬT KÝ^(*)

Bảy, tám chục năm giời mất nước,
Các cụ già uất ức lắm than.
Mất trông nước mất, nhà tan,
Giống nòi sĩ nhục, giang san thẹn thùng.
Đã thấy Phan Đình Phùng khởi nghĩa,
Đã thấy vùng Yên Thế đánh Tây.
Nước non vẫn (nước non này)

Tổng tập văn học Việt Nam, tập 36, Nhà
xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội,
1980, tr. 809.

(*) *Thơ trong nhật ký* là một đoạn thơ Đồng chí Hồ Chí Minh đang viết dở. Đoạn thơ này tìm thấy trong một trang nhật ký của Người viết từ hồi trước Cách mạng Tháng Tám. Cả đoạn thơ này nằm ở giữa bản phác thảo *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*. Phía trên bài thơ là câu : “Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi. Mau mau đoàn kết lại!”. Tiếp đến là một đoạn thơ, câu thứ bảy còn để dở. Bốn chữ cuối ở câu cuối để trong ngoặc đơn, là do chúng tôi phỏng đoán mà thêm vào. Người tạm dừng, dồn tâm sức viết tiếp lời hịch lịch sử kêu gọi Tổng khởi nghĩa chỉ ít ngày sau lan rộng khắp toàn quốc, dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc Cách mạng tháng Tám 1945. Đầu đề đoạn thơ là do chúng tôi tạm đặt.

41. CẢM ƠN NGƯỜI TẶNG CAM

Cảm ơn bà biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?⁽¹⁾

Tháng 1 năm 1946

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 48

(1) *Khổ tận cam lai*: Đắng hết rồi (tất nhiên) ngọt sẽ đến. Hiểu một cách vắn tắt: Hết đắng cay đến ngọt bùi.

42. MỪNG BÁO “QUỐC GIA”

Tết này mới thật Tết dân ta,
Mấy chữ chào mừng báo *Quốc gia*⁽¹⁾
Độc lập đầy vui ba cốc rượu,
Tự do vàng đỏ một rừng hoa.
Muôn nhà chào đón xuân Dân chủ,
Cả nước vui chúc phúc Cộng hoà.
Ta chúc nhau rồi ta nhớ chúc
Những người chiến sĩ ở phương xa⁽²⁾

HỒ CHÍ MINH
Hà Nội, Tết độc lập
Bính Tuất 1946

Báo *Nhân dân*, ngày 7/5/1980

(1) Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Sau hơn 80 năm sống lầm than, rên xiết dưới gót sắt của bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật, xuân Bính Tuất - 1946, lần đầu tiên, nhân dân ta vui Tết độc lập, tự do.

Nhân dịp này, báo *Quốc gia*, cơ quan ngôn luận của một nhóm nhân sĩ yêu nước xuất bản tại Hà Nội, có đến xin thơ Bác Hồ, Bác liền vui vẻ viết tặng báo bài thơ trên đây.

(2) Các chiến sĩ Nam tiến lúc đó đi chiến đấu chống bọn thực dân Pháp gây chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ.

43. THƠ TẶNG CÁC CHÁU NHI ĐỒNG

Bác mong các cháu “cho ngoan”,
Mai sau gìn giữ giang san Lạc Hồng.
Sao cho nổi tiếng Tiên Rồng,
Sao cho tỏ mặt nhi đồng Việt Nam

Ngày 10/4 /1946

Báo *Cứu quốc*, số 239,
ngày 15/5/1946

44. CHÚC NĂM MỚI^(*)

(1947)

Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đồng.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!

Tháng 1/1947

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 50.

(*) Bài này Bác đã đọc trước máy tại buổi thu thanh của Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam đặt tại hang chùa Trầm, đêm giao thừa Tết Đinh Hợi, tức 27 tháng 1 năm 1947 dương lịch.

45. BÀI THƠ GỬI TẶNG BÁO “ĐỘC LẬP” NHÂN MÙA XUÂN KHÁNG CHIẾN ĐẦU TIÊN

Năm mới thể cho năm đã cũ
Báo “Độc lập” của Đảng Dân chủ
Kêu gọi toàn thể dân Việt Nam,
Đoàn kết và thắt chặt hàng ngũ,
Kiên quyết kháng chiến đến kỳ cùng,
Để giữ chủ quyền và lãnh thổ.
Chờ ngày độc lập đã thành công
Tết ấy tha hồ bàn với cổ.

8/1/1947

Báo *Độc lập*, số 1024,
Ngày 27 tháng 11 năm 1974.

46. CẢNH RỪNG VIỆT BẮC

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Sẵn về thường chén thịt rừng quay.
Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

Năm 1947

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 51.

47. CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Năm 1947

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 52.

48. TẶNG CÁC CỤ LÃO DU KÍCH^(*)

Tuổi cao chí khí càng cao,
Múa gươm giết giặc ào ào gió thu.
Sẵn sàng tiêu diệt quân thù,
Tiếng thom Việt Bắc ngàn thu lấy lòng.

Năm 1947

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 53.

(*) Năm 1947, có ba cụ lão du kích ở Cao Bằng hăng hái xung phong cùng nhân dân giết giặc, làm cho giặc không tiến lên được. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng các cụ mấy câu thơ trên đây.

49. THƠ ĐIỀU CỤ HUỲNH THỨC KHÁNG

Than ôi!
Bể Đà Nẵng triều thâm
Đèo Hải Vân mây sâu
Tháng Tư tin buồn đến
Huỳnh Bộ trưởng đi đâu?
Trông vào Bộ nội vụ
Tài đức tiếc thương nhau!
Đồng bào ba chục triệu
Đau đón lệ rơi châu⁽¹⁾

21/4/1947

(1) Bài này nguyên tác chữ Hán: *Vân phong vân khí ám/Đà hải triều thanh bi/Tứ nguyệt lệ văn tảo/Huỳnh Bộ trưởng yên quy! Nội vụ bộ kim nhật, Tài đức giả kỳ thủy? Đồng bào nãm dư triệu/Thông khắp lệ lâm ly!*

Bản tiếng Việt trên đây do Chủ tịch Hồ Chí Minh tự dịch. (Chú thích theo Chương Thâu).

50. KHEN TẶNG HAI CHÁU LIÊN LẠC TRONG BỘ ĐỘI CHIẾN KHU II^(*)

I

Bác được tin rằng:
Cháu làm liên lạc,
Bị giặc bắt được,
Lại trốn thoát ngay;
Mang hai linh Tây
Theo về bộ đội.
Thế là cháu giỏi,
Biết cách tuyên truyền.
Bác gửi lời khen,
Khuyến cháu gắng sức,
Học hành, công tác,
Tiến bộ luôn luôn.
Gửi cháu cái hôn
Và lòng thân ái.

II

Cháu có can đảm
Giờ súng dọa Tây,
Bắt nó hàng ngay,
Lấy được súng nó.
Vì thành công đó,
Bác gửi lời khen.

(*) Bài I gửi cháu Phạm Đỗ Hải;
Bài II gửi cháu Lê Văn Thục.

Khuyên cháu tập rèn,
Ngày càng tiến bộ.
Bác lại gửi cháu
Mấy chục cái hôn.

Tháng 8 năm 1947

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 54, 55.

51. THƠ CHÚC TẾT MẬU TÝ

Năm Hợi đã đi qua
Năm Tý vừa bước tới.
Gửi lời chúc đồng bào,
Kháng chiến được thắng lợi;
Toàn dân đại đoàn kết,
Cả nước dốc một lòng;
Thống nhất chắc chắn được,
Độc lập quyết thành công.

Xuân Mậu Tý
1948

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 56.

52. GỬI BÁO “XUNG PHONG” CƠ QUAN CỦA TRẺ EM YÊU NƯỚC TỈNH HẢI DƯƠNG

Bác nhận được báo *Xung Phong*,
Cảm ơn các cháu có lòng gửi cho.
Các cháu nghe Bác dặn dò:
Phải biết yêu nước, phải lo học hành,
Siêng làm việc, siêng tập tành,
Phải giữ kỷ luật là thành cháu ngoan.
Bác yêu các cháu muôn vàn,
Bác gửi các cháu một ngàn cái hôn⁽¹⁾.

Năm 1948

Bác Hồ với Hải Hưng, Ban Nghiên cứu
lịch sử Đảng và Ty Văn hoá và thông tin
tỉnh Hải Hưng xuất bản, 1979, trang 11.

(1) Trích thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho toà soạn báo *Xung phong* ở thị xã Ninh Giang, Hải Dương, nay là Hải Dương.

53. CHÚC TẾT 1949

Kháng chiến lại thêm một năm mới,
Thi đua yêu nước thêm tiến tới.
Động viên lực lượng và tinh thần,
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi,
 Người người thi đua,
 Ngành ngành thi đua,
 Ngày ngày thi đua,
 Ta nhất định thắng,
 Địch nhất định thua.

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 57.

54. KHÔNG ĐỀ^(*)

Vì nước chưa nên nghĩ đến nhà,
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già.
Chờ cho kháng chiến thành công đã,
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.

Năm 1949

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 58.

(*) Năm 1949 có người đề nghị tổ chức chúc thọ Hồ Chủ tịch, Người đã trả lời bằng mấy câu thơ trên đây.

55. ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY

Dòng sông lặng ngắt như tờ,
Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo.
Bốn bề phong cảnh vắng teo,
Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan.
Lòng riêng riêng những bàng hoàng,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng.
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi.

Mùa thu năm 1949

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 59.

56. THƠ CHÚC NĂM MỚI

Kính chúc đồng bào năm mới,
Mọi người càng thêm phần khởi,
Toàn dân xung phong thi đua,
Đẩy mạnh cuộc chuẩn bị tới,
Chuyển mau sang tổng phản công,
Kháng chiến nhất định thắng lợi.

1950

Báo *Sự thật*, số 128, ngày 19 tháng 2
năm 1950.

57. KHUYÊN THANH NIÊN^(*)

Không có việc gì khó,
Chỉ sợ lòng không bền.
Đào núi và lấp biển,
Quyết chí ắt làm nên.

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 49.

(*) Bài này Chủ tịch Hồ Chí Minh làm khi ghé thăm một lần trại của Thanh niên xung phong làm đường, tháng 9 năm 1950, trong kháng chiến chống Pháp.

58. SÁU MƯƠI TUỔI

Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.
Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe,
Trần mà như thế kém gì tiên!

Năm 1950

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 60.

59. CHÚC TẾT TÂN MÃO

Xuân này kháng chiến đã năm xuân,
Nhiều xuân kháng chiến càng gần thành công.
Toàn dân ta quyết một lòng,
Thi đua chuẩn bị tổng phản công kịp thời.

Xuân Tân Mão 1951

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 61.

60. GỬI NÔNG DÂN

Ruộng rẫy là chiến trường,
Cuốc cày là vũ khí,
Nhà nông là chiến sĩ,
Hậu phương thi đua với tiền phương.

Tháng 2 năm 1951

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 62.

61. THU TRUNG THU 1951

Trung thu trăng sáng như gương,
Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng.
Sau đây Bác viết mấy dòng,
Gửi cho các cháu tỏ lòng nhớ nhung.

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 63.

62. THƠ CHÚC TẾT NHÂM THÌN

Xuân này, xuân năm Thìn,
Kháng chiến vừa sáu năm.
Trường kỳ và gian khổ,
Chắc thắng trăm phần trăm.

Chiến sĩ thi giết giặc,
Đồng bào thi tặng gia.
Năm mới thi đua mới,
Thắng lợi ắt về ta.

Mấy câu thành thật nôm na,
Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân.

Xuân Nhâm Thìn 1952

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr.64

63. THU TRUNG THU 1952

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh?
Tính các cháu ngoan ngoãn,
Mặt các cháu xinh xinh,
Mong các cháu cố gắng
Thì đua học và hành.
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,
Tuỳ theo sức của mình.
Đi tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hoà bình.
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 9 năm 1952

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 65.

64. THƠ CHÚC TẾT

Toàn thể chiến sĩ thi đua giết giặc,
Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng.
Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi,
Độc lập thống nhất, nhất định thành công.

1/1/1953

Báo *Nhân dân*, số 89, ngày 1 đến 7 tháng
1 năm 1953

65. THƠ MỪNG TẾT QUÝ TỶ

Mừng năm Thìn vừa qua,
Mừng xuân Tỵ đã tới.
Mừng phát động nông dân,
Mừng hậu phương phấn khởi.
Mừng tiền tuyến toàn quân
Thi đua chiến thắng mới.
Mừng toàn dân kết đoàn,
Mừng kháng chiến thắng lợi.
Mừng năm mới, nhiệm vụ mới,
Lực lượng mới, thành công mới.
Mừng toàn thể chiến sĩ và đồng bào,
Mừng phe dân chủ, hoà bình thế giới.

Xuân Quý Tỵ 1953

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 66.

66. GỬI CÁC CHÁU NHI ĐỒNG NHÂN DỊP TẾT TRUNG THU 1953

Chín Tết Trung thu,
Tám năm kháng chiến,
Các cháu khôn lớn,
Bác rất vui lòng.
Thư này Bác gửi thư chung,
Bác hôn các cháu khắp vùng gần xa.
Thu này hơn những thu qua,
Kháng chiến thắng lợi gấp ba, bốn lần.
Phát động nông dân,
Cải cách ruộng đất,
Dân đỡ chật vật,
Hàng hải tăng gia.
Xóm gần cho đến làng xa,
No cơm ấm áo, theo đà tiến lên,
Chỉnh huấn, chỉnh quân,
Bộ đội cố gắng,
Quyết chiến quyết thắng,
Giết giặc lập công.
Khắp nơi Nam Bắc Tây Đông,
Đưa tin thắng trận, cờ hồng tung bay.
Các cháu vui thay!
Bác cũng vui thay!
Thu sau so với thu này vui hơn.

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr.67, 68.

67. KẾ HOẠCH NAVA, ĐẦU VOI ĐUÔI CHÓ

Ngày 15 tháng Mười
Giặc Nava gằm thét,
Hắn mở trận Muét
Hòng đánh chiếm Nho Quan
Phái 20 tiểu đoàn
Hòng đánh chiếm Thanh Hoá
Hắn tuyên truyền bầy bọ:
“Trận này cực kỳ to,
Không có gì gay go,
Ta quyết tranh chủ động,
Quyết lấy về chủ động”.

Nhưng

Quân ta anh dũng
Đánh cho giặc phải tan
Đuổi chúng khỏi Nho Quan,
Ngăn chúng vào Thanh Hoá.
20 ngày ròng rã
Diệt chúng gần bốn ngàn,
Kế hoạch Nava tan
Thành đầu voi đuôi chó

Tuy vậy

Kẻ thù đang còn đó,
Chó dại sẽ cắn càn

Chúng ta chớ chủ quan
Chúng ta chớ khinh địch
Giặc có thể đột kích
Chúng ta phải đề phòng
Quân dân đoàn kết một lòng,
Kháng chiến thắng lợi, cờ hồng tung bay.

C.B.

Báo *Nhân dân*, số 148, 16 - 20 tháng 11
năm 1953.

68. THƠ CHÚC TẾT GIÁP NGỌ

Năm mới, quân dân ta có hai nhiệm vụ rành rành:

- Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập, tự do;

- Cải cách ruộng đất là công việc rất to.

Dần dần làm cho người cày có ruộng, khỏi lo
nghèo nàn.

Quân và dân ta nhất trí kết đoàn,

Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn
thành công.

Hoà bình, dân chủ thế giới khắp Nam Bắc Tây Đông

Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công càng nhiều

Năm 1954

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản

Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 69.

69. QUÂN TA TOÀN THẮNG Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ

20 tháng 11 năm cũ,
Giặc Pháp nhảy dù Điện Biên Phủ.
Hăm một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất,
Xe tăng, súng lớn đầy chồng chất.
Chúng khoe rằng: “Kế hoạch Nava”
Thật là mạnh dạn và tài hoa.
Phen này Việt Minh phải biết tay,
Quan thầy Mỹ thì vui lòng thay!”
Các báo phản động khắp thế giới
Inh ỏi tăng bóc Nava tới.

Bên ta thì:
Bộ đội, dân công quyết một lòng,
Xe non, đắp suối, vượt qua sông,
Khắc phục khó khăn và hiểm trở,
Đánh cho giặc tan mới hả dạ;
Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày,
Không quản gian khổ và đắng cay;
Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ
Đã hứa với Bác, Đảng, Chính phủ.

*

* *

13 tháng 3 ta tấn công,
Giặc còn ở trong giấc mơ mòng:
“Minh có thầy Mỹ lo cung cấp,
Máy bay cao cao, xe tăng thấp;
Lại có Nava cùng Cônhi,
Những tay tướng giỏi nắm chỉ huy.
Chúng mình chuyên này nhất định thắng,
Việt Minh ắt thua chạy quỳnh cẳng”.

*
* *

Hơn 50 ngày, ta đánh đồn,
Ta chiếm một đồn, lại một đồn.
Quân giặc chống cự tuy rất hăng,
Quân ta anh dũng ít ai bằng.
Nava, Cônhi đều méo mặt,
Quân giặc tan hoang, ta vây chặt,
Giặc kéo từng loạt ra hàng ta,
Quân ta vui hát “khải hoàn ca”.
13 quan năm đều hàng nốt,
Tên tướng chỉ huy cũng bị nhốt.
Một vạn sáu ngàn tên giặc Tây
Đều làm tù binh, hoặc bỏ thây.

*
* *

Thế là quân ta đã toàn thắng,
Toàn thắng là vì rất cố gắng.
Chiến sĩ viết thư dâng cụ Hồ:
“Xin Bác vui lòng mà nhận cho
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác,
Chúng cháu cố gắng đã sắm được”.

C.B.

Báo Nhân dân số 184 Ngày 12/5/1954.

70. NAVA “CHINH PHU NGÂM”⁽¹⁾

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khiến Nava nhiều nỗi truân chiên,
Thua to ở trận Điện Biên,
Vì ai kẻ hoặch mà nên nỗi này!

Cút về Tây tám lòng xấu hổ,
Xấu hổ này biết đổ ai đây?
Bước chân lên chiếc tàu bay,
Bước đi một bước giầy giầy lại dừng.
Quân kháng chiến, tướng chùng để xục
Nào ngờ Na hết sức chủ quan,
Hơn hai mươi một tiểu đoàn,
Chỉ trong một trận tan hoang toi bời!

Thôi, Na hăng cút về nước mẹ,
Quyền chỉ huy lại để Salăng.
Na đi Sa lại lẳng nhăng,
Thằng đi, thằng ở, chẳng thằng nào hơn.

Giang sơn này giang sơn dân Việt,
Toàn quốc dân kiên quyết đấu tranh.
Quyết tâm thì chắc thành công,
Tự do độc lập quang vinh đời đời.

C.B.

(1) Để tống tiễn Nava về Tây, nhà thơ Hồ Chí Minh đã viết một khúc ngâm với lời phụ chú mỉa mai, hóm hỉnh để trong ngoặc đơn: *Viết thay Nava khi y bị bắt chức*. Đầu đề bài thơ là *Nava “chinh phu ngâm”*! Tác giả lại cẩn thận ghi ở cuối trang bản thảo đánh máy dòng chữ sau đây: *Chú ý: chinh phu, chứ không phải là chinh phụ. Có nghĩa rằng khúc ngâm ai oán*” này không còn là của người vợ lính trong khúc ngâm nổi tiếng, nguyên bản của Đặng Trần Côn, được tôn thêm bao lần giá trị trong bản dịch tuyệt vời của một thi nhân khác, hãy cứ tạm cho là của Đoàn Thị Điểm như lâu nay ta vẫn đinh ninh tin thế; mà là khúc ngâm của chính người lính viễn chinh thất trận Nava vì “kẻ hoặch” tan thành mây khói.

71. NỮ ANH HÙNG MẠC THỊ BUỒI

Người Long Động, tỉnh Quảng Yên⁽¹⁾
Hai mươi bốn tuổi, tính hiền và ngoan.
Từ ngày giặc đánh vào làng,
Chị đánh du kích tỏ gan anh hùng.
Việc gì chị cũng xung phong
Khiến cho đồng đội càng hăng thêm nhiều
Chiến tranh càng khó bao nhiêu,
Tinh thần càng vững, càng nhiều chiến công.
Khi đánh giặc, khi giao thông,
Tuyên truyền, tổ chức, chị không ngại nề.
Một hôm, khai hội ra về
Chẳng may địch bắt, không hề khai ra.
Chúng dùng đủ cách khảo tra,
Rồi cho lính hiệp suốt ba bốn tuần.
Chém cha lũ giặc bất nhân!
Chúng toan bắn chị ở chân ngôi đình
Nghĩ rằng chị chết đã đành,
Còn tài liệu Đảng giấu quanh mái nhà?

Chị bèn một chước nghĩ ra:
Xin về lấy súng, đặt mà báo tin.
Đền làng, gặp một người quen,
Thừa cơ chị đã đưa tin rõ ràng.
Rồi quay mặt lại đảng hoàng
Chửi vào mặt giặc, giặc càng căm gan.
Chúng liền đập chị ngã lãn,
Đưa dao khoét vú, đưa chân giẫm đầu.

(1) Nữ anh hùng Mạc Thị Bưởi người thôn Long Động, xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (cũ), nay là Hải Hưng. Huyện Nam Sách trong thời gian kháng chiến chống thực dân Pháp tạm về tỉnh Quảng Yên. Đầu đề đăng trên báo là Nữ anh hùng Nguyễn Thị Bưởi.

Đưa thì tay đỡ chậu thau,
Đưa thì mổ chị từ đầu đến chân!
Chị luôn giữ vững tinh thần
Hô to khẩu hiệu, chửi quân bạo tàn.
Vì lòng yêu nước nồng nàn,
Nêu gương oanh liệt muôn vàn người soi.

C.B.

Báo Nhân dân, ngày 21/4/1955

72. “CHINH PHỤ NGÂM” MỚI

Thuở phe phái hục nhau túi bụi,
Đồng bào Nam nhiều nổi truân chiến.
Vì Ngô Đình Diệm rồ điên,
Mỹ kia can thiệp, mà nên nỗi này.
Hàng nghìn dân chết lây vô tội,
Hàng muôn người hấp hối bị thương.
Mười muôn nhà cháy ngổn ngang,
Đầy trời khói lửa, đầy đàng tàn tro.
Thương hại cho đồng bào công giáo,
Bị Xa tăng lừa đảo di cư,
Nhà tan, cửa hết, xác xơ,
Gặp cơn loạn lạc, trông nhờ vào ai!
Trộm cướp lại thẳng tay giết hại,
Chúng nhằm vào các trại di cư,
Kêu trời, trời chỉ làm ngơ,
Đoái kêu làng xóm, bây giờ xa xăm!
Bi thảm thay, hàng trăm em nhỏ,
Bị bắn vào võ sọ, tan xương.
Nhiều em chết gục bên đường,
Nhiều em chết cháy, thảm thương xiết nào!
Căm thù này trả sao đây nhỉ?
Nhân dân ta nhất trí kết đoàn,
Đuổi quân can thiệp hung tàn,
Chúng ta *thống nhất* giang san nước nhà,
Nước nhà ta, ta làm người chủ,
Vận mệnh ta, ta giữ trong tay,
Nước non vẫn nước non này,
Cờ treo *độc lập*, nền xây *hoà bình*.

C.B.

Báo Nhân dân, số 429, Ngày 6 tháng 5
năm 1955.

73. THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Thân ái mấy lời chúc tết:
Toàn dân đoàn kết một lòng,
Miền Bắc thi đua xây dựng
Miền Nam giữ vững thành đồng.
Quyết chí bền gan phấn đấu,
Hoà bình, thống nhất thành công.

Năm 1965

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 73.

74. TẶNG BỘ ĐỘI ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đá rắn quyết tâm ta rắn hơn đá
Núi cao, chí khí ta còn cao hơn.
Khó khăn ta quyết vượt cho kỳ được
Gián khổ không thể làm lòng ta sờn...

75. MỞ MANG THUỶ LỢI^(*)

Núi trọc như đầu bình vôi,
Sông không có nước, nước hiếm hoi như vàng.

.....
Hàng năm hạn hán tan hoang,
Người người đói rách, làng làng xác xơ

.....
Ơn Đảng như mẹ như cha
Mở mang thủy lợi, nhà nhà ấm no.
Ấm no không đợi trời cho,
Người làm ra nước, sức to hơn trời.

Ngày 25 tháng 5 năm 1958

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 74

(*) Rút ở bài nói chuyện tại Đại hội chiến sĩ thi đua nông nghiệp toàn quốc lần thứ ba.

76. THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Chúc mừng đồng bào năm mới,
Đoàn kết thi đua tiến tới,
Hoàn thành kế hoạch ba năm,
Thống nhất nước nhà thắng lợi.

1959

Báo *Nhân dân*, số 1754,
ngày 1 tháng 1 năm 1959.

77. TẶNG CÔNG AN NHÂN DÂN VŨ TRANG

Đoàn kết, cảnh giác,
Liêm, chính, kiệm, cần;
Hoàn thành nhiệm vụ,
Khắc phục khó khăn;
Dũng cảm trước địch,
Vì nước quên thân;
Trung thành với Đảng
Tận hiếu với dân.

Tháng 1 năm 1959

Hồ Chí Minh : Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr.76.

78. TRỒNG CÂY

Muốn làm nhà cửa tốt,
Phải ra sức trồng cây.
Chúng ta chuẩn bị từ rày,
Đăm năm sau sẽ bắt tay dựng nhà.

Ngày 30 tháng 5 năm 1959

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 77

79. LỜI TIỄN TỔNG THỐNG XU-CÁC-NÔ

(*Indonêxia*)

Nhớ nhung trong lúc chia tay,
Tâm lòng lưu luyến cùng bay theo Người.
Người về tổ quốc xa khơi,
Chúc Người thắng lợi, chúc Người bình an!

Ngày 29 tháng 6 năm 1959

Báo *Nhân dân*, số 1932, ngày 30 tháng
6 năm 1959.

80. TÁM ĐIỀU CẦN BIẾT^(*)

*Nước phải đủ, phân phải nhiều,
Cày sâu, giống tốt, cấy đều dành hơn
Trừ sâu, diệt chuột chớ quên,
Cải tiến nông cụ là nền nhà nông;
Ruộng nương quản lý ra công,
Tám điều đầy đủ thóc bông đầy bờ.*

Ngày 21 tháng 10 năm 1959

Hồ Chí Minh : Thơ, Nhà xuất bản, Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 78.

(*) Rút ở bài nói chuyện tại Đại hội sản xuất Đông - Xuân tỉnh Ninh Bình.

81. THƠ MỪNG NĂM MỚI

Mừng Nhà nước ta mười lăm xuân xanh!
Mừng Đảng chúng ta ba mươi tuổi trẻ!
Chúc đồng bào ta đoàn kết thi đua
Xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
Chúc đồng bào ta bền bỉ đấu tranh,
Thành đồng miền Nam vững bền mạnh mẽ.
Cả nước một lòng, hăng hái tiến lên,
Thống nhất nước nhà, Bắc Nam vui vẻ!

Xuân năm 1960

Báo *Nhân dân*, số 2116,
Ngày 1 tháng 1 năm 1960

82. ĐẢNG TA

Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao
nhiều tình!

Đảng ta là đạo đức, là văn minh,
Là thống nhất, độc lập, là hoà bình, ấm no.
Công ơn Đảng thật là to,
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng.

Ngày 5 tháng 1 năm 1960

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 80.

83. TẶNG CÁC CỤ PHỤ LÃO

Càng già càng dẻo, lại càng dai,
Tinh thần gương mẫu chẳng nhường ai.
Đôn đốc con em làm nhiệm vụ.
Vuốt râu mừng xã hội tương lai.

Ngày 1 tháng 10 năm 1960

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 81

84. MỪNG XUÂN 1961

Mừng năm mới, mừng xuân mới
Mừng Việt Nam, mừng thế giới!
Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh,
Kế hoạch 5 năm thêm phần khởi.
Chúc miền Bắc hăng hái thi đua!
Chúc miền Nam đoàn kết tiến tới!
Chúc hoà bình thống nhất thành công!
Chúc chủ nghĩa xã hội thắng lợi!

Báo Nhân dân, số 2525

1961

85. MỪNG TUỔI CÁC CỤ PHỤ LÃO^(*)

Tuổi già nhưng chí không già,
Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh.

Báo *Nhân dân*, số 2878, Ngày 8 tháng
2 năm 1962

(*) Chiều mùng một tết Nhâm Dần (5 tháng 2 năm 1962) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm Phòng trưng bày văn học và dự cuộc ngâm thơ mừng xuân của các cụ phụ lão và văn nghệ sĩ tại Văn Miếu (Hà Nội). Người đã đọc hai câu thơ trên mừng tuổi các cụ.

86. THĂM LẠI HANG PÁC BỐ

Hai mươi năm trước ở hang này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây;
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu,
Non sông gấm vóc có ngày nay.

Ngày 20 tháng 2 năm 1961

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 83

87. CÔNG NÔNG BINH THI ĐUA^(*)

Công nhân phát cao ngọn cờ Duyên Hải,
Nông dân phát cao ngọn cờ Đại Phong,
Bộ đội anh hùng phát cao cờ Ba Nhất,
Công nông binh đại thi đua, đại đoàn kết,
Chủ nghĩa xã hội nhất định đại thành công,
Bắc Nam nhất định sẽ thống nhất, non sông một nhà.

Ngày 12 tháng 7 năm 1961

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 84

(*) Rút ở bài nói chuyện tại Đại hội liên hoan chiến sĩ thi đua toàn quốc.

88. THƠ MỪNG XUÂN 1962

Năm Dân mừng xuân thế giới,
Cả năm châu pháp phối cờ hồng!
Chúc miền Bắc thi đua phấn khởi,
Bốn mùa hoa Duyên Hải, Đại Phong.
Chúc miền Nam đấu tranh tiến tới,
Sức triệu người hơn sóng biển Đông.
Chủ nghĩa xã hội ngày càng thắng lợi,
Hoà bình thống nhất quyết thành công!

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 85.

89. THƠ TẶNG CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN VŨ TRANG^(*)

Non xanh nước biếc trùng trùng,
Giữ gìn Tổ quốc ta không ngại ngừng gian lao.
Núi cao, sự nghiệp càng cao,
Biển sâu, chí khí ta so vào càng sâu.
Thi đua ta quyết giật cờ đầu.

Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 9, Nhà xuất
bản Sự thật, Hà Nội, 1989, tr. 310.

(*) Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thơ cho cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân vũ trang tại Đại hội liên hoan chiến sĩ thi đua toàn lực lượng ngày 2 tháng 3 năm 1962.

90. AI DÃ MAN? AI VĂN MINH?

Lăm le cướp nước người ta,
Bọn đế quốc Mỹ thật là dã man.
Quyết lòng gìn giữ giang san,
Đồng bào nước Việt muôn vàn văn minh.

Tháng 5/1962

T.L

Báo *Nhân dân*,
Ngày 15 tháng 5 năm 1962.

91. CHÚC TẾT QUÝ MÃO

Mừng năm mới,
Cố gắng mới,
Tiến bộ mới,
Chúc Quý Mão là năm nhiều thắng lợi!

1963

Báo *Nhân dân*, số 3238,
Ngày 27 tháng 1 năm 1963

92. TÌNH HỮU NGHỊ VIỆT LÀO

Thương nhau mấy núi cũng trèo,
Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.
Việt - Lào hai nước chúng ta,
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long.

Báo *Nhân dân*, số 3274,
ngày 14 tháng 3 năm 1963

93. CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Nam Bắc như cội với cành,
Anh em ruột thịt đấu tranh một lòng.
Rồi đây thống nhất thành công,
Bắc Nam ta lại vui chung một nhà.
Mấy lời thân ái nô nê,
Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân.

Xuân năm 1964

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 86.

94. ĐIỆN BIÊN, MỸ CHẴNG PHẢI CHỜ LÂU!

Uy danh lừng lẫy khắp năm châu,
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu,
Thành đồng trống thẳng lay Lầu Trắng⁽¹⁾
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu!

CHIẾN SĨ

Báo *Nhân dân*, số 3878,
Ngày 12 tháng 11 năm 1964

(1) Lầu trắng là nhà của Tổng thống Mỹ (chú thích của tác giả). Dẫn đề đoạn thơ trên là do chúng tôi tạm đặt, rút từ bài văn của tác giả đã đăng trên báo: *Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*.

95. THƠ CHÚC TẾT ẤT TỴ

Chúc mừng Ất Tỵ xuân năm mới,
Nhà nước ta vừa tuổi hai mươi.
Miền Bắc xây dựng đời sống mới vui tươi,
Miền Nam kháng chiến ngày càng tiến tới.
Đồng bào hai miền thi đua sôi nổi,
Đấu tranh anh dũng, cả nước một lòng,
Chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi!
Hoà bình, thống nhất ắt hẳn thành công!

Xuân 1965

Báo *Nhân dân*, số 3928
Ngày 1 tháng 1 năm 1965.

96. GỬI CÁC CHÁU MIỀN NAM^(*)

Bắc Nam sẽ sum họp một nhà,
Bác cháu ta gặp mặt, trẻ già vui chung.
Nhớ thương các cháu vô cùng,
Mong sao mỗi cháu là một anh hùng thiếu nhi.

Ngày 25 tháng 9 năm 1965

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 88

(*) Rút ở Thư của Bác Hồ và Bác Tôn gửi các cháu thiếu nhi trường Hoàng Lê Kha (Tây Ninh) và tất cả các cháu miền Nam.

97. THƠ MỪNG XUÂN 1966

Mừng miền Nam rực rỡ chiến công,
Nhiều Dầu Tiếng, Bầu Bàng, Polyme, Đà Nẵng....
Mừng miền Bắc chiến đấu anh hùng,
Giặc Mỹ leo thang ngày thua nặng.

Đồng bào cả nước đoàn kết một lòng,
Tiền tuyến, hậu phương, toàn dân cố gắng.
Thi đua sản xuất, chiến đấu xung phong,
Chống Mỹ, cứu nước, ta nhất định thắng.

Xuân 1966

Báo *Nhân dân*, số 4289, Ngày 1 tháng 1
năm 1966.

98. MỪNG XUÂN 1967

Xuân về xin có một bài ca,
Gửi chúc đồng bào cả nước ta.
Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,
Tin mừng thắng trận nở như hoa.

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 90

99. GỬI BỘ CHÍNH TRỊ

Thời giờ đi chóng tựa đưa thoi
Thấm thoát xa nhà một tháng rồi.
Nghìn dặm vui nghe tin thắng lợi,
Một mình nằm tính việc xa xôi.

1967

*Văn học Việt Nam sau cách
Mạng tháng Tám - Thơ*, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1992, tr. 5

100. MỪNG XUÂN 1968

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta.

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 91

101. KHÔNG ĐỀ^(*)

Đã lâu chưa làm bài thơ nào,
Đến nay thử làm xem ra sao.
Lục mãi giấy tờ vẫn chưa thấy,
Bỗng nghe vãn “thắng” vút lên cao.

Tháng 3 năm 1968

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 92 (có chỉnh lý lại theo bản gốc).

(*) Bài viết của đồng chí Vũ Kỳ ghi rõ: “Ngay sau thắng lợi to lớn của cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt trên khắp các chiến trường miền Nam vào dịp tết Mậu thân, Bác Hồ của chúng ta vui nhất cái vui của cả nước. Ngày 26 tháng 3 năm 1968. Bác đọc cho chúng tôi nghe mấy vần thơ gửi một đồng chí Ủy viên trung ương Đảng”. (*Những bức thư kể chuyện Bác Hồ*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1985, trang 24). Trên đây là bài thơ đó.

102. KHEN 11 CHÁU DÂN QUÂN GÁI THÀNH PHỐ HUẾ

Dũng dạc tay cầm khẩu súng trường,
Khôn ngoan dàn trận khắp trong phường.
Bác khen các cháu dân quân gái,
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương.

Tháng 3 năm 1968

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn
học, Hà Nội, 1970, tr. 93

103. KHÔNG ĐỀ^(*)

Bảy mươi tám tuổi chưa già lắm,
Vẫn vững hai vai việc nước nhà,
Kháng chiến dân ta đang thắng lớn,
Tiến bước ta cùng con em ta.

Ngày 20 tháng 5 năm 1968

Hồ Chí Minh: Thơ, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 94.

(*) Chủ tịch Hồ Chí Minh làm nhân dịp nhân dân ta mừng thọ Người 78 tuổi.

104. THƠ KHEN BỘ ĐỘI ĐẢO CỒN CỎ

Cồn cỏ nở đầy hoa thắng trận,
Đánh cho tan xác giặc Hoa Kỳ⁽¹⁾

Ngày 5 tháng 6 năm 1968

Báo Nhân dân, số 5168,
Ngày 6 tháng 6 năm 1968.

(1) Chủ tịch Hồ Chí Minh làm rất nhiều Thơ hai câu, trong tuyển tập này, chúng tôi chỉ trích đoạn. Có thể dẫn thêm những đoạn khác để bạn đọc được tường tận:

- Nay tuy châu chấu đá voi
Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra.

(Ngày 11 tháng 2 năm 1951)

- “Văn minh” trọng chó hơn người,
“Văn minh” của Mỹ buồn cười lắm thay!

(Tháng 11 năm 1953)

- Quê hương nghĩa nặng tình sâu,
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.

(Viết dịp về thăm quê, 1957)

- Chúng ta vui sướng hôm nay,
Càng nên nhớ lại những ngày gian lao.

(Báo Sự thật - Liên Xô cũ, 1959)

- Quan san muôn dặm một nhà,
Bốn phương vô sản đều là anh em.

(Ngày 5 tháng 9 năm 1960)

- Muốn cho xã hội đều xuân
Nhân sĩ phải là chiến sĩ.

(Ngày 3 tháng 2 năm 1962)

- Mùa xuân là tết trồng cây,
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

(Ngày 1 tháng 1 năm 1965)

- Mỗi tình đoàn kết Việt - Hoa,
Vừa là đồng chí, vừa là anh em.

(Ngày 1 tháng 10 năm 1965)

- Đến ngày thống nhất nước nhà,
Bắc Nam sum họp thì ta vui lòng.

(Ngày 6 tháng 9 năm 1967)

- Mỹ là một nước văn minh,
Giết người như chuột tội tình gì đâu.

(Ngày 15 tháng 6 năm 1968)

- Đánh cho giặc Mỹ tan tành,
Năm châu khen ngợi Vĩnh Linh anh hùng

(Ngày 11 tháng 8 năm 1968)

Còn nhiều lắm, ở đây không ghi ra hết được. Riêng những câu thơ viết xen kẽ ở các chương nhiều tác phẩm như *Nhật ký chìm tàu*, *Kinh nghiệm du kích Tàu*, *Cách mạng du kích*, *Kinh nghiệm du kích Pháp*..... và lối thơ văn xuôi xen kẽ như bài *Nữ anh hùng giao thông*... đã có ở tập I (tuyển phần *Truyện và ký*), nên không nhắc lại. Và phải chăng dưới đây là hai câu thơ cuối cùng của Người, gửi lại non sông đất nước, đồng bào đồng chí và bè bạn năm châu:

- Còn non còn nước còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

(*Lời di chúc*, ngày 10 tháng 5 năm 1969)

105. MỪNG XUÂN 1969

Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, xuân nào vui hơn!

Xuân 1969

Báo *Nhân dân*, số 5376,
Ngày 1 tháng 1 năm 1969.

THƠ CHỮ HÁN
(Ngoài *NHẬT KÝ TRONG TÙ*)

PHAN VĂN CÁC
Sưu tầm, phiên dịch, chú thích

PHẦN thơ này bao gồm toàn bộ Thơ chữ Hán đã sưu tầm được của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngoài *Ngục trung nhật ký*), tổng cộng là 36 bài, trong đó 16 bài đã có trong *Hồ Chí Minh - Thơ*, tái bản năm 1975.

Tất cả các bài thơ đều được cung cấp nguyên bản bằng chữ Hán, phần phiên âm Hán Việt, phần dịch nghĩa và phần dịch thơ.

Các bài dịch đều ghi rõ tên người dịch.

Mục chú thích ở cuối sách cung cấp những thông tin cần thiết về bối cảnh sáng tác, xuất xứ và đối tượng đề vịnh của mỗi bài thơ.

Công việc dịch thơ vừa là khoa học vừa là nghệ thuật.

Thơ Hồ Chí Minh nội dung tư tưởng phong phú, phong cách nghệ thuật độc đáo, dịch cho đạt càng khó.

Những người dịch đã hết sức cố gắng. Tuy nhiên, sai sót là điều khó tránh.

Kính mong độc giả vui lòng chỉ bảo.

救中國是救自己

平山

斯酷爭毒焚骨免活爭平者情攻敵啊國人齒寒已
西殘戰荼被山可生鬥和助同進公妹中國唇齒自
法又華被家滿無難地與援有界之姊助中如則救
方暴侵民了紅彈病苦主要要世類弟來助南亡是
東兇了人殺血炸疾艱民需需向人兄起幫越唇國
本蠻動國被地機寒們衛們們鬼是南快力國知中
日野髮中人滿飛饑他保他他日他越快努中須救

Phiên âm:

1. CỨU TRUNG QUỐC THỊ CỨU TỰ KỶ⁽¹⁾

Nhật Bản đông phương pháp tây tư,
Dã man hung bạo hựu tàn khốc.
Phát động liễu xâm Hoa chiến tranh,
Trung Quốc nhân dân bị đồ độc.
Nhân bị sát liễu, gia bị phần,
Mãn địa huyết hồng, mãn sơn cốt.
Phi cơ tạc đạn vô khả miễn,
Cơ hàn tật bệnh nan sinh hoạt.
Tha môn gian khổ địa đấu tranh,
Bảo vệ dân chủ giữ hoà bình.
Tha môn nhu yếu viện trợ giả,
Tha môn nhu yếu hữu đồng tình.
Nhật quý hướng thế giới tiến công,
Tha thị nhân loại chi công địch.
Việt Nam huynh đệ tì muội a,
Khoái khoái khởi lai trợ Trung Quốc.
Nỗ lực bang trợ Trung Quốc nhân,
Trung Quốc Việt Nam như thân xĩ.
Tu tri thần vong tắc xĩ hàn,
Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ.

Bình Sơn
4/12/1940

Dịch nghĩa:

CỨU TRUNG QUỐC LÀ TỰ CỨU MÌNH

Nhật Bản là bọn phát xít phương Đông,
Dã man, hung bạo lại tàn khốc,
Đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Hoa,
Nhân dân Trung Quốc bị đầu độc khổ sở.
Người thì bị giết, nhà bị đốt,
Đầy đất máu đỏ, đầy núi xương phơi.
Tàu bay bom đạn, không thể tránh khỏi,

Đói rét, bệnh tật, khó sống nổi.
Họ đang đấu tranh một cách gian khổ,
Bảo vệ dân chủ và hoà bình.
Họ cần có người viện trợ,
Họ cần có sự đồng tình.
Giặc Nhật tiến công cả thế giới,
Chúng là kẻ thù chung của loài người.
Anh em chị em Việt Nam ơi!
Mau mau đứng lên giúp Trung Quốc.
Ra sức giúp đỡ Trung Quốc,
Trung Quốc, Việt Nam như môi với răng.
Phải biết rằng môi hở thì răng lạnh,
Cứu Trung Quốc là cứu chính mình.

Bình Sơn

4/12/1940

Dịch thơ:

CỨU TRUNG QUỐC LÀ TỰ CỨU MÌNH

*Nhật Bản phát xít ở phương Đông,
Đã man cuồng bạo lại tàn hung.
Vào Trung Hoa gây chiến xâm lược,
Nhân dân Trung Quốc khổ vô cùng.*

*Người bị giết, nhà bị thiêu,
Núi đầy xương, đất đầy máu đỏ.
Tàu bay, bom đạn, tránh làm sao?
Đói rét, ốm đau, sống thật khó.*

*Họ đang đấu tranh rất gian khổ,
Giữ gìn dân chủ và hoà bình.
Họ đang cần có người viện trợ,
Họ đang cần được sự đồng tình.*

*Giặc Nhật tấn công cả thế giới,
Là kẻ thù chung cả nhân loại.
Mau đứng lên mà giúp Trung Hoa,*

Anh chị em Việt Nam ta hỡi!

*Ra sức giúp cho người Trung Quốc,
Trung - Việt khác nào môi với răng.
Nhớ rằng môi hở thì răng buốt,
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình*

PHAN VĂN CÁC dịch

上山

六月二十四
上到此山來
舉頭紅日近
對岸一支梅

Phiên âm:

2. THUỞNG SƠN

Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thượng đảo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.

Lũng Dẻ, 1942

Dịch nghĩa:

LÊN NÚI

Ngày hai mươi bốn tháng sáu,
Lên đến núi này.
Ngẩng đầu thấy mặt trời đỏ gần lại,
Bờ bên kia có một nhành mai.

Lũng Dẻ, 1942

Dịch thơ:

LÊN NÚI

*Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ,
Bên suối một nhành mai.*

TỔ HỮU dịch

憶故人

雲擁重山山擁雲
江心如鏡淨無塵
徘徊獨步西峰嶺
遙望南天憶故人

Phiên âm:

3. ỨC CỔ NHÂN⁽²⁾

Vân ứng trùng sơn, sơn ứng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh,
Dao vọng Nam Thiên ức cổ nhân.

Dịch nghĩa:

NHỚ BẠN XƯA

Mây che dãy núi, núi che mây,
Lòng sông như tấm gương không một chút bụi.
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh Tây Phong,
Xa ngóng trời Nam, tưởng nhớ bạn cũ.

Dịch thơ:

NHỚ BẠN XƯA

*Mây ôm núi, núi ấp mây,
Lòng sông chẳng gợn mây may bụi hồng.
Bồi hồi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông vời cổ quốc chạnh lòng nhớ ai.*

T. LAN dịch

元宵

今夜元宵月正圓
春江春水接春天
煙波深處談軍事
夜半歸來月滿船

Phiên âm:

4. NGUYỄN TIÊU⁽³⁾

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên.
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

1948

Dịch nghĩa:

ĐÊM RẪM THÁNG GIÊNG

Đêm nay, rằm tháng riêng, trăng vừa tròn,
Nước sông xuân tiếp liền với màu trời xanh.
Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân,
Nửa đêm trở về, ánh trăng đầy thuyền.

1948

Dịch thơ:

RẪM THÁNG GIÊNG

*Rằm xuân lỏng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

XUÂN THUỶ dịch

報捷

月推窗問詩成未
軍務仍忙未做詩
山樓鐘響驚秋夢
正是聯區報捷時

Phiên âm:

5. BÁO TIỆP

Nguyệt thôi song vắn: - Thi thành vị?
Quân vụ nhung mang vị tổ thi.
Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng,
Chính thị Liên khu báo tiếp thì.

1948

Dịch nghĩa:

BÁO TIN THẮNG TRẬN

Trăng đầy cửa sổ hỏi: - Thơ xong chưa?
- Vẫn còn bận việc quân, chưa làm thơ được.
Bỗng tiếng chuông ở lầu trên núi khua tỉnh
giấc mộng đêm thu,
Vừa hay là lúc Liên khu báo tin thắng trận.

1948

Dịch thơ:

TIN THẮNG TRẬN

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
- Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.*

HUY CẬN dịch

公裴贈

看書山鳥栖窗杆
批札春花照硯池
捷報頻來勞驛馬
思公即景贈新詩

Phiên âm:

6. TĂNG BÙI CÔNG⁽⁴⁾

Khán thư sơn diều thê song hân,
Phê trát xuân hoa chiếu nghiêng trì.
Tiếp báo tần lai lao dịch mã,
Tự công tức cảnh tăng tân thi.

1948

Dịch nghĩa:

TẶNG CU BÙI

Khi xem sách, chim rừng đậu ở song cửa sổ,
Lúc phê công văn, hoa xuân soi bóng trong
ngiên mục.
Tin thắng trận dồn dập làm vất vả con ngựa trạm,
Nhớ cu, mới tức cảnh thành bài thơ tặng cu.

1948

Dịch thơ:

TĂNG CỤ BÙI

Xem sách, chìm rùng vào cửa đậu,
Phê văn, hoa núi ghé nghiêng soi.
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa,
Nhờ cu thơ xuân tặng một bài.

Hồ Chí Minh - Thơ Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1975

鐵石一心扶種族
江山萬里守城池
知公國事無餘暇
操筆仍成退虜詩

Phiên âm:

CỤ BUI BẰNG ĐOÀN HOẠ LẠI

Thiết thạch nhất tâm phù chủng tộc,
Giang sơn vạn lý thủ thành trì.
Trí công quốc sự vô dư hạ,
Thao bút nhung thành thoái lỗ thi.

Dịch nghĩa:

Sắt đá một lòng nâng đỡ nòi giống,
Non sông muôn dặm giữ cõi bờ.
Biết Cụ bận việc nước, không còn thì giờ rảnh,
Nhưng cầm đến bút vẫn thành những câu thơ đầy
lùi được quân giặc.

Dịch thơ:

*Sắt đá một lòng vì chủng tộc,
Non sông muôn dặm giữ cơ đồ.
Biết Người việc nước không hề rảnh,
Vung bút thành thơ đuổi giặc thù.*

Hồ Chí Minh - Thơ Nhà xuất bản

Văn học - Hà Nội, 1975

秋夜

籌劃更深漸得閑
秋風秋雨報秋寒
忽聞秋笛山前響
游擊歸來酒未殘

Phiên âm:

7. THU DA

Trù hoạch canh thâm tiêm đắc nhàn,
Thu-phong thu vũ báo thu hàn.
Hốt văn thu địch sơn tiền hưởng,
Du kích qui lai tửu vị tàn.

1948

Dịch nghĩa:

ĐÊM THU

Bàn tính công việc, mãi đến canh khuya mới
tạm được nghỉ ngơi,
Mưa gió mùa thu báo tin tiết thu lạnh đã đến.
Chợt nghe tiếng sáo thu vang trước núi,
Du kích trở về, cuộc rượu chưa tàn.

1948

Dịch thơ:

ĐÊM THU

*Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi,
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi.
Còi thu bỗng rúc vang rừng núi,
Du kích về thôn, rượu chưa vơi.*

Hồ Chí Minh - Thơ

Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1975

贈武公

我尋公里
中一言感
孝盡民願
忠盡國願
慰欣我來
公思我去
句只公贈
功必戰抗

Phiên âm:

8. TẶNG VÕ CÔNG⁽⁵⁾

Thiên lý công tâm ngã,
Bách cảm nhất ngôn trung.
Sự dân nguyện tận hiếu,
Sự quốc nguyện tận trung.
Công lai ngã hân úy,
Công khứ ngã tư công.
Tặng công chỉ nhất cú:
Kháng chiến tất thành công.

1948

Dịch nghĩa:

TẶNG CỤ VÕ

Đường xa ngàn dặm, cụ tìm tôi,
Trăm ngàn tình cảm ngụ trong một lời nói.
Thờ dân nguyện tròn đạo hiếu,
Thờ nước nguyện tròn đạo trung.
Cụ đến tôi mừng rỡ,

Cụ về, tôi nhớ cụ.
Chỉ xin tặng cụ một câu:
“Kháng chiến nhất định thành công.”

1948

Dịch thơ:

TẶNG CỤ VÕ

*Ngàn dặm cụ tìm đến,
Một lời trăm cảm thông!
Thờ dân tròn đạo hiếu,
Thờ nước vẹn lòng trung.
Cụ đến, tôi mừng rỡ,
Cụ đi, tôi nhớ nhung.
Một câu xin tặng cụ:
“Kháng chiến ắt thành công”*

Hồ Chí Minh - Thơ

Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1975

地天了園
滿沖談菜
花鳥商灌
來到計童
客軍國偕
徑林機桶
山叢軍攜

9. VÔ ĐỀ

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

XUÂN THUYẾT dịch

思戰士

更深露急如秋雨
晨早霜濃似海雲
決送寒衫給戰士
陽光和暖報新春

Phiên âm:

10. TU CHIẾN SĨ

Canh thâm lộ cấp như thu vũ,
Thân tảo sương nùng tự hải vân.
Khoái tống hàn sam cấp chiến sĩ,
Dương quan hoà noãn báo tân xuân.

Dịch nghĩa:

NHỚ CHIẾN SĨ

Đêm khuya, móc rơi dồn dập như mưa thu,
Sáng sớm, sương dày đặc như mây mặt biển.
Mau gửi áo rét cho chiến sĩ,
Ánh nắng ấm áp đã báo trước tin xuân mới sắp về.

Dịch thơ:

NHỚ CHIẾN SĨ

*Đêm khuya móc tựa mưa thu,
Sớm sương dày đặc, mây mù biển dâng.
Mau mau gửi các chiến trường,
Áo cho chiến sĩ trên đường lập công.
Mặt trời toả ánh nắng hồng,
Báo tin xuân đến, mùa đông sắp tàn.*

SÓNG HỒNG dịch

對月

窗外月明籠古樹
月移樹影到窗前
軍機國計商談了
攜枕窗旁對月眠

Phiên âm:

11. ĐỐI NGUYỆT

Song ngoại nguyệt minh lung cổ thụ,
Nguyệt di thụ ảnh đáo song tiền.
Quân cơ quốc kế thương đàm liễu,
Huê chẩm song bàng đối nguyệt miên.

Dịch nghĩa:

VỚI TRĂNG

Ngoài cửa sổ, ánh trăng lồng trên cây cổ thụ,
Ánh trăng nhích bóng cây đến trước cửa sổ.
Việc quân, việc nước đã bàn bạc xong,
Xách gối đến bên cửa sổ, nằm ngủ
trước ánh trăng.

Dịch thơ:

ĐỐI TRĂNG

*Ngoài song trăng rọi cây sân,
Ánh trăng nhích bóng cây gần trước song.
Việc quân, việc nước bàn xong,
Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm.*

NAM TRÂN dịch

登山

攜杖登山觀陣地
萬重山擁萬重雲
義兵壯氣吞牛斗
誓滅豺狼侵略軍

Phiên âm:

12. ĐĂNG SƠN

Huề trượng đấng sơn quan trận địa,
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân.
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu Đẩu,
Thề diệt sài lang xâm lược quân.

1950

Dịch nghĩa:

LÊN NÚI

Chống gậy lên núi quan sát trận địa,
Muôn trùng núi nâng đỡ muôn trùng mây.
Khí mạnh của nghĩa quân ta muốn nuốt
cả sao Ngưu, sao Đẩu,
Thề diệt hết quân xâm lược sài lang.

1950

Dịch thơ:

LÊN NÚI

Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu,
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.

XUÂN DIỆU dịch

13. GỬI ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH⁽⁶⁾

Khi xưa gặp chú một thanh niên,
Nay chú cầm quân giữ soái quyền.
Trăm vạn hùng binh theo lệnh chú,
Giữ gìn cách mạng cõi Điền biên.

20 /1/1950

Tác giả tự dịch

贈陳庚同志

香檳美酒夜光杯
欲飲琵琶馬上催
醉臥沙場君莫笑
敵人休放一人回

Phiên âm:

14. TẶNG TRẦN CANH ĐỒNG CHÍ⁽⁷⁾

“Hương tân” mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.
Tuý ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Địch nhân hưu phóng nhất nhân hồi.

Dịch nghĩa:

TẶNG ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH

Rượu ngọt “Sâm banh” trong chén ngọc dạ quang.
Sắp uống, tỳ bà trên ngựa đã giục ngã.
Say sưa nằm lẫn nơi sa trường, anh đừng cười nhé!
Chớ để cho một tên địch nào trở về.

Dịch thơ:

TẶNG ĐỒNG CHÍ TRẦN CẠNH

“Sâm banh” rượu ngọt chén lưu ly,
Toan nhấp, tỳ bà ngựa giục đi.
Say khướt sa trường cười chớ vội,
Chẳng cho địch thoát một tên về.

PHAN VĂN CÁC dịch

七九

人未五旬常嘆老
我今七九正康強
自供清淡精神爽
做事從容日月長

Phiên âm:

15. THẤT CỬU ^(B)

Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính khang cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sảng,
Tổ sự thung dung nhật nguyệt trường.

1953

Dịch nghĩa:

BẢY CHÍN

Thường người ta chưa đến năm mươi tuổi
đã tự than già,
Mình nay sáu mươi ba tuổi, vẫn đang khoẻ mạnh.
Sống cách thanh đạm, tinh thần sáng suốt,
Làm việc thông dong, ngày tháng dài.

1953

Dịch thơ:

SÁU MƯƠI BA TUỔI

*Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba, mình vẫn nghĩ là đương trai.
Sống quen thanh đạm nhẹ người,
Việc làm thảnh thơi ngày dài ung dung.*

XUÂN THUỶ dịch

尋友未遇

百里尋君未遇君
馬蹄踏碎嶺頭雲
歸來偶過山梅樹
每朵黃花一點春

註：實六十公里

Phiên âm:

16. TÂM HỮU VỊ NGỘ^(*)

Bách lý^(*) tâm quân vị ngộ quân,
Mã đề đạp toái lĩnh đầu vân.
Quy lai ngẫu quá sơn mai thụ,
Mỗi đoá hoàng hoa nhất điểm xuân.

Dịch nghĩa:

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

Trăm dặm^(*) tìm anh mà chẳng gặp anh,
Vó ngựa dẫm vỡ những áng mây trên đầu núi.
Trở về, tình cờ qua một cây mai rừng,
Mỗi đoá hoa vàng là một điểm xuân.

(*) Nguyên chú: Thực lục thập công lý.

(**) Chú thích của tác giả: Thực ra là 60 km.

Dịch thơ:

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

*Trăm dặm tìm không gặp cố nhân,
Mây dèo dặt võ, ngựa chồn chân.
Đường về chợt gặp cây mai núi,
Mỗi đoá hoa vàng một nét xuân.*

PHAN VĂN CẢC dịch

詠萬里長城

聽說長城萬里長
頭連東海尾西疆
幾千百萬勞動者
建築斯城鎮一方

Phiên âm:

17. VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH⁽¹⁰⁾

Thính thuyết Trường Thành vạn lý trường,
Đầu liên Đông Hải vĩ Tây Cương.
Kỷ thiên bách vạn lao động giả,
Kiến trúc tứ thành trấn nhất phương!

7/1955

Dịch nghĩa:

VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH

Nghe nói Trường Thành dài vạn dặm,
Đầu liên với Đông Hải, đuôi đến Tây Cương.
Hàng mấy trăm nghìn vạn người lao động,
Đắp lên thành này để trấn giữ một phương.

7/1975

Dịch thơ:

VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH

*Nghe nói Trường Thành vạn dặm trường,
Chạy từ Đông Hải đến Tây Cương.
Hàng bao nhiêu triệu người lao động,
Xây đắp thành này trấn một phương!*

Hồ Chí Minh - Thơ

Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1975

望天山

遙望天山風景好
紫霞白雪抱青山
朝陽初出赤如火
萬道紅光照世間

Phiên âm:

18. VỌNG THIÊN SAN⁽¹¹⁾

Dao vọng Thiên San phong cảnh hảo,
Tử hà, bạch tuyết bão thanh san.
Triệu dương sơ xuất xích như hoả,
Vạn đạo hồng quang chiếu thế gian.

7/1959

Dịch nghĩa:

VÒI TRÔNG THIÊN SAN

Vòi trông Thiên San, phong cảnh thật đẹp,
Ráng tia, tuyết trắng ôm lấy ngọn núi xanh.
Mặt trời buổi sáng mới ló ra đỏ rực như lửa,
Muôn tia ánh hồng soi khắp thế gian.

7/1959

Dịch thơ:

TRÔNG THIÊN SAN

*Xa ngắm Thiên San phong cảnh đẹp,
Ráng dào, tuyết trắng ấp non lam.
Mặt trời mới mọc đỏ như lửa,
Muôn ánh hồng soi khắp thế gian.*

KHUONG HỮU DUNG dịch

桂林風景

桂林風景甲天下
如詩中畫畫中詩
山中樵父唱
江上客船歸
奇

一九六一年
五月十二日

Phiên âm:

19. QUẾ LÂM PHONG CẢNH⁽¹²⁾

Quế Lâm phong cảnh giáp thiên hạ,
N hư thi trung hoạ hoạ trung thi.
Sơn trung tiều phu xướng,
Giang thượng khách thuyền quy.
Kỳ!

Nhất cửu lục nhất niên
Ngũ nguyệt thập nhị nhật

Dịch nghĩa:

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

Phong cảnh Quế Lâm đẹp bậc nhất trong thiên hạ,
Khác nào tranh vẽ trong thơ, thơ trong tranh vẽ.
Trên núi, những người hái củi ca hát,
Dưới sông, thuyền khách trở về...
Thật kỳ lạ.

12/5/1961

Dịch thơ:

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

*Quế Lâm phong cảnh tuyệt vời,
Thơ đan trong họa, họa cài trong thơ.
Tiều phu trên núi hát ca,
Dưới sông thuyền khách vào ra: Diệu kỳ!*

PHAN VĂN CÁC dịch

詠太湖

西湖不比太湖美
太湖更比西湖寬
漁舟來去朝陽暖
桑稻滿田花滿山

Phiên âm:

20. VỊNH THÁI HỒ⁽¹³⁾

Tây Hồ⁽¹⁴⁾ bất tỷ Thái Hồ mỹ,
Thái Hồ cánh tỷ Tây Hồ khoan.
Ngư chu lai khứ triều dương noãn,
Tang đạo mãn điền, hoa mãn san.

Dịch nghĩa:

VỊNH THÁI HỒ

Tây Hồ không đẹp bằng Thái Hồ,
Thái Hồ lại rộng hơn Tây Hồ
Thuyền đánh cá đi lại trong nắng sớm ấm áp,
Ruộng thì đầy dâu, lúa, núi thì đầy hoa.

Dịch thơ:

VỊNH THÁI HỒ

*Tây Hồ khôn sánh Thái Hồ đẹp,
Thái Hồ rộng vượt Tây Hồ xa.
Thuyền cá đi về trong nắng sớm,
Ruộng đầy dâu lúa, núi đầy hoa.*

KHUƠNG HỮU DUNG dịch

訪曲阜

五月十九訪曲阜
古松古廟兩依稀
孔家勢力今何在
只剩斜陽照古碑

Phiên âm:

21. PHÒNG KHÚC PHỤ⁽¹⁵⁾

Ngũ nguyệt thập cửu phòng Khúc Phụ,
Cổ tùng cổ miếu lưỡng y hy.
Khổng gia thế lực kim hà tại?
Chỉ thặng tà dương chiếu cổ bi.

Dịch nghĩa:

THĂM KHÚC PHỤ

Ngày mười chín tháng năm đến thăm Khúc Phụ,
Tùng già, miếu cổ vẫn còn như xưa.
Thế lực của họ Khổng bây giờ đâu nhỉ?
Chỉ còn lại ánh nắng tà chiếu trên tấm bia cổ.

Dịch thơ:

THĂM KHÚC PHỤ

Mười chín tháng năm thăm Khúc Phụ,
Miếu xưa vẫn dưới bóng tùng xưa.
Uy quyền họ Khổng giờ đâu nhỉ?
Lấp loáng bia xưa chút ánh tà.

DẶNG THAI MAI dịch

黃山日記

六首

其一

黃山社員多種茶
茶葉潤澤香味多
東西南北遊山客
飲杯山茶聽山歌

Phiên âm:

22 - 27. HOÀNG SƠN NHẬT KÝ (Lục thủ)⁽¹⁶⁾

KỠ NHẮT

Hoàng sơn xã viên đa chủng trà,
Trà diệp nhuận trạch hương vị đa.
Đông tây nam bắc du sơn khách,
Ẩm bôi sơn trà thính sơn ca.

Dịch nghĩa:

NHẬT KÝ HOÀNG SƠN (6 bài)

BÀI THỨ NHẤT

Xã viên Hoàng Sơn trồng nhiều chè,
Lá chè đượm đà nhiều hương vị.
Khách dạo chơi núi từ khắp miền đông tây
nam bắc,
Uống chén chè thơm, lắng nghe điệu dân ca
miền núi.

Dịch thơ:

NHẬT KÝ HOÀNG SƠN

I

*Hoàng Sơn công xã nhiều trà,
Vị trà dịu mát, đậm đà hương bay.
Khách du nam bắc đông tây,
Trà thơm cạn chén, nghe bài sơn ca.*

PHAN VĂN CÁC dịch

其二

黃山小孩真乖乖
見我就問伯伯好
頰如蘋果嘴如花
對我感情真濃厚

Phiên âm:

KỲ NHỊ

Hoàng Sơn tiểu hài chân quai quai,
Kiến ngã tựu vấn “Bá bá hảo”
Giáp như táo quả, chuỷ như hoa,
Đối ngã cảm tình chân nồng hậu.

Dịch nghĩa:

BÀI THỨ HAI

Các cháu bé ở Hoàng Sơn thật là ngoan,
Thấy tôi đều chào: “Cháu chào Bác ạ!”
Má như quả táo, miệng như hoa,
Tình cảm đối với tôi thật là nồng hậu.

Dịch thơ:

II

*Hoàng Sơn các cháu thật là ngoan,
Hễ gặp tôi: “Cháu chào Bác ạ!”
Má như táo chín, miệng như hoa,
Tình cảm với tôi nồng thắm quá.*

PHẦN VĂN CÁC dịch

其三

黃山風景非常好
一天下雨五天晴
朝隨新客送老客
夜聽泉聲和鳥聲

Phiên âm:

KỲ TAM

Hoàng Sơn sơn cảnh phi thường hảo,
Nhất thiên hạ vũ ngũ thiên tình.
Triêu tùy tân khách tống lão khách,
Dạ thánh tuyên thanh hoạ điệu thanh.

Dịch nghĩa:

BÀI THỨ BA

Cảnh núi ở Hoàng Sơn đẹp lạ thường,
Một ngày mưa, năm ngày tạnh ráo.
Sáng sớm theo khách mới đi tiễn khách cũ,
Đêm nghe tiếng suối đáp lại tiếng chim.

Dịch thơ:

III

*Hoàng Sơn cảnh núi đẹp thay,
Năm ngày nắng hửng, một ngày mưa sa.
Sớm mai đưa đón khách xa,
Đêm nghe tiếng suối vắng hoà tiếng chim.*

PHAN VĂN CÁC dịch

其四

董公贈我以長詩
我欲作詩奉和之
可是抗美救國事
完全佔領我心思

Phiên âm:

KỲ TƯ

Đồng công tặng ngã dĩ trường thi,
Ngã dục tác thi phụng hoạ chi.
Khả thị kháng Mỹ cứu quốc sự,
Hoàn toàn chiếm lĩnh ngã tâm ti (tư).

Dịch nghĩa:

BÀI THỨ TƯ

Cụ Đồng tặng tôi bài thơ dài,
Tôi muốn làm thơ kính hoạ lại cụ.
Nhưng công việc chống Mỹ cứu nước,
Đã hoàn toàn chiếm lĩnh tâm tư tôi.

Dịch thơ:

IV

*Cụ Đồng tặng tôi bài thơ dài,
Tôi muốn làm thơ hoạ lại người.
Nhưng việc nước nhà đang chống Mỹ,
Hoàn toàn chiếm trọn trái tim tôi.*

PHAN VĂN CÁC dịch

其五

安徽白古多豪傑
誰比英雄新四軍
黨軍到處除強暴
從此工人作主人

Phiên âm:

KỲ NGŨ

An Huy⁽¹⁷⁾ tự cổ đa hào kiệt,
Thuyền tử anh hùng Tân tứ quân⁽¹⁸⁾.
Đảng quân đảo xử trừ cường bạo,
Tòng thủ công nhân tác chủ nhân.

Dịch nghĩa:

BÀI THỨ NĂM

An Huy tự xưa vốn có nhiều hào kiệt,
Có ai sánh được với Tân tứ quân anh hùng!
Quân đội của Đảng khắp nơi trừ khử cường bạo,
Từ nay công nhân thành chủ nhân.

Dịch thơ:

V

An Huy từ cổ bao hào kiệt,
Hào kiệt ai bằng Tân tứ quân!
Theo Đảng khắp nơi trừ cường bạo,
Làm chủ từ nay là công nhân.

PHAN VĂN CÁC dịch

其六

地方同志太客氣
對我們無微不至
幾乎天天去參觀
晚晚請我們看戲

Phiên âm:

KỶ LỤC

Địa phương đồng chí thái khách khí,
Đối ngã môn vô vị bất chí.
Cơ hồ thiên thiên khứ tham quan,
Văn văn thỉnh ngã môn khán hý.

Dịch nghĩa:

BÀI THỨ SÁU

Các đồng chí ở địa phương rất quý trọng khách,
Đối với chúng tôi chu đáo từng li từng tí.
Hầu như ngày nào cũng đi tham quan,
Tối tối lại mời chúng tôi xem kịch.

Dịch thơ:

VI

*Đồng chí địa phương thật quý khách,
Với chúng tôi chu đáo hết cách.
Ngày nào cũng được đi thăm quan,
Tối tối lại mời đi xem kịch.*

PHAN VĂN CẮC dịch

離北京

冀北天心懸皓月
心隨皓月共悠悠
皓月離分爲兩半
半隨舊友半征夫

Phiên âm:

28. LY BẮC KINH

Ký Bắc⁽¹⁹⁾ thiên tâm huyền hạo nguyệt,
Tâm tùy hạo nguyệt cộng du du.
Hạo nguyệt thủy phân vi lưỡng bán?
Bán tùy cựu hữu, bán chinh phu.

Dịch nghĩa:

RỜI BẮC KINH

Giữa lòng trời Ký Bắc treo vàng trăng sáng trắng,
Lòng ta theo trăng sáng cùng man mác.
Vàng trăng sáng kia ai chia làm hai nửa,
Một nửa theo cùng bạn cũ, một nửa soi
khách đường trường.

Dịch thơ:

RỜI BẮC KINH

*Trời Ký Bắc treo vàng trăng rọi,
Lòng theo trăng vời vọi sáng ngời.
Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa theo bạn cũ, nửa soi lữ hành.*

PHAN VĂN CÁC dịch

過湖北

我去田間都白雪
我來田麥已青青
明天機械替木械
億兆農家樂太平

Phiên âm:

29. QUÁ HỒ BẮC⁽²⁰⁾

Ngã khứ điền gian đô bạch tuyết,
Ngã lại điền mạch dĩ thanh thanh.
Minh thiên cơ giới thể mộc giới,
Úc triệu nông gia lạc thái bình.

Dịch nghĩa:

QUA HỒ BẮC

Khi ta đi ngoài đồng toàn là tuyết trắng,
Nay ta về lúa mạch ngoài đồng đã xanh xanh.
Ngày mai có cây máy thay thế cho cây gỗ,
Úc triệu gia đình nông dân vui hưởng cảnh
thái bình.

Dịch thơ:

QUÁ HỒ BẮC

*Đồng ruộng khi đi đầy tuyết trắng,
Nay về lúa mạch đã xanh xanh.
Ngày mai cây máy thay cây gỗ,
Úc triệu nhà nông hưởng thái bình.*

PHAN VĂN CÁC dịch

過長沙

長沙過去是沙場
一塊樓臺一點傷
中國而今已解放
長沙此後免桑蒼

Phiên âm:

30. QUÁ TRƯỜNG SA⁽²¹⁾

Trường sa quá khứ thị sa trường,
Nhất khối lâu đài nhất điểm thương.
Trung Quốc nhi kim dĩ giải phóng,
Trường Sa thử hậu miễn tang thương.

Dịch nghĩa:

QUA TRƯỜNG SA

Trường Sa ngày trước là bãi sa trường,
Mỗi tòa lâu đài kia là một vết thương.
Ngày nay Trung Quốc đã được giải phóng,
Trường sa từ nay về sau sẽ thoát khỏi cảnh
đổi dời dâu bể.

Dịch thơ:

QUA TRƯỜNG SA

*Trường Sa ngày trước chốn sa trường,
Mỗi dãy lâu đài một vết thương.
Trung Quốc ngày nay đã giải phóng,
Trường Sa sẽ hết cảnh tang thương.*

PHAN VĂN CÁC dịch

午過遷江

到遷江說遷江
遷江江岸滿春霜
千輛敵車成黑燼
紅軍直到鎮南關

Phiên âm:

31. NGỌ QUÁ THIÊN GIANG⁽²²⁾

Đảo Thiên Giang, thuyết Thiên Giang,
Thiên Giang giang ngạn mãn xuân sương.
Thiên lương địch xa thành hắc tận,
Hồng quân trực đảo Trấn Nam Quan.

Dịch nghĩa:

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

Đến Thiên Giang thì nói chuyện Thiên Giang,
Trên bờ Thiên Giang, sương xuân đã phủ đầy.
Hàng ngàn chiếc chiến xa của địch đều hoá
thành tro đen.
Hồng quân tiến thẳng đến Trấn Nam Quan.

Dịch thơ:

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

Đến Thiên Giang kể chuyện Thiên Giang,
Xuân tới bờ sông bát ngát sương.
Xe thù ngàn cỗ thành tro xám,
Hồng quân thẳng đến Trấn Nam Quan.

PHAN VĂN CÁC dịch

近龍州

遠隔龍州三十里
已聞炮響與機聲
越南民眾真英勇
抗戰必勝建國必成

Phiên âm:

32. CẬN LONG CHÂU⁽²³⁾

Viễn cách Long Châu tam thập lý,
Dĩ văn pháo hưởng dữ cơ thanh.
Việt Nam dân chúng chân anh dũng,
Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành.

Dịch nghĩa:

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

Cách xa Long Châu ba mươi dặm,
Đã nghe tiếng đại bác vang dội và tiếng
máy bay gầm rú.
Dân chúng Việt Nam thật là anh dũng,
Kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc
nhất định thành công.

Dịch thơ:

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

*Còn cách Long Châu ba chục dặm,
Nghe tàu bay rú, pháo gầm rung.
Nhân dân nước Việt anh hùng thật,
Diệt thù, dựng nước ắt thành công.*

PHAN VĂN CÁC dịch

寄毛主席

欣聞您暢泳長江
群眾歡呼您健康
我在越南忙抗美
遙祝您萬壽無疆

Phiên âm:

33. KÝ MAO CHỦ TỊCH⁽²⁴⁾

Hân văn Nhẫn sướng vịnh Trường Giang,
Quần chúng hoan hô Nhẫn kiện khang.
Ngã tại Việt Nam mang kháng Mỹ,
Dao chúc Nhẫn “vạn thọ vô cương”

1966

Dịch nghĩa:

GỬI MAO CHỦ TỊCH

Mừng nghe Người bơi lội thoải thích ở Trường Giang,
Quần chúng reo vui thấy Người khoẻ mạnh.
Tôi ở Việt Nam đang bận đánh Mỹ,
Từ xa tôi chúc người “vạn thọ vô cương”.

1966

Dịch thơ:

GỬI MAO CHỦ TỊCH

Vui nghe Người bơi thoải Trường Giang,
Quần chúng mừng Người được kiện khang.
Tôi ở Việt Nam ra đánh Mỹ,
Xa chúc người “vạn thọ vô cương”

PHAN VĂN CÁC dịch

無題

三年不吃酒吹煙
人生無病是真仙
喜見南方連大勝
一年四季都春天

Phiên âm:

34. VÔ ĐỀ

Tam niên bất ngật tửu xuy yên.
Nhân sinh vô bệnh thị chân tiên.
Hỷ kiến Nam phương liên đại thắng,
Nhất niên tứ quý đồ xuân thiên.

3/1968

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

Đã ba năm rồi không uống rượu, không hút
thuốc lá,
Ở đời không ốm đau chính là tiên thật sự!
Mừng thấy miền Nam thắng lợi liên tiếp,
Một năm cả bốn mùa đều là xuân.

3/1968

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

*Thuốc kiêng, rượu cũ đã ba năm,
Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần
Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn,
Một năm là cả bốn mùa xuân.*

KHUONG HỮU DỤNG dịch

“ 二 勿 ”

註：大夫同志們勸喻二勿：
勿吸煙，勿吃酒。自己題詩為證

無煙無酒過新春
易使詩人化俗人
夢里吸煙吃美酒
醒來更奮振精神

Phiên âm:

35. NHỊ VẬT

(*Nguyên chú*: Đại phu đồng chí môn khuyên dụ “nhị vật”
vật hấp yên, vật ngật tửu, tự kỷ đề thi vị chúng).

Vô yên, vô tửu quá tân xuân,
Dị sử thi nhân hoá tục nhân.
Mộng lý hấp yên ngật mỹ tửu,
Tỉnh lai cánh phẩn chấn tỉnh thần.

Dịch nghĩa:

“HAI CHỖ”

(*Lời dẫn của tác giả*:

Các đồng chí bác sĩ khuyên “hai chỗ”
Chỗ hút thuốc lá, chỗ uống rượu,
Tự mình đề thơ làm chúng.)
Đón mừng xuân mới mà không có thuốc lá,
không có rượu,
Rất dễ khiến cho nhà thơ hoá ra người phàm tục.
Trong giấc mộng thấy mình được hút thuốc lá
và uống rượu ngon,
Lúc tỉnh ra tỉnh thần thêm phẩn chấn.

Dịch thơ:

“HAI CHỜ”

*Thuốc không, rượu chẳng có mừng xuân,
Để khiến thi nhân hoá tục nhân.
Trong mộng thuốc thơm và rượu ngọt,
Tỉnh ra thêm phần chán tỉnh thần.*

PHAN VĂN CÁC dịch

戊申春節

四月百花開滿園
紅紅紫紫互爭妍
白鳥捉魚湖里去
黃鶯飛上天
天上閑雲來又去
忙把南方捷報傳

Phiên âm:

36. MẬU THÂN XUÂN TẾT

Tứ nguyệt bách hoa khai mãn viên,
Hồng hồng tử tử hỗ tranh nghiên.
Bạch điểu tróc ngư hồ lý khứ,
Hoàng anh phi thượng thiên.
Thiên thượng nhân vân lai hựu khứ,
Mang bả Nam phương tiệp báo truyền.

Dịch nghĩa:

14/4/1968

TẾT MẬU THÂN

Tiết tháng tư trăm loài hoa nở đầy vườn,
Đỏ đỏ, tím tím, hoa đua nhau phô vẻ tươi.
Có con chim trắng sà xuống hồ để bắt cá,
Chim hoàng anh thì lại bay thẳng lên trời.
Trên trời, những áng mây thông thả
bay đến rồi bay đi,
Lòng rộn lên tin thắng trận ở miền Nam báo về.

14/4/1968

Dịch thơ:

TẾT MẬU THÂN

*Tháng tư hoa nở một vườn đầy,
Tía tía, hồng hồng đua sắc tươi.
Chim trắng xuống hồ tìm bắt cá,
Hoàng oanh vút tận trời.
Trên trời mây đến rồi đi,
Miền Nam thắng trận báo về tin vui.*

PHAN VĂN CÁC dịch

CHÚ THÍCH

(1) Bài *Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ* (Cứu Trung Quốc là tự cứu mình) có xuất xứ từ một bài báo của Nguyễn Ái Quốc với bút danh Bình Sơn đăng trên *Cứu vong nhật báo*, mục *Văn hoá cương vị* ngày 4/12/1940

Cứu vong nhật báo là một tờ báo do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, sáng lập ở Thượng Hải tháng 8 năm 1937, sau dời về Quảng Châu, ra mắt vào dịp Nguyên đán năm 1938. Mùa thu năm 1938 dời về Quế Lâm, ra lại vào ngày 10/1/1939. Ngày 28/2/1941 (sau sự biến Hoa Nam do bọn phản động Quốc dân đảng gây ra) bị đình chỉ hoạt động. Ở Quế Lâm, toà báo đặt tại nhà số 12 đường Thái Bình.

Một buổi tối tháng 11 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc đến nơi ở của Hà Diễm, lúc đó là Tổng biên tập *Cứu vong nhật báo* trên đường Thái Bình (Quế Lâm, Quảng Tây), mang theo một bản thảo.

Hà Diễm đề nghị Người sao một bản, bỏ vào phong bì gửi bằng đường bưu điện đến cho toà báo, để phòng khi bị bọn Quốc dân đảng lục soát thì Hà Diễm sẽ có chiếc phong bì đóng con dấu bưu cục mang ra đổi phó.

Từ đó Nguyễn Ái Quốc thường gửi bài đến toà báo.

Người đến Quế Lâm vào tháng 10 năm 1940 và trung tuần tháng 12 thì dời Quế Lâm. Trong thời gian đó, Người đã viết cho *Cứu vong nhật báo* 8 bài sau đây:

- *Trì oa dĩ hoàng ngư* (*Con nhái và con bò*) đăng ngày 24 tháng 11.
- *Lưỡng cá Phâm - nhĩ - tái chính phủ* (*Hai chính phủ Versailles*) đăng ngày 29 tháng 11.
- *Tạo dao* (*Đặt điều*) đăng ngày 1 tháng 12.
- *Việt Nam nhân dân dữ Trung Quốc báo chí* (*Nhân dân Việt Nam với cuộc kháng chiến của Trung Quốc*) đăng ngày 2 tháng 12.
- *An Nam ca dao dữ Trung Quốc kháng chiến* (*Ca dao An Nam với cuộc kháng chiến của Trung Quốc*) đăng ngày 4 tháng 12.
- *Ngư mục hổ châu* (*Mắt cá đánh lặn ngọc trai*) đăng ngày 5 tháng 12.
- *Ý Đại Lợi thực bất đại lợi* (*Ý Đại Lợi thực không đại lợi*) đăng ngày 6 tháng 12.
- *Việt Nam "phục quốc quân" hoàn thị "mại quốc dân"* (*Việt Nam "phục quốc quân" hay là "mại quốc quân"*) đăng ngày 18 tháng 12.

Bảy bài đầu đều đăng ở chuyên mục "Văn hoá cương vị", riêng bài cuối cùng đăng ở mục "*Bản báo đức cảo*". Trong đó bốn bài "*Con nhái và con bò*", "*Hai chính phủ Versailles*", "*Đặt điều*" và "*Ý Đại Lợi thực không đại lợi*" thuộc loại bình luận quốc tế, bốn bài còn lại đều xoay quanh chủ đề cách mạng Việt Nam và mối quan hệ Việt - Trung.

Trong bài thứ 5, tác giả làm lời "một nhà báo" đưa tin về tình hình nhân dân Việt Nam chi viện mọi mặt cho cuộc kháng chiến của Trung Quốc. Người viết: "Đại đa số nhân dân An Nam đều hết sức đồng tình với cuộc kháng chiến của Trung Quốc... Để mở rộng việc tuyên truyền giúp Trung Quốc chống Nhật, Việt Nam độc lập đồng minh hội - một đoàn thể sôi nổi hoạt động nhưng cũng rất bí mật - đã nghĩ ra một cách rất tài tình: Họ đã đặt ra những bài hát theo các làn điệu phổ thông và dạy cho trẻ em hát. Thế là tự nhiên không hề hay biết gì cả, các cháu bé An Nam trở thành những tuyên truyền viên rất đặc lực. Những bài hát đó chẳng mấy chốc đã truyền khắp cả nước. Cuối cùng bài báo" đã sao lại một bài ca dao lưu hành ở Việt Nam". Đó là một bài ca tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc viết bằng bạch thoại. Tuyên truyền bằng hình thức ca dao vốn là một sở trường của Nguyễn Ái Quốc như chúng ta đã biết trong hàng loạt bài ca tiếng Việt đăng trên báo *Việt Nam độc lập* những năm sau đó.

Toàn bộ nội dung trên đã được Hà Diễm kể lại rất tỉ mỉ và sinh động trong hai bài hồi ký của ông: bài

Hồi ức về nghề làm báo - Kể về Cửu vong nhật báo ở Quê Lâm đăng trên Dương Thành văn báo từ ngày 6 đến ngày 11 tháng 7 năm 1981, và bài Nhà báo đầu bạc kể chuyện năm xưa - Nói tiếp về Cửu vong Nhật báo đăng trong Tân văn nghiên cứu tư liệu năm 1981 tập 2.

Hồi Nguyễn Ái Quốc quen Hạ Diên là qua mối quan hệ với Văn phòng Bát lộ quân ở Quê Lâm. Năm 1957, Hạ Diên dẫn đầu đoàn đại biểu Bộ Văn hoá Trung Quốc sang thăm Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tại Phủ Chủ tịch. Trong buổi tiếp, nhắc lại chuyện cũ, Người vui vẻ nói với Hạ Diên: “Bài ấy của tôi, đồng chí đã trả nhuận bút năm đồng. Năm đồng hồi đó là quý lắm”.

(2) Bài thơ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tác vào khoảng giữa tháng 9 năm 1943 khi đã được trả lại tự do song vẫn còn bị giam lỏng ở Liễu Châu.

Trong tập *Những chặng đường lịch sử* (NXB Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 128 - 129), đồng chí Võ Nguyên Giáp đã thuật lại trường hợp đó như sau:

“..... Bữa ấy, tôi về cơ quan hội báo tình hình thì thấy anh Đồng, anh Vũ Anh và anh Lã đang xúm xít quanh một tờ báo. Các anh chuyển tờ báo và hỏi tôi tit:

- Anh xem có đúng là chữ của Bác không?

Đó là một tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, bên mép trắng có mấy hàng chữ Hán chép tay. Tôi nhận ra ngay đúng là chữ Bác. Bác viết:

Chúc chư huynh ở nhà mạnh khoẻ và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên.

Phía dưới lại có một bài thơ.

Tôi xem xong hết sức ngạc nhiên. Chữ viết tay này, lời lẽ này, những câu thơ này, đúng là của Bác.

Tờ báo này mới xuất bản.

Mọi người khôn xiết vui mừng. Trong màn đêm âm đạm của đợt khủng bố trắng vô cùng khốc liệt tại Cao-Bắc-Lạng, tin Bác bình yên về với chúng tôi như những tia nắng rực rỡ vừa xuất hiện ở chân trời, báo hiệu một ngày mai tươi sáng sắp tới.”

Bài thơ ấy vốn không có đầu đề và không có trong *Ngục trung nhật ký*. Bản dịch *Ngục trung nhật ký* trong tủ của Viện Văn học đưa vào cuối tập và đặt đầu đề là *Tân xuất ngục học đăng sơn* (Mới ra tù tập leo núi). Tập 36 của *Tổng tập Văn học Việt Nam* (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980, tr. 786 - 787) không ghi đầu đề, đặt dưới mục *Phụ lục*.

Chúng tôi nghĩ rằng bài thơ phải tách ra khỏi *Ngục trung nhật ký*, đặt vào *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh* (Ngoài *Ngục trung nhật ký*) mới hợp lý. Đầu đề *Úc cổ nhân* (Nhớ bạn xưa) là do chúng tôi đặt, căn cứ vào chủ đề của bài thơ. Đó cũng chính là ba chữ cuối bài.

(3) Đồng chí Xuân Thuý cho biết: Đầu năm 1948, sau khi dự cuộc hội nghị ở chốn “yên ba thâm xứ”, Bác xuôi thuyền về nơi căn cứ. Nhân trắng sáng cảnh đẹp, Bác cảm hứng đọc:

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,

Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên.

Rồi thêm hai câu nữa thành bài *Nguyên tiêu*.

Cùng đi thuyền với Bác có đồng chí Xuân Thuý và một số đồng chí khác. Có người đề nghị Bác cho dịch ra tiếng Việt. Bác bảo: “Có Xuân Thuý đây, Xuân Thuý dịch đi”.

Sau một lúc suy nghĩ, Xuân Thuý đọc bản dịch

Bác khen: “Dịch lưu loát, giữ được chất thơ, nhưng dòng thứ hai có ba chữ “xuân” hoà với nhau mà bản dịch có hai chữ “xuân”, thế là ý thì đủ mà chữ còn thiếu”.

Sau đó, đồng chí Xuân Thuý đã dịch lại, có giữ đủ ba chữ “xuân”. Ở dòng thứ hai.

(4) *Bùi Công (Cụ Bùi)*: Bùi Bằng Đoàn (17/9/1889 - 13/4/1955) quê làng Liên Bạt, huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây), đỗ cử nhân, tốt nghiệp trường Hậu bổ, làm tri huyện, tuần phủ rồi thượng thư, Bộ Tư pháp triều đình Bảo Đại. Sau cách mạng tháng Tám là nhân sĩ yêu nước tham gia kháng chiến chống Pháp, được bầu làm Trưởng ban Thường vụ Quốc Hội khóa I.

(5) *Võ Công (Cụ Võ)*: Võ Liêm Sơn (1888 - 1949) là một chiến sĩ yêu nước, người xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Nghệ An. Cụ từng thi đậu cử nhân rồi ra làm quan một thời gian, nhưng sau bỏ về để phản đối thực dân Pháp xâm lược. Cách mạng tháng Tám thành công, cụ tham gia công tác chính quyền và mặt trận Liên khu IV. Cụ đã từng giữ các chức vụ: Chủ tịch Hội mùa đông binh sĩ, uỷ viên Ban vận động mùa đông binh sĩ (được thành lập từ tháng 10 năm 1947, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh) năm

1948, Cụ được cử làm Chủ tịch Mặt trận Liên khu IV và được cử đi dự Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ 2 họp từ ngày 16 đến 20 tháng 7 năm ấy tại Việt Bắc và được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã tặng cụ bài thơ này.

(6) Chủ tịch Hồ Chí Minh có một chuyến đi sang Trung Quốc vào đầu 1950, lúc Giải phóng quân Trung Quốc đuổi quân Tưởng đến sát biên giới Việt - Trung.

Trong bữa tiệc ngày 20/1/1950 do các nhân vật cao cấp của Quân khu Hoa Nam lúc đó như Trương Văn, uỷ viên Trung ương ĐCS TQ, cụm tư lệnh Tân Tứ quân, Li Thiên Hữu, tư lệnh kiêm chủ tịch tỉnh Quảng Tây v.v... tổ chức để chiêu đãi Người tại Giao tế xứ của tỉnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp lại Trần Canh người quen cũ lúc này đã là một vị tướng cùng dự tiệc. Được gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông này rất mừng. Vì sắp phải ra trận để giải phóng tiếp Vân Nam lúc đó còn trong tay Quốc dân đảng Trung Quốc, ông tha thiết xin được chụp với Người một tấm ảnh làm kỷ niệm trước khi đi và được Người chấp nhận.

Người còn viết tặng Trần Canh một bài thơ chữ Hán, và đã dịch ngay, đọc cho những người tháp tùng cùng nghe. Rất tiếc là đến nay chưa tìm được nguyên tác chữ Hán, chúng tôi tạm ghi lại bài dịch của chính Người theo lời kể của đồng chí Lê Phát, người tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chuyến đi ấy và cũng là người đã bấm máy chụp ảnh kỷ niệm nói trên. (Bài đăng báo *Văn Nghệ* số 12 ra ngày thứ bảy 24/3/1990, tr.14).

(7) *Tướng Trần Canh* là cổ vấn quân sự do Đảng Cộng sản Trung Quốc cử sang giúp ta trong chiến dịch Biên giới.

Ngày 8/10/1950, quân ta tiến công mãnh liệt, tiêu diệt binh đoàn Lơ Pa - giơ, tên này cùng toàn bộ tham mưu bị quân ta bắt sống. Sau trận tiêu diệt chiến đầu tiên trong Kháng chiến chống Pháp thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho người mang mấy chai "sâm banh" chiến lợi phẩm và một phong thư đến tặng Trần Canh. Tướng Trần Canh mở ra thì là một bài thơ chữ Hán do Chủ tịch tự tay viết.

Đây là một bài thơ vui Hồ Chí Minh viết theo lối "tập cổ" mượn một bài thơ nổi tiếng của thi nhân đời Đường là Vương Hàn - bài *Lương Châu Tử* - thay đổi hai chữ đầu câu đầu và năm chữ đầu câu cuối, để gửi gắm ý mình. "Tập cổ" là lối "chơi" thơ quen thuộc của người xưa. Bài *Thanh minh* trong *Ngục trung nhật ký* cũng thuộc loại này. Nguyên bài thơ của Vương Hàn như sau:

*Bỏ đào mỹ tửu dạ quan bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.
Tuý ngọa sa trường quân mạc tiếu,
Cố lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

Dịch thơ

*Bỏ đào rượu ngọt chén lưu ly,
Toan nhấp, tỳ bà đã giục đi.
Say khướt sa trường anh chớ mếu,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.*

Trần Quang Trân dịch

(Trích *Thơ Đường*, tập 1. Nxb Văn hoá. 1962, tr.102)

(8) *Thất cửu* (bảy chín) là cách nói vui chỉ tuổi 63 của tác giả năm đó ($7 \times 9 = 63$)

Nhật nguyệt trường trong tiếng Hán vừa có nghĩa là "ngày tháng dài" lại vừa có thể hiểu "dài lâu như nhật nguyệt".

(9) Tác giả viết bài thơ này đầu năm 1954 khi chiến dịch Điện Biên Phủ đang được gấp rút chuẩn bị. Đầu đề do chúng tôi đặt.

(10) *Trường Thành*, còn gọi là Vạn Lý Trường Thành, là công trình kiến trúc lớn của nhân dân lao động Trung Quốc. Thời Chiến Quốc, ba nước Yên, Triệu, Tần đều xây thành ở phía bắc để chống Hồ, Tản Thuỷ Hoàng nối liền lại, phía tây khởi đầu là Lâm Thao, phía đông đến Liêu Đông. Qua thời Lương Hán đến Ngụy Tấn thịnh thoàng có tu sửa. Các triều đại Bắc Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu, và Tuý Đường cũng có xây đắp thêm, và tuyến thành cũng có nhiều thay đổi, không hoàn toàn theo đúng tuyến thành thời Tần Thuỷ Hoàng. Từ Đường về sau, bản đồ Liêu, Kim đều đến phía Nam Trường Thành, riêng đời Tống không với tới. Khi nhà Nguyên cai trị Trung Quốc thì Trường Thành không còn ý nghĩa quốc phòng, nhưng khi nhà Minh đuổi người Mông lên phía bắc Trường Thành, thì lại lấy Trường Thành làm tuyến biên phòng, gia

cổ tu tạo, còn lại đến ngày nay, tổng cộng chiều dài trên 5.000 dặm, tức là hơn 2300 km, từ Gia Duc Quan phía tây đến Sơn Hải Quan phía đông. Đến đời Thanh, thì Trường Thành lại mất ý nghĩa quốc phòng mà chỉ có các trạm thuế quan ở các cửa khẩu mà thôi.

(11) *Thiên San* là dãy núi lớn khởi đầu từ huyện Sơ Lạc tỉnh Tân Cương, chia ngang tỉnh này thành Thiên San Bắc Lộ và Thiên San Nam Lộ, phía đông đến huyện Trấn Tây, lại có một nhánh lên phía bắc đến tận Tháp Thành. Núi này xưa gọi là Bắc Kỳ Liên San, đời Đường gọi là Chiết La Mạn San, thế núi hùng vĩ quanh năm tuyết phủ nên cũng có tên Tuyết San, Bạch San.

(12) *Quê Lâm phong cảnh* là bài thơ vịnh cảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1961. Ngày 15 tháng 6 đó Người đi thuyền cơ từ Hà Nội đến Quê Lâm. Quê Lâm là nơi sơn kỳ thủy tú, phong cảnh hữu tình nổi tiếng ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), từng có câu cổ ngữ “Quê Lâm phong cảnh giáp thiên hạ” nghĩa là phong cảnh Quê Lâm đứng bậc nhất thế giới. Hơn nữa đó là nơi Người từng hoạt động trong thời kỳ kháng Nhật. Trên máy bay, Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại với đại sứ Trung Quốc Hà Vĩ cùng đi, về tình hình sinh hoạt của Người hồi 1940 ở Biện sự xứ của Bát Lộ quân ở Quê Lâm. Người xúc động nói: “Thế mà đã hơn hai mươi năm rồi. Quê Lâm hẳn đã thay đổi tươi đẹp hơn trước nhiều”.

Chiều hôm đó Người trèo lên Điện Thái Sơn (tên núi có nghĩa là “Chống những tấm lụa màu”), sau đó đi thuyền trên Ly Giang, tựa vào lan can thường ngoạn phong cảnh hai bờ. Thuyền qua Quan Nham (Núi cái mũ), Người rời thuyền lên bờ vào Dung Động ngắm cảnh. Gặp suối, Người lội qua dễ dàng trong khi các đồng chí đi theo còn lúng túng với những đôi giày da. Người vui vẻ nói: “Xem ra dép cao su của tôi tiện lợi hơn đấy!”

Thuyền đến Dương Sóc là nơi nổi tiếng “Dương Sóc giáp Quê Lâm” (Dương Sóc đẹp bậc nhất Quê Lâm). Người trèo lên Vọng Giang lâu (Lầu ngắm sông) ngắm toàn cảnh Dương Sóc, sau đó viết năm chữ đại tự bằng bút lông. *Dương Sóc phong cảnh hảo* (Dương Sóc phong cảnh đẹp).

Ngày hôm sau, Người đề bài thơ Quê Lâm này bằng bút lông trên giấy Tuyên chỉ, ký tên và ghi ngày tháng (16/5/1961) rồi đưa tặng Dung Hồ phạn điểm (Khách sạn Hồ cây đa) là nơi Người nghỉ lại.

Đầu đề là của chúng tôi, lấy bốn chữ đầu.

(13) *Thái Hồ* là hồ nước lớn thuộc địa phận hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang của Trung Quốc, còn có các tên gọi khác là Chân Trạch, Cự Khu, Lạp Trạch, Ngũ Hồ, là ranh giới hai nước Ngô, Việt thời Xuân Thu. Diện tích mặt hồ rất rộng, có thuyết nói đến ba vạn sáu ngàn mẫu. Trong lòng hồ có hơn mười hòn đảo lớn nhỏ, nổi tiếng nhất là ba hòn: Động Đình Đông, Động Đình Tây và Mã Tích (đầu chân ngựa). Phong cảnh tươi đẹp, sơn kỳ thủy tú, tục gọi là “động thiên phúc địa”. Nước hồ dâng lên về phía đông thành các con sông Lưu Hà, Hoàng Phố, Ngô Tùng đổ vào Trường Giang. Quanh hồ đất đai màu mỡ, là khu vực giàu có của hai tỉnh Chiết Giang, Giang Tô. Ngày 17/5/1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi thuyền du ngoạn cảnh hồ và viết bài thơ này.

(14) Trung Quốc có nhiều hồ mang tên này, như Tây Hồ ở huyện Mân Hưu tỉnh Phúc Kiến, Tây Hồ ở huyện Thiên Môn tỉnh Hồ Bắc, Tây Hồ ở huyện Huệ Dương tỉnh Quảng Đông, Tây Hồ ở phía tây nam thành phố Côn Minh tỉnh Vân Nam, Tây Hồ tức Côn Minh Hồ ở phía tây Bắc Kinh... đều là những thắng cảnh. Tây Hồ nhắc đến hai lần trong bài này là thắng cảnh nổi tiếng nhất trong số đó, ở phía tây thành phố Hàng Châu tỉnh Chiết Giang. Hồ này còn có nhiều tên khác: hồ Tiền Đường, hồ Minh Thánh, hồ Kim Ngưu. Nhà thơ lớn Tô Thức có câu thơ “Dục bả Tây hồ tỷ Tây Tử” (Muốn ví Tây Hồ với nàng Tây Thi), nên cũng có tên gọi là Tây Tử Hồ. Ba phía có núi bao bọc, có hai đỉnh cao đối xứng sừng sững ở hai phương Bắc, Nam. Trong hồ có hai con đê, đê Tô và đê Bạch, chia mặt nước hồ thành hồ Trong, hồ Ngoài và hồ Sau. Bốn mùa hoa thơm cỏ tươi, nổi tiếng về mười cảnh đẹp trong hồ (Tây Hồ thập cảnh).

(15) *Khúc phụ* nay là tên một huyện ở tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc), thời Xuân Thu là Kinh đô nước Lỗ và cũng là quê hương Khổng Khâu, ông tổ nho giáo.

Nằm giữa núi Ni và sông Tứ, Khúc Phụ có miếu thờ họ Khổng, trong miếu có Hạnh Đàn là nơi ông dạy học, phía bắc có Khổng Lâm là phần mộ của ông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Khúc Phụ ngày 19/5/1965.

(16) *Hoàng Sơn*: Ngày 21/5/1965 Bác Hồ đến Hoàng Sơn, một trong những khu du lịch và điều dưỡng nổi tiếng của Trung Quốc thuộc địa phận tỉnh An Huy (từ năm ấy, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã quyết định: Hàng năm cứ đến mùa hè, Bác sang Trung Quốc để nghỉ ngơi và điều dưỡng). Cùng đi có Phó Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Đổng Tất Vũ.

Hoàng Sơn hấp dẫn du khách bằng những đỉnh núi nguy nga, kỳ vĩ, những cây thông xanh ngắt, khoẻ

khoảnh, hiền ngang, những suối nước trong veo in bóng những tầng mây cuộn cuộn trên bầu trời. Người An Huy thường gọi kỳ từng, quái thạch, vân hải (biển mây) ôn tuyền (suối ấm) là bốn thứ tuyệt diệu của Hoàng Sơn (Hoàng Sơn tứ tuyệt). Nhưng thật ra hồ, khe, đầm, thác... cũng góp phần tôn thêm cảnh sắc nơi đây.

Tại đây, Người đã tham quan các thắng cảnh: Quan Bộc Đình (Đình ngắm thác), Bách Trượng Tuyền (Suối trăm trượng), Đào Nguyên Đình (Đình Nguồn Đào), Nhân Tự Bộc (Thác chữ nhân), Từ Quang Các (Gác Từ Quang), Trình Công Điều Ngư (Trình Công câu cá)... cùng các di tích: Hồ Đầu Nham (Núi đầu cọp), Long Đầu Thạch (Đầu đầu rồng), Đan Tinh (Giếng luyện đan), Dược Cầm (Cối giã thuốc)...

Nhìn lên một ngọn núi có hình một toà tháp cổ, hỏi ra chưa có tên, Bác suy nghĩ một lát rồi đặt tên là Luyện Đan Tháp (Tháp luyện đan). Phó Chủ tịch Đồng Tất Vũ cho lấy giấy bút tự tay đề luôn ba chữ ấy làm tên núi.

Tại nhà khách Hoàng Sơn, Bác tự tay viết năm chữ đại tự “Hoàng Sơn phong cảnh hảo” (Hoàng Sơn phong cảnh đẹp) và đề biễn cho Quan Bộc Đình.

Người lưu lại Hoàng Sơn 18 ngày.

Trước lúc rời Hoàng Sơn, Phó Chủ tịch Đồng Tất Vũ viết bốn khổ thơ tứ tuyệt tặng Bác, dưới tiêu đề “Biệt Hoàng Sơn tứ tuyệt”.

Bác đã viết chùm thơ *Nhật ký Hoàng Sơn* để tặng lại.

(17) *An Huy*: một tỉnh ở miền trung Trung Quốc, chênh về phía đông.

(18) *Tân Tứ Quân*: Lực lượng vũ trang cách mạng kháng Nhật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nguyên là đội du kích Hồng quân, là chủ lực kháng Nhật ở Hoa Trung, cùng với Bát lộ quân, là tiền thân của Giải phóng quân Trung Quốc.

(19) *Kỳ Bắc*: Miền Bắc tỉnh Hà Bắc Trung Quốc.

(20) *Hồ Bắc*: một tỉnh ở khoảng giữa lưu vực Trường Giang, phía bắc hồ Động Đình.

(21) *Trường Sa*: Tỉnh lỵ tỉnh Hồ Nam (Trung Quốc).

(22) *Thiên Giang*: một huyện của tỉnh Quảng Tây.

(23) *Long Châu*: một huyện của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) giáp với Việt Nam, cuối năm 1939, với bí danh Hồ Quang, Nguyễn Ái Quốc đã đến Long Châu để bắt liên lạc với tổ chức Đảng ở trong nước, nhưng vì người của Đảng phái sang bị lừa, mất hết tiền nong, phải quay về ngay lên không gặp nhau vì thế chuyến về nước đó của Người không thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh có kể lại chuyện này trong báo cáo của Người viết năm 1961, kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc).

Tháng 8 năm 1944, thoát khỏi cảnh giam lỏng ở Liễu Châu, đồng chí Hồ Chí Minh đã qua Long Châu về nước. Long Châu có thể coi là một căn cứ hải ngoại của cách mạng Việt Nam thời thuộc Pháp. Các thập kỷ 30, 40 của thế kỷ này, ở Long Châu có đặt trạm liên lạc bí mật của Đảng ta.

Đức Hưng xa y điểm ở số nhà 82 phố Đông Quan Ngoại là một trong những trạm như vậy. Trạm này đã được đón đồng chí Hồ Chí Minh lúc đó. Đồng chí Hoàng Văn Thụ cũng từng hoạt động ở Long Châu.

(24) *Bài Kỳ Mao Chủ tịch* đăng trên *Nhân dân nhật báo* (Trung Quốc) số ra ngày 9/8/1966.

NGỤC TRUNG NHẬT KÝ (NHẬT KÝ TRONG TÙ)

*Theo bản dịch của Viện Văn học do Nam Trân chủ trì
(Nxb Văn hoá, H. 1960) và bản của Trung tâm Nghiên cứu Quốc học
do Trần Đắc Thọ và Mai Quốc Liên nhuận chính (Nxb Văn học, H. 2004)*

BÀI 1

身體在獄中
精神在獄外
欲成大事業
精神更要大

Phiên âm:

Thân thể tại ngục trung
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp
Tinh thần cánh yếu đại⁽¹⁾.

Dịch nghĩa:

Thân thể ở trong ngục
Tinh thần ở ngoài ngục;
Muốn nên sự nghiệp lớn
Tinh thần càng phải cao.

Dịch thơ:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 2

開卷

老夫原不愛吟詩
因為囚中無所爲
聊借吟詩消永日
且吟且待自由時

Phiên âm:

KHAI QUYỂN

Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi;
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật
Thả ngâm thả đãi tự do thì.

Dịch nghĩa:

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

Già này vốn không thích ngâm thơ,
Nhân vì trong ngục không có gì làm;
Hãy mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài,
Vừa ngâm vừa đợi ngày tự do.

Dịch thơ:

*Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 3

在足榮街被扣留

足榮卻使余蒙辱
故意遲延我去程
間諜嫌疑空捏造
把人名譽白犧牲

Phiên âm:

TẠI TÚC VINH NHAI BỊ KHẤU LƯU

Túc Vinh khước sử dư mông nhục.
Cố ý trì diên ngã khứ trình;
Gián điệp hiềm nghi không niết tạo,
Bả nhân danh dự bạch hy sinh.

Dịch nghĩa:

BỊ BẮT GIỮ Ở TÚC VINH⁽²⁾

Đặt tên Túc Vinh mà khiến ta mang nhục⁽³⁾,
Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta;
Bày đặt ra trò tình nghi gián điệp,
Không dung làm mất danh dự của người.

Dịch thơ:

*Túc vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý làm ta chậm lộ trình;
Dựng chuyện tình nghi làm gián điệp,
Khiến người, danh dự uổng hy sinh.*

TRẦN DẮC THỌ dịch

BÀI 4

入靖西縣獄

獄中舊犯迎新犯
天上晴雲逐雨雲
晴雨浮雲飛去了
獄中留住自由人

Phiên âm:

NHẬP TỈNH TÂY HUYỆN NGỤC

Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm,
Thiên thượng tình vân trục vũ vân,
Tình, vũ phù vân phi khứ liễu,
Ngục trung lưu trú tự do nhân.

Dịch nghĩa:

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN TỈNH TÂY⁽⁴⁾

Trong ngục tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Mây tạnh, mây mưa, mây đám mây nổi bay đi hết,
Chỉ còn lại người tự do trong ngục

Dịch thơ:

*Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 5

世路難

其一

走遍高山與峻巖
那知平路更難堪
高山遇虎終無樣
平路逢人卻被監

BÀI 6

其二

余原代表越南民
擬到中華見要人
無奈風波平地起
送余入獄作嘉賓

BÀI 7

其三

忠誠我本無心疚
卻被嫌疑做漢奸
處世原來非易易
而今處世更難難

Phiên âm:

THẾ LỘ NAN

I

Tầu biến cao sơn dữ tuần nham,
Na tri bình lộ cánh nan kham;
Cao sơn ngộ hổ chung vô dạng⁽⁵⁾,
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.

II

Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đảo Trung Hoa kiến yếu nhân;
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tổng dư nhập ngục tác gia tân.

III

Trung thành, ngã bản vô tâm cứu,
Khước bị hiềm nghi tổ Hán gian;
Xử thế nguyên lai phi dị dị,
Nhi kim xử thế cánh nan nan!

Dịch nghĩa:

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại khó qua;
Núi cao gặp hồ rút cục vẫn không việc gì,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt.

II

Ta vốn là đại biểu của dân Việt Nam,
Định đến Trung Hoa gặp nhân vật trọng yếu;
Không dưng đất bằng nổi sóng gió,
Đưa ta vào làm “khách quý” trong tù.

III

Vốn trung trực, thành thật, ta không có
điều gì thẹn với lòng,
Thế mà bị tình nghi là Hán gian;
Việc xử thế vốn không phải là dễ,
Lúc này, xử thế càng khó khăn hơn.

I

*Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao;
Núi cao gặp hố mà vô sự,
Đường phẳng gặp người, bị tống lao.*

II

*Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;
Ai ngờ đất bằng gây sóng gió.
Phải làm “khách quý” tại nhà giam!*

III

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 8

早

其一

太陽每早從牆上
照著籠門門未開
籠裡現時還黑暗
光明卻已面前來

BÀI 9

其二

早起人人爭獵虱
八鐘響了早餐開
勸君且吃一個飽
否極之時必泰來

TẢO

I

Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng,
Chiều trước lung môn, môn vị khai;
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám,
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.

II

Tảo khởi nhân nhân tranh liệt sắt,
Bát chung hưởng liễu, tảo xan khai;
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão,
Bĩ cực chi thì tất thái lai.

Dịch nghĩa:

BUỔI SỚM

I

Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu tường,
Chiều tới cửa nhà lao, cửa chưa mở;
Giờ đây trong lao còn đen tối,
Nhưng ánh sáng đã bùng lên phía trước mặt.

II

Sớm dậy, mọi người đua nhau bắt rận,
Chuông điểm tám giờ, bữa cơm sáng bắt đầu;
Khuyến anh hãy cứ ăn no,
Khổ đến tột cùng, vui ắt tới.

Dịch thơ:

I

*Đầu tường sớm sớm vàng dương mọc,
Chiều cửa nhà lao, cửa vẫn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bình soi.*

NAM TRÂN dịch

II

*Sớm dậy, người người đua bắt rận,
Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng.
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.*

NAM TRÂN - XUÂN THUỶ dịch

BÀI 10

午

獄中午睡真舒服
一睡昏昏幾句鐘
夢見乘龍天上去
醒時才覺臥籠中

Phiên âm:

NGỌ

Ngục trung ngộ thuy chân thư phục,
Nhất thuy hôn hôn kỷ cú chung;
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ,
Tỉnh thì tài giác ngộ lung trung.

Dịch nghĩa:

BUỔI TRƯA

Trong nhà lao, giấc ngủ trưa thật
khoan khoái,
Một giấc say sưa suốt mấy tiếng liền;
Mơ thấy cưỡi rồng bay lên trời,
Khi tỉnh dậy mới biết mình vẫn nằm
trong ngục.

Dịch thơ:

*Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,
Một giấc miên man suốt mấy giờ;
Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.*

NAM TRÂN dịch

問話

社會的兩極
法官與犯人
官曰你有罪
犯曰我良民
官曰你說假
犯曰我言真
法官性本善
假裝惡狠狠
要入人於罪
卻假意慇懃
這兩極之間
立著公理神

Phiên âm:

VẤN THOẠI

Xã hội đích lương cực,
Pháp quan dữ phạm nhân;
Quan viết: nhĩ hữu tội,
Phạm viết: ngã lương dân;
Quan viết: nhĩ thuyết giả,
Phạm viết: ngã ngôn chân;
Pháp quan tính bản thiện,
Giả trang ác ngân ngân;
Yếu nhập nhân ư tội,
Khước giả ý ân cần;
Giá lương cực chi gian,
Lập trước công lý thần.

Dịch nghĩa:

LỜI HỎI

Hai cực của xã hội,
Quan toà và phạm nhân;
Quan bảo: anh có tội,
Phạm nhân thưa: tôi dân lành;
Quan bảo: anh nói dối,
Phạm nhân thưa: tôi nói thật;
Quan toà tính vốn thiện,
Lại hăm hăm giả làm bộ ác;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Giữa hai cực này,
Có thần công lý đúng.

Dịch thơ:

Hai cực trong xã hội:
Quan toà với phạm nhân
Quan rằng: "Anh có tội!"
Phạm thưa: "Tôi lương dân!"
Quan rằng: "Anh nói dối!"
Phạm thưa: "Thực trăm phần!"
Quan toà vốn tính thiện
Giả bộ ác vô ngần
Muốn khép người vào tội
Vờ tỏ ý ân cần.
Ở giữa hai cực đó
Thần công lý rất gần

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

BÀI 12

午後

二點開籠換空氣
人人仰看自由天
自由天上神仙客
知否籠中也有仙

P'hiên âm:

NGỌ HẬU

Nhị điểm khai lung hoán không khí,
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên;
Tự do thiên thượng thần tiên khách,
Tri phủ lung trung dã hữu tiên?

Dịch nghĩa:

QUÁ TRƯA

Hai giờ chiều, nhà lao mở cửa đổi không khí,
Mọi người ngừng lên ngắm trời tự do;
Khách thần tiên trên trời tự do,
Biết chăng trong tù cũng có tiên?

Dịch thơ:

*Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngừng mắt ngắm trời tự do;
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Hai giờ ngục mở thay không khí,
Ai nấy nhìn lên: trời tự do!
Tiên khách tự do trên thượng giới,
Biết chăng, tiên cũng ở trong tù?*

VŨ HUY ĐỘNG dịch

BÀI 13

晚

晚餐吃了日西沈
處處山歌與樂音
幽暗靖西禁閉室
忽成美術小翰林

Phiên âm:

VĂN

Văn xan ngật liễu, nhật tây trầm,
Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm;
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.

Dịch nghĩa:

CHIỀU HỒM

Cơm chiều xong, mặt trời lặn về tây,
Khắp nơi, rộn tiếng ca dân dã và tiếng nhạc;
Nhà ngục u ám huyện Tĩnh Tây,
Bỗng thành một viện hàn lâm nghệ thuật nhỏ.

Dịch thơ:

*Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 14

囚糧

每餐一碗紅米飯
無鹽無菜又無湯
有人送飯吃得飽
沒人送飯喊爺娘

Phiên âm:

TÙ LUƠNG

Mỗi xan nhất uẩn hồng mễ phạn,
Vô diêm, vô thái, hựu vô thang;
Hữu nhân tống phạn, ngật đắc bão,
Một nhân tống phạn, hám gia nương.

Dịch nghĩa:

CƠM TÙ

Mỗi bữa một bát cơm gạo đỏ,
Không muối, không rau cũng chẳng canh;
Có người đem cơm được ăn no,
Không người đem cơm, đói kêu cha kêu mẹ

Dịch thơ:

*Không rau, không muối, canh không có,
Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,
Không người lo bữa, đói kêu cha.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

BÀI 15

難友吹笛

獄中忽聽思鄉曲
聲轉淒涼調轉愁
天里關河無限感
閨人更上一層樓

Phiên âm:

NẠN HỮU XUY DỊCH

Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thể lương, điệu chuyển sầu;
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thương nhất tầng lầu.

Dịch nghĩa:

NGƯỜI BẠN TÙ THỜI SÁO

Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương,
Âm thanh trở lên thể lương, tình điệu
trở nên sầu muộn;
Nước non xa cách nghìn trùng, cảm thương vô hạn,
Có người khuê phụ lại bước lên một
tầng lầu.

Dịch thơ:

*Bỗng nghe trong ngực sáo vì vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác:

*Bỗng nghe tiếng sáo thê lương
Trong tù thổi khúc tư hương náo nùng
Quan san cảm cảnh muôn trùng
Nhớ thương giục bước lầu hồng lên cao.*

QUÁCH TẤN dịch

BÀI 16

腳閹

其一

掙擰餓口似兇神
晚晚張開把腳吞
各人被吞了右腳
只剩左腳能屈伸

BÀI 17

其二

世間更有離奇事
人們爭先上腳鉗
因為有鉗才得睡
無鉗沒處可安眠

CƯỚC ÁP

I

Tranh ninh ngã khẩu tự hung thần,
Văn văn trương khai bả cước thôn;
Các nhân bị thôn liễu hữu cước,
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.

II

Thế gian cánh hữu ly kỳ sự,
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm;
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thuy,
Vô kiềm một xứ khả an miên.

Dịch nghĩa:

CÁI CÙM

I

Miệng đói dữ tợn như một hung thần,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Người nào cũng bị nuốt chân phải,
Chỉ còn chân trái co duỗi được thôi.

II

Trên đời lại có chuyện thật là kỳ,
Mọi người tranh nhau đến trước để cùm chân;
Vì có cùm chân mới được ngủ,
Không cùm chân thì không chỗ ngủ yên.

I

*Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải,
Cò đuổi còn chân bên trái thôi.*

II

*Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?*

NAM TRÂN dịch

BÀI 18

學奕棋

其一

閉坐無聊學奕棋
千兵萬馬共驅馳
進攻退守應神速
高才疾足先得之

BÀI 19

其二

眼光應大心應細
堅決時時要進攻
錯路雙車也沒用
逢時一卒可成功

BÀI 20

其三

雙方勢力本平均
勝利終須屬一人
攻守運籌無陋算
才稱英勇大將軍

P'hiên âm:

HỌC DỊCH KỲ

I

Bế⁽⁶⁾ tạo vô liêu học dịch kỳ,
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;
Tấn công thoái thủ ứng thần tốc,
Cao tài tất túc tiên đắc chi.

II

Nhãn quang ứng đại, tâm ứng tế,
Kiên quyết, thì thì yếu tấn công;
Thác lộ, song xa đã một dụng,
Phong thời, nhất tốt khả thành công.

III

Song phương thế lực bản bình quân,
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vận trù vô lậu toán,
Tài xúng anh dũng đại tướng quân.

Dịch nghĩa:

HỌC ĐÁNH CỜ

I

Ngồi trong giam cầm buồn tênh, học đánh cờ,
Nghìn quân muôn ngựa cùng rong ruổi;
Tấn công, lui giữ đều phải thần tốc,
Tài cao, chân nhanh mới được nước trước.

II

Tâm nhìn phải rộng, suy nghĩ phải sâu,
Phải kiên quyết, luôn luôn tấn công;
Lạc nước hai xe cũng thành vô dụng,
Gặp thời, một tốt có thể thành công.

III

Thế lực hai bên vốn ngang nhau,
Kết cục thắng lợi thuộc về một người;
Tính kẻ đánh hay giữ không sợ hờ,
Mới xứng đáng là bậc đại tướng anh dũng.

I

*Tù túng đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.*

II

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thể tấn công;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

III

*Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

BÀI 21

望月

獄中無酒亦無花
對此良宵奈若何
人向窗前看明月
月從雙隙看詩家

Phiên âm:

VỌNG NGUYỆT

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch nghĩa:

NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp hôm nay biết làm thế nào;
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng,
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

Dịch thơ:

*Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 22

分水

每人分得水半盆
洗面烹茶各隨便
誰要洗面勿烹茶
誰要烹茶勿洗面

Phiên âm:

PHÂN THUỶ

Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn,
Tẩy diện, phanh trà các tùy tiện;
Thuỷ yếu tẩy diện, vật phanh trà,
Thuỷ yếu phanh trà, vật tẩy diện.

Dịch nghĩa:

CHIA NƯỚC

Mỗi người được chia nửa chậu nước,
Rửa mặt hoặc đun trà, tự ý mình;
Ai muốn rửa mặt, đừng đun trà,
Ai muốn đun trà, thôi rửa mặt.

Dịch thơ:

*Mỗi người phần nước vừa lưng chậu,
Rửa mặt đun trà tự ý ta;
Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ đun trà.*

NAM TRÂN - TRẦN ĐẮC THỌ dịch

BÀI 23

中秋

其一

中秋秋月圓如鏡
照耀人間白似銀
家裡團圓吃秋節
不忘獄裡吃愁人

BÀI 24

其二

獄中人也賞中秋
秋月秋風帶點愁
不得自由賞秋月
心隨秋月共悠悠

TRUNG THU

I

Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiều diệp nhân gian bạch tự ngân;
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sầu nhân.

II

Ngục trung nhân đã thưởng trung thu,
Thu nguyệt thu phong đối điểm sầu;
Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt,
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du!

Dịch nghĩa:

TRUNG THU

I

Trăng trung thu tròn như gương,
Chiều rọi cõi đời, ánh trắng trắng như bạc;
Nhà ai sum họp ăn tết trung thu,
Chẳng quên người trong ngục nuốt sầu.

II

Người trong ngục cũng thưởng thức trung thu,
Trăng thu, gió thu đều vương sầu;
Không được tự do ngắm trăng thu,
Lòng theo cùng trăng thu vơi vợi.

Dịch thơ:

I

*Trung thu vành vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.*

II

*Trung thu ta cũng tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gọn vẽ sầu;
Chẳng được tự do mà thương nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 25

賭

民間賭博被官拉
獄裡賭博可公開
被拉賭犯常嗟悔
何不先到這裡來

Phiên âm:

ĐỐ

Dân gian đồ bạc bị quan lạp,
Ngục lý đồ bạc khả công khai;
Bị lạp đồ phạm thường ta hỏi:
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?

Dịch nghĩa:

ĐÁNH BẠC

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,
Trong tù đánh bạc có thể công khai;
Con bạc bị tù thường hỏi tiếc:
Sao không sớm vào quách chốn này!?

Dịch thơ:

*Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này?*

NAM TRẦN dịch.

BÀI 26

賭犯

公家不給賭犯飯
欲令他們悔前非
硬犯餽饌天天有
窮犯饑涎共淚垂

Phiên âm:

ĐỒ PHẠM

Công gia bắt cặp đồ phạm phạm,
Dục linh tha miễn hối tiền phi;
“Ngạnh” phạm hào soạn thiên thiên hữu,
Cùng phạm cơ diên cộng lệ thủy!

Dịch nghĩa:

TÙ CỜ BẠC

Nhà nước không phát cơm cho tù cờ bạc,
Muốn cho họ hối cải lỗi trước;
Nhưng bọn tù “cứng”⁽⁷⁾ ngày nào cũng
ăn uống rất thịnh soạn,
Còn tù nghèo, đói chảy dãi cùng với
nước mắt.

Dịch thơ:

*Quan không cấp bữa cho tù bạc,
Để họ mau chữa tội cũ hơn;
Tù “cứng”... ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 27

難友莫某

富家子弟貧家教
賭膽如天膽自針
車大砲才真偉大
在囚仍想吃人參

Phiên âm:

NẠN HỮU MẠC MỖ

Phú gia tử đệ, bản gia giáo,
Đổ đảm như thiên, đảm tự châm
“Xa đại pháo” tài chân vĩ đại,
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.

Dịch nghĩa:

BẠN TÙ HỌ MẠC

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục,
Gan đánh bạc to như trời mà mật thì nhỏ
như cái kim;
Cái tài huênh hoang khoác lác ⁽⁸⁾ thật là vĩ đại,
Ở tù nhưng vẫn tư tưởng ăn nhân sâm.

Dịch thơ:

*Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mật tựa kim;
“Một tắc lên mây”, ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc", bé teo "gan người";
Ba hoa khoác lác thật tài,
Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm.*

KHUONG HỮU DỤNG dịch

BÀI 28

難友原主任 L.

國家重託鎮邊陲
胡乃忘公只顧私
銻礦常從邊界去
金錢爐裡鑄囚詩

Phiên âm:

NẠN HỮU NGUYÊN CHỦ NHIỆM L.

Quốc gia trọng thác trấn biên thủy,
Hồ nãi vong công chỉ cố tì (tư)?
Thê khoáng thường tòng biên giới khứ,
Kim tiền lô lý chủ tù thi.

Dịch nghĩa:

BẠN TÙ L. NGUYÊN LÀ CHỦ NHIỆM

Nhà nước giao cho trọng trách coi giữ
biên thủy,
Sao lại quên việc công, chỉ lo việc tư?
Quặng “ăng - tì - moan” thường tuồn qua
biên giới,
Bởi thế, lò đúc tiền mới đúc ra bài thơ tù.

Dịch thơ:

*Trấn biên thủy, quốc gia giao phó
Nhãn việc công mê mãi việc tư!
Bao quặng ăng - tì - moan xuất lậu
Nên lò đúc bạc, đúc thơ tù*

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

BÀI 29

雙十日解往天保

家家結綵與張燈
國慶歡聲舉國騰
我卻今天被綁解
逆風有意阻飛鵬

Phiên âm:

SONG THẬP NHẬT GIẢI VẮNG THIÊN BẢO

Gia gia kết thái dữ trưng đăng,
Quốc khánh hoan thanh cử quốc đăng;
Ngã khước kim thiên bị bang giải,
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng.

Dịch nghĩa:

TẾT SONG THẬP⁽⁹⁾ BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO⁽¹⁰⁾

Nhà nào nhà ấy kết hoa và treo đèn,
Cả nước reo vui, mừng ngày quốc khánh;
Thế mà hôm nay ta bị trời giải đi,
Ngọn gió ngược cố ý cản đôi cánh chim bằng.

Dịch hơ:

*Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh gieo vui cả nước mừng;
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 30

走路

走路才知走路難
重山之外又重山
重山登到高峰後
萬裡興圖顧盼間

Phiên âm:

TẦU LỘ

Tầu lộ tài tri tàu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san;
Trùng san đăng đảo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cổ miện gian.

Dịch nghĩa:

ĐI ĐƯỜNG

Có đi đường mới biết đường khó đi,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào trong
tầm mắt.

Dịch thơ:

*Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 31

暮

倦鳥歸林尋宿樹
孤雲慢慢度天空
山吞少女磨包粟
包粟磨完爐已烘

Phiên âm:

MỘ

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch nghĩa:

CHIỀU TỐI

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẽ lẽ trôi lững lờ trên tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Dịch thơ:

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 32

夜宿龍泉

白天雙馬不停蹄
夜晚嘗嘗五味雞
虱冷乘機來夾擊
隔鄰欣聽曉鶯啼

Phiên âm:

ĐẠ TÚC LONG TUYỀN

Bạch thiên “song mã” bất đình đề,
Đạ vãn thường thường “ngũ vị kê”;
Sắt lãnh thừa cơ lại giáp kích,
Cách lân hân thính hiếu oanh đề.

Dịch nghĩa:

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN⁽¹¹⁾

Suốt ngày “đôi ngựa”⁽¹²⁾ không ngừng vó,
Đêm đến, lại từng nếm món “gà năm vị”⁽¹³⁾;
Rệp và rét thừa cơ xông vào tập kích,
Mừng nghe xóm bên, chim oanh hót báo sáng.

Dịch thơ:

“Đôi ngựa” ngày đi chẳng nghỉ chân,
Món “gà năm vị”, tối thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Mừng sáng nghe oanh hót xóm gần.

NAM TRẦN dịch

BÀI 33

田東

每餐一碗公家粥
肚子時時在嘆吁
白飯三元不夠飽
薪如桂也米如珠

Phiên âm:

ĐIỀN ĐÔNG

Mỗi xan nhất uuyển công gia chúc,
Đỗ tử thì thì tại thán hu;
Bạch phạn tam nguyên bất câu bão,
Tân như quế dã, mễ như châu.

Dịch nghĩa:

ĐIỀN ĐÔNG⁽¹⁴⁾

Một bữa được một bát cháo của nhà nước,
Cái bụng luôn luôn than phiền;
Cơm không ba đồng chẳng đủ no,
Củi đắt như quế, gạo như châu.

Dịch thơ:

*Cháo từ mỗi bữa chia lưng bát,
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,
Củi thì như quế, gạo như châu.*

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

BÀI 34

初到天保獄

日行五十三公里
濕盡衣冠破盡鞋
徹夜又無安睡處
廁坑上坐待朝來

Phiên âm:

SƠ ĐÁO THIÊN BẢO NGỤC

Nhật hành ngũ thập tam công lý,
Thấp tận y quan, phá tận hài;
Triệt dạ hựu vô an truy xứ,
Xí khanh thượng tọa đãi triều lai.

Dịch nghĩa:

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO⁽¹⁵⁾

Ngày đi năm mươi ba cây số,
Uớt hết mũ áo, rách hết giày;
Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,
Ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

Dịch thơ:

*Năm mươi ba cây số một ngày
Áo mũ dầm mưa, rách hết giày
Lại khổ trâu đêm không chỗ ngủ.
Ngồi trên hố xí đợi ngày mai.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Ngày cuộc năm mươi ba cột số,
Ướt đầm mũ áo, rách bươm giày;
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trấn cầu tiêu, đợi sáng ngày.*

KHUƠNG HỮU DỤNG - NGUYỄN SĨ LÂM dịch

BÀI 35

難友之妻探監

君在鐵窗裡
妾在鐵窗前
相近在咫尺
相隔似天淵
口不能說的
只賴眼傳言
未言淚已滿
情景真可憐

Phiên âm:

NẠN HỮU CHI THÊ THẨM GIAM

Quân tại thiết song lý,
Thiếp tại thiết song tiền.
Tương cận tại chỉ xích
Tương cách tự thiên uyên;
Khẩu bất năng thuyết đích
Chỉ lại nhãn truyền nghiên (ngôn);
Vị ngôn lệ dĩ mãn,
Tình cảnh chân khả liên!

Dịch nghĩa:

VỢ NGƯỜI BẠN TỪ ĐẾN NHÀ LAO THĂM CHỒNG

Chàng ở trong song sắt,
Thiếp ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tắc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng không thốt nên lời,
Chuyển lời nhờ khoé mắt,
Chưa nói nước mắt tràn,
Tình cảnh thật đáng thương.

Dịch thơ:

*Anh ở trong song sắt,
Em ở ngoài song sắt;
Gần nhau chỉ tắc gang,
Mà cách nhau trời vực;
Miệng nói chẳng lên lời,
Chỉ còn nhờ khoé mắt;
Chưa nói, lệ tuôn tràn,
Tình cảnh ải ngại thật!*

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

BÀI 36

各報：歡迎威基大會

同是中國友
同是要赴渝
君爲坐上客
我爲階下囚
同是大表也
待遇胡懸殊
人情分冷熱
自古水東流

Phiên âm:

CÁC BÁO: HOAN NGHÊNH
UY - KI ĐẠI HỘI

Đồng thị Trung Quốc hữu,
Đồng thị yếu phó Du;
Quân vi toạ thượng khách,
Ngã vi giai hạ tù;
Đồng thị đại biểu dã,
Đãi ngộ hồ huyền thù?
Nhân tình phân lãnh nhiệt,
Tự cổ thủy đông lưu!

Dịch nghĩa:

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: HỘI HỢP LỚN HOAN NGHÊNH UY - KI⁽¹⁶⁾

Cùng là bạn Trung Hoa,
Cùng phải đi Trùng Khánh⁽¹⁷⁾;
Anh là khách ngồi trên,
Tôi là tù dưới thêm;
Cùng là đại biểu cả,
Đổi đãi sao quá khác biệt?
Thói đời thường phân âm lạnh,
Từ xưa nước vẫn chảy về đông!

Dịch thơ:

*Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi thân tù dưới nhà;
Cũng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thói thường chia âm lạnh,
Về đông nước chảy mà!*

NAM TRẦN dịch

BÀI 37

自勉

沒有冬寒憔悴景
將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛鍊
使我精神更緊張

Phiên âm:

TỰ MIỄN

Một hữu đông hàn tiêu tuy cảnh,
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương

Dịch nghĩa:

TỰ KHUYÊN MÌNH

Không có cảnh mùa đông tiêu điều rét mướt,
Sẽ không có mùa xuân ấm áp huy hoàng;
Tai ương rèn luyện ta,
Khiến cho tinh thần ta càng thêm hăng hái.

Dịch thơ:

*Vì không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 38

野 景

我來之時禾尚青
現在秋收半已成
處處農民顏帶笑
田間充滿唱歌聲

Phiên âm:

DẤ CẢNH

Ngã lai chi thì hoà thượng thanh,
Hiện tại thu thu bán dĩ thành;
Xứ xứ nông dân nhan đới tiếu,
Diễn gian sung mãn xướng ca thanh.

Dịch nghĩa:

CẢNH ĐỒNG NỘI

Lúc ta đến lúa còn xanh,
Nay vụ gặt đã xong một nửa⁽¹⁸⁾;
Nơi nơi nông dân mặt mày hớn hở,
Ruộng đồng tràn đầy tiếng ca hát.

Dịch thơ:

*Tới đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 39

粥攤

路旁樹影涼陰下
一椽茅廬是酒樓
冷粥白鹽供食譜
行人過此暫停留

Phiên âm:

CHÚC THÂN

Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ,
Nhất duyên mao lư thị “tửu lâu”.
Lãnh chúc, bạch diêm cung thực phổ,
Hành nhân quá thử tạm đình lưu.

Dịch nghĩa:

HÀNG CHÁO

Dưới bóng cây râm mát bên đường,
Một túp lều tranh: ấy là “tiệm rượu”
Cháo nguội và muối trắng làm thành thực đơn,
Khách đi đường qua đây tạm dừng nghỉ.

Dịch thơ:

*Ven đường nắp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh: “tiệm rượu” đây;
Này món cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.*

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

BÀI 40

果德獄

監房也是小家庭
柴米油鹽自己營
每個籠前一個窖
成天煮飯與調羹

Phiên âm:

QUẢ ĐỨC NGỤC

Giam phòng dã thị tiểu gia đình,
Sài, mễ, du, diêm tự kỷ doanh;
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo⁽¹⁹⁾,
Thành thiên chủ phạm dữ điều canh.

Dịch nghĩa:

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC⁽²⁰⁾

Phòng giam cũng là một gia đình nhỏ,
Gạo, củi, dầu, muối đều tự mình lo sắm;
Trước mỗi phòng giam là một bếp,
Suốt ngày thổi cơm và nấu canh.

Dịch thơ:

*Nhà lao mà giống gia đình,
Muối, dầu, gạo, củi, tự mình phải lo.
Phòng riêng mỗi cửa một lò,
Com canh mọi thứ nấu kho suốt ngày.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 41

隆安劉所長

辦事認真劉所長
人人讚頌你公平
文錢拉米都公布
乾淨囚籠好衛生

Phiên âm:

LONG AN LƯU SỞ TRƯỞNG

Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;
Văn tiền lạp mễ đô công bố,
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.

Dịch nghĩa:

SỞ TRƯỞNG LONG AN⁽²¹⁾ HỌ LƯU

Sở trưởng họ Lưu giải quyết công việc
thận trọng đúng đắn,
Mọi người đều khen ông công bằng;
Đồng tiền, hạt gạo đều công bố,
Nhà lao sạch sẽ hợp vệ sinh.

Dịch thơ:

*Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng,
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 42

早解

其一

一次雞啼夜未闌
群星擁月上秋山
征人已在征途上
迎面秋風陣陣寒

BÀI 43

其二

東方白色已成紅
幽暗殘餘一早空
暖氣包羅全宇宙
行人詩興忽加濃

Phiên âm:

TẢO GIẢI

I

Nhất thử kê đề dạ vị lan,
 Quần tinh ủng nguyệt thưởng thu san;
 Chính nhân dĩ tại chính đồ thượng,
 Nghênh diện thu phong trần trần hàn.

II

Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư tảo⁽²²⁾ nhất không;
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hết gia nông!

Dịch nghĩa:

GIẢI Đİ SỚM

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tan.
Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi
 mùa thu;
Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
Gió thu tấp mặt từng cơn từng cơn lạnh lẽo.

II

Phương đông màu trắng đã chuyển sang hồng,
Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch;
Hơi ẩm bao la khắp vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Dịch thơ:

I

*Gà gáy một lần đêm chưa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thăm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.*

II

*Phương Đông màu trắng chuyển
sang hồng,
Bóng tối đêm tàn quét sạch không;
Hơi ẩm bao la toàn vũ trụ,
Người đi, thì hứng bỗng thêm nồng.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 44

同正

十一月二日

同正正同平馬獄
每餐一粥肚空空
水和光線很充足
日日還開兩次籠

P'hiên âm:

ĐỒNG CHÍNH (Thập nhất nguyệt nhị nhật)

Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục,
Mỗi xan nhất chúc đồ không không;
Thủy hoà quang tuyến hần sung túc,
Mỗi nhật hoàn khai lương thứ lung.

Dịch nghĩa:

ĐỒNG CHÍNH⁽²³⁾ (Ngày 2 tháng 11)

Nhà lao Đồng Chính giống hết nhà lao
Bình Mã⁽²⁴⁾,
Mỗi bữa một bát cháo, bụng thường
rỗng không;
Nước và ánh sáng thì đầy đủ,
Mỗi ngày còn hai lần mở cửa buồng giam.

Dịch thơ:

*Bình Mã thế nào, Đồng Chính vậy,
Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào;
Nước và ánh sáng thì dư dật,
Ngày lại hai lần mở cửa lao.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 45

難友的紙被

舊卷新書相補綴
紙氈猶暖過無氈
玉床錦帳人知否
獄裡許多人眠

Phiên âm:

NẠN HỮU ĐÍCH CHỈ BỊ

Cựu quyển, tân thư tương bổ xuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;
Ngọc sàng cẩm trướng nhân tri phủ,
Ngục lý hứa đa nhân bất miên?

Dịch nghĩa:

CHIẾC CHĂN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ

Quyển cũ, sách cũ cùng bồi chắp lại,
Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn;
Người trên giường ngọc trướng gấm
có biết chăng,
Trong ngục bao nhiêu người không ngủ?

Dịch thơ:

*Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết,
Trong tù bao kẻ ngủ không an?*

NAM TRẦN - BẮNG THANH dịch

Bản dịch khác:

*Sách xưa, vở mới khéo đem bồi,
Chấn giấy hơn không đã hẵn rồi;
Giường ngọc, màn thêu ai có thâu,
Trong lao không ngủ biết bao người.*

HOÀNG NGÂN dịch

夜冷

秋深無褥亦無氈
 縮脛弓腰不眠氣
 月照庭蕉增冷橫
 窺窗北斗已橫天

DA LÃNH

Thu thâm vô nhục diệt vô chiên,
Súc hĩnh cung yêu bất khả miên;
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí,
Khuy song Bắc đẩu dĩ hoành thiên.

ĐÊM LẠNH

Đêm cuối thu không đậm cũng không chẵn,
Nằm co cẳng cong lưng vẫn không ngủ được;
Trăng soi khóm chuối trước sân càng tăng thêm
 khí lạnh,
Nhòm qua cửa sổ, sao Bắc đẩu đã ngang trời.

*Đêm thu không đêm cũng không chán,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;
Khóm chuối trắng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác:

*Cuối thu chăn đệm cũng đều không,
Cò quắp nằm mà ngủ chẳng xong;
Sân chuối trắng soi thêm lạnh lẽo,
Ngang trời, Bắc đẩu hiện ngoài song.*

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

BÀI 47

綁

脛臂長龍環繞著
宛如外國武勳官
勳官的是金絲線
我的麻繩一大端

Phiên âm:

BANG

Hình tỳ trường long hoàn nhiễu trước,
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan;
Huân quan đích thị kim tì tuyến,
Ngã đích, ma thằng nhất đại đoan.

Dịch nghĩa:

DÂY TRÓI

Rồng dài⁽²⁵⁾ quấn quanh cẳng chân và cánh tay,
Giống hệt dây tua quan võ nước ngoài;
Dây tua quan võ là tơ kim tuyến,
Còn của ta là một sợi thùng gai lớn.

Dịch thơ:

*Rồng quấn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ đủ tua, đai;
Tua đai quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

Bản dịch khác:

*Tay chân quần khúc rồng dài
Tua vai quan võ nước ngoài xanh xang
Tua vai quan võ: chỉ vàng
Tua ta: một cuộn dây thùng bằng gai*

QUÁCH TẤN dịch

BÀI 48

落了一隻牙

你的心情硬且剛
不如老舌軟而長
從來與你同甘苦
現在東西各一方

Phiên âm:

LẠC LIỄU NHẤT CHÍCH NHA

Nhĩ đích tâm tình ngạnh thả cương,
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường;
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ,
Hiện tại đông tây các nhất phương.

Dịch nghĩa:

RỤNG MẤT MỘT CHIẾC RĂNG

Tính tình anh rắn rỏi và kiên cường,
Chẳng mềm và dài như lão lưỡi;
Trước nay vẫn cùng anh chung ngọt bùi,
cay đắng,
Bây giờ phải xa nhau, mỗi người một phương.

Dịch thơ:

*Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lưỡi dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.*

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

BÀI 49

隆安同正

此間土地廣而貧
所以人民儉且勤
聽說今春逢大旱
十分收穫兩三分

Phiên âm:

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH⁽²⁶⁾

Thủ gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần;
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,
Thập phần thu hoạch lưỡng tam phần.

Dịch nghĩa:

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng này ruộng đất rộng nhưng cằn cỗi,
Vì thế nhân dân tiết kiệm và siêng năng;
Nghe nói mùa xuân năm nay gặp đại hạn,
Mười phần chỉ thu hoạch được vài ba phần.

Dịch thơ:

*Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;
Nghe nói xuân này trời lại hạn,
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

BÀI 50

街上

街上人爭看漢奸
漢奸與我本無干
無干仍是嫌疑犯
使我心中覺點寒

Phiên âm:

NHAI THUỜNG

Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,
Hán gian dữ ngã bản vô can;
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,
Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.

Dịch nghĩa:

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Trên đường phố mọi người tranh nhau xem
Hán gian,
Hán gian vốn chẳng liên can gì với ta;
Nhưng không liên can mà vẫn là người tù bị
tình nghi,
Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

Dịch thơ:

*Phố xá ừa nhau xem Hán gian,
Hán gian, mình rõ thực vô can;
Vô can mà vẫn nghi là phạm,
Nghĩ đến càng thêm nẫu ruột gan.*

NGUYỄN BẦU dịch

BÀI 51

路上

脛臂雖然被緊綁
滿山鳥語與花香
自由覽賞無人禁
賴此征途減寂涼

Phiên âm:

LỘ THUƠNG

Hình tỳ tuy nhiên bị khẩn bang,
Mãn sơn điệu ngữ dữ hoa hương;
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm,
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương.

Dịch nghĩa:

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù chân tay bị trói chặt,
Nhưng đầy núi chim hót và hoa thơm;
Tự do thưởng ngoạn, không ai cấm được,
Nhờ thế, đường xa cũng bớt phần quanh hiu.

Dịch thơ:

*Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;
Vui say ai cấm ta dừng,
Đường xa âu cũng bớt chùng quanh hiu.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác:

*Dù cả chân tay đều bị trói
Đầy núi chìm ca hoa ngát hương
Vui thích tùy lòng không kẻ cấm
Đường xa âu cũng bớt thê lương*

QUÁCH TẤN dịch

BÀI 52

徵兵家眷

郎君一去不回頭
使妾閨中獨抱愁
當局可憐余寂寞
請余來暫住牢囚

Phiên âm:

TRUNG BINH GIA QUYẾN

Lang quân nhất khứ bất hồi đầu,
Sử thiếp khuê trung độc bão sâu;
Đương cục khả liên dư tịch mịch,
Thỉnh dư lại tạm trú lao tù.

Dịch nghĩa:

GIA QUYẾN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH⁽²⁷⁾

Chàng ra đi không trở về,
Để thiếp chốn buồng the một mình ôm sầu;
Nhà đương cục ý hằn thương thiếp cô quạnh,
Nên mời thiếp đến ở tạm nhà tù.

Dịch thơ:

*Biền biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù!*

NAM TRẦN dịch

BÀI 53

解嘲

吃公家飯住公房
軍警輪班去護從
玩水遊山隨所適
男兒到此亦豪雄

Phiên âm:

GIẢI TRÀO

Ngật công gia phạn, trú công phòng,
Quân cảnh luân ban khứ hộ tông;
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng!⁽²⁸⁾

Dịch nghĩa:

PHA TRÒ

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính quân cảnh thay phiên nhau đi hộ vệ;
Dạo núi chơi sông tùy ý thích,
Làm trai đến thế cũng hào hùng!

Dịch thơ:

*Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Binh lính thay phiên đến hộ tông;
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng!*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

BÀI 54

往南寧

鐵繩硬替麻繩軟
步步叮嚀環珮聲
雖是嫌疑間諜犯
疑容卻像舊公卿

Phiên âm:

VĂNG NAM NINH

Thiết thẳng ngành thể ma thẳng nhuyễn,
Bộ bộ đình đang hoàn bội thanh;
Tuy thị hiềm nghi gián điệp phạm,
Nghĩ dung khước tượng cựu công khanh.

Dịch nghĩa:

ĐI NAM NINH

Xích sắt cứng đã thay thùng gai mềm,
Bước mỗi bước leng keng như tiếng ngọc;
Tuy là người tù bị tình nghi là gián điệp,
Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh ngày trước.

Dịch thơ:

*Hôm nay xiềng xích thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.*

NAM TRÂN dịch

BAI 55

警兵擔豬同行

其一

警士擔豬同路走
豬由人擔我人牽
人而反賤於豬仔
因爲人無自主權

BAI 56

其二

世上千辛和萬苦
莫如失卻自由權
一言一動不自主
如牛如馬任人牽

Phiên âm:

CẢNH BINH ĐẢM TRƯ ĐỒNG HÀNH

I

Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân khiên;
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền!

II

Thế thượng thiên tân hoà vạn khổ,
Mặc như thất khước tự do quyền!
Nhất ngôn nhất động bất tự chủ,
Như ngu, như mã, nhậm nhân khiên.

Dịch nghĩa:

CẢNH BINH KHIÊNG LỘN CÙNG ĐI

I

Cảnh binh khiêng lộn đi cùng đường,
Lộn thì người khiêng, ta người dắt;
Người lại bị coi rẻ hơn lộn,
Chỉ vì người không có quyền tự chủ.

II

Trên đời nghìn vạn điều đắng cay
Không gì cay đắng bằng mất quyền tự do;
Mỗi lời nói, mỗi hành động đều
không được tự chủ,
Mặc cho người dắt như trâu, như ngựa.

Dịch thơ:

I

*Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Người có còn đâu được chủ quyền!*

II

*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do!
Mỗi việc, mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!*

NAM TRÂN dịch

BÀI 57

半路搭船赴邕

乘舟順水往邕寧
脛吊船欄似絞刑
兩岸鄉村稠密甚
江心漁父釣船輕

Phiên âm:

ĐIỆT LẠC

Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,
Lộ hựu kỳ khu thâm bất bình;
Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm,
Hạnh năng được xuất liễu thâm khanh⁽²⁹⁾.

Dịch nghĩa:

HỤT CHÂN NGÃ

Đêm còn tối mịt đã phải lên đường,
Đường lại gồ ghề, không chút bằng phẳng;
Hút chân thụt xuống hố sâu, nguy hiểm quá,
May sao đã nhảy được ra khỏi hố.

Dịch thơ:

*Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài suýt nữa nguy!*

BÀI 58

南寧獄

監房建築頂摩登
徹夜輝煌照電燈
因爲每餐惟有粥
使人肚子戰兢兢

Phiên âm:

BÁN LỘ THÁP THUYỀN PHỐ UNG

Thừa chu thuận thủy vãng Ung Ninh,
Hình điều thuyền lan tự giáo hình;
Lưỡng ngạn hương thôn trù mật thậm,
Giang tâm ngư phủ điều thuyền khinh.

Dịch nghĩa:

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH⁽³⁰⁾

Đáp thuyền xuôi dòng đi Ung Ninh,
Chân bị treo lên giàn thuyền như tội hình treo cổ;
Làng xóm hai bên sông thật là đông đúc,
Giữa lòng sông, thuyền câu của ông chài lướt nhẹ.

Dịch thơ:

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giáo hình;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 59

納悶

環球戰火鑠蒼天
壯士相爭赴陣前
獄裡閑人閑要命
雄心不值一文錢

Phiên âm:

NAM NINH NGỤC

Giam phòng kiến trúc đỉnh “ma dăng”
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện dăng;
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,
Sử nhân đồ tử chiến căng căng.

Dịch nghĩa:

NHÀ NGỤC NAM NINH

Nhà lao xây dựng rất “mô - dềc”⁽³¹⁾,
Suốt ngày đèn điện sáng rực;
Nhưng vì bữa ăn nào cũng chỉ cho cháo,
Khiến cho bụng người ta cứ run bần bật.

Dịch thơ:

*Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ run hoài.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 60

聽雞鳴

你只平常一隻雞
朝朝報曉大聲啼
一聲喚醒群黎夢
你的功勞也不低

Phiên âm:

NẠP MUỘN

Hoàn cầu chiến hoả thốc thương thiên,
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền;
Ngục lý nhân nhân nhân yếu mệnh,
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.

Dịch nghĩa:

BUỒN BỰC

Lửa chiến tranh trên hoàn cầu nóng chảy
cả trời xanh,
Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận;
Trong tù, người nhân lại nhân quá đổi,
Chí lớn mà không đáng giá một đồng tiền.

Dịch thơ:

*Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh;
Trong ngục người nhân nhân quá đổi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng chĩnh.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 61

一個賭犯硬了

他身只有骨包皮
痛苦饑寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

Phiên âm:

THÍNH KÊ MINH

Nhĩ chỉ bình thường nhất chích kê,
Triêu triêu báo hiệu đại thanh đề;
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng,
Nhĩ đích công lao đã bắt đề.

Dịch nghĩa:

NGHE GÀ GÁY

Người chỉ là một chú gà bình thường,
Mỗi sớm, lớn tiếng gáy để báo sáng;
Một tiếng thôi mà gọi tỉnh giấc mộng của dân chúng,
Công lao người chẳng phải là xoàng.

Dịch thơ:

*Người tuy chỉ một thứ gà thường,
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công người đâu có phải là xoàng.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 62

一個賭犯硬了

他身只有骨包皮
痛苦饑寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

Phiên âm:

NHẤT CÁ ĐỒ PHẠM “NGẠNH” LIÊU

Tha thân chỉ hữu cốt bao bì,
Thống khổ cơ hàn bất khả chi;
Tạc dạ tha nhùng thuy ngã trắc,
Kim triều tha dĩ cửu tuyền quy.

Dịch nghĩa:

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC “CHẾT CỨNG”⁽³²⁾

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Khổ đau, đói rét, không chống đỡ nổi;
Đêm qua anh còn nằm ngủ cạnh tôi,
Sáng nay đã về chín suối.

Dịch thơ:

*Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét, hết phương sống rồi;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Anh chỉ làn da bọc dùm xương,
Khổ đau, dòi rết sức khôn lường;
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,
Mà sáng hôm nay đã xuôi vàng.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

BÀI 63

又一個。。。。

夷齊不食周朝粟
賭犯不吃公家粥
夷劑餓死首陽山
賭犯餓死公家獄

Phiên âm:

HỤU NHẤT CÁ

Di, Tề bắt thực Chu triều túc,
Đỗ phạm bắt ngật công gia chúc;
Di, Tề ngã tử Thú Dương⁽³³⁾ sơn,
Đỗ phạm ngã tử công gia ngục.

Dịch nghĩa:

LẠI MỘT NGƯỜI NỮ

Bá Di, Thúc Tề⁽³⁴⁾ không ăn thóc nhà Chu,
Người tù cờ bạc không ăn cháo nhà nước;
Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thú Dương,
Người tù cờ bạc chết đói trong ngục nhà nước.

Dịch thơ:

*Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 64

禁煙

(紙煙的)

煙禁此間很厲害
你煙繳入他煙包
當然他可吹煙斗
你若吹煙罰手鐐
(他：獄丁也)

Phiên âm:

CẤM YÊN
(Chỉ yên đích)

Yên cấm thử gian hần lệ hại,
Nhĩ yên kiếu nhập tha yên bao;
Đương nhiên tha khả xuy yên đấu,
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.

(Tha: ngục đinh dĩa)

Dịch nghĩa:

CẤM HÚT THUỐC
(Thuốc lá)

Ở đây lệnh cấm hút thuốc rất gắt gao,
Thuốc của anh phải nộp vào túi thuốc của nó;
Đương nhiên, nó có thể hút thuốc bằng tẩu,
Nhưng nếu anh hút, bị phạt còng tay.

(Nó: lính ngục)

Dịch thơ:

*Hút thuốc nơi này cầm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 65

夜半聞哭夫

嗚呼夫君兮夫君
何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見
十分心合意投人

Phiên âm:

ĐẠ BÁN VĂN KHỐC PHU

Ô hô! Phu quân, hê phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tông kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

Dịch nghĩa:

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHỐC CHỒNG

Than ôi! Chàng hỡi chàng!
Có sao chàng vội lìa bỏ cõi đời?
Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,
Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp!

Dịch thơ:

*Hỡi ôi! Chàng ơi, hỡi chàng ơi!
Cơ sự vì sao vội lảnh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mười.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

BÀI 66

黃昏

風如利劍磨山石
寒似尖鋒刺樹枝
遠寺鐘聲催客步
牧童吹笛引牛歸

Phiên âm:

HOÀNG HÔN

Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi;
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.

Dịch nghĩa:

HOÀNG HÔN

Gió như gươm sắc mài đá núi,
Rét như giáo nhọn chích cành cây;
Tiếng chuông chùa xa giục bước chân khách,
Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về.

Dịch thơ:

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dắt trâu về tiếng sáo bay.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 67

工金

煮一鍋飯六毛錢
一盆開水銀一元
一元買物得六角
獄中價格定昭然

Phiên âm:

CÔNG KIM

Chữ nhất oa phạn lục mao tiền,
Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.

Dịch nghĩa:

TIỀN CÔNG

Thối một nồi cơm phải sáu hào,
Một chậu nước sôi một đồng bạc;
Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào,
Giá cả trong tù định rõ như thế!

Dịch thơ:

*Thối một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!*

NAM TRẦN dịch

BÀI 68

睡不著

一更二更又三更
輾轉徘徊睡不成
四五更時才合眼
夢魂環繞五尖星

Phiên âm:

THUY BẤT TRƯỚC

Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển bồi hồi thuy bất thành;
Tứ ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiễu ngũ tiêm tinh.

Dịch nghĩa:

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

Canh một..... canh hai..... lại canh ba,
Trần trọc bản khoản không ngủ được;
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Hồn mộng đã quần quanh nơi ngôi sao năm cánh

Dịch thơ:

*Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc bản khoản giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Canh một..... canh hai..... lại canh ba,
Trần trọc, bần khoăn khó ngủ mà;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh nguyệt hồn ta.*

XUÂN THUỶ dịch

BÀI 69

憶友

昔君送我至江濱
問我歸期指谷新
現在新田已犁好
他鄉我作獄中人

Phiên âm:

ỨC HỮU

Tích quân tổng ngã chí giang tân,
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân;
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân.

Dịch nghĩa:

NHỚ BẠN

Ngày nào anh tiễn tôi đến bến sông,
Hỏi tôi ngày về, trở mùa lúa mới;
Đến nay ruộng lại đã cày xong hết cả rồi,
Nơi đất khách, tôi thành người trong tù.

Dịch thơ:

*Ngày đi, bạn tiễn đến bến sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

Đưa nhau đến tận bờ sông

Ngày về?

- Hẹn bạn lúa đồng trĩu hương.

Nay cây đã khắp ruộng nương,

Tôi còn làm khách tha hương trong tù.

QUÁCH TẤN dịch

BÀI 70

替難友們寫報告

同舟共濟義難辭
替友編修報告書
奉此等因今始學
多多博得感恩詞

Phiên âm:

THẾ NẠN HỮU MÃN TẢ BÁO CÁO

Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,
Thế hữu biên tu báo cáo thư;
“Phụng thờ”, “đăng nhân” kim thủy học,
Đa đa bác đắc cảm ân từ.

Dịch nghĩa:

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TỪ

Cùng hội cùng thuyền giúp nhau, lẽ khôn
từ chối,
Viết báo cáo thay cho bạn;
Những chữ “thừa lệnh”, “chiếu theo” nay
đều mới học,
Thế mà đã được nhiều lời cảm tạ.

Dịch thơ:

*Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo dảm từ nan;
“Chiếu theo”, “thừa lệnh” nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 71

癩瘡

滿身紅綠如穿錦
成日撈搔似鼓琴
穿錦囚中都貴客
鼓琴難友盡知音

Phiên âm:

LẠI SANG

Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,
Thành nhật⁽³⁵⁾ lao tao tự cổ cầm;
Xuyên cẩm, tù trung đô quý khách,
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.

Dịch nghĩa:

GHỀ LỖ

Xanh đỏ đầy người như áo gấm,
Suốt ngày sột soạt tựa gảy đàn;
Mặc gấm trong tù đều là khách quý,
Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.

Dịch thơ:

*Đầy mình đỏ tía như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thầy tri âm.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

BÀI 72

聞 椿 米 聲

米被椿時很痛苦
既椿之後白如綿
人生在世也這樣
困難是你玉成天

Phiên âm:

VĂN THUNG MỄ THANH

Mễ bị thung thì, hán thống khổ,
Ký thung chi hậu, bạch như miên;
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,
Khốn nạn thị nhĩ ngọc thành thiên.

Dịch nghĩa:

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo lúc đang giã, rất đau đớn,
Lúc giã xong rồi, trắng tựa bông;
Người sống trên đời cũng như vậy,
Gian nan là dịp rèn giữa mình thành ngọc

Dịch thơ:

*Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo đã xong rồi trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

BÀI 73

雙十一

其一

從前每到雙十一
紀念歐洲罷戰期
今日五洲同血戰
罪魁就是惡NAZI

BÀI 74

其二

中華抗戰將六載
烈烈轟轟舉世知
勝利雖然有把握
仍須努力反攻時

BÀI 75

其三

抗日旌旗滿亞洲
旌旗大小有差殊
旌旗大的固須有
小的旌旗不可無

Phiên âm:

SONG THẬP NHẤT

I

Tòng tiền mỗi đảo Song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,
Tội khôị tỵ ác Na - zi

II

Trung Hoa kháng chiến tương lực tải,
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,
Nhưng tu nỗ lực phản công thì.

III

Kháng Nhật tinh kỳ mẫn Á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù;
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu,
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.

Dịch nghĩa:

NGÀY 11 THÁNG 11⁽³⁶⁾

I

Trước kia cứ đến 11 tháng 11,
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở Châu Âu;
Ngày nay năm châu cùng huyết chiến,
Tội ác đầu sỏ chính là bọn Na - zi⁽³⁷⁾ hung ác.

II

Trung Hoa kháng chiến đã gần sáu năm,
Oanh liệt vang lừng, khắp nơi đều biết;
Thắng lợi tuy rằng đã nằm chắc,
Nhưng vẫn phải gắng sức lúc phản công.

III

Cờ kháng Nhật dậy khắp Châu Á,
Cờ lớn, cờ nhỏ có khác nhau;
Cờ lớn cố nhiên là phải có,
Nhưng cờ nhỏ cũng không thể không có.

I

*Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Na - zi tội đứng đầu.*

II

*Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy,
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.*

III

*Kháng Nhật, cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hẳn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 76

警報

十一月十二日

敵機浩蕩到天中
避襲人民跑一空
我們出籠避空襲
人人歡喜得出籠

Phiên âm:

CẢNH BÁO

(Thập nhất nguyệt thập nhị nhật)

Địch cơ hạo dăng đảo thiên trung,
Tỵ tập nhân dân bào nhất không;
Ngã miễn xuất lung tỵ không tập,
Nhân dân hoan hỉ đắc xuất lung.

Dịch nghĩa:

BÁO ĐỘNG

(Ngày 12 tháng 11)

Trên trời máy bay địch rầm rộ kéo tới,
Tránh oanh tạc, nhân dân bỏ chạy hết sạch;
Chúng tôi cũng được ra khỏi lao để tránh
máy bay,
Ai nấy mừng rỡ được ra ngoài lao.

Dịch thơ:

*Máy bay địch bổng đến ào ào,
Tất cả nhân dân chạy xuống hào;
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Được ra ngoài ngục khoái làm sao!*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác:

*Máy bay địch rú giữa lưng trời,
Lánh nạn, nhân dân chạy hết rồi.
Tù được ra lao cùng ẩn nấp,
Được ra ngoài ngục thấy vui mừng!*

NGUYỄN MỸ TÀI dịch

BÀI 77

折字

囚人出去或爲國
患過頭時始見忠
人有憂愁優點大
籠開竹門出真龍

Phiên âm:

CHIẾT TỰ

Tù nhân xuất khứ hoặc vi quốc,
Hoạn quá đầu thì thủy kiến trung;
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại,
Lung khai trúc môn, xuất chân long.

Dịch nghĩa:

CHIẾT TỰ⁽³⁹⁾

Người tù ra khỏi ngục, có khi dựng nên
đất nước,
Qua cơn hoạn nạn mới rõ người trung;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở then cửa trúc, rồng thật sẽ
bay ra.⁽⁴⁰⁾

Dịch thơ:

*Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn rõ lòng ngay;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay!*

NAM TRÂN dịch

BÀI 78

旅館

照例初來諸難友
必須睡在廁坑邊
假如你想好好睡
你要多花幾塊錢

Phiên âm:

“LỮ QUÁN”

Chiếu lệ sơ khai chư nạn hữu,
Tất tu thuy tại xí khanh biên;
Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thuy,
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khối tiền.

Dịch nghĩa:

“QUÁN TRỢ”

Theo lệ, các bạn tù mới đến,
Ắt phải ngủ cạnh hố xí;
Nếu anh muốn được ngủ ngon giấc,
Anh phải tốn thêm mấy đồng bạc.

Dịch thơ:

*Lệ thường tù mới đến,
Phải nằm cạnh cầu tiêu;
Muốn ngủ cho ngon giấc,
Anh phải trả tiền nhiều.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 79

早晴

朝陽穿過籠全部
燒燼幽煙與暗霾
生氣頓時充宇宙
犯人個個笑顏開

Phiên âm:

TẢO TÌNH

Triều dương xuyên quá lung toàn bộ,
Thieu tận u yên dữ ám mai;
Sinh khí đồn thì sung vũ trụ,
Phạm nhân cá cá tiểu nhan khai.

Dịch nghĩa:

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên suốt nhà lao,
Thieu đốt sạch những làn khói mù u ám còn sót lại;
Sinh khí bỗng chốc tràn đầy vũ trụ,
Tù phạm ai nấy vẻ mặt tươi cười.

Dịch thơ:

*Nắng sớm mặt trời soi cả ngục,
Sương mù khói đặc bỗng tan hơi.
Tràn đầy sinh khí trong trời đất,
Tất cả tù nhân mặt nở tươi*

NAM TRÂN dịch

BÀI 80

越有騷動

邕報赤道訊

14-11

寧死不甘奴隸苦
義旗到處又飄揚
可憐余做囚中客
未得躬身上戰場

Phiên âm:

“VIỆT HỮU TAO ĐỘNG”
Ung báo, Xích đạo tấn 14 - 11

Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương;
Khả lân dư tổ tù trung khách,
Vị đắc cung thân thương chiến trường.

Dịch nghĩa:

“VIỆT NAM CỐ BẠO ĐỘNG”
Tin xích đạo trên báo Ung Ninh 14 - 11

Thà chết, không chịu nổi khổ làm nô lệ,
Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi;
Xót mình vẫn là khách trong tù,
Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

Dịch thơ:

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 81

英訪華團

美團去了英團到
到處欣逢熱烈情
我也訪華團一部
卻遭特種的歡迎

Phiên âm:

ANH PHÒNG HOA ĐOÀN

Mỹ đoàn khứ liễu Anh đoàn đáo,
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;
Ngã dã “phòng Hoa đoàn” nhất bộ,
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.

Dịch nghĩa:

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi khỏi, đoàn Anh tới,
Đến đâu cũng được đón tiếp nhiệt tình;
Ta cũng là một “Đoàn thăm Trung Hoa”,
Lại gặp một kiểu hoan nghênh đặc biệt.

Dịch thơ:

*Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cũng một đoàn thăm quý quốc,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.*

NAM TRẦN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

BÀI 82

解往武鳴

18-11

既解到南寧
又解反武鳴
彎彎曲曲解
徒延我行程
不平!

Phiên âm:

GIẢI VẮNG VŨ MINH

18 - 11

Ký giải đáo Nam Ninh,
Hựu giải phản Vũ Minh;
Loan loan, khúc khúc giải,
Đồ diên ngã hành trình
Bất bình!

Dịch nghĩa:

GIẢI ĐI VŨ MINH⁽⁴¹⁾

18 - 11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quanh quẹo quẹo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.
Bất bình!

Dịch thơ:

*Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình.
Bất bình!*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

BÀI 83

芭鄉狗肉

過果德時吃鮮魚
過芭鄉時吃狗肉
可見一般遞解人
生活有時也不俗

Phiên âm:

BÀO HƯƠNG CẦU NHỤC

Quả Quả Đức thì ngật tiên ngư,
Quả Bào Hương thì ngật cầu nhục;
Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.

Dịch nghĩa:

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG⁽⁴²⁾

Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi,
Lúc qua Bào Hương, ăn thịt chó;
Thế mới biết bọn lính giải tù,
Cách sống có lúc cũng sành sỏi.

Dịch thơ:

*Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;
Cho hay bọn giải tù nhân này,
Cách sống đôi khi cũng sành đó.*

ĐỖ VĂN HỖ dịch

Bản dịch khác:

*Qua Quả Đức, nhắm cá tươi,
Ghé Bào Hương, chúng lại xơi thịt chó;
Giải tù, xem bọn lính này,
Về khoa ẩm thực toàn tay lỏi đời.*

HẢI NHƯ dịch

BÀI 84

築路夫

餐風浴雨未曾休
慘淡經營築路夫
車馬行人來往者
幾人感謝你功勞

Phiên âm:

TRÚC LỘ PHU

Xan phong dục vũ vị tăng hưu,
Thâm đạm kinh doanh⁽⁴³⁾ trúc lộ phu;
Xa mã hành nhân lai vãng giả,
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?

Dịch nghĩa:

PHU LÀM ĐƯỜNG

Dãi gió dầm mưa chưa từng lúc nghỉ,
Người phu làm đường tận tụy với công việc;
Ngựa xe và khách bộ hành qua lại,
Mấy ai biết cảm tạ công lao của anh?

Dịch thơ:

*Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người?*

NAM TRẦN dịch

BÀI 85

獄丁竊我之士的

一生正直又堅剛
攜手同行幾雪霜
恨彼奸人離我倆
長教我你各淒涼

Phiên âm:

NGỤC ĐÌNH THIẾT NGÃ CHI SĨ - ĐÍCH⁽⁴⁴⁾

Nhất sinh chính trực hựu kiên cường,
Huê thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng,
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.

Dịch nghĩa:

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẮT CHIẾC GẬY CỦA
TA

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dắt dìu nhau cùng đi đã mấy mùa sương tuyết;
Giận kẻ gian kia chia rẽ hai ta,
Khiến cho tôi và anh phải buồn thương mãi.

Dịch thơ:

*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta đắng dặc nỗi buồn thương.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 86

公里碑

不高亦不遠
非帝亦非王
小小一片石
屹立大道旁
人賴你指示

不走錯向方
你給人指示
途路之短長
你功也不小
人人不你忘

Phiên âm:

CÔNG LÝ BÌ

Bất cao diệc bất viễn,
Phi đế diệc phi vương;
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,
Ngật lập đại đạo bàng;
Nhân lại nhĩ chỉ thị,
Bất tẩu thác hướng phương;
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,
Đồ lộ chi đoản trường;
Nhĩ công dã bất tiểu,
Nhân dân bất nhĩ vương (vong).

Dịch nghĩa:

CỘT CÂY SỐ

Không cao cũng không xa,
Chẳng đé cũng chẳng vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường lớn;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi không sai phương hướng;
Anh chỉ dẫn cho người,
Con đường ngắn hay dài;
Công anh cũng không nhỏ,
Mọi người chẳng quên anh.

Dịch thơ:

*Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đé cũng không vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng, đúng phương;
Anh chỉ cho người biết,
Nào dặm ngắn dặm trường;
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

BÀI 87

賓陽獄中孩

22-11

Oa...!Oa...!O-O-a...!

爺怕當兵救國家
所以我年才半歲
要到獄中跟著媽

Phiên âm:

TÂN DƯƠNG NGỤC TRUNG HÀI

22 - 11

Oa...! Oa...! Oaa...!

Gia phạ đương binh cứu quốc gia;
Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,
Yếu đảo ngục trung căn trước ma.

Dịch nghĩa:

CHÁU BÉ TRONG NGỤC TÂN DƯƠNG⁽⁴⁵⁾

22 - 11

Oa...! Oa...! Oaa...!

Cha sợ vào lính cứu nước nhà;
Cho nên em vừa được nửa tuổi,
Đã phải vào nhà tù cùng mẹ.

Dịch thơ:

Oa...! Oa...! Oaa...!
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;
Nên nổi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

NAM TRÂN dịch

BÀI 88

寄尼魯

其一

我奮鬥時君活動
君入獄時我住籠
萬里遙遙未見面
神交自在不言中

BÀI 89

其二

我們遭逢本是同
不同的是所遭逢
我居友者圈圉裡
君在仇人桎梏中

Phiên âm:

KÝ NI - LỔ

I

Ngã phần đầu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lưng;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.

II

Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cư hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừ nhân cốc trất trung.

Dịch nghĩa:

GỬ NÊ - RU⁽⁴⁶⁾

I

Lúc tôi phần đầu, anh hoạt động,
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù;
Muôn dặm xa xôi, chưa từng gặp mặt,
Nhưng mỗi giao cảm sâu xa đã sẵn trong chỗ không lời.

II

Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau,
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở cảnh ngộ;
Tôi, trong nhà tù của người bè bạn,
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.

Dịch thơ:

I

*Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.*

II

*Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.*

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

BÀI 90

燈光費

入籠要納燈光費
桂幣人人各六元
步入朦朧幽暗地
光明直得六元錢

Phiên âm:

ĐĂNG QUANG PHÍ

Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,
Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;
Bộ nhập mông lung u ám địa,
Quang minh trị đắc lục nguyên tiền!

Dịch nghĩa:

TIỀN ĐÈN

Vào tù phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây⁽⁴⁷⁾ mỗi người sáu đồng;
Bước vào nơi tối tăm u ám,
Sự quang minh đáng giá có sáu đồng.

Dịch thơ:

*Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu “nguyên”;
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền!*

NAM TRẦN dịch

BÀI 91

獄中生活

每人各有一火爐
大大小小幾個鍋
煮飯煮茶又煮菜
成天煙火沒時無

Phiên âm:

NGỤC TRUNG SINH HOẠT

Mỗi nhân các hữu nhất hoả lô,
Đại đại tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chữ phạn chữ trà hựu chữ thái,
Thành thiên yên hoả một thì vô.

Dịch nghĩa:

SINH HOẠT TRONG TÙ

Mỗi người đều có một hoả lò,
Và mấy chiếc nồi lớn nhỏ;
Thối cơm, đun trà, lại nấu thức ăn,
Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngớt.

Dịch thơ:

*Hoả lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 92

郭先生

萍水相逢談片刻
郭君對我甚慇懃
雪中送炭雖然少
世界仍存這種人

Phiên âm:

QUÁCH TIÊN SINH

“Bình thủy tương phùng”, đàm phiến khắc,
Quách quân đối ngã thậm ân cần;
“Tuyết trung tống than”⁷⁴⁸⁾ tuy nhiên thiếu,
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.

Dịch nghĩa:

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

“Béo nước gặp nhau”, chuyện trò chốc lát,
Bác Quách đối với ta hết sức ân cần;
Những người “trong tuyết cho than” tuy rằng ít,
Nhưng trên đời vẫn còn những người như thế.

Dịch thơ:

“Gặp nhau bèo nước” chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta;
“Rét đến cho than” không mấy kẻ,
Đời nay người thế vẫn còn mà.

NAM TRẦN dịch

BÀI 93

莫班長

慷慨賓陽莫班長
解囊買飯給囚人
晚間解縛給他睡
不用威權只用恩

Phiên âm:

MẠC BAN TRƯỞNG

Kháng khái Tân Dương, Mạc ban trưởng,
Giải nang mãi phạm cấp tù nhân;
Văn gian giải phục cấp tha thuy,
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.

Dịch nghĩa:

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

Hào hiệp thay, trưởng ban họ Mạc ở
Tân Dương,
Bỏ tiền túi mua cơm cho tù nhân;
Tối đến cởi trói cho họ ngủ,
Không dùng uy quyền, chỉ dùng ân nghĩa.

Dịch thơ:

*Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến cởi tròng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 94

遷江獄

1-12

籠外六十九人盜
籠中的盜不知數
監房卻像創藥堂
又像街上賣盜鋪

P'hiên âm:

THIÊN GIANG NGỤC

1 - 12

Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giám phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phổ.

Dịch nghĩa:

NHÀ LAO THIÊN GIANG⁽⁴⁹⁾

1 - 12

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang người⁽⁵⁰⁾,
Ang ở trong lao nhiều vô kể;
Buồng giam mà lại giống nhà bào chế thuốc,
Lại cũng giống hệt như cửa hàng bán ang ngoài phố.

Dịch thơ:

*Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Ang chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chính cũng không sai.*

BĂNG THANH dịch

BÀI 95

搭火車往來賓

幾十日來勞走路
今天得搭火車行
雖然只得坐炭上
畢竟比徒步漂亮

Phiên âm:

THÁP HOẢ XA VẮNG LAI TÂN

Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hoả xa hàng (hành);
Tuy nhiên chỉ đắc tọa than thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lương (lượng).

Dịch nghĩa:

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN⁽⁵¹⁾

Mấy chục ngày qua đi lại mệt nhọc,
Hôm nay được đáp xe lửa;
Dù chỉ được ngồi trên đồng than,
Nhưng so với đi bộ còn sang chảnh.

Dịch thơ:

*Cuộc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hoả;
Dù rằng chỉ ngồi trên đồng than,
Sang gấp mấy lần khi cuộc bộ.*

ĐỖ VĂN HỖ dịch

BÀI 96

他想逃

一心只想自由境
拚命跳車他走開
可惜他跑半里許
又被警兵捉回來

Phiên âm:

THA TƯỚNG ĐÀO

Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,
Biền mệnh khiêu xa tha tẩu khai;
Khả tích tha bào bán lý hứa,
Hựu bị cảnh binh tróc hồi lai!

Dịch nghĩa:

ANH ẤY MUỐN TRỐN

Một lòng chỉ mong cảnh tự do,
Liều mạng nhảy xuống xe, anh ấy trốn;
Tiếc thay, mới chạy chừng nửa dặm,
Lại bị cảnh binh bắt đem về.

Dịch thơ:

*Tự do, anh ấy hằng mong mãi,
Liều mạng dám nhào nhảy xuống xe;
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 97

來賓

監房班長天天賭
警長貪吞解犯錢
縣長燒燈辦公事
來賓依舊太平天

Phiên âm:

LAI TÂN

Giam phòng Ban trưởng thiên thiên đổ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiếu đặng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.

Dịch nghĩa:

LAI TÂN

Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân bị giải;
Huyện trưởng chong đèn làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.

Dịch thơ:

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng lo công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 98

到柳州

9-12

千辛萬苦非無限
九日吾人到柳州
回顧百餘天惡夢
醒來面尚帶餘愁

Phiên âm:

ĐÁO LIỄU CHÂU

9 - 12

Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,
Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu;
Hồi cổ bách dư thiên ác mộng,
Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu.

Dịch nghĩa:

ĐẾN LIỄU CHÂU⁽⁵²⁾

9 - 12

Muôn cay nghìn đắng không phải là vô hạn,
Ngày mồng chín, ta đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút u sầu.

Dịch thơ:

*Muôn cay nghìn đắng đâu vô hạn,
Mồng chín ta vừa đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 99

久不遞解

苦藥杯將乾更苦
難關末步倍艱難
長官部只隔里許
何故長留我此間

Phiên âm:

CỬU BẤT ĐỆ GIẢI

Khổ dược, bôi tương can cánh khổ,
Nan quan, mạt bộ bội gian nan;
Trường quan bộ chỉ cách lý hứa,
Hà cố trường lưu ngã thử gian?

Dịch nghĩa:

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

Chén thuốc đắng, lúc gần cạn càng đắng,
Cửa ải khó, đến chặng cuối càng khó khăn;
Dinh trưởng quan chỉ cách chừng một dặm,
Cớ sao giữ mãi ta ở chốn này?

Dịch thơ:

*Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay, cuối chặng lại thêm gay;
Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này?*

NAM TRẦN dịch

BÀI 100

夜半

睡時都像純良漢
醒後才分善惡人
善惡原來無定性
多由教育的原因

Phiên âm:

ĐẠ BÁN

Thuy thì đô tượng thuần lương hán,
Tĩnh hậu tài phân thiện, ác nhân;
Thiện, ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.

Dịch nghĩa:

NỬA ĐÊM

Lúc ngủ, mọi người đều có vẻ thuần hậu,
Tỉnh dậy, mới phân biệt rõ người thiện kẻ ác;
Thiện, ác vốn chẳng phải là bản tính cố hữu,
Phần lớn đều do giáo dục mà nên.

Dịch thơ:

*Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 101

柳州獄⁽⁵³⁾

LIÊU CHÂU NGỤC

NHÀ NGỤC LIÊU CHÂU

BÀI 102

到長官部

想這難關是最後
自由日子快來臨
那知還有難關在
我們應該解桂林

Phiên âm:

ĐÁO TRƯỞNG QUAN BỘ

Tưởng giá nan quan thị tối hậu,
Tự do nhật tử khoái lai lâm;
Na tri hoàn hữu nan quan tại,
Ngã mẫn ung cai giải Quế Lâm.

Dịch nghĩa:

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng rằng cửa ải khó khăn này là cuối cùng
Ngày tự do đang đến nhanh
Ngờ đâu còn cửa ải khó khăn nữa
Chúng tôi còn bị giải đi Quế Lâm⁽⁵⁴⁾

Dịch thơ:

*Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do ầu cũng chẳng chầy;
Nào biết gian nan còn ải nữa,
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.*

NAM TRÂN dịch

四個月了

"一日囚千秋在外"
古人之話不差訛
四月非人類生活
使余憔悴十多年多

因爲

四月吃不飽
四月睡不好
四月不換衣
四月不洗澡

所以

落了一隻牙
髮白了許多
黑瘦像餓鬼
全身是癩痧

幸而

持久和忍耐
不肯退一分
物質雖痛苦
不動搖精神

Phiên âm:

TỨ CÁ NGUYỆT LIỄU

“Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại”
Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa!
Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt,
Sử dư tiêu tuy thập niên đa.

Nhân vị:
Tứ nguyệt ngật bất bão,
Tứ nguyệt thủy bất hảo,
Tứ nguyệt bất hoán y,
Tứ nguyệt bất tẩy táo.

Sở dĩ:
Lạc liễu nhất chích nha,
Phát bạch liễu hứa đa,
Hắc sấu tượng ngã quý,
Toàn thân thị lại sa.

Hạnh nhi:
Tri cứu hoà nhĩ nại,
Bất khảng thoái nhất phân,
Vật chất tuy thống khổ,
Bất động dao tinh thần.

Dịch nghĩa:

BỐN THÁNG RỒI

“Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài”,
Lời nói người xưa thực không sai;
Sống chẳng ra người vừa bốn tháng,
Khiến mình tiêu tuy còn hơn mười năm.

Bởi vì:
Bốn tháng ăn không no,
Bốn tháng ngủ không yên,

Bốn tháng không thay áo,
Bốn tháng không tắm rửa.

Cho nên:
Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc đi nhiều,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở khắp thân mình.

May mà:
Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

Dịch thơ:

*"Một ngày tù nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiểu tụy còn hơn mười năm trời.*

Bởi vì:
*Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.*

Cho nên:
*Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phân,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.*

May mà:
*Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.*
Nam Trân dịch

BÀI 104

病重

外感華天新冷熱
內傷越地舊山河
獄中害病真辛苦
本應痛哭卻狂歌

Phiên âm:

BỆNH TRỌNG

Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt,
Nội thương Việt địa cựu sơn hà⁽⁵⁹⁾;
Ngục trung hại bệnh chân tân khổ,
Bản ưng thống khóc khước cuồng ca.

Dịch nghĩa:

ỐM NẶNG

Bên ngoài, cảm vì sự nóng lạnh mới thay đổi
của trời Hoa,
Bên trong, đau vì non sông xưa của đất Việt;
Trong tù mắc bệnh thực đắng cay,
Lẽ ra phải khóc ròng mà ta cứ hát ngao!

Dịch thơ:

*"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương" đất Việt cảnh lâm than;
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn!*

NAM TRÂN dịch

BÀI 105

到桂林

桂林無桂亦無林
只見山高與水深
榕蔭監房真可怕
白天黑黑夜沈沈

Phiên âm:

ĐÁO QUẾ LÂM

Quế Lâm vô quế diệc vô lâm,
Chỉ kiến sơn cao dữ thủy thâm;
Dung âm giam phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.

Dịch nghĩa:

ĐẾN QUẾ LÂM

Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy núi cao và sông sâu;
Cây đa rủ bóng xuống buồng giam, thực đáng sợ,
Ban ngày thì sẫm tối, ban đêm thì im lìm.

Dịch thơ:

*Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, chập chùng núi cao;
Bóng đa đè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sẫm!*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác

*Quế Lâm, không quế, có rừng dâu,
Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;
Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,
Ngày thì âm đạm, tối u sầu!*

XUÂN DIỆU - ĐỖ VĂN HỸ dịch

BÀI 106

入籠錢

初來要納入籠錢
至少仍須五十元
倘你無錢不能納
你將步步碰麻煩

Phiên âm:

NHẬP LUNG TIỀN

Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chỉ thiếu nhưng tu ngũ thập nguyên;
Thắng nhĩ vô tiền bất năng nạp,
Nhĩ tương bộ bộ bình ma phiền.

Dịch nghĩa:

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến, phải nộp khoản tiền vào nhà lao
Ít nhất cũng năm mươi đồng;
Nếu anh không có tiền, không nộp được,
Mỗi bước anh đi sẽ gặp rắc rối.

Dịch thơ:

*Mới đến nhà giam phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên"!
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Mỗi bước anh đi một bước phiền.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 107

? !

空空苦了四十天
四十天苦不勝言
現在又要解返柳
真是令人悶又煩

Phiên âm:

? !

Không không khổ liễu tứ thập thiên,
Tứ thập thiên khổ bất thăng nghiên (ngôn);
Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu,
Châu thị linh nhân muộn hựu phiền.

Dịch nghĩa:

? !

Cực khổ không đâu mất bốn mươi ngày rồi,
Bốn mươi ngày khổ không nói xiết;
Nay lại phải giải về Liễu Châu,
Thực khiến cho người ta bức bối lại buồn phiền.

Dịch thơ:

*Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,
Bốn chục ngày qua xiết đoạ đây;
Nay lại giải về Châu Liễu nữa,
Khiến người đã bức lại buồn thay!*

ĐỖ VĂN HỸ dịch

BÀI 108

?

柳州桂林又柳州
踢來踢去像皮球
含冤踏遍廣西地
不知解到幾時休

P'hiên âm:

?

Liễu Châu, Quế Lâm hựu Liễu Châu,
Dịch lại dịch khứ, tượng bì cầu;
Hàm oan đập biên Quảng Tây địa,
Bất tri giải đáo kỷ thời hưu?

Dịch nghĩa:

?

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại như quả bóng da;
Ngậm oan đi khắp đất Quảng Tây,
Không biết giải đến bao giờ mới thôi?

Dịch thơ:

*Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại bóng chuyền nhau;
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải đến bao giờ, giải tới đâu?*

NAM TRẦN dịch

BÀI 109

到第四戰區政治部

解過廣西十三縣
住了十八個監房
試問余所犯何罪
罪在爲民族盡忠

Phiên âm:

ĐÁO ĐỆ TỨ CHIẾN KHU CHÍNH TRỊ BỘ

Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,
Trú liễu thập bát cá giam phòng;
Thí vấn dư sở phạm hà tội?
Tội tại vị dân tộc tận trung!

Dịch nghĩa:

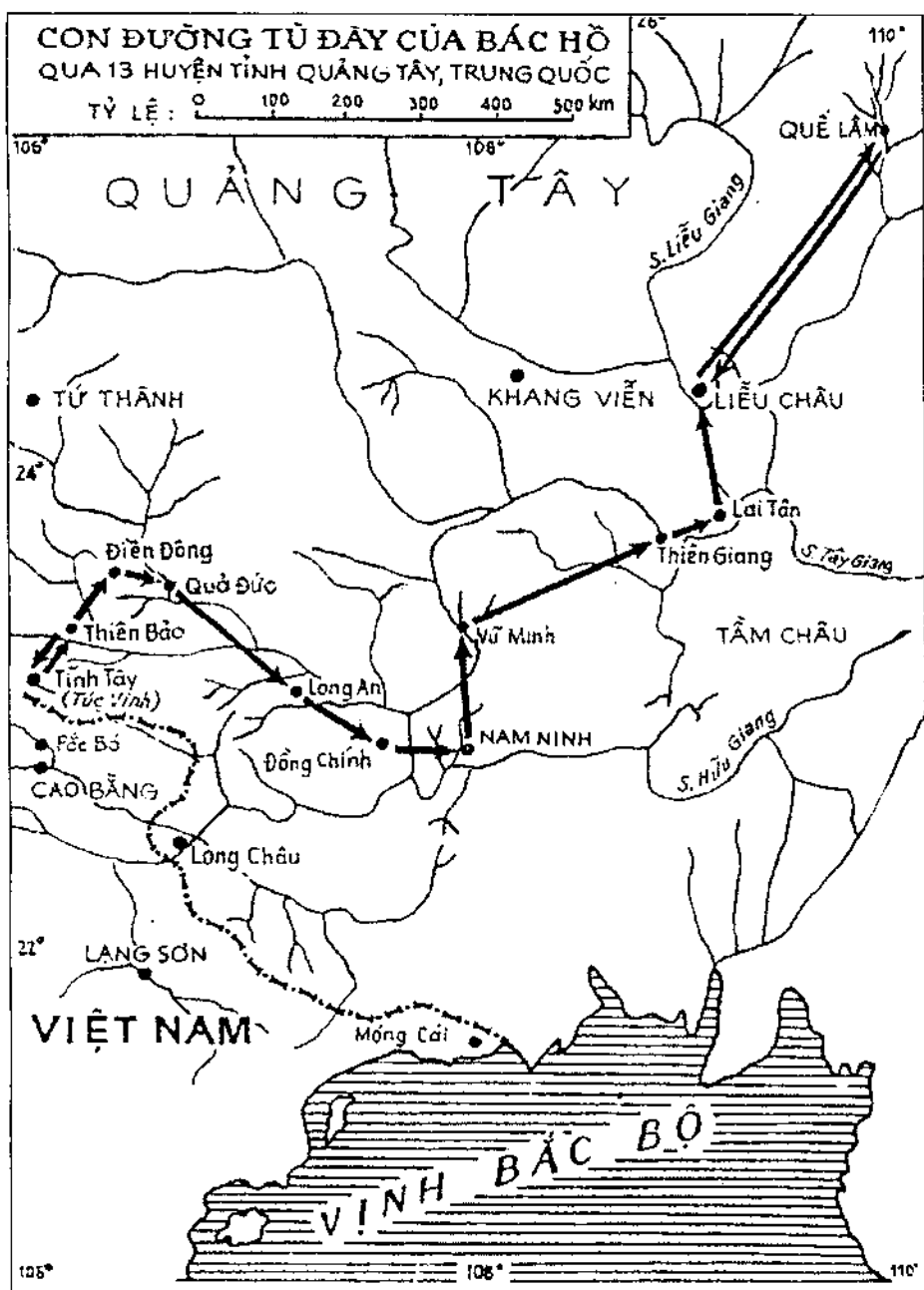
ĐẾN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV⁽⁵⁶⁾

Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,
Dùng chân qua mười tám nhà lao;
Thử hỏi ta phạm tội gì?
Tội tận trung với dân tộc!

Dịch thơ:

*Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua;
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,
Tội trung với nước với dân à?*

NAM TRẦN dịch



BÀI 110

政治部禁閉室

二呎闊兮三呎長
 四人住此日徬徨
 要申申腳也不可
 因爲多人少地方

Phiên âm:

CHÍNH TRỊ BỘ CẤM BẾ THẤT

Nhị xích⁽⁵⁷⁾ khoát hề tam xích trường,
 Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng;
 Yếu nhân thân cước dã bất khả,
 Nhân vị nhân đa thiếu địa phương.

Dịch nghĩa:

PHÒNG GIAM CẤM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

Hai bước chiều rộng, ba bước chiều dài
 Bốn người bàng hoàng vì bị giam trong đó.
 Muốn duỗi chân một chút cũng không được,
 Bởi vì người đông mà phòng lại quá hẹp.

Dịch thơ:

*Ba bước chiều dài, hai bước rộng.
 Bốn người giam (đó) thực bàng hoàng.
 Duỗi chân một chút không sao được.
 Khám hẹp người đông, khổ đủ đành.*

NAM SON dịch

Bản dịch khác:

*Hai thước rộng ba thước dài,
Ngày đêm luân quần bốn người tù nhân;
Mỗi chân không chỗ duỗi chân,
Người đông phòng hẹp, khó phần trở xoay.*

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch

BÀI 111

蒙優待

吃夠飯菜睡夠氈
又給零錢買報煙
主任梁公優待我
我心感激不勝言

Phiên âm:

MÔNG ƯU ĐÃI

Ngật câu phạn thái thuy câu chiên,
Hựu cấp linh tiền mại báo, yên;
Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã,
Ngã tâm cảm kích bất thắng nghiên (ngôn).

Dịch nghĩa:

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,
Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;
Chủ nhiệm họ Lương⁽⁵⁸⁾ ưu đãi ta,
Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

Dịch thơ:

*Ăn đủ thức ăn, chăn đủ ấm,
Báo xem, thuốc hút, được chi tiền.
Ông Lương chủ nhiệm dành ưu đãi.
Cảm kích, lòng ta chẳng nói nên.*

HOÀNG NGÂN dịch

BÀI 112

朝景

太 陽 每 早 從 山 上
照 得 全 山 處 處 紅
只 爲 籠 前 有 黑 影
太 陽 未 照 到 籠 中

Phiên âm:

TRIỀU CẢNH

Thái dương mỗi tảo tông sơn thượng,
Chiếu đắc toàn sơn xứ xứ hồng;
Chỉ vị lung tiền hữu hắc ảnh,
Thái dương vị chiếu đáo lung trung.

Dịch nghĩa:

CẢNH BUỔI SỚM

Mỗi buổi sớm, mặt trời nhô lên từ đỉnh núi,
Chiếu khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực;
Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,
Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục.

Dịch thơ:

*Đầu non sớm sớm vàng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 113

清明

清明時節雨紛紛
籠裡囚人欲斷魂
借問自由何處有
衛兵遙指辦公門

Phiên âm:

THANH MINH⁽⁵⁹⁾

Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lung lý tù nhân dục đoạn hồn;
Tả vấn tự do hà xứ hữu?
Vệ binh dao chỉ biện công môn.

Dịch nghĩa:

TIẾT THANH MINH

Tết thanh minh mưa phùn dày hạt,
Trong ngục, người tù buồn đứt ruột;
Ướm hỏi: nơi nào có tự do?
Lính gác chỉ tay về phía xa: cửa công đường.

Dịch thơ:

*Thanh minh lát phát mưa phùn,
Tù nhân nghe thấy nỗi buồn xót xa;
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trở lối thẳng ra công đường.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Thanh minh lất phất trận mưa sương
Trong ngục tù nhân muốn đoạn trường
Uóm hời tỵ do đâu có sẵn
Linh canh chỉ tới cửa công đường.*

QUÁNH TẤN dịch

BÀI 114

晚景

玫瑰花開花又謝
花開花謝兩無情
花香透入籠門裡
向在籠人訴不平

Phiên âm:

VĂN CẢNH

Mai khôì hoa khai, hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình;
Hoa hương thấu nhập lung môn lý,
Hương tại lung nhân tố bất bình.

Dịch nghĩa:

CẢNH CHIỀU HỘM

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,
Tối kể với người trong ngực nỗi bất bình.

Dịch thơ:

*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,
Kể với tù nhân nỗi bất bình.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 115

伍科長黃科員

伍科長與黃科員
兩二見我太可憐
慇懃慰問和幫助
這像冬寒遇暖天

Phiên âm:

NGŨ KHOA TRƯỞNG, HOÀNG KHOA VIÊN

Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhân kiến ngã thái khả liên;
Ân cần uỷ vãn hoà bang trợ,
Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.

Dịch nghĩa:

KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ, KHOA VIÊN HỌ HOÀNG⁽⁶⁰⁾

Khoa trưởng họ Ngũ và khoa viên họ Hoàng,
Hai người đến thăm thấy tình cảnh của ta
rất đáng thương;
Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,
Thật giống như mùa đông rét mướt
gặp được ngày nắng ấm.

Dịch thơ:

*Khoa trưởng Ngũ, khoa viên Hoàng
Thăm ta hai bận, lòng thương vô vãn:
Ân cần giúp đỡ, hỏi han,
Như ngày ấm giữa đông hàn giá sương.*

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

BÀI 116

限制

沒有自由真痛苦
出恭也被人制裁
開籠之時肚不痛
肚痛之時籠不開

Phiên âm:

HẠN CHẾ

Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung đã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đồ bất thống,
Đồ thống chi thì lung bất khai.

Dịch nghĩa:

BỊ HẠN CHẾ

Không có tự do thực thống khổ,
Đến chuyện đi tiêu cũng bị người hạn chế;
Lúc mở cửa ngục, bụng không đau,
Đến lúc bụng đau, ngục không mở.

Dịch thơ:

*Đau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 117

楊濤病重

無端平地起波濤
送你楊濤入坐牢
城火池魚堪浩嘆
而今你又咳成癆

Phiên âm:

DƯƠNG ĐÀO BỆNH TRỌNG

Vô đoan bình địa khởi ba đào,
Tống nhĩ Dương Đào nhập toạ lao;
“Thành hoả trì ngư” kham hạo thán,
Nhi kim nhĩ hựu khái thành lao.

Dịch nghĩa:

DƯƠNG ĐÀO⁽⁶¹⁾ ỐM NẶNG

Không dung đất bằng bỗng nổi sóng,
Đưa anh, Dương Đào, vào ngồi tù,
“Cháy thành vạ lây”, đáng than thở biết mấy,
Mà nay, anh lại mắc chứng lao.

Dịch thơ:

Sóng dậy đất bằng hỏi có sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

BÀI 118

不眠夜

茫茫長夜不能眠
我做囚詩百幾篇
做了一篇常擱筆
從籠門望自由天

Phiên âm:

BẮT MIÊN DẠ

Mang mang trường dạ bất năng miên,
Ngã tố tù thi bách kỷ thiên;
Tố liễu nhất thiên thường các bút,
Tòng lung môn vọng tự do thiên.

Dịch nghĩa:

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Đêm dài mênh mang không ngủ được,
Ta làm thơ tù đã hơn trăm bài;
Làm xong mỗi bài thường gác bút,
Trông qua cửa tù, ngóng trời tự do.

Dịch thơ:

*Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi;
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục, ngóng trời tự do.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 119

久雨

九天下雨一天晴
可恨天公沒有情
鞋破路泥污了腳
仍須努力向前行

Phiên âm:

CỬU VŨ

Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,
Khả hận thiên công một hữu tình!
Hải phá, lộ nê, ô liễu cước,
Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.

Dịch nghĩa:

MƯA LÂU

Chín ngày mưa, một ngày tạnh,
Đáng giận ông trời thật vô tình!
Giày rách, đường lầy, lấm cả chân,
Nhưng vẫn phải đi lên phía trước.

Dịch thơ:

*Một ngày hừng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dặm đường xa.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Một ngày hừng, chín ngày mưa
Vô tình! Trời đáng giận chưa hồi trời?
Đường bùn giấy rách tả tơi
Dù lấm láp vẫn chẳng lo ngại dẫm trường*

QUÁCH TẤN dịch

BÀI 120

惜光陰

蒼天有意挫英雄
八月消磨桮桮中
尺璧寸陰真可惜
不知何日出牢籠

Phiên âm:

TÍCH QUANG ÂM

Thương thiên hữu ý toả anh hùng,
Bát nguyệt tiêu ma cốc trất trung;
Xích bích thốn âm chân khả tích,
Bất tri hà nhật xuất lao lung⁽⁶²⁾.

Dịch nghĩa:

TIẾT NGÀY GIỜ

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Tám tháng đã mòn môi trong chốn gông cùm;
Tấc bóng nghìn vàng, thật đáng tiếc,
Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù?

Dịch thơ:

*Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng;
Tấc bóng nghìn vàng, đau xót thực,
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung?*

NAM TRẦN dịch

BÀI 121

讀蔣公訓詞

百折不回向前進
孤臣孽子義當然
決心苦幹與硬幹
自有成功的一天

Phiên âm:

ĐỘC TUỞNG CÔNG HUẤN TỪ

Bách chiết bất hồi, hương tiền tiến,
Cô thần nghịệt tử, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm, khổ cán dữ ngạnh cán,
Tự hữu thành công đích nhất thiên.

Dịch nghĩa:

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TUỞNG⁽⁶³⁾

Trăm nghìn gian khó không lui, vẫn cứ tiến,
Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất, cái nghĩa phải như vậy;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Ắt sẽ có một ngày thành công.

Dịch thơ:

*Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.*

ĐỖ VĂN HỮY dịch

BÀI 122

梁華盛將君陞任副司令

昔日揮軍湘浙地
今年抗敵緬滇邊
顯赫威名寒敵膽
爲公豫頌凱旋篇

Phiên âm:

LUƠNG HOA THỊNH TUỞNG QUÂN THĂNG NHẬM PHỐ TƯ LỆNH

Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,
Kim niên, kháng địch Miến, Điện Biên;
Hiển hách, uy danh hàn địch dõm,
Vị công dự tụng khải toàn thiên.

Dịch nghĩa:

TUỞNG QUÂN LUƠNG HOA THỊNH⁽⁶⁴⁾ THĂNG CHÚC PHỐ TƯ LỆNH

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương
và Chiết⁽⁶⁵⁾,
Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến
và Điện⁽⁶⁶⁾;
Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mặt,
Vì ông ca trước khúc khải hoàn.

Dịch thơ:

*Độc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Diên;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mặt,
Mừng ông, ca trước khai hoàn thiên.*

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

BÀI 123

贈小候(海)

幼而學也壯而行
上忠黨國下忠民
儉勤勇敢和廉正
毋負梁公教育情

P'hiên âm:

TẶNG TIỂU HẦU (HẢI)

Ấu nhi học dã, tráng nhi hành,
Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;
Kiệm cần, dũng cảm hoà liêm chính,
Vô phụ Lương công giáo dục tình.

Dịch nghĩa:

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)⁽⁶⁷⁾

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,
Trên trung với Đảng và nước, dưới trung với dân;
Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

Dịch thơ:

*Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành;
Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.*

ĐỖ VĂN HỖ dịch

BÀI 124

秋感
其一

熊到山峰晚十點
蟲聲斷續慶秋來
囚人不管秋來未
只管囚籠何時開

BÀI 125

其二

去歲秋初我自由
今年秋首我居囚
倘能裨益吾民族
可說今秋值去秋

THU CẨM

I

Hùng đảo sơn phong văn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai;
Tù nhân bất quản thu lai vị,
Chỉ quản tù lung hà thời khai.

II

Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù;
Thăng năng tì ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.

Dịch nghĩa:

CẨM THU

I

Sao Bắc đẩu lên đến đỉnh núi đã mười giờ đêm,
Tiếng trùng dứt nổi mừng thu sang;
Người tù chẳng kể thu sang hay chưa,
Chỉ cần biết cửa tù ngày nào mở.

II

Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay ta ở tù;
Ví bằng giúp ích được cho dân tộc,
Thì có thể nói, thu nay cũng sánh ngang thu trước.

Dịch thơ:

I

*Bắc dẫu mười giờ ngang đỉnh núi,
Đế kêu khoan nhặt đón mừng thu;
Thân tù đâu thiết thu sang chữa,
Chỉ nghĩ hôm nao mở cửa tù.*

II

*Năm ngoài đầu thu ta tự do,
Năm nay thu đến ta trong tù;
Vì bằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước, thu này há kém nhau.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

BÀI 126

因肚餓

從前送飯天天早
現在開餐遲又遲
況復時間不一定
十十一或十二時

Phiên âm:

NHÂN ĐỐ NGÃ

Tòng tiền tổng phạn thiên thiên tảo,
Hiện tại khai xan trì hựu trì;
Huống phục thời gian bất nhất định,
Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.

Dịch nghĩa:

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,
Bây giờ, bữa ăn đã muộn lại càng muộn;
Huống chi lại thêm thời gian không nhất định,
Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một, hoặc
mười hai giờ.

Dịch thơ:

*Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một, hoặc mười hai.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 127

陳科員來探

一年只見兵和警
今日看見儒雅人
雅人使我心興奮
我髮黑反兩三分

Phiên âm:

TRẦN KHOA VIÊN LAI THẨM

Nhất niên chỉ kiến binh hoà cảnh,
Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;
Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,
Ngã phát hắc phản⁽⁶⁸⁾ lưỡng tam phân.

Dịch nghĩa:

KHOA VIÊN HỌ TRẦN⁽⁶⁹⁾ TỚI THẨM

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,
Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã;
Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,
Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

Dịch thơ:

*Quanh năm thấy lính cùng cảnh vệ
Nay người nho nhã tới thăm ta.
Lòng ta mừng gặp người nho nhã,
Tóc ta đen lại được vài ba.*

K.D dịch

BÀI 128

候主任恩贈一部書

頃承主任送書來
讀罷精神覺頓開
領袖偉言如在耳
天邊轟動一聲雷

Phiên âm:

HẦU CHỦ NHIỆM⁽⁷⁰⁾ ÂN TẶNG NHẤT BỘ THU

Khoảnh thừa chủ nhiệm tổng thư lai,
Độc bãi tinh thần giác đốn khai;
Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,
Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.

Dịch nghĩa:

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Vừa rồi được Chủ nhiệm đem sách đến cho,
Độc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;
Lời lãnh tụ như còn văng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm ầm vang nơi chân trời.

Dịch thơ:

*Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Độc đoạn, tinh thần chợt mở mang;
Còn văng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rền vang.*

ĐỖ VĂN HỖ dịch

BÀI 129

蒙上令准出籠活動

久閒兩腳軟如綿
 今譬行行屢欲顛
 片刻已聞班長喊
 返來不准再遲延

Phiên âm:

MỘNG THUỘNG LỆNH
 CHUẨN XUẤT LUNG HOẠT ĐỘNG

Cửu nhân lưỡng cước nhuyễn như miên,
 Kim thí⁽⁷¹⁾ hành hành lữ dục điên;
 Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám:
 “Phản lai, bất chuẩn tái trì diên”!

Dịch nghĩa:

ĐƯỢC LỆNH TRÊN
 CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM

Nhàn dỗi lâu nay, hai chân mềm như bông,
 Nay mới đi thử vài bước đã lão đảo mấy lần chực ngã;
 Chốc lát đã nghe Ban trưởng quát:
 “Quay lại! Không được dềnh dàng nữa!”

Dịch thơ:

*Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,
 Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;
 Chốc lát đã nghe Cai ngục quát:
 “Không dềnh dàng nữa, phải vào ngay!”*

ĐỖ VĂN HỸ dịch

BÀI 130

秋夜

門前衛士執槍立
天上殘雲傍月飛
木虱縱橫如坦克
蚊蟲聚散似飛機
心懷故國千塘路
夢遶新愁萬縷絲
無罪而囚已一載
老夫和淚寫囚詩

Phiên âm:

THU ĐẠ

Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập,
Thiên thượng tàn vân bàng nguyệt phi;
Mộc s虱⁽⁷²⁾ tung hoành như thán khắc⁽⁷³⁾,
Mân trùng tụ tán tự phi ky (cơ);
Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ⁽⁷⁴⁾,
Mộng nhiễu tân sầu, vạn lữ ti;
Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,
Lão phu hoà lệ tả tù thi.

Dịch nghĩa:

ĐÊM THU

Trước cửa lính gác cầm súng đứng,
Trên trời đám mây tàn bay bên vầng trăng;
Lũ rệp bò ngổn ngang như xe tăng,
Đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay;
Lòng nhớ cố quốc cách xa nghìn trùng,
Giấc mộng vẫn vương mối sầu mới
 như vạ mới to;
Vô tội mà ở tù đã một năm nay,
Già này hoà nước mắt viết thơ tù.

Dịch thơ:

*Trước cửa lính canh bông súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây;
Rệp bò lổm ngổm như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm băng khuâng hồn nước cũ
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 131

晴天

事物循環原有定
雨天之後必晴天
片時宇宙解淋服
萬里山河曬錦氈
日暖風清花帶笑
樹高枝潤鳥爭言
人和萬物都興奮
苦盡甘來理自然

Phiên âm:

TÌNH THIÊN

Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục,
Vạn lý sơn hà sái cẩm chiên;
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận điều tranh nghiên (ngôn);
Nhân hoà vạn vật đô hưng phấn,
Khố tận cam lai, lý tự nhiên.

Dịch nghĩa:

TRỜI HÙNG

Sự vật vẫn xoay vốn định sẵn,
Sau ngày mưa tắt đến ngày nắng;
Trong chốc lát, vũ trụ đã cởi bộ áo ướt,
Muôn dặm non sông phơi màu chân gấm;
Trời ấm, gió nhẹ, hoa chúm chím cười,
Cây cao, cánh mượt, chim đua hót;
Người cùng muôn vật đều phấn chấn,
Hết khổ đến sướng là lẽ tự nhiên.

Dịch thơ:

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn:
Hết mưa là nắng hừng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cảnh tươi;
Người cùng vạn vật đều phơi phơi:
Hết khổ là vui, vốn lẽ đời.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 132

看千家詩有感

古詩偏愛天然美
山水煙花雪月風
現代詩中應有鐵
詩家也要會衝鋒

Phiên âm:

KHÁN “THIÊN GIA THI” HỮU CẢM

Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ,
Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.

Dịch nghĩa:

CẢM TƯỞNG ĐỌC “THIÊN GIA THI”⁽⁷⁵⁾

Thơ xưa nghiêng về yêu cảnh đẹp thiên nhiên,
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió;
Trong thơ thời nay nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Dịch thơ:

*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

NAM TRÂN dịch

BÀI 133

即景

樹梢巧畫張飛像
赤日長明關羽心
祖國終年無信息
故鄉每日望回音

Phiên âm:

TỨC CẢNH

Thụ sao xảo hoạ Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.

Dịch nghĩa:

TỨC CẢNH

Ngon cây khéo vẽ hình Trương Phi⁽⁷⁶⁾,
Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ⁽⁷⁷⁾;
Tròn năm không được tin tức gì về đất nước,
Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

Dịch thơ:

*Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.*

NAM TRẦN dịch

BÀI 134

結論

幸遇英明候主任
而今又是自由人
獄中日記從今止
深謝候公再造恩
完

29-8-1942

10-9-1943

Phiên âm:

KẾT LUẬN

Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,
Nhi kim hựu thị tự do nhân;
Ngục trung nhật ký tòng kim chỉ,
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân.

Hoàn

29/8/1942

10/9/1943

Dịch nghĩa:

KẾT LUẬN

May mắn gặp được Chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do;
Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,
Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu.

Dịch thơ:

*Sáng suốt, nhờ ơn Hầu chủ nhiệm,
Tự do trở lại với ta rồi;
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.*

29/8/1942

10/9/1943

HẾT

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch

BÀI 135

新出獄學登山

雲擁重山山擁雲
江心如鏡淨無塵
徘徊獨步西峰嶺
遙望南天憶故人

Phiên âm:

TÂN XUẤT NGỤC HỌC ĐĂNG SƠN⁽⁷⁸⁾

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên⁽⁷⁹⁾ ức cố nhân.

Dịch nghĩa:

MỚI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Mây ôm dãy núi, núi ôm mây,
Lòng sông như gương, không chút bụi;
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh núi
Tây Phong,
Trông về phía trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.

Dịch thơ:

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác:

*Mây ôm núi, núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng;
Bụi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.*

T.LAN dịch⁽⁸⁰⁾

CHÚ THÍCH NHẬT KÝ TRONG TỪ

(1) Trong nguyên bản bốn câu thơ này không có dấu đề, chép ở ngoài bia tập *Ngục trung nhật ký* cùng hình vẽ hai tay bị xiềng, có lẽ được Hồ Chí Minh coi như một lời đề từ cho toàn tập.

(2) *Túc vinh*: Tên một địa khu thuộc thị trấn huyện Thiên Bảo, nay là huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Hồ Chí Minh bị bắt ở đây ngày 29/8/1942.

(3) Trong câu thơ này tác giả có dụng ý cho chữ: lấy *mông nhục* (mang nhục) đối lập với *túc vinh* (đủ vinh) để làm tăng ý nghĩa mỉa mai hươc của bài thơ, gián tiếp chế giễu việc bắt người vô lý của nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch.

(4) *Tĩnh Tây*: một huyện ở phía Tây nam tỉnh Quảng Tây gần biên giới Trung Việt, tác giả bị bắt ở Túc Vinh, sau đó giải tới huyện thành Thiên Bảo, rồi lại bị đưa trở về Tĩnh Tây.

(5) Trong nguyên văn, tác giả viết chữ 樣, có lẽ là một cách viết giả tá của chữ dạng 𢆶, vì thế lần in thứ nhất, tiểu ban dịch đã chữa thành chữ dạng 恙, cho dễ hiểu. Lần này chúng tôi vẫn giữ nguyên cách chữa đó. Một số trường hợp khác cũng tương tự, như chữ thân 𠂔 chữa thành thân 申 (bài *Cước áp*), đều giữ nguyên. Riêng đối với một số chữ tuy bản in lần thứ nhất đã chữa, nhưng nay xét lại nguyên văn vẫn có nghĩa, như *lậu toán* 陋算 chữa thành *lậu trước* 漏著 (Bài *Học dịch ký*), chữ *khẩn trương* 緊張 chữa thành *kiện cường* 健強 (Bài *Tự miễn*)... thì nay khôi phục lại nguyên văn. Cũng có một số trường hợp sửa chữa đã có thư xin ý kiến tác giả và được tác giả tán thành (có lưu lại trong hồ sơ của Viện), thì đều giữ nguyên, và có chú thích để bạn đọc rõ.

Trong bài này Hồ Chí Minh nói mục đích chuyến đi của mình là “gặp yêu nhân”, tức gặp Chu Ân Lai lúc đó đang là một nhân vật quan trọng trong Chính phủ Quốc dân đảng.

(6) Nguyên văn là chữ *bê* 𠂔 nhưng bản in của Hoàng Tranh (Quảng Tây giáo dục xuất bản xã, có tham khảo bản in trọn vẹn của Viện Văn học, do Nxb Văn học, Hà Nội, 1990), vẫn giữ lại chữ *nhân* 𠂔, như bản năm 1960. Có lẽ trong văn pháp Hán ngữ, hai chữ *nhân tọa* 𠂔坐 hợp lý hơn chẳng.

(7) *Từ “cứng”* chỉ bọn tù sung túc, ngày ngày được người nhà tiếp tế đủ mọi thứ thức ăn ngon.

(8) Nguyên văn *Xa đại pháo*: một thành ngữ ở vùng Quảng Đông có nghĩa như “một tấc đến trời”.

(9) *Song thập*: tức ngày 10 tháng Mười, quốc khánh nước Trung Hoa dân quốc trước đây.

(10) Cuối tháng Tám năm 1942, Hồ Chí Minh từ huyện Tĩnh Tây đi đến huyện Điện Đông để từ đó đi Trưng Khánh. Trên đường đi, đến Túc Vinh thuộc huyện thành Thiên Bảo thì bị bắt. Từ Thiên Bảo ông bị áp giải trở lại Tĩnh Tây, sau đó một thời gian thì giải đi Quế Lâm. Và ngày Song thập lại đi qua Thiên Bảo.

(11) *Long Xuyên*: Theo Hoàng Tranh, tức *Long Xuyên* 龍川, vì hài âm nên tác giả viết thành *Long Tuyền*. Long Xuyên là một thôn trang thuộc Túc Vinh (huyện Đức Bảo ngày nay) Thôn này nằm trên trục đường đi Biển Đông, cách huyện thành Đức Bảo (bây giờ là Thiên Bảo) 36 km, cách Điện Đông 49 km. Từ Thiên Bảo đi Điện Đông, khách bộ hành hay nghỉ lại đây.

(12) *Đôi ngựa* (Song mã): xe có hai ngựa kéo mà người quyền quý xưa kia thường dùng; chữ “đôi ngựa” ở đây dùng với ý hài hước để chỉ đôi chân tác giả, nhân vì tiếng Quảng Đông gọi chân là *mã*.

(13) *Gà năm vị* (ngũ vị kê): món ăn sang, ở đây dùng với ý hài hước chỉ đôi chân bị xiềng tréo, giống như ở hiệu ăn thường tréo chân gà để nấu món “gà năm vị”.

(14) *Điện Đông*: tên một huyện trên đường từ Thiên Bảo đi Nam Ninh.

(15) Không hiểu sao bài thơ này lại xếp sau bài *Điện Đông*, có lẽ sau khi đến Điện Đông, tác giả đã hồi ức về quãng đường đi từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. Theo Hoàng Tranh khoảng cách giữa Tĩnh Tây và Thiên Bảo là 52 km, gần đúng như câu thơ đầu bài này.

(16) *Uy - ky*: Wendell Willkie, đại biểu Mỹ trong phe Đồng Minh chống phát - xít, đi thăm Trưng

Khánh. Lúc ông đi qua đệ tử chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục tổ chức hội họp chiêu đãi, các báo đều đưa tin sự kiện này, bấy giờ Hồ Chí Minh là đại biểu của Việt Nam Độc lập đồng minh hội, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật. Nhưng giới cầm quyền ở Trùng Khánh lại bắt giam ông.

(17) *Trùng Khánh*: còn có tên là *Du*, một phủ thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi Chính phủ dân quốc Trung Hoa đóng thời chống Nhật.

(18) Ở vùng Tây nam tỉnh Quảng Tây có vụ lúa muộn, thu hoạch vào tháng Mười. Hồ Chí Minh từ Việt Nam sang Trung Quốc vào cuối tháng Tám, bấy giờ lúa đang ngâm đồng nên mới có câu “Lúc ta đến lúa còn xanh”. Đến khi ông viết bài thơ này là vào cuối tháng Mười, đúng lúc việc thu hoạch vụ lúa muộn đang sôi nổi nhất (Trong một bài sau sẽ có ký chú: 2/11).

(19) Nguyên bản là 葵. Trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã nhất trí sửa lại là *Táo* 葵.

(20) *Quả Đức*: tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang, một địa điểm tiếp sau Điền Đông, nay là huyện Bình Quả.

(21) *Long An*: tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang. Từ Quả Đức, Hồ Chí Minh bị giải chèo xuồng phía Nam và dọc theo sông Hữu Giang đến Nam Ninh.

(22) Câu này chữa lại theo nguyên bản. Nhưng chữ *Táo* 葵 là quét trong câu thơ *U ám tàn dư táo nhất không* (bóng đêm còn u ám đã bị quét sạch) như bản in năm 1960 có phần hay hơn.

(23) *Đồng Chính*: tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường từ Long An đi Nam Ninh dọc theo sông Hữu Giang, nay thuộc huyện Phú Tuy.

(24) *Bình Mã*: tên trấn, huyện lỵ huyện Điền Đông.

(25) *Rồng dài*: nguyên văn là *trường long*, tức sợi dây trời, tác giả gọi một cách hài hước.

(26) Bài này trong các lần in trước xếp trên bài *Đồng Chính*, lần này chuyển xuống cho đúng với nguyên bản, và *Long An - Đồng Chính* là lời nhận xét của tác giả về cả hai vùng Long An và Đồng Chính, chứ không phải con đường từ Long An đến Đồng Chính.

(27) Trong bài này, tác giả châm điểm việc bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tuy gọi là “đi lính cứu nước”, nhưng thực chất chỉ là để bảo vệ nhà cầm quyền, nên phần đông nhân dân bỏ trốn không chịu đi. Để đối phó lại, chính quyền đã dùng thủ đoạn bắt vợ vào ngôi tù thay.

(28) Câu cuối bài này lấy từ câu thơ cuối bài *Ngẫu thành* của nhà thơ và nhà triết học Nho giáo Trình Hạo đời Tống.

*“Phủ quý bất dâm, bản tiện lạc,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng”.*

Nghĩa là:

*Giàu sang không ham muốn, nghèo hèn vẫn vui,
Làm trai đến thử cũng hào hùng.*

(29) Nguyên bản là *trình* 程, trong lần xuất bản thứ nhất, tác giả đã nhất trí sửa lại là *Khanh* 坑.

(30) *Ung Ninh*: trong bài này tác giả đã nhắc đến hai tên: *Ung* và *Ung Ninh*, *Ung* là một biệt danh của thành phố Nam Ninh. Vì sông Úc (hợp lưu của Tả Giang và Hữu Giang) có một đoạn chảy qua Nam Ninh mang tên Ung Giang cho nên Nam Ninh có tên *Ung Châu*, gọi tắt là *Ung*. *Ung Ninh* là một huyện thuộc thành phố Nam Ninh, huyện lỵ là trấn Bồ Miếu, ở về phía Đông thành phố.

(31) *Mô - đéc*: nguyên văn “ma - đăng”, phiên âm tiếng Anh “modern”, tức là tối tân, hiện đại, tác giả dùng với ý hài hước. Theo Hoàng Tranh, nhà ngục này hiện ở sảnh viện công an khu tự trị dân tộc Choang, trung tâm thành phố Nam Ninh.

(32) *Chết cứng*: Nguyên văn *ngạnh liễu*. *Ngạnh* có nghĩa là chết. Tiếng Quảng Đông thường khi dùng “ngạnh liễu” thay cho “tử liễu” (chết rồi). Chúng tôi dịch “chết cứng” thay cho để diễn tả phần nào sắc thái biểu cảm của từ ngữ địa phương này.

(33) Nguyên bản là *Thủ Dương* 浮陽, trong lần xuất bản thứ nhất tác giả đã nhất trí chữa lại là *Thú Dương* 浮陽. *Thú Dương* là tên một ngọn núi thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

(34) *Bá Di, Thúc Tề*: con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước C.N), Trung Quốc. Khi Vũ Vương chiếm ngôi nhà Ân lập lên nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn gạo nhà Chu, lên núi Thủ Dương ở ẩn, ăn rau薇, rồi chết đói ở đó.

(35) *Thành nhật*: Phương ngữ vùng Quảng Đông, có nghĩa là suốt ngày.

- (36) Ngày 11 tháng Mười một (song thập nhất): ngày kỷ niệm chấm dứt Thế chiến thứ nhất (1914 - 1918).
- (37) Nà - zì: chỉ bọn Đức quốc xã.
- (38) Nguyên văn: gần sáu năm. Nhân dân Trung Quốc bắt đầu chống cuộc xâm lược của phát - xít Nhật từ ngày 7 tháng 7 năm 1937, đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.
- (39) *Chiết tự*: một hình thức phân tích chữ Hán ra từng bộ phận để thành những chữ mới, có ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu.
- (40) Theo lối “chiết tự”, bài thơ này còn có nghĩa đen như sau: Chữ từ [从] bỏ chữ nhân 人, cho chữ hoặc 或 vào, thành chữ quốc 國, chữ hoan 患 bớt phần trên đi thành chữ trung 忠. Thêm nhân đứng vào chữ ưu 憂 trong “ưu sầu” 憂愁 thành chữ ưu 憂 trong “ưu điểm” 優點. Chữ lung 龍 bỏ trục đầu 丩 thành chữ long 龍.
- (41) Vũ Minh: địa hạt Nam Ninh, cách thành phố Nam Ninh 43 km về phía Bắc. Khi bị giải từ Long An đến Nam Ninh, tác giả *Ngục trung nhật ký* đã đi qua Đồng Chính, Ung Ninh. Lần này bị giải đi Liễu Châu qua Vũ Minh ông lại phải đi qua địa phận huyện Ung Ninh, vì thế có cảm giác bị giải vòng trở lại.
- (42) Bào Hương: phố nhỏ trên đường từ Vũ Minh đi Tân Dương. Vùng này chỉ có thịt chó là ăn được.
- (43) *Thảm đạm kinh doanh*: thành ngữ Trung Quốc nói sự dốt sức, mưu toan, tận tụy, với công việc.
- (44) Sê - dich: phiên âm tiếng Anh “stick”, có nghĩa là chiếc gậy.
- (45) Tân Dương: tên huyện, thuộc địa hạt Nam Ninh, cách thành phố Nam Ninh 90 km. Cũng như bài *Trung bình gia quyến*, bài này mượn lời của một cháu nhỏ để châm biếm lối bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì không bắt được chồng vào lính, họ đã bỏ tù người vợ cùng với con nhỏ.
- (46) Nê - ru: tức Sơ - rí Ja - va - hac - lan Nê - ru (Sri Jawaharlal Nehru) (1889 - 1964), một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ và là thủ tướng Ấn Độ từ năm 1947 đến năm 1964. Hồ Chí Minh đã gặp cụ thân sinh ra thủ tướng Nê - ru, cũng là một chiến sĩ lão thành, ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh đế quốc tại Bơ - ruc - xen (Bruxelle) thủ đô nước Bỉ, năm 1927. Với thủ tướng Nê - Ru, Hồ Chí Minh là người đồng thời, cũng là chiến sĩ kiên cường đấu tranh vì độc lập dân tộc, nên tuy chưa gặp mặt nhưng vẫn xem nhau là bạn. Từ tháng Mười hai năm 1921 đến tháng Sáu năm 1945, Nê - Ru từng bị bắt giam đến chín lần. Thời gian Hồ Chí Minh bị giam ở Quảng Tây, Nê - Ru cũng bị giam trong nhà tù thực dân Anh quốc.
- (47) *Tiền Quảng Tây*: nguyên văn là “*Quế Tệ*”, tức tiền Quế. Quế là một tên khác của tỉnh Quảng Tây.
- (48) *Tuyệt trung tổng thán*: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là cho than sưởi ấm trong những ngày tuyết rơi. Ý nói giúp đỡ người khác những lúc hoạn nạn.
- (49) *Thiên Giang*: một địa khu thuộc huyện Lai Tân, tỉnh Quảng Tây, cách Tân Dương 49 km về phía Bắc, cách huyện thành Lai Tân 42 km.
- (50) *Ang người*: một loại đồ sành, Quảng Tây và một số địa phương phía Nam Trung Quốc dùng để táng người chết. Thông thường ang dùng trong lần cải táng, giống như tiểu sành ở Việt Nam, nhưng hình dáng thì giống như loại chum miệng rộng.
- (51) *Lai Tân*: tên huyện thuộc địa hạt Liễu Châu tỉnh Quảng Tây, cách thị xã Liễu Châu 80 km.
- (52) *Liễu Châu*: một thị xã ở vùng giữa tỉnh Quảng Tây, bấy giờ trụ sở Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu đóng ở đó. Hồ Chí Minh bị bắt từ 29 tháng Tám, lúc này là 9 tháng 12, đã qua 103 ngày.
- (53) Trong nguyên bản, bài thơ này chỉ có đầu đề, không có thơ.
- (54) *Quế Lâm*: thủ phủ của tỉnh Quảng Tây, lúc này công sảnh Ban quân sự uỷ viên hội của Chính phủ quốc dân đóng ở đó, cũng gọi là Hành doanh Quế Lâm.
- (55) Hai câu đầu bài này dựa vào hai câu:

“Gợi cảm Hán gia tân vũ lộ,
Nội thương Hàn quốc cựu sơn hà”

Trong bài *Trương Lương tổ đa bệnh* của Hoàng Phan Thái, tức Đầu xứ Thái, một nhà nho ở huyện Nghi Lộc, nay thuộc tỉnh Nghệ An, chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn, bị xử tử thời Tự Đức.

(56) Cục chính trị này đóng ở Liễu Châu, là một trung tâm quân sự của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây lúc đó. Trong bài tác giả nói đến 13 huyện (trong đó bao gồm cả thị) và 18 phòng giam, đó là: Thiên Bảo, Tĩnh Tây, Diên Đông, Quế Đức, Long An, Đồng Chính, Ung Ninh, Nam Ninh, Vũ Minh, Tân Dương, Lai Tân, Liễu Châu, Quế Lâm, ngoài 13 phòng giam ở các huyện thị trên đây, còn có những nơi

tạm giam trên đường đi không thuộc cấp huyện thị nào, như Túc Vinh, Thiên Giang...

(57) Nguyên bản chữ *xích* 尺, đơn vị đo chiều dài của Anh, tương đương với 0,305 m. Bản của Viện Văn học trong lần xuất bản trước viết là *xích* 尺, đơn vị chiều dài của Trung Quốc, tương đương với 0,31 m, cũng gần bằng xích Anh. Nếu theo những con số này thì diện tích phòng giam chỉ rộng chừng nửa mét vuông ($0,305 \times 3 \times 0,305 \times 2 = 0,56$). Có lẽ không một loại cấm bế thất nào nhỏ đến như vậy. Chúng tôi đoán tác giả dùng chữ *xích* 尺 để chỉ *công xích* 尺公 tức mét (mètre), nên chúng tôi tạm dịch là *thước*. Xà lim rộng 6 m² cũng là thường thấy.

(58) *Chủ nhiệm họ Lương*: tức Lương Hoa Thịnh, lúc này là Chủ nhiệm Đệ tứ chiến khu chính trị bộ. Xem thêm chú thích 64.

(59) Bài này dựa theo một bài thơ nổi tiếng của Đỗ Mục đời Đường:

*"Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn;
Tà vấn từ gia hà xứ hĩ?
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn"*

Nghĩa là:

*Tết thanh minh mưa phùn lất phất,
Trên đường người đi buồn đứt ruột;
Uống hỏi nơi nào có quán rượu?
Trẻ chăn trâu chỉ tay về phía xa: thôn Hạnh Hoa.*

(60) *Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng*: đều là viên chức ở Đệ Tứ chiến khu chính trị bộ chịu trách nhiệm quản lý Hồ Chí Minh.

(61) *Dương Đào*: còn có tên Dương Thuần Cường, người dân tộc Choang xã Ba Muông, huyện Tĩnh Tây, dẫn đường cho Hồ Chí Minh, bị bắt và bị giam cầm cùng với ông. Sau khi Hồ Chí Minh ra tù được ít lâu, Dương cũng được ra tù và chết tại Liễu Châu vì bệnh lao. Hồ Chí Minh rất thương tiếc, coi như anh em. Tháng Tám năm 1963, Hồ Chí Minh đã mời 7 vị có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam ở hai huyện Tĩnh Tây và Nà Phạ (Quảng Tây) sang thăm nước ta, trong đó có Dương Thắng Cường, em ruột của Dương Đào.

(62) Câu thơ này lấy từ một câu trong bài thơ nổi tiếng *Chí thành thông thánh* của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh làm năm 1905, nhằm thức tỉnh sĩ phu hướng ứng phong trào Duy Tân cứu nước.

(63) *Ông Tưởng*: tức Tưởng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc lúc bấy giờ.

(64) *Lương Hoa Thịnh*: là Trung tướng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục chính trị đệ tứ chiến khu ở Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây. Tháng 5/1943, ông được thăng chức Tư lệnh phó, Trương Phát Khuê làm Tư lệnh trưởng, thiếu tướng Hầu Chí Minh thay ông làm Chủ nhiệm.

(65) *Tương*: tỉnh Hồ Nam; *Chiết*: tỉnh Chiết Giang.

(66) *Miền*: Miến Điện; *Diên*: tỉnh Vân Nam.

(67) *Tiểu Hầu (Hải)*: Theo Hoàng Tranh, có thể là một nhân viên trẻ tuổi ở Đệ tứ chiến khu chính trị bộ, trực tiếp dưới quyền điều hành của Chủ nhiệm Lương Hoa Thịnh.

(68) *Hắc Phán*: chữ *phân* 反 ở đây là phương ngữ Quảng Đông, có nghĩa như *phân* 粪 "Hắc phân" là chuyển trở lại thành đen.

(69) *Khoa viên họ Trần*: một nhân viên ở Đệ tứ chiến khu chính trị bộ, theo Hoàng Tranh thực ra là Khoa trưởng.

(70) *Hầu Chủ nhiệm*: tức Hầu Chí Minh, Chủ nhiệm Đệ tứ chiến khu chính trị bộ, người đã trực tiếp thả Hồ Chí Minh theo lệnh Tưởng Giới Thạch. Theo hồi ức của Hầu Chí Minh thì trong thời gian quản lĩnh Hồ Chí Minh, Hầu đã tặng ông cuốn *Tam dân chủ nghĩa* của Tôn Trung Sơn, sau đó Hồ Chí Minh đã dịch ra tiếng Việt "Nhất bộ thư" ở đây là nói đến cuốn sách đó.

(71) Nguyên bản là chữ *thi* 題, nghĩa là hiểu rõ, đặt vào đây không có nghĩa. Chúng tôi ngờ là chữ *thi* 題, nghĩa là *thứ*, viết nhầm. Vì vậy vẫn giữ nguyên như bản in năm 1960.

(72) *Mộc sứt*: từ ngữ Quảng Đông, có nghĩa là con rệp.

(73) *Thân khác*: phiên âm tiếng Anh "tank", là xe tăng.

(74) Trong câu này có ba chữ “thiên đường lộ”, trong đó chữ “đường” là một đơn vị chiều dài tính đường đi của Quảng Tây. Mỗi “đường” là một dặm. Do đó cụm từ này có nghĩa là đường xa hàng nghìn dặm, chứ không phải là muôn nghìn nẻo đường.

(75) *Thiên gia thi*: Tập thơ của “nghìn nhà thơ”. Ở Trung Quốc có hai tuyển tập thơ thời Đường - Tống được mang tên “thiên gia thi”. Tập đầu do Lưu Khắc Trang đời Tống tuyển chọn, lấy tên *Đường - Tống thiên gia thi tuyển*, tập sau do Tạ Phương Đắc cuối đời Tống tuyển lại tập trước, gọi là *Thiên gia thi*. Có lẽ Hồ Chí Minh đã đọc tập thơ sau này.

(76 - 77) *Trương Phi* và *Quan Vũ* là hai danh tướng nhà Thục Hán thời Tam Quốc. Trương Phi nổi tiếng về tính cương trực, dũng mãnh, Quan Vũ nổi tiếng về đức tính: tín, nghĩa, trung, dũng. Hai người cùng là anh em kết nghĩa của Lưu Bị.

(78) Bài thơ cuối cùng này nguyên không đầu đề, cũng không có trong tập *Ngục trung nhật ký*, vì được sáng tác sau khi Hồ Chí Minh đã ra tù. Theo hồ sơ còn lưu giữ ở Viện Văn học, đây có thể là đầu đề Hồ Chủ tịch mới đặt về sau.

(79) Bốn chữ “Dao vọng Nam thiên”, trong cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, in lần thứ hai, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, T.Lan ghi là “*Nam vọng trùng dương*” 南望重陽, nghĩa là nhìn hút về vùng trời phía Nam.

(80) Bản dịch này của T.Lan in trong tập *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd; tr. 84.

MỤC LỤC

<u>PHẦN I - TRUYỆN VÀ KÝ</u>	5
<i>Lời nói đầu: NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC</i>	7
PARI	9
ĐỘNG VẬT HỌC	15
LỜI THAN VĂN CỦA BÀ TRUNG TRẮC	18
CON NGƯỜI BIẾT MÙI HUN KHÔI	23
"SỞ THÍCH ĐẶC BIỆT"	26
ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ	28
NHỮNG NGƯỜI BẮN XÚ ĐƯỢC "ƯA CHUỘNG"	30
NÓI VỀ LOÀI CẨM THÚ	33
"VI HÀNH"	36
VIỆN HÀN LÂM THUỘC ĐỊA	40
ĐOÀN KẾT GIAI CẤP	44
HÀNH HÌNH KIỂU LINSO, MỘT PHƯƠNG DIỆN ÍT NGƯỜI BIẾT CỦA NỀN VĂN MINH MỸ	46
CON RỪA	52
NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU	54
BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP (Trích)	59
CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CỦA CÔNG NHÂN TRUNG QUỐC TRONG CHIẾN TRANH CHỐNG NHẬT	66
ĐÁNH DU KÍCH NHƯ ĐÁNH CỜ	71
KINH NGHIỆM DU KÍCH PHÁP	81
VIỆT BẮC ANH DŨNG	96
GIẤC NGỦ MƯỜI NĂM	116
NỮ ANH HÙNG GIAO THÔNG	130
CHẾT MÀ CHƯA HẾT NHỤC	132
MẬT THÁM MỸ	133

TÌNH NGHĨA ANH EM VIỆT - ÁN - MIỀN	141
CHUYỆN GIẢ MÀ CÓ THẬT	184
" BÌNH ĐẲNG, BÁC ÁI " KIỂU MỸ	188
VỪA ĐI ĐƯỜNG VỪA KỂ CHUYỆN (Trích)	190
ĐỀ QUỐC MỸ BỊ VÀ BỊ	235
TỔNG GIÔN VÀ VỤ GIẾT CHẾT NGHỊ SĨ R. KENNODI	237
MỘT VÀI MẪU CHUYỆN KHI BÁC HỒ Ở PARI (Trần Dân Tiên)	239
NHẬT KÝ HÀNH TRÌNH BỐN THÁNG SANG PHÁP (Đ.H)	244

*

TRUYỆN VÀ KÝ - PHỤ LỤC	
VỀ MỘT SỐ TÁC PHẨM TRUYỆN VÀ KÝ CỦA CHỦ TỊCH	
HỒ CHÍ MINH HIỆN CÒN THẬT TRUYỀN - NHỮNG DẤU	
VẾT CÒN GHI GIỮ ĐƯỢC - (Lữ Huy Nguyên)	252

PHẦN II - VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT

CŨNG LÀ MỘT MẶT TRẬN **271**

Lời nói đầu: NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC	273
<i><u>PHẦN THỨ I: BÂY GIỜ HỌC THUYẾT NHIỀU, CHỦ NGHĨA</u></i>	
<i><u>NHIỀU, NHƯNG CHỦ NGHĨA CHÂN CHÍNH NHẤT, CHẮC</u></i>	
<i><u>CHẮN NHẤT, CÁCH MỆNH NHẤT LÀ CHỦ NGHĨA LÊNIN</u></i>	<i>277</i>
ĐƯỜNG KÁCH MỆNH (1925 - 1927)	279
TRẢ LỜI ÔNG H... (1925)	284
TRÊN MẶT TRẬN ĐẤU TRANH TU TƯỢNG	
VÀ BÁO CHÍ TRONG THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ (1937 - 1939)	293
TRỌNG LỢI ÍCH CỦA ĐẢNG HƠN HẾT (Trích) (1947)	295
ĐẢNG TA VÍ NHƯ CÁI MÁY PHÁT ĐIỆN (1949)	296
DIỄN VĂN KHAI MẠC LỚP HỌC	
LÝ LUẬN KHOÁ I TRƯỜNG NGUYỄN ÁI QUỐC (Trích) (1954)	297
ĐÚNG VÙNG TRÊN LẬP TRƯỜNG GIAI CẤP VÔ SẢN (Trích) (1960)	299
PHẢI TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO	
CỦA ĐẢNG TRÊN MỌI LĨNH VỰC (Trích) (1960)	300
CHỦ NGHĨA LÊNIN VÀ CÁC MẠNG VIỆT NAM (1969)	301

<u>PHẦN THỨ 2: NHỮNG THẨM HỌA CỦA NỀN “VĂN MINH” PHÁP</u>	307
LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TUA (Trích) (1920)	309
ĐÔNG DƯƠNG (Trích) (1921)	311
LÁ THU NGỎ GỬI ÔNG	
ANBE XARÔ, BỘ TRƯỞNG BỘ THUỘC ĐỊA (Trích) (1922)	313
VỀ CÂU CHUYỆN XIKI (Trích) (1922)	315
VỰC THẨM THUỘC ĐỊA (Trích) (1923)	316
NHỮNG THẨM HỌA	
CỦA NỀN “VĂN MINH” PHÁP (Trích) (1921 - 1926)	318
QUÝ NGÀI BUDINÔ, BÔĐOĂNG	
VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC (Trích) (1921 - 1925)	321
NHỮNG NHÀ “KHAİ HOÁ” (Trích) (1921 - 1925)	322
ĐÔNG DƯƠNG KHỔ NHỤC (Trích) (1926)	323
CÔNG LÝ (II) (Trích) (1921 - 1926)	325
CHÍNH SÁCH NGU DÂN (1921 - 1925)	327
CHÍNH SÁCH NGU DÂN II (1924)	331
CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ (1924)	335
VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ (Trích) (1921 - 1925)	339
<u>PHẦN THỨ 3: MỸ ĐANG RA SỨC XÂM LƯỢC VĂN HOÁ</u>	341
TRẢ LỜI CÁC NHÀ BÁO	
VỀ VIỆC MỸ CAN THIỆP VÀO ĐÔNG DƯƠNG (Trích) (1950)	343
ĐỜI SỐNG Ở MỸ (1951)	344
XÃ HỘI VÀ VĂN HOÁ MỸ (1951)	345
KU-KLUX-KLAN (1951)	348
“TỰ DO” VÀ “HOÀ BÌNH” KIỂU MỸ (1951)	349
CHIẾN TRANH NHIỀU SỢ (1952)	350
“VĂN MINH” MỸ - NGƯỜI KHÔNG BẰNG CHÓ (1953)	351
“VĂN MINH” MỸ	352
VÀ “NHÂN ĐẠO” MỸ (1954)	353
“VĂN MINH” KIỂU MỸ (1954)	354
TUYÊN TRUYỀN (1954)	355
THANH NIÊN VÀ XÃ HỘI (Trích) (1955)	357
MATUSÔ (1955)	358

7.000 TẤN THUỐC ĐỘC (1955)	359
TỘI NGHIỆP CHO TRẺ CON MỸ (1955)	360
SICAGÔ VÀ SÀI GÒN (1956)	361
“ĐẠO ĐỨC” MỸ (Trích) (1962)	362
AI DÃ MAN? AI VĂN MINH? (1962)	364
“VĂN MINH” KIỂU MỸ (II) (1963)	366
MỘT TRIỆU TÍN ĐỒ, MỘT VẠN PHỤ NỮ, NĂM NGHÌN TRÍ THỨC VÀ MỘT BÊ GÁI HOA KỲ (1967)	368
<u>PHẦN THỨ 4: KHÔNG CÓ GIÁO DỤC, KHÔNG CÓ CÁN BỘ, THÌ</u> <u>CŨNG KHÔNG NÓI GÌ ĐẾN KINH TẾ, VĂN HOÁ</u>	371
THƯ GỬI BỘ PHƯƠNG ĐÔNG (Trích) (1935)	373
CHỜ HAM CHUỘNG HÌNH THỨC (1947)	377
ĐỜI SỐNG MỚI (Trích) (1947)	378
BỆNH CHỦ QUAN (1947)	390
CHỐNG THỜI BA HOA (1947)	392
BỆNH TỰ KIỆU, TỰ ÁI (Trích) (1947)	398
MỘT KHUYẾT ĐIỂM CẦN SỬA CHỮA NGAY TRONG VIỆC HUẤN LUYỆN (Trích) (1950)	400
HUẤN THỊ TẠI HỘI NGHỊ CUNG CẤP TOÀN QUÂN LẦN THỨ NHẤT (Trích) (1952)	401
KHÔNG CÓ GIÁO DỤC, KHÔNG CÓ CÁN BỘ, THÌ CŨNG KHÔNG NÓI GÌ ĐẾN KINH TẾ, VĂN HOÁ (Trích) (1956)	402
HUẤN THỊ CHO LỚP NGHIÊN CỨU CHÍNH TRỊ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHÂN DÂN VIỆT NAM (Trích) (1956)	404
VÌ LỢI ÍCH TRĂM NĂM THÌ PHẢI TRỒNG NGƯỜI (1958)	404
ĐẠO ĐỨC CŨ VÀ ĐẠO ĐỨC MỚI (Trích) (1951)	408
ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG (Trích) (1958)	409
NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN (1969)	416
MUỐN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, TRƯỚC HẾT CẦN CÓ NHỮNG CON NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (Trích) (1961)	418
KHÔNG ĐƯỢC LÀM CHO CÁC CHÁU TRỞ THÀNH “ÔNG GIÀ BÉ” (1959)	419

NỘI DUNG VĂN HOÁ PHẢI CÓ Ý NGHĨA GIÁO DỤC (Trích) (1960)	420
VĂN HOÁ, GIÁO DỤC LÀ MỘT MẶT TRẬN QUAN TRỌNG (1960)	421
HỌC HAY, CÀY GIỎI (Trích) (1961)	422
BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ CHÍNH TRỊ ĐẶC BIỆT (Trích) (1964)	423
<u>PHẦN THỨ 5: BÀI BÁO LÀ TỜ HỊCH CÁCH MẠNG</u>	425
LỜI KÊU GỌI GIA NHẬP HỘI HỢP TÁC NGƯỜI CÙNG KHỔ VÀ MUA BÁO NGƯỜI CÙNG KHỔ (Trích) (1922)	427
TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO NGƯỜI CÙNG KHỔ DỊP KỶ NIỆM CÔNG XÃ PARI TẠI NGHĨA TRANG CHA LASEDO (1923)	428
BÁO CÁO GỬI BAN BIÊN TẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI CÙNG KHỔ (Trích) (1923)	429
TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO VIỆT NAM HỒN (1923)	431
LÁ THU NGỎ GỬI ÔNG LÊÔNG ÁCSIMBÔ (1923)	432
THU GỬI LẠI ĐỒNG NGHIỆP BÁO NGƯỜI CÙNG KHỔ... (Trích) (1923)	434
THAM LUẬN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA TẠI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ LẦN THỨ V CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1924)	436
BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ Ở ĐÔNG DƯƠNG TỪ 1936 ĐẾN 1938 (1939)	439
KHUYỀN ĐỒNG BẢO MUA BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP (1941)	442
XÃ LUẬN BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP (1941)	443
CỔ ĐỘNG BÁO VIỆT NAM ĐỘC LẬP (1941)	444
MỪNG BÁO QUỐC GIA (1946)	445
GỬI BÁO VỆ QUỐC QUÂN (1947)	446
GỬI BÁO XUNG PHONG, CƠ QUAN CỦA TRẺ EM YÊU NƯỚC TỈNH HẢI DƯƠNG (1945)	447
GỬI BÁO BAN CHIẾN ĐẤU (1948)	448
THU GỬI LỚP HỌC VIẾT BÁO HUỲNH THÚC KHÁNG	449
THU GỬI LỚP HỌC VIẾT BÁO HUỲNH THÚC KHÁNG (II) (1949)	451
GỬI QUÂN NHÂN HỌC BÁO (1949)	452
GỬI BÁO “QUÂN DU KÍCH”	453
HUẤN THỊ NHÂN DỊP HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CHIẾN DỊCH LÊ HỒNG PHONG (II) (Trích) (1950)	454
GỬI BÁO CỨU QUỐC	455

HUẤN THỊ TẠI HỘI NGHỊ VỀ	
CHIẾN TRANH DU KÍCH (Trích) (1952)	456
MẤY KHUYẾT ĐIỂM CỦA BÁO CHÍ TA (1954)	457
CẦN PHẢI XEM BÁO ĐẢNG (1954)	458
VỀ “Ý KIẾN BẠN ĐỌC” (1955)	459
CÓ PHÊ BÌNH PHẢI CÓ TỰ PHÊ BÌNH (1955)	460
PHẢI XEM TRỌNG Ý KIẾN QUẦN CHÚNG (1956)	461
SẮC LỆNH SỐ 282 - SL, NGÀY 14/12/1956	
QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ (Trích) (1956)	462
HUẤN THỊ TẠI HỘI NGHỊ CÔNG ĐOÀN (Trích) (1959)	465
BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI LẦN THỨ HAI	
CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM (Trích) (1959)	466
THƯ GỬI CÁC BẠN ĐỌC TẬP CHÍ PHÊ BÌNH MỚI (1962)	472
BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI	
LẦN THỨ BA CỦA HỘI NHÀ BÁO VIỆT NAM (1962)	473
DIỄN MỪNG: KÍNH GỬI HỘI NHÀ BÁO Á - PHI (1965)	476
<u>PHẦN THỨ 6: CÂY BÚT PHỤC VỤ CHÍNH NGHĨA TRONG TAY</u>	
<u>NHÀ VĂN CHIẾN ĐẤU CÓ MỘT LỰC LƯỢNG CỰC KỲ MẠNH MẼ</u>	477
THƯ GỬI PHAN CHU TRINH (I) (1913)	479
THƯ GỬI ĐỒNG BÀO (1920)	480
ĐÁNG LÊ PHẢI ĐẨY LÙI TUYÊN TRUYỀN HƠN NỮA,	
CHÚNG TA ĐÃ BỎ DỖ CÔNG VIỆC MỚI BẮT ĐẦU (Trích) (1923)	481
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐÔNG DƯƠNG (Trích) (1921 - 1926)	483
THƯ GỬI BAN CHẤP HÀNH QUỐC TẾ NÔNG DÂN (Trích) (1928)	486
THƯ GỬI ĐỒNG CHÍ X	
(TỨC ĐỀ CƯƠNG TÁC PHẨM NHẬT KÝ CHÌM TÀU) (1930)	487
HAI ĐOẠN THƠ TRONG NHẬT KÝ CHÌM TÀU (1930)	489
NHỮNG NGÀY Ở LIÊU CHÂU (1963)	490
KHÁN THIÊN GIA THI HỮU CẢM	
(CẢM TƯỜNG ĐỌC THIÊN GIA THI) (1942 - 1943)	492
LỜI PHÁT BIỂU TRONG BUỔI	
KHAI MẠC PHÒNG TRIỂN LÃM VĂN HOÁ (Trích) (1945)	493
THƯ GỬI ANH CHỊ EM VĂN HOÁ VÀ TRÍ THỨC NAM BỘ (1947)	494

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM (Trích) (1951)	537
BÀI ĐIỀU ĐỒNG CHÍ HỒ TÙNG MẬU (1951)	539
SẮC LỆNH SỐ 147 - SL, NGÀY 15/3/1953... (1953)	541
ĐẠI HỘI VĂN CÔNG (1955)	542
NHIỆM VỤ CỦA ANH CHỊ EM TRÍ THỨC (Trích) (1955)	543
THƯ GỬI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HOÁ (1957)	544
VIỆN BẢO TÀNG CÁCH MẠNG LÀ MỘT CUỐN SỬ SỐNG (Trích) (1953)	545
XEM VIỆN BẢO TÀNG CÁCH MẠNG (1959)	546
ĐẢNG TA VĨ ĐẠI THẬT (Trích) (1960)	548
VỀ PHONG TRÀO XÔ VIỆT NGHỆ TĨNH (Trích) (1960)	549
BÀI NÓI CHUYỆN NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 20 NGÀY THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM (Trích) (1966)	550
Ý KIẾN VỀ VIỆC LÀM VÀ XUẤT BẢN LOẠI SÁCH “NGƯỜI TỐT VIỆC TỐT” (1968)	551
<i>PHẦN THỨ 8: ... VÀ HẤP THỤ NHỮNG CÁI MỚI CỦA VĂN HOÁ TIẾN BỘ THẾ GIỚI</i>	561
RÔM, VATICĂNG, NAPLÔ VÀ POMPÊI (1963)	563
VỀ NAPÔLÊÔNG ĐỆ NHẤT (Trích) (1946)	564
ÔNG HÃY NHỚ LẠI BÀI NGỤ NGÔN CỦA LA PHÔNGTEN (1947)	565
VỀ CHỦ BÚT BÁO TIỀN PHONG (PHÁP) (1947 - 1948)	566
LỜI KẾT THÚC BUỔI RA MẮT CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM (Trích) (1951)	567
TRONG CUỘC CHIẾN TRANH GIỮ NƯỚC VĨ ĐẠI, TRÍ THỨC LIÊN XÔ ĐÃ GÓP PHẦN XÚNG ĐÁNG 1963	568
LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH CUỐN TỈNH UỶ BÍ MẬT CỦA NHÀ VĂN LIÊN XÔ PHÊĐÔRÔP (Trích) (1951)	569
HUẤN THỊ VỀ CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN HỌC TẬP (Trích) (1950)	571
VỀ ĐỒ PHỦ	572
VỀ HỌA SĨ TÈ BẠCH THẠCH (1954)	573
CÁC ĐOÀN VĂN CÔNG BẠN (Trích) (1955)	574
DIỄN VĂN TRONG BUỔI CHIỀU ĐÃI Ở BÀ LINH (Trích) (1957)	575

CÔNG ĐIỆN SỐ 550, NGÀY 14/1/1948 (Trích) (1948)	495
HỒ CHỦ TỊCH VÀ VĂN NGHỆ (1949)	496
THƯ GỬI HỘI NGHỊ VĂN HOÁ TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI (1948)	499
THI ĐUA SÁNG TÁC CHO HAY CHO NHIỀU (1949)	500
THƯ GỬI CÁC HỌA SĨ NHÂN DỊP TRIỂN LÃM HỘI HỌA NĂM 1951	501
LỜI PHÁT BIỂU TRONG DỊP KHAI MẠC ĐẠI HỘI CÁC CHIẾN SĨ THI ĐUA CÁN BỘ GUỜNG MẪU TOÀN QUỐC (1952)	502
BÀI NÓI CHUYỆN TRONG BUỔI BẾ MẠC ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ HAI (1957)	504
BÀI NÓI CHUYỆN TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VĂN HOÁ (Trích) (1958)	506
NHÂN SĨ PHẢI LÀ CHIẾN SĨ (1962)	508
CHÚC MỪNG HỘI NGHỊ CÁC NHÀ VĂN Á - PHI LẦN THỨ HAI (1962)	509
MIÊU TẢ CHO HAY CHO CHÂN THẬT, CHO HÙNG HỒN... (Trích)	510
LỜI PHÁT BIỂU KHI TỚI THĂM TRIỂN LÃM MỸ THUẬT TOÀN QUỐC 1962 (1962)	512
BÀI NÓI CHUYỆN TẠI ĐẠI HỘI VĂN NGHỆ TOÀN QUỐC LẦN THỨ BA (1962)	513
KHÔNG ĐỀ (1968)	515
CÁCH VIẾT (Trích) (1952)	516
MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CHỮ QUỐC NGỮ VÀ TIẾNG VIỆT (1960)	522
THẬT LÀ VỀ VANG (Trích) (1965)	525
<u>PHẦN THỨ 7: PHÁT TRIỂN NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA VĂN HOÁ DÂN TỘC...</u>	527
CÁC VUA HÙNG ĐÃ CÓ CÔNG DỰNG NƯỚC... (1954)	529
VỀ TỔNG DUY TÂN	530
THƯ GỬI PHAN CHU TRINH (II) (1914)	531
SẮC LỆNH SỐ 65, NGÀY 23/11/1945, VỀ VIỆC BẢO TỒN CỔ TÍCH (1945)	532
GỬI TOÀN THỂ ĐỒNG BÀO SAU NGÀY CỤ BỘ TRƯỞNG HUỲNH THỨC KHÁNG TẠ THỂ (Trích) (1947)	533
MƯỜI HAI ĐIỀU RĂN (Trích) (1948)	535
GỬI TRƯỞNG LỤC QUÂN TRẦN QUỐC TUẤN (Trích) (1949)	536

DIỄN VĂN TRONG BUỔI	
CHIÊU ĐÃI Ở BUCARÉT, RUMANI (<i>Trích</i>) (1957)	576
VĂN HOÁ, TRIẾT HỌC VÀ NGHỆ THUẬT ẤN ĐỘ (1958)	577
LỜI NÓI CHUYỆN TRƯỚC CÁC ĐẠI BIỂU	
NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BOMBAY, ẤN ĐỘ (<i>Trích</i>) (1958)	578
QUÊ HƯƠNG CỦA NHÀ ĐẠI VĂN HẢO R. TAGORƠ (1958)	579
NỀN VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT INĐÔNÊXIA (1959)	580
NHÂN DỊP KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY MẤT	
CỦA ĐẠI VĂN HẢO NGÀ L.N. TÔNXTÔI (1960)	581
GỬI HỌA SĨ PICÁT XÔ (1961)	583
VỀ TÁC PHẨM <i>TÂY DU KÝ</i> (1958)	584

PHẦN III - THƠ 585

CÙNG BẠN ĐỌC	587
THƠ CHỮ VIỆT	589
1. THƠ GỬI CỤ PHAN CHÂU TRINH	591
2. VIỆT NAM YÊU CẦU CA	592
3. TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO “VIỆT NAM HỒN”	595
4. QUỐC TẾ CA (<i>Dịch</i>)	596
5. BẦY LÂU MƠ NGỦ...	598
6. ĐÃ LÀM CÁCH MỆNH...	599
7. BÀI CA TRẦN HUNG ĐẠO (<i>Trích</i>)	600
8. CÔ VƯỢNG KHUYÊN CHỒNG	601
9. THƯ VỢ GỬI CHỒNG	602
10 BÀI SỞ ỨNG KHẨU Ở CHỈ THÔN (<i>Trích</i>)	603
11. PÁC BÓ HÙNG VĨ	605
12. TỨC CẢNH PÁC BÓ	606
13. HOAN NGHÊNH THANH NIÊN HỌC QUÂN SỰ	607
14. KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO “VIỆT NAM ĐỘC LẬP”	609
15. THƠ PHỤ ĐỀ TRANH CỔ ĐỘNG BÁO “VIỆT NAM ĐỘC LẬP”	610
16. MUỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH	611
17. DÂN CÀY	613
18. PHỤ NỮ	614
19. KÊU GỌI THIẾU NHI	615

20. CÔNG NHÂN	616
21. CA BINH LÍNH	617
22. THƠ VỢ GỬI CHỒNG ĐI LÀM CÁCH MẠNG	618
23. CHÚC NĂM MỚI	619
24. CA ĐỘI TỰ VỆ	620
25. CẢNH RỪNG PÁC BÓ (Trích)	621
26. ĐỊA DU NƯỚC TA	622
27. LỊCH SỬ NƯỚC TA	625
28. CA SỢI CHỈ	636
29. HÒN ĐÁ	637
30. CON CÁO VÀ TỔ ONG	638
31. TẶNG THỐNG CHẾ PÊ-TANH	639
32. NHÓM LỬA	640
33. TẶNG TOÀN QUYỀN ĐỜ-CU	641
34. CHƠI TRĂNG	642
35. BÀI CA DU KÍCH	643
36. TRẺ CHẴN TRÂU	644
37. TẶNG CỤ ĐÌNH CHUÔNG DƯƠNG	645
38. TẶNG CHÁU NÔNG THỊ TRUNG	646
39. NHỮNG VẦN THƠ CỔ ĐỘNG	647
40. THƠ TRONG NHẬT KÝ	648
41. CẢM ƠN NGƯỜI TẶNG CAM	649
42. MỪNG BÁO “QUỐC GIA”	650
43. THƠ TẶNG CÁC CHÁU NHI ĐỒNG	651
44. CHÚC NĂM MỚI (1947)	652
45. BÀI THƠ GỬI TẶNG BÁO	
“ĐỘC LẬP” NHÂN MÙA XUÂN KHÁNG CHIẾN ĐẦU TIÊN	653
46. CẢNH RỪNG VIỆT BẮC	654
47. CẢNH KHIUYA	655
48. TẶNG CÁC CỤ LÃO DU KÍCH	656
49. THƠ ĐIỀU CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG	657
50. KHEN TẶNG HAI CHÁU	
LIÊN LẠC TRONG BỘ ĐỘI CHIẾN KHU II	658

51. THƠ CHÚC TẾT MẬU TÝ	660
52. GỬI BÁO “XUNG PHONG”, CƠ QUAN CỦA TRẺ EM YÊU NƯỚC TỈNH HẢI DƯƠNG	661
53. CHÚC TẾT 1949	662
54. KHÔNG ĐỀ	663
55. ĐI THUYỀN TRÊN SÔNG ĐÁY	664
56. THƠ CHÚC NĂM MỚI (1950)	665
57. KHUYÊN THANH NIÊN	666
58. SÁU MƯƠI TUỔI	667
59. THƠ CHÚC TẾT TÂN MÃO (1951)	668
60. GỬI NÔNG DÂN	669
61. THU TRUNG THU 1951	670
62. THƠ CHÚC TẾT NHÂM THÌN (1952)	671
63. THU TRUNG THU 1952	672
64. THƠ CHÚC TẾT (1/1/1953)	673
65. THƠ MỪNG TẾT QUÝ TÝ (1953)	674
66. GỬI CÁC CHÁU NHI ĐỒNG NHÂN DỊP TẾT TRUNG THU 1953	675
67. KẾ HOẠCH NA-VA, ĐẦU VOI ĐUÔI CHÓ	676
68. THƠ CHÚC TẾT GIÁP NGỌ (1954)	678
69. QUÂN TA TOÀN THẮNG Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ	679
70. NA-VA CHINH PHỤ NGÂM	681
71. NỮ ANH HÙNG MẠC THỊ BUỔI	682
72. “CHINH PHỤ NGÂM” MỚI	684
73. THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI	685
74. TẶNG BỘ ĐỘI ĐIỆN BIÊN PHỦ	686
75. MỞ MANG THUỶ LỢI	687
76. THƠ CHÚC MỪNG NĂM MỚI (1959)	688
77. TẶNG CÔNG AN NHÂN DÂN VŨ TRANG	689
78. TRỒNG CÂY	690
79. LỜI TIỄN TỔNG THỐNG XU-CÁC-NÔ (Indônêxia)	691
80. TÁM ĐIỀU CẦN THIẾT	692
81. THƠ MỪNG NĂM MỚI (1960)	693
82. ĐẢNG TA	694

83. TẶNG CÁC CỤ PHỤ LÃO	695
84. MỪNG XUÂN (1961)	696
85. MỪNG TUỔI CÁC CỤ PHỤ LÃO	697
86. THĂM LẠI HÀNG PÁC BÓ	698
87. CÔNG NÔNG BINH THI ĐUA	699
88. THƠ MỪNG XUÂN 1962	700
89. THƠ TẶNG CÁN BỘ, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN VŨ TRANG	701
90. AI DÃ MAN? AI VĂN MINH?	702
91. CHÚC TẾT QUÝ MÃO	703
92. TÌNH HỮU NGHỊ VIỆT LÀO	704
93. CHÚC MỪNG NĂM MỚI	705
94. ĐIỆN BIÊN, MỸ CHĂNG PHẢI CHỜ LÂU	706
95. THƠ CHÚC TẾT ẤT TÝ (1965)	707
96. GỬI CÁC CHÁU MIỀN NAM	708
97. THƠ MỪNG XUÂN 1966	709
98. MỪNG XUÂN 1967	710
99. GỬI BỘ CHÍNH TRỊ	711
100. MỪNG XUÂN 1968	712
101. KHÔNG ĐỀ	713
102. KHEN 11 CHÁU DÂN QUÂN GÁI THÀNH PHỐ HUẾ	714
103. KHÔNG ĐỀ	715
104. THƠ KHEN BỘ ĐỘI ĐẢO CÔN CỎ	716
105. MỪNG XUÂN 1969	718
THƠ CHỮ HÁN - (NGOÀI NHẬT KÝ TRONG TÙ)	719
1. CỨU TRUNG QUỐC THÌ CỨU TỰ KỶ (CỨU TRUNG QUỐC LÀ TỰ CỨU MÌNH)	721
2. THUỐC SƠN (LÊN NÚI)	725
3. ỨC CỔ NHÂN (NHỚ BẠN XUA)	726
4. NGUYÊN TIÊU (ĐÊM RẼM THÁNG GIÊNG)	727
5. BÁO TIỆP (BÁO TIN THẮNG TRẬN)	728
6. TẶNG BÙI CÔNG (TẶNG CỤ BÙI)	729
CỤ BÙI BẰNG ĐOÀN HOẠ LẠI	730

7. THU DẠ (ĐÊM THU)	731
8. TẶNG VÕ CÔNG (TẶNG CỤ VÕ)	732
9. VÔ ĐỀ (KHÔNG ĐỀ)	734
10. TƯ CHIẾN SĨ (NHỚ CHIẾN SĨ)	735
11. ĐỐI NGUYỆT (ĐỐI TRĂNG)	736
12. ĐĂNG SƠN (LÊN NÚI)	737
13. GỬI ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH	738
14. TẶNG TRẦN CANH ĐỒNG CHÍ (TẶNG ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH)	739
15. THẤT CỬU (BẢY CHÍN)	740
16. TẦM HỮU VỊ NGỘ (TÌM BẠN KHÔNG GẶP)	741
17. VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH (VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH)	743
18. VỌNG THIÊN SAN (VỜI TRÔNG THIÊN SAN)	744
19. QUÊ LÂM PHONG CẢNH (PHONG CẢNH QUÊ LÂM)	745
20. VỊNH THÁI HỒ (VỊNH THÁI HỒ)	747
21. PHÒNG KHÚC PHỤ (THĂM KHÚC PHỤ)	748
22 - 27. HOÀNG SƠN NHẬT KÝ - LỤC THỦ (NHẬT KÝ HOÀNG SƠN - 6 BÀI)	749
28. LY BẮC KINH (RỜI BẮC KINH)	756
29. QUÁ HỒ BẮC (QUA HỒ BẮC)	757
30. QUÁ TRƯỜNG SA (QUA TRƯỜNG SA)	758
31. NGỌ QUÁ THIÊN GIANG (BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG)	759
32. CẬN LONG CHÂU (ĐẾN GẦN LONG CHÂU)	760
33. KÝ MAO CHỦ TỊCH (GỬI MAO CHỦ TỊCH)	761
34. VÔ ĐỀ (KHÔNG ĐỀ)	762
35. NHỊ VẬT (HAI CHÓ)	763
36. MẬU THÂN XUÂN TIẾT (TẾT MẬU THÂN)	765
<i>CHỦ THÍCH THƠ CHỮ HÁN</i>	767
<i>NHẬT KÝ TRONG TÙ - (BẢN DỊCH TRỌN VẸN)</i>	773
1. BỐN CÂU ĐỀ TÙ	775
2. KHAI QUYỂN (MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ)	776
3. TẠI TÚC VINH NHAI BỊ KHẨU LƯU (BỊ BẮT Ở PHỐ TÚC VINH)	777

4. NHẬP TỈNH TÂY HUYỆN NGỤC (VÀO NHÀ LAO HUYỆN TỈNH TÂY)	778
5 - 7. THẾ LỘ NAN, I, II, III (ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ, I, II, III)	779
8 - 9. TÀO, I, II (BUỔI SỚM, I, II)	783
10. NGỌ (BUỔI TRƯA)	786
11. VẤN THOẠI	787
12. NGỌ HẬU (QUÁ TRƯA)	790
13. VẤN (CHIỀU HỒM)	792
14. TÙ LƯƠNG (COM TÙ)	793
15. NẠN HỮU XUY ĐỊCH (NGƯỜI BẠN TÙ THỐI SÁO)	794
16 - 17. CUỐC ÁP, I, II (CÁI CÙM, I, II)	796
18 - 20. HỌC DỊCH KỶ, I, II, II (HỌC ĐÁNH CỜ, I, II, III)	800
21. VỌNG NGUYỆT (NGẮM TRĂNG)	803
22. PHÂN THUỶ (CHIA NƯỚC)	804
23 - 24. TRUNG THU, I, II (TRUNG THU, I, II)	805
25. ĐỔ (ĐÁNH BẠC)	808
26. ĐỔ PHẠM (TÙ ĐÁNH BẠC)	809
27. NẠN HỮU MẠC MỠ (BẠN TÙ HỌ MẠC)	810
28. NẠN HỮU NGUYÊN CHỦ NHIỆM L. (BẠN TÙ L., NGUYÊN LÀ CHỦ NHIỆM)	812
29. SONG THẬP NHẬT GIẢI VẮNG THIÊN BẢO (TẾT SONG THẬP BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO)	813
30. TẤU LỘ (ĐI ĐƯỜNG)	814
31. MỘ (CHIỀU TỐI)	815
32. DẠ TÚC LONG TUYỀN (ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN)	816
33. ĐIỀN ĐÔNG (ĐIỀN ĐÔNG)	817
34. SƠ ĐÁO THIÊN BẢO NGỤC (MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO)	818
35. NẠN HỮU CHI THÊ THẨM GIAM (VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO THẨM CHỒNG)	820
36. CÁC BẢO: HOAN NGHÊNH UY-KI ĐẠI HỘI (CÁC BẢO ĐĂNG TIN: HỘI HỢP LỚN HOAN NGHÊNH UY-KI)	822
37. TỰ MIỄN (TỰ KHUYẾN MÌNH)	824
38. DÃ CẢNH (CẢNH ĐỒNG NỘI)	825

39. CHÚC THAN (HÀNG CHÁO)	826
40. QUẢ ĐÚC NGỤC (NHÀ LAO QUẢ ĐÚC)	827
41. LONG AN LƯU SỞ TRƯỞNG (SỞ TRƯỞNG LONG AN HỌ LƯU)	828
42 - 43. TÀO GIẢI, I , II (GIẢI ĐI SỚM, I, II)	829
44. ĐỒNG CHÍNH	832
45. NẠN HỮU ĐÍCH CHỈ BỊ (CHIẾC CHẶN GIẤY CỦA NGƯỜI BẠN TÙ)	834
46. DẠ LÃNH (ĐÊM LẠNH)	836
47. BANG (DÂY TRỜI)	838
48. LẠC LIỄU NHẤT CHÍCH NHA (RỤNG MẮT MỘT CHIẾC RĂNG)	840
49. LONG AN - ĐỒNG CHÍNH (LONG AN - ĐỒNG CHÍNH)	841
50. NHAİ THƯỢNG (TRÊN ĐƯỜNG PHỐ)	842
51. LỘ THƯỢNG (TRÊN ĐƯỜNG)	843
52. TRUNG BINH GIA QUYỀN (GIA QUYỀN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH)	845
53. GIẢI TRÀO (PHA TRÒ)	846
54. VẮNG NAM NINH (ĐI NAM NINH)	847
55 - 56. CẢNH BINH ĐẢM TRU ĐỒNG HÀNH, I, II (LÍNH GÁC KHIÊNG LỘN CÙNG ĐI, I, II)	848
57. ĐIỆT LẠC (HỤT CHÂN NGÃ)	851
58. BÁN LỘ THÁP THUYỀN PHÓ UNG (GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH)	852
59. NAM NINH NGỤC (NHÀ NGỤC NAM NINH)	853
60. NẠP MUỘN (BUỒN BỤC)	854
61. TIÍNH KÊ MINH (NGHE GÀ GÁY)	855
62. NHẤT CÁ ĐỔ PHẠM “NGẠNH” LIỄU (MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC CHẾT CỨNG)	856
63. HỤY NHẤT CÁ (LẠI MỘT NGƯỜI NỮA)	858
64. CẨM YÊN (CẨM HÚT THUỐC)	859
65. DẠ BÁN VĂN KHỐC PHU (NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHỐC CHỒNG)	861
66. HOÀNG HÔN (HOÀNG HÔN)	862
67. CÔNG KIM (TIỀN CÔNG)	863
68. THỤY BẮT TRƯỚC (NGỦ KHÔNG ĐƯỢC)	864

69. ÚC HỮU (NHỚ BẠN)	866
70. THỂ NẠN HỮU MẪN TẢ BÁO CÁO (VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ)	868
71. LẠI SANG (GHỀ LỖ)	869
72. VẪN THUNG MỀ THANH (NGHE TIẾNG GIÃ GẠO)	870
73 - 75. SONG THẬP NHẤT, I, II, III (NGÀY 11 THÁNG 11. I, II, III)	871
76. CẢNH BÁO (BÃO ĐỘNG)	875
77. CHIẾT TỰ (CHIẾT TỰ)	877
78. “LŨ QUÁN” (“QUÁN TRỢ”)	878
79. TẢO TÌNH (NẮNG SỚM)	879
80. “VIỆT HỮU TAO ĐỘNG” UNG BÁO, XÍCH ĐẠO TẤN (“VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG” NGUỒN TIN XÍCH ĐẠO TRÊN BÁO UNG NINH 14 - 11)	880
81. ANH PHÒNG HOA ĐOÀN (ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH SANG THĂM TRUNG HOA)	882
82. GIẢI VĂNG VŨ MINH (GIẢI ĐI VŨ MINH)	883
83. BÀO HUƠNG CẦU NHỤC (THỊT CHÓ Ở BÀO HUƠNG)	885
84. TRÚC LỘ PHU (PHU LÀM ĐƯỜNG)	887
85. NGỤC ĐÌNH THIẾT NGÃ CHI SĨ - ĐÍCH (LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẮT CHIẾC GẬY CỦA TA)	888
86. CÔNG LÝ BỊ (CỘT CÂY SỐ)	889
87. TÂN DƯƠNG NGỤC TRUNG HÀI (CHÁU BÉ TRONG NHÀ NGỤC TÂN DƯƠNG)	891
88 - 89. KÝ NI-LỖ, I, II (GỬI NÊ-RU, I, II)	893
90. ĐĂNG QUANG PHÍ (TIỀN ĐỀN)	896
91. NGỤC TRUNG SINH HOẠT (SINH HOẠT TRONG TÙ)	897
92. QUÁCH TIÊN SINH (TIÊN SINH HỌ QUÁCH)	898
93. MẠC BAN TRƯỞNG (TRƯỞNG BAN HỌ MẠC)	899
94. THIÊN GIANG NGỤC (NHÀ LAO THIÊN GIANG)	900
95. THÁP HOẢ XA VĂNG LAI TÂN (ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN)	901
96. THA TƯỜNG ĐÀO (ANH ẤY MUỐN TRỐN)	902
97. LAI TÂN	903

98. ĐÁO LIỄU CHÂU (ĐỀN LIỄU CHÂU)	904
99. CỬU BÁT ĐỆ GIẢI (GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN)	905
100. DẠ BÁN (NỬA ĐÊM)	906
101. LIỄU CHÂU NGỤC (NHÀ NGỤC LIỄU CHÂU)	907
102. ĐÁO TRƯỞNG QUAN BỘ (ĐỀN DINH TRƯỞNG QUAN)	908
103. TỨ CÁ NGUYỆT LIỄU (BỐN THÁNG RỒI)	909
104. BỆNH TRỌNG (ỒM NẶNG)	912
105. ĐÁO QUẾ LÂM (ĐỀN QUẾ LÂM)	913
106. NHẬP LUNG TIỀN (TIỀN VÀO NHÀ GIAM)	915
107.?!)	916
108.?	917
109. ĐÁO ĐỆ TỨ CHIẾN KHU CHÍNH TRỊ BỘ (ĐỀN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV)	918
110. CHÍNH TRỊ BỘ CẨM BÊ THẮT (NHÀ GIAM CỬA CỤC CHÍNH TRỊ)	920
111. MÔNG ƯU ĐÃI (ĐƯỢC ƯU ĐÃI)	922
112. TRIỀU CẢNH (CẢNH BUỔI SỚM)	923
113. THANH MINH (TIẾT THANH MINH)	924
114. VẪN CẢNH (CẢNH CHIỀU HỒM)	926
115. NGŨ KHOA TRƯỞNG HOÀNG KHOA VIÊN (KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ, KHOA VIÊN HỌ HOÀNG)	927
116. HẠN CHẾ (BỊ HẠN CHẾ)	928
117. DƯƠNG ĐÀO BỆNH TRỌNG (DƯƠNG ĐÀO ỒM NẶNG)	929
118. BẮT MIÊN DẠ (ĐÊM KHÔNG NGỦ)	930
119. CỬU VŨ (MƯA LÂU)	931
120. TÍCH QUANG ÂM (TIẾT NGÀY GIỜ)	933
121. ĐỘC TƯỚNG CÔNG HUẤN TỬ (ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỚNG)	934
122. LUƠNG HOA THỊNH TƯỚNG QUÂN THẮNG NHẬM PHÓ TỰ LỆNH (TƯỚNG QUÂN LUƠNG HOA THỊNH THẮNG CHÚC PHÓ TỰ LỆNH)	935
123. TẶNG TIỂU HẦU (HẢI) (TẶNG CHÚ HẦU [HẢI])	937
124 - 125. THU CẨM, I, II (CẨM THU, I, II)	938

126. NHÂN ĐỔ NGÃ (NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG)	941
127. TRẦN KHOA VIÊN LAI THẨM (KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỚI THẨM)	942
128. HẦU CHỦ NHIỆM AN TẶNG NHẤT BỘ THU (CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH)	943
129. MÔNG THUƠNG LỆNH CHUẨN XUẤT LUNG HOẠT ĐỘNG (ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI NGOÀI BUỒNG GIAM)	944
130. THU DẠ (ĐÊM THU)	945
131. TÌNH THIÊN (TRỜI HÙNG)	947
132. KHÁN “THIÊN GIA THI” HỮU CẢM (CẢM TƯỜNG ĐỌC “THIÊN GIA THI”)	949
133. TỨC CẢNH (TỨC CẢNH)	950
134. KẾT LUẬN (KẾT LUẬN)	951
135. TÂN XUẤT NGỤC HỌC ĐĂNG SƠN (MỜI RA TỬ TẬP LEO NÚI)	953
<i>CHỦ THÍCH NHẬT KÝ TRONG TỪ</i>	955

HỒ CHÍ MINH

TUYỂN TẬP VĂN HỌC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
18 - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (04). 8294.684 - (04). 8294.685
FAX: (04). 8294.781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh
290/20 Nam kỳ khởi nghĩa - Quận 3
Điện thoại: (08). 8469.858, Fax: (08). 8483481

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập: **CHU GIANG**
Sửa bản in: **ĐẶNG NGỌC HẢI**
Trình bày: **NGUYỄN ĐẮC HUY**
Vẽ bìa: **LƯU CHÍ CƯƠNG**
Chế bản: **ĐÔNG TÂY**

TỔNG PHÁT HÀNH:

Nhà sách Đông Tây:

62 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội

ĐT/FAX: (04) 7733041

MIỀN NAM:

Nhà sách Cửu Đức:

246 Nguyễn Chí Thanh - P3 - Q10 - Tp. HCM

ĐT/FAX: (08) 8353766

MIỀN TRUNG:

Nhà sách Đồng Hới:

302 Trần Hưng Đạo - Đồng Hới - Quảng Bình

ĐT/FAX: 052. 843388.

Nhà sách Cảo Thơm:

29 Phan Đình Phùng - Đà Nẵng

ĐT/FAX: 0511. 817863

Nhà sách Cảo Thơm:

33 Lý Thường Kiệt - Tp. Huế

ĐT/FAX: 054. 830169

In 800 cuốn kho 16 x 24cm tại Công ty in Việt Hưng
2D – Khâm Thiên - Đống Đa (Chi nhánh Hà Nội).
Giấy đăng ký KHXB số: 48-165/CXB -129/VHGP
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2005.

Hồ Chí Minh

TUYỂN TẬP VĂN HỌC

0802 348

